TỈNH UỶ THÁI NGUYÊN
BAN TUYÊN GIÁO

TỪ ĐIỂN THÁI NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI 2016

I. CƠ QUAN QUẢN LÍ ĐỀ TÀI: SỞ KH VÀ CN THÁI NGUYÊN

II. CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN: BAN TUYÊN GIÁO TỈNH UỶ THÁI NGUYÊN

III. BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

Lê Quang Dực	Nguyên Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, ***Chủ nhiệm Đề tài.***
Chu Văn Nga	Nguyên Phó Trưởng ban TT Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, ***Phó Chủ nhiệm Đề tài.***
Trần Xuân Hựu	Phó Trưởng ban TT Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, ***Phó Chủ nhiệm Đề tài.***
Vũ Thanh Khôi	Nguyên Trưởng phòng LLCT và LSĐ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ***Thư ký khoa học đề tài***
Nguyễn Quốc Thái	Chánh Văn phòng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, ***Ủy viên***
Nông Thái Sơn	Phó Chánh Văn phòng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, ***Ủy viên***
Trần Thị Minh	Kế toán Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, ***Kế toán Đề tài***

IV. BAN NGHIÊN CỨU BIÊN SOẠN:

Nguyễn Xuân Minh	Giảng viên Trường ĐHSP - ĐH TN, ***Chủ biên.***
Vũ Thanh Khôi	Trưởng phòng LLCT và LSĐ, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.
Nguyễn Quốc Thái	Chánh văn phòng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.
Hứa Thị Kiều Hoa	Trưởng phòng Khoa giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Nguyễn Minh Hải	Phó Trưởng phòng TTCTTG
Phạm Tất Quynh	Nguyên Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
NguyễnVăn Thắng	Nguyên Trưởng ban KH LSQS tỉnh TN
Nguyễn Thanh Bình	Nguyên Chánh Thanh tra Sở VHTT và DL
Trịnh Trúc Lâm	Nhà giáo Nhân dân
Nguyễn Hữu Khánh	Nguyên Giáo viên Trường THPT Lê Hồng Phong, huyện Phổ Yên

V. BAN BIÊN TẬP

Lê Văn Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ***Trưởng BBT.***
Hà Minh Lợi	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ***Phó Trưởng BBT.***
Hoàng Anh Trung	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban TT Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, **Thành viên.**
Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ***Thành viên.***
Trần Văn Thép	Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, ***Thành viên.***
Đồng Khắc Thọ	Trưởng BQL Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hóa - Thái Nguyên, ***Thành viên.***
Bùi Huy Toàn	Giám đốc Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên, ***Thành viên.***
Đào Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, ***Thành viên.***
Nguyễn Đình Hưng	Phó Trưởng phòng Quản lý di sản Văn hóa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ***Thành viên.***

VI. CỘNG TÁC VIÊN

Nông Thái Sơn	Phó Chánh Văn phòng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ,
Đỗ Tuấn Anh	Phó Trưởng phòng Văn hoá văn nghệ, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ
Hoàng Thị Hồng Hà	Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

V. BAN BIÊN TẬP

Lê Văn Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trưởng BBT.
Hà Minh Lợi	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó Trưởng BBT.
Hoàng Anh Trung	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban TT Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thành viên.
Nguyễn Thị Thúy	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thành viên.
Trần Văn Tiếp	Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Thành viên.
Đồng Khắc Thọ	Trưởng BQL Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hóa - Thái Nguyên, Thành viên.
Bùi Huy Toàn	Giám đốc Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên, Thành viên.
Đào Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, Thành viên.
Nguyễn Đình Hưng	Phó Trưởng phòng Quản lý di sản Văn hóa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thành viên.

VI. CỘNG TÁC VIÊN

Nông Thái Sơn	Phó Chánh Văn phòng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
Đỗ Tuấn Anh	Phó Trưởng phòng Văn hoá văn nghệ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Hoàng Thị Hồng Hà	Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

LỜI MỞ ĐẦU

Nhu cầu nghiên cứu, tra cứu, cung cấp thông tin về các lĩnh vực địa lí, lịch sử, kinh tế, chính trị văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh ngày càng nhiều. Cuốn Địa chí Thái Nguyên do Tỉnh uỷ - Hội đồng Nhân dân - Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo biên soạn, xuất bản tháng 4 năm 2009, đã đáp ứng được một phần nhu cầu đó. Tập sách Từ điển Thái Nguyên sẽ là phần tiếp theo của Địa chí Thái Nguyên, được biên soạn theo phương pháp từ điển, mở rộng hơn về quy mô và cụ thể hoá, ngắn gọn, cô đọng hơn những tri thức đã được trình bày một cách bao quát trong các chuyên khảo cuốn Địa chí Thái Nguyên. Do được cụ thể hoá về tri thức nên Từ điển Thái Nguyên sẽ thuận lợi hơn cho cán bộ, nhân dân, nhất là các em thanh, thiếu niên, học sinh sử dụng khi cần khai thác thông tin về một sự kiện, một đối tượng cụ thể. Biên soạn theo phương pháp từ điển là một hướng mới cho sách địa chí thời kì tin học phát triển.

Từ điển Thái Nguyên là một công trình khoa học, nhằm mục đích phản ánh và lưu giữ các tri thức về Thái Nguyên xưa và nay bằng việc ghi chép, miêu thuật các sự kiện, địa danh, nhân vật cụ thể. Phương châm biên soạn là thu thập rộng, ghi chép chọn lọc, coi trọng tính chân thực và hiệu quả sử dụng thực tế. Dựa trên các tư liệu lưu trữ, các công trình nghiên cứu có liên quan tới những vấn đề về địa lí (hành chính, dân cư, dân tộc, địa hình, tài nguyên, khí hậu, sông, suối...), truyền thống lịch sử đấu tranh chống xâm lược, chống áp bức, bóc lột, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.... trên địa bàn tỉnh, kết hợp với phỏng vấn nhân chứng, thu thập, xác minh, tổng hợp thông tin tư liệu để nghiên cứu, làm sáng tỏ những giá trị tinh thần, vật chất của tỉnh Thái Nguyên được hình thành, phát triển trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Quá trình nghiên cứu các tác giả luôn chú trọng tính khách quan, khoa học, biên soạn các mục từ gắn với 9 đơn vị hành chính, theo nguyên tắc biên soạn từ điển, nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, tra cứu, tìm hiểu những thông tin về các lĩnh vực địa lí, truyền thống lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng.

Cuốn Từ điển Thái Nguyên gồm 2 phần:

- ***Phần Mục từ*** với khoảng 4.000 từ mục, được sắp xếp theo vần chữ cái tiếng Việt A, B, C. Riêng phần mục từ tên người xếp theo thứ tự đảo: Tên - Họ - Đệm, ví dụ: Nguyễn Văn Bình được xếp thành Bình Nguyễn Văn. Tên nhân vật nước ngoài, dùng tên phiên âm tiếng Việt làm đơn vị mục từ tra cứu (có chú thích nguyên bản tên gốc của nhân vật đó). Các mục từ được biên soạn theo yêu cầu của 119 chuyên đề do Hội đồng Khoa học tỉnh thông qua; nội dung được giới hạn từ năm 2010 trở về trước. Riêng trong mục từ "PHỔ YÊN/ Huyện trung du..." và "SÔNG CÔNG/ Thị xã,..." có thêm phần giải thích về việc đổi tên thành "thành phố Sông Công" và "thị xã Phổ Yên" theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13, ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụm từ "Bắc Cạn" để chỉ địa danh tỉnh Bắc Kạn vào thời kỳ trước ngày 1/1/1997. Một số mục từ có mối liên hệ với nhau về nội dung sự kiện, nếu xếp theo vần A, B, C, sẽ bị đảo ngược thời gian, vì vậy, để đảm bảo tính lịch sử, chúng tôi có sự điều chỉnh cho phù hợp. Ví dụ các kì Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, Bắc Thái.

- ***Phần Bản đồ và Ảnh*** gồm 10 bản đồ hành chính tỉnh Thái Nguyên và 9 huyện, thành, thị; 50 ảnh có liên quan đến các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Từ điển Thái Nguyên là một công trình khoa học có quy mô lớn ở địa phương (từ điển bách khoa), quy tụ nhiều tác giả biên soạn, biên tập. Mặc dù tập thể các tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng, nhưng với một công trình đồ sộ trải rộng cả về không gian và thời gian nên rất khó tránh khỏi thiếu sót. Tuy vậy, Ban Chủ nhiệm đề tài vẫn trình Hội đồng Khoa học tỉnh cho nghiệm thu, xuất bản phục vụ yêu cầu nghiên cứu, tra cứu, học tập... của cán bộ và nhân dân trong tỉnh cùng bạn đọc gần xa.

Trải qua quá trình lưu hành, sử dụng, công trình sẽ được tiếp nhận sự đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lí và nhân dân các địa phương trong tỉnh làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh nâng cao chất lượng cho những lần xuất bản sau.

BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI
BAN BIÊN SOẠN

PHẦN I
MỤC TỪ

27-7 HÙNG SƠN

Hợp tác xã xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 1707G00032 do Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ cấp ngày 20/8/2004. Trụ sở kinh doanh đặt tại xóm 4, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Phần lớn các xã viên Hợp tác xã là thương binh và con em gia đình chính sách. Hợp tác xã kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng cơ bản, san lấp mặt bằng và khai thác cát, đá, sỏi phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng và giao thông.

3 - 2

Công ty Cổ phần cơ khí; tiền thân là Xưởng cơ khí 3 - 2 được thành lập năm 1959 (lúc đó gọi là Xưởng Cơ khí 6 - 1). Trụ sở Công ty đặt tại số 229, Đường Dương Tự Minh, thành phố Thái Nguyên. Từ 1965, Xưởng được nâng cấp thành Nhà máy cơ khí 3 - 2. Năm 2008 Nhà máy chuyển sang cổ phần hoá.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Công ty đã trang bị và trang bị lại các nông cụ cày bừa, liềm hái, cào cỏ, máy cấy, máy tuốt lúa, máy sao chè, xe cải tiến...; trang bị máy công cụ cho hàng trăm hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh và một số tỉnh bạn như máy rèn, máy cắt gọt, máy tiện (nhỏ)...; cung cấp cho ngành Giao thông vận tải hàng ngàn xe cải tiến, cuốc, xẻng, xà beng ... Ngoài ra, Công ty còn sản xuất hàng trăm tấn vỏ lựu đạn, vỏ đạn súng cối, chông sắt phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Trong nhiều năm, Công ty được suy tôn là lá cờ đầu ngành Cơ khí của tỉnh, được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (1970).

A2

Đồi, thuộc xóm Phụng Hiển, xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá. Tại đây, cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng và Chánh Văn phòng Trung ương Lê Văn Lương đã ở, làm việc (1947).

AM

Chùa, có từ lâu đời, nằm trên đồi cao tại xóm Bậu, xã Văn Yên, huyện Đại Từ. Ngôi chùa rộng khoảng 60 m², cửa quay về hướng đông, đối diện với Núi Võ. Chùa xưa có nhiều tượng, chuông quý. Chùa thờ Phật và Bà Chúa Thượng Ngàn. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng

chiến, chùa bị phá rỡ, chuông đồng cùng nhiều cổ vật có giá trị được mang đi cất giấu rồi bị thất lạc, hư hỏng.

Năm 1990, chùa được xây dựng lại trên nền cũ, diện tích 15 m², tường gạch, lợp ngói, có hai cửa ra vào.

Hằng tháng, vào ngày mồng 1 và ngày 15 Âm lịch, nhân dân trong vùng sắm lễ dâng hương lên Đức Phật và Bà Chúa Thượng Ngàn ở chùa.

AN LÊ THỊ LIÊN

Nhà giáo Ưu tú, quê thành phố Hà Nội, nguyên giảng viên Trường Kỹ thuật Cơ khí luyện kim Thái Nguyên.

Năm 1959, sau khi tốt nghiệp ngành Luyện kim Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, bà được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy. Hai năm sau (1961), bà xin lên Khu Gang thép Thái Nguyên để được trực tiếp sản xuất; nhưng lại được phân công giảng dạy tại Trường Trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ Khu Gang thép, tiền thân của Trường Trung học Kỹ thuật Cơ khí luyện kim Thái Nguyên.

AN LỘC SƠN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn, được thành lập tháng 11/2004; trụ sở Công ty đặt tại số 655 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh đa ngành nghề: Mua bán vật tư, thiết bị phụ tùng công nghiệp, sắt thép xây dựng, sản xuất đồ gỗ nội thất.

Tháng 8/2010, Công ty chuyển sang sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu chè xanh với thương hiệu *Thái Nguyên An Lộc Sơn Trà*, gồm 5 dòng sản phẩm chính: Trà búp xanh sao suốt; Trà búp hoa nghệ thuật; Trà đen, trà xanh túi lọc; Trà Cao xanh đen (cao trà); Trà uống đóng chai tinh khiết. Thái Nguyên An lộc Sơn Trà đã có mặt ở thị trường trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên từ cuối năm 2010, được người tiêu dùng ưa chuộng.

ANPHƠRET ÊSINA (ALFRED ECHINARD)

Công sứ Thái Nguyên, sinh năm 1884, quê ở vùng Isere nước Pháp. Tốt nghiệp ngành Luật, sang làm việc tại Việt Nam năm 1907. Giữ chức vụ Công sứ Thái Nguyên từ tháng 1/1929 đến tháng 3/1941, tròn 12 năm 2 tháng, lâu nhất trong tổng số 30 người đứng đầu bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở tỉnh Thái Nguyên (1884 - 1945). Echinard là viên

Công sứ khá nổi tiếng ở hai góc độ: Người cổ suý và thực thi mạnh mẽ chính sách "Tiểu đồn điền" ở Thái Nguyên và là chủ biên 2 cuốn sách *Tiểu chí Thái Nguyên, Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên*, hoàn thành năm 1933 và Nhà in Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội, in năm 1934.

Chính sách Tiểu đồn điền được người Pháp cho thực thi từ năm 1925, nội dung là cho phép chính quyền thực dân cấp tỉnh được cấp những khoảng đất nhỏ (15 mẫu) ở vùng trung du cho người dân. Trong những năm 1930 - 1940, tỉnh Thái Nguyên do Công sứ Echinard làm chủ tỉnh, được Toàn quyền Đông Dương và Thống sứ Bắc Kỳ đánh giá là tỉnh thực hiện thành công nhất chính sách Tiểu đồn điền. Trong tỉnh, một loạt các đồn điền nhỏ của người Pháp hoặc địa chủ người Việt ra đời, thu hút nhiều lao động làm việc, chủ yếu trồng lúa, chè, cà phê. Từ 1929 - 1941, có tới 15.000 nông dân ở Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Lạng Sơn di dân lên Thái Nguyên sinh sống.

Ông được nước Pháp tặng thưởng *Huân chương Bắc đẩu bội tinh* năm 1941.

AN BÌNH

Hang đá tự nhiên ở xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Hang dài 400 m, rộng từ 5 đến 50 m, diện tích khoảng 11.000 m², có nhiều nhũ đá đẹp.

AN CHÂU

Chùa, tên chữ là Quang Lão tự, còn gọi là chùa Lảo, được dựng từ lâu đời trên một quả đồi cao thuộc làng An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình.

Chùa xưa có 36 gian gồm tiền đường, hậu đường. Thực hiện tiêu thổ kháng chiến (1947), chùa đã bị tháo dỡ. Năm 1958, nhân dân địa phương phục dựng lại chùa trên nền đất cũ với quy mô nhỏ hơn trước, theo kiểu 3 gian 2 chái. Hậu cung thờ Quan Âm Thị Kính bên phải, Phật Bà trăm tay nghìn mắt bên trái. Gian giữa là ban thờ, trên cùng thờ Tam Thân (Tam Thân, Tam Thế, Tam Bảo), giữa thờ Phật Bà; phần tiếp theo thờ Nam Tào, Bắc Đẩu, cuối cùng là Đức Phật Thích Ca.

Hiện vật cổ còn lại tại chùa gồm 1 quả chuông cổ (đúc thời vua Lê Gia Tông niên hiệu Đức Nguyên thứ nhất, 1674), 1 cây hương đá, 5 bia đá và tượng Phật; 1 bát hương cổ. Lễ hội chùa An Châu được tổ chức hằng năm vào tháng 1 Âm lịch.

Chùa An Châu được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2462/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

AN CHÂU

Đình, được dựng từ lâu đời trên một quả đồi cao nằm giữa trung tâm làng An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình; là nơi thờ thần thành hoàng làng và Thủ lĩnh phủ Phú Lương thời Lý (Thế kỷ XII) Dương Tự Minh cùng hai người vợ của ông là Công chúa Thiều Dung, Công chúa Diên Bình và ba vị thần Cao Sơn, Quý Minh, Tam Tứ Quá Giang đều là những người có công chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi, giúp nhân dân trồng cấy.

Đình có cấu trúc kiểu chữ Môn, hai dãy nhà 2 bên, mỗi dãy có 7 gian nhỏ, nhà tiền tế ở giữa. Đình được tu sửa nhiều lần nhưng vẫn còn giữ được những nét truyền thống (hiện nay đã bỏ hai dãy nhà 2 bên). Năm 1943 - 1944, đình là phòng học của lớp tiểu học (gọi là lớp Đồng Ấu); năm 1947, là nơi làm việc, hội họp của cơ quan thuộc Bộ Tài chính, sau là nơi cất giữ lương thực, vũ khí của quân đội. Hiện vật cổ còn lại tại đình là 5 bia đá, 1 ngai chạm trổ đầu rồng, bài vị của thần; 14 sắc phong và 2 hộp đựng sắc, chiêng đồng, cồng đồng, mâm bồng bằng đồng thau và gáo múc nước đồng cổ, 1 bát hương cổ chạm trổ hình đầu rồng, giá giáp văn và 1 cây quán tẩy, bộ kiệu cổ, 1 viên gạch cổ trên mặt có trang trí hoa cúc đại đóa.

Lễ hội đình An Châu được tổ chức hằng năm vào tháng Giêng. Đình được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2462/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

AN KHÁNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

An Khánh là xã miền núi ở cực Đông của huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Cù Vân của huyện Đại Từ, tây nam giáp xã Phúc Xuân, đông nam giáp xã Phúc Hà của thành phố Thái Nguyên, phía đông bắc giáp xã Sơn Cẩm của huyện Phú Lương.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã An Khánh có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết

định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).*

AN KHÁNH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Đông huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Cù Vân (huyện Đại Từ), tây nam giáp xã Phúc Xuân, đông nam giáp xã Phúc Hà (thành phố Thái Nguyên), phía đông bắc giáp xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương).

Diện tích tự nhiên 14,46 km². Dân số (năm 2009) 5.397 người (2.633 nam, 2.764 nữ) thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Tày, Sán Chay, Dao, Mông, Thái, Mường cư trú ở 17 xóm: Hàng, Dạt, Đá Thần, An Thanh, Sòng, Đoàn Kết, Thác Vang, Tân Bình, Đồng Bục, Ngò, Đầm, Đồng Xầm, An Bình, Bãi Chè, Chấm Hồng, Cửa Nghè, Tân Tiến. Nhân dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, sản xuất lương thực, thực phẩm; một số gia đình có người làm trong mỏ than, trong Nhà máy điện An Khánh.

Xóm Ngò là điểm di tích lịch sử nơi ghi dấu sự kiện quân Pháp nhảy dù ngày 26/11/1947 và trận chiến đấu quyết liệt giữa bộ đội, du kích địa phương với quân dù Pháp. Xã An Khánh còn có Nhà máy nhiệt điện được đầu tư xây dựng từ năm 2009, công suất thiết kế 100 MW.

AN KHÁNH

Nhà máy Nhiệt điện, thuộc Cụm Công nghiệp An Khánh I, có công suất 100MW, được xây dựng tại xã An Khánh, huyện Đại Từ do Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh làm chủ đầu tư với vốn đầu tư 4.200 tỉ đồng, diện tích đất cho xây dựng nhà máy 30 ha.

Ngày 12/6/2009, Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung Nhà máy Nhiệt điện An Khánh vào Tổng sơ đồ Quy hoạch điện Khu vực VI Quốc gia. Ngày 29/6/2009, Bộ Công thương ra quyết định phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Nhà máy Nhiệt điện An Khánh I. Ngày 8/7/2009, Ban Quản lí các khu công nghiệp Thái Nguyên cấp chứng nhận đầu tư. Ngày 30/1/2010, Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh tổ chức lễ khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện An Khánh I. Ngày 30/6/2010, Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh kí Hợp đồng tổng thầu EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện An Khánh I với Tập đoàn Điện khí

nhân dân (Trung Quốc) tại thành phố Ôn Châu - Trung Quốc trị giá gói thầu 143,235 triệu USD.

AN KHÁNH 1

Cụm Công nghiệp, được hình thành từ Nhà máy Xi măng Quan Triều, do Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh làm chủ đầu tư, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Quy hoạch chi tiết ngày 20/8/2009 với diện tích 64,6 ha thuộc xã An Khánh, huyện Đại Từ. Trong đó: Đất dành cho Nhà máy Nhiệt điện An Khánh 30 ha; đất dành cho xây dựng Nhà máy Xi măng Quan Triều 18,841 ha; đất dành cho xây dựng Nhà máy Sản xuất vật liệu siêu nhẹ và khu cây xanh 11,05 ha; đất dành cho xây dựng đường giao thông 4,709 ha.

AN LẠC

Xã trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, gồm địa phận 4 xã: Kim Phượng, Kim Sơn, Quy Kỳ, Linh Thông ngày nay của huyện Định Hoá; phía đông giáp xã Phượng Tiến (nay là các xã Phượng Tiến và Tân Dương) và xã Phượng Tú (nay là các xã Tân Thịnh và Lam Vỹ); phía tây và phía bắc giáp huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Cạn; phía nam giáp xã Bảo Cường (nay là thị trấn Chợ Chu và các xã Phúc Chu, Bảo Cường) và xã Bình Trung (nay là các xã Đồng Thịnh, Định Biên và Bảo Linh). Diện tích tự nhiên 106,93 km²; dân số 3.054 người, gồm các thành phần dân tộc: Tày 67,52 %, Hoa 12,44 %, Kinh 9,63 %, Sán Dìu 5,85 %, Mông 2,97 %, Nùng 0,29 %.

Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã An Lạc được tách thành 3 xã: An Lạc, Kim Phượng, Linh Thông. Tháng 12/1965, xã Kim Phượng tiếp tục tách thành 2 xã Kim Phượng và Kim Sơn. Theo Quyết định 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ Nội vụ, xã An Lạc đổi tên thành xã Quy Kỳ.

AN LONG

Làng nghề chế biến đậu phụ, thuộc xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Nghề trồng đậu tương và chế biến đậu phụ từ sản phẩm đậu tương địa phương đã có từ xa xưa. Nghề làm đậu đã mang lại thu nhập ổn định, bình quân đạt 1,5 triệu đồng/người/tháng.

AN MỸ

Chùa, được dựng vào thời nhà Lý, trong khoảng thế kỷ XI - XII ở xóm Tân Thịnh, xã Tân Đức, huyện Phú Bình; được phục dựng vào cuối năm 1992 đầu năm 1993.

Chùa có kiến trúc gồm chùa chính, tam bảo, nhà thờ Mẫu. Nhà thiêu hương chùa gồm 5 gian, 2 chái với diện tích 65 m². Bên phải tượng Thập thiên cưỡi hổ, bên cạnh thờ Đức thánh Trần, bên trái tượng Trừng ác cưỡi voi, bên cạnh là ban thờ Thánh Tăng và ban thờ vong. Hậu cung với diện tích 22 m², bài trí tượng Phật theo chùa Việt Nam.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đình - chùa An Mỹ là nơi cán bộ Việt Minh mở lớp tuyên truyền chính sách của cách mạng; là địa điểm bầu cử Quốc hội khoá I, Hội đồng nhân dân các khoá, mở các lớp bình dân học vụ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, là nơi Sư đoàn 304 đóng quân, huấn luyện tân binh bổ sung cho các chiến trường B, C, K.

Chùa An Mỹ được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 229/QĐ-UBND, ngày 29/1/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

AN MỸ

Đình, được dựng từ lâu đời ở giữa xóm Viện và xóm Tân Thịnh thuộc xã Tân Đức, huyện Phú Bình; được phục dựng vào cuối năm 1992 đầu năm 1993.

Đình có cấu trúc chuôi vồ mặt quay về hướng chính đông; thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh. Nhà tiền đường lát nền gạch đỏ, bộ khung bằng gỗ, mái lợp ngói vẩy rồng cuốn ở đầu mái. Bên trái nhà tiền đường có dựng bia liệt sĩ.

Đình An Mỹ là địa điểm mở lớp tuyên truyền chính sách của Việt Minh; bầu cử Quốc hội khoá I, Hội đồng nhân dân các cấp và nơi mở các lớp bình dân học vụ những năm sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công; nơi Sư đoàn 304 đóng quân, huấn luyện tân binh bổ sung cho các chiến trường B, C, K thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Hiện vật cổ còn lưu giữ có 1 bộ kiệu rước, 1 thần tích, thần sắc, 1 bài vị Dương Tự Minh.

Đình An Mỹ được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 229/QĐ-UBND, ngày 29/1/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

AN MỸ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở hợp nhất 2 làng: Yên Giã và Mỹ Trạng thuộc tổng Hùng Sơn.

Sau giảm tô (1953), xã An Mỹ vẫn được giữ nguyên địa danh và địa giới; đến năm 1976 đổi thành xã Yên Mỹ.

AN SƠN

Đền, còn có tên gọi đền Làng Núi, được dựng từ thời Hậu Lê, trên một quả đồi thấp thuộc xã Cam Giá, tổng Đồng Bang, huyện Đồng Hỷ, nay là tổ 14 phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên. Đền là nơi thờ Bà Mẫu Hoàng và Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đền An Sơn đã bị thời gian và chiến tranh tàn phá. Năm 1992, đền mới được xây dựng lại trên nên đất cũ; rộng khoảng 30 m^2 và một hậu cung 10 m^2. Một năm đều có 4 ngày lễ vào ngày 14 các tháng 1, 4, 7, 12 Âm lịch; lễ chính là ngày 14/1.

AN TOÀN KHU ĐỊNH HOÁ

Khu vực an toàn trong Căn cứ địa Việt Bắc; là nơi ở và làm việc của các cơ quan đầu não kháng chiến (1947 - 1954).

An toàn khu Định Hoá nằm ở vùng Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, gồm toàn bộ 23 xã và 1 thị trấn trên địa bàn huyện ngày nay (Linh Thông, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Kim Sơn, Kim Phượng, Tân Thịnh, Bảo Linh, Phúc Chu, Tân Dương, Phượng Tiến, Bảo Cường, Đồng Thịnh, Định Biên, Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Trung Hội, Phú Tiến, Bộc Nhiêu, Sơn Phú, Điềm Mặc, Phú Đình, Bình Thành và thị trấn Chợ Chu). Với địa thế thuận lợi "*tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ*" và sự che chở, giúp đỡ của nhân dân các dân tộc ở địa phương, An toàn khu Định Hoá được bảo đảm bí mật, bảo vệ an toàn cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan đầu não kháng chiến lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, kiến quốc thắng lợi.

ATK II

Tên gọi tắt An toàn khu II của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, thành lập năm 1943 nằm trên địa bàn các xã: Kha Sơn (huyện Phú Bình), Tiên Phong, huyện Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên và xã Hoàng Vân (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang). Đây là những cơ sở tương đối an toàn để các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ ở, làm việc; tổ chức các cuộc họp, các lớp học tập chính trị quan trọng trong suốt thời gian từ năm 1943 đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Từ khi trở thành ATK II của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, phong trào cách mạng Phú Bình phát triển rất nhanh chóng. Nét nổi bật của phong trào là tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, tranh thủ được một số người thuộc tầng lớp trên, kể cả hào lí. Trong vòng 2 năm (1943 - 1944), qua phong trào cách mạng của quần chúng, Ban Cán sự Đảng ATK II đã lựa chọn và kết nạp được 12 quần chúng ưu tú vào Đảng, thành lập được 2 chi bộ Đảng ở Phú Bình.

ANH LÊ TÚ

Nhạc sĩ, Giám đốc Trung tâm văn hoá tỉnh Thái Nguyên, quê Kiến An, Hải Phòng; thường trú tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ, học phổ thông tại Thái Nguyên. Từ 1965 đến 1976, học tại Nhạc viện Hà Nội (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam). Từ 1981 đến 1988, công tác tại Đoàn Ca múa Bắc Thái. Từ 1988 đến 1995, là Trưởng Đoàn Ca múa Bắc Thái. Từ 1995 đến 2002, là Trưởng Đoàn Ca múa nhạc dân tộc Bắc Thái. Từ 2002 đến 2007, là Giám đốc Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên. Từ 2007, là Phó phòng, sau đó là Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Văn hoá Thông tin.

Nhạc sĩ Lê Tú Anh là tác giả có nhiều ca khúc thành công viết về quê hương Thái Nguyên, như: *Thành phố tôi yêu, Bài ca ơn Đảng, Bến Nam Phương khúc nhạc chiều, Kí ức tuổi thơ, Hát mãi tên Người - Hồ Chí Minh* và 2 tác phẩm: *Thái Nguyên thành phố mùa xuân, ATK nhớ mãi ơn Người* dàn dựng cho Đoàn Nghệ thuật Thái Nguyên để tham dự Hội diễn Ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc đạt *Huy chương Vàng*.

Ông là tác giả âm nhạc của các chương trình nghệ thuật sử thi: *Bài ca quê hương, Chào thiên niên kỷ mới, Thái Nguyên - Thủ đô kháng chiến, Đảng Cộng sản Việt Nam - 80 mùa xuân...*; tác giả kịch bản và âm nhạc chương trình sử thi: *Dâng Đảng tiếng hát niềm tin, Người là niềm tin tất thắng*; tác giả âm nhạc cho các vở chèo: *Cô gái Phù Tang, Thiên tình như huyền thoại* và nhiều vở kịch nói, tiết mục múa, hoà tấu dàn nhạc, độc tấu nhạc cụ.

Ông là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

ANH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1921, quê huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; trú quán tại xã Sơn Phú, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Anh có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Xuân Tỵ đã hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 1306/KT- CTN truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

AO CHUÔNG LĂN

Truyền thuyết về Dương Tự Minh: Thiều Dung công chúa được triều đình gả cho Thủ lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh, khi thác thiêng được táng bên mộ người chồng yêu quý. Giếng Dội là tên ngai của bà Thiều Dung.

Một lần, có viên đại thần cưỡi voi đi tới chính diện ngai Giếng Dội thì chiếc chuông đồng đeo ở cổ voi tự nhiên đứt dây, rơi xuống và chui vào lòng đất. Viên đại thần sai lính đào tìm chuông. Mọi người đều nghe thấy tiếng chuông nơi thâm địa nhưng đào mãi, đá đắp thành gò, đất sâu thành ao mà không thấy chuông. Lính cứ đào theo tiếng chuông lăn, thành con mương ra tới tận bờ sông thì không thấy tiếng chuông đâu nữa. Người ta đồn rằng, bà chúa Giếng Dội trêu quan Đại thần nên giữ lại chuông đồng.

Ở phía Nam đền Đuổm, cạnh bãi quanh voi (buộc voi), từ Giếng Dội nhìn ra có cái ao nhỏ, gọi là ao Chuông Lăn.

AO NOONG

Ao tự nhiên, nằm trên đất xóm Hin, xã Yên Đổ, là một thắng cảnh ở huyện Phú Lương. Ao có diện tích 4.640 m^2, xung quanh có nhiều cây cối rậm rạp trong đó có những cây đa, cây sữa, cây cọ cổ thụ. Trên mặt Ao Noong có rất nhiều đảo đá bị phong hoá mạnh trông rất đẹp, tạo nên một cảnh quan tựa như một "vùng non bộ" tự nhiên giữa núi rừng Yên Đổ. Mặt nước Ao Noong trong xanh, có rất nhiều hoa súng, càng làm tăng thêm vẻ đẹp nên thơ của vùng đất sơn thuỷ hữu tình này.

Ao Noong đã được xếp hạng di tích danh lam thắng cảnh cấp Tỉnh.

ÁO ĐỎ

Phong trào đấu tranh của các dân tộc ít người ở miền núi phía bắc nước ta chống giặc Minh xâm lược, hồi đầu thế kỷ XV; các nghĩa binh tham gia phong trào thường mặc áo đỏ; bắt đầu dấy lên ở Thái Nguyên cuối năm 1410. Khi quân Minh tập trung lực lượng lên đàn áp thì nghĩa quân lên tạm lánh vào núi rừng rồi bất ngờ tập kích quân thù. Từ vùng Thái Nguyên, phong trào nghĩa binh Áo đỏ lan rộng nhanh khắp vùng Việt Bắc, Tây Bắc, vào đến miền núi Thanh Hoá, Nghệ An. Đây là một phong trào đấu tranh rộng lớn và kéo dài, gây cho giặc Minh nhiều tổn thất.

ÂN TRẦN QUANG

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), nguyên Giám đốc Bệnh viện Lao Bắc Thái.

Thuở nhỏ, ông học ở thị xã Thái Nguyên; tháng 2/1946, vào làm việc tại Ty Y tế Thái Nguyên; từ năm 1947 đến năm 1955 là y tá quân y ở một số đơn vị thuộc Liên khu I - Liên khu Việt Bắc; từ năm 1956 đến năm 1968, công tác tại Ty Y tế tỉnh Thái Nguyên, được bổ nhiệm Trạm phó Trạm chống lao, Viện phó, rồi Viện trưởng Bệnh Viện Lao Bắc Thái (nay là Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Thái Nguyên). Bác sĩ Trần Quang Ấn được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Chiến thắng hạng Ba*, *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất*; được phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2001.

ẤP THÁI

Nhà thờ Giáo họ, được dựng năm 1982, chất liệu gỗ, nằm trên đất xóm Ấp Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Trong thời gian đầu, nhà thờ Giáo họ Ấp Thái chỉ có 9 hộ, với gần 40 tín đồ. Đến nay, sinh hoạt tại nhà thờ Giáo họ Ấp Thái có 25 hộ, với 119 tín đồ.

BA VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1921, quê tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương

Mẹ Vũ Thị Ba có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tửu (nhập ngũ tháng 10/1963, hi sinh ngày 30/1/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Vũ Thị Ba danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

BA CỐNG

Cầu, được xây dựng tại lý trình 56+2 trên Quốc lộ 3; nhịp cầu sắt, mặt cầu lát gỗ. Trong những năm có chiến tranh phá hoại, cầu Ba Cống bị máy bay giặc Mĩ ném bom nhiều lần. Năm 1973, cầu được khôi phục, sửa chữa. Năm 2005, cầu được nâng cấp, có chiều dài 19 m, bề rộng cho xe chạy là 7 m, nhịp cầu dài 11,2 m bằng bê tông cốt thép, mố trụ, mố móng được xây bằng đá; tải trọng từ H10 lên H30.

BA CỬA

Hang nằm sát chân núi, ăn sâu vào trong lòng núi Mỏ Vàng, thuộc vùng phía Tây xóm Bình Định, xã Bình Sơn, thị xã Sông Công.

Hang có ba cửa cách đều nhau khoảng 10 m. Ngoài cửa lòng hang rộng, cao gần 2 m; vào trong lòng hang hẹp và thấp dần. Người vào hang lúc đầu đi thẳng, sau phải cúi, khom rồi bò. Vào sâu khoảng 100 m, 3 hang thông với nhau bằng một đường hang cắt ngang rồi thông với một số giếng từ trên đồi cao xuống. Núi Mỏ Vàng có rất nhiều giếng đào để khai thác vàng, có giếng sâu tới hàng chục mét.

BA DỘI

Thác nước, thắng cảnh ở xóm Mẫn, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ.

Là dòng thác của suối Hương, nước chảy từ trên cao xuống qua ba tầng đá nên được gọi là Ba Dội, chảy ra hồ Ba Vành. Còn có tên gọi thác Ba Sum. Thác chảy khá mạnh, nước tung trắng xoá. Cùng với rừng cây xanh tốt, không khí trong lành, suối chảy thác reo, tạo nên âm thanh kỳ thú, phong cảnh nên thơ.

BA HÀNG

Thị trấn huyện lị, nằm ở vùng phía Đông huyện Phổ Yên, thành lập theo Quyết định số 41/BT ngày 9/9/1972 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Phía đông giáp xã Đồng Tiến, phía tây giáp xã Đắc Sơn, phía nam giáp xã Nam Tiến, phía bắc giáp xã Hồng Tiến.

Theo tổng điều tra dân số ngày 1/4/2009, thị trấn Ba Hàng có 5.798 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Mường, Dao, Sán

Chay, Sán Dìu cư trú ở 6 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 6 và 4 xóm: Thành Lập, Yên Ninh, Kim Thái, Đại Phong).

BA HÀNG

Chợ, hình thành từ sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc (1954), đặt tại địa phận làng Cốt Ngạch, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên. Hằng tháng, chợ họp vào các ngày 1, 3, 6, 9 Âm lịch. Hàng hoá mua bán, trao đổi tại chợ chủ yếu là các loại nông, lâm sản. Ngoài phiên chợ chính, nhân dân quanh vùng vẫn đến mua bán, nhưng ít hơn.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn tỉnh Bắc Thái, chợ Ba Hàng phải sơ tán. Từ năm 1972, khi thị trấn Ba Hàng được thành lập và là huyện lị của huyện Phổ Yên, lại nằm trên trục Quốc lộ 3, kề sát ga tầu, nên chợ Ba Hàng ngày càng đông đúc, tấp nập; hàng hoá ngày càng phong phú.

Ngày nay, chợ Ba Hàng có hàng trăm ki ốt, bán đủ các loại hàng hoá cho nhân dân địa phương và cung cấp cho các chợ nhỏ trong vùng. Chợ Ba Hàng là trung tâm giao lưu kinh tế, thương mại của huyện Phổ Yên.

BA KHÔNG

Nguyên tắc phòng gian, bảo mật, bảo vệ an toàn cho các cơ quan, đơn vị, kho tàng ở An toàn khu (ATK) Trung ương (1947 - 1954). Nội dung của 3 không là: "Không nói chuyện làm lộ bí mật; không nghe những điều không liên quan đến mình; không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt". Ba nguyên tắc này được đông đảo các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả. Nguyên tắc này còn được thực hiện và tiếp tục phát huy tác dụng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).

BA NGẠC

Cầu, được xây dựng năm 1971 tại Km 17+ 812,32 - Tỉnh lộ 268, bắc qua suối nhỏ thuộc địa bàn giáp ranh giữa xã Bảo Cường và thị trấn chợ Chu, huyện Định Hoá.

Năm 1991, cầu được xây lại, dài 15,8 m, rộng 6 m; kết cấu nhịp dầm đơn, sơ đồ bố trí nhịp 7,6 m; dạng mặt cắt dầm chủ bản bê tông cốt thép, kết cấu móng, mố, trụ xây đá. Năm 2010, cầu được xây dựng lại móng,

mố, trụ, dầm bằng bê tông cốt thép, có chiều dài 29,18 m, chiều rộng 28 m, tải trọng H30 - X80; tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

BÀ ĐẦM

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Nà Vật, ở xóm Vẽn, xã Bình Long, huyện Võ Nhai.

Hang nhỏ và hẹp, nằm ở chân núi đá; trần hang có nhiều nhũ đá rủ xuống, hình thù khác nhau; nền hang có nhiều vỏ ốc. Cửa hang rộng khoảng 2 m, hình vuông; vào trong hang có 5 vòm sâu chếch lên phía đỉnh núi. Hang nhìn về phía tây bắc, phía trước là cánh đồng rộng.

Cuối năm 1923, một nhóm nghiên cứu khoa học của Sở Địa chất Đông Dương, trong đó có bà Madeleine Colani (Mađơlen Côlani, Thạc sĩ Thực vật học, Tiến sĩ Hoá thạch), người Pháp, đã đến khảo sát tại hang. Đoàn đã khai quật và phát hiện 1 chiếc sọ to, khác thường. Sau khi đoàn khảo cổ rời đi, nhân dân địa phương gọi hang là hang Bà Đầm.

BÁ TRỊNH

Binh bộ Hữu thị lang, quê xã Cù Đàm (có sách ghi là Lệ Trạch, Phú Lương), xứ Thái Nguyên.

Theo sách *Kiến văn tiểu lục* của nhà bác học Lê Quý Đôn (thế kỷ XVIII), Cù Đàm là vùng Cam Giá, huyện Phú Lương, xứ Thái Nguyên, nay là phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên. Trịnh Bá là một trong 5700 thí sinh dự thi và là một trong 43 người đỗ đạt trong kì thi Hội tháng 3 năm Giáp Tuất (1514) đời vua Lê Tương Dực (niên hiệu Hồng Thuận). Sau khi đỗ đạt, ông ra làm quan và được phong đến chức Binh bộ Hữu thị lang (tương đương chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng ngày nay), là chức thứ 3 của Bộ binh, sau Binh bộ Thượng thư và Binh bộ Tả thị lang.

Hiện vẫn chưa xác định được năm sinh, năm mất của Trịnh Bá.

BÁ SƠN

Mỏ than nằm trên địa bàn xã Sơn Cẩm và xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương. Mỏ than Bá Sơn do Công ty Than và mỏ kim loại Đông Dương (trụ sở chính đặt ở Hà Nội, trụ sở điều hành đặt tại mỏ than Phấn Mễ) khai thác từ năm 1924.

Than mỏ Bá Sơn là loại than gầy. Người Pháp xếp mỏ than Bá Sơn là mỏ khai thác phụ nên kể từ năm 1924 đến năm 1945, mỗi năm chỉ khai

thác với sản lượng từ vài trăm đến 1 - 2 ngàn tấn, chủ yếu dùng đốt nồi hơi cho Nhà máy điện Giang Tiên công suất 5.000 KW.

Ngày nay, mỏ than Bá Sơn có diện tích 50 ha, trữ lượng 288.402 tấn, do Công ty Cổ phần xây dựng và khai thác than Thái Nguyên khai thác theo Giấy phép số 2275/QĐ-UBND ngày 19/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trong thời hạn 6 năm.

Sản phẩm than của mỏ Bá Sơn chủ yếu phục vụ cho nhà máy nhiệt điện, các cơ sở sản xuất vật liệu gạch, ngói của ngành xây dựng và sản xuất các loại than dùng trong sinh hoạt của các hộ gia đình ở Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

BÁ VÂN

Chùa, được dựng năm 1914, ở sát ngay phía sau đình Bá Vân, thuộc xã Bình Sơn, thị xã Sông Công.

Ngôi chùa có kiến trúc chuôi vồ; tiền đường có 3 gian rộng 5,5 m, dài 7,5 m, hậu cung dài 7,5 m, rộng 4 m; xung quanh xây gạch trát vữa, mái lợp ngói vuông. Gian giữa hậu cung xây bệ gạch thờ Phật Bồ Tát, Thích Ca sơ sinh; hai bên có tượng Đức Ông và Đức Thánh Hiền. Bên trái hậu cung treo quả chuông đồng mới đúc gần đây. Phía bên trái chùa có điện thờ Hậu và thờ Mẫu.

BÁ VÂN

Đình, được dựng thế kỷ XVIII ở trung tâm làng Bá Vân, tổng Niệm Quang, huyện Đồng Hỷ, nay thuộc xóm Bá Vân 4, xã Bình Sơn, thị xã Sông Công; là nơi thờ vọng Dương Tự Minh (Cao Sơn Quý Minh).

Đình Bá Vân thuộc cụm di tích lịch sử, văn hoá đình - chùa Bá Vân, đã xếp hạng di tích lịch sử cấp Tỉnh. Đình được tu sửa lớn năm Tự Đức thứ 35 (1882). Ngôi đình hiện tại được làm bằng gỗ, có 4 gian (3 gian chính và 1 gian phụ). Phần nội thất được trang trí khá nhiều với 2 đề tài tứ linh và tứ quý; 4 đầu dư tạo hình tứ linh (long, li, quy, phượng) rất sinh động, với lối đục chạm thủng. Trên các bức ván mê được tập trung chạm khắc 2 đề tài tứ linh và tứ quý (thông, trúc, cúc, mai) với lối chạm kênh bong nổi hẳn trên mặt gỗ. Con rồng được đề cao, là chủ thể. Nghệ thuật điêu khắc trong nội thất đình Bá Vân mang đặc trưng nghệ thuật thời Nguyễn.

Đình Bá Vân còn lưu giữ được một số hiện vật, gồm: 1 bia đá cổ niên đại Tự Đức thứ 35 (1882), 1 bệ là chân bia đá có ngõng lắp bia, 1 bộ phận của kiệu sơn son thiếp vàng chạm trổ tứ linh, 1 phần cái chiêng (lệnh).

BÁ VÂN

Nơi đặt Trường Cán bộ dân quân (1948 - 1950). Vị trí di tích ở khu đồi rừng phía tây làng Bá Vân thuộc xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công).

Trong những năm 1948 - 1949, trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân quân tự vệ và du kích huyện, tỉnh.

Tháng 4/1950, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và Tổng Quân uỷ, Trường cán bộ dân quân Lê Bình, Trường Thiếu sinh quân, Lớp Huấn luyện cán bộ thông tin được sáp nhập vào Trường Lục quân trung học Trần Quốc Tuấn và đổi tên thành Trường Lục quân Việt Nam, do Thiếu tướng Lê Thiết Hùng làm Hiệu trưởng, Thiếu tướng Trần Tử Bình làm Chính uỷ.

BÁ VÂN

Nơi thực dân Pháp lập trại (căng - camp) giam giữ các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước trong những năm 1942 - 1944. Vị trí di tích nằm trên một vùng đồi hoang vu tại làng Bá Vân nay thuộc xã Bình Sơn, thị xã Sông Công. Từ năm 1942, thực dân Pháp đưa về đây hơn 200 người, đa số là những đảng viên cộng sản và những người yêu nước, với ý đồ làm cho họ chết dần chết mòn bởi khí hậu nơi rừng núi có nhiều muỗi độc, nổi tiếng là vùng lam sơn chướng khí, kết hợp với lao động nặng nhọc, ăn uống kham khổ.

Thực hiện phương châm biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, các chiến sĩ cộng sản trong Căng Bá Vân vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo đấu tranh với bọn cai tù và các lực lượng phản động, giữ vững khí tiết, lập trường; tranh thủ mọi điều kiện để học tập, rèn luyện, tuyên truyền gây dựng cơ sở cách mạng ra các vùng lân cận. Hoảng sợ trước phong trào cách mạng trong vùng ngày một dâng cao, tháng 11/1944, Thống sứ Bắc Kỳ ra quyết định giải tán Căng Bá Vân.

Di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 2311-QĐ/BT ngày 12/12/1994).

BÁ XUYÊN

Chùa, được dựng từ năm Lý Thái Tông thứ 3 (1030). Đời vua Tự Đức (1848 - 1883), chuyển tới địa điểm vẫn thuộc làng Chùa, xã Bá Xuyên huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công) được làm bằng tranh tre, nứa, tường đất. Năm Thành Thái thứ 2 (1890), được tôn tạo, làm bằng gỗ lim, mái lợp ngói, tường gạch đá ong.

Trong những năm 1942 - 1945, chùa Bá Xuyên là nơi đặt trạm liên lạc bí mật của Chi bộ Căng Bá Vân và Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, phần chuôi vồ, các cửa phía trước và hai bên tả, hữu bị tháo dỡ; các pho tượng trong chùa đều bị hư hỏng.

Chùa Bá Xuyên đã được công nhận là di tích lịch sử cấp Tỉnh (Quyết định số 10/QĐ-UBND, ngày 4/1/2007).

BÁ XUYÊN

Xã thuộc thị xã Sông Công, trước đây là xã Thành Công trực thuộc huyện Đồng Hỷ. Theo Quyết định số 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, từ ngày 1/5/1975, xã Thành Công được đổi tên thành xã Bá Xuyên. Ngày 2/4/1985, xã Bá Xuyên cùng 2 xã Tân Quang và Bình Sơn tách khỏi huyện Đồng Hỷ để nhập vào huyện Phổ Yên (theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ). Tuy nhiên, giữa hai huyện Đồng Hỷ và Phổ Yên chưa kịp triển khai thực hiện việc giao nhận các xã nói trên, ngày 11/4/1985, theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, Hội đồng Bộ trưởng ký ban hành tiếp Quyết định số 113/HĐBT, tách thị trấn Mỏ Chè và các xã Tân Quang, Bá Xuyên, Cải Đan khỏi huyện Phổ Yên để thành lập thị xã Sông Công, trực thuộc tỉnh Bắc Thái. Từ đó, xã Bá Xuyên là một đơn vị trực thuộc thị xã Sông Công; phía bắc giáp xã Thịnh Đức (thành phố Thái Nguyên), phía nam giáp phường Lương Châu, phía đông giáp xã Tân Quang, phía tây giáp xã Bình Sơn.

Bá Xuyên có địa hình bán sơn địa, địa hình dốc từ phía bắc xuống phía nam và từ đông sang tây có nhiều đồi thấp. Khu vực phía tây - tây bắc và phía nam là những đồi thấp xen kẽ đồng bằng có độ cao trung

bình khoảng 24 - 25 m so với mặt nước biển. Sông Công chảy qua địa bàn xã, là ranh giới tự nhiên giữa xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn. Diện tích tự nhiên 9,55 km², trong đó diện tích đất nông nghiệp 5,4266 km², đất lâm nghiệp 1,7763 km², đất phi nông nghiệp 1,2977 km², còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số 3.973 người (2009) thuộc 6 thành phần dân tộc là Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Thái, cư trú ở 12 xóm: An Cang, Chũng Ma, Lý Nhân, Na Chùa, Chùa, Đớ, La Giang, Bãi Hát, Chúc, La Cảnh 1, La Cảnh 2, La Xứa Đào.

Nguồn sống chính của nhân dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp (chiếm 60 %); còn lại lao động tại các doanh nghiệp, lao động tự do, lao động theo thời vụ, lao động xây dựng...

BÁC HỒ VỚI THÁI NGUYÊN - THÁI NGUYÊN VỚI BÁC HỒ

Sách, do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo biên soạn, Chủ biên: Phạm Tất Quynh, Đồng Chủ biên: Tiến sĩ Nguyễn Xuân Minh; Nhà xuất bản Lý luận chính trị xuất bản năm 2007. Sách có độ dày 534 trang, khổ 14,5x20,5 cm, đóng bìa cứng.

Cuốn sách được mở đầu bằng *"Lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp"* và lời giới thiệu của Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên. Tiếp theo là 5 chương nội dung chính, gồm: Chương I: Bác Hồ với việc lựa chọn Thái Nguyên làm nơi xây dựng An toàn khu. Chương II: Những hoạt động chủ yếu của Bác Hồ tại An toàn khu Thái Nguyên lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Chương III: Bác Hồ với Thái Nguyên - Thái Nguyên với Bác Hồ trong cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Chương IV: Bác Hồ với Thái Nguyên - Thái Nguyên với Bác Hồ trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chương V: Dưới ánh sáng tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên từng bước trưởng thành. Ở cuối cuốn sách, có 25 trang "Biên niên những hoạt động chủ yếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại An toàn khu Thái Nguyên (1947 - 1954)".

BÃI BÔNG

Cơ sở cách mạng của Xứ ủy Bắc Kỳ trong những năm 1943 - 1945. Vị trí di tích ở xóm Bãi Bông thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ;

gồm 2 địa điểm: địa điểm 1 nằm dưới chân núi và địa điểm 2 nằm trên cánh đồng khu Nguồn.

Vào khoảng đầu tháng 3/1943, các đồng chí Triệu Khánh Phương, Đặng Hồng Hải từ Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai về xóm Bãi Bông tuyên truyền, vận động nhân dân làm cách mạng, giúp đỡ, tiếp tế cho căn cứ cách mạng ở Tràng Xá (huyện Võ Nhai).

Khoảng tháng 5/1945, cơ sở cách mạng hình thành. Mặt trận Việt Minh được thành lập, do ông Triệu Văn Hựu làm Phó Chủ tịch, phụ trách công tác thanh niên; ông Gia Cát Lượng (Võ Quốc Vinh) phụ trách quân sự; bà Hà Thị Quế chịu trách nhiệm chỉ huy chung. Cơ sở đã vận động nhân dân trong vùng quyên góp ủng hộ các cơ sở cách mạng; đồng thời tập trung thanh niên về cơ sở Bãi Bông luyện tập quân sự, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Di tích cơ sở Bãi Bông hiện nay nằm dưới lòng hồ Cặp Kè. Từ "Cặp Kè" chính là ám hiệu khi nhận thư từ liên lạc của cơ sở cách mạng Bãi Bông.

BÃI BÔNG

Nơi đóng quân của Trung đoàn Tên lửa phòng không 238 trong nửa đầu những năm 60 thế kỷ XX. Vị trí di tích nằm trên một khu đất bằng phẳng thuộc xóm Bãi Bông, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, cách Trụ sở Ủy ban nhân dân xã khoảng 700 m về phía đông.

Khoảng giữa thập niên 1960, chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam giúp đỡ xây dựng công trường lắp ráp tên lửa tại xóm Bãi Bông. Công trường được bảo vệ nghiêm ngặt, có đường hào chạy xung quanh. Khoảng tháng 4, tháng 5/1967, toàn bộ công trường đã bí mật rút khỏi Bãi Bông. Hai ngày sau đó, máy bay Mĩ tới ném bom.

Bãi Bông cũng là nơi ra đời Trung đoàn Tên lửa đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, sau này là Trung đoàn Tên lửa phòng không 238 - hai lần được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

BÃI BÔNG

Thị trấn, nằm ở vùng phía Đông huyện Phổ Yên, được thành lập theo Quyết định số 41/BT ngày 9/9/1972 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Phía đông, tây và bắc đều giáp xã Hồng Tiến, phía nam giáp xã Đồng Tiến

(nay là xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên). Theo số liệu tổng điều tra dân số ngày 1/4/2009, thị trấn Bãi Bông có 3.631 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Mường, Sán Dìu, Sán Chay, Nùng, Dao cư trú ở 12 tổ dân phố: Cầu Rẽo, Thống Nhất, Trung Tâm, Đồng Quang, Đồng Tâm, Bông Hồng, Đại Hưng, Đại Phú, Đại Thịnh Đại Xuân, Đại Cát, Đại Đồng.

Thị trấn Bãi Bông có diện tích tự nhiên 3,51 km² (gồm 2,17 km² đất nông nghiệp, 1,19 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng).

BÃI CHÈ

Đền, có từ lâu đời ở xóm Bãi Chè, xã Cù Vân, huyện Đại Từ. Đền được tôn tạo vào năm Bảo Đại thứ nhất (1926), gồm 2 gian, tiền đường và hậu cung, tường xây gạch, mái lợp ngói tây, hai đầu đốc đắp nổi hai mặt hổ phù. Bàn thờ xây bằng gạch vồ chia làm 3 cấp, mỗi cấp đặt một bát hương. Toàn bộ diện tích khu đền là 122,5 m². Sân đền dài 7 m, rộng 4 m. Đền Bãi Chè thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (thế kỷ XII) và hai công chúa Thiều Dung, Diên Bình.

Lễ hội của đền được tổ chức vào ngày 6/1 Âm lịch hằng năm, có quan hệ mật thiết với lễ hội đình Cù Vân. Lễ tắm tượng (mộc dục) được tổ chức tại đền Bãi Chè, sau đó tượng được rước sang đình để nhân dân làm lễ cúng tế.

Đền Bãi Chè đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xếp hạng là Di tích lịch sử cấp tỉnh tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 1/2/2008.

BÁI ĐÌNH

Nơi diễn ra trận đánh bọn lính khố xanh (8/1945). Vị trí di tích ở dốc Bái Đình thuộc làng Đình Cả, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Ngày 9/7/1945, được tin bọn lính khố xanh hành quân qua Bái Đình, đội tự vệ chiến đấu của làng đã huy động lực lượng khẩn cấp kết hợp với bộ đội Giải phóng quân đóng tại làng chặn đánh địch, diệt 1 tên. Khi phát xít Nhật huy động lực lượng đến ứng cứu, quân ta rút lui an toàn.

BÃI ĐU

Nơi thành lập Đại đoàn Quân tiên phong (Đại đoàn 308) - Đại đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam (28/8/1949). Vị trí di tích ở Bãi Đu, nay thuộc thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

BÃI PHÁO

Điểm rơi chiếc máy bay phản lực Mĩ bị quân dân Bắc Thái bắn cháy (1968). Vị trí di tích là đồi Bãi Pháo ở eo núi Na Sàng thuộc xóm Phú Thọ, xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Tên giặc lái nhảy dù xuống quả đồi cách nơi máy bay rơi không xa thuộc xóm Phú Thọ, đã bị các chiến sĩ Xưởng X9 phối hợp với dân quân xã Phú Đô bắt sống.

BAN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

Được thành lập theo Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 5/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ban Chỉ đạo công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư tỉnh Thái Nguyên là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, có đầy đủ tư cách pháp nhân, quy chế và hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lí về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chỉ đạo, điều hành, đôn đốc kiểm tra trong lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo có 2 phòng chuyên môn trực thuộc (phòng Nghiệp vụ và phòng Hành chính - Quản trị).

BAN DÂN TỘC

Được thành lập năm 2004; trụ sở đặt tại số 17 - Đường Đội Cấn, thành phố Thái Nguyên.

Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí Nhà nước về công tác dân tộc. Nhiệm vụ của Ban:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lí nhà nước của

Ban Dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ, chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tổ chức Đại hội các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu người dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, v.v...

BAN DÂN TỘC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Trụ sở tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên; Ban có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để khảo sát nắm tình hình chung trong lĩnh vực kinh tế, pháp chế, đặc biệt là việc thực hiện chính sách dân tộc và miền núi trên địa bàn phục vụ cho việc thẩm tra các báo cáo tại kỳ họp; tham mưu giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trực tiếp tham gia vào các hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên theo kế hoạch hoặc các hoạt động khác của Hội đồng nhân dân tỉnh; khảo sát, giám sát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các địa phương, đơn vị trong tỉnh.

BAN DÂN VẬN TỈNH UỶ

Được thành lập quý I năm 1948, gồm 3 tiểu ban (Phụ vận, Công vận, Thanh vận), do đồng chí Trần Quốc Trung - Quyền Bí thư Tỉnh ủy phụ trách với 3 cán bộ thường trực, trong đó có 2 đồng chí Tỉnh ủy viên và 1 cán bộ. Tiểu ban Công vận có 2 cán bộ, Tiểu ban Phụ vận có 5 cán bộ và Tiểu ban Thanh vận có 2 cán bộ.

Trong suốt quá trình hoạt động, Ban Dân vận Tỉnh ủy nhiều lần thay đổi tên, bổ sung, chuyển đổi chức năng nhiệm vụ. Năm 1950, Ban Dân vận có thêm Tiểu ban Nông vận. Sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc (1954), công tác dân vận gộp lại thành Khối Dân vận tỉnh, do đồng chí Bí

thư Tỉnh ủy trực tiếp phụ trách, gồm Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ tỉnh và Ban Công tác nông thôn. Từ tháng 10/1961, chuyển thành Ban Mặt trận Tỉnh ủy do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng ban. Năm 1978, đổi thành Ban Dân vận và Mặt trận Tỉnh ủy; đến tháng 2/1989, tách Ban Dân vận và Mặt trận thành 2 cơ quan độc lập: Ban Dân vận - Dân tộc (gọi tắt là Ban Dân vận) và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Dù thay đổi tên gọi, thêm, bớt chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp với từng thời kỳ cách mạng, nhưng nhiệm vụ chung, bao trùm, xuyên suốt hơn 60 năm từ ngày thành lập, Ban Dân vận vẫn luôn là cơ quan trực thuộc và tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác dân vận và dân tộc.

Năm 2010, Ban Dân vận Tỉnh ủy có 1 Trưởng ban là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 3 Phó Trưởng ban, 4 phòng chức năng: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Tôn giáo - Dân tộc, Phòng Công tác đoàn thể và Phòng Công tác dân vận chính quyền, với tổng số 17 cán bộ, công chức.

BAN ĐẠI DIỆN HỘI NGƯỜI CAO TUỔI

Tiền thân là Ban Công tác Người cao tuổi tỉnh Thái Nguyên được thành lập ngày 14/3/1998 theo Quyết định số 587/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Ngày 29/7/2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 858/QĐ-TU về việc kiện toàn Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh gồm 11 thành viên. Trụ sở đặt tại số 14 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ban Đại diện có nhiệm vụ: Tập hợp, động viên người cao tuổi tham gia sinh hoạt Hội Người cao tuổi, góp phần thực hiện các chương trình kinh tế - văn hoá - xã hội; Giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi theo quy định của pháp luật; Phản ánh tâm tư, nguyện vọng của người cao tuổi với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền...

BAN KINH TẾ VÀ NGÂN SÁCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Trụ sở tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ban có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho các kì họp của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng việc phối hợp với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành các cuộc khảo sát, giám sát hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc về việc thực hiện các quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế và ngân sách; thông qua khảo sát, giám sát, đưa ra các kiến nghị, đề xuất các giải pháp bảo đảm cho các hoạt động kinh tế, ngân sách trên địa bàn đúng quy định, đạt hiệu quả cao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

BAN NỘI CHÍNH TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Được thành lập tháng 12/1994, gồm 1 Trưởng ban là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 1 Phó Trưởng ban Thường trực và 3 cán bộ. Ban Nội chính Tỉnh ủy có chức năng theo dõi, tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo hoạt động của 8 ngành trong khối Nội chính là Quân sự, Công an, Kiểm sát, Toà án, Thanh tra, Tư pháp, Kiểm lâm và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (phần việc về Cải cách hành chính). Năm 2000, Ban Nội chính giải thể.

Ban Nội chính Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy - trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. Ban Nội chính có nhiệm vụ: Nghiên cứu, đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp tham mưu; đề xuất xây dựng chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng; chủ trì hoặc phối hợp tham mưu, đề xuất cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng đối với Đảng bộ tỉnh; chủ trì xây dựng các đề án về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định; chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương về hoạt động của các cơ quan Nội chính ở địa phương (Tòa án, Kiểm sát, Tư pháp, Thanh tra, Công an, Quân sự, Hải quan, Hội Luật gia...); chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy

cho chủ trương, định hướng xử lí một số vụ việc, vụ án theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước...

BAN PHÁP CHẾ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Trụ sở tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ban có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho các kì họp của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng việc phối hợp với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành các cuộc khảo sát, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực pháp chế. Thông qua khảo sát, giám sát, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm củng cố, xây dựng hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả của việc thực thi pháp luật trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

BAN QUẢN LÍ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Được thành lập ngày 20/11/2000, theo Quyết định số 130/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trụ sở đặt tại Km 19, Quốc lộ 3 Thái Nguyên - Hà Nội, thuộc xã Tân Quang, thị xã Sông Công.

Đây là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; quản lí và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Bộ máy tổ chức của Ban gồm: Văn phòng Ban, các phòng: Quản lí đầu tư và doanh nghiệp, Quản lí quy hoạch và môi trường, Quản lí lao động. Hai đơn vị trực thuộc: Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thái Nguyên và Trung tâm giới thiệu việc làm khu công nghiệp.

Ban Quản lí các khu công nghiệp đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2010).

BAN QUẢN LÍ KHU DI TÍCH LỊCH SỬ - SINH THÁI ATK ĐỊNH HOÁ

Trụ sở tại đèo De, xã Phú Đình, huyện Định Hoá.

Được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ/UBND ngày 5/1/2010 trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lí di tích và danh thắng Thái Nguyên

thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Cơ cấu tổ chức gồm Lãnh đạo (1Trưởng ban và 2 Phó Trưởng ban); các phòng chuyên môn, nghiệp vụ (Phòng Hành chính - Tổng Hợp, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Nghiệp vụ quản lí di tích, Phòng Thông tin tư liệu ATK Định Hóa, Văn phòng đại diện tại Thái Nguyên) và Trung tâm dịch vụ - đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng hoạt động theo quy định của Pháp luật.

Ban có nhiệm vụ: Bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị các di tích lịch sử và hệ sinh thái, rừng cảnh quan phục vụ phát triển kinh tế và du lịch vùng ATK Định Hóa; phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện việc tuyên truyền, quảng bá giới thiệu lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị lịch sử vùng ATK Định Hóa; thực hiện việc huy động, tiếp nhận các nguồn lực xã hội để phục vụ công tác tu bổ, tôn tạo Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hoá; phục vụ, hướng dẫn du khách về tham quan các di tích lịch sử và dâng hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại ATK Định Hóa; tổ chức các hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của du khách đến tham quan ATK Định Hóa; tổ chức thực hiện các dự án phục hồi, tôn tạo di tích và sinh thái trên cơ sở quy hoạch tổng thể và chi tiết được phê duyệt; phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan lập kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng, tôn tạo các công trình trong Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hoá...

BAN QUẢN LÍ KHU DU LỊCH VÙNG HỒ NÚI CỐC

Được thành lập theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở tại xóm Tân Lập, xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

Là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban có nhiệm vụ: Công khai quy hoạch tổng thể, quy hoạch cụ thể phát triển khu du lịch, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lí quy hoạch; Theo dõi quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Phát hiện, đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền các dự án đầu tư không đúng với quy hoạch hoặc có tác động tiêu cực đến cảnh quan môi trường; Quản lí hoạt động

kinh doanh du lịch, dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành đối với mỗi ngành nghề kinh doanh; Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở kinh doanh du lịch và của các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác; Bảo vệ, tôn tạo tài nguyên và môi trường du lịch; Bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh, an toàn trong khu du lịch; Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an toàn cho khách du lịch, v.v...

Bộ máy tổ chức gồm có 3 phòng chức năng: Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch và Nghiệp vụ du lịch, Quản lí quy hoạch và đầu tư.

BAN QUẢN LÍ RỪNG ATK ĐỊNH HÓA

Được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 13/1/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị: Hạt Kiểm lâm Định Hóa, Ban Quản lí khu rừng cảnh quan ATK Định Hóa và Ban Quản lí rừng phòng hộ Định Hóa. Trụ sở đặt tại xóm Dốc Châu, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Ban Quản lí rừng ATK Định Hóa có 36 cán bộ, nhân viên; biên chế gồm Lãnh đạo Ban (1 Trưởng ban, 2 Phó Trưởng ban), 2 phòng (Hành chính và Kế hoạch), 3 Trạm Quản lí rừng (Trạm số 1, Trạm số 2, Trạm số 3). Ban có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lí nhà nước về quản lí, bảo vệ rừng và quản lí lâm sản, trực tiếp quản lí diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được giao với tư cách là chủ rừng; là chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển và sử dụng tài nguyên rừng theo quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện.

BAN TỔ CHỨC TỈNH UỶ

Được thành lập quý I năm 1948, lúc đầu là một ban ghép gồm Tổ chức và Kiểm tra (gọi là Ban Tổ - Kiểm), có 4 cán bộ, do một đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban.

Nhiệm vụ của tổ chức lúc này là tham mưu cho Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng và phát triển đội ngũ đảng viên.

Sau một năm xây dựng, củng cố và phát triển, quý I năm 1949, Ban Tổ chức - Kiểm tra tách thành 2 ban riêng biệt Ban Đảng vụ và Ban Kiểm tra. Ban Đảng vụ làm nhiệm vụ tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác tổ chức, xây dựng Đảng. Ban Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đảng.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1951), Ban Đảng vụ đổi tên thành Ban Tổ chức. Tính đến năm 2010, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có 27 cán bộ, công chức.

Trải qua 62 năm xây dựng và phát triển (1948 - 2010), Ban Tổ chức đã tham mưu về công tác tổ chức xây dựng Đảng bộ cho Tỉnh ủy qua 15 kì đại hội, góp phần đắc lực xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng bộ Thái Nguyên ngày càng trưởng thành, đáp ứng yêu cầu về công tác cán bộ của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì*, 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH UỶ

Được thành lập quý I năm 1948 với tên gọi Ban Tuyên huấn; là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Đầu năm 1949, Ban Tuyên huấn được tách thành 2 ban: Ban Tuyên truyền và Ban Huấn học. Tháng 4/1951, hai ban Tuyên truyền và Huấn Học lại được nhập thành Ban Tuyên huấn. Ngày 2/8/1960, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TU, thành lập Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thay cho Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy. Tháng 7/1965, Tỉnh ủy Bắc Thái được thành lập, Ban Tuyên giáo tỉnh Bắc Thái ra đời trên cơ sở sáp nhập 2 ban Tuyên giáo của 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn. Cuối năm 1987, Tổ Lịch sử Đảng sáp nhập vào Ban Tuyên giáo. Từ thời điểm này, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có 4 mảng nhiệm vụ chuyên môn: Tuyên truyền, Huấn học, Khoa giáo và Lịch sử Đảng.

Đến năm 2010, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên có 1 Trưởng ban là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 3 Phó Trưởng ban, 6 phòng chuyên môn (Tuyên Truyền, Thông tin công tác Tuyên giáo, Giáo dục Lý luận chính trị, Khoa giáo, Lịch sử Đảng, Văn hóa văn nghệ và Văn phòng Ban), với tổng số 27 cán bộ, công chức.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã được Chủ tịch nước tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì*, 1 *Huân Chương Lao động hạng Ba*, Cờ thi đua của Chính phủ.

BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Trụ sở tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ban có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho các kì họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; nghiên cứu, đề xuất, ban hành những nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực Văn hoá - Xã hội; phối hợp với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để khảo sát nắm tình hình chung trong lĩnh vực kinh tế, pháp chế và việc thực hiện chính sách dân tộc và miền núi trên địa bàn phục vụ cho việc thẩm tra các báo cáo tại kì họp; tham gia vào các hoạt động giám sát của Ủy ban các vấn đề xã hội và Ủy ban Văn hoá, giáo dục thanh, thiếu niên, nhi đồng của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên theo kế hoạch hoặc các hoạt động khác của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát việc triển khai thực hiện Luật, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và hoạt động của các ngành thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, lao động - thương binh - xã hội, bảo hiểm xã hội, dân số - gia đình và trẻ em.

BÀN CỜ

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Bàn Cờ thuộc địa phận xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ. Hệ thống kênh mương gồm có tuyến kênh chính dài 1.717 m; tuyến kênh nhánh dài 1.220 m.

BÀN CỜ

Hồ chứa nước nhân tạo, được khởi công xây dựng tháng 11/1990, trên một nhánh suối nhỏ; hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 12/1991. Toàn bộ lưu vực hồ nằm trong xã Linh sơn, huyện Đồng Hỷ.

Đập chính bằng đất đồng chất cao 16,5 m, dài 60 m, đỉnh đập rộng 4m. Diện tích mặt nước 5 ha; dung tích chứa nước 230.000m^3. Diện tích lưu vực: 0,5km^2; độ dốc bình quân lòng suối: 27%. Chiều rộng lưu vực: 320 m.

Hồ Bàn Cờ không chỉ có nhiệm vụ cung cấp nước cho 30 ha lúa cấy 2 vụ (theo thiết kế là 35 ha), 10 ha rau màu vụ đông, 3 ha mạ vụ xuân kết hợp với chăn nuôi thả cá thuộc các xóm: Ao Lang, Thanh Chử, Tân Lập và Cây Sơn, mà còn có tác dụng điều hoà độ ẩm, tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

BÀN CỜ

Nơi công bố ngày Thương binh liệt sĩ toàn quốc (27/7/1947). Vị trí di tích nằm ở xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Từ năm 1947, chiến sự diễn ác liệt ra trên khắp các chiến trường. Số người bị thương và hi sinh trong chiến đấu ngày càng nhiều. Thương binh, liệt sĩ trở thành vấn đề lớn đòi hỏi sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày trong năm làm *Ngày thương binh* để *"Đồng bào có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa và yêu mến thương binh"*.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bác, đầu tháng 7/1947, Ban vận động tổ chức ngày thương binh toàn quốc được thành lập gồm 20 người của các cơ quan, ban ngành Trung ương. Tại hội nghị trù bị, Ban vận động... quyết định lấy ngày 27/7/1947 làm Ngày *Toàn dân giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ*, gọi tắt là *Ngày Thương binh liệt sĩ*.

Ngày 27/7/1947, tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ đã diễn ra lễ công bố *Ngày Thương binh liệt sĩ*. Từ đó, ngày 27/7 hằng năm trở thành *Ngày Thương binh liệt sĩ* trong cả nước.

Di tích được xếp hạng Di tích lịch sử Quốc gia năm 1997.

BÀN CỜ

Nơi đặt Xưởng Quân giới thuộc Cục Quân giới (1950 - 1951) và 9 kho mìn của Khu Công nghiệp Gang thép (1964 - 1966). Vị trí di tích ở khu Bàn Cờ nằm trong thung lũng chân núi Na Khon thuộc địa bàn xóm Thanh Chử, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ. Xung quanh là đồi, núi; cây cối rất rậm rạp.

Trong những năm 1950 - 1951, Xưởng Quân giới thuộc Cục Quân giới chuyển đến đóng và làm việc (công việc chính là tháo bom và lắp lựu đạn). Trong những năm 1964 - 1966, Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên đã chuyển 9 kho mìn tới khu Bàn Cờ.

BÀN ĐẠT

Chùa, được xây dựng khoảng năm 1831 trên một quả đồi cao, nằm ở giữa xóm Trung Đình, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình.

Trước đây, chùa có 3 gian 2 chái, có cổng tam quan. Năm 1950, một phần chùa bị lính Pháp phá huỷ; năm 1991 chùa được phục dựng lại

phần bị hư hại; kết cấu bộ vì kèo theo lối "chồng giường, quá giang", mái lợp ngói, tường bao quanh bằng gạch.

Chùa Bàn Đạt hiện còn lưu giữ được một số hiện vật có giá trị lịch sử văn hoá như: cây hương đá cổ *Thiên đài thạch trụ*, bia đá, một số cột đá, một chuông cổ, một mõ cổ, một số đài bằng đồng, 14 pho tượng cổ, một đài cửu long và một số đồ thờ có giá trị khác...

Chùa Bàn Đạt được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2053/QĐ-UBND, ngày 26/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

BÀN ĐẠT

Đình, được dựng khoảng năm 1831 ở xóm Trung Đình, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình; là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế Kỷ XII).

Trước đình Bàn Đạt là một khoảng sân rộng khoảng 50m, ở chính giữa có một ban thờ, thờ thổ công thổ địa. Ban thờ được trang trí "lưỡng long chầu nhật", 2 góc đắp nổi hai con rồng. Bên phải sân là nhà sắp lễ. Đình Bàn Đạt gồm 5 gian 2 chái, tường hồi bít đốc. Tiền đường gồm 5 gian lớn, bộ khung bằng gỗ, mái lợp ngói không có đao. Bàn thờ nằm chính gian thờ thành hoàng làng, hai bên được trang trí hình "Lưỡng long chầu nguyệt".

Đình Bàn Đạt được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

BÀN ĐẠT

Xã miền núi nằm ở khu vực Đông Bắc huyện Phú Bình; phía bắc và đông bắc giáp xã Nam Hoà, Tân Lợi, phía đông giáp xã Tân Khánh, phía tây giáp xã Đồng Liên, phía nam giáp xã Đào Xá. Diện tích tự nhiên 1714.51 ha. Dân số là 5.771 người (2009), thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 12 xóm: Càu Mành, Việt Long, Đồng Quan, Đồng Vĩ, Na Chăng, Đá Bạc, Bờ Tấc, Phú Lợi, Bàn Đạt, Tân Minh, Trung Đình, Bãi Phẳng.

Nguồn sống chính của người dân xã là từ sản xuất nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi.

BẢN CÁI

Chùa, được dựng năm Gia Long thứ 10 (1811) ở chân đồi Thẩm Bửa thuộc xóm Bản Cái, xã Thanh Định, huyện Định Hoá. Chùa có kiến trúc

chữ NHẤT, 42 cột bằng gỗ dổi, mái lợp lá cọ. Trong chùa đặt 6 pho tượng: Tam thế, Nam Tào, Bắc Đẩu, Quan Âm, Thích Ca, 1 ông thổ công làm bằng gỗ mít. Chùa chung lễ hội với đình Bản Cái 6 năm làm hội hát ổi (như hát ca trù ở dưới xuôi).

Chùa Bản Cái đã bị phá huỷ từ lâu; hiện chỉ còn nền và một tấm bia cao 1 m, rộng 50 cm, khắc 700 chữ Hán Nôm cả hai mặt bia *Linh Tiên tự thạch bi kí* (bài kí ghi việc hưng công tu sửa chùa Linh Tiên), nội dung luận về đạo Phật và ghi tên những người công đức dựng chùa. Bia được bảo quản tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Định.

BẢN CÁI

Đình, được dựng từ đầu thế kỷ XIX tại chân đồi Thẩm Bửa thuộc xóm Bản Cái, xã Thanh Định, huyện Định Hoá. Đình là nơi thờ núi Khau Nhùng (núi có đỉnh cao nhất trên địa bàn xã). Vào dịp Tết Nguyên đán hằng năm, tại đình Bản Cái, nhân dân xã Thanh Định thường tổ chức các nghi lễ cúng thần cầu lộc, cầu tài, cầu cho mưa thuận, gió hoà kết hợp với vui xuân. Đình Bản Cái là nơi ngày 27/3/1945, đồng bào Thanh Định họp mít tinh hưởng ứng khởi nghĩa giành chính quyền. Tại cuộc mít tinh này, thay mặt Việt Minh xã, ông Ma Đình Ý tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai địch, tịch thu toàn bộ giấy tờ và con dấu của bọn hào lí trong xã.

BẢN CÁI

Nơi đặt trụ sở Cơ quan Cục Dân quân (1947 - 1950). Vị trí di tích ở xóm Bản Cái thuộc xã Ôn Lương, huyện Phú Lương. Tại đây, tháng 5/1949 đã diễn ra Hội nghị dân quân toàn quốc. Đại tướng Tổng Tư lệnh - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp và Cục trưởng Cục Dân quân Lê Liêm đến dự Hội nghị. Năm 1950, cơ quan Cục Dân quân di chuyển đi địa phương khác.

Hiện nay, toàn bộ nhà cửa của cơ quan Cục Dân quân ở Bản Cái đã hư hỏng, chỉ còn lại ngôi nhà Cục trưởng Lê Liêm từng ở và làm việc.

BẢN CÁI

Sông, một phụ lưu của sông Chợ Chu bắt nguồn từ Bản Cái, xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá. Dòng sông được tạo thành bởi suối Khuổi Tát bắt nguồn từ vùng núi Kà Pụt (xã Linh Thông), chảy dọc xã Linh Thông theo hướng bắc - nam xuống khu vực Bản Cái của xã Lam Vỹ. Từ Bản Cái, suối

Khuổi Tát mở rộng dòng chảy thành một sông nhỏ (sông Văn La); sau đó tiếp tục chảy dọc xã Lam Vỹ qua các khu vực làng Quyên, Bản Ho (xã Lam Vỹ), xuống xóm Đồng Tốc (xã Tân Thịnh) hợp lưu với một con suối khác bắt nguồn từ vùng núi Keo Phụt, Đèo Phụt (đông bắc xã Tân Thịnh), tạo thành sông Bản Cái. Từ Đồng Tốc, sông Bản Cái chảy xuống Đồng Màn nhập vào sông Chợ Chu.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), suối Khuổi Tát, sông Văn La, sông Bản Cái đều chảy qua các xã trong vùng ATK Trung ương, là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các cơ quan và quân đội đóng trên địa bàn.

BẢN ÉN

Đình, được dựng đầu thế kỷ XIX tại làng Trung Khảm, tổng Định Biên Thượng, châu Định Hoá (nay là xóm Bình Định, xã Trung Lương, huyện Định Hoá). Khung đình bằng gỗ, mái lợp lá cọ, ở giữa đình có bắc sàn. Đình là nơi thờ Thành hoàng Linh Sơn và Khâu Quảng.

Đình Bản Én là nơi đã diễn ra cuộc mít tinh chiều ngày 27/3/1945, hàng ngàn người dân các xã Trung Khảm, Lương Can, Bộc Nhiêu, Sơn Đầu, Quảng Nạp hưởng ứng khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của thực dân Pháp. Tại cuộc mít tinh này, Châu đoàn Lương Đình Nghiêm đã phải giao nộp vũ khí cho cách mạng.

Ngày nay ngôi đình này không còn.

BẢN ENG

Nơi tổ chức Lớp Quân chính kháng Nhật nhằm bồi dưỡng cán bộ để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Vị trí di tích ở xóm Bản Eng thuộc xã Phủ Lý, huyện Phú Lương. Lớp học do các ông Nguyễn Văn Rạng và Lê Đình Nhậm phụ trách, tổ chức tại nhà ông Lưu Văn Chà; thời gian từ ngày 13/7 đến 28/7/1945. Khoảng hơn 20 học viên của lớp đã được tập huấn về quân sự và chính trị để chuẩn bị công tác khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong quá trình học tập, lớp quân chính kháng Nhật đã tổ chức bao vây đồn Đu. Tên chủ đồn và binh lính phải tháo chạy, bỏ lại nhiều trang bị, vũ khí.

BẢN LÁC

Nơi tổ chức Hội nghị đại biểu các xã, thị trấn trên địa bàn (18/4/1945) để bầu Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời châu Định Hoá. Vị trí di tích ở Bản Lác thuộc xã Phượng Vỹ Hạ (sau đổi thành xã An Lạc), huyện Định Hoá.

Hội nghị do đồng chí Lê Giản - đại diện của Tổng bộ Việt Minh, triệu tập gồm 130 đại biểu, thay mặt cho hơn 15.000 đồng bào các dân tộc ở 30 xã trên địa bàn. Hội nghị nhất trí bầu các ông: Ma Đình Tương, Ma Văn Tiến, Hoàng Ngọc Đỉnh, Nguyễn Văn Sạch và Trần Văn Phú vào Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời châu Định Hoá, do ông Ma Đình Tương làm Chủ tịch.

BẢN NÁ

Mỏ vàng sa khoáng, nằm trên địa bàn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 33 ha, trữ lượng khảo sát 1.021.679 m^3 quặng nguyên khai, công suất thiết kế 320.000 m^3 quặng nguyên khai/năm. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long được khai thác mỏ trong thời hạn 7 năm theo Giấy phép số 3068/GP-UBND, ngày 4/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

BẢN NGOẠI

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

Bản Ngoại là xã miền núi ở khu vực phía Bắc huyện Đại Từ, cách thị trấn huyện lị 5 km, phía bắc giáp xã Phú Lạc, phía tây bắc giáp xã Phú Thịnh, phía tây giáp các xã La Bằng, Hoàng Nông, phía đông nam giáp xã Tiên Hội.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bản Ngoại có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).*

BẢN NGOẠI

Hệ thống kênh mương dẫn nước, nằm trên địa bàn xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai

thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác. Đây là hệ thống kênh cấp I, dài 2500 m cung cấp nước vào hệ thống kênh mương cấp II , cấp III, cung cấp nước cho trên 500 ha đất canh tác (3 vụ) của nhân dân 14 xóm trong xã.

BẢN NGOẠI

Xã miền núi ở phía Bắc huyện Đại Từ, cách thị trấn huyện lị 5 km; phía bắc giáp xã Phú Lạc, phía tây bắc giáp xã Phú Thịnh, phía tây giáp xã La Bằng, Hoàng Nông, phía đông nam giáp xã Tiên Hội. Quốc lộ 37 chạy qua giữa xã, sông Công chảy dọc sườn phía Đông xã. Diện tích tự nhiên 12,44 km², dân số (năm 2009) 6.936 người (3.417 nam, 3.519 nữ), thuộc 12 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Sán Chay, Sán Dìu, Dao, Mường, Mông, Hoa, Thái, Ngái, Giáy. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí* cuối thế kỷ XIX, Bản Ngoại là một trong ba xã (Phú Minh Thượng, Phú Minh Hạ, Bản Ngoại) của tổng Phú Minh Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Bản Ngoại là 1 trong 5 làng (Bản Ngoại, Khâu Giáo, Phú Lạc Hạ, Phú Lạc Thượng, Tân Phú) của tổng Phú Lạc, huyện Đại Từ. Năm 1932, theo tài liệu của Êsina (Echinard) - Công sứ tỉnh Thái Nguyên, Bản Ngoại là 1 trong 4 làng (Phú Lạc Thượng, Phú Lạc Hạ, Bản Ngoại và Khâu Giáo) của tổng Phú Lạc. Cách mạng Tháng Tám thành công, làng Bản Ngoại thành xã Bản Ngoại; đến năm 1947, lại trở thành 1 làng trong xã Vinh Hòa. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia các xã lớn thành các xã nhỏ, xã Vinh Hoà chia thành 3 xã: Vinh Quang, Phú Thịnh, Hùng Cường. Năm 1967, xã Hùng Cường lấy lại tên cũ là xã Bản Ngoại.

Hiện nay, xã Bản Ngoại có 19 xóm: Ba Giăng, Lê Lợi, Quang Trung, Khâu Giáo 1, Khâu Giáo 2, Đầm Mua, Khâu Giang, Phú Hạ, Vai Cày, Đồng Ngõ, Ninh Giang, Rừng Vần, Rừng Lâm, Đồng Ninh, Phố, Cao Khăng, Đầm Bàng, La Mận, La Dạ. Nhân dân xã Bản Ngoại chủ yếu sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè.

Là xã An toàn khu trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Bản Ngoại có nhiều điểm di tích lịch sử: đình Ninh Giang, đền Cao Khản (đền bờ sông), dốc Vai Cày. Đặc biệt, điểm di tích đồi Thành Trúc, xóm Đồng Mua là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương ở và làm

việc từ đầu tháng 8 đến ngày 12/10/1954 đã được xếp hạng di tích Quốc gia năm 2006. Thành tích đặc biệt xuất sắc của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Bản Ngoại đã được Đảng và Nhà Nước ghi nhận, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp*. Mẹ Nguyễn Thị Năm có 3 con là liệt sĩ, được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

BẢN PIỀNG

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng tháng 4/1983, trên suối Noòng (còn gọi là suối Bản Piềng), thuộc địa bàn xã Thanh Định, huyện Định Hoá; hoàn thành tháng 1/1986.

Đập chính là đập đất đồng chất, cao trình đỉnh đập dương 173,7 m, cao 16,7 m, dài 46 m, chiều rộng đỉnh đập 3 m, mái thượng lưu m1 là 2,75 m, mái hạ lưu 2,2 m, cống lấy nước bằng bê tông cốt thép max 200, ϕ 60, chảy không áp, cao trình đáy cống thượng lưu dương 160,75m, cao trình đáy cống hạ lưu dương 160,7 m, chiều dài 60 m, lưu lượng thiết kế Q_{TK} 80 l/s, cống lấy nước kiểu bậc thang có đường kính lỗ tháo nước 0,2m, khoảng cách bậc 1m, tràn xả lũ có hình thức tràn tự nhiên, không có cửa van, cao trình ngưỡng tràn dương 171,5 m, chiều rộng ngưỡng tràn 10,2 m, cột nước tràn thiết kế 1,2 m, lưu lượng tràn 35,4 m^3/s. Hệ thống kênh mương, gồm hai tuyến: tuyến kênh chính (kênh đất) dài 1,3km, chưa kiên cố; tuyến kênh nhánh dài 5,31 km (chưa thi công hoàn chỉnh).

Hồ Bản Piềng là 1 trong 4 công trình phòng lũ quan trọng của huyện Định Hóa, cung cấp nước tưới cho 60 ha lúa cấy 2 vụ, trong đó có 25 ha khai hoang, phục hóa của hai xã Thanh Định và Bình Yên và tạo điều kiện cho địa phương kết hợp chăn nuôi thả cá.

BẢN QUYÊN

Nơi ở và làm việc của Trung ương Đoàn Phụ nữ Cứu quốc (1949 - 1950). Vị trí di tích ở xóm Bản Quyên thuộc xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa.

Trong thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Bản Quyên cũng là nơi ở và làm việc của đồng chí Hoàng Văn Thái - Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia và Dân quân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã tới thăm và nói chuyện với Ban Chấp hành và Cơ quan Trung ương Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tại Bản Quyên.

BẢN RÃI

Suối, có nhiều nhánh, lấy nước nguồn từ Tân Hoà (huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn), Liêm Thuỷ (huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn) và Tân Tri (huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn) chảy trên địa phận xã Nghinh Tường (huyện Võ Nhai) qua các xóm Thượng Lương, Hạ Lương, Bản Rãi, vòng về Nà Châu, Na Hấu... rồi nhập vào sông Nghinh Tường. Suối Bản Rãi cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân xã Nghinh Tường và bổ sung nước cho sông Nghinh Tường.

BAO THAI ĐỊNH HÓA

Gạo đặc sản - sản phẩm của giống lúa bao thai lùn sản xuất ở các xã Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phúc Chu, Phượng Tiến, Định Biên và Kim Phượng thuộc huyện Định Hóa.

Năm 2007, *Gạo Bao thai Định Hoá* được Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên, Công ty Sở hữu trí tuệ Invenco cấp *Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể*. Nhãn hiệu có hiệu lực trong 10 năm. Các sản phẩm mì sợi, bánh đa, bánh phở, bánh cuốn...được chế biến từ gạo bao thai Định Hóa có hương vị riêng rất đặc biệt.

Ban Chỉ đạo sản xuất nông - lâm nghiệp của huyện đã chỉ đạo tiếp tục ổn định và phát triển vùng sản xuất giống bao thai cấp 1 tại 6 xã: Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phúc Chu, Phượng Tiến, Định Biên và Kim Phượng. Xây dựng bản đồ quy hoạch vùng sản xuất tập trung với tổng diện tích 1.000 ha tại 16 xã có đủ điều kiện đáp ứng được yêu cầu của đề án như: Có chất đất phù hợp với diện tích quy hoạch mỗi xã trên 20 ha, chủ động trong tưới tiêu, giao thông đi lại thuận lợi.

BẢO ĐOÀN QUỐC (Đã mất)

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Hiệp Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, nguyên giảng viên Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1967, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được phân công công tác tại Phòng Bổ túc văn hoá - Sở Giáo dục Khu Tự trị Việt Bắc; sau đó chuyển sang Phòng Phổ thông, phụ trách môn Toán.

Sau ngày giải thể Khu Tự trị Việt Bắc, Trường Trung cấp Sư phạm Việt Bắc được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm; ông được phân công về Trường làm công tác giảng dạy.

Nhà giáo Đặng Quốc Bảo đã được trao tặng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ*; được phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1990.

BẢO BIÊN

Nơi đặt trụ sở cơ quan Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam trong những năm 1949 - 1952. Vị trí di tích nằm ở thôn Bảo Biên, xã Bảo Linh, huyện Định Hóa. Di tích gồm 2 điểm chính: Nơi ở và làm việc của Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp và Văn phòng Quân ủy tại đồi Đỏn My (đồi mít); Văn phòng Bộ Tổng tư lệnh ở đồi Khau Cuổi.

Di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 43/1999-Đ/BVHTT ngày 12/7/1999).

BẢO CƯỜNG

Xã miền núi nằm ở khu vực trung tâm huyện Định Hóa; phía bắc giáp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, phía nam giáp xã Trung Hội, phía đông giáp xã Phượng Tiến, phía tây giáp xã Đồng Thịnh. Tổng diện tích tự nhiên 9,92 km², gồm diện tích đất nông nghiệp 853,24 ha, đất phi nông nghiệp 83,2 ha, đất chưa sử dụng 55,76 ha.

Hiện nay, xã Bảo Cường gồm 16 xóm: Làng Mạ, Thanh Cường, Là Lai, Bài Hội, Bãi Lềnh, Cắm Xưởng, Cốc Lùng, Nà Linh, Đồng Màn, Tân Thành, Làng Mới, Khấu Bảo, Thâm Tý, Đồng Tủm, Làng Chùa 1, Làng Chùa 2. Dân số 3.788 người (2009), thuộc 9 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Hoa, Sán Chay, Dao, Mường, Thái, Mông.

Trên địa bàn xã có Di tích lịch sử Chùa Hang, nơi ở và làm việc 7 ngày của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi đi Chiến dịch Biên giới năm 1950 trở về ATK Định Hóa. Chùa Hang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ra Quyết định số 181/QĐ-UB, ngày 31/3/1994 xếp hạng Di tích lịch sử cấp Tỉnh.

BẢO CƯỜNG

Xã trong kháng chiến chống Pháp thuộc huyện Định Hoá; gồm địa phận 2 xã Phúc Chu và Bảo Cường của huyện Định Hoá sau thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954).

Về vị trí địa lí, xã Bảo Cường nằm ở vùng Trung tâm huyện Định Hoá; phía đông giáp xã Phượng Tiến (nay là các xã Phượng Tiến, Tân Dương), phía tây và phía nam giáp xã Bình Trung (nay là các xã Bảo Linh, Đồng Thịnh, Định Biên), phía bắc giáp xã An Lạc (nay là các xã Kim Phượng, Kim Sơn, Quy Kỳ, Linh Thông).

Diện tích tự nhiên 27,15 km²; dân số 2.837 người, gồm 4 thành phần dân tộc: Tày 49,98%, Kinh 31,26%, Hoa 16,10%, Mông 2,64%. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Bảo Cường tách thành 2 xã Bảo Cường, Phúc Chu. Tháng 11/1958, xã Phúc Chu được tách tiếp thành xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu. Theo đó, địa giới xã Bảo Cường thuộc huyện Định Hoá trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là địa bàn các xã Bảo Cường, Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu ngày nay.

BẢO HIỂM AAA THÁI NGUYÊN

Chi nhánh Công ty cổ phần, được thành lập năm 2008. Trụ sở đặt tại số 376 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Chi nhánh kinh doanh các loại hình: Bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm con người và một số bảo hiểm khác.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA Thái Nguyên thuộc Công ty Bảo hiểm AAA thâm nhập vào thị trường Bảo hiểm Việt Nam từ tháng 11/2005 và đã thiết lập được mạng lưới rộng khắp 63 tỉnh thành trong cả nước bao gồm 105 chi nhánh, trung tâm văn phòng giao dịch. Công ty có một cổ đông chiến lược là Tập đoàn Bảo hiểm IAG, một tập đoàn có quy mô hoạt động rộng lớn trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 19/7/1995. Trụ sở đặt tại phố Đình, thị trấn Đại Từ. Năm 2003, Bảo hiểm y tế chuyển vào Bảo hiểm xã hội huyện.

Là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp; quản lí thu, chi Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn huyện theo phân cấp quản lí của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội huyện Đại Từ chịu sự quản lí trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lí hành chính Nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện.

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN ĐỊNH HÓA

Trụ sở đặt tại xóm Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; được thành lập theo Quyết định số 621/QĐ-BHXH ngày 18/9/1997 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Bảo hiểm xã hội huyện Định Hóa là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quản lí thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện theo phân cấp quản lí của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội huyện Định Hóa chịu sự quản lí trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lí hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa.

Bảo hiểm xã hội huyện Định Hóa có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn và chương trình công tác hằng năm; tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình sau khi được Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh phê duyệt. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội tỉnh. Kiểm tra, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các tổ chức, cá nhân tham gia và các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật...

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập năm 1995. Trụ sở đặt tại số 137A, tổ 16, thị trấn Chùa Hang. Là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (gọi chung là bảo hiểm xã hội), bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm y tế tự nguyện (gọi chung là bảo hiểm y tế); quản lí quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật.

Là cơ quan chịu sự quản lí trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lí hành chính Nhà nước Ủy ban nhân dân huyện, Bảo hiểm xã hội huyện Đồng Hỷ có nhiệm vụ: Xây dựng, trình Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn và chương trình công tác hằng năm; tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tổ chức cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho những người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v..

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập ngày 27/7/1995. Trụ sở đặt tại tổ 2, thị trấn Hương Sơn. Là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (gọi chung là bảo hiểm xã hội), bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm y tế tự nguyện (gọi chung là bảo hiểm y tế); quản lí quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật.

Là cơ quan chịu sự quản lí trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lí hành chính Nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện, Bảo hiểm xã hội huyện Phú Bình có nhiệm vụ: Xây dựng, trình Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn và chương trình công tác hằng năm; tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tổ chức cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho những người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v...

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 14, ngày 19/7/1995 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/7/1995.

Trụ sở đặt tại Tiểu khu Thái An, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Bảo hiểm xã hội huyện Phú Lương là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực

hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quản lí thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện theo phân cấp quản lí của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội huyện Phú Lương chịu sự quản lí trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lí hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương.

Bảo hiểm xã hội huyện Phú Lương có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn và chương trình công tác hằng năm; tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình sau khi được Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh phê duyệt. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội tỉnh. Kiểm tra, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các tổ chức, cá nhân tham gia và các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật...

Cơ cấu tổ chức: Gồm có 5 bộ phận là: Một cửa - Thu - Chính sách - Kế toán - Sổ thẻ.

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 19/7/1995. Trụ sở đặt tại số 168, phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Đây là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (gọi chung là bảo hiểm xã hội), bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm y tế tự nguyện (gọi chung là bảo hiểm y tế); quản lí quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai có nhiệm vụ: Xây dựng, trình Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn và chương trình công tác hằng năm; tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tổ chức

cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho những người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v...

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 1/10/1997 theo Quyết định số 1621-BHXH/QĐ-TCCB ngày 18/9/1997 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trụ sở đặt tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Năm 2003, theo chủ trương chung, Bảo hiểm xã hội Thành phố sáp nhập thêm cơ quan Bảo hiểm y tế cùng cấp trên địa bàn.

Bảo hiểm xã hội thành phố Thái Nguyên là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quản lí thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn Thành phố theo phân cấp quản lí của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội thành phố Thái Nguyên chịu sự quản lí trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lí hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bảo hiểm xã hội thành phố Thái Nguyên đang quản lí 1.678 đơn vị tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp; trên 155.000 người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chi trả bảo hiểm xã hội hằng tháng (hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp) cho gần 450.000 lượt người.

Sau hơn 10 năm xây dựng và trưởng thành, cơ quan bảo hiểm xã hộiThành phố đã không ngừng phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng phục vụ góp phần tích cực đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Năm 2006, đơn vị được tặng Bằng khen; năm 2010 được tặng Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

BẢO HIỂM XÃ HỘI THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập tháng 9/1995. Trụ sở đặt tại phường Cải Đan.

Bảo hiểm xã hội thị xã Sông Công trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ thu chi và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp được phân cấp quản lí đóng trên địa bàn Thị xã với các chế độ: Ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp,

hưu trí, tử tuất, khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra còn tổ chức chi trả lương hưu và trợ cấp Bảo hiểm xã hội trên địa bàn Thị xã.

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN PHỔ YÊN

Được thành lập ngày 16/2/1995. Là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (gọi chung là bảo hiểm xã hội), bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm y tế tự nguyện (gọi chung là bảo hiểm y tế); quản lí quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội huyện Phổ Yên có nhiệm vụ: Xây dựng, trình Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn và chương trình công tác hằng năm; tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tổ chức cấp Thẻ Bảo hiểm y tế cho những người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v...

BẢO HIỂM BIDV (BIC) - CHI NHÁNH BIC THÁI NGUYÊN

Công ty, được thành lập ngày 22/8/2008. Trụ sở đặt tại Tầng 7, số 653, Đường Lương Ngọc Quyến, thuộc địa phận tổ 27, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên (cùng trụ sở với BIDV Thái Nguyên), hoạt động trên địa bàn 3 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn và Cao Bằng.

Là đơn vị thành viên của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập tập đoàn tài chính mang thương hiệu BIDV thông qua việc BIDV mua lại phần vốn góp của Công ty Bảo hiểm Quốc tế QBE (Auxtralia) trong liên doanh bảo hiểm Việt - Úc (Liên doanh giữa QBE và BIDV, bắt đầu hoạt động tại thị trường Việt Nam từ giữa năm 1999).

Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển là công ty bảo hiểm phi nhân thọ, có chức năng kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, và các hoạt động đầu tư.

BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở đặt tại số 17A, Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Cơ cấu tổ chức gồm: Ban Giám đốc, 10 phòng nghiệp vụ, 9 đơn vị trực thuộc (Bảo hiểm xã hội 9 huyện, thành phố, thị xã).

Là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, có chức năng tổ chức thực hiện, chế độ, chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ hướng dẫn và tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm, Bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức khai thác, đăng kí, quản lí các đối tượng tham gia và hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định; cấp sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng tham gia; tổ chức thu các khoản đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp của các tổ chức và cá nhân tham gia; tổ chức chi trả các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp; từ chối việc đóng hoặc chi trả các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp không đúng quy định; tổ chức ký hợp đồng, giám sát thực hiện hợp đồng với các cơ sở khám, chữa bệnh có đủ điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và giám sát việc cung cấp dịch vụ khắm chữa bệnh bảo vệ quyền lợi người có thẻ Bảo hiểm y tế và chống lạm dụng quỹ Bảo hiểm y tế; tổ chức kiểm tra, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo việc thực hiện chế độ, chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đối với các tổ chức và cá nhân...

BẢO VIỆT NHÂN THỌ THÁI NGUYÊN

Công ty, được thành lập năm 2001, trên cơ sở tách ra từ Công ty Bảo hiểm Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 66 - Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; là một doanh nghiệp, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo Việt nhân thọ thuộc Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

Đến năm 2010, Bảo Việt nhân thọ Thái Nguyên có hơn 450 cán bộ, tư vấn viên với 4 phòng nghiệp vụ và 19 ban, nhóm kinh doanh phủ kín các huyện, thành thị trong tỉnh.

Bảo Việt nhân thọ Thái Nguyên đã cung cấp hơn 50 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ đến với khách hàng. Các dòng sản phẩm như: An sinh giáo dục, An gia tài lộc, An phát hưng gia, An phát trọn đời... đã được đông đảo các đối tượng khách hàng tham gia.

BẢO LINH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Bảo Linh huyện Định Hóa nằm trong vùng Trung tâm An toàn khu (ATK) Trung Hoá ng; là nơi ở và làm việc của Quân ủy Trung ương - Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ Quốc phòng, Nhà máy Trần Phú, Cơ quan Quân nhu và Bộ Tổng Tham mưu. Trong thời kỳ 1949-1954, tại thôn Bảo Biên (Bảo Linh), Bộ Tổng Tham mưu đã vạch kế hoạch chỉ đạo các chiến dịch Trung du, Đường số 18, Hà Nam Ninh, Hoà Bình, Tây Bắc... Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã đã bảo vệ an toàn các cơ quan và các đồng chí lãnh đạo của Trung ương đóng trên địa bàn. Toàn xã có 60 gia đình đã nhường nhà cho bộ đội và các cơ quan ở và làm việc; đóng góp 5 tấn gạo, 12 tấn thóc, 2 tấn thực phẩm các loại cho các chiến dịch; ủng hộ hàng vạn tàu lá cọ, hàng ngàn cây các loại và hàng ngàn ngày công giúp các cơ quan, đơn vị đào hầm hào, dựng lán, trại, công xưởng...

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, toàn xã có 10 thanh niên tình nguyện lên đường tòng quân giết giặc, 100 người tham gia dân công hoả tuyến. Riêng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, xã Bảo Linh huy động 10 thanh niên đi dân công hoả tuyến, đóng góp 10 con trâu, 2 tấn thóc và hàng trăm kilôgam thực phẩm.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bảo Linh đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 202/KT-CTN ngày 11/6/1999) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

BẢO LINH

Hồ chứa nước nhân tạo, được khởi công xây dựng tháng 10/1988 trên suối Khuổi Chao thuộc địa bàn xã Bảo Linh, huyện Hoá; hoàn thành và đưa vào sử dụng giữa tháng 11/1992. Hồ gồm 1 đập chính, 2 đập phụ, cống lấy nước, tràn xả lũ. Đập chính dài 135 m, cao 26,5 m, mặt đập rộng 6 m; 2 đập phụ có tổng chiều dài 195 m, mỗi đập cao 10 m; cống lấy nước bằng bê tông cốt thép dài 124 m, áp lực đường ống đảm bảo cho nhà máy thuỷ điện 150 KW, máy đóng mở cống kiểu V10; tràn xả lũ rộng 25 m, có 4 bậc nước, chảy tự do theo hình thức bậc nước. Diện tích mặt nước khoảng 103 ha, dung lượng chứa 7 triệu m^3 nước, cung cấp nước cho các công trình phía hạ lưu (gồm các đập Gốc Sấu, Pác Cáp, Thác Lầm, Vai Cái, Trạm Thuỷ luân Tân Thành, Trạm Thuỷ luân Tân Dương - cấp nước bổ sung vào kênh đập Tân Thái), để dẫn nước tưới cho khoảng 830 ha ruộng cấy 2 vụ lúa của các xã Bảo Linh, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Định Biên, Phượng Tiến và thị trấn Chợ Chu.

Hồ Bảo Linh còn có tác dụng điều tiết lũ, chống lũ quét, bảo vệ đất đai, dân cư vùng hạ lưu, chăn nuôi thuỷ sản (sản lượng khoảng 100 tấn/năm), mặt nước hồ góp phần cải tạo môi trường, giúp cho rừng phát triển tốt hơn.

BẢO LINH

Xã vùng cao nằm ở khu vực phía Tây huyện Định Hóa; phía tây giáp 2 xã Hùng Lợi và Trung Minh (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang), phía bắc giáp xã Bình Trung (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn), phía đông bắc giáp xã Quy Kỳ, phía đông giáp xã Phúc Chu, phía đông nam giáp 2 xã Đồng Thịnh và Định Biên, phía nam giáp xã Thanh Định.

Tổng diện tích tự nhiên 27,9 km^2, trong đó đất nông nghiệp 2.602,86 ha, đất phi nông nghiệp 143,63 ha, đất chưa sử dụng 43,4 ha. Dân số (2009) có 2.093 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Dao, Sán Chay, Mông, Nùng, Hoa, Sán Dìu, cư trú ở 11 xóm: Khuổi Chao, Bản Pù, Bản Thoi, Lải Chàn, A Nhì 1, A Nhì 2, Đèo Muồng, Bảo Hoa 1, Bảo Hoa 2, Bảo Biên 1, Bảo Biên 2.

Trên địa bàn xã có Di tích lịch sử nơi ở và làm việc của Cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Đại tướng Võ Nguyên Giáp

từ năm 1949 đến năm 1954 đã được Bộ Văn hóa - Thông tin ra Quyết định số 43/1999/QĐ - BVHTT, ngày 12/7/1999 xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia.

BẢO LÝ

Cầu, được xây dựng năm 2002, trên tuyến Tỉnh lộ 269C, thuộc địa phận xã Bảo Lý, huyện Phú Bình. Cầu dài 30m, rộng 4m, chiều dài nhịp cầu là 26m; tải trọng 30 tấn.

BẢO LÝ

Nơi đặt Trường Quân chính Liên khu Việt Bắc (1948 - 1950). Vị trí di tích ở xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Trường gồm 3 lớp nằm ở 3 thôn của xã Bảo Lý: Lớp bồi dưỡng bổ túc cán bộ chỉ huy đại đội ở thôn Cổ Dạ; Lớp bồi dưỡng bổ túc cán bộ chỉ huy trung đội và Hiệu bộ ở thôn Đại Lễ; lớp đào tạo và bồi dưỡng bổ túc cán bộ chỉ huy tiểu đội và chiến sĩ xuất sắc có đủ trình độ chỉ huy, lãnh đạo đơn vị làm nhiệm vụ của một trung đội trong chiến đấu và công tác ở thôn Làng Thượng. Mỗi năm, Trường Quân chính tổ chức 2 khoá; mỗi khoá bồi dưỡng từ 3 đến 4 tháng. Sau mỗi khoá học, Trường Quân chính đều tổ chức thi kiểm tra, xác định trình độ và cấp giấy chứng nhận của khoá học cho học viên.

BẢO LÝ

Xã, nằm ở khu vực Tây Bắc huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Tân Khánh và Tân Kim, phía đông giáp xã Tân Kim, phía tây giáp xã Thượng Đình và Đào Xá, phía nam giáp xã Xuân Phương và Nhã Lộng.

Địa hình của xã dốc dần từ bắc xuống nam, độ chênh cao trung bình là 1m/1km, tương đối bằng phẳng, đồi núi chủ yếu là dạng đồi bát úp, độ dốc dưới 8 độ. Phía tây và phía nam là sông cầu chạy dọc theo ranh giới xã, phía đông là suối Bùng Beng chạy dọc ranh giới giữa xã Tân Kim và Bảo Lý. Sông Đào chảy từ tây bắc xuống đông nam chia xã thành hai miền rõ rệt.

Tổng diện tích tự nhiên 1.411,63 ha; trong đó đất nông nghiệp 1.138,57 ha, đất phi nông nghiệp 273.06 ha. Dân số (năm 2009) 6.059 người, thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Giáy cư trú ở 12 xóm: Vạn Già, Đồng Áng, Đại Lễ,

Cầu Gỗ, Ngược, Hoá, Cô Dạ, Quyên, Dinh, Đình Thượng, Thượng, Mới. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

BẢO LÝ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình; nằm ở khu vực trung tâm huyện; phía đông và phía bắc giáp xã Vạn Thắng (nay là các xã Tân Kim, Bàn Đạt, Đồng Liên và Tân Khánh), phía tây giáp xã Thượng Đình (nay là 2 xã Đào Xá và Thượng Đình), phía nam giáp xã La Đình (nay là xã Xuân Phương) và xã Nhã Lộng. Diện tích tự nhiên 13,27 km²; dân số (1955) có 2.098 người.

Nhân dân xã Bảo Lý có nhiều đóng góp cho đất nước trong các thời kỳ lịch sử. Xưởng Quân giới Tỉnh đội Thái Nguyên đóng ở xóm Quyên để sản xuất đạn và mìn phục vụ kháng chiến (1947). Nhà in Việt Hưng đóng ở xã Bảo Lý vào cuối năm 1947. Xưởng dệt 8/3 đóng ở xóm Quyên cuối năm 1948. Trường Quân chính của Liên khu Việt Bắc đóng ở xã Bảo Lý (1948 - 1950)... Trong những năm 1952 - 1953, xã Bảo Lý cùng với các xã Nhã Lộng, Đại Đồng được Huyện ủy Phú Bình chọn làm xã thí điểm thực hiện củng cố tổ chức cơ sở đảng để rút kinh nghiệm triển khai ra toàn Đảng bộ huyện.

Sau giảm tô (1953), xã Bảo Lý vẫn giữ nguyên địa danh, địa giới như trước.

BẢO NANG

Chùa, tên chữ là Thiết Linh tự, dựng trên đồi Đồng San (còn gọi là rừng San), ở xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ. Chùa Bảo Nang cách đình Bảo Nang khoảng 50 m về phía đông nam. Xung quanh chùa có cây đa, cây gạo, cây chòi mòi cổ thụ.

Chùa gồm 2 gian: Tiền đường và hậu cung. Kết cấu bộ vì kèo theo lối chồng giường, quá giang. Mái chùa lợp ngói, tường bao quanh bằng gạch. Bệ thờ được xây theo cung bậc, bố trí từ thấp lên cao. Hàng dưới cùng là tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế. Hàng thứ hai là bức tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay. Hàng tượng thứ hai bên trái là tượng Phật Quan Âm và bên phải là tượng Bồ Tát. Trên cùng là bộ tượng Tam thế, tượng trưng cho Tam thế tam thiên Phật tức ba ngàn Đức Phật trong ba đời là quá khứ, hiện tại, tương lai. Tại gian tiền đường, hai bên là hai bệ thờ: Phía

bên phải là tượng thờ Đức Ông, bên trái là tượng thờ Đức Thánh hiền. Trước cửa hậu cung được chạm trổ hình lưỡng long chầu nguyệt; hai bên là cặp câu đối: *Từ bi quảng đại hương cảnh sắc/Pháp đài thanh tịnh kết tường vân*.

Chùa Bảo Nang hiện còn lưu giữ được một số hiện vật cổ có giá trị lịch sử, văn hoá, như: 1 chuông đồng, 8 pho tượng và nhiều đồ thờ.

Di tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xếp hạng cấp tỉnh tại QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 4/1/2007.

BẢO NANG

Đình, xưa có tên gọi là đình Phủ, được dựng khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, trên quả đồi Đồng San (còn gọi là rừng San) thuộc xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ.

Xung quanh đình có nhiều cây đa, cây gạo, cây chòi mòi. Đình thờ vị anh hùng dân tộc Dương Tự Minh.

Cổng đình cao 3,4 m, rộng 2,6 m, có các cặp câu đối ở 2 cột chính. Trước cửa đình có 2 cột đồng trụ. Đình gồm 2 gian, gian ngoài để thờ, gian trong là phòng khách. Bộ khung bằng gỗ, kết cấu vì kèo theo kiểu chồng giường, cột trốn, mái lợp ngói không có đao. Bàn thờ chính thờ Dương Tự Minh, bên trên được trang trí hình Lưỡng long chầu nguyệt. 2 bên có cặp câu đối: *Sinh trường lãnh sự tài tướng quốc/Hoá bẩm sắc phong đức thần kì* (Có nghĩa: *Sinh thời nhà vua ban là tướng tài của đất nước/Thác được vua sắc phong là vị thần*). Phía bên phải bàn thờ chính là bàn thờ thờ Thần Nông và Ngũ Phương Hoàng Đế để hằng năm người dân cầu mùa màng bội thu.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đình Bảo Nang là nơi đặt xưởng công binh chế tạo bộc phá (1948 - 1949); nơi làm việc của Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam (1949 - 1953).

Di tích đình Bảo Nang hiện còn lưu giữ được một số di vật: 1 sắc phong Khải Định năm thứ 9 (1924), 2 chiêng đồng, 1 bát hương cổ, 1 chuông bằng gang, 1 quả cầu sơn son bằng gỗ, 1 kiệu bát cống gỗ.

BẢO NANG

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Tư Nông, phủ Phú Bình, gồm 2 xã: Bảo Nang và Thanh Huống. Năm Thành Thái thứ 13 (1901), tổng Bảo

Nang tách khỏi huyện Tư Nông, sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ. Cùng thời điểm này, xã Đồng Bang của tổng Đồng Bang, huyện Đồng Hỷ sáp nhập vào tổng Bảo Nang và tổng Đồng Bang cũng đổi tên là tổng Cam Giá. Kể từ khi sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ (1901) đến năm 1945, tổng Bảo Nang gồm 4 xã: Bảo Nang, Đồng Bang, Cự Na và Thanh Huống.

Tổng Bảo Nang, về cơ bản tương ứng với đất xã Tân Lợi, thị trấn Trại Cau, phần đông nam xã Nam Hoà, phần phía tây xã Cây Thị (huyện Đồng Hỷ), xã Đồng Liên, một phần phía bắc các xã Bàn Đạt, Đào Xá (huyện Phú Bình) ngày nay.

Như vậy, về vị trí địa lí, tổng Bảo Nang thời kỳ trước năm 1945 nằm ở khu vực phía Đông huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp tổng Vân Hán, phía đông giáp tổng Nhã Nam (phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang), phía nam giáp tổng Lý Nhân (phủ Phú Bình), phía tây giáp 2 tổng: Huống Thượng và Túc Duyên.

BẢO TÂM

Chùa, được dựng năm 1994 bằng tiền công đức và công sức của nhân dân xóm Bãi Bằng, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương.

Chùa Bảo Tâm xây theo kiểu nhà ống: dài 12 m, rộng 5 m, mặt quay về hướng tây nam. Trong chùa bài trí ba tượng tam thế, tượng Thích Ca Mâu Ni, tượng Thích Ca sơ sinh và một số tượng khác mới tô.

Các vãi trong xóm thường ra chùa lễ Phật vào ngày 14 và ngày 30 Âm lịch hằng tháng và các ngày 15/1, 8/4, 15/7, 23/12 Âm lịch.

BẢO TÀNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VIỆT BẮC - QUÂN KHU I

Được thành lập ngày 20/8/1984, khởi công xây dựng ngày 12/6/1994, khánh thành đưa vào sử dụng ngày 30/4/1998. Trụ sở đặt tại 203 - Đường Quang Trung, thuộc địa phận tổ 8 phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên. Bảo tàng Lực lượng vũ trang Việt Bắc - Quân khu I có khuôn viên rộng 45.000 m^2 là nơi giữ gìn, giới thiệu hơn 9.500 hiện vật các loại phản ánh lịch sử hình thành, phát triển Lực lượng vũ trang Việt Bắc - Quân khu I qua các thời kỳ.

Nhà trưng bày của Bảo tàng có 2 tầng. Tầng 1 gồm phòng khánh tiết, các phòng trưng bày giới thiệu vị trí chiến lược, truyền thống yêu nước - cách mạng của vùng Việt Bắc và phòng triển lãm chuyên đề. Tầng 2

trưng bày theo các chủ đề: Việt Bắc căn cứ địa cách mạng, chiến trường chính của cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954); Quân khu I trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975); Quân khu I trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Quan hệ quốc tế và trưng bày chuyên đề.

Bảo tàng Lực lượng vũ trang Việt Bắc - Quân khu I còn có khu trưng bày ngoài trời, gồm 28 hiện vật gốc thể khối lớn như: máy bay, tên lửa, rađa, súng pháo,... là những vũ khí, khí tài do những người con anh hùng của đồng bào các dân tộc Việt Bắc - Quân khu I sử dụng, lập nhiều chiến công trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc ta.

BẢO TÀNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 23/12/1991, trụ sở đặt tại số 29 - Đường Bến Tượng, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên hiện bảo quản 14.139 hiện vật (2001) gồm nhiều chất liệu: đá, kim khí, đất nung, vải, đồ da, mẫu đất, gỗ, giấy, nhựa, phim nhựa...; trong đó có nhiều hiện vật gốc có giá trị cao, như các bộ sưu tập đồ đá Thần Sa, trống đồng loại I Hêgơ, tiền cổ,...

Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên gồm 3 phòng trưng bày: Phòng Thiên nhiên - Đất nước - Con người Thái Nguyên; Phòng Trưng bày giới thiệu hiện vật, hình ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào các dân tộc Thái Nguyên; Phòng Trưng bày truyền thống lịch sử của tỉnh Thái Nguyên trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống Mĩ cứu nước, chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc và trong xây dựng cộng hòa xã hội.

BẢO TÀNG VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Tiền thân là Bảo tàng Việt Bắc, được khởi công xây dựng ngày 19/12/1960 tại trung tâm thành phố Thái Nguyên, khánh thành và đưa vào hoạt động cuối năm 1962, với chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá, lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Việt Bắc.

Ngày 31/3/1990, Bảo tàng Việt Bắc đổi thành Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam với chức năng, nhiệm vụ: Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, để giới thiệu tuyên truyền và phát huy vốn di sản văn hoá truyền thống của các dân tộc Việt Nam.

Bảo tàng hiện có 30.000 hiện vật có giá trị. Hệ thống trưng bày (trong nhà, ngoài trời) của Bảo tàng được xây dựng trên cơ sở các nhóm ngôn ngữ kết hợp với văn hoá vùng, giới thiệu bản sắc văn hoá 54 tộc người gắn với cảnh quan môi sinh từng vùng cư trú.

Hệ thống trưng bày trong Bảo tàng gồm 1 gian tiền sảnh và 5 phòng trưng bày. Phòng số 1: Trưng bày và giới thiệu văn hoá các tộc người nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (Kinh, Mường, Thổ, Chứt). Phòng số 2: Trưng bày và giới thiệu văn hoá các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (Tày, Thái, Nùng, Giáy, Lào, Lự, Sán Chay, Bố Y). Phòng số 3: Trưng bày và giới thiệu văn hoá các tộc người thuộc 3 nhóm ngôn ngữ Mông - Dao (Mông, Dao, Pà Thẻn), Ka Đai (La Chí, Laha, Cờ Lao, Pu Péo) và Tạng Miến (Lô Lô, Phù Lá, Hà Nhì, La Hủ, Cống, Si La). Phòng số 4: Trưng bày giới thiệu văn hoá các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ Me (Ba Na, Brâu, Bru - Vân Kiều, Chơ Ro, Co, Cơ Ho, Cơ Tu, Gié Triêng, H're, Kháng, Khơ Me, Khơ Mú, Mảng, Xinh Mun, Mnông, Ơ Đu, Mạ, Rơ Măm, Tà Ôi, Xơ Đăng, Xtiêng). Phòng số 5: Trưng bày và giới thiệu văn hoá các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo (Chăm, Gia Rai, Ê Đê, Raglai, Chu Ru) và ngôn ngữ Hán (Hoa, Ngái, Sán Dìu).

Bảo tàng còn có 6 Khu trưng bày ngoài trời tương đương với 6 vùng văn hoá: Vùng Văn hoá núi cao phía Bắc, Vùng Văn hoá thung lũng, Vùng Văn hoá trung du và đồng bằng Bắc Bộ, Vùng Văn hoá ven biển miền Trung, Vùng Văn hoá Trường sơn - Tây Nguyên, Vùng Văn hoá Nam Bộ

Mỗi năm Bảo tàng tiến hành hàng chục cuộc triển lãm lưu động trên địa bàn cả nước, thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Viện về lĩnh vực văn hoá dân tộc.

Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam là một kiến trúc đẹp, là niềm tự hào của kiến trúc Việt Nam hiện đại. Ngày 10/9/1996, công trình kiến trúc Bảo tàng Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về kiến trúc nghệ thuật.

BẢO VIỆT THÁI NGUYÊN

Công ty, tiền thân là Tổ Bảo hiểm Bắc Thái được thành lập năm 1980. Ngày 15/1/1997, Công ty Bảo hiểm Bắc Thái đổi tên thành Công ty Bảo

hiểm Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 51, Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Năm 2001, Công ty Bảo hiểm Thái Nguyên tách ra thành 2 đơn vị: Công ty Bảo hiểm Thái Nguyên và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Thái Nguyên. Năm 2007, Công ty Bảo hiểm Thái Nguyên được đổi thành Công ty Bảo Việt Thái Nguyên.

Hằng năm, Công ty Bảo Việt Thái Nguyên bảo hiểm cho gần 400.000 người hoạt động trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội như: Học sinh sinh viên, giáo viên, cán bộ công nhân viên, cán bộ hưu trí, hơn 9.000 xe ô tô, hơn 2.000 tỉ đồng giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu và giá trị công trình xây dựng lắp đặt được tham gia bảo hiểm... Công ty đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Cờ thi đua.

BÁO TRIỆU VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1932, dân tộc Nùng, quê gốc ở xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, gia đình trú tại xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đồng chí nhập ngũ ngày 20/2/1950, vào Đảng ngày 20/9/1950; đã trải qua nhiều chức vụ công tác trong quân đội; đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* toàn quốc năm 1952; được trao tặng: 2 *Huân chương Quân công hạng Nhất, hạng Nhì;* 2 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*; 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhất.*

Do lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 7/5/1956, đồng chí Triệu Văn Báo được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

BÁO LUÔNG - SLAO CẢI

Truyện thần thoại của dân tộc Tày vùng Việt Bắc: Ngày xưa, trời đất là một cõi hoang vu, rậm rạp. Khi ấy mới có hai người khổng lồ: Người con trai (người anh) là Báo Luông và người con gái (người em) là Slao Cải. Họ lấy nhau, đẻ hai lần, mỗi lần 5 con, rồi chia thành hai nhóm: Nhóm do người con trai lớn đứng đầu, lo săn bắn; nhóm người con gái lớn đứng đầu, lo cấy hái. Họ rời núi rừng xuống vùng đất thấp, dựng nhà 20 gian. Mọi người sống yên vui, no đủ.

Khi ông bà Báo Luông và Slao Cải về già, thì nhóm các con trai, con gái đã lấy vợ, lấy chồng. Họ chia đi các ngả làm ăn, lập nên các bản mang tên mình. Sau khi ông bà Báo Luông và Slao Cải qua đời, họ lập đền thờ phụng để ghi nhớ công ơn.

BÁO NHÂN DÂN

Tiền thân là Báo *Sự thật* ra đời cuối năm 1945 với danh nghĩa cơ quan của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Tháng 2/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II được tổ chức, quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội cũng quyết nghị: Tờ báo *Sự thật* đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, nay thay thế bằng tờ *Nhân dân "để tuyên truyền chủ nghĩa và động viên quần chúng nhân dân thực hành chính sách của Đảng"*.

Báo *Nhân dân* là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), ra số đầu tiên ngày 11/3/1951, tại xóm Khuôn Nhà, xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá. Ban Biên tập gồm các đồng chí: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quang Huy, Xuân Trường, Quang Đạm. Đồng chí Trường Chinh vừa làm Chủ nhiệm chính trị, vừa là Chủ bút.

Báo Nhân dân có Cơ quan Thường trú tại Thái Nguyên từ năm 2008, đường Quyết Tiến, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

BÁO QUÂN KHU I

Tiền thân là Báo *Chiến khu*, số ra đầu tiên ngày 19/8/1946, phát hành rộng rãi ở thủ đô Hà Nội và Chiến khu Việt Bắc. Trong quá trình phát triển, tờ báo mang nhiều tên gọi khác nhau: *Việt Bắc quyết chiến*, *Bắc Sơn*, *Giữ nước*, *Quân Việt Bắc*, Chiến sĩ Quân khu I, *Tờ tin Quân khu I* và nay là Báo *Quân khu I*.

Báo *Quân khu I* là cơ quan ngôn luận của Đảng Ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu, là diễn đàn chính trị - tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Quân khu và nhân dân các dân tộc Việt Bắc. Báo *Quân khu I* xuất bản mỗi tháng 3 kỳ, mỗi kỳ hơn 5.000 tờ, được phát hành rộng rãi tới cấp trung đội trở lên đối với các đơn vị chủ lực; tới cấp xã, phường, thị trấn trở lên trên địa bàn. Ngoài loại hình báo viết, cán bộ, phóng viên của

báo còn tích cực tham gia làm báo hình, báo nói tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương.

Báo *Quân khu I* đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Quân công hạng Nhì* (năm 1985).

BÁO THÁI NGUYÊN

Tiền thân là tờ *Tin Thái Nguyên* ra đời tháng 5/1958, do Phòng Thông tin tỉnh trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên quản lí. Ngày 25/8/1962, theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá VI), tờ *Tin Thái Nguyên* chuyển thành Báo Thái Nguyên - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở Toà soạn hiện nay đặt tại số 10 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thời gian đầu, Báo *Thái Nguyên* xuất bản mỗi tuần 1 kỳ, mỗi kỳ bình quân 2.000 tờ, khổ 27x39 cm, gồm 4 trang, in bằng bản kẽm tại Nhà máy in Việt Bắc. Năm 1965, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, Báo *Thái Nguyên* và Báo *Bắc Kạn* được hợp nhất thành Báo *Bắc Thái*, số đầu tiên ra đời ngày 4/6/1965; mỗi tuần ra 2 kỳ, mỗi kỳ phát hành trên 3.000 tờ, khổ 27x39 cm.

Tháng 1/1997, Báo *Thái Nguyên* được tái lập; đội ngũ cán bộ, phóng viên giảm xuống còn 24 người, phân bố trong Ban Biên tập và 4 phòng nghiệp vụ (Phóng viên, Hành chính - Trị sự, Bạn đọc, Biên tập); tiếp tục phát hành 2 kỳ /tuần, với số lượng 4.000 - 5.000 tờkỳ ì. Từ ngày 1/1/2009, Báo *Thái Nguyên* tăng kỳ phát hành, từ 5 kỳ lên 6 kỳ /tuần. Ngày 12/12/2001, Báo *Thái Nguyên Điện tử* ra mắt bạn đọc. Tính đến năm 2009, Báo Thái Nguyên có 60 cán bộ, phóng viên được phân bố trong 6 phòng chuyên môn (Phòng Trị sự - Bạn đọc, Phòng Thư ký - Xuất bản, Phòng Phóng viên Kinh tế, Phòng Phóng viên Chính trị - Văn xã, Phòng Tin nhanh điện tử, Phòng phóng viên Chuyên đề - Quảng cáo - Phát hành) và 1 đơn vị trực thuộc (Nhà in báo).

Báo *Thái Nguyên* đã được Nhà nước tặng thưởng 2 *Huân chương Lao động hạng Ba* (các năm 1985 và 1999), 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2005) và nhiều Bằng khen của các cấp, các ngành.

BÁO VĂN NGHỆ THÁI NGUYÊN

Ra đời tháng 6/1991 theo Giấy phép số 755/BC-GPXB của Bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao và du lịch, tiền thân là Báo *Văn nghệ Bắc Thái*. Đây là cơ quan ngôn luận của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giới thiệu, công bố các tác phẩm và hoạt động của những người làm công tác văn học nghệ thuật; tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới trên địa bàn tỉnh. Toà soạn Báo nằm trong cơ quan Thường trực Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên, có con dấu để giao dịch, không có tài khoản riêng. Biên chế tại Toà soạn gồm 4 người (1 thư ký Toà soạn, 1 hoạ sĩ, 1 biên tập viên, 1 nhân viên trị sự). Tổng biên tập là Phó Chủ tịch Hội kiêm nhiệm. Báo xuất bản một tháng 4 kỳ, mỗi kỳ trên 4.000 tờ, gồm 12, trang khổ 30x40 cm.

Các chuyên trang, chuyên mục được duy trì thường xuyên trên báo là: Truyện ngắn, Trang thơ, Nghiên cứu - trao đổi, Tin tức - Sự kiện, Chuyện người chuyện ta, Chính trị - xã hội, Nghệ thuật, Văn hoá - Đời sống, Phóng sự - ký sự.

BARIT

Mỏ khoáng sản, nằm ở xóm Bẫu Trâu, xã Lục Ba, huyện Đại Từ, có diện tích 1,75 ha, trữ lượng khoảng 35.900 tấn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp phép số 2336/GP-UBND ngày 21/9/2009 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Doanh Trí quản lí, khai thác. Sản phẩm khai thác tại mỏ là quặng Barit (Baso4) thuộc loại khoáng chất công nghiệp, được khai thác, chế biến phục vụ cho công nghệ khoan khai thác dầu khí.

Sản phẩm khai thác được chuyển qua nhà máy chế biến ở xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ; sản phẩm cuối cùng phục vụ cho xuất khẩu.

BÁT CAI

Hạ sĩ quan, chỉ huy binh lính người Việt trong quân đội Pháp tại đồn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Căm ghét bọn chỉ huy người Pháp, đồng tình với phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta nên cuối năm 1892, ông đã lãnh đạo binh lính dưới quyền nổi dậy làm binh biến, chiếm đồn. Cuộc khởi nghĩa của binh lính đồn Hùng Sơn được đông

đảo nhân dân trong vùng hưởng ứng. Từ một số ít binh sĩ nổi dậy cuối năm 1892 đến tháng 3/1894 lực lượng khởi nghĩa đã phát triển lên 350 người. Dựa vào dãy Tam Đảo điệp trùng, hiểm trở nghĩa quân Cai Bát duy trì cuộc kháng chiến chống Pháp suốt trong 4 năm (1892 - 1896).

BẮC

Suối, bắt nguồn từ xã Nghinh Tường (huyện Võ Nhai), chảy theo hướng đông bắc - tây nam. Đến Nước Hai (xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai), suối Bắc hợp lưu với sông Nghinh Tường chảy về Thần Sa, rồi đổ ra sông Cầu. Suối Bắc chảy qua địa phận xã Cúc Đường có chiều dài khoảng 8 km.

BẮC TẠ QUANG

Thầy thuốc Ưu tú, quê thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Trưởng khoa Chống nhiễm khuẩn - Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Năm 1987, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Y Bắc Thái, ông công tác tại Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Trong những năm 1988 - 1990, học chuyên khoa cấp I tại Trường Đại học Y Hà Nội. Từ năm 2000 đến năm 2002, học Cao học tại Đại học Y khoa Thái Nguyên. Từ năm 2003, làm Trưởng khoa Chống nhiễm khuẩn.

Trong quá trình công tác, Bác sĩ Tạ Quang Bắc chủ trì 6 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; được Nhà nước *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhì*; phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

BẮC LÃM

Chùa, có từ xa xưa ở xóm Lưu Quang, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ. Trước năm 1946, chùa Bắc Lãm là chùa rộng lớn trong vùng, có tam quan và hậu cung, cột chùa bằng gỗ tốt, trong chùa có 13 pho tượng Phật cổ.

Trong chiến dịch tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947. thực dân Pháp đánh vào Lưu Quang, đốt phá toàn bộ chùa. Năm 1997, các cụ lão trong xã đóng góp công sức và kinh phí xây dựng lại chùa Bắc Lãm.

BẮC NAM

Hợp tác xã cơ khí; tiền thân là Tổ hợp sản xuất Bắc - Nam gồm hơn 10 người là cán bộ, chiến sĩ miền Nam tập kết; chuyên sản xuất đồ gỗ,

như giường, tủ, bàn, ghế; địa điểm đặt tại đầu cầu Gia Bảy thuộc khu phố Hoàng Văn Thụ. Năm 1962, Tổ hợp phát triển thành Hợp tác xã liên ngành cơ khí và mộc Bắc Nam; lúc thịnh hành có tới 230 xã viên. Trụ sở đặt tại địa phận tổ dân cư 14, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Mặt hàng của Hợp tác xã đa dạng: Xoong, chảo, diệp cày, lưỡi cày, nồi nhôm dân dụng và quân dụng, đinh, bản lề, ốc vít, xe cải tiến, bàn ghế, giường tủ và các đồ gia dụng bằng gỗ khác. Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Hợp tác xã còn sản xuất hàng trăm tấn vỏ lựu đạn, chông sắt cung cấp cho chiến trường. Thời kỳ bao cấp, hàng tiêu dùng khan hiếm, Hợp tác xã đã mạnh cải tiến công cụ sản xuất thành công lốp xe đạp, vành xe đạp cỡ 650 mm, 680 mm và các phụ tùng xe đạp khác.

Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam là lá cờ đầu của ngành Thủ công nghiệp thành phố Thái Nguyên từ năm 1963 đến những năm 90 của thế kỷ XX, được Nhà nước tặng thưởng 2 *Huân chương Lao động* (Nhì, Ba), nhiều bằng khen, giấy khen của Trung ương và địa phương.

Năm 2000, Hợp tác xã tự giải thể.

BẮC NẤU

Đình, được dựng ở xóm Trung Tâm, xã Phú Đình, huyện Định Hoá. Đình có kiến trúc hình chữ NHẤT gồm 3 gian, 2 chái khá rộng rãi, thoáng đãng; bốn góc đình có mái cong, có 4 cột đỡ. Các bộ vì được nối với nhau bởi các xà để tạo thành bộ khung vững chắc. Trên các kẻ, bẩy, xà nách, câu đầu, trụ... được chạm khắc, trang trí hoa văn tứ linh. Đình có bốn cửa ra vào, mặt trước có ba cửa: 1 cửa chính và 2 cửa phụ, đằng sau có 1 của thông ra ngoài và có 4 cửa sổ phân bố đều ở 2 bên. Phía trước mặt đình là một khoảng sân rộng lát gạch có tường bao quanh. Đây là nơi thường diễn ra các buổi tế lễ cũng như các trò chơi dân gian trong dịp hội làng.

Đình Bắc Nấu thờ một thiên thần là Hùng Trấn Cao Sơn tôn thần, thời nhà Nguyễn có 3 lần ban sắc phong: Tự Đức năm thứ 33 (1880), Khải Định năm thứ 2 (1917) và thứ 9 (1924). Sắc phong không còn.

Năm 1947, trong chiến dịch tấn công lên Việt Bắc, quân Pháp đã càn vào Phú Đình và đốt phá một phần đình. Phần còn lại của đình đã bị trận lụt năm 1958 cuốn trôi.

BẮC SƠN

Thị trấn Nông trường, thành lập theo Quyết định số 416/NV ngày 26/10/1967 của Bộ Nội vụ; nằm ở khu vực phía Tây huyện Phổ Yên; phía đông và phía nam giáp các xã Minh Đức và Phúc Thuận; phía tây và phía bắc giáp xã Phúc Thuận. Thị trấn Bắc Sơn có diện tích 3,69 km² (gồm 2,61 km² đất nông nghiệp, 1,08 km² đất phi nông nghiệp).

BẮC SƠN

Nông trường quốc doanh, tiền thân là Nông trường Quân đội Bắc Sơn trực thuộc Quân khu Việt Bắc được thành lập năm 1957, nằm trên địa phận xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên.

Ngày 22/12/1960, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc long trọng tổ chức lễ "hạ sao" cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ Nông trường Quân đội Bắc Sơn. Kể từ đây, Nông trường Quân đội Bắc Sơn chính thức trở thành Nông trường Quốc doanh Bắc Sơn trực thuộc Bộ Nông trường.

Nhiệm vụ của Nông trường là khai hoang, phục hoá để trồng chè và sả; sản xuất các loại chè và chế biến tinh dầu sả đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Nông trường Bắc Sơn trở thành một trung tâm kinh tế công - nông nghiệp, có uy tín và là nền tảng xã hội vững chắc của thị trấn Bắc Sơn, huyện Phổ Yên.

BẮC THÁI

Tỉnh, được thành lập ngày 21/4/1965, theo Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên cơ sở hợp nhất 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn, gồm 13 đơn vị hành chính trực thuộc là thành phố Thái Nguyên, các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá, Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Na Rì.

Ngày 1/7/1965, tỉnh Bắc Thái chính thức đi vào hoạt động. Trong 31 năm tồn tại, tỉnh Bắc Thái có nhiều lần điều chỉnh địa giới. Ngày 29/12/1978, hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã (nay là Ba Bể) tách khỏi Bắc Thái nhập vào tỉnh Cao Bằng; tỉnh Bắc Thái còn 11 đơn vị hành chính trực thuộc.

Ngày 2/4/1985:

- Tách 7 xã Phúc Hà, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đán, Thịnh Đức và Tích Lương thuộc huyện Đồng Hỷ để sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên.

- Tách xã Đồng Bầm thuộc thành phố Thái Nguyên để sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ.

- Giải thể 2 phường Chiến Thắng và Núi Voi thuộc thành phố Thái Nguyên, tách số đất, số dân của 2 đơn vị hành chính này sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ để thành lập thị trấn Chùa Hang (thị trấn huyện lị huyện Đồng Hỷ).

Năm 1985, huyện Đồng Hỷ tiếp nhận thêm thị trấn Trại Cau của thành phố Thái Nguyên và 4 xã Quang Sơn, Vân Lăng, Tân Long, Hoà Bình của huyện Võ Nhai.

- Tách 4 xã Phúc Tân, Bình Sơn, Bá Xuyên và Tân Quang thuộc huyện Đồng Hỷ để sáp nhập vào huyện Phổ Yên.

Ngày 8/4/1985:

- Tách các xóm Na Ranh, Lăng Cả, Tân Dược, Hồng Phong, Phúc Tiến, Phúc Thái và Tân Lập gồm 704 ha thuộc xã Thịnh Đán để thành lập đơn vị hành chính mới là phường Tân Thịnh.

- Giải thể 3 xã Đồng Quang, Cam Giá và Gia Sàng để thành lập 3 phường Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng.

Ngày 11/4/1985, thị xã Sông Công được thành lập trên cơ sở thị trấn Mỏ Chè, xã Cải Đan của huyện Phổ Yên, xã Tân Quang, xã Bá Xuyên huyện Đồng Hỷ. Sau khi thành lập, thị xã Sông Công gồm 3 phường Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và 3 xã Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên.

BẰNG NGUYỄN CÔNG

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

Năm 1977, sau khi tốt nghiệp bằng Bác sĩ, ông làm cán bộ giảng dạy bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Bắc Thái. Trong những năm 1982 - 1984, học Chuyên khoa I Chấn thương chỉnh hình tại Bệnh viện Việt Đức; sau đó tiếp tục làm cán bộ giảng dạy bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Bắc Thái. Từ năm 1986 đến năm 1989, được cử làm chuyên gia y tế tại Môdămbích. Sau khi về nước, được phân công làm Phó Trưởng bộ môn,

Trưởng bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Bắc Thái. Từ năm 1999 đến năm 2004, được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên. Từ năm 2004, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Ngoài công tác giảng dạy và công tác quản lí, Bác sĩ Nguyễn Công Bằng đã chủ trì 25 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tham gia 2 đề tài cấp Nhà nước; biên soạn và tham gia biên soạn 14 giáo trình. Ông được trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

BẰNG NGUYỄN HẢI

Phó Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Nguyễn Sỹ Báo), sinh năm 1923, dân tộc Kinh, quê thôn Thượng Đáp, xã Nam Hồng, huyện Nam Thanh (nay là huyện Nam Sách), tỉnh Hải Dương; tham gia cách mạng năm 1944, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1945, cán bộ Lão thành cách mạng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (1954 - 1955).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân Chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất.*

BẰNG CẦU

Đình, được dựng từ lâu đời ở giữa xóm Ngô Trù và xóm Trại, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình; được trùng tu vào những năm 1964, 1971, 2007. Đình có 1 gian, 2 chái, tường hồi bít đốc. Bàn thờ nằm chính giữa, thờ hai vị thần là Cao Sơn và Quý Minh có công đánh giặc ngoại xâm, giữ nước thời các vua Hùng. Tiền tế đình gồm một gian 2 dĩ góc mái đóng đao cong, nóc đắp lưỡng long chầu mặt trời bốc lửa. Hai cánh gà tiền tế đình có đắp 2 lính canh vẻ uy nghiêm. Hậu cung rộng 10 m^2 được xây bình đầu bít đốc, mái lợp ngói vảy rồng.

Hằng năm, ngày lễ hội tại đình được mở vào ngày 12 và ngày 13/10 âm lịch. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình Bằng Cầu là địa điểm liên lạc bí mật của Xứ ủy Bắc Kỳ. Cuối năm 1944 đầu năm 1945, đình và chùa là nơi đồng chí Bình Sơn và đồng chí

Lê Phương về hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng tại địa phương. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), đình Bằng Cầu được chọn làm nơi cất giữ quân lương, quân trang, vũ khí của quân đội; là nơi đóng quân của Đoàn 81 thuộc Liên khu 3 (1947 - 1948); là trụ sở của Ty Lương thực tỉnh Bắc Giang (1949) và Văn phòng Ty Y tế tỉnh Bắc Ninh (1950 - 1952). Sau hoà bình lập lại (1954), đình được dùng làm lớp bình dân học vụ.

Đình Bằng Cầu hiện còn lưu giữ một số hiện vật có giá trị lịch sử văn hoá như: 1 hương ước của làng, 1 bia đá, 1 cây hương đá không khắc chữ, 3 sắc phong thời Tự Đức, Duy Tân và Khải Định; 3 bản dịch sắc phong, 3 bát hương cổ, 29 pho tượng cổ, 1 quả chuông...

Di tích đình Bằng Cầu (và chùa Pheo) đã được xếp hạng cấp Tỉnh tại Quyết định số 228/QĐ-UBND, ngày 29/1/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

BẰNG NINH

Chiến sự ngày 17/1/1889.

Sau khi chiếm thành Thái Nguyên, quân Pháp toả ra đánh chiếm các huyện trong tỉnh. Ngày 13/1/1889, tướng Boócnhi Đèbooc chỉ huy 30 sĩ quan, 478 lính Âu, 416 lính ngụy tấn công lên Chợ Mới. Dọc đường hành quân, bị quân và dân ta chặn đánh ở nhiều nơi nên 4 ngày sau, chúng mới tới sát khu vực Bằng Ninh xã Yên Ninh (huyện Phú Lương), tiền đồn của thủ lĩnh Ba Kỳ (cách Chợ Mới 6 km về phía nam). 8 giờ 30 sáng 17/1/1889, từ Bằng Ninh, quân Pháp men theo đường nhỏ đánh lên Chợ Mới. Nghĩa quân mai phục trên sườn núi đá chặn đánh quyết liệt, bẻ gẫy 2 cuộc tiến công của quân Pháp. Phải đến đợt tấn công thứ 3, quân Pháp mới chọc thủng được phòng tuyến, tràn vào Chợ Mới.

Tại Chợ Mới, cuộc chiến đấu kéo dài đến 3 giờ chiều. Trong trận Bằng Ninh, nghĩa quân đã tiêu diệt 23 tên địch trong đó có viên tướng chỉ huy và Đại uý Gácđơra (Gardera) thuộc Bộ Tham mưu, làm bị thương 74 tên khác trong đó có 7 sĩ quan. Đây là một trong những trận thất bại nặng nề nhất của quân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

BẬU

Sông, bắt nguồn từ chân núi Cô Kê, chảy qua các đồi núi của xã Phương Giao, tới xã Bình Long (huyện Võ Nhai), dòng sông chảy qua xóm Bình An, xóm Bậu rồi nhập vào sông Rong.

Sông Bậu vừa cung cấp nước tưới tiêu cho các cánh đồng lúa của xóm Bình An và xóm Bậu, vừa bổ sung nước cho sông Rong.

BẤY TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1909, quê tỉnh Nam Định; trú quán tại xã Phúc Hà, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Mẹ Trần Thị Bấy có con độc nhất là liệt sĩ Vũ Đức Luỹ (nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 10/8/1972 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng mẹ Trần Thị Bấy danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

BÉ ĐINH THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê xã Vũ Thắng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; thường trú tại xã Phục Linh, huyện Đại Từ.

Mẹ Đinh Thị Bé có con độc nhất là liệt sĩ Ngô Anh Đạo (nhập ngũ tháng 8/1978, hi sinh ngày 24/8/1979 trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương của Tổ quốc tại Thông Nông, tỉnh Cao Bằng).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Đinh Thị Bé danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

BÉCNA (BERNARD)

Thiếu tá, chỉ huy trưởng Tiểu quân khu Thái Nguyên là 1 trong 3 Tiểu quân khu thuộc Đạo quan binh I Phả Lại thành lập ngày 9/9/1891 và giải thể tháng 10/1892. Đây là thời gian tỉnh dân sự Thái Nguyên bị xoá bỏ, nền cai trị được đặt trực tiếp dưới quyền của giới quân sự.

BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG

Công ty Cổ phần, được thành lập ngày 15/11/1999; trụ sở kinh doanh đặt tại phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sản phẩm chủ yếu của Công ty là cột điện li tâm phục vụ cho

đường dây điện cao thế, trung thế và hạ thế, ống cống có đường kính từ 50 đến 2000 cm, bê tông thương phẩm phục vụ xây dựng các khu công nghiệp và dân dụng. Các sản phẩm của Công ty đã được đưa vào sử dụng cho các tuyến đường điện cao thế Tuyên Quang - Thái Nguyên, Tuyên Quang - Hà Giang, Yên Bái - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn...

Từ năm 2001, Công ty sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, cải cách công tác quản lí điều hành doanh nghiệp, áp dụng hệ thống quản lí chất lượng ISO 9001- 2008. Công ty đã lập chi nhánh thành viên, lắp đặt các trạm bê tông thương phẩm tại các tỉnh có nhu cầu lớn về bê tông, như Bắc Giang, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Sơn La ...

BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG

Bài thơ do thi sĩ Hoàng Cầm viết tại Thái Nguyên năm 1947.

Hoàng Cầm (1922), Tên khai sinh là Bùi Tằng Việt, quê ở xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ông sáng tác từ năm 1936, đã in một số tập thơ từ trước Cách mạng tháng Tám 1945. Tham gia cách mạng 1944. Sau cách mạng, tham gia văn nghệ kháng chiến (1947 - 1954), phục vụ trong quân ngũ, từng làm Trưởng đoàn Văn công Tổng cục Chính trị và Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam.

Một đêm giữa tháng 4/1947, đang công tác tại Thái Nguyên, nghe tin giặc Pháp càn quét quê mình, ông rất xúc động và ngay trong đêm ấy đã viết bài thơ *Bên kia sông Đuống*. Bài thơ chất chứa những tình cảm yêu thương da diết về nơi chôn rau cắt rốn với dòng sông lấp lánh, bãi mía, bờ dâu; với núi Thiên Thai, chùa Bút Tháp, tranh Đông Hồ, chợ Hồ, chợ Sủi; với mẹ già mái đầu bạc phơ cùng những người thân nơi làng quê. Làng quê ấy của ông đang chìm trong khói lửa, đạn bom giặc Pháp. Ông thề sẽ giết hết giặc để rửa thù, để dòng sông Đuống cuốn trôi lũ giặc ra biển cả, để một ngày trở về bên kia sông Đuống, cùng "*Em thắt lụa hồng. Em đi trẩy hội non sông. Cười mê ánh sáng muôn lòng sông xanh*".

BẾN ĐEN

Bến sông, nằm bên bờ bắc sông Giang Tiên (sông Đu), thuộc xóm Đồng Lẫm (xóm Đồng Ben xưa), xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Bến Đen là nơi đặt Xưởng Quân giới Hạ Bằng (tiền thân của Z127) của Cục Quân giới trong những năm 1947 - 1954 để sản xuất lựu đạn, cuốc xẻng, sửa chữa vũ khí phục vụ bộ đội ta đánh giặc Pháp.

BẾN GIỀNG

Bến phà qua sông Cầu thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Đầu bến phía tây (phía hữu ngạn sông Cầu) thuộc xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương và đầu bến phía đông (phía tả ngạn sông Cầu) thuộc xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên) tỉnh Thái Nguyên.

Phà Bến Giềng đi vào hoạt động nhằm khai thông một tuyến vận tải cơ giới nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B bởi con đường ngang có điểm đầu tại Km 76+900 - Quốc lộ 3 tại xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương và điểm cuối trên Quốc lộ 1B tại xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Dù bị máy bay giặc Pháp đánh phá ác liệt, nhưng trong những năm 1950 - 1954, phà Bến Giềng đã đưa hàng chục ngàn phương tiện chở vũ khí, đạn dược, quân trang, lương thực, thực phẩm, bộ đội, dân công qua lại sông Cầu. Sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc (1954), Bến Giềng cũng ngừng hoạt động chở phà, chỉ còn là bến thuyền chở khách bộ hành qua sông.

Những năm đế quốc Mĩ dùng không quân đánh phá Thái Nguyên (1965 - 1972), phà Bến Giềng được khôi phục hoạt động trở lại.

BẾN GIỀNG

Đền, được dựng từ lâu đời bên bờ sông Cầu; là nơi thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo, Dương Tự Minh và Thánh Mẫu Phủ Giầy. Đền gồm 1 gian khoảng 20 m², xung quanh bưng ván gỗ, mái lợp tranh.

Năm 1966, đền di chuyển từ vị trí ban đầu đến xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương. Năm 1988, nhân dân địa phương xây dựng lại đền theo kiểu nhà cấp 4 bằng gạch, mái lợp ngói, dài 5 m, rộng 4 m. Đền có hậu cung sâu 3,5 m, rộng 3 m. Việc cúng lễ ở đền Bến Giềng thực hiện vào 4 tiết lễ chính (theo Âm lịch): ngày 15/1 (lễ Cầu phúc), ngày 15/4 (lễ Vào hè), ngày 14/7 (lễ Ra hè), ngày 15/12 (lễ Tất niên).

BẾN GIÓ

Cầu, được xây dựng tại Km 7+82 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn xã Phủ Lý, huyện Phú Lương. Cầu được đưa vào sử dụng năm 1960, có chiều dài 28,1 m, rộng 5 m, nhịp cầu dài 12 m, chất liệu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

Cầu Bến Gió góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của các xã phía đông huyện Phú Lương.

BẾN TẦU

Đền, được xây dựng năm 1930 ở xóm Toàn Thắng, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế Kỷ XII). Ngôi đền đã bị huỷ hoại từ lâu.

Năm 1997, nhân dân xóm Toàn Thắng xây dựng lại ngôi đền trên nền cũ, gồm 2 gian tiền tế và hậu cung. Gian tiền tế dài 4 m, rộng 3,5 m. Gian hậu cung dài 2,5 m, rộng 2 m. Mỗi năm, các bậc cao niên trong xóm tổ chức 4 kỳ cúng lễ tại đền, vào các ngày 15/1, 15/3, 15/8, 15/12 Âm lịch.

BẾN THAN

Bến cảng, trên sông Cầu, nằm ở vị trí cách cầu Gia Bẩy khoảng 300 m về phía thượng lưu, thuộc khu phố Gia Bẩy, nay thuộc phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Ngay khi vừa khai trương mỏ than Phấn Mễ (thuộc xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương) và mỏ than Làng Cẩm (huyện Đại Từ), người Pháp đã bắt tay vào xây dựng tuyến đường goòng nối từ mỏ về Bến Than. Từ đây, than được công nhân đổ xuống thuyền, mỗi thuyền có tải trọng lớn nhất là 10 tấn, theo sông Cầu về xuôi.

Bến than dừng hoạt động sau ngày Nhật đảo chính pháp (9/3/1945). Từ năm 1960, bến than tiếp tục hoạt động, nhưng chỉ để tiếp nhận than để phân phối cho nhân dân thị xã (sau này là thành phố) làm chất đốt và những xí nghiệp, hợp tác xã cơ khí. Từ năm 1990, bến ngừng hoạt động.

BẾN TƯỢNG

Bến sông, xưa còn gọi là bến tuần Đồng Mỗ, nằm bên bờ tả ngạn sông Cầu, thuộc địa phận phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Năm 1947, sau khi đánh sập cầu Gia Bảy thực hiện tiêu thổ kháng chiến, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh đã huy động dân công lấy đá đắp hẹp

dòng sông, chỉ để lại dòng chảy khoảng 5 m, bắc cầu gỗ cho người và xe thô sơ qua lại; đến năm 1950, sửa thành đường ngầm cho xe ô tô đi lại trong mùa khô để vận chuyển vũ khí, đạn dược, thuốc men, dụng cụ y tế do nước bạn viện trợ về căn cứ địa và đưa đi các chiến trường.

Từ năm 1960, bến Tượng là nơi hoạt động của Hợp tác xã vận tải thuyền Chiến Thắng thị xã Thái Nguyên. Đội thuyền của Hợp tác xã đã vận chuyển hàng vạn tấn hàng hoá từ Thái Nguyên về xuôi (xa nhất đến cảng Hải Phòng) và ngược lại. Năm 1965, khi đế quốc Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn tỉnh, đường ngầm Bến Tượng được khôi phục và sử dụng.

Từ năm 1975, đường ngầm Bến Tượng chỉ còn lại một bãi đá ngầm; vào mùa nước cạn, người đi bộ có thể qua lại.

BỆNH VIỆN 91

Được thành lập tháng 9/1965, thuộc Cục Hậu cần - Quân khu I. Tiền thân là Đội điều trị 91 gồm 73 cán bộ, nhân viên được tách ra từ Bệnh viện Quân y 109. Ban đầu, Đội điều trị đóng quân tại xã Thành Công, huyện Đồng Hỷ với nhiệm vụ được giao là thu dung, nhận các thương bệnh binh về điều trị, chăm sóc sức khoẻ cho họ. Về sau, trạm điều trị được chuyển về xây dựng ổn định trên địa bàn xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

Vượt qua mọi khó khăn, cán bộ, nhân viên của trạm vừa bạt đồi xây dựng nhà cửa, lán trại để kịp thời điều trị cho thương binh, vừa mở rộng quy mô các khoa, các ban chuyên môn, bổ sung thêm lực lượng để nhanh chóng trở thành bệnh viện quy mô lớn hơn, đáp ứng yêu cầu cho chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chăm sóc sức khoẻ cho bộ đội và nhân dân địa phương, đặc biệt là trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ...

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc (2/1979), Bệnh viện đã lần lượt cử 70 cán bộ, nhân viên lên Lạng Sơn, tham gia phục vụ chiến đấu. Hằng ngày, Bệnh viện đón nhận hàng trăm thương binh về chữa trị...

Trong thời kỳ đổi mới, Bệnh viện mở thêm khoa khám bệnh, điều trị cho bộ đội và nhân dân địa phương. Bệnh viện 91 được Bộ Quốc phòng công nhận là Bệnh viện loại II trong hệ thống các bệnh viện Quân đội.

BỆNH VIỆN A THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 31/12/1965 theo Quyết định số 657/TCDC của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái với quy mô 100 giường bệnh. Địa điểm ban đầu ở xóm Trung Thành, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Bệnh viện có nhiệm vụ tiếp nhận cấp cứu phòng không nhân dân, cấp cứu nội, ngoại khoa và từng bước mở rộng thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị, cán bộ để khám, chữa bệnh nội, ngoại trú cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tham gia vào công tác đào tạo cho Trường Trung học Y tế của tỉnh. Tháng 5/1967, Bệnh viện chuyển về xóm Cây Châm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương; giữa năm 1971, chuyển về xây dựng tạm thời ở khu vực Hồ Sen, xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên). Từ giữa năm 1972, Bệnh viện phân tán thành hai bộ phận: Bộ phận nhỏ vào xã Phúc Xuân phối hợp với Bệnh viện Đồng Hỷ làm nhiệm vụ chủ yếu là cấp cứu phòng không nhân dân, bộ phận còn lại sơ tán lên Làng Lân, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Đầu năm 1973, Bệnh viện chuyển về cơ sở cũ ở Hồ Sen.

Năm 2010, Bệnh viện A Thái Nguyên được xây dựng lại trên địa phận phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên; gồm 4 khu nhà cao tầng tổng diện tích sử dụng là 22.939 m^2 với 106 phòng, 380 giường điều trị, gần 400 cán bộ, công nhân viên; trong đó trên 40 người có trình độ trên đại học. Là bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, Bệnh viện A có nhiệm vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, nhân dân trong tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận; tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học; chỉ đạo tuyến; phòng bệnh; và hợp tác quốc tế về y tế.

Bệnh viện đã được tặng nhiều Bằng khen của các cấp, các ngành.

BỆNH VIỆN C

Tiền thân là Bệnh viện Công ty Xây Lắp II thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim (Nay là Bộ Công Thương) quản lí, làm nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, công nhân viên Công ty, được chuyển giao và đổi tên là Bệnh viện

C thuộc Sở Y tế Bắc Thái theo Quyết định số 181/UB-QDD ngày 19/12/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái.

Đây là một Bệnh viện Đa khoa hạng II có quy mô 350 giường bệnh, được tổ chức thành 24 khoa, phòng (5 phòng chức năng, 19 khoa). Hiện tại, Bệnh viện có 474 cán bộ, viên chức (137 cán bộ đại học); trong đó có 2 Tiến sĩ 2, 8 Bác sĩ chuyên khoa II, 32 Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa I,)...

Bệnh viện được đầu tư trang thiết bị khám chữa bệnh hiện đại: máy chụp cắt lớp 16 dãy (Philip), máy chụp cộng hưởng từ (HITACHI), Dao xạ trị (GAMMA), máy nội soi dạ dày (PENTAX) và các máy phẫu thuật nội soi: sản khoa, nội khoa, ngoại khoa, tai - mũi - họng....

Bệnh viện đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2002), *Huân chương Lao động hạng Nhất* (năm 2009), cùng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của các cấp, các ngành...

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐẠI TỪ

Tiền thân là Bệnh viện huyện Đại Từ được thành lập theo Quyết định số 2347/QĐ-UB ngày 2/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; trụ sở đặt tại phố Sơn Tập 3, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ. Bệnh viện được đầu tư xây dựng 7 dãy nhà tầng kiên cố, với 3 phòng chức năng, 7 khoa chuyên môn, 145 giường bệnh; tổng số cán bộ, công chức, viên chức có 171 người (trong đó có 23 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học).

Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ có nhiệm vụ điều trị, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong huyện và vùng lân cận. Bệnh viện đã được Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, Cờ thi đua.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập năm 1965 trên cơ sở nâng cấp Bệnh xá huyện Định Hoá nhằm đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân và cứu chữa người bị nạn do chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ gây ra. Năm 1992, Bệnh viện Đa khoa huyện sáp nhập với Phòng Y tế huyện thành Trung tâm Y tế huyện Định Hoá. Từ ngày 1/10/2008, Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hoá lại tách khỏi Trung tâm Y tế huyện Định Hoá.

Đến năm 2010, Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hoá có 2 phòng và 5 khoa, 90 giường bệnh, với đội ngũ cán bộ, nhân viên gồm 96 người;

trong đó có 16 bác sĩ (7 bác sĩ chuyên khoa cấp 1), 38 điều dưỡng viên và kỹ thuật viên. Trong năm này, Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hoá đã thực hiện gần 70.000 lượt khám cho người bệnh, điều trị nội trú cho gần 9.000 trường hợp, công suất sử dụng giường bệnh đạt trên 140%.

Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hoá đã được Bộ Y tế tặng Bằng khen (năm 2008), Chủ tịch nước tặng *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 2009), Công đoàn Y tế Việt Nam tặng *Cờ Bệnh viện xuất sắc toàn diện* (năm 2010).

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 2/10/2008 theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tách bộ phận khám chữa bệnh từ Trung tâm Y tế huyện trực thuộc Sở Y tế.

Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ có chức năng khám, chữa bệnh trên địa bàn huyện, chịu sự chỉ đạo kỹ thuật của Bệnh viện Đa khoa và chuyên khoa tuyến trên. Năm 2008, bằng nguồn vốn đầu tư khoảng 20 tỉ đồng từ Quỹ Phát triển Quốc tế (OFID), Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ được sửa sang, xây dựng, mở rộng cơ sở, trang bị các máy móc hiện đại phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Cùng với việc mở rộng cơ sở, áp dụng các trang thiết bị hiện đại, Bệnh viện còn tập trung vào công tác đào tạo nguồn nhân lực, mở thêm Khoa Đông Y - Phục hồi chức năng.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại tổ dân phố Đồng Nâm, phường Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Là Bệnh viện đa khoa hạng III, thực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên với chức năng, nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân trên địa bàn huyện và các vùng lân cận.

Cơ cấu tổ chức gồm có: 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc và 107 viên chức, người lao động.

Bệnh viện gồm 6 khoa (Khám bệnh, Ngoại, Sản, Nội - Nhi, Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Dược) và 3 phòng (Tổ chức - Hành chính, Tài vụ, Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng).

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập tháng 10/2008 theo Quyết định số: 2347/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; địa điểm đặt tại tổ 4 thị trấn

Hương Sơn, huyện Phú Bình. Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở y tế, bệnh viện có chức năng khám chữa bệnh trên địa bàn huyện và các vùng lân cận. Bệnh viện có 3 phòng chức năng và 7 khoa, 140 giường bệnh, với đội ngũ cán bộ, nhân viên là 139 người; trong đó có 22 bác sĩ.

Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình đã được Bộ Y tế tặng Bằng khen *Đơn vị đạt tiêu chuẩn Bệnh viện xuất sắc toàn diện* (các năm 2008, 2010), Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu *Tập thể lao động xuất sắc* (các năm 2009, 2010).

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 2/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; địa điểm đặt tại tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Là bệnh viện đa khoa hạng III với quy mô 85 giường bệnh, Bệnh viện đa khoa Phú Lương có chức năng và nhiệm vụ: Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh; Đào tạo cán bộ y tế; Nghiên cứu khoa học - y học; Chỉ đạo tuyến xã - thị trấn về chuyên môn, kĩ thuật; Phòng chống dịch bệnh; Hợp tác quốc tế trong công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học; Quản lí kinh tế y tế.

Về cơ cấu tổ chức, Bệnh viện gồm có: Ban Giám đốc, 5 khoa lâm sàng và 3 phòng chức năng; 90 cán bộ, nhân viên; trong đó có 18 bác sĩ.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập theo Quyết định số 2347/2008/QĐ-UBND ngày 2/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Địa điểm đặt tại xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Bệnh viện Đa khoa huyện Võ Nhai có các chức năng, nhiệm vụ: Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh; đào tạo cán bộ Y tế phục vụ chăm sóc sức khoẻ nhân dân tại địa phương; nghiên cứu khoa học về y học; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật; phòng bệnh; hợp tác quốc tế; quản lí kinh tế về y tế.

Bệnh viện có 3 phòng (Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng; Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Tài chính - Kế toán), 4 khoa (Ngoại - Sản - phòng

Mổ; Nội - Nhi - Lây; Dược - Xét nghiệm - X.Quang; Khám bệnh Đa khoa) và 2 phòng khám khu vực (khu vực Cúc Đường, khu vực Tràng Xá).

Bệnh viện Đa khoa huyện Võ Nhai đã được Bộ Y tế tặng Bằng khen *Bệnh viện xuất sắc toàn diện* (các năm 2008, 2009).

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Được thành lập tháng 7/1951 tại thôn Minh Lý, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, với tên gọi Bệnh viện Liên khu Việt Bắc, trực thuộc Khu Y tế Liên khu Việt Bắc. Bệnh viện có nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân các dân tộc miền núi vùng Đông Bắc Việt Nam.

Tháng 12/1954, Bệnh viện chuyển về thị xã Thái Nguyên, đặt tại địa điểm hiện nay (số 479, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên). Năm 1956, Bệnh viện đổi tên thành Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc, trực thuộc Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc. Từ ngày 1/4/1976, Bệnh viện Đa khoa Khu Tự trị Việt Bắc được chuyển giao về Bộ Y tế trực tiếp quản lí và đổi tên thành Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên. Ngày 29/4/1997, Bộ Y tế có Quyết định số 744/QĐ-BYT đổi tên Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên thành Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên trực thuộc Bộ Y tế. Ngày 11/5/2007, Bộ Y tế có Quyết định số 1689/QĐ-BYT xếp hạng I đối với Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên có gần 1.000 giường bệnh với 7 phòng chức năng, 3 trung tâm và 30 khoa.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRUNG TÂM

Bệnh viện Đa khoa tư nhân đầu tiên tại các tỉnh miền núi phía Bắc, được Bộ Y tế cấp phép hoạt động năm 2005, có trụ sở tại 501-507 - Đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Bệnh viện có 50 giường bệnh, 40 bác sĩ giỏi, giàu kinh nghiệm, phần lớn là Thầy thuốc Ưu tú, Bác sĩ chuyên khoa II, đã từng làm công tác quản lí và chuyên môn tại các bệnh viện lớn trong khu vực, như Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Quân đội 91, Bệnh viện A Thái Nguyên... và trên 50 nhân viên, điều dưỡng viên được đào tạo chính quy. Bệnh viện được trang bị nhiều máy móc hiện đại phục vụ việc chuẩn đoán, như siêu âm 4 chiều, siêu âm đầu dò, xét nghiệm sinh

hoá tự động, nội soi dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng, máy điện tim, đo lưu huyết não; và điều trị tổ chức khám và điều trị các chuyên khoa nội, ngoại, sản, tai - mũi - họng, răng - hàm - mặt, chuẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm; 2 phòng mổ, trang bị hiện đại thực hiện phẫu thuật ổ bụng, sản, chấn thương...

Bệnh viện nhận khám và điều trị cho bệnh nhân tự do, bệnh nhân bảo hiểm y tế đúng tuyến và trái tuyến, khám sức khoẻ định kì cho cán bộ công nhân viên chức các cơ quan đơn vị, trường học trên địa bàn, khám sức khoẻ đi học tập, lao động nước ngoài, đi học lái xe mô tô, ô tô các loại.

BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Viện An dưỡng tỉnh Bắc Thái thành lập năm 1965, trụ sở tại huyện Chợ Đồn (nay thuộc tỉnh Bắc Kạn), với 40 giường bệnh.

Năm 1971, Bệnh viện được tiếp quản cơ sở Khu Nhà khách Sông Cầu, với 60 giường bệnh thuộc các khoa lâm sàng và cận lâm sàng, làm nhiệm vụ của một bệnh viện tuyến tỉnh. Năm 1997, theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 22/1/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Bệnh viện đổi tên thành Viện Điều dưỡng. Ngày 4/6/1998, theo Quyết định số 1339/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện Điều dưỡng đổi tên là Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên. Ngày 8/4/2004, Bệnh viện tiếp quản khu Nhà khách Tỉnh ủy - Đường Phùng Chí Kiên, thành phố Thái Nguyên, quy mô 80 giường bệnh.

Là bệnh viện chuyên khoa phục hồi chức năng hạng III tuyến tỉnh, có 76 cán bộ, nhân viên, hằng năm, tổ chức điều dưỡng và phục hồi chức năng cho trên 1.000 cán bộ, công nhân viên chức, các đối tượng đã nghỉ hưu, thuộc diện chính sách trong tỉnh; khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh và các vùng lân cận; khám chữa bệnh và bảo vệ sức khoẻ cho cán bộ trung, cao cấp, diện chính sách của tỉnh.

Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên đã được tặng nhiều Bằng khen của các cấp, các ngành.

BỆNH VIỆN GANG THÉP

Được xây dựng tháng 3/1961 với quy mô 100 giường bệnh, do nước Cộng hoà Dân chủ Đức giúp đỡ về thiết bị; địa điểm đặt tại phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 21/3/1963, Chính phủ quyết định nâng cấp Bệnh viện Gang thép với quy mô là một Bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh, đặt dưới sự quản lí trực tiếp của Công ty Gang thép Thái Nguyên. Kể từ đó, ngày 21/3 hằng năm được lấy làm ngày truyền thống của Bệnh viện.

Năm 2000, Bệnh viện Gang thép được Chính phủ quyết định chuyển về tỉnh Thái Nguyên do Sở Y tế Thái Nguyên quản lí. Từ 18 khoa, phòng năm 2008, đến nay Bệnh viện đã có 22 khoa, phòng với đầy đủ các máy móc hiện đại.

Từ năm 2010, Bệnh viện được viện trợ của Pháp và Italia hàng trăm tỉ đồng để nâng cấp về trang thiết bị y tế tiên tiến và hiện đại, đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của người bệnh.

BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 12/10/1955 trên cơ sở Phòng Lây lao được tách từ Bệnh viện Đa khoa Việt Bắc, với tên gọi là Viện Điều dưỡng Việt Bắc, gồm 40 giường bệnh và 30 cán bộ, nhân viên.

Năm 1956, Bệnh viện chuyển lên khu Mỏ Bạch với quy mô 100 giường bệnh, sau tăng lên 120 giường. Năm 1964, Bệnh viện chuyển đến cơ sở mới thuộc địa phận tổ 20 phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng gồm có nhà xây kiên cố 2 tầng, nhà cấp 4, với tổng số 220 giường bệnh.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, Bệnh viện phải sơ tán tại nhiều nơi thuộc các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương. Năm 1976, Bệnh viện Lao Việt Bắc và Trạm Chống lao Thái Nguyên được chuyển giao về Bộ Y tế; đến năm 1980, chuyển giao về Sở Y tế Bắc Thái quản lí. Từ năm 2003, cùng với nhiệm vụ điều trị bệnh lao, Bệnh viện mở rộng thêm khoa điều trị chuyên sâu về phổi và đổi tên thành Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Thái Nguyên; mỗi năm điều trị cho từ 3.800 đến 4.000 bệnh nhân.

Năm 2010, với quy mô 170 giường bệnh, Bệnh viện có 4 phòng chức năng, 4 khoa lâm sàng, 5 khoa cận lâm sàng.

Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Thái Nguyên đã được tặng nhiều Bằng khen của các cấp, các ngành.

BỆNH VIỆN TÂM THẦN THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 24/7/1992 theo Quyết định số 123/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái; địa điểm đặt tại tổ 13 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

Là bệnh viện chuyên khoa hạng II được giao nhiệm vụ khám và điều trị cho bệnh nhân tâm thần của tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận, cùng với Trạm Tâm thần thực hiện công tác chỉ đạo tuyến cũng như thực hiện chương trình mục tiêu bảo vệ sức khoẻ bệnh nhân tâm thần.

Bệnh viện có 100 giường bệnh với 93 cán bộ, viên chức làm việc tại 9 khoa, phòng và Trạm tâm thần. Mạng lưới chăm sóc sức khoẻ bệnh nhân tâm thần được kiện toàn xuống đến tận xã, phường, thực hiện quản lí và điều trị cho trên 9.000 bệnh nhân tâm thần tại 181 xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong đó gần 6.000 là bệnh nhân tâm thần phân liệt, còn lại là bệnh nhân động kinh.

BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 168/QĐ-UB ngày 6/10/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái và đi vào hoạt động từ ngày 1/6/1994.

Địa điểm đặt tại địa phận phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Đây là bệnh viện y học cổ truyền hạng II trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên, có nhiệm vụ cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh, đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến, phòng bệnh, hợp tác y học quốc tế theo phương pháp y học cổ truyền.

Bệnh viện được đầu tư xây dựng 3 dãy nhà cấp 4; 2 dãy nhà 2 tầng (Khu Điều trị người bệnh, Khoa Dược), 1 nhà 3 tầng: (khu Hành chính - Kỹ thuật); được tổ chức thành 10 khoa, phòng, ban với biên chế 108 cán bộ, công nhân viên. Trong đó có 3 Thạc sĩ, 1 Bác sĩ chuyên khoa II, 8 Bác sĩ chuyên khoa I, 10 Bác sĩ, 56 Điều dưỡng kỹ thuật viên, 3 Dược sĩ đại học, 8 Dược sĩ trung học...

Bệnh viện đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba (*năm 2002*), Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2008) và nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của các cấp, các ngành.

BÍ LÝ (503 - 548)

Hoàng đế nước Vạn Xuân. Còn gọi là Lý Bôn, sinh ngày 12/9 năm Quý Mùi (17/10/503), quê ấp Thái Bình, châu Giã Năng, xứ Kinh Bắc, nay là xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Lên 5 tuổi thì bố mất, lên 7 tuổi mẹ cũng qua đời; ông sang ở với người chú, sau được người chú trao cho vị Pháp tổ Thiền sư tại ngôi chùa trong hương ấp (chùa Hương Ấp), trở thành chú tiểu trong chùa. Năm 13 tuổi, Lý Bí theo Thiền sư về tu tại chùa Linh Bảo thuộc làng Giang Xá (nay thuộc xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội).

Vốn thông minh, sáng dạ, lại được sự kèm cặp của Thiền sư, sau khoảng 10 năm miệt mài học hành, tu luyện, làu thông kinh sử, văn võ toàn tài, Lý Bí thi đỗ và làm quan dưới thời nhà Lương cai trị nước ta. Chứng kiến cảnh quan quân nhà Lương bạo tàn, ông bất bình, từ quan về chiêu mộ hiền tài, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa lật đổ ách thống trị của chúng. Mùa xuân năm 540, Lý Bí chỉ để lại một số tướng lĩnh, quân sĩ giữ căn cứ địa chủ yếu vùng Giã Năng, Chu Diên, Tân Xương, Gia Ninh... còn lực lượng chính theo ông về lập đại bản doanh ở Lưu Xá (gồm 3 làng: Lưu Xá, Giang Xá, Lũng Kênh).

Ngày 10/4/542, Lý Bí dấy binh phất cờ khởi nghĩa. Mặc dù quan quân nhà Lương dồn sức phản kích nhưng vẫn bị nghĩa quân đánh bại. Lý Bí nắm quyền kiểm soát đất nước suốt từ vùng đồng bằng Bắc Bộ đến Nghệ - Tĩnh. Lợi dụng lúc quân ta đang tập trung đánh đuổi giặc Lương, tháng 5/543, vua Chămpa sai quân sang đánh chiếm quận Nhật Nam (Châu Đức - Nghệ Tĩnh). Lý Bí cử tướng Phạm Tu, đem quân đánh dẹp quân Chămpa, thu lại cả miền đất Cửu Đức và Lâm Ấp. Ngày 12 tháng Giêng năm Giáp Tý (2/544), Lý Bí làm lễ lên ngôi Hoàng đế (là người Việt Nam đầu tiên xưng đế), gọi là Lý Nam Đế, lấy niên hiệu là Thiên Đức, đặt Quốc hiệu là Vạn Xuân. Ông mất ngày 25/5/548, lúc 45 tuổi.

BIA CHÙA HANG

Bia cổ, được khắc trên vách đá trong động Chùa Hang, còn gọi là động Tiên Lữ trên núi Chùa Hang (núi đá Hoá Trung, núi Long Tuyền) thuộc thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Từ xưa, núi Chùa Hang - động Tiên Lữ đã là một danh thắng nổi tiếng của đất Thái Nguyên. Nhiều danh sĩ nổi tiếng, khi du ngoạn nơi này, đã cảm tác những vần thơ trác tuyệt tạc vào vách đá trong động, tạo thành những tấm bia vô giá để lại đến đời nay.

Bia *Tiên Lữ động lưu đề* được khắc vào vách đá phía bên trái cửa hang, kích thước 60 cm x 80 cm, diềm bia để trơn. Nội dung bia là một bài thơ chữ Hán, tiêu đề là Tiên Lữ động lưu đề, thuộc thể ngũ ngôn bát cú. Bài thơ của tác giả Đặng Nghiệm, được khắc năm Đinh Tỵ thời Hồng Đức nhà Lê (1470 - 1497). Ngay bên cạnh bia khắc bài thơ này, Đặng Nghiệm còn cho khắc một bài thơ chữ Nôm, thể thất ngôn tứ tuyệt ca ngợi sự hùng vĩ của động Tiên Lữ.

Nội bài thơ chữ Hán thể thất ngôn tứ tuyệt của Vũ Quỳnh - một trong những vị tiến sĩ dòng họ Vũ làng Mộ Trạch, xứ Hải Dương; một trong những *Nhị thập bát tú* của Hội Tao Đàn do vua Lê Thánh Tông là Tao Đàn Nguyên soái; Thượng thư của nhiều bộ: Công, Lễ, Binh, kiêm chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Tổng tài Quốc Sử quán.

BIA CHÙA LÀNG NGUYỄN

Bia đá được tạo tác từ một phiến đá xanh nguyên khối khắc hai tượng hậu, ở chùa làng Nguyễn, xã Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Tấm bia có kích thước 0,9 m x 0,45 m. Trán bia trạm nổi hình mặt trời, xung quanh có cụm mây và dòng chữ Hán: *Tạo tác tượng hậu bi kí* (Bài kí về tạo tượng hậu (ở chùa). Diềm bia trang trí bằng những hình hoa dây. Điều đặc biệt của bia so với những tấm bia khác ở Thái Nguyên, là ngoài việc được khắc những chữ Hán, bia chùa làng Nguyễn còn được tạc nổi 2 tượng hậu là 2 người phụ nữ. Tượng bên trái có khuôn mặt trái xoan. Tượng bên phải có khuôn mặt tròn. Cả hai ở tư thế nhìn thẳng, mũi dọc dừa, miệng khép, tai to, cổ ba ngấn. Cả 2 đều mặc áo dài, cổ áo có 2 nếp viền lớn trên có thêu hoa cúc, thân áo có nhiều nếp gấp thể hiện sự trang nhã, giản dị, gần gũi với đời thường. 2 tượng trong tư thế ngồi trên

toà sen, chân khoanh tròn kiểu ngồi thiền, 2 tay chắp bằng trước ngực, đầu để trần như những nhà sư gặp thường ngày. Tượng được thể hiện theo phong cách tả thực bằng những nét chạm khắc tinh xảo, khéo léo, mềm mại bởi nghệ nhân điêu luyện, có trình độ thẩm mỹ. Ở khoảng cách giữa 2 tượng có tạo một hình lá sớ chạy dọc, trên đó khắc dòng chữ Hán *Phật vi chính tiền hậu vật: hiệu Diệu Kiếm; hiệu Diệu Nhân; chính hồn thần vị hệ đệ niên cung nhị cụ*. Đây là bài vị ghi tên hiệu 2 vị hậu Phật (không rõ họ tên) có tên hiệu là Diệu Kiếm và Diệu Nhân.

BIA ĐỀN THANH TỪ

Bia đá, dựng ở ngôi miếu nhỏ trên nền nhà hậu bái đền Phủ Cố (còn gọi là Sinh Từ, Thanh Từ. Đền đã bị phá huỷ từ lâu). Bia có chiều cao 1,35 m, rộng 0,45 m, có 4 mặt đều được trang trí dày đặc các hoa văn và khắc chữ Hán xen chữ Nôm (mỗi mặt từ 280 đến 300 chữ) kiểu chữ chân phương, nét khắc sâu, sắc nét và những nét chạm trổ tinh xảo giúp cho các tạo hình khá sinh động. Đỉnh (chóp) bia được tạo thành 3 nấc chạm mặt hổ phù miệng ngậm chữ *Thọ*, phía dưới trang trí hoa cúc dây chạy dọc theo các diềm bia xuống chân bia.

Mặt 1 bia khắc nổi hàng đại tự: "Hậu (thần) bi (chữ Thần bị đục bỏ mất) và tiểu sử, công trạng của vị thần được thờ tại đền. Mặt thứ 4 của bia được trang trí giống như mặt 1 nhưng không có hàng chữ đại tự, chỉ ghi niên đại bia và một số dòng lạc khoản. Mặt 2 và mặt 3 bia (2 mặt nhỏ) trang trí giống nhau, tập trung vào 2 đề tài *Tứ Linh* (long, li, quy, phượng) và *Tứ Quý* (tùng, cúc, trúc, mai). Trán bia ở 2 mặt này chạm mặt hổ phù miệng ngậm chữ *Thọ*; phía dưới chạm nổi hình con phượng cỡ lớn đang xoè cánh bay rất sinh động, giữa thân con phượng có gắn chữ *Thọ*; dưới con phượng lại trang trí hoa cúc dây và nhiều lớp cánh sen tạo nên một đài sen lớn. Hai mặt bia nhỏ, còn chạm khắc hình lưỡng long chầu nguyệt. Mặt 2 bia tạc nổi dòng chữ đại tự: *Tạo thạch kí*. Mặt thứ 3 bia ghi: *Bản tổng kí*.

Tấm bia đền Phủ cố được lập ngày đầu, tháng 10 năm Gia Long thứ 10 (1811). Người viết văn bia là Phạm Công Dục người xã Tuyền Linh, huyện Yên Lãng, phủ Tam Đới, xứ Sơn Tây (huyện Mê Linh, ngoại thành Hà Nội ngày nay) và người chạm khắc bia là Dương Đình Xuân người xã

Thanh Trí, huyện Bình Tuyền, phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên (nay là huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc).

BIA ĐÌNH HÀ TRẠCH

Bia đá, được lưu giữ tại đình Hà Trạch, xưa thuộc xã Hà Trạch, tổng Hà Nhuyễn, huyện Hiệp Hoà, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc, nay thuộc xóm Trầm Hương, xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Bia làm bằng đá xanh nguyên khối, cao 1,2 m, có 4 mặt, hai mặt trước sau rộng 0,7 m, hai mặt bên rộng 0,2 m, có 4 đường viền thân bia tạo gờ nổi khắc hoa lá cách điệu. Chóp bia tạo dáng long đình, mái cong, trên khắc hoa lá cách điệu cuốn chữ *Thọ*. Mặt chính bia khắc chữ Hán *Hậu thần bi kí* và bài kí, rất dài có nội dung về việc dân chúng địa phương công đức xây dựng đình làng Hà Trạch năm Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36 (1775) (đình Hà Trạch thờ 4 vị nhân thần: Quý Minh, Diên Bình, Hán An, Ngọc Nữ, Quý phi). Bia Hà Trạch được dựng trên một đế bia có 3 nấc, ở giữa có lỗ để chốt bia.

BIA ĐÌNH THÁI HOÀ

Bia đá, đặt tại đình Thái Hoà được dựng năm 1917 ở phố Thái Hoà, xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên). Đình đã bị phá bỏ năm 1947 theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Tấm bia của đình Thái Hoà được chuyển về giữ gìn ở khu vực chùa Đồng Mỗ, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

Bia *Kỉ niệm bi kí* của đình Thái Hoà được dựng năm 1940, có kích thước 0,8m x 0,55m, khắc chữ Hán, tất cả có 11 hàng với 500 chữ. Nội dung văn bia (được dịch) như sau: *Bài kí bia kỉ niệm ở đình Thái Hoà.*

Nghe rằng*: Núi cao cũng bởi trời tạo nên, (cũng như) con người có công lao thì không thể không ghi chép lại. Như tôi biết: Ngôi đình Thái Hoà ngày xưa chưa có. Đến năm Khải Định thứ 2 (1917) bản phố tổ chức tập hợp gỗ tốt để xây dựng đình. Đình được dựng lên khang trang, đẹp nhất vùng, để nghìn năm còn soi sáng, tỏ rõ đức lớn trời cao, tạo nên công trình để lại muôn đời. Khắc vào bia đá họ tên những người công đức xây dựng đình, cầu cho tuổi thọ cao như núi, tên tuổi tiếng thơm nổi như cồn. Khắc vào bia đá để lưu truyền mãi đời sau. Những người như ông... Hoàng*

triều Bảo Đại năm Canh Thìn (1940) mùa thu sáng lập văn bia. Tiên sinh ở phố Nam Sơn (Hà Nội) khắc văn bia.

BIA ĐÌNH THƯỢNG ĐÌNH

Bia đá, dựng trong khuôn viên của đình - chùa Thượng Đình xưa (đình - chùa Thượng Đình cũ bị huỷ hoại trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nay chỉ có chùa được dựng lại) thuộc xóm Huống, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình.

Bia đình Thượng Đình có chiều cao (cả đế) 1,55 m, chiều rộng 0,9 m. Phần chóp (mái) bia cấu tạo kiểu long đình, toàn bộ mặt chóp chạm mặt hổ phù miệng ngậm chữ *Thọ*. Phía dưới chóp bia (và phía trên của thân bia) là gờ mái bia dày, lồi hẳn ra ngoài. Trên các diềm bia đều chạm khắc hoạ tiết hoa chanh liên hoàn kéo dài xuống chân bia. Bốn mặt bia đều khắc chữ Hán xen Nôm, nét chữ khắc sâu, rõ ràng, chân phương, mỗi mặt khắc khoảng 200 chữ.

Mặt 1 (mặt trước phía tây) của bia, khắc nổi dòng đại tự *Hậu thần bi thanh kí* (bài kí về bầu hậu thần ở đình Thượng Đình). Mặt này khắc một bài kí dài, trong ghi công trạng ông Dương Thái Công đối với dân làng, được dân làng bầu làm hậu thần và thờ cúng ở đình; ghi đầy đủ tên đình, tên xứ, phủ, huyện, tổng, xã nơi đặt bia. Mặt thứ tư (mặt sau, phía đông), cũng được trang trí như mặt 1 nhưng không có chữ đại tự, ghi niên đại của bia *Gia Long năm thứ 10 (1811) tháng 10, ngày 10 lập bia*. Mặt 2 và mặt 3 của bia (hai mặt bên cạnh) trang trí kiểu hoa chanh liên hoàn ở các diềm bia. Mặt 2 (phía bắc) ghi quy định về ngày giỗ hậu thần và một bài thơ có 10 câu, chia thành 5 khổ, mỗi khổ 2 câu. Mặt thứ 3 (phía nam) ghi tên những người công đức lập bia và một bài thơ có 20 câu chia làm 4 khổ, mỗi khổ 4 câu. Hai bài thơ ở mặt 2 và mặt 3 bia ca ngợi cảnh đẹp quê hương đất nước.

BIA ĐÌNH TRIỀU LAI

Bia đá, có niên đại *Gia Long thất niên thập nhất nguyệt nhị thập nhật lập bi từ* (ngày 20/11 năm Gia Long thứ 7 (1808); được dựng tại đình thôn Triều Lai, xã Thượng Giã, tổng Thượng Giã, huyện thiên Phúc, phủ Bắc Hà, trấn Kinh Bắc (nay là xóm Triều Lai, xã Trung Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Do đình Triều Lai đã bị dỡ bỏ để thực hiện tiêu

thổ kháng chiến năm 1947 nên tấm bia và một con chó đá của đình được đưa về lưu giữ tại nhà ông Trịnh Văn Mạch trong thôn.

Bia đình Triều Lai cao 1,1 m, rộng 0,8 m, dày 0,11 m. Đỉnh bia được tạo giống hình long đình. Hai mặt bia đều trạm trổ công phu, tạo ra những hoa văn đẹp và khắc chữ Hán. Mặt 1 của bia có tạo diềm trang trí hoa văn hoa cúc dây; trán bia khắc dòng chữ lớn: *Lập hậu thần bi* (lập bia hậu thần); lòng bia khắc bài kí 18 dòng, dòng nhiều nhất 28 chữ, dòng ít nhất 1 chữ có nội dung ghi việc các viên mục, hương lão thôn Triều Lai chứng nhận việc vợ chồng nguyên Chánh tổng Trịnh Đình Cơ, tự phúc thực cúng ruộng và tiền vào đình làng được nhân dân bầu làm hậu thần. Mặt 2 của bia cũng được chạm trổ nhiều hoa văn đẹp; trán bia chạm khắc chữ *Thọ* lớn, ngay bên dưới chạm con chim phượng, ngậm cuốn thư trong tư thế đang cánh bay; hai bên vai bia chạm khắc hai con lân cách điệu kiểu "long mã" trông dữ tợn; lòng bia khắc dòng chữ lớn: *Tạo thạch bi kí* (tạo lập) bia đá để ghi nhớ) và 11 dòng chữ, dòng nhiều nhất 30 chữ, dòng ít nhất 4 chữ để ghi tiếp bài kí khắc ở mặt 1. Phía dưới cùng mặt 2 bia khắc câu đối: *Huyết thực hoa vạn đại/Hương hoả diễn ức niên* (*Cái ăn, của để đến vạn đời/Hương hoả (phúc lộc) tốt đẹp mãi muôn năm*).

BIA GÒ ĐỒN

Bia đá, nằm vùi trên gò đất (Gò Đồn) nên gọi là bia Gò Đồn. Thực chất đó là tấm bia của đình Đồng Mỏ, xóm Đồng Mỏ, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương.

Bia làm bằng tấm đá xanh nguyên khối, cao 0,9 m, rộng 0,45 m, dày 0,15 m, còn khá nguyên vẹn. Đỉnh bia được tạo hình long đình. Diềm bia trạm nổi hoa văn dây leo. Hai mặt bia khắc chữ Hán, kiểu chữ chân, tuy một đôi chỗ bị mờ nhưng vẫn còn đọc được. Mặt trước bia khắc chữ *Hậu thần bi kí* và các dòng chữ ghi về bà Vũ Thị công đức tiền, ruộng đất để dựng đình Đồng Mỏ. Mặt sau bia ghi ngày lập bia *Minh Mệnh thập bát niên, tuế thứ Đinh Dậu mạnh hạ nguyệt nhị thập thất nhật* (*bia được lập ngày 27 tháng 4 năm Đinh Dậu, tức năm Minh Mệnh thứ 18 (1835*) và ghi họ tên người công đức.

BIA NGHÈ NAM ĐÔ

Bia đá, dựng ở sân nghè Nam Đô, xóm Nghè, thôn Nam Đô, xã Đông Cao, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bia làm bằng đá xanh, kích thước 0,7 m x 0,55 m, dựng năm Gia Long thứ 5 (1806). Mặt bia được khắc chữ Hán, nét chữ chân phương, sắc nét có tiêu đề là *Hậu thần bi kí* và bên dưới là 13 dòng bài kí ghi công đức của dòng họ Nguyễn và một số dòng họ khác ở địa phương làm công đức vào đình làng nên được bầu làm hậu thần. Qua bài kí trên bia Nghè Nam Đô, có thể biết rằng: Đây là tấm bia của đình làng Nam Đô xưa, nhưng năm 1947 đình đã bị phá để thực hiện tiêu thổ kháng chiến, nên bia đình được di rời về sân Nghè như hiện nay.

BÍCH NGUYỄN VĂN

Nhà giáo Ưu tú, quê huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nguyên giảng viên Trường Trung học Công nghiệp Thái Nguyên.

Năm 1962, sau khi tốt nghiệp Trường Trung cấp Cơ khí Nam Định, ông được phân công về Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, làm giáo viên Trường Công nhân Cơ khí điện (lúc đó là lớp học nghề thuộc Nhà máy giấy). Năm 1968, được Bộ Công nghiệp cử đi học chuyên ngành cơ khí chế tạo máy giấy ở Thượng Hải (Trung Quốc). Tháng 4/1971, sau khi tốt nghiệp loại xuất sắc, trở về nước, ông được phân công về Nhà máy Cơ khí Quang Trung (Hà Nội) làm công tác kiểm tra kỹ thuật; đến năm 1973, trở về Trường Cơ điện Hoàng Văn Thụ làm công tác giảng dạy; được Nhà nước phong tặng *Nhà giáo Ưu tú* năm 1994.

BÌNH BÙI THỊ

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Phú Cường, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Trưởng khoa Dược Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Năm 1977, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội, bà được phân công công tác tại Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên (nay là Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên). Từ năm 2000, bà đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng khoa Dược, Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn, Phó Trưởng ban Nữ công Công đoàn Bệnh viện; tham gia giảng dạy lý thuyết và thực hành cho học viên Y - Dược.

Ngoài công tác quản lí và giảng dạy, Dược sĩ Bùi Thị Bình đã chủ trì 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; 8 năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở. Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

BÌNH NGUYỄN ĐĂNG

Nhà giáo Ưu tú, Giáo sư, Tiến sĩ, quê phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1973, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; năm 1985, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Sofia, Bungari. Năm 1990, ông trở về nước với học vị Tiến sĩ, tiếp tục làm công tác giảng dạy tại Trường. Từ năm 2000 đến 2010, làm Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên; được phong tặng học hàm Phó Giáo sư.

Nhà giáo Nguyễn Đăng Bình được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*, *Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục*, *Huy chương Vì thế hệ trẻ*, 3 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

BÌNH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1888, dân tộc Kinh, quê phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Mẹ Nguyễn Thị Bình có con trai độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Sửu (nhập ngũ 1948, hi sinh ngày 22/8/1949 tại tỉnh Bắc Ninh).

Ngày 24/4/1996, mẹ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

BÌNH TÔ VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; nguyên Trưởng ban Đào tạo Đại học Thái Nguyên.

Năm 1969, sau khi tốt nghiệp khoa Vật lí - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được phân công làm công tác giảng dạy tại Trường Sư phạm 10+3 Tây Bắc. Năm 1981, được cử đi nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Dân chủ Đức. Năm 1985, sau khi bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ, được phân công làm công tác giảng dạy tại Khoa Vật lí Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên).

Trong quá trình giảng dạy, nhà giáo Tô Văn Bình được phân công làm Tổ trưởng Tổ Vật lí Trường Sư phạm 10 + 3 Tây Bắc, Chủ tịch Công đoàn khoa Vật lí Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, Trưởng ban Đào tạo Đại học Thái Nguyên, Phó Bí thư Đảng ủy khối Cơ quan Đại học Thái Nguyên...

Ông được Nhà nước phong tặng *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

BÌNH DÂN HỌC VỤ

Hoạt động dạy và học chữ Quốc ngữ cho những người lớn tuổi (9/1946 - 1954).

Do hậu quả của chính sách "ngu dân" (kìm hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt để dễ bề cai trị) của thực dân Pháp, đến năm 1945, trên 95% dân số nước ta không biết chữ. Để mở mang dân trí, tạo điều kiện cho nhân dân lao động phát huy quyền làm chủ, đóng góp sức lực, trí tuệ ngày càng nhiều vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc, ngay sau khi giành được độc lập, ngày 8/9/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập Nha Bình dân học vụ và phát động phong trào xoá nạn mù chữ trong toàn dân. Phong trào được nhân dân cả nước hưởng ứng.

BÌNH ĐỊNH

Điểm rơi chiếc máy bay Mĩ bị lực lượng phòng không của ta bắn cháy. Vị trí di tích ở sườn đồi thuộc xóm Bình Định, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công).

Đầu buổi chiều ngày 11/3/1967, nhiều chiếc bay giặc Mĩ đánh phá Khu Gang thép, bị lực lượng phòng không của ta bắn trả quyết liệt phải tháo chạy về phía Tam Đảo. Một chiếc bị bắn trúng đâm xuống sườn đồi Mỏ Vàng ở xóm Bình Định và nổ tung, bốc cháy. Tên phi công nhảy dù xuống địa phận xã Thịnh Đức bị dân quân bắt được (bị thương nặng sau đó đã chết).

BÌNH ĐỊNH

Nơi đặt Trường Bổ túc cán bộ quân sự Liên khu Việt Bắc, còn gọi là Trường Lý Thường Kiệt (1952 - 1953). Vị trí di tích ở xóm Bình Định, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công). Để bảo vệ bộ đội luyện tập, nhà trường đã bố trí một khẩu đội phòng không ở Bến Cát

(Ổ Gà). Khẩu đội này đã bắn rơi 1 chiếc máy bay B24 xuống bãi Giữa, bến Chùa (Bình Định); tên phi công bị ta bắt sống ở bến đò Bá Vân.

BÌNH ĐỊNH

Nơi đặt Văn phòng Cục Quân giới (1947 - 1950). Vị trí di tích là khu rừng già khu vực Tây Bắc xóm Bình Định, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công). Tại đây, các đồng chí Trần Đại Nghĩa - Cục trưởng, Vũ Văn Đôn, Nguyễn Ngọc Xuân - Cục phó, từng ở và làm việc trong hơn 2 năm.

Từ năm 1950, Văn phòng Cục Quân giới chuyển lên tỉnh Bắc Cạn.

BÌNH ĐỊNH

Nơi đặt Văn phòng Cục Quân y những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích nằm ở khu rừng vùng Tây Bắc xóm Bình Định, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công).

Liền kề Văn phòng của Cục là Trạm Quân y có nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, chiến sĩ các cơ quan đóng trên địa bàn và nhân dân trong vùng. Tại đây còn có cơ quan tuyên truyền của Cục Quân y là Báo *Vui Sống*, do Bác sĩ Từ Giấy làm Chủ nhiệm, luôn dành được sự quan tâm, yêu mến của bộ đội.

BÌNH ĐỊNH

Nơi đóng quân, huấn luyện của Trường Trung học lục quân Trần Quốc Tuấn. Trường được thành lập ngày 15/4/1948, trên cơ sở hợp nhất Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Trường trung học lục quân Quảng Ngãi và một số trường, lớp đào tạo cán bộ quân đội khác. Trường do Thiếu tướng Lê Thiết Hùng làm Hiệu trưởng. Ngày thành lập cũng là ngày khai giảng khoá đầu tiên với 450 học viên. Đây là khoá đào tạo sĩ quan quân đội chính quy đầu tiên của Quân đội ta. Tháng 4/1950, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và Tổng Quân ủy Trung ương, Trường bổ túc Quân chính trung cấp, Trường Quân chính Lê Bình, Trường Thiếu sinh quân, Lớp huấn luyện cán bộ thông tin được sáp nhập vào Trường Trung học lục quân Trần Quốc Tuấn và đổi tên thành Trường lục quân Việt Nam do Thiếu tướng Lê Thiết Hùng làm Hiệu trưởng, Thiếu tướng Trần Tử Bình làm Chính uỷ. Sau đó Trường Lục quân Việt Nam chuyển sang đóng quân tại nước bạn Trung Quốc và tiếp

tục làm nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

BÌNH ĐỊNH

Xóm có công với nước thuộc xã Bình Sơn, thị xã Sông Công.

Xóm Bình Định được hình thành khoảng giữa thập kỷ thứ 3, thế kỷ XX. Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám (1939-1945), nhân dân Bình Định đã nêu cao tinh thần yêu nước, giúp đỡ và bảo vệ cách mạng góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của dân tộc (8/1945). Ngày 30/6/1961, nhân dân xóm Bình Định được Thủ tướng Chính phủ kí Quyết định số 266 tặng Bằng có công với nước.

BÌNH LONG

Làng nghề trồng và chế biến chè, long vải - nhãn thuộc xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Năm 1972, người dân Bình Long đã đưa cây chè vào trồng chuyên canh và những năm sau đó, trồng cây vải thiều, cây nhãn lồng. Năm 2008, xóm Bình Long có 13 ha chè chuyên canh, 20 ha chè trồng xen với cây ăn quả, chủ yếu là vải thiều; 93% số lao động trong xóm làm nghề trồng và chế biến chè, vải.

Cây chè ở Bình Long ngày nay, chủ yếu là các giống chè mới đặc sản. Nhờ đưa khoa học kỹ thuật vào khâu chăm bón, thu hoạch và sử dụng máy vò, sao chè, chất lượng chè Bình Long ngày càng được nâng lên, đảm bảo các tiêu chuẩn chè an toàn.

Năm 2008, Bình Long có tổng sản lượng chè búp tươi 162 tấn, tương ứng với 32,4 tấn chè búp khô, tổng sản lượng vải thiều tươi 408 tấn, tương ứng với 68 tấn long vải thiều, doanh thu 2.766 triệu đồng.

Năm 2009, xóm Bình Long được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè, long vải - nhãn.

BÌNH LONG

Xã vùng cao, ở khu vực phía Nam huyện Võ Nhai; phía tây giáp Dân Tiến, phía đông giáp huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn), phía nam giáp huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), phía bắc giáp xã Phương Giao. Diện tích tự nhiên 41,22 km². Dân số (năm 2009) 5.579 người, gồm 6 thành phần

dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu cư trú trên địa bàn 20 xóm: Chợ, Cây Trôi, Phố, Ót Giải, Bậu, Trại Rẽo, An Long, Đại Long, Đông Tiến, Long Thành, Chùa, Đồng Bứa, Chịp, Vẽn, Nà Sọc, Chiến Thắng, Quảng Phúc, Đồng Bản, Đèo Ngà, Bình An.

Địa hình Bình Long khá thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế đồi rừng, kinh tế trang trại. Ngoài sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, nhiều hộ gia đình đã đầu tư chăn nuôi gà thả với số lượng lớn; trồng đậu tương, làm đậu phụ. Đậu phụ Bình Long là thương hiệu có tiếng ở thị trường Thái Nguyên. Chợ Bình Long là một trong những chợ buôn bán nhộn nhịp nhất huyện Võ Nhai. Tỉnh lộ 265, Quốc lộ 1B nối Bình Long thông sang huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn). Có các tuyến xe khách đi lại hằng ngày nối Bình Long với Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên. Hang Bà Đầm và hang Ốc là những di chỉ khảo cổ, còn nhiều dấu vết của con người thời đại đồ đá.

BÌNH SƠN

Cầu treo, bắc qua sông Công, nối xã Bình Sơn với xã Thịnh Đức (thành phố Thái Nguyên). Cầu này chỉ phục vụ cho người đi bộ và các phương tiện như xe đạp, xe máy.

BÌNH SƠN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Bình Sơn lúc đó thuộc huyện Đồng Hỷ (thị xã Sông Công) là địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan: Văn phòng cục, Trường Trung học Lục quân Trần Quốc Tuấn (1948 - 1949); Văn phòng Cục Quân y và trụ sở Báo *Vui sống* - cơ quan tuyên truyền của Cục Quân y (1947 - 1949), Trường Quân chính Lê Bình (1948 - 1949); Trường Bổ túc cán bộ quân sự Liên khu Việt Bắc (1952 - 1953)...

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu tiêu diệt địch bảo vệ quê hương, bảo vệ An toàn khu Trung ương, quân, dân Bình Sơn đã đóng góp hàng trăm ngày công tham gia sửa chữa cầu, đường, đáp ứng kịp thời yêu cầu vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ tiền tuyến; động viên hàng trăm con em tham gia các đoàn dân công phục vụ các chiến dịch,

tham gia lực lượng vũ trang chiến đấu trên các chiến trường, lập công xuất sắc; trong số đó, 10 đồng chí đã hi sinh anh dũng, được công nhận là liệt sĩ.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Sơn đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/KT-CTN ngày 11/6/1999 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

BÌNH SƠN

Hệ thống kênh mương dẫn nước, gồm 3 tuyến chính:

- Tuyến kênh N1 bắt nguồn từ hồ Ghềnh Chè, đi qua các xóm Tiền Tiến, Xuân Đãng 3 có chiều dài 5,2 km, đảm bảo cung cấp nước cho 250 ha đất canh tác.

- Tuyến kênh N2 từ cửa phân nước tuyến N1, đi qua các xóm Bá Vân 2, Na Vùng, có chiều dài 2,7 km, đảm bảo cung cấp nước cho 200 ha đất canh tác.

- Tuyến kênh Bình Định, khởi nguồn từ hồ Ghềnh Chè đi qua các xóm Tiền Tiến, Bình Định 3, có chiều dài 1,5 km, đảm bảo cung cấp nước cho 130 ha đất canh tác.

BÌNH SƠN

Xã, trước năm 1948 là xã Bá Sơn. Năm 1948, xã Bá Sơn sáp nhập với 2 xã Tân Cương, Thịnh Đức thành xã Đức Tân. Ngày 21/9/1953, xã Đức Tân tách ra thành 3 xã, trong đó có xã Bình Sơn, thuộc huyện Đồng Hỷ. Tháng 7/1985, cắt chuyển về huyện Phổ Yên. Ngày 10/4/1999, chuyển giao xã Bình Sơn từ huyện Phổ Yên về thị xã Sông Công (theo Nghị định số 18/NĐ-CP ngày 10/4/1999 của Chính phủ về việc điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị xã Sông Công).

Bình Sơn cách trung tâm thị xã Sông Công 10 km đường bộ về phía tây bắc; phía bắc giáp các xã Tân Cương, Thịnh Đức (thành phố Thái Nguyên), phía tây giáp 2 xã Phúc Thuận, Phúc Tân (huyện Phổ Yên), phía nam giáp xã Vĩnh Sơn, phía đông giáp xã Bá Xuyên và xã Lương Châu (thị xã Sông Công).

Địa hình đặc trưng của vùng đất trung du, có độ cao trung bình khoảng 20 m so với mặt biển, đồi núi chiếm 3/4 diện tích tự nhiên, chủ yếu là núi đất ở độ cao dưới 30 m. Diện tích tự nhiên khoảng 28,2 km², trong đó diện tích đất nông nghiệp 23,5572 km², đất phi nông nghiệp 4,1191 km², còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 7.195 người thuộc các thành phần dân tộc: Kinh (chiếm đa số), Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay cư trú ở 26 xóm: Trung Tâm, Long vân, Xuân Đãng 1, Xuân Đãng 2, Xuân Đãng 3, Bình Định, 1, Bình Định 2, Bình Định 3, Bá Vân 1, Bá Vân 2, Bá Vân 3, Bá Vân 4, Bá Vân 5, Kim Long 1, Kim Long, Linh Sơn 1, Linh Sơn 2, Tân Sơn, Tiền Tiến, Đông Hưng, Long Vân, Na Vùng, Cậy Là, Lát Đá, Khe Lim, Tân Tiến. Nguồn sống của nhân dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp. Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi mà người dân quen gọi là "Trại ngựa Bá Vân" và Lâm trường Phúc Tân đóng trên địa bàn.

Xã Bình Sơn có nhiều di tích lịch sử. Căng Bá Vân, do thực dân Pháp xây dựng năm 1941, là nơi giam giữ nhiều chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước chống Pháp.

Xã Bình Sơn là nơi Xứ ủy Bắc Kỳ đặt trạm giao liên bí mật từ An toàn khu II lên Căn cứ địa Việt Bắc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đây là nơi đóng quân của Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn, Văn phòng Cục Quân giới, Văn phòng Cục Quân y...

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, hàng trăm con em nhân dân xã Bình Sơn lên đường chiến đấu, phục vụ chiến đấu, 88 người đã hi sinh.

BÌNH THÀNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Bình Thành huyện Định Hóa thuộc An toàn khu, là nơi Tổng bộ Việt Minh vận động quần chúng nhân dân ủng hộ kháng chiến (1946 - 1947); nơi ở và làm việc của các đồng chí Lê Đức Thọ, Lê Văn Lương (1947, 1948); nơi làm việc của Bộ Quốc phòng (1947)... Bình Thành cũng là nơi ra đời

Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc - nay là Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thành tích cực ủng hộ kháng chiến, bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn. Các ngày 28, 29/11/1947, dân quân, du kích xã phối hợp với bộ đội chủ lực, tổ chức phục kích 120 tên địch, tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên, buộc chúng phải rút quân, góp phần đập tan cuộc hành quân Xanhtuya của địch trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947. Nhân dân Bình Thành còn đóng góp hàng vạn tàu lá cọ, hàng ngàn cây tre, nứa các loại và nhiều công sức xây dựng lán trại cho các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; ủng hộ hàng chục tấn lương thực, thực phẩm; động viên 14 thanh niên tòng quân lên đường giết giặc, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, quân và dân xã Bình Thành đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005), tuyên dương danh hiệu: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

BÌNH THÀNH

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Định Hoá; phía đông giáp xã Bộc Nhiêu, phía tây giáp xã Phú Đình, phía nam giáp 2 xã Minh Tiến và Phúc Lương (huyện Đại Từ), phía bắc giáp xã Sơn Phú.

Tổng diện tích tự nhiên 28,73 km², đất nông nghiệp 27,699 km², đất phi nông nghiệp 1,031 km². Dân số (năm 2009) 5.381 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Dao, Nùng, Thái, Mường cư trú ở 27 xóm: Bản Tương, Bản Là 1, Bản Là 2, Đồng Thành, Đồng Vượng, Xóm Phố, Xóm Đồn, Đồng Tô, Làng Nập, Đồng Danh, Cây Coóc, Đồng Đình, Na Rao, Làng Luông, Làng Pháng, Sơn Tiến, Nạ Mực, Cây Thị, Làng Đầm, Thanh Bần, Thàm Mác, Bình Tiến, Chiến Sĩ, Vũ Hồng 1, Vũ Hồng 2, Hồng Thái 1, Hồng Thái 2.

Xã Bình Thành có 1 di tích lịch sử đã được xếp hạng Quốc gia là địa điểm thành lập Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh) tại Làng Luông tháng 9/1949.

BÌNH THÀNH

Xã trong kháng chiến chống Pháp, thuộc huyện Định Hóa; gồm địa phận 3 xã: Bình Thành, Phú Đình, Sơn Phú của huyện Định Hóa. Xã Bình Thành nằm ở vùng phía Nam huyện Định Hóa; phía đông giáp xã Bộc Nhiêu (nay là hai xã Bộc Nhiêu, Phú Tiến); phía tây giáp huyện Sơn Dương của tỉnh Tuyên Quang; phía nam giáp huyện Đại Từ của tỉnh Thái Nguyên; phía bắc giáp xã Thanh Định (nay là các xã Điềm Mặc, Bình Yên, Thanh Định) và xã Trung Hội (nay là các xã Trung Lương, Trung Hội).

Diện tích tự nhiên 74,63 km²; dân số 3.041 người, gồm các thành phần dân tộc Tày 50,18%, Sán Dìu 32,15%, Kinh 11,48%, Nùng 3,22%. Từ cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Bình Thành được tách thành 3 xã: Bình Thành, Phú Đình, Sơn Phú, ổn định cho tới ngày nay. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Bình Thành nằm trong vùng Trung tâm An toàn khu (ATK) Trung ương - Thủ đô Kháng chiến của cả nước.

Sau giảm tô (1953), xã Bình Thành được tách thành 3 xã: Bình Thành, Phú Đình và Sơn Phú.

BÌNH THUẬN

Xã miền núi, nằm ở khu vực Tây Nam huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị khoảng 2 km; phía bắc giáp xã Khôi Kỳ, phía tây và tây nam giáp xã Mỹ Yên., Lục Ba, phía đông giáp thị trấn Hùng Sơn và xã Tân Thái. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí* cuối thế kỷ XIX là xã Yên Thuận, thuộc tổng Yên Thuận. Những năm 30 của thế kỷ XX, vùng đất xã Bình Thuận hiện nay gồm 2 làng Yên Thuận thuộc tổng Tiên Lãng và làng Bình Khang thuộc tổng Hùng Sơn. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là 2 làng thuộc xã Tràng An (Hùng Sơn). Năm 1953, 2 làng Yên Thuận và Bình Khang nhập thành xã Bình Thuận.

Hiện nay, xã Bình Thuận có diện tích tự nhiên 10,87 km²; dân số (năm 2009) 5.735 người (2.786 nam, 2.949 nữ) thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Mường, Ngái cư trú ở 19 xóm: Đầm Mụ, Bình Xuân, Bình Khang, Trại 4, Trại 5, Đình 6, Đình 7, Chùa 8, Chùa 9, Văn Khúc 10, Văn Khúc 11, Thuận Phong 12, Thuận Phong 13, Thuận Phong 14, Bình Sơn, Tiến Thành 1, Tiến Thành 2, Tiến

Thành 3, Tiến Thành 4. Nhân dân trong xã chủ yếu sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè.

Đình Bình Khang, đình Quảng Vũ, chùa Bình Thuận là những điểm di tích lịch sử, tâm linh. 8 bà mẹ được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

BÌNH YÊN

Đình, được dựng đầu thế kỷ XIX ở xóm Khang Hạ, xã Bình Yên, huyện Định Hoá.

Đình có kiến trúc kiểu chữ NHẤT, gồm 3 gian làm bằng gỗ, vì kèo làm theo lối kẻ truyền, quá giang, mái lợp lá cọ; nằm trước chùa Bình Yên thờ theo lối tiền thần, hậu Phật; tu sửa thời Bảo Đại thứ 1 (1926). Thờ 2 thần: Dục Sơn, Hưng Đạo Đại Vương; được ban 2 Sắc phong thời Duy Tân thứ 8 (1914) và Khải Định thứ 9 (1924).

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đình là nơi hội họp của nhân dân tổ chức quyên góp ủng hộ kháng chiến. Ngày nay, dấu tích ngôi đình chỉ còn nền và các hiện vật: Sắc phong, y môn bằng vải.

BÌNH YÊN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Bình Yên huyện Định Hóa thuộc An toàn khu, là nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Nguyên Giáp (1947); của Cơ quan Bộ Tổng Tham mưu (đầu năm 1947); của một bộ phận cơ quan Cục Quân khí; là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm Lớp đào tạo cán bộ mật mã "Lê Lai" ở Bản Cọ (5/1950).

Ngoài nhiệm vụ xây dựng An toàn khu, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã tích cực lao động sản xuất, cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến; động viên 32 thanh niên xung lên đường tòng quân giết giặc...

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Yên đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

BÌNH YÊN

Xã miền núi nằm ở phía Nam huyện Định Hoá, được thành lập tháng 1/1954 trên cơ sở tách thôn Yên Thông ra khỏi xã Thanh Định; phía bắc giáp xã Định Biên, phía nam giáp xã Sơn Phú, phía tây và tây nam giáp các xã Thanh Định và Điềm Mặc, phía đông và đông bắc giáp các xã Trung Lương và Đồng Thịnh.

Tổng diện tích tự nhiên 8,1 km², trong đó đất nông nghiệp 7,0666 km², đất phi nông nghiệp 0,7294 km², còn lại là đất chưa sử dụng (đất đồi núi). Dân số (năm 2009) 3.169 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Dao, Nùng, Mường cư trú ở 14 xóm: Đoàn Kết, Thẩm Rộc, Na Pục, Đá Bay, Thẩm Vậy, Nạ Mộc, Yên Thông, Thẩm Kẻ, Đỏn Thỏi, Khang Hạ, Nạ Riêng, Yên Hoà 1, Yên Hoà 2, Yên Hoà 3.

BOÓCĐIÊ (BORDIER)

Đồn điền, do viên sĩ quan Pháp, đồn trưởng đồn Đình Cả là Boócđiê đã cướp đoạt 168 mẫu ruộng của người dân xã Phú Thượng. Đây là một trong những cánh đồng rộng, đẹp, đất đai màu mỡ của huyện Võ Nhai.

BOÓCNHI ĐÊBOÓC (BORGNIS DEBORDES)

Tướng chỉ huy trưởng Binh đoàn (Sư đoàn) 2 trong đội quân viễn chinh Pháp tại miền Bắc Việt Nam.

Năm 1888, khi các đội quân vũ trang của Lường Tam Kỳ còn chiếm giữ vùng Định Hoá, Đại Từ, Phổ Yên và Bá Kỳ chiếm giữ vùng Chợ Mới - Bắc Cạn, liên tục phục kích, quấy nhiễu gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại trong các cuộc hành quân bình định ở phía bắc và phía tây tỉnh Thái Nguyên, thì Bô Gin - tướng Tổng chỉ huy quân Pháp ở Bắc Việt Nam đã thành lập một đạo quân chinh phạt, cử tướng Borgnis Debordes chỉ huy trưởng Binh đoàn 2 cầm đầu đạo quân này để đi chinh phạt Lường Tam Kỳ và Bá Kỳ, bình định vùng rừng núi tỉnh Thái Nguyên.

BÓ PHA

Hang đá tự nhiên ăn sâu vào lòng núi đá vôi ở xóm Trung Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai. Cửa hang rộng khoảng 5 m, cao 3 m, quay về hướng đông, trước mặt là dòng suối Thượng Nung. Lòng hang rộng khoảng 15 m, cao 7 đến 8 m; trần và nền hang có nhiều nhũ đá đẹp, kì dị,

nhiều màu sắc. Hang có 2 ngách, ngách bên phải ăn lên phía trên, ngách bên trái ăn xuống phía dưới.

BÓ VÀNG

Hồ chứa nước nhân tạo nằm trên một nhánh suối nhỏ thuộc xóm Pái Trận, xã Thanh Định, huyện Định Hoá.

Hồ có đập chính là đập đất đồng chất, chiều dài 99,6 m, vai đập dựa vào hai dãy núi cao; chiều cao 23,5 m. Cống lấy nước dưới đập bố trí bên bờ tả, đóng mở bằng van hạ lưu. Tràn xả lũ bố trí bên hữu đập dạng dốc nước kết hợp bể tiêu năng. Hồ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 6 xóm của xã Thanh Định (Pái Trận, Thẩm Quẩn, Na Mao, Bảo Cái, Khẩu Rị, Na Chía) và 3 xóm của xã Bình Yên (Đông Quang, Đoàn Kết, Nà Lếch).

BON BON

Suối, bắt nguồn từ chân dãy Tam Đảo.

Đây là khu vực rừng Quốc gia được bảo vệ tốt nên cây cối sum suê. Suối là một thắng cảnh đẹp của xã Mỹ Yên. Suối có nhiều ghềnh thác và những tảng đá to, nhẵn, phẳng; nước trong và mát. Cùng với khí hậu, môi trường trong lành nên về mùa hè nhân dân trong xã và nhiều người ở các nơi khác, đặc biệt là học sinh ở các trường thường vào nghỉ mát.

BÒNG TRIỆU THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1901, dân tộc Kinh, quê xã Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; thường trú tại thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Triệu Thị Bòng có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là liệt sĩ Đồng Văn Vui (nhập ngũ năm 1947, hi sinh năm 1952).

Xét công lao nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất vì độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Triệu Thị Bòng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

BÓNG TỐI

Cầu, được xây dựng đầu thế kỷ XX, bắc qua ngòi Đầm Xanh trên trục Quốc lộ 3 (cũ), thuộc địa phận xóm Thái Ninh, xã Túc Duyên, huyện Đồng

Hỷ (nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên). Cầu dài 8 m, rộng 6 m. Hai mố cầu xây bằng đá, dầm cầu bằng sắt, mặt cầu bằng gỗ; tải trọng dưới 10 tấn.

Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, quân dân ta phá sập cầu để cản bước tiến của giặc Pháp. Năm 2000, cầu Bóng Tối được xây dựng lại, có lý trình km 1+ 723; dài 8,1 m, rộng 17,5 m, tải trọng H30. Kết cấu mặt cầu bê tông cốt thép dự ứng lực, hai mố cầu bằng bê tông cốt thép.

BỒ CU

Mỏ vàng gốc, nằm trên địa bàn xã Liên Minh, huyện Võ Nhai và xã Cây Thị, Tân Lợi (huyện Đồng Hỷ). Mỏ có diện tích 543 ha, trữ lượng 121.771 tấn quặng nguyên khai, công suất thiết kế 5.000 tấn quặng nguyên khai/năm. Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 26 năm theo Giấy phép số 1726/GP-UBND, ngày 31/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

BỒ CUỐI

Hang đá tự nhiên nằm lưng chừng dãy núi đá thuộc xóm Đồng Mỏ, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương.

Những ngọn núi nơi có hang Bồ Cuối, thực chất là kiểu rừng núi đá nguyên sinh ít bị chặt phá, tạo nên cảnh quan thiên nhiên rất hùng vĩ. Hang ở vị trí khá cao, cách chân núi trên 200 m. Lòng hang rộng và sâu, không khí trong hang trong lành, mát mẻ. Trên vách và vòm hang, có nhiều nhũ đá hình những con vật như voi, hổ, gấu, khỉ... Nhũ đá còn rủ xuống như những vách tường tạo ra những ô, những buồng lấp lánh như sao mỗi khi ánh đuốc dọi vào, để người dân địa phương gọi đó là "buồng cô tiên". Lòng hang luôn có dòng nước nguồn trong lành chảy ngày đêm làm thành những vũng, những bể nước trong vắt, mát rượi.

Hang Bồ Cuối thực là một hang động tự nhiên rất đẹp, một thắng cảnh của địa phương. Vào mùa hè, dân chúng và học sinh trong xã Yên Lạc và một số xã lân cận vẫn thường lên hang chơi, ngắm cảnh.

BỘ NÔNG TRUNG

Nghệ sĩ Ưu tú, nguyên Trưởng đoàn Nghệ thuật Quân khu I, dân tộc Tày, quê xã Yên Trạch, huyện Phú Lương; hiện ở quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Thuở nhỏ, ông học phổ thông tại huyện Phú Lương. Nhập ngũ tháng 1/1972; tháng 12/1972, chuyển về Đoàn Văn công Quân khu Việt Bắc. Năm 1976, học thanh nhạc tại Trường Nghệ thuật Quân đội; năm 1980, làm diễn viên ca của Đoàn. Từ 1998 đến khi nghỉ hưu, là Trưởng đoàn Nghệ thuật Quân khu I.

Nghệ sĩ Nông Trung Bộ đã được trao tặng 3 *Huy chương Vàng* cho đơn ca tại Hội diễn Ca múa nhạc toàn quốc (1984, 1999) và tại Hội diễn toàn quân (1985); 2 *Huy chương Vàng* chỉ đạo nghệ thuật trong các kỳ hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc (2004).

Ông được phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 1997.

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN

Cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, được thành lập vào tháng 4/1947, với tên gọi Tỉnh đội bộ dân quân. Tháng 10/1949, thực hiện Sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương ở cấp huyện, tỉnh, Tỉnh đội bộ dân quân Thái Nguyên đổi tên thành Tỉnh đội Thái Nguyên. Từ tháng 7/1965, tỉnh Thái Nguyên sáp nhập với tỉnh Bắc Cạn thành tỉnh Bắc Thái, cơ quan quân sự hai tỉnh cũng sáp nhập thành Tỉnh đội Bắc Thái.

Tháng 8/1971, quy mô tổ chức của Tỉnh đội Bắc Thái được nâng cấp từ trung đoàn, lên tương đương cấp sư đoàn. Ban Chỉ huy tỉnh Bắc Thái được đổi thành Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái. Các chức danh *Tỉnh đội trưởng* và *Tỉnh đội phó* được đổi thành *Chỉ huy trưởng* và *Chỉ huy phó* Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. *Chính trị viên trưởng* và *Chính trị viên phó* được đổi thành *Chính ủy* và *Phó Chính uỷ*... Tháng 1/1997, tỉnh Bắc Thái tách thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Theo đó, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái cũng được tách thành hai cơ quan quân sự của hai tỉnh.

Trụ sở Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên hiện nay đóng tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên có chức năng tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo và quản lí nhà nước về quốc phòng ở địa phương; trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang nhân dân địa phương về các mặt xây dựng, hoạt động và tác chiến, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ huy của Bộ Tư lệnh Quân khu I. Tổ chức bộ máy gồm Chỉ huy trưởng, các Phó Chỉ huy

trưởng, các cơ quan (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật, Tài chính) và bộ phận phục vụ.

Trải qua hơn 60 năm hoạt động (1947 - 2010), với những thành tích đặc biệt xuất sắc qua các thời kỳ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: *Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba* (năm 2005) cùng nhiều Bằng khen, cờ thưởng của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

BỘC NHIÊU

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Bộc Nhiêu huyện Định Hóa thuộc An toàn khu Trung ương, là nơi ở và làm việc của một số đơn vị: Cục Dân quân tự vệ (1947 - 1951), Cục Giao thông - Công binh, Cục Quân chính (nay là Cục Quuan lực), Xưởng may 10 - Cục Quân nhu, Trạm Thu dung quân thuộc Cục Quân lực. Bộc Nhiêu cũng là nơi ra đời và trưởng thành của Trung đoàn pháo cao xạ 367 (đơn vị tiền thân của Binh chủng Phòng không thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân ngày nay).

Ngoài nhiệm vụ bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bộc Nhiêu còn ủng hộ hàng vạn tàu lá cọ, hàng nghìn cây gỗ, nứa, đóng góp nhiều công sức giúp các đơn vị dựng được 90.000 m^2 nhà ở, nhà làm việc, xưởng sản xuất; ủng hộ kháng chiến 15 con trâu, 5 tấn thóc, 160 đồng bạc; tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào: Mùa đông binh sĩ, Hũ gạo kháng chiến; động viên 13 thanh niên xung phong tòng quân giết giặc, 200 lượt người tham gia dân công hoả tuyến phục vụ các chiến dịch, góp phần đưa cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bộc Nhiêu đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005), tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

BỘC NHIÊU

Xã miền núi nằm ở vùng Nam huyện Định Hoá, được thành lập từ trước Cách mạng tháng Tám 1945, gồm các thôn Bản Dạo, Bản Chú, Bản Bục, Bản Dịn, Lạc Nhiêu, Việt Nhiêu, Vân Nhiêu; phía đông giáp xã Phú Tiến; phía tây giáp các xã Sơn Phú và Bình Thành, phía nam giáp xã Phúc Lương (huyện Đại Từ), phía bắc giáp các xã Trung Lương, Trung Hội.

Tổng diện tích tự nhiên 26,02 km², trong đó đất nông nghiệp 24,8472 km², đất phi nông nghiệp 1,0152 km², còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 3.711 người, thuộc 10 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Dao, Nùng, Hoa, Sán Dìu, Mông, Thái, Mường cư trú ở 21 xóm: Lạc Nhiêu, Dạo 1, Dạo 2, Đồng Tâm, Thẩm Chè, Minh Tiến, Việt Nhiêu, Bục 1, Bục 2, Bục 3, Bục 4, Đình, Hội Tiến, Chú 1, Chú 2, Chú 3, Chú 4, Rịn 1, Rịn 2, Rịn 3, Vân Nhiêu.

Là xã trong An toàn khu Trung ương, là nơi ở và làm việc của Cục Dân quân - Tự vệ (1947 - 1951), Cục Công binh (1947 - 1951), Cục Quân lực (1497 - 1951), Cục Quân pháp (1947 - 1951), Xưởng may 10 - Cục Quân nhu (1952), Trường Thông tin (1952), Xưởng đồ bản - Cục Bản đồ (1953), Trạm Thu dung quân thuộc Cục Quân lực.

BỘC NHIÊU

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc khu vực Đông Nam huyện Định Hoá, gồm địa bàn 2 xã: Bộc Nhiêu và Phú Tiến ngày nay. Phía đông giáp huyện Phú Lương; phía tây giáp xã Bình Thành (nay là các xã Bình Thành, Sơn Phú, Phú Đình); phía nam giáp huyện Đại Từ; phía đông bắc giáp huyện Phú Lương, phía tây bắc giáp xã Trung Hội (nay là các xã Trung Lương, Trung Hội). Diện tích tự nhiên 40,63 km²; dân số 1.312 người thuộc các thành phần dân tộc Tày 85,8%, Kinh 14,18%... Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Bộc Nhiêu nằm trong vùng trung tâm An toàn khu (ATK) Trung ương - Thủ đô Kháng chiến của cả nước.

Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Bộc Nhiêu tách thành 2 xã: Bộc Nhiêu, Phú Tiến ổn định cho tới ngày nay.

BỐN LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê xã Thuỵ Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội; trú quán tại xóm La Cướm, xã Tích Lương (nay là phường Tích Lương) thành phố Thái Nguyên. Mẹ Lê Thị Bốn có con độc nhất là liệt sĩ Lê Danh Toàn (nhập ngũ năm 1962, cuối năm 1964 xuất ngũ, tái ngũ năm 1968; hi sinh ngày 27/1/1973 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Bốn danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

BỐN TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1929, quê xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Mẹ Trần Thị Bốn có con độc nhất là liệt sĩ Tô Cát Chiếu (nhập ngũ tháng 11/1966, hi sinh ngày 10/3/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, mẹ Trần Thị Bốn được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

BỜ TẤC

Suối, bắt nguồn từ làng Bờ Tấc (xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình), chảy qua Na Ri, làng Ngò, Đồng Bầu và làng Cả, xuống Hoàng Mai (xã Tân Khánh, huyện Phú Bình), qua cống Lõng Dung rồi đổ ra sông Cầu. Con suối này có 5 con đập dâng nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 6 làng.

BƠRIE ĐƠ LISLƠ (BRIERE DE LISLE)

Thiếu tướng quân đội viễn chinh Pháp, người chỉ huy lữ đoàn 1 quân Pháp gồm 2.800 quân bộ binh và pháo binh, trong đó có 32 sĩ quan. Ngày 17/3/1884, từ Bắc Ninh, Bơrie đơ Lislơ phái 2 đại đội lính Angiêri, 1 trung đội pháo tiến lên Thái Nguyên; sáng ngày 19/3/1884, toàn bộ cánh quân của De Lisle tấn công đánh chiếm thành tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất. Ngày 21/3/1884, sau khi phá huỷ thành Thái Nguyên, quân Pháp rút về Bắc Ninh. Ngày 15/4/1884, quân Pháp đánh chiếm Thái Nguyên lần thứ hai, nhưng đến 19/4/1884 lại rút về Bắc Ninh. Ngày

10/5/1884, chúng mới chính thức chiếm đóng thành Thái Nguyên, từng bước thiết lập bộ máy cai trị tại tỉnh Thái Nguyên.

Ông được chính quyền thực dân Pháp bổ nhiệm làm Phó Công sứ, rồi Công sứ đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên.

BƯỞI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1908, quê thôn Quan Đình, xã Vân Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; thường trú tại xã Đồng Tiến (nay là phường Đồng Tiến, huyện Phổ Yên).

Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hoà. Mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

BƯU ĐIỆN HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với nhiệm vụ vận chuyển, phát hành thư, tài liệu, sách, báo... phục vụ các cơ quan và nhân dân trên địa bàn. Từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Bưu điện Đại Từ đảm nhận 2 chức năng chính là Bưu chính và Viễn thông.

Ngày 3/1/2008, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành Quyết định số 118/QĐ-TCCB/HĐQT chia tách Bưu điện huyện Đại Từ thành 2 đơn vị độc lập là Bưu điện huyện Đại Từ và Trung tâm Viễn thông Đại Từ. Bưu điện huyện Đại Từ trở thành doanh nghiệp Nhà nước với chức năng tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí công ích và cung cấp một số dịch vụ viễn thông; thực hiện một số công đoạn trong quy trình cung cấp dịch vụ viễn thông, tin học.

BƯU ĐIỆN HUYỆN ĐỊNH HÓA

Là đơn vị kinh tế trực thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên, thành lập theo Quyết định số 330/QĐ-TCLĐ ngày 23/1/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam; trụ sở đặt tại xóm Bãi Á 1, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Tiền thân của Bưu điện huyện Định Hóa là Phòng Bưu điện huyện Định Hóa thuộc Ty Bưu điện tỉnh Thái Nguyên được thành lập từ năm 1947. Năm 1974, Phòng Bưu điện huyện Định Hóa đổi tên thành Bưu

điện huyện Định Hóa (theo Quyết định số 93/CP của Hội đồng Chính phủ). Ngày 3/7/1997, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam ra Quyết định số 1826/QĐ-TCCB thành lập Bưu điện huyện Định Hóa. Ngày 23/1/2008, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam ra Quyết định số 330/QĐ-TCLĐ thành lập lại Bưu điện huyện Định Hóa.

Lúc mới thành lập (năm 1947), Phòng Bưu điện huyện Định Hóa có biên chế từ 5 người đến 7 người, trang bị 1 tổng đài 20 cửa, có đường dây đấu thẳng với tổng đài Bộ Tổng Tư lệnh và một số cơ quan Trung ương đóng tại huyện Định Hóa (Phòng Bưu điện các huyện khác trong tỉnh chỉ được trang bị tổng đài 10 cửa). Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, Phòng Bưu điện huyện Định Hóa có nhiều năm đạt danh hiệu Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Năm 1995, Bưu điện huyện Định Hóa được trang bị tổng đài NEAX61 - 500 số. Tháng 10/1996, Bưu điện huyện Định Hóa được lắp đặt cặp thiết bị truyền dẫn DM-1.000 cho tuyến vi ba Thái Nguyên - Định Hóa.

Tháng 7/2002, Bưu điện huyện Định Hóa được chia tách thành Bưu điện huyện Định Hóa và Trung tâm Viễn thông huyện Định Hóa, cùng chung một trụ sở tại thị trấn Chợ Chu. Bưu điện huyện Định Hóa là đại diện của Bưu điện tỉnh Thái Nguyên tại huyện Định Hóa, chịu sự quản lí về hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa; là đơn vị kinh tế trực thuộc và hạch toán phụ thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên. Bưu điện huyện Định Hóa có chức năng, nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng trên địa bàn huyện. Cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và địa phương. Thực hiện những nhiệm vụ công ích khác do ngành và địa phương yêu cầu. Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước. Cung cấp các dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác. Phối hợp với Viễn thông cung cấp các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ hiện đại hoá mạng lưới.

BƯU ĐIỆN HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập theo Quyết định số 331/QĐ-TCLĐ, ngày 23/1/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam; trụ sở đặt tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Bưu điện huyện Đồng Hỷ tiền thân là Phòng Bưu điện huyện Đồng Hỷ thuộc Ty Bưu điện tỉnh Thái Nguyên thành lập năm 1947. Năm 1974, Phòng Bưu điện huyện Đồng Hỷ đổi tên thành Bưu điện huyện Đồng Hỷ (theo Quyết định số 93/CP của Hội đồng Chính phủ). Ngày 3/7/1997, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam ra Quyết định số 1823/QĐ-TCCB thành lập Bưu điện huyện Đồng Hỷ. Ngày 23/1/2008, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam ra Quyết định số 331/QĐ-TCLĐ thành lập lại Bưu điện huyện Đồng Hỷ.

Bưu điện huyện Đồng Hỷ có chức năng, nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng trên địa bàn huyện; cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và địa phương; thực hiện những nhiệm vụ công ích khác do ngành và địa phương yêu cầu; kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước; cung cấp các dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác; phối hợp với Viễn thông cung cấp các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện; tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ hiện đại hoá mạng lưới.

BƯU ĐIỆN HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập theo Quyết định số 335/QĐ-TCCB ngày 14/6/1997 của Tổng cục Bưu điện. Trụ sở đặt tại thị trấn Úc Sơn (nay là thị trấn Hương Sơn), huyện Phú Bình.

Tháng 7/2002, Bưu điện huyện Phú Bình được chia tách thành Bưu điện Phú Bình và Trung tâm Viễn thông Phú Bình, cùng chung một trụ sở tại thị trấn Úc Sơn. Đến tháng 1/2008, Bưu điện huyện Phú Bình được thành lập mới trực thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên.

Bưu điện huyện Phú Bình hiện nay thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng lưới bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công, cung cấp các dịch vụ bưu chính

công ích, kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước, cung cấp dịch vụ bưu chính quốc tế, cung cấp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin và các dịch vụ khác khi được Nhà nước cho phép.

BƯU ĐIỆN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 1825/QĐ-TCCB, ngày 3/7/1997 của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Trụ sở đặt tại Tiểu khu Thái An, thị trấn Đu, huyện Phú Lương

Đến năm 2002, Bưu điện huyện Phú Lương tách ra thành 2 đơn vị là Bưu điện huyện Phú Lương (trực thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên) và Trung tâm Viễn thông Phú Lương (trực thuộc Công ty Điện báo - Điện thoại của Bưu điện tỉnh Thái Nguyên).

Đến tháng 1/2008, Bưu điện huyện Phú Lương được thành lập mới theo Quyết định số 335/QĐ-TCLĐ, ngày 23/1/2008 của Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam, trực thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên.

Chức năng, nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng lưới bưu chính công cộng, phục vụ các dịch vụ bưu chính công ích, hành chính công, phục vụ công tác an sinh xã hội, kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước, cung cấp bưu chính quốc tế; tài chính bưu chính, phân phối truyền thông - công nghệ thông tin và các dịch vụ hàng hóa khác được Nhà nước cho phép.

Cơ cấu tổ chức: gồm có 3 bộ phận là: Quản lí - Văn phòng - Kế toán; Giao dịch; Khai thác bưu chính; 4 bưu cục trực thuộc; 13 bưu điện văn hóa xã.

BƯU ĐIỆN HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 3/7/1997 theo Quyết định số 1824/QĐ-TCCB của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam. Ngày 23/1/2008, Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam ban hành Quyết định số 336/QĐ-TCLĐ thành lập lại Bưu điện huyện Võ Nhai, là đơn vị kinh tế trực thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số nhà 169 phố Thái Long, thị trấn Đình Cả huyện Võ Nhai.

Bưu điện Võ Nhai có nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng trên địa bàn huyện; Cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và địa phương; Thực hiện những nhiệm vụ công ích khác do ngành và địa phương yêu cầu; Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước; Cung cấp các dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác; Phối hợp với Viễn thông cung cấp các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện; Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ hiện đại hoá mạng lưới...

BƯU ĐIỆN THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập ngày 22/7/1985 theo Quyết định số 747/QĐ- TCCB của Tổng cục Bưu điện; trụ sở đặt tại phường Thắng Lợi.

Sau khi chia tách Bưu chính và Viễn Thông, Bưu điện thị xã Sông Công xây dựng trụ sở mới tại số 124 Đường Thống Nhất, xã (nay là phường) Cải Đan; có nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng trên địa bàn huyện, thị xã; Cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và địa phương; Thực hiện những nhiệm vụ công ích khác do ngành và địa phương yêu cầu; Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước; Cung cấp các dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác; Phối hợp với Viễn thông cung cấp các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...

BƯU ĐIỆN HUYỆN PHỔ YÊN

Được thành lập năm 1947, với nhiệm vụ vừa làm dịch vụ, vừa phục vụ thông tin cho công tác chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Năm 1962, Bưu điện Phổ Yên mở thêm Trạm Bưu cục ở Phúc Thuận, tăng thiết bị hoạt động, mở rộng bán lẻ tem, thư, báo chí. Sau năm 1975, Bưu điện Phổ Yên mở rộng mạng lưới ra Mỏ Chè, Phúc Thuận, Thanh Xuyên. Năm 1990, Bưu điện Phổ Yên được xây dựng hoàn chỉnh, đủ tiện nghi, trang thiết bị phục vụ yêu cầu thông tin trong và ngoài nước; năm 1994, mở

thêm Bưu cục ở Thanh Xuyên, trên trục Đường số 3; năm 1997, mở thêm Bưu cục Phúc Thuận, phục vụ các xã miền Tây của huyện.

BƯU ĐIỆN TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập từ tháng 9/1945, ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, gồm 10 cán bộ, nhân viên, chủ yếu phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Việc phục vụ thông tin liên lạc cho các cơ quan Đảng, chính quyền cách mạng do Ban Giao thông liên lạc phụ trách.

Ngày 6/12/2007, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ra Quyết định số: 578/QĐ-TCCB/HĐQT, thành lập Bưu điện tỉnh Thái Nguyên là một doanh nghiệp Nhà nước của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Thời gian này, Bưu điện tỉnh Thái Nguyên có khoảng 400 cán bộ, công nhân viên chức.

Ngày 1/1/2008, Bưu điện tỉnh Thái Nguyên chia tách thành 2 đơn vị mới: Viễn thông Thái Nguyên và Bưu điện tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở Bưu điện tỉnh đặt tại nhà số 10 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, thuộc địa phận Tổ 4, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Chức năng, nhiệm vụ: Thiết lập, quản lí, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng trên địa bàn toàn tỉnh; Cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo quy hoạch, kế hoạch phát triển bưu chính của Tổng Công ty và những nhiệm vụ công ích khác do Tổng Công ty giao, hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, chuyển phát, phát hành báo chí, tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh; Hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông cung cấp, kinh doanh các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn; Tư vấn, nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát; Tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật và được Tổng Công ty cho phép.

Tính đến năm 2010, Bưu điện tỉnh Thái Nguyên có 8 Bưu điện huyện, thị xã, 7 Bưu cục trực thuộc (Trung tâm, Thịnh Đán, Đồng Quang, Phú Xá, Lưu Xá, Quan Triều, Khai thác -Vận chuyển), và 4 phòng chức năng (Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Kinh doanh, Kỹ thuật - Nghiệp vụ, Kế toán - Tài chính - Thống kê).

Bưu điện tỉnh Thái Nguyên đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: 3 *Huân chương Lao động hạng Ba* (các năm 1959, 1966, 1996), 2 *Huân chương Lao động hạng Nhì* (các năm 1960, 1968), danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* (năm 2000) và nhiều Bằng khen, Cờ thi đua xuất sắc của các cơ quan Trung ương và địa phương.

CA

Cầu, được xây dựng năm 2010, nằm trên tuyến Tỉnh lộ 261C, thuộc địa phận xã Kha Sơn, huyện Phú Bình. Cầu dài 24 m, rộng 9 m, chiều dài nhịp cầu là 18m; tải trọng 30 tấn.

CÀ PHÊ 2

Bến đò, nằm tại địa phận xóm Cà Phê 2, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ. Tại nơi đây, trước năm 1945 đã hình thành một bến phà trên cơ sở thoả thuận giữa chủ mỏ chì Lang Hít và chủ mỏ than Phấn Mễ để vận chuyển quặng.

Năm 1960, Nhà máy đường Minh Lập được thành lập. Việc vận chuyển mía cho Nhà máy được thực hiện bằng phương tiện bè mảng. Năm 1971, cầu treo được xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển mía tới nhà máy đường. Tuy nhiên, do tình hình sản xuất của Nhà máy ngày càng sa sút, cầu treo không được quan tâm tu sửa, nên ngày càng xuống cấp.

Khoảng năm 1983, một trận mưa lũ đã làm sạt lở bãi bồi, làm hỏng hoàn toàn cây cầu. Từ đó, việc đi lại của nhân dân giữa hai bên bến chủ yếu bằng con đò gỗ.

Hiện nay, tại bến đò Cà Phê 2 có 2 chiếc đò bằng sắt chạy bằng máy nổ; mỗi chiếc chở được 7 - 10 người/lượt; chủ yếu phục vụ nhu cầu đi lại và giao thương hàng hoá của nhân dân trong vùng.

CẢ

Chùa, còn gọi là chùa Hà Châu, được dựng khoảng thế kỷ XVII ở xóm Sỏi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

Năm 1993, ngôi chùa được nhân dân xây dựng lại, nằm trên đỉnh đồi thấp, mặt quay về hướng nam, kết cấu theo hình chuôi vồ, gồm 3 gian, 2 chái; mỗi gian rộng 15 m².

Hiện vật cổ còn lại tại chùa là 40 pho tượng bằng gỗ và bằng đất, 40 cột đá, 3 tấm bia trong đó có 1 tấm bia có niên đại Dương Đức năm thứ nhất (1672).

CẢ

Chùa, được dựng từ thời Hậu Lê, tại làng Xuân Trù, tổng Tiên Thù xưa, nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Do thời gian và chiến tranh, chùa đã bị tàn phá nặng nề. Năm 1998, chùa Cả được xây dựng lại trên nền cũ nhưng to đẹp, khang trang hơn. Chùa Cả thờ Phật và thờ Mẫu. Chùa chỉ giữ lại được một số di vật cổ (6 pho tượng tạc bằng gỗ mít, 1 bia đá dựng năm Chính Hoà thứ nhất đời Lê Hy Tông (1681)...

Cụm Di tích lịch sử văn hoá chùa Cả và đình Xuân Trù đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp bằng di tích văn hoá cấp Tỉnh năm 2009.

CẢ

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Bồ Cu, Khuôn Ngoài, được nhiều khe suối nhỏ bổ sung nước vào dòng chảy mà tạo thành suối lớn. Suối có chiều dài trên 7 km, chảy qua 4 xóm: Nhâu, Vang, Thâm, Nho của xã Liên Minh rồi đổ vào sông Rong ở khu vực giáp ranh xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.

CÁC PHAN VĂN

Nhà giáo Nhân dân, Dược sĩ cao cấp, Tiến sĩ, quê huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Y (nay là Trường Đại học Y - Dược) - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1969, sau khi tốt nghiệp Dược sĩ cao cấp tại Đại học Dược Hà Nội, ông được phân công làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Y Bắc Thái. Từ năm 1972 đến năm 1976, là thực tập sinh khoa học tại Cộng hoà Nhân dân Hunggari.

Nhà giáo Phan Văn Các đã từng đảm nhận các chức vụ: Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu khoa học, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng Bộ môn Dược lí, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Y (nay là Trường Đại học Y - Dược - Đại học Thái Nguyên). Ông được trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, được công nhận là *Chiến sĩ thi đua* cấp Bộ (2000); được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Nhân dân* năm 2002.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Là một quá trình vận động cách mạng (1939 - 1945), do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Chống đế quốc để giành độc lập cho dân tộc và chống phong kiến để giành ruộng đất cho dân cày. Vận dụng sáng tạo học thuyết cách mạng bạo lực của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể, Đảng CSĐD và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã lãnh đạo xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; xây dựng căn cứ địa ở nông thôn, miền núi; thực hiện khởi nghĩa từng phần, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong cả nước (14 - 28/8/1945). Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh - thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, chính thức tuyên bố trước toàn thế giới và toàn thể Quốc dân: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

CẢI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Kinh, quê tỉnh Thái Bình; trú quán tại phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Cải có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Ngọc Sắn (nhập ngũ năm 1967, hi sinh ngày 19/3/1972 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Cải danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CẢI ĐAN

Chùa, được dựng từ thời Lý, đã qua nhiều lần tôn tạo. Năm 2002, ngôi chùa được dựng lại tại tổ dân phố Nguyên Gỉa, xã Cải Đan, nay là phường Cải Đan, thị xã Sông Công; là nơi thờ Đức Phật Thích Ca Mầu Ni và Phật Quan Âm. Hằng năm, lễ hội tổ chức vào ngày 3/1 Âm lịch.

Ngày 18/10/2010, thị xã Sông Công khởi công xây dựng nhà tam bảo của chùa, với diện tích 400m², tổng chi phí đầu tư trên 10 tỉ đồng.

CẢI ĐAN

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Núi Cốc, nối đoạn từ xã Tân Quang, đi qua địa phận phường Cải Đan dài 1.500 m; đảm bảo cung cấp nước cho 200 ha đất canh tác.

CẢI ĐAN

Phường thuộc thị xã Sông Công, thành lập ngày 10/4/1999, trên cơ sở phần diện tích còn lại của xã Cải Đan sau khi tách một phần diện tích để thành lập phường Phố Cò và xã Vinh Sơn theo Nghị Định số 18/NĐ-CP ngày 10/4/1999 của Chính phủ. Phía đông giáp xã Đồng Tiến (huyện Phổ Yên), phía nam giáp phường Phố Cò, phía tây giáp 2 phường Thắng Lợi và Phố Cò, phía bắc giáp xã Tân Quang.

Diện tích tự nhiên 5,33 km², trong đó đất nông nghiệp 2,93 km², địa hình tương đối bằng phẳng. Dân số (năm 2009) 4.169 người, thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Khơ Me, Nùng, Hoa sinh sống trong 11 tổ dân phố: Xuân Miếu 1, Xuân Miếu 2, Xuân Thành, Nguyên Gon, Nguyên Quán, Ao Ngo, Nguyên Bẫy, Phố Mới, Xuân Gáo, Khuynh Thạch, Nguyên Giả.

Cải Đan có cơ cấu kinh tế: công nghiệp - nông nghiệp và dịch vụ. Trên địa bàn phường có Nhà máy may Shiwon Hàn Quốc, Công ty Cổ phần phát triển Việt Thái, Công ty Cổ phần luyện kim Lửa Việt, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàn My, Công ty Cổ phần thép gang Sông Công, Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Vạn Xuân, v.v...

Phường có Nhà bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ xây dựng năm 2006, diện tích 200 m².

CÁI

Suối, bắt nguồn từ các khe suối nhỏ ở vùng núi Hồng thuộc khu vực phía Tây xã Thanh Định, chảy qua địa bàn các xóm Khau Ruộng, Bản Cái, Đồng Chùa thuộc xã Thanh Định, xuống xã Định Biên hợp lưu với suối Khuổi Chao, tạo thành sông Chợ Chu là một trong những phụ lưu của sông Cầu.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, suối Cái là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các cơ quan Tổng Quân Ủy và cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh (1947 - 1954) tại xóm Nà Nẹng, xã Thanh Định, huyện Định Hoá.

CÁI

Suối, bắt nguồn từ vùng đồi giáp hồ Phượng Hoàng, xã Cù Vân, chảy ra xóm Dốc Đỏ, Bãi Bằng, qua hồ Vực Đạng, xã Tân Thái, rồi nhập vào hồ Núi Cốc thuộc huyện Đại Từ. Suối Cái là nguồn cung cấp nước chính cho

sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã Cù Vân, Tân Thái; bổ sung nguồn nước cho công trình thuỷ nông hồ Núi Cốc, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên.

CÁI

Suối, bắt nguồn từ hai nhánh, 1 nhánh từ xã Nghinh Tường, Sảng Mộc, 1 nhánh từ xã Vũ Chấn, Cúc Đường (huyện Võ Nhai). Hai nhánh suối này hợp lưu ở Nước Hai (xã Cúc Đường) rồi chảy qua thác Mưa Rơi về Thần Sa, chảy ra sông Cầu.

CAM GIÁ

Di tích lịch sử thuộc phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên. Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên ngày 1/1/1964,

Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 62/2003/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003).

CAM GIÁ

Phường, nằm ở khu vực Đông Nam thành phố Thái Nguyên, trước đây là xã Cam Giá thuộc huyện Đồng Hỷ. Năm 1962, thành lập thành phố Thái Nguyên, xã Cam giá cùng với 8 xã khác của huyện Đồng Hỷ được chuyển về trực thuộc thành phố Thái Nguyên. Năm 1985, xã Cam Giá đổi thành phường Cam Giá. Phía bắc giáp sông Cầu, phía tây bắc giáp phường Gia Sàng, phía đông và đông bắc giáp phường Hương Sơn, phía nam giáp phường Trung Thành, phía tây và tây nam giáp phường Phú Xá.

Diện tích tự nhiên 8,1 km². Dân số (năm 2009) 10.361 người thuộc 8 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 41 tổ dân phố. Nhân dân Cam Giá trước đây sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp; nay đã chuyển sang kinh doanh thương mại, dịch vụ, sản xuất vật liệu xây dựng, số đông trở thành công nhân Khu Gang thép. Khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên được xây dựng (1959) trên địa phận xã Cam Giá. Nhân dân Cam Giá đã hiến hơn 1.000 ha đất và đóng góp rất nhiều công sức để xây dựng Khu Gang thép. Trong cuộc chiến tranh phá hoại những năm 1965 - 1972, không quân của đế quốc Mĩ đã

dội hàng ngàn tấn bom vào Khu Gang thép và xã Cam Giá. Nhân dân xã Cam Giá đã cùng quân dân thành phố và tự vệ Khu Gang thép chiến đấu ngoan cường, lập nhiều chiến công, được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

CAM TRA

Chiến sự ngày 28/12/1947.

Sau các ngày 25, 26, 27/11/1947 liên tiếp tung quân đi lùng sục, càn quét không thu được kết quả, ngày 28/11, quân Pháp tập trung một lực lượng lớn chia thành 2 cánh quân tổ chức càn quét từ Tây Bắc xuống Đông Nam huyện Định Hoá nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não kháng chiến. Nắm được ý đồ của địch, bộ đội chủ lực và du kích các xã của huyện Định Hoá chủ động phối hợp chặn đánh địch khắp nơi. Chiều ngày 28/11, quân địch từ xã Bình Thành chia làm 2 mũi, một mũi càn vào Điềm Mặc, một mũi càn thẳng vào Lục Rã (Phú Đình), nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng chỉ huy vừa từ ATK Võ Nhai chuyển về được ít ngày.

Khi quân địch lọt vào trận địa phục kích tại cánh đồng Cam Tra, quân ta từ hai bên bìa rừng đồng loạt nổ súng. Bị bất ngờ, quân địch vội vàng tản ra cánh đồng, bắn trả quyết liệt. Bộ đội và du kích lợi dụng các gốc cây, ụ đất tiêu diệt 10 tên địch, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn, quay trở lại Bình Thành. Bộ đội và du kích Phú Đình đã trực tiếp bảo vệ an toàn cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng chỉ huy. Trong trận đánh này, 8 cán bộ, bộ đội chủ lực và du kích hi sinh anh dũng.

CANG LỘC

Đình, được dựng tại xóm Sơn Vinh, xã Sơn Phú, huyện Định Hoá; còn gọi là đình Thẩm Tậu. Kiến trúc kiểu nhà sàn dân tộc Tày ở địa phương, gồm 3 gian, 2 dĩ khung nhà làm bằng gỗ, mái lợp lá cọ, gian giữa bắc sàn thờ 1 thiên thần là Hùng Trấn Giục Sơn; hiện còn 2 đạo sắc phong được ban vào năm Tự Đức thứ 33 (1880) và năm Khải Định thứ 9 (1924).

Đình Cang Lộc được dòng họ Ma Tử ở địa phương truyền đời nhau trông nom, thờ phụng. Tháng 5/1947, từ huyện Sơn Dương (Tuyên Quang) sang ATK Định Hoá, trước khi về ở đồi Khau Tý (Điềm Mặc), Chủ

tịch Hồ Chí Minh đã nghỉ chân tại khu vực này; Người ra thăm đình Cang Lộc, đọc câu đối và ngồi trên hòn đá to cạnh đình xem tài liệu.

CẢNH KHUYA

Bài thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong năm 1947, khi Người ở, làm việc tại đồi Khau Tý, xóm Nà Tra, thôn Điềm Mặc, xã Thanh Định (nay là xã Điềm Mặc), trung tâm An toàn khu (ATK) Định Hoá:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

CAO

Chùa, tên chữ là Đôi Cao tự, được dựng thời Hậu Lê, toạ lạc trên đỉnh một quả đồi cao khoảng 40 m so với mặt ruộng xung quanh, thuộc tổng Tiểu Lễ, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc; nay thuộc xã Tân Hương, huyện Phổ Yên.

Chùa Cao xưa đã bị phá dỡ từ lâu, chỉ còn lại hậu cung, bia đá, trụ đá, các ngôi mộ tháp. Năm 1990, chùa được xây dựng lại trên nền cũ. Hiện nay, chùa Cao có toà chính điện 3 gian, 2 chái xây gạch bê tông cốt thép; phía sau mới xây lại nhà Tổ (2009) rộng lớn tương tự để dùng khi chùa vào hội. Chùa còn xây dựng 1 phủ riêng thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và các anh hùng liệt sĩ của địa phương. Khuôn viên chùa có 5 ngôi mộ tháp, là mộ táng của các vị cao tăng đắc đạo từng trụ trì tại chùa. Sân chùa rộng lớn, lát gạch. Từ cổng tam quan, xuống chân đồi được xây bậc.

Dấu tích ngôi chùa xưa, nay còn 3 tấm bia cổ, trong đó tấm bia lớn nhất ghi rõ: *Đại Việt quốc, Kinh Bắc xứ, Bắc Hà phủ*... dựng năm Chính Hoà thứ l8 (1698). Chùa thờ Phật, thờ Mẫu, theo tín ngưỡng tâm linh của người Việt.

Lễ hội chính của chùa vào ngày 14 và 15/1 Âm lịch. Chùa Cao đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh năm 2006.

CAO NGUYỄN (1828 - 1887)

Bố chánh sứ Thái Nguyên. Tên hiệu là Trác Phong, người làng Cách Bi, huyện Quế Dương (nay là huyện Quế Võ) tỉnh Bắc Ninh. Nguyễn Cao giữ chức Bố chánh sứ Thái Nguyên khoảng cuối thập niên thứ 7 thế kỷ

XIX (chưa xác định rõ). Khi thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873 - 1874), Nguyễn Cao chiêu mộ được hơn 1.000 nghĩa dũng, phối hợp cùng với Bố chánh Phạm Thân đánh giặc. Năm 1874, triều đình Huế ký hoà ước với Pháp, buộc các ông phải giải tán nghĩa quân; triều đình ép ông phải giữ chức Tri huyện Yên Dũng, rồi thăng làm Tri phủ Lạng Giang. Nhờ có công tổ chức khẩn hoang ở biên giới, ông được thăng chức Bố chánh tỉnh Thái Nguyên.

Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 - 1884), Nguyễn Cao chỉ huy quân lính và nghĩa dũng đánh Pháp. Ông bị thương nặng trong một trận đánh ở Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Hà Nội). Sau khi chữa lành vết thương, ông được giữ chức Tán tương quân vụ Bắc Kỳ.

Khi Bắc Ninh, Nhã Nam rồi Thái Nguyên thất thủ (1884), Nguyễn Cao lánh về làng Kim Giang, huyện Yên Lãng, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội) dạy học. Năm 1885, Nguyễn Cao cùng Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy, Tạ Hiện thành lập "Đại nghĩa đoàn" trên cơ sở thống nhất nghĩa quân chống Pháp ở 3 tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên. Đại nghĩa đoàn không ngăn nổi thế giặc, ông lại về Kim Giang ẩn náu, sau bị bắt về giam tại Hà Nội. Trong ngục, ông không ngớt chửi rủa quân giặc, tự rạch bụng tự tử, rồi giật tung bông băng không cho giặc cứu chữa và tuyệt thực. Ngày 14/4/1887, giặc Pháp xử chém ông tại vườn hoa Dứa ở phía bắc hồ Gươm (nay là quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục).

Tự phận ca (*Bài ca về phận mình*) là một tuyệt bút của Nguyễn Cao, viết khi bị giặc bắt, dẫn giải về Hà Nội. Ông cũng là tác giả nhiều bài thơ xuất sắc, được tập hợp thành tập *Trác phong thi tập*.

CAO BÁNG

Chùa, nằm ở trên núi Cao Báng, xóm Bờ La, xã Tân Kim, huyện Phú Bình hiện còn dấu tích nền, hiện vật. Năm 2001, dân địa phương tìm thấy một phần của Cây hương đá khắc chữ Hán nôm. Năm 2003, Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã đến in dập hiện vật lưu giữ nghiên cứu cho biết nội dung ghi công đức một số người huyện Tư Nông, phủ Phú Bình, phủ Hạ Hồng, phủ Kinh Môn, đạo Hải Dương công đức xây dựng chùa Hoa Phúc lự. Đá khắc bia lấy ở núi Kinh Chủ (Hải Dương), cây hương lập ngày

lành giữa mùa đông năm Nhâm Dần đời vua Lê Bảo Thái năm thứ 3 (1722). Một bia đá cao 65 cm, rộng 55 cm, phần đầu bia trang trí mũ trụ bị gãy rời ra, bia bị mờ không còn đọc được chữ. Dấu tích nền chùa cổ được kiến thiết từ cao xuống thấp chùa Thượng - Trung - Hạ, bình đồ hình chữ nhật. Đường lên chùa chia ra 2 phía trái và phải. Chùa Thượng cao nhất có kiến trúc 3 gian tiền đường, sử dụng nhiều vật liệu đá. Trên nền chùa Thượng có 4 cột đá có ngõng lắp, một số tảng đá là chân kê, bàn thờ không còn nguyên vẹn nằm rải rác tại khu vực nền chùa. Hiện tại nhân dân dựng tạm nhà thờ Phật trên nền chùa. Đằng sau chùa Thượng phía bắc có 6 bụi tre gai lớn tương truyền là nơi các quan lớn về dự hội chùa hằng năm đã buộc ngựa ở đây. Có 1 giếng nước nhỏ sâu 3 - 4 m là nơi nhà chùa lấy nước dùng sinh hoạt xưa kia. Dấu tích chùa Trung chỉ còn nền chùa bị cây cối và cỏ mọc phủ lên. Chùa Hạ là công trình lớn hơn cả (còn gọi là đền) có lẽ ở đây thờ Phật và thờ Mẫu. Hiện còn đá tảng, chân kê, bia đá, bàn thờ bằng đá có soi gờ chỉ.

Lễ hội chùa Cao Báng vào ngày mồng 4 tết Nguyên đán cùng ngày với lễ hội di tích đền, đình, chùa cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình.

CAO BÁNG

Cơ sở cách mạng, nơi nuôi giấu cán bộ và cất giấu tài liệu, vũ khí trong những năm 1943 - 1945. Vị trí di tích nằm ở khu vực giữa 2 quả núi trên địa bàn xóm Cao Báng thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Giữa 2 quả núi có con đường mòn chạy qua.

Khoảng cuối năm 1942 đầu năm 1943, các đồng chí Triệu Khánh Phương và Đặng Hồng Hải về Cao Báng xây dựng cơ sở cách mạng. Một số quần chúng sau khi được giác ngộ cách mạng, đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân quyên góp, tiếp tế, nuôi giấu cán bộ. Các ông Bàn Như Hưng, Đặng Sinh Tú, Đặng Sinh Minh, Bàn Như Vượng, Triệu Sinh Đường... sau khi mang vũ khí, lương thực, thực phẩm, luồn rừng sang Tràng Xá (Võ Nhai), đã đưa một số cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân cùng tài liệu tuyên truyền trở về Cao Báng. Từ đó, cơ sở Cao Báng đẩy mạnh hoạt động du kích. Hiện nay, di tích cơ sở cách mạng Cao Báng chỉ còn là một con đường mòn, hai bên là hai khu rừng tái sinh.

CAO BÁNG

Suối, bắt nguồn từ khu rừng Cao Báng, chảy qua Bờ La, Bờ Lận (xã Tân Kim, huyện Phú Bình), xuống La Muôi, La Tú, Kim Bảng, Đồng Tiến, làng Tre, làng Thông, Trại Mới (xã Tân Khánh, huyện Phú Bình), hợp lưu với suối Ngòi Sậy, suối Bến Tắm rồi hội tụ tại Trại Mới, sau đó qua Lõng Dung rồi đổ ra sông Cầu. Con suối này có các đập giữ nước là La Muôi, Đồng Tiến, Kim Bảng, đập làng Tre, đập trạm bơm làng Thông.

CAO BẮC

Công ty Cổ phần Khách sạn, khánh thành và đi vào hoạt động từ tháng 7/2000, đặt tại số 70 - Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực: Dịch vụ khách sạn, phục vụ ăn, uống, giải khát, massage theo nhu cầu của khách; nhận đặt tiệc phục vụ hội nghị; phục vụ các tour du lịch trọn gói trong và ngoài nước.

Khách sạn Cao Bắc đạt tiêu chuẩn 2 sao.

CAO KHẢN

Đền, (còn gọi là đền Bờ Sông), được dựng bằng cột gỗ, kèo tre, mái lá, khoảng năm 1930 do công sức của những người dân đầu tiên đến khai khẩn đất hoang, sinh sống ở xóm Bờ Sông, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ.

Tháng 12/1996, đền được xây dựng lại. Đồ thờ tại đền còn lưu giữ được 1 chiêng đồng, 1 lệnh đồng, 1 chuông nhỏ bằng gang, 1 chuông bằng đồng, 2 lư hương to bằng sứ và một số đồ thờ bằng gỗ mới được cung tiến.

Đền Cao Khản có 4 ngày lễ chính trong năm (lịch âm): Ngày 6/1: Lễ Mở cửa đền; ngày 1/4: Lễ Vào Hạ, ngày 10/7: Lễ Tán Hạ; ngày 25/12: Lễ Tất niên.

CAO LẦM

Nơi đặt cơ sở liên lạc, nuôi giấu cán bộ cách mạng hoạt động ở vùng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai (1941 - 1945). Vị trí di tích là nhà ông Chu Sỹ Quý ở xóm Cao Lầm thuộc xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng như Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh... đã ở và hoạt động tại đây. Trong vườn nhà vẫn còn dấu tích địa điểm nền lán, nơi ở và làm việc của

các đồng chí lãnh đạo. Đây cũng là nơi sinh thành của Thượng tướng Chu Văn Tấn.

CAO NGẠN

Cầu, được xây dựng năm 2007, tại Km 142+705 nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, trên đường vành đai thành phố Thái Nguyên (đường tránh), nối đôi bờ sông Cầu mà bờ phía tây thuộc xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương và bờ phía đông thuộc xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 2010; có chiều dài 217,2 m, rộng 13 m; kết cấu nhịp (nhịp/m) 56x90x56 bằng bê tông cốt thép dự ứng lực. Móng, trụ, thân cầu bằng bê tông cốt thép; tải trọng H30 - XB80 - 30.

CAO NGẠN

Xã, được chuyển giao từ huyện Đồng Hỷ về thành phố Thái Nguyên tháng 7/2008 theo Nghị định số 84/2008/NĐ/CP của Chính phủ. Phía bắc và đông bắc giáp xã Hoá Thượng (huyện Đồng Hỷ), phía tây và phía nam giáp sông Cầu, phía đông giáp xã Đồng Bẩm. Diện tích tự nhiên 8,61 km². Dân số (năm 2009) 6.456 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Tày cư trú ở 17 xóm: Gốc Vối 1, Gốc Vối 2, Hội Hiểu, Ao Vàng, Làng Vàng, Tân Phong, Gò Chè, Xóm Vải, Cổ Rùa, Thác Lở, Cầu Đá, Phúc Lộc, Phúc Thành, Hợp Thành, Thành Công, Tân Thành, Quyết Thắng.

Xã Cao Ngạn nằm bên sông Cầu, có nhiều đồi gò, phần lớn là đất sỏi cơm, thích hợp cho cây công nghiệp (mía, chè), cây ăn quả (mít, dứa, nhãn, vải thiều, na...). Ruộng cấy lúa nước bình quân đầu người thấp (dưới 400m²/người), kém phì nhiêu, năng suất thấp. Cao Ngạn là vùng đất sét, nguyên liệu cần cho sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói).

CAO NGẠN

Công ty Cổ phần gạch, tiền thân là Nhà máy gạch do Rumani giúp xây dựng từ năm 1976, trên địa phận xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên.

Nhà máy là đơn vị thành viên của Công ty Vật liệu xây dựng thuộc Bộ Xây dựng; năm 1985 được bàn giao về cho tỉnh quản lí. Năm 1998, Nhà máy đầu tư dây chuyền sản xuất gạch Tuynel, đơn vị đầu tiên của ngành sản xuất gạch thủ công nghệ tiên tiến của tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh chủ yếu trên các lĩnh vực: Sản

xuất, mua bán các loại vật liệu đất sét nung, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Năm 2010, Công ty Cổ phần gạch Cao Ngạn sản xuất được 21 triệu viên gạch quy tiêu chuẩn, doanh thu đạt 14 tỉ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 1 tỉ đồng; bảo đảm việc làm thường xuyên cho 160 lao động.

CAO NGẠN

Nhà máy nhiệt điện, được khởi công xây dựng ngày 7/10/1960 tại xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ, (nay là phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên) tỉnh Thái Nguyên, do Chính phủ Trung Quốc giúp xây dựng. Công suất thiết kế ban đầu là 24.000 Kw. Ngày 25/8/1962, nhà máy chính thức phát điện phục vụ nhu cầu hoạt động của Khu Gang thép Thái Nguyên và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn thành phố và một số vùng phụ cận. Năm 1966, Nhà máy được bàn giao về Bộ Điện và Than.

Trong những năm 1965 - 1972, nhà máy nhiều lần bị máy bay giặc Mĩ ném bom, bắn phá ác liệt, gây nhiều thiệt hại nặng nề. Cùng với các đơn vị phòng không trên địa bàn, tự vệ nhà máy đã anh dũng chiến đấu đánh trả máy bay Mĩ, giữ vững sản xuất.

Sau ngày thống nhất đất nước (1975), nhà máy tiếp tục sản xuất điện phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. Từ những năm 90 của thế kỷ XX, do khó khăn về nguyên liệu, đặc biệt là vật tư thiết bị thay thế, Nhà máy phải ngừng hoạt động một thời gian dài. Năm 2003, nhà máy được bàn giao và trở thành Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV (Thái Nguyên) trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (Quyết định số 171/2003/QĐ - BCN của Bộ Công nghiệp).

CAO NGẠN

Công ty Cổ phần xi măng, được thành lập tháng 8/1995; trụ sở kinh doanh đặt tại xóm Ao Vàng, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên.

Công suất thiết kế ban đầu 38.000 tấn/năm và 120 tấn clinker/ngày với công nghệ lò đứng, sản phẩm xi măng CP 30. Từ năm 2010, Công ty bỏ dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng, chuyển hẳn sang sản xuất xi măng bằng 100% clinker lò quay, chất lượng cao, thương hiệu Xi măng Cao Ngạn được khẳng định, có uy tín trên thị trường.

CÁN THÉP THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, được khởi công xây dựng ngày 28/11/2002, tại khu vực Lưu Xá, thành phố Thái Nguyên.

Nhà máy Cán thép Thái Nguyên là một trong những hạng mục đầu tư quan trọng trong dự án đầu tư cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên giai đoạn I, hoàn thành và đi vào hoạt động từ năm 2005. Với việc đầu tư dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại của Danieli (Italia), công suất 300.000 tấn thép cán/năm đã nâng tổng công suất sản xuất thép cán của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên lên 550.000 tấn/năm.

Đây là một trong những nhà máy có dây chuyền hiện đại và năng lực sản xuất lớn nhất khu vực miền Bắc, tốc độ cán đạt 110m/s, công suất cán 50tấn/h, dây chuyền sản xuất hoàn toàn tự động từ khâu nạp phôi đóng bó sản phẩm, trong đó được lắp đặt 14 giá cán đứng, nằm liên tục, 10 giá Block.

Ngoài ra với hệ thông xử lí nhiệt QTB, QTR làm tăng độ bền bóng mặt sản phẩm, trong quá trình cán có cân nhanh kiểm tra sản phẩm để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp, đây là một trong những đặc tính nổi trội mà hầu như chưa có đơn vị sản xuất thép trong nước sử dụng. Cơ cấu sản phẩm của nhà máy gồm: Thép cuộn: Ø5,5 ÷ Ø12, thép thanh vằn: D10 ÷ D36.

Sản phẩm của nhà máy phù hợp các tiêu chuẩn chất lượng: TCVN (Việt Nam); JIS (Nhật Bản); DIN (Đức); ASTM (Mỹ); BS (Anh) và được áp dụng hệ thống quản lí chất lượng quốc tế ISO 9001: 2008.

CÁT NÊ

Chùa, được dựng từ lâu đời ở xóm Đình, xã Cát Nê, huyện Đại Từ.

Chùa kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, tường xây bằng gạch, cột gỗ lim luồn trong, mái lợp tranh nứa. Nhà chính dài 12 m, rộng 6 m, hậu cung sâu 5 m, rộng 4 m. Ngoài chùa chính còn có một nhà thờ tổ và một gian bếp. Chùa nhìn theo hướng đông nam, xung quanh có nhiều cây đa, cây mít cổ thụ. Sân chùa có 2 bia đá chạm khắc chữ Hán. Trong chùa có tượng 2 vị Tam thế (Thích Ca Mâu Ni, Bồ Tát Quan âm), Toà Cửu long,

ông Khuyến Thiện, ông Trừng Ác (còn gọi là 2 ông Hộ Pháp) và 18 vị La Hán. Chùa còn có 1 chuông đồng và một số đồ thờ khác.

Lễ chính tại chùa vào 2 ngày 15/1 và 8/4 âm lịch.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhân dân Cát Nê tự dỡ bỏ chùa. Tượng, chuông và đồ thờ bị thất lạc. Hiện chỉ còn một số đá tảng kê chân cột chùa nằm rải rác quanh khu vực chùa cũ. Năm 1960, khu đất chùa được Ủy ban Hành chính xã cho xây dựng trường học (cấp I).

CÁT NÊ

Đình, được dựng tại xóm Đình, xã Cát Nê, huyện Đại Từ; kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, dài khoảng 18 m, rộng 12 m; cột bằng gỗ lim, cột cái có đường kính 60 cm được chạm trổ công phu tinh xảo, xung quanh bưng bằng ván gỗ, hậu cung sâu 6 m, rộng 5 m. Trước cửa đình có 2 bia đá khắc chạm chữ Nho. Xung quanh đình có nhiều cây đa cổ thụ.

Tại ngôi đình, tháng 4/1945, đội Cứu quốc quân Phạm Hồng Thái tổ chức mít tinh, chính thức ra hoạt động công khai, kêu gọi nhân dân đoàn kết đứng lên đánh đuổi Pháp - Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhân dân Cát Nê tự tay phá dỡ đình. Năm 1991, trụ sở Ủy ban nhân dân xã được xây dựng trên khu đất đình xưa. Hiện nay, dấu tích còn lại của ngôi đình là một cây đa cổ thụ và một số đá tảng kê chân cột đình.

CÁT NÊ

Xã miền núi, nằm ở khu vực Tây Nam huyện Đại Từ, cách thị trấn huyện lị 14 km; phía tây bắc giáp xã Văn Yên, phía đông bắc giáp xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên), phía đông nam giáp xã Quân Chu. Phía tây là dãy Tam Đảo có đỉnh núi cao 1.385 m. Dãy núi Thần Lằn nằm ở phía đông nam tạo thành ranh giới tự nhiên với xã Phúc Tân có đỉnh cao 449 m. Cát Nê có nhiều suối nhỏ (suối Đầu Cầu, suối Lọng Lạnh, suối Giõng Giao, suối Hai Huyện...) đều được bắt nguồn từ dãy Tam Đảo và là đầu nguồn của sông Quân Chu. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, cuối thế kỷ XIX là làng Cát Nê thuộc tổng Thượng Kết, huyện Phổ Yên. Đầu thế kỷ XX, được cắt về huyện Đại Từ và chia thành 2 làng là làng Cát Nê và làng Quân Chu thuộc tổng Ký Phú. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, là làng thuộc

đại xã Phù Cát. Năm 1953, thực hiện chủ trương của Nhà nước chia đại xã thành các xã nhỏ, xã Phù Cát chia thành 2 xã Bình Dân và Ký Phú, làng Cát Nê thành xã Bình Dân. Đến năm 1967 lấy lại tên cũ là xã Cát Nê có 200 hộ, 899 người.

Hiện nay, xã Cát Nê có diện tích 28,6 km². Dân số (năm 2009) 3.306 người (1.659 nam, 1645 nữ), thuộc các thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Tày, Dao, Sán Chay, Thái... cư trú ở 15 xóm: Trung Nhang, Đồng Nghè, Nương Cao, La Lang, Đầu Cầu, Lò Mật, Đồng Mương, Đồng Gốc, Gò Chẩu, La Vĩnh, Tân Phú, Nương Dâu, Đình, Thậm Thình, Tân Lập.

Là xã An toàn khu trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Cát Nê có nhiều điểm di tích lịch sử: Chùa Hàm Long, đình - chùa Cát Nê, khu vực Đá Chồng, Nghè San (xóm Đồng Nghè)... Nhân dân các dân tộc xã Cát Nê chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp chủ yếu là cây chè.

CĂN CỨ ATK

An toàn khu, nơi ở và làm việc của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Bảo mật và Trung đoàn vận tải, Trạm 88, Khu 382 trong những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn tỉnh (1965 - 1968 và 1972). Vị trí di tích nằm trên địa bàn xóm Lân Táy và xóm Bãi Cọ thuộc xã Quang Sơn huyện Đồng Hỷ. Tại đây có nhiều núi đá vôi, nhiều hang động nên Quân khu Việt Bắc đã cho xây dựng công trình trong các hang động. Tất cả các cửa hang của An toàn khu hiện nay đã được đổ bê tông bịt chắn.

CẶP KÈ

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Cặp Kè thuộc địa phận xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Hệ thống kênh mương, gồm có: Kênh chính tả dài 1,136 km; trong đó có 1 km được kiên cố hoá; Kênh chính hữu dài 1,664 km; trong đó có 1 km được kiên cố hoá.

CẨM TRÀ

Làng nghề đồ gỗ mĩ nghệ thuộc xã Trung Thành, huyện Phổ Yên.

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, thôn Cẩm Trà có một số gia đình làm đồ mộc giản đơn, như con tiện, cầu thang gác, cánh cửa... Một thời gian

sau, thôn Cẩm Trà thành lập 2 hợp tác xã đồ gỗ ở 2 xóm: Cẩm Trà và Trà Thị, chuyên sản xuất, kinh doanh đồ gỗ.

Đến nay, Cẩm Trà đã có hơn 280 hộ tham gia sản xuất đồ mộc mĩ nghệ, tạo việc làm cho trên 700 lao động, thu nhập bình quân mỗi lao động hơn 3,2 triệu đồng/tháng...

CẤM

Đền, được dựng từ lâu đời ở xóm Gốc Vải, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương; đã được tu bổ nhiều lần. Đền Cấm có kết cấu kiểu tường hồi, bít đốc, tường xây gạch, vôi vữa, cột và bộ vì kèo bằng gỗ tốt, mái lợp ngói, dài 5,77 m, rộng 4,57 m. Trước cửa đền có đắp một mặt hổ phù. Trong đền, phía trên cùng là bàn thờ thượng cung, có trang trí bằng cửa võng, chạm nổi theo mô tuýp "lưỡng long chầu nguyệt" mang phong cách điêu khắc thời Nguyễn. Phía trên cửa võng treo bức y môn bằng vải thêu hình lưỡng long chầu mặt trời. Nội cung có đặt 3 bát hương thẳng hàng. Phần phía dưới thượng cung có 3 cửa có thể mở ra khi làm lễ; 3 cửa đều chạm trổ đề tài tứ quý (thông, cúc, trúc, mai). Phía dưới bàn thờ thượng cung là một bàn thờ xây bằng gạch, trên đặt bát hương, vàng hoa cúng lễ. Dưới gầm bàn thờ này đặt bức tranh thờ "ông Hổ". Đền có đôi câu đối ca ngợi công đức vị "Thượng đẳng thần" được thờ ở đây: *Thượng thánh cứu dân vô địch hoạ / Chư thần trợ quốc thoát thiên tai.*

Nằm ở vị trí cách đền Đuổm chỉ khoảng 1 km, lại cổ kính, nên thơ và có tiếng linh thiêng, đền Cấm là nơi có đông khách thập phương tới cúng lễ.

CẨN VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1927; quê tại xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình.

Mẹ Vũ Thị Cẩn có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Nhiên, hi sinh ngày 27/10/1973 tại mặt trận phía Nam.

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Vũ Thị Cẩn danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CẤN ĐỘI

Một trong 2 người đứng đầu Bộ Chỉ huy khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Tên thật là Trịnh Văn Đạt, sinh năm 1881, quê làng Yên

Nhiên, tổng Thượng Trưng, phủ Vĩnh Tường, (nay thuộc xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Nhà nghèo, năm 1910, ông đăng lính khố xanh thay cho anh trai với cái tên Trịnh Văn Cấn; sau thăng dần lên chức Đội nhất lính khố xanh trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên, vì thế ông được gọi là Đội Cấn.

Lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, dù phải đi lính cho quân đội Pháp nhưng vốn sẵn lòng yêu nước, căm thù giặc, bất bình trước những hành động dã man, tàn bạo của kẻ thù, Ông đã cùng với Lương Ngọc Quyến, một tù chính trị bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà tù Thái Nguyên tập hợp binh lính dưới quyền phát động khởi nghĩa tại tỉnh lị Thái Nguyên vào đêm 30/8/1917. Ông cùng Lương Ngọc Quyến tuyên bố thành lập Quang Phục quân (quân đội), đặt Quốc hiệu (Đại Hùng), giương cao ngọn cờ "Nam binh phục quốc", kêu gọi các tầng lớp nhân dân đồng lòng đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Được đông đảo nhân dân, công nhân các hầm mỏ, tù nhân trong nhà tù Thái Nguyên hưởng ứng, Quân khởi nghĩa đã chiến đấu kiên cường làm chủ tỉnh lị Thái Nguyên trong 5 ngày. Sau khi phải rút khỏi tỉnh lị, quân khởi nghĩa tiếp tục vừa hành quân vừa chiến đấu đánh trả những đợt truy lùng khốc liệt của kẻ thù. Sau trận quyết chiến với quân Pháp tại khu vực Núi Pháo (Đại Từ), thế cùng lực kiệt, quyết không để rơi vào tay giặc, ngày 5/1/1918, Đội Cấn đã tự sát, để lại tiếng thơm muôn thuở.

CẬN ĐỖ

Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân; tên khai sinh là Đỗ Viễn, tự là Hữu Khác, hiệu là Phổ Sơn. Ông sinh năm Giáp Dần (1434), đời vua Lê Thái Tông, quê xã Thống Thượng (có sách chép là Sung Thượng), huyện Phổ Yên, trấn Thái Nguyên (nay là thôn Thống Thượng, xã Minh Đức, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Đỗ Cận thi đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) năm 1478, khi đó ông đã 45 tuổi. Trong khoảng 20 năm làm quan dưới triều Lê, Đỗ Cận có nhiều đóng góp và không ngừng thăng tiến từ một chức quan nhỏ với hàm Tòng thất phẩm, đến làm Phó sứ trong phái đoàn sứ bộ nhà Lê sang cống nạp nhà Minh, làm Tham nghị xứ Quảng Nam, rồi được thăng đến chức Thượng Thư, đứng đầu 1 trong 6 bộ trong triều với hàm Tòng nhị phẩm. Đỗ Cận còn là một trong

28 nhà thơ tài năng trong Hội Tao đàn (Tao đàn nhị thập bát tú), do vua Lê Thánh Tông lập ra. Sách *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn còn chép lại 2 bài thơ nổi tiếng của Đỗ Cận, là *Xuân Yến* và *Thái Thạch vãn bạc*. Tại quê hương, ông đã đóng góp và vận động nhiều người có tiền của công đức xây dựng đền Lục Giáp khang trang.

Ngưỡng mộ tài năng và đức độ Đỗ Cận, sau khi ông mất, nhân dân sáu giáp trong vùng (thôn, xóm) thờ ông ở đền Lục Giáp; dân làng Thống Thượng đã làm ngôi đền ngay chân núi Phổ Sơn thờ ông tại quê hương.

CẤP 3 VÕ NHAI

Cầu, được xây dựng năm 1998 trên trục đường nối Quốc lộ 1B với Trường Trung học phổ thông Võ Nhai. Cầu dài 18 m, nhịp cầu dài 8+6 m. Mố và trụ cầu được xây bằng đá, dầm bằng bê tông cốt thép. Tải trọng H13-X60, đảm bảo cho xe ô tô qua lại dễ dàng.

CẦU

Sông, bắt nguồn từ những khe suối nhỏ trên đỉnh Tam Tao, trong khối núi Phia Bioóc (núi Hoa, núi Cứu Quốc) thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Xuống hết chân núi Phia Bioóc, tiếp nhận thêm các dòng suối Dương Quang, Phong Quang ở phía nam, suối Nà Phặc, Phủ Thông ở phía bắc đổ về, mở rộng dòng chảy tạo thành sông Cầu. Đây là dòng sông lớn nhất trên đất phủ Phú Lương xưa và cũng là dòng sông dài nhất (288 km) trong nội địa các tỉnh miền núi vùng Đông Bắc Bắc Bộ.

Sau khi chảy qua thị xã Bắc Kạn, sang địa phận xã Xuất Hoá, huyện Bạch Thông, sông Cầu tiếp nhận dòng suối Xuất Hoá, rồi đổi hướng từ tây - đông sang hướng bắc - nam, đổ xuống thị trấn chợ Mới (huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn). Đoạn sông này là thượng lưu, lòng sông hẹp, nên việc thông thương của bè mảng khó khăn.

Từ thị trấn Chợ Mới (Bắc Kạn) trở xuống đến Thác Huống (thành phố Thái Nguyên), sông Cầu tiếp nhận thêm các con sông nhỏ (sông Chợ Chu, sông Đu, sông Nghinh Tường, sông Khe Mo...). Từ Thác Huống, qua sông Đào (sông Máng), nước sông Cầu tưới tiêu cho hàng chục vạn ha ruộng đồng của các huyện Phú Bình (Thái Nguyên), Tân Yên và Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang).

Từ đập Thác Huống trở về xuôi là đoạn hạ lưu của sông Cầu, chảy qua vùng đồi bãi thấp (ở Phú Bình, Phổ Yên) và vùng đồng bằng (ở Hiệp Hoà, Yên Phong)... nên dòng sông ổn định, lòng sông sâu, rộng hơn, thuận lợi cho thuyền bè qua lại. Từ Hà Châu trở xuống đến ngã ba Sà (huyện Yên Phong), dòng sông uốn lượn ôm lấy huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang); rồi đổi theo hướng tây - đông, chảy qua các làng Như Nguyệt (nơi diễn ra trận đánh tan quân xâm lược nhà Tống ở thế kỷ XI (1075 - 1077), nên gọi đoạn sông này là sông Như Nguyệt), Vọng Nguyệt, qua chân núi Nham Biền, đổ về Phả Lại, Lục Đầu Giang...

Từ Chợ Chã về xuôi, sông Cầu tiếp nhận thêm một số dòng sông khá lớn làm phụ lưu. Đó là:

- Sông Công: Xa xưa gọi là sông Giã (Giã Giang). Đây là phụ lưu lớn nhất của sông Cầu, (Xem mục sông Công).

- Sông Cà Lồ (Thời Lý - Trần gọi là sông Bình Lỗ) cách ngã ba Phù Lỗ khoảng hơn 10km, phát nguyên từ chân núi Tam Đảo, chảy qua các huyện Bình Xuyên, Kim Anh, Đa Phúc rồi đổ ra ngã ba Sà.

- Sông Ngũ Huyện (Ngũ Huyện Khê). Từ xa xưa, đây là dòng suối (Khê là suối) lớn chảy qua các cánh đồng, tiêu úng cho địa bàn 5 huyện. Do đó nhân dân gọi là Ngũ Huyện Khê. Từ thời Trần - Lê, suối được nạo vét, mở rộng kéo dài thành sông Ngũ Huyện. Sông này chảy từ vùng đồng trũng Châu Khê sang phía đông, đến xã Vạn An (Yên Phong) thì đổ vào sông Cầu. Sông Ngũ Huyện chỉ dài 24 km, chủ yếu phục vụ tưới và tiêu úng cho các cánh đồng trên địa bàn 5 huyện tỉnh Bắc Ninh. Ngày nay, nhiều cánh đồng màu mỡ đó đã trở thành những khu công nghiệp lớn.

Thời xưa, khi giao thông đường bộ chưa phát triển, sông Cầu là tuyến giao thương quan trọng nối liền giữa vùng núi, trung du phía Bắc với đồng bằng Bắc Bộ. Trên tuyến sông Cầu chảy qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã hình thành các bến cảng sông, như bến tuần Đồng Mỗ, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên), bến Hanh (nay thuộc huyện Phú Bình) và bến cảng Đại Phùng (nay là bến Chợ Chã, huyện Phổ Yên)... Tại các bến này, vào những ngày phiên chợ, thuyền bè từ các nơi đem theo sản vật địa phương đến trao đổi, mua bán.

Sông Cầu có lưu vực rộng 3.480 km² trên địa bàn 6 tỉnh, thành phố: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Giang và Bắc Ninh.

CẦU GIA BẨY

Chiến sự ngày 17/10/1965.

Vào lúc 9 giờ 55 phút ngày 17/10/1965, đế quốc Mĩ cho máy bay ném bom, bắn phá cầu Gia Bẩy, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn Thái Nguyên. Vừa dứt đợt ném bom thứ nhất, lực lượng tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đã có mặt trên trận địa đồi Két Nước; kịp thời đánh trả máy bay Mĩ đến gây tội ác đợt thứ hai vào lúc 10 giờ 15 phút. Lực lượng phòng không tầm thấp của tự vệ Hoàng Văn Thụ đẩy máy bay địch lên cao, tạo điều kiện cho bộ đội cao xạ tiêu diệt địch. Bất chấp máy bay địch ném bom bắn phá vào trận địa làm nhiều đồng chí thương vong, 8 khẩu đội cao xạ 100 mm và 2 khẩu đội cao xạ 14,5 mm của Đại đội 101 (Trung đoàn 210) nổ súng chính xác bắn cháy 1 máy bay Mĩ.

Trong trận này, 29 lần chiếc máy bay Mĩ đã ném 116 quả bom phá, bắn nhiều loạt Rốckét xuống cầu Gia Bẩy và vùng phụ cận, gây cho ta nhiều thiệt hại. 71 cán bộ, chiến sĩ Đại đội cao xạ 101 cùng tự vệ, nhân dân khu phố Hoàng Văn Thụ hi sinh tại chỗ; 76 người bị thương. Cầu Gia Bẩy bị trúng 3 quả bom, hư hỏng nặng, giao thông bị ngừng trệ. 45 ngôi nhà bị cháy, đổ, 3 cơ sở sản xuất công nghiệp, 2 xe ô tô, 10 xe đạp bị phá huỷ.

CẦU GIAI

Suối, bắt nguồn từ xã Thịnh Đức (thành phố Thái Nguyên) qua xã Bá Xuyên (thị xã Sông Công) dài khoảng 2 km, rồi đổ vào sông Công. Suối Cầu Giai tạo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông - lâm nghiệp của xã Bá Xuyên.

CẦU GÔ

Chợ, hình thành từ trước năm 1945, đặt tại địa phận làng Xuân Trù, tổng Tiên Thù; nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Chợ nằm giữa ngã ba đường, lên phía đông bắc thì sang xã Hà Châu (huyện Phú Bình), phía tây bắc ra chợ Ba Hàng (huyện Phổ Yên), phía tây nam xuống chợ Chã (xã Đông Cao)... khá thuận tiện. Hàng hoá mua bán, trao đổi tại chợ

chủ yếu là các loại lương thực, thực phẩm, rau quả; các loại chim rừng (chim cút, chim ngói, chim đa đa (gà gô)...

Ngày nay, chợ vẫn họp theo phiên trong các ngày 2, 4, 7, 9 Âm lịch hằng tháng. Ngoài các hàng truyền thống, chợ Cầu Gô còn bán các hàng thủ công mĩ nghệ và hàng đồ gỗ cao cấp...

CẦU MUỐI

Đình, đền, chùa Cầu Muối là một quần thể gồm 4 công trình văn hóa tín ngưỡng: đình Cầu Muối, đền Công Đồng, đền Thượng và chùa Cầu Muối. Quần thể di tích này được xây dựng từ đầu thế kỷ XVIII. Chùa còn cây hương đá có niên hiệu Lê Vĩnh Thịnh năm thứ 14 (1719) .

Đình thờ Cao Sơn Quý Minh đại vương Dương Tự Minh; có 2 đền: Công Đồng và Thượng thờ Mẫu Liễu Hạnh, Trần Hưng Đạo, Tứ phủ; chùa thờ Phật. Cụm di tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 27/1/2005. Lễ hội đình, đền, chùa Cầu Muối diễn ra từ ngày 4 tháng Giêng âm lịch, là lễ hội nổi tiếng nhất của huyện Phú Bình.

CẦU MUỐI

Lễ hội, có từ xa xưa, được tổ chức vào các ngày 6/1 và 13/11 âm lịch hằng năm tại đền Công Đồng, thuộc làng Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình.

Vào ngày 6/1 (chính lễ), các đoàn đại biểu của địa phương, các con nhang, đệ tử trong, ngoài huyện rước lễ lên đền Công Đồng. Các đoàn vào thắp hương tế lễ trong nhà tiền tế 3 gian để cầu xin Thánh Mẫu Liễu Hạnh ban cho bình an, phúc, lộc, tài. Cúng lễ ở đền Công Đồng xong, phần đông những người dự lễ hội lại kéo sang thắp hương cúng lễ Thánh Mẫu Thượng Ngàn bên đền Thượng.

Tương truyền, làng Cầu Muối xưa từng là nơi cất giấu các kho muối và kho quân lương của triều đình trong các cuộc kháng chiến chống giặc phương Bắc xâm lược. Vì thế, ngày nay người hành hương về lễ hội đền Cầu Muối hi vọng được Thánh phù hộ, ban cho tài lộc đậm đà ngày càng đông. Lễ hội chỉ chính thức từ 1 đến 3 ngày, nhưng suốt cả tháng 1 Âm lịch, không ngày nào ngớt người về Cầu Muối cúng lễ.

CẦU THÀNH

Hợp tác xã nông nghiệp, thuộc xóm Cầu Thành, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, thành lập năm 1955, là 1 trong 3 hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong Hợp tác xã vinh dự được 2 lần Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Bác nói chuyện với đông đảo cán bộ cán bộ các cấp, xã viên 4 hợp tác xã nông nghiệp và nhiều đồng bào ở 2 xã Hùng Sơn, Độc Lập (nay là xã Tiên Hội).

Thực hiện lời căn dặn của Hồ Chủ tịch, cán bộ xã viên Hợp tác xã Cầu Thành không ngừng phấn đấu xây dựng Hợp tác xã vững mạnh. Năm 1968, Đội sản xuất Cầu Thành (trước là Hợp tác xã nông nghiệp Cầu Thành) là 1 trong 4 đội sản xuất của Khu Tự trị Việt Bắc được Chính phủ tặng danh hiệu *Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*. Đồng chí Trương Văn Nho - Chủ nhiệm Hợp tác xã, được phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*. Đồng chí Đặng Đình Sinh được công nhận là *Chiến sĩ Thi đua nông nghiệp toàn quốc*...

CẦU THÔNG

Miếu, ở xóm Cầu Thông, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ.

Miếu xây dựng gần cầu Thông (cầu bằng 2 cây thông), nên còn gọi là miếu Cầu Thông. Trước năm 1945 miếu Cầu Thông thuộc khu vực xóm Đình. Miếu thờ Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế Kỷ XII) và Đồng Doãn Giai (sách *Lê triều lịch khoa Tiến sĩ* chép là Chu Doãn Giai, sinh năm 1701 tại xã Xác Sơn (tức Hùng Sơn), huyện Đại Từ, xứ Thái Nguyên, Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân).

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám, miếu Cầu Thông là cơ sở hoạt động bí mật của các cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ và cán bộ địa phương.

CẦU TRE

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Cầu Tre, xã Đồng Quang, huyện Đồng Hỷ, này thuộc khu phố Thống Nhất, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Đình kiến trúc hình chữ NHẤT (-) gồm 5 gian; hằng năm, tổ chức lễ hội vào ngày 15/1 và ngày 8/4 Âm lịch.

Năm 1966, đình bị máy bay giặc Mĩ ném bom phá huỷ. Năm 1967, đình được dựng lại có diện tích 30 m², cách nền đình cũ khoảng 300 m.

CẦU XÓM

Suối, chảy từ xã Tân Quang qua địa bàn xã Bá Xuyên khoảng 2 km rồi đổ vào sông Công. Suối Cầu Xóm tạo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông - lâm nghiệp của xã Tân Quang, Bá Xuyên của thị xã Sông Công.

CẤU NGUYỄN (? - 1522)

Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân. Còn có tên Nguyễn Đình Cấu, quê làng Thanh Thù, tổng Tiểu Lễ (có sách chép là Khuông Lễ), huyện Thiên Phúc, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc; nay là thôn Thanh Thù, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) khoa thi năm Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận thứ 4 đời vua Lê Thánh Tông, làm quan tới chức Thị vệ.

Nguyễn Cấu làm quan qua 6 đời vua triều Lê (Lê Thánh Tông 1460 - 1497; Lê Hiến Tông 1498 - 1504; Lê Túc Tông 1504; Lê Uy Mục 1505 - 1509; Lê Tương Dực 1510 - 1516; Lê Chiêu Tông 1516 - 1522). Là một võ quan cao cấp, có tài, trung thành, được triều Lê tin dùng nên trong gần 60 năm võ nghiệp, ông chủ yếu được giao trọng trách bảo vệ cung cấm. Đầu thế kỷ XVI, nhà Lê suy vi, Mạc Đăng Dung nổi lên từng bước lấn quyền vua Lê, lập vương triều Mạc.

Năm 1522, Nguyễn Cấu bị lực lượng thân cận của Mạc Đăng Dung hãm hại. Thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn đã sắc phong cho làng Thanh Thù thờ Tiến sĩ Nguyễn Cấu làm thành hoàng làng. Mộ chí, nhà thờ tổ, gia phả dòng họ, cháu chắt của Tiến sĩ Nguyễn Cấu hiện còn ở xóm Thanh Vân, thôn Thanh Thù. Nhân dân Thanh Thù thờ ông trong đình làng, bên cạnh Cao Sơn Qúy Minh.

CÂY CHÂM

Mỏ titan, thuộc xóm Cây Châm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương. Cây Châm là mỏ chứa nhiều loại khoáng sản, trong đó titan (TiO2) chiếm tỉ trọng chủ yếu, từ 15 đến 36%. Tiếp theo là FeO = 23,35%, Fe_2O_5 = 2,89%, Ta_2O_5 = 0,01 - 0,025%, Nb_2O_5 = 0,007%, Cr_2O_3 = 0,045%. Trữ lượng trăm dò của mỏ đạt 48,3 triệu tấn cấp B1 + C1 + C2 (tương đương 2,46 triệu tấn TiO_2), xếp vào loại mỏ lớn.

Hiện nay, mỏ Titan Cây Châm do Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và phát triển nông thôn Miền núi khai thác công nghiệp theo

Giấy phép số 153/GP-BTNMT ngày 8/2/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sản phẩm quặng ti tan được khai thác tại Mỏ ti tan Cây Châm, sau khi sơ tuyển, chủ yếu được xuất khẩu ra nước ngoài để mang về nguồn ngoại tệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

CÂY ĐA ĐỒNG GIÓ

Cây đa cổ thụ trên 100 năm tuổi, thân cây rất lớn, cành lá sum suê, sừng sững giữa cánh đồng Đồng Gió mênh mông hơn 10 ha, xung quanh là những dãy núi đá vôi bao bọc, tạo nên một cảnh quan đẹp, hiếm thấy ở một miền rừng núi như xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Cách cây đa đồng Gió không tới 500 m, là hang Xa, hang Thần, hang Nghè - cũng là những thắng cảnh, tạo nên một quần thể các thắng cảnh của xã Yên Lạc.

CÂY KHẾ

Cầu, được xây dựng tại Km 102+103 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 9 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố đá xây, có tải trọng H10.

CÂY THỊ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Cây Thị là một xã miền núi của huyện Đồng Hỷ, cách trung tâm huyện lị 24 km về phía đông. Nhân dân các dân tộc trong xã có tinh thần yêu nước nồng nàn và sớm tham gia cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc xã Cây Thị tích cực xây dựng, củng cố chính quyền, hoàn thành tốt nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc; đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần quan trọng vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954).

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cây Thị đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/QĐ-CTN, phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

CÂY THỊ

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng và hoàn thành năm 1999, trên địa bàn xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ. Hồ thuộc loại công trình cấp 4, có diện tích lưu vực 2,4 km^2; diện tích tự nhiên của hệ thống là 0,51 km^2 và diện tích tưới tiêu 0,32 km^2. Dung tích chết: 5.10^3 m^3. Dung tích hữu ích: 135.10^3 m^3. Dung tích ứng với mực nước dưới bình thường: $0,428.10^6$ m^3.

Hồ có một đập chính dài 81,2 m, cao 12,77 m, mặt đập rộng 4 m.

CÂY THỊ

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Đồng Hỷ và có một phần diện tích thuộc mỏ sắt Trại Cau; phía tây và tây bắc giáp xã Văn Hán; phía đông bắc giáp xã Liên Minh (huyện Võ Nhai), phía đông và đông nam giáp các xã Tân Lợi và Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp thị trấn Trại Cau và xã Nam Hoà (huyện Đồng Hỷ).

Diện tích tự nhiên 40,55 km^2. Dân số (năm 2009) 3.109 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Dao, Sán Dìu, Nùng, Tày, Ngái, Thái, Thổ cư trú ở 8 xóm: Cây Thị, Găng, Hoan, Hoà Bình, Khe Cạn, Kim Cương, Suối Mã Hoà, Trại Cau. Nguồn sống chính của cư dân trong xã là kinh tế nông nghiệp. Lúa là loại cây lương thực chủ yếu. Trên địa bàn xã có mỏ sắt Kim Cương với tiềm năng 9 vạn tấn thuộc mỏ sắt Trại Cau.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cây Thị đã được Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/QĐ-CTN, phong tặng danh hiệu: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

CHÃ

Bến đò, nằm trên địa phận xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.

Bến đò hình thành từ thế kỷ XVIII. Bến Chã có đò ngang chở khách và hàng hoá qua sông giữa các xã vùng Đông Nam huyện Phổ Yên với các xã vùng Tây Bắc huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Ngoài chức năng chuyên chở khách và hàng hoá, bến còn là nơi giao lưu tình cảm giữa những người dân ở 2 phía bờ sông.

CHÃ

Đồn điền của chủ người Pháp, thành lập năm 1898 tại khu vực chợ Chã; là đồn điền hình thành sớm và lớn nhất ở huyện Phổ Yên.

Khu trụ sở đồn điền nằm trên đất ruộng ven đê, có kích thước khoảng 100 x 150m, xung quanh có xây tường bao để bảo vệ; có 1 nhà 2 tầng: tầng trên để gia đình chủ Be sinh sống, tầng dưới làm kho chứa thóc lúa, cà phê, trấu... Bên trong thường xuyên có khoảng 20 người làm công cho chủ, đến tối họ về nhà riêng, còn lại 2 tiểu đội lính (chừng 20 người) đóng đồn bảo vệ chủ đồn điền và khi cần thì đi thu thuế, bắt nợ... Tá điền là dân nghèo từ các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên lên khẩn hoang rồi ở lại trong các làng, hoặc là những người dân địa phương bị cướp mất đất phải đi làm thuê. Phương thức bóc lột của chủ đồn điền chủ yếu là phát canh thu tô. Ngoài ra còn bằng hình thức cho vay nặng lãi (lãi mẹ đẻ lãi con).

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đồn điền Chã bị chính quyền cách mạng tịch thu, ruộng đất được chia cho dân nghèo.

CHÃ

Nhà thờ họ, còn gọi là nhà thờ Tiểu Lễ, nhà thờ Chã, được dựng từ khoảng đầu thế kỷ XX. Số giáo dân từ Bắc Ninh, Hưng Yên lên làm ăn ngày càng nhiều, thành lập ra họ đạo ở Chã (chủ yếu giáo dân sống ở làng Chã) và xây dựng 1 nhà thờ nhỏ để bà con hành lễ... Nhà thờ Chã vẫn sinh hoạt và phụ thuộc vào nhà thờ xứ Nhã Lộng (huyện Phú Bình) và do toà Giám mục Bắc Ninh cai quản. Hiện tại họ đạo Chã có khoảng 180 hộ với 500 nhân khẩu (cả xóm đạo toàn tòng) xóm Việt Cường, thuộc xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.

Từ năm 2002 đến 2007, họ đạo Chã đã xây dựng nhà thờ mới (cách nhà thờ cũ chừng 300m), với quy mô to rộng, đẹp hơn; bà con giáo dân lấy tên là nhà thờ Tiểu Lễ (Tiểu Lễ là xã cũ trước 1945).

CHÀNG DƯƠNG

Đình, được dựng trước năm 1945 trên một khu đất bằng phẳng thuộc xóm Chàng Dương, xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ. Xung quanh đình có nhiều cây cổ thụ.

Đình được xây dựng theo kiểu chữ NHẤT, dài 18 m, rộng 6 m; cột đình bằng gỗ lim, cột cái có đường kính tới 60cm, trên có chạm trổ hoa văn, long, li, quy phượng; mái lợp tranh nứa, tường bưng bằng ván gỗ. Đình có kết cấu gồm 3 phần chính. Liền với của ra vào là nền gạch. Tiếp theo là sàn gỗ cao hơn mặt nền khoảng 60 cm, làm nơi hội họp của các chức sắc và các cụ cao niên trong làng xã. Trong cùng là bàn thờ cao khoảng 1,2 m. Trên bàn thờ có ngai và một số đồ thờ khác; hai bên bàn thờ là binh khí gồm: Gươm, giáo, mác, mộc, kích chấp, chuỳ... Hai bên cửa đình có nhiều bia khắc chữ Hán.

Hằng năm, vào ngày 15 tháng Giêng, đình mở hội lớn. Lễ hội bắt đầu bằng việc rước kiệu từ nghè (cách đình 500m) về. Buổi tối tổ chức hát chèo, hát đối tại sân đình.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhân dân Chàng Dương tự phá dỡ đình.

CHÀNG XÁ

Tổng, thuộc châu Vũ (Võ) Nhai, gồm 2 xã: Chàng Xá (sau này đổi thành Tràng Xá) và Khắc Kiệm. Đến đời Đồng Khánh (1885 - 1888), xã Chàng Xá trở thành châu lị của châu Vũ Nhai.

CHẢY

Chùa, được dựng từ lâu đời ở phía Bắc làng Phù Lôi thuộc tổng Thượng Giã, phủ Phổ Yên, nay thuộc xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên.

Chùa được dựng ở ngoại đê ngay sát bờ sông Cầu, nhìn về hướng nam theo dòng thác nhỏ (thác Hồng) nước chảy xiết, nên dân gọi là chùa Chảy.

Tương truyền, những người đầu tiên đánh cá ở đoạn sông này thấy một hiện tượng kỳ lạ mỗi khi kéo lưới được rất nhiều cá, nhưng trong lưới lại có 1 hòn đá hình đầu người. Mọi người ném hòn đá xuống sông, nhưng mẻ lưới sau, người khác kéo lên vẫn có hòn đá đó. Vớt lên, ném xuống 3 lần, cuối cùng hòn đá vẫn vào lưới... Những người đánh cá cho rằng, đây là vật thiêng, hiển linh báo điều tốt đẹp, nên họ đưa hòn đá lên bờ rồi dựng ngôi chùa nhỏ, lợp cỏ tranh để thờ cúng.

Chùa Chảy được dựng lại vào thế kỷ XVII, tuy không lớn nhưng rất đẹp, xung quanh có cây xanh mát, có tường bao bọc, phía trước có Tam

quan cao 2 tầng; tầng dưới có 3 cửa để ra vào, tầng trên làm gác treo chuông. Quả chuông đúc bằng đồng điếu, được treo ở tầng cao nên tiếng âm vang rất xa, cách chùa vài kilômét vẫn nghe rõ.

Trong chùa đặt tượng A Di Đà, tượng các ông Hộ Pháp... trông rất oai nghiêm, huyền bí... Đầu tháng 11/1933, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, truyền đơn cách mạng đã được dán ở chùa. Năm 1947, chùa bị dỡ bỏ hoàn toàn. Cây cối của chùa cũng dần bị chặt bỏ.

CHẮT LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1916, dân tộc Kinh, quê xã Thuỵ Lâm, huyện Đồng Anh, thành phố Hà Nội; trú quán tại xóm Ba Cống, xã Tích Lương (nay là phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên).

Mẹ Lê Thị Chắt có con độc nhất là liệt sĩ Lê Tuấn Kỳ (nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Lê Thị Chắt danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CHẮT NGUYỄN THỊ (tên thường gọi là Nguyễn Thị Lộc)

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1914, quê xã Na Mao, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Chắt có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Trần Văn Cử (nhập ngũ tháng 9/1968, hi sinh ngày 14/6/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Chắt danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CHẤT HIỀN MẶC

Nhà thơ, tên thường dùng là Nguyễn Hiền Chất, sinh ngày 19/12/1942 tại xã Việt Long, huyện Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên (nay là huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội); thường trú tại số 25 ngõ 62 - Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Thuở thiếu thời, ông học phổ thông tại quê; 1967 - 1971, học Đại học Kinh tế kế hoạch (nay là Đại học Kinh tế quốc dân). Tốt nghiệp đại học,

về công tác tại Chi cục Thống kê tỉnh Sơn La. Từ năm 1979 đến 2004, công tác tại Ủy ban Kế hoạch (sau đổi là Sở Kế hoạch - Đầu tư) tỉnh Bắc Thái. Nghỉ hưu năm 2004.

Ông đã xuất bản các tập thơ: *Trăng mười sáu* (1991, Nxb Văn hoá dân tộc), *Rừng hoang* (1993, Nxb Văn học), *Mặc nhiên* (2005, Nxb Hội Nhà văn), *Men Rừng* (2006, Nxb Hội Nhà Văn)...

Hiền Mặc Chất là nhà thơ có nhiều tác phẩm thơ được phổ nhạc thành công. Đó là các bài: *Người đẹp Thái Nguyên* (nhạc Cao Khắc Thuỳ), *Hoa lộc vừng Hồ Gươm, Trăng Phú Đình* (nhạc Doãn Nho), *Trăng về phố, Tình ca Tân Cương* (nhạc Lê Mây), *Sơn nữ dâng trà, Khúc tưởng niệm người lính biển đảo* (nhạc Hoàng Chí Bình), *Chùa thiêng - thác vàng* (nhạc Vũ Văn Lực)...

CHẤT NGÔ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1906, dân tộc Kinh, quê xã Vũ Thắng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Ngô Thị Chất có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp là liệt sĩ Đinh Văn Quán (nhập ngũ ngày 10/2/1952, hi sinh ngày 28/3/1954 tại chiến trường Tây Bắc).

Xét công lao nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất vì độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Ngô Thị Chất danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CHÂU

Hang đá tự nhiên ở xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Cửa hang có hình bán nguyệt, quay về hướng tây bắc, cách mặt đất khoảng 30 m. Cửa rộng khoảng 4 m, vào đến bên trong thì mở rộng ra khoảng 10 m, trần cao khoảng 8 m; gần hang có một tảng đá hình người đứng ở chính giữa; có thể chứa được khoảng 100 người. Hang có ít nhũ, trần hang có nhiều vòm lõm vào. Nền hang bằng phẳng, có nhiều vỏ ốc núi, ốc sông đã sử dụng. Theo người dân kể lại, vỏ ốc trong hang là do người dân chạy giặc Cờ đen lấy làm thức ăn.

Trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Ủy ban Hành chính xã Bình Long cùng nhân dân đã vào trú ẩn và làm việc trong hang.

CHÂU DƯƠNG QUẢNG (Dương Ngọc Chiên)

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1927, dân tộc Kinh; quê gốc xã Hoàng Hanh, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên; gia đình lên lập nghiệp tại xã Thành Công, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí Dương Quảng Châu nhập ngũ 1/1948, vào Đảng tháng 2/1951.

Đồng chí luôn nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí, linh hoạt của một chiến sĩ quân báo; điều tra cụ thể, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 1949, một mình đồng chí nhận nhiệm vụ đi trinh sát bốt Bồng Lai, Hạ Trì, Hà Đông. Suốt 2, 3 ngày bị địch vây, đồng chí khéo léo giả làm phu lọt vào trong bốt địch trinh sát, rồi tìm cach thoát ra, trở về đơn vị báo cáo. Trong Chiến dịch Biên giới, địch đánh lên Khau Luông; đồng chí được lệnh từ Thất Khê quay về làm nhiệm vụ. Giữa đường, phát hiện có tàn binh địch lẩn trốn trong rừng, đồng chí chỉ huy đồng đội nhanh chóng bao vây, vừa nổ súng uy hiếp, vừa kêu gọi địch đầu hàng, bắt được 4 tên...

Đồng chí đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*; 3 *Huân chương Chiến công hạng Nhì;* 1 *Huân chương Kháng chiến hạng nhất*; được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* (1956).

CHÂU NGUYỄN MINH

Nghệ sĩ Ưu tú, quê phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên; diễn viên điện ảnh Việt Nam.

Bà tốt nghiệp khoá II Lớp Diễn viên điện ảnh Việt Nam; đã từng đảm nhận các vai chính thành công trong các phim truyện; đáng chú ý là các vai: Loan trong phim *Lầm lỗi*, Nguyệt trong phim *Cô gái trên sông* (1987), *Dòng sông vàng, Người đàn bà nghịch cát,...* Bà đã đoạt nhiều giải thưởng tại các Liên hoan phim Việt Nam; được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1993.

CHẦU LƯU THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, dân tộc Nùng, quê xóm Pà Mìn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại xóm Đồng Tác, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.

Mẹ có chồng và 2 con là liệt sĩ hi sinh trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945) và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Mẹ Lưu Thị Chầu được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 438-KT/CTN ngày 24/4/1995, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

CHÂU ĐỊNH

Tên gọi của huyện Định Hoá thời nhà Nguyễn. Năm 1823 (năm Minh Mệnh thứ 4), nhà Nguyễn đổi châu Định Hoá, thuộc phủ Phú Bình thành châu Định. Từ năm 1835, châu Định là một đơn vị hành chính thuộc phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên, châu lị đặt ở xã Trung Khảm. Về địa giới, phía đông giáp xã Phủ Lý (huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên), phía tây giáp xã Kim Đài (châu Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang), phía nam giáp xã Hạ Lãm và trang An Nghiệp (huyện Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên), phía bắc giáp Chợ Mới, trang Yên Định (châu Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên).

Châu Định gồm 9 tổng, 36 xã, thôn. Tổng Định Biên Thượng có 5 xã: Định Biên Thượng, Bảo Biên, Quế Linh, nghĩa Tá, Tư Lập. Tổng Định Biên Trung có 6 xã: Định Biên Trung, Trung Khảm, Định Man, Du Nghệ, Phong Huân, Lương An. Tổng Định Biên Hạ có 6 xã: Định Biên Hạ, Quảng Nạp, Sơn Đầu, Bình An, Bộc Nhiêu, Lương Can (từ đời Minh Mệnh về trước là xã Lương Tuyền, đến đầu đời Thiệu Trị kiêng huý đồng âm chữ *tuyền* - Nguyễn Phúc Tuyền, tên huý vua Thiệu Trị, nên đổi là xã Lương Can), Tổng Khuynh Quỳ có 5 xã: Ôn Lương Thượng, Ôn Lương Hạ, Phú Khuôn, Khuynh Quỳ, Phú Ngự. Tổng Phượng Vỹ Thượng có 2 xã: Phượng Vỹ Thượng, Lam Vỹ. Tổng Phượng Vỹ Trung có 2 xã: Phượng Vỹ Trung, Kiền Dương. Tổng Phượng Vỹ Hạ có 6 xã: Phượng Vỹ Hạ, Quy Triều, Linh Đàm, Phúc Trinh, Văn La, Nghĩa Trang. Tổng Thanh Điểu (từ đời Thiệu Trị về trước là xã Thanh Hồng, đến đầu đời Tự Đức năm 1848 kiêng chữ Hồng đồng âm tiểu tự của vua Tự Đức, nên đổi thành Thanh Điểu) có 3 xã: Thanh Điểu, Điềm Mặc, Lục Rã. Tổng An Trạch có 1 xã An Trạch.

CHÂU LONG

Châu, đơn vị hành chính thời kỳ đầu nhà Đường (nhà Đường tồn tại từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ X). Thái Nguyên là đất Châu Long thuộc An Nam đô hộ phủ.

CHÉN NGÔ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1914, dân tộc Kinh, quê xã Xuân Trường, huyện Xuân Thuỷ, tỉnh Nam Định; trú quán xóm Soi Vàng, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Ngô Thị Chén có con độc nhất là liệt sĩ Trần Thanh Thuỷ (nhập ngũ năm 1968, hi sinh ngày 2/12/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Ngô Thị Chén danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất bia hơi với công suất 3.000 lít/ngày. Trụ sở Công ty đặt tại 158 Đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Sản phẩm chính của Công ty là bia hơi, bia chai, bia bom được sản xuất theo công nghệ Malt. Nguyên liệu (lúa mạch) được nhập từ Cộng hoà Liên bang Đức và Đan Mạch, với thương hiệu Bia Vicoba. Từ năm 2010, công suất của Công ty đạt hơn 10 triệu lít/năm, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân thành phố và các huyện lân cận.

CHI NGUYỄN KIM

Thầy thuốc Ưu tú, Bác sĩ, quê xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; nguyên Trưởng khoa Nội Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Ông đã từng tham gia lực lượng vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba* của Chính phủ Campuchia, *Huy chương Chữ thập đỏ, Huy chương Vì sự nghiệp quốc tế...*

Bác sĩ Nguyễn Kim Chi được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2001.

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 18/2/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở Chi cục đặt tại 425A phường Phan Đình Phùng thành phố Thái Nguyên

Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Thái Nguyên thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BTNMT-BNV ngày 27/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước.

CHI CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Trạm Bảo vệ thực vật Bắc Thái trực thuộc Ty Nông nghiệp ra đời từ ngày 14/4/1977.

Ngày 15/8/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ra Quyết định số 90/QĐ-UB chuyển Trạm Bảo vệ thực vật tỉnh thành Chi cục Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp. Trụ sở hiện nay của Chi cục đặt tại địa phận Tổ 12 - Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Chi cục Bảo vệ thực vật Thái Nguyên có 4 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Trạm Bảo vệ thực vật ở 9 huyện, thành, thị.

Chi cục Bảo vệ thực vật Thái Nguyên có các nhiệm vụ, quyền hạn: Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về công tác bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh...; Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt quy trình kỹ thuật sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, v.v...

CHI CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

Được thành lập ngày 31/5/2008, tiền thân là Ủy ban Dân số - Gia đình và trẻ em tỉnh; trụ sở đặt tại số 9 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Với chức năng là cơ quan quản lí nhà nước về công tác dân số, gia đình và trẻ em, cơ cấu tổ chức Chi cục gồm 3 phòng, với 19 cán bộ, công nhân viên chức, trong đó trên 80% có trình độ đại học.

CHI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 67/TCLD ngày 4/10/1995 của Bộ Nông Nghiệp (nay là Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn), với quy mô hoạt động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Năm 1997, Chi cục Kiểm lâm Thái Nguyên đã được xếp hạng là doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt. Trụ sở hiện nay đặt tại số nhà 210 - Đường Bắc Kạn - Tổ 3 - Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Chi cục có các nhiệm vụ:

- Tham mưu cho cấp có thẩm quyền về bảo vệ rừng và bảo đảm chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương: Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về bảo vệ rừng, quản lí lâm sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật; xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hằng năm về bảo vệ rừng, quản lí lâm sản...
- Tổ chức, chỉ đạo bảo vệ rừng ở địa phương: Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp chống chặt, phá rừng trái phép và các hành vi trái pháp luật khác xâm hại đến rừng và đất lâm nghiệp; xây dựng lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành...
- Bảo đảm chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương: Kiểm tra, hướng dẫn các cấp, các ngành trong việc thực hiện trách nhiệm quản lí nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo và tổ chức...

Năm 2005, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 1410/QĐ-UBND sáp nhập Ban Quản lí rừng phòng hộ (trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và Hạt Kiểm lâm Núi Cốc thành Ban Quản lí rừng phòng hộ Hồ Núi Cốc trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Ngày 28/12/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên có Quyết định số: 3091/QĐ-UBND chuyển Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Chi cục Định canh định cư và Vùng kinh tế mới tỉnh Thái Nguyên thành lập ngày 30/1/1997. Ngày 28/9/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 2275/QĐ-UB Về việc thành

lập Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hợp nhất Phòng Chính sách ngành nghề và Phát triển nông thôn và Chi cục Định canh định cư và Vùng kinh tế mới trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15/12/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 3214/QĐ-UB Đổi tên và tổ chức lại Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn thành Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở Chi cục đặt tại số nhà 134 - Đường Hoàng Văn Thụ, tổ 24, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Chi cục Phát triển Nông thôn Thái Nguyên có các nhiệm vụ: Tham mưu giúp Giám đốc Sở dự thảo các văn bản về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; Chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan tổ chức xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hằng năm thuộc lĩnh vực quản lí của Chi cục; Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các dự án về phát triển kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thuỷ sản, ngành nghề, làng nghề nông thôn, v.v...

Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 2004); được tặng Bằng khen của Ủy ban Dân tộc (năm 2005) về thành tích xuất sắc trong 7 năm thực hiện *Chương trình 135*, Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (các năm 2006, 2009), Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh (các năm 2008, 2010), v.v...

CHI CỤC THÚ Y THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 1/1/1996; Trụ sở đặt tại số nhà 726 - Đường Lương Ngọc Quyến, thuộc địa phận tổ 12 - Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Chi cục có các nhiệm vụ, quyền hạn: Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quản lí, cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước về công tác thú y

và tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trên địa bàn tỉnh; Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, các chương trình dự án; Tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật lưu thông trong tỉnh và xuất ra ngoài tỉnh; Tổ chức thực hiện việc giám sát, phát hiện, chẩn đoán, xác định bệnh động vật, thông báo kịp thời tình hình dịch bệnh; ngăn chặn, dập tắt các ở dịch động vật xảy ra và quản lí các ổ dịch cũ; định kỳ kiểm tra dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các cơ sở có liên quan đến công tác thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, v.v...

CHI CỤC THUẾ HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 315/TCCB/BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trụ sở đặt tại Phố Đình, thị trấn Đại Từ. Chi cục có 40 cán bộ, công chức được tổ chức thành 6 đội: 1 Đội Thuế liên xã, thị trấn; 1 Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; 1 Đội Hành chính nhân sự tài vụ ấn chỉ; 1 Đội Kê khai kế toán thuế - nghiệp vụ dự toán và tin học; 1 Đội Kiểm tra thuế- quản lí nợ và cưỡng chế nợ thuế; 1 Đội Quản lí thu lệ phí trước bạ và thu khác.

Chi cục được giao tổ chức thực hiện công tác quản lí thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện theo quy định của Luật Quản lí thuế.

Từ năm 2009 Chi cục Thuế huyện Đại Từ luôn được công nhận là đơn vị xuất sắc của Bộ Tài chính; được Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

CHI CỤC THUẾ HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập theo Quyết định số 314/TC/QĐ/TCCB ngày 21/8/1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trụ sở đặt tại địa phận phố Tân Lập, thị trấn Chợ Chu.

Chi cục có nhiệm vụ quản lí thuế, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra - kiểm tra, kê khai và kế toán thuế, quản lí thu nợ, thu ngân sách Nhà nước và cải cách hành chính thuế...

CHI CỤC THUẾ HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập tháng 8/1990. Trụ sở Chi cục đặt trong trong khuôn viên có tổng diện tích sàn 1.060 m^2 thuộc địa phận tổ 17, thị trấn Chùa Hang.

Chi cục thuế huyện Đồng Hỷ có 6 đội trực thuộc: 2 Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; Đội Kiểm tra - Quản lí nợ và cưỡng chế thuế; Đội Trước bạ, thu khác và thu nhập cá nhân; Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ; Đội Thuế liên xã, thị trấn.

Chi cục có các nhiệm vụ quản lí thuế, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra - kiểm tra, kê khai và kế toán thuế, quản lí thu nợ, thu ngân sách Nhà nước và cải cách hành chính thuế...

Chi cục Thuế huyện Đồng Hỷ đã được trao tặng nhiều Bằng khen của Bộ Tài chính (các năm 1992, 1997, 2000, 2001, 2002, 2004, 2006); Bằng khen của Chính phủ (các năm 1996, 1997). Đặc biệt, Chi cục đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 1998) và *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2005).

CHI CỤC THUẾ HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập ngày 21/8/1990 trên cơ sở sáp nhập Phòng Thuế Công thương nghiệp, Bộ phận Quản lí thu thuế Nông nghiệp và thu Quốc doanh thuộc Ban Tài chính - Giá cả. Trụ sở đặt tại địa phận tổ dân phố Giữa, thị trấn Hương Sơn.

Khi mới thành lập, cơ sở vật chất của Chi cục còn nghèo nàn, đến nay Chi cục đã có trụ sở làm việc khang trang; phương tiện làm việc được trang bị hoàn chỉnh đồng bộ, hiện đại, khép kín, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyên môn.

Từ kết quả đạt được, hoàn thành xuất sắc mọi mặt công tác, số thu năm sau cao hơn năm trước, Chi cục thuế Phú Bình liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; 8 Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHI CỤC THUẾ HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 1/10/1990 theo Quyết định số 314/TC/QĐ-TCCB ngày 21/8/1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trụ sở đặt tại số 152, phố Thái Long, thị trấn Đình Cả. Chi cục có 6 đội trực thuộc: Đội Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế; Đội Kê khai, kế toán thuế, tin học, nghiệp vụ, dự toán; Đội Kiểm tra, quản lí nợ và cưỡng chế nợ thuế; Đội Hành chính, nhân sự, tài vụ, ấn chỉ; Đội Trước bạ, thu khác và thuế thu nhập cá nhân; Đội Thuế liên xã, thị trấn.

Chi cục có nhiệm vụ quản lí thuế, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra - kiểm tra, kê khai và kế toán thuế, quản lí thu nợ, thu ngân sách Nhà nước và cải cách hành chính thuế...

Chi cục Thuế huyện Võ Nhai đã được Bộ Tài chính tặng Bằng khen (2008).

CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Trạm Thuế trực thuộc Phòng Tài chính - Ủy ban nhân dân thành phố, Trụ sở Chi cục hiện nay đặt tại đường Đội Cấn, phường Trưng Vương.

Chi cục có nhiệm vụ quản lí thuế, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra - kiểm tra, kê khai và kế toán thuế, quản lí thu nợ, thu ngân sách Nhà nước và cải cách hành chính thuế... Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 2004), được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2006), của Bộ Tài chính (các năm 2005, 2006, 2007), của Tổng cục Thuế (năm 2005), v.v...

CHI CỤC THUẾ HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại thị trấn (nay là phường) Ba Hàng, là đơn vị trực thuộc Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lí thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của ngân sách nhà nước thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lí thuế, các luật thuế, các qui định pháp luật khác có liên quan.

Chi cục có 6 đội trực thuộc là: Đội Nghiệp vụ - Tuyên truyền, Đội Kê khai - Quản lí nợ và cưỡng chế thuế, Đội Kiểm tra thuế, Đội Thuế thương nghiệp - công nghiệp, trước bạ và thu khác, Đội Hành chính, Đội Thuế liên xã.

CHI CỤC THUẾ THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập theo Quyết định số 1137TC/QĐ/TCCB ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trụ sở đặt tại địa phận xã Tân Quang.

Chi cục có nhiệm vụ quản lí thuế, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra - kiểm tra, kê khai và kế toán thuế, quản lí thu nợ, thu ngân sách Nhà nước và cải cách hành chính thuế... Chi cục đã được Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng nhiều Bằng khen.

CHI CỤC THUỶ LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG LỤT BÃO TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập từ đầu năm 2009 trên cơ sở sáp nhập Chi cục Quản lí đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh với Phòng Thuỷ lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số nhà 11A, ngõ 566, Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.

Chi cục Thuỷ lợi và Phòng, chống lụt bão tỉnh Thái Nguyên có các nhiệm vụ:

- Giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quản lí về công tác thuỷ lợi, phòng, chống lụt bão và tham gia hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;
- Quản lí công trình thuỷ lợi, đê điều, phòng chống lụt bão;
- Thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão tỉnh;
- Xây dựng hệ thống thông tin - cơ sở dữ liệu, cập nhật và lưu trữ tư liệu về thuỷ lợi, thuỷ văn, dòng chảy, quản lí đê điều, phòng chống lụt bão; v.v...

Chi cục đã được trao tặng Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (các năm 2008, 2009).

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Tiền thân là Phòng Đo lường tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm thuộc Ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh Bắc Thái, được thành lập năm 1985. Trụ sở chính đặt tại số 513 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chi cục là đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thực thi nhiệm vụ quản lí nhà nước và quản lí các dịch vụ công về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chi cục có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện việc đăng ký chất lượng các sản phẩm hàng hoá thuộc diện quản lí chất lượng cho các cơ sở sản xuất kinh doanh; Hướng dẫn xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở phù hợp với trình độ sản xuất của các cơ sở sản xuất trong tỉnh; Kiểm định định kỳ các phương tiện đo theo quy định của Nhà nước (các loại cân, đồng hồ nước, đồng hồ điện, dụng cụ đo dung tích,...); Tiến hành việc lấy mẫu định kì và bất thường để kiểm nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hoá; Tổ chức việc kiểm tra, thanh tra Nhà nước các phương tiện đo, chất lượng sản phẩm hàng hoá và thanh tra việc chấp hành các quy định, thể lệ quản lí tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập theo Quyết định số 601/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách Xã hội, gồm 4 cán bộ. Trụ sở đặt tại địa phận phố Bãi Á 1, thị trấn Chợ Chu.

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen về thành tích cho vay hộ nghèo giai đoạn 2001-2005 và thực hiện xuất sắc Chương trình 135 giai đoạn II.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 10/5/2003 theo Quyết định số 602/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Trụ sở: số 142 phố Thái Long, thị trấn Đình Cả.

Chi nhánh có nhiệm vụ: Tham mưu giúp việc Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; khai thác các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn huyện. Kiểm tra, giám sát các đối tượng khách hàng, các tổ chức làm Ủy thác cho vay trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, quy chế nghiệp vụ tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác khi được Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam giao.

Ngân hàng Chính sách xã hội Võ Nhai đã được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích 10 năm xây dựng và phát triển.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 14/1/2003 theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội. Chi nhánh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/3/2003, với 8 phòng giao dịch huyện, thị xã và Văn phòng Hội sở chi nhánh tỉnh. Trụ sở hiện nay đặt tại số 1 Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Tổng dư nợ khi mới thành lập là 150.522 triệu đồng, với 3 chương trình cho vay: Cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm (Chương trình 120) và cho vay học sinh, sinh viên. Tổng dư nợ đến hết năm 2010 đạt gần 1.300.000 triệu đồng, với 9 chương trình cho vay, gồm: Cho vay hộ nghèo; cho vay giải quyết việc làm; cho vay học sinh, sinh viên; cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; cho vay hộ đồng bào dân tộc ít người đặc biệt khó khăn; cho vay hộ nghèo về nhà ở; cho vay xuất khẩu lao động; cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng Bằng khen (các năm 2006, 2010).

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Phòng Cấp phát vốn kiến thiết cơ bản trực thuộc Ty Tài chính được thành lập ngày 26/4/1957, trụ sở đặt tại khu vực Lưu Xá. Trụ sở Chi nhánh hiện nay đặt tại địa phận tổ 27 - Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Chi nhánh là một trong những ngân hàng thương mại có quy mô hoạt động lớn nhất trên địa bàn tỉnh. Đến ngày 31/12/2010, Chi nhánh có tổng tài sản đạt 3.142 tỉ đồng (gấp 6,2 lần năm 2001), nguồn vốn huy động đạt 2.021 tỉ đồng (gấp 5,6 lần năm 2001), dư nợ tín dụng đạt 2.900 tỉ đồng (gấp 78,5 lần năm 2001), lợi nhuận trước thuế đạt 74 tỉ đồng (gấp 17,8 lần năm 2001).

Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển đã được Đảng và Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2005), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (các năm 2007, 2009) và của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (các năm 2005, 2006, 2008, 2009), v.v...

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC HUYỆN PHỔ YÊN

Được thành lập từ năm 1957, có tên gọi là Ngân hàng Ba Hàng, với chức năng phục vụ các ngành kinh tế, các lực lượng vũ trang, các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, vật tư và vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm...

Năm 1960, đổi tên là Chi nhánh Ngân hàng Phổ Yên; trụ sở đặt tại thị trấn Ba Hàng (huyện Phổ Yên). Chi nhánh có nhiệm vụ quản lí ngân sách Nhà nước (cả chức năng kho bạc), huy động gửi tiền tiết kiệm trong nhân dân, giúp đỡ xây dựng các hợp tác xã tín dụng ở các xã.

Thời gian đầu, Chi nhánh có 9 cán bộ, nhân viên. Trong những năm 1967-1968, với số cán bộ, nhân viên lên tới 90 người, Chi nhánh phải sơ tán nhỏ ra nhiều nơi: Nam Tiến, Đồng Tiến, Tân Hương... Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, Chi nhánh Ngân hàng Phổ Yên trở về địa điểm cũ. Chức năng, nhiệm vụ được giao thêm việc quản lí các nhà máy, xí nghiệp của Trung ương và địa phương, các trạm, trại... trên địa bàn huyện Phổ Yên.

Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Phổ Yên đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2003).

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 27/5/1951 theo Nghị định số 94/NĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở mới và sáp nhập Ty Ngân khố Tín dụng.

Ngày 1/6/1951, Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động và ra mắt tại đình Đồng Mỗ, xã Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc xóm Soi, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên). Hiện nay, Trụ sở Ngân hàng đặt tại số 1, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thái Nguyên là đơn vị phụ thuộc của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lí nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc. Chi nhánh có nhiệm vụ:

- Tổ chức phổ biến, chỉ đạo, triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và hoạt

động ngân hàng đến các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trên địa bàn.

- Tổng hợp, thống kê, nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế trên địa bàn để tham mưu cho Thống đốc và chịu trách nhiệm triển khai chỉ đạo của Thống đốc trong việc thực hiện chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn; tham mưu cho Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương có liên quan đến hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác thông tin tín dụng.

- Thực hiện nhiệm vụ cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng và tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trên địa bàn theo ủy quyền của Thống đốc và quy định của pháp luật.

- Giám sát, chỉ đạo việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, kiểm soát đặc biệt, giải thể đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn theo ủy quyền của Thống đốc và quy định của pháp luật, v.v..

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên đã được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2007), Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (các năm 2000, 2001, 2007, 2010) và nhiều Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập năm 1988, trên cơ sở tách ra từ Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước huyện Đại Từ. Trụ sở chính đặt tại Phố Đình, thị Trấn Đại Từ, huyện Đại Từ. Mạng lưới Chi nhánh gồm: Trung tâm Ngân hàng huyện và 4 phòng giao dịch tại các cụm xã (Yên Lãng, Phú Xuyên, Cù Vân, Ký Phú) hoạt động trên địa bàn 31 xã, thị trấn với các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là: nhận tiền gửi, cho vay, cung cấp một số dịch vụ bảo lãnh ngân hàng (bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu...), cung ứng các dịch vụ thanh toán...

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đại Từ đã được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng

Quản trị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập năm 1988 trên cơ sở chuyển từ Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước huyện Định Hoá. Trụ sở đặt tại phố Tân Lập, thị trấn Chợ Chu.

Thực hiện phương châm "Đi vay để cho vay", nguồn vốn huy động của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Định Hoá liên tục tăng từ 2,2 tỉ đồng (năm 1993), lên 30 tỉ đồng (năm 2003), 98 tỉ đồng (năm 2008).

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 30/6/1988, trụ sở đặt tại số 1B, thị trấn Chùa Hang.

Là chi nhánh loại 3 trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên; hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng trên địa bàn huyện cung cấp các sản phẩm dịch vụ cơ bản: Huy động nguồn vốn nhàn rỗi của các tổ chức và cá nhân bằng VNĐ, USD, EUR; Cấp tín dụng cho các ngành, các thành phần kinh tế dưới hình thức: Cho vay bằng đồng VND, USD, các hình thức bảo lãnh; Cung ứng các sản phẩm dịch vụ: Thanh toán, kho quỹ, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại: SMS Banking; internet Banking; Mobile Banking; A-Transfer, VNtopup, dịch vụ thẻ trong nước và quốc tế.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập năm 1988; trụ sở đặt tại thị trấn Hương Sơn. Nhiệm vụ và chức năng chính của Chi nhánh là đầu tư vốn phát triển cho các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân; quản lí và kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, tổ chức hệ thống tín dụng nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân đầu tư cho sản xuất trong địa bàn địa phương; thực hiện

các chương trình dự án của nhà nước đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Tiền thân là Chi điếm Ngân hàng Nhà nước Phú Lương, được thành lập năm 1959 theo Sắc lệnh 15/SL của Chủ tịch nước ban hành ngày 6/5/1951; có nhiệm vụ quản lí về tài chính và điều tiết các hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ ở địa phương. Từ năm 1988 đến năm 1990, đổi tên là Ngân hàng Phát triển nông nghiệp huyện Phú Lương; từ năm 1990 đến năm 1996 là Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam huyện Phú Lương; từ năm 1996 đến nay là Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Lương. Trụ sở chính đặt tại tiểu khu Thái An, Thị trấn Đu, 2 phòng giao dịch tại xã Tức Tranh, thị trấn Giang Tiên và 2 phòng nghiệp vụ là Phòng tín dụng và Phòng kế toán.

Nhiệm vụ và chức năng chính của Chi nhánh là đầu tư vốn phát triển cho các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân; quản lí và kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, tổ chức hệ thống tín dụng nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân đầu tư cho sản xuất trong địa bàn địa phương; thực hiện các chương trình dự án của nhà nước đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập năm 1988 với tên gọi: Chi nhánh Ngân hàng phát triển nông nghiệp huyện Võ Nhai; năm 1990, đổi tên thành Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện Võ Nhai; năm 1996, đổi tên thành Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Võ Nhai. Trụ sở đặt tại xóm Tiền Phong, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Chi nhánh có nhiệm vụ: Huy động nguồn vốn nhàn rỗi, cấp tín dụng cho các thành phần kinh tế, thực hiện các dịch vụ ngân hàng khác như thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ ngân hàng hiện đại (mobileBanking, SMSBanking, InternetBanking. A-Transfer, Vntopup, dịch vụ Thẻ...).

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1997, trên cơ sở tách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Thái (thành lập ngày 30/6/1988), theo Quyết định số 198/QĐ-NHNN5 ngày 6/6/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Là chi nhánh loại 1, có một văn phòng đặt tại số 279 - Đường Thống Nhất, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; 10 chi nhánh loại 3 trực thuộc: Chi nhánh huyện Định Hoá, Chi nhánh huyện Phú Lương, Chi nhánh huyện Đại Từ, Chi nhánh huyện Đồng Hỷ, Chi nhánh huyện Phú Bình, Chi nhánh huyện Võ Nhai, Chi nhánh huyện Phổ Yên, Chi nhánh thành Phố Thái Nguyên, Chi nhánh Sông Công, Chi nhánh Sông Cầu, 19 phòng giao dịch trực thuộc các chi nhánh loại 3.

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên (Agribank Thái Nguyên) hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng trên địa bàn tỉnh, cung cấp các sản phẩm dịch vụ cơ bản: Huy động nguồn vốn nhàn rỗi của các tổ chức và cá nhân bằng VNĐ, USD, EUR; Cấp tín dụng cho các ngành, các thành phần kinh tế dưới hình thức: Cho vay bằng đồng VND, USD, các hình thức bảo lãnh; Cung ứng các sản phẩm dịch vụ: Thanh toán, kho quỹ, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 2007), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (các năm 1998, 2002), của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (các năm 1999, 2000, 2002, 2003, 2004, 2005, 2010), của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 1995), của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (các năm 2000, 2002), của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (năm 2003), của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (các năm 1997, 1998, 1999, 2000, 2002, 2003, 2004, 2005, 2009, 2010)...

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Chi nhánh Ngân hàng Công thương Bắc Thái, được thành lập ngày 26/3/1988 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/7/1988. Trụ sở đặt tại số 62 - Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Đến nay, Chi nhánh có nguồn vốn huy động 2.400 tỉ đồng (gấp 185 lần nguồn vốn lúc mới thành lập); số dư nợ cho vay đạt 2.500 tỉ đồng (gấp 312 lần lúc mới thành lập). Từ chỗ chỉ có dịch vụ cho vay thu nợ, đến nay Chi nhánh đã triển khai hàng trăm dịch vụ khác nhau, như bảo lãnh thanh toán, dịch vụ thu hộ, chi hộ, cho thuê két sắt, thanh toán thẻ quốc tế, thu hộ tiền điện qua thẻ, dịch vụ thu thuế..., với mạng lưới phát triển 15 phòng giao dịch ở thành phố và các huyện, thị trên địa bàn tỉnh. Từ chỗ chỉ có 10% số cán bộ có trình độ đại học khi mới thành lập, đến nay, Chi nhánh đã có 95% trong tổng số 165 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học.

Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Thái Nguyên đã được Nhà nước trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 2000), 5 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (các năm 1997, 2003, 2005, 2008, 2009), Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước, v.v...

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ (VIB) THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 16/10/2007; trụ sở đặt tại số 661 - 663 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.

Hệ thống mạng lưới của Chi nhánh được mở rộng, gồm chi nhánh chính và 2 phòng giao dịch đặt tại phường Phan Đình Phùng và Khu Gang thép để phục vụ trên 2.400 khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.

Đến hết năm 2010, tổng tài sản của Chi nhánh đạt trên 750 tỉ đồng; tốc độ tăng trưởng hằng năm đều lớn hơn 70%; dư nợ tín dụng đạt khoảng 700 tỉ đồng; nguồn vốn huy động luôn duy trì ở mức trên 400 tỉ đồng; nợ xấu chiếm một tỉ lệ rất nhỏ, chưa đến 0,25%. Với kết quả đạt được trong 3 năm (2007 - 2010), VIB Thái Nguyên luôn được xếp loại A theo các tiêu chí đánh giá của hệ thống Ngân hàng Quốc tế và luôn

đứng đầu trong các ngân hàng cổ phần thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

CHI NHÁNH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu. Nhiệm vụ của Chi nhánh là cung ứng vật tư nông nghiệp (giống, thuốc bảo vệ thực vật, các loại nông cụ, phân bón...); bình ổn giá cả vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện; tổ chức xây dựng mạng lưới bán lẻ; tổ chức cung ứng đầu tư, cung ứng trước vật tư cho người nghèo...

CHI NHÁNH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐỒNG HỶ

Trụ sở đặt tại tổ 24, thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ.

Nhiệm vụ của Chi nhánh là cung ứng vật tư nông nghiệp (giống, thuốc bảo vệ thực vật, các loại nông cụ, phân bón...); bình ổn giá cả vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện; tổ chức xây dựng mạng lưới bán lẻ; tổ chức cung ứng đầu tư, cung ứng trước vật tư cho người nghèo...

CHI NHÁNH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HUYỆN VÕ NHAI

Tiền thân là Trạm Vật tư Nông nghiệp Võ Nhai được thành lập năm 1996, trực thuộc Công ty Vật tư Nông nghiệp Thuỷ lợi tỉnh Thái Nguyên.

Trụ sở đặt tại phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Từ năm 2006, Trạm đổi tên thành Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp Võ Nhai trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Thái Nguyên.

Chi nhánh có nhiệm vụ: Tiếp nhận và cung ứng các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Võ Nhai.

CHÍ ĐÀM

Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, quê Sa Kệ (Sa Cát hay Sà Cạt) huyện Đồng Hỷ, xứ Thái Nguyên (nay là đất thuộc xã Quyết Thắng và một phần các xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, phường Tân Thịnh, Thịnh Đán của thành phố Thái Nguyên).

Đàm Chí ứng thi và đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) tại khoa thi năm Ất Mùi (1535), niên hiệu Đại chính thứ 6 đời Mạc Đăng Doanh. Tại khoa thi này có 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ, trong đó đỗ đầu là Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, 7 người đỗ Tiến sĩ xuất thân và 22 người đỗ Đồng Tiến sĩ xuất thân. Đàm Chí làm quan tới chức Thừa chính sứ, là chức quan đứng đầu một xứ dưới thời Lê - Mạc, tương đương với

chức Tổng trấn sau này và được phong tước Bá - Vân Trai bá. Mộ phần của Đàm Chí - hiện ở xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên).

Hiện nay chưa xác định được năm sinh, năm mất của ông.

CHÍ SON

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng tại xóm Chí Son thuộc xã Nam Hoà, huyện Đồng Hỷ.

Hồ có diện tích mặt nước khoảng 8 ha, dung tích 100.000 m^3, kênh chính dài 1,5 km. Là nguồn cung cấp nguồn nước cho 60 ha ruộng lúa cấy 2 vụ và là nguồn cung cấp thuỷ sản, điều tiết độ ẩm và tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

CHÍCH NGUYỄN (1382 - 1448)

Tuyên uý Đại sứ Thái Nguyên hạ bạn, quê ở thôn Mạc Xá, xã Vạn Lộc, huyện Đông Sơn, trấn Thanh Hoá (tỉnh Thanh Hoá ngày nay); giữ chức Tuyên uý Đại sứ Thái Nguyên hạ bạn vào tháng 4 năm Thiệu Bình thứ 4 (1437).

Năm 1407, giặc Minh xâm lược nước ta, ông dựng cờ khởi nghĩa, lập căn cứ ở vùng núi Hoàng Nghiên nằm giữa 3 huyện Đông Sơn, Nông Cống, Triệu Sơn ngày nay. Ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo ngay từ khi mới nổ ra (1418) nhưng vẫn đóng quân ở núi Hoàng Nghiên.

Năm 1420, Nguyễn Chích mang toàn bộ lực lượng gia nhập nghĩa quân Lam Sơn. Ông là người đã tham vấn cho Lê Lợi kế hoạch rút quân khỏi đất Thanh Hoá vào đánh chiếm đất Nghệ An để vừa tránh các chiến dịch tập trung truy quét của địch, vừa mở rộng căn cứ địa.

Do lập nhiều công trạng, Nguyễn Chích được vua Lê Thái Tổ ban Quốc tính đổi sang họ Lê theo họ của vua. Năm 1429, Lê Chích cùng 14 người được ban phong tước Đình thượng hầu. Năm Đinh Tỵ (1437), khi đang giữ chức Tổng tri Bắc Giang trung lộ, được bổ giữ chức Tuyên uý đại sứ Thái Nguyên hạ bạn. Sau, được phong Nhập nội đô đốc tham dự triều chính.

Tháng 12 năm Nhâm Thìn (1448), Lê Chích mất, được nhà Lê truy tặng Nhập nội tư không, Bình chương sự, tên thuỵ là Trinh Vũ.

CHIẾC ÁO TÀNG HÌNH

Một trong những truyền thuyết về Dương Tự Minh. Ngày xưa, ở vùng Sơn Cẩm thuộc phủ Phú Lương có vợ chồng họ Dương, đã già mà chưa có con. Bỗng một đêm, người vợ nằm mơ nuốt cả một trái núi. Từ đó, bà mang thai. Tròn năm, bà sinh một cậu con trai khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Tự Minh. Bố mất sớm, Tự Minh từ nhỏ đã phải làm ruộng giúp mẹ. Một đêm đi câu cá, nằm bên bờ sông nhìn lên núi Cái (Sơn Cẩm) thấy lửa sáng, chàng bèn leo lên và gặp hai ông Tiên đang đánh cờ. Do mách Tiên ông nước cờ hay, Tự Minh được Tiên ông thưởng cho chiếc áo gấm - chiếc áo tàng hình. Từ đó, chàng thường mặc tàng hình vào kho lấy của cải chia cho người nghèo, nên ai cũng yêu quý chàng. Sau đó, áo bị rách phải vá, vì miếng vá mà chàng bị lộ, bị quân nhà vua bắt giam vào ngục.

Đang lúc chàng bị giam trong ngục thì giặc thù xâm lấn biên giới. Dương Tự Minh xin nhà vua cho đi đánh giặc để lập công chuộc tội. Được vua đồng ý, cấp cho binh mã, chàng mặc áo tàng hình xông vào giữa trận tiền đánh thắng quân giặc. Giặc tan, Dương Tự Minh nhờ có công lớn được nhà vua xá tội, phong nhiều chức tước cao, gả công chúa, cho cai quản một vùng rộng lớn. Sau khi ông chết, được dân khắp vùng lập đền thờ phụng.

CHIẾN CÔNG

Hợp tác xã Công nghiệp và vận tải, tiền thân là Tổ hợp hợp tác xã cơ khí Chiến Công thành lập từ năm 1993; đến năm 1998 chuyển đổi thành Hợp tác xã công nghiệp và vận tải Chiến Công cho đến nay.

Trụ sở đặt tại phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công.

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác và chế biến các loại khoáng sản; Luyện gang thép, luyện thiếc, luyện fero mangan các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu phục vụ cho ngành luyện gang thép.

Hợp tác xã đã hợp tác về kỹ thuật, chuyển giao công nghệ với các đối tác nước ngoài như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Australia và Nhật Bản trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất luyện gang thép, luyện thiếc, luyện fero mangan các loại.

Hợp tác xã có Nhà máy luyện fero silico mangan tại thị xã Sông Công với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm, đã đi vào sản xuất ổn định. Năm 2010, tổng doanh thu của Hợp tác xã và các đơn vị thành viên đạt 1.380 tỉ đồng, tạo việc làm cho 1.400 lao động. Hợp tác xã đã được tặng thưởng: 3 *Huân chương Lao động (Nhất, Nhì, Ba); Bằng khen và cờ thi đua của Chính phủ*; được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương tặng nhiều bằng khen và được trao tặng các *giải thưởng Sao Đỏ, Cúp Bông Hồng Vàng, Cúp Thánh Gióng - Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu. giải thưởng Sao vàng Đất Việt*...

CHIẾN THẮNG

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Xóm Chiến Thắng có 55 hộ với 94 lao động tham gia sản xuất, chế biến chè. Doanh thu năm từ nghề trồng và chế biến chè búp khô đạt thu nhập cao.

CHÍN TẦNG

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 1969, hoàn thành năm 1970, nằm trên đất xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

Hồ có đập chính dài 70 m, độ cao 8 m, diện tích mặt nước 6 ha, dung tích chứa nước 182.000 m^3. Hệ thống kênh chính của hồ dài 3.500 m, hệ thống kênh nhánh 2.500 m, dẫn nước tưới cho 40 ha lúa của xã Động Đạt.

CHINH NÔNG QUỐC

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Nà Giàng, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1977, sau khi tốt nghiệp Khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy. Năm 1988, được Nhà trường cử đi học nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Séc. Năm 1993, trở về nước với tấm bằng Phó tiến sĩ, ông tiếp tục làm công tác giảng dạy tại Khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Tháng 2/2002, được đề bạt làm Trưởng phòng Đào tạo; đến tháng 10/2002, chuyển sang làm Trưởng

khoa Khoa học tự nhiên và xã hội - Đại học Thái Nguyên; năm 2008, làm Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Nông Quốc Chinh đã được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2008), *Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục;* được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2006.

CHINH TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1926, quê xã Vũ Tiên, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; thường trú tại xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Trần Thị Chinh có con độc nhất là liệt sĩ Trần Mạnh Hùng (nhập ngũ tháng 8/1970, hi sinh tháng 3/1974 tại Mặt trận phía Nam).

Mẹ Trần Thị Chinh được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 908/2002/QĐ-CTN ngày 17/2/2002 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

CHỈNH LÊ ĐỨC

Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Hoàng Ngọc Chương), sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán phố Hàng Cháo, thành phố Hà Nội; tham gia cách mạng từ năm 1930, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8/1945; cán bộ Lão thành cách mạng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (1961 - 6/1965). Đã từ trần tại Hà Nội.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Độc lập, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.*

CHỈNH NGUYỄN PHÚC

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1983, sau khi tốt nghiệp Khoa Sinh Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy. Từ 1986 đến năm 1988, theo học Thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Năm 2000 là Nghiên cứu sinh và đến năm 2005, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại

Viện Khoa học giáo dục Việt Nam. Năm 2009, ông được phong học hàm Phó Giáo sư.

Nhà giáo Nguyễn Phúc Chỉnh đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng khoa, Trưởng khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Ông đã được trao tặng 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

CHỢ CHU

Chợ, đặt giữa ngã ba xóm Đồng Chùa, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá; hình thành trong khoảng thời gian 1915 - 1925. Chợ gồm 3 quán, mỗi quán được xây thành nhiều gian dọc theo một khu đất rộng, với móng và hè bằng bê tông, nhiều cột to, xù xì, mái lợp lá cọ. Hằng tháng, chợ họp vào các ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28 Âm lịch.

Đầu năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, các quán chợ đều bị phá bỏ, chợ không hoạt động. Từ năm 1956, chợ họp trở lại. Năm 1962, hai quán chợ được dựng trên nền cũ, cột bê tông, lợp lá cọ. Năm 1998, chợ được xây dựng lại đủ 3 quán như trước, mái lợp fibrô xi măng.

CHỢ CHU

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá nằm trong vùng An toàn khu Trung ương. Trên địa bàn thị trấn, khu vực Núi Nản là nơi Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đặt các xưởng sản xuất giấy in tiền, in sách báo phục vụ các cơ quan Trung ương (năm 1947); đồng thời cũng là nơi Nhà máy Quân giới TK2 sản xuất và sửa chữa vũ khí (1947 - 1948)... Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Chợ Chu vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan Trung ương và quân đội đóng trên địa bàn; vừa làm tốt nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu bảo vệ quê hương. Chỉ tính riêng trong thời gian tiêu thổ kháng chiến, Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Chợ Chu đã tự tay mình phá hủy 270 ngôi nhà, đánh sập 2 chiếc cầu, vót và cắm hàng nghìn chiếc chông tre, nứa chống địch nhảy dù, gây cho địch nhiều khó khăn khi tấn công, chiếm đóng Thị trấn.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Chợ Chu đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 202/KT-CTN ngày 11/6/1999) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

CHỢ CHU

Nhà thờ họ đạo, được dựng năm 1930 làm nơi cầu nguyện của 17 hộ đồng bào giáo dân từ tỉnh Nam Định và Hải Phòng di cư lên.

Lúc đầu, Nhà thờ làm bằng tre, tường trát vách đất, mái lợp lá cọ, diện tích 60 m^2. Năm 1944, nhà thờ được làm lại, tường xây bằng gạch, nhưng đang xây thì ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, công trình bỏ dở. Năm 1958, Nhà thờ Chợ Chu được lại xây dựng lại tại xóm Năm, rộng 5 m, dài 17 m, tường xây gạch đơn cao 3 m, cột bằng gỗ. Năm 2007, trong khuôn viên rộng khoảng 900 m^2, nhà thờ được xây dựng lại, rộng 8,5 m, dài 27 m, kết cấu khung cứng, mái vòm bê tông, lợp tôn, tháp chuông cao 26 m. Đây là nơi cầu nguyện vào tối Chủ nhật hằng tuần của giáo dân cư trú trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và các xã Trung Hội, Trung Lương, Tân Dương. Mỗi tháng nhà thờ tổ chức một buổi giáo dân hành lễ, do Linh mục phụ trách Xứ đạo Phú Cường (huyện Đại Từ) chủ trì.

CHỢ CHU

Nhà tù cấp tỉnh do thực dân Pháp xây dựng năm 1913, nằm sát đồn lính khố xanh, ở Chợ Chu, huyện Định Hóa. Lúc mới xây dựng, nhà tù có thể giam giữ từ 80 đến 100 người. Sau này, thực dân Pháp mở rộng, xây thêm các nhà giam, phòng giam, có thể giam giữ 200 người.

Tại đây, tháng 6/1943, thực dân Pháp chuyển gần 100 tù chính trị từ nhà tù Sơn La về, trong đó có 15 đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, sự giúp đỡ tận tình của cơ sở cách mạng và nhân dân Định Hóa, ngày 11/10/1944, 12 đảng viên tại Nhà tù Chợ Chu đã vượt ngục thành công, trở về các địa phương tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945.

Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 253-QĐ/BVHTT ngày 25/12/1998).

CHỢ CHU

Thị trấn huyện lị của huyện Định Hóa; phía đông giáp các xã Tân Dương, Phượng Tiến, phía tây giáp xã Phúc Chu, phía nam giáp xã Bảo Cường, phía bắc giáp các xã Kim Sơn, Kim Phượng. Tổng diện tích tự nhiên 4,349 km², trong đó đất nông nghiệp 2,2796 km², đất phi nông nghiệp 1,2159 km², còn lại là đất chưa sử dụng.

Thị trấn Chợ Chu hiện nay có 22 xóm và tổ dân phố: Bãi Á 1, Bãi Á 2, Bãi Á 3, Dốc Châu, Hợp Thành, Hồ Sen, Nà Lài, Phúc Thành, Trung Việt, Vườn Rau, Trường Học, Nản Trên, Nản Dưới, Đồng Chùa, Tân Thành, Tân Lập, Hợp Thành, Trung Thành, Trung Kiên, Thống Nhất, Hoà Bình, Đoàn Kết. Tính đến năm 2009, dân số thị trấn có 5.988 người, thuộc các thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Hoa, Nùng, Sán Chay, Dao, Sán Dìu, Mường, Hrê, Mông.

Thị trấn có di tích lịch sử Nhà tù Chợ Chu nằm trên đồi cao ở xóm Vườn Rau đã được xếp hạng Quốc gia (theo Quyết định số 253/1999/QĐ-BVHTT, ngày 25/2/1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin).

CHỢ ĐỒN

Cầu, được xây dựng năm 1999, trên tuyến Quốc lộ 37, thuộc địa phận xã Kha Sơn, huyện Phú Bình. Cầu dài 28,26 m, rộng 10,5 m; tải trọng 30 tấn.

CHỢ KHÁNG CHIẾN

Được thành lập trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài việc tổ chức cho nhân dân mua bán những nhu yếu phẩm và vật dụng thông thường phục vụ sinh hoạt và sản xuất, điều đặc biệt là các cơ quan quân đội trong An toàn khu còn tổ chức ở chợ kháng chiến điểm thu mua gang, sắt, nhôm, đồng, diêm sinh...phục vụ nhu cầu sản xuất vũ khí trang bị cho các đơn vị bộ đội.

CHỢ NẬP

Cầu, được xây dựng tại Km 16+540 - Tỉnh lộ 264, thuộc địa bàn xã Bình Thành, huyện Định Hóa. Năm 1989, cầu được xây dựng lại, dầm bê tông cốt thép nhịp dầm đơn, sơ đồ bố trí nhịp 20; dạng cắt dầm chủ/dầm bê tông cốt thép; dạng kết cấu mố trụ, móng chữ U, O, X. Cầu dài 24,9 m, rộng 4 m, trọng tải khai thác biển báo 10 tấn.

CHỢ THÁI

Được khai trương hoạt động từ ngày 23/1/2008, đặt tại đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Chợ được xây dựng 4 tầng và một tầng hầm hoàn chỉnh. Tầng hầm có diện tích 8.340 m^2 được phân thành các khu vực bán gạo, hàng khô, thịt cá, hoa quả, rau xanh. Tầng 1 có diện tích 8.473 m^2, được phân thành các khu vực cho từng ngành hàng như: Mĩ phẩm, văn phòng phẩm, giầy dép, chè khô, bánh kẹo, điện gia dụng, đồ gia dụng, đồ thủy tinh, gốm sứ, đồ kim khí, hàng mã. Tầng 2 có diện tích 8.426 m^2, được tổ chức riêng cho các gian hàng có nhu cầu diện tích lớn như quần áo, điện tử, điện lạnh. Tầng 3 có diện tích 8.426 m^2 được dùng để kinh doanh siêu thị. Với các không gian rộng thuận tiện cho việc bố trí các kệ, tủ hàng, các bàn thanh toán, tủ gửi đồ cho khách hàng, tầng này cũng dành một không gian nhất định cho văn phòng, kho và khu vệ sinh. Tầng 4 có diện tích 6.276 m^2 được dùng để kinh doanh bar, karaoke, cà phê, giải khát, Sapa.

Chợ Thái vừa là chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu mua bán phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân, giải quyết địa điểm kinh doanh đối với các hộ kinh doanh tại chợ cũ, là nơi tổ chức bán buôn, là chợ đầu mối cung cấp nguồn hàng cho các chợ nhỏ trong thành phố và các tỉnh, thành trong khu vực.

CHỢ THỊ XÃ

Được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, nằm tại vị trí trung tâm thị xã Thái Nguyên - điểm nút của các tuyến giao thông đường bộ, lại gần dòng sông Cầu, nên rất tiện lợi cho việc giao thương hàng hoá giữa các vùng trong và ngoài tỉnh.

Chợ gồm 13 cầu chợ, bày đủ các mặt hàng, chủ yếu là các loại nông, lâm thổ sản, các loại nhu yếu phẩm phục vụ đời sống hằng ngày của người dân. Cách 5 ngày có một phiên chợ chính, thu hút hàng ngàn người ra vào mua bán.

CHÚ LƯU NHÂN (...- 1434)

Vị tướng tài trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Sách *Lịch triều Hiến chương loại chí* ghi là Lưu Nhân Thụ, tên hiệu là Ông Sỹ, quê xã Thuận Thượng, nay là xã Văn Yên huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (là con trai

Lưu Trung). Căm thù quân Minh xâm lược tàn ác, năm 1409, Lưu Nhân Chú cùng cha và em rể tìm về Lam Sơn tụ nghĩa cùng Lê Lợi chống lại giặc Minh. Là một trong 18 người tâm phúc của Lê Lợi, sau khi tham dự hội thề Lũng Nhai, Lưu Nhân Chú cùng cha và anh rể trở lại Đại Từ, Thái Nguyên tập hợp lực lượng chờ thời cơ khởi nghĩa. Trong suốt 10 năm kháng chiến chống quân xâm lược (1418 - 1427), dưới sự chỉ huy của Bình định vương Lê Lợi, cùng với các tướng khác, Lưu Nhân Chú có mặt ở hầu hết các mặt trận, tham gia chỉ huy nhiều trận đánh, nhiều chiến dịch quan trọng, trở thành vị tướng tài ba xuất chúng của nghĩa quân Lam Sơn, được Lê Lợi giao nhiều chức vụ quan trọng.

Mùa xuân năm Thuận thiên thứ nhất (1428), trong dịp ban phong chức tước cho các công thần khai quốc, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi ban Quốc tính (được mạng họ vua - họ Lê), phong nhiều chức tước, cao nhất là chức Tể tướng - đứng đầu hàng quan võ của triều đình. Lưu Nhân Chú bị hãm hại năm 1434. Năm Hồng Đức thứ 15, để ghi nhớ công trạng của đại công thần khai quốc Lưu Nhân Chú, vua Lê Thánh Tông truy phong cho ông chức Thái phó, tước Vinh Quốc công.

CHÙA

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Rừng Chùa thuộc địa phận xã Phục Linh, huyện Đại Từ, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, trong đó hệ thống kênh chính được xây dựng 4.500 m. Công trình phục vụ nước tưới cho 450 ha diện tích đất canh tác (3 vụ) của nhân dân 11 xóm trong xã Phục Linh.

CHÙA HANG

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2003, tại Km 143+98 - Quốc lộ 1B, thuộc địa phận thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Cầu dài 4,6 m, rộng 14,5 m, khẩu độ thoát nước 2 m. Nhịp cầu phân theo kết cấu giản đơn bằng bê tông cốt thép thường. Kết cấu phần dưới, mố cầu bằng đá xây, móng đá, thân đá. Tải trọng thiết kế và thực tế H30. Tình trạng cầu hiện tại vào loại tốt.

CHÙA HANG

Chợ, được thành lập năm 2001, có diện tích khoảng 1.000 m², đặt tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Chợ có 3 nhà cầu Khu A, Khu B, Khu

C và 1 nhà cầu lợp fibrô xi măng. Nhà cầu Khu A và Khu B được dựng bằng khung sắt, mái lợp tôn. Nhà làm việc của Ban Quản lí được xây 2 tầng kiên cố, đặt ngay cạnh cổng chợ, sát Quốc lộ 1B. Chợ họp tất cả các ngày trong tháng, có 280 hộ kinh doanh cố định.

Mặt hàng chủ yếu là các loại thực phẩm, công nghệ phẩm, đồ may mặc, giày dép... Ban Quản lí chợ có 20 cán bộ, nhân viên; trong đó có 1 Trưởng ban và 1 Phó Trưởng ban.

CHÙA HANG

Hang đá tự nhiên trong núi Nản - núi đá vôi cao gần 100 m ở cuối xóm Nản, đầu xóm Đồng Chùa, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá. Núi Nản là dãy núi đá vôi chạy dài từ xã Phượng Tiến xuống Quán Vuông. Theo sách Đồng Khánh dư địa chí: *Hang Chùa Hang là Thạch Động trong núi đá Trung Khảm. Trong hang có lỗ hổng rộng chừng một gian nhà, ngang dọc khoảng 15 thước, thạch nhũ rủ xuống như hình tượng Phật, người địa phương nhân đó làm chùa, cầu khẩn phần nhiều ứng nghiệm.*

Hang Chùa Hang là một quần thể gồm: Hang Trên, miếu Mẫu, nhà Tam quan, Hang Dưới. Trong hang có nhiều nhũ đá với hình dáng đa dạng, có bàn thờ Phật, một tấm bia cổ thời Nguyễn và một quả chuông cổ. Điểm độc đáo của hang là bên trong có nhiều điểm nước chảy lâu ngày tạo nên những "ruộng cô tiên". Hang Dưới và cửa Hang Trên cách nhau khoảng 20 m, thông với nhau. Cửa Hang Dưới nằm sát chân núi, cao khoảng 10 m, rộng 6 m, là nơi du khách vào thăm. Từ cửa Hang Dưới lên cửa Hang Trên bằng đường đất. Từ miệng hang ở trên cao (cửa chùa) có thể nhìn bao quát khoảng không gian rộng lớn. Tháng 11/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại đây một tuần. Từ năm 2000, đường từ cửa Hang Dưới lên cửa Hang Trên được xây bậc bằng gạch.

CHÙA HANG

Hợp tác xã vận tải, được thành lập ngày 14/12/2001. Trụ sở đặt tại số 43 - Tổ 12, thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Hợp tác xã hoạt động trên lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá và chuyên chở hành khách.

Hợp tác xã có 2 tuyến xe buýt đang hoạt động: Tuyến xã Quyết Thắng - Thị trấn Đình Cả, cự li 45 km; gồm 12 xe hoạt động. Tuyến Trại Cau - Bãi Bông, cự li 52 km, gồm 10 xe hoạt động

CHÙA HANG

Lễ hội, có từ xa xưa, được tổ chức vào ngày 15/1 Âm lịch hằng năm tại khu đất ruộng trước cửa chùa Hang, thuộc thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Lễ hội Chùa Hang Định Hoá, do nhiều nguyên nhân, đã bị mai một trong nhiều thập kỷ, đến những năm gần đây mới được khôi phục. Phần lễ có dâng những mâm hương hoa, phẩm oản do các thiếu nữ dân tộc Tày người địa phương đội lên đặt trên các bàn thờ trong chùa. Các Phật tử tụng kinh trước bàn thờ Đức Phật cầu cho quốc thái, dân an.

Phần hội có nhiều trò chơi dân gian độc đáo của đồng bào Tày vùng Định Hoá, như: Tung còn, đẩy gậy, kéo co, giành cờ, bắt trạch trong chum..

CHÙA HANG

Lễ hội, có từ xa xưa, được mở vào ngày 18 đến hết ngày 20/1 Âm lịch hằng năm tại chùa Hang, thuộc thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Phần lễ, là các nghi thức lễ Phật cổ truyền. Vào ngày chính lễ, nhà sư trụ trì cùng các Phật tử làm lễ tắm Phật. Sau đó, tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được đặt lên một kiệu rước về dự lễ khai mạc lễ hội tại sân chùa. Sau lễ khai mạc và biểu diễn nghệ thuật chào mừng lễ hội, kiệu rước tượng Đức Phật và tượng Bác Hồ về nhà thờ tổ.

Phần hội có các trò chơi tung còn, đánh đu, múa kì lân - sư tử, kéo co, đấu cờ tướng, biểu diễn võ thuật, vật, ném bóng vào chậu, ném vòng cổ chai, thi bắn súng hơi, đấu bóng chuyền...

CHÙA HANG

Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (11/1950). Vị trí di tích nằm ở thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 181/UB-QĐ, ngày 31/3/1994).

CHÙA HANG

Quần thể di tích thắng cảnh gồm chùa trong hang đá và 3 ngọn núi đá thuộc thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Cửa chùa (động), có 2 câu đối, vách động có những tấm bia cổ khắc bằng chữ Hán và chữ Nôm, ca ngợi cảnh đẹp của chùa. Trong chùa có bàn thờ Phật, có tượng Phật cao

trên 3 m, nhiều cột đá, nhũ đá tạo nên những hình thù kỳ thú. Hội Chùa Hang tổ chức vào các ngày 18, 19, 20 tháng Giêng hằng năm, thu hút hàng vạn du khách từ nhiều tỉnh trong vùng về du xuân, lễ Phật.

Chùa Hang được xếp hạng di tích Quốc gia (Quyết định số 07/1999-QĐ/BVHTT ngày 26/2/1999).

CHÙA HANG

Thị trấn, huyện lị huyện Đồng Hỷ, nằm trên trục đường 1B, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 3 km về phía bắc. Phía bắc và đông bắc giáp xã Hoá Thượng; phía tây giáp xã Cao Ngạn (thành phố Thái Nguyên); phía đông và đông nam giáp xã Đồng Bẩm (thành phố Thái Nguyên). Diện tích tích tự nhiên 3,04 km². Dân số (năm 2009) 10.220 người, thuộc 13 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay, Dao, Hoa, Mường, Thái, Giáy, Chăm, Khơ Me và Ba Na cư trú ở 42 tổ dân phố, thứ tự từ Tổ 1 đến Tổ 42.

Năm 1958, một phần đất của các xã Đồng Bẩm, Cao Ngạn và Hoá Thượng của huyện Đồng Hỷ được tách ra để thành lập thị trấn Núi Voi và tiểu khu Chiến Thắng trực thuộc thị xã Thái Nguyên. Ngày 2/4/1985, thị trấn Núi Voi và tiểu khu Chiến Thắng được trả lại cho huyện Đồng Hỷ; sau đó, 2 đơn vị này sáp nhập thành thị trấn Chùa Hang, trở thành huyện lị của huyện.

Nguồn sống chính của cư dân trong thị trấn là thương mại, dịch vụ.

CHÚA

Núi, kéo dài từ xã Phấn Mễ qua phía Tây xã Động Đạt, Hợp Thành (huyện Phú Lương) và một phần trên đất xã Phục Linh (huyện Đại Từ); có đỉnh cao nhất 432 m (trên địa bàn xã Động Đạt) toạ độ: 21°43' vĩ Bắc và 105°39' kinh Đông. Núi Chúa dược cấu tạo bằng đá phun trào hoặc xâm nhập, có axit gabro mầu xám; địa hình được cấu tạo bởi các đá tương đối cổ đã biến chất thành đá sừng. Núi đã được người dân địa phương khai phá để trồng trọt.

Vùng Núi Chúa có làng Cam, nơi cư trú sinh sống xưa nay của đồng bào Dao. Ngày 27/2/1944, hai ngày sau lễ thành lập Cứu quốc quân III ở Khuổi Kịch (Sơn Dương. Tuyên Quang), Hội nghị cán bộ hai Phân khu A và B của Chiến khu Hoàng Hoa Thám do đồng chí Tân Hồng (Chu Văn

Tấn) chủ trì được tổ chức tại làng Cam để bàn công tác đẩy mạnh hoạt động của Cứu quốc quân. Sau Hội nghị, một số cán bộ Cứu quốc quân ở lại làng Cam dưới chân núi Chúa tiếp tục hoạt động.

CHUNG BÙI (1940 - 2008)

Nhà giáo Ưu tú, quê huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông chuyên Thái Nguyên.

Nhà giáo Bùi Chung đã được tặng *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Ba, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.*

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998.

CHUNG HOÀNG

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Hà Hiệu, huyện Chợ Rã, tỉnh Bắc Kạn; nguyên Hiệu phó Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1965, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông được đi nghiên cứu ở Liên Xô một năm. Năm 1966, trở về nước, được phân công công tác giảng dạy tại Khoa Sinh Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1970, là nghiên cứu sinh ở Liên Xô. Năm 1975 về nước với tấm bằng Phó Tiến sĩ, ông được điều sang Lào giúp bạn xây dựng Trường Đại học Sư phạm. Năm 1977, ông tình nguyện về Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc làm cán bộ giảng dạy; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

CHUÔNG CHÙA AN CHÂU

Được treo trong chùa An Châu, còn gọi là chùa Lảo ở làng An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình. Chuông được đúc vào năm Đức Nguyên thứ nhất (1674) đời vua Lê Gia Tông; là quả chuông có niên đại sớm nhất còn lại ở Thái Nguyên.

Chuông có chiều cao 85 cm (không tính quai), đường kính miệng 66 cm. Quai chuông là con rồng hai đầu quay về hai hướng ngược nhau. Đầu rồng ở tư thế ngóc lên, mắt lồi trông hung dữ, có râu thưa, dài thanh mảnh bám theo thân, miệng ngậm ngọc quý. Thân rồng mập, khoẻ, vây nổi, uốn cong đầu lên phía trên, là bộ phận chính của quai treo chuông. Chân rồng (4 chân) có móng sắc nhọn. Thân chuông được chia thành 4 ô lớn phía trên và 4 ô nhỏ phía dưới bởi những đường gờ nổi chạy dọc và

các gờ vỏ măng chạy ngang ở khoảng cách 1/4 thân chuông (chiều dưới lên). Phần giữa thân chuông và miệng chuông cũng có 4 gờ nổi chạy ngang. Tại 4 điểm giao nhau của những gờ dọc và những gờ ngang trên thân chuông, là 4 núm chuông. Trên các đường gờ ngang nơi thân chuông nối với miệng chuông còn có 2 núm chuông có kích thước như 4 núm trên. Xung quanh 6 núm chuông đúc những hạt đồng tròn tạo cho mỗi núm trông tựa một hoa cúc nở.

Trên cả 8 ô thân chuông, đều khắc chữ Hán xen Nôm, kiểu chữ chân thư đẹp, nét khắc sâu, có nhiều chữ viết tắt (giản thể). Gần trên cùng 4 ô phía trên thân chuông có khắc chìm hình lá đề (mỗi ô 2 lá) tổng cộng có 8 lá đề, trên mặt lá đề khắc 8 chữ: "*Quang Lão tự dương trù đại hồng chung*" (quả chuông lớn chùa Quang Lão đúc). Nội dung chữ khắc trên chuông, chủ yếu ghi lý do đúc chuông, vài nét về lịch sử ngôi chùa và họ tên những người công đức chuông.

CHUÔNG CHÙA NGHINH PHÚC

Tên đại tự là "*Nghinh Phúc tự chung*", được đúc năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) treo trong chùa Nghinh Phúc (tên chữ là Nghinh Phúc tự) còn gọi là chùa Phù Lôi, ở xóm Phù Lôi, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vào năm đúc chuông, làng Phù Lôi thuộc về xã Phù Lôi, tổng Thượng Giã, phủ Thiên Phúc, trấn Bắc Ninh.

Chuông cao 90 cm (không tính quai), đường kính miệng 55 cm, được đúc bằng khuôn 2 mang.

Quai chuông là đôi rồng được tạo dáng khoẻ, hơi mập, nhiều vẩy, có bờm, sừng dài, móng xoè, nhọn trong tư thế đấu lưng vào nhau. Mặt ngoài thân chuông được chia thành 8 ô chữ nhật, 4 ô phía trên hình chữ nhật dọc, 4 ô phía dưới hình chữ nhật ngang bởi các đường gờ dọc và các đường gờ ngang đúc nổi. Tại các điểm tiếp giáp của các ô chữ nhật là 4 núm chuông hình tròn đúc nổi, đường diềm quanh núm có những hạt tròn làm cho mỗi núm giống như một bông hoa nở. Phía trên cùng 4 ô lớn đúc nổi 4 lá đề, trên mặt mỗi lá đề khắc một chữ Hán để tạo thành tên chuông: NGHINH. PHÚC. TỰ. CHUNG. Cả 4 mặt chuông (8 ô chữ nhật) đều khắc chữ Hán, nhưng đáng chú ý là mặt chuông khắc bài kí nói lí do

đúc chuông, lịch sử ngôi chùa. Ở phần đầu bài kí có một bài thơ hay 16 câu, thể thơ 4 chữ, ca ngợi cảnh đẹp và tấm lòng hướng thiện.

CHỨC NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, quê xóm Đẫm, xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên.

Mẹ Nguyễn Thị Chức có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Trọng Thể (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 26/7/1967 tại mặt trận phía Nam).

Ghi nhận công lao của mẹ, ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí Quyết định truy tặng mẹ danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

COMNĂNG (COMNANS)

Đồn điền của chủ người Pháp, thành lập tháng 1/1903, có diện tích 209 ha, thuộc địa phận xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ (nay là đất phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên).

Chủ đồn điền áp dụng phương thức phát canh thu tô. Ruộng đất trong đồn điền được chia làm 3 loại để thu tô. Loại 1 nộp 8 phương/mẫu (1 phương tương đương 20 kg thóc), loại 2 nộp 6 phương và loại 3 nộp 3 phương. Đồn điền chủ yếu trồng lúa và cà phê.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồn điền đã bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho nông dân nghèo.

CÔ KÊ

Nơi đặt Đài quan sát máy bay địch để báo động cho mọi người dân xuống hầm trú ẩn (1948 - 1954). Vị trí di tích ở núi Cô Kê, phường Phan Đình Phùng thuộc khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên.

Thời trước, người Pháp cho đặt trên đỉnh núi một đài quan sát. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đài quan sát này bị phá bỏ. Đầu năm 1948, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh cho đặt đài quan sát trên đỉnh núi Cô Kê để quan sát máy bay địch (bằng mắt thường và bằng đôi tai). Người được giao nhiệm vụ quan sát máy bay và gõ kẻng báo động trên đài quan sát Cô Kê từ năm 1948 đến kết thúc chiến tranh (7/1954) là ông Mạc Văn Thơm được nhân dân thị xã rất tin tưởng và quý trọng. "Tiếng kẻng ông Thơm" đã giữ sự sống cho dân. Ông được Nhà nước

tặng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*, được nhiều thế hệ lãnh đạo của tỉnh và thành phố trân trọng.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ, trên đỉnh núi Cô Kê là đài quan sát phòng không của Thành đội Thái Nguyên, nơi đặt còi báo động khi có máy bay địch, tiếng còi hú vang xa tới 15 km. Lòng núi là địa đạo đặt Sở Chỉ huy phòng không của tỉnh Bắc Thái.

CÔ TÁM

Đền, được dựng từ lâu đời ở xóm Việt Thắng, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ; là nơi thờ Mẫu Thượng Ngàn, một trong Tứ Mẫu trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Trong tư duy dân gian Việt, hình tượng Mẫu (chúa) Thượng ngàn được coi là một vị Mẫu cai quản rừng xanh, là nơi phát sinh mọi nguồn của cải.

Năm 1996, nhân dân xã Hà Thượng góp công, góp của xây dựng lại đền ở vị trí đẹp, khuôn viên rộng, có nhiều cây cối xum xuê. Từ cổng vào là cây vải cổ thụ, bàn thờ và tượng Mẫu bán thân. Sân đền dài 6 m, rộng 3,4 m. Kiến Trúc đền theo kiểu chữ ĐINH gồm 2 gian tiền đường, 1 gian hậu cung. Tiền đường dài 7,8 m, rộng 4 m, có 3 cửa ra vào. Hai cột trụ cao 4,5 m, trên mỗi cột trang trí một câu đối. Hương án thờ Bác Hồ ở gian giữa. Phần hậu cung dài 3,8 m, rộng 3 m; bàn thờ có tượng Mẫu bán thân bằng gốm xanh; tiếp đến là bức tranh Phật Thích Ca bằng gỗ.

Xung quanh đền Cô Tám hiện nay còn nhiều dấu tích hầm hào, ụ súng ghi lại dấu ấn của Đại đội 18 thuộc Tiểu đoàn 14, Trung đoàn 24, Sư đoàn 308 sau chiến thắng Điện Biên Phủ về đóng quân tại đây.

CÔ TIÊN

Hồ - công trình thuỷ lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khảo sát và làm chủ đầu tư; được xây dựng ở xóm Chuối, xã Ký Phú, huyện Đại Từ (Km 13 đường liên huyện Đại Từ - Phổ Yên).

Hồ gồm 1 đập cao 36 m, dài 150 m, ngăn nước tại suối Cô Tiên, diện tích mặt nước theo thiết kế là 71 ha, tưới nước cho đồng ruộng 4 xã Ký Phú, Cát Nê, Vạn Thọ, Văn Yên. Trong lòng hồ có nhiều cảnh đẹp, nổi bật là thác Bãi Lềnh cao khoảng 12 m, quanh năm nước chảy. Hồ nước trong xanh, xung quanh là Vườn Quốc gia Tam Đảo, liền kề với khu di tích Núi

Văn, Núi Võ và đền Sảng, tạo thành khu di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng trên địa bàn.

CÔ DẠ

Đình, có từ lâu đời ở xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, đã được sắc phong của các đời vua Tự Đức, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, làng Cô Dạ, trong đó có ngôi đình Cô Dạ là nơi đặt kho chứa vũ khí, quân trang, quân dụng và thóc gạo; là nơi các đơn vị bộ đội đóng quân luyện tập.

Do thời gian và chiến tranh, đình Cô Dạ đã bị đổ nát. Hiện nay, nhân dân trong làng Cô Dạ đã xây dựng và tu bổ một phần đình - chùa để làm nơi thờ cúng.

CỔ LŨNG

Chùa, được xây dựng từ lâu đời ở trên sườn đồi phía sau đình Cổ Lũng, thuộc xóm Cổ Lũng, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Ngôi chùa cổ có 3 gian đứng, cột cái bằng gỗ đường kính 0,5 m, hoành và xà được chạm trổ công phu, sàn lát ván, mái lợp lá hèo. Các bệ thờ trong chùa đều đắp bằng đá ong, trên thờ tượng bằng đất nung. Gian tam bảo có thờ tượng Phật Bà Quan Âm Bồ Tát bằng đất nung. Gian bên trái thờ Đức Ông. Gian bên phải thờ Đức Thánh Hiền. Năm 1952, chùa bị máy bay Pháp ném bom sập đổ.

Dấu tích ngôi chùa Cổ Lũng nay chỉ còn lại 3 bệ thờ bằng đá ong; 2 quả chuông gang, quả to cao 0,8 m, đường kính 0,45 m; quả nhỏ cao 0,3 m, đường kính 0,2 m và một tảng đá kê cột 0,65 m x 0,5 m.

CỔ LŨNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Cổ Lũng, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương; là nơi thờ thành hoàng làng, theo sắc phong thời vua Tự Đức năm thứ 33 (1880), là Cao Sơn, Quý Minh đại vương (hai thuộc tướng thời Hùng Vương). Đình gồm 3 gian, 2 chái, cột gỗ lim, có kê chân tảng bằng đá, đường kính cột cái 0,50 m, sàn lát ván, mái lợp lá hèo, xà và câu đầu chạm khắc bộ tứ linh.

Đình Cổ Lũng từng là nơi làm việc của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên những ngày đầu kháng chiến chống thực dân

Pháp; là nơi làm việc của cơ quan thông tin và tư pháp tỉnh những năm 1948, 1949. Đình đã bị phá huỷ năm 1952, do bị bom giặc Pháp.

Năm 1980, người dân Cổ Lũng khôi phục lại ngôi đình làng bằng chất liệu tre, nứa, lá. Đầu năm 1998, đình Cổ Lũng được xây dựng lại bằng gạch, mái lợp ngói gồm 3 gian, diện tích 30 m^2. Hiện vật còn lưu giữ được tại đình gồm 2 bản sắc phong (1 bản năm Tự Đức thứ 33 và 1 bản thời vua Khải Định), 1 chiêng đồng cổ đường kính 0,5 m, 12 tảng kê cột đình bằng đá.

CỔ LŨNG

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Phú Lương, phủ Phú Bình, gồm 4 xã: Cổ Lũng, Dựng Tú, Khúc Lộng, Bá Sơn. Cuối thế kỷ XIX (đời vua Đồng Khánh, 1885 - 1888), thuộc huyện Phú Lương, phủ Tòng Hoá, gồm 4 xã như đầu thế kỷ XIX. Từ năm 1927, thuộc huyện Phú Lương, gồm 2 xã: Cổ Lũng và Bá Sơn; 2 xã Dựng Tú và Khúc Lộng đã cắt về tổng Cù Vân của huyện Đại Từ. Đến thời kỳ Tiền khởi nghĩa (3 - 8/1945), tổng Cổ Lũng có 3 xã: Cổ Lũng, Bá Sơn và Vô Tranh được nhập từ tổng Sơn Cẩm. Tháng 10/1946, Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương thành lập, đơn vị hành chính cấp xã của huyện cũng được tổ chức lại từ 23 xã lúc Tiền khởi nghĩa, thành 12 xã; xã Cổ Lũng và xã Bá Sơn sáp nhập thành xã Cổ Lũng. Từ đó đến trước khi bãi bỏ đơn vị hành chính cấp tổng trong toàn quốc (1948), tổng Cổ Lũng gồm 2 xã Cổ Lũng và Vô Tranh.

Tổng Cổ Lũng đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX tương ứng với địa phận xã Cổ Lũng, một phần khu vực phía Tây xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương) và xã An Khánh (huyện Đại Từ) ngày nay. Đất Cổ Lũng vào năm 1927, tương ứng đất xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương ngày nay. Đất Cổ Lũng kể từ thời kỳ Tiền khởi nghĩa đến khi bãi bỏ đơn vị hành chính cấp tổng (1948), tương ứng với địa phận 2 xã Cổ Lũng và Vô Tranh, huyện Phú Lương ngày nay.

CỔ LŨNG

Xã miền núi ở khu vực phía Nam huyện Phú Lương; phía bắc giáp xã Vô Tranh, phía đông giáp xã Sơn Cẩm, phía nam giáp xã An Khánh (huyện Đại Từ), phía tây giáp thị trấn Giang Tiên và xã Cù Vân (huyện

Đại Từ). Trước tháng 10/1946 là hai xã Cổ Lũng và Bá Sơn, thuộc tổng Cổ Lũng. Từ tháng 10/1946 đến nay là xã Cổ Lũng.

Diện tích tự nhiên 1.696 ha, trong đó: đất nông nghiệp 1.288,39 ha, còn lại là đất phi nông nghiệp. Dân số (năm 2009) 8.757 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Sán Dìu cư trú ở 18 xóm: Bá Sơn, Bãi Nha, Bờ Đậu, Cây Cài, Cây Lán, Cây Thị, Cổ Lũng, Cổng Đồn, Dộc Cọ, Đồi Chè, Đồng Sang, Đường Goòng, Làng Đông, Làng Ngói, Làng Phan, Nam Sơn, Số 9, Tân Long. Nguồn sống chính của phần lớn người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp: trồng lúa, chè, cây ăn quả và chăn nuôi. Nhiều gia đình ở ven Quốc lộ số 3 và 37 có nghề làm bánh chưng, mở các dịch vụ ăn uống, sửa chữa cơ khí, vận tải, làm trống và buôn bán.

Cổ Lũng có các ngôi đình: Cổ Lũng, Làng Đông, Làng Phan, Làng Ngói; có đền Đầm Sơn, chùa Cổ Lũng. Lũng Lươn là địa điểm di tích cấp Tỉnh, nơi Bác Hồ đến thăm và nói chuyện với cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong và nhân dân địa phương ngày 20/9/1949.

CỔ LŨNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 2 xã Cổ Lũng và Bá Sơn của tổng Cổ Lũng cũ. Xã gồm các làng, xóm: Làng Cơ, làng Đông, Giang Tiên, làng Phác (của xã Cổ Lũng cũ) và Đồng Bãi, Đồng Quang, Đồng Sang, làng Giữa, xóm Đình (của xã Ba Sơn cũ). Dân số toàn xã (1954) có 1.316 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Dìu, Sán Chay.

Phía bắc giáp 2 xã Phấn Mễ và Vô Tranh, phía đông giáp xã Sơn Cẩm, phía Nam và phía tây giáp xã Cù Vân (huyện Đại Từ). Địa phận xã Cổ Lũng tương ứng với địa phận xã Cổ Lũng và khu vực phía Nam thị trấn Giang Tiên của huyện Phú Lương ngày nay.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Cổ Lũng là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử. Trại Táo - Lò Bát là nơi bộ đội ta chặn đánh quân dù Pháp khi chúng từ làng Ngò (xã An Khánh, huyện Đại Từ) hành quân ra Quốc lộ 3 để tiến lên Đu trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947. Ngày 20/9/1949, trên đường đi công tác kiểm tra sửa chữa cầu đường tuyến Quốc lộ 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm, nói chuyện với lãnh

đạo, bộ đội, thanh niên xung phong, dân công làm đường và nhân dân địa phương ở Lũng Lươn, xóm Tân Long, xã Cổ Lũng. Ngã ba Bờ Đậu - nơi Quốc lộ 13A nối vào Quốc lộ 3, là một trọng điểm giao thông của quân và dân ta trong suốt thời kỳ kháng chiến.

CỐC HOÁ

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xưởng luyện cốc, được thành lập ngày 6/9/1963; là đơn vị phụ trợ nằm trong dây chuyền luyện kim của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Nhiệm vụ chính là sản xuất cốc luyện kim từ than mỡ khai thác tại mỏ than Phấn Mễ làm nguyên liệu cho lò cao sản xuất gang. Ngày 20/12/1964, mẻ cốc đầu tiên ra lò. Ngày 22/12/1964, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị chính thức cắt băng khánh thành lò luyện than cốc với 45 buồng đốt, công suất 13 vạn tấn/năm.

Từ ngày 1/1/1965, Xưởng luyện cốc chính thức sản xuất than cốc phục vụ lò cao luyện gang. Trong năm 1965, Xưởng đã sản xuất được 112.000 tấn than cốc luyện kim đạt chất lượng tốt. Tháng 2/1989, đổi tên thành Nhà máy cốc hoá. Cho đến nay, Nhà máy Cốc hoá là nhà máy duy nhất sản xuất cốc luyện kim trong cả nước, với công suất 140.000 tấn/năm. Các sản phẩm hoá học từ công nghệ cốc hoá gồm dầu cốc đặc, náp Talen, Anten, dầu phóng mục, Ben zen, Phenol, Bitum, nhựa rải đường Grudan, bột xây dựng... Các sản phẩm của nhà máy được quản lí bởi hệ thống quản lí theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 900: 2000.

CỐC LÙNG

Bến đò, bên phía hữu ngạn sông Cầu thuộc xóm Cốc Lùng, xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Đò chở khách từ Cốc Lùng sang bờ phía tả ngạn (phía Đông) dòng sông Cầu, bên xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954) và trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975), bến đò Cốc Lùng vẫn là nơi những con đò gỗ ngày ngày chuyên chở người dân đi lại làm ăn giữa hai huyện Phú Lương và Đồng Hỷ.

Ngày nay, bến đò Cốc Lùng không còn hoạt động.

CỐC LÙNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Cốc Lùng, xã Phú Đô, huyện Phú Lương; là nơi thờ vị thành hoàng của làng và Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế Kỷ XII), người có nhiều công lao đánh giặc Tống sang xâm lấn, giữ yên một miền biên cương phía Bắc Quốc gia Đại Việt.

Ngôi đình cổ đã bị phá huỷ từ lâu và các di vật cổ liên quan tới đình đều không còn. Đình Cốc Lùng hiện nay nằm trên bãi phù sa bên cạnh bờ sông Cầu, xung quanh là những cánh đồng lúa. Đình do nhân dân địa phương xây dựng năm 1991, gồm 3 gian 2 chái, các hàng cột bằng gỗ nghiến, kết cấu kiểu vì kèo - quá giang - cột trụ, mặt quay về hướng nam. Hằng năm, các cụ ông trong xóm cúng lễ ngoài đình vào các ngày: Tết Nguyên đán, 2/2, 2/6, 2/8 Âm lịch.

CÔNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở thôn Làng Lường, xã Phú Thượng, tổng Lâu Thượng, châu Vũ Nhai; nay là xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai; là nơi thờ 3 vị nhân thần: Quang Lâm, Cao Sơn, Quý Minh đã được các triều đại phong kiến Việt Nam ban 6 đạo sắc phong. Trong đình có nhiều câu đối viết bằng chữ Hán.

Năm 1935, ngôi đình được trùng tu. Trong những năm 1940 - 1945, thực dân Pháp biến đình Công và chùa Xá (nằm liền kề ngôi đình) thành nơi giam cầm và tra tấn những người yêu nước. Về sau, trên nền đình và chùa cũ, nhân dân đã dựng nên một gian nhà nhỏ làm nơi thờ cúng, nhưng cũng bị phá huỷ từ lâu.

Hiện tại, địa điểm đình - chùa xưa là Đài Tưởng niệm liệt sĩ và Trung tâm Y tế huyện.

CÔNG

Sông, (xưa gọi là sông Giã), bắt nguồn từ núi Bà Lá, vùng Tây Bắc huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Sông Công có chiều dài 96 km, từ khởi nguồn Bà Lá đến ngã ba làng Phù Lôi, (xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên) thì hợp lưu với sông Cầu về xuôi rồi đổ ra biển. Đây là dòng phụ lưu chính, lớn nhất của sông Cầu, có lưu vực rộng 951 km^2, nằm

trọn trên địa bàn phía Tây của thung lũng Thái Nguyên. Dòng sông chia làm 3 đoạn:

Đoạn thượng lưu: Từ đầu nguồn núi Bà Lá (Định Hoá) về chân Núi Hồng (xã Văn Lãng, Đại Từ). Đoạn này sông còn hẹp và nông, tiếp nhận các dòng suối nhỏ chảy qua các xã Thanh Định, Bmh Yên, Phú Đình, Bình Thành (Định Hoá) rồi về núi Hồng, Văn Lãng.

Đoạn trung lưu: Từ chân núi Hồng về hồ Núi Cốc, dòng sông đổi từ hướng đông bắc - tây nam sang hướng bắc - nam, chảy qua địa phận huyện Đại Từ; được bổ sung nguồn nước từ các suối ở Văn Lãng, La Bằng, Na Mao, Hoàng Nông, Ký Phú, Vân Yên, Cát Nê... Dòng sông được mở rộng, thuyền bè qua lại dễ dàng hơn.

Đoạn hạ lưu: Từ hồ Núi Cốc trở xuống, sông Công chảy qua địa bàn khu vực phía Tây thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, cắt ngang huyện Phổ Yên thành 2 miền Đông và Tây. Sau đó, dòng sông chảy vòng vèo đến sát chân núi Kim Ngưu (tức núi Mỏ) rồi vòng qua chân núi Sáo (xã Thuận Thành) và đổi theo hướng tây - đông, đến làng Phù Lôi thì hợp lưu với sông Cầu.

CÔNG AN TỈNH

Tiền thân là Ty Liêm phóng được thành lập tháng 8/1945, với nhiệm vụ bảo vệ Đảng, chính quyền cách mạng, trấn áp bọn việt gian phản động và giữ gìn trật tự trị an.

Năm 1946, Ty Liêm phóng đổi tên thành Ty Công an. Năm 1965, Ty Công an hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên được sáp nhập thành Ty Công an Bắc Thái. Ngày 10/7/1981, Ty Công an Bắc Thái đổi tên thành Công an tỉnh Bắc Thái. Từ năm 1997, Công an Bắc Thái được chia tách thành Công an Bắc Kạn và Công an Thái Nguyên. Trụ sở Công an Thái Nguyên đặt tại địa phận phường Trưng Vương, trên trục đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Thái Nguyên.

Bộ máy tổ chức gồm có: Văn phòng và các phòng chuyên môn, công an 9 huyện, thành phố, thị xã.

Lực lượng Công an nhân dân Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh* nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam (19/8/1945 - 19/8/1985).

CÔNG ĐOÀN HỒ NÚI CỐC

Khách sạn, thuộc hệ thống Khách sạn Công đoàn Việt Nam, được xây dựng từ cuối những năm 80 thế kỷ XX, đặt tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

Khách sạn nằm tại Trung tâm Du lịch Hồ Núi Cốc rất thuận tiện cho khách tham quan phong cảnh và nghỉ ngơi. Khách sạn gồm 4 khách sạn thành viên (Khách sạn Trung Tâm, Khách sạn Chợ Tình, Khách sạn Cây Thông, Khách sạn Thái Dương) với tổng số 167 phòng nghỉ, được lắp đặt các trang thiết bị hiện đại, sang trọng, tiện nghi.. Khu ẩm thực có thể phục vụ cùng lúc hàng trăm suất ăn với nhiều món đặc sản của địa phương. Mỗi năm khách sạn đón hàng chục ngàn lượt khách đến hội họp, tham quan, du lịch.

CÔNG ĐỒNG

Đền, được dựng thời Hậu Lê, trên một quả đồi hình bán nguyệt ở làng Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình.

Đền được tôn tạo, tu sửa năm 1998; đường lên đền được làm bậc bê tông vào tháng 10/2004. Đền kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, gồm 3 gian tiền tế và 1 gian hậu cung. Trước cửa dựng một án hương thờ Mẫu Bán Thiên Công chúa. Hai bên lập am thờ Quan Sơn Thần (phía trái) và Mẫu Mẹ (phía phải).

Toà tiền tế có diện tích 36 m^2; hậu cung có diện tích 20 m^2. Chính giữa trên hương án thờ Mẫu Liễu Hạnh. Bên phải thờ Tam toà Thánh Mẫu; tượng Mẫu Thoái Cung, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thượng Thiên và Tam Phủ Cộng Đồng. Trên hương án trang trí hình rồng chầu mặt nguyệt.

Đền Công Đồng được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 177/QĐ-UB, ngày 27/1/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

CÔNG GIÁO THÁI NGUYÊN

Một trong ba tôn giáo lớn nhất trong hệ thống Giáo hội ở tỉnh Thái Nguyên, được du nhập vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, chịu sự điều hành thống nhất của Toà Giám mục Bắc Ninh. Các tín đồ Công giáo chủ yếu là người có đạo gốc từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hà Tây... lên Thái Nguyên sinh cơ lập nghiệp, hành đạo. Từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, giao thông thuận lợi, việc đi lại dễ dàng, quan điểm đường

lối đối với tôn giáo nói chung, Công giáo nói riêng cởi mở hơn, nên Công giáo Thái Nguyên có điều kiện phát triển.

Trong quá trình ra đời và phát triển, Công giáo Thái Nguyên gắn liền với sự hình thành và phát triển của 8 giáo xứ: Đại Từ, Tân Cường (Đại Từ), Tân Cương (thành phố Thái Nguyên), Thái Nguyên (thành phố thái Nguyên), Yên Thuỷ (Phú Lương), Tiểu Lễ (Phổ Yên), Nhã Lộng (Phú Bình), La Tú (Phú Bình).

CÔNGRĂNGĐƠRI (CONRANDRY)

Chưởng ấn, Phó Công sứ tỉnh Thái Nguyên từ năm 1894 đến đầu năm 1895. Từ ngày 15/1/1895 đến 18/10/1895, ông được bổ làm Đại lý Chợ Chu. Vào những năm đầu thế kỷ XX, Conrandry hai lần được chính quyền Pháp ở Đông Dương cử giữ chức Công sứ tỉnh Thái Nguyên. Lần thứ nhất, từ tháng 1/1902 đến tháng 4/1906. Lần thứ hai, từ tháng 4/1907 đến tháng 12/1908.

Như vậy, Conrandry có hơn 7 năm giữ những vị trí quan trọng hàng đầu trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở tỉnh Thái Nguyên, trong đó có gần 6 năm giữ chức Công sứ.

CỔNG TRẮNG

Chợ, hình thành từ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, đặt tại vị trí nay thuộc trung tâm xã Bắc Sơn, huyện Phổ Yên. Chợ chủ yếu phục vụ đời sống nhân dân và công nhân Nông trường Bắc Sơn. Hàng hoá mua bán, trao đổi chủ yếu là lương thực, thực phẩm, hoa quả và chè các loại...

CỘT CỜ

Đền, được dựng vào giữa thế kỷ XIX, nằm trong khu dân cư tổ 7, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đền bị phá dỡ. Năm 1993, đền được xây dựng lại, có diện tích sử dụng 50 m², gồm 3 gian ngoài và hậu cung; gian chính giữa là bàn thờ công đồng, giữa đặt tượng Ngọc Hoàng, bên trái là tượng ông Hoàng Bơ, bên phải là ông Hoàng Bẩy. Bên phải gian đại bái thờ Đức Đại vương (Trần Hưng Đạo),

bên trái là bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hậu cung là bàn thờ Quan thế âm Bồ Tát và các vị Tam Thế, Chúa Bà và thần hộ vệ.

Ngoài sân đền có 3 ngôi miếu. Ngôi gần chính giữa sân thờ Mẫu Bán Thiên, ngôi bên phải là "Ban Cô, Ban Cậu", ngôi bên trái sân đền gọi là miếu quan Sơn Thần.

Đền Cột Cờ là nơi nhân dân quanh vùng đến thắp hương cúng lễ cầu an vào những ngày 1 và 15 Âm lịch hằng tháng.

CƠ KHÍ GANG THÉP

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xưởng Cơ khí thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép Thái Nguyên, được xây dựng từ năm 1959; đến tháng 2/1989, nâng cấp thành Nhà máy Cơ khí gang thép. Từ năm 2007, chuyển đổi mô hình quản lí thành Công ty Cổ phần Cơ khí gang thép Thái Nguyên. Trụ sở tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

Các sản phẩm của Công ty có mặt trên khắp mọi miền của đất nước, phục vụ các nhà máy giấy, máy xi măng, mía đường, các nhà máy luyện kim, các công trình thuỷ điện, thuỷ lợi... Hiện nay, Công ty áp dụng hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, giúp Công ty nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Đúc các chi tiết gang có độ bền cao, gang chịu mòn, thép các bon kết cấu, thép hợp kim (9XC, 40XH, 40XMH, 5XB2C, 65Г, X28H, Г13...) có trọng lượng đến 20 tấn; Gia công các loại bánh răng, trục răng (răng thẳng, nghiêng, chữ V có Môdun đến M20), gia công lắp ghép chi tiết có trọng lượng đến 30 tấn; Sản xuất các loại thép xây dựng với mác thép SD295, SD390 từ D9 ÷ D28; các loại thép góc đều cạnh L40 ÷ L75; Sản xuất các loại phôi thép chế tạo: C45, 60C2...; các loại phôi thép xây dựng mác SD295, SD390, SS540 có quy cách 120x120x6000mm; Thiết kế chế tạo, lắp đặt đồng bộ dây chuyền cán thép công suất 30.000 tấn/năm; Thiết kế chế tạo lò điện hồ quang dung lượng 15 tấn/mẻ.

Với những thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Công ty đã vinh dự được 2 lần đón Bác Hồ về thăm; được tặng 7 Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba...

CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy phép Số 1703000182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên cấp ngày 18/10/2005. Trụ sở đặt tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Chế tạo, sửa chữa và lắp đặt thiết bị luyện kim, khai thác chế biến đá; Sản xuất, chế tạo, lắp đặt các kết cấu kim loại, gia công kim loại; Chế tạo, lắp đặt thiết bị nâng và thiết bị áp lực, sản xuất và mua bán xi măng, tấm lợp; Sửa chữa, cải tạo máy biến thế, động cơ điện; Xây lắp đường dây và trạm điện; Hiệu chỉnh thiết bị điện đến 10KV; Mua bán vật liệu xây dựng; Xây lắp công nghiệp, xây dựng công trình dân dụng; xây dựng lò công nghiệp; Tư vấn thiết kế sửa chữa, xây lắp thiết bị luyện kim, thiết bị công nghiệp; Sản xuất, mua bán vôi, clanhke; Sản xuất, luyện, cán, kéo thép các loại; Mua bán các loại nguyên, nhiên liệu, vật liệu, phôi thép, thép các loại.

Công ty có các đơn vị trực thuộc là: Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Tấm lợp, Mỏ đá Núi Voi, Nhà máy Xi măng Núi Voi.

CƠ KHÍ MỎ VIỆT BẮC

Công ty Cổ phần, tiền thân là Nhà máy Cơ khí sửa chữa Bắc Thái, được thành lập ngày 23/7/1968 tại xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; năm 1970 đổi tên là Nhà máy Cơ khí mỏ Việt Bắc; đến năm 1981 là Xưởng cơ điện thuộc mỏ than Bắc Thái. Tháng 9/2007, chuyển thành Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc, là thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc -Vinacomin.

Nhiệm vụ chính của Công ty là sửa chữa trung, đại tu các loại xe vận tải nặng, thiết bị khai thác mỏ; Chế tạo phụ tùng ôtô, phụ kiện máy mỏ hầm lò, phụ kiện xi măng, nhiệt điện; Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, vận tải hàng hoá đường bộ, cẩu nâng dỡ hàng. Sản phẩm hàng hoá chính của Công ty gồm: Sửa chữa trung, đại tu các loại xe phục vụ khai thác mỏ và vận tải: BELAZ, KPAZ, HYUNDAI, SAMSUNG, KAMAZ, KOMASU, CAT, VOLVO..., các loại máy gạt, xúc, động cơ, hộp số; Chế tạo phụ tùng ô tô,

máy mỏ: giường ben, toa xe, vỏ cầu, cụm vi sai, rotuyn, xe goòng 1-3 tấn, phụ kiện đường dây trạm, phụ kiện đường sắt, phụ kiện xi măng, nhiệt điện; Đúc gang, thép hợp kim các loại răng gầu máy xúc EKG, CAT, phụ kiện xi măng: bi đạn, tấm lót, hàm nghiền; Chế tạo, lắp dựng cấu kiện nhà xưởng khung thép, băng tải vận chuyển...

Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2003), *Huân chương Lao động hạng Nhì* (2008)...

CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Nhà máy Vòng Bi, được thành lập ngày 19/10/1974 thuộc Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công - Thương). Tên giao dịch là FOMECO thuộc Tổng Công ty Máy điện lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, trực thuộc Bộ Công nghiệp, nay là Bộ Công - Thương. Công ty được xây dựng trên diện tích 170.000 m², thuộc địa phận thị trấn Bãi Bông, huyện Phổ Yên.

Ngành nghề chính của Công ty là thiết kế, chế tạo, mua bán phụ tùng ô tô, xe máy, máy công nghiệp, máy nông nghiệp, lắp ráp máy kéo, máy nông nghiệp, ô tô, và các sản phẩm cơ khí khác...

Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên đã được Nhà nước tặng thưởng: 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba*; 2 *Huân chương Lao động (hạng Nhất, hạng Nhì)*; *Cúp vàng ISO* của Bộ Khoa học Công nghệ; *Cúp Sen vàng* của Bộ Công Thương; danh hiệu *Nhà máy cung cấp phụ tùng hàng đầu cho Công ty HONDA Việt Nam*; *Cúp vàng vinh danh doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh Thái Nguyên*.

CÙ VÂN

Chợ, thuộc xã Cù Vân, có từ xa xưa và là một trong những chợ lớn của vùng Đông Nam huyện Đại Từ. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, chợ Cù Vân có 3 quán gỗ, mái lợp tranh nứa với tổng số 15 gian bày bán các mặt hàng nông sản, thực phẩm, hàng tạp hoá; là nơi giao thương buôn bán, mua sắm chủ yếu của nhân dân các xã Tân Thái, Cù Vân, Cổ Lũng (huyện Phú Lương)... Hiện nay, Cù Vân vẫn là chợ lớn, là nơi buôn bán trao đổi hàng hoá của nhân dân ở vùng đông nam huyện; hàng hoá bày bán trong chợ ngày càng phong phú hơn.

CÙ VÂN

Đình, được dựng tại xóm Đình, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, là nơi thờ thủ lĩnh Dương Tự Minh. Đình gồm 3 gian 2 chái; cửa nhìn về hướng nam, phía cánh đồng trải dài, được án ngữ bởi núi Pháo, sau lưng là núi Cả. Trước mặt ngôi đình khoảng 200 m có giếng đình.

Đình Cù Vân từng là nơi nghỉ chân của chi đội Việt Nam Giải phóng quân (ngày 19/8/1945) do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy trên đường hành quân từ Tân Trào về đánh quân Nhật ở tỉnh lị Thái Nguyên. Tại đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã công bố thành lập chính quyền cách mạng lâm thời xã Cù Vân.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 251/QĐ-UBND, ngày 1/2/2008).

CÙ VÂN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Xã Cù Vân nằm ở cửa ngõ vùng Đông Nam huyện Đại Từ. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân đã lập được nhiều thành tích xuất sắc. Là xã nằm trong căn cứ địa kháng chiến, Cù Vân đã đón tiếp, ủng hộ nhiều công sức, nhà cửa, tre nứa, ruộng đất, trâu bò cho các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội đến ở và làm việc; giúp đỡ đồng bào các tỉnh đồng bằng tản cư lên sinh sống và tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Thu - Đông 1947, đại đội dân quân, du kích Cù Vân phối hợp với bộ đội chủ lực liên tiếp chặn đánh địch tại các xã An Khánh, Phục Linh, Hùng Sơn..., góp phần đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, 10 thanh niên ưu tú của Cù Vân đã lên đường nhập ngũ, chiến đấu tại các chiến trường, hàng trăm lượt người đi dân công hoả tuyến, vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm phục vụ các chiến dịch.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 22/8/1998, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Cù Vân đã vinh dự được Chủ tịch nước

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

CÙ VÂN

Tổng nằm ở khu vực phía Đông huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 4 xã, 15 làng.

Xã Cù Vân gồm 1 làng: Đồng Khuyến;

Xã Dựng Tú (sau này nhập với xã Khúc Lộng thành xã An Khánh) gồm 3 làng: Năm Tiền (Nam Tiền), Am (Um), Mè;

Xã Phục Linh (sau này tách thành 2 xã Phục Linh, Tân Linh) gồm 8 làng: Thọ Linh, Cẩm, Khuôn, Khuôn Linh, Ao Béo, Suối Cát, Tung Ninh, Man;

Xã Khúc Lộng gồm 3 làng: Sòng, Ngô (Ngò), Trại Sòng.

Về cơ bản, tổng Cù Vân thời kỳ này tương đương với địa phận các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh, Tân Linh, Hà Thượng của huyện Đại Từ ngày nay.

CÙ VÂN

Trại cá giống, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1968, đặt tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ; là đơn vị trực thuộc Trung tâm Thuỷ sản tỉnh Thái Nguyên - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên. Trại có chức năng sản xuất, cung cấp các loại cá giống, tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về nuôi trồng thuỷ sản cho các đơn vị tập thể, cá nhân trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên. Bình quân hằng năm Trại sản xuất 35 triệu con cá bột chép lai và 8-8,5 triệu con cá hương giống các loại.

CÙ VÂN

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Hà Thượng, phía nam giáp xã An Khánh, phía đông giáp xã Cổ Lũng (huyện Phú Lương).

Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, cuối thế kỷ XIX, xã Cù Vân là một trong ba xã (Cù Vân, Phục Linh, Thọ Linh) thuộc tổng Cù Vân, huyện Phú Lương, phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 1925, theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, Cù Vân là xã thuộc tổng Cù Vân, huyện Đại Từ. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên, Cù Vân là 1 trong 4 làng: Cù Vân, Phục Linh (đất Phục Linh, Hà Thượng ngày nay),

Khúc Lộng và Dựng Tú (An Khánh ngày nay), thuộc tổng Cù Vân. Cách mạng tháng Tám thành công, làng Cù Vân thành xã Cù Vân.

Diện tích tự nhiên xã Cù Vân ngày nay là 15,29 km². Dân số (năm 2009) có 6.085 người (3.018 nam, 3.067 nữ), thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Sán Dìu, Tày, Sán Chay, Hoa, Mường, Dao, Thái, Ngái sinh sống ở 13 xóm: Từ xóm 1 đến xóm 7, Xóm (8+9), từ xóm 10 đến xóm 14.

Nhân dân các dân tộc trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè. Trong những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, Hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Cù Vân luôn là lá cờ đầu của huyện Đại Từ và tỉnh Thái Nguyên. Dãy núi Pháo ở phía tây nam xã có đỉnh cao 434 m là điểm di tích lịch sử, nơi ghi dấu trận tử chiến của Đội Cấn, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên cùng thuộc cấp với quân Pháp ngày 11/1/1918 (29/11 năm Đinh Tị).

Đình Cù Vân và đền Bãi Chè là điểm di tích lịch sử được xếp hạng cấp tỉnh. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Cù Vân đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Đơn vị *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. 2 bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

CÙ VÂN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, được thành lập năm 1946 trên cơ sở hợp nhất 4 xã: Cù Vân, Dựng Tú, Phục Linh, Khúc Lộng. Các xã cũ trở thành làng. Năm 1953, xã Cù Vân chia thành 4 xã: Cù Vân, An Khánh, Phục Linh, Hà Thượng.

CÚC VI VĂN

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nguyên Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Thái; thường trú tại xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 11/1946, ông nhập ngũ; từ tháng 2/1947, học y tá quân y, rồi làm y tá trong các đơn vị quân đội; từ tháng 1/1962, là Bác sĩ đa khoa, Chủ nhiệm Quân y Trung đoàn 246 - Quân khu Việt Bắc; từ tháng 5/1974 đến tháng 12/1977, là Viện trưởng Viện Quân y 91; từ tháng

1/1978 đến khi nghỉ hưu (3/1990), là Trưởng ty (sau là Giám đốc) Sở Y tế Bắc Thái.

Bác sĩ Vi Văn Cúc được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 1992.

CÚC ĐÌNH

Tổng, thuộc châu Vũ (Võ) Nhai, từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945 gồm 3 xã: Cúc Đình, Vũ Chấn, Nghinh Tường, tương ứng với địa giới hành chính các xã Cúc Đường, Vũ Chấn, Nghinh Tường của huyện Võ Nhai ngày nay.

CÚC ĐƯỜNG

Mỏ sét, nằm trên địa phận xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 23 ha, trữ lượng 3.828.000 tấn, công suất thiết kế 132.000 tấn/năm, thời hạn khai thác 30 năm.

Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Nhà máy Xi măng La Hiên đang khai thác theo Giấy phép số 01/GP-BTNMT, ngày 2/1/2008 của Bộ Tài Nguyên Môi trường.

Sản phẩm chủ yếu phục vụ sản xuất xi măng của Nhà máy Xi măng La Hiên và các nhà máy xi măng thuộc TK V.

CÚC ĐƯỜNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập đầu năm 1948 trên cơ sở sáp nhập 2 xã Cúc Đường và Vũ Chấn thành xã Cúc Đường. Dân số (1954) có 1.032 người thuộc 3 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Dao.

Sau giảm tô (1953), xã Cúc Đường chia thành 2 xã: Cúc Đường với số dân 532 người và Vũ Chấn với số dân 570 người.

CÚC ĐƯỜNG

Xã vùng cao, nằm ở khu vực phía Bắc huyện Võ Nhai; phía bắc giáp xã Thượng Nung, Vũ Chấn, phía nam giáp xã La Hiên, phía đông giáp xã Lâu Thượng, phía tây giáp xã Thần Sa. Diện tích tự nhiên 3.472,34 ha. Địa hình hiểm trở với những dãy núi đá vôi trùng điệp, có nhiều suối, hang đá đẹp như hang Cúc Đường (dài 42,5 m); suối Bắc bắt nguồn từ xã Nghinh Tường, chảy theo hướng đông bắc - tây nam đến Nước Hai thì nhập vào suối Sảng Mộc - Thượng Nung chảy về Thần Sa... Dân số (năm

2009) 2.439 người, thuộc 7 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu cư trú ở 5 xóm: Tân Sơn, Trường Sơn, Lam Sơn, Bình Sơn, Mỏ Trì.

Xã có mỏ kẽm, chì; rừng có nhiều loại gỗ, nhiều loại động vật quý hiếm... Chợ Cúc Đường là chợ lớn nhất, trung tâm giao thương của 6 xã phía Bắc huyện Võ Nhai. Có các trường học từ mầm non đến trung học phổ thông, trạm y tế, trạm phát sóng truyền hình... Trường Trung học Trần Phú đóng trên địa bàn xã được thành lập năm 2003.

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Tiền thân là Phòng Thi hành án dân sự thuộc Sở Tư pháp được thành lập tháng 9/1993. Năm 2005, Phòng Thi hành án Dân sự được đổi tên thành Thi hành án dân sự tỉnh, đội Thi hành án dân sự cấp huyện đổi thành Thi hành án dân sự huyện. Ngày 6/11/2009, Bộ trưởng Bộ Tư pháp kí Quyết định số 2609/QĐ-BTP thành lập Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên trực thuộc Tổng cục Thi hành án Dân sự.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, thực hiện chức năng thi hành án dân sự, có nhiệm vụ giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quản lí một số mặt công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan thi hành án dân sự địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Bộ máy tổ chức gồm có: Văn phòng; các phòng: Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Dân sự, Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Tổ chức cán bộ; và 9 Chi cục THADS huyện, thành, thị.

CỤC THỐNG KÊ

Hoạt động theo Giấy phép số: 4600648424, cấp ngày 16/6/2009.

Trụ sở đặt tại số 13 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thống kê, có nhiệm vụ giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê thống nhất quản lí nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tổ chức các hoạt động thống kê theo chương trình công tác của Tổng cục trưởng giao; cung cấp thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo Đảng, Chính quyền tỉnh Thái Nguyên.

Bộ máy tổ chức Cục Thống kê gồm có 6 phòng chức năng: Hành chính - Tổ chức, Nông nghiệp, Công nghiệp, Tổng hợp, Thương mại, Dân số - Văn xã.

CỦM

Hang đá tự nhiên, Còn có tên khác là hang Cuốn Lộng, nằm trên núi thuộc xóm Hin, giáp với xóm Gia Trồng, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương.

Cửa hang Củm nhìn ra phía Nam, rất hẹp (chỉ một người chui lọt) và bên trong rất tối. Hang sâu khoảng 70 m, chỗ rộng nhất 12 đến 15 m, lòng hang tương đối bằng phẳng, có nguồn nước chảy theo hướng từ cửa hang vào cuối hang. Trên vòm hang, là vô vàn nhũ đá tạo nên những hình thù kỳ vĩ tựa như những thửa ruộng bậc thang, những bông hoa rừng lóng lánh, bàn cờ tiên...

Hang Củm là một hang động đẹp, một thắng cảnh thiên nhiên của xã Yên Đổ, huyện Phú Lương. Nhưng do nằm ở vị trí hẻo lánh, xa quốc lộ, lại nằm ở vị trí khá cao, nên hang Củm ít được biết đến và hầu như không có khách du lịch đặt chân tới.

CỤM CÔNG NGHIỆP SỐ II

Được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2850/QĐ-UB ngày 23/9/2002, có tổng diện tích 6,07 ha thuộc phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Đây là cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung quy mô vừa, gồm các ngành nghề phụ trợ cho công nghiệp luyện kim và cơ khí, phục vụ nông - lâm nghiệp, chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng.

CỤM KHE CỐC

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Cụm Khe Cốc hình thành năm 1974, gồm 5 xóm: Bãi Bằng, Tân Thái, Khe Cốc, Đập Tràn, Minh Hợp nằm ở phía bắc xã Tức Tranh, giáp ranh với xã Yên Lạc và xã Phấn Mễ.

Là vùng đồi núi thấp, có đất đai, thổ nhưỡng, khi hậu phù hợp với cây chè, cụm Khe Cốc có diện tích chè kinh doanh 62,6 ha, 150 hộ với 313 lao động trực tiếp tham gia sản xuất và chế biến chè. Với các giống chè mới như TRI, Bát Tiên, Phúc Vân Tiên... cùng các tri thức khoa học kỹ thuật, máy móc, thiết bị phục vụ cho khâu chăm bón, năng suất chè búp

tươi ở cụm Khe Cốc đạt tới 10 tấn/ha. Sản phẩm chè Khe Cốc có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn chè an toàn. Năm 2010, cụm Khe Cốc đạt tổng sản lượng 626 tấn chè búp tươi, tương ứng với 125,2 tấn chè búp khô, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 9.390 triệu đồng, doanh thu 11.268 triệu đồng. Sản phẩm chè búp của cụm Khe Cốc đã trở thành thương hiệu, được thị trường trong nước chấp nhận và được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC

Kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mĩ xâm lược tiếp sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

Trải qua 20 năm, bằng đường lối cách mạng đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học, sáng tạo, Đảng và Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đã lãnh đạo toàn dân, toàn quân trên cả hai miền đất nước liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mĩ. Cuối cùng, bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 - đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26 - 30/4/1975), cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã giành thắng lợi hoàn toàn; Bắc - Nam được sum họp một nhà, non sông được thu về một mối.

Tiếp sau kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc kéo dài hơn 100 năm, mở ra một kỷ nguyên mới - cả nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời tạo điều kiện cho cách mạng Lào và cách mạng Campuchia giành thắng lợi quyết định, góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Cuộc chiến tranh cách mạng (23/9/1945 - 21/7/1954) do nhân dân Việt Nam tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (từ năm 1951 là Đảng Lao động Việt Nam) chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa mới giành được.

Trải qua 9 năm, với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh; đồng thời tích cực tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của lực lượng hoà bình, dân chủ thế giới, Đảng và Chính phủ - đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã lãnh đạo toàn dân, toàn quân giành thắng lợi ngày càng to lớn trên các mặt trận. Cuối cùng, bằng cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, đỉnh cao là Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, quân và dân ta đã buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở 3 nước Đông Dương.

Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng tháng Tám, chấm dứt ách thống trị gần một thế kỷ của thực dân Pháp ở Việt Nam; tạo tiền đề cho thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước; góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

CUỐNG PHẠM (1367 - 1454)

Một công thần nhà Lê, có công lao trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Sinh ngày 6/8/1367 (năm Đinh Mùi), thời vua Trần Dụ Tông, quê xã Văn Lãng, huyện Văn Lãng (nay là xã Bình Thuận, huyện Đại Từ), tỉnh Thái Nguyên, là con rể Lưu Trung, em rể Lưu Nhân Chú. Là người cùng chí hướng với cha nên Phạm Cuống cũng là người có mặt ngay từ buổi đầu khi Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa, tham gia nhiều trận chiến ác liệt, không quản thân mình, được giao giữ nhiều trọng trách. Sau mấy năm khởi nghĩa, nghĩa quân bị địch vây ráp, lực lượng suy yếu, lương thực cạn dần, tình thế vô cùng nguy ngập. Phạm Cuống được Lê Lợi cử về quê bán ruộng đất, tài sản lấy tiền đem vào mua lương thực tiếp ứng cho nghĩa quân.

Phạm Cuống là một công thần có công lao với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 1429, vua Lê Thái Tổ ban biểu công thần cho 93 người, Phạm Cuống được ban tước Quan phục hầu. Năm 1452, được vua Lê Nhân Tông ban sắc "phong chức Suy Trung tán trị hiệp mưu công thần, Kim tử Quang lộc đại phu, Đa ngư Hải Môn trấn, Phụng tuyên sứ hành quân Tổng quản, Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn, kim ngư đai, ngân phù, bậc khánh hầu, ban Quốc tính". Phạm Cuống mất năm 1454, hưởng thọ 87

tuổi. Ngày nay, đền thờ Phạm Cuống có khá nhiều ở Thanh Hoá - quê hương của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

CƯ HOÀNG QUỐC

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nguyên Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật luyện kim Thái Nguyên.

Năm 1965, sau khi tốt nghiệp Trường Trung cấp Cơ khí luyện kim (nay là Trường Kỹ thuật luyện kim), ông được giữ lại làm công tác giảng dạy bộ môn cơ khí kỹ thuật, sức bền vật liệu và chi tiết máy. Đầu năm 1986, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng.

Hơn 10 năm làm Hiệu trưởng, nhà giáo Hoàng Quốc Cư đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Trường Trung cấp Cơ khí luyện kim Thái Nguyên. Ông đã được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*, *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*, *Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn*, *Huy chương Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ*, *Huy chương Vì sự nghiệp an ninh Tổ quốc*...

CỪ HOÀNG

Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Trần Doanh), dân tộc Kinh, quê xã Chiến Thắng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; sinh năm 1921, tham gia cách mạng từ năm 1930, Bí thư Tỉnh uỷ, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên (4/1951 - 2/1953). Đã từ trần.

CỬA NGHÈ

Đền, được dựng từ lâu đời ở chân núi Cái, thuộc xóm Cao Sơn, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Đền đã bị hư hỏng hoàn toàn vào năm 1960. Năm 1963, đền được dựng lại trên nền cũ với chất liệu cột gỗ, trình tường, mái lợp gianh.

Năm 1995, nhân dân địa phương xây dựng ngôi đền Cửa Nghè ở lưng chừng núi Cái, cách nền đền cũ 100 m, gồm 1 gian, 2 chái, không tường (chỉ bưng ván mặt sau bàn thờ), lợp ngói, diện tích 30 m². Gian chính giữa có bức hoành phi có dòng chữ: *Linh từ Dương Tự Minh Đại Thần*. Hai bên bức hoành phi là đôi câu đối ca ngợi Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Cạnh đền có một hang sâu 20 m, rộng 2,5 m, cao 2 m.

Lễ hội chính của đền Cửa Nghè tổ chức vào ngày 10/1 Âm lịch hằng năm.

CƯỜNG CHU VĂN

Phó Bí thư Tỉnh uỷ, sinh năm 1942, dân tộc Kinh, quê xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, tham gia cách mạng năm 1962, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1967, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái (12/1989 - 12/1994); Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Thái (1996); Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên (1997 - 2000). Đã từ trần.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba.*

CƯỜNG MA VĂN

Nghệ sĩ Ưu tú, dân tộc Tày, quê xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; trú quán thành phố Hà Nội. Ông là nhà quay phim tài liệu thời sự; đồng thời là đạo diễn chính của một số bộ phim: *Như đón cả miền Nam anh hùng* (1965), *Bác Hồ của chúng em (*1970), *Luỹ thép Vĩnh Linh, Tội ác tột cùng - Trừng phạt đích đáng, Hiệp định Pari - sự kiện lịch sử* (1973), *Thế đứng Vị Xuyên* (1987), *Đi tìm các gốc văn hoá* (1996)...

CỬU LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1900, dân tộc Kinh, quê xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên.

Mẹ Lê Thị Cửu có con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Túc (hi sinh năm 1951 tại Mặt trận Hoà Bình). Mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

DẠ HƯƠNG

Công ty Khách sạn du lịch, tiền thân là Doanh nghiệp tư nhân Khách sạn Dạ Hương được Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định thành lập ngày 29/7/1993.

Trụ sở Công ty đặt tại Nhà số 50 - Đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Công ty kinh doanh khách sạn; nhà hàng lữ hành du lịch; phương tiện vận chuyển khách; vật lí trị liệu; bán hàng lưu niệm; bán vé máy bay. Công ty có 2 khách sạn nằm ở trung tâm thành phố; trong đó có Khách sạn Dạ Hương II đạt tiêu chuẩn 3 sao.

Công ty Khách sạn Du lịch Dạ Hương đã nhận được nhiều giải thưởng: Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh (liên tục từ năm 2001 đến năm 2006), của Tổng cục Du lịch (các năm 2002 và 2004); Hội Liên hợp các nhà khoa học và kỹ thuật Việt Nam tặng *Cúp Vàng Tốp Ten Thương hiệu Việt - Ngành hàng uy tín chất lượng* (năm 2007), *Cúp Vàng Văn hoá doanh nhân (Tâm, Tài, Trí, Dũng) Việt Nam* (năm 2007), *Cúp Vàng Thương hiệu hội nhập WTO* (năm 2007) và nhiều giải thưởng khác.

DANH NHÂN LỊCH SỬ DƯƠNG TỰ MINH

Sách Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, do Viện Sử học Việt Nam và Sở Văn hoá Thông tin (nay là sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch) Thái Nguyên xuất bản năm 2003. Sách có độ dày 288 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm, tập hợp 22 báo cáo khoa học của các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá ở Trung ương và địa phương tại Hội thảo Khoa học Danh nhân lịch sử Dương Tự Minh, tổ chức tại Thái Nguyên cuối năm 2003. Nội dung cuốn sách tập trung vào 4 chủ đề chính: *Bối cảnh lịch sử - xã hội mà Dương Tự Minh sống (thời nhà Lý - Thế Kỷ XII); Quê hương, gia đình và tiểu sử Dương Tự Minh; Đánh giá vị trí, vai trò lịch sử của Danh nhân Dương Tự Minh vào nửa đầu thế kỷ XII; Hình tượng Dương Tự Minh trong văn học và trong văn hoá dân gian.*

DANH NHÂN LỊCH SỬ LƯU NHÂN CHÚ

Sách Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, do Viện Sử học Việt Nam và Sở Văn hoá Thông tin (nay là Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch) tỉnh Thái Nguyên tổ chức, Sở Văn hoá Thông tin Thái Nguyên xuất bản năm 2001.

Cuốn sách có độ dày 419 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm, tập hợp 24 báo cáo khoa học của các nhà nghiên cứu Sử học, Hán - Nôm, các nhà quản lí ở Trung ương và địa phương tham luận tại Hội thảo Khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú, tổ chức năm 2001 tại Thái Nguyên.

Nội dung cuốn sách tập trung vào 5 vấn đề: *Vai trò của quê hương và gia đình Lưu Nhân Chú trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV và khởi nghĩa Lam Sơn; Những cống hiến to lớn của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; Vai trò của Lưu Nhân Chú trong buổi đầu thành lập triều Lê; Những di tích lịch sử liên quan đến Lưu Nhân Chú ở Thái Nguyên và Thanh Hoá; Những tình cảm của nhân dân đối với người con*

ưu tú của quê hương và dân tộc. Cuốn sách in toàn văn bản gia phả bằng chữ Hán có xen nhiều chữ Nôm của dòng họ Lưu Nhân Chú ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ, gồm 24 trang (trong đó có bài Văn thề cùng chủ tướng viết hoàn toàn bằng chữ Nôm). Nội dung chủ yếu của bản gia phả ghi chép lại quá trình tham gia khởi nghĩa và công lao đóng góp của 3 cha con, anh em rể là Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo.

DAO

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, có mặt ở Thái Nguyên khá sớm. Tính đến tháng 4/2009, dân tộc Dao ở Thái Nguyên có 25.360 người (2,26 % dân số toàn tỉnh), gồm 3 nhóm: Dao Đỏ cư trú chủ yếu ở các huyện Phú Lương, Đồng Hỷ; Dao Quần Chẹt tập trung chủ yếu ở huyện Đại Từ; Dao Lô Giang cư trú ở huyện Võ Nhai.

Thời trước, người Dao chủ yếu sinh sống trên các triền núi cao, phát nương, làm rẫy và có tập quán du canh, dư cư. Từ những năm 60 của thế kỷ XX, hưởng ứng cuộc vận động của Nhà nước, người Dao từng bước hạ sơn định canh, định cư, trồng lúa nước. Người Dao có các nghề thủ công làm giấy bản, làm phẩm chàm nhuộm vải, rèn nông cụ, làm đồ trang sức bằng bạc, đan lát, thêu thùa khá phát triển. Phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Dao cũng có nhiều nét tương đồng với các dân tộc khác. Điểm khác biệt dễ nhận biết nhất là trang phục truyền thống của phụ nữ Dao, quần áo với ba mầu chủ đạo là chàm, đỏ, trắng và sà cạp quấn quanh bắp chân.

DẠT

Cầu, bắc qua suối Khe Cốc, thuộc địa bàn xóm Trung Thành 3, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Cầu được xây dựng năm 2001 để thay thế cho cây cầu sắt dựng từ thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước, là loại cầu kết cấu bê tông cốt thép, gồm 3 nhịp có độ dài 42 m, rộng 6 m, tải trọng 25 tấn.

Cầu Dạt có vị trí rất quan trọng đối với nhân dân các xã Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, Yên Lạc trong quá trình trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến và đặc biệt là trong khâu mua bán, vận chuyển sản phẩm chè.

DÂN CHỦ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ; được thành lập năm 1946. Trước 1954, dân số toàn xã có 3.021 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Trại, Hoa.

Trong những tháng đầu toàn quốc kháng chiến, nhân dân xã Dân Chủ không chỉ tiếp nhận và giúp đỡ đồng bào tản cư từ các tỉnh miền xuôi về nơi ăn, chốn ở, mà còn trực tiếp tham gia chiến đấu, góp phần đánh tan cuộc tấn công của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947. Sau đó, nhân dân xã ra sức xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau giảm tô (1953), xã Dân Chủ được tách thành 3 xã: Dân Chủ, Hoá Trung và Minh Lập.

DÂN TIẾN

Địa điểm di tích lịch sử, xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai. Nơi đây cuối tháng 10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và làm việc với đồng chí Võ Nguyên Giáp và cơ quan Văn phòng Bộ Tổng chỉ huy về kế hoạch đánh địch, bảo vệ Căn cứ địa Việt Bắc. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 239/QĐ-UBND, ngày 3/2/2009).

DÂN TIẾN

Xã, ở khu vực phía Nam huyện Võ Nhai. Trước năm 1953, phần đất xã Dân Tiến ngày nay thuộc về xã Tràng Xá, tổng Tràng Xá, châu Võ Nhai; đến năm 1953, được tách khỏi xã Tràng Xá để lập thành xã Dân Tiến; phía bắc giáp xã Phương Giao, phía tây giáp xã Tràng Xá, phía đông giáp xã Bình Long, phía nam giáp xã Canh Nậu (huyện Yên Thế, Bắc Giang). Diện tích tự nhiên 5.473,83 ha. Dân số (năm 2009) 6.031 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay (nhóm Cao Lan), Hoa, Mông, Ê đê cư trú ở 13 xóm: Đồng Rã, Tân Tiến, Bắc Phong, Đồng Chuối, Đoàn Kết, Ba Phiêng, Đồng Vòi, Làng Chẽ, Đồng Quán, Phương Bá, Thịnh Khánh, Làng Mười, Lân Vai.

Sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất chính, chủ yếu là trồng lúa, ngô, đỗ tương, mía đường. Lúa gạo của Dân Tiến nổi tiếng từ xa xưa, vẫn được lưu truyền qua câu thành ngữ: *Cơm Phương Bá, cá Bình Long*. Hồ Quán Chẽ là hồ thuỷ lợi lớn nhất huyện Võ Nhai, cũng là một trong

những hồ lớn của tỉnh, xây dựng năm 1991, dung tích 2,47 triệu m^3 nước, diện tích mặt hồ 43 ha.

DẦN HOÀNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1924, dân tộc Kinh, quê xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; trú quán tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Mẹ Hoàng Thị Dần có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Minh hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng mẹ Hoàng Thị Dần danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

DẦN NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1908, dân tộc Kinh, quê xã Tân Hương, huyện Phổ Yên. Mẹ Nguyễn Thị Dần có 3 con liệt sĩ là Nguyễn Văn Phiến (nhập ngũ tháng 7/1948, hi sinh ngày 3/2/1951); con trai thứ hai (tái ngũ tháng 4/1968, hi sinh tại chiến trường miền Nam), con trai thứ ba (nhập ngũ tháng 2/1968, hi sinh tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Dần danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

DE

Đèo, ở phía tây bắc núi Hồng, là con đường huyết mạch quan trọng nhất trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945; nối liền ATK Định Hoá với ATK Sơn Dương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Dưới chân đèo De là Tỉn Keo, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ toạ Hội nghị Bộ Chính trị ngày 6/12/1953 quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.

DI

Chùa, còn gọi là Cổ Di tự, được dựng khoảng giữa thế kỷ XVIII tại làng Giã Thù, tổng Tiên Thù xưa, nay thuộc địa bàn xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Vào thế kỷ XIX, sau một trận bão lớn, chùa bị đổ nát, được chuyển về dựng trên một khu đất cao ở phía tây của làng, cách đê sông Cầu khoảng 70 - 80 m và đặt tên mới là Cổ Di tự; là nơi thờ Phật, thờ Mẫu

theo truyền thống tâm linh của người Việt. Ngôi chùa Di xưa cột gỗ, đã bị phá huỷ theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến chống Pháp (1947).

Năm 2003, chùa được xây dựng lại; hậu cung gồm 3 gian, gồm có nhà Tiền đường, Phật điện và phủ Mẫu. Tiền đường 1 gian, rộng 12 m, dài 6,5 m. Chùa còn giữ được 13 pho tượng phật cổ, trong đó có pho tượng Tam Thế còn giữ được nguyên bản và 8 cột đá trong đó có 1 cột được dựng năm Bính Thân (1776) và tấm bia dựng năm Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Chùa Di đã được cấp bằng di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh năm 2006.

DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ

Khu Lưu niệm Tiến sĩ Nguyễn Cấu xã Tân Hương và xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2500/QĐ-UBND, ngày 8/11/2006).

DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP

Hợp tác xã, được thành lập theo Giấy phép cấp năm 2001. Trụ sở kinh doanh đặt tại khu phố 1, phường Phố Cò, thị xã Sông Công. Ngành nghề kinh doanh dịch vụ nông nghiệp. Tổng số lao động 20 người.

DIÊM

Hang đá tự nhiên ở xã Phương Giao, huyện Võ Nhai, nối liền với hang Tối.

DIỆM DƯƠNG

Đình, được dựng từ đầu thế kỷ XX ở xóm Diệm Dương, xã Nga My, huyện Phú Bình. Đình gồm 10 gian, là nơi thờ Thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, ngôi đình đã bị phá huỷ. Nhân dân địa phương đã dựng lại ngôi đình trên nền đất cũ, có 3 gian mặt nhìn ra hướng tây nam.

Dấu tích ngôi đình cũ hiện còn lưu giữ gồm có: 1 ngai thờ, 1 đôi lọ độc bình, 1 chiêu chóc, 3 bộ câu đối, 1 bức hoành phi, 1 bộ bát bửu, 3 bát hương, 15 sắc phong của các thời vua trước...

Lễ hội chính tổ chức tại đình vào ngày 15 tháng giêng hằng năm.

DINH ĐỀ

Một trong những thủ lĩnh xuất sắc của cuộc khởi nghĩa Yên Thế. Khởi nghĩa Yên Thế nổ ra ngày 16/3/1884 tại Bắc Giang, sau đó lan rộng

tới các tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Lạng Sơn... Trong những tháng đầu năm 1896, trên địa bàn huyện Đại Từ, được sự giúp đỡ và tham gia của nhân dân, dưới sự chỉ huy của Đề Dinh, nghĩa quân Yên Thế đã đánh 16 trận, diệt và làm bị thương nhiều tên địch khiến cho quân Pháp đóng ở các đồn Lục Ba, Cát Nê ngày đêm hoang mang, nơm nớp lo sợ bị tấn công.

DỊN

Nơi ở và làm việc của Cục Dân quân (1947 - 1951). Vị trí di tích ở xóm Dịn thuộc xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa. Nhân dân địa phương đã làm tốt công tác bảo mật, phòng gian, bảo vệ tuyệt đối an toàn cho Cục Dân quân cũng như các cơ quan và đơn vị khác đóng trên địa bàn.

DOANH NGHIỆP MẠNH HÀ

Doanh nghiệp tư nhân. Trụ sở Doanh nghiệp đặt tại Tổ 6 - Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Hiện nay, Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Hà có 25 xe buýt đang hoạt động trên tuyến Yên Lãng - Gang Thép, cự li 50 km, theo 2 lộ trình:

- Lộ trình 1: Trung tâm xã Yên Lãng - Quốc lộ 37 - Thị trấn Đại Từ - Ngã ba Bờ Đậu - Quốc lộ 3 - Ngã ba Mỏ Bạch - Đường Lương Ngọc Quyến - Đường tròn Đồng Quang - Đường Hoàng Văn Thụ - Đường tròn Trung tâm thành phố Thái Nguyên - Đường Cách mạng Tháng Tám - Đường tròn Gang thép và ngược lại.

- Lộ trình 2: Xã Yên Lãng - Quốc lộ 37 - Thị trấn Đại Từ - Ngã ba Bờ Đậu - Ngã tư Tân Long - Quốc lộ 3 tuyến tránh thành phố Thái Nguyên - Cầu vượt Thịnh Đán - Ngã ba Viện Lao - Quốc lộ 3 - Ngã ba Phố Hương - Đường Phố Hương - Đường Lưu Nhân Chú - Đường tròn Gang thép và ngược lại.

DOANH NGHIỆP THÀNH AN

Doanh nghiệp tư nhân xây dựng cơ bản, được thành lập ngày 29/3/2001; trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Doanh nghiệp Thành An đã và đang thi công các công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hà Châu huyện Phú Bình, Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá, Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Định Hoá, kiên cố hoá các trường học, xây dựng cơ sở

hạ tầng theo các Chương trình 134, 135 tại các huyện Định Hoá, Phú Lương... Doanh nghiệp tạo việc làm (cả thường xuyên và thời vụ) cho 200 lao động. Hằng năm, Doanh nghiệp có số doanh thu bình quân khoảng 15 tỉ đồng, nộp ngân sách Nhà nước hơn 1 tỉ đồng. Doanh nghiệp còn tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, vì an sinh xã hội.

DOANH NGHIỆP VIỆT BẮC

Doanh nghiệp Nhà nước xếp hạng I, thành lập năm 1989; được thành lập lại theo Quyết định số 458/QĐ-QP ngày 17/4/1996 và tổ chức lại theo Quyết định số 136/2003/QĐ-BQP ngày 15/9/2003. Trụ sở chính đặt tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện vừa và nhỏ, cấp thoát nước, đường dây và trạm biến áp đến 110kv; Xây dựng cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng và xử lí nền móng công trình; Quy hoạch, tư vấn khảo sát thiết kế các công trình giao thông, xây dựng dân dụng, thuỷ lợi, thuỷ điện vừa và nhỏ, cấp thoát nước; Thí nghiệm hiện trường; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác và chế biến khoáng sản; Trồng rừng, trồng và chế biến chè, chế biến lâm sản, sản xuất bia; Khảo sát, dò tìm bom mìn, xử lí vật nổ; Sản xuất cơ khí, sửa chữa lắp ráp xe, máy và phương tiện vận chuyển; Vận tải hàng hoá đường bộ; Đầu tư phát triển hạ tầng và kinh doanh nhà; Đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án.

DỐC ĐỎ

Cầu, được xây dựng năm 2009 tại Km 20+803 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Kim Sơn, huyện Định Hoá. Kết cấu cầu bằng bê tông cốt thép nhịp dầm đơn, dài 7 m, rộng 8,5 m, tải trọng H30 - Xb80. Tải trọng khai thác biển báo 30 tấn.

DỘC MẤU 1

Nơi tổ chức Hội nghị cán bộ toàn tỉnh (9/1945).

Vị trí di tích ở Dộc Mấu 1 thuộc xóm Trường Xô, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Dự Hội nghị có khoảng 50 người, gồm cán bộ lãnh đạo chính quyền cách mạng lâm thời của tỉnh và đại diện tổ chức đảng của các huyện. Hội nghị công bố nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ (do đồng chí Trần Quốc Hoàn - Ủy viên Thường vụ Xứ ủy kí) chỉ định Ban Chấp hành lâm

thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm 8 đồng chí. Đồng chí Ngô Nhị Quý được chỉ định làm Bí thư; đồng chí Lê Trung Đình là Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời; đồng chí Hoàng Bá Sơn là Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh...

DU TIÊN LỮ ĐỘNG

Bài thơ, do Cao Bá Quát, tự là Chu Thần, hiệu là Cúc Đường, Mẫn Hiên (1809 - 1854); người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội, sáng tác bằng chữ Hán, viết về cảnh đẹp động Tiên Lữ (động Long Tuyền) núi Chùa Hang (núi đá Hoá Trung) nay thuộc thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ.

DU TIÊN LỮ ĐỘNG TÁC

Bài thơ chữ Hán, do Vũ Quỳnh - một nhà thơ nổi tiếng sáng tác, một trong số "Nhị thập bát tú". Bài thơ ca ngợi động Tiên Lữ có cảnh đẹp kì thú như xứ thần tiên, vừa chan hoà ánh sáng, vừa ấm áp gió xuân làm cho tâm hồn nho sĩ họ Vũ thư thái, bình an.

DÙM

Cầu, được xây dựng tại Km 144+05 - Quốc lộ 37, thuộc địa phận xóm 3 xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cầu dài 6 m, rộng 8,5 m, trong đó chiều rộng cho xe chạy 8 m, kết cấu nhịp bằng bê tông cốt thép, mối M1và M2, móng bê tông, thân bê tông.

DUNG TRẦN THỊ

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, nguyên Điều dưỡng trưởng Khoa Nhi Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Sau khi tốt nghiệp Trường Trung học Y tế Nam Định (1977), bà công tác tại Khoa Nhi Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; đến năm 1982 đi hợp tác lao động tại Cộng hoà Dân chủ Đức. Từ năm 1986, bà là Điều dưỡng viên Khoa Nhi Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; đến năm 1993 là Y tá trưởng Khoa Nhi.

Trong quá trình làm công tác điều dưỡng, bà đã chủ trì 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 7 năm là Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; được trao tặng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ* hạng Nhì.

Điều dưỡng viên Trần Thị Dung được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

DŨNG HOÀNG BẮC

Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Hoàng Đức Viên; bí danh: Nguyễn Đức Thọ và Ích), sinh năm 1912, dân tộc Tày, quê thôn Lam Sơn, xã Phúc Tặng (nay là xã Hồng Việt), huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; cán bộ Lão thành Cách mạng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (5/1972 - 1976). Từ trần ngày 27/11/1987 tại thành phố Thái Nguyên.

DƯỚI

Đình, được dựng từ xa xưa ở xóm Thống Nhất, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, là nơi thờ thành hoàng làng và Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình Dưới gồm 3 gian, 2 chái và hậu cung. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, khi Viện 5 Quân y đóng ở xã Vô Tranh, cán bộ, chiến sĩ của đơn vị có đóng quân, hội họp tại đình. Năm 1950, đình bị đổ; đến nay chưa xây dựng lại.

Ngày nay, dấu vết đình Dưới vẫn còn lại nền đình, dài 20 m, rộng 10 m và 2 tấm bia đá khắc chữ Hán. Tấm thứ nhất cao 0,8 m, rộng 0,46 m. Tấm thứ hai cao 0,725 m, rộng 0,4 m, trán bia 0,168 m. Nội dung cả 2 tấm bia đều ghi chép việc công đức xây dựng đình Dưới.

DƯƠNG THÀNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Dương Thành là một xã trung du miền núi của huyện Phú Bình, cách trung tâm huyện lị 9,25 km về phía nam. Nhân dân các dân tộc xã Dương Thành có truyền thống yêu nước nồng nàn, anh dũng chống giặc ngoại xâm, cần cù sáng tạo trong lao động, sản xuất.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân xã Dương Thành ra sức củng cố chính quyền, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến. Nhân dân Dương Thành đã động viên 155 con em xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường; 16 người đi thanh niên xung phong; đóng góp 15.900 kg lương thực và hàng ngàn ngày đi dân công hoả tuyến...

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành đã

được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

DƯƠNG THÀNH

Xã, nằm ở phía Đông Nam huyện Phú Bình; phía đông giáp 2 xã Lam Cốt, Phúc Sơn (huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang), phía tây giáp xã Thanh Ninh, phía nam giáp 2 xã Hoàng Thành, Việt Ngọc (tỉnh Bắc Giang), phía bắc giáp xã Tân Đức. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 748.41 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 82.18%. Tổng dân số (năm 2009) 6.195 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Cháy, Mường cư trú ở 20 xóm: Đảng, Núi 1, Núi 2, Núi 3, Núi 4, Nguộn, Tiến Bộ, Quyết Thắng, Phú Dương 1, Phú Dương 2, Phẩm 1, Phẩm 2, Phẩm 3, Phẩm 4, Giàng, An Ninh, An Thành, Trung Thành, Phú Thành, Xuốm.

Nguồn sống chính của người dân xã Dương Thành là từ sản xuất nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi. Tốc độ tăng trưởng bình quân 6.8% năm trong đó: Nông lâm nghiệp tăng bình quân 4.6%, dịch vụ tăng bình quân 11%, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngành nghề tăng bình quân 10%.

Núi Đót là núi đất cao 123 m so với mặt nước biển, nổi vọt lên giữa vùng đồng bằng tạo nên phong cảnh đẹp. Trên núi có Đền Đót gắn với sự tích Vua Bà (thời Vua Hùng thứ 6); có địa danh Giếng Tiên không bao giờ cạn nước, nơi Vua Bà tắm gội, nơi Tiên thường xuống chơi cờ. Đình - chùa Viễn, đền Đót và nghè tại xã Dương Thành là 4 công trình văn hoá, tín ngưỡng ở khu vực Núi Đót đã được xếp hạng di tích cấp Tỉnh về lịch sử, văn hoá và thắng cảnh.

ĐA PHÚC

Cầu, từ xa xưa, được làm bằng tre nứa, ghép nổi trên mặt nước sông Công, nối 2 bờ đê cho người, ngựa và nhân dân qua lại. Đầu thế kỷ XX, người Pháp mở rộng Đường 3, cho xây dựng cây cầu sắt, trụ bê tông cốt thép nhưng cũng chỉ rộng khoảng 3 m, cho ô tô nhỏ chạy qua. Cầu Đa Phúc nối 2 đầu: Phía nam nay thuộc xã Trung Giã (huyện Sóc Sơn - Hà Nội), đầu phía bắc là xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1947, để chặn đường tiến công của xe cơ giới Pháp, bộ đội ta đã dùng bộc phá đánh sập cầu, tạo thành vật cản lớn chặn cạ nô, tầu chiến

và ô tô, xe cơ giới địch không thể tiến công lên Việt Bắc. Sau khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, cầu Đa Phúc được xây dựng mới to đẹp hơn kiên cố. Cầu là mạch máu giao thông quan trọng phục vụ cho yêu cầu thông thương trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ở huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

ĐA PHÚC

Bến cảng, nằm trên địa phận xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên; hình thành sau năm 1975.

Chức năng ban đầu của cảng là: Thu gom vật liệu xây dựng, như cát sỏi, gỗ nứa từ các nơi, tập kết vào kho rồi đưa lên ô tô chuyển tới các công trình xây dựng ở Hà Nội, Thái Nguyên.

Về sau, cảng còn thu gom, tập kết các hàng hoá khác như xi măng, đồ gỗ, đồ gốm từ Bắc Ninh lên, hàng sắt thép, tre gỗ, đá từ Thái Nguyên về; hoạt động ở cảng ngày càng nhộn nhịp.

Ngày nay, cảng Đa Phúc tiếp tục được khơi sâu, mở rộng để kịp thời phục vụ cho nhu cầu xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, quê hương.

ĐÀ TRẦN HỮU

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ, quê huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nguyên giảng viên bộ môn cơ khí, chế tạo máy tại Trường Đại học Cơ điện (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên).

Trải qua gần 40 năm giảng dạy, Nhà giáo Trần Hữu Đà đã đúc rút nhiều sáng kiến cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng, như: Đề xuất và thực hiện phòng mô hình dạy cắt kim loại; Cải tiến, hiện đại hoá 5 bài thí nghiệm về dụng cụ cắt; Bồi dưỡng cán bộ trẻ trong khoa học...; đã hướng dẫn hàng trăm sinh viên bảo vệ tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi; hướng dẫn nhiều sinh viên thi Olympic tin học, cơ học đạt giải cao.

Nhà giáo Trần Hữu Đà được công nhận giáo viên giỏi nhiều năm, 3 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua; được trao tặng *Huy chương Vì thế hệ trẻ*, *Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục*, *Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn*. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2000.

ĐÁ

Hang đá tự nhiên xuyên vào lòng núi đá thuộc xóm Phú Thọ, xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Hang Đá gồm hai hang động, hai miệng hang cách nhau 30 m, đều nhìn về hướng đông nam. Hang bên phải (theo hướng đứng nhìn thẳng vào cửa hang) rộng 5 m, cao 10 m, nền hang đã được trát vữa xi măng khá phẳng. Hang bên trái có cửa hang rộng hơn hang bên phải, nền hang cũng được trát vữa xi măng bằng phẳng. Hai hang thông nhau bởi một cửa rộng 5 m, cao 10 m. Năm 1965,

Xưởng X9 thuộc Quân khu Việt Bắc (nay là Quân khu I) đã sửa lại lòng hai hang đá này để dùng làm xưởng sửa chữa vũ khí mà chủ yếu là pháo cao xạ của các đơn vị phòng không trên địa bàn Quân khu.

ĐÁ BAY

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại Km 7+530 - Tỉnh lộ 264B, thuộc địa bàn xã Bình Yên, huyện Định Hoá. Kết cấu cầu bằng bê tông, cốt thép, nhịp dầm đơn; kết cấu mố, trụ móng chữ U, D, X. Cầu dài 45,15m, rộng 4 m. Tải trọng H13 - X60. Tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

ĐÁ CHẮNG

Điểm rơi chiếc máy bay trinh sát L.19 bị quân, dân ta bắn cháy.

Khoảng 11 giờ, ngày 30/8/1967, chiếc máy bay trinh sát L.19 của đế quốc Mĩ đang bay trinh sát để gọi máy bay đến ném bom gây tội ác thì bị quân và dân ta bắn cháy, rơi xuống tại khu rừng rậm Đá Chẳng, xóm Suối Găng, xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ. Bộ đội, dân quân, du kích đến chỗ máy bay rơi, rồi đưa xác 2 tên phi công đi chôn cất.

ĐÁ CON

Cầu, được xây dựng năm 2006 tại Km 24+31 - Tỉnh lộ 264, thuộc địa bàn xã Trung Lương, huyện Định Hoá. Cầu kết cấu nhịp dầm đơn, bản bê tông cốt thép; kết cấu mố, trụ móng M ĐX. Cầu dài 11 m, rộng 4 m, tải trọng khai thác biển báo 10 tấn.

ĐÁ ĐEN

Suối, nhánh thứ hai của suối Quân Chu (đoạn qua đền Quân Chu được gọi là suối Đền), bắt nguồn từ sườn phía đông dãy Tam Đảo chảy song song với suối Vang qua thị trấn Quân Chu, nhập với suối từ xã Cát Nê rồi đổ vào sông Phúc Thuận. Suối Vang, suối Đá Đen là nguồn cung cấp nước

chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã Quân Chu (huyện Đại Từ) và Phúc Thuận (huyện Phổ Yên).

ĐÁ GÂN

Nơi diễn ra trận đánh của dân quân xã Đồng Liên (21/10/1950). Vị trí di tích ở kè Đá Gân thuộc xóm Đá Gân, xã Đồng Liên, huyện Phú Bình.

Vào lúc 16 giờ ngày 21/10/1950, được tin giặc Pháp rút từ Thái Nguyên về Phú Bình đi qua địa phận xã Đồng Liên, dân quân xã đã tổ chức phục kích ở kè và núi Đá Gân, đặt mìn; diệt và làm bị thương nhiều tên địch.

ĐÁ MÀI

Cầu, được xây dựng tại Km 103+06 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 9 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, có tải trọng H10.

ĐÁ MÀI

Đình, được xây dựng từ xa xưa ở xóm Đá Mài, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương. Đình Đá Mài cũ khá to, cột gỗ, mái lợp lá cọ, đã qua ba lần di chuyển vị trí. Năm 1934, đình được chuyển về vị trí hiện nay. Năm 1947, quân Pháp tấn công lên Việt Bắc, khi càn qua Yên Đổ đã đốt cháy ngôi đình cùng nhiều đồ thờ cúng trong đình.

Năm 1964, đình Đá Mài được dựng lại trên nền đình cũ; gồm 3 gian 2 chái, dài 8 m, rộng 6 m, kết cấu khung gỗ, các tảng kê chân cột bằng đá đẽo hình tròn (là các tảng kê chân cột còn lại của ngôi đình cổ), mái lợp lá cọ, mặt quay về hướng nam. Một điểm rất đặc biệt so với toàn bộ các ngôi đình ở Thái Nguyên, là đình Đá Mài có nền đình được lát bằng những tấm đá khai thác tại địa phương được mài nhẵn bóng. Chính đặc điểm này mang lại tên cho ngôi đình, là đình Đá Mài. Di vật trong đình còn 3 chiếc chiêng đồng, 2 mâm xe cỡ lớn, 1 y môn (cửa võng) và một số bát hương.

Đình Đá Mài thờ thành hoàng làng là Cao Sơn, Quý Minh đại vương. Ngoài ra, đình còn thờ bà công chúa Hoàng Thị Chấu - một phụ nữ địa

phương xinh đẹp, nết na, vì không cam chịu nhục mà chết vào giờ thiêng khi còn trẻ.

ĐÁ TO

Cầu, được xây dựng năm 1984 tại Km 23+865 - Tỉnh lộ 264, thuộc địa bàn giáp ranh giữa hai xã Sơn Phú và Trung Lương, huyện Định Hoá. Kết cấu cầu bằng bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn; sơ đồ bố trí nhịp 18; mố trụ móng kết cấu dạng chữ U, DX. Cầu dài 33,4 m, rộng 4 m, tải trọng khai thác biển báo 16 tấn.

ĐÁ XÔ

Đền, nguyên thuỷ là miếu được dựng bằng tre, nứa, lá, kích thước nhỏ bé, ở lưng chừng núi Đá Xô, xóm Giang Trung, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương. Năm 1939, miếu Đá Xô bị mục nát, nhân dân địa phương đã xây dựng ngôi đền trên nền miếu, gọi là đền Đá Xô. Đền thờ Sơn thần và thần Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Hằng năm, đền Đá Xô mở lễ vào ngày 15/1 và khoảng 20 - 30/12 Âm lịch.

ĐÁCLƠ (DARLES)

Công sứ Thái Nguyên; xuất thân là một tiểu thị dân ở phố La tinh thuộc thành phố Pari - Thủ đô nước Pháp; tốt nghiệp Đại học Pari với tấm bằng Cử nhân văn chương. Sau khi sang Đông Dương, được xếp vào ngạch quan cai trị trong bộ máy chính quyền của thực dân Pháp.

Thực dân Pháp thấy rằng Darles góp nhiều công sức trong đàn áp tàn bạo nhân dân ta, nên được cất nhắc giữ chức Công sứ Thái Nguyên - một tỉnh quan trọng và dân cư nổi tiếng "cứng đầu". Trong thời gian làm Công sứ ở Thái Nguyên (4/1913 - 9/1917), Darles cực kì nổi tiếng tàn bạo, gây nhiều tội ác tày trời. Trong số những tên quan lại thực dân khét tiếng bạo tàn ở Bắc Kỳ được gọi là "Tứ hung", thì Darles đứng hàng đầu: Nhất Đác (Darles) nhì Ke (Ecker) tam Be (de Gallambert) tứ Bít (Bride).

Sự tàn ác ghê rợn của Darles là nguyên nhân trực tiếp nổ ra cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên năm 1917.

ĐẠC VŨ QUÝ

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê Xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1978, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc, ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy. Từ năm 1995 đến năm 1997, theo học Thạc sĩ tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Năm 1998, làm nghiên cứu sinh và đến năm 2002, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Năm 2007, ông được phong tặng học hàm Phó Giáo sư.

Trong quá trình làm công tác giảng dạy, nhà giáo Vũ Quý Đạc đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng khoa Cơ khí (1990 -1994), Trưởng bộ môn Nguyên lí - Chế tạo máy (1995 -1997), Phó Trưởng khoa Cơ khí (1998 -2002), Trưởng khoa Cơ khí (2003 - 2008), Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp kiêm Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Công nghệ cao về kỹ thuật Công nghiệp (từ tháng 9/2009). Ông đã được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, *Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ.*

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

ĐÀI

Chùa, còn có tên gọi Khâu Lâu tự, tên chữ là Thiên Đài tự, được dựng từ lâu đời ở trên núi cao thuộc xóm Quyên, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ. Ngôi chùa đã bị đổ nát; dấu tích chỉ còn lại nền chùa và một số tảng đá được đẽo gọt vuông thành, sắc cạnh dùng làm chân kê cột chùa xưa.

Năm 1992, chùa Đài được xây dựng lại trên ngọn núi cao, quay mặt về hướng nam, xung quanh có các núi thấp quây quần, tạo thành cụm di tích danh thắng gắn với sự tích Đầm Thần, Giếng Dội, Cây đa đôi. Chùa gồm 6 gian, xây theo kiểu tường hồi, bít đốc, mái lợp ngói ta. Chính giữa là tam bảo gồm 2 gian thờ lớp tượng Tam thế (Tam thế thường dụ Diệu pháp thân), gồm 3 pho tượng đại diện cho 3 thế hệ: quá khứ, hiện tại, tương lai. Tiếp theo là lớp tượng Quan Thế Âm nghìn tay, nghìn mắt cứu độ chúng sinh thoát khỏi vòng đời ô trọc. Lớp dưới cùng thờ tượng Cửu

Long và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sơ sinh (dựa theo tích khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sơ sinh có 9 con rồng xuống tắm cho Ngài).

Bên tả thờ Đức Thánh Tăng và bên hữu thờ Đức Ông.

Hằng năm lễ chính của chùa vào các ngày 15/1, ngày 7/2, ngày Phật Đản 8/4 Âm lịch.

ĐÀI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1906; quê xã Lương Phú, huyện Phú Bình. Mẹ Nguyễn Thị Đài có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thơi (nhập ngũ ngày 26/4/1966, hi sinh ngày 19/3/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, mẹ Nguyễn Thị Đài được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

ĐÀI PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Đài Truyền thanh Thái Nguyên được thành lập ngày 2/9/1956, trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên.

Trong năm đầu thành lập, Cơ quan Đài có 8 cán bộ, công nhân; có nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Năm 1965, hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái; Đài Truyền thanh hai tỉnh cũng sáp nhập thành Đài Truyền thanh Bắc Thái, với tổng số trên 40 cán bộ, công nhân viên chức được biên chế trong 3 bộ phận (bộ phận Phóng viên - Biên tập viên - Phát thanh viên, bộ phận Kỹ thuật và bộ phận Quản lí truyền thanh), hoạt động tuyên truyền trên địa bàn 13 huyện, thành, thị.

Ngày 9/6/1977, Đài Truyền thanh Bắc Thái được nâng cấp thành Đài Phát thanh Bắc Thái. Đài vừa là tờ báo nói, vừa là cơ quan quản lí nhà nước về sự nghiệp truyền thanh của tỉnh, chịu sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo thống nhất về kỹ thuật và nghiệp vụ của Ủy ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam.

Ngày 19/11/1990, Đài Phát thanh Bắc Thái đổi tên thành Đài Phát thanh - Truyền hình Bắc Thái, có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh

quản lí công tác phát thanh, truyền thanh, truyền hình trong phạm vi toàn tỉnh.

Ngày 1/1/1997, Đài Phát thanh - Truyền hình Bắc Thái đổi tên gọi là Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 226 - Bến Oánh - Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Bộ máy tổ chức của Đài được sắp xếp lại, gồm 3 phòng ban chuyên môn: Phòng Kỹ thuật, Ban Biên tập và Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán. Tổng số cán bộ, công nhân viên trong biên chế có 55 người. Đến năm 2009, Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên có 9 phòng chuyên môn: Văn phòng, Phòng Phóng viên, Phòng Kỹ thuật, Phòng Thư ký biên tập, Phòng Tiếng dân tộc, Phòng Văn nghệ - Thể thao, Phòng Thông tin - Quảng cáo, Phòng Phát thanh, Phòng Báo điện tử và Biên dịch quốc tế. Với 4 loại hình báo chí: Phát thanh, truyền hình, Báo điện tử và Tạp chí Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên. Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên chuyển tải thông tin đến với nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh cũng như nhân dân trong nước và thế giới.

Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì* và nhiều Bằng khen của các cấp, các ngành.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐẠI TỪ

Thành lập và phát sóng chương trình đầu tiên vào ngày 19/5/1993. Trụ sở đặt tại thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ.

Đài thực hiện nhiệm vụ phản ánh kịp thời những sự kiện quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, Quốc phòng - an ninh của huyện. Trung bình mỗi năm Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Đại Từ sản xuất và phát sóng được khoảng trên 200 chương trình thời sự tổng hợp phát thanh và truyền hình với trên 1.500 tin, bài.

Đến nay, huyện Đại Từ đã có 10 trạm truyền thanh, 550 cụm loa truyền thanh cơ sở.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập và đi vào hoạt động tháng 11/2003, trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá; là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

nhân dân huyện Định Hoá, thực hiện chức năng thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phục vụ nhu cầu văn hoá tinh thần cho đông đảo cán bộ và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện. Hiện Đài có 13 cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên (Trưởng đài, Phó Trưởng đài, 11 phóng viên và kỹ thuật viên). Đài có 2 trạm phát sóng là Trạm Trung tâm (đặt tại thị trấn Chợ Chu) và Trạm Lam Vỹ (đặt tại xã Lam Vỹ).

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh - truyền hình bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc trên hệ thống loa truyền thanh; tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; phối hợp với Đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; quản lí và vận hành các đài phát lại truyền hình, đài phát thanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn.

Hằng năm, Đài sản xuất gần 150 chương trình phát thanh với trên 1.400 tin, bài phát sóng; hàng trăm chương trình truyền hình với gần 1.000 tin bài phát sóng cùng hàng chục Video Clip tuyên truyền các sự kiện, các ngày kỷ niệm.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 1/7/1986; Trụ sở tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ; là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền huyện; chịu sự quản lí trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện, quản lí nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh - truyền hình bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc trên hệ thống loa truyền thanh; tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; phối hợp với Đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; quản lí và vận hành các đài phát lại truyền hình, đài phát thanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn.

Cơ cấu tổ chức: gồm Trưởng đài và 7 cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập ngày 1/1/2004; Trụ sở tại thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình; là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền huyện; chịu sự quản lí trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện, quản lí nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh - truyền hình bằng tiếng Việt trên hệ thống loa truyền thanh; tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; phối hợp với Đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; quản lí và vận hành các đài phát lại truyền hình, đài phát thanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn.

Bộ máy tổ chức gồm Trưởng đài, Phó Trưởng đài và 8 cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 335 QĐ-UB ngày 19/11/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương. Trụ sở tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Đài là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền huyện; chịu sự quản lí trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện, quản lí nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh - truyền hình bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc trên hệ thống loa truyền thanh; tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; phối hợp với Đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; quản lí và vận hành các đài phát lại truyền hình, đài phát thanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn. Hằng năm, Đài Phát thanh - Truyền hình Phú Lương đã sản xuất được hàng trăm chương trình phát thanh và truyền hình, phục vụ đắc lực cho công tác

tuyên truyền của địa phương. Cơ cấu tổ chức: gồm 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc, và 15 cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 11/12/2003 theo Quyết định số 1006/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai. Trụ sở tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Võ Nhai là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền huyện. Đài chịu sự quản lí trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện, quản lí nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh, truyền hình bằng tiếng Việt và bằng các tiếng dân tộc trên hệ thống loa truyền thanh, truyền hình; tiếp sóng và phát sóng các chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; phối hợp với Đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn.

Đài Truyền thanh - Truyền hình Võ Nhai hiện có 3 trạm phát sóng truyền hình gồm Trạm Truyền thanh - Truyền hình tại trung tâm huyện, trạm phát lại truyền hình xã Dân Tiến, trạm phát lại truyền hình xã Cúc Đường.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Tiền thân là bộ phận truyền thanh - truyền hình thành lập năm 1985, hoạt động theo sự quản lí nhà nước của Phòng Văn hoá - Thể thao thị xã. Đến tháng 1/2001, Đài Truyền thanh - Truyền hình Thị xã chính thức thành lập và hoạt động độc lập. Trụ sở tại phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công.

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh, truyền hình bằng tiếng Việt trên hệ thống loa truyền thanh, truyền hình; tiếp sóng và phát sóng các chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; phối hợp với Đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; hướng dẫn

chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, phường trên địa bàn.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Đài Truyền thanh tỉnh Thái Nguyên do Liên Xô giúp đỡ xây dựng năm 1957. Ngày 17/10/1977, Đài được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên quản lí với tên gọi là: Đài Truyền thanh thành phố Thái Nguyên. Đến năm 1992, Đài phủ sóng truyền thanh trên toàn địa bàn, với trên 100 loa công cộng và gần 70 km đường dây truyền thanh. Năm 1993, Đài bắt đầu phát sóng FM và phát song song với hệ thống truyền thanh công cộng từ đó đến nay trên tần số 93,1 MHZ. Trụ sở đặt tại địa phận phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 20/5/2003, Đài có tên gọi: Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Thái Nguyên với nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương trên 2 hệ thống phát thanh và truyền hình.

ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN PHỔ YÊN

Được thành lập năm 2004; Trụ sở tại thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Đài là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền huyện; chịu sự quản lí trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện, quản lí nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Đài có nhiệm vụ sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh - truyền hình bằng tiếng Việt trên hệ thống loa truyền thanh; tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; phối hợp với đài tỉnh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; quản lí và vận hành các đài phát lại truyền hình, đài phát thanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Đài Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn.

Bộ máy tổ chức gồm Trưởng đài, Phó Trưởng đài và 6 cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên.

ĐÀI TƯỞNG NIỆM CÁC ANH HÙNG LIỆT SĨ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được xây dựng năm 1998, trong khuôn viên 1,09 ha thuộc phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Tượng đài cao 32,1 m, gồm 2 phần: Phần bệ đất cao 3,7 m, phần khối tượng đài cao 28,4 m, do Phan Ngọc - Kiến trúc sư Phòng Quản lí xây dựng Thành phố thiết kế, được xây dựng bằng chất liệu bê tông cốt thép M200, phần thân ốp bằng đá hoa cương. Phần tượng gồm 4 khối. Khối trung tâm gồm 6 trụ tháp kép, tạo thành khối trụ tam giác (3 mặt) vươn lên trời cao. Trong lòng khối trụ dưới chân tháp được dựng bức phù điêu, do Nhà điêu khắc Hứa Tử Hoài thiết kế, mang dòng chữ "TỔ QUỐC GHI CÔNG". Trước mặt bức phù điêu là đỉnh đồng hương lớn. Tại khoảng giữa 3 mặt tam giác ở độ cao khoảng 25 m tính từ mặt đất được gắn 3 mặt trống đồng cùng nhiều hoa văn mây trời cách điệu. Phía sau được là một bức phù điêu dài 22 m, cao 4 m, được ghép bởi 80 phiến đá granit khổ 100 cm x 100 cm và 11 phiến đá lẻ, đặt trên 6 trụ bê tông cốt thép cao hơn 6 m. Mặt phù điêu được chạm khắc những hình ảnh hào hùng của quân dân Thái Nguyên trong cách mạng và kháng chiến. Khối tượng bên phải Tượng đài là tượng 3 chiến sĩ du kích Thái Nguyên và Vệ Quốc quân trong tư thế xung phong tiêu diệt địch. Khối tượng bên trái Tượng đài là hình tượng 3 chiến sĩ tự vệ Thái Nguyên và bộ đội Cao xạ pháo trong tư thế chiến đấu đánh trả máy bay giặc Mĩ.

Đài Tưởng niệm các anh hùng, liệt sĩ là nơi để nhân dân Thái Nguyên thể hiện đạo lí Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa, ghi công và biết ơn các anh hùng liệt sĩ đã anh dũng hi sinh cho độc lập dân tộc, tự do của Tổ quốc. Trong các dịp Tết cổ truyền, Ngày Quốc khánh, Ngày Thương binh - Liệt sĩ, Ngày động viên tuyển quân..., tỉnh và thành phố Thái Nguyên đều tổ chức Lễ dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ.

ĐẠI NGUYỄN TRỌNG

Nhà giáo Ưu tú, quê huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, nguyên giảng viên Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1962, sau khi tốt nghiệp Trường Trung cấp Nông Lâm Trung ương, ông được phân công làm công tác giảng dạy tại Trường Trung cấp Nông Lâm Việt Bắc cũng vừa mới thành lập. Từ năm 1964 đến năm

1969, theo học tại chức Trường Đại học Thuỷ sản. Năm 1970, Trường Trung cấp Nông Lâm Việt Bắc chuyển lên hệ đại học, có tên là Trường Đại học Kỹ thuật miền núi và đến năm 1973 đổi thành Trường Đại học Nông nghiệp 3 (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên). Vừa làm công tác giảng dạy, nhà giáo Nguyễn Trọng Đại vừa tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Ông đã được trao tặng *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nghề cá Việt Nam, Huy chương Vì thế hệ trẻ.*

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

ĐẠI ĐỒNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình; nằm ở vùng Tây Nam huyện; phía đông giáp xã Đồng Tân, phía nam giáp xã Hoàng Vân (đều thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang ngày nay), phía tây giáp các xã Tiên Phong, Đồng Tiến, Hồng Tiến (đều của huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên ngày nay), phía bắc giáp xã La Đình và xã Nhã Lộng (nay là các xã Xuân Phương, Úc Kì, Điềm Thuỵ của huyện Phú Bình). Diện tích tự nhiên 21,25 km², bao gồm địa bàn các xã Nga My và Hà Châu của huyện Phú Bình ngày nay; dân số (1955) có 5.696 người.

Trong những năm 1952 - 1953, xã Đại Đồng cùng với các xã Nhã Lộng, Bảo Lý được Huyện ủy Phú Bình chọn làm xã thí điểm thực hiện củng cố tổ chức cơ sở đảng để rút kinh nghiệm triển khai ra toàn Đảng bộ huyện. Sau giảm tô (1953), xã Đại Đồng chia thành 2 xã: Nga My và Hà Châu.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân vùng đất Hà Châu lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Pháp.*

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ I

Được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12/8/1947, tại đình An Mỹ (nay là xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ). Tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu, thay mặt cho trên 1.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ - đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 11 Ủy viên, do đồng chí Lê Trung Đình làm Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 3 đồng chí: Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý và Lê Văn Lương.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất là bước kiện toàn quan trọng bộ máy lãnh đạo của Tỉnh uỷ, bảo đảm cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh chuẩn bị đối phó với âm mưu và hành động mới của thực dân Pháp.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ II

Được tổ chức từ ngày 15 đến 23/6/1948, tại xã Yên Mỹ, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên. 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thính, đại diện cho 2849 đảng viên, sinh hoạt tại 145 chi bộ trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Đồng chí Lê Đức Thọ - thay mặt Trung ương Đảng, đại biểu đại diện Khu Ủy Liên khu I, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đánh giá kết quả 10 tháng lãnh đạo của Đảng bộ từ Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ I đến tháng 6/1948; khẳng định những thành tích và chỉ rõ những khuyết điểm cần khắc phục. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá II gồm 9 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết. Ngày 23/6, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá II bầu đồng chí Lê Thanh làm Bí thư, đồng chí Lê Trung Đình làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư Đảng đoàn chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ II "*Tuy sửa soạn gấp rút, nhưng về mặt tổ chức cũng khá chu đáo, đánh dấu một bước tiến của công tác tổ chức các hội nghị lớn...*"

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ III

Được tổ chức vào ngày 2/7/1949. Kiểm điểm công tác trong nhiệm kỳ thứ II, Đai hội khẳng định: Trong nhiệm kỳ vừa qua, nội bộ Tỉnh ủy đoàn kết, năng lực công tác đều, hầu hết các Tỉnh ủy viên đã được huấn luyện, bồi dưỡng, có trách nhiệm cao luôn bám sát cơ sở nắm tình để chỉ đạo công tác. Đại hội đã vạch ra nhiều nội dung, biện pháp để sửa chữa khuyết điểm, đồng thời quyết định đưa dần việc học tập của cán bộ, đảng viên thành quy định thống nhất, chú trọng bồi dưỡng lý luận chính trị, tích cực nâng cao trình độ văn hoá...

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá III gồm 11 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá III đã bầu đồng chí Lê Trung Đình làm Bí thư, đồng chí Vũ Thu làm Phó Bí thư; các đồng chí Lê Hải An, Lê Vũ, Trần Lê Nhân làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ IV

Được tổ chức trong tháng 4/1951. Đại hội thông qua Nghị quyết: "*Tập trung lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Tư lệnh*".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 11 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 5 đồng chí. Đồng chí Hoàng Cừ - Ủy viên Ban Chấp hành Khu Ủy Liên Khu Việt Bắc, được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh. Đồng chí Trần Lê Nhân - Ủy viên Ban Thường vụ, làm Phó Chủ tịch UBKCHC tỉnh.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ V

Được tổ chức từ ngày 1 đến ngày 5/2/1959, tại thị xã Thái Nguyên. Đại hội đã đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt khôi phục, cải tạo kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ thứ 4; bàn nội dung, phương hướng, biện pháp lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tới. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá V gồm 21 Ủy viên chính thức, 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Phan Văn Tỉnh được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ; các đồng chí Lê Dục Tôn, Lê Đức Chỉnh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ VI

Được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 18/3/1961, tại thị xã Thái Nguyên. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI đã đề ra nội dung, phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu cơ bản, những biện pháp lớn phát triển kinh tế, văn hoá trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Đại hội xác định lấy công tác xây dựng Đảng làm nhiệm vụ hàng đầu, công tác củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng, an ninh là những nhiệm vụ quan trọng

có tác dụng quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI gồm 23 Ủy viên chính thức, 6 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 9 Ủy viên; bầu đồng chí Lê Đức Chỉnh làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn, Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ VII

Được tổ chức từ ngày 25/5 đến ngày 2/6/1963, tại thành phố Thái Nguyên. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI trình bày tại Đại hội đã khẳng định những thành tích của Đảng bộ trong 2 năm lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương; đồng thời cũng chỉ rõ những mặt hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VII gồm 31 Ủy viên; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 9 Ủy viên. Đồng chí Lê Đức Chỉnh được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt, Doanh Hằng được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ I

Được tổ chức từ ngày 21/5 đến ngày 3/6/1970, tại thành phố Thái Nguyên. 267 trên tổng số 295 đại biểu chính thức thay mặt cho 30.769 đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Các đồng chí Lê Văn Lương - Bí thư Trung ương Đảng; Chu Văn Tấn và Hoàng Bắc Dũng - Bí thư và Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ trình bày trước Đại hội khẳng định: Trong 5 năn (1965 - 1970), Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo chuyển hướng toàn bộ các hoạt động từ thời bình sang thời chiến, cũng như chuyển hướng mọi hoạt động sang phù hợp với tình hình mới sau khi địch ngừng đánh phá (31/3/1968), triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu thu nhiều kết quả. Bá cáo cũng chỉ rõ những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ.

Nghị quyết Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong những năm tới là: Tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, tận dụng và phát huy tốt khả năng thuận lợi sẵn có, khắc phục mọi khó khăn, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, hăng

hái tham gia xây dựng phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm để phát triển kinh tế toàn diện hơn, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá I gồm 23 Ủy viên chính thức và 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá I đã bầu Ban Thường vụ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Doanh Hằng, Nguyễn Việt Vinh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ II

** VÒNG I (11 - 18/11/1976)*

Được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 18/11/1976, tại thành phố Thái Nguyên. 500 đại biểu chính thức, 23 đại biểu dự khuyết đại diện cho gần 4 vạn đảng viên trong Đảng bộ đã về dự. Đồng chí Xuân Thuỷ - Bí thư Trung ương Đảng, tới dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã thảo luận và tham gia nhiều ý kiến vào Báo cáo Chính trị và bản Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Ban Chấp hành Trung ương dự kiến trình trong Đại hội IV của Đảng. Đại hội bầu 21 đại biểu đi dự Đại hội Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

** VÒNG II (16 - 24/4/1977)*

Được tổ chức từ ngày 16 đến 24/4/1977 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội đánh giá những thành tích, ưu điểm và hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (1970); đồng thời thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá II gồm 35 Ủy viên chính thức, 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá II đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư, đồng chí Doanh Hằng làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Duy An là Ủy viên Thường trực Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ III

Được tổ chức từ ngày 30/6 đến ngày 5/7/1980. Trên cơ sở đánh giá đúng ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ thứ II, xuất phát từ đặc điểm tình hình của địa phương và yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đã quyết định nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1980 - 1982). Trong đó, nhiệm vụ cụ thể và giải pháp chủ

yếu cho phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp của tỉnh là: Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp; phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển lương thực, thực phẩm ổn định đời sống nhân dân, làm cơ sở cho phát triển các loại cây công nghiệp, nghề rừng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá III gồm 41 Ủy viên chính thức, 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ có 11 đồng chí. Đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Doanh Hằng làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ IV

** VÒNG I (6 - 12/1/1982)*

Được tổ chức từ ngày 6 đến ngày 12/1/1982, tại thành phố Thái Nguyên, với sự tham gia của 381 đại biểu chính thức, 15 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến vào các văn kiện dự thảo của Trung ương và bầu 22 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

** VÒNG II (2010 - 25/2/1983)*

Được tổ chức từ ngày 21 - 25/2/1983, tại thành phố Thái Nguyên. 365 đại biểu thay mặt cho hơn 41.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 3 năm (1983 - 1985) với 4 nội dung chủ yếu:

1. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật tập trung, có trọng điểm, đầu tư theo chiều sâu để tăng nhanh năng lực sản xuất, hiệu quả kinh tế.

3. Tăng cường củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

4. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đập tan âm mưu phá hoại nhiều mặt của địch, ngăn chặn, đẩy lùi, loại trừ hiện tượng tiêu cực trong quản lí kinh tế, quản lí xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IV với 41 Ủy viên chính thức, 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 11 đồng chí. Đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Thường trực. (Tại ĐH này đồng chí Doanh Hằng không tham gia BCH Đảng bộ, nhưng đồng chí vẫn giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đến tháng 9/1983, khi đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy và giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Doanh Hằng nghỉ hưu)

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ V

Được tổ chức từ ngày 21 đến 25/10/1986, tại thành phố Thái Nguyên. 350 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 42.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự Đai hội. Đồng chí Lê Quang Đạo - Bí thư Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần: Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, Đại hội khẳng định những thành tựu đã đạt được đồng thời cũng chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém trên từng lĩnh vực công tác của Đảng bộ; đề ra mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ trong 5 năm 1986 - 1990.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh với 58 Ủy viên, trong đó số mới tham gia là 38 đồng chí, tuổi đời bình quân là 44,2. Tỉ lệ nữ trong Ban Chấp hành là 13,7%, tăng 7,1%; số có trình độ đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 7,6% so với khoá trước.

Ngày 25/10, Ban Chấp hành đã họp phiên thứ nhất để bầu ra Ban Thường vụ gồm 13 Ủy viên. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Ngô Hai, Đặng Quốc Tiến được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ VI

** VÒNG I (25 - 27/ 4 /1991)*

Được tổ chức từ ngày 25 đến 27/4/1991 tại thành phố Thái Nguyên. 321 đại biểu thay mặt cho hơn 5 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ tham

dự Đại hội. Với tinh thần trách nhiệm cao, trong 3 ngày làm việc, Đại hội đã thảo luận, đóng góp hơn 1.000 ý kiến vào 5 văn kiện chuẩn bị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và bầu 23 đại biểu chính thức, 2 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

** VÒNG II (26 - 29/9/1991)*

Được tổ chức từ ngày 26 đến 29/9/1991 tại thành phố Thái Nguyên. Đồng chí Nguyễn Khánh - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Trần Lum - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp cùng nhiều cán bộ đại diện các bộ ngành Trung ương về dự Đại hội. Đại hội thảo luận, thông qua Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá V; quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm 1991 - 1995. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI gồm 45 Ủy viên. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư; các đồng chí Đặng Quốc Tiến, Mai Phúc Toàn được bầu làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI LẦN THỨ VII

Được tổ chức vào ngày 5/5/1996, tại thành phố Thái Nguyên. 321 đại biểu thay mặt cho hơn 5 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự. Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện nhị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, đồng thời phân tích nghiêm túc chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm trong nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1996 - 2000 với 8 chỉ tiêu chính. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VII gồm 47 Ủy viên; bầu 18 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư; các đồng chí Đặng Quốc Tiến, Mai Phúc Toàn làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ XV

Được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 14/11/1997 tại thành phố Thái Nguyên. Tham dự Đại hội có 250 đại biểu thay mặt cho gần 45.000 đảng viên sinh hoạt tại 19 đảng bộ trực thuộc.

Trên cơ sở đánh giá đúng những ưu, khuyết điểm, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000 và nhất trí thông qua phương hướng nhiệm vụ kinh tế, xã hội giai đoạn 1997 - 2000 với 7 chỉ tiêu cụ thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 47 Ủy viên (trong đó có 4 Ủy viên nữ, 11 Ủy viên là dân tộc ít người, 44 đồng chí có trình độ chyên môn từ cao đẳng trở lên). Đồng chí Nguyễn Ngô Hai tiếp tục được bầu làm Bí thư, các đồng chí Chu Văn Cường, Mai Phúc Toàn được bầu làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ XVI

Được tổ chức từ ngày 3 đến ngày 5/1/2001 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 47 Ủy viên. Đồng chí Hồ Đức Việt được bầu làm Bí thư; các đồng chí Hứa Đức Nhị, Lương Đức Tính làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Trong nhiệm kỳ này: Tháng 9/2002, đồng chí Hồ Đức Việt được Trung ương điều động công tác khác và đồng chí Lương Đức Tính được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Tháng 3/2003, đồng chí Nguyễn Bắc Son được Trung ương điều động về làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ. Tháng 12/2003, đồng chí Nguyễn Thành Kính được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ XVII

Được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 17/12/2005 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 49 Ủy viên. Đồng chí Nguyễn Bắc Son được bầu làm Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Văn Vượng, Nguyễn Văn Kim làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Trong nhiệm kỳ này: Năm 2007, đồng chí Nguyễn Bắc Son được Trung ương điều động công tác khác và đồng chí Nguyễn Văn Vượng được bầu làm Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Văn Kim, Phạm Xuân Đương làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ XVIII

Được tổ chức từ ngày 21 đến ngày 23/10/2010 tại Trung tâm Văn hoá hội nghị tỉnh Thái Nguyên. 348 đại biểu thay mặt gần 70.000 đảng viên về dự, đồng chí Nông Đức Mạnh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung

ương Đảng dự và chỉ đạo Đại hội. Cùng với việc thảo luận Báo cáo chính trị của Đại hội, quyết định các mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đại hội đã bầu 55 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, bầu 19 đại biểu chính thức 1 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Đồng chí Phạm Xuân Đương được bầu làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Văn Kim, Dương Ngọc Long được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

ĐẠI HỘI GIỮA NHIỆM KÌ ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA VI

Được tổ chức từ ngày 30/3/1994. Tham dự Đại hội có 228 đại biểu. Đồng chí Vũ Oanh - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đánh giá kết quả công tác nửa nhiệm kỳ, khẳng định những thành tích và ưu điểm, chỉ rõ những yếu kém cần khắc phục và bầu bổ sung 4 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

ĐẠI LỄ

Chùa, được xây dựng khoảng năm 1706 trên một quả đồi khá rộng và bằng phẳng ở xóm Đồng Áng, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Chùa Đại Lễ đã nhiều lần được tu sửa, tôn tạo; gần đây nhất là năm 1989. Chùa gồm 3 gian, 2 chái, dài 8,3 m, rộng 7,5 m. Ngoài cửa chùa có 2 cột đồng trụ nổi đuôi phượng, đắp mặt hổ phù. Tiền đường và hậu cung có bộ vì kèo kết cấu theo lối chồng giường, quá giang; mái lợp ngói; tường bao quanh bằng gạch. Bệ thờ được xây dựng theo cung bậc, bố trí từ thấp đến cao. Chùa thờ Phật và Vua Quang Trung. Chùa Đại Lễ còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý như: 1 cây hương đá dựng năm 1706 thời Hậu Lê, 18 pho tượng Phật (3 pho tượng Tam thế bằng gỗ, còn lại bằng đất), 1 chuông bằng gang có khắc chữ *Đại Lễ tự chuông* (chuông chùa Đại Lễ) và *Thiệu Trị nhị niên* (Thiệu Trị năm thứ hai), 1 bia đá cổ ghi *Hậu thần bi ký* niên đại Khải Định năm thứ 9 (1924), ghi lại việc công đức của nhân dân trong làng. Lễ hội được tổ chức tại chùa Đại Lễ vào ngày 11/1 hằng năm.

Chùa Đại Lễ được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2466/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐẠI LỄ

Đình, được dựng khoảng năm 1706 trên một quả đồi khá rộng và bằng phẳng thuộc xóm Đồng Áng, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình; là nơi thờ thành hoàng làng Cao sơn, Quý Minh và Tam Tư.

Đình Đại Lễ đã nhiều lần được tu sửa, tôn tạo, lần gần đây nhất vào năm 1989. Hiện vật cổ lưu giữ tại đình gồm 1 cây hương đá; 4 bát hương (2 bát hương bằng đá có niên đại đầu thời Nguyễn), 1 bia đá cổ.

Đình Đại Lễ được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2466/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐẠI PHÙNG

Bến cảng, nằm trên địa phận xã Đông Cao, huyện Phổ Yên; hình thành từ thế kỷ XVIII. Đây là nơi lòng sông Cầu rộng, nước sâu, thuyền bè xuôi ngược dễ dàng, hàng hoá giao lưu tấp nập...

Tại bến cảng này, trên bờ có Chợ Chè (Trà Thị) mỗi tháng họp 6 phiên vào các ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30 Âm lịch. Theo phiên chợ, các thuyền lớn (thuyền buồm) từ Bắc Ninh, Phả Lại ngược dòng sông Cầu, đem theo các hàng như: Vôi sống, đồ gốm, chum vại, muối mắm, gạo đỗ, vải vóc tơ lụa... để bán. Sau vài ba ngày vừa bán hàng, vừa mua gom các hàng hoá, vật phẩm của địa phương, như cam quýt Thượng Đình, bưởi Nga My, trám hồng Tiên Thù, trầu không của các làng Đông Hạ, Trà Thị, Vân Trai, Hương Thịnh, tơ tằm Phú Cốc... Đặc biệt, các loại chè từ Đại Từ, Tân Cương, Phúc Thuận chuyển về, được xếp thành kho, đem ra chợ bán.

ĐẠI TỪ

Ban Quản lí chợ - Bến xe khách, được thành lập theo Quyết định số 4871/QĐ-UB ngày 25/12/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ; trụ sở đặt tại Phố Chợ II, thị trấn Hùng Sơn huyện Đại Từ. Với 22 tuyến vận tải hành khách tới thành phố Thái Nguyên và 9 tỉnh (Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình), Ban Quản lí chợ - Bến xe khách Đại Từ quản lí tích cực hoạt động trong công tác vận chuyển hàng hoá, đi lại, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

ĐẠI TỪ

Chiến sự ngày 5/12/1947.

Ngày 5/12/1947, một toán quân Pháp càn từ Hùng Sơn vào Khôi Kỳ. Đến gần đình Khôi Kỳ, chúng bị bộ đội ta nổ súng tấn công, diệt 25 tên; 1 Tiểu đội trưởng của ta bị thương. Quân địch càn qua Bình Khang hội quân với toán quân từ Cát Nê đến.

Điểm gặp nhau của 2 toán quân địch lại đúng vào trận địa phục kích của bộ đội ta, 25 tên bị tiêu diệt. Cùng thời gian này, Đại đội 10, Trung đoàn 350, bắn đạn Moócchiê vào quân Pháp ở sân tập (sân vận động ngày nay), diệt 10 tên.

Ngày 5/12 là ngày chiến thắng giòn giã nhất của bộ đội ta trên mặt trận Đại Từ, tiêu diệt 60 tên địch, nhiều tên khác bị thương. Quân Pháp phải đưa 6 máy bay, trong đó có 4 máy bay vận tải Đakôta đáp xuống sân bay dã chiến ở Hùng Sơn để chở binh lính chết và bị thương về Hà Nội.

ĐẠI TỪ

Huyện miền núi nằm ở khu vực phía Tây - Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên; phía bắc giáp huyện Định Hoá, phía nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía đông giáp huyện Phú Lương, phía tây giáp 2 tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc. Tên huyện Đại Từ được biết đến từ thời nhà Trần. Sách *Thiên hạ lợi mệnh toàn thư* chép: Năm Vĩnh lạc thứ 17, dồn huyện Phú Lương, Đại Từ vào huyện Tuyên Hoá.

Thời Lê (1428 - 1789), huyện Đại Từ thuộc phủ, thừa tuyên rồi xứ Thái Nguyên. Từ thời nhà Tây Sơn đến đầu nhà Nguyễn, 2 huyện Đại Từ, Văn Lãng thuộc phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên, sau là tỉnh Thái Nguyên. Năm 1835, nhà Nguyễn cắt 2 huyện Đại Từ, Văn Lãng cùng huyện Phú Lương và Châu Định (Định Hoá) khỏi phủ Phú Bình để lập phủ Tòng Hoá. Huyện Đại Từ có 7 tổng gồm 27 xã, thôn, trang, phường; huyện Văn Lãng có 7 tổng gồm 12 xã, trang. Năm 1922, thực dân Pháp sáp nhập huyện Văn Lãng vào huyện Đại Từ, dồn ghép một số tổng, xã, trang lại. Khi đó, huyện Đại Từ có 9 tổng 38 xã.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đơn vị hành chính cấp tổng được bãi bỏ, đơn vị hành chính dưới huyện là xã, dưới xã là làng, xóm. Các xã, làng, xóm của huyện Đại Từ có nhiều thay đổi do việc phân chia

địa giới và đặt tên mới cho phù hợp. Ngày 27/10/1967, thành lập thị trấn Quân Chu. Ngày 1/10/1983, khi công trình thuỷ lợi Núi Cốc hoàn thành, một phần đất xã Phúc Thọ ngập trong lòng hồ, phần đất còn lại sáp nhập về xã Phúc Tân thuộc huyện Phổ Yên (nay thuộc thị xã Sông Công). Năm 2002, xã Phục Linh được tách thành 2 xã Phục Linh và Tân Linh. Từ đây, huyện Đại Từ có 29 xã và 2 thị trấn là: Thị trấn Đại Từ, thị trấn Quân Chu, các xã An Khánh, Bản Ngoại, Bình Thuận, Cát Nê, Cù Vân, Đức Lương, Hà Thượng, Hoàng Nông, Hùng Sơn, Khôi Kỳ, Ký Phú, La Bằng, Lục Ba, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Phúc Lương, Tiên Hội, Quân Chu, Tân Linh, Tân Thái, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng.

Tính đến năm 2010, diện tích tự nhiên toàn huyện là 574,157 km², được bao bọc bởi dãy núi Tam Đảo ở phía tây, dãy núi Hồng ở phía bắc, núi Chúa, núi Pháo ở phía đông, đông - nam. Đại Từ có nhiều sông suối nhỏ. Sông lớn nhất là sông Công, bắt nguồn từ Định Hoá, chảy qua Đại Từ về thành phố Thái Nguyên, xuống thị xã Sông Công, huyện Phổ Yên, nhập với sông Cầu tại ngã ba Vát.

Hiện nay, huyện Đại Từ có 13 thành phần dân tộc sinh sống: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mông, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Giáy, Khơ Me; trong đó 6 thành phần dân tộc có số dân trên 1.000 người là Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay và Sán Dìu. Dân số từ 11.641 người (năm 1933), tăng lên 28.400 người (năm 1948), 79.382 người (năm 1970) và đến năm 2009 là 159.967 người. Đất đai, khí hậu Đại Từ rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Ngoài phát triển lương thực, thực phẩm, chè búp khô của Đại Từ trở thành đặc sản được đông đảo nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế ưa chuộng.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ có truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã có những đóng góp xứng đáng. Thế kỷ XV, dưới sự chỉ huy của Lê Lợi, con em nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ, tiêu biểu là cha con Lưu Nhân Chú, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống giặc Minh. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhân dân Đại Từ liên tiếp đứng lên theo Cai Bát, nghĩa quân

Hoàng Hoa Thám, rồi nghĩa quân của Đội Cấn đánh đuổi giặc Pháp. Cuối năm 1936, cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Thái Nguyên được xây dựng ở xã La Bằng. Từ "đốm lửa" đầu tiên này, phong trào cách mạng lan ra nhiều huyện trong tỉnh, từng bước động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đại Từ nằm trong ATK Trung ương - nơi đứng chân của nhiều cơ quan, đoàn thể Trung ương, nhiều đơn vị quân đội. Từ đầu tháng 8 đến giữa tháng 10/1954, vùng Bản Ngoại, Tiên Hội, La Bằng (Đại Từ) là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương ở làm công tác chuẩn bị về tiếp quản thủ đô Hà Nội. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, bảo vệ biên giới phía Bắc, nhân dân Đại Từ đóng góp nhiều nhân, tài, vật lực cùng nhân dân cả nước giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Thành tích của nhân dân Đại Từ được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Nhân dân và lực lượng vũ trang huyện cùng một số xã được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới*; 30 bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*, đồng chí Trương Văn Nho được phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động* cùng hàng ngàn người được trao tặng huân, huy chương và những phần thưởng cao quý khác.

ĐẠI TỪ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), huyện Đại Từ thuộc địa bàn Căn cứ địa Việt Bắc, trong đó một số xã phía Bắc huyện được chọn làm An toàn khu (ATK) Trung ương.

Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã có những đóng góp xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến: 323 người con lên đường nhập ngũ tham gia chiến đấu trên các chiến trường; góp phần cùng với quân và dân Việt Bắc đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc trong Thu - Đông năm 1947, bảo vệ an toàn các

cơ quan đầu não kháng chiến; đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng hậu phương, chi viện chiến trường; đi dân công phục vụ tiền tuyến...

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ cùng một số xã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

ĐẠI TỪ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 465/KT-CTN, ngày 12/12/2000 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì đổi mới (1989 - 2000).*

ĐẠI TỪ

Nhà thờ xứ, còn gọi là nhà thờ Yên Huy, được dựng năm 1941 tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Giáo xứ Yên Huy thành lập năm 1920 gồm 30 gia đình với 128 nhân khẩu. Năm 1941, giáo họ dựng một nhà nguyện nhỏ cột gỗ, mái lợp tranh nứa, một trường học dùng làm nơi đọc kinh, tổ chức thánh lễ và nơi học tập cho con em giáo dân.

Năm 1947, các công trình trong khuôn viên nhà xứ bị phá huỷ theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Năm 1952, một nhà nguyện nhỏ được dựng lại trên nền kho thóc cũ làm nơi hành lễ. Ngày 23/4/2006, nhà thờ Yên Huy được khởi công xây dựng lại, đến ngày 23/1/2010, làm lễ cắt băng khánh thành đưa vào sử dụng. Ngôi thánh đường có chiều dài 46m, rộng 14m, cao 15m; 2 tháp chuông cao 36,5m. Nhà thờ xứ đạo Đại Từ là nơi sinh hoạt thường nhật của giáo dân các họ đạo lân cận; là nơi sinh hoạt của giáo dân toàn xứ trong những ngày lễ quan trọng.

ĐẠI TỪ

Thị trấn huyện lị, được thành lập tháng 8/1958; phía tây bắc giáp 2 xã Tiên Hội và Khôi Kỳ, phía đông giáp xã Hùng Sơn, phía nam giáp xã Bình Thuận. Diện tích tự nhiên là 0,9742 km². Dân số (năm 2009) có 4.019 người (1.983 nam, 2.057 nữ), thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay, Dao, Giáy, Mường, Hoa, Ngái, Thái sinh

sống trong 8 tổ dân phố: Chợ 1, Chợ 2, Sơn Tập 1, Sơn Tập 2, Sơn Tập 3, Mới, Đình, Cầu Thông.

Thị trấn Đại Từ là nơi đóng trụ sở các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội, các ngành của huyện. Cư dân của thị trấn một phần là công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể..., một phần buôn bán trong chợ huyện và dọc theo các tuyến phố, một phần làm nông nghiệp trồng cấy lương thực, thực phẩm, hoa và cây cảnh. Trên địa bàn thị trấn có trường mầm nom, tiểu học, trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông huyện Đại Từ. Hùng Sơn có điểm di tích Thành cổ Đại Từ tại xóm Trung Hoà, Gò Son nơi đóng đồn binh của thực dân Pháp gắn với tên tuổi của Cai Bát và cuộc khởi nghĩa của binh lính đồn Hùng Sơn những năm 1892 - 1896. Chợ Đại Từ nằm ở trung tâm thị trấn, họp cả 7 ngày trên tuần, tuy nhiên những ngày chợ phiên số người đến chợ mua bán thường đông vui hơn.

ĐÀM LỞ

Cầu, trên tuyến Quốc lộ 37, được xây dựng năm 2010, bắc qua suối Ngòi thuộc địa phận huyện Phú Bình. Cầu dài 11,6 m, rộng 7,6 m, chiều dài kết cấu nhịp 6 m; tải trọng 30 tấn.

ĐAN HÀ

Đình, được dựng khoảng cuối thế kỷ XVIII tại trung tâm làng Đan Hà, xưa thuộc tổng Thượng Vụ, nay thuộc xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Đình làm bằng cột gỗ, lợp ngói mũi, có 3 gian đốc đứng; là nơi thờ các vị thành hoàng làng là: Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương, Tam Ti quá giang... là những người có công giúp các vua Hùng đánh giặc, giữ nước.

Đình Đan Hà đã sửa chữa nhiều lần. Đình đã bị phá dỡ theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến (1947). Sau hoà bình lập lại trên miền Bắc (1954), đình được xây dựng lại. Năm 1980, nhân dân Đan Hà lại xây dựng đình mới trên quả đồi thấp, gần chợ Long Thành, trung tâm của xã Thành Công. Đình có 3 gian 2 chái, lợp ngói mũi, tường xây gạch. Hiện còn giữ được 11 bản sắc phong của các triều đại phong kiến và 1 bản thần tích thờ các vị Đại vương.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đình Đan Hà là nơi tập kết bộ đội, tập kết vũ khí, lương thực trước khi chuyển ra mặt trận; là nơi trú quân của bộ đội ta trước khi sang đánh giặc ở mặt trận Vĩnh Yên, Phúc Yên trong Chiến dịch Trung Du (Trần Hưng Đạo) tháng 12/1950 - 1/1951.

ĐAN HÀ

Đền, dựng từ xa xưa ở trung tâm làng Đan Hà, tổng Thượng Vụ, huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên; nay là xã Thành Công, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đền được trùng tu, tôn tạo lại nhiều lần. Thờ 3 vị đại vương thần là Cao Sơn, Quý Minh và Tam Tư Quá Giang là những thuộc tướng có nhiều công lao của vua Hùng. Đình còn giữ được bản thần tích (bản sao) viết về con người, sự nghiệp của 3 vị đại vương thần này, do Hàn lâm viện Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và Quân Giám bách thần tri điện Hùng lĩnh Thiếu Khanh Nguyễn Hiền sao chép lại năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736).

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2773/QĐ-UB, ngày 12/11/2004).

ĐÁN

Chùa, nơi tập kết Chi đội Việt Nam Giải phóng quân, làm công tác chuẩn bị giải phóng tỉnh lị Thái Nguyên. Tại đây, ngày 19/8/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng và Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc cùng đồng chí Trần Đăng Ninh và cán bộ chỉ huy bàn và thông qua kế hoạch tác chiến đánh Nhật trong tỉnh lị Thái Nguyên.

Tối 19/8/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã triệu tập cuộc họp, gồm những cán bộ của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ hoạt động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để thành lập Ban Tỉnh ủy lâm thời gồm 5 đồng chí, do đồng chí Ngô Nhị Quý làm Bí thư. 24 giờ cùng ngày, dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chi đội Quân Giải phóng xuất phát từ chùa Đán tiến vào tỉnh lị Thái Nguyên, cùng quân dân trong tỉnh lị bao vây quân Nhật, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

ĐÁN ĐENG

Mỏ chì kẽm, nằm trên địa bàn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 6 ha, trữ lượng 24.418 tấn quặng, công suất thiết kế 5.000 tấn/năm. Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 5 năm theo Giấy phép số 681/GP-UBND, ngày 29/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐÀO

Sông, còn có tên gọi là kênh Bích Động, hay sông Máng. Sông Đào được khởi công xây dựng năm 1922 và hoàn thành năm 1929, cung cấp nước tưới cho hơn 20.000 ha ruộng đất của huyện Phú Bình (Thái Nguyên) và 3 huyện Hiệp Hoà, Tân Yên, Việt Yên (Bắc Giang). Đoạn sông Đào chảy qua huyện Phú Bình có chiều dài 33 km, bắt đầu từ xã Đồng Liên, chảy qua địa phận các xã Đào Xá, Bảo Lí, Xuân Phương, thị trấn Hương Sơn, vùng giáp ranh giữa hai xã Lương Phú, Tân Hoà, qua xã Tân Đức, xuống huyện Tân Yên (tỉnh Bắc Giang).

ĐÀO DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1924, quê xã Thượng Đình, huyện Phú Bình. Mẹ Dương Thị Đào có 2 con liệt sĩ là: Ngô Đức Thuận (nhập ngũ năm 1962, hi sinh tại Mặt trận phía Nam); Ngô Xuân Hoà (nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, mẹ Dương Thị Đào được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

ĐÀO NGUYỄN VĂN

Nhà giáo Nhân dân, quê huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, nguyên Hiệu trưởng Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc.

Năm 1962, sau khi tốt nghiệp Trường Trung cấp Sư phạm Hà Nam, ông tình nguyện đi công tác miền núi, được điều về huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên, khi dạy trường cấp II, khi dạy trường bổ túc, khi dạy trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa... Năm 1969, ông được điều về Ty Giáo dục tỉnh; sau đó được cử đi học đại học ở Liên Xô (1973). 5 năm sau, trở về làm cán bộ giảng dạy bộ môn Tâm lí của Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái

Nguyên). Đến năm 1986, được cử đi làm thực tập sinh 3 tháng để tìm hiểu, nghiên cứu về các trường nội trú và học sinh bị thiểu năng ở thành phố Kiép (Liên Xô cũ). Sau khi trở về nước, ông được Bộ điều về làm Hiệu trưởng Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc.

Do tìm ra được chủ trương và biện pháp đúng đắn, ông cùng ban lãnh đạo Nhà trường đã xoay chuyển được tình thế. Từ chỗ không có giáo viên dạy giỏi, Trường đã có 60% giáo viên giỏi; trong đó có 30% là giáo viên giỏi cấp tỉnh. Lực lượng giáo viên người dân tộc từ chỗ chỉ có 10%, tăng lên 30%. Tình trạng học sinh bỏ học đã được khắc phục...

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* từ năm 1994 và đến năm 2002, được phong tặng *Nhà giáo Nhân dân*.

ĐÀO VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1912, dân tộc Kinh, quê xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên. Mẹ Vũ Thị Đào có con độc nhất là liệt sĩ Trần Quốc Thái (nhập ngũ tháng 9/1972, hi sinh ngày 30/6/1974 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Vũ Thị Đào danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

ĐÀO XÁ

Xã trung du, miền núi nằm ở khu vực phía Bắc huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Bàn Đạt và Đồng Liên, phía đông giáp xã Tân Khánh, phía tây giáp xã Lương Sơn (thành phố Thái Nguyên), phía nam giáp xã Bảo Lí, Thượng Đình.

Đào Xá là trung tâm của các xã khu vực phía Bắc huyện Phú Bình, là đầu mối tiêu thụ hàng hoá nông sản của các xã với thành phố Thái Nguyên. Có hai con sông lớn là sông Cầu và sông Đào chạy dọc từ bắc tới nam mang nguồn nước phục vụ cho việc tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp. Diện tích toàn xã 961.50ha. Dân số (năm 2009) 5.350 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, cư trú ở 7 xóm: Xóm Chám, xóm Dẫy, xóm Tân Sơn, xóm La Lí, xóm Xuân Đào, xóm Đoàn Kết, xóm Phú Minh. Nguồn sống chính của người dân xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Xã Đào Xá có di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng cấp Tỉnh: Đình - chùa Lũ Yên, Kè Lũ Yên - địa điểm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh đến kiểm tra công tác chống hạn ngày 2/3/1958.

ĐÁT NGAO

Nơi ở và làm việc của Cơ quan Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam (một khoảng thời gian trong những năm 1947 - 1948), của Bộ Chỉ huy Chiến dịch Trung Du (12/1950 - 1/1951). Vị trí di tích nằm ở xóm Hoà Bình, xã Quân Chu, huyện Đại Từ.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (2006).

ĐẠT BÙI THẾ

Lưu thủ Thái Nguyên (1740 - 1745), quê ở làng Tiên Lý, huyện Đông Thành (nay là huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An), là dòng dõi quan võ.

Năm Cảnh Hưng thứ nhất đời vua Lê Hiển Tông (1740), Bùi Thế Đạt được bổ làm Lưu thủ trấn Thái Nguyên, được ban phong tước Đoan Nghiêm hầu, sau được kiêm chức Thống lĩnh trấn Sơn Tây.

Theo các tài liệu chính sử, Bùi Thế Đạt giữ chức Lưu thủ Thái Nguyên từ năm 1740 đến năm 1745. Vào nửa đầu thế kỷ XVIII, các cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại ách áp bức của triều đình nhà Lê - Trịnh diễn ra liên tục, mạnh mẽ. Ông luôn được triều đình bổ làm tướng chỉ huy đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa. Bùi Thế Đạt mất lúc 75 tuổi, được truy tặng chức Đại tư đồ và được phong phúc thần. Phan Huy Chú, trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, đã xếp ông là tướng có tiếng và tài giỏi.

ĐẠT NGUYỄN THẾ

Phó Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Nguyễn Văn Thuộc; bí danh: Công), sinh năm 1926, dân tộc Kinh; quê xã Kha Sơn, huyện Phú Bình; tham gia cách mạng tháng 1/1944, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12/1944; Phó Bí thư Tỉnh ủy (1965 - 1970), Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (1980 - 1986). Từ trần năm 2005 tại xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhì.*

ĐẮC HIỀN

Trường Tiểu học bán cấp (còn gọi là Trường Sơ đẳng Tiểu học), được xây dựng khoảng năm 1933 tại làng Đắc Hiền, tổng Hoàng Đàm, huyện Phổ Yên nhằm đào tạo tay sai phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Nhà trường chỉ có 1, 2 giáo viên, có khi chỉ có 1 giáo viên dạy 2 lớp ghép, ở cùng 1 địa điểm, thường đặt tại đình hoặc chùa của làng. Bàn ghế sơ sài do địa phương lo liệu, có khi học sinh phải rải chiếu ra để ngồi học. Chương trình học rất ít thay đổi (gần như cố định nhiều năm), chỉ thầy giáo có quyển sách giáo khoa, học sinh chỉ ngồi nghe hoặc chép bài do thầy đọc. Nội dung học là các môn Lịch sử, Địa dư, Luân lí, Cửu chương và Toán (cộng, trừ, nhân, chia), tập viết, chính tả... thỉnh thoảng xen kẽ một vài bài tiếng Pháp...

ĐẮC SƠN

Xã, thuộc huyện Phổ Yên, được thành lập trong thời kỳ giảm tô (từ cuối năm 1953, đến đầu năm 1954); địa bàn gồm các làng Đắc Hiền và Sơn Cốt của xã Đồng Tiến (Đồng Tiến là xã thành lập đầu năm 1946 trên cơ sở sáp nhập các làng Hoàng Đàm, Thông Hạc, Cốt Ngạnh, Thanh Thù, Đại Hữu, Sơn Cốt, Đắc Hiền của tổng Hoàng Đàm, thuộc huyện Phổ Yên).

Sau khi thành lập, địa danh và địa giới xã Đắc Sơn luôn ổn định. Về địa giới hành chính, phía bắc giáp phường Phố Cò (thị xã Sông Công), phía đông giáp xã Đồng Tiến và thị trấn Ba Hàng, phía tây giáp 2 xã Minh Đức và Vạn Phái, phía nam giáp xã Nam Tiến (đều thuộc huyện Phổ Yên).

Xã có diện tích tự nhiên 14,43 km² (gồm 12,09 km² đất nông nghiệp, 2,31 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng). Dân số (năm 2009) có 8.895 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Sán Chay, Thái, Mường, Khơ Me cư trú ở 23 xóm: Đầm 1, Đầm 2, Chùa 1, Chùa 2, Chùa 3, Đài 1, Đài 2, Ruộng, Ba Xã, Đấp 1, Đấp 2, Đấp 3, Chiềng, Tuần, Dương, Bến 1, Bến 2, Hưng Thịnh 1, Hưng Thịnh 2, Nga Sơn, Tân Lập, Cây Xanh, Thống Hạ.

ĐĂNG MÒ

Cầu, được xây dựng năm 1973 tại trí Km 32+872 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá.

Kết cấu cầu bằng bê tông cốt thép nhịp dầm đơn, sơ đồ bố trí nhịp 7; kết cấu mố, trụ móng xây đá. Cầu có chiều dài 10,8 m, chiều rộng 4m; tải trọng H13 - X 60. Tải trọng khai thác biển báo 16 tấn.

ĐẶNG HOÀNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1916, quê xóm Nha Làng, xã Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Hoàng Thị Đằng có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Bá Ngọc (nhập ngũ năm 1968, hi sinh tháng 3/1970 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng mẹ Hoàng Thị Đằng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

ĐẶNG NGUYỄN THẾ

Nhà giáo Ưu tú, GS.TS, quê xã Ôn Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Trưởng phòng Hành chính - Tài vụ Trường Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên.

Sau khi tốt nghiệp ngành Trồng trọt (1978), ông được giữ lại làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp III Bắc Thái (nay là Trường Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên). Năm 1990, ông bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Nông học tại Đại học Tổng hợp Halle, Đức.

Nhà giáo Nguyễn Thế Đặng đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng bộ môn, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Hành chính - Tài vụ. Ông được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

ĐẦM

Chùa, ở xóm Đầm, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình. Chùa ở xa khu dân cư, cách trung tâm xã khoảng 3 km

Chùa Đầm có quy mô không lớn, gồm 3 gian dài 16 m, rộng 6 m. Kiến trúc chùa đơn giản, vì kèo bằng gỗ, mái lợp ngói mũi. Chùa có 10 cột đá ghi họ tên những người công đức xây dựng, tu tạo chùa vào những năm 1972 - 1975.

Đây là ngôi chùa độc đáo, trong chùa không có tượng Phật; trên các bệ thờ chỉ có tranh vẽ biểu tượng Phật với bút pháp khoáng đạt, giản dị và mộc mạc.

ĐẦM CHIẾU

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Đầm Chiếu thuộc địa phận xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, trong đó hệ thống kênh chính đã được xây dựng kiên cố 1.000 m. Công trình phục vụ nước tưới cho 205 ha diện tích đất canh tác (3 vụ lúa và hoa màu) của 4 xóm thuộc xã Phú Thịnh.

ĐẦM CHIẾU

Hồ nhân tạo, được xây dựng năm 1976 tại xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ, do Trạm Khai thác thuỷ lợi huyện Đại Từ quản lí, vận hành.

Hồ Đầm Chiếu có đập chính dài 60 m, cao 10 m, mặt đập rộng 4 m; cao trình mặt nước dâng bình thường 42,4 m, cao trình mặt nước chết 35,5 m; diện tích lưu vực 1,2 km², diện tích mặt nước 6,5 ha (phía đông giáp xã Bản Ngoại, phía tây giáp xã Phú Cường, phía nam giáp xã Phú Xuyên, phía bắc giáp xã Phú Lạc), dung tích chứa 220.000 m³. Công trình phục vụ nước tưới cho 205 ha diện tích đất canh tác (3 vụ lúa và hoa màu) của 4 xóm, thuộc xã Phú Thịnh.

ĐẦM PHỦ

Cầu, được xây dựng năm 1987 tại Km 151+351 - Quốc lộ 37, thuộc địa phận xóm 2 xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2006, cầu được sửa chữa, thay mới dầm bản, có chiều dài 4 m, rộng 8,5 m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 8 m, kết cấu nhịp 6,58 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân ĐX; tải trọng thiết kế H13 - X60, tải trọng hiện tại 17 tấn.

ĐẦM SƠN

Đền, được dựng từ lâu đời trên đỉnh núi Đầm Sơn thuộc xóm Cổ Lũng (trước 1945 gọi là làng Cả), xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Năm 1951, cánh rừng trên đỉnh núi Đầm Sơn bị cháy nên ngôi đền cũng bị hư hại nhiều; nhân dân làng Cả dựng lại đền bằng chất liệu tre, nứa, lá gồi. Năm 1990, đền được xây dựng lại bằng gạch, kèo tre, mái ngói trên nền đền cũ nhưng mở rộng thành 3 gian đứng, diện tích 12 m². Đền Đầm Sơn có hậu cung trong đặt bệ thờ tam cấp, hai bên bệ thờ đặt đôi câu đối: *Lý triều ngọc nữ thành công đại/Cổ Lũng hương thơm*

ngưỡng đức đa. Phía trong cùng hậu cung có vẽ bà công chúa Thiều Dung ngồi trên ngai, tay cầm quạt, hai bên có hai thị nữ đứng chầu.

Di vật của đền xưa còn lưu giữ được là quả chuông gang, 6 tảng đá kê chân cột đền và 4 bát hương to, 11 bát hương nhỏ.

Ngày lễ chính của đền Đầm Sơn tổ chức vào ngày 10/1 Âm lịch cùng với hội đình làng Cổ Lũng.

ĐẦM XANH

Ngòi (suối), khởi nguồn từ cánh đồng Minh Cầu, sau núi Cô Kê thành phố Thái Nguyên, lần lượt chảy qua địa phận các xóm Đầm Xanh, Đầm Đục, cánh đồng Bèn thuộc xã Gia Sàng cũ (nay là khu tái định cư hồ sinh thái Xương Rồng thuộc phường Phan Đình Phùng), cầu Bóng Tối, xóm Thái Ninh (nay là tổ 36, 37 Phan Đình Phùng), cánh đồng Hai Dốc (Túc Duyên), đến chân núi Tiện (Gia Sàng) hợp lưu với suối Xương Rồng chảy ra sông Cầu phía cuối cánh đồng Túc Tiến (Túc Duyên).

Ngòi Đầm Xanh trước đây có chiều rộng từ 3 m đến 5 m và chiều dài khoảng 3 km; nhưng nay đã bị san lấp khá nhiều, ít đoạn còn chiều rộng quá 3m và chiều dài chỉ còn khoảng 2 km. Ngòi Đầm Xanh là dòng chảy chính tiêu thoát nước về mùa mưa cho cả khu vực xóm Minh Cầu, cánh đồng Đầm Xanh, khu dân cư Đầm Đục, cánh đồng Bèn và Hai Dốc. Vào mùa mưa, gặp lũ, nước ở lòng suối có chỗ dâng cao tới 3 m.

Hiện nay, suối bị bùn lắng đọng, lòng suối nông và ô nhiễm nghiêm trọng.

ĐẦM

Bến đò, nằm trên địa phận xóm Dương, xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, hình thành từ lâu đời. Tại đây, chiếc cầu phao cũng được dựng lên. Về mùa mưa, nước dâng cao, cầu phao không dùng được thì nhân dân dùng thuyền, bè mảng qua sông.

Từ năm 2005, cầu Đầm được xây dựng kiên cố nhưng bến đò Đầm vẫn còn tiếp tục phát huy tác dụng.

ĐẦM

Cầu, được xây dựng năm 2005 bằng bê tông cốt thép bắc qua sông Công ở vị trí Bến Đầm, thuộc xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên trên tuyến Tỉnh lộ 26. Cầu dài 104 m, rộng 7 m, có tải trọng lớn H.13 x 60.

ĐẬP KẸM

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Kẹm thuộc địa phận xã La Bằng, huyện Đại Từ, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, trong đó hệ thống kênh chính đã được xây dựng 950 m.

Công trình phục vụ nước tưới cho gần 400 ha diện tích đất canh tác (3 vụ) của nhân dân 10 xóm trong xã La Bằng.

ĐẤT

Cầu, được xây dựng năm 2010, trên tuyến Tỉnh lộ 261, thuộc địa phận xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình. Cầu dài 15m, rộng 9m, chiều dài nhịp cầu 9 m; tải trọng 30 tấn.

ĐẦU CẦU

Suối, bắt nguồn từ sườn phía Đông dãy núi Tam Đảo, cắt ngang địa phận xã Cát Nê, chảy qua các xóm Đồng Mương, Lò Mật, Tân Lập, khu vực tiếp giáp phía bắc thị trấn Quân Chu và xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên) rồi chảy vào địa phận xã Phúc Thuận.

ĐẨU

Đền, được dựng từ lâu đời ở xóm Đẩu, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đền đã qua nhiều lần bị phá huỷ, xây dựng lại. Lần được dựng lại năm 1938, đền có 3 gian, 2 chái, cột làm bằng gỗ lim, gỗ táu, dưới chân các cột kê đá tảng to, mái lợp lá cọ. Năm 1947, thực hiện "tiêu thổ kháng chiến", đền bị dỡ bỏ. Năm 1965, đền được dựng lại bằng cột gỗ keo, tảng kê cũ, lợp lá. Năm 1991, đền bị đổ do bão. Cùng năm, đền được dựng lại trên nền cũ gồm có 2 gian đứng, lợp lá cọ, mặt quay về hướng tây nam, lưng dựa vào trái núi đá lớn. Chính cửa đền khoảng 30 m còn một cây thông cổ thụ mấy trăm năm tuổi. Trong đền, còn một sắc phong đời vua Khải Định.

Lễ đền Đẩu xưa được tổ chức vào ngày 3/1 Âm lịch hằng năm. Ngày nay, nhân dân địa phương chỉ có lễ vật đến thắp hương, không tổ chức thành hội lễ.

ĐẬU

Chùa, được dựng từ lâu đời ở xóm Phẩm, xã Dương Thành, huyện Phú Bình. Chùa Đậu được nhân dân tu sửa lớn vào năm 1996. Kết cấu chính của chùa là khung gỗ, đầu hồi bít đốc, 3 gian ngoài rộng 30 m^2; gian lớn hậu cung rộng 20 m^2. mái lợp ngói vẩy rồng; xung quanh bao tường gạch.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chùa là nơi hội họp của du kích xã.

Hiện vật tại chùa còn 1 pho tượng Thích Ca sơ sinh bằng gỗ bị mất 2 tay, 1 bát hương to và 2 bát hương nhỏ bằng đất nung màu da lươn, 1 bài vị "Cao sơn Quý Minh đại vương thần", 1 pho tượng Thượng Ngàn bằng đất.

ĐÈO GIA KHÁNH

Trận phục kích quân Pháp ngày 28/11/1947. Vị trí di tích ở đèo Gia Khánh trên Quốc lộ số 3, thuộc địa phận xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương xưa. Tại đây, chiều ngày 28/11/1947, một tổ gồm 3 du kích phục kích quân Pháp khi chúng càn quét vào Phấn Mễ, diệt 1 tên và làm bị thương nhiều tên khác.

Trận địa mai phục quân Pháp năm xưa nay đã trở thành khu nhà dân thuộc khu phố Gia Khánh, thị trấn Giang Tiên.

ĐÈO KHẾ

Suối, bắt nguồn từ xóm Đèo Khế, theo hướng đông - tây chảy qua địa phận xóm Long Giàn, chuyển lên hướng bắc rồi theo hướng đông bắc - tây nam qua địa phận Làng Cháy (xã Khe Mo) và các xóm 8, 12, Liên Cơ (thị trấn Sông Cầu). Đến đây, dòng suối chuyển theo hướng bắc - nam đổ vào địa phận các xóm Tân Tiến, xóm 5, Ao Rôm 2 thuộc xã Khe Mo, xóm Núi Hột (xã Linh Sơn), tạo thành ranh giới tự nhiên giữa xã Linh Sơn và xã Đồng Bẩm (thành phố Thái Nguyên), hợp lưu với dòng sông Cầu tại Đồng Cầu (xã Đồng Bẩm).

Suối Đèo Khế là nguồn cung cấp nguồn nước phục vụ canh tác và sinh hoạt của nhân dân các xã trong khu vực

ĐÈO KHẾ

Trận phục kích quân Pháp ngày 10/3/1945

Được tin quân Pháp ở tỉnh lị Thái Nguyên rút chạy theo Đường 13A sang Tuyên Quang, một đơn vị Cứu quốc quân cùng lực lượng tự vệ huyện Đại Từ tổ chức phục kích tại đèo Khế, nơi địa hình hiểm trở, một bên là dốc đứng cheo leo, một bên là vực sâu thăm thẳm, cây cối rậm rạp, um tùm. Khi quân Pháp đến lưng chừng đèo (đoạn Km 33 Đường 13A), Cứu quốc quân và tự vệ đồng loạt nổ súng vào đội hình địch. Bị chặn đánh bất ngờ, thiệt hại nặng ngay từ đầu, lại bị ta phao tin quân Nhật đang chặn trên đỉnh đèo, tinh thần quân Pháp nhanh chóng suy sụp. Bọn quan chức dân sự và quân sự vội vã quay đầu xe chạy trở lại Thái Nguyên. Bọn lính hoảng sợ bỏ lại 2 xe ô tô vũ khí, vứt súng đạn, chạy trốn vào rừng.

Cứu quốc quân, tự vệ và nhân dân xã Yên Lãng nhanh chóng thu dọn chiến lợi phẩm, gồm lương thực, quân trang và vũ khí, đủ trang bị cho 2 đại đội.

ĐÈO KHẾ - LONG GIÀN

Trận đánh quân Nhật ngày 10/4/1945.

Được tin toàn bộ quân địch trong đồn Đình Cả rút chạy về tỉnh lị Thái Nguyên vào đêm ngày 9 rạng sáng ngày 10/4/1945, Cứu quốc quân và tự vệ Võ Nhai chia làm 2 bộ phận: Một bộ phận nhanh chóng truy kích, một bộ phận gấp rút vận động theo đường tắt phục kích chặn địch. Khoảng 12 giờ trưa ngày 10/4, quân địch rút chạy về tới khu vực đèo Khế - Long Giàn (Đồng Hỷ) thì lọt vào trận địa phục kích của quân ta. Cứu quốc quân và tự vệ lập tức nổ súng đánh địch rồi xung phong dùng lưỡi lê, dao, kiếm đánh giáp lá cà. Trong trận này, ta đã tiêu diệt 23 tên địch, làm bị thương 43 tên khác, thu 2 súng máy, 23 súng trường cùng nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng.

ĐÈO NỨA

Trận phục kích quân Pháp ngày 6/10/1917.

Ngày 5/10, một toán nghĩa quân Đội Cấn rút từ Phúc Yên về đèo Nứa thuộc xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Lợi dụng địa hình hiểm trở, được nhân dân địa phương giúp sức, nghĩa quân tổ chức trận địa mai phục

quân Pháp. Sáng ngày 6/10, hai toán quân địch từ Phúc Yên và Đại Từ tiến vào trận địa mai phục, bị nghĩa quân nổ súng diệt và làm bị thương một số tên. Buổi chiều, được tăng viện, địch tổ chức phản kích nhưng đều bị nghĩa quân chống cự quyết liệt, diệt thêm một số tên. Trước lúc trời tối, quân địch dùng sơn pháo bắn vào trận địa của nghĩa quân rồi rút chạy. Trong trận này, ta tiêu diệt 10 tên địch trong đó có 5 lính Âu, làm bị thương 21 tên trong đó có 4 lính Âu. Một số nghĩa quân hi sinh được nhân dân chôn dưới chân đèo. Sau trận đèo Nứa, để ghi nhớ gương chiến đấu, hi sinh anh dũng của nghĩa quân Thái Nguyên, nhân dân địa phương gọi đèo Nứa là đèo Ông Cấn.

ĐESTƠNÂY (DESTENAY)

Công sứ Thái Nguyên (3 lần). Lần thứ nhất, từ tháng 1/1895 đến tháng 4/1895. Lần thứ hai, từ tháng 1/1896 đến tháng 7/1898. Lần thứ ba, từ tháng 8/1899 đến tháng 3/1901. Trước đó, từ ngày 24/2/1894 đến khi được bổ làm Công sứ Thái Nguyên (lần đầu), Destenay là Đại lý đại diện cho Công sứ Pháp tại Chợ Chu, hàm Chưởng ấn, là viên chức thuộc ngạch quan cai trị hạng 5. Trong thời gian Destenay làm Công sứ ở tỉnh Thái Nguyên, các lực lượng chống Pháp của Đề Thám, Bá Kỳ, Lường Tam Kỳ, Lương Văn Sơn, Cai Kinh... hoạt động mạnh mẽ, thường xuyên tấn công, phục kích các toán quân Pháp ở khắp nơi, khiến công việc bình định có nguy cơ thất bại.

Trong bối cảnh ấy, Destenay chủ trương vừa củng cố bộ máy cai trị thực dân, thiết lập hệ thống đồn bốt, tăng cường lực lượng vũ trang để tấn công, truy quét các lực lượng chống Pháp, vừa thực hiện sách lược chiêu dụ, thương lượng, hoà hoãn với các thủ lĩnh như Bá Kỳ, Lương Văn Sơn, Lường Tam Kỳ. Sách lược của Công sứ Thái Nguyên đã có những hiệu quả nhất định; các viên thủ lĩnh trên dần dần cũng bị các quyền lợi vật chất, chính trị do người Pháp đưa ra quyến rũ, tạm dừng tấn công quân Pháp, rồi sau này chịu quy phục chính quyền thực dân.

Do có nhiều công trạng trong công cuộc bình định, sau khi rời Thái Nguyên, Destenay được thăng lên làm Thống sứ Bắc Kỳ, rồi Phó Toàn quyền Đông Dương.

ĐẸT HOÀNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê xã Lê Lợi huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình; trú quán tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Hoàng Thị Đẹt có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước vĩ đại của dân tộc là liệt sĩ Phạm Văn Phúc (nhập ngũ tháng 5/1966, hi sinh ngày 20/1/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Hoàng Thị Đẹt danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

ĐỆ NHẤT

Khu phố ở tỉnh lị Thái Nguyên, còn gọi là Đệ Nhất Hộ, được lập vào những năm 20 của thế kỷ XX, sau khi tỉnh lị tỉnh Thái Nguyên được người Pháp cho san lấp nhiều hồ, ao mở rộng về phía tây; trước năm 1945, trực thuộc huyện Đồng Hỷ.

Theo *Xã chí huyện Đồng Hỷ - Sắc phong, thần tích, văn bia, cổ chỉ, sơ đồ* (điều tra năm 1944 - 1945), khu phố Đệ Nhất gồm 2 phố: Toàn Quyền và Bến Tượng; phía bắc giáp sông Cầu, phía đông giáp xã Đồng Mỗ, phía nam giáp khu phố Đệ Nhị, phía tây giáp xã Phù Liễn.

Như vậy, khu phố Đệ Nhất cơ bản tương ứng với nửa phần đất phía Tây bắc phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên ngày nay. Đây là nơi đặt các cơ quan đầu não trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở tỉnh Thái Nguyên (Trụ sở Toà sứ, Trại lính khố xanh, Trụ sở cảnh sát, Trại lính Tây, Kho bạc, Sở Đoan...). Trên đất khu phố Đệ Nhất có đền Hội Thiện, đền Cây Sung, đền Nội Khu; có đình Bến Tượng, đình Hàng Phố (nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp đặt Sở Chỉ huy Quân Giải phóng đánh phát xít Nhật, ngày 20/8/1945).

ĐỆ NHỊ

Khu phố ở tỉnh lị Thái Nguyên, còn gọi là Đệ Nhị Hộ, được lập vào những năm 20 của thế kỷ XX, sau khi tỉnh lị tỉnh Thái Nguyên được người Pháp cho san lấp nhiều hồ, ao mở rộng về phía tây; trước năm 1945 trực thuộc huyện Đồng Hỷ.

Theo *Xã chí huyện Đồng Hỷ - Sắc phong, thần tích, văn bia, cổ chỉ, sơ đồ* (điều tra năm 1944 - 1945), khu phố Đệ Nhị gồm 3 phố: Thái Hoà, Đông Thái và Kim Lan; phía bắc giáp khu phố Đệ Nhất, phía đông giáp xã Đồng Mỗ, phía nam giáp xã Thái Ninh, phía tây giáp xã Phù Liễn.

Như vậy, khu phố Đệ Nhị về cơ bản tương ứng với phần đất phía đông nam phường Trưng Vương ngày nay (trừ khu vực từ nhà thờ Xứ Thái Nguyên đổ về phía đông - đông nam). Đây là nơi đặt Dinh Tuần phủ, sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945) đổi là Dinh Tỉnh trưởng và Vọng cung, Văn miếu tỉnh Thái Nguyên (nay là khu Khán đài B Sân vận động Thái Nguyên), bãi tập bắn của lính (nay là Sân vận động), Séc Kim Lan (Câu lạc bộ của người Việt, nay là khu đất của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao), Nhà lao (nhà tù) Thái Nguyên - một di tích gắn với cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 và nhà của Chủ Sở Dây thép (nơi đặt Sở Chỉ huy Quân giải phóng từ ngày 21/8/1917)... Khu Phố Đệ Nhị có đình Thái Hoà, đình Đông Thái, đình Thuần Mỹ (Kim Lan).

ĐỆ TAM

Khu phố ở tỉnh lị Thái Nguyên, còn có tên gọi: Đệ Tam Hộ, Khu phố Gia Bẩy; được thành lập khoảng thời gian 1940 - 1944 trên một phần đất phía bắc xã Phủ Liễn (huyện Đồng Hỷ), trực thuộc huyện Đồng Hỷ.

Khu phố Đệ Tam về cơ bản tương ứng với một phần phía bắc phường Hoàng Văn Thụ thuộc thành phố Thái Nguyên ngày nay (dọc theo đường Bắc Kạn, đoạn từ Cống Ngựa lên đến đỉnh dốc Bến Than).

Trước năm 1945 có Bến Than là nơi xe goòng chở than khai thác từ mỏ Phấn Mễ chuyển xuống xà lan, thuyền buồm để theo dòng sông Cầu về xuôi. Cầu Gia Bẩy bắc qua sông Cầu, nối phố Gia Bẩy với xã Đồng Giang, Đồng Bẩm bên phía tả ngạn do người Pháp xây dựng năm 1929 là cây cầu có trụ, móng đổ bê tông lớn nhất trên đất Thái Nguyên khi ấy. Đỉnh đồi Gia Bẩy (còn gọi là đồi Két Nước) là nơi người Pháp đặt nhà máy nước cung cấp nước sinh hoạt cho các công sở, trại lính của người Pháp và chính quyền tay sai trong khu vực tỉnh lị. Phía bên trái đỉnh dốc Bến Than, có chợ Trâu - nơi mua bán trâu, bò, họp vào các ngày 3, 8, 13, 18... âm lịch.

Trên địa phận khu phố Đệ Tam, có đền Hội Lạc Thiện và đền Cửa Sông (nay gọi là đền Bến Than) thờ Liễu Hạnh công chúa - một trong bốn vị 'Tứ bất tử" của tâm thức dân gian Việt Nam xưa nay. Ngoài ra, Gia Bẩy còn có ngôi đình (chưa xác định được tên đình) thờ thành hoàng là Cao Sơn.

ĐỀN THỜ CÁC ANH HÙNG LIỆT SĨ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được khởi công xây dựng năm 2003 và hoàn thành năm 2005, toạ lạc trên đỉnh đồi Thác Lở độ cao 75 m, thuộc tiểu khu Thác Lở, thị trấn Đu, huyện Phú Lương. Đền được thiết kế đối xứng, phỏng theo kiến trúc đình đền thời Lê; xây dựng bằng gạch nung, hệ thống cửa đi, cửa sổ làm bằng gỗ lim được chạm khắc nhiều hoạ tiết hoa văn tinh xảo. Các đầu đao tạo dáng cong vút; trên đỉnh nóc trang trí nghê ngồi, rồng chầu nguyệt. Gian giữa cửa đền đặt bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Hai gian tả, hữu là nơi đặt bia thờ, ghi danh 773 anh hùng liệt sĩ là con em đồng bào các dân tộc 16 xã, thị trấn của huyện Phú Lương đã anh dũng hi sinh vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc qua các thời kỳ cách mạng và kháng chiến.

Kể từ năm 2005 đến nay, hằng năm vào những dịp đầu xuân năm mới, kỷ niệm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4) và ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, Quốc khánh 2/9.., cán bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương lại hội tụ ở đền để dâng hương tưởng nhớ vong linh các anh hùng liệt sĩ, để hun đúc truyền thống yêu nước, cách mạng cho thế hệ hôm nay.

ĐỊA CHÍ THÁI NGUYÊN

Công trình khoa học, một bộ bách khoa thư lớn nhất về tỉnh Thái Nguyên từ xưa tới nay; do Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo xây dựng; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam cùng nhiều cơ quan, các nhà khoa học ở Trung ương và địa phương nghiên cứu, biên soạn; Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản, năm 2009.

Địa chí Thái Nguyên có độ dày 1.152 trang, khổ 20 x 29 cm, in trên loại giấy trắng dày mịn, có nhiều trang ảnh màu, bản đồ minh hoạ. Bộ

sách gồm có 7 phần nội dung chính: Địa lí, Lịch sử, Kinh tế, Dân cư - Dân tộc, Văn hoá - Xã hội, Các huyện - thành - thị và Phụ lục.

Phần thứ nhất: *Địa lí,* do Viện Địa lí nhân văn chủ trì nghiên cứu, biên soạn; có độ dày 105 trang, được chia thành 9 chương giới thiệu về địa lí hành chính, địa chất - khoáng sản, địa hình, khí hậu, thuỷ văn, thổ nhưỡng, động - thực vật, môi trường và địa lí dân cư của tỉnh Thái Nguyên.

Phần thứ hai: *Lịch sử,* do Viện Sử học Việt Nam chủ trì cùng các nhà Sử học tỉnh Thái Nguyên nghiên cứu, biên soạn; có độ dày 195 trang, chia thành 8 chương, giới thiệu về lịch sử Thái Nguyên từ khởi thuỷ đến năm 2005.

Phần thứ ba: *Kinh tế,* do Viện Kinh tế Việt Nam chủ trì nghiên cứu, biên soạn; có độ dày 121 trang, chia thành 3 chương, giới thiệu về tình hình phát triển kinh tế, các ngành kinh tế Thái Nguyên trong quy hoạch ngành và quy hoạch Quốc gia.

Phần thứ tư: *Dân cư - Dân tộc,* do Viện Dân tộc học Việt Nam chủ trì, biên soạn; có độ dài 253 trang, giới thiệu về dân số, phân bố dân cư, đời sống kinh tế, văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần của 9 tộc người ở Thái Nguyên: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, Dao, Mông, Hoa, Ngái.

Phần thứ năm: *Văn hoá - Xã hội,* do Viện Văn học chủ trì, nghiên cứu, biên soạn; có độ dài 150 trang, chia thành 10 chương, giới thiệu về ngôn ngữ, chữ viết, văn học dân gian, văn học thành văn, văn hoá, nghệ thuật, báo chí, phát thanh truyền hình, giáo dục, y tế, thể thao của tỉnh Thái Nguyên.

Phần thứ sáu: *Các huyện, thành, thị do* nhóm các nhà nghiên cứu của tỉnh Thái Nguyên chủ trì nghiên cứu, biên soạn, có độ dài 125 trang; giới thiệu về địa lí, hành chính, dân cư - dân tộc, truyền thống lịch sử, kinh tế, văn hoá - xã hội của 9 huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Thái Nguyên.

Phần thứ bẩy: *Phụ lục,* do nhóm các nhà nghiên cứu Sở Văn hoá - Thông tin (nay là sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch) Thái Nguyên chủ trì nghiên cứu, biên soạn, có độ dài 140 trang; giới thiệu về thắng cảnh, di tích, di sản Hán - Nôm, biên niên sự kiện lịch sử, danh nhân, các bà mẹ

Việt Nam anh hùng, các tập thể, cá nhân anh hùng, lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Thái Nguyên từ 1945 đến 2008.

ĐIỀM MẶC

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá thuộc An toàn khu; là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (20/5 - 11/10/1947); của đồng chí Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh năm (1947); là nơi ra đời và hoạt động của nhiều cơ quan Trung ương (Hội Nhà báo Việt Nam, Uỷ ban Hòa bình Việt Nam - nay là Uỷ ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Ban Nông vận Trung ương...); là nơi ở và làm việc của các đồng chí: Hoàng Quốc Việt, Xuân Thủy, Võ Nguyên Giáp, Tôn Đức Thắng, Lê Đức Thọ.

Địa bàn xã còn là nơi ở và làm việc của cố vấn Trung Quốc từ năm 1953 đến đầu năm 1954; nơi Cục Quân nhu làm kho cất giữ vũ khí, lương thực, quân trang từ năm 1947 đến năm 1949; nơi ở và làm việc của các Cơ quan Cục Quân lực từ năm 1948 đến năm 1952, Cục Thông tin từ năm 1948 đến năm 1952, Cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng... Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Điềm Mặc đã lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác vừa xây dựng, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến, vừa đẩy mạnh sản xuất đảm bảo đời sống, cung cấp cho An toàn khu và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Điềm Mặc đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 160/KT-CTN ngày 28/4/2000) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

ĐIỀM MẶC

Xã miền núi nằm ở vùng Tây Nam huyện Định Hoá.

Xã được thành lập tháng 1/1954, trên cơ sở tách thôn Điềm Mặc ra khỏi xã Thanh Định; phía đông giáp xã Sơn Phú, phía tây giáp xã Hùng Lợi (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang), phía nam giáp xã Phú Đình, phía bắc và tây bắc giáp các xã Thanh Định và Bình Yên.

Tổng diện tích tự nhiên 1654 ha, trong đó đất nông nghiệp 1.468,74 ha, đất phi nông nghiệp 114,89 ha, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) có 4.138 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Nùng, Dao, Mường, Sán Dìu cư trú ở 28 xóm: Song Thái 1, Song Thái 2, Song Thái 3, Bản Hoá, Bản Tiến, Bản Quyên, Bắc Chảu, Thẩm Dộc 1, Thẩm Dộc 2, Bản Giáo, Bản Nhọm, Lại Co, Đồng Lá 1, Đồng Lá 2, Đồng Lá 3, Đồng Lá 4, Đồng Vinh 1, Đồng Vinh 2, Đồng Vinh 3, Đồng Vinh 4, Bản Bắc 1, Bản Bắc 2, Bản Bắc 3, Bản Bắc 4, Bản Bắc 5, Bình Nguyên 1, Bình Nguyên 2, Bình Nguyên 3.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Điềm Mặc thuộc vùng trung tâm An toàn khu Trung ương (ATK), là nơi đặt bản doanh của nhiều cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, quân đội; là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Tôn Đức Thắng, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ... ở và làm việc trong thời gian dài. Trên địa bàn xã có 5 di tích lịch sử đã được xếp hạng Quốc gia, 2 di tích lịch sử được xếp hạng cấp Tỉnh.

ĐIỀM THỤY

Xã, ở phía Tây Bắc huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Thượng Đình, phía nam giáp xã Nga My và xã Úc Kỳ, phía đông giáp xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình, phía tây giáp xã Hồng Tiến (huyện Phổ Yên). Diện tích tự nhiên 1290.29 ha. Dân số (năm 2009) 7.090 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mường, Sán Dìu, Sán Chay cư trú ở 7 xóm: Ngọc Sơn, Điềm Thụy, Thuần Pháp, Hanh, Trang, Trung, Bình.

Nhiều tuyến quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua địa bàn xã: Quốc lộ 37 (4 km), Tỉnh lộ 261 (4 km), Tỉnh lộ 266 (3 km), Tỉnh lộ Điềm Thụy đi Sông Công. Trên địa bàn xã đã được quy hoạch 2 khu công nghiệp: Khu Công nghiệp tập trung của tỉnh 350 ha, khu công nghiệp của huyện 52 ha. Đã có 3 doanh nghiệp vào địa bàn xã đầu tư (Công ty liên doanh Kim loại mầu Việt Bắc, Công ty Cổ phần Nhân Trí Việt, Công ty Cổ phần Apec). Nguồn sống chính của người dân xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có nhiều đình, chùa cổ kính như: chùa Hộ Lệnh - di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia, đình Điềm Thụy, đình Thuần Pháp,...

ĐIỀM THỤY

Khu Công nghiệp, nằm trên địa phận các xã Điềm Thụy, Thượng Đình (Phú Bình) và Hồng Tiến (Phổ Yên), tổng diện tích 350 ha.

Công ty Cổ phần Đầu tư châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng phần diện tích 170 ha. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng APEC phối hợp với các ngành chuyên môn của huyện, xã triển khai giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 với diện tích 22,7 ha, đã thu hút được 2 dự án với tổng mức đầu tư 11 triệu USD (Dự án Joungjin HiTech và Ujsu Vina). Ban Quản lí các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên làm chủ đầu tư phần diện tích 180 ha còn lại. Ban đã triển khai giải phóng mặt bằng và san lấp mặt bằng xây dựng các công trình phù trợ với diện tích 90 ha, vận động thu hút được 21 dự án FDI làm phụ trợ cho Samsung với quy mô vốn đăng ký gần 300 triệu USD, (gồm các dự án: KSD Vina, Morips Vina, Orientech Vina, Rftech Vina Thái Nguyên, Inwang Vina, KET Vina, Yamagata Vina Thái Nguyên, Art Colo Eco - Friendly Vina, Melfast Vina, Synopex Việt Nam, Mynyong Việt Nam, KDV Việt Nam, Đầu tư nhà xưởng cho thuê, Doorien Tech Vina, Sekwang Electro - Metal, Green High Tech Vina).

ĐIỀN MỤC

Đình, còn gọi Đền Mục, ở ấp Điền Mục nay là thôn Bình Tiến, thuộc xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Đình thờ các vị thành hoàng làng là: Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương là những vị tướng có công giúp vua Hùng đánh giặc giữ nước; Lý Nam Đế, người có công đánh đuổi giặc Lương; Phò mã Đô úy Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình Điền Mục bị bỏ hoang tàn, đổ nát từ lâu. Gần đây, người dân địa phương dựng lại ngôi đình 3 gian, tường xây gạch, lợp ngói mũi để có chỗ hương khói. Xung quanh đình có nhiều cây cối xanh tươi. Trong đình có tượng thờ Lí Nam Đế và các vị Thành hoàng khác.

ĐIỆN LỰC ĐỊNH HÓA

Tiền thân là Ban Điện thuộc Phòng Công nghiệp huyện. Ngày 1/10/1998, Ban Điện tách khỏi Phòng Công nghiệp huyện để thành lập Chi nhánh điện Định Hóa, trực thuộc Điện lực Thái Nguyên. Từ năm

2000, Chi nhánh Điện Định Hóa được nâng cấp thành Điện lực Định Hóa, trực thuộc Công ty Điện lực tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa.

Ngày 27/8/1995, Công trình điện khí hóa Đồng Thịnh, huyện Định Hóa, do Nhà nước đầu tư kinh phí 7 tỉ đồng được khởi công xây dựng. Công trình gồm 11 km đường dây 10 KV, 33 km đường dây 0,4 KV và 0,2 KV, 6 trạm biến áp với tổng công suất 400 KVA, cung cấp điện cho 836 hộ dân. Tiếp theo, Nhà nước đầu tư tiếp 19 tỉ đồng, xây dựng công trình đưa điện về 9 xã vùng ATK kháng chiến. Công trình này gồm 54,1 km đường dây 22 KV, 74,7 km đường dây 0,4 KV, 18 trạm biến áp 22/10/0,4 KV, được khánh thành đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 108 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1998). Từ năm 2004, Điện lực Định Hóa đảm bảo cung cấp điện lưới Quốc gia đến 100% các xã trên địa bàn huyện.

ĐIỆN LỰC ĐẠI TỪ

Tiền thân là Chi nhánh điện Đại Từ, có trụ sở tại Phố Chợ I - thị trấn Đại Từ - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên.

Điện lực Đại Từ thành lập ngày 2/9/1989 làm nhiệm vụ quản lí, vận hành, sửa chữa hệ thống lưới điện; tham mưu cho Công ty Điện lực và chính quyền địa phương trong công tác quy hoạch, phát triển lưới điện trên địa bàn quản lí; kinh doanh điện, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện Đại Từ, một phần của huyện Phú Lương và 1 phần của thành phố Thái Nguyên theo đúng quy định của Luật Điện lực.

Hiện nay Điện lực Đại Từ quản lí kinh doanh điện từ đầu nguồn đường dây 35 KV 376, 377 E6.2 phường Quan Triều thành phố Thái Nguyên đến cuối nguồn tại xã Yên Lãng huyện Đại Từ.

Điện lực Đại Từ luôn hoàn thành xuất sắc và toàn diện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh điện, nhiều năm được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm 2004, Điện lực Đại Từ được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen...

ĐIỆN LỰC PHỔ YÊN

Chi nhánh Điện lực Phổ Yên được thành lập năm 1981, có nhiệm vụ phục vụ cho cả huyện Phú Bình, nên còn gọi là Chi nhánh Điện Phổ Yên - Phú Bình. Trụ sở đặt tại thị trấn Ba Hàng (nay là thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên).

Nhiệm vụ của chi nhánh Điện là vận hành, quản lí, cung cấp điện cho các cơ quan Nhà nước, các đơn vị quân đội, công an, bệnh viện, cửa hàng... trên địa bàn 2 huyện được phân công. Từ năm 1986, Chi nhánh Điện Phổ Yên lại cắt phần phục vụ huyện Phú Bình để nhận nhiệm vụ phục vụ thị xã Sông Công.

Bắt đầu từ thời kỳ này, chi nhánh Điện Phổ Yên đã mở rộng đối tượng phục vụ. Ngoài các cơ quan nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang, chi nhánh điện còn phục vụ một số địa bàn dân cư ở gần và tập trung đông dân cư như các thị trấn, các nhà máy, khu công nghiệp. Từ 1993 đến 2009, chi nhánh điện Phổ Yên còn mở rộng hơn, phục vụ cả đối tượng là dân cư nông thôn, các xã theo hình thức kinh doanh hợp đồng kinh doanh, bán điện cho các cụm dân cư (làng, xóm), các cửa hàng, các trạm trại...

Từ năm 2009, chi nhánh Điện Phổ Yên đổi tên là Điện lực Phổ Yên, trực thuộc Công ty Điện lực tỉnh, nhiệm vụ chính của Điện lực Phổ Yên là quản lí vận hành, cung cấp điện cho các nhu cầu công tác, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn toàn huyện Phổ Yên với sản lượng hàng trăm ki lô oát, doanh thu hơn 100 tỉ đồng/năm. Số lượng cán bộ, công nhân, nhân viên của Công ty Điện lực Phổ Yên khoảng 65- 68 người làm việc thường xuyên.

Do có nhiều thành tích trong công tác vượt mọi khó khăn, phục vụ tốt các đối tượng, hoàn thành mọi nhiệm vụ phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân, nên Điện lực Phổ Yên đã vinh dự được nhận những phần thưởng cao quý: 1 *Bằng khen của Thủ tướng* Chính phủ (năm 2005) và *Cờ thưởng "Đơn vị xuất sắc"* của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nhiều giấy khen, bằng khen của các ngành, các cấp khác...

ĐIỆN LỰC PHÚ BÌNH

Được thành lập vào tháng 7/1995; trụ sở đặt tại địa phận Tổ 2, Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Điện lực Phú Bình thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh điện năng trên địa bàn huyện; tham gia thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, phát triển lưới điện, phát triển khách hàng theo phân cấp của Ngành và Công ty Điện lực Thái Nguyên; đảm bảo an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh;...

Tổng số cán bộ, nhân viên Điện lực Phú Bình có 78 người. Trong đó, 30 người có trình độ đại học, 8 người có trình độ cao đẳng, 15 người có trình đọ trung cấp. Điện lực Phú Bình đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

ĐIỆN LỰC SÔNG CÔNG

Tiền thân là Chi nhánh điện Sông Công được thành lập theo Quyết định 1971 NL/ĐL 1-3 ngày 12/8/1989 của Giám đốc Công ty Điện lực I và Quyết định số 961 SDL/TC ngày 13/9/1989 của Giám đốc Sở Điện lực Bắc Thái (nay là Công ty Điện lực Thái Nguyên). Trụ sở đặt tại nhà số 348 Đường Cách Mạng Tháng 10, thị xã Sông Công.

Điện lực Sông Công là đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực Thái Nguyên có nhiệm vụ quản lí, kinh doanh bán điện và sản xuất kinh doanh khác theo phân cấp trong khu vực được giao; đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục phục vụ tốt cho các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội trên địa bàn Sông Công.

Điện lực Sông Công đang quản lí 86.424 km đường dây trung thế và cáp ngầm; Trạm biến áp công cộng: 49 TVA với tổng dung lượng 10.280 kVA; Trạm biến áp khách hàng: 126 TBA với tổng dung lượng 204.685 KVA.

ĐIỆP

Bến phà, nằm trên Quốc lộ 13A (nay là QL 37), nối hai bờ sông Công thuộc địa phận xóm Thắng Lợi và Phúc Lâm, xã Độc Lập (nay thuộc xã Tiên Hội), huyện Đại Từ.

Bến phà Điệp được xây dựng từ năm 1953; phà đóng bằng gỗ, đến khoảng năm 1970, thay bằng phà sắt. Năm 1992, Cầu Tầu được xây dựng trên bến sông này phục vụ nhu cầu giao thương thay thế phà Điệp. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, về mùa

mưa, Phà Điệp phục vụ 24h/24h hằng ngày, chủ yếu cho nhiệm vụ quân sự; ngoài ra phà còn phục vụ đưa nhân dân trong vùng đi lại qua sông. Số cán bộ, nhân viên phục vụ tại bến phà có từ 10 đến 15 người; những ngày mưa lũ có khi phải huy động tới trên 50 người.

ĐIỆP

Cầu, được xây dựng khoảng cuối những năm 50 của thế kỷ XX tại Km 156+35 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Điệp, thuộc địa phận giáp ranh xóm Đại Quyết và Phố Điệp, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cầu được làm bằng gỗ, rồi bằng sắt. Năm 1992, cầu được xây dựng lại bằng bê tông, dài 58,2 m, rộng 9,5 m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 7 m, kết cấu nhịp 3 nhịp, mỗi nhịp dài 18 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M4, móng bê tông thân bê tông; tải trọng thiết kế H30 - Xb60, tải trọng hiện tại 30 tấn.

ĐIỆP

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo (địa phận xã La Bằng), chảy qua các xã La Bằng, Bản Ngoại, các xóm Phố Điệp, Thắng Lợi, Soi Chè thuộc xã Tiên Hội, rồi nhập vào sông Công ở điểm giáp xã Hùng Sơn.

Suối Điệp là nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã La Bằng, Bản Ngoại, Tiên Hội của huyện Đại Từ.

ĐIỀU NGÔ XUÂN

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nguyên Giám đốc Bệnh viện A Thái Nguyên.

Sau khi tốt nghiệp trung cấp y tế, từ tháng 12/1969 đến tháng 5/1977, ông là y sĩ Phòng Y tế Công ty Xây lắp luyện kim; từ tháng 6/1977 đến tháng 11/1982, học Trường Đại học Y Bắc Thái; từ tháng 12/1982 đến tháng 5/1989, là Phó Giám đốc Bệnh viện Công ty Xây lắp II Bắc Thái; từ tháng 6/1989 đến tháng 12/1997, là Giám đốc Bệnh viện C Bắc Thái; từ tháng 1/1998 đến tháng 9/2002, là Giám đốc Bệnh viện A Thái Nguyên.

Bác sĩ Ngô Xuân Điều được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2000.

DIESEL SÔNG CÔNG

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên; tiền thân là Nhà máy chế tạo động cơ, được thành lập ngày 25/4/1980, trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim. Năm 1987, nhà máy hoàn thành cơ bản việc xây dựng trên địa phận phường Lương Châu, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; bắt đầu đi vào sản xuất từng công đoạn. Ngày 12/5/1990, Nhà máy là thành viên Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM)

Ngày 25/5/1993, nhà máy được thành lập lại theo quyết định của Bộ Công nghiệp nặng; ngày 20/2/1995, đổi tên thành Công ty Diesel Sông Công; ngày 1/12/2004, chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Diesel Sông Công.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Thiết kế, chế tạo động cơ đốt trong, thiết bị công tác và phụ tùng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân; Luyện cán thép; Thay thế tổng thành xe ô tô; Xây dựng công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân; Lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất công nghiệp.

Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua *Đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua năm 2008*; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Đơn vị tiêu biểu về an toàn lao động năm 2008; giải thưởng *Bông lúa vàng* (2009) của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Năm 2010, Công ty được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì*.

ĐIN ĐENG

Nơi hoạt động của nhiều cán bộ cách mạng. Vị trí di tích ở xóm Đin Đeng thuộc xã Yên Trạch, huyện Phú Lương. Tại đây, đầu năm 1945, các đồng chí Hoàng Thượng, Vũ Hưng... đã qua lại hoạt động, hội họp, củng cố tổ chức Việt Minh ở địa phương. Cũng tại đây, một cuộc mít tinh lớn của nhân dân xã Yên Trạch được tổ chức (6/5/1945); đồng chí Võ Nguyên Giáp đến dự và phát biểu động viên quần chúng chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền toàn xã.

ĐÌNH LÊ TRUNG

Bí thư Tỉnh ủy (bí danh: Nguyễn Cung), dân tộc Kinh, sinh năm 1914, quê xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; trú quán phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội; tham gia cách mạng 1939 đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1943, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (8/1947 - 10/1947 và 1950 - 4/1951); Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên (8/1945 - 1950); Đại biểu Quốc hội khoá I, II. Từ trần tại Hà Nội.

Đồng chí Lê Trung Đình đã được tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.*

ĐÌNH

Hang đá tự nhiên trong dãy núi đá thuộc xóm Ó, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Trước cửa hang Đình, cây cối rậm rạp; từ xa phía trước nhìn vào không thấy được cửa hang. Cửa chính của hang quay về hướng tây. Do hang thông sang phía sau, nên còn một cửa ở hướng đông. Lòng hang rất rộng lớn. Cửa hang phía tây đã được tu sửa, xây đá kiên cố, vuông vắn để lắp cửa (đến nay, cửa hang vẫn còn bộ khung cửa bằng gỗ nghiến rất dày, cao 3 m, rộng 1,6 m.

Cuối năm 1947, Xưởng Quân giới 242 của Cục Quân giới về đóng quân ở xóm Ó và xóm Đồng Mỏ, xã Yên Lạc. Cơ sở 1 ở xóm Ó; cơ sở 2 (xưởng sản xuất) đặt trong hang Đình, chuyên sản xuất lưỡi lê, dao găm, gươm. Cuối năm 1949, Xưởng 242 di chuyển khỏi Yên Lạc.

ĐÌNH

Chợ, còn gọi là chợ Đình Đôi, đặt gần trung tâm Tổng Thượng Giã xưa (nay thuộc xã Trung Thành giáp xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên). Đây là chợ quê hàng tổng, nằm ngay sát "đường cái quan" (Quốc lộ số 3), nên đi lại thuận tiện, nhân dân đến họp khá đông. Chợ họp vào các ngày 4, 9, 14, 19, 24 và 29 Âm lịch hằng tháng. Mặt hàng mua bán chủ yếu là các loại nông, lâm thổ sản.

Từ năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, chợ Đình Đôi được phá dỡ. Nhân dân phân tán sang họp ở các chợ khác trong vùng.

ĐÌNH CẢ

Cầu, được xây dựng ở lý trình 0,2 km trên tuyến Tỉnh lộ 265 thuộc địa phận thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Cầu dài 27 m, rộng 6,5 m; có 1 nhịp kết cấu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 18 m; mố cầu được xây bằng đá; tải trọng H13-X60, 17 tấn.

ĐÌNH CẢ

Đình, được dựng từ đầu thế kỷ XX ở phố Đình Cả, tổng Lâu Thượng, châu Vũ Nhai; nay là thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai; là nơi thờ các Vua Hùng. Đình kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH. Hằng năm, đình tổ chức tế lễ vào ngày 25/1 và 15/8 Âm lịch.

Trận lụt năm 1973 đã cuốn trôi nhiều đồ thờ tự, phá huỷ một phần di tích. Năm 1990, thị trấn Đình Cả được thành lập đã sử dụng đình làm trụ sở. Năm 1992, đình được xây dựng lại. Hiện nay, đình còn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

ĐÌNH CẢ

Thị trấn huyện lị của huyện Võ Nhai; phía đông giáp xã Phú Thượng, phía tây giáp xã Lâu Thượng, phía nam giáp xã Tràng Xá, phía bắc giáp xã Nghinh Tường.

Thị trấn được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 454/TCCP của Ban Tổ chức Chính phủ trên cơ sở tách một số xóm, phố của xã Phú Thượng. Diện tích tự nhiên 860,15 ha. Dân số (năm 2009) 3.442 người, thuộc 9 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, Ngái, Giáy sinh sống ở 5 xóm, 2 tổ dân phố: Cổ Rồng, Làng Lường, Bãi Lai, Tiền Phong, Hùng Sơn, Thái Long, Đình Cả.

Thị trấn Đình Cả là nơi đặt trụ sở của các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội của huyện Võ Nhai. Trên địa bàn thị trấn có di tích lịch sử đồn Đình Cả, đồn điền Boócđiê (Bordier) thời Pháp thuộc, đình Đình Cả, chùa Sả.

ĐÌNH CẢ

Chợ, hình thành từ lâu đời, đặt tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Chợ được Nhà nước đầu tư xây dựng lại và đưa vào sử dụng tháng 12/1999; là trung tâm thương mại lớn nhất huyện với 200 hộ kinh doanh nhiều chủng loại hàng hoá thiết yếu phục vụ đời sống.

Ban Quản lí Chợ Đình Cả được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/11/2000, gồm 6 cán bộ, nhân viên. Ngày 26/3 Âm lịch hằng năm, đồng bào Mông ở trong và ngoài tỉnh tập trung về chợ Đình Cả để gặp mặt, giao lưu, vui văn nghệ.

ĐỊNH LƯƠNG THỊ

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Hợp Thành, huyện Phú Lương; nguyên Giám đốc Sở Y tế Bắc Thái.

Bác sĩ Lương Thị Định đã trải qua nhiều cương vị lãnh đạo trong ngành Y tế tỉnh Bắc Thái: Từ tháng 8/1970 đến tháng 10/1989, là Bí thư Đảng uỷ, Phó Giám đốc Bệnh viện A, Phó Giám đốc Sở Y tế, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; từ tháng 12/1989 đến tháng 12/1996, làm Giám đốc Sở Y tế; từ tháng 1/1997 đến tháng 9/1999, là Chủ nhiệm Ủy ban Dân số tỉnh Thái Nguyên.

Bà được phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 1995.

ĐỊNH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, dân tộc Tày, sinh năm 1913, quê xã Yên Trạch, huyện Phú Lương; thường trú tại xã Phượng Tiến, huyện Định Hoá. Mẹ Nguyễn Thị Định có 3 con liệt sĩ là Đỗ Văn Tu (nhập ngũ tháng 11/1966, hi sinh ngày 7/1/1970); Đỗ Đình Cấn (nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 15/5/1970); Đỗ Phương Bản (nhập ngũ tháng 8/1971, hi sinh ngày 11/11/1972).

Mẹ Nguyễn Thị Định được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định ngày 24/4/1995, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

ĐỊNH NGUYỄN THỊ

Thầy thuốc Ưu tú, nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên.

Bác sĩ Nguyễn Thị Định được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2005.

ĐỊNH BIÊN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Định Biên huyện Định Hoá thuộc An toàn khu; là nơi ở và làm việc của nhiều cơ quan Trung ương (Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng tham mưu, Cục Quân y, Cục Tài chính, ...). Ngoài nhiệm vụ xây dựng An toàn khu, giúp đỡ và bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến, nhân dân xã Định Biên còn động viên 18 thanh niên tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường; đóng góp 3.000 ngày công phục vụ các cơ quan kháng chiến và đi dân công phục vụ các chiến dịch...

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Định Biên đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 160/KT-CTN ngày 28/4/2000) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

ĐỊNH BIÊN

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Tây huyện Định Hoá; phía đông giáp xã Đồng Thịnh, phía nam và tây nam giáp các xã Bình Yên và Thanh Định; phía tây, tây bắc và phía bắc giáp xã Bảo Linh.

Tổng diện tích tự nhiên 8,141 km², trong đó đất nông nghiệp 7,1016 km², đất phi nông nghiệp 1,0078 km², còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) có 2.416 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Sán Chay, Mông, Dao, Thái, Mường, Hoa, Sán Dìu cư trú ở 13 xóm: Đồng Rằm, Khau Lầu, Khau Diều, Nong Nia, Làng Quặng A, Làng Quặng B, Làng Vẹ, Đồng Đau, Nà To, Gốc Thông, Pác Máng, Thâm Tắng và Nà Rọ.

Định Biên có 2 di tích lịch sử đã được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt, nơi diễn ra Lễ hợp nhất Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân ngày 15/5/1945 tại Làng Quặng. Di tích nơi Báo *Quân đội Nhân dân* ra số đầu tiên tại xóm Khau Diều ngày 20/10/1950.

ĐỊNH BIÊN HẠ

Tổng, thuộc châu Định Hóa.

Trước năm 1945 gồm 7 xã, 15 làng, 30 xóm, bản. Xã Định Biên Hạ gồm 2 làng: Bản Ma (có 1 xóm: Bản Ma), Bản Pâng (có 1 xóm: Bản Pâng); Xã Quảng Nạp có 1 làng: Quảng Nạp (gồm 6 xóm, bản: Na, Nạp, Luồng, Giáo, Cầu Lộng, Pang); Xã Sơn Đầu gồm 3 làng: Thâm Tấu (có 2 xóm, bản:

Thâm Tấu, Na Mô), Hồng Na (có 2 xóm, bản: Hồng Na, Yên Nghiệp), Làng Pấy (có 1 xóm: Làng Pấy); Xã Cổ Lãm gồm 3 làng: Bằng Ma (có 1 xóm: Bằng Ma), Đình Đôi (có 1 xóm: Khôn Bần), Na Giao (có 1 xóm: Đồng Đình); Xã Lương Can gồm 4 làng: Lương Can (có 3 xóm: Lương Can, Khôn Hấn, Thấm Mân), Lương Trung (có 2 xóm, bản: Lương Trung, Quyên), Lương Hạ (có 1 xóm: Lương Hạ), Bản Búc (có 3 xóm, bản: Búc, Đèo Tót, Pen); Xã Bình Yên gồm 1 làng: Bình Yên (có 4 xóm, bản: Khang Thượng, Khang Hạ, Khang Trung, Đa Nằng); Xã Bộc Nhiêu gồm 1 làng: Bộc Nhiêu (có 4 xóm, bản: Làng Bộc, Làng Chú, Làng Kịn, Làng Chào).

Về cơ bản, tổng Định Biên Hạ tương đương với địa phận 9 xã khu vực phía Nam huyện Định Hóa ngày nay: Phú Tiến, Bộc Nhiêu, Bình Thành, Phú Đình, Sơn Phú, Điềm Mặc, Trung Lương, Bình Yên, Thanh Định.

ĐỊNH BIÊN TRUNG

Tổng, thuộc châu Định Hóa, trước năm 1945 gồm 4 xã, 14 làng, 27 xóm, bản. Xã Định Biên Trung gồm 2 làng: Sơn Điền (có 2 xóm, bản: Chùa và Khâu Mấn) và Khôn Trao (có 6 xóm, bản: Khôn Trao, Đồng Màn, Bãi Lình, Khâu Pảo, Đồng Chùa, Thâm Tý);

Xã Trung Khảm gồm 6 làng: Trung Khảm (có 2 xóm, bản: Trung Khảm, Na Quảng), Na Lài (có 3 xóm, bản: Na Lìa, Chợ Cũ, Na Riệc), Khăm (có 1 xóm: Bản Ca), Bãi Hội (có 1 xóm: Bãi Hội), Bản Quán (có 1 xóm: Bản Quán), Na Hoàng (có 1 xóm: Na Hoàng);

Xã Định Man gồm 4 làng: Bản Then (có 3 xóm, bản: Mô, Móc, Chủng), Đình Trào (có 2 xóm, bản: Hà, Khen), Na Khao (có 1 xóm: Na Khao), Khôn Cây (có 1 xóm: Khôn Cây).

Xã Du Nghệ gồm 2 làng: Du Nghệ (có 3 xóm, bản: Nghệ, Đồng Bò, Khuôi Luông), Na Táp (có 1 xóm: Na Táp).

Về đại thể, tổng Định Biên Trung thời kỳ này tương đương với địa phận các xã Đồng Thịnh, Bảo Cường, Trung Hội, thị trấn Chợ Chu của huyện Định Hóa ngày nay.

ĐỊNH HÓA

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Định Hoá là huyện An toàn khu (ATK) Trung ương. Hầu hết các cơ quan đầu não kháng chiến (Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh...) đều tập trung ở và làm việc tại huyện Định Hoá trong nhiều năm. Hầu hết các quyết sách lớn của Đảng và Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến - kiến quốc đều quyết định tại Định Hóa. An toàn khu Định Hoá cũng là nơi chủ yếu diễn ra các hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta.

Cùng với các thành tích đặc biệt xuất sắc trong nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ An toàn khu, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Định Hoá còn lập nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, bình quân mỗi năm huyện Định Hóa đóng góp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm (riêng những tháng đầu năm 1954, huyện Định Hóa đã cung cấp cho Chiến dịch Điện Biên Phủ 20 tấn thịt trâu). Toàn huyện có 420 người xung phong lên đường tòng quân, giết giặc; trong số đó nhiều người đã anh dũng hi sinh trên các chiến trường.

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 22/8/1998, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Hoá được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 424/KT- CTN) phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

ĐỊNH HÓA

Huyện miền núi, vùng cao của tỉnh Thái Nguyên; phía tây và tây bắc giáp tỉnh Tuyên Quang, phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía nam và đông nam giáp huyện Đại Từ, Phú Lương; huyện lị đặt tại thị trấn Chợ Chu, cách thành phố Thái Nguyên 50 km về phía tây bắc.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, tên gọi và địa giới hành chính huyện Định Hóa có nhiều lần thay đổi. Thời Đinh (thế kỷ X), Tiền Lê (thế kỷ X - XI), đầu thời Lý (thế kỷ XI), vùng đất Định Hóa thuộc châu Định Biên có tên gọi là trạm Tuyên Hóa; thời Trần (thế kỷ XIII - XIV) là huyện Tuyên Hoá; từ thời Lê Sơ (thế kỷ XV- XVI) là châu Định Hoá, từ năm 1823 (thời Nguyễn) là châu Định; thời Pháp thuộc, có lúc là phủ Định Hoá, có lúc là châu Định Hoá. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, châu Định Hoá có 8 tổng (Định Biên Thượng, Định Biên Trung, Định Biên Hạ,

Thanh Điểu, Phượng Vỹ Thượng, Phượng Vỹ Trung, Phượng Vĩ Hạ và Khuynh Quỳ). Sau ngày thành lập chính quyền cách mạng (26/3/1945), châu Định Hoá đổi thành phủ Ngô Quyền. Tháng 6/1945, phủ Ngô Quyền đổi thành phủ Vạn Thắng. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, phủ Vạn Thắng đổi lại thành châu Định Hoá. Theo Sắc lệnh số 148/SL ngày 25/3/1948 của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, châu Định Hoá đổi thành huyện Định Hoá. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tên các xã trong huyện Định Hoá cũng có những thay đổi do việc sáp nhập một số xã nhỏ thành xã lớn và do việc thay đổi địa giới hành chính một số xã. Ngày 17/2/1965, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ra Quyết định số 46/NV tách xã Kim Phượng thành 2 xã Kim Phượng và Kim Sơn.

Tính đến năm 2009, diện tích toàn huyện 513,51 km². Dân số 87.089 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Hoa, Sán Chay, Dao, Sán Dìu và Mông cư trú ở 23 xã (Linh Thông, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Kim Sơn, Kim Phượng, Tân Thịnh, Bảo Linh, Phúc Chu, Tân Dương, Phượng Tiến, Bảo Cường, Đồng Thịnh, Định Biên, Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Trung Hội, Phú Tiến, Bộc Nhiêu, Sơn Phú, Điềm Mặc, Phú Đình, Bình Thành) và 1 thị trấn (Chợ Chu).

Địa hình huyện Định Hoá ở dạng núi thấp, đồi cao; xen giữa các dãy núi đá vôi và đồi, núi đất là những cánh đồng hẹp; hướng địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống đông nam. Thảm thực vật của Định Hoá rất phong phú, với các loại gỗ qúy, như nghiến, lim, lát, sến và các loại tre, nứa, vầu, trám. Vùng đất các xã phía Nam có nhiều cây cọ, lá để lợp nhà, cuộng để làm mành, thân làm kèo, xà nhà rất bền. Từ những năm giữa thế kỷ XX trở về trước, động vật rừng Định Hoá phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, ngày nay diện tích rừng đã bị thu hẹp nhanh chóng, nguồn tài nguyên rừng bị kiệt quệ, các loại lâm sản quý còn không đáng kể, các động vật quý hiếm như hổ, báo, gấu không còn.

Định Hoá có khí hậu nhiệt đới, chia làm hai mùa: Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10; mùa lạnh từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau.

Nhân dân các dân tộc huyện Định Hóa giàu lòng yêu nước và cách mạng. Thời kỳ Tiền khởi nghĩa, Định Hóa nằm trong Khu Giải phóng. Trong Kháng chiến chống thực dân Pháp, Định Hóa thuộc trung tâm ATK

Trung ương - Thủ đô kháng chiến của cả nước. Toàn bộ 24/24 xã, thị trấn được công nhận là xã, thị trấn An toàn khu. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân 16/24 xã, thị trấn được được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong kháng chiến chống Mĩ và trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhân dân và lực lượng vũ trang Định Hóa tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, Định Hóa có 1 tập thể, 1 cá nhân *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; thời kỳ chiến tranh bảo vệ Biên giới có 1 cá nhân *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. Toàn huyện có 10 *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

Về văn hóa - xã hội, đến năm 2010, huyện Định Hóa có 10 trường mầm non, 49 trường phổ thông, với trên 1.100 giáo viên, hơn 17.000 học sinh; có 26 cơ sở y tế (1 bệnh viện, 1 phòng khám khu vực, 24 trạm y tế xã, thị trấn), với 210 giường bệnh 229 cán bộ y tế; 24/24 xã, thị trấn được phủ sóng phát thanh và truyền hình..

ĐỊNH HÓA

Lâm trường, được thành lập theo Quyết định số 636/QĐ-UB ngày 8/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa. Lâm trường có nhiệm vụ ươm cây và trồng rừng trên địa bàn huyện Định Hóa.

Từ năm 2008, thực hiện dự án rừng cảnh quan An toàn khu Định Hoá theo Quyết định số 1134/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Lâm trường Định Hóa tập trung thực hiện với nhiều chương trình và dự án trồng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, diện tích trồng rừng toàn huyện đạt trên 4.900 ha.

ĐỊNH HÓA

Nhà máy chè, tiền thân là Xưởng chè Bình Yên được thành lập năm 1966, thuộc Công ty Nông sản - Ty Thương nghiệp tỉnh Bắc Thái; đặt tại xã Bình Yên, huyện Định Hóa.

Năm 1969, Xưởng chuyển về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật ở xã Sơn Phú. Năm 1971, Xưởng bắt đầu đi vào sản xuất và đổi tên thành Xí

nghiệp chè Định Hóa trực thuộc Ty Công nghiệp tỉnh Bắc Thái. Năm 1974, Xí nghiệp thành lập thêm Phòng Thu mua - Nông vụ. Cuối năm 1974, Xí nghiệp chuyển về trực thuộc Sở Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái; đến năm 1994, trực thuộc Công ty Chè Kim Anh.

Từ tháng 10/1998, Xí nghiệp chuyển vị trí từ Sơn Phú lên phố Quán Vuông 4, xã Trung Hội và đổi tên thành Nhà máy Chè Định Hóa. Nhà máy chủ yếu chế biến chè xanh chất lượng cao, như chè hấp ép, chè sao duỗi, với công suất 30 tấn tươi/ngày, trong đó chè xanh 10 tấn tươi/ngày và chè đen 20 tấn tươi/ngày.

ĐOÀI

Đình, còn có tên là "đình Nam Định", được dựng thời Hậu Lê (Lê Trung Hưng, thế kỷ XVI) trên gò Bông thuộc xóm Ngói và xóm Củi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình; là nơi thờ 7 vị thần: Diên Bình công chúa, Thiều Dung công chúa, cô Xuân công chúa, Tam Giang khước địch thần, Cao Sơn, Quý Minh, Khuông Quốc đại vương.

Đình Đoài gồm 3 gian, 2 chái. Đình được tu sửa, tôn tạo nhiều lần; gần đây nhất vào năm 1995, có kiến trúc dân gian truyền thống, quy mô nhỏ hơn xưa, gồm 3 gian tiền tế (50 m^2), 1 gian hậu cung (2 m^2) ; mái lợp ngói mũi, trên bờ nóc đắp nổi hình đôi rồng chầu mặt trời, 4 góc mái đắp đầu đao cong thanh nhã.

Dấu tích ngôi đình cũ hiện nay còn lưu giữ gồm 17 sắc phong triều Nguyễn (TK XIX) cùng hộp đựng sắc phong bằng gỗ sơn son, 1 bộ kiệu bát cống, 1 bài vị, ngai thờ, mũ thành hoàng, 1 cây quán tẩy trang trí rồng phượng độc đáo, 1 ông phỗng bằng gỗ, 6 đỉnh hương cổ...

Đình từng được sử dụng làm kho quân trang, quân dụng trong những năm 1951 - 1954. Trong những năm 1965 - 1967, là nơi đóng quân của của bộ đội thuộc Sư đoàn 312.

Đình Đoài được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 330/QĐ-UBND, ngày 10/2/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐOM

Chùa, có từ lâu đời ở xóm Phượng Hoàng, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai. Trước đây, lễ hội chùa Đom được tổ chức vào ngày 4/4 Âm lịch hằng năm.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám, chùa Đom được chọn làm địa điểm hoạt động bí mật của các chiến sĩ trong đội Cứu quốc quân II; là nơi đặt hòm thư và trạm liên lạc. Ngày 12/11/1944, Ban Lãnh đạo Phân khu A triệu tập cuộc họp bí mật tại chùa Đom, vạch ra chủ trương đối phó hành động khủng bố của thực dân Pháp; quyết định thành lập đội tự vệ chiến đấu, thành lập ban ám sát để trừng trị bọn tay sai, phản động, chỉ điểm. Chùa Đom nay không còn; dấu tích còn sót lại là vài viên đá tảng kê chân cột chùa.

ĐOÀN AN ĐIỀU DƯỠNG 16 NÚI CỐC - BỘ QUỐC PHÒNG

Đơn vị phục vụ khách trong ngành Quốc phòng đến tham quan, nghỉ dưỡng, thuộc địa phận xã Tân Thái, huyện Đại Từ. Nơi đây có vị trí thuận lợi về giao thông, gần Khu Du lịch trung tâm bờ Bắc Núi Cốc. Hệ thống phòng nghỉ, phòng ăn, khu biệt thự ven hồ, khu tập luyện thể thao... có đầy đủ tiện nghi, các trang thiết bị hiện đại đảm bảo đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng không những của các cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng quân đội, mà còn phục vụ khách du lịch khi có nhu cầu.

Đoàn An - Điều dưỡng 16 - Núi Cốc còn có các dịch vụ khác như Karaoke, massage vật lí trị liệu; phòng đọc sách...

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN

Gồm những đại biểu thuộc địa bàn tỉnh Thái Nguyên và đại biểu do Trung ương giới thiệu về ứng cử, được nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên bầu (trúng cử) đại biểu Quốc hội.

Trụ sở đặt tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên có Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, có đại biểu hoạt động chuyên trách, có văn phòng giúp việc và kinh phí hoạt động theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ: Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở địa phương tổ chức để Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri; Tổ chức việc tiếp công dân của Đại biểu Quốc hội, tiếp nhận, chuyển đơn, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân mà Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội đã

chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết; mời đại diện Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở địa phương tham dự các buổi tiếp công dân của Đại biểu Quốc hội; trong trường hợp cần thiết thì mời đại diện của cơ quan hữu quan ở địa phương cùng tham dự để tiếp thu xử lí những vấn đề liên quan; Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở địa phương tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tổ chức để Đại biểu Quốc hội thảo luận về dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác, dự kiến chương trình kì họp Quốc hội; Tổ chức để đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành pháp luật, đấu tranh chống tham nhũng; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của địa phương; khảo sát tình hình thực tế ở địa phương; góp ý với địa phương về thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; khi cần thiết, kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội được công bố trên các thông tin đại chúng, v.v...

Mỗi năm hai lần, vào giữa năm và cuối năm, Đoàn Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, và đại biểu Quốc hội, đồng thời thông báo với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

ĐOÀN KẾT

Cầu, được xây dựng năm 2007, trên tuyến đường đi bãi rác thị trấn Hương Sơn, thuộc địa phận thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình. Cầu dài 25 m, rộng 5,5 m, chiều dài nhịp cầu là 24 m; tải trọng 13 tấn.

ĐOÀN KẾT

Lâm trường, được thành lập năm 1962.

Lâm trường Đoàn Kết có nhiệm vụ khai thác gỗ, củi, vận chuyển ra điểm tập trung (bãi gỗ 1) và tu bổ rừng.

ĐOÀN KẾT

Mỏ cát, sỏi, nằm ở xã Đào Xá, huyện Phú Bình; có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu xây dựng thông thường. Trong tổng diện tích thăm dò là 5,98 ha ở đây, tỉ lệ cuội sỏi chiếm 41%, cát chiếm 57%, chủ yếu là cát cỡ hạt từ 0,25 - 2,5 mm. Thành phần khoáng vật chủ yếu là

thạch anh, lẫn ít vật chất hữu cơ (2%), hàm lượng mica rất nhỏ, trong cát sỏi không chứa khoáng vật quý hiếm.

ĐOÀN NGHỆ THUẬT QUÂN KHU I

Tiền thân là Đội Tuyên truyền văn hoá văn nghệ thuộc Phòng Chính trị Khu 1, thành lập tháng 11/1947, do nhà thơ Hoàng Cầm làm Chính trị viên, Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn là Đội trưởng, sau đổi thành Đội Văn công của Liên khu Việt Bắc. Đội đã tập hợp một số văn nghệ sĩ có tài: Đỗ Nhuận, Văn Chung, Xuân Hòa (nhạc sĩ); Thanh Tịnh, Bàng Sỹ Nguyên (nhà thơ) và một số diễn viên như Thuỳ Chi, Nguyễn Lầy,...Bài hát "Quê em miền trung du" của Nguyễn Đức Toàn, bài thơ "Bên kia sông Đuống" của Hoàng Cầm được sáng tác khi các ông đang công tác tại đơn vị này.

Ngày 31/10/1957, Đoàn Văn công Quân khu Việt Bắc thành lập trên cơ sở hợp nhất 4 đơn vị văn nghệ: Đội Văn công của Quân khu Việt Bắc, Đội Văn nghệ của các Sư đoàn 312, Sư đoàn 675, Sư đoàn 45. Năm 1965, Đoàn được tăng cường một lực lượng nghệ sĩ của Đoàn Tổng Cục chính trị. Năm 1976, Quân khu Tây Bắc và Quân khu Việt Bắc sáp nhập thành Quân khu I, hai đoàn nghệ thuật của 2 Quân khu cũng được hợp nhất thành Đoàn Nghệ thuật Quân khu I. Năm 1978 lại tách thành 2 đoàn như trước năm 1976. Đoàn Nghệ thuật Quân khu I trong các giai đoạn của cách mạng đã luôn là một đơn vị xung kích trên mặt trận văn hoá tư tưởng của quân đội, có nhiều thành công trong nghệ thuật. Lời ca tiếng hát của các nghệ sĩ, diễn viên Đoàn Nghệ thuật Quân khu I đã góp phần cổ vũ, động viên chiến sĩ, đồng bào chiến đấu và lao động quên mình. Nhiều tác phẩm của Đoàn Nghệ thuật Quân khu I còn sống mãi với thời gian, như: Bài hát *Trước ngày hội bắn* của Trịnh Quý, *Lời Bác Hồ rung chuyển bốn phương* của Nguyễn Lầy - Tuấn Long, *Anh quân bưu vui tính*, *Cánh chim báo tin vui* của Đàm Thanh; vở kịch *Nửa đất nước trong đêm* của Nguyễn Vũ,... *Chân trời xa - Rừng Khuôn Mánh* của Tuấn Long...

Nhiều nghệ sĩ, diễn viên từng công tác tại Đoàn Nghệ thuật Quân khu Việt Bắc - Quân khu I, đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú*. Nhiều chương trình, tiết mục, diễn viên của đoàn đã giành được *Huy chương Vàng*, *Huy chương Bạc* trong các hội diễn nghệ thuật chuyên

nghiệp toàn quân. Đoàn đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương các loại.

Trong thời kỳ đổi mới, Đoàn Nghệ thuật Quân khu I luôn đạt nhiều thành tựu trong hoạt động nghệ thuật và nhận được sự tin yêu, mến mộ của cán bộ, chiến sĩ quân đội, của nhân dân các dân tộc vùng Đông Bắc Tổ quốc.

ĐOÀN NGHỆ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 2002 trên cơ sở hợp nhất 3 đoàn nghệ thuật: Đoàn Kịch nói, Đoàn Chèo, Đoàn Ca múa nhạc.

Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều thành công nghệ thuật. Những vở diễn *Nàng Si ta*, *Chiếc bóng oan khiên*, *Duyên nợ ba sinh* của Đoàn Chèo, *Đại đội trưởng của tôi*, *Hà Mi của tôi* của Đoàn Kịch nói; Chương trình *Mùa xuân trên thành phố thép gang*, Tổ khúc *ATK nhớ mãi ơn Người* của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc, đã để lại những ấn tượng sâu sắc đối với hàng triệu khán giả trong và ngoài tỉnh.

Trong 3 năm (2008 - 2010), Đoàn đã tham gia 4 cuộc hội diễn, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp do Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch tổ chức, giành 5 *Huy chương Vàng*, 11 *Huy chương Bạc*, 1 giải *Chỉ đạo Nghệ thuật xuất sắc*, 1 giải *Đội múa xuất sắc*.

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở đặt tại số 9 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên là một tổ chức chính trị - xã hội, tham mưu và đề xuất với Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế chính sách bảo vệ quyền lợi cho đoàn viên, thanh niên và thiếu niên, nhi đồng; đồng thời tập trung tuyên truyền, vận động đoàn viên, thanh niên thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 3 chức năng chính: Đại diện, bảo vệ quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của đoàn viên, thanh niên, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lí nhà nước; Đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức hướng dẫn đoàn viên, thanh niên và thiếu niên, nhi đồng thực hiện chủ

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, hướng dẫn thiếu nhi làm theo 5 điều Bác Hồ dạy và phấn đấu trở thành đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người công dân tốt của đất nước.

ĐOÀN UỶ

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Đoàn Ủy, thuộc địa phận xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, dẫn nước tưới cho cho 1.113 ha đất canh tác của của 27 xóm thuộc 2 xã (Khôi Kỳ gồm 14 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 652 ha, Hùng Sơn gồm 6 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 323 ha) và thị trấn Đại Từ gồm 7 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 38 ha.

ĐOÀN ỦY

Hồ nhân tạo, được xây dựng năm 1978, tại xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ; hoàn thành năm 1980, do Trạm Khai thác thủy lợi huyện Đại Từ quản lí, vận hành.

Hồ Đoàn Ủy có đập chính dài 98 m, cao 16,52 m, mặt đập rộng 5 m; cao trình mặt nước dâng bình thường 42,03 m, cao trình mực nước lũ 42,64 m (1180.10 m^3), cao trình mặt nước chết 31,1 m, diện tích lưu vực 1,7 km^2. Phía đông giáp xã Khôi Kỳ; phía tây giáp núi Tam Đảo; phía nam giáp xã Mỹ Yên; phía bắc giáp xã Hoàng Nông. Hồ Đoàn Ủy cung cấp nước tưới cho cho 1.113 ha đất canh tác của của 27 xóm, thuộc 2 xã: Khôi Kỳ, Hùng Sơn và thị trấn Đại Từ.

ĐÓT

Đền, nằm trên núi Đót, cao 123 m so với mặt nước biển; thuộc cụm di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đình - chùa Viễn, đền Đót và nghè Mét ở làng Núi, xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Đền Đót gắn với sự tích Vua Bà (thời Vua Hùng thứ 6). Bên đền có giếng Tiên không bao giờ cạn nước, tương truyền là nơi Vua Bà tắm gội, nơi Tiên thường xuống chơi cờ.

Ngày 12 và 13/4 Âm lịch, dân làng Núi mở hội ở đền Đót và nghè Mét.

Đền Đót được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2716/QĐ-UBND, ngày 11/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐÔI

Đình, được dựng khoảng thế kỷ XVIII trên nền một bãi cỏ rộng ở gần trung tâm tổng Thượng Giã xưa (nay thuộc huyện Phổ Yên). Tại đây, có 2 ngôi đình: 1 ngôi đình của làng sở tại và 1 ngôi đình hàng tổng (cả tổng thờ chung). Hai ngôi đình song song tồn tại, cửa đình nhìn đối diện nhau, trông rất oai nghiêm, bề thế. Nhân dân địa phương gọi là đình Đôi (đình song đôi).

Đình thờ các vị thành hoàng của làng, của tổng, cầu mong cho quốc thái, dân an, mưa thuận gió hòa, nhân dân no ấm. Mỗi năm, đình mở cửa làm lễ vào giữa mùa xuân (tháng 2 Âm lịch) và đầu mùa đông (ngày 10/10 Âm lịch). Ngoài ra, các ngày sóc vong (ngày 1 và 15/1hằng tháng) đều mở cửa đình để nhân dân làm lễ cầu mong... Khoảng cuối thế kỷ XIX, 2 ngôi đình bị xuống cấp, đổ nát. Một ngôi đình được dân sở tại dỡ chuyển đi xây dựng ở nơi khác, còn đình hàng tổng thì bị dỡ bỏ, không xây lại nữa. Tuy vậy, mảnh đất nơi đây vẫn gọi là đất đình Đôi và xây dựng một chợ quê, gọi là chợ Đình Đôi.

Ngày nay, trên khu đất cũ của đình Đôi chỉ còn lại 2 cây đa đã bị chặt xén.

ĐỒI 75

Nơi bắn rơi chiếc máy bay trinh sát RF4C của đế quốc Mĩ.

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 1/8/1966, vừa nghe tiếng kẻng báo động phòng không, 6 cán bộ, chiến sĩ tổ trực chiến của dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) lao ra trận địa chiến đấu. Từ hướng Tuyên Quang, theo trục Đường 13A, một tốp 2 máy bay trinh sát RF4C của địch bay ở độ cao 200 m đang hướng về trận địa. Bỏ qua chiếc đi đầu bay chếch hướng bên trái, toàn đội nhằm chiếc thứ 2. Đợi máy bay địch đến đúng tầm hoả lực, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ phất cờ lệnh nổ súng. Một loạt 18 viên đạn súng máy, súng trường nổ đanh gọn. Máy bay địch trúng đạn khựng lại, rồi vòng lại phía sau hòng thoát thân nhưng cũng chỉ bay được đến khu vực xã Đồng Thịnh huyện Định Hoá thì bị rơi tan xác. Trung đội dân quân xã Hà Thượng huyện Đại Từ là đơn vị dân quân tự vệ duy nhất của tỉnh Thái Nguyên bắn rơi máy bay phản lực Mĩ bằng súng bộ binh. Với chiến công này, nhân dân và lực lượng dân quân

xã Hà Thượng vinh dự được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Ba.*

ĐỒI CỌ

Nơi xây dựng Khu nhà khách của Trung ương Đảng thuộc xóm Bản Bắc, xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa.

Trong kháng chiến chống Pháp, Hoàng thân Xuthanuvong từng ở, làm việc tại đây. Năm 1953, tại đây đã diễn ra lễ công bố sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Quốc doanh chiếu bóng và chụp ảnh - khai sinh ra nền Điện ảnh và Nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam.

Di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp tỉnh tại Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 27/7/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐỒI CHÈ

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên.

Tính đến năm 2010, nghề trồng và chế biến chè búp khô ở xóm Đồi Chè, đã có gần 60 năm. Đến năm 2010, toàn xóm có 81/81 hộ với 196 lao động tham gia trồng và chế biến chè. Doanh thu năm 2008 từ nghề trồng và chế biến chè búp khô đạt 5.748 tỉ đồng, năm 2009 đạt 6.161 tỉ đồng.

ĐỒI CÒI

Mỏ than, nằm trên địa bàn thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.

Mỏ có diện tích 225 ha, trữ lượng 24.500 tấn, do Doanh nghiệp Ngọc Tú khai thác theo Giấy phép số 88/GP-UBND ngày 20/1/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Mỏ than Đồi Còi là loại điểm mỏ nhỏ nằm trong khu Mỏ than Phấn Mễ đã được khai thác từ đầu thế kỷ XX đến những năm gần đây.

Sản phẩm của mỏ than Đồi Còi là loại than mỡ, chủ yếu phục vụ việc đốt lò sản xuất gạch, ngói trong ngành xây dựng và để chế biến than tổ ong dùng trong sinh hoạt của các hộ gia đình ở Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

ĐỒI GIANG

Nơi tổ chức Lễ nhận Quốc thư đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1/9/1954). Vị trí di tích ở đồi Giang thuộc xã Độc Lập (nay là xã Tiên Hội), huyện Đại Từ. Dự Lễ trình Quốc thư của đại sứ

Trung Quốc La Quý Ba lên Chủ tịch Hồ Chí Minh, phía Việt Nam có các đồng chí: Phạm Văn Đồng (Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), Võ Nguyên Giáp (Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam), Nguyễn Cơ Thạch (Chánh Văn phòng Bộ Ngoại giao), Vũ Đình Huỳnh (Phụ trách Lễ nghi kiêm Xứ trưởng giao tế Bộ Ngoại giao). Về phía Trung Quốc có Đại sứ La Quý Ba, Tham tán Tạ Sáng Thu, Bí thư thứ hai Tào Quế Sinh, Bí thư thứ ba Lý Tô Quang và các chuyên gia Trung Quốc sang giúp ta trước đó.

ĐỒI PHONG TƯỚNG

Nơi công bố quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam cho các đồng chí Chu Văn Tấn, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng. Trước gọi là gò Lụa, nằm giữa 2 con suối Lạ Tre và Chì thuộc xóm La Hang, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ. Khoảng tháng 7/1948, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có phiên họp tại hội trường ở gò Lụa. Đại biểu tỉnh Thái Nguyên có các ông: Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, Trung Thành - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ, Dương Văn Dụ - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã. Tại cuộc họp này, đồng chí Phan Anh thay mặt Chính phủ công bố quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam cho các đồng chí Chu Văn Tấn, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng. Từ đó về sau, nhân dân địa phương gọi gò Lụa là đồi Phong Tướng.

ĐỖ CẬN

Đền, được dựng từ lâu đời bên chân núi Cao Phong thuộc làng Thống Thượng, nay là xóm Thống Thượng, xã Minh Đức, huyện Phổ Yên. Đây là quê hương của Đỗ Cận, người thi đậu Tiến sĩ năm 1478 dưới triều vua Lê Thánh Tông, từng làm Phó sứ đoàn sứ thần nhà Lê đi sứ sang nhà Minh (Trung Quốc). Sau giữ chức Thượng thư 1 bộ trong triều, là người có nhiều công lao với dân, với nước, nên sau khi ông mất (chưa rõ năm nào), nhân dân địa phương thương tiếc và lập đền thờ ông ngay tại quê nhà.

Ngôi đền gồm 4 gian lợp ngói: 1 gian thờ Mẫu, 3 gian thờ Đỗ Cận. Đền cũng có 1 hậu cung nhỏ đặt tượng thờ và một số đồ nghi trượng, bát hương, cờ quạt, trống chiêng. Đền Đỗ Cận còn giữ được 2 tấm bia, có

niên đại thời vua Tự Đức (1848 - 1883) ghi đóng góp của nhân dân trong dịp tu tạo ngôi đền. Lễ hội đền Đỗ Cận được tổ chức vào các ngày 13 - 14/3 Âm lịch, tương truyền đó là ngày ông rời quê hương về kinh đô.

ĐỖ ĐÌNH ĐẠO

Đồn điền của chủ người Việt là Đỗ Đình Đạo, thuộc xã Tân Thái, huyện Đại Từ, còn gọi là đồn điền Tân Thái. Đồn điền có trên 100 mẫu (khoảng 38 ha) ruộng, đồi, bãi. Đỗ Đình Đạo giao cho Hoàng Hộ làm quản lí tổ chức trồng cây lương thực, trồng chè và chăn nuôi theo hình thức phát canh, thu tô.

ĐỘI NĂM

Người được suy tôn là ông tổ chè Tân Cương, tên thật là Vũ Văn Hiệt, sinh năm 1883, quê xã Bạch Nam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; gia đình định cư tại Thái Nguyên khoảng những năm 1919, 1920; mất tại Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên) năm 1945.

Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), ông bị bắt đi lính, bị đưa sang Pháp làm lính thợ đúc khuôn các chi tiết máy bay. Kết thúc chiến tranh, hồi hương được cấp khoản trợ cấp và được Chính phủ bảo hộ Pháp cấp đất hoang ở vùng Ỷ Na, tổng Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ để lập trang trại. Ông đã chiêu mộ dân làng quê mình và một số tỉnh đồng bằng lên khai khẩn, trồng cấy ở đất Ỷ Na. Nhờ có cụ Nghè Sổ Nguyễn Đình Tuân, khi đó là Án sát kiêm Tuần phủ (đứng đầu tỉnh) Thái Nguyên chỉ bảo, giúp đỡ nên ông Đội Năm đã dẫn đầu một nhóm người dân Ỷ Na lên huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ học hỏi, mang giống chè trung du về trồng thành công. Do hợp thổ nhưỡng, khí hậu, chè Ỷ Na còn thơm ngon hơn chè chính gốc. Ông Đội Năm mở xưởng chế biến chè, mở cơ sở bán chè ở tỉnh Thái Nguyên, rồi giao dịch bán chè đến nhiều tỉnh, khắp 3 kì. Năm 1926, xã Tân Cương thành lập, ông được bầu làm Tiên chỉ đầu tiên của xã. Năm 1935, ông đã đưa sản phẩm chè Cánh Hạc Tân Cương đi dự thi (triển lãm) tại Đấu Xảo Hà Nội, đoạt giải nhất, được thương gia Ấn Độ đặt mua với số lượng lớn.

Sinh thời, ông Đội Năm - Vũ Văn Hiệt đã được người dân đất chè Tân Cương suy tôn là ông Tổ chè Tân Cương.

ĐÔNG

Đình, còn gọi là Phục Hổ đình, được dựng vào thế kỷ XIX, còn tương đối nguyên vẹn ở xóm Làng Vàng, xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

Đình gồm 7 gian tiền đường và 2 gian hậu cung thông với nhau. Nhà tiền bái có kiến trúc theo kiểu tường hồi bít đốc, vì kèo theo kiểu "quá giang kẻ truyền" mái lợp ngói mũi hài. Gian hậu cung là nơi thờ Cao Sơn Quý Minh. Đình được tu sửa lớn. Phần sân đình dài bằng chiều dài nhà tiền bái (19,5m).

Lễ hội hằng năm tổ chức tại đình vào ngày 10/1 (có rước kiệu) và ngày 10/10 Âm lịch (Lễ hội Cầu mùa).

Hiện vật cổ lưu giữ tại đình gồm 1 sắc phong niên đại Tự Đức năm thứ 31 (1878), 1 sắc phong niên đại Thành Thái năm thứ 10 (1898), 1 ngai thờ chạm rồng trên có đặt bài vi tên thần, 1 kiệu bát cống, 1 bộ cửa võng có trang trí tư linh, 1 hoành phi, 1 chân đèn (quán tẩy), 1 chiêng, 1 trống, 2 bát hương màu da lươn gốm Thổ Hà và một số đồ thờ có giá trị nghệ thuật.

Di tích lịch sử Đình Đông được xếp hạng di tích Quốc gia tại Quyết định số 04/2006/QĐ-BVHTT, ngày 17/1/2006.

ĐÔNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Sỏi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Năm 1988, đình được xây dựng lại trên nền cũ, kết cấu hình chuôi vồ, khung gỗ, đầu hồi bít đốc với 1 gian tiền tế rộng 20 m^2, 1 gian hậu cung rộng 5m^2, mái lợp ngói vẩy rồng, trên nóc đắp hình lưỡng long chầu nguyệt.

Hiện vật cổ còn lại tại đình gồm 1 án gian từ thế kỷ XIX; 1 bài vị và ngai, 1 hộp đựng sắc phong, 2 sắc phong niên đại Khải Định năm thứ 9 (1924) đã bị mục nát, 1 quán tẩy, 1 cây trúc, 2 con hạc bằng gỗ.

Lễ hội được tổ chức hằng năm ở đình từ ngày 10 đến 15/1 Âm lịch.

ĐÔNG Á

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại, tiền thân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Tùng,

được thành lập từ ngày 15/12/2003, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600349907 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 26/12/2003. Trụ sở chính đặt tại 142 - Đường Hoàng Văn Thụ, thuộc địa phận Tổ 30, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; kinh doanh nhà cho thuê; kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng ăn uống, vui chơi giải trí, thể thao; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch... Công ty có 4 chi nhánh trực thuộc:

1- Chi nhánh Khách sạn Đông Á, thành lập từ tháng 7/2004.

2- Chi nhánh Tư vấn xây dựng, trụ sở tại số 142 - Đường Hoàng Văn Thụ thuộc Tổ 30, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

3- Chi nhánh Vật liệu xây dựng, trụ sở tại số 142 - Đường Hoàng Văn Thụ thuộc địa phận Tổ 30, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

4- Tổ hợp Khách sạn (4 sao) - nhà hàng Đông Á Plaza tại đường Phan Đình Phùng nối dài, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

ĐÔNG Á I

Khách sạn, khánh thành và đi vào hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2004, đặt tại số 142 - Đường Hoàng Văn Thụ, thuộc địa phận tổ 30, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Khách sạn Đông Á I có 24 phòng nghỉ, đạt tiêu chuẩn 2 sao.

ĐÔNG Á II

Khách sạn, khánh thành và đi vào hoạt động tháng 4/2008, đặt tại số 48 thuộc địa phận tổ 3, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Khách sạn Đông Á II có 58 phòng nghỉ, đạt tiêu chuẩn 3 sao.

ĐÔNG Á RESORT

Khu Nghỉ dưỡng và Du lịch sinh thái Phúc Xuân, còn gọi là Khách sạn Đông Á III, được xây dựng năm 2009, là một trong 3 hệ thống của khách sạn Đông Á, nằm trên địa phận xóm Cao Khánh, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên. Khu ẩm thực có nhiều món đặc sản đồng quê, khu nghỉ dưỡng nhà sàn cao cấp, sân golf nước, ao thả cá vàng, bến

thuyền,.... Những ngôi nhà cổ có nguồn gốc từ nhiều vùng miền với tuổi đời vài trăm năm được chuyển về đây; đáng chú ý là một ngôi nhà cổ được dựng năm 1711 bằng nhiều loại gỗ quý hiếm, có nguồn gốc từ huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, rộng hơn 300 m².

ĐÔNG Á THÁI NGUYÊN

Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn, được thành lập năm 2009, trụ sở đặt tại thôn Phúc Thành, xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ.

Sau gần 2 năm đi vào hoạt động, Chi nhánh Công ty đã khai thác được hơn 110.000 tấn quặng sắt tại mỏ sắt Hoá Trung. Trữ lượng khai thác của mỏ gần 715.000 tấn, công suất khai thác 50.000 tấn/năm.

ĐÔNG ẤU

Nơi diễn ra trận đánh phỉ (1949). Vị trí di tích ở ngã tư Đông Ấu, nơi giáp ranh 2 xóm Đồng Bốn và Hoà Lâm thuộc xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Dưới sự chỉ đạo của ông Cao Nhật (Nguyễn Văn Nội), dân quân du kích xã Tân Thành đã phục kích bắt được 8 tên, thu 3 khẩu súng ngắn đem về nộp cho xã Tân Thành.

ĐÔNG CAO

Xã, nằm ở vùng Đông Nam huyện Phổ Yên; phía đông và đông nam giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là các xã Quang Minh và Hòa Sơn của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), phía đông bắc giáp xã Tiên Phong, phía tây bắc và phía bắc giáp xã Tân Hương, phía tây nam giáp xã Trung Thành và phía nam giáp xã Tân Phú (đều thuộc huyện Phổ Yên).

Xã Đông Cao thành lập đầu năm 1946, với tên gọi là xã Tân Tiến (gồm 4 làng Nam Đô, Cẩm La, Phù Hương và Trinh Nữ của tổng Tiểu Lễ - nay là các xã Tân Hương, Đông Cao và Tân Phú). Trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954), xã Tân Tiến được tách thành 3 xã, gồm Tân Tiến (mới), Tân Hương và Tân Phú. Từ ngày 1/5/1975, theo Quyết định số 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, xã Tân Tiến (mới) được đổi tên thành xã Đông Cao. Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009, xã Đông Cao có 7.388 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Mường, Sán Chay cư trú ở 24 xóm: Thành, Thượng, Việt Hồng, An Phong, Dỏ, Cò, Đồi, Sắn, Tân Ấp, Đình, Nghè, Trang, Tân

Thành, Tân Trung, Dộc, Me, Đông, Trại Cẩm La, Soi, Việt Lâm, Đông Hạ, Trà Thị, Việt Cường, Rùa.

ĐỒNG CHUỖNG

Mỏ đá vôi, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 21 ha, trữ lượng 27.155.000 tấn đá vôi, công suất thiết kế 1.000.000 tấn/năm, thời hạn khai thác 30 năm. Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- Nhà máy xi măng La Hiên được khai thác mỏ đá vôi La Hiên theo Giấy phép số 1057/GP-BTNMT, ngày 10/6/2009 của Bộ Tài Nguyên Môi trường. Sản phẩm chủ yếu phục vụ sản xuất xi măng của Nhà máy xi măng La Hiên và các nhà máy xi măng thuộc Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam (TK V).

ĐÔNG HẠ

Đình, có từ thế kỷ XVIII, đã bị tiêu thổ trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ở làng Đông Hạ thuộc xã Đông Cao, huyện Phổ Yên; thờ chung các vị thành hoàng với các đình Phúc Duyên, Trà Thị cùng xã, đó là: Thánh Tam Giang (Trương Hống, Trương Hát), Đô úy Phò mã Dương Tự Minh và Diên Bình Công chúa.

Năm 1947, đình Đông Hạ bị phá dỡ; một số đồ thờ trong đình phải gửi sang chùa hoặc nghè để cất giấu, nhưng cũng thất thoát nhiều. Năm 2009, đình được xây dựng lại bằng vật liệu bê tông, cốt thép. Đình có kiến trúc 4 mái đầu đao, tường hồi, bít đốc, mái lợp ngói vảy cá, bờ nóc đắp lưỡng long chầu mặt trời, bờ dải để trơn không trang trí hoa văn. Tiền tế đình có 3 gian 2 dĩ, hậu cung 1 gian, tổng diện tích 84,05 m^2 thông với gian giữa có 1 bàn thờ với nhiều đồ thờ. Sân đình được đổ bê tông có diện tích khá rộng rãi dùng làm nơi tổ chức lễ hội hằng năm. Hai bên đình, bên trái có nhà bếp, bên phải có đền Cầu Đẩu, phía trước ngôi đình là cánh đồng rộng nhìn về địa phận xã Tân Phú giáp sông Cầu.

ĐÔNG HỒ

Nơi đặt xưởng sản xuất thuốc súng phục vụ kháng chiến (1947 - 1952). Vị trí di tích ở xóm Đông Hồ, xã Thượng Đình, Huyện Phú Bình.

Năm 1952, xưởng chuyển vào Trại Cau, huyện Đồng Hỷ; sau chuyển lên Bến Giềng, huyện Phú Lương, lấy tên là H53. Sau đó, xưởng được chuyển đến Giang Tiên, huyện Phú Lương lấy tên là H54.

ĐỒNG BẢN

Suối, tích nước từ các khe, rạch, rãnh đồi của vùng Đồng Bản (xã Bình Long, huyện Võ Nhai) mà tạo thành. Suối cung cấp nước tưới cho các cánh đồng và phục vụ sinh hoạt, sản xuất của nhân dân xóm Đồng Bản, xã Bình Long, huyện Võ Nhai.

ĐỒNG BẨM

Xã, ở khu vực Đông Bắc thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp thị trấn Chùa Hang (huyện Đồng Hỷ), phía tây và phía nam giáp sông Cầu, phía đông giáp xã Linh Sơn (huyện Đồng Hỷ). Diện tích tự nhiên 4,01 km². Dân số (năm 2009) có 5.441 người thuộc 8 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Mường, cư trú ở 10 xóm: Gia Bẩy, Tổ 2 Ao Voi, Đồng Tâm, Làng Đông, Văn Thánh, Đồng Bẩm, Tân Hương, Nhị Hòa, Tân Thành 1, Tân Thành 2. Nguồn sống chính của người dân xã Đồng Bẩm là nghề nông, trong đó trồng rau xanh là nghề truyền thống; là nơi cung cấp thực phẩm (rau và sản phẩm chăn nuôi) quan trọng của thành phố.

Trước đây, xã Đồng Bẩm thuộc huyện Đồng Hỷ. Ngày 19/10/1962, xã Đồng Bẩm cùng 5 xã của huyện Đồng Hỷ chuyển về trực thuộc thành phố Thái Nguyên. Năm 1985, xã Đồng Bẩm của thành phố Thái Nguyên chuyển giao về trực thuộc huyện Đồng Hỷ. Đến năm 2008, xã Đồng Bẩm lại chuyển về trực thuộc thành phố Thái Nguyên.

ĐỒNG BẨM

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Tính đến năm 1954, dân số toàn xã có 2.416 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Trại.

Trong những tháng đầu toàn quốc kháng chiến, nhân dân Đồng Bẩm đã tiếp nhận và giúp đỡ nơi ăn chốn ở cho đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư đến. Thanh niên trong xã hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Thu - Đông 1947, giặc Pháp mở cuộc tấn công quân sự quy mô lớn vào Căn cứ địa Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh. Cùng với quân, dân cả nước, nhân dân xã Đồng Bẩm trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến

đấu, buộc thực dân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc, làm thất bại âm mưu chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Tiếp đó, quân và dân trong xã trực tiếp chiến đấu đánh bại cuộc hành quân Phôcơ (Chó biển) của giặc Pháp, góp phần vào chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947 và chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, nhân dân xã Đồng Bẩm ra sức xây dựng hậu phương, đóng góp sức người sức của chi viện tiền tuyến. Ngoài các đợt đi dân công phục vụ chiến dịch, nhân dân trong xã còn động viên hàng trăm con em ưu tú nhập ngũ, tham gia chiến đấu trên các chiến trường, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Sau giảm tô (1953), xã Đồng Bẩm được chia thành 2 xã: Đồng Bẩm và Cao Ngạn.

ĐỒNG BÔNG

Cầu, được xây dựng năm 1987 tại Km 147+102 - Quốc lộ 37, thuộc địa phận xóm 7 xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2006, cầu được sửa chữa, thay mới dầm bản, có chiều dài 13,2 m, rộng 8,5 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 8 m, kết cấu nhịp 6,58 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân ĐX; tải trọng thiết kế H13 - X60, tải trọng hiện tại 17 tấn.

ĐỒNG BỨA

Suối, chạy dài theo địa phận các xóm Bứa, Quảng Phúc, Chùa, Chịp của xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Suối Đồng Bứa cung cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân 4 xóm của xã Bình Long.

ĐỒNG CẢ

Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm cán bộ và nhân dân. Vị trí di tích ở xóm Đồng Cả thuộc xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Nơi đây, ngày 14/9/1954, Người ra tận bờ ruộng thăm hỏi và động viên bà con nông dân trong xóm đang thu hoạch vụ lúa đầu tiên sau cải cách ruộng đất. Người căn dặn: "*Nông dân sau Cải cách ruộng đất có ruộng đất, có trâu cày thì phải tích cực sản xuất, phải giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, phải xây dựng tổ đổi công, cùng nhau làm ăn, có ăn rồi mới có đóng góp để xây dựng đất nước*".

ĐỒNG CẨU

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng tại xóm Đồng Cầu thuộc xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ. Hồ thuộc loại công trình cấp 3, có dung tích hữu ích 2.340.000 m^3 nước. Diện tích mặt nước hồ khoảng 5 ha, dung tích 150.000 m^3 nước. Hồ có một kênh chính dài 3 km. Hồ cung cấp nguồn nước tưới cho 75 ha ruộng lúa cấy 2 vụ. Ngoài ra, hồ còn là nguồn cung cấp thuỷ sản, điều tiết độ ẩm không khí và tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

ĐỒNG CẨU

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Đồng Cẩu, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ 4 vị thần: Đức ông Tổng đốc Đô thống đại thần vào ngày 10/4 âm lịch, làm Lễ hạ điền; Đức ông Cao Sơn Quý Minh Đại vương vào ngày 15/4 âm lịch, làm Lễ ăn cơm mới; Đức ông Cỏ Thiết Tướng quân đại thần vào ngày 7/8 âm lịch, làm Lễ thượng điền; Đức bà Công Nàng (công chúa đại thần). Lễ hội hằng năm được tổ chức vào 16/1 Âm lịch.

Hiện nay, đình Đồng Cẩu đã bị đổ nát, chỉ còn lại hai bức tường hai bên; hai tấm bia đá và hậu cung. Hậu cung có hai câu đối, mái lợp lá cọ.

ĐỒNG CẨU

Trống đồng, do dân phát hiện tháng 4/1982 tại thôn Đồng Cẩu, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ. Khi phát hiện, trống không còn nguyên vẹn, mặt trống bị thủng tâm, chân trống sứt vỡ nhiều chỗ, mất một quai, 1 quai mất một nửa, tang và thân còn rõ hoa văn.

Trống Đồng Cẩu cao 32,5 cm, đường kính mặt 41,5 cm, đường kính chân 48 cm, trọng lượng 12,1 kg. Mặt trống trang trí 7 vòng đồng tâm. Hai vành ngoài trống nhiều hoa văn hình tam giác, có điểm đối xứng nhau, phân cách bởi gờ nổi. Tiếp theo là hình 4 chim cách điệu bay cùng chiều, ngược kim đồng hồ, giữa là ngôi sao 12 cánh, đúc nổi.

Phần tang trống, có hoa văn hình tam giác bố trí ở 2 vành tiếp giáp mặt trống, đứng đối xứng. Tiếp theo là hình hoa văn hình thuyền có người chèo, hướng ngược chiều kim đồng hồ. Phần thân trống, nơi tiếp giáp với tang trống, trang trí các loại hoa văn: Có 8 hình con bò và xương cá cách điệu, hình nọ nối tiếp hình kia đều đặn, đầu quay theo hướng

ngược chiều kim đồng hồ. Chân trống có trang trí các loại hoa văn và các gờ nổi phân cách với phần trên của trống.

Trống có 4 bộ quai kép đối xứng nhau, nối tang trống với thân trống, nhưng chỉ còn 2 bộ quai nguyên vẹn, 1 bộ chỉ còn 1 quai đơn và 1 bộ mất hẳn. Trên các quai trống (còn lại) đều trang trí hoa văn xương cá. Về kỹ thuật, trống Đồng Cẩu được đúc bằng khuôn 2 mang. Lòng trống han gỉ do chôn dưới đất quá lâu.

Trống Đồng Cẩu được bảo quản tại Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên; số đăng ký BTBT 43, vào sổ ngày 22/7/1992. Số phân loại: KL43. Trống Đồng Cẩu thuộc loại I Heger, loại trống đồng thời Đông Sơn nổi tiếng.

ĐỒNG CHỢ

Điểm rơi 1 chiếc một máy bay quân sự Pháp chở lương thực bị bốc cháy (19/4/1948). Vị tri di tích ở xóm Đồng Chợ thuộc xã Phủ Lý, huyện Phú Lương. Hai tên phi công nhảy dù ra, một tên đã bị dân quân trong xã bắt sống; tên còn lại bỏ chạy bị bắn chết.

ĐỒNG DANH

Cầu treo, được xây dựng năm 2001 tại địa phận xóm Đồng Danh, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai. Cầu dài 72m, nhịp cầu dài 72 m; mố cầu được làm bằng bê tông cốt thép. Cầu có tải trọng 0,5 tấn, chỉ đảm bảo cho xe máy, xe thô sơ qua lại.

ĐỒNG DANH

Nhà thờ họ đạo, được xây dựng năm 1985, tại xóm Gốc Mít xã Tân Thái, huyện Đại Từ. Nhà thờ có tổng diện tích 1.000m², là nơi sinh hoạt, hành lễ thường nhật của giáo dân trong xóm.

ĐỒNG DONG

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2005 tại địa phận xóm Đồng Dong, xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Cầu dài 14 m, nhịp dài 12 m. Mố cầu được xếp bằng đá, dầm bằng thép. Theo thiết kế, cầu Đồng Dong có tải trọng 5 tấn.

ĐỒNG DUNG

Nơi đặt cơ sở 2 của Trạm Liên lạc Xứ ủy Bắc Kỳ. Vị trí di tích ở bãi Đồng Dung thuộc xóm Bình Định, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Dưới sự chỉ đạo của các đồng chí Nguyễn Trọng Tỉnh, Trần Độ,... nơi đây đã giữ vững đầu mối liên lạc của cán bộ ở xuôi lên Võ Nhai và ngược lại.

ĐỒNG ĐAU

Nơi ở và làm việc của Bộ Tổng Tham mưu và đồng chí Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái (1947 - 1953) Vị trí di tích ở xóm Đồng Đau thuộc xã Định Biên, huyện Định Hóa.

Nơi đây đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến Đồng Đau thăm và làm việc với Bộ Tổng Tham mưu. Tháng 2/1953, Bộ Tổng Tham mưu triệu tập Hội nghị cán bộ quân sự cấp trung đoàn nghiên cứu chiến thuật đánh tập đoàn cứ điểm. Qua Hội nghị, cán bộ đã thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu trong phòng ngự tập đoàn cứ điểm của địch, đề ra một số cách đánh, cách đối phó hỏa lực của địch...

ĐỒNG ĐÌNH

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2005, tại địa phận xóm Đồng Đình, xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Cầu dài 12 m, nhịp dài 8 m. Mố cầu được xếp bằng đá, dầm bằng thép. Theo thiết kế, cầu Đồng Đình có tải trọng 5 tấn.

ĐỒNG GIẢNG

Hang đá tự nhiên ăn sâu vào chân dãy núi đá Đồng Giảng, có độ cao khoảng 300 m, thuộc xóm Đẩu, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Cửa hang Đồng Giảng rất rộng lớn. Ngay trước cửa hang là khu đất rộng, bằng phẳng, có rất nhiều cây rừng lớn. Lòng hang sâu và rộng. Nền hang đi lại dễ dàng, có nhiều chỗ bằng phẳng. Không khí trong hang trong lành, mát mẻ về mùa hè và khá ấm áp về mùa đông.

Hang Đồng Giảng là nơi từ năm 1967 đến năm 1971, đơn vị 73 của Tỉnh đội Bắc Thái cất giữ vũ khí và đơn vị quản lí bản đồ quân sự của Tỉnh đội làm việc, cất giữ bản đồ.

ĐỒNG GIANH I

Cầu, được xây dựng tại Km 106+5 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 20 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, có tải trọng H10.

ĐỒNG GIANH II

Cầu, được xây dựng tại Km 107+2 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 13 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, có tải trọng H10.

ĐỒNG GIANH III

Cầu, được xây dựng tại Km 107+33 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 13 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, có tải trọng H10.

ĐỒNG HOÀNG

Chùa, tên chữ là Hoàng Lai tự, ở xóm Đồng Hoàng, xã Phú Đình, huyện Định Hoá. Đây là một trong những ngôi chùa lớn của huyện Định Hoá. Chùa chính thức được dựng thời nhà Đinh (TK X) với quy mô lớn để thờ Phật. Sau đó, Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Tiên Hoàng) được nhân dân tạc tượng thờ trong tam quan chùa. Chùa đã được tu sửa nhiều lần, trong đó có lần vào thời nhà Mạc (TK XVI).

Chùa Đồng Hoàng có kiến trúc theo kiểu chữ NHỊ gồm 2 ngôi nhà; ngôi nhà liền trước chùa gọi là tam quan thờ Đinh Tiên Hoàng, ngôi nhà sau là nơi thờ Phật. Giữa nhà đặt bàn thờ Tam Bảo có tượng 3 ông bụt ốc ở tư thế đứng. Tiếp đến là Ngọc Hoàng trang phục, áo đỏ, 2 vai có hạc. Dưới là Thích Ca 1 tay chỉ đất, 1 tay chỉ trời; hai bên Thích Ca có Kim Đồng, Ngọc Nữ quỳ gối dâng hoa. Bên dưới Thích Ca có Nam Tào, Bắc Đẩu. Ở ngoài cửa có ông Thiện và ông Ác ở 2 bên cửa cưỡi trên lưng con thấu (hay còn gọi là sấu, như con sư tử). Ông Thiện ở tay trái cầm ngọc, tay phải chống đùi, ông Ác tay phải cầm mác, tay trái chông đùi.

Bên phải chùa có một động đất, bên trong có tượng Quan Âm tống tử tay bế một đứa bé. Bên trái chùa có một động đất khác thờ Quan Âm Bạch Y. Bên dưới hai động đất có hai bệ. Bệ bên phải thờ Thánh Tăng, đối diện bên trái là Giám Tử. Dưới cùng là tượng Long Thần, Thổ Địa.

Chùa Đồng Hoàng đã đổ nát từ lâu, nay chỉ còn nền.

ĐỒNG HỶ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân huyện Đồng Hỷ đã trực tiếp chiến đấu góp phần đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp vào căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947. Tiếp đó, trong Thu - Đông 1950, quân và dân huyện Đồng Hỷ chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi cùng quân, dân trong tỉnh đánh bại cuộc hành quân Phôcơ, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía Nam ATK Trung ương. Nhân dân các dân tộc trong huyện đã động viên hàng ngàn thanh niên tòng quân, đi dân công phục vụ các chiến dịch; đóng góp hàng trăm tấn lương thực, hàng chục tấn thực phẩm, góp phần vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954).

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đồng Hỷ đã được Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 09/2003/QĐ-CTN (4/1/2002), tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

ĐỒNG HỶ

Huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*: thời thuộc Minh, gọi là Động Hỷ; đời Lê Hồng Đức đổi thành Đồng Giao; sau đó đổi theo tên cũ. Huyện lị đặt ở xã Huống Thượng, đến đầu thế kỷ XX mới di rời lên xã Đồng Mỗ (nay là địa phận phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên).

Địa phận huyện Đồng Hỷ trải dài từ 21°32' đến 21°51' vĩ Bắc và 105°46' đến 106°04' kinh Đông. Về phía bắc, huyện Đồng Hỷ giáp huyện Võ Nhai và tỉnh Bắc Kạn, phía nam giáp huyện Phú Bình và thành phố Thái Nguyên, phía đông giáp tỉnh Bắc Giang, phía tây giáp huyện Phú Lương và thành phố Thái Nguyên. Ranh giới tự nhiên giữa huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên là khúc sông Cầu uốn lượn từ xã Linh Sơn theo hướng bắc - nam xuống đến đập Thác Huống (xã Huống Thượng).

Tính đến năm 2009, diện tích tự nhiên huyện Đồng Hỷ là 455,24 km²; dân số 107.769 người thuộc 21 thành phần dân tộc (trong đó, 8 thành

phần dân tộc có số dân từ 200 người trở lên: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Dao, Tày, Mông, Sán Chay, Ngái). Mật độ dân số trung bình 240 người/km².

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, địa giới hành chính huyện Đồng Hỷ có nhiều biến động. Vào cuối thế kỷ XIX, thời vua Đồng Khánh triều Nguyễn (1885 - 1888), huyện Đồng Hỷ có 9 tổng, 33 xã, thôn, trang, phường. Tổng Đồng Bang gồm 4 xã (Cam Giá, Đồng Bang, Nam Ký, Văn Hán); tổng Hoá Thượng gồm 3 xã (Hoá Thượng, Hoá Trung, Quang Vinh); tổng Huống Thượng gồm 5 xã, phường (xã Đồng Bẩm, xã Huống Thượng, xã Linh Nham, xã Phổ Lý và phường Huống Thượng (Thuỷ cơ); tổng Lịch Sơn gồm 2 xã, thôn (xã Lịch Sơn và thôn La Hiên); tổng Minh Lý gồm 1 xã (Minh Lí); tổng Niệm Quang gồm 3 xã (Bá Xuyên, Niệm Quang, Tích Mễ); tổng Túc Duyên gồm 9 xã, thôn, trang, phường (xã Đồng Mỗ, xã Lưu Xá, xã Phù Liễn, xã Sa Kiệt, xã Thịnh Đán, xã Túc Duyên, thôn Xuân Quang, trang Mỗ Thượng, phường Đồng Hoà); tổng Vân Lăng gồm 4 xã, trang (xã Đặc Kiệt, xã Sa Lung, xã Vân Lăng, trang Cúc Đường).

Năm 1901, cùng với việc điều chỉnh địa giới cấp tỉnh, bỏ cấp phủ, đặt cấp châu, huyện trực thuộc tỉnh, chính quyền thực dân Pháp cắt đất 3 tổng Vân Lăng, Thượng Nùng, Lịch Sơn về châu Võ Nhai; tách xã Thịnh Đán, Sa Kiệt (còn gọi là Sa Kệ, Sa Cạt) khỏi tổng Túc Duyên để thành lập tổng Thịnh Đán; đổi tổng Đồng Bang thành tổng Cam Giá; tách xã Lưu Xá của tổng Túc Duyên về tổng Cam Giá; tách xã Vân Hán khỏi tổng Cam Giá để thành lập tổng Vân Hán. Như vậy, từ thời điểm này, Đồng Hỷ có 7 tổng: Cam Giá, Hoá Thượng, Huống Thượng, Niệm Cuông (Niệm Quang), Thịnh Đán, Túc Duyên và Vân Hán. Từ nửa sau những năm 20, đầu những năm 30 thế kỷ XX, huyện Đồng Hỷ còn 5 tổng: Bảo Nang, Hoá Thượng, Huống Thượng, Niệm Quang và Túc Duyên, với 40 làng. Dân số toàn huyện thời gian này có trên 9.450 người.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, thị xã Thái Nguyên chính thức trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh, tách ra khỏi huyện Đồng Hỷ. Năm 1957, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, xã Mỏ Sắt thuộc huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang được chuyển giao về huyện Đồng Hỷ. Đến lúc này, huyện Đồng Hỷ có 29 xã: Bá Xuyên, Bình Sơn, Cao Ngạn, Cam Giá, Cây Thị, Đồng Bẩm, Đồng Quang, Gia Sàng, Hoá Thượng, Hoá

Trung, Huống Thượng, Khe Mo, Linh Sơn, Minh Lập, Mỏ Sắt (tức Hợp Tiến), Nam Hoà, Phúc Hà, Phúc Tân, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Quang Vinh, Tân Cương, Tân Lợi, Tân Quang, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tích Lương, Túc Duyên và Vân Hán.

Năm 1958, theo quyết định của Chính phủ, một phần đất của các xã Đồng Bẩm, Cao Ngạn, Hoá Thượng được tách khỏi huyện Đồng Hỷ để thành lập thị trấn Núi Voi và tiểu khu Chiến Thắng trực thuộc thị xã Thái Nguyên.

Ngày 19/10/1962, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 114/CP về việc thành lập thành phố Thái Nguyên trực thuộc tỉnh và thị trấn Trại Cau. Thực hiện quyết định này, huyện Đồng Hỷ chuyển giao về thành phố Thái Nguyên 6 xã: Cam Giá, Gia Sàng, Túc Duyên, Quang Vinh, Đồng Bẩm, Đồng Quang (trừ các xóm: Kiến Ninh, Phú Thái và Yên Lập sáp nhập vào xã Quyết Thắng); cắt 3 xóm Thái Thông, Đoàn Kết, Thác Ngạc của xã Tân Lợi để thành lập thị trấn Trại Cau trực thuộc thành phố Thái Nguyên.

Ngày 2/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 102/HĐBT về việc điều chỉnh địa giới một số huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Thái. Theo đó, huyện Đồng Hỷ chuyển giao về cho thành phố Thái Nguyên 7 xã: Phúc Hà, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đức, Thịnh Đán, Tích Lương; giao cho huyện Phổ Yên 2 xã: Bình Sơn, Phúc Tân; đồng thời tiếp nhận lại từ thành phố Thái Nguyên xã Đồng Bẩm, tiểu khu Chiến Thắng, thị trấn Núi Voi, thị trấn Trại Cau; tiếp nhận từ huyện Võ Nhai 4 xã: Hoà Bình, Quang Sơn, Tân Long và Vân Lăng. Sau khi chuyển về huyện Đồng Hỷ, thị trấn Núi Voi và tiểu khu Chiến Thắng được sáp nhập thành thị trấn Chùa Hang. Cũng từ đó, huyện lị Đồng Hỷ được đặt tại thị trấn Chùa Hang, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 3 km về phía đông bắc.

Năm 2008, hai xã Đồng Bẩm và Cao Ngạn được cắt về thành phố Thái Nguyên. Từ thời điểm này trở đi, huyện Đồng Hỷ có 15 xã và 3 thị trấn.

Huyện Đồng Hỷ có nguồn tài nguyên thiên nhiên tương đối phong phú. Toàn huyện có 26.448 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên 14.432,2 ha, rừng trồng 7.146,6 ha, 4.869,2 ha đất trống đồi núi trọc. Khoáng sản, có

cụm mỏ sắt Trại Cau khoảng 20 triệu tấn, và mỏ Linh Sơn 1 - 3 triệu tấn và các mỏ đá xây dựng, đất sét, đá vụn, cát sỏi, đá Carbuat, Dolomit...

Nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ có truyền thống đoàn kết, bất khuất, kiên cường. Từ thế kỷ XVIII về trước, nhân dân trong huyện đã nhiều lần nổi dậy, hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa chống các thế lực phong kiến phương Bắc tràn xuống xâm lược nước ta. Từ khi thực dân Pháp xâm lược và cai trị, nhân dân huyện Đồng Hỷ kiên cường đấu tranh để giành độc lập tự do. Đặc biệt, từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhân dân trong huyện hăng hái đi theo Đảng làm cách mạng để giải phóng quê hương, đất nước.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ ra sức xây dựng và củng cố chính quyền, đồng thời tích cực chuẩn bị chiến đấu bảo vệ quê hương. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, huyện Đồng Hỷ có 1.200 thanh niên nhập ngũ, tham gia chiến đấu trên các chiến trường; hàng vạn lượt dân công phục vụ tiền tuyến; đóng góp hơn 7.000 tấn lương thực, thực phẩm.

Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975), nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ vừa ra sức xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, vừa tích cực chi viện chiến trường miền Nam theo tinh thần: *Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*. Không kể hàng vạn tấn lương thực, thực phẩm, toàn huyện đã động viên 5.175 con em xung phong tòng quân. Trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975), huyện Đồng Hỷ đã có 767 liệt sĩ, 425 thương binh...

Đồng Hỷ cũng là một vùng đất có truyền thống văn hoá. Từ năm 1973 đến năm 2008, trên địa bàn huyện đã phát hiện 4 trống đồng và một số dụng cụ đồ đồng (rìu đồng có họng tra cán, búa đồng, giáo đồng). Đây là 4 trong 6 trống đồng và mặt trống đồng được tìm thấy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Các nhà khảo cổ học xác định đây là những di vật Văn hoá Đông Sơn.

Ngành Giáo dục của huyện có những bước phát triển khá nhanh. Đến năm học 2010, toàn huyện có 46 trường phổ thông; trong đó có 25 trường Tiểu học với 412 phòng học, 392 lớp; 18 trường Trung học cơ sở

với 204 phòng học, 172 lớp; 2 trường Trung học phổ thông với 49 phòng học, 65 lớp; và 1 trường Trung học phổ thông cấp II - III; 33/46 trường đạt chuẩn Quốc gia. Tính cả 3 cấp học, toàn huyện có 1.302 giáo viên và 17.673 học sinh.

Về y tế, đến năm 2010, huyện Đồng Hỷ có 20 cơ sở khám, chữa bệnh; trong đó có 1 bệnh viện đa khoa với 205 giường bệnh, 1 phòng khám đa khoa khu vực với 5 giường bệnh, 18 trạm y tế xã, phường với 75 giường bệnh. Toàn huyện có 213 cán bộ y, dược; trong đó có 51 bác sĩ và trên đại học, 1 dược sĩ cao cấp; 100% xóm bản có cán bộ y tế phục vụ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; 88,89% số trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Trạm Y tế xã Hợp Tiến - một xã vùng cao của huyện, là điển hình tiên tiến của toàn ngành Y tế Thái Nguyên về dùng thuốc nam chữa bệnh đạt kết quả cao. Trạm trưởng Đặng Đăng Lý, dân tộc Dao, năm 2000 được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.*

Huyện Đồng Hỷ đã được Nhà nước tặng thưởng 5.600 Huân chương các loại. Cán bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ cùng 2 xã: Cây Thị và Khe Mo được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*; 3 xóm và 26 gia đình được tặng *Bằng có công với nước*; 3 *Bà mẹ Việt Nam anh hùng;* 2 cá nhân được tuyên dương *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; 37 cán bộ Lão thành cách mạng và 21 cán bộ Tiền khởi nghĩa.

ĐỒNG HỶ

Lâm trường, được thành lập năm 1962, trên cơ sở được tách từ Lâm trường Trồng rừng (lập năm 1961).

Lâm trường Đồng Hỷ có nhiệm vụ ươm cây và trồng rừng ở khu vực phía bắc huyện và xung quanh thành phố Thái Nguyên. Ngày 15/9/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ra Quyết định số 112/UB-QĐ về việc thành lập Công ty Lâm nghiệp I trực thuộc Sở Lâm nghiệp. Theo đó, Lâm trường Đồng Hỷ cùng với Xí nghiệp Gỗ Tháng Tám và Công ty Cung ứng được giải thể để chuyển giao nguyên trạng cho Công ty Lâm nghiệp I quản lí kể từ ngày 1/10/1990.

ĐỒNG KEM

Nơi đặt Khu B của Phân viện Quân y 108 (1948 - 1954). Vị trí di tích ở xóm Đồng Kem thuộc xã Yên Ninh, huyện Phú Lương (khu rừng rậm Co Hó - Vai Kem).

Khu B của Phân viện Quân y 108 là nơi chữa trị các thương binh nặng từ các mặt trận chuyển về. Rất nhiều cán bộ, chiến sĩ bị thương đã được đội ngũ bác sĩ, y sĩ quân y Phân viện 108 tận tình cứu chữa, thoát cửa tử thần để trở về với cuộc sống.

Địa điểm nơi đặt Khu B của Phân viện Quân y 108, ngày nay là vườn bãi của nhân dân, chỉ còn dấu vết nền nhà cũ trên đồi dài 8 m, rộng 6 m.

ĐỒNG LÀN

Nơi đặt Nhà máy Quân giới A4 trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích ở xóm Đồng Làn thuộc xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa.

Nhà máy Quân giới A4 là một trong những nhà máy sản xuất vũ khí lớn nhất của quân đội ta trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp. Các phân xưởng sản xuất của nhà máy được xây dựng dọc theo các cánh rừng Thâm So, Nà Loòng, Keo Lồng, Thẩm Kết, Khuôn Hác, Đin Đeng... (nay thuộc 2 xóm Đồng Làn và Ru Nghệ). Văn phòng Ban Giám đốc nhà máy đặt tại đồi Khau Chan thuộc xóm Đồng Làn. Ngày 26/11/1947, từ Quán Vuông, 1 đại đội địch tấn công, càn quét sang khu vực đứng chân của nhà máy A4. Lực lượng tự vệ Nhà máy A4 đã phối hợp chặt chẽ với dân quân, du kích xã Đồng Thịnh, chặn đánh địch ở Khau Phao, Đồng Mòn, tiêu diệt và làm bị thương một số tên địch, buộc chúng phải rút về Quán Vuông.

ĐỒNG LIÊN

Cầu, được xây dựng năm 2010, trên tuyến đường Đồng Liên - Bàn Đạt, thuộc địa phận xã Đồng Liên, huyện Phú Bình. Cầu dài 30 m, rộng 9,5 m, chiều dài nhịp cầu 27 m; tải trọng 30 tấn.

ĐỒNG LIÊN

Xã miền núi, nằm ở phía đông bắc huyện Phú Bình; phía bắc giáp các xã Huống Thượng, Nam Hoà (huyện Đồng Hỷ), phía đông giáp xã Bàn

Đạt, phía nam giáp xã Đào Xá, phía tây giáp phường Hương Sơn, Cam Giá (thành phố Thái Nguyên).

Diện tích tự nhiên là 886.00 ha. Dân số (năm 2009) 4.231 người, thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 10 xóm: Đồng Tâm, Đá Gân, Thùng Ong, Đồng Cão, Đồng Ao, Đồng Tâm, Trà Viên, Bo, Đồng Vạn, Xuân Đám. Nguồn sống chính của người dân xã là từ sản xuất nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi.

Địa hình của xã dốc dần từ bắc xuống nam, độ chênh cao trung bình 0.5m/1km; bị chia cắt bởi nhiều hệ thống sông ngòi. Địa hình nhấp nhô không bằng phẳng ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã.

ĐỒNG LƯỜNG

Đình, được dựng từ lâu đời nằm trên đồi Đình, xóm Đồng Lường, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương; là nơi thờ vị thành hoàng làng là người có công dựng làng và thờ phối thần Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Ngôi đình cổ đã bị sập đổ năm 1966.

Đình Đồng Lường được dựng lại năm 1995 trên nền đình cũ, gồm 3 gian 2 chái, dài 9 m, rộng 6 m, mặt quay về hướng nam; các cột cái, cột con, hoành, xà, câu đầu bằng gỗ, mái lợp ngói nung. Hai bên đình có dựng 2 nhà nhỏ làm nơi thờ thổ thần. Phía sau đình là một cây lim vang cổ thụ và nhiều cây cối.

ĐỒNG MINH GIẢ

Tên một toán cướp, ra đời và hoạt động khoảng từ tháng 5 đến tháng 7/1945 tại khu vực giáp ranh 3 huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ. Lợi dụng tình hình khi bộ máy tay sai của địch ở vùng này đã bị ta vô hiệu hóa, trong lúc quân và dân ta chưa kịp thiết lập chính quyền cách mạng, đang tập trung mọi lực lượng chống lại cuộc tấn công của quân Nhật vào Khu Giải phóng, một số phần tử lưu manh đứng ra chiêu tập đồng đảng, thành lập tổ chức mang tên "Đồng Minh", giả danh lực lượng của phe Đồng Minh chống phát xít vào Việt Nam đánh quân đội Nhật. Chúng mở "Đại hội Đồng Minh" ở xóm Tân Ấp, xã Phúc Thuận và tự phong chức tước cho nhau. Chúng chiêu mộ quân, cướp bóc nhân dân để

ăn uống, tuyên truyền chống phá cách mạng, gây rối trật tự trị an ở cơ sở. Nhân dân trong vùng gọi chúng là "Đồng Minh giả".

Kiên quyết trừng trị toán cướp, bảo vệ tuyến giao thông quan trọng của cách mạng từ An toàn khu II lên Tân Trào, Xứ ủy Bắc Kỳ đã chỉ đạo lực lượng tự vệ địa phương phối hợp với Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái bao vây, tiêu diệt bọn đầu sỏ (Đội Đối, Lí Mười...), đồng thời giải thích cho những người bị chúng lừa gạt, dụ dỗ theo chúng; rồi cho về quê làm ăn sinh sống.

ĐỒNG MỖ

Chùa, tên chữ là Đồng Mỗ tự, ở xóm chùa, xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ xưa; ngày nay thuộc tổ 8, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

Xa xưa, lúc mới dựng, chỉ là Am nhỏ thờ Phật. Thời Pháp thuộc, được xây gạch; lợp ngói mũi, gồm một nhà Tổ 5 gian là nơi thờ Phật cửa nhìn về phía đông nam và gian thờ Mẫu, nhìn về phía đông bắc. Những năm cuối thế kỷ XX, chùa được công đức xây mới rộng lớn, 2 tầng, góc mái cong, mô phỏng kiến trúc chùa thời Nguyễn.

Trước đây, chùa Đồng Mỗ có một quả chuông đồng lớn, đúc vào năm Minh Mệnh thứ 12 (1832) nhưng đã bị thất lạc từ lâu, nay mới được phát hiện treo ở chùa Xa La (quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

ĐỒNG NA

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, gồm 4 xã: Đồng Na, Cam Giá, Nam Hoắc và Vân Hán. Thời Đồng Khánh nhà Nguyễn (1885 - 1888), tổng Đồng Na đổi tên là tổng Đồng Bang, xã Đồng Na đổi tên là xã Đồng Bang, xã Nam Hoắc đổi tên là xã Nam Kỵ. Tổng Đồng Bang vẫn gồm 4 xã như đầu thế kỷ XIX. Tổng Đồng Na (cuối thế kỷ XIX) về cơ bản tương ứng với đất phường Cam Giá và phần phía bắc phường Hương Sơn của thành phố Thái Nguyên ngày nay, một phần đất xã Đồng Liên (huyện Phú Bình); xã Vân Hán và một phần lớn xã Nam Hòa (huyện Đồng Hỷ).

Năm Thành Thái thứ 13 (1901), hai xã Vân Hán và Nam Hoắc tách khỏi tổng Đồng Bang để lập tổng Vân Hán; xã Đồng Bang bị cắt chuyển

về tổng Bảo Nang; tổng Đồng Bang cũng đổi thành tổng Cam Giá gồm 2 xã: Cam Giá và Lưu Xá.

Về cơ bản, vào những thập niên đầu thế kỷ XX, địa phận tổng Cam Giá tương ứng với phần đất phường Cam Giá, phần phía Bắc phường Hương Sơn, phường Phú Xá và phần đất phía Bắc phường Tân Thành thuộc thành phố Thái Nguyên ngày nay.

Đến trước năm 1945, tổng Cam Giá không còn tồn tại; 2 xã Cam Giá và Lưu Xá thuộc về tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ.

ĐỒNG NỎN

Cầu, được xây dựng tại Km 22+55 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 2002, có chiều dài 12,2m, rộng 7m, nhịp dài 6 m chất liệu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

ĐỒNG QUAN

Nơi đặt Trường Quân y Quân khu III (1950 - 1954). Vị trí di tích ở xóm Đồng Quan thuộc xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Lớp học là một nhà lá 7 gian 2 chái rất rộng. Hàng trăm giáo viên, học sinh chủ yếu ở trong các nhà dân. Nhiều chiến sĩ quân y từ mái trường này được phân bổ về các đơn vị bộ đội chiến đấu, tham gia các chiến dịch cho tới ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 1954, Trường Quân y chuyển về xuôi.

ĐỒNG QUÁN

Nơi ở và hoạt động của đồng chí Võ Nguyên Giáp (11/1947), Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam. Vị trí di tích là nhà ông Đàm Trung Tín ở xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai.

ĐỒNG QUANG

Phường, nằm ở trung tâm thành phố Thái Nguyên; phía tây bắc giáp phường Quang Trung, phía đông bắc giáp phường Phan Đình Phùng, phía đông nam giáp 2 phường Gia Sàng và Tân Lập, phía tây nam giáp phường Tân Thịnh. Phường được bao quanh bởi các con đường: Hoàng Văn Thụ, Quang Trung, Lương Ngọc Quyến, Phan Đình Phùng, Thống Nhất, Việt Bắc.

Diện tích tự nhiên 1,46 km², dân số (năm 2009) 10.289 người, thuộc 13 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Giáy, Khơ Me cư trú ở 18 tổ dân phố. Nguồn sống chính của nhân dân là từ hoạt động thương mại, dịch vụ chiếm gần 65%; sống bằng nghề nông khoảng 25%.

Trên địa bàn phường Đồng Quang có Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc, Chi nhánh Ngân hàng Đông Á... Khu dân cư Xuân Thịnh đã hoàn thành và phủ kín 70% diện tích; các khu đô thị mới: 1, 3, 4 Đồng Quang, Thịnh Quang, khu phố thương mại và đại siêu thị BigC đang được triển khai có vốn đầu tư xây dựng 800 tỉ đồng.

ĐỒNG QUẰNG

Đồn điền của chủ người Việt tên Phạm Bá Rong, thành lập đầu những năm 20 thế kỷ XX trên cơ sở khu ruộng Đồng Quằng thuộc làng Bản Héo, xã Phượng Vỹ Trung, tổng Phượng Vỹ Trung, huyện Định Hóa (nay thuộc xã Tân Dương, huyện Định Hóa).

Đồn điền quản lí theo phương thức phát canh, thu tô. Năm 1925, Phạm Bá Rong mộ 20 gia đình người Tày ở Lạng Sơn sang khai phá, mở rộng đồn điền. Năm 1930, Phạm Bá Rong chuyển về Thái Nguyên nhận chức Tri phủ, cho anh trai là Phạm Bá Oanh về làm chủ đồn điền. Phạm Bá Oanh tiếp tục cho trên 10 hộ gia đình dân nghèo ở các tỉnh Thái Bình, Hà Nam lên khai phá đất hoang, mở rộng đồn điền. Năm 1935, Phạm Bá Oanh sang tên đồn điền cho con trai là Phạm Bá An. Năm 1938, đồn điền có diện tích 337 mẫu Bắc Bộ, 35 hộ tá điền, thuộc về ba chủ: Phạm Bá An 232 mẫu (thu tô 40%); Phạm Bá Minh 50 mẫu (10 mẫu thu tô 50%, 40 mẫu thu tô 1/3); Phạm Bá Thiện 50 mẫu (thu tô 50%). Ruộng hương hỏa của Phạm Bá Oanh 5 mẫu (thu tô 50%).

Sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, tại đồn điền Đồng Quằng, địa chủ Phạm Bá An đã cất giấu, tàng trữ 114 khẩu súng (gồm 60 súng kíp, 30 súng khai hậu, 15 súng Zóp 3, Zóp 5 và 9 súng quân dụng), gần 2.000 viên đạn các loại. Thực hiện lệnh của Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, ngày 5/9/1945, tự vệ huyện Định Hoá phối hợp với Công an tỉnh trực tiếp đấu tranh với Phạm Bá An, thu hồi

toàn bộ số súng, đạn mà hắn cất giấu để chờ thời cơ nổi dậy chống phá chính quyền cách mạng.

ĐỒNG RÃ

Suối, bắt nguồn từ Đồng Rã (xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai), nơi giáp ranh với xã Tràng Xá, Phương Giao (huyện Võ Nhai), chảy qua các xóm Bắc Phong, Tân Tiến (xã Dân Tiến) rồi nhập vào sông Rong. Suối Đồng Rã có chiều dài khoảng 5 km.

ĐỒNG TÂM

Đền, được dựng cuối thế kỷ XIX, ở xóm Đồng Tâm, xã Đồng Bẩm, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ; nay là xóm Đồng Tâm, xã Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên.

Đền nằm ngay bên đình Đồng Tâm, bên bờ sông Cầu, đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần, lần gần nhất vào năm 1993. Đền có cấu trúc kiểu chữ NHẤT, gồm nhà tiền tế và hậu cung. Đền thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Chúa Thác Bờ và Tam tòa Thánh Mẫu.

Cụm di tích văn hóa đền - đình Đồng Tâm đã được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 4/1/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ĐỒNG TÂM

Đình, nằm trên đồi Chò, xóm Đồng Tâm (trước 1945 gọi là xóm Đồng Báng), xã Tức Tranh, huyện Phú Lương.

Ngôi đình cổ xưa, do bà con người dân tộc Sán Chí xóm Đồng Tâm dựng nên, đã được trùng tu năm 1925, nhưng đến thời kỳ đế quốc Mĩ dùng máy bay đánh phá Thái Nguyên (1965 - 1972) thì bị hủy hoại, chỉ còn lại nền.

Năm 1998, dân làng Đồng Tâm dựng lại đình trên nền ngôi đình cũ; gồm 3 gian, 2 chái, dài 11 m, rộng 8 m, mái kết cấu kiểu vì kèo - quá giang - kẻ bảy, lợp ngói xi măng. Đình Đồng Tâm thờ vị thành hoàng họ Dương.

ĐỒNG TÂM

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Đồng Tâm thuộc xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, với tổng chiều dài

1.985 m, dẫn nước tưới cho 350 ha đất canh tác 3 vụ trên địa bàn 7 xóm trong xã.

ĐỒNG TÂM

Hồ nhân tạo, được xây dựng năm 2008 tại xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, khánh thành năm 2009, do Cụm Kỹ thuật thủy lợi Phú Xuyên, Trạm Khai thác thủy lợi Đại Từ quản lí, vận hành. Hồ có diện tích lưu vực rộng 3 km^2, phía đông giáp xã Hợp Thành, huyện Phú Lương; phía tây giáp núi Chúa. Đập chính dài 88,9 m, cao 21,2 m, mặt đập rộng 5 m, cao trình mực nước dâng bình thường +117 m, diện tích mặt nước 9,5 ha, dung tích chứa: 580.940 m^3.

Công trình cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của 7 xóm, thuộc xã Phúc Lương với tổng diện tích tưới 3 vụ lúa và hoa màu là 339 ha.

ĐỒNG TẤM

Đình, được dựng từ thế kỷ XIX ở xóm Đồng Tấm, xã Phú Đình, huyện Định Hoá. Khung đình bằng gỗ, lợp lá cọ. Đình là nơi thờ Thần Nông và Thần Núi. Đình đã bị dỡ bỏ năm 1952, nay không còn dấu tích.

ĐỒNG THỊNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Đồng Thịnh huyện Định Hóa thuộc An toàn khu Trung ương; là nơi làm việc của Nhà máy quân giới K77 (còn gọi là xưởng Đội Cấn), Nhà máy in Báo Vệ Quốc quân (tiền thân của Nhà máy in Quân đội ngày nay) từ năm 1947 đến năm 1948. Đặc biệt, tháng 7/1953, tại xóm Bản Soi trên địa bàn xã đã diễn ra cuộc diễn tập đánh tập đoàn cứ điểm của Trung đoàn 102, Đại đoàn 308 (Đại đoàn Quân Tiên phong).

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Đồng Thịnh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan và đơn vị đóng trên địa bàn. Trong ba ngày 25, 26, 27/11/1947, quân dân xã Đồng Thịnh đã phối hợp với lực lượng tự vệ Nhà máy K77 và Tiểu đoàn 160 trực tiếp chiến đấu đập tan cuộc càn quét của địch vào địa bàn xã, buộc chúng phải rút quân, bảo vệ an toàn Nhà máy. Nhân dân xã Đồng Thịnh còn ủng hộ kháng chiến hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, 100 con trâu, 120 đồng tiền

vàng ..., góp phần quan trọng cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đưa cuộc kháng chiến đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Đồng Thịnh đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN ngày 28/6/2005), tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

ĐỒNG THỊNH

Xã miền núi nằm ở vùng trung tâm huyện Định Hóa, được thành lập năm 1946 trên cơ sở sáp nhập 3 xã Phú Yên, Ru Nghệ, Liên Minh; phía đông giáp xã Bảo Cường, phía tây giáp xã Định Biên; phía nam giáp các xã Trung Lương, Bình Yên; phía bắc giáp xã Phúc Chu. Năm 1949, xã Đồng Thịnh sáp nhập với các xã Định Biên, Bảo Linh thành xã Bình Trung. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Bình Trung được tách thành 3 xã Đồng Thịnh, Định Biên, Bảo Linh. Tổng diện tích tự nhiên 1256 ha, trong đó đất nông nghiệp 1.152,94 ha, đất phi nông nghiệp 102,16 ha, đất chưa sử dụng 0,51 ha.

ĐỒNG THU

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1986, tại vị trí Km 130+62 - Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xóm Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ.

Cầu có chiều dài 39,5 m, rộng 9,4 m. Kết cấu nhịp dài 21,1 m, bằng bê tông cốt thép. Mố TT: M1vàM2. Móng cầu xây bê tông, thân cầu bằng đá xây. Tải trọng thiết kế H30; tải trọng 30 tấn.

Cầu Đồng Thu có vị trí quan trọng trên tuyến đường vận tải chiến lược 1B; đảm bảo lưu thông thông suốt giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

ĐỒNG THU

Trống đồng, được phát hiện tại độ sâu 1 m tại xóm Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ năm 1991. Khi phát hiện, mặt, tang, thân còn tốt, rõ hoa văn. Chân trống sứt, vỡ nhiều.

Trống có kích thước: Cao 18 cm, đường kính mặt 30,1 cm, đường kính chân 43,7 cm, trọng lượng 4,8 kg. Mặt trống được trang trí bằng 7 hình tròn đồng tâm. Gần tâm trống là đường tròn trang trí hình người

cách điệu trang sức lông chim. Tiếp theo là vành hoa văn trang trí 6 chim lạc cách điệu bay cùng chiều thuận kim đồng hồ. Giữa mặt trống là ngôi sao 8 cánh mảnh nổi.

Tang trống có vành hoa văn hình người cách điệu trang sức lông chim. Phần thân trống không trang trí hoa văn gì. Chân trống được đúc như vành chậu, có các đường gờ hình sin chạy suốt vòng tròn. Quai trống được đúc giống dấu hỏi.

Trống được đúc bằng khuôn ngang. Trống Đồng Thu có số đăng kí: BTBT 371, vào sổ ngày 13/2/1992; sổ phân loại hiện vật: KL88.

ĐỒNG THỤ

Đền, có từ thế kỷ XVII, đã trải qua nhiều thăng trầm, đền dựng tại thôn Đồng Thụ, tổng Thượng Giã, nay thuộc xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên; là nơi thờ nữ tướng Đỗ Thị Mỹ Mai, quê làng Hà Vĩ, nay thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tương truyền, bà Mỹ Mai là con gái cụ Tiến sĩ Đỗ Túc Khang, một vị quan có danh tiếng thời Lê sơ (1428 - 1527). Khi truất ngôi vua Lê, nhà Mạc vẫn tin dùng và cử cụ Khang kiêm quản đạo Thái Nguyên. Vào thời gian đó, nhân dân đói khổ, xã hội rối loạn, nhiều đảng cướp nổi lên hoành hành, cướp phá. Triều Mạc cử cụ Túc Khang đi dẹp giặc. Nhưng vì tuổi cao, lại có tang mẹ, cụ Khang xin nghỉ tại nhà và tiến cử bà Mai đi thay. Được triều đình chấp thuận, bà Mai đóng giả làm nam tướng cầm quân ra trận. Nhờ giỏi võ nghệ, dũng cảm chiến đấu nên chẳng bao lâu bà đã đánh dẹp được nhiều toán giặc. Nhưng trong 1 trận đánh giáp lá cà, bị sơ hở, quân địch phát hiện ra bà là nữ tướng. Hôm sau chúng dùng thủ đoạn tâm lí đê hèn, tấn công. Bà thất thế phải cho quân tháo chạy. Riêng bà bí thế đã phải lao cả người lẫn ngựa xuống dòng sông để bảo toàn khí tiết. Nhân dân thương tiếc, vớt bà lên mai táng và lập đền Đồng Thụ thờ bà.

Năm 2000, đền được tôn tạo lớn bằng bê tông, cốt thép. Đền có kiến trúc 4 mái đầu đao, tường hồi, bít đốc, mái lợp ngói vảy cá, bờ nóc đắp lưỡng long chầu mặt trời, bờ dải để trơn không trang trí hoa văn. Tiền tế đình có 3 gian và hậu cung. Trước cửa đền có bức bình phong che chính

diện, cổng đền xây dựng kiểu tam quan 4 cột đồng trụ uy nghiêm trên cổng đền ghi tên đền, câu đối với kỹ thuật đắp nổi công phu, tinh xảo

Đền Đồng Thụ đã được công nhận là *di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh* tháng 7/2004. Được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 2774/QĐ-UB ngày 12/11/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ĐỒNG TIẾN

Cầu, được xây dựng năm 2008, trên tuyến Tỉnh lộ 269C, thuộc địa phận xã Tân Khánh, huyện Phú Bình.

Cầu dài 12 m, rộng 4 m, chiều dài nhịp cầu là 6 m; tải trọng hiện tại 30 tấn.

ĐỒNG TIẾN

Đình, có từ lâu đời nằm trên quả đồi thấp của xóm Đồng Tiến (trước 1945 là xóm Đồng Niên), xã Tức Tranh, huyện Phú Lương; là nơi thờ thành hoàng làng là người có công lập làng và thờ vọng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình cổ Đồng Niên (Đồng Tiến) có 3 gian 2 chái, 36 cột bằng gỗ quý nhưng đã đổ năm 1960, chỉ còn lại nền đình và 1 quả chuông đồng đường kính 0,5 m, 3 cây thông cổ thụ đường kính 1 m, cao khoảng 30 m.

Gần đây, trên nền đình cũ, người dân địa phương đã dựng lại ngôi đình mới để thờ cúng.

ĐỒNG TIẾN

Xã, nằm ở vùng Đông huyện Phổ Yên, phía đông giáp xã Tiên Phong, phía tây giáp xã Đắc Sơn, phía nam giáp các xã Nam Tiến và Tân Hương, phía bắc xã Hồng Tiến và thị trấn (nay là phường) Bãi Bông.

Xã Đồng Tiến được thành lập đầu năm 1946, gồm các làng Hoàng Đàm, Thông Hạc, Cốt Ngạnh, Thanh Thù, Đại Hữu, Sơn Cốt, Đắc Hiền của tổng Hoàng Đàm, nay là địa bàn các xã Đồng Tiến, Nam Tiến, Đắc Sơn và thị trấn Ba Hàng. Đến thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954), xã Đồng Tiến được chia thành 3 xã Đồng Tiến, Nam Tiến, Đắc Sơn. Khi đó, xã Đồng Tiến (mới) có dân số 2.804 người. Sau Cải cách ruộng đất (cuối năm 1954, đầu năm 1955), xã Đồng Tiến có 490 hộ, với 2.372 nhân khẩu. Cuối năm 1972, thực hiện Quyết định số 41/BT ngày 9/9/1972 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, xã Đồng Tiến tiếp tục tách phần đất khu

vực phố Ba Hàng để thành lập thị trấn Ba Hàng. Sau khi thành lập, thị trấn Ba Hàng chia xã Đồng Tiến thành 2 phần đông và tây tách biệt, trong đó phần phía đông rộng hơn nhiều so với phần phía tây.

Xã Đồng Tiến có diện tích tự nhiên 10,42 km² (gồm 6,88 km² đất nông nghiệp, 4,54 km² đất phi nông nghiệp, 0,008 km² đất chưa sử dụng). Dân số (năm 2009) có 7.307 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Mường, Mông, Thái cư trú ở 25 xóm: Đình, Giữa, Chiến Thắng, An Bình, Con Trê, Thái Bình, Ga, Vườn Dãy, Ấp Bắc, Đại Cát, Vinh Xương, Thanh Hoa, Tân Hoa, Đầu Cầu, Tân Thành, Hoàng Vân, Hoàng Thanh, Đồng Tâm, Quán Vã 1, Quán Vã 2, Đồng Nâm, Rẫy, Nam, Yên Trung, Yên Thứ.

ĐỒNG TIẾN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Dân số (1954) có 3.817 người, thuộc 3 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Trại.

Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, nhân dân xã Đồng Tiến đã tiếp đón và bố trí nơi ăn, ở, làm việc cho hơn 200 hộ, với khoảng 1.000 nhân khẩu từ các tỉnh miền xuôi tản cư đến; đồng thời đón nhận và bảo vệ nhiều cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện của Trung ương và địa phương. Ngoài nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu góp phần vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947 và chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, quân và dân trong xã còn tích cực xây dựng hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Đồng Tiến đã có trên 170 người con nhập ngũ lên đường chiến đấu, trong đó có 7 người đã hi sinh ngoài mặt trận; 410 người đi dân công phục vụ các chiến trường, trong đó có 4 người được tặng thưởng *Huân chương Chiến công* phục vụ Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ; hơn 9.000 lượt người được huy động đi dân công phục vụ kháng chiến ở trong tỉnh.

Sau giảm tô (1953), xã Đồng Tiến chia tách thành 2 xã: Đồng Tiến và Linh Sơn.

ĐỒNG TIẾN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, được thành lập đầu năm 1946, địa bàn gồm 7 làng: Hoàng Đàm, Thông Hạc, Cốt Ngạnh, Thanh Thù, Đại Hữu, Sơn Cốt, Đắc Hiền (địa bàn các xã Đồng Tiến, Nam Tiến, Đắc Sơn và thị trấn Ba Hàng). Phía đông và đông nam giáp 2 xã Tiên Phong và Tân Tiến (nay là địa bàn xã Tân Hương), phía tây giáp 2 xã Hợp Thành và Phúc Thuận (nay là các xã Vạn Phái và Minh Đức), phía nam giáp xã Trung Thành, phía bắc giáp xã Hồng Tiến (nay là xã Hồng Tiến, thị trấn Bãi Bông thuộc huyện Phổ Yên và các phường Cải Đan, Phố Cò thuộc thị xã Sông Công). Diện tích tự nhiên 34,99 km²; dân số (1954) có 7.142 người.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Đồng Tiến là nơi ở và làm việc của các cơ quan lãnh đạo huyện Phổ Yên; có làng Hoàng Đàm được xây dựng thành làng chiến đấu kiểu mẫu của huyện.

Sau giảm tô (1953), xã Đồng Tiến được tách thành 3 xã: Đồng Tiến, Nam Tiến và Đắc Sơn.

ĐỒNG TOONG

Căn cứ hoạt động, huấn luyện quân sự của Trung đội Cứu quốc quân II; cũng là nơi qua lại hoạt động của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt (1941 - 1943). Vị trí di tích là khu rừng Đồng Toong ở xóm làng Phật, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

ĐỒNG VĨ

Cầu, được xây dựng năm 2000, trên tuyến đường Na Trặng - Bàn Đạt, thuộc địa phận xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình. Cầu dài 24 m, rộng 5,5m, chiều dài nhịp cầu là 7 m; tải trọng 13 tấn.

ĐỒNG VUNG

Bến đò, nằm tại địa phận xóm Đồng Vung, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ; được hình thành từ năm 1982. Tại bến đò này, nhân dân địa phương tự làm một chiếc cầu tạm được gắn bằng nhiều ống cây và níu dây thừng ở hai đầu.

Không chỉ có người lớn đi làm hoặc đi chợ qua chiếc cầu tạm và con đò ngang, mà hàng chục em học sinh trong xóm cũng phải qua bến đò

này để tới trường. Con đò được làm bằng tôn sắt, nhưng đã hoen rỉ; mỗi chuyến đò chở được hơn 10 người.

Hiện nay, bến đò Đồng Vung vẫn có vai trò quan trọng vào việc phục vụ nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hoá của nhân dân và học sinh đi học tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở ở trung tâm xã.

ĐỒNG XE

Nơi đặt trận địa pháo cao xạ của Đại đội 3 - Tiểu đoàn 102 - Trung đoàn 210. Vị trí di tích ở xóm Đồng Xe thuộc xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Đại đội có nhiệm vụ bảo vệ cầu Gia Bảy và Nhà máy điện Cao Ngạn.

Ngày 24/6/1966, đã diễn ra một trận đánh vô cùng ác liệt giữa Đại đội 3 pháo cao xạ với nhiều tốp máy bay phản lực Mĩ. Trong trận chiến đấu này, 8 chiến sĩ của Đại đội hi sinh, 37 chiến sĩ bị thương.

Hiện nay, nơi đặt trận địa pháo cao xạ của Đại đội 3 ở Đồng Xe chỉ còn gờ nền nơi đặt rađa.

ĐỒNG XIỀN

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 1992 tại xã Yên Lạc, huyện Phú Lương; hoàn thành đưa vào sử dụng năm 1993.

Hồ Đồng Xiền có diện tích mặt nước 4 ha, dung tích chứa nước 413.800 m^3, cao trình đỉnh đập 119 m, đập chính dài 32 m, cao 23,5 m, hệ thống kênh chính 1.650 m, hệ thống kênh nhánh 3.420 m. Tràn xả lũ là kiểu tràn bậc, xây bằng đá, không có cửa van, có cao trình ngưỡng tràn +117 m, chiều dài tràn 63 m, chiều rộng 8 m, lưu lượng nước tràn 15,5 m^3/s.

Theo thiết kế, hồ Đồng Xiền có thể cung cấp nước tưới cho diện tích 106 ha, nhưng hiện nay mới sử dụng tưới cho 70 ha đồng ruộng của xã Yên Lạc.

ĐỘNG ĐẠT

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Động Đạt huyện Phú Lương là nơi có phong trào cách mạng từ sớm. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Động Đạt là nơi tập kết, đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị thuộc Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng

cục Hậu cần), Kho Quân giới, Trung đoàn Cảnh vệ 15, Trại giam tù binh... Năm 1949, tại khu vực đồn điền Đu, xã Động Đạt đã diễn ra lễ thành lập Đại đoàn 308 (Quân Tiên Phong) - đại đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Nhân dân xã Động Đạt tích cực đóng góp hàng chục tấn lương thực, hàng trăm con trâu, bò phục vụ kháng chiến.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

ĐỘNG ĐẠT

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Phú Lương, phủ Phú Bình, gồm 4 xã: Động Đạt, Bô Lý, Phấn Sức, Phấn Mễ.

Cuối thế kỷ XIX (đời vua Đồng Khánh, 1885 - 1888) thuộc huyện Phú Lương, phủ Tòng Hóa, gồm 4 xã như đầu thế kỷ XIX (xã Bô Lý đổi là xã Phủ Lý). Từ năm 1927, thuộc huyện Phú Lương, gồm 3 xã: Động Đạt, Phấn Sức, Phấn Mễ và phố Đồn Đu; xã Phủ Lý đã cắt khỏi tổng này để thành lập tổng Phủ Lý và phố Đồn Đu thuộc về xã Động Đạt từ trước đó. Thời Tiền khởi nghĩa (3 - 8/1945), tổng Động Đạt gồm 3 xã: Động Đạt, Phấn Mễ và Phấn Sức. Tháng 10/1946, Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương thành lập, đơn vị hành chính cấp xã của huyện cũng được tổ chức lại từ 23 xã lúc Tiền khởi nghĩa, thành 12 xã; xã Phấn Mễ và xã Phấn Sức được sáp nhập thành xã Phấn Mễ. Từ đó đến khi xóa bỏ đơn vị hành chính cấp tổng trong toàn quốc (1948), tổng Động Đạt gồm 2 xã Động Đạt và Phấn Mễ.

Tổng Động Đạt đầu thế kỷ XIX đến năm 1927 tương ứng với địa phận các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Phủ Lý, thị trấn Đu và phần phía bắc thị trấn Giang Tiên của huyện Phú Lương ngày nay. Từ năm 1927 đến khi xóa bỏ đơn vị hành chính cấp tổng, tương ứng với đất các xã Động Đạt, Phấn Mễ, thị trấn Đu và phần phía bắc thị trấn Giang Tiên ngày nay.

ĐỘNG ĐẠT

Xã miền núi, nằm ở khu vực trung tâm của huyện Phú Lương. Phía đông giáp xã Yên Lạc, phía nam giáp 2 xã Phẫn Mễ, phía tây giáp xã Tân Linh, Đức Lương (huyện Đại Từ), phía bắc giáp các xã Yên Đổ, Hợp Thành, Phủ Lý. Kể từ năm 1948, khi đơn vị hành chính cấp tổng bị xóa

bỏ, trở về trước, xã Động Đạt luôn thuộc tổng Động Đạt, huyện Phú Lương.

Diện tích tự nhiên 3.987,71 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 3306,99 ha, đất phi nông nghiệp 553,73 ha, đất chưa sử dụng 37,99 ha. Dân số (năm 2009) 9.775 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mông. Xã Động Đạt có 23 xóm: Ao Sen, Ao Trám, Cây Châm, Cây Hồng 2, Cây Hồng 1, Cây Thị, Cầu Lân, Cộng Hoà, Đá Vôi, Đồng Chằm, Đồng Nghè 2, Đồng Nghè 1, Đồng Niêng, Đồng Nội, Đồng Tâm, Khe Nác, Làng Chảo, Làng Lê, Làng Ma, Làng Ngòi, Tân Lập, Vườn Thông, Xóm Đuổm.

Động Đạt có hồ Ao Dẻ, hồ Suối Luông, hồ Làng Lê, hồ Chín Tầng... có mỏ titan Cây Châm trữ lượng lớn đang được khai thác. Người dân Động Đạt chủ yếu sống bằng nghề nông: trồng lúa nước, làm nương rẫy, trồng hoa màu, cây ăn quả, trồng và chế biến chè. Nhiều hộ gia đình còn làm nghề trồng rừng. Một số gia đình ở trên các trục lộ, gần nơi có di tích đền Đuổm làm nghề kinh doanh, dịch vụ.

Do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ cách mạng, kháng chiến, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.*

ĐỘNG ĐẠT

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946, gồm các làng, thôn: Cầu Lán, Đuổm, Đồn Đu, thôn Đạt. Dân số toàn xã (1954) có 1.872 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Sán Chay, Sán Dìu.

Về phía bắc, xã Động Đạt giáp xã Yên Đổ, phía đông giáp xã Yên Lạc, phía nam giáp xã Phấn Mễ, phía tây giáp huyện Đại Từ. Địa phận xã Yên Lạc thời kỳ này tương ứng với địa phận xã Động Đạt và thị trấn Đu của huyện Phú Lương ngày nay.

Từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1946, xã Động Đạt là nơi đặt trụ sở làm việc của Ủy ban Hành chính và Ban Bảo vệ (3/1947 đổi thành Ủy ban Kháng chiến) huyện Phú Lương. Ngày 28/8/1949, tại khu vực Đồn điền Đu (Na), Đại đoàn 308 mang danh hiệu Đại đoàn Quân Tiên

phong - Đại đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập. Động Đạt cũng là nơi đóng quân, nơi đặt kho tàng của nhiều đơn vị quân đội trong thời kỳ kháng chiến.

ĐỜ MÔNGPƠGIA (DE MONPEJAT)

Đồn điền của chủ người Pháp từ những năm đầu thế kỷ XX. Khoảng cuối những năm 20 của thế kỷ XX, Đờ Môngpơda nhượng đồn điền này cho Gari, cũng là điền chủ người Pháp, nên còn có tên gọi đồn điền Gari. Đồn điền Đờ Môngpơda có tới 3.694 ha đất canh tác ở nhiều địa điểm trong tỉnh Thái Nguyên. Riêng ở Đại Từ đồn điền này chiếm một diện tích rộng lớn thuộc các xã Bình Thuận, Tân Thái, Vạn Thọ ngày nay.

ĐƠCÔMAY (DECOMAILLES)

Đồn điền của chủ người Pháp, thành lập ngày 23/6/1898, có diện tích 3.650 ha thuộc địa phận xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Đồn điền trồng lúa theo phương thức phát canh thu tô. Thời gian đầu, năng suất và sản lượng đạt khá. Nhưng sau đó do bị bọ rầy phá hoại, nên năng suất và sản lượng đều giảm sút. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồn điền này đã bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho nông dân nghèo cày cấy.

ĐU

Đền, nằm trong khuôn viên trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương thuộc tiểu khu Thái An, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Ngôi đền ban đầu được xây dựng năm 1918, gồm 1 gian xây bằng gạch, mái lợp ngói, các góc mái cong hình mui thuyền; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Năm 1947, thực hiện "tiêu thổ kháng chiến", đền bị phá dỡ chỉ còn lại hậu cung. Sau ngày hòa bình lập lại, đền được xây dựng lại trên đỉnh đồi là nơi trước đây người Pháp đặt đồn binh (đồn Đu). Năm 1996, đền Đu được xây dựng lại một lần nữa theo kiểu nhà cấp 4, gồm 3 gian tường xây, cột gỗ, mái lợp ngói, diện tích 40 m², mặt quay hướng nam. Sân đền lát gạch. Trước sân đền là cây hương xây bằng gạch, có 3 chữ Hán: "Vạn Cổ Linh". Hậu cung đặt ngai thờ Thần Dương Tự Minh. Đền Đu tổ chức lễ

vào ngày 6/1 Âm lịch hằng năm, lễ vật có cỗ chay và cỗ mặn làm từ những sản vật địa phương.

ĐU

Đồn binh Pháp (xây dựng 1894) để kiểm soát, khống chế đoạn Quốc lộ 3 từ Thái Nguyên lên Chợ Mới và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân huyện Phú Lương. Vị trí di tích nằm trên một quả đồi cao, có diện tích khoảng 2.000 m², thuộc thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Đồn gồm 2 lô cốt 2 tầng kiên cố được xây bằng gạch, đá, xi măng. Hai lô cốt cách nhau khoảng 100 m, lô cốt thứ nhất cửa quay về hướng đông nam, lô cốt thứ hai cửa quay về hướng tây bắc. Trong khu đồn còn có một nhà xây 5 gian, lợp ngói, dùng làm nơi ở, nhà kho, bếp ăn cho lính.

Tại đồn Đu đã diễn ra một số sự kiện lịch sử: Ngày 2/4/1945, các đơn vị tự vệ và Cứu quốc quân bao vây, tấn công đồn Đu và huyện lị Phú Lương. Ngày 7/5/1945, quân cách mạng đánh chiếm đồn Đu. Tháng 6/1945, toàn bộ lính bảo an đóng ở đồn Đu trước sức ép của cách mạng đã phải rút chạy về co cụm ở đồn Phấn Mễ, tên Tri châu cũng trốn chạy khỏi huyện lị, bộ máy chính quyền địch ở châu Phú Lương tan rã.

Dấu tích còn lại của đồn Đu hiện nay là 2 bậc lên xuống lô cốt xây bằng gạch, mạch vữa xi măng và đoạn ống máng nước bằng xi măng. Đất đai của khu đồn Đu cũng đã trở thành vườn đồi của dân.

ĐU

Sông, bắt nguồn từ hai nhánh chính: Nhánh thứ nhất, bắt nguồn từ vùng rừng núi Yên Thịnh, theo hướng đông bắc - tây nam, chảy qua địa phận các xã Yên Lạc, Động Đạt. Nhánh thứ hai, gồm một chi nhánh bắt nguồn từ vùng núi xã Yên Trạch và một chi nhánh bắt nguồn từ xã Bộc Nhiêu (huyện Định Hoá); hai chi nhánh hợp lưu tại xã Phủ Lý (Phú Lương), theo hướng tây bắc - đông nam. Hai nhánh sông Đu hợp lưu ở thị trấn Đu, lần lượt chảy qua địa phận xã Phấn Mễ, thị trấn Giang Tiên, các xã Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm rồi đổ vào sông Cầu.

Sông Đu có độ dài 44,5 km, diện tích lưu vực 361 km², độ cao bình quân lưu vực 129 m, chiều dài lưu vực 37 km, chiều rộng lưu vực 9,7 km, độ dốc lòng sông 1,98 %.

ĐU

Thị trấn miền núi, huyện lị huyện Phú Lương, thành lập theo Nghị định số 36/CP ngày 3/6/1993 của Chính phủ. Phía bắc, phía tây, phía đông thị trấn là xã Động Đạt, phía nam giáp xã Phấn Mễ. Kể từ ngày 3/6/1998 trở về trước, phần đất thị trấn Đu ngày nay luôn nằm trong xã Động Đạt, huyện Phú Lương. Diện tích tự nhiên 213 ha, dân số (năm 2009) 4.1012 người, 1.239 hộ gia đình gồm các thành phần dân tộc chính: Kinh, Tày với các khu phố: Cầu Trắng, Dương Tự Minh, Lê Hồng Phong,Thác Lở, Thái An, Thọ Lâm. Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị trấn đặt tại phố Thái An. Đu là nơi tập trung đông cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan huyện có thu nhập từ lương. Một bộ phận sống bằng nghề kinh doanh buôn bán, mở các loại hình dịch vụ.

Thị trấn Đu có nhiều di tích lịch sử và cách mạng, kháng chiến. Người Pháp lập đồn binh ở Đu năm 1894. Phố Thái An là nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Phú Lương (2/1946). Tại đồn điền Na, ngày 28/8/1949, Đại đoàn 308 - Đại đoàn Quân Tiên Phong - Đại đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập; địa điểm di tích bãi Đu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xếp hạng di tích lịch sử cấp Tỉnh. Đền thờ các anh hùng liệt sĩ huyện Phú Lương được xây dựng trên đồi cao, nhìn xuống dòng sông Đu, thuộc phố Thác Lở.

ĐU

Chợ, được hình thành từ xa xưa, không có tài liệu nào cho biết chính xác từ bao giờ. Thời thuộc Pháp, chợ nằm sát Quốc lộ 3, thuộc trung tâm làng Đu, trên một bãi đất có độ dốc thoai thoải tự nhiên rộng chừng 2 ha. Hàng hóa trao đổi, mua bán tại chợ chủ yếu là các loại nông, lâm, thổ sản của địa phương và các nhu yếu phẩm, như muối, dầu hỏa, vải... của các thương nhân miền xuôi mang lên. Chợ họp 5 ngày một phiên vào các ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 Âm lịch hằng tháng.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn tỉnh Bắc Thái, chợ Đu được sơ tán vào khu bãi Trẹo thuộc xóm làng Chảo, xã Động Đạt. Sau khi Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc (3/1968), chợ Đu lại chuyển về địa

điểm cũ. Đến năm 1972, khi đế quốc Mĩ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, chợ Đu lại sơ tán về làng Lân thuộc xã Phấn Mễ.

Từ năm 1973, chợ Đu chuyển về địa điểm cũ như hiện nay. Năm 1993, chợ Đu được xây dựng theo hướng hiện đại, phân ra thành từng khu, từng lô, từng quầy bán cho các hộ có nhu cầu kinh doanh, với tổng diện tích khoảng 2 ha. Đây là nơi hoạt động của hơn 300 hộ kinh doanh hàng hóa với nhiều chủng loại khác nhau: Hàng thức ăn khô, hàng may mặc, hàng nông sản thực phẩm, hàng công nghiệp, hàng điện tử, hàng ăn uống, v.v...

Hằng năm, chợ Đu thu về hàng tỉ đồng cho ngân sách của địa phương. Đây cũng là nơi mở ra cánh cửa giao thương với các bạn hàng vùng Việt Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.

ĐUỔM

Lễ hội, có từ xa xưa, được tổ chức vào ngày 6/1 Âm lịch hằng năm tại đền Đuổm, thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương để tưởng nhớ công ơn của người anh hùng dân tộc Dương Tự Minh và cầu xin ông ban cho dân làng một năm mới tốt lành, mùa màng tốt tươi, mọi người mạnh khoẻ, no ấm.

Ngày chính lễ, nhân dân địa phương, khách hành hương từ khắp các huyện, thành trong và ngoài tỉnh kéo về. Đoàn rước lễ vật của thôn Đuổm, của các thôn bản trong xã và các đoàn tế lễ của nhiều địa phương trong tỉnh tề tựu trong khuôn viên đền. Sau phần khai mạc lễ hội, một hồi chuông gióng lên vang vọng vách đá núi Đuổm. Ngoài xôi, gà, lợn quay, thủ lợn là cỗ mặn, những thiếu nữ Tày làng Đuổm còn rước những mâm cỗ chay gồm 6 thứ bánh dân làng tự làm từ lúa gạo làng trồng, gồm: Bánh bìa, bánh vôi, chè lam, bánh khảo, bánh rán, bánh bỏng và hương hoa, phẩm oản dâng lên cúng tế. Lễ cúng tế do chủ tế và các vị lão làng thực hiện ngay trong gian chính điện đền Trung. Các vị chức sắc của tỉnh, của huyện, của xã thắp hương trên các bàn thờ trong đền Trung, đền Thượng và đền Hạ.

Phần hội thường kéo dài từ tối ngày 5 Tết đến ngày 7 Tết Nguyên đán, có nhiều trò chơi dân gian như: Tung còn, đấu vật, đấu cờ, kéo co, múa sư tử, hát lượn, hát ví, hát nhà trò, đánh đu, đi cầu thăng bằng, bịt

mắt đập niêu đất, thi bắn nỏ. Một số những hoạt động mới được tổ chức, cũng dần trở thành một phần làm nên lễ hội Đền Đuổm, như: Giới thiệu văn hoá Trà Phú Lương, tổ chức biểu diễn nghệ thuật (ca múa, chèo), thi bắn súng hơi, cờ người...

ĐUỔM

Nơi dựng 3 ngôi đền từ thời xưa: Đền thượng thờ Mẫu (mẹ Dương Tự Minh); Đền Trung thờ Thánh Đuổm Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII); Đền hạ thờ 2 công chúa Diên Bình và Thiều Dung (vợ Dương Tự Minh). Là di tích lịch sử và thắng cảnh, thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương; nổi tiếng cổ kính, linh thiêng. Hằng năm, vào các ngày 6, 7, 8 tháng Giêng, nhân dân trong vùng mở hội để tưởng nhớ công ơn vị anh hùng dân tộc Dương Tự Minh, cầu mong thánh Đuổm phù hộ một năm mới tốt lành.

Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 774-QĐ/BT, ngày 21/06/1993).

ĐUỔM

Núi đá vôi, xưa kia còn gọi là Điểm Sơn, gồm 3 ngọn núi đá vôi cao trên 100 m, đột khởi giữa cánh đồng thuộc xã Động Đạt (huyện Phú Lương), bên Quốc lộ 3, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 24 km, cách thị trấn Đu 2 km về phía bắc.

Phía đông núi có Đền Đuổm thờ danh nhân lịch sử thời nhà Lý (thế kỷ XII), Núi Đuổm là một thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên.

ĐỨC GIANG VĂN

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Thái Thượng, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình, nguyên Trưởng phòng Tiểu học Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

Nhà giáo Giang Văn Đức suốt đời gắn bó với giáo dục miền núi và đặc biệt thành công trong sự nghiệp giáo dục tiểu học. Ông là người khởi thảo Đề án phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ của tỉnh Thái Nguyên.

Nhà giáo Giang Văn Đức 7 lần được công nhận Giáo viên dạy giỏi, 5 năm liên tục là Chiến sĩ thi đua cấp Ngành. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* từ năm 2000.

ĐỨC NGUYỄN QUÝ

Nhà Sử học, nhà thơ nổi tiếng thế kỷ XVII- XVIII. Sinh năm 1648, từ trần năm 1720; tên húy là Tộ, tự là Thể Nhân, hiệu là Đường Hiên; người làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội; đỗ Thám hoa năm 1786, làm quan đến chức Thượng thư, Tham tụng (đứng đầu bộ máy hành chính ở phủ Chúa Trịnh); là nhà sử học, nhà thơ nổi tiếng.

Khi Trịnh Lân được cử làm Phó trấn, lên trấn thủ Thái Nguyên, Nguyễn Quý Đức đã viết bài thơ: Hạ thự phủ Trịnh Lân phó trấn Thái Nguyên (mừng Phủ Chúa phái Trịnh Lân đi trấn thủ Thái Nguyên). Trong bài thơ, có câu mà trong đó tác giả bày tỏ tình cảm tốt đẹp của mình với mảnh đất cho đến lúc ấy vẫn bị coi là xa xôi đối với triều đình Lê - Trịnh:

"... Yếu thức đồng nhân minh chủ ý

Thái Nguyên vô vị viễn triều đình"

(Nghĩa: *Cần biết coi chung một lòng nhân là cái ý của bậc minh chủ*

Không nên cho Thái Nguyên là đất xa triều đình). Theo: Bản dịch trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*.

ĐỨC PHẠM VIỆT

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1936, dân tộc Kinh, quê xã Hoằng Kiện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đồng chí Phạm Việt Đức nhập ngũ tháng 10 năm 1956, vào Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1962. Từ năm 1957 đến năm 1971, là công nhân Cục quản lí xe máy thuộc Tổng cục Hậu cần, đã tu dưỡng, rèn luyện trở thành thợ giỏi, có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đưa năng suất lao động từ 100 lên 700%, đào tạo được nhiều thợ giỏi cho đơn vị theo phương châm "Kèm tại chỗ, học tại chỗ", phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh. Đồng chí luôn gương mẫu, năm nào cũng đạt trên 300 ngày công và chưa bao giờ có sản phẩm phải thải loại, lãnh đạo Tổ 6 năm liền (1966 - 1971) đạt danh hiệu Tố lao động xã hội chủ nghĩa. 11 lần đồng chí được bầu là Chiến sĩ thi đua, 6 lần là *Chiến sĩ quyết thắng*, được tặng thưởng 3 *Huân Chương Chiến công* (Nhất, Nhì, Ba).

Do lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, đồng chí Phạm Việt Đức đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

ĐỨC LIÊN

Tổng, thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên trong thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn do Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin Hà Nội xuất bản năm 1999, tổng Đức Liên đầu thế kỷ XIX gồm 3 xã: Đức Liên, Loa Lâu, Nỗ Dương.

Xã Đức Liên có 4 làng, xóm: Vàng Thôn, Ngoại Thôn, Diễn Thôn, Viên Thôn. Xã Loa Lâu có 3 làng, xóm: Kính Nỗ, Phượng Quần, Hoa Sơn. Xã Nỗ Dương có 8 làng, xóm: Núi Thôn, Nhược Thôn, Phẩm Thôn, Dương Thôn, Nẩy Thôn, Chùa Thôn, Xá Thôn, Lênh Thôn.

ĐỨC LIÊN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình; nằm ở vùng Đông Nam của huyện; phía đông giáp các xã Phúc Sơn và Việt Ngọc thuộc huyện Tân Yên (ngày nay), phía nam giáp các xã Hoàng Lương và Hoàng Thanh (ngày nay) của huyện Hiệp Hòa (đều thuộc tỉnh Bắc Giang), phía tây giáp xã La Đình (nay là xã Kha Sơn và thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình), phía bắc giáp xã Tân Hòa (huyện Phú Bình). Diện tích tự nhiên 24,46 km², bao gồm toàn bộ địa bàn các xã Dương Thành, Thanh Ninh, Tân Đức, Lương Phú ngày nay của huyện Phú Bình. Dân số (1955) có 7.843 người.

Năm 1953, xã Đức Liên (cùng với xã Nhã Lộng) được Trung ương chọn làm xã thí điểm chỉ đạo thực hiện giảm tô. Sau giảm tô (1953), đại xã Đức Liên chia thành 4 xã: Dương Thành, Thanh Ninh, Tân Đức và Lương Phú. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân 4 xã này đã lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc và được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống thực dân Pháp*.

ĐỨC LƯƠNG

Xã miền núi, nằm ở khu vực Đông Bắc huyện Đại Từ, cách thị trấn huyện lị 25 km; phía đông bắc giáp xã Phúc Lương, phía tây giáp xã Phú Cường, phía nam giáp xã Phú Lạc, phía đông giáp xã Tân Linh.

Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí* cuối thế kỷ XIX, Đức Lương thuộc tổng Thượng Lương, huyện Văn Lãng, phủ Tòng Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ năm 1925*, vùng đất Đức Lương hiện nay thuộc làng Thượng Lương, tổng Thượng Lương, huyện Đại Từ. Sau năm 1945 gọi là xã Đức Lương. Năm 1947, Đức Lương nhập với Phúc Lương thành đại xã Đức Lương. Năm 1953, thực hiện chủ trương của Nhà nước chia nhỏ các đại xã, Đức Lương trở lại thành xã như trước năm 1947. Là xã An toàn khu, Đức Lương có nhiều địa điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử: Đồi Ông Giáp - nơi Đại tướng Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam từng ở và làm việc tại xóm Na Muồng, xóm Nhất Quyết - nơi đặt Nhà in báo Vệ Quốc quân, nơi đặt trụ sở của Khu ủy Liên khu I, xóm Cây Quýt - nơi diễn ra Đại hội Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam...

Diện tích tự nhiên 14,27 km². Dân số (năm 2009) 2.605 người (1.316 nam, 1.289 nữ), thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Thái cư trú ở 13 xóm: Nhất Quyết, Đất Đỏ, Đình Giữa, Non Đình, Na Muồng, Chùa Chinh, Đầu Cầu, Hữu Sào, Đồi, Rộc Mán, Tiền Phong, Cây Xoan, Thống Nhất. Nhân dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè.

ĐỨC LƯƠNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, được thành lập năm 1946 trên cơ sở hợp nhất 2 làng Thượng Lương và Hạ Lương thuộc tổng Thượng Lương. Dân số (1954) có 1.762 người thuộc 3 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Dao.

Sau giảm tô (1953), xã Đức Lương được chia làm 2 xã: Đức Lương và Phúc Lương.

ĐƯƠNG PHẠM XUÂN

Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sinh năm 1956, dân tộc Kinh, quê xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; tham gia cách mạng năm 1976, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1984, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (11/2007), Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (10/2010).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba.*

ĐƯỜNG 1B

Quốc lộ, tuyến qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên có chiều dài 44,7 km; điểm đầu tại cầu Mỏ Gà giáp ranh với tỉnh Lạng Sơn và điểm cuối giao Quốc lộ 3 tại Ngã tư đường tròn Tân Long, thành phố Thái Nguyên. Toàn tuyến mới được nâng cấp thảm bê tông nhựa, chất lượng đường tốt; nền đường rộng từ 7,5 m đến 21 m; mặt đường rộng từ 5,5 m đến 15 m.

Đây là tuyến giao thông huyết mạch, đáp ứng mọi nhu cầu đi lại và giao lưu kinh tế, văn hoá của nhân dân trong tỉnh với các tỉnh bạn.

ĐƯỜNG 261

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Đại Từ dài 50 km, có điểm đầu giao Km 153+300 - QL37 tại thị trấn Đại Từ; điểm cuối giao ĐT266 tại Điềm Thụy - Phú Bình. Đây là tuyến nối trung tâm huyện Đại Từ với huyện Phổ Yên và huyện Phú Bình. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi có nền đường rộng 6,5 m; mặt đường rộng 3,5 m. Trong đó: 46,6 km đường láng nhựa chất lượng tốt và 3,4 km đường cấp phối chất lượng xấu.

Công trình trên tuyến: có 18 cầu với tổng chiều dài 497,95m (3 cầu kết cấu thép, 1 cầu BTCT DUL và 14 cầu BTCT thường; 151 cống với tổng chiều dài 1.022 m và 5 ngầm, tràn có tổng chiều dài 150 m.

ĐƯỜNG 261C

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Phú Bình dài 5,55 km; điểm đầu giao Quốc lộ 37 tại Km 96+000 thuộc địa phận xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, điểm cuối thuộc xóm Đảng, xã Dương Thành, huyện Phú Bình. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, có nền đường rộng 6,5 m m, mặt đường rộng 3,5 m. Toàn tuyến được rải nhựa, chất lượng tốt.

ĐƯỜNG 262

Tỉnh lộ, tuyến Dốc Lim - Sông Công, dài 11,23km, điểm đầu tại ngã ba Dốc Lim, giao với đường Quang Trung thành phố Thái Nguyên; điểm cuối giao với đường Cách Mạng Tháng Mười thị xã Sông Công. Tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp 5 miền núi; mặt đường láng nhựa, nền đường rộng 6,5m; mặt đường rộng 3,5m. Hiện đường đang được thi công nâng cấp mở rộng đạt tiêu chuẩn đường đô thị mặt thảm bê tông nhựa rộng 10,5m, nền rộng 22,5m.

ĐƯỜNG 263

Tỉnh lộ, có điểm đầu tại thị trấn Đu - huyện Phú Lương; điểm cuối giao ĐT264.

Đây là tuyến nối huyện Phú Lương với huyện Đại Từ, đi qua khu vực miền núi có nhiều vị trí tầm nhìn bị hạn chế do bán kính đường cong nhỏ và hướng tuyến thay đổi. Tuyến được láng nhựa đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi có nền đường rộng 6,5 m; mặt đường rộng 3,5 m. Chất lượng đường trung bình.

Công trình trên tuyến: Có 7 cầu với tổng chiều dài 106 m, tải trọng thiết kế H13; 110 cống các loại với tổng chiều dài 835 m và 3 ngầm, tràn với tổng chiều dài 126 m.

ĐƯỜNG 264

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Định Hóa dài 31 km, có điểm đầu giao tại Km 160,7 của Quốc lộ 37 (xóm Khuôn Ngàn, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ); điểm cuối giao tại Km 14 của Đường tỉnh 268 (phố Quán Vuông, xã Trung Hội, huyện Định Hóa). Đường 264 chạy bám theo các sườn núi, vì vậy trên đường có nhiều đoạn tầm nhìn bị hạn chế do bán kính đường cong nhỏ, nền đường hẹp.

Kết cấu mặt đường: Đoạn đầu tuyến từ Km 0 đến Km 22,5 dài 22,5 km hiện là đường cấp phối, nền đường rộng 6 m, mặt đường rộng 3,5 m, chất lượng đường xấu; đang tiến hành thi công nâng cấp cải tạo đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, mặt láng nhựa. Đoạn cuối tuyến từ Km 22,5 đến Km 31 dài 8,5 km, nền đường rộng 7,5 m, mặt đường rộng 5,5 m, mới được cải tạo thảm bê tông nhựa đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, chất lượng đường tốt. Tuyến đường lần lượt đi qua các xã: Bình Thành, Sơn Phú, Trung Lương, Bình Yên, Trung Hội.

Các công trình trên tuyến, gồm 9 cầu (Phú Xuyên - Cảnh Thịnh - Quản Thơ - Chợ Lập - Sơn Phú - Sơn Phú 2 - Đá To - Đá Con), với tổng chiều dài 136 m, tải trọng thiết kế H8; 84 chiếc cống các loại, với tổng chiều dài 816 m; 2 ngầm tràn, với tổng chiều dài 84 m.

ĐƯỜNG 264B

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Định Hóa dài 15,8 km, điểm đầu giao Tỉnh lộ 264 tại xã Bình Yên, huyện Định Hóa; điểm cuối là điểm giáp

ranh giữa xã Phú Đình (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) và xã Hùng Lợi (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

Kết cấu mặt đường: Đoạn đầu và đoạn cuối dài 13,8 km mới được cải tạo thảm bê tông nhựa đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, mặt đường rộng 5,5 m, nền đường rộng 7,5 m chất lượng đường tốt. Đoạn giữa tuyến dài 2 km hiện được láng nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, nền đường rộng 6 m, mặt đường rộng 3,5 m, chất lượng đường xấu. Tuyến đường lần lượt đi qua các xã Bình Yên, Điềm Mặc, Phú Đình và xã Hùng Lợi (huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang).

Các công trình trên tuyến, gồm có 4 cầu bê tông cốt thép (Đá Bay, Suối Đình, Nà Tẩm, Tỉn Keo), với tổng chiều dài 46 m, tải trọng thiết kế H13 - X60.

ĐƯỜNG 265

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Võ Nhai dài 23,5 km; có điểm đầu tại Km 0 ở trung tâm thị trấn Đình Cả, điểm cuối tại Km 23+500 thuộc xã Bình Long. Đây là đường cấp V, nền đường rộng 6,5 m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5 m.

Tuyến đường lần lượt đi qua thị trấn Đình Cả và các xã Tràng Xá, Dân Tiến, Bình Long, nối sang huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn.

ĐƯỜNG 266

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn thị xã Sông Công dài 13,2 km, có điểm đầu giao Km 51+9000-QL 3 (Ngã tư đường vào khu Công nghiệp Sông Công) qua ngã tư Thuần Pháp (Điểm thụy); điểm cuối tại đê Hà Châu - huyện Phú Bình. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; nền đường rộng 7,5 m; mặt đường rộng 5,5 m.

Công trình trên tuyến: có 1 cầu bê tông cốt thép dài 10,6 m, tải trọng thiết kế H13-X60 và 16 cống các loại với tổng chiều dài 125 m.

ĐƯỜNG 267

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn thành phố Thái Nguyên dài 16,33 km; có điểm đầu tại Ngã ba Dốc Lim giao đường Quang Trung; điểm cuối giao Đường tỉnh 270. Đây là tuyến đường nối từ trung tâm thành phố đi vào khu du lịch phía Nam hồ Núi Cốc ,

Đoạn từ Km 0 đến Km 11+400 vừa được nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng; nền đường rộng 9 m, mặt đường thảm bê tông nhựa rộng 7 m. Đoạn từ Km 13+500 đến KM 15+600 được nâng cấp theo tiêu chuẩn đường đô thị; nền đường rộng 16,5 m, mặt đường thảm bê tông nhựa rộng 10,5 m. Các đoạn còn lại từ Km 11+400 đến Km 13+500 và đoạn từ Km 15+600 đến Km 16+330 được láng nhựa, đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi; nền đường rộng 6,5 m, mặt đường rộng 3,5m. Chất lượng đường tốt.

Công trình trên tuyến có 1 cầu dài 40 m, tải trọng thiết kế H13-Xb60; 27 cống các loại với tổng chiều dài 267 m và 2 ngầm, tràn với tổng chiều dài 60m.

ĐƯỜNG 268

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Định Hóa dài 34,9 km, có điểm đầu tại Km 100,050 - Quốc lộ 3 (ngã ba Km 31 nằm trên địa bàn xã Yên Đổ, huyện Phú Lương); điểm cuối tại đỉnh đèo So giáp ranh giữa xã Quy Kỳ (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) với xã Yên Nhuận (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn). Đường 268 đi qua vùng địa hình núi cao, có nhiều đoạn cua gấp, bán kính nhỏ, trên đường có 10 km đường đèo.

Kết cấu mặt đường: Đoạn từ Km 0 đến Km 17 + 830, mặt đường thảm bê tông nhựa, nền đường rộng 7,5 m, mặt đường rộng 5,5 m, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Đoạn từ Km 17 + 830 đến Km 19 + 770, mặt đường thảm bê tông nhựa, nền đường rộng 27 m, mặt đường rộng 15 m, đạt tiêu chuẩn đường cấp II. Đoạn từ Km 19 + 770 đến Km 34 + 990, mặt đường thảm bê tông nhựa, nền đường rộng 7,5 m, mặt đường rộng 5,5 m, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Tuyến đường lần lượt đi qua các xã: Phú Tiến, Bộc Nhiêu, Trung Hội, Bảo Cường, thị trấn Chợ Chu, Kim Sơn, Quy Kì. Các công trình trên tuyến, gồm 10 cầu (Khuôn Lồng, Phố Ngữ, Tà Ma nay là Nà Linh , Ba Ngạc, Cầu Mới, Dốc Đỏ, Phai Đá, Khuổi Tát, Gốc Phát, Đăng Mò), với tổng chiều dài 133 m, tải trọng thiết kế gồm 5 cầu mới xây dựng đạt tải trọng H30 - Xb80 và 5 cầu tải trọng H13 - X60; 161 chiếc cống các loại, với tổng chiều dài 510m.

ĐƯỜNG 269

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Đồng Hỷ dài 27,3 km, điểm đầu giao Quốc lộ 1B tại Km 142+300, thị trấn Chùa Hang; điểm cuối tại ngầm Tam Kha thuộc xã Hợp Tiến giáp huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang). Tuyến đường lần lượt đi qua địa phận thị trấn Chùa Hang, các xã Linh Sơn, Nam Hoà, thị trấn Trại Cau, các xã Tân Lợi, Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ.

Tuyến đường được rải nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi; nền đường rộng 6,5 km, mặt đường rộng 3,5 km; chất lượng đường tốt.

Trên tuyến đường có 4 cầu bê tông cốt thép, với tổng chiều dài 47 m, tải trọng thiết kế H13-X60; 65 cống các loại, với tổng chiều dài 523 m và 5 ngầm, tràn với tổng chiều dài 300 m.

ĐƯỜNG 269B

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa phận huyện Phú Bình dài 12,5 km, điểm đầu giao Quốc lộ 37 tại ngã tư Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn; điểm cuối giao Đường tỉnh 269, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, có nền đường rộng 6 m, mặt đường rộng 3,5 m. Toàn tuyến được láng nhựa, chất lượng tốt. Trên tuyến có 3 cầu với tổng chiều dài 51,5 m, tải trọng H13 - H60.

ĐƯỜNG 270

Tỉnh lộ, tuyến đi qua địa bàn huyện Đại Từ dài 22,05 km, có điểm đầu giao Đường Quang Trung - thành phố Thái Nguyên; điểm cuối giao Km 151+700 - QL37 tại trung tâm huyện Đại Từ; tuyến nối trung tâm thành phố Thái Nguyên vào khu du lịch phía Bắc hồ Núi Cốc; tuyến chia thành các đoạn như sau:

- Đoạn từ Km 0+00 - Km 13+400: dài 13,4 km; mặt đường thảm bê tông nhựa có nền đường rộng 7,5 m, mặt đường rộng 5,5 m đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, chất lượng đường tốt.

- Đoạn từ Km13+400 - Km15+200: dài 1,8 km; mặt đường thảm bê tông nhựa có nền đường rộng 26 m, mặt đường rộng 21 m đạt tiêu chuẩn đường cấp I, chất lượng đường tốt.

- Đoạn từ Km 15+200 - Km 22+050: dài 6,85 km; mặt láng nhựa có nền đường rộng 6,5 m, mặt đường rộng 3,5 m đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi, chất lượng đường trung bình.

Công trình trên tuyến: 8 cầu với tổng chiều dài 139 m, tải trọng thiết kế H13-X60 và 24 cống các loại với tổng chiều dài 163 m.

ĐƯỜNG 3

Quốc lộ, tuyến đi qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên dài 76,35 km; điểm đầu tại cầu Đa Phúc, giáp ranh với huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; điểm cuối tại cầu Ổ Gà giáp ranh huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Toàn tuyến được rải bê tông nhựa, chất lượng mặt đường tốt. Tuy nhiên, đoạn tuyến hiện có mặt đường còn nhỏ hẹp, với nền đường rộng từ 9 m đến 15 m; mặt đường rộng từ 8 m đến 14 m đạt tiêu chuẩn cấp III, cấp IV miền núi và đường đô thị, song lưu lượng xe trên tuyến lớn, thường xuyên xảy ra ách tắc giao thông và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Công trình trên tuyến có 22 cầu, tổng chiều dài 473 m và 134 cống tổng chiều dài 1.862 m, tải trọng thiết kế H30-Xb80.

Đây là tuyến đường giao thông huyết mạch, đáp ứng mọi nhu cầu đi lại và giao thương của nhân dân trong tỉnh nói chung, thành phố Thái Nguyên nói riêng với thủ đô Hà Nội và các tỉnh bạn.

ĐƯỜNG 3/2

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, nằm trên trục Quốc lộ 3, có điểm đầu giao đường Thống Nhất và điểm cuối giao đường Phố Hương, dài 5 km. Nền đường rộng 36 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG 3/2

Đường nội thị của thị xã Sông Công, có điểm đầu tại ngã ba Diesel; điểm cuối tại ngã ba Y cụ, dài 0,7 km. Nền đường rộng 25,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG 30/4

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, nằm trên trục Quốc lộ 3, có điểm đầu giao Đường 3/2 và điểm cuối giao đường rẽ vào Khu Công nghiệp Sông Công, dài 6 km. Nền đường rộng 36 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG 36

Đường nội thị tại Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên. Phía tây giáp phường Trung Thành, phía đông giáp phường Hương Sơn.

Đoạn đường này có chiều dài khoảng 1 km, từ điểm giao cắt đường sắt đến Tượng đài Công nhân Khu Gang thép; mặt đường rộng 36m, nên nhân dân gọi là đường 36 (nay là đoạn cuối của đường Cách Mạng Tháng Tám).

Đường do Công ty Gang thép Thái nguyên đầu tư xây dựng năm 1974, có dải phân cách ở giữa, mặt đường trải nhựa, sau trải Appan, có hệ thống đèn cao áp chiếu sáng.

ĐƯỜNG 37

Quốc lộ, trước đây gọi là Quốc lộ 13A, có điểm đầu tại Km 96 + 100, Cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình giáp tỉnh Bắc Giang; điểm cuối tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, giáp tỉnh Tuyên Quang.

Toàn tuyến đi qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên dài 57,6 km, được rải bê tông nhựa, chất lượng mặt đường tốt, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường rộng 9 m, mặt đường rộng 8 m; đoạn qua thị trấn Hương Sơn rộng 15m.

ĐƯỜNG BẮC KẠN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, nằm trên trục Quốc lộ 3, có điểm đầu từ Ngã 3 Mỏ Bạch và điểm cuối tại Đảo tròn Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, dài 1,6 km. Nền đường rộng 36 m và mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 21 m.

ĐƯỜNG BẮC NAM

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ Ngã 3 Bắc Nam và điểm cuối giao đường Cách Mạng Tháng, dài 1,095 km (sau điều chỉnh là 2,3 km). Nền đường rộng 27 m và mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG BẾN OÁNH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Bến Tượng và điểm cuối đến cầu treo Oánh, dài 1,28 km. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG BẾN TƯỢNG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ Bến Tượng và điểm cuối giao đường Cách Mạng Tháng Tám, dài 1,6 km. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

Đường phố nội thị của thị xã Sông Công, có điểm đầu tại ngã tư Khu công nghiệp Sông Công; điểm cuối tại ngã ba Diesel, dài 5,7 km. Nền đường rộng 25,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Đường phố nội thị của thị xã Sông Công, có điểm đầu tại ngã ba Phố Cò, điểm cuối tại ngã ba Bãi đỗ, dài 4,2 km. Nền đường rộng 25,5 m, mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, nằm trên trục Quốc lộ 3, có điểm đầu tại Đảo tròn Trung tâm và điểm cuối tại Đảo tròn Khu Gang thép, dài 7,35 km. Nền đường rộng 36 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 22 m.

Đường Cách Mạng Tháng Tám là tuyến giao thông lớn nhất của thành phố Thái Nguyên. Đây cũng là trục đường chính nối liền Bắc - Nam thành phố.

ĐƯỜNG CHU VĂN AN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Đường Hoàng Văn Thụ và điểm cuối giao Đường Bắc Sơn, dài 0,63 km. Nền đường rộng 10 m; mặt đường rải đá dăm nhựa, rộng 3,5 m.

ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, nằm trên trục Quốc lộ 3, có điểm đầu tại Ngã 3 Mỏ Bạch và điểm cuối tại Đảo tròn Tân Long, dài 4,88 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG ĐỘI CẤN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Bến Tượng và điểm cuối tại Đảo tròn Trung tâm, dài 4,88 km. Nền đường rộng 60 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 22 m, rất thuận tiên cho việc đi lại.

ĐƯỜNG GANG THÉP

Đường nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Quốc lộ 3 (dự kiến giao đường 3/2) và điểm cuối giao đường Cách Mạng Tháng

Tám, dài 1,8 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG HOÀNG NGÂN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Cách Mạng Tháng Tám và đường Xuân Hoà; điểm cuối giao đường Minh Cầu và đường Phan Đình Phùng.

Tuyến đường được mở năm 2010, có chiều dài 0,75 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ

Đường nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ đảo tròn Trung tâm và điểm cuối giao đường Quang Trung.

Đường dài 1,8 km. Đây là trục đường chính của thành phố Thái Nguyên. Nền đường rộng 41 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 21 m, có dải phân cách ở giữa, mỗi bên có 2 làn cho xe ô tô chạy.

Hiện nay, đường Hoàng Văn Thụ là một trong những tuyến đường lớn và đẹp nhất của thành phố Thái Nguyên.

ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu tại Quảng trường 20/8; điểm cuối tại phố Bến Tượng, dài 0,75 km. Nền đường rộng 66 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 22,5 m.

Đường Hùng Vương là một trong những con đường rộng và đẹp của thành phố Thái Nguyên.

ĐƯỜNG LÊ HỮU TRÁC

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Quang Trung và điểm cuối hết địa phận Bệnh viện Tâm thần, dài 1,2 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15m.

ĐƯỜNG LÊ QÚY ĐÔN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Lương Ngọc Quyến và điểm cuối giao đường Lương Thế Vinh, dài 0,88 km. Nền đường rộng 19,5 m; mặt đường thảm bê tông xi măng, rộng 7,5 m.

ĐƯỜNG LÊ TRUNG ĐÌNH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Minh Cầu và điểm cuối giao đường Cách Mạng Tháng Tám, dài 0,39 km.

Trục đường được hình thành khoảng năm 2010 nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong và ngoài khu dân cư. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ Ngã 3 Bắc Nam và điểm cuối đến Ngã ba Mỏ Bạch, dài 3 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG LƯƠNG SƠN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Quốc lộ 3 (dự kiến giao Đường 30/4) và điểm cuối giao đường Vó Ngựa, dài 2,6 km.

Nền đường rộng 19,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 3,5 m.

ĐƯỜNG LƯƠNG THẾ VINH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Mỏ Bạch và điểm cuối giao đường Lương Ngọc Quyến, dài 1 km.

Nền đường rộng 19,5 m; mặt đường thảm bê tông xi măng, rộng 7,5 m. Tuy nhiên, công việc sửa chữa tuyến đường chưa đạt chất lượng tốt.

ĐƯỜNG LƯU NHÂN CHÚ

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ cổng phụ Công ty Gang thép (Phường Cam Giá) và điểm cuối giao đường Phố Hương, dài 2,7 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa và bê tông xi măng, rộng 15 m.

ĐƯỜNG MINH CẦU

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Phủ Liễn và điểm cuối giao đường Phan Đình Phùng, dài 1,17 km. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG MỎ BẠCH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, nằm trên trục Quốc lộ 3, có điểm đầu giao đường Dương Tự Minh và điểm cuối giao đường

sắt đi Quan Triều (dự kiến sẽ giao Đường Z115), dài 4,88 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG NGẦM GIANG TIÊN

Đường ngầm qua sông Giang Tiên (Đu), nối Quốc lộ số 3 (cũ) trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1952 - 1954).

Ngầm dài hơn 50 m, rộng 10 m, được tạo thành bởi đá hộc xếp nhiều lớp và đá "củ đậu" tạo lớp mặt, đoạn giữa có xây các đường cống thông nước sông. Ngầm ở cách cây cầu cũ bị máy bay Pháp phá hủy năm 1952 khoảng 30 m về phía Đông. Đường ngầm này đã giúp cho xe pháo của bộ đội ta hành quân qua sông Giang Tiên thuận tiện. Ngày nay, dấu vết đường ngầm còn lại là một đoạn khoảng 10 m, cao 2 m nằm ở khu vực lòng sông Giang Tiên cách cây cầu mới xây khoảng 60 m về phía bắc.

ĐƯỜNG NGUYỄN DU

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Đội Cấn (dự kiến giao đường Thanh Niên) và điểm cuối giao đường Cách Mạng Tháng Tám, dài 0,65 km (sau điều chỉnh là 0,77 km). Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG NHA TRANG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Cách Mạng Tháng Tám và điểm cuối giao đường Bến Tượng, dài 0,6 km. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG NHỊ QUÝ

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên (đoạn kéo dài đường Phan Đình Phùng), có điểm đầu giao đường Bến Tượng và điểm cuối giao đường Phùng Chí Kiên, dài 0,55 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15m.

ĐƯỜNG PHAN BỘI CHÂU

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Lương Ngọc Quyến và điểm cuối giao đường Quang Trung, dài

1,2 km. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG PHAN CHÂU TRINH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường sắt Hà - Thái và điểm cuối giao đường Lương Ngọc Quyến, dài 0,6 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Đường Lương Ngọc Quyến và điểm cuối tại phố Bến Tượng, dài 1,7 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m. Đây là một trong những trục giao thông chính và rộng nhất của thành phố Thái Nguyên.

ĐƯỜNG PHÙ LIỄN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ đảo tròn gần Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam và điểm cuối đến Hợp tác xã Bắc Hà, dài 1 km.

Nền đường rộng 13 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 7 m.

ĐƯỜNG PHÚ XÁ

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Quốc lộ 3 (dự kiến giao Đường 3/2) và điểm cuối giao đường Cách Mạng Tháng Tám, dài 1,5 km.

Nền đường rộng 19,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 7,5 m. Độ dốc nền đường được hạ thấp, đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông.

ĐƯỜNG QUÁN TRIỀU

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Dương Tự Minh và điểm cuối đến ga Quan Triều, dài 1 km. Nền đường rộng 11,5 m; mặt đường rải đá dăm nhựa, rộng 5,5 m.

ĐƯỜNG QUANG TRUNG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ cuối đường Hoàng Văn Thụ và điểm cuối tại Ngã ba đường rẽ vào Dốc Lim, dài 2,5 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG RỪNG CHIỀU

Bài thơ do Nguyễn Bính, tên thật là Nguyễn Bính Thuyết (1919 - 1966), quê ở Thiệu Vinh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, sáng tác.

Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ hàng đầu của phong trào Thơ mới, nổi tiếng với những bài thơ tình thể lục bát mang đậm phong vị ca dao. Năm 1938, đang ở Hà Nội làm thơ đăng báo kiếm sống trong sự túng quẫn, bức bí, ông làm chuyến phiêu du lên các tỉnh thượng du: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn... Trong chuyến đi này, Nguyễn Bính đã viết hai bài thơ ở Thái Nguyên, đó là bài *Cánh buồm nâu* và bài *Đường rừng chiều.*

ĐƯỜNG THẮNG LỢI

Đường phố nội thị của thị xã Sông Công, có điểm đầu tại ngã ba Mỏ Chè; điểm cuối tại đầu cầu treo Sông Công, dài 2,2 km. Nền đường rộng 25 m; mặt đường rộng 14m.

ĐƯỜNG THỊNH ĐỨC

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Quang Trung và điểm cuối tại địa giới thị xã Sông Công, dài 6 km.

Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường rải đá dăm nhựa và bê tông xi măng, rộng 7,5m.

ĐƯỜNG THỐNG NHẤT

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ Ngã ba Bắc Nam và điểm cuối tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Thái Nguyên, dài 2 km.

Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m. Đây là trục đường chính đảm bảo sự thông thương giữa thành phố Thái Nguyên với các địa phương ở phía nam và thủ đô Hà Nội.

ĐƯỜNG THỐNG NHẤT

Đường nội thị của thị xã Sông Công, có điểm đầu tại ngã ba Cải Đan; điểm cuối tại đầu cầu Thống Nhất, dài 4,5 km. Nền đường rộng 29 m, mặt đường rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG TÍCH LƯƠNG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Quốc lộ 3 (dự kiến giao Đường 30/4) và điểm cuối đến Núi Kiên, dài 5

km (sau điều chỉnh là 5,5 km). Nền đường rộng 19,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 5,5 m.

ĐƯỜNG TRẦN ĐĂNG NINH

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ cầu Gia Bảy và điểm cuối đến hết địa phận xã Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, dài 1,64 km. Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 10,5 m.

ĐƯỜNG TRẦN QUỐC HOÀN

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao Đường 3/2 và điểm cuối đến Ga Lưu Xá, dài 1,11 km. Nền đường rộng 22,5 m; mặt đường rải đá dăm nhựa, rộng 5,5 m.

ĐƯỜNG VÓ NGỰA

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu từ đảo tròn Khu Gang thép và điểm cuối tại Ngã tư Tân Thành (dự kiến đến xóm Phú Thái xã Lương Sơn), dài 2,5 km (sau điều chỉnh là 3,9 km). Nền đường rộng 27 m; mặt đường thảm bê tông nhựa, rộng 15 m.

ĐƯỜNG XUÂN QUANG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Cách Mạng Tháng Tám và điểm cuối giao đường Thanh Niên Xung Phong, dài 1,5 km. Nền đường rộng 19,5 m và mặt đường rải đá dăm nhựa, rộng 5,5 m.

ĐƯỜNG XƯƠNG RỒNG

Đường phố nội thị của thành phố Thái Nguyên, có điểm đầu giao đường Cách Mạng Tháng Tám và điểm cuối giao đường Phan Đình Phùng, dài 1,2 km. Nền đường rộng 19,5 m; mặt đường thảm bê tông xi măng, rộng 5,5 m.

È PHẠM THỊ (TỨC ĐÀO)

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1890; quê quán xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh - Hà Nội; trú quán xã Tân Kim, huyện Phú Bình.

Mẹ Phạm Thị È có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Thường, hi sinh tháng 8/1950 tại xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Phạm Thị È danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

FUTU

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên; tiền thân là Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1 đặt tại địa phận huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), được thành lập ngày 25/3/1968. Năm 1975 Công ty chuyển đến Khu Công nghiệp Gò Đầm, huyện Phổ Yên (nay thuộc thị xã Sông Công), tỉnh Thái Nguyên.

Công ty có 10 dây chuyền sản xuất chính được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, đáp ứng đầy đủ công nghệ đúc, rèn dập, gia công cơ khí, nhiệt luyện... Các sản phẩm của Công ty bao gồm: Ống lót xi lanh, vòng găng, xúp páp cho máy động lực và giao thông vận tải, hộp số thủy từ 6-24 sức ngựa, máy cắt lúa rải hàng, máy vò chè. Hằng năm, Công ty cung cấp 30 triệu chi tiết linh kiện xe máy...

Từ 2001 đến nay, Công ty trở thành một doanh nghiệp mạnh của Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Nhà Nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất*, Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương và nhiều phần thưởng cao quý khác...

GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Khu Gang thép Thái Nguyên khởi công xây dựng tháng 6/1959, công suất thiết kế ban đầu là 10 vạn tấn thép cán/năm, do Chính phủ Trung Quốc giúp đỡ về kỹ thuật, thiết bị. Đã qua nhiều lần thay đổi tên gọi: Khu Gang thép Thái Nguyên (từ 6/1959), Công ty Gang thép Thái Nguyên (từ 21/6/1962), Xí nghiệp liên hợp Gang thép Thái Nguyên (từ 1/1/1980), Công ty Gang thép Thái Nguyên (từ 6/1993), Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (từ 7/2009).

Các công trình trọng điểm thuộc dây chuyền sản xuất được xây dựng tập trung ở khu vực Lưu Xá (phía nam thành phố Thái Nguyên) trên diện tích rộng gần 160 ha. Ngoài ra còn có một số mỏ nguyên liệu ở một số địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên (Trại Cau, Núi Voi, Phấn Mễ) và các mỏ ở tỉnh khác như Cao Bằng, Thanh Hóa, Hải Dương, Tuyên Quang, Phú

Thọ... Từ ngày 28/3/1970, Công ty Gang thép xây dựng thêm Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng (liền kề với khu Lưu Xá, sát trung tâm thành phố Thái Nguyên), công suất thiết kế 50.000 tấn thép cán/năm, do Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Đức giúp đỡ xây dựng.

Từ năm 1986, Công ty nhiều lần đầu tư, cải tạo mở rộng sản xuất, nâng công suất thiết bị theo hướng hiện đại hóa công nghệ truyền thống. Năm 2001, dự án đầu tư giai đoạn I hoàn thành với công suất thiết kế là 239.000 tấn phôi thép/năm. Từ năm 2007, Công ty tiếp tục triển khai dự án đầu tư giai đoạn II, nâng năng lực sản xuất lên 750.000 tấn phôi thép/năm, để đạt sản lượng 1 triệu tấn thép cán/năm.

Là "con chim đầu đàn", một trong những trung tâm luyện kim lớn nhất của cả nước, Công ty được nhiều lần đón Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước về thăm và làm việc.

Trải qua 50 năm xây dựng và trưởng thành (tính đến năm 2009), Công ty đã được tặng thưởng: Danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước* (phong tặng năm 1999), 5 *Huân chương Độc Lập* (1 hạng Nhất, 1 hạng Nhì, 3 hạng Ba), 72 *Huân chương Lao động* (5 hạng Nhất, 15 hạng Nhì, 52 hạng Ba), 2 *Huân chương Bảo vệ Tổ quốc* (1 hạng Nhì, 1 hạng Ba), 2 *Huân chương Quân công hạng Ba*, 3 *Huân chương Chiến công hạng Ba.*

GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Khu Công nghiệp, được xây dựng năm 1959 trên diện tích rộng gần 160 ha, thuộc địa phận các xã Lưu Xá và Cam Giá, huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên. Đây là khu công nghiệp luyện kim đầu tiên của Việt Nam có quy trình khép kín từ khâu khai thác quặng sắt đến luyện gang, luyện thép và cán thép. Hiện nay, Công ty có 6 đơn vị sản xuất chính (Công ty Cổ phần Luyện gang, Công ty Cổ phần Cốc hoá, Công ty Cổ phần Luyện cán thép Lưu Xá, Công ty Cổ phần Luyện cán thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng, Công ty Cổ phần Cán thép Lưu Xá), 8 đơn vị phụ trợ (Công ty Cổ phần Cơ khí gang thép, Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt, Công ty Cổ phần Năng lượng, Công ty Cổ phần Hợp kim sắt, Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa, Công ty Cổ phần

Sửa chữa xe máy, Công ty Cổ phần Vận tải ô tô, Xí nghiệp Phế liệu kim loại). Ngoài ra còn có một số mỏ nguyên liệu ở một số địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên (Trại Cau, Núi Voi, Phấn Mễ) và ở các tỉnh Cao Bằng, Thanh Hoá, Hải Dương, Tuyên Quang, Phú Thọ...

GÁI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, quê làng Thịnh Đán huyện Đồng Hỷ (nay là phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên); trú quán tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Gái có con độc nhất là liệt sĩ Vũ Tân Cương (nhập ngũ tháng 6/1962, hi sinh ngày 15/6/1972 tại mặt trận Xiêng Khoảng, nước Lào).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Nguyễn Thị Gái danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

GÁI PHẠM THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1915, dân tộc Kinh, quê thôn Phùng Thiện, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; trú quán tại Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Phạm Thị Gái có con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Thọ nhập ngũ năm 1952, hi sinh tại mặt trận Viên Chăn nước Lào..

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Phạm Thị Gái danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

GÁI VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1906, dân tộc Kinh, quê ở xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; trú quán tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ.

Mẹ có 5 trên 7 người con nhập ngũ, trong đó Phan Gia Bảng sinh năm 1926, hi sinh ngày 26/7/1949, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; 2 con hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Phan Gia Ngọc (nhập ngũ tháng 1/1966, hi sinh ngày 11/9/1969), Phan Gia Châu (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 10/2/1971).

Ngày 17/12/1994, mẹ Vũ Thị Gái đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

GÀN

Đền, xưa được dựng cạnh vực Gàn của sông Công thuộc địa phận xóm 10, xã Văn Yên, huyện Đại Từ. Đền kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, dài 12 m, rộng 6 m. Hậu cung dài 6 m, rộng 4 m, kết cấu kiên cố, tường gạch, cột lim, mái ngói.

Hằng năm, lễ chính tổ chức tại chùa vào ngày 20/1 Âm lịch, với nhiều nghi lễ. Đáng chú ý có lễ rước thần Bà đi gặp thần Ông ở đền Ông (thuộc xã Tân Thái). Kiệu rước có bát hương, bài vị và mâm ngũ quả, do 4 thanh niên khoẻ mạnh khiêng. Đoàn rước còn có nhiều người mang theo cờ xí, chiêng trống. Sang đền Ông sau khi làm lễ xong, lại rước Bà về. Lễ rước rất đông vui.

Năm 1974, khi xây dựng hồ Núi Cốc, ngôi đền được di chuyển về xã Vạn Thọ (cách địa điểm cũ khoảng 1km), giữa khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hồ nước mênh mông, bao quanh là núi và rừng phòng hộ. Đền Gàn hiện còn lưu giữ được nhiều cổ vật như bát hương bằng gốm, sứ, tượng, ngai, mâm gỗ, chuông, kiềng, vòng tay bằng đồng... Những ngày lễ chính tại đền vào ngày 20/1, lễ Giỗ Mẹ (tháng 3), lễ Vào hè (tháng 4), lễ Ra hè (14/7), lễ Giỗ Cha (tháng 8), lễ Tất niên (20/12) âm lịch.

GHỀNH CHÈ

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 1987 trên nhánh suối nhỏ tại xã Bình Sơn, thị xã Sông Công; hoàn thành năm 1989. Đập hồ có chiều dài 402 m, cao 17,6 m. Hồ có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho 359 ha lúa của xã Bình Sơn; tạo điều kiện cho việc chăn thả cá, cung cấp nguồn thực phẩm cho địa phương, góp phần cải tạo tiểu khí hậu vùng, giảm cường độ lũ ở hạ lưu.

GIA BẨY

Cầu, được xây dựng khoảng những năm 1928 - 1930, bằng bê tông cốt thép bắc qua sông Cầu. Đầu cầu phía đông nối với Quốc lộ 1B (cũ), đầu cầu phía tây nối với Quốc lộ 3 (cũ). Cầu dài 93 m, rộng 3,5 m, tải trọng dưới 10 tấn. Đầu năm 1947, thực hiện chủ trương Tiêu thổ kháng

chiến, cây cầu đã bị quân, dân ta phá sập. Năm 1955, cầu được xây dựng lại, trên cơ sở mố cầu, trụ cầu cũ.

Trong những năm chiến tranh phá hoại, máy bay giặc Mĩ đã dội xuống cầu và vùng ven hàng trăm tấn bom, kể cả bom tấn, bom nổ chậm, bom từ trường... nhằm phá nát cây cầu, cắt đứt tuyến đường vận tải chiến lược Quốc lộ 1B. Lực lượng đảm bảo giao thông của tỉnh và thành phố đã kịp thời sửa chữa thông cầu phục vụ vận chuyển. Hàng vạn chuyến xe đã qua cầu đưa hàng ra mặt trận. Hàng chục cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang, tự vệ và nhân dân đã anh dũng hi sinh trong chiến đấu bảo vệ, sửa chữa cầu.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc (2/1979) cầu Gia Bẩy giữ vai trò có ý nghĩa chiến lược. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ của các binh đoàn chủ lực, các đơn vị dân quân, tự vệ, dân công hỏa tuyến qua cầu ra mặt trận biên giới; hàng ngàn lượt xe quân sự, dân sự chuyên chở hàng vạn tấn vũ khí, lương thực và các nhu yếu phẩm phục vụ chiến đấu vượt cầu để chi viện cho mặt trận, cho đồng bào, chiến sĩ Lạng Sơn.

Năm 1991, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, cầu được làm mới bằng bê tông cốt thép, tại vị trí cũ (lý trình 145,5). Cầu có chiều dài 99,86 m, rộng 7 m, khẩu độ thoát nước 94,23 m; tải trọng H13.

Cầu Gia Bẩy không chỉ phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh, mà còn là điểm nhấn văn hóa trên sông Cầu, tôn thêm vẻ đẹp của thành phố Thái Nguyên.

GIA PHẢ DÒNG HỌ LƯU NHÂN CHÚ

Bản gốc bằng chữ Hán, không còn nguyên vẹn, hiện được bảo quản tại Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên. Bản sao lục thời Nguyễn do dòng tộc họ Lưu ở Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giữ, chép bằng chữ Hán xen nhiều chữ Nôm, trong có bài *Văn thề cùng chư tướng* viết bằng chữ Nôm.

Cuốn gia phả làm bằng giấy dó, khổ 18 x 34 cm, đã mất trang bìa, trang đầu rách nát phía trên. Sách gồm có 26 tờ, mỗi tờ trung bình khoảng 10 dòng, mỗi dòng khoảng 25 chữ, tổng cộng khoảng 6.500 chữ. Chữ trong sách viết chân phương, dễ đọc, một số chữ viết kiểu giản hóa.

Nội dung chủ yếu của cuốn gia phả ghi chép lại quá trình tham gia khởi nghĩa cùng toàn bộ công trạng, đóng góp lớn của 3 cha con Lưu Trung (cha), Lưu Nhân Chú (con đẻ), Phạm Cuống (con rể) trong khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo. Trong quá trình kháng chiến, 3 cha con họ Lưu được giao nhiều chức vụ, trọng trách. Khi đánh thắng giặc Minh, giải phóng đất nước, vương triều Lê được thiết lập, 3 cha con họ Lưu đều được vinh phong chức to, tước lớn.

Ở phần cuối cuốn gia phả, có các bản sao 5 sắc phong của đời Lê, trong đó gồm: Một sắc phong cho Lưu Trung vào năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời vua Lê Thánh Tông. Hai sắc phong cho Phạm Cuống vào năm Nhâm Dần, niên hiệu Đại Hòa thứ 10 (1452) đời vua Lê Nhân Tông. Một sắc phong cho Phạm Cuống vào năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời vua Lê Thánh Tông. Một sắc phong cho Lê Văn Hiển vào năm Quang Thuận thứ 10 (1469) đời vua Lê Thánh Tông.

GIA SÀNG

Phường, nằm ở khu vực Đông Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp 2 phường Đồng Quang và Phan Đình Phùng, phía nam giáp 2 phường Phú Xá và Cam Giá, phía đông giáp sông Cầu, phía tây giáp phường Tân Lập.

Phường Gia Sàng trước đây là xã Gia Sàng thuộc huyện Đồng Hỷ, năm 1962 chuyển giao về thành phố Thái Nguyên.

Ngày 8/4/1985, xã Gia Sàng đổi thành phường Gia Sàng. Diện tích 4,16 km², dân số (năm 2009) 10.890 người thuộc 10 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 24 tổ dân phố. Phường có cơ cấu kinh tế công nghiệp, dịch vụ thương mại (70%), nông nghiệp và các nghề khác (30%).

Trên địa bàn phường có Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên, Nhà máy Luyện cán thép Gia Sàng thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần thương mại thép Thái Hưng (Top 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam VNR500, 2007 - 2009), Khách sạn Hải Âu (3 sao). Núi Tiện (Triện) ở phía đông bắc phường, các sách sử nhà Nguyễn xưa vẫn viết núi này là

tiền án của thành tỉnh Thái Nguyên. Đền thờ các anh hùng liệt sĩ thuộc Đại đội 915 Thanh niên xung phong Bắc Thái.

GIÃ THÙ

Đình, được dựng cuối thời Lê, trên một quả đồi thấp ở làng Giã Thù, tổng Tiên Thù, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc; nay là làng Giã Thù, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

Đình Giã Thù xưa gồm 5 gian tiền đình khung cột gỗ lim lớn và hậu cung. Thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến chống Pháp (1947), đình bị phá hủy, chỉ còn lại hậu cung. Gần đây, đình được xây dựng lại, có cấu trúc kiểu chuôi vồ. Nhà tiền tế dài 12m, rộng 6m, tường xây, mái lợp ngói mũi có đầu đao cong. Trong đình có nhang án lớn, chạm khắc cầu kì các bức hình: Kì lân hà lồ, Lưỡng long tranh châu, Rùa đội cuốn thư, Cá chép hóa rồng... Hậu cung là nơi thờ các thánh hoàng làng, được ngăn cách với tiền đường bằng một cửa võng.

Đình Giã Thù thờ thành hoàng làng là Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII) và vợ ông là Diên Bình công chúa. Đình còn giữ được 3 sắc phong, trong đó 2 sắc phong cho Dương Tự Minh được ban năm Thiệu Trị thứ 9 (1847), 1 sắc phong Diên Bình công chúa năm Khải Định thứ 9 (1924).

Thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình là nơi hoạt động bí mật, hội họp của cán bộ cách mạng, của tự vệ chiến đấu địa phương. Những năm 1950 - 1951, đình là nơi đóng quân của Huyện đội Phú Bình, Huyện đội Đông Anh.

Cụm di tích lịch sử văn hóa đình Giã Thù - chùa Di đã được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/1/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

GIÁ

Đền, có từ lâu đời ở làng Cẩm La thuộc tổng Tiểu Lễ, nay thuộc xã Đông Cao, huyện Phổ Yên; là nơi thờ Thánh Gióng, (Phù Đổng Thiên Vương) và Mạnh Điền Quốc vương - một người dân yêu nước ở địa phương đã có công đánh giặc Ân cứu nước từ thời Vua Hùng thứ VI.

Theo truyền thuyết, một lần ông Gióng đang truy đuổi giặc Ân, khi đến địa phương này thì quân sĩ đã thấm mệt, trời lại tối, cây rừng rậm

rạp chẳng rõ lối đi. Một người dân địa phương biết chuyện, ông đã đem hết lương thực, thực phẩm của nhà mình và vận động dân làng cùng giúp đội quân ông Gióng ăn nghỉ cho lại sức. Cũng lúc đó, ông lại vận động những thanh niên trai tráng trong làng xin theo đoàn quân ông Gióng cùng đi đánh giặc. Khi giặc tan, đất nước thanh bình, nhà vua đã phong cho ông Gióng là Phù Đổng Thiên Vương và phong người nông dân yêu nước kia là Mạnh Điền Quốc Vương, cho nhân dân địa phương lập đền thờ các ông. Nơi đó gọi là Giá (nơi đón tiếp trang trọng với vua chúa hoặc các quan) và ngôi đền đó gọi là đền Giá.

Đền Giá hiện nay có 2 tòa nhà chính và đã tu sửa nhiều lần.

Nhà hậu cung 3 gian ở phía sau: Gian giữa có sàn cao thờ tượng Thánh Gióng, 1 bên thờ tượng Mạnh Điền Quốc vương và 1 bên thờ Thổ Địa long vương, vị thần bảo vệ giúp đỡ dân làng. Hai bên cửa hậu cung có đôi câu đối chữ Hán: *Sắc phong, kiếm, mã lưu kì sự / Nam quốc Sơn hà độc dị nhân.*

Nhà tiền bái 5 gian phía trước, để hương án, đồ thờ và là nơi hành lễ trong những ngày lễ hội.

Xung quanh đền có nhiều cây to bóng mát, đặc biệt còn 3 cây đa, trong đó có 2 cây cổ thụ, chu vi gốc khoảng 8m.

Đền Giá mỗi năm có 2 lần lễ hội. Lần 1 vào các ngày 5 - 6/1 là lễ hội khai xuân; lần 2 vào 9/4 Âm lịch.

Đền đã được xếp hạng di tích lịch sử - nghệ thuật tại Quyết định số 2774/QĐ-UB ngày 12/11/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

GIÁ

Lễ hội, có từ xa xưa, được tổ chức vào ngày 4 - 6/1 và 9/4 Âm lịch hằng năm tại đền Giá, thuộc thôn Cẩm La, xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.

Trong các ngày chính lễ (4 - 6/1), dân làng Cẩm La và các thôn làng lân cận đội lễ vật gồm có xôi, thủ lợn, gà, hương, hoa, trà, tửu về tế lễ ở đền. Ngoài những lễ vật thông thường của miền quê nông nghiệp trồng lúa nước, điều đặc biệt ở lễ hội đền Giá là có riêng một kiệu rước những chiếc "dò" làm bằng tre tươi bào mỏng thành tua, rồi nhuộm màu vàng, đỏ, tượng trưng cho những chiếc gậy bằng tre đẵng ngà mà ông Gióng dùng đánh giặc Ân. Ai ai đi hội cũng tìm mua một chiếc "dò" để vừa tự

hào với truyền thống anh hùng của tổ tiên, vừa có được cái cảm giác sẽ gặp điều may mắn. Phần hội trong những ngày chính lễ có các trò chơi: chọi gà, đánh đu, đánh vật, cờ tướng, hát ví, hát trống quân. Ngày nay, hầu hết các trò chơi dân gian kể trên đã không còn, thay bằng các môn thi đấu bóng chuyền, bóng đá, cầu lông...

Trong ngày lễ hội lần thứ hai (9/4), dân làng Cẩm La và vùng lân cận dâng lễ vật gồm xôi, gà, hương, hoa cúng ở đền. Ngoài những lễ vật kể trên, đồ lễ còn có thêm mâm cơm nắm, muối vừng, cà nén để nhớ về truyền thuyết Ông Gióng ăn 7 mâm cơm, 3 nong cà rồi vươn vai lên đường đánh giặc Ân. Ngày nay, tập tục rất ý nghĩa nói trên không được duy trì; ngày mở hội 9/4 được chuyển sang ngày 30/4 Âm lịch để kết hợp với ngày Đông Cao mở lễ vào hè, cầu mát.

GIÁ ĐỖ THỊ

Nhà giáo Ưu tú, Thạc sĩ, quê xã Xuân Trường huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; giảng viên Trường Công nhân kỹ thuật - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1976, bà tốt nghiệp Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên). Năm 1996, tham gia học tập theo dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hàn Quốc, thời gian 2 tháng. Từ tháng 9/1996 đến năm 1999, theo học Thạc sĩ tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên...

Nhà giáo Đỗ Thị Giá đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng ban Lí thuyết (1988 - 1991), Trưởng ban Điện (1992 - 1996), Phó Trưởng phòng Đào tạo (2001 - 2005), Trưởng khoa Đào tạo nghề Trường Công nhân Kỹ thuật - Đại học Thái Nguyên (2005 - 2008). Bà được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*; nhiều năm được công nhận Giáo viên dạy giỏi từ cấp tỉnh đến cấp Bộ...

Nhà giáo Đỗ Thị Giá được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

GIÁ ĐỘI

Một thành viên của Bộ Chỉ huy khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Tên thật là Dương Văn Giá, con thứ hai trong một gia đình nông dân ở xóm Dinh, làng Giữa, xã Úc Sơn, tổng La Đình, phủ Phú Bình, tỉnh

Thái Nguyên (nay là xóm Hoà Bình xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên). Là Đội nhất trong lực lượng lính khố xanh đóng ở tỉnh lị Thái Nguyên năm 1917, tên tuổi của Đội Giá (mang số lính 697) gắn liền với Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Là bạn tâm phúc của Đội Cấn (lãnh tụ cuộc khởi nghĩa), Đội Giá thường xuyên cùng Đội Cấn và một số người có cùng chí hướng luận bàn việc nước. Là thành viên của Ban Chỉ huy cuộc khởi nghĩa, theo đúng kế hoạch, khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, Đội Giá chỉ huy mấy chục nghĩa quân đánh chiếm nhà tù, giết Giám ngục, mở cửa nhà giam, phá xiềng, giải phóng tù nhân, đưa Lương Ngọc Quyến từ nhà tù sang khu vực trại lính tham gia lãnh đạo khởi nghĩa. Tiếp đó, Đội Giá cho mở kho quân lương, lấy quần áo, đạn dược trang bị cho nghĩa quân rồi tiếp tục chỉ huy đánh chiếm Dinh Công sứ, Toà án, Nhà đoan, kho rượu, kho đạn...

Trong suốt một tuần chỉ huy chiến đấu và chiến đấu ở tỉnh lị, Đội Giá luôn chứng tỏ năng lực, phẩm chất người chỉ huy, cùng nghĩa quân tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch, buộc phải rút khỏi thị xã, Đội Giá tiếp tục cùng nghĩa quân chiến đấu kiên cường trước sự truy đuổi của kẻ thù.

Trong trận đánh cuối tháng Giêng năm Mậu Ngọ (1918), tại cánh rừng Kim Lĩnh (nay thuộc xã Tân Kim, huyện Phú Bình), cánh quân cuối cùng của nghĩa quân Thái Nguyên tan rã, Đội Giá sa vào tay giặc. Cuối năm 1918, giặc Pháp đưa Ông ra giam giữ ngoài Côn Đảo, rồi sang Tân Thế giới, Madagatsca và cuối cùng là đến đất nước Venezuela xa xôi.

GIAI ĐỒNG DOÃN

Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân. Sách *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bi ký* chép là Chu Doãn Giai. Sinh năm 1701 tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, xứ Thái Nguyên. Dự thi và đỗ 4 kì thi Hương nên được cử làm Giám sinh, học tại Quốc Tử Giám của kinh thành Thăng Long.

Năm Vĩnh Hựu thứ 2 đời vua Lê Ý Tông (1736), Đồng Doãn Giai cùng 15 người đỗ khoa thi Hội. Một thời gian sau, triều đình tổ chức Đình thí, ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), được bổ giữ chức Hàn lâm hiệu thảo (là chức quan được đặt ra từ thời Lê dành cho những người mới đỗ Tiến sĩ) coi giữ việc tu soạn quốc sử. Về sau Ông được bổ

nhiệm giữ chức Đốc đồng, trấn Lạng Sơn. Đây là chức rất quan trọng thời đó, cần những quan lại tài năng đảm nhiệm. Đồng Doãn Giai mất lúc còn đương chức. Nhân dân lập nghè thờ ông tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn.

GIẢN PHAN THANH

Quan coi mỏ bạc tại Thái Nguyên (1839). Sinh năm 1796, tự là Tĩnh Bá, Đạm Như, hiệu là Ước Phu, Lương Khê và biệt hiệu là Mai Xuyên.

Quê gốc ở Bình Định, di cư vào vùng đồng bằng sông Cửu Long và qua 3 lần thay đổi mới định cư ở thôn Tân Thạnh, huyện Tân An (sau là huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long), nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ông đỗ Tiến sĩ năm 1826, từng trải qua nhiều chức vụ trong triều đình nhà Nguyễn. Phan Thanh Giản là tác giả của 10 bộ sách chữ Hán: *Du kinh, Toái cầm, Kim đài thi tập, Sứ trình nhật ký, Lương Khê thi văn thảo*... Ông còn soạn chung các sách *Minh Mệnh chính yếu* (1837), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1853).

Trong cuộc đời làm quan, có gần 1 năm ông đã gắn bó với đất Thái Nguyên. Năm 1839, triều đình nhà Nguyễn cử Phan Thanh Giản làm quan coi mỏ bạc tại Thái Nguyên. Ở Thái Nguyên - nơi lam sơn chướng khí, núi rừng âm u, Ông đã sáng tác bài thơ chữ *Hán Thái Nguyên tỉnh thành tảo phát.*

GIANG HỒ THỦY

Nhà văn, sinh ngày 20/6/1947, tên khai sinh là Đào Việt Hải; quê quán: phố Lê Lợi, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; thường trú tại tổ 16, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ học phổ thông tại Hải Phòng và Thái Nguyên. Năm 1968 - 1969, học Trung cấp Sư phạm Bắc Thái. Từ 1969 đến 1980, là giáo viên cấp II ở huyện Đại Từ. Từ 1980 đến 1987, là Phó phòng Xuất bản Sở VHTT Bắc Thái. Từ 1987 đến 1992, là Ủy viên Thường vụ Thường trực Hội VHNT tỉnh Bắc Thái. Từ 1992 đến 1998, là Phó Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Bắc Thái. Năm 2004, ông nghỉ hưu.

Hồ Thủy Giang là tác giả của 25 tác phẩm đã công bố gồm nhiều thể loại: Truyện ngắn, truyện thiếu nhi, tiểu thuyết, thơ, phê bình văn học, kịch bản điện ảnh. Hồ Thủy Giang cũng là tác giả của hai tập thơ: *Tìm*

đâu nàng áo xanh ơi (2001), *Bạn với cây cỏ* (2009) và 2 tác phẩm phê bình: *Văn học Thái Nguyên - Tác giả, tác phẩm* (2004), *Thái Nguyên - một dòng chảy văn chương* (2010).

Trong mấy năm gần đây, ông đã công bố một số tác phẩm kịch bản phim truyện, trong đó kịch bản phim truyện lịch sử *Dưới cờ phục quốc* đã được dựng phim truyền hình.

Hơn 40 năm trong nghiệp văn chương, Hồ Thủy Giang đã đoạt 16 giải thưởng các loại. Trong đó, đáng chú ý nhất là các giải: Giải thưởng Báo Văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam (1971), Giải thưởng Tạp chí Văn nghệ Quân đội (1981 - 1990), Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam (1997), Giải thưởng Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (2002 - 2004, 2008 - 2009) và ba lần đạt Giải thưởng văn học nghệ thuật 5 năm của tỉnh Thái Nguyên (1992, 2002, 2007)...

GIANG TIÊN

Cầu, được xây dựng năm 1917, trên Quốc lộ số 3, bắc qua sông Giang Tiên (Đu). Cầu dài 40 m, rộng 4m. Thực hiện tiêu thổ kháng chiến, từ tháng 11/1947, quân dân ta đã phá hủy toàn bộ dầm và mặt cầu, chỉ còn lại các mố bằng bê tông. Đầu năm 1950, để phục vụ Chiến dịch Biên giới, bộ đội, công nhân, dân công tỉnh Thái Nguyên đã khôi phục lại cầu Giang Tiên. Năm 1952, cây cầu bị máy bay Pháp ném bom phá hỏng. Sau ngày hòa bình lập lại, cầu Giang Tiên trên Quốc lộ 3 được xây ở vị trí mới.

Tại địa điểm của cây cầu do người Pháp xây năm 1917, còn một mố cầu cao 4 m, dài 4 m, rộng 1,8 m đứng giữa lòng sông, cách cây cầu mới xây bây giờ khoảng 30 m về phía tây.

GIANG TIÊN

Chợ, hình thành từ thời xa xưa, nằm trên địa bàn phố Giang Tiên, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.

Thời trước, chợ chỉ họp theo phiên vào các ngày 3, 8, 13, 18... Âm lịch hằng tháng. Hàng hóa trao đổi, mua bán tại chợ chủ yếu là các loại nông, lâm, thổ sản và các nhu yếu phẩm thiết yếu như muối, mắm, dầu hỏa..

Ngày nay, Giang Tiên là chợ cấp 2 do huyện Phú Lương quản lí, họp vào tất cả các ngày trong tháng. Là một trong hai chợ đầu mối của huyện,

chợ Giang Tiên được xây dựng khá rộng rãi, khang trang với trên 100 gian hàng của các hộ tư thương kinh doanh đủ các mặt hàng: Nông sản thực phẩm, bông vải sợi, bánh kẹo, kim khí, điện tử...

GIANG TIÊN

Nơi đặt Kho Quân lương thời kỳ đầu Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích ở tiểu khu Giang Trung, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.

Kho được lập tháng 2/1946, gồm trên 10 dãy nhà, mỗi nhà kho 5 - 6 gian làm bằng tre, nứa, vách đất, lợp lá cọ hoặc tranh nằm trên diện tích rộng 1ha ở khu vực bến Than bên bờ bắc sông Giang Tiên. Kho chứa một khối lượng lớn gạo, muối, vải vóc, quần áo, dầu lửa... vận chuyển từ miền xuôi lên để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp. Kể từ khi có Kho Quân lương ở Giang Tiên, bến Than còn được gọi là bến Quân Lương.

Từ tháng 10/1947, Kho Quân lương di chuyển toàn bộ vào sâu trong núi Trà Nâu thuộc xã Vô Tranh.

GIANG TIÊN

Nơi đặt Xưởng Quân giới, Kĩ sư Trần Đại Nghĩa - Cục trưởng Cục Quân giới, chỉ đạo nghiên cứu chế tạo thành công súng và đạn Bazoka (1947). Vị trí di tích ở thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.

Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004).

GIANG TIÊN

Thị trấn, thuộc huyện Phú Lương, thành lập ngày 23/2/1977 theo Quyết định số 616/VP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Phía bắc và phía tây là xã Động Đạt, phía đông là xã Vô Tranh, phía nam giáp xã Cổ Lũng và xã Phục Linh (huyện Đại Từ). Kể từ năm 1948 khi đơn vị hành chính cấp tổng bị bãi bỏ trở về trước, khu vực phía bắc Thị trấn Giang Tiên ngày nay thuộc xã Phấn Mễ - tổng Phấn Mễ, khu vực phía nam thuộc xã Cổ Lũng, tổng Cổ Lũng.

Thị trấn Giang tiên có diện tích tự nhiên 381,23 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 207,06 ha, nhóm đất phi nông nghiệp 161,17 ha, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 3.342 người, chủ yếu là dân tộc

Kinh. Giang Tiên gồm có 8 khu phố: Giang Bình, Giang Khánh, Giang Long, Giang Nam, Giang Sơn, Giang Tân, Giang Tiên, Giang Trung.

Tháng 9/1945, xóm Trường Xô dưới chân núi Đá Xô (nay thuộc phố Giang Trung) là nơi họp Hội nghị cán bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất để công bố Nghị quyết của Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ thành lập Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

Địa điểm nơi đặt Xưởng Quân giới sản xuất thành công súng Bazoka năm 1947 tại phố Giang Trung, đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia (2004).

GIAO THUỶ

Đền, được dựng từ thế kỷ XII, trên khu đồi Đông Quánh thuộc xóm Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ Thủy Vương đại vương thần (Thủy thần) và cũng là nơi sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của nhân dân trong vùng.

Trước đây, đền được dựng bằng gỗ táu, mái lợp tranh nứa và đã qua nhiều lần làm lại. Lần làm lại cuối cùng là năm 1918 cũng bằng gỗ táu, mái lợp ngói máng. Trên xà thượng khắc một chữ Hán (chữ *Linh*), chạm 2 con rồng chầu nguyệt. Cửa đền quay về hướng tây nam. Trước sân đền có 2 cây thông và 2 cây đa cổ thụ. Bên trong đền có một bệ cao để thờ cúng. Trên bệ thờ đặt một lư hương cổ bằng sứ cao 30cm, đường kính 20cm, chạm nổi hình con rồng khá tinh xảo.

Mỗi năm, đền có 5 kì lễ vào các ngày: 5/1, 25/3, 15/5, 10/7 và 25/11 âm lịch.

GIÁO DỤC

Hệ thống giáo dục thời thuộc Pháp ở Thái Nguyên những năm 30 của thế kỷ XX gồm: Một Giáo thụ phụ trách công tác thanh tra, đội ngũ giáo viên và trợ giáo, hệ thống trường học gồm trường công và trường tư. Toàn tỉnh có 2 trường công (bậc tiểu học) đặt ở thị xã Thái Nguyên.

Một số trường công (bậc sơ học) đặt ở các khu vực trung tâm của các huyện. Châu Định Hoá có thêm một chi nhánh của trường kiêm bị con trai dành cho học sinh nội trú đặt tại Chợ Chu. Năm 1942, huyện Đại Từ có thêm một chi nhánh trường kiêm bị con trai Thái Nguyên đặt ở Hùng Sơn. Một số trường bậc sơ học và trường Hương sư (trường làng). Cho đến

những năm 40 của thế kỷ XX quy mô của hệ thống giáo dục Pháp - Việt vẫn rất nhỏ, vì Chính phủ bảo hộ Pháp ở Việt Nam chủ yếu lo đào tạo số ít tay sai mà không chú trọng nâng cao dân trí. Thái Nguyên là tỉnh có quy mô giáo dục thuộc loại trung bình thấp. Số học sinh trung bình toàn tỉnh vào khoảng 1.500, chiếm tỉ lệ gần 2% dân số, tỉ lệ trung bình của cả nước khoảng 2,6%. Dù dạy trường công hay trường tư, các thầy giáo (không có cô giáo) thời kỳ này luôn luôn có ý thức giữ gìn nhân cách, phẩm giá, là tấm gương sáng về chuẩn mực đạo đức theo quan niệm Nho giáo, nên luôn được phụ huynh và học sinh kính trọng, tôn vinh.

GIÁO XỨ ĐẠI TỪ

Giáo xứ Công giáo (trước đây gọi là Giáo xứ Yên Huy), hình thành từ những năm 20 của thế kỷ XX. Nhà thờ xứ đặt tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Trải qua gần 100 năm phát triển, cùng với nhiều đợt di cư tăng dân số tự nhiên, số lượng giáo dân trong xứ không ngừng tăng lên; Giáo phận Công giáo Đại Từ cũng vì vậy mở rộng theo, bao gồm cả huyện Đại Từ và Định Hoá. Đến năm 2005, Giáo xứ Đại Từ có 11 giáo họ là: Họ đạo Đồng Danh, cơ sơ sở thờ tự đặt tại xóm Gốc Mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ; Họ đạo Yên Thuận, cơ sở thờ tự đặt tại xóm Đồng Tiến, xã Tân Thái, huyện Đại Từ; Họ đạo Phục Linh, cơ sở thờ tự đặt tại xóm Hà Thượng 2, huyện Đại Từ; Họ đạo Yên Huy, cơ sở thờ tự đặt tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ; Họ đạo Bản Ngoại, cơ sở thờ tự đặt tại huyện Đại Từ; Họ đạo Văn Cường, cơ sở thờ tự đặt tại xóm Văn Cường 3, xã Phú Cương, huyện Đại Từ; Họ đạo Yên Sơn, cơ sở thờ tự đặt tại xóm An Sơn, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; Họ đạo Hoàng Tân, cơ sở thờ tự đặt tại xóm Đầm Cầu, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; Họ đạo Tân Thành, cơ sở thờ tự đặt tại xóm Khâu Giang, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ; Họ đạo Yên Lãng, cơ sở thờ tự đặt tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ; Họ đạo Quảng Nạp, cơ sở thờ tự đặt tại xóm Đồn, xã Bình Thành, huyện Định Hoá.

GIÁO XỨ NHÃ LỘNG

Giáo xứ Công giáo, hình thành khoảng đầu những năm 80 của thế kỷ XIX, Nhà thờ xứ đặt tại xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình. Thời gian đó, một số người có đạo quê vùng Thái Bình, Nam Định đóng thuyền ngược theo sông Cầu chài lưới và buôn bán sinh sống. Những người này dừng lại tại

xóm bãi ven sông thuộc khu vực Nhã Lộng định cư, dần dần xây dựng thành Xóm Đạo (theo cách gọi lúc bấy giờ). Để thực hành giáo lễ, năm 1894, những người có đạo nơi đây xây dựng nhà nguyện. Và đây là nhà thờ xứ đầu tiên được xây dựng trên đất Thái Nguyên. Nhà thờ Giáo xứ lúc đầu có quy mô nhỏ, sau này từng bước được xây dựng lớn hơn. Số lượng giáo dân trong xứ cũng tăng dần theo năm tháng. Xứ Nhã Lộng trước đây bao gồm 12 họ lẻ, là địa hạt sinh hoạt của giáo dân toàn huyện Phú Bình và huyện Phổ Yên. Sau này Giáo xứ Nhã Lộng tách làm ba giáo xứ là: Giáo xứ Nhã Lộng, Giáo xứ La Tú, Giáo xứ Tiểu lễ.

GIÁO XỨ TÂN CƯƠNG

Giáo xứ Công giáo, hình thành khoảng những năm 30 của thế kỷ XX. Cơ sở thờ tự đầu tiên được xây dựng năm 1942 tại xóm Đội Cấn (nay là xóm Gò Pháo), xã Tân Cương, nên còn gọi là nhà thờ Gò Pháo. Do tình hình kinh tế giáo dân trong vùng lúc đó khó khăn nên nhà thờ được xây dựng đơn giản, cột gỗ, mái gianh, vách đất. Năm 1943, Tòa Giám mục Bắc Ninh cử Linh mục Phạm Quang Chiêu về xã Tân Cương để mở xứ lẻ, đến năm 1946, Giáo xứ Tân Cương được thành lập. Năm 1950, nhà thờ Gò Pháo bị máy bay Pháp bắn cháy, sau đó được chuyển sang xây dựng tại địa điểm mới thuộc xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Giáo xứ Tân Cương hiện nay có 7 giáo họ là: Giáo họ Nhà xứ, gồm giáo dân ở gần khu vực nhà xứ, sinh hoạt, hành lễ tại Nhà thờ xứ; Giáo họ Phúc Tân, cở sở thờ tự đặt tại xã Phúc Tân, huyện Phổ Yên; Giáo họ Tân Cương, cở sở thờ tự đặt tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên; Giáo họ Phúc Xuân, cở sở thờ tự đặt tại xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên; Giáo họ Tân Xuân, cở sở thờ tự đặt tại xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên; Giáo họ Tân Thành, cở sở thờ tự đặt tại xóm Khánh Hòa, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên; Giáo họ Kim Sơn, cở sở thờ tự đặt tại xóm Guộc, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên. Giáo họ Chợ Chu, sinh hoạt, hành lễ tại nhà xứ Tân Cương, thành phố Thái Nguyên.

GIÁO XỨ TÂN CƯỜNG

Giáo xứ Công giáo, mới được tách ra từ Giáo xứ Đại Từ, gồm Giáo phận các xã phía Tây, phía Bắc huyện Đại Từ và phía Nam huyện Định

Hoá. Hiện giáo xứ Tân Cường có 6 giáo họ là: Họ đạo Quảng Nạp, cơ sơ sở thờ tự đặt tại xóm Đồn, xã Bình Thành, huyện Định Hoá; Họ đạo Văn Cường, cơ sơ sở thờ tự đặt tại xóm Văn Cường 3, xã Phú Cường, huyện Đại Từ; Họ đạo Yên Sơn, cơ sơ thờ tự đặt tại xóm An Sơn, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; Họ đạo Hoàng Tân, cơ sơ thờ tự đặt tại xóm Đầm Cầu, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; Họ đạo Tân Thành, cơ sơ thờ tự đặt tại xóm Khâu Giang, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ; Họ đạo Yên Lãng cơ sơ thờ tự đặt tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

GIÁO XỨ THÁI NGUYÊN

Giáo xứ Công giáo, hình thành từ đầu thế kỷ XX (còn gọi là xứ Thái Ninh), Nhà thờ xứ đặt tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Thời gian đầu chủ yếu phục vụ nhu cầu hành lễ của binh lính Pháp có đạo đóng quân tại tỉnh thành Thái Nguyên. Những năm 20 của thế kỷ XX, một số hộ gia đình có đạo di cư từ Thái Bình, Nam Định lên làm phu trong các đồn điền khu vực thị xã Thái Nguyên hoặc những người đi phu đào sông Máng lên cùng sinh hoạt, hành lễ tại xứ này.

Giáo xứ Thái Nguyên hiện nay có 15 giáo họ: Nhà thờ xứ Thái Nguyên (thuộc họ nhà xứ), Họ đạo Oánh (tổ 2 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), Họ đạo Tam Giang (phố Dân Tiến, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), Họ đạo Thái Ninh (xóm Thái Ninh, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), Họ đạo Tân Thành (xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên), Họ đạo Lưu Xá (phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên), Họ đạo Trung Thành (xóm Trung Thành xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ), Họ đạo Nam Sơn (xóm Nam Sơn, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ), Họ đạo Tam Thái (xóm Tân Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ).

GIÁP DƯƠNG ĐÌNH

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1963, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Khácốp (Liên Xô), ông về nước, làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Năm 1965, được điều lên làm Trưởng phòng Giáo vụ

Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên). Năm 1968, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Liên Xô. Năm 1972, trở về Trường, làm Chủ nhiệm Khoa Cơ khí; đến năm 1975 được bổ nhiệm làm Hiệu phó. Từ năm 1982, sau khi sáp nhập Trường Đại học Cơ điện với Trường Trung học Công nghiệp miền núi thành Trường Đại học Công nghiệp, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

GIÁP BẮC

Nghè, ở đầu xóm Soi thuộc xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình.

Phía trước nghè là Sông Cầu, 3 mặt còn lại là đồng ruộng sen cư dân sinh sống. Nghè có diện tích sử dụng là 380 m². Nghè gồm 2 gian, lợp ngói mũi. Trong nghè có 2 bệ thờ, mỗi bệ có một bát hương trụ cổ, hoa văn hình rồng chầu nguyệt. Nghè thờ Cao Sơn, Quý Minh. Những ngày lễ chính của nghè hằng năm vào các ngày 4/1, 1/5, 26/12 Âm lịch.

GIÁP LƯƠN

Đền, được dựng trước năm 1945 trên một khu đất bằng phẳng, thuộc xóm Trung Thành, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Đền có tiền đường dài 5 m, rộng 4 m và hậu cung dài 4 m, rộng 3 m. Phía sau đền, chỉ cách 1,5 m chếch về phía đông có miếu thờ Sơn Thần.

Đền Giáp Lươn thờ Mẫu (Mẫu Liễu Hạnh) - một trong những "Tứ bất tử" ở nước ta. Bên dưới bàn thờ Mẫu là bàn thờ tượng Hổ. Phía sau tượng Mẫu là một bức tranh Phật. Ngày 1 và ngày 15 Âm lịch hằng tháng, các bậc cao niên trong xóm Giáp Lươn vẫn thường ra đền thắp hương cầu khấn.

GIỐNG CÂY TRỒNG THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Chi nhánh Giống cây trồng được thành lập từ ngày 1/7/2008. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số nhà 423A - Đường Phan Đình Phùng, thuộc địa phận Tổ 25 - Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Công ty còn có 2 chi nhánh trực thuộc đặt tại xã An Khánh, huyện Đại Từ và xã Tân Kim, huyện Phú Bình.

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh các giống lúa, ngô, chè,...; kinh doanh dịch vụ phân bón; kinh doanh dịch vụ cơ khí nông

nghiệp; thu mua, chế biến nông sản; nghiên cứu chọn tạo và lai tạo giống mới, phục tráng, cải tiến giống cây trồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Từ chỗ chỉ có 8 cán bộ, công nhân viên, lao động lúc mới thành lập, đơn thuần làm nhiệm vụ tiếp nhận và cung ứng giống cây lương thực, đến năm 2010, Công ty đã có gần 70 cổ đông; cán bộ, công nhân viên, lao động, được biên chế tại 3 phòng chức năng và 2 xí nghiệp sản xuất giống cây trồng trực thuộc, làm nhiệm vụ nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm giống, sản xuất và cung ứng dịch vụ giống cây trồng.

Sản lượng cung ứng các loại giống không ngừng tăng: Từ 600 tấn (năm 2008), lên 1.000 tấn (năm 2010). Thị trường cung ứng mở rộng ra các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định, Bắc Kạn...

GÒ CHÈ

Đình, được dựng vào năm 1846 ở Gò Chè thuộc xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ thành hoàng và người anh hùng Dương Tự Minh. Đình gồm 5 gian, vách lắp gỗ, mái lợp tranh nứa; có hai gác, gác trên để thờ cúng, gác dưới để quan viên và dân ngồi.

Năm 1946, ngôi đình đã bị phá dỡ. Năm 1947, đình được xây dựng lại, gồm 3 gian tiền tế và 1 gian hậu cung. Trong những năm 1949 - 1962, đình được dùng làm lớp học. Năm 1963, đình lại bị phá dỡ. Năm 1994, các cụ ở xóm Gò Chè đã xây 1 gian nhà gạch lợp ngói, rộng 6m, dài 8m trên nền đình cũ làm nơi thờ cúng của làng. Dấu tích ngôi đình xưa hiện còn 4 tấm bia: Một văn bia cổ còn nguyên vẹn, nhưng chữ (Hán) đã mờ; ba tấm bia còn lại bị vỡ, nhưng vẫn còn hiện rõ các dòng chữ Hán, khắc chìm ở 4 mặt bia.

GÒ CHÈ

Nơi ghi dấu tội ác của đế quốc Mĩ đối với nhân dân ta. Vị trí di tích ở xóm Gò Chè thuộc xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên.

Gò Chè là nơi sinh sống của hơn 80 hộ dân thuộc 3 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng và Sán Dìu; nằm sát bờ sông Cầu, cách trung tâm xã khoảng 1,5 km, đối diện với Nhà máy điện Cao Ngạn ở phía bên kia sông.

Từ 23h40 phút đến 1h15 phút ngày 21/12/1972, đế quốc Mĩ huy động nhiều tốp máy bay F111A, F105, F4 cùng với 5 tốp máy bay B52 dội hàng trăm tấn bom nhằm hủy diệt khu vực phía Bắc thành phố Thái

Nguyên. Bom B52, hầu như san phẳng xóm Gò Chè, làm 70 người chết, nhiều người bị thương, nhiều nhà bị bom Mĩ giết sạch. Trâu, bò, lợn, gà không còn một con, 30 ha lúa bị phá trụi.

Hiện xóm Gò Chè còn nhiều hố bom chưa được san lấp, xã còn lưu giữ 5 quả bom chưa nổ (đã tháo ngòi nổ) để làm chứng tích tội ác của đế quốc Mĩ.

GÒ ĐẦM

Khu Công nghiệp, hình thành từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX, nằm trên vùng đất thuộc khu vực Tây Nam huyện Đồng Hỷ và khu vực Tây Bắc huyện Phổ Yên, dọc theo hữu ngạn và tả ngạn sông Công, liền kề với Quốc lộ 3 và đường sắt Quan Triều - Đông Anh. Tại nơi này, Trung ương đầu tư cho xây dựng:

- Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1 chuyên sản xuất các loại phụ tùng nổ cho nhiều loại động cơ ô tô, được chuyển từ huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội) về vào năm 1975.

- Nhà máy Y cụ 2 chuyên sản xuất các loại dụng cụ y tế, được xây dựng tháng 7/1975. Từ một vùng đất đồi gò và đầm lầy, dân cư thưa thớt, vào nửa sau những năm 70, nơi đây đã có gần 1 vạn cán bộ, công nhân, học viên, sinh viên của các xí nghiệp Xây lắp 2, Xây lắp 3 và các trường Công nhân xây dựng Mỏ Chè, Công nhân Kỹ thuật Việt - Đức. Đến tháng 4/1980, Nhà máy Diésel được xây dựng với thiết bị hiện đại, có khả năng chế tạo được 2.000 đầu máy kéo 50 sức ngựa trong một năm.

Khu Công nghiệp Gò Đầm trở thành Khu Công nghiệp Cơ khí - Đào tạo tập trung có quy mô lớn thứ hai trên miền Bắc lúc đó.

GÒ ĐỒN

Đồn binh Pháp (1917) để kiểm soát, khống chế vùng rộng lớn xung quanh. Vị trí di tích ở xóm Phố Chợ, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ.

Trước năm 1917, thực dân Pháp xây đồn ở xã Hùng Sơn. Sau cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, đồn được rời về xóm Phố Chợ. Trong đồn thường xuyên có 2 trung đội lính cơ và lính khố xanh trấn giữ, do 1 tên quan 3 và 1 tên quan 2 Pháp chỉ huy. Hiện nay, khu vực đồn đã được san phẳng để xây dựng Đài Tưởng niệm các anh hùng, liệt sĩ của huyện Đại Từ. Dấu tích còn lại chỉ là nền móng của một lô cốt bên cạnh cây đa cổ thụ.

GÒ GẪY

Mỏ cát, sỏi, nằm ở xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình, cách Quốc lộ 37 khoảng 1 km. Trong tổng diện tích thăm dò là 31,970 ha ở đây, tỉ lệ sỏi chiếm khoảng 37,8 ÷ 41,6 %, cát chiếm khoảng 57,3 ÷ 60,4 %, chủ yếu là cát cỡ hạt từ 0,25 đến 2,5 mm. Thành phần khoáng vật chủ yếu là thạch anh, lẫn ít vật chất hữu cơ. Mỏ cát, sỏi Gò Gẫy có quy mô và chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu xây dựng thông thường.

GÒ MIẾU

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Gò Miếu, thuộc xã Ký Phú, huyện Đại Từ. Hồ do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, gồm 4 hệ thống kênh chính (kênh chính tả, kênh chính hữu, kênh N3T, KN4T) với tổng chiều dài 8.800 m đã được kiên cố hóa. Công trình phục vụ nước tưới cho 850 ha diện tích đất canh tác của 3 xã Ký Phú, Cát Nê, Vạn Thọ.

GÒ MIẾU

Hồ nhân tạo, được xây dựng năm 1998 tại xã Ký Phú, huyện Đại Từ. Phía đông giáp xã Vạn Thọ, phía tây giáp núi Tam Đảo, phía nam giáp xã Cát Nê, phía bắc giáp xã Ký Phú, do Cụm Khai thác thủy lợi Gò Miếu, Trạm Khai thác thủy lợi Đại Từ quản lí vận hành. Đập chính dài 230 m, cao 30 m, đáy đạp chỗ rộng nhất gần 200 m, mặt đập rộng 5 m, cao trình mực nước dâng bình thường 110,84 m, dung tích hữu ích: 5.137.000 m^3, cao trình mực nước chết: 92,42 m, mực nước gia cường: 113,27 m, diện tích lưu vực: 17 km^2.

Công trình phục vụ nước cho phát triển sản xuất, chăn nuôi của 35 xóm, thuộc 3 xã Ký Phú, Vạn Thọ, Cát Nê. Trong đó: Xã Ký Phú gồm 10 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 894 ha, xã Vạn Thọ gồm 12 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 447 ha, xã Cát Nê gồm 13 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 458 ha. Hồ Gò Miếu giúp chủ động cung cấp nước tưới, nâng cao năng suất cây trồng, còn cung cấp lượng lớn thực phẩm giầu chất dinh dưỡng (cá, tôm), góp phần ổn định môi trường sinh thái trong khu vực. Nằm gần khu di dích Núi Văn, Núi Võ nên hồ Gò Miếu còn mở ra khả năng phát triển du lịch sinh thái.

GÒ ÔNG TÁO

Nơi phát hiện một số khẩu súng lệnh bằng đồng của quân lính thời Lê. Vị trí di tích ở gò Ông Táo thuộc Đội 3, xã Cát Nê, (hay Đội 3 Nông trường Quân Chu) huyện Đại Từ. Núi Vành Khăn cách gò Ông Táo không xa, vẫn còn lại những dấu tích đường hào do nghĩa quân Đội Cấn đào làm công sự chống lại quân Pháp. Đầu năm 1945, nơi đây là căn cứ của Đội Du kích Cao Sơn - tiền thân của Trung đội Cứu quốc quân Phạm Hồng Thái.

GÒ PHÁO

Nơi thành lập Trung đoàn 88 (Trung đoàn Tu Vũ), đơn vị anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 1/7/1949, tại xóm Gò Pháo, xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên), Trung đoàn 88 đã được thành lập theo Quyết định của Bộ Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam. Trung đoàn cùng 2 trung đoàn bộ binh khác, một số đơn vị tiểu đoàn bộ binh và binh chủng trực thuộc Bộ, là lực lượng để thành lập Đại đoàn 308 - Đại đoàn (sau này là sư đoàn) chủ lực đầu tiên của quân đội ta ngày 28/8/1949.

Là đơn vị lập chiến công oanh liệt tại mặt trận Tu Vũ (từ tháng 12/1951 đến 2/1952), Trung đoàn 88 vinh dự được mang danh hiệu Trung đoàn Tu Vũ. Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Trung đoàn 88 - Tu Vũ là niên hiệu của Trung đoàn 88 chủ lực Bộ Tư lệnh Miền và Trung đoàn 88 thuộc Sư đoàn 308 - Quân Tiên phong; chủ yếu chiến đấu trên chiến trường Đông Nam Bộ và mặt trận Trị Thiên. Do lập nhiều chiến công oanh liệt trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mĩ, Trung đoàn 88 - Tu Vũ đã 3 lần được phong tặng danh hiệu *Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*, nhiều *Huân chương Quân công*, *Huân chương Chiến công* các loại; nhiều cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

Khu lưu niệm thành lập Trung đoàn được xây dựng tại xã Tân Cương, khánh thành tháng 7/2004. Di tích lịch sử nơi thành lập Trung đoàn đã

được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

GÒ SON

Đền, ở xóm Phố Chợ, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ.

Đền Gò Son có cấu trúc theo kiểu chữ NHỊ (=), gồm 2 nhà xếp liền nhau là tiền đường và hậu cung. Nhà tiền đường dài 7 m, rộng 4,5 m, xây dựng theo kiểu tường hồi bít đốc, cột gạch, vì kèo, quá giang. Cửa chính rộng 2,3 m, hai cửa phụ hai bên mỗi cửa rộng 0,7 m. Trên cửa gian tiền đường có bức đại tự chạm khắc cảnh bồng lai. Hai bên tiền đường có 2 bàn thờ. Bên tả là bàn thờ Cô Chín, bên hữu là bàn thờ ông hoàng Bảy. Sân đền dài 13 m, rộng 6 m, bên tả là bàn thờ Cô, bên hữu là bàn thờ Cậu, giữa sân có hòn non bộ và tượng Mẫu bán thân. Phần hậu cung rộng 4,5 m, dài 7 m, kiến trúc như tiền đường. Bên tả thờ Mẫu Thượng Ngàn, bên hữu thờ Trần Hưng Đạo và hầu cận. Gian giữa thờ Mẫu Thoải, Mẫu Thiên, Mẫu Địa và hầu Cô, hầu Cậu.

Năm 1995, Ban Quản lí đền cho xây thêm một bàn thờ Phật cạnh hậu cung, dài 4,5 m, rộng 4 m. Trên bàn thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, Quan Âm Nam Hải, Di Lặc và Ngọc Hoàng. Trong đền, tiền đường, hậu cung đều có đôi câu đối. Câu đối ở tiền đường: *"Phúc hiển chu sơn nơi ngự mẹ / Ân chiêm phượng thủy dục Lê Nguyên", ở hậu cung có câu đối: "Anh linh Mạc Tắc thần Vương nữ / Bộ giang vô thường thanh chúa tiên"* Hiện đồ thờ trong đền còn 1 đỉnh đồng đỏ đúc nổi 7 nghê, 1 bình hương bằng đồng đỏ, 7 tượng Thánh Mẫu, hầu Cô, hầu Cậu bằng gỗ.

GÒ THỜ

Đồi, nơi thành lập Đội Thanh niên xung phong Việt Nam. Vị trí nằm ở đồi Gò Thờ, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

Ngày 15/7/1950, tại đồi Gò Thờ, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, dưới chân núi Hồng, Đội Thanh niên xung phong công tác Trung ương chính thức làm Lễ ra mắt. Sau khi thành lập Đội, lễ xuất quân cũng được tổ chức tại đây; đồng chí Nguyễn Lam - Bí thư Trung ương Đoàn, trực tiếp trao nhiệm vụ, dặn dò cán bộ, đội viên hãy phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với lòng tin yêu của Bác Hồ và Trung ương Đảng, Chính phủ.

GỐC DUỐI

Cầu, được xây dựng tại Km 1+800 - Tỉnh lộ 261, bắc qua suối Văn Khúc, thuộc địa phận xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ. Cầu dài 28,1m, rộng 9m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 8 m, kết cấu móng, nhịp bằng bê tông cốt thép.

GỐC GẠO

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Xóm Gốc Gạo thành lập năm 1963, nằm ở phía đông xã Tức Tranh, cách trung tâm xã 3 km, Gốc Gạo có diện tích tự nhiên 58,6 ha trong đó có 37 ha chè chuyên canh, 93 hộ, 369 nhân khẩu trong đó 86 hộ với 186 lao động chuyên làm nghề trồng, chế biến chè (92%).

Trồng và chế biến chè đã trở thành nghề sản xuất chính của người dân Gốc Gạo từ năm 1974. Ngày nay, hầu hết diện tích chè của xóm được trồng các loại giống mới đặc sản như TRI 777, Phúc Vân Tiên, Chè Lai... cho năng suất cao, nước xanh, vị thơm ngọt đượm.

Sản phẩm làng nghề Gốc Gạo năm 2008 cho thu hoạch 518 tấn chè búp tươi tương đương 130 tấn chè búp khô, đạt giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 1.545 triệu đồng, doanh thu 4.662 triệu đồng. Sản phẩm chè đặc sản của làng nghề Gốc Gạo được bán trên thị trường trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu ra nước ngoài. Năm 2010, Gốc Gạo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là làng nghề trồng và chế biến chè.

GỐC KHAU ÂU

Mỏ vàng gốc, nằm trên địa bàn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 192 ha, trữ lượng 181.667 tấn quặng nguyên khai, công suất thiết kế 8.000 tấn quặng nguyên khai/năm. Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 25 năm theo Giấy phép số 1725/GP-UBND, ngày 31/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

GỐC PHÁT

Cầu, được xây dựng năm 2009 tại Km 30 +738 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa. Cầu có dạng cầu kết cấu nhịp dầm bê tông cốt thép nhịp dầm đơn; kết cấu mố, trụ, móng bê tông cốt thép. Cầu

dài 27,8 m, rộng 8,5 m; tải trọng H30-Xb80. Tải trọng khai thác biển báo 30 tấn.

GỐC SẢNG

Đền, được dựng từ thế kỷ XII, trên khu đất cạnh bờ sông Cầu thuộc địa phận thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Đây là đền thờ Mẫu.

Theo truyền thuyết, đền có từ xa xưa, thờ một người con gái bị trôi sông và dạt vào bờ tại khúc sông này. Người con gái được dân địa phương vớt lên và lập đền thờ tại Gốc Sảng. Vào các ngày 1 và 15 âm lịch hằng tháng, nhân dân quanh vùng thường đến thắp hương làm lễ tại đền.

Trong những năm chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân trên địa bàn Thái Nguyên (1965 - 1968), đền Gốc Sảng bị máy bay giặc Mĩ phá hỏng hoàn toàn.

GỐC SẤU

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Bảo Linh, huyện Định Hóa, do do Xí nghiệp Khảo sát Thiết kế (Sở Thủy lợi Bắc Thái) thiết kế; Xí nghiệp Khảo sát Thiết kế (Sở Thủy lợi Bắc Thái) và nhân dân các dân tộc huyện Định Hóa thi công. Hệ thống kênh mương này dài 10 km đảm bảo dẫn nước tưới cho khoảng 830 ha ruộng cấy 2 vụ lúa của các xã Bảo Linh, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Định Biên, Phượng Tiến và thị trấn Chợ Chu.

Nhờ có hệ thống kênh mương Gốc Sấu, diện tích ruộng được hồ Bảo Linh cung cấp nước tưới tăng khoang 300 ha. Từ điều kiện sản xuất có đủ nước, hằng năm sản lượng lúa của huyện Định Hóa có thể tăng thêm được 1.000 tấn.

GUỘC

Nơi đặt Trường Du kích Lam Sơn (1948 - 1949). Vị trí di tích ở bãi đất rộng khoảng 5 ha, sát chân núi Guộc thuộc xóm Guộc, xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Toàn bộ khu trường gồm có nhà hiệu bộ, một dãy nhà ở của học viên và khu nhà bếp, được làm bằng tranh, tre, nứa, lá. Trường có nhiệm vụ đào tạo cán bộ chỉ huy từ cấp huyện đội phó trở lên để cung cấp cho chiến trường Bắc Bộ. Mỗi khóa trường có từ 35 đến 50 học viên, học trong 6 tháng.

HA

Chùa, tên chữ là Bà Ha tự, được dựng từ đầu thế kỷ XVIII ở làng Lộng, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình.

Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ CÔNG (I) với 7 gian tiền đường và 4 gian thượng điện, có khu nhà thờ Tổ, thờ Mẫu. Toà tiền đường có 7 gian, dài 16 m, rộng 5,5 m. Toà thượng điền có 4 gian, diện tích rộng 70 m^2. Nhà thờ Tổ và nhà thờ Mẫu gồm 7 gian, diện tích 90 m^2. Các công trình theo kiến trúc thời Lê. Chùa được trùng tu vào các năm 1716 và 1889.

Hiện vật cổ lưu giữ tại chùa gồm 28 cột đá, tiêu biểu là 2 cột đá hình lục lăng cao 1,6 m, trên 6 mặt cột đá khắc chữ Hán niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 12 (1717) ghi sự tích chùa và tên những người làm công đức tôn tạo chùa, 2 bài biểu, 1 bức hoành phi có chạm khắc các đề tài tứ linh và tứ quý niên hiệu Thành Thái thứ 1 (1889), 40 pho tượng cổ, 6 bộ câu đối cổ nội dung ca ngợi cổ tích Bà Ha tự niên hiệu Thành Thái thứ 1 và Thành Thái thứ 3 (1891), 15 bát hương cổ được trang trí các đề tài tứ linh và lưỡng long chầu nguyệt, 3 mâm bồng và nhiều các đồ thờ khác.

Hằng năm, chùa Ha làm lễ Thiên Quan Tích Phúc vào ngày 15/1, lễ Phật đản tổ chức vào ngày 15/4.

Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Ha được xếp hạng *di tích Quốc gia* tại Quyết định số 98/2004/QĐ-BVHTT, ngày 15/12/2004.

HÀ AN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1922; quê xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ An Thị Hà có con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Hiếu (nhập ngũ tháng 8/1967, hi sinh ngày 21/9/1969 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ An Thị Hà danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*

HẠ TRƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1891, quê quán xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Trương Thị Hạ có 2 con liệt sĩ là Trương Văn Lục hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; Trương Đình Chinh (hi sinh ngày 18/2/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Trương Thị Hạ danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HÀ CHÂU

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Hà Châu là một xã trung du của huyện Phú Bình, cách huyện lị Phú Bình 9 km về phía tây nam. Nhân dân các dân tộc trong xã vốn có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, dũng cảm trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân xã Hà Châu đã động viên 142 thanh niên xung phong tòng quân, tham gia chiến đấu trên các chiến trường; 193 người tham gia dân công hoả tuyến; ủng hộ 25 chỉ vàng, 5.200 kg gạo, 12 tấn thóc...

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Châu đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

HÀ CHÂU

Tổng, thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên trong thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn do Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin Hà Nội xuất bản năm 1999, tổng Hà Châu đầu thế kỷ XIX gồm 10 xã: Hương Chúc, Nga My, Diệm Hương, Hà Châu, Hà Trạch, Yên Châu, Hà Thanh, Thanh Lương, Giếng Mật, Tân Hòa.

Xã Hương Chúc có 2 làng, xóm: Đông Thôn, Táo Thôn.

Xã Nga My có 3 làng, xóm: Nga My, Kén Thôn, Bố Thôn.

Xã Diệm Dương có 3 làng, xóm: Đông Thôn, Sau Thôn, Trầm Thôn.

Xã Hà Châu có 3 làng, xóm: Hà Châu, Liên Ngõa, Hiệt Củ.

Xã Hà Trạch có 2 làng, xóm: làng Đắc, Trầm Hương.

Xã Yên Châu có 2 làng, xóm: Yên Châu, Cầu Cát.

Xã Thanh Lương có 3 làng, xóm: Thanh Lương, Hân, Tè.

Xã Giếng Mật có 8 làng, xóm: Giếng Mật, Đồng Khoai, Lê, On, Trại Dữa, Dậm Dài, Vàng, Hố Sét.

Xã Tân Hòa có 14 làng, xóm: Đồng Trần, Đồng Bèo, Hoặc Giảng, Non Chanh, Gà, Nà Bỳ, Hu, Cầu Mới, Đồng Đầm, Áo Dài, Đồng Bốn, Gian, Lẻ, Đồng Ấu.

Xã Hà Thanh: nhất xã nhất thôn.

HÀ CHÂU

Xã, nằm ở khu vực Tây Nam huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Nga My, phía tây nam giáp xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, phía đông giáp xã Đồng Tân, phía nam giáp xã Thanh Vân (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang).

Hà Châu có diện tích tự nhiên là 529.05 ha. Trong đó 3/4 diện tích đất tự nhiên có chất lượng tốt phù hợp với sản xuất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp hàng hoá. Dân số (năm 2009) 5.749 người, thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, cư trú ở 16 xóm: Trầm Hương, Đắc Trung, Chùa Gia, Táo, Núi, Hợp Tác Xã, Đông, Mới, Chùa, Sỏi, Vôi, Đồn, Chảy, Ngói, Củ, Sau. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi.

Là vùng đất cổ, trên đất Hà Châu có nhiều đình, chùa, như: đình Đoài, đình Hà Trạch, đình - chùa Hương Trúc, đình Đông. Từ 1951 đến 1954, đình Đoài là nơi làm việc của nhiều đơn vị quân đội và được sử dụng làm kho để quân trang, quân dụng của bộ đội ta; từ 1965 - 1967, đình là nơi đóng quân của của bộ đội thuộc Sư đoàn 312.

HÀ LAN

Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch, được thành lập năm 2003. Trụ sở đặt tại Tổ 5, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên. Từ chỗ chỉ có 10 xe taxi, với hơn 10 cán bộ, công nhân lúc mới thành lập, đến nay, Công ty đã có trên 200 công nhân viên, với 120 phương tiện vận tải; trong đó có 60 xe khách buýt, 40 taxi, 20 ô tô du lịch...

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hà Lan có 5 tuyến xe buýt đang hoạt động: Tuyến Đồng Hỷ - Phổ Yên, cự li 40 km, gồm 8 xe;

Tuyến Trung tâm thành phố Thái Nguyên - Thị trấn Đại Từ - Xã Ký Phú, cự li 40 km, gồm 6 xe; Tuyến Đồng Hỷ - Sông Công, cự li 40 km, gồm 10 xe; Tuyến Thái Nguyên - Định Hoá, cự li 50 km, gồm 17 xe; Tuyến Sông Công - Phổ Yên, cự li 25 km, gồm 4 xe.

Công ty đã được nhận danh hiệu *Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc năm 2009* do Bộ Công Thương trao tặng.

HỢP KIM SẮT GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Nhà máy Hợp kim sắt thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép Thái Nguyên, được xây dựng từ năm 1965. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các loại Phe rô phục vụ cho luyện thép và gang hợp kim.

Các sản phẩm của Công ty (FeMnC65, FeMn C75, FeSi 45, FeSi 75, FeCrC, Gang đúc luyện thép và Hồ điện cực ép viên) có mặt trên khắp mọi miền của đất nước và một số nước trong khu vực, phục vụ các nhà máy luyện thép và các nhà máy luyện kim.... Hiện nay Công ty áp dụng hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Với những thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Công ty đã được tặng thưởng về thành tích xây dựng công trình FeRô 4000T/năm và nhiều phần thưởng cao quý khác của Bộ Cơ khí luyện kim.

HÀ CHÂU

Bia đá, để ở chùa Hà Châu thuộc xóm Sỏi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình. Bia có kích thước 1 m x 0,80 m, bằng đá xanh được mài nhẵn, có nhiều vân mây sáng bóng. Chữ Hán khắc trên bia còn rõ, nét chữ khắc sắc sảo, đẹp, được viết theo kiểu chữ LỆ, đặc trưng phong cách thời nhà Lê (thế kỷ XVII). Trán của tấm bia khắc nổi "lưỡng long chầu nguyệt". Xung quanh diềm trán chạm những hạt tròn như những móc câu. Con rồng được khắc sâu, bờm rậm, thể hiện rõ nhất là các đuôi lá mác. Kỹ thuật chạm khắc đạt đến trình độ nghệ thuật cao. Diềm bia được trang trí đường diềm hoa dây. Chân của tấm bia trang trí theo đề tài Đôi sóc tranh châu rất sinh động. Bia khắc cả 2 mặt, mặt trước ghi bài văn với tiêu đề Cảm Ứng tự bi (Bia chùa Cảm Ứng) ghi lại công đức của vợ chồng Cai tổng là Nguyễn Văn Trị pháp danh Hồ Quảng Đức và Nguyễn Thị

Vọng hiệu Từ Minh người địa phương cùng nhân dân thập phương công đức xây dựng chùa. Mặt sau bia có tiêu đề Các thượng sỹ hội tùy công đức (ghi họ tên các thượng sỹ, thập phương công đức trong đó có nhiều người có chức sắc cao. Nội dung văn bia cho biết thời đó chùa Cả (tức chùa Hà Châu) là một công trình có quy mô lớn bao gồm nhà tiền đường, thiêu hương, thượng điện, hậu đường, hành lang, gác chuông, 40 cột đá. Văn bia do Giám sinh Quốc tử giám Nguyên Phi Hiển người địa phương soạn vào ngày 23 tháng Chạp năm Nhâm Tý, niên hiệu Lê Dương Đức năm đầu (1672). Đây là một tấm bia có văn phong hay, chữ khắc đẹp, niên đại sớm nhất ở huyện Phú Bình, có giá trị tiêu biểu cho nền nghệ thuật điêu khắc đá thời Lê Trung hưng ở tỉnh Thái Nguyên.

HÀ NỘI - QUÁN TRIỀU

Đường sắt, được xây dựng từ những năm 1960 - 1961; toàn tuyến dài 75 km. Tuyến qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên dài 34,55 km, có điểm đầu từ cầu Đa Phúc và điểm cuối tại ga Quan Triều. Đây là tuyến đường vận tải chính chuyên chở hành khách và hàng hoá xuất phát từ Hà Nội đến Thái Nguyên và ngược lại.

Với một khối lượng lớn hành khách và hàng hoá chuyên chở hằng ngày, tuyến đường sắt Hà Nội - Quan Triều đóng vai trò hết sức quan trọng về kinh tế - xã hội đối với tỉnh Thái Nguyên nói chung và thành phố Thái Nguyên nói riêng.

HÀ THƯỢNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

Hà Thượng là xã miền núi, nằm trên trục Quốc lộ 37, cách thị trấn huyện lị Đại Từ 7 km về phía đông nam, phía bắc giáp xã Phục Linh, phía đông giáp xã Cù Vân, phía nam giáp xã Tân Thái, phía tây bắc giáp xã Hùng Sơn đều của huyện Đại Từ.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Thượng có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 634 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).*

HÀ THƯỢNG

Xã miền núi, nằm ở khu vực Đông Nam huyện Đại Từ; phía bắc giáp xã Phục Linh, phía đông giáp xã Cù Vân, phía nam giáp xã Tân Thái, phía tây bắc giáp xã Hùng Sơn. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, cuối thế kỷ XIX, Hà Thượng thuộc làng Phục Linh, tổng Cù Vân, huyện Phú Lương. Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, khoảng năm 1922, chính quyền thực dân Pháp tách tổng Cù Vân khỏi huyện Phú Lương nhập về huyện Đại Từ. Theo đó, phần đất Hà Thượng thuộc làng Phục Linh của huyện Đại Từ. Sau Cách mạng tháng Tám, Hà Thượng là làng thuộc xã Phục Linh. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, xã Phục Linh chia thành 2 xã Phục Linh và Hà Thượng.

Diện tích tự nhiên 14,88 km². Dân số (năm 2009) 5.604 người (2.719 nam, 2.885 nữ) thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Chay, Tày, Nùng, Sán Dìu, Khơ Me, Thái, Mường, Hoa, Mông cư trú ở 13 xóm: Từ xóm 1 đến xóm 13. Nhân dân Hà Thượng trước đây chủ yếu sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè, khai thác lâm sản. Một số gia đình có người làm trong mỏ than Làng Cẩm.

Trong lòng đất Hà Thượng có nhiều khoáng sản quý. Mỏ than Làng Cẩm có trữ lượng lớn, chất lượng than tốt. Đặc biệt, mỏ Đa kim Núi Pháo là mỏ có trữ lượng lớn ở khu vực Đông Dương đang được khai thác, tạo ra sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu lao động và ngành nghề trong vùng.

Nhân dân Hà Thượng có những đóng góp to lớn trong các cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc, đặc biệt, trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ. Ngày 1/8/1966, 6 cán bộ chiến sĩ trực chiến phòng không của Trung đội dân quân Hà Thượng với 2 khẩu súng máy, 3 khẩu súng trường và 18 viên đạn súng bộ binh đã bắn rơi tại chỗ một máy bay phản lực RF4C của không quân Mĩ. Với thành tích này, nhân dân và lực lượng vũ trang Hà Thượng đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Ba*.

Do có thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang Hà Thượng đã được Nhà Nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước*; 1 bà mẹ được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

HÀ TRẠCH

Đình, được dựng từ lâu đời trên một gò đất cao thuộc xóm Trầm Hương, xã Hà Châu, huyện Phú Bình; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII) và Tháp Sơn (không rõ lai lịch).

Đình kết cấu hình chuôi vồ; gồm 3 gian, 2 chái (mỗi gian dài 3 m, rộng 2 m) và 1 gian nhỏ Hậu cung có diện tích 1 m^2; mái lợp ngói vẩy rồng, trên nóc có đắp hình lưỡng long chầu nguyệt. Do nhiều lần tôn tạo, đình không còn giữ được nguyên hình dáng ban đầu, khung gỗ đã được thay bằng gỗ xà cừ. Hiện vật cổ còn lại tại đình gồm 1 bia đá thời Cảnh Hưng (thế kỷ XVIII), 1 bia đá bị sứt mòn không còn nguyên trạng; 1 bộ kiệu bát cống; 2 bát hương đất nung; 2 bát hương sứ tráng men; 2 mâm xe; 1 hòm đựng sắc phong; 1 lọ trầm; 2 thanh đao bằng gỗ; 2 chum đựng nước bằng đất nung.

Lễ hội đình Hà Trạch được tổ chức hằng năm vào ngày 10/1 Âm lịch.

HẠ LÃM

Tổng, nằm ở khu vực phía Bắc huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 3 xã, 12 làng.

Xã Hạ Lãm gồm 4 làng: Bắc Lãm, Bằng Khê, Khuôn Dị, Đồng Mị;

Xã Thượng Lãm gồm 5 làng: Khuôn Thông, Khuôn Hưng, Đèo Vang, Cầu Hoàn, Chiềng.

Xã Na Mao gồm 3 làng: Na Mao, Khuôn U, Đầm Bông.

Về đại thể, tổng Hạ Lãm thời kỳ này tương đương với địa phận các xã Minh Tiến, Yên Lãng, Phú Cường và phần phía Bắc xã Phủ Thịnh, Na Mao của huyện Đại Từ ngày nay.

HẠ SƠN

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Hạ Sơn I, nằm dưới chân một ngọn núi đá trong dãy núi đá vôi Phiêng Chính thuộc xóm Hà Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Cửa hang Hạ Sơn nhìn ra hướng đông nam, từ xa nhìn vào trông tựa một hàm ếch lớn mở ra trên một vách đá thẳng đứng. Ngay chính giữa cửa hang là một tảng đá lớn gây trở ngại cho việc đi vào hang. Hang rộng 6 m, sâu 13 m, cao từ 1,5 m đến 7 m. Giữa hang có một vách đá cao, chia hang thành hai phần khá đều nhau. Trong hang có một ngách nhỏ ăn sâu vào lòng núi. Nền hang khá bằng phẳng và chỉ cao hơn

mặt ruộng khoảng 2 m. Vị trí và cấu tạo của hang Hạ Sơn rất thuận lợi cho việc cư trú của người nguyên thuỷ.

Tháng 3/1980, hang Hạ Sơn đã được các nhà khảo cổ học đào thám sát diện tích 3 m². Trong tầng văn hoá dày 0,5 m của hố đào, đã thu thập số lượng hiện vật lớn: 373 di vật, gồm: công cụ mảnh tước (chiếm số lớn), công cụ cắt khía, công cụ chặt thô, công cụ nạo, công cụ có rìa lưỡi xung quanh, công cụ có đầu hơi nhọn, hòn cuội là nguyên liệu và phế liệu.

Hang Hạ Sơn (Hạ Sơn I) được các nhà Khảo cổ học xác định vừa là di chỉ cư trú vừa là di chỉ xưởng của con người tiền sử thời Văn hoá Hoà Bình.

HẠ SƠN II

Mái đá, nằm dưới chân núi đá xóm Hạ Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

Mái đá Hạ Sơn II nhìn ra hướng tây nam, cách hang Hạ Sơn khoảng 150 m về phía tây, mặt nền chỉ cao hơn nền đất bằng trước mặt từ 0,5 đến 0,8 m. Mái đá có chiều rộng khoảng 12 m, cao 5 m, chỗ sâu nhất không quá 5 m, diện tích chỉ trên dưới 30 m².

Mái đá Hạ Sơn II là di chỉ khảo cổ học thời đại đồ đá cũ.

HAI NGUYỄN NGÔ

Bí thư Tỉnh ủy, sinh năm 1941; dân tộc Kinh, quê xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Ông tham gia cách mạng năm 1959, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1965; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (1986 - 1989), Bí thư Tỉnh ủy (1989 - 1999), Ủy viên Trung ương Đảng khoá VII, VIII; Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương (1999 - 2003).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Ít-sa-la hạng Ba* (Huân chương Tự do của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), *Huân chương Độc lập hạng Nhất.*

HAI HUYỆN

Suối, bắt nguồn từ điểm cao 1417 sườn phía đông dãy núi Tam Đảo, chảy dọc địa phận xã Ký Phú; là ranh giới hai xã Cát Nê và Ký Phú, đồng thời cũng là ranh giới giữa huyện Phổ Yên và huyện Đại Từ. Dọc dòng chảy, suối Hai Huyện tiếp nhận nước từ hai suối của xã Văn Yên, chảy tiếp qua xã Vạn Thọ rồi đổ vào hồ Núi Cốc.

Suối Hai Huyện là nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã Ký Phú, Vạn Thọ; trực tiếp bảo đảm nguồn nước cho công trình thuỷ nông hồ Núi Cốc, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân khu vực phía nam tỉnh Thái Nguyên.

HAI LUỒNG

Suối, chảy trên địa bàn xã Bình Sơn, thị xã Sông Công, có chiều dài 4 km mà điểm khởi nguồn là hồ Ghềnh Chè và điểm kết thúc là sông Công. Suối Hai Luồng tạo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông - lâm nghiệp của xóm Bình Định, xã Bình Sơn

HẢI LÊ THỊ (1639 - 1716)

Trấn thủ Thái Nguyên; quê ở làng Phú Hào, huyện Lôi Dương, trấn Thanh Hóa (nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Lê Thì Hải được triều đình Lê - Trịnh cử giữ chức Trấn thủ Thái Nguyên năm 1685 (chưa xác định được ông làm Trấn thủ Thái Nguyên đến năm nào). Trước 1685, ông từng làm Trấn thủ Cao Bằng. Sau khi rời Thái Nguyên, ông chuyển về làm Trấn thủ Sơn Tây, Trấn thủ Kinh Bắc, sau được về triều và được thăng chức Thự phủ sự. Ông mất năm Vĩnh Thịnh thứ 12 (1717), thọ 78 tuổi.

HẢI PHẠM THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1915; quê xã Lương Phú, huyện Phú Bình. Mẹ Phạm Thị Hải có con độc nhất là liệt sĩ Trần Đăng Ngọc, hi sinh ngày 7/8/1972 tại chiến trường miền Nam.

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Phạm Thị Hải danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HẢI PHÙNG ĐỨC

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Định Biên, huyện Định Hoá; nguyên giảng viên Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên).

Năm 1954, ông học Trung cấp Sư phạm ở Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc). Tháng 6/1956, trở về nước, dạy học tại quê nhà; năm 1959, học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Năm 1961, sau khi tốt nghiệp, ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy bộ môn Tâm lí học. Năm 1965, làm nghiên cứu sinh tại Trung Quốc. Năm 1966, Trung Quốc tiến hành cuộc cách mạng văn hoá; ông về nước đúng vào lúc Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc được thành lập. Từ năm 1966 đến năm 1991, ông giảng dạy và làm Tổ trưởng bộ môn Tâm lí học của Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Năm 1991, nhà giáo Phùng Đức Hải được Bộ Giáo dục và Đào tạo điều động về làm Phó Giám đốc Trung tâm hỗ trợ phát triển miền núi - HEDO tại Hà Nội. Cuối năm 1993, ông trở về tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc cho đến khi nghỉ hưu (1996).

Nhà giáo Phùng Đức Hải đã được trao tặng *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước* hạng Nhì, *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ* và nhiều Bằng khen.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1990.

HẢI ÂU

Khách sạn, được xây dựng năm 2006, chính thức đi vào hoạt động năm 2009, trên một khuôn viên rộng gần 3.000 m² tại tổ 10, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên. Hải Âu được xây dựng như một con thuyền với 50 phòng nghỉ, đạt tiêu chuẩn 3 sao.

HẢI ĐĂNG

Công ty Cổ phần, được thành lập năm 2001 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600388423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trụ sở đặt tại Bãi Á 1, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng, xây lắp đường dây và trạm điện 36KV; Xây dựng công trình cấp thoát nước; Đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng cho cụm dân cư, khu đô thị; Sản xuất, bán gạch không nung

và bê tông siêu nhẹ; Kinh doanh bất động sản, phát triển nhà; Thi công nhà cổ, nhà gỗ các loại...

Công ty đã thi công các công trình: Đường tỉnh 268 huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Đường Nam Vĩ - Nà Tấc huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, Cầu Ba Ngạc và cầu Nà Linh huyện Định Hóa, Hồ Bó Vàng xã Thanh Định, huyện Định Hoá, Hồ Làng Gầy xã Phúc Chu, huyện Định Hóa.

HÀM ĐỖ VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ, quê xã Tứ Đà, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phúc; Trưởng bộ môn Sức khoẻ nghề nghiệp - Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

Năm 1974, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Y khoa Hà Nội, ông được phân công giảng dạy tại Trường Đại học Y Bắc Thái (nay là Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên). Năm 1987, ông bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Do có nhiều thành tích trong công tác giảng dạy, nhà giáo Đỗ Văn Hàm đã được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu* tú năm 2010.

HÀM LONG

Chùa, nơi thành lập Đội Du kích Quân Chu và là căn cứ hoạt động của đội Cứu quốc quân Phạm Hồng Thái (1944 - 1945). Vị trí di tích nằm ở xóm Hòa Bình, xã Quân Chu, huyện Đại Từ. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (2006).

HÀM LONG

Chùa và nghè, được dựng từ thời Gia Long (đầu thế kỷ XIX) tại xóm Tân Phú, xã Cát Nê, huyện Đại Từ. Chùa làm bằng cột gỗ, mái lợp tranh nứa. Năm 1985, chùa được xây dựng lại, tường đá, hình ống, dài 8m, rộng 4m, mái lợp ngói. Trong chùa có bàn thờ, trên đặt 5 tượng Phật cổ. Hằng năm, vào ngày 16/1 Âm lịch, họ Đỗ trong xóm sắm lễ tổ chức cúng tế.

Cách chùa khoảng 400m là nghè. Nghè nằm dưới một mái đá nhô ra như miệng rồng nên có tên Hàm Long. Nghè có một bàn thờ và một bát hương để nhang khói.

Trước đây, quanh chùa là rừng cây rậm rạp, kín đáo; nên sau khi thành lập, Đội Du kích Cao Sơn quyết định chọn nơi này làm căn cứ bí mật và

chuyển từ Ba Gò Ông Táo về đây hoạt động. Sau này, Đội Tự vệ xã do ông Thường Sơn phụ trách cũng được thành lập tại đây. Trước năm 1945, nhiều đồng chí cán bộ cách mạng, như Chu Văn Tấn, Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý từng đến đây chỉ đạo phong trào cách mạng trong vùng.

HẢN

Chùa, tên chữ là Hản Phúc tự, có từ lâu đời, nằm ở trung tâm xóm Vàng, xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

Chùa được thiết kế theo kiểu chữ ĐINH, 2 cột đồng trụ 2 bên, mái lợp ngói mũi. Phần trước gồm 3 gian 2 chái; ở giữa là bức đại tự ghi bốn chữ lớn "Từ bi quảng đức", 2 gian bên đặt 2 pho tượng hộ pháp đắp nổi, sơn son rất uy nghi. Hai gian kế tiếp thờ Đức Ông và Đức Thánh Hiền. Phần sau gồm 4 gian, gọi là gian Tam Bảo được bài trí nhiều tượng Phật. Bên phải thờ Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, bên trái thờ Quan Âm Thị Kính. Gian giữa thờ Tam Bảo. Trên cùng thờ 3 ông Tam Thế, hàng kế tiếp là Phật tổ, Quan Âm Bồ Tát và quan Thế Trí. Tiếp theo là Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu. Cuối cùng là toà Cửu Long thờ đức Phật Thích Ca, hai bên Kim Đồng, Ngọc Nữ. Hiện vật cổ còn lại tại chùa là 3 pho tượng bằng gỗ; 2 bát hương bằng gốm sứ, trang trí nhiều hoa văn. Các lễ lớn được tổ chức tại chùa vào các ngày 8/1: Lễ rước 3 cửa đình về nghè Mẫu, ngày 15/1: Lễ Thượng Nguyên (nhân dân trong vùng thi nấu cỗ); ngày 1/4: Lễ Vào hè; ngày 1/7: Lễ Ra hè; ngày 23/12: Lễ Tất niên.

Chùa Hản được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 228/QĐ-UBND, ngày 29/1/2010.

HẢN

Nghè, còn gọi là nghè Mẫu, được dựng từ lâu đời trên một khoảng đồi rộng, lưng tựa vào đồi cây lâu năm tốt tươi; thuộc di tích lịch sử văn hoá chùa Hản - nghè Hản nằm ở trung tâm xóm Vàng, xã Tân Đức, huyện Phú Bình. Nghè trước đây chỉ xây các bệ thờ lộ thiên, nhưng hiện nay nhân dân xây cao bệ thờ, lát sân gạch nhỏ ở phía trước để tiện cho việc lễ bái. Trên bệ thờ có trang trí hình long, li, quy, phượng. Các lễ lớn được tổ chức tại đình - nghè Hản: ngày 8/1 Âm lịch là lễ rước từ 3 ngôi đình cùng xã (đình Đông, đình Phi Long, đình An Mỹ) về nghè Mẫu.

Nghè Hản được xếp hạng *di tích cấp Tỉnh* tại Quyết định số 228/QĐ-UBND, ngày 29/1/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

HANG HUYỆN

Nơi sản xuất súng đạn của Tổng đội 208 Gang thép - đơn vị 9303 để cung cấp cho chiến trường trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Vị trí di tích ở hang Huyện thuộc xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2586/QĐ-UBND, ngày 13/10/2009).

HANG NUNG

Núi, còn có tên gọi khác là núi Thạch Động, căn cứ của nghĩa quân địa phương trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. Vị trí di tích ở xóm Cây Hồng, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ. Hang Nung gồm nhóm 3 ngọn núi đá vôi trong dãy núi thuộc vành đai phía tây bắc huyện Đại Từ, phía bắc xã Yên Lãng và là ranh giới tự nhiên giữa 3 tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang và Thái Nguyên. Từ xa xưa, 3 ngọn núi gắn với nhiều truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian từ đời này qua đời khác. Tương truyền, hang Nung là địa điểm tích trữ lương thực của nghĩa quân Lưu Nhân Chú, do Phạm Cuống (em rể Lưu Nhân Chú) cai quản.

Ngọn thứ nhất nổi tiếng vì "Kim ngân táng tại hang Nung tam thiên đảm" (Vàng bạc chôn tại hang Nung ba ngàn gánh). Ngọn thứ 2 có hình chiếc bút được gọi là Bút Thần - Thạch động - Yên Nung; có hang rộng với nhiều nhũ đá như rèm thưa, nhiều hình rồng cuộn trước cửa hang, chuông đá âm thanh ngân nga, gió tự nhiên mát rượi, vạc nước tự nhiên trong vắt. Ghi nhớ công lao của danh nhân, nhân dân địa phương lập bàn thờ ngay tại trong lòng hang. Ngọn thứ 3 cũng có hang rộng nhưng cửa vào lại hẹp.

HÀNG PHỐ

Đình, được dân chúng xây dựng từ xa xưa ở khu vực trung tâm tỉnh lị Thái Nguyên. Vị trí đình xưa nằm trên lòng Đường Đội Cấn, ngay trước của Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên, thuộc phường Trưng Vương; Đình đã bị phá hủy hoàn toàn theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến từ giữa năm 1947. Di vật còn lại của đình là 2 tấm bia đá cỡ lớn, khắc chữ Hán có tiêu đề: *Kỉ niệm bi kí* (bia ghi chép kỉ niệm); cả 2 bài kí đều do cụ

Nghè Sổ Nguyễn Đình Tuân - người làng Sổ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang soạn khi làm quan Án sát tỉnh Thái Nguyên.

Đình Hàng Phố, ngày 20/8/1945, là nơi đặt Sở Chỉ huy Việt Nam Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp - Chỉ huy trưởng, Ủy viên Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, trực tiếp chỉ huy tấn công quân Nhật ở tỉnh lị, bức hàng chính quyền tay sai của chúng, thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2004, khối bia đá ghi dấu sự kiện lịch sử quan trọng tại đình Hàng Phố ngày 20/8/1945 đã được tỉnh Thái Nguyên dựng giữa vườn hoa, Quảng trường 20/8 - đường Đội Cấn, cách vị trí đình xưa khoảng 30m về phía tây.

Đình Hàng Phố là di tích đã xếp hạng Quốc gia, tại Quyết định số 4505-QĐ/BVHTTDL ngày 22/12/2010.

HANH 1

Cầu, được xây dựng năm 2001, trên tuyến Quốc lộ 37, bắc qua suối Ngòi (Hanh) thuộc địa phận huyện Phú Bình. Cầu dài 32,1 m, rộng 10 m, chiều dài kết cấu nhịp 18 m; tải trọng 30 tấn.

HẠNH NGUYỄN THỊ (HOÀNH)

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; trú quán tại xã Bình Sơn, thị xã Sông Công.

Mẹ Nguyễn Thị Hạnh có con độc nhất là liệt sĩ Dương Hồng Thái

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Hoành danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

HẠNH NGUYỆT

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trà, được thành lập ngày 10/10/2007. Văn phòng đại diện đặt tại Tổ dân phố Xuân Thành, phường Cải Đan; cơ sở sản xuất đặt tại xóm Bờ Lở, xã Vinh Sơn, thị xã Sông Công. Doanh nghiệp đã tiến hành các chương trình quảng bá thương hiệu, như: Kết hoa nghệ thuật dâng lễ giỗ tổ Vua Hùng ngày 10/3; tham gia nhiều cuộc triển lãm, hội chợ ở trong và ngoài nước. Công ty đã đăng ký kiểu dáng công nghệ cho nhiều loại sản phẩm Trà

nghệ thuật cao cấp tại Cục Sở hữu trí tuệ; mở Văn phòng đại diện tại Hà Nội nhằm giới thiệu sản phẩm, phục vụ cho du khách nước ngoài.

HÁT VÍ BÊN SÔNG CẦU

Loại hình hát đối đáp của vùng thôn quê trung du Bắc Bộ, được lưu giữ ở xã Đông Cao, huyện Phổ Yên. Xưa kia, vào những đêm trăng sáng, trai gái làng Đông Cao thường ra ven sông để hò, để hát ví đối đáp với trai gái các làng bên Kinh Bắc phía tả ngạn sông.

Thường các cuộc hát ví chỉ cần một vạt đất bằng ven sông, một thửa ruộng, một bãi dâu... làm đất diễn. Những người hát ví phải thuộc nhiều lời ca dao, tục ngữ, thơ lục bát để có thể sử dụng làm lời ví von "thật đắt" đối đáp với bạn hát, bạn tình. Cuộc hát thường kéo dài thâu đêm đến sáng, thậm chí kéo dài nhiều đêm... cho tới tận những đêm gần cuối tháng.

HẠT NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1899; quê quán xã Nga My, huyện Phú Bình. Mẹ Nguyễn Thị Hạt có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Huân hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Hạt danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HẠT ĐẠO

Đơn vị tổ chức Công giáo cấp tỉnh ở Thái Nguyên; là tổ chức trung gian giữa các xứ đạo và Giám mục địa phận. Đứng đầu Hạt đạo là một Linh mục Hạt trưởng. Hạt trưởng có nhiệm vụ: Kiểm soát các giáo sĩ trong hạt về đức tính ân cần, chu toàn với nhiệm vụ; Kiểm soát các linh mục về phục vụ, tài sản, sổ sách...; Định kì kiểm tra các xứ trong hạt; Phúc trình với Giám mục tình hình địa hạt.

Ở Thái Nguyên, đồng thời với việc du nhập và phát triển, Công giáo luôn chú trọng thiết lập tổ chức Giáo hội (các cơ quan hành chính đạo). Thái Nguyên là 1 Hạt đạo, trực thuộc Giáo phận Bắc Ninh (Tòa Giám mục Bắc Ninh) bao gồm 8 Giáo xứ: Đại Từ, Tân Cường (Đại Từ), Tân Cương (thành phố Thái Nguyên), Thái Nguyên (thành phố Thái Nguyên), Yên Thủy (Phú

Lương), Tiểu Lễ (Phổ Yên), Nhã Lộng (Phú Bình), La Tú (Phú Bình), gồm 51 họ đạo với trên 32.000 tín đồ.

HẠT KIỂM LÂM HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 17/1/1974 (tiền thân là Phòng Quản lí bảo vệ rừng thuộc Ủy ban Hành chính huyện). Trụ sở đặt tại địa phận xóm 2, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ là cơ quan quản lí nhà nước, làm nhiệm vụ tham mưu cho chính quyền địa phương, đồng thời là lực lượng chuyên trách, nòng cốt thừa hành pháp luật quản lí bảo vệ rừng.

Khi mới thành lập, Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ có 12 biên chế được tổ chức thành bộ máy bao gồm: Văn phòng Hạt Kiểm lâm, Trạm Kiểm lâm Quân Chu và Trạm Kiểm lâm Bản Ngoại. Hiện nay, toàn cơ quan có 19 biên chế. Ngoài Văn Phòng hạt và hai trạm kiểm lâm Quân Chu và Bản Ngoại đã có từ trước, Hạt thành lập thêm Tổ Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, Hạt Kiểm lâm Đại Từ còn là đối tác thực hiện Dự án GTZ (Cộng hòa Liên bang Đức): Vườn Quốc gia Tam Đảo và vùng đệm. Trong giai đoạn 2003 - 2009, Hạt đã thực hiện các hoạt động của Dự án với tổng giá trị trên 100.000 Euro.

Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (các năm: 1979, 1981, 1994; 1997 - 1999, 2001 - 2003) và Cờ thi đua xuất sắc (năm 1990); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Bằng khen (các năm: 1990, 2000, 2004).

HẠT KIỂM LÂM HUYỆN ĐỊNH HÓA

Tiền thân là Phòng Quản lí và Bảo vệ rừng huyện Định Hóa.

Năm 1973, Hạt Kiểm lâm huyện Định Hóa chính thức được thành lập theo Quyết định số 1022/TCCQ ngày 31/10/1973 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái.

Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Hạt Kiểm lâm nhân dân huyện Định Hóa đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Hành chính huyện Định Hóa về mọi mặt, đồng thời chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi cục Kiểm lâm nhân dân tỉnh Bắc Thái về chuyên môn nghiệp vụ và kế hoạch công tác.

HẠT KIỂM LÂM HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 25/3/1974 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Tổ chức tiền thân là Phòng Quản lí, bảo vệ và trồng rừng của huyện, được bổ sung quân số từ Phòng Quản lí, bảo vệ rừng của Lâm trường Đồng Hỷ. Tổng số cán bộ nhân viên của Hạt lúc mới thành lập gồm có 17 người; trong số đó, 2 cán bộ có trình độ trung cấp; số còn lại có trình độ sơ cấp và bộ đội chuyển ngành chưa qua đào tạo. Hạt được tổ chức thành 3 trạm: Trạm Kiểm lâm Phúc Trìu, Trạm Kiểm lâm Khe Mo và Trạm Kiểm lâm Nam Hoà.

Từ năm 1978, cùng với sự điều chỉnh địa giới hành chính huyện, Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ chuyển về địa phận tổ 17, thị trấn Chùa Hang. Hạt vừa xây dựng cơ sở vật chất, vừa xây dựng tổ chức. Thời gian này, Hạt tổ chức thành 3 trạm: Trạm Kiểm lâm Hợp Tiến, Trạm Kiểm lâm Khe Mo và Trạm Kiểm lâm Minh Lập.

Ngày 15/9/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 111/QĐ-UB, thành lập Hạt Lâm nghiệp - Kiểm lâm trực thuộc Sở Lâm nghiệp, có chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lí nhà nước về quản lí, bảo vệ và phát triển rừng; thừa hành pháp luật về quản lí, bảo vệ ừng và quản lí lâm sản; đồng thời thực hiện Dự án 3352, Dự án trồng rừng PAM. Thời gian này, Hạt có 22 cán bộ nhân viên; trong số đó, 14 người làm công tác quản lí, bảo vệ rừng; 8 người thực hiện Dự án PAM; 4 người có trình độ đại học, 4 người có trình độ trung cấp và 11 người có trình độ sơ cấp.

Ngày 25/6/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 92/QĐ-UB Về việc sắp xếp lại hệ thống tổ chức kiểm lâm theo Luật, trả lại tên cho các Hạt Kiểm lâm và đưa hạt về trực thuộc sự quản lí, lãnh đạo trực tiếp của Chi cục Kiểm lâm.

Ngày 17/6/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 1321/QĐ-UB đổi tên Trạm Kiểm soát lâm sản Sông Cầu thành Trạm Kiểm lâm Sông Cầu và chuyển về Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ quản lí. Từ đó đến nay, Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ có 4 trạm kiểm lâm trực thuộc: Trạm Kiểm lâm Hoà Bình, Trạm Kiểm lâm Sông Cầu, Trạm Kiểm lâm Khe Mo, Trạm Kiểm lâm Hợp Tiến và 1 Tổ Kiểm lâm cơ động - Phòng cháy, chữa cháy

rừng. Đến năm 2010, tổng số cán bộ, nhân viên của Hạt là 27 người; trong đó có 1 Thạc sĩ, 15 Cử nhân...

HẠT KIỂM LÂM HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập tháng 2/1974; Trụ sở đặt tại địa phận xóm Vạn Già, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Thực hiện Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, trong 2 năm 1999 - 2000, Hạt Kiểm lâm đã phối hợp với Phòng Địa chính tổ chức giao đất, giao rừng đến 3.934 hộ với diện tích 2.597,8 ha.

Với đặc điểm huyện Phú Bình trồng 2 loài cây chủ yếu là cây thông và cây bạch đàn là cây rất dễ cháy việc phòng cháy chữa cháy rừng là nhiệm vụ cấp thiết. Hạt đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng từ huyện đến xã và xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng cụ thể, nên đã hạn chế được cháy rừng xảy ra. Huyện đã thành lập được 11 Ban phòng cháy chữa cháy rừng cấp xã và 50 tổ quần chúng quản lí bảo vệ rừng, với 800 đội viên tham gia chữa cháy. Hạt Kiểm lâm huyện Phú Bình đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Bằng khen.

HẠT KIỂM LÂM THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 22/1/1997, theo Quyết định số 39/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại Tổ 24, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Hạt Kiểm lâm thành phố Thái Nguyên là đơn vị được giao kiểm tra và thu giữ tất cả phương tiện, tang vật của các đối tượng vi phạm lâm luật đi qua Thành phố và các cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản trên địa bàn. Trong số 25 phường, xã thuộc quyền quản lí của Hạt, có 60 cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản (chủ yếu là cơ sở chế biến gỗ, nhà hàng ăn uống).

HẰNG DOANH

Chủ tịch Ủy ban Hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh (tên khai sinh: Doanh Thắng Hỷ), sinh năm 1925, dân tộc Tày, quê xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1942,

đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1944; cán bộ Lão thành cách mạng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên (8/1963 - 1965), Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên (1965 - 1983). Đã từ trần tại thành phố Thái Nguyên.

Đồng chí Doanh Hằng đã được tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.*

HẤN HOÀNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, quê thôn Xuân Trù, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

Mẹ Hoàng Thị Hấn có con là liệt sĩ Hoàng Văn Gia (nhập ngũ ngày 3/2/1949, hi sinh trong Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950).

Mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HẦM ĐỊA ĐẠO KHU MỎ SẮT TRẠI CAU

Nơi trú ẩn của cán bộ chỉ huy các đơn vị pháo phòng không và tự vệ cùng vũ khí, thiết bị máy móc của khu mỏ trong những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mĩ trên địa bàn tỉnh. Di tích gồm 2 địa đạo nằm trên 2 quả đồi thuộc khu Mỏ sắt Trại Cau, huyện Đồng Hỷ:

Hầm địa đạo Văn phòng Mỏ, được khởi công xây dựng khoảng tháng 5/1966, hoàn thành tháng 7/1966. Hầm được kè, chống bằng cột bê tông kiên cố.. Đây là nơi làm việc của bộ phận chỉ huy sản xuất trung tâm. Hiện nay, khu hầm địa đạo Văn phòng Mỏ hoang phế, cây cối mọc rậm rạp, rêu bám vào gạch tường, hầm bị ngập nước, hai cửa hầm vẫn còn nguyên vẹn.

Hầm địa đạo Đồi Nhà hát được thiết kế theo hình chữ T. Cửa hầm quay về phía bắc; hai ngách hầm cắt ngang cửa chính, đối xứng nhau từ đông sang tây, nằm gọn trong quả đồi, được đào bằng công cụ thô sơ; cách hầm Văn phòng Mỏ khoảng 500 m.

Hiện nay, hai cửa ngách hầm đã bị sụt lở và bị ngập nước từ 0,6 m đến 1m.

HÍCH

Đền, được xây dựng vào thế kỷ thứ XIX, trên khu đất cạnh bờ sông Cầu thuộc phố Hích, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ. Nơi đây có phong cảnh hữu tình, trên bến dưới thuyền. Đền thờ Đức Trần Hưng Đạo, hậu cung thờ Tam Toà Thánh Mẫu: Bạch Ngọc Thủy Tinh công chúa, Sơn Tinh Thượng Ngàn công chúa, Liễu Hạnh công chúa.

Đền Hích kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH; tường hồi bít đốc, gồm 3 gian tiền bái và 1 gian hậu cung đậm nét kiến trúc thời Nguyễn. Vì kèo theo kiểu giường cột đơn giản, nền lát gạch, mái lợp ngói. Tại gian tiền bái có bức hoành phi đặt ở phía trên. Bên trái và phải có hai câu đối đặt hai bên. Hậu cung còn 5 pho tượng nguyên vẹn (3 pho tượng bằng đồng hun); một ngai đồng thờ Đức Trần Hưng Đạo và bài vị. Lễ hội đền Hích được tổ chức từ ngày 13 đến ngày 15/1 Âm lịch, có rước kiệu và các trò chơi đấu vật, chọi gà, cờ tướng, đánh bóng, bơi thuyền, thu hút nhiều khách thập phương.

Đền Hích còn lưu giữ được nhiều di vật quý: Bộ kiệu bằng gỗ sơn son thếp vàng, thân chạm long mây hội tụ; hạc đồng cổ; 3 sắc phong thời Khải Định và hộp đựng (còn nguyên); đĩnh đồng cổ; 2 quả chuông đồng, 2 bức hoành phi sơn son thếp vàng, 2 câu đối và 1 bức đại tự.

HÍCH

Lễ hội, được tổ chức từ ngày 13 đến ngày 15/1 Âm lịch hằng năm tại đền Hích thuộc phố Hích, xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ. Phần lễ có rước linh vị các vị thần và đồ tế lễ; lễ khai mạc lễ hội do Ủy ban nhân dân xã sở tại chủ trì; lễ cúng khấn thần linh tại gian chính điện của đền do một vị pháp sư làm chủ lễ. Phần hội có một số trò chơi dân gian và thi đấu thể thao, như: Tung còn, chọi gà, đấu cờ tướng, đấu vật, đấu bóng chuyền, bóng đá; có năm hội Hích còn tổ chức đua thuyền trên dòng sông Cầu phía trước đền.

Ngoài lễ hội chính tổ chức giữa tháng 1, hội Hích còn được tổ chức vào ngày 17/3 Âm lịch, gọi là "giỗ Mẫu". Vào ngày giỗ Mẫu, sáng sớm người ta làm nghi thức rửa kiệu. Sau khi kiệu được rửa sạch, bài vị của nữ thần Bạch Ngọc Thủy Tinh và những đồ hương hoa được đặt lên kiệu. Kiệu do 8 thanh niên trinh bạch (chưa chồng, chưa vợ), có đạo đức tốt

gồm 4 trai, 4 gái rước. Sau hiệu lệnh là một hồi trống, chiêng vang rền, kiệu được khiêng đi về đền Min cách nơi khởi kiệu khoảng 500 m để làm lễ. Làm lễ xong ở đền Min, kiệu được rước đi khắp làng với ý nghĩa ban phát phúc lộc cho tất cả mọi nhà, mọi người trong làng. Cờ, lọng và đám đông theo sau đoàn rước kiệu tạo nên một không khí sôi động, một hình ảnh sinh động về vùng quê của lễ hội Hích cổ truyền nơi thượng lưu con sông Cầu lịch sử.

HÍCH

Trống đồng, được người dân phát hiện năm 1973, tại thôn Trung Thành, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ. Khi phát hiện, mặt trống bị thủng một lỗ gần tâm, thân và tang nguyên vẹn, chân bị sứt, vỡ. Trống Hích cao 27,5 cm, đường kính mặt 52,7 cm, đường kính chân 44 cm, trọng lượng 11,3 kg. Mặt trống chờm ra khỏi tang, trang trí hoa văn. Tâm trống trang trí hoa văn ngôi sao 11 cánh mảnh, không vượt quá đường chỉ giới hạn tâm. Tiếp theo là hoa văn trang trí hình người cách điệu trang sức lông chim, hướng mặt ngược chiều kim đồng hồ. Các hoa văn trang trí trên mặt trống cách nhau bởi những gờ chỉ nổi. Trên mặt trống trang trí 4 tượng cóc cách nhau một khoảng đều đặn, đầu quay hướng ngược chiều kim đồng hồ.

Tang trống trang trí bởi 3 vòng hoa văn. Phía trên và phía dưới của tang trống, là 3 vành hoa văn hình răng lược. Giữa 2 vành này, là vòng hoa văn hình đồng xu cuộn tròn nối tiếp chạy một vòng quanh tang trống. Giữa các đường vành tang trống là các gờ chỉ nổi.

Thân trống trang trí 4 dải hoa văn hình răng lược cách đều nhau, từ trên xuống dưới theo chiều cao của trống. Tiếp giáp chân trống là ba vành hoa văn tròn, nối tiếp chạy một vòng quanh thân trống. Chân trống bị sứt vỡ, không trang trí hoa văn. Quai trống có 4 đôi nối thân trống và tang trống, mỗi quai có hai vạch rỗng chạy dài, giữa quai liền nhau. Trống được đúc bằng khuôn 2 mang. Lòng trống bị han gỉ do chôn quá lâu. Trống hiện được bảo quản tại Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên; số đăng ký BTBT 44, vào sổ ngày 22/7/1988.

Trống Hích là trống loại I Hêger, thuộc nền văn hoá Đông Sơn.

HIỀN LA ĐỨC

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Yên Hân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; nguyên Phó Giám đốc Sở Y tế Bắc Thái.

Từ tháng 5/1965 đến tháng 8/1968, là Bác sĩ Bệnh viện Bắc Kạn; từ năm 1968 đến năm 1970, công tác tại Ty Y tế Bắc Thái; từ năm 1970 đến năm 1979, là Bệnh viện phó, Bí thư Đảng ủy, Quyền Bệnh viện trưởng Bệnh viện A Bắc Thái; từ năm 1983 đến năm 1986, là Phó Giám đốc Sở Y tế, Phó Chủ nhiệm Thường trực chuyên trách Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bắc Thái.

Bác sĩ La Đức Hiền được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 1997.

HIỂN NGUYỄN NHƯ

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ, quê xã Đỗ sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1976, ông tốt nghiệp Khoa Điện Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên). Từ năm 1990 đến năm 1992, được cử làm thực tập sinh khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Quốc gia Belôrusia (Liên Xô cũ). Năm 1997, ông bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ kỹ thuật tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Từ năm 1998, làm nghiên cứu sinh và đến năm 2002, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ kỹ thuật tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Nhà giáo Nguyễn Như Hiển đã đảm nhiệm các chức vụ: Chủ nhiệm bộ môn Truyền động điện - Tự động hoá Khoa Điện Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (1985 - 1990), Chủ nhiệm bộ môn Tự động hoá xã hội chủ nghĩa, Khoa Điện Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên (1996 - 1999), Trưởng khoa Điện (1999 - 11/2000), Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên (11/2000 - 2010).

Nhà giáo Nguyễn Như Hiển đã được trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba,* 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2006.

HIỂN TRÌNH

Theo sách *Lê triều Lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi ký*, Trình Hiển là người làng Cổ Hằng, xứ Thái Nguyên, đỗ Minh Kinh bác học (khoa thi ngày 28/5 năm Thuận Thiên thứ hai (1429) đời vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi).

Theo sách *Cương mục chính biên*, năm 1429 ông thi đỗ Minh Kinh bác học. Tuy nhiên, theo sách *Lê triều Lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi kí* thì đây là khoa thi Hội, người thi đỗ chỉ là Cử nhân.

Sau khi đỗ đạt Trình Hiển được nhà Lê bổ giữ chức Chuyển Vận sứ, quản lĩnh một huyện, Thị Ngự sử, đứng đầu Ngự Sử đài, rồi Thiên tri Nội mật Viện sự (chức vụ đứng thứ 2 của Nội mật viện), cơ quan chuyên coi giữ sổ sách, văn chỉ của nhà vua. Tháng 10/1438, Trình Hiển được vua Lê Thái Tông cử làm Phó sứ trong đoàn sứ thần nước Đại Việt sang tiến cống nhà Minh. Ngoài việc làm quan, đi sứ, Trình hiển còn là nhà thơ. Sách *Toàn Việt thi lục* còn lưu 2 tác phẩn thơ của ông là: *Dạ bạc Hoa Lư hữu cảm* và *Ngụ cư tự thuật hoài*.

HIỂN TỪ QUANG

Nhà giáo Ưu tú, GS-TS, quê Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội; nguyên Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Năm 1976, sau khi tốt nghiệp ngành Chăn nuôi Thú y Trường Đại học Nông nghiệp 3 (nay là Trường Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy. Năm 1984, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Viện Chăn nuôi Sofia (Bungari). Đến năm 1989, về nước tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái.

Nhà giáo Từ Quang Hiển đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng trại thực tập thí nghiệm Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái (1990 - 1992), Trưởng phòng Khoa học - Quan hệ quốc tế Trường Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên (1992 - 1994)...; Hiệu trưởng, Bí thư Đảng Ủy Trường Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên (2000 - 2004), Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên (2004 - 2005), Giám đốc Đại học Thái Nguyên... Ông được trao tặng 1 *Huân chương Lao động* hạng Ba, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Nhà giáo Từ Quang Hiển được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

HIỆP HOÀ

Nơi đặt cơ sở in ấn, phát hành báo *Cứu quốc* - tiền thân của báo *Đại đoàn kết* ngày nay (1947 - 1953). Vị trí di tích ở xóm Hiệp Hòa thuộc xã Phủ Lý, huyện Phú Lương.

Cơ sở in và phát hành của báo *Cứu quốc* ở Hiệp Hoà lúc đó gồm có nhà của lãnh đạo cơ quan, nhà in và nhà đặt cơ sở phát hành báo. Đồng chí Xuân Thuỷ là Chủ bút tờ báo, đã có nhiều thời gian làm việc ở Hiệp Hoà.

Khu đất đặt cơ sở in ấn, phát hành báo *Cứu quốc* tại Hiệp Hoà hiện nay là bãi cỏ hoang và vườn chè của dân, trên đó còn dấu vết những nền nhà, một hầm trú ẩn trên đỉnh đồi hình chữ nhật dài 5m, rộng 3m, sâu 2m.

HIỆP LỰC

Đền, được dựng từ lâu đời trên một gò đất thấp gần bờ sông Cầu thuộc xóm Hiệp Lực, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương; là nơi thờ tam tòa Thánh Mẫu thể hiện bằng 3 pho tượng đất.

Đền xưa làm bằng tre, nứa, lá; đến năm 1992, được nhân dân địa phương xây dựng lại bằng gạch ngói. Năm 1998, ngôi đền được xây dựng lại lần nữa, có hình chuôi vồ, gồm 3 gian 2 chái và bài trí thêm 18 pho tượng bằng gỗ, sơn son thiếp vàng. Hai bên cửa có tượng ông Thiện và ông Ác. Bên trái hậu cung đặt bàn thờ Chúa Sơn Trang (Mẫu Chúa Tiên). Bên phải thờ 3 ông hoàng: Ông Hoàng Bảy, ông Hoàng Bơ, ông Hoàng Mười. Phía trên chính giữa hậu cung là bức hoành phi, hai bên vẽ hình rồng chầu. Hậu cung gồm 3 bậc bệ thờ: Bậc thứ nhất thờ Quốc Mẫu Vua Bà, Tam tòa Thánh Mẫu có 6 pho tượng và bát nhang công đồng. Bậc thứ hai thờ Vua cha Bát Hái. Bậc thứ 3 thờ Trần Triều hiển thánh.

Lễ hội đền Hiệp Lực hằng năm tổ chức vào ngày 6/1 Âm lịch, có hội vật, đua thuyền, hát ví và một số trò chơi dân gian.

HIẾU BÉCNA (Bernard Hiếu)

Đồn điền của chủ người Việt, có diện tích 1.200 ha nằm trên địa phận xã Cam Giá, huyện Đồng Hỷ (nay là đất phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên).

Đồn điền chủ yếu trồng lúa, thực hiện theo lối phát canh thu tô. Ruộng đất trong đồn điền được chia làm 3 loại để thu tô. Loại 1 nộp 8 phương/mẫu (1 phương tương đương 20 kg thóc); loại 2 nộp 6 phương và loại 3 nộp 3 phương. Thời gian đầu khi mới thành lập, kết quả thu hoạch đạt khá. Về sau, do bị sâu bệnh phá hoại, nên năng suất và sản lượng giảm sút. Trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), nhân dân trong đồn điền này rơi vào tình trạng sống lay lắt. Chủ đồn điền muốn lao vào việc trồng các loại cây công nghiệp, như cà phê, chè; nhưng vì thiếu vốn, nên ý định này không thực hiện được.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồn điền này đã bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho nông dân nghèo.

HIỆU VŨ VĂN

Thầy thuốc Ưu tú, Thạc sĩ, quê xã Vân Trường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; Bác sĩ Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, giảng viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

Năm 1976, ông tốt nghiệp Trường Đại học Y Khoa Bắc Thái (nay là Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên). Năm 2000, ông bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ tại Trường Đại học Y - Đại học Thái Nguyên.

Bác sĩ Vũ Văn Hiệu đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng khoa Gây mê hồi sức - Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, Trưởng bộ môn Gây mê hồi sức Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên. Ông được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 1 Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bác sĩ Vũ Văn Hiệu được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2008.

HIN

Đình, tên cũ là đình Sơn Hiên, được xây dựng thời nhà Lê ở xóm Hin, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình; là nơi thờ Trương Hống và Dương Tự Minh. Đình được tu bổ, sửa chữa lớn vào năm Minh Mạng thứ 13 (1831) và năm 2003, gồm 3 gian 2 chái tổng diện tích 115 m^2, các gác mái được thiết kế có đao cong.

Di vật của đình cũ hiện còn: 2 chiếc tàn lọng, 7 chiếc cờ thần, 3 đài gỗ, 1 mâm bồng, 1 lư hương bằng đồng, 1 đôi hạc đồng, 2 cây nến đồng, 3 bia đá cổ, 3 nậm sứ, hai độc bình sứ,...

Lễ hội được tổ chức tại đình vào ngày 12 tháng giêng (Lễ Kì phúc và hội làng), ngày 12/10 Âm lịch (Lễ Đại sự thần).

HINH LƯƠNG VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; Chủ tịch Công đoàn Đại học Thái Nguyên.

Năm 1976, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp 3 (nay là Trường Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy. Năm 1987, được cử đi nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Bungari. Năm 1991, trở về nước tiếp tục làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Nhà giáo Lương Văn Hinh đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng trại thực tập (1982 - 1986), Trưởng khoa Trồng trọt (1992 - 1999), Trưởng phòng Tổng hợp (2000- 2005), Phó Bí thư Đảng ủy Nhà trường, Trưởng ban Quy hoạch - Giải phóng mặt bằng Đại học Thái Nguyên (2006 - 2008). Từ năm 2008, ông được bầu làm Chủ tịch Công đoàn Đại học Thái Nguyên.

Ông được phong tặng học hàm Phó Giáo sư (2002); 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

HOA

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, có nguồn gốc từ các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) di cư vào Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX. Năm 1979, dân số người Hoa ở Thái Nguyên có 3.964 người. Đến năm 1989, nhóm tộc Ngái tách khỏi tộc người Hoa, nên dân số người Hoa trong tỉnh giảm xuống còn 2.845 người. Cũng do quá trình tách tộc, đến năm 1999, dân số Hoa tiếp tục giảm xuống còn 2.573 người. Đến nay, người Hoa cư trú trong 105 xã, phường, thị trấn của tất cả 9 huyện, thành, thị trong tỉnh. Huyện đông nhất là Định Hoá có 882 người, chiếm 42,7% dân số Hoa trong toàn tỉnh.

Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Thái Nguyên khá đa dạng. Phần lớn trong số họ ở nông thôn, sinh sống bằng nghề nông, lâm, thủ công nghiệp. Một số gia đình lập nghiệp trong các thị trấn, thị tứ mở cửa hàng buôn bán tạp phẩm, thuốc Bắc và dịch vụ cơ khí nhỏ. Thủ công gia đình của người Hoa rất đa dạng nhưng nổi bật là nghề rèn, đúc và đan lát.

Do yếu tố giao thoa văn hóa nên người Hoa cũng có nhiều nghi lễ, tập tục liên quan đến sản xuất, sinh hoạt và tâm linh gần với các dân tộc khác.

HOA LINH

Doanh nghiệp tư nhân, được thành lập tháng 9/2009, trụ sở đặt tại số nhà 131 - Tổ 11 - Phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

Doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải hành khách đường bộ bằng ô tô, xe taxi; cho thuê xe ô tô và hợp đồng xe du lịch. Ngoài ra, Hoa Linh còn mở rộng kinh doanh mua bán các mặt hàng bánh kẹo, nước giải khát, đường, sữa.

HOA MAI

Doanh nghiệp tư nhân, có trụ sở đặt tại số nhà 111 - Tổ 1- Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ chuyên chở hành khách bằng phương tiện taxi. Trong những năm gần đây, Ban Giám đốc Hoa Mai mạnh dạn đầu tư 2 hệ thống hiện đại nhằm đảm bảo an toàn cho hành khách và lái xe:

Hệ thống dẫn đường toàn quốc: Trợ giúp cho lái xe có thể đi bất kì địa điểm nào trên lãnh thổ Việt Nam với hướng dẫn cụ thể, an toàn.

Hệ thống định vị toàn cầu (GPS): Giúp cho nhân viên tổng đài có thể nắm được số xe đang có khách; xe đang trên đường đón khách; xe gặp sự cố; vị trí và hướng di chuyển của xe; tốc độ của xe; điểm đi, điểm đến; xem lại lịch sử di chuyển của xe trong quá khứ.

HOA SƠN

Chùa, tên chữ là Hoa Sơn tự, được dựng từ thế kỷ XIX ở xóm Ngò Thái, xã Tân Đức, huyện Phú Bình; đã qua nhiều lần tu bổ, lần gần nhất vào năm 2009.

Trong hậu cung chùa là bàn thờ tam bảo đặt các tượng thờ sơn son thiếp vàng, được sắp xếp thứ tự từ trên xuống dưới: Tượng Tam thế,

tượng A Di Đà to lớn ở giữa, tượng Ngọc Hoàng, hai tượng Kim Đồng, Ngọc Nữ; tượng Bắc Đẩu, Nam Tào, toà Cửu long, tượng Thích Ca Mâu Ni sơ sinh, tượng Phật Bà và hai bên có thập điện (10 pho tượng La Hán).

Chùa Hoa Sơn hiện còn lưu giữ được một số di vật có giá trị lịch sử văn hoá như: 2 bát hương cổ, 1 cây quán tẩy, 1 cây chân nến, 1 đại tự, 1 bình hương cổ chất liệu sành gốm, 1 chân tảng cổ, 1 án gian thờ, 1 cây hương và nhiều đồ thờ có giá trị liên quan khác.

HOA SƠN

Đình, còn có tên là đình Ngò Thái, được dựng từ lâu đời ở xóm Ngò Thái, xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

Đình là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình Hoa Sơn mới được xây dựng lại vào năm 2010, gồm hậu cung và nhà tiền tế. Nhà tiền tế có 3 gian 2 chái, rộng 84 m², xây bít đốc, cột gỗ, hai trái tường xây gạch đỏ quét sơn trắng, mái lợp ngói mũi, có đầu đao cong, trên mái có hình lưỡng long chầu nguyệt. Hậu cung rộng 40 m², tường xây gạch đỏ trong quét sơn trắng, ngoài không chát, mái lợp ngói mũi, có đầu đao cong, trên mái có hình lưỡng long chầu nguyệt.

HÒA BÌNH

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Hoà Bình, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình; là nơi thờ Thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình được tu sửa nhiều lần nhưng vẫn giữ được dáng cổ kính, gồm 3 gian, 2 chái, dài 12 m, rộng 5 m, sân lát gạch. Đình có bộ vì kèo kết cấu kiểu kẻ truyền, tường hồi kiểu bít đốc.

Hiện vật lưu giữ tại đình gồm 3 bia đá "Hậu thần bi kí" có niên đại Lê Cảnh Hưng năm thứ 27 (1766), Minh Mạng năm thứ 15 (1834), Minh Mạng năm thứ 27 (1846) và 1 ngai thờ chạm rồng cách điệu chầu mặt trời;...

Lễ chính tổ chức hằng năm tại đình là ngày 10/1 và ngày 10/10 âm lịch.

HÒA BÌNH

Nơi đặt Nhà máy Z131 thuộc Tổng cục Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng (1966 - 1970).

Vị trí di tích ở xóm Hòa Bình, xã Quân Chu, huyện Đại Từ.

Nhà máy có nhiệm vụ sản xuất vũ khí, đạn dược; trong đó có súng chống tăng B40, B41 phục vụ bộ đội chiến đấu ở các chiến trường. Nhà máy Z131 được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

HÒA BÌNH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Bắc huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp xã Văn Lăng; phía đông và đông nam giáp xã Tân Long; phía nam giáp xã Minh Lập; sông Cầu là ranh giới tự nhiên. Diện tích tự nhiên 12,48 km² với số dân 2.761 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Sán Chay, Sán Dìu, Dao, Mường, Hoa.

Xã Hòa Bình có 7 xóm: Đồng Cầu, Đồng Vung, Phố Hích, Tân Đô, Tân Yên, Tân Thành và Trung Thành.

Năm 1973, nhân dân địa phương đã phát hiện 1 trống đồng tại Phố Hích; đến năm 1982 lại phát hiện 1 trống đồng tại thôn Đồng Cầu. Đây là 2 trong 6 trống đồng và mặt trống đồng thuộc nền Văn hoá Đông Sơn được phát hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sản xuất nông nghiệp là nguồn sống chính của nhân dân trong xã. Năm 2010, xã Hoà Bình có 115 ha ruộng cấy lúa, 111 máy cày, 22 máy gặt, 21 thiết bị gieo hạt, 16 máy kéo, 7 máy đập liên hoàn, 4 máy gặt đập liên hợp. Số thiết bị này đảm nhiệm khâu làm đất cho hơn 90% diện tích đất nông nghiệp trong xã. Xã có 226,8 ha chè.

HÒA KHÊ

Đình, được dựng từ lâu đời tại trung tâm xóm Hoà Khê, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình gồm 3 gian, cột gỗ lim to, chạm trổ đầu rồng đuôi tôm, lợp ngói mũi.

Đình Hoà Khê được làm lại 3 lần; lần cuối cùng vào năm 1994, được dựng trên quả đồi cao, quay về hướng nam; cột gỗ, lợp ngói Hương Canh. Phía trước đình Hoà Khê, cách khoảng 40 m còn 2 tấm bia. Một tấm 80 x 40 cm, trên trán bia đằng trước có khắc hình mặt trời và 4 chữ Hán; bên dưới có nhiều dòng chữ Hán. Mặt sau, trên trán bia có khắc hình con rồng và 4 bông hoa 4 cánh, xung quanh cũng có nhiều chữ Hán.

Tấm bia thứ hai 60 x 40 cm; vòng quanh bia có trang trí hoa dây liên hoàn, trán bia khắc 4 chữ Hán.

Mỗi năm, đình Hoà Khê có 4 kì lễ vào các ngày: 8/1, 8/3, 13/7 và 18/11 âm lịch.

HÒA KHÊ

Mỏ cát, sỏi suối Hoà Khê nằm trên địa bàn 2 xã Nam Hoà và Văn Hán thuộc huyện Đồng Hỷ, được khai thác từ năm 2010. Theo Giấy phép số 1977/GP-UBND ngày 25/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên được phép khai thác trên diện tích 38,63 ha trong thời hạn 15 năm, với trữ lượng 315.883 m^3.

HÒA ÚC

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Cậy (xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ), phía trước chùa Phú Nông. Theo truyền thuyết, đình được xây dựng để thờ thân phụ và thân mẫu của thần Cao Sơn và Quý Minh. Đình có tiền tế, hậu cung và tảo xá (nơi để các cụ ông nghỉ ngơi, ăn uống sau khi tế lễ, họp bàn công việc).

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình Hoà Úc là nơi họp bí mật của cán bộ về xây dựng cơ sở cách mạng, thành lập Mặt trận Việt Minh xã. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, ta đã phá một phần đình cùng với chùa Phú Nông. Năm 1967, Hợp tác xã nông nghiệp hợp nhất Nam Tiến dỡ đình để lấy gạch làm nhà kho, xây cầu cống. Các hiện vật trong đình (bát bửu sơn son thếp vàng và một hộp gỗ sơn son thếp vàng, bên trong có 2 sắc phong của vua Khải Định) được nhân dân xóm Cậy chuyển vào chùa Phú Nông, nhờ người trong chùa trông giữ hộ.

HÓA THƯỢNG

Đình, được dựng từ lâu đời trên một khu đất cao nằm giữa cánh đồng ở xóm Gò Cao thuộc xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình đã trải qua 3 lần trùng tu và di chuyển địa điểm.

Lần đầu tiên, đình được dựng trên mảnh đất thuộc khu Giếng Giệc. Do khu này gần rừng rậm có nhiều thú dữ, nên sau được chuyển đến đồng

Cánh Thủy thuộc xóm Gò Cao (xã Hoá Thượng ngày nay). Năm 1936, đình được nâng cấp. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình Hoá Thượng là nơi họp của cán bộ cách mạng. Sau khi giành được chính quyền, đình được dùng làm lớp học và là nơi hội họp của cán bộ xã và nhân dân địa phương. Năm 1947, thực dân Pháp càn quét, đốt phá làng Hoá Thượng, đình cũng bị chúng phá hoại.

Năm 1973, đình Hóa Thượng được xây dựng lại trên nền đất cũ, dài 8m, rộng 4m. Hiện vật của ngôi đình cũ chỉ còn lại 1 tấm bia đá, khắc chữ Hán ghi công đức đóng góp của nhân dân xa gần.

HÓA THƯỢNG

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, gồm 3 xã: Hóa Thượng, Hóa Trung và Quang Vinh. Cho đến đời vua Đồng Khánh nhà Nguyễn (1885 - 1888), địa danh, địa giới, số các xã trực thuộc của tổng Hoá Thượng không có gì thay đổi so với hồi đầu thế kỷ XIX.

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (đời vua Thành Thái nhà Nguyễn (1889 - 1907), phần đất phía đông xã Quang Vinh bên tả ngạn sông Cầu được tách ra để lập xã Cao Ngạn. Phần đất còn lại của xã Quang Vinh (ở khu vực phía tây, bên hữu ngạn sông Cầu) tách khỏi tổng Hóa Thượng, nhập vào tổng Túc Duyên cùng huyện. Cùng thời gian này, tổng Minh Lý (có 1 xã Minh Lý) giải thể, xã Minh Lý nhập về tổng Hóa Thượng. Như vậy, trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, tổng Hóa Thượng gồm 4 xã: Hóa Thượng, Hóa Trung, Cao Ngạn và Minh Lý; phía bắc giáp tổng Vân Lăng (châu Võ Nhai), phía đông giáp tổng Vân Lăng (châu Võ Nhai) và tổng Huống Thượng (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp tổng Túc Duyên (huyện Đồng Hỷ), phía tây giáp tổng Sơn Cẩm và tổng Tức Tranh của huyện Phú Lương.

Xã Hóa Thượng tương ứng với phần đất phía tây - tây bắc và phần phía nam xã Hóa Thượng ngày nay. Xã Hóa Trung tương ứng với phần đất phía đông xã Hóa Trung và phần đất phía đông nam xã Hóa Thượng, đất thị trấn sông Cầu, một phần đất phía tây bắc xã Khe Mo (gồm 2 xóm Na Đường và Làng Cháy), phần phía bắc thị trấn chùa Hang ngày nay. Xã Minh Lý là xã Minh Lập ngày nay. Xã Cao Ngạn, tương ứng với đất xã Cao Ngạn và phần phía tây thị trấn chùa Hang ngày nay.

HÓA THƯỢNG

Xã miền núi, nằm ở vùng trung tâm của huyện Đồng Hỷ, có tuyến Quốc lộ 1B và Tỉnh lộ 269 chạy qua.

Phía bắc và tây bắc giáp xã Minh Lập; phía đông và đông bắc giáp xã Hoá Trung; phía đông nam giáp các xã Khe Mo, Linh Sơn và Đồng Bẩm; phía nam giáp thị trấn Chùa Hang, giáp các xã Cao Ngạn (thành phố Thái Nguyên) và Sơn Cẩm (huyện Phú Lương).

Diện tích tự nhiên 13,45 km². Dân số (năm 2009) 10.614 người, thuộc 12 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Tày, Nùng, Ngái, Hoa, Dao, Mường, Sán Chay, Mông, Thái, Cơ Lao cư trú ở 17 xóm: An Thái, Ấp Thái, Đồng Thái, Đồng Thịnh, Gò Cao, Hưng, Sông Cầu 2, Sông Cầu 3, Sơn Cầu, Sơn Thái, Tam Thái, Tân Thái, Thái Luông, Tướng Quân, Vải, Việt Cường và Văn Hữu.

Trên địa bàn xóm Luông có 2,7 ha rừng lim xanh tự nhiên - một diện tích rừng quý ít ỏi còn lại của tỉnh Thái Nguyên. Sản xuất nông nghiệp là nguồn sống chính của người dân, xã Hoá Thượng có làng nghề thủ công truyền thống Việt Cường, với sản phẩm miến Việt Cường nổi tiếng được làm từ dong riềng tía trồng tại các huyện miền núi tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy nước sinh hoạt nông thôn được xây dựng từ nguồn vốn đầu tư của tổ chức Hợp tác quốc tế (Nhật Bản).

HÓA TRUNG

Xã miền núi, nằm ở khu vực trung tâm huyện Đồng Hỷ và có tuyến Quốc lộ 1B chạy qua. Phía bắc giáp xã Tân Long, Quang Sơn; phía đông giáp thị trấn Sông Cầu; phía đông nam giáp xã Khe Mo; phía nam và tây nam giáp xã Hóa Thượng; phía tây bắc giáp xã Minh Lập.

Diện tích tự nhiên 11,89 km². Dân số (năm 2009) 4.231 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Tày, Sán Chay, Mông, Hoa, Mường và Dao cư trú ở 13 xóm: Cầu Mánh, Đồng Chăn, Đồng Tẻ, Hang Cô, La Đành, La Thông, La Vương, Làng Nậm, Phúc Thành, Tân Long, Trung Thần, Xóm Mới, Xóm 13. Ngoài sản xuất nông nghiệp là chính, người dân xã Hoá Trung còn có nghề sản xuất vật liệu xây dựng (gạch silicat, gạch nung) và nghề xây dựng.

HOÀI HỨA TỬ

Nghệ sĩ điêu khắc, sinh ngày 23/2/1942, dân tộc Nùng, quê xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; từ trần ngày 16/4/2008 tại thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ, Hứa Tử Hoài học phổ thông ở quê. Tháng 2/1958, về làm công nhân mỏ than Làng Cẩm ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 12/1959, được cử đi học tại Khoa Điêu khắc, Trường Trung cấp Mĩ nghệ Hà Nội. Tốt nghiệp ra trường, về làm hoạ sĩ tại Bảo tàng Việt Bắc. Từ tháng 9/1966 đến tháng 7/1971, ông theo học Khoa Điêu khắc Trường Đại học Mĩ thuật công nghiệp Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp, tháng 9/1971, trở về công tác tại cơ quan cũ.

Ông đã đoạt nhiều giải cao về mĩ thuật: Giải A với *tượng gỗ Bộ đội* về làng tại triển lãm mĩ thuật toàn quốc (1976). Giải Nhất cho bộ ba *tượng gỗ Bất Khuất, Du kích Bắc Sơn, Soong Sly* tại triển lãm 10 năm điêu khắc Việt Nam (1983). Giải A cho tượng gỗ *Bất Khuất* tại triển lãm mĩ thuật đề tài lực lượng vũ trang (1984). *Huy chương Vàng* cho tượng gỗ *Bên bếp lửa*, tại triển lãm mĩ thuật toàn quốc (1985). Giải Nhì cho tượng gỗ *Bác Hồ về bản*, tại triển lãm mĩ thuật toàn quốc (1990). Giải Nhất giải thưởng của Hội Mĩ thuật Việt Nam năm 1996 cho tác phẩm *Ác mộng* (tượng gỗ).

Nghệ sĩ điêu khắc Hứa Tử Hoài còn nhiều tác phẩm có giá trị khác như: *Thông đường Trường Sơn, Kim Đồng, Tuổi thơ, Ông cháu, Hoàng Văn Thụ, Nàng Tô Thị, Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao* và hai cụm tượng trước Đài Tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tỉnh Thái Nguyên, Phù điêu gỗ kích thước lớn tại tiền sảnh Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, phù điêu chất liệu đá tại Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn..

Năm 2001, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật cho nhà điêu khắc Hứa Tử Hoài với cụm các tác phẩm: *Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao* (tượng xi măng), *Bên bếp lửa, Tuổi thơ, Bi hùng, Soong Sly, Ác mộng* (tượng gỗ)

HOAN

Suối, bắt nguồn từ xóm Hoan (xã Cây Thị huyện Đồng Hỷ).

Suối có chiều dài khoảng 24 km, theo hướng tây bắc - đông nam, dòng suối nhận thêm dòng chảy từ suối Khe Cạn rồi đổ xuống qua địa phận

Trường Tiểu học Cây Thị. Đến đây, dòng suối chuyển hướng đông bắc - tây nam, chảy qua xóm Suối Găng, rồi theo hướng đông - tây qua xóm Mỹ Hoà; theo hướng bắc - nam qua địa phận xóm Trại Cau (xã Cây Thị) rẽ sang hướng tây đi qua các xóm Mới, Bờ Suối (xã Nam Hoà). Sau đó, dòng suối chuyển theo hướng bắc - nam, đổ xuống địa phận xóm Con Phượng (xã Nam Hoà), hợp lưu với suối Thác Thông tạo thành sông Ngòi Rồng, rồi đổ về đập Đá Gân (huyện Phú Bình). Chảy dọc theo địa bàn xã Cây Thị, suối Hoan cung cấp nguồn nước tưới cho 1/3 diện tích đất nông nghiệp của xã. Đây cũng là nguồn nước sinh hoạt của nhân dân trong vùng.

HOAN NGUYỄN DUY

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc Trung tâm Học liệu - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1983, sau khi tốt nghiệp ngành Chăn nuôi Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy. Năm 1994, ông tốt nghiệp Học viện Thú y Maxcơva (Liên bang Nga), nhận bằng Phó Tiến sĩ chăn nuôi; năm 2002, được phong học hàm Phó Giáo sư.

Nhà giáo Nguyễn Duy Hoan đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Sau đại học, Trưởng khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Giám đốc Trung tâm Học liệu, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Thái Nguyên; được trao tặng 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Nhà giáo Nguyễn Duy Hoan được Nhà nước phong tặng *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

HOÀNG LÊ

Bí thư Tỉnh ủy, tên khai sinh: Nguyễn Văn Dung; sinh ngày 1/8/1913.

Nguyên quán xã Tân Dân, huyện Đan Phượng, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội); tham gia cách mạng tháng 10/1932, kết nạp Đảng tháng 8/1934; Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (10/1947 - 6/1948); Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (7/1965 - 4/1972). Từ trần ngày 19/12/2003 tại Hà Nội.

Đồng chí Lê Hoàng đã được tặng thưởng *Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhất.*

HOÀNG ĐÀM

Chùa, được dựng khoảng đầu thế kỷ XVIII trên khu rừng ven làng Đồi (dân địa phương gọi là rừng Chùa) thuộc tổng Hoàng Đàm xưa, nay thuộc xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên.

Chùa thờ Phật. Do ngôi đình ở địa phương không còn nên chùa có ban thờ thần Cao Sơn, Quý Minh là thuộc tướng thời Hùng Vương thứ 18. Trước nhà tiền đường, có hai ngôi đền (miếu) để thờ 2 vị tướng tài là Trương Hống và Trương Hát đã có công giúp vua Triệu Quang Phục đánh đuổi giặc Lương ở thế kỷ VI.

Rừng Chùa và chùa Hoàng Đàm là nơi hoạt động bí mật của nghĩa quân Đề Thám hồi cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, có sự giúp đỡ của một số chức sắc địa phương. Khi bị lộ, thực dân Pháp cho quân phá chùa, chặt trụi cây cối ở rừng Chùa, những người giúp đỡ nghĩa quân lần lượt bị cách chức, bị đi tù.

HOÀNG ĐÀM

Tổng, thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình trong thế kỷ XIX. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX,* tổng Hoàng Đàm gồm 5 xã: Đắc Hiền, Hoàng Đàm, Sơn Cốt, Lưu Xá, Cốt Hạ. Theo *Đồng Khánh địa dư chí* (1886 - 1888), tổng Hoàng Đàm có 5 xã: Đắc Hiền, Hoàng Đàm, Sơn Cốt, Lợi Xá (Lưu Xá), Cốt Ngạnh (Cốt Hạ).

Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, tổng Hoàng Đàm thuộc phủ Phổ Yên. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin ấn hành năm 1999, tổng Hoàng Đàm gồm 9 làng, 26 thôn, 15 xóm. Trong đó, làng Hoàng Đàm có 5 thôn: Giữa, Hộ, Hạ, Đồi, Lò; làng Sơn Cốt có 5 thôn: Mãn, Đáp, Chiềng, Bến, Dương; làng Lợi Xá có 8 làng: Huyện, Mới, Tản, Ưng, Kè, Chùa, Nan, Bến và 3 xóm: Cây Trâm, Hưng Vượng, Na Yến; làng Cải Dang (Đan) có 6 thôn: Con, Gạo, Bãi, Mới, Miếu, Dả; làng Đắc Hiền có 2 thôn: Trong, Ngoài và 4 xóm: Ruộng, Phan, Đài, Chùa; làng Thung (Thông) Hạc có 5 xóm: Phố, Núi, Sũ,

Chùa, Cầu Gỗ; làng Cốt Ngạnh có 2 xóm: Quán Vã, Ba Hàng; làng Thanh Thù có 2 xóm: Thanh Quang, Xuân Mai; làng Đại Hữu.

HOÀNG ĐÀM

Trường Tiểu học bán cấp (còn gọi là Trường Sơ đẳng Tiểu học), được xây dựng khoảng những năm đầu thập kỷ thứ 2 thế kỷ XX, tại làng Hoàng Đàm, tổng Hoàng Đàm (nay là xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên).

Trường có một số phòng học là nhà ngói (cấp 4), gồm có 3 lớp: Lớp Nhì năm thứ nhất, lớp Nhì năm thứ hai và lớp Nhất. Đây là trường tiểu học bán cấp đầu tiên ở huyện Phổ Yên.

Học sinh chủ yếu là con các nhà Chánh tổng, Lí trưởng, các hào lí trong làng hoặc những gia đình khá giả. Học hết 3 năm (tiểu học toàn cấp), học sinh phải về học ở thị xã Thái Nguyên để thi lấy bằng Sơ học Pháp Việt (Certifica d' Etudes Primaire).

HOÀNG GIA - NAM HOÀ

Hợp tác xã chế biến, kinh doanh, dịch vụ lương thực, được thành lập ngày 26/3/2007, gồm 25 xã viên (trong đó có 18 nữ), đa số là người dân tộc Sán Dìu và Tày. Trụ sở đặt tại xóm Đồng Cỏ, xã Nam Hoà, huyện Đồng Hỷ, cách trung tâm huyện 12 km.

Hợp tác xã được Dự án Phát triển nông thôn theo vùng tại tỉnh Thái Nguyên do Chính phủ Tây Ban Nha tài trợ thông qua sự triển khai trực tiếp của Tổ chức Hợp tác và Phát triển ETEA của Tây Ban Nha hỗ trợ thông qua Ban Phát triển nông thôn.

Hiện nay, Hợp tác xã có 3 tổ sản xuất: Tổ Sản xuất bún, bánh cuốn, Tổ Sản xuất mì, Tổ Xay xát; được ghi nhận là *Đơn vị xuất sắc trong sản xuất kinh doanh* và là một trong những mô hình điểm thành công của *Dự án Phát triển nông thôn* theo vùng tại Thái Nguyên.

HOÀNG HẢI

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại, được thành lập ngày 27/12/2000. Trụ sở đặt tại số 35 - đường Thống Nhất, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, vận tải đường bộ, cho thuê máy công trình, sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.

Các công trình do Công ty thi công, tham gia thi công đã hoàn thành đưa vào sử dụng, như Bãi rác Đá Mài Tân Cương (thành phố Thái Nguyên), ĐT 269 (ADB), DDT258 Bắc Kạn (kuwait), Đường Z115, Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn, Trường Dân tộc nội trú Phú Lương, 7 khu dân cư, hạ tầng Nhà máy Glonic Việt Nam (Sam Sung), cung cấp dịch vụ thi công cho Dự án mỏ Núi Pháo (Masan Group), Dự án thoát và xử lí nước thải thành phố...

HOÀNG MẤM

Công ty Trách nhiệm hữu hạn, thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4080268461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 12/4/2000. Trụ sở đặt tại số 183 - Đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi; Sản xuất, kinh doanh nội thất, nhôm kính; Kinh doanh khách sạn - nhà nghỉ, dịch vụ chợ...

Năm 2010, Công ty đặt chi nhánh tại tỉnh Bắc Kạn; hoạt động kinh doanh mở rộng thêm các lĩnh vực: Xây dựng giao thông, thủy lợi, đường dây trạm điện; Mua bán ô tô, máy móc thi công công trình xây dựng hạ tầng và phụ tùng ô tô, máy kéo, phế liệu sắt thép, gỗ các loại, vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá đường bộ, kinh doanh chợ, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ cho thuê nhà.

HOÀNG NGÂN

Đồi, nơi an táng đồng chí Hoàng Thị Ngân - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Vị trí di tích tại gò Lớn thuộc xóm La Yếu, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ.

Năm 1948, đồng chí Hoàng Thị Ngân bị bệnh đến điều trị tại Quân y viện Trần Quốc Toản (nay là Viện 354) đóng tại xóm Cao, xã Mỹ Yên. Nhưng do bệnh nặng, đồng chí đã từ trần tại đây. Đoàn thể và nhân dân Mỹ Yên đã tổ chức an táng tại gò Lớn xóm La Yếu, xã Mỹ Yên. Từ đó, nhân dân địa phương gọi gò Lớn là đồi Hoàng Ngân. Năm 1967, hài cốt đồng chí Hoàng Ngân được bốc chuyển về an táng tại quê nhà.

HOÀNG NÔNG

Xã miền núi của huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị khoảng 10 km; phía tây bắc giáp xã La Bằng, phía đông nam giáp xã Mỹ Yên, phía đông giáp xã Khôi Kỳ, phía đông bắc giáp xã Bản Ngoại, Tiên Hội.

Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, cuối thế kỷ XIX, Hoàng Nông là 1 trong 6 xã của tổng Tiên Sơn huyện Đại Từ, phủ Tòng Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Theo sách *Tên các làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, khoảng đầu những năm 20 thế kỷ XX, Hoàng Nông là 1 trong 7 làng của tổng Tiên Sơn thuộc huyện Đại Từ. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, làng Hoàng Nông nhập với làng La Bằng thành xã Chiến Đấu. Năm 1947, Hoàng Nông là một làng của xã Hoành Sơn. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các đại xã, làng Hoàng Nông thành xã Tiến Bộ. Năm 1967, lấy lại tên cũ là xã Hoàng Nông.

Diện tích tự nhiên 14,88 km². Dân số (năm 2009) 4.527 người (2.209 nam, 2.318 nữ) thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Dao, Nùng, Tày, Hoa, Sán Dìu, Sán Chay, Mường cư trú ở 18 xóm: Đình Cường, Suối Chùn, Đồng Khuôn, Làng Hưu, Đoàn Thắng, Cổ Rồng, Cánh Vàng, Đầm Cầu, La Lương, Cầu Đá, Ao Mật, An Sơn, Cây Chè, Làng Đảng, Gốc Sữa, La Dây, La Kham, Kèo Hái. Nhân dân Hoàng Nông chủ yếu làm nông nghiệp, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè.

HOÀNG TÂN

Nhà thờ họ đạo ở xóm Đàm Cầu, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; là nơi sinh hoạt, hành lễ thường nhật của khoảng 50 hộ giáo dân trong họ. Trước đây, nhà thờ được xây dựng theo kiểu tường trình đất, mái tranh.

HOÀNG VĂN THỤ

Phường, một trong 4 phường trung tâm của thành phố Thái Nguyên. Phía đông và đông bắc giáp phường Trưng Vương và phường Quang Vinh, phía nam giáp phường Phan Đình Phùng, phía tây và tây bắc giáp phường Quang Trung.

Diện tích tự nhiên 1,6 km². Dân số (năm 2009) 16.201 người, thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Giáy cư trú ở 33 tổ dân phố. Trên 80 % số dân trong

phường có nguồn sống chính từ hoạt động thương mại, dịch vụ; số còn lại là công chức, viên chức và người hưu trí.

Có nhiều tuyến phố thương mại lớn như Hoàng Văn Thụ, Lương Ngọc Quyến, Bắc Kạn, Phủ Liễn; khách sạn lớn Thái Nguyên, Đông Á, Victori, Mai Đan; Ngân hàng Công thương - chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh ngân hàng Sacombank.

Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan nhà nước: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên - Môi trường, Chi cục Kiểm Lâm, Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trường Trung học Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, v.v... Đài Tưởng niệm anh hùng liệt sĩ tỉnh Thái Nguyên và Đền thờ Đội Cấn; chùa Phủ Liễn, một trung tâm Phật giáo lớn của tỉnh.

HOÀNH SƠN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở sáp nhập 2 làng Hoàng Nông và La Bằng thuộc tổng Tiên Sơn.

Sau giảm tô (1953), xã Hoành Sơn được chia thành 2 xã: Đoàn Kết và Tiến Bộ.

HOẠT PHẠM HUY

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, nguyên Giám đốc Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khoẻ Thái Nguyên.

Thời niên thiếu, ông học phổ thông tại Thái Nguyên; từ 1967 đến 1976, là quân y sĩ Đội Vệ sinh phòng dịch Sư đoàn 320B - Quân đoàn I; từ 1976 đến 1986, học tại Học viện Quân y, Bác sĩ, Trợ lí Quân y Cục Hậu cần thuộc Tổng cục Hậu cần, Chủ nhiệm Quân y Đoàn An dưỡng 296; từ 1986 đến 2000, là Phó Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng Bắc Thái; từ 2000 đến 2002, là Giám đốc Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe thuộc Sở Y tế Thái Nguyên...

Bác sĩ Phạm Huy Hoạt được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2001.

HÒE NGUYỄN ĐĂNG

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; Giám đốc trung tâm Đào tạo Tiền Tiến sĩ - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1980, tốt nghiệp ngành Cơ khí Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; từ tháng 8/1985 đến năm 1988, công tác tại Cục Kỹ thuật Quân đoàn 26; từ năm 1989 đến tháng 10/1994, tiếp tục giảng dạy tại Khoa Cơ khí Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp; từ tháng 11/1994 đến tháng 12/1998, làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Cộng hòa Séc; tháng 4/2000, trở về nước, tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên; từ tháng 11/2000 đến tháng 10/2004, được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Đào tạo - Khoa học - Quan hệ quốc tế; sau đó được đề bạt làm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Nguyễn Đăng Hoè được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

HON PHẠM THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1917, dân tộc Kinh; quê huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; thường trú tại xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.

Mẹ Phạm Thị Hon có con liệt sĩ là Phạm Nguyên Khải (tái ngũ tháng 7/1966, hi sinh ngày 6/8/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Phạm Thị Hon danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HỒ NÚI CỐC

Hệ thống kênh mương dẫn nước, gồm: Một tuyến kênh chính dài 18 km, đáy rộng 6 m, có khả năng dẫn lưu lượng nước từ 13 đến 16 m^3/s; ba tuyến kênh cấp I gồm: Kênh Tây, kênh Giữa và kênh Đông. Tổng chiều dài 43 km, đáy rộng từ 1,5 đến 3 m; có khả năng dẫn lưu lượng nước từ 2,5 đến 6,4 m^3/s và 74 tuyến kênh mương cấp II, III, với tổng chiều dài trên 230 km. Trên toàn bộ hệ thống kênh mương có 2.211

công trình xây lắp gồm: 422 cống tiêu, 1.114 cống tưới, 225 cống qua đường, 134 máng nước, 15 cầu máng, 9 cống điều tiết, 45 tràn ra, 35 tràn vào, 13 cầu lớn (ô tô có thể qua lại), 201 cầu nhỏ. Hệ thông kênh mương Núi Cốc cung cấp nước tưới cho 12.000 ha diện tích lúa và hoa màu thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, huyện Phổ Yên và huyện Phú Bình; cấp 40 - 70 triệu m^3 nước mỗi năm cho công nghiệp và dân sinh.

HỒ NÚI CỐC

Khu Du lịch, được xây dựng vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX trên khuôn viên rộng 19.000 ha thuộc địa phận 9 xã và 1 thị trấn của thành phố Thái Nguyên và 2 huyện (Phổ Yên, Đại Từ); trong đó diện tích thuộc thành phố Thái Nguyên trên 5.400 ha, diện tích thuộc huyện Đại Từ trên 10.000 ha và diện tích thuộc huyện Phổ Yên hơn 3.400 ha.

Khu Công viên vui chơi giải trí có quần thể Thuyết Nhân Quả, được mô phỏng theo mô hình Chùa Thiêng Thác Vàng nằm trong lòng Phật. Bên trong chùa Thiêng Thác Vàng có những bức tượng phù điêu gắn trên tường mang tính nghệ thuật cao. Mỗi bức phù điêu có diện tích khoảng 25-30m^2, thể hiện triết lí nhà Phật trong thuyết Nhân Quả. Toàn bộ khu chính điện, tam quan, tam bảo, nhà thờ tổ nằm dưới đài sen tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sừng sững giữa núi rừng, hướng mặt ra vùng lòng hồ.

Công viên vui chơi giải trí Núi Cốc còn có bể bơi, vườn động vật hoang dã; động huyền thoại cung, động Ba Cây Thông; động thế giới Cổ tích và Âm Phủ với những mê cung huyền ảo, các câu chuyện cổ tích được khắc trên vách đá với nhiều hình thù độc đáo. Khu sân khấu biểu diễn nhạc nước có tổng diện tích 1ha với cột nước cao trên 40 m.

HỒ SEN

Đền (xưa gọi là Ao Sen), được dựng từ lâu đời trên vùng đất thuộc phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên ngày nay; là nơi thờ phò mã lang Dương Tự Minh và hai người vợ là công chúa Diên Bình và công chúa Thiều Dung. Đền mở hội vào ngày 6/1 Âm lịch, nhưng lễ hội chính diễn ra từ ngày 15 đến 20/1 Âm lịch.

Đền Hồ Sen đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa; gần đây nhất vào năm Hoàng triều Bảo Đại thứ 13 (1938). Đền được kiến trúc theo kiểu

hình chuôi vồ, ngoài là 3 gian tiền tế, sau là hậu cung (chuôi vồ), cửa quay về hướng tây nam. Năm 1951, tại đền Hồ Sen đã diễn ra Hội nghị cán bộ tỉnh do Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên tổ chức bàn thực hiện chính sách thuế nông nghiệp.

Đền hiện nay đã xuống cấp, tường gạch bị lún nứt. Trong đền còn hai tráp đựng sắc phong của Vua Khải Định và nhiều đồ thờ tự ngày xưa. Phía ngoài đền còn có một bệ thờ lộ thiên, hai bên bệ thờ là tượng 2 con rắn. Tương truyền đây là đôi rắn thần sống thân thiện với người dân quanh vùng.

HỐ CHUỐI

Hồ chứa nước nhân tạo, hoàn thành xây dựng năm 2009, nằm trên địa bàn xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Diện tích lưu vực: 4 km^2.

Hồ Hố Chuối thuộc loại công trình cấp 3, có diện tích tưới thiết kế là 65 ha lúa và 35 ha cây ăn quả. Dung tích hữu ích: 162.710 m^3 nước. Dung tích chết: 33.500 m^3 nước. Dung tích ứng với mực nước dưới trung bình: 196.000 m^3.

Hồ có đập nước với chiều cao 26,3 m; mặt đập rộng 5 m.

HỐ CÓC

Hồ chứa nước nhân tạo, được khởi công xây dựng năm 1987 ở xã Tân Khánh, huyện Phú Bình; hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1988, do Công ty Quản lí khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên trực tiếp quản lí.

Hồ có đập chính dài 75 m, cao 14,5 m. Theo thiết kế hồ này có thể cung cấp nước tưới cho 66 ha. Hiện nay, hồ đang cung cấp nước tưới cho 50 ha đồng ruộng của xã Tân Khánh và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

HỘ NGUYỄN VĂN

Nhà giáo Nhân dân, GS-TSKH, quê Vĩnh Phúc; nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1967, tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được phân công giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên). Trong những năm 1973 - 1977, được cử đi làm nghiên cứu sinh chuyên ngành Giáo dục học

tại Liên Xô. Sau đó, tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc; từ năm 1984 đến năm 1988, được cử đi thực tập sinh cao cấp tại Liên Xô, trở về tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.

Nhà giáo Nguyễn Văn Hộ đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trưởng Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, Hiệu trưởng Trường Đại học Đại cương - Đại học Thái Nguyên, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998 và đến năm 2006, được phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Nhân dân*.

HỘ LỆNH

Chùa, tên chữ là Linh Quang, được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII, trên một khu đất cao ở trung tâm xóm Trung, xã Điềm Thuỵ, huyện Phú Bình; là nơi thờ Phật, có tiền tế và hậu cung, bên trong đặt các tượng thờ: Tam thế, A Di Đà, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, Thích Ca sơ sinh, Phật Bà và hai bên có Sơn thần, Thổ địa.

Hiện vật cổ còn lưu giữ tại chùa gồm 1 chuông đồng đúc năm Tự Đức 14 (1861), 1 bức hoành phi, 26 bia đá ghi công đức thời Nguyễn, 35 pho tượng và các đồ thờ cúng khác như bát hương, mâm đài. Dịp này, nhân dân làm lễ ở bên đình Hộ Lệnh xong lại nhang khói cầu khấn trời Phật bên chùa Hộ Lệnh (Linh Quang tự).

Chùa Hộ Lệnh được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Tỉnh tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND, ngày 13/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

HỘ LỆNH

Đình, được dựng khoảng thế kỷ XVII với kiến trúc theo kiểu chữ Đinh trên một địa thế cao ở xóm Trung, xã Điềm Thuỵ, huyện Phú Bình; là nơi thờ các vị thần thành hoàng làng là Cao Sơn, Quý Minh, Tam Giang - những vị tướng phò vua Hùng đánh giặc giữ nước và Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình gồm 3 gian, 2 chái, dài 21 m, rộng 9 m, được kết cấu bởi 48 cột gỗ lim. Các bộ vì kèo đều được trang trí đề tài "Tứ linh" (long, li, quy, phượng). Các ván lá gió được chạm thủng với đề tài "Long vân hội tụ"

(rồng mây hội tụ), và "Rồng ổ" (rồng mẹ), rồng con; hai bộ vì hướng vào hậu cung được chạm khắc khéo léo với đề tài "Sư tử hí cầu" và đề tài "Tứ quý" (tùng, trúc, cúc, mai). Các hiện vật tại đình gồm 1 cuốn ngọc phả chữ Hán Nôm sao lục vào năm Khải Định thứ 3 (1918) ghi sự tích các vị thần được thờ ở đình, 1 bia đá "Hậu thần bi kí", niên đại Lê Vĩnh Hựu năm thứ 4 (1738), 3 bia niên đại thời nhà Nguyễn, ghi tên người công đức sửa chữa đình, 2 bức hoành phi, 2 câu đối, 1 bộ kiệu sơn son thiếp vàng, 1 tượng gỗ vị thành hoàng làng, 1 bộ bát bửu. Ngoài ra còn có các bức chạm khắc cổ, cây đèn, bát hương cổ, mâm đài.

Lễ hội đầu xuân tại đình mở vào ngày 4 Tết Nguyên đán hằng năm.

Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Hộ Lệnh được xếp hạng di tích Quốc gia tại Quyết định số 04/201/QĐ-BVHTT, ngày 19/1/2001.

HỘ LỆNH

Lễ hội, có từ lâu đời, được tổ chức vào ngày 4/1 Âm lịch hằng năm tại đình làng Hộ Lệnh, thuộc xóm Trung, xã Triều Dương, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình; nay là xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình.

Phần lễ có lễ rước kiệu bát cống và các lễ vật từ trong làng ra đình tế lễ để cầu phúc, cầu tài, cầu yên cho cả làng. Dịp này, các cụ bà lại nhang khói cầu khấn trời phật bên chùa Linh Quang.

Phần hội có các trò chơi dân gian của đám trai làng: đá cầu (đá cầu cướp phết), đấu vật, đánh cờ tướng, hát các điệu dân ca dân dã. Trong các trò chơi, đá cầu là trò chơi đặc trưng của lễ hội này, một trò chơi biểu dương tinh thần thượng võ của người dân Hộ Lệnh.

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Hội Chữ thập đỏ tỉnh Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 964-TCCQ ngày 15/10/1973 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Năm 1997, sau khi chia tách tỉnh Bắc Thái, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên được thành lập. Trụ sở đặt tại số 969 - Đường Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên.

Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên là tổ chức xã hội hoạt động theo pháp luật Việt Nam và quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của phong trào Chữ Thập đỏ và Trăng Lưỡi liềm đỏ quốc tế. Hội có nhiệm vụ: Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên

Chữ Thập đỏ và các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động của Hội (cứu trợ khẩn cấp và trợ giúp nhân đạo, tham gia phòng ngừa, ứng phó thảm hoạ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân dựa vào cộng đồng, vận động hiến máu tình nguyện, hiến mô, hiến bộ phận cơ thể...); Xây dựng tổ chức hội vững mạnh, tuyên truyền các giá trị nhân đạo, vận động xây dựng quỹ hoạt động Chữ Thập đỏ; tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền trong các hoạt động nhân đạo, hợp tác quốc tế về hoạt động nhân đạo.

Bộ máy tổ chức của Hội gồm có: Văn phòng, các ban: Chăm sóc sức khoẻ, Công tác xã hội, Tuyên truyền - Thanh thiếu niên Chữ Thập đỏ và Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh.

Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (2009).

HỘI CƠM HÒM

Truyện cổ dân tộc Kinh vùng Tiên Phong, Phổ Yên: Ngày xưa, vùng Đông Ngàn (gồm cả Phổ Yên ngày nay) là những cánh rừng rậm rạp.

Thời nhà Minh xâm lược, vùng này là căn cứ chống giặc. Giặc Minh nhiều lần mang quân đánh không được do nghĩa quân thoắt ẩn, thoắt hiện trong rừng. Có lần giặc bao vây nghĩa quân mấy tháng liền khiến lương thực cạn dần, bên ngoài không tiếp tế vào căn cứ được. Một bà cụ đi vận động các làng đóng hòm (áo quan), cho lương thực vào bên trong, khiêng vào trong căn cứ bảo đi lấy xác con em chết trận. Vài người khiêng một cỗ hòm trong đó có lương thực, nhờ vậy quân ta có lương thực ăn để đánh giặc. Lợi dụng những chiếc hòm này, anh em nghĩa quân nằm bên trong để khiêng qua vòng vây giặc ra ngoài về căn cứ mới an toàn.

Sau này, Tổng đốc quân Minh ở Đông Ngàn biết sự việc, cay cú hộc máu tươi ra mà chết. Ghi nhớ công lao bà cụ có công với dân, với nước, vua nhà Lê cho lập đền thờ và tục lệ Hội Cơm hòm ở vùng Tiên Phong, Phổ Yên có từ đấy. Ngày nay, vào dịp lễ hội đầu xuân, trong vùng thường tổ chức hội thi cơm hòm để nhớ về công đức người xưa, bảo tồn một tục lệ tốt đẹp chốn làng quê ven sông Cầu.

HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 10/7/1990, trụ sở đặt tại phố Quyết Tiến, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội Cựu chiến binh tỉnh Thái Nguyên là một tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cho ý chí và quyền lợi của cựu chiến binh, hoạt động theo đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Hội có nhiệm vụ: Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; đấu tranh chống mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ của cơ sở, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội; giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, của cán bộ, công chức theo quy định cuả pháp luật; Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh; kiến nghị với cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh; Tập hợp, đoàn kết, động viên cựu chiến binh rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Tập hợp quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ tiếp tục phát huy truyền thống *Bộ đội Cụ Hồ*, v.v...

Bộ máy tổ chức của Hội gồm có Văn phòng và 4 ban chuyên môn: Kinh tế, Tổ chức, Chính sách - Kiểm tra, Tuyên giáo.

HỘI CỰU GIÁO CHỨC TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập tháng 7/2004 theo Quyết định số 734/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại tầng 2, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

Hội Cựu giáo chức tỉnh Thái Nguyên là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân thuộc tỉnh Thái Nguyên gồm những người nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức trong các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục đào tạo. Hội có chức năng nhiệm vụ: Tập hợp, đoàn kết và

đại diện cho tất cả các cựu giáo chức trong tỉnh phát huy tiềm năng, trí tuệ của hội viên để tham gia các hoạt động giáo dục và đào tạo; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, tạo điều kiện để các cựu giáo chức tiếp tục giao lưu tình cảm, nghề nghiệp, chăm sóc, giúp nhau về tinh thần, vật chất, tương trợ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống, giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc, truyền thống tốt đẹp của giáo giới Việt Nam, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Tham gia đề xuất ý kiến với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các trường học, các cơ quan và cơ sở giáo dục - đào tạo về việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục - đào tạo; Phối hợp với các trường học, các cơ sở và các cơ quan giáo dục - đào tạo, các sở, ban, ngành, đoàn thể nhân dân để chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, góp phần thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá giáo dục đào tạo.

HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 102-QĐ/UB ngày 3/6/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 9 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên

Hội có chức năng, nhiệm vụ:

Động viên, giúp đỡ hội viên vượt lên hoàn cảnh để có cuộc sống khoẻ, vui, có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội; Đẩy mạnh các hoạt động nghĩa tình đồng đội, giúp nhau xoá đói, giảm nghèo trong gia đình cựu thanh niên xung phong; Phát huy truyền thống, bản chất thanh niên xung phong, động viên sức lực, trí tuệ, kinh nghiệm tham gia các phong trào thi đua yêu nước do Đảng, Chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương phát động; Cùng Mặt trận, các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; Tích cực tham gia phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Phát hiện các trường hợp tồn đọng về chính sách đối với cựu thanh niên xung phong, giúp chính quyền thẩm định, xác nhận, lập hồ sơ đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tiến hành thu thập thông tin về nơi đồng đội hy sinh, tổ chức đi tìm và quy tập hài cốt về nghĩa trang liệt sĩ...

Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh gồm 9 Hội Cựu thanh niên xung phong huyện, thành, thị trực thuộc Hội cấp tỉnh; 166 hội cơ sở xã, phường, thị trấn trực thuộc hội cấp huyện.

HỘI ĐÔNG Y

Tiền thân là Hợp tác xã Thuốc Nam ra đời tháng 7/1958; đến ngày 15/10/1973, Hội Đông y tỉnh Bắc Thái chính thức được thành lập. Năm 1997, sau khi chia tách tỉnh Bắc Thái, Hội Đông y Thái Nguyên được thành lập. Trụ sở đặt tại Tổ 24, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Hội có chức năng nhiệm vụ: Vận động, tập hợp, đoàn kết những người làm nghề đông y, đông dược hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh bằng đông y; Kế thừa, phát huy, phát triển, bảo tồn di sản văn hoá dân tộc thuộc lĩnh vực đông y, đông dược.

Bộ máy tổ chức của Hội gồm 4 ban (Tổ chức - Hành chính - Chỉ đạo tuyến, Chuyên môn nghiệp vụ, Kinh tế, Kiểm tra) và Trung tâm Kế thừa - Ứng dụng y, dược học cổ truyền.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập đầu năm 1946, từ kết quả cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã. Đây là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ở tỉnh, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân tỉnh Thái Nguyên bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân Thái Nguyên và cơ quan Nhà nước cấp trên. Trụ sở hiện nay đặt tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, UBND, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; việc tuân theo pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở tỉnh Thái Nguyên; chịu sự giám sát và hướng dẫn hoạt động của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, chịu sự hướng dẫn và kiểm tra của Chính phủ trong việc thực hiện các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - LÀO TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 9/1/2009, trụ sở đặt tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội Hữu nghị Việt - Lào tỉnh Thái Nguyên là tổ chức chính trị - xã hội, có chức năng hoạt động đối ngoại nhân dân giữa tỉnh Thái Nguyên với nước bạn Lào, góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào. Hội có nhiệm vụ: Tổ chức tuyên truyền về quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, trong đó có truyền thống hữu nghị, đoàn kết đặc biệt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên với Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào anh em; Giới thiệu, thông tin với bạn Lào về lịch sử, văn hoá, xã hội và những thành tựu trong sự nghiệp đổi mới của nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong những dịp giao lưu, tiếp xúc giữa cán bộ và nhân dân hai nước; Giới thiệu, thông tin đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về lịch sử, con người, nền văn hoá, những thành lựu xây dựng đất nước Lào, mối quan hệ gắn bó truyền thống đặc biệt thủy chung giữa nhân dân hai nước; Làm cầu nối vận động và thúc đẩy quan hệ hợp trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, đào tạo nhân lực, khoa học - công nghệ... giữa tỉnh Thái Nguyên với Lào một cách có hiệu quả thiết thực...

Bộ máy tổ chức của Hội có các ban: Thư kí, Tổ chức - Thi đua khen thưởng, Thông tin - Văn hoá - Thể thao - Du lịch, Kinh tế, Đối ngoại nhân dân và Văn phòng.

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 18/9/2001 theo Quyết định số 3585/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại tầng 2, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

Hội có nhiệm vụ: Làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Khuyến khích và hỗ trợ việc dạy và học trong

nhà trường; Vận động nhân dân tích cực học tập, quan tâm đến những người nghèo, người khuyết tật không có điều kiện học tập và những người có năng khiếu nhằm nâng cao dân trí, nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp để góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên; Liên kết, vận động mọi gia đình và tổ chức xã hội, cùng các cơ sở giáo dục và đào tạo động viên, chăm lo về vật chất và tinh thần đối với các thầy cô giáo, thực hiện sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, học kết hợp với hành, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, v.v...

HỘI LÀM VƯỜN TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Hội Làm vườn tỉnh Bắc Thái được thành lập ngày 23/1/1990 theo Quyết định số 15/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Năm 1997, Hội mang tên Hội Làm vườn tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 622 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Thái Nguyên.

Hội có chức năng, nhiệm vụ: Thống nhất quản lí, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phát triển kinh tế VAC trên địa bàn tỉnh; dạy nghề, tuyên truyền phổ biến và hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào kinh tế VAC; hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể vận động phong trào quần chúng xây dựng kinh tế VAC; tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về những chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm khuyến khích, giúp đỡ kinh tế VAC phát triển; xây dựng, tổ chức hệ thống mạng lưới Hội từ tỉnh đến cơ sở. Bộ máy tổ chức của Hội gồm có Văn phòng Tỉnh hội và Trung tâm dạy nghề VAC Thái Nguyên.

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Tổ Phụ nữ Cứu quốc được thành lập năm 1941. Trụ sở hiện nay đặt tại số 3 - Đường Đội Cấn, thành phố Thái Nguyên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên là một tổ chức chính trị - xã hội, tham mưu và đề xuất với Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế chính sách bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, đồng thời tập trung tuyên truyền, vận động hội viên phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội có 2 chức năng

chính là: Đại diện, bảo vệ quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lí nhà nước; Đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các cấp Hội: Tuyên truyền, vận động, giáo dục phụ nữ giữ gìn, phát huy phẩm chất đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và phụ nữ Việt Nam; tổ chức, tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực về mọi mặt, tích cực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Tập hợp các tầng lớp phụ nữ, phát triển hội viên, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước...

Hội đã được Chủ tịch nước tặng *Huân chương Độc lập hạng Nhì* (2010).

HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở đặt tại số 9 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Tiền thân là Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Bắc Thái được thành lập ngày 1/12/1994. Năm 1997, Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh Thái Nguyên chính thức ra đời trên cơ sở được chia tách từ Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh Bắc Thái.

Hội có chức năng: Tập hợp, đoàn kết, giáo dục mọi tầng lớp thanh niên Việt Nam. Hướng dẫn và tạo điều kiện để hội viên hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân tốt, cống hiến tài năng sức trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp của hội viên và tổ chức thành niên trước pháp luật và công luận.

Nhiệm vụ của Hội là: Đoàn kết, tập hợp các lực lượng thanh niên Việt Nam trong và ngoài nước cống hiến tài năng, sức trẻ cho mục tiêu chung,

khuyến khích hội viên và thanh niên tham gia tích cực vào hoạt động ích nước, lợi nhà, hướng thiện; tổ chức các hoạt động thiết thực, góp phần giải quyết và đáp ứng những nhu cầu chính đáng của hội viên, thanh niên; kêu gọi và kiến nghị kịp thời với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội cùng chăm lo bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên và các tổ chức thành viên; đoàn kết hợp tác với tổ chức thanh niên trong khu vực và trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội vì cuộc sống văn minh, hạnh phúc của tuổi trẻ; thường xuyên chăm lo xây dựng Hội, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, tích cực tham gia xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

HỘI LUẬT GIA TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Hội Luật gia tỉnh Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 250/QĐ-UB ngày 8/11/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 1997, Hội Luật gia tỉnh Thái Nguyên chính thức ra đời trên cơ sở được chia tách từ Hội Luật gia tỉnh Bắc Thái. Trụ sở đặt trong khuôn viên Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên tại số 7 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội Luật gia tỉnh Thái Nguyên là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp nhằm đoàn kết, tập hợp các luật gia đã hoặc đang làm công tác pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức văn hoá, giáo dục, các đơn vị vũ trang nhân dân tự nguyện hoạt động vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân; góp phần vào xây dựng nền khoa học pháp lí, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lí của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội có nhiệm vụ: Tham gia xây dựng pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lí, tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật, kiến nghị với cơ quan Nhà nước những vấn đề xây dựng và thi hành pháp luật; Tham gia phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp

luật trong hội viên, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước và nhân dân; Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lí theo quy định của pháp luật, v.v...

HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM DIOXIN TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 17/4/2006 theo Quyết định số 757/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại phố Quyết Tiến, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội Nạn nhân chất độc Da cam Dioxin tỉnh Thái Nguyên là một tổ chức xã hội đặc thù, có nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp, giáo dục và động viên nạn nhân chất độc da cam chấp hành nghiêm chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khắc phục mọi khó khăn vươn lên; huy động mọi tiềm năng của xã hội để giúp đỡ nạn nhân về vật chất và tinh thần; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho hội viên, đấu tranh với các Công ty hoá chất Hoa Kì đòi công bằng, công lí cho các nạn nhân nhiễm chất độc da cam/dioxin.

Cơ quan Thường trực của Hội ở cấp tỉnh có Văn phòng, Quỹ Nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thái Nguyên.

HỘI NGHỊ HỢP NHẤT HAI TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN - BẮC KẠN

(Tháng 4 - 6/6/1965)

Thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TW, ngày 10/4/1965 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 13, ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn thành tỉnh Bắc Thái, từ ngày 4 đến ngày 6/6/1965, tại thành phố Thái Nguyên, Tỉnh ủy Bắc Cạn và Tỉnh ủy Thái Nguyên họp và quyết định hợp nhất hai Tỉnh ủy thành Tỉnh ủy Bắc Thái, bao gồm Ủy viên Ban Chấp hành hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn (trừ 10 đồng chí nghỉ hưu và chuyển công tác). Hội nghị bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái gồm 11 Ủy viên. Đồng chí Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, do Trung ương điều động tăng cường cho Bắc Thái), được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Việt Vinh (Bí thư Tỉnh ủy Bắc Cạn), được bầu làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Doanh Hằng (nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên), Nguyễn Thế Đạt (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên), được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

HỘI NGƯỜI MÙ TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 4910/QĐ-UB, ngày 19/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt trong khuôn viên Sở Lao động - Thương binh và xã hội, bên trục Đường Phủ Liễn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Hội có chức năng nhiệm vụ: Phát triển tổ chức Hội; chăm lo, giúp đỡ hội viên về vật chất và tinh thần (như: hỗ trợ vay vốn, sửa chữa nhà ở, trợ cấp khó khăn, dạy chữ, dạy nghề, tạo việc làm cho hội viên...).

HỘI NHÀ BÁO TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 218/QĐ-UB ngày 15/6/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, nay là tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 10 - Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên.

Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, trong đó tính chính trị không tách rời tính xã hội và nghề nghiệp. Hội có nhiệm vụ: Lãnh đạo thực hiện Điều lệ, nghị quyết đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và các nhiệm vụ của Hội Nhà báo Việt Nam; Lãnh đạo các chi hội cơ sở và hội viên thực hiện các nghị quyết đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội Nhà báo tỉnh; Phản ánh, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền ở tỉnh về chỉ đạo, quản lí báo chí và tình hình hoạt động báo chí của địa phương; tham gia ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ báo chí (theo quy chế phối hợp)...

Hội Nhà báo Thái Nguyên có 252 hội viên sinh hoạt tại 5 liên chi hội và chi hội: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên, Văn phòng Hội, Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Thái Nguyên, Báo Quân khu I. Giúp việc Thường trực Hội có Văn phòng và các bộ phận Tổ chức - Hành chính, Nghiệp vụ, Công tác hội viên.

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Hội Nông dân Cứu quốc được thành lập năm 1946. Trong giai đoạn 1955 - 1983, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp thay thế vai trò của Hội Nông dân điều hành các hoạt động nông nghiệp. Ngày 9/5/1984, Hội Nông dân tập thể Bắc Thái ra đời. Tháng 1/1997, tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, Hội Nông dân tỉnh Thái

Nguyên được tái lập. Trụ sở đặt tại phố Quyết Tiến, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Thái Nguyên có chức năng: Tập hợp vận động, giáo dục hội viên nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt; Đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết dân tộc; Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; tổ chức các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất và đời sống.

Hội có nhiệm vụ: Tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, hội viên, nông dân hiểu biết về đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị nghị quyết của Hội; khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, lao động sáng tạo của nông dân; Vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên nông dân...

Bộ máy tổ chức gồm có: Văn phòng; các ban: Kinh tế - Xã hội, Tổ chức - Kiểm tra, Tuyên huấn, Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ việc làm nông dân. Hội Nông dân huyện, thành phố, thị xã là các đơn vị trực thuộc.

Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (2010).

HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM TỈNH THÁI NGUYÊN

Là tổ chức chính trị - xã hội của sinh viên Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, thành lập tháng 3/2007 theo Quyết định số 544/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 9 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội có nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp rộng rãi sinh viên trên địa bàn tỉnh cùng phấn đấu học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, góp phần xây dựng quê hương, đất nước; đoàn kết và hợp tác bình đẳng với các tổ chức sinh viên, thanh niên tiến bộ và nhân dân các nước trên thế giới vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Hội đã tập hợp hơn 47.500 trên tổng số gần 85.000 viên sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia các phong trào *Sinh viên học tập, sáng tạo, nghiên cứu khoa học, Sáng tạo trẻ...*; các hoạt động tình nguyện tập trung

theo chiến dịch: *Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Tình nguyện mùa đông, Tiếp sức mùa thi, Tiếp sức đến trường, Hiến máu tình nguyện...*

HỘI TRƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ

Hội trường của Khu I (sau là Liên khu I), xây dựng năm 1947, gồm 20 gian, 8 mái, cột gỗ, lợp gianh nứa, xung quanh be phên nứa, ở xóm Đồng Thu thuộc xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ.

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tiền thân là Hội Văn nghệ Việt Bắc. Ngày 17/1/1987, Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 28/QĐ-BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái. Năm 1997, Hội Văn học Nghệ thuật Thái Nguyên chính thức ra đời trên cơ sở được chia tách từ Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Thái. Trụ sở đặt tại Tổ 17, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội có nhiệm vụ: Tập hợp, bồi dưỡng lực lượng sáng tác, nghiên cứu văn học nghệ thuật có lập trường tư tưởng vững vàng, giàu lòng yêu nước; Phát hiện, bồi dưỡng tài năng, năng khiếu văn học nghệ thuật; Tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ cho văn nghệ sĩ; Giới thiệu, phổ biến các tác phẩm văn học nghệ thuật trong, ngoài tỉnh và tinh hoa văn hoá thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn học, nghệ thuật ngày càng cao của quần chúng nhân dân; Tham mưu, đề xuất, góp ý kiến với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam những chế độ, chính sách về văn hoá, văn nghệ; Chỉ đạo và định hướng các hoạt động văn học nghệ thuật của các hội, chi hội chuyên ngành trực thuộc; Thay mặt giới văn học nghệ thuật của tỉnh phát ngôn, đưa ra các quan điểm về những sự kiện chính trị - xã hội ở địa phương và trong nước...

Hội Văn học Nghệ thuật Thái Nguyên có cơ quan Thường trực Hội gồm: Văn phòng Hội, Ban Công tác hội viên, Báo Văn nghệ Thái Nguyên; 10 chi hội chuyên ngành (Văn xuôi, Thơ, Âm nhạc, Mĩ thuật, Sân khấu, Nhiếp ảnh, Kiến trúc, Văn nghệ dân gian, Lý luận phê bình và Múa); 6 hội, chi hội cơ sở (Hội Văn học Nghệ thuật huyện Định Hoá, huyện Phổ

Yên, thành phố Thái Nguyên, Võ Nhai; Chi hội huyện Đại Từ và chi hội huyện Đồng Hỷ).

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Chi hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số thành lập từ những năm 90 của thế kỷ XX. Ngày 29/1/2008, Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên chính thức ra đời. Trụ sở đặt tại Tổ 17, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những người hoạt động sáng tác, sưu tầm, dịch thuật, nghiên cứu lý luận phê bình, phổ biến và quản lí nhằm giữ gìn, phát huy giá trị văn học nghệ thuật truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, sáng tạo tác phẩm Văn học Nghệ thuật có giá trị về dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần làm phong phú nền văn hoá, văn nghệ Việt Nam.

Bộ máy tổ chức của Hội có Văn phòng và 3 chi hội (Văn học, Nhiếp ảnh - Mĩ thuật, Âm nhạc - Sân khấu) với 60 hội viên.

HỒNG

Núi, khá rộng, có tọa độ: 21°46' vĩ Bắc và 105°32' kinh Đông, kéo dài từ xã Yên Lãng, huyện Đại Từ đến khu vực phía Tây huyện Định Hóa. Đỉnh cao nhất (851 m) nằm ở ranh giới giữa xã Bình Thành và xã Phú Đình. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), vùng Núi Hồng là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân II. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), vùng chân núi Hồng thuộc xã Phú Đình huyện Định hóa là vùng Trung tâm An toàn khu Trung ương (ATK), nơi Hồ Chủ tịch và các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đặt đại bản doanh để lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi.

HỒNG LƯƠNG ĐỨC

Nhà biên kịch, đạo diễn phim tài liệu, tên thường gọi là Lương Hồng; sinh ngày 16/6/1937 tại xã Phù Liễn, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên).

Thuở nhỏ, Lương Hồng học phổ thông tại Thái Nguyên. Năm 1950, được tuyển vào Trường Thiếu sinh quân Việt Nam; học tại Trường Dục Tài Học Hiệu (trường Thiếu sinh quân Việt Nam) ở Quế Lâm, Trung

Quốc (1951 - 1954). Từ năm 1954 đến 1959, học Trường Đại học Sư phạm Maxcơva (Liên Xô cũ), chuyên ngành Văn học Nga...

Ông có nhiều năm công tác tại Đài Truyền hình Việt Nam với vai trò một nhà biên kịch, đạo diễn phim tài liệu và phim ca nhạc truyền hình.

Với quê hương Thái Nguyên, chỉ tính từ năm 1980 đến 2009, Lương Hồng đã viết kịch bản và đạo diễn 19 phim tài liệu và phim ca nhạc; được phát sóng trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên và các địa phương khác. Lương Hồng đã để lại những dấu ấn thành công trong một số bộ phim tài liệu lịch sử về mảnh đất, con người của quê hương mình, như: *Đất và Người Thái Nguyên* (2002), *Danh tướng Lưu Nhân Chú* (2005), *Mặt trời tự sáng* (về danh nhân Dương Tự Minh - 2005), *Thủ lĩnh mặc áo lính* (về Đội Cấn - 2005), *Đất lịch sử lắng hồn dân tộc* (2009)...

HỒNG NGUYÊN THỊ

Nghệ sĩ Ưu tú, nghệ danh Thúy Hồng, nguyên Phó Giám đốc Nhà hát Ca múa dân gian Việt Bắc; quê Cao Bằng; thường trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ, học phổ thông tại Cao Bằng. Từ 1973 đến 1977, học Khoa Múa Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc. Từ 1977 đến 1995, là diễn viên múa Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc. Từ 1995 đến 2000 là Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, và từ 2000 là Phó Giám đốc Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc.

Nghệ sĩ múa Thúy Hồng đã được tặng thưởng nhiều giải *Huy chương Vàng*, *Huy chương Bạc* tại các Hội diễn, Liên hoan Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc và khu vực.

Bà là hội viên Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp Hội Hữu nghị Việt Nam - Rumania.

Bà đã được phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 1997.

HỒNG VI (Đã mất)

Nhà văn, Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên). Tên khai sinh là Vi Văn Hồng, Bút danh: Hà Thúy Slao; sinh năm 1936, mất năm 1997. Dân tộc

Tày, quê xã Đức Long, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; thường trú tại phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Ông là tác giả của khoảng 30 đầu sách, chủ yếu là tiểu thuyết (*Đất bằng, Núi cỏ yêu thương, Thung lũng đá rơi, Tình yêu hai nửa, Người trong ống, Dòng sông nước mắt, Tháng năm biết nói, Gã ngược đời*...).

Ông đã được trao tặng: *Giải thưởng Báo Văn nghệ* - Hội Nhà văn Việt Nam (năm 1971); *Giải thưởng Ủy ban Dân tộc Chính phủ* (năm 1985); *Giải thưởng Nhà Xuất bản Kim Đồng* (năm 1997).

HỒNG VŨ VIỆT (Ma Công Viên, đã mất)

Phó Tư lệnh Quân khu 1 (1988 - 1994), Thiếu tướng (1991), sinh năm 1932, dân tộc Tày, quê quán xã Định Biên; trú quán thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 3/1948, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên Phó Trưởng ban Tác chiến Sư đoàn, Trung đoàn phó, Trưởng phòng Tác chiến, Phó Tham mưu trưởng Quân đoàn, Sư đoàn phó, Sư đoàn trưởng, Phó Tư lệnh Quân khu 1, nghỉ hưu năm 1995; đã được tặng thưởng *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì*, 2 *Huân chương Chiến công hạng Nhì*, *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhất*, 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (Nhất, Nhì, Ba), 3 *Huân chương Chiến sĩ giải phóng* (Nhất, Nhì, Ba).

HỒNG LONG

Chùa, còn gọi là chùa Ông, tên chữ là Hồng Long tự, được xây dựng năm 1905 dưới chân đồi Tăng Sê thuộc phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên ngày nay. Chùa bị phá hủy bởi chiến tranh và đã được khôi phục lại năm Bảo Đại thứ 19 (1944).

Chùa Hồng Long có cấu trúc kiểu chữ ĐINH, gồm nhà tiền đường 3 gian, hậu cung 2 gian, trong đặt nhiều tượng Phật và câu đối chữ Hán. Tam quan được xây mới khá lớn. Phía sau chùa có ngôi đền nhỏ, người dân thường gọi là Cung Mẫu, có kiến trúc kiểu chữ ĐINH gồm nhà tiền bái và hậu cung. Đền thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo, Mẫu Liễu Hạnh, Thánh Gióng, Dương Tự Minh và có bàn thờ ông Bùi Đình Thuật là người có công dựng chùa Hồng Long.

Chùa Hồng Long nằm dưới chân đồi Tăng Sê - nơi một đơn vị nghĩa quân của Đội Cấn dựng "phòng tuyến Gia Sàng", chiến đấu quyết tử với quân Pháp và hi sinh tới người cuối cùng trên trận địa nơi đây.

Di tích lịch sử văn hóa chùa Hồng Long được xếp hạng cấp Tỉnh tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 8/1/2006.

HỒNG TIẾN

Xã thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946, với tên gọi là xã Tiến Bộ; năm 1948 đổi thành xã Hồng Tiến.

Đến thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954), xã Hồng Tiến được chia thành 2 xã Hồng Tiến và Thắng Lợi (từ ngày 1/5/1975 xã Thắng Lợi đổi thành xã Cải Đan, nay là địa bàn các phường Cải Đan và Phố Cò của thị xã Sông Công). Khi đó, xã Hồng Tiến (mới) có dân số 2.955 người. Sau cải cách ruộng đất (cuối năm 1954, đầu năm 1955), xã Hồng Tiến có 575 hộ, với 2.833 nhân khẩu. Cuối năm 1972, xã Hồng Tiến tiếp tục tách một phần đất ra để thành lập thị trấn Bãi Bông.

Xã Hồng Tiến có hình dạng địa lí đặc biệt, giống hình chữ V ngược. Diện tích tự nhiên 18,40 km² (gồm 12,89 km² đất nông nghiệp, 5,39 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (2009) 11.306 người thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Sán Chay, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 15 xóm: Mãn Chiêm, Ngoài, Giếng, Hắng, Yên Mễ, Hanh, Chùa, Hiệp Đồng, Đông Sinh, Ấm, Diện, Thành Lập, Cống Thượng, Liên Minh, Liên Sơn.

HỒNG TIẾN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946, gồm các làng Cầu Đông, Vân Dương Thượng, Vân Dương Hạ, Cống Thượng, An Mễ thuộc tổng Nghĩa Hương và các làng Lợi Xá, Cải Đan thuộc tổng Hoàng Đàm (nay là địa bàn xã Hồng Tiến, thị trấn Bãi Bông của huyện Phổ Yên và các phường Phố Cò, Thắng Lợi, Mỏ Chè, Cải Đan của thị xã Sông Công). Về phía đông, xã Hồng Tiến giáp 2 xã Điềm Thụy và Nga My của huyện Phú Bình ngày nay, phía tây giáp xã Minh Đức ngày nay của huyện Phổ Yên và xã Vinh Sơn ngày nay của thị xã Sông Công, phía nam giáp xã Đồng Tiến (nay là xã Đồng Tiến và xã Đắc Sơn của huyện Phổ Yên), phía bắc giáp các phường Bá Xuyên, Lương

Châu và xã Tân Quang của thị xã Sông Công. Toàn xã có diện tích tự nhiên 36,85 km²; dân số (1954) có 5.605 người.

Sau giảm tô (1953), xã Hồng Tiến được tách thành 2 xã: Thắng Lợi và Hồng Tiến.

HỘT

Núi đá vôi, trên địa phận xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ; có tọa độ: 21°37' vĩ Bắc và 105°52' kinh Đông, đứng tách hẳn các bản làng, khu dân cư. Trong lòng núi có hang động lớn, gọi là động Linh Sơn. Lòng hang rất rộng, có thể chứa được cả ngàn người, khí hậu mát mẻ, thiên nhiên trong lành. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, động Linh Sơn đã là nơi đóng quân, để kho tàng của một số cơ quan, đơn vị bộ đội của tỉnh, Liên khu Việt Bắc.

HỢI CAO THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1905, dân tộc Kinh, quê huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, cư trú tại xã Bá Xuyên, thị xã Sông Công.

Mẹ Cao Thị Hợi có con độc nhất là liệt sĩ Cao Văn Long nhập ngũ năm 1968, hi sinh ngày 25/9/1969 tại mặt trận phía Nam tỉnh Quảng Bình

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Cao Thị Hợi danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HỢP THÀNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Hợp Thành huyện Phú Lương là xã nằm trong An toàn khu (ATK) Trung ương; nơi đặt trụ sở của nhiều cơ quan, đơn vị quân đội (Cục Giao thông - Công binh; Tòa soạn Báo *Quân du kích* - Trung đoàn 151; Chỉ huy sở Bộ Chỉ huy Chiến dịch Trần Hưng Đạo...); nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước (thành lập Trung đoàn Công binh 151 (15/1/1951) - tiền thân của Binh chủng Công binh ngày nay; Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất...). Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc xã Hợp Thành đã chia sẻ khó khăn, tận tình giúp đỡ, một lòng chở che cán bộ, bộ đội; phối hợp chặt

chẽ với các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương bảo vệ an toàn tuyệt đối ATK Trung ương.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Hợp Thành đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

HỢP THÀNH

Nơi tổ chức Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (30/4 - 6/5/1952), do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì.

Vị trí di tích nằm ở xã Hợp Thành, huyện Phú Lương. Đại hội tổng kết kinh nghiệm phong trào thi đua chiến đấu, sản xuất, học tập trong cả nước; lựa chọn được 7 Chiến sĩ thi đua ưu tú nhất đề nghị Chính phủ tuyên dương danh hiệu *Anh hùng* (gồm 4 *Anh hùng Lực lượng vũ trang* là Cù Chính Lan (truy tặng), La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên; 3 *Anh hùng Lao động* là Trần Đại Nghĩa, Ngô Gia Khảm và Hoàng Hanh). Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004).

HỢP THÀNH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Tây huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Ôn Lương, phía đông giáp xã Phủ Lý, phía nam giáp xã Động Đạt, phía tây giáp xã Phúc Lương (huyện Đại Từ). Xã Hợp Thành khi giành chính quyền (4/1945) gồm 7 xã: Ôn Lương Thượng, Ôn Lương Hạ, Mãn Quang, Môn Bình, Ninh Tường, Tân Phán, Phú Khuôn (tương ứng với 3 xã Ôn Lương, Hợp Thành, Phủ Lý ngày nay), thuộc tổng Phủ Lý (đổi là Ninh Tường). Trong kháng chiến, xã Hợp Thành đổi là xã Tam Hợp. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954), xã Tam Hợp lại chia thành 3 xã: Hợp Thành, Tân Thành, Phủ Lý.

Hợp Thành có diện tích tự nhiên 898,54 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 782,25 ha (87,06%), đất phi nông nghiệp 108,03 ha (12,02%), còn lại là đất chuyên dùng; dân số (năm 2009) 2.432 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao sinh sống ở 10 xóm: Bo Chè, Kết Thành, Khuôn Lân, Làng Mon, Làng Mới, Mãn Quang, Phú Thành, Quyết Tiến, Tiến Thành, Tiến Bộ.

Nguồn sống chính của người dân là từ sản xuất nông nghiệp, làm nghề rừng và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Hợp Thành là xã nằm trong An toàn khu Trung ương, có nhiều di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến: Xóm Khuôn Lân là nơi đặt Sở Chỉ huy Chiến dịch Trung Du (Trần Hưng Đạo) Trụ sở Toà báo *Quân du kích*, Cục Bản đồ, Cục Vận tải, Cục Thông tin, Cục Giao thông Công binh; nơi thành lập Trung đoàn 151 - Trung đoàn Công binh đầu tiên của quân đội ta và là tiền thân của Binh chủng Công binh sau này. Đặc biệt, Khuôn Lân là nơi diễn ra Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (từ ngày 30/4 đến 6/5/1952) do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, địa điểm đã được tin xếp hạng di tích Quốc gia (năm 2004)...

HỢP THÀNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 7 xã của tổng Ninh Tường, là: Phủ Lý, Mãn Quang, Môn Bình, Phú Khuôn, Phú Thịnh, Tân Phán, Thái Thịnh. Tính đến thời điểm năm 1954, dân số toàn xã có 2.323 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay.

Về vị trí địa lí, xã Hợp Thành phía bắc giáp huyện Định Hóa, phía đông giáp xã Yên Đổ, phía nam giáp xã Động Đạt, phía tây giáp huyện Đại Từ. Về cơ bản, xã Hợp Thành tương ứng với đất các xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phủ Lý huyện Phú Lương ngày nay.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Hợp Thành nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Trung ương. Đây là nơi đặt cơ quan Cục Dân quân, Cục Công binh, Trạm Quân y, Tòa soạn báo *Quân Du kích*; nơi ra đời Trung đoàn Công binh 151 - Trung đoàn công binh đầu tiên của quân đội ta; là nơi làm việc của Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Chiến dịch Trần Hưng Đạo (12/1950) do Bí thư Đảng ủy kiêm Chỉ huy trưởng Chiến dịch Võ Nguyên Giáp chủ trì. Đặc biệt, bản Khuôn Lân, xã Hợp Thành là nơi tổ chức Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, diễn ra trong các ngày từ 30/4 đến 6/5/1952.

Sau giảm tô (1953), xã Hợp Thành chia thành 3 xã: Hợp Thành, Tân Thành và Phủ Lý.

HỢP THÀNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946, gồm các làng Vạn Phái, Nông Vụ, Hạ Vụ thuộc tổng Vạn Phái, sau sáp nhập thêm xã Long Thành (thành lập năm 1946) gồm các làng của tổng Thượng Vụ (nay là các xã Vạn Phái - vùng đất xã Hợp Thành cũ và Thành Công - vùng đất xã Long Thành cũ). Phía Đông giáp xã Đồng Tiến (nay là các xã Nam Tiến, Đắc Sơn, thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), phía tây và tây nam giáp xã Ngọc Thanh (thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay), phía nam giáp các xã Bắc Sơn, Minh Trí (huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày nay), phía bắc giáp xã Phúc Thuận (nay là các xã Minh Đức và Phúc Thuận, thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Diện tích tự nhiên 43,65 km²; dân số (1954) có 5.240 người.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ngày 16/12/1947, tại làng Nông Vụ, xã Hợp Thành, Trung đội du kích tập trung huyện Phổ Yên đã chặn đánh địch, tiêu diệt 15 tên (phía ta có 1 người hi sinh và 1 người bị thương).

Sau giảm tô (cuối năm 1953), xã Hợp Thành được tách thành 2 xã: Hợp Thành (từ 1/5/1975 đổi tên thành xã Vạn Phái) và xã Thành Công.

HỢP TIẾN

Xã miền núi nằm ở tận cùng khu vực đông nam huyện Đồng Hỷ, có tuyến Tỉnh lộ 269 và đường sắt Kép - Lưu Xá chạy qua; phía bắc giáp xã Liên Minh (huyện Võ Nhai); phía đông giáp 2 xã Xuân Lương, Tam Tiến của huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang); phía nam giáp 2 xã Tân Thành, Tân Kim của huyện Phú Bình; phía tây giáp xã Tân Lợi, một phần xã Cây Thị (huyện Đồng Hỷ).

Diện tích tự nhiên 54,47 km². Dân số (năm 2009) 5.759 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Dao, Kinh, Sán Dìu, Nùng, Tày, Sán Chay, Thái, Mường, Khơ Me và Thổ cư trú ở 10 xóm: Bãi Bông, Bãi Vàng, Cao Phong, Đèo Bụt, Đèo Hanh, Đoàn Kết, Đồn Trình, Hữu Nghị, Mỏ Sắt và Suối Khách. Nguồn sống chính của người dân xã Hợp Tiến là từ sản xuất nông nghiệp. Ngoài các loại cây lương thực và hoa màu là chủ yếu, người dân xã Hợp Tiến trồng nhiều giống vải Thanh Hà, mỗi năm cho sản lượng trên 2.000 tấn quả.

Trên địa bàn xã Hợp Tiến, công trình cấp nước sinh hoạt được xây dựng từ năm 2004 với kinh phí gần 1 tỉ đồng. Đến năm 2009, Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh đã đầu tư hơn 800 triệu đồng để nâng cấp, sửa chữa công trình này.

HUỆ NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, quê xã Hoàng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; thường trú tại xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá.

Mẹ Nguyễn Thị Huệ có con độc nhất (con nuôi) là liệt sĩ Vũ Văn Biên (nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam).

Mẹ Nguyễn Thị Huệ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 908/2002/QĐ-CTN ngày 17/12/2002, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HÙNG ÂU VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, dân tộc Cao Lan; quê xã Sơn Phú, huyện Định Hoá; trú quán quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đồng chí Âu Văn Hùng là phi công lái máy bay MIG-17, được huấn luyện chuyển sang lái máy bay A-37 thu được của địch; từ tháng 2/1978 đến năm 1979, chiến đấu ở biên giới Tây Nam 55 trận, cùng biên đội bắn chìm 11 tàu chiến, 1 phà, phá hủy 6 trận địa pháo, 15 xe quân sự, 7 sở chỉ huy (2 sở chỉ huy chiến dịch, 2 sở chỉ huy sư đoàn, 3 sở chỉ huy trung đoàn), 3 kho hậu cần, 1 trung tâm thông tin, tạo thời cơ cho bộ đội bộ binh và hải quân ta chiến đấu thắng lợi. Đồng chí Âu Văn Hùng đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Quân công hạng Nhì*, 1 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 1 *Huân chương Chiến công hạng Ba.*

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 20/12/1979, đồng chí Âu Văn Hùng đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

HÙNG BÙI KÍNH

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, nguyên giáo viên Trường Trung học phổ thông chuyên Thái Nguyên.

Năm 1963, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Vinh, ông tình nguyện xin dạy học ở tỉnh Thái Nguyên; đầu tiên tại Trường Phổ

thông cấp III Định Hoá, sau đó là Trường Bổ túc văn hoá, rồi Trường Phổ thông cấp III Gang thép...; từ năm học 1974 - 1975, được đề bạt làm Hiệu phó Trường Phổ thông cấp III Đồng Hỷ, trực tiếp dạy môn Toán. Năm học 1978 - 1979, ông được điều động về làm Trưởng khoa Toán - Lí và trực tiếp giảng dạy tại Trường Sư phạm 10+3 Bắc Thái. Từ năm 1991cho đến khi nghỉ hưu, nhà giáo Bùi Kính Hùng làm công tác giảng dạy môn Toán tại Trường Trung học phổ thông chuyên Thái Nguyên; 10 năm đạt *Chiến sĩ thi đua* và giáo viên dạy giỏi. Ông đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Ba*, *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998.

HÙNG DƯƠNG DUY

Nhà giáo Ưu tú, Thạc sĩ, quê xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Hiệu phó Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy; năm 1980, bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Vật lí tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trong nhiều năm, ông được bổ nhiệm làm Trưởng khoa Vật lí, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Dương Duy Hùng có 3 lần đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp Bộ, 1 lần đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* toàn quốc (2008); được tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

HÙNG ĐỖ MẠNH

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội, quê quán xã Liên Khê, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10/1984; nguyên Trưởng ban Trường học, Chánh Văn phòng, Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh Đoàn Bắc Thái, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Thái Nguyên; Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phú Lương, Bí thư Đảng ủy Cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh, Hiệu trưởng

Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên; là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội.

HÙNG NGUYỄN LƯƠNG

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Tên khai sinh: Nguyễn Văn Hùng, quê xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam; thường trú tại phường Quang Trung thành phố Thái Nguyên; nguyên Giảng viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Ôđetxa (Liên Xô cũ) năm 1965, ông tiếp tục làm Nghiên cứu sinh. Năm 1969, trở về nước công tác tại Ủy ban Khoa học Nhà nước. Năm 1972, chuyển về làm công tác giảng dạy tại Khoa Sinh Trường ĐHSP Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên). Tham gia biên soạn nhiều tập Giáo trình Đại học và Cao đẳng; Chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học.

Nhà giáo Nguyễn Lương Hùng nhiều năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*, được trao tặng *Huân chương kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Ba*, *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*, *Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ* cùng nhiều Bằng khen. Năm 1995, ông được phong hàm Phó Giáo sư và đến năm 1996, được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú*.

HÙNG SƠN

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2000 tại địa phận xóm Hùng Sơn, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Cầu dài 14 m, nhịp dài 12 m. Mố cầu được xây bằng đá, dầm bằng thép, tải trọng 2,5 tấn.

HÙNG SƠN

Cuộc nổi dậy của binh lính người Việt trong quân đội Pháp (1892 - 1896).

Bất bình trước chính sách cai trị của thực dân Pháp, cuối năm 1892, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở đồn Hùng Sơn (huyện Đại Từ) dưới sự chỉ huy của Cai Bát, nổi dậy làm binh biến, chiếm đồn, thu vũ khí. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng được nhân dân trong vùng hưởng ứng. Từ một số ít binh lính nổi dậy ban đầu, đến tháng 3/1894, lực lượng khởi nghĩa đã phát triển lên tới 350 người. Dựa vào núi rừng trùng điệp, hiểm trở sườn phía Đông dãy núi Tam Đảo, nghĩa quân Cai

Bát đã kiên cường chiến đấu suốt 4 năm, gây cho quân Pháp nhiều tổn thất nặng nề.

HÙNG SƠN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Xã Hùng Sơn nằm ở vùng trung tâm huyện Đại Từ. Nhân dân Hùng Sơn có truyền thống yêu nước và cách mạng. Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhân dân Hùng Sơn tích cực hưởng ứng cuộc nổi dậy chống thực dân Pháp của nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hùng Sơn đã lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc. Thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhân dân Hùng Sơn đã tự tay phá dỡ 120 ngôi nhà, 2 ngôi chùa. Ngày 27/7/1947, nhân dân và lực lượng vũ trang của xã đã giúp đỡ, bảo vệ, ủng hộ cả tinh thần và vật chất giúp các cơ quan Trung ương tổ chức thành công Ngày thương binh liệt sĩ. Hùng Sơn trở thành nơi khai sinh Ngày Thương binh - Liệt sĩ toàn quốc. Nhân dân Hùng Sơn đã động viên 17 người con lên đường nhập ngũ. Trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, 420 lượt người dân trong xã đã lên đường đi dân công hoả tuyến, vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, lên chiến trường, đóng góp 2.500 kg gạo phục vụ bộ đội ăn no, đánh thắng. Hùng Sơn còn xây dựng được 2 trung đội dân quân, du kích, góp phần cùng các đơn vị bạn hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ quê hương.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22/8/1998, quân và dân xã Hùng Sơn đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

HÙNG SƠN

Một chi nhánh Trường kiêm bị con trai (thời thuộc Pháp), được xây dựng năm 1942 cạnh sân tập Hùng Sơn (sân vận động ngày nay) cho học sinh nam trong toàn huyện học 3 lớp cuối cấp bậc Tiểu học, gồm: Lớp Nhì năm thứ nhất (tiếng Pháp là Cours Moyen l ère année); lớp Nhì

năm thứ hai (tiếng Pháp là Cours Moyen 2 ième année); lớp Nhất (tiếng Pháp là Cours Supérieur), tương đương với lớp 4, 5, 6 hiện nay.

Trường bắt đầu chiêu sinh dạy học từ năm học 1942 - 1943, đến khi có lớp Nhất (lớp cuối cấp) thì Cách mạng tháng Tám thành công, nên chưa kịp tổ chức được kì thi nào đã giải tán.

HÙNG SƠN

Tổng, thuộc huyện Đại Từ; trước năm 1945 có 3 xã, 19 làng, xóm.

Xã Hùng Sơn gồm 3 làng: Tư Hương, Cựu Hương, Sơn Ca;

Xã Mỹ Trạng gồm 3 làng: Tiền Hương, La Yến, Kỳ Linh và 2 xóm: Chùa, Trại.

Xã Yên Rã gồm 1 làng: Đồng Phảng, sau này Yên Rã nhập với Mỹ Trạng thành xã Mỹ Yên;

3 làng trực thuộc tổng: Huy Ngạc (gồm 3 xóm: Đồng Đình, La Nhạc, Cây Thị) sau này nhập vào xã Hùng Sơn; Bình Khang (gồm 2 xóm: Đàm Đục, Trung Hưng), sau này nhập với làng Yên Thuận thành xã Bình Thuận; Yên Huy, sau này nhập vào xã Hùng Sơn. Về cơ bản tổng Hùng Sơn thời kỳ này tương đương với địa phận các xã Hùng Sơn, Bình Thuận, Mỹ Yên và thị trấn Đại Từ ngày nay.

HÙNG SƠN

Trường Sơ học (thời thuộc Pháp) ở Hùng Sơn là trường công được xây dựng khoảng đầu những năm 20 của thế kỷ XX, kinh phí xây dựng và lương giáo viên do ngân sách nhà nước cấp.

Trường thường có 3 thầy giáo dạy khoảng 40 đến 45 học sinh của cả tổng. Là ngôi trường to nhất huyện với ba gian lợp ngói, đặt cạnh với sân tập của lính (sân vận động thị trấn Đại Từ hiện nay). Hằng năm, ngôi trường này còn dùng cho học sinh cả phủ đến đây thi lấy bằng Sơ học yếu lược (tương đương với hết lớp 3 hiện nay).

HÙNG SƠN

Xã miền núi của huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Tiên Hội, phía đông bắc giáp xã Tân Linh, phía đông nam giáp xã Hà Thượng, phía tây nam giáp thị trấn huyện lị. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, Hùng Sơn là 1 trong 6 xã, phường (xã Hùng Sơn, Yên Bằng, Huy Ngạc, Yên Giã, Mỹ Trạng và phường Thủy cơ) của tổng Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Theo sách

Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ, khoảng năm 1927, Hùng Sơn là 1 trong 7 làng (Bình Khang, Huy Ngạc, Hùng Sơn, Mỹ Trạng, Yên Huy, Yên Giã, Tiên Sơn) của tổng Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Sau Cách mạng tháng Tám, làng Hùng Sơn thành xã Hùng Sơn. Năm 1946, thực hiện chủ trương hợp nhất một số xã nhỏ thành xã lớn, xã Hùng Sơn lại trở thành 1 trong 5 làng của xã Hùng Sơn. Năm 1953, xã Hùng Sơn chia thành 3 xã: Hùng Sơn, Tân Thái, Bình Thuận. Năm 1958, xã Hùng Sơn cắt một số xóm để thành lập thị trấn huyện lị Đại Từ.

Hiện nay, Hùng Sơn gồm 17 xóm: từ Xóm 1 đến Xóm 18 (trừ số 13). Diện tích tự nhiên là 12,5 km², dân số (năm 2009) 8.859 người (4.305 nam, 4.554 nữ) thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Sán Dìu, Sán Chay, Dao, Hoa, Thái, Ngái, Mường. Hùng Sơn có nhiều điểm di tích lịch sử: Xóm Cầu Thành là nơi ngày 2/3/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với đông đảo cán bộ, nhân dân trong xã về việc xây dựng phong trào hợp tác xã nông nghiệp; xóm Bàn Cờ là nơi công bố Ngày thương binh, liệt sĩ toàn quốc 27/7/1947.

Là xã An toàn khu của Trung ương, quân và dân Hùng Sơn đã có những đóng góp to lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. Hòa bình lập lại (1954), Hùng Sơn đi đầu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 1955, xã được Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo xây dựng thí điểm 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp: Cầu Thành, Sơn Tập, Xóm Gò. Đây là 3 hợp tác xã đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, Hợp tác xã Cầu Thành đạt nhiều thành tích xuất sắc, là điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng hợp tác xã giai đoạn 1958 - 1965. Đồng chí Trương Văn Nho, Chủ nhiệm hợp tác xã được phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*.

HÙNG SƠN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở sáp nhập 5 làng: Hùng Sơn, Bình Khang (nay thuộc Bình Thuận), Huy Ngạc (nay thuộc xã Hùng Sơn), Yên Giã, Mỹ Trạng (2 làng này sau nhập lại thành xã Mỹ Yên ngày nay) của tổng Hùng Sơn.

Sau giảm tô (1953), xã Hùng Sơn tách thành 3 xã: Tân Thái, Hùng Sơn, Bình Thuận.

HÙNG SƠN

Hợp tác xã trồng và chế biến nấm, được thành lập ngày 13/10/2009. Cơ sở đặt tại Khu tái định cư Nam Sông Công, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

Hợp tác xã kinh doanh các ngành nghề: Sản xuất và chế biến các loại nấm ăn, nấm dược liệu...; mỗi năm sản xuất bình quân 70 - 80 tấn nấm các loại, có năm đạt đến 120 tấn; doanh thu từ tiêu thụ nấm đạt 1,8 đến 2,2 tỉ đồng/năm. Sản phẩm cung cấp cho thị trường Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận như Hà Nội, Tuyên Quang...

Hợp tác xã đã được trao tặng *Huy chương Vàng* và danh hiệu *Thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng về sản phẩm nấm Sò Tươi* theo Quyết định khen thưởng số 734/QĐ-LHH, ngày 30/12/2010 của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Việt Nam.

HÙNG VƯƠNG

Đình, do những gia đình quê gốc làng Nam Cầu, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam lên định cư (chủ yếu làm nghề mộc) ở tỉnh lị Thái Nguyên dựng năm 1929, tại khu phố Đệ Nhị, nay thuộc tổ 7, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Đình xưa gồm 3 gian, tường xây bít đốc, mái lợp ngói tây, rộng khoảng 54 m^2 và một gian hậu cung khoảng 8 - 9 m^2. Hậu cung xây bệ, thờ Đức Thánh Hiền; về sau, dân chúng xin chân hương từ đền Hùng (Phú Thọ) về thờ Hùng Vương. Từ cuối những năm 50 đến những năm 80 thế kỷ XX, đình là nơi mở lớp vỡ lòng, làm trạm xá, làm lớp mẫu giáo của Khu phố (nay là phường) Trưng Vương.

Gần đây, đình Hùng Vương đã được tôn tạo khang trang.

HUỐNG THƯỢNG

Cầu treo, bắc qua sông Cầu nối liền xóm Bầu, xã Huống Thượng (huyện Đồng Hỷ) với tổ 23, phường Túc Duyên (thành phố Thái Nguyên). Thời trước, nơi đây là bến đò; sau đó được thay bằng cầu phao để phục vụ việc đi lại của nhân dân và chuyên chở hàng hoá. Từ khi có

cầu phao, việc đi lại của nhân dân có nhiều thuận lợi hơn, nhưng cũng chỉ dành cho người đi bộ và các loại xe thô sơ.

Năm 1982, Ủy ban nhân dân tỉnh cho khởi công xây dựng cầu treo thay thế cầu phao. Đến năm 1985, việc xây dựng cầu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Cầu có tải trọng 1 tấn.

Dù đã được tu sửa một số lần (vào các năm 1991, 2001), nhưng đến nay, cầu treo Huống Thượng đang trong tình trạng xuống cấp; mặt sàn cầu có nhiều chỗ xộc xệch mỗi khi xe các loại chạy qua, đầu cáp chủ gắn với neo cầu không được bảo quản đúng quy định, bị chôn vùi trực tiếp trong đất gây han rỉ có nguy cơ đứt neo, đứt cáp làm sập cầu.

HUỐNG THƯỢNG

Chợ, được hình thành từ thế kỷ XVIII; là nơi buôn bán sầm uất. Mặt hàng trao đổi chủ yếu là các loại lâm, thổ sản. Hàng hoá từ nơi đây được các thương nhân thu mua rồi chuyển về xuôi. Ngược lại, từ miền xuôi, các thương nhân chuyển hàng hoá, chủ yếu là thực phẩm và hàng tiêu dùng, lên bán cho nhân dân địa phương.

Việc trao đổi mua bán hàng hoá giữa hai miền xuôi, ngược tại chợ đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của huyện Đồng Hỷ lúc đó nói chung và xã Huống Thượng nói riêng.

HUỐNG THƯỢNG

Tổng, đầu thế kỷ XIX đến đời vua Đồng Khánh nhà Nguyễn (1885-1888), thuộc huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, gồm 4 xã: Huống Thượng, Linh Nham, Đồng Bẩm, Phổ Lý và phường Thủy Cơ, bến Huống Thượng. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (đời vua Thành Thái nhà Nguyễn), tổng Huống Thượng có nhiều thay đổi về địa lí hành chính. Năm 1901, xã Phổ Lý tách khỏi tổng Huống Thượng, nhập vào tổng Vân Hán mới lập. Tổng Huống Thượng cũng lập thêm các xã: Đồng Giang (từ phần đất phía tây xã Đồng Bẩm), Huống Trung (lập mới từ phần đất phía bắc xã Huống Thượng và phần đất phía nam xã Linh Nham).

Đến năm 1945, tổng Huống Thượng gồm 5 xã: Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nham, Đồng Bẩm và Đồng Giang; phía bắc giáp tổng Hóa Thượng, phía đông giáp tổng Bảo Nang và tổng Vân Hán, phía nam giáp tổng Bảo Nang, phía tây giáp sông Cầu, đối diện với tổng Túc Duyên.

Xã Huống Thượng và xã Huống Trung tương ứng với địa phận xã Huống Thượng ngày nay. Xã Linh Nham là xã Linh Sơn ngày nay. Hai xã Đồng Bẩm và Đồng Giang tương ứng với địa phận xã Đồng Bẩm (thành phố Thái Nguyên) và phần phía nam thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ ngày nay.

Tổng Huống Thượng có núi Hột, trên núi có động Linh Sơn (Hang Dơi) được người dân làm chùa thờ Phật từ xa xưa, và cũng là một nơi danh thắng của tỉnh Thái Nguyên. Từ năm 1835 (năm Minh Mệnh thứ 16), đến đầu thế kỷ thứ XX, lị sở huyện Đồng Hỷ đặt ở xã Huống Thượng, tổng Huống Thượng.

HUỐNG THƯỢNG

Xã miền núi nằm ở khu vực Tây Nam huyện Đồng Hỷ, đã từng là lị sở của huyện từ năm 1835 đến đầu thế kỷ XX; cách trung tâm thành phố Thái Nguyên khoảng 3km về phía tây. Phía bắc giáp xã Linh Sơn; phía đông giáp xã Nam Hoà; phía nam giáp xã Đồng Liên (huyện Phú Bình) và phường Cam Giá (thành phố Thái Nguyên); phía tây là các phường Túc Duyên và Gia Sàng, Cam Giá (thành phố Thái Nguyên) với ranh giới tự nhiên là dòng sông Cầu. Diện tích tự nhiên 9,2 km²; trong đó, diện tích đất nông, lâm nghiệp chiếm 70,35 %. Toàn xã có khoảng 100 quả đồi, gò đất với độ cao trung bình khoảng 20 m. Bao quanh xã là các dòng sông Cầu, sông Ngòi Chẹo, ngòi Giăng và sông Đào, tạo thành ranh giới tự nhiên với các xã lân cận. Bên trong xã có các dòng suối (hoặc ngòi) nhỏ.

Trong tiến trình lịch sử, địa giới xã Huống Thượng đã nhiều lần thay đổi. Đầu thế kỷ XIX, Huống Thượng là một trong 5 xã, phường thuộc tổng Huống Thượng, huyện Động Hỷ, phủ Phú Bình. Năm 1910, chính quyền thực dân Pháp cắt một phần đất xã Huống Thượng và một phần đất xã Linh Nham để thành lập xã Huống Trung. Cuối năm 1945, 4 xã Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nham và Đồng Bẩm được sáp nhập thành xã Đồng Tiến; xã Huống Thượng (cũ) gọi là thôn Phương Thượng. Năm 1953, xóm Giáng cắt chuyển về xã Thái Ninh, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), xóm Đồng Tâm về xã Đồng Liên, huyện Phú Bình. Năm 1956, khu vực Đồng Cỏ - Hoàng Gia về xã Nam Hoà.

Ngày 7/4/1967, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 136-NV về việc đổi tên các xã trong tỉnh. Theo đó, xã Đồng Tiến đổi tên thành xã Huống Thượng như trước. Song, trên thực tế, tên xã Đồng Tiến vẫn tồn tại đến đầu năm 1976. Từ giữa năm 1976, tên xã Huống Thượng mới hoàn toàn chính thức được ghi trong văn bản và con dấu của các cơ quan Đảng, chính quyền xã.

Xã Huống Thượng hiện nay có 10 xóm: Bầu, Cậy, Đảng, Già, Gò Chè, Hóc, Huống Trung, Sộp, Thông và Trám. Tính đến năm 2010, xã Huống Thượng có 5.673 người thuộc 8 thành phân dân tộc: Kinh, Tày, Sán Dìu, Nùng, Dao, Sán Chay, Hoa, Mường. Nguồn sống chính của cư dân xã Huống Thượng là từ sản xuất nông nghiệp.

Trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) và chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc (1978 - 1979), xã Huống Thượng có trên 1.100 lượt người nhập ngũ; có 103 bộ đội,du kích, tự vệ và dân công đã anh dũng hi sinh, được công nhận là liệt sĩ; nhiều người là thương, bệnh binh, là nạn nhân chất độc da cam...

Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho các tập thể và cá nhân trong xã 1.657 Huân, Huy chương các loại (trong đó có 1 *Huân chương Độc lập*, 9 *Huân chương Quân công*...). Hơn 70 gia đình được Chính phủ tặng *Bảng vàng Danh dự*.

HUỐNG TRUNG

Cầu phao, được lắp đặt năm 2002 bắc qua sông Cầu, nối liền xóm Huống Trung, xã Huống Thượng (huyện Đồng Hỷ) với xóm Dân Tiến, phường Túc Duyên (thành phố Thái Nguyên). Thời trước, nơi đây là bến đò chở người và hàng hoá qua sông.

HUỐNG TRUNG

Đình, được dựng khoảng năm 1910, thuộc xã Huống Trung, tổng Huống Thượng, nay là xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Năm 1910, chính quyền thực dân Pháp cắt một phần đất xã Huống Thượng và một phần đất xã Linh Nham để thành lập xã Huống Trung. Vì vậy, các chức sắc cùng với một số hộ trong xã Huống Trung đã góp công, góp của xây dựng đình.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đình Huống Trung bị phá một phần. Đến những năm 60 của thế kỷ XX, ngôi đình bị phá dỡ hoàn toàn. Năm 2009, đình được xây dựng lại, hoàn thành ngày 5/5/2010.

Đình thờ Cao Sơn Quý Minh đại vương Dương Tự Minh người làng Quan Triều, phủ Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã có công giúp vua Lý ở thế kỷ XII giữ gìn, bảo vệ một vùng biên cương phía bắc nước Đại Việt được gả 2 công chúa là Diên Bình (1127); Thiều Dung (1144), phong làm Thủ lĩnh phủ Phú Lương, Phò mã lang cai quản một vùng đất rộng lớn "thượng tự Đu, Đuổm, hạ chí Lục Đầu" tương đương với vùng Chiến khu Việt Bắc (cũ)".

HUỐNG TRUNG

Nhà thờ Giáo họ, được xây dựng năm 1924, trên núi Bụt thuộc địa phận xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ. Do trình tường đất, bị sụp đổ; sau đó được dựng lại bằng gỗ.

Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, ta đã phá một phần tam quan nhà thờ. Năm 1952, nhà thờ được sửa chữa và đến năm 1964, được xây lại bằng gạch, rộng hơn trước.

Trong những năm gần đây, nhà thờ Huống Trung tiếp tục được tu bổ ngày một khang trang. Năm 2009, nhà thờ Giáo họ Huống Trung có 720 tín đồ Công giáo.

HUY NGẠC

Cầu, được xây dựng tại Km 152+100 - Quốc lộ 37, bắc qua sông Công, thuộc địa phận xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1917, khi thực dân Pháp mở rộng Quốc lộ 13 (nay là Quốc lộ 37), cầu Huy Ngạc qua sông Công được xây dựng với 2 mố bê tông cốt thép, dầm và thành cầu bằng thép, mặt lát ván gỗ tấm, rộng đủ để các loại xe ô tô qua lại. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, quân và dân ta phá sập cầu Huy Ngạc để ngăn chặn bước tiến quân thù. Sau ngày hoà bình lập lại (1954), cầu Huy Ngạc được xây dựng lại bằng thép, mặt cầu lát ván gỗ tấm.

Năm 2006, cầu Huy Ngạc được đầu tư xây dựng kiên cố, có chiều dài 125,1m, rộng 12 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 11m, kết cấu nhịp

120m bằng bê tông cốt thép dự ứng lực, mố M1và M6, móng bê tông, thân bê tông, trụ TT, T1-T1; tải trọng thiết kế H30 - Xb80, tải trọng hiện tại 30 tấn.

HUY NGẠC

Bến phà nằm trên Quốc lộ 13A (nay là QL 37), nối hai bờ sông Công đoạn cầu Huy Ngạc, thị trấn huyện lị Đại Từ đi xã Hà Thượng. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, ta phá cầu Huy Ngạc để ngăn chặn bước tiến của quân thù. Trước yêu cầu vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm cho các chiến trường, năm 1952 ta khôi phục tuyến Quốc lộ 13A và xây dựng bến phà này.

Phà Huy Ngạc được đóng bằng gỗ, tải trọng khoảng 5 tấn, hoạt động đến năm 1954.

HUYỆN

Hang đá tự nhiên ở xóm Làng Tràng, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai. Hang có chiều dài 300 m, rộng từ 9 m đến 25 m, gồm 2 tầng hang. Diện tích khoảng 10.200 m². Tầng 1 rất rộng, mặt bằng xây bằng xi măng, cuối hang có bể chứa nguyên liệu, bên cạnh là đường goong để đưa vật liệu lên xuống; bên trái là cầu thang dẫn lên tầng 2. Từ đây vào sâu bên trong có một dòng suối ngầm, nước chảy rất mạnh. Bên cạnh suối có cầu thang dẫn lên bể nước cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Bên trái đường dẫn vào suối là một cửa hang thông gió, đứng từ đây có thể nhìn về trung tâm xã Tràng Xá. Ngoài cửa hang được kè bằng bê tông, có bậc lên xuống. Trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Tổng đội 208 Gang thép - đơn vị 9303 đã đóng tại hang để sản xuất súng đạn, cung cấp cho chiến trường.

Hang Huyện có nhiều nhũ đá rất đẹp có trở thành điểm du lịch rất hấp dẫn du khách...

HUYỆN

Chợ, hình thành từ lâu đời, tại làng Lợi Xá - huyện lị Phổ Yên. Chợ họp mỗi tháng 6 phiên, hàng hoá chủ yếu là các loại nông, lâm, thổ sản của địa phương. Bên cạnh chợ có những gian hàng quà bánh, như quán bán bánh đa, chè đỗ đen, xôi nếp, rượu trắng, thuốc lào... cho quan lại và binh lính thường xuyên ra ăn, uống.

Về sau, do xa đường cái quan (Quốc lộ 3) nên chợ Huyện Lợi Xá lại được chuyển ra địa điểm mới ở Phố Cò, nên được gọi là chợ huyện Phố Cò (hay chợ Phố Cò). Sau ngày toàn quốc kháng chiến, máy bay Pháp thường xuyên bay qua nhòm ngó, uy hiếp, nên chợ ngừng hoạt động.

HUYỆN ĐỊNH HÓA: LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC (1945 - 2000)

Sách do Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo nội dung và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo biên soạn. Biên soạn: Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), Nguyễn Thị Hương Canh, Dương Đình Cường, Vũ Thanh Khôi, Nguyễn Đức Thọ; Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Hóa xuất bản năm 2007; in 500 cuốn, bìa cứng, khổ 14,5 cm x 20,5 cm, dung lượng 420 trang và bản đồ, ảnh minh họa. Ngoài phần *Kết luận* và *Phụ lục*, nội dung cuốn sách gồm 5 chương (Chương I: *Quê hương, con người và truyền thống đấu tranh vũ trang*. Chương II: *Quân và dân huyện Định Hoá kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946 - 1954*. Chương III: *Quân và dân huyện Định Hoá kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 - 1975*. Chương IV: *Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Hoá xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 2000*).

HỨA NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1885, dân tộc Kinh, quê xã An Đông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trú quán tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Hứa có con độc nhất là liệt sĩ Doãn Công Canh, hi sinh ngày 15/4/1952 tại quê nhà.

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Hứa danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

HƯNG CHU QUỐC

Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh (tên khai sinh: Chu Văn Choóng), sinh năm 1903, quê xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, tham gia cách mạng năm 1937, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1938; cán bộ Lão thành cách mạng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban

Hành chính tỉnh Thái Nguyên (6/1959 - 7/1965). Đã từ trần tại huyện Võ Nhai.

Đồng chí đã được tặng, truy tặng: *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Hồ Chí Minh, Bằng Có công với nước.*

HƯNG VŨ

Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Ủy ban Hành chính tỉnh (tên khai sinh: Vũ Văn Uyển, tên khác: Đỗ Văn Đoài, Hai Cao), sinh năm 1901, dân tộc Kinh, quê tổng Yên Khê (nay là xã Tiên Minh, huyện Duy Tiên), tỉnh Hà Nam; tham gia cách mạng năm 1929, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, cán bộ Lão thành cách mạng, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên (1953 - 5/1955). Đã từ trần tại huyện Định Hóa.

HƯƠNG ẤP

Chùa, xưa gọi là Hương Ấp tự, được dựng từ lâu đời trên quả đồi cao khoảng 40 m so với mặt ruộng xung quanh thuộc làng Cổ Pháp, tổng Tiên Thù, nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

Chùa Hương Ấp được xây dựng lại nhiều lần bằng đá ong trên nền chùa cũ. Hiện tại, chùa chính có 3 gian lợp ngói mũi, trong chùa có tượng Phật A di đà, Thích Ca... Bên trái có 3 gian nhà tổ thờ Mẫu và để các đồ dùng tế tự hoặc sắp lễ dâng cúng tại chùa. Bên phải có 1 nhà nhỏ 3 gian, trong thờ tượng vị Pháp Tổ thiền sư, người đã có công nuôi dạy "Chú tiểu" Lý Bí những ngày thơ ấu. Thấp hơn một chút nữa là nhà tiếp khách và là nơi thờ tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chùa Hương Ấp là di tích Phật giáo liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Lý Bí, người anh hùng dân tộc đã có công lãnh đạo nhân dân đánh đổ ách thống trị của phong kiến nhà Lương, xây dựng nước Vạn Xuân độc lập ở giữa thế kỷ VI, làm rạng danh cho dân tộc Việt Nam.

HƯƠNG SƠN

Chùa, tên gọi trước đây là chùa Cam Giá, được dựng từ lâu đời trên khu đất làng Cam Giá, tổng Cam Giá, huyện Đồng Hỷ; nhưng đã bị hủy hoại hoàn toàn, chỉ còn nền và một số cây cổ thụ, trong đó có một cây họ chè trên 200 tuổi.

Năm 1985, phần đất có ngôi chùa cổ được tách ra khỏi làng (xã) Cam Giá để thành lập phường Hương Sơn thuộc thành phố Thái Nguyên. Nhân dân quanh vùng góp công, góp của xây ngôi chùa mới, gọi là chùa Hương Sơn, trên nền chùa cũ, gồm 3 gian.

Chùa mở lễ vào ngày 10/1 Âm lịch hằng năm.

HƯƠNG SƠN

Đình và nghè, được dựng từ lâu đời trên khoảng đất rộng chừng 500 m² thuộc xã Cam Giá, tổng Cam Giá, huyện Đồng Hỷ, nay là xóm An Ninh, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

Đình và nghè Hương Sơn đã bị đổ nát từ lâu. Dấu tích đình và nghè chỉ còn lại nền móng, 2 tấm bia đá, những chữ trên mặt bia đã quá mòn không thể đọc được.

HƯƠNG SƠN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Thị trấn Hương Sơn là trung tâm chính trị - văn hoá - kinh tế của huyện Phú Bình. Nhân dân thị trấn có tinh thần đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, giàu truyền thống đấu tranh cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân thị trấn Hương Sơn tiếp đón và giúp đỡ đồng bào tản cư đến từ các tỉnh miền xuôi; đón nhận chăm sóc thương binh; động viên 186 thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường, trong đó có 17 người là liệt sĩ, 28 người là thương, bệnh binh; đóng góp lương thực, thực phẩm chi viện tiền tuyến...

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Hương Sơn đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

HƯƠNG SƠN

Phường, ở khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên, được thành lập năm 1981, trên cơ sở sáp nhập 2 tiểu khu Bình Dân và Hương Sơn (năm 1962 về trước là xóm Bình Dân và xóm Ao Sen của xã Cam Giá);

phía bắc giáp phường Cam Giá, phía đông nam giáp xã Lương Sơn, phía đông giáp sông Cầu, phía tây giáp phường Trung Thành, phía tây nam giáp phường Tân Thành.

Diện tích tự nhiên 3,06 km², dân số (năm 2009) 10.869 người thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Mường, Khơ Me cư trú ở 37 tổ dân phố. Tuyến Quốc lộ 37 (cũng là đường nội thị Cách Mạng Tháng Tám) chạy qua theo trục đông - tây, tạo ra ranh giới tự nhiên với phường Trung Thành. Tuyến đường sắt Lưu Xá - Kép chạy ngang phía Bắc, cũng là ranh giới tự nhiên với phường Cam Giá.

Trên địa bàn phường có Nhà Văn hóa công nhân, Khu tập thể công nhân, Nhà khách, Trường Trung học phổ thông Gang thép, Trung tâm Giáo dục lao động thành phố Thái Nguyên, v.v...

HƯƠNG SƠN

Thị trấn huyện lị Phú Bình; phía đông giáp xã Tân Hòa, Lương Phú, phía tây giáp xã Xuân Phương, phía nam giáp xã Kha Sơn, phía bắc giáp xã Tân Kim. Thị trấn là nơi đặt trụ sở làm việc của các cơ quan huyện: Hội đồng nhân dân, UBND, Huyện ủy, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án, Chi cục Thuế, v.v...

Diện tích tự nhiên 1.030,33 ha. Dân số (năm 2009) 7.394 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Giáy cư trú ở 4 tổ dân phố: 1, 2, 3, 4 và 15 xóm: Tây, Giữa, Đông, La Sơn, Hoà Bình, Thơm, Nguyễn 1, Nguyễn 2, Mỹ Sơn, Thi Đua 1, Thi Đua 2, Quyết Tiến 1, Quyết Tiến 2, Đoàn Kết, Trúc Sơn. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Thị trấn Hương Sơn có truyền thống cách mạng; có di tích lịch sử văn hoá: đình - chùa Úc Sơn, đình - chùa Làng Nguyễn (đã được xếp hạng cấp Tỉnh), dốc Bái Đình. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đình Làng Nguyễn là nơi đóng quân của nhiều đơn vị quân đội.

HƯƠNG TRÚC

Chùa, thờ Phật, Mẫu nơi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân địa phương, đặt tại xóm Táo Núi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

Chùa nằm trên lưng chừng đồi, mặt nhìn về hướng đông nam, kết cấu hình chuôi vồ với gian tiền đường rộng 20 m², gian hậu cung rộng 5 m², mái lợp ngói vẩy rồng.

Hiện vật cổ còn lại tại chùa gồm 1 tấm bia có tên *Tạo bi tộc ký*, 5 pho tượng Phật, 2 bát hương.

HƯƠNG TRÚC

Đình, được dựng từ lâu đời trên một quả đồi ở xóm Táo Núi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình kiến trúc hình chuôi vồ, gồm 3 gian tiền tế (mới được xây dựng lại năm 1993) và 1 gian hậu cung, mái lợp ngói vẩy rồng. Hiện vật cổ còn lại gồm 1 sắc phong đã mục nát không rõ chữ, 1 bài vị, 1 kiệu bát cống, 10 cái chấp chính,...

Lễ hội được tổ chức hằng năm ở đình trước đây vào ngày 20/1, nay là ngày 6/1 Âm lịch.

HỰU TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1912, quê Mỹ Xá, tỉnh Nam Định; thường trú tại thôn Thanh Quang, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

Mẹ Trần Thị Hựu có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Lưu (nhập ngũ năm 1964, hi sinh năm 1970 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định truy tặng mẹ Trần Thị Hựu danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

KÈ

Đình, được dựng vào cuối thế kỷ XIX tại thôn Linh Sơn, xã Lương Sơn (nay là phường Lương Sơn, thị xã Sông Công); là nơi thờ Quốc công Dương Tự Minh. Đình gồm 3 gian xây gạch nung, lợp gianh héo.

Đình bị chiến tranh phá hủy năm 1950. Năm 1994, nhân dân trong xã Lương Sơn đã góp công, góp của xây dựng lại. Theo tục lệ, hằng năm đình mở lễ hội vào hai ngày 15 và 16/1 Âm lịch.

KẺM

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Kẻm, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương;

Đình là nơi thờ thành hoàng làng là Cao Sơn, Quý Minh (hai thuộc tướng của Hùng Vương). Đình gồm 3 gian, 2 chái, cột và bộ khung mái

bằng gỗ, mặt sàn lát ván gỗ. Năm 1951, Hồ Chủ tịch về nói chuyện với cán bộ cấp huyện, cấp xã của huyện Phú Lương và nhân dân xã Yên Đổ về chính sách thuế nông nghiệp tại đình Kẻm. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đình Kẻm bị hư hỏng nặng. Sau năm 1975, nhân dân địa phương đã tôn tạo, thu nhỏ ngôi đình còn 2 gian đứng, dài 8,5m, rộng 4,8m, cột gỗ, mái lợp lá cọ.

Hiện vật đình Kẻm còn giữ được gồm có: 1 sắc phong ngày 11/8/1908 (năm Duy Tân thứ 3), 1 sắc phong ban ngày 25/7/1924 (năm Khải Định thứ 9), 1 hòm đựng sắc phong, một số bát hương gốm men da lươn có dòng chữ Hán *Thượng đẳng tối linh*, 2 cây đèn gỗ và 1 chiếc bàn gỗ là hiện vật liên quan đến buổi nói chuyện của Hồ Chủ tịch với cán bộ, nhân dân Phú Lương cuối tháng 11/1951.

KEO CƯỚM

Hang đá tự nhiên nằm trên dãy núi đá thuộc xóm Na Hiên, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương.

Hang Keo Cướm xuyên thông trái núi theo hướng đông - tây; cả hai cửa hang ở hai phía (đông và tây) đều đã gia cố bằng xi măng, đá hộc để lắp hệ thống cửa bảo vệ kiên cố. Nền hang trát phẳng bằng vữa xi măng vững chắc. Từ phía cửa đi vào lòng hang có bậc xây xi măng. Trên vách và nóc hang, có nhiều nhũ đá đẹp. Từ năm 1952 đến khi hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954), hang Keo Cướm là nơi ở và làm việc của cơ quan Cục Vận tải. Trong những năm 1966 - 1977, hang là nơi sơ tán của Nhà máy Quân giới Z159. Hang Keo Cướm còn tương đối nguyên vẹn và là một hang động đá vôi đẹp nhất trong quần thể các hang động ở xã Yên Trạch, một thắng cảnh của huyện Phú Lương.

KÉPLE (KEPPLER)

Đồn điền của chủ người Pháp, có diện tích 2.850 ha, nằm trên địa phận xã Đồng Quang, huyện Đồng Hỷ (nay là địa phận các phường Đồng Quang, Thịnh Đán, một phần phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên).

Chủ đồn điền người Pháp áp dụng phương thức phát canh thu tô. Ruộng đất trong đồn điền được chia làm 3 loại để thu tô. Loại 1 nộp 8 phương/mẫu (1 phương tương đương 20 kg thóc), loại 2 nộp 6 phương và loại 3 nộp 3 phương. Đồn điền chủ yếu trồng lúa. Trong những năm

khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), đồn điền rơi vào tình trạng khó khăn, Képle cho thí nghiệm trồng chè và cà phê. Sản lượng hằng năm đạt khoảng 2 tấn. Nhưng vì thiếu vốn nên công việc thí nghiệm bị hạn chế.

Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, nhân dân các xã Đồng Quang, Túc Duyên kéo vào đồn điền Képle phá kho thóc chia cho dân nghèo. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồn điền này đã bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho nông dân nghèo.

KẾ NGÔ ĐỨC

Nhà chí sĩ yêu nước đầu thế kỷ XX, sinh năm 1879, từ trần năm 1929; tên hiệu là Tập Xuyên, người làng Trảo Nha, huyện Thạch Hà (nay là thị trấn Can Lộc), tỉnh Hà Tĩnh; đỗ Tiến sĩ.

Năm 1917, lúc đang bị thực dân Pháp giam ở nhà tù Côn Đảo, Ngô Đức Kế đã viết tác phẩm *Thái Nguyên thất nhật quang phục ký* về sự kiện khởi nghĩa chống Pháp của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến giành được chính quyền trong 7 ngày rồi thất bại. Cuối tác phẩm có 6 bài thơ chữ Hán sau được Huỳnh Thúc Kháng dịch, trong đó có mấy bài thực sự là những áng thơ mang đầy hào khí quật cường.

KỀN NGUYỄN ĐĂNG

Nhà giáo Ưu tú, quê ở Thanh Hoá, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến.

Năm 1963, tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Vinh, ông được phân công công tác tại Trường Phổ thông cấp III huyện Đại Từ, vừa dạy Toán, vừa làm Tổ trưởng chuyên môn kiêm Bí thư Đoàn trường.

Năm 1981, ông được điều động về làm Hiệu trưởng Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến. Liên tục 17 năm (1981 - 1998), Nhà trường được công nhận là Trường Tiên tiến và Tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh. Đặc biệt, Nhà trường đã 3 lần được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba* (1986), *hạng Nhì* (1991), *hạng Nhất* (1996).

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998.

KÊNH

Cầu được xây dựng năm 2002, trên tuyến đường Cầu Mây - Tân Kim - Tân Khánh, thuộc địa phận xã Xuân Phương, huyện Phú Bình. Cầu dài 14 m, rộng 5,5 m, chiều dài nhịp cầu 12 m; tải trọng 13 tấn.

KÊNH ĐÔNG

Kênh mương dẫn nước từ hồ Núi Cốc, có chiều dài 8,5 km nằm trên địa bàn xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên; đảm bảo cho sản xuất mỗi năm 2 vụ lúa, 1 vụ màu, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

KÊNH GIỮA

Hệ thống kênh mương dẫn nước hồ Núi Cốc, nối đoạn từ xã Nga My (huyện Phú Bình), lần lượt đi qua xã Hồng Tiến, thị trấn Bãi Bông, các xã Đồng Tiến, Tân Hương, Đông Cao, Trung Thành rồi về Tân Phú (huyện Phổ Yên); chiều dài 18 km, đảm bảo cung cấp nước cho hàng vạn ha đất canh tác.

KÊNH TÂY

Hệ thống kênh mương dẫn nước hồ Núi Cốc, nối đoạn từ phường Cải Đan (thị xã Sông Công), lần lượt đi qua xã Đắc Sơn, thị trấn Ba Hàng, xã Nam Tiến (huyện Phổ Yên), chiều dài 14 km, đảm bảo tưới cho đồng ruộng, mỗi năm trồng cấy 3 vụ (2 vụ lúa, một vụ màu).

KHA SƠN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Xã Kha Sơn cách huyện lị Phú Bình 5 km về phía nam. Nhân dân các dân tộc xã Kha Sơn sớm có truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), nhân dân và lực lượng vũ trang xã Kha Sơn ra sức củng cố chính quyền, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến; hơn 100 thanh niên vào bộ đội, tham gia chiến đấu trên các chiến trường; ủng hộ 7.605kg lương thực..., góp phần đưa cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Kha Sơn đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 160/QĐ-CTN, ngày 28/4/2000, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

KHA SƠN

Nơi được chọn làm ATK II của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ (1943 - 1945). Vị trí cụm di tích nằm ở làng Mai Sơn và các xóm Ca, Tây

Bắc, Mấm thuộc xã Kha Sơn, huyện Phú Bình. Các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hà Thị Quế, Ngô Thế Sơn, Nguyễn Trọng Tỉnh,... đã ở và làm việc tại đây. Cụm di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 985-QĐ/VH, ngày 7/5/1997).

KHA SƠN

Xã nằm ở khu vực phía Nam huyện Phú Bình; phía đông tiếp giáp xã Lương Phú, phía tây giáp 2 xã Xuân Phương và Nga My, phía nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía bắc giáp thị trấn Hương Sơn. Địa hình dốc dần theo hướng tây bắc - đông nam, độ chênh cao trung bình là 1m/1km.

Diện tích tự nhiên 1021.73 ha. Dân số (năm 2009) 7.851 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 18 xóm, phố: Mai Sơn, Kha Nhi, Tây Bắc, Trung Tâm, Tân Thành, Hoà Bình, Xy, Soi, Ca, Trại Điện, Cầu Ca, Đầu Cầu, Ngô Trù, Trại, Bình Đinh, Phú Lâm, Kha Bình Lâm, phố Chợ Đồn. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi.

Xã Kha Sơn có truyền thống cách mạng với cụm di tích lịch sử gắn liền với thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945). Nơi đây được chọn làm ATK II của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Chùa Mai Sơn - nơi đặt cơ sở in ấn của Xứ ủy Bắc Kỳ; Rừng Rác; nền nhà ông Cao Nhật; Rừng Mấn; đình Kha Sơn Hạ; chùa Làng Ca; đình Kha Sơn Thượng.. Các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hà Thị Quế, Ngô Thế Sơn, Nguyễn Trọng Tỉnh,... đã ở và làm việc tại đây.

KHA SƠN

Cụm Công nghiệp, nằm trên địa phận xóm Tây Bắc, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 7,345 ha (theo Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Nhà Đầu tư TNG thuê toàn bộ diện tích xây dựng nhà máy may công nghiệp.

Cụm Công nghiệp Kha Sơn được điều chỉnh quy hoạch lần 1 từ 7,345 ha lên 9,2 ha và điều chỉnh lần 2 mở rộng từ 9,2 ha lên 13,2 ha (28/10/2010).

KHA SƠN HẠ

Đình, được dựng từ lâu đời trên một quả đồi ở làng Ca thuộc xã Kha Sơn, huyện Phú Bình. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình Kha Sơn Hạ là nơi đi lại, hoạt động của nhiều cán bộ cách mạng; nơi cất giấu tài liệu của Xứ ủy Bắc Kỳ. Do thời gian và chiến tranh, đình đã bị phá hủy, chỉ còn lại nền dài 15m, rộng 6m.

Năm 2007, đình Kha Sơn Hạ đã được xây dựng mới trên nền cũ với tổng diện tích xây dựng 121,44 m^2 theo kiến trúc các ngôi đình thời nhà Lê, gồm 1 gian, 2 chái, không có hậu cung.

KHẢ TRỊNH

Thái Nguyên trấn Phiêu kỵ Thượng tướng quân vào năm Thái Hòa thứ 4 đời vua Lê Nhân Tông (1446). Quê làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh, trấn Thanh Hóa (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

Năm 1416, ông là 1 trong 18 người cùng Lê Lợi lập Hội thề Lũng Nhai quyết tâm khởi nghĩa đánh giặc Minh. Năm 1418, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, trở thành một trong những tướng lĩnh đầu tiên của nghĩa quân. Ông xông pha hàng trăm trận mạc, lập nhiều chiến công.

Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Trịnh Khả được Lê Thái Tổ phong Kim tử vinh lộc đại phu, Tả lân hộ vệ Thượng tướng quân, ban Kim ngư trang ngân phù, Thượng khinh xa Đô úy. Năm 1429, khắc biểu công thần, ông được phong tước Liệt hầu, chức Đô Thái giám 4 đạo, cai quản việc quân trong, ngoài. Năm 1434, Lê Thái Tông cử Trịnh Khả làm Tuyên úy đại sứ Lạng Sơn; sau gọi về làm Tổng quản hành quân, quản lĩnh quân Thánh Dực, Thái giám 6 vệ quân Ngự Tiền; ban chức Thiếu bảo, Tham tư chính sự, gia phong Thiếu úy. Năm 1446, Trịnh Khả được triều đình cử cầm quân đánh thắng giặc Chiêm Thành xâm lấn phía Nam Tổ quốc, bắt sống vua Chiêm, được ban tặng Suy trung tán trị dương vũ tĩnh nạn công thần, Thái Nguyên trấn Phiêu kỵ Thượng tướng quân, Đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti, Bình chương quân quốc trọng sự, Thượng trụ quốc.

KHAI THÁC THỦY LỢI THÁI NGUYÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tiền thân là Công ty Quản lí khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bắc Thái được thành lập ngày 9/11/1992 theo Quyết định số 174/UB-QĐ trên cơ sở tổ chức lại

5 đơn vị: Công ty Thủy nông Núi Cốc, Xí nghiệp Sửa chữa, dịch vụ vật tư thủy lợi; Trạm bơm tiêu úng Cống Táo thuộc Sở Thủy lợi; Xí nghiệp Thủy nông thuộc huyện Đại Từ; Xí nghiệp Thủy nông thuộc huyện Phổ Yên. Bộ máy hoạt động của Công ty gồm 3 phòng nghiệp vụ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật giúp việc Giám đốc. Các đơn vị trực thuộc Công ty gồm có Xí nghiệp Thủy nông Núi Cốc, Xí nghiệp Dịch vụ sửa chữa thủy lợi và các trạm thủy nông trên địa bàn tỉnh.

Công ty được giao các nhiệm vụ: Quản lí khai thác, duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Tổ chức, hướng dẫn sử dụng nguồn nước thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt theo nhiệm vụ thiết kế của các công trình; Tổ chức thu thủy lợi phí theo quy định của Nhà nước...

Năm 2006, Công ty chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số nhà 9A, ngõ 566 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.

Từ chỗ quản lí 25 công trình thủy lợi (năm 2002), đến năm 2010, Công ty đã quản lí 74 công trình, gồm 36 hồ chứa nước có chiều cao đập lớn hơn 15 m; 33 đập dâng nước có diện tích tưới lớn hơn 50 ha; trạm bơm tiêu úng Cống Táo và 4 trạm bơm tưới có diện tích lớn hơn 50 ha; trên 240 km kênh mương. Số công trình do Công ty quản lí hiện đang đảm nhận tưới cho trên 60% diện tích sản xuất nông nghiệp của tỉnh...

Công ty đã được trao tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (các năm 2004, 2009), của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (các năm 2007, 2009)...

KHẢI NGUYỄN VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Đinh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; nguyên Phó Hiệu Trưởng Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1970, tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy; năm 1980, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Saint - Petersburg (Nga). Năm 1984, bảo vệ thành công Luận án Phó Tiến sĩ chuyên ngành Phương pháp

giảng dạy Vật lí, ông trở về Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, tiếp tục làm công tác giảng dạy.

Nhà giáo Nguyễn Văn Khải từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Chủ nhiệm khoa Vật lí, Trưởng Phòng Đào tạo - Khoa học - Quan hệ quốc tế, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Nguyễn Văn Khải 2 lần đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua cấp Bộ* (2000, 2004), được trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

KHẢI VŨ PHẠM (1807 - 1872)

Bố chánh tỉnh Thái Nguyên. Tự là Đông Dương, hiệu là Phượng Trì, Ngu Sơn, quê ở làng Thiện Trì, huyện Yên Mô (nay là xã Yên Mạc, thị xã Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình.

Năm 1831, ông thi đỗ Cử nhân; sau thi Hội không đỗ nhưng do có trình độ rất uyên bác nên năm 1836 được bổ làm Tri huyện Quỳnh Lưu (tỉnh Nghệ An). Năm 1841 được mời duyệt quyển thi đình.

Tháng 11/1870, Vũ Phạm Khải được thăng giữ chức Bố chánh tỉnh Thái Nguyên (đến 1871). Ông là người có sở trường về sử học, đã từng làm việc tại Quốc sử Quan Triều Nguyễn (1856 - 1865 và 1871 - 1872); có công lớn trong việc khai khẩn, lập ấp ở Yên Mô và Kim Sơn (Ninh Bình).

Do tính tình cương trực, không sợ uy quyền, ông đã thẳng thắn phê phán nhiều quan lại nên bị họ ghen ghét. Song, vua Minh Mạng và vua Thiệu Trị vẫn tin dùng, gọi ông là "quan ngự sử râu xồm". Ông là người chủ chiến, phê phán tư tưởng chủ hòa khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam.

Người đương thời nhận định về ông: "*Vũ Phạm Khải là người bạn đáng kính sợ, mắt cao vượt mọi thời, tâm hùng hơn muôn kẻ*".

KHÁNH NGUYỄN

Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Phó Thủ tướng Chính phủ; sinh ngày 31/3/1928, quê Hạ Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Ông từng giữ các chức vụ: Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đại biểu Quốc hội khoá VIII, IX, X, Phó

Trưởng ban Cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ; Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ông được Nhà nước trao tặng *Huân chương Hồ Chí Minh* (2005).

KHÁNH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1919, dân tộc Kinh, quê xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán tại xóm Sộp, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thiện Tăng (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 8/4/1968 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Khánh danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

KHAU DIỀU

Nơi Bác Quân đội nhân dân ra số đầu tiên (20/10/1950). Ví trí di tích nằm ở xóm Khau Điều, xã Định Biên, huyện Định Hóa.

KHAU ĐỒN

Đồn binh Pháp (dựng năm 1897) để án ngữ con đường qua Ôn Lương lên Định Hóa và trấn áp phong trào chống Pháp trong vùng. Vị trí di tích nằm trên một quả đồi cao thuộc địa phận xóm Khau Lai, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương.

Đồn gồm vài ngôi nhà làm bằng gỗ, tre, nứa, lợp lá cọ; xung quanh đắp tường đất khá dày. Trong đồn có một sĩ quan chỉ huy người Pháp và thường có một trung đội lính khố đỏ hoặc lính khố xanh thường trực. Gần giữa năm 1945, quân đồn trú tại Khau Đồn rút đi; một thời gian sau đồn binh này cũng đổ nát hoàn toàn. Hiện nay, Khau Đồn chỉ còn lại là bãi đất lớn, cỏ dại um tùm và một số đoạn tường đất bao quanh quả đồi.

KHAU LUÔNG

Dãy núi, chạy dài gần 9 km theo hướng bắc - nam, chiếm gần trọn diện tích phía đông xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Đây là tập hợp của những mạch núi tận cùng phía nam của cánh cung (sơn khối đá vôi) Ngân Sơn. Có đỉnh cao nhất 377 m.

Các núi đá vôi trong dãy Khau Luông có nhiều hang động; trong đó hang Thẩm Trà Pậu và hang Suối Vìn thuộc xóm Suối Bốc là những hang động lớn, có nhiều nhũ đá tạo nên những hình thù kì lạ, được coi là những thắng cảnh hang động đẹp ở Phú Lương. Dãy Khau Luông rộng lớn, thủa xưa vô cùng hiểm trở, rậm rạp, nhiều cánh rừng già, rừng núi đá nguyên sinh với những cây nghiến, táu, chò cổ thụ hàng ngàn năm tuổi. Ngày nay, tuy trong dãy Khau Luông vẫn còn rừng nguyên sinh nhưng diện tích đã bị thu hẹp nhiều. Dân cư của các xóm bản trong các thung lũng hẹp được tạo bởi các dãy núi thuộc dãy Khau Luông, cũng ngày một đông lên.

KHAU TRÙ

Nơi đặt trụ sở Tòa soạn báo *Quân du kích* và Nhà xuất bản Quân du kích thuộc Cục Dân quân trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích ở đồi cây rừng thuộc địa phận xóm Bản Cái, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương.

Tòa soạn có nhiệm vụ phát hành sách, báo, tài liệu phục vụ bộ đội địa phương và dân quân, du kích trong cả nước. Cuối tháng 7/1950, báo *Quân du kích* hợp nhất với báo *Vệ quốc quân* thành báo *Quân đội nhân dân*; xưởng in của báo ở Thâm Toọng tiếp tục in ấn, phát hành báo *Quân đội nhân dân*.

Năm 1952, cơ sở in ấn của báo di chuyển lên xã Đồng Thịnh ở khu vực trung tâm ATK Định Hóa.

KHAU TÝ

Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (20/5 - giữa tháng 10/1947). Vị trí di tích nằm ở xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa. Tại đây, tháng 6/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị chọn một ngày trong năm làm *Ngày Thương binh* để nhân dân có dịp tỏ lòng biết ơn, yêu mến thương binh. Ngày 7/10/1947, thực dân Pháp cho quân nhảy dù đánh chiếm thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới. Ngày 8/10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi bộ đội, dân quân, du kích, tự vệ và toàn thể đồng bào ra sức tiêu diệt địch...Cũng trong tháng 10/1947, trong lúc quân địch đang ra sức lùng sục nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến

của ta, với bút danh XYZ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết và hoàn chỉnh cuốn sách: *Sửa đổi lối làm việc.*

KHẮC KIỆM

Mỏ vàng sa khoáng, nằm trên địa bàn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

Mỏ có diện tích 34 ha, trữ lượng 1.312.232 m^3 quặng nguyên khai, công suất thiết kế 240.000 m^3 nguyên khai/năm. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Thăng Long được khai thác mỏ trong thời hạn 7 năm theo Giấy phép số 799/GP-UBND, ngày 20/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

KHẨU CHÙA

Nơi thành lập Trung đoàn Pháo cao xạ 367 - đơn vị tiền thân của Binh chủng Phòng không ngày nay. Vị trí di tích là khu rừng Khẩu Chùa nằm trên một quả đồi thuộc xóm Chú, xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa.

Ngày 15/4/1953, tại bãi đất trống Nà Pài ở khu rừng Khẩu Chùa, 2.700 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 367, được biên chế thành 6 tiểu đoàn hỏa lực, 1 tiểu đoàn xe - thợ sửa chữa và 3 ban (Tham mưu, Chính trị, Cung cấp) đã tập trung nghe đồng chí Ngô Từ Vân (Phó Chính ủy Trung đoàn) công bố Quyết định số 06/QĐ ngày 1/4/1953 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam về việc thành lập Trung đoàn Pháo cao xạ 367. Ngày 1/4 hằng năm trở thành ngày truyền thống của Bộ đội Phòng không Việt Nam.

KHẨU ĐƯA

Đình, được dựng cuối thế kỷ XIX tại xóm Khẩu Đưa, xã Phú Đình, huyện Định Hoá; là nơi thờ sơn thần Hùng Trấn Cao Sơn tôn thần. Đình gồm 3 gian, 2 chái, cột gỗ; có 1 hương án, 1 mâm gỗ to đặt trên hương án dùng để dâng lễ vật. Hằng năm, Hội đình tổ chức vào ngày 12/2 Âm lịch và 3 năm có 1 lần hội lớn.

KHẨU GOẠI

Nơi ở và làm việc của đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Tổng bộ Việt Minh (1947 - 1951). Vị trí di tích ở xóm Khẩu Goại, xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa.

KHẨU HẤU

Nơi làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bí thư Tổng Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh Quân đội Quốc gia và dân quân Việt Nam (từ tháng 5/1950 là Quân đội Nhân dân Việt Nam) trong những năm 1949 - 1951. Vị trí di tích ở xóm Khẩu Hấu, xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa.

KHẨU QUẮC

Hầm, trong đồi Khẩu Quắc thuộc xóm Đồng Chùa, xã Thanh Định, huyện Định Hóa; là nơi làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bí thư Tổng Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam (1952 - 1954).

Tại đây, Bộ Tổng tư lệnh đã họp bàn kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954 và ngày 20/11/1953, Tổng Quân ủy đã báo cáo Kế hoạch quân sự năm 1954 với Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Cũng tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các tướng lĩnh quân đội đã bàn kế hoạch đánh Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

KHẨU QUẮC

Nơi ở và làm việc của Thiếu tướng Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam (12/1953 - đầu 1954). Vị trí di tích ở đồi Khẩu Quắc thuộc xóm Đồng Chùa, xã Thanh Định, huyện Định Hóa.

KHE CỐC

Nhà thờ giáo họ, được xây dựng theo giấy phép số: 0798 GP/XD của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/9/1998; khởi công xây dựng tại xã Tức Tranh, huyện Phú Lương vào tháng 2/1999 và hoàn thành năm 2001.

Nhà thờ được xây dựng trên khuôn viên rộng 3.500 m²; tổng diện tích xây dựng 150 m². Nhà thờ được thiết kế theo mẫu xây dựng của Giáo hội gồm có tháp chuông, nội thất có bệ thờ đặt tượng Chúa và treo ảnh thờ của Giáo hội. Hội trường lớn là nơi hành lễ của giáo dân và khu khuôn viên ngoài trời có tượng Đức Mẹ. Tổng kinh phí xây dựng là 138 triệu đồng. Số tiền này hoàn toàn do giáo dân tự nguyện đóng góp. Hệ thống

tường bao xung quanh, ngăn cách với nhà dân tạo nên một không gian riêng biệt, tôn nghiêm cho nhà thờ.

Nhà thờ giáo họ Khe Cốc trực thuộc Giáo phận Bắc Ninh, dưới sự điều hành của Đức cha Giám mục Giáo phận. Giáo họ Khe Cốc có khoảng 100 hộ với trên 400 giáo dân. Điều hành giáo họ là một vị trùm họ đạo. Các hoạt động chính của giáo họ là tổ chức các buổi hành lễ theo nghi thức chung của Giáo hội như rao giảng giáo lí, cầu nguyện, rửa tội...

KHE CỐC

Suối, chi lưu của sông Đu, bắt nguồn từ vùng núi rừng Đồng Mỏ, xã Yên Lạc, chảy theo hướng bắc - nam đi qua địa phận xã Yên Lạc, đến địa bàn xóm Đồng Hút thuộc xã Tức Tranh thì chia thành hai chi nhánh, chảy trên đất Vô Tranh rồi đổ vào sông Đu tại xóm Trung Thành 3 của xã này (đoạn sông Đu chạy ngang phía nam xã Vô Tranh còn gọi là sông Giang Tiên).

Suối Khe Cốc có độ dài toàn tuyến khoảng 22 km. Về mùa mưa, lượng nước đổ vào dòng suối khá lớn, có thể gây lũ cục bộ. Cầu Lồng Bồng bắc qua chi nhánh phía tây suối Khe Cốc, thuộc xóm 1/5 và cầu Dạt bắc qua chi nhánh phía đông suối Khe Cốc, thuộc xóm Trung Thành 3 của xã Vô Tranh trên đường huyện Giang Tiên đi Tức Tranh, Phú Đô.

Suối Khe Cốc có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước tưới cho đồng ruộng 3 xã Yên Lạc, Tức Tranh, Vô Tranh và đặc biệt, cung cấp nước tưới cho vùng chè đặc sản rộng lớn với hàng chục làng nghề trồng và chế biến chè nổi tiếng của huyện Phú Lương nằm ở 3 xã kể trên.

KHE ĐÁ TRẮNG

Cơ sở cách mạng trong những năm 1941 - 1943. Vị trí di tích là khe Đá Trắng ở núi Bù Cu thuộc xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ.

Khoảng đầu năm 1941, tại khe Đá Trắng trên núi Bù Cu, các đồng chí Chu Văn Tấn, Triệu Khánh Phương về gây dựng cơ sở cách mạng. Một thời gian sau đó, các đồng chí Hà Châm, Dương Như Vượng... từ các cơ sở về khe Đá Trắng để huấn luyện chiến tranh du kích; tuyên truyền, vận động nhân dân tiếp tế, giúp đỡ cán bộ cách mạng. Trong những năm 1942 - 1943, thực dân Pháp và tay sai càn quét, khủng bố rất khốc liệt; các cơ sở cách mạng phải di chuyển nhiều địa điểm trong dãy núi Bù Cu.

Di tích khe Đá Trắng hiện nay là khu rừng rậm; còn mặt nền lán cũ, cỏ mọc rậm rạp, một phiến đá hình chữ nhật (bàn làm việc) dài 65 cm, rộng 25 cm.

KHE LẠNH

Cầu, được xây dựng tại Km 144+640 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Khe Lạnh, thuộc địa phận xóm 12 xã Hà Thượng, huyện Đại Từ. Cầu dài 8 m, rộng 8,5 m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 8 m, kết cấu nhịp 6,6 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân bê tông.

KHE MO

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Khe Mo là một xã miền núi của huyện Đồng Hỷ. Nhân dân các dân tộc trong xã có truyền thống yêu nước, bất khuất và sớm đi theo Đảng làm cách mạng. Đầu năm 1939, trên địa bàn xã đã hình thành một số cơ sở của Xứ ủy Bắc Kỳ. Ngày 10/4/1945, tại Đèo Khế, tự vệ xã Khe Mo phối hợp với Cứu quốc quân II chặn đánh quân Pháp từ Đình Cả (Võ Nhai) rút về tỉnh lị xã Thái Nguyên, tiêu diệt và làm bị thương 71 tên, thu 2 khẩu súng máy, 19 súng trường và nhiều quân trang, quân dụng... Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Khe Mo là nơi đóng quân của nhiều đơn vị quân đội. Nhân dân trong xã tích cực tham gia kháng chiến, kiến quốc, động viên 40 thanh niên ra tiền tuyến, trong đó có 6 người đã hi sinh, được công nhận là liệt sĩ. Ngoài ra, nhân dân xã Khe Mo còn đóng góp cho kháng chiến 2.540 kg gạo, 5 lạng bạc trắng, hơn 1.000 ngày công phục vụ các chiến dịch...

Do có những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đã được Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/QĐ-CTN (11/6/1999), phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

KHE MO

Xã miền núi nằm ở khu vực phía bắc huyện Đồng Hỷ, có tuyến Tỉnh lộ 269 chạy qua vùng tây nam xã; phía bắc và tây bắc giáp thị trấn Sông

Cầu, xã Quang Sơn (huyện Đồng Hỷ), xã La Hiên (huyện Võ Nhai); phía đông giáp xã Văn Hán; phía nam giáp xã Linh Sơn; phía tây nam giáp các xã Hoá Trung và Hoá Thượng. Tuyến đường liên xã dài gần 10 km từ Khe Mo đi Văn Hán là trục giao thông huyết mạch của xã. Diện tích tự nhiên 30,17 km² với số dân 6.631 người (1/4/2009) thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Chay, Nùng, Sán Dìu, Tày, Hoa, Dao, Mường, Thái, Hơrê, Ngái.

Xã Khe Mo hiện nay có 15 xóm: Ao Đậu, Ao Rôm 1, Ao Rôm 2, Dọc Hèo, Đèo Khế, Hải Hà, Khe Mo 1, Khe Mo 2, Làng Cháy, La Đường, Long Giàn, Na Nha, Na Rẫy, Thống Nhất, Tiền Phong. Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp. Chè là một trong những thế mạnh. Năm 2010, có 300,4 ha chè. Xã có mỏ đất sét để làm phụ gia xi măng với trữ lượng lớn.

Nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đã được Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/QĐ-CTN (11/6/1999), phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

KHE MO

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Dân số 1.912 người (1954) thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Trại.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đã động viên hàng chục thanh niên ra tiền tuyến, trong đó có nhiều người đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường, được công nhận là liệt sĩ. Ngoài ra, nhân dân xã Khe Mo còn đóng góp cho kháng chiến hàng nghìn kilôgam gạo, hơn 1.000 ngày công phục vụ chiến dịch.

Sự đóng góp sức người sức của của nhân dân các dân tộc Khe Mo đã góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954).

Sau giảm tô (1953), xã Khe Mo chia tách thành 2 xã: Xã Khe Mo với số dân 943 người và xã Đoàn Kết với số dân 969 người.

KHẾ

Đèo, dài 5 km trên Quốc lộ 37, nối liền hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang.

Đèo Khế nằm ở phía tây tỉnh Thái Nguyên, những năm đầu thế kỷ XX, đồng bào Tày, Nùng từ Lạng Sơn, Cao Bằng về đây làm ruộng tạo thành nhiều xóm nhỏ len lỏi theo bờ suối. Tháng 10/1944, 12 chiến sĩ cách mạng vượt ngục từ nhà tù Chợ Chu đã về gần khu vực Đèo Khế củng cố Phân khu Nguyễn Huệ, tổ chức các đoàn thể cách mạng, lực lượng tự vệ chiến đấu.

Khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), thực dân Pháp ở Thái Nguyên theo Đường 13A (nay là Quốc lộ 37) chạy sang Tuyên Quang, đến địa phận Đèo Khế đã bị quân ta chặn đánh, phải quay trở lại tỉnh lị.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đèo Khế vừa là cầu nối giữa ATK Sơn Dương (Tuyên Quang) và Đại Từ, vừa là đoạn đường trọng yếu cho bộ đội ta hành quân lên Tây Bắc. Do đó, thực dân Pháp ném bom đèo Khế rất ác liệt. Dân công ở đây đã phải ngày đêm chống chọi với bom đạn địch, bạt núi, mở đường cho xe ta qua. Năm 1953, Bác Hồ đã đến chân đèo Khế động viên công nhân dũng cảm quyết tâm bảo vệ con đường huyết mạch qua đèo.

Đèo Khế ngày nay được cải tạo và mở rộng, thuận tiện cho việc giao thông vận tải.

KHIÊM ĐẶNG MINH (1456 - 1522)

Nhà thơ - Tiến sĩ, sinh năm 1456, đỗ Tiến sĩ năm 1478; quê làng Mạo Phố, huyện Thanh Ba, Phú Thọ; từ trần năm 1522.

Đặng Minh Khiêm là tác giả thơ vịnh sử có tiếng của nước ta thời trung đại, với các phẩm để đời: *Thoát hiên vịnh sử thi tập*, *Thiên Nam minh giám*, *Việt sử diễn âm*.

Trong lời đề vịnh tác phẩm *Thoát Hiên vịnh sử thi tập*, Đặng Minh Khiêm đã viết về Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII) là người quê Thái Nguyên như sau:

Thái Nguyên môn địa nhất phương hùng
Đế thất liêu nhân hợp bỉ nùng
Dục khứ quyền gian, phiên kiếm hãm

Hà hoang tê hận nhược đường phong.

(Biên dịch của Nguyễn Tá Nhí (Viện Hán Nôm):

Phú Lương một dải xuất anh hùng

Phò mã sánh duyên tình đượm nồng

Muốn diệt quyền gian, song mắc hoạ

Xa xôi ôm hận tựa đường phong).

KHÌNH LÊ

Nghệ sĩ Nhân dân, tên thật là Lê Văn Khình, dân tộc Nùng, sinh ngày 1/1/1934 tại xã Hữu Khánh (nay là thị trấn Lộc Bình), huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; thường trú tại tổ 17, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ ông học tiểu học tại Lộc Bình. Ngày 1/1/1953, được tuyển vào làm diễn viên Đoàn Văn công Liên khu Việt Bắc. Năm 1959, được cử đi học lớp đào tạo diễn viên múa tại Hà Nội... Năm 1984, được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc (nay là Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc); nghỉ hưu năm 1999.

Gần 60 năm hoạt động nghệ thuật, trong đó có hơn 50 năm là biên đạo múa, Lê Khình đã sáng tác và dàn dựng hàng trăm tác phẩm múa cho Nhà hát ca múa dân gian Việt Bắc, Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên và nhiều tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Ông là một trong số ít những biên đạo có những tác phẩm múa xuất sắc hàng đầu mang đậm bản sắc văn hoá các dân tộc Việt Bắc. Lê Khình đã có 4 tác phẩm đạt *Huy chương Vàng*, 8 tác phẩm đạt *Huy chương Bạc*, 5 tác phẩm đoạt giải thưởng hằng năm của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, 2 giải thưởng dành riêng cho Biên đạo múa tại Hội diễn năm 1995 và 2004...

Biên đạo múa Lê Khình đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* (1988), *Nghệ sĩ Nhân dân* (1997). Năm 2001, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật với hai tác phẩm múa: *Múa hội Kì Yên* (1984) và *Quân Then vượt qua ba cõi* (1995).

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1/4/1990, trụ sở đặt tại Phố Đình, thị trấn huyện lị Đại Từ. Kho bạc Đại Từ có nhiệm vụ: Quản lí quỹ ngân sách Nhà nước; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi từ quỹ ngân sách

Nhà nước đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định; quản lí tồn quỹ ngân sách, giúp cho lãnh đạo các cấp quản lí, điều hành và sử dụng quỹ ngân sách có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN ĐỊNH HÓA

Được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1/4/1990. Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu. Kho bạc Định Hoá có nhiệm vụ: Quản lí quỹ ngân sách Nhà nước; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi từ quỹ ngân sách Nhà nước đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định; quản lí tồn quỹ ngân sách chặt chẽ, giúp cho lãnh đạo các cấp quản lí, điều hành và sử dụng quỹ ngân sách có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1/4/1990. Trụ sở đặt tại địa phận tổ 18 (xóm Lòng Thuyền), thị trấn Chùa Hang.

Kho bạc Nhà nước huyện Đồng Hỷ có nhiệm vụ: Quản lí quỹ ngân sách Nhà nước; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi từ quỹ ngân sách Nhà nước đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định. Quản lí tồn quỹ ngân sách chặt chẽ, giúp cho lãnh đạo các cấp quản lí, điều hành và sử dụng quỹ ngân sách có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương...

Kho bạc Nhà nước huyện Đồng Hỷ đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng Bằng khen (các năm 1992, 1993, 2005) và Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng Cờ thi đua (năm 1993).

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập ngày 21/3/1990 theo Quyết định số 185/TC/QĐ/TCCB của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập hệ thống kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính với tên gọi là Chi nhánh Kho bạc Nhà nước Phú Bình trực thuộc Chi cục Kho bạc Nhà nước Bắc Thái. Chi nhánh chính thức hoạt động từ ngày 1/4/1990. Ngày 14/12/1996, Chi nhánh Kho bạc Nhà nước Phú Bình được đổi tên thành Kho bạc Nhà nước Phú Bình trực thuộc Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên

kể từ ngày 1/1/1997 đến nay. Trụ sở đặt tại thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Kho bạc Nhà nước Phú Bình có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lí của Kho bạc nhà nước cấp huyện khi dược cơ quan cso thẩm quyền phê duyệt. Quản lí quỹ ngân sách nhà nước và các khoản tạm thu, ký cược, ký quỹ, thế chấo theo quy định của pháp luật. Tập trung các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, hạch toán các khoản thu cho các cấp ngân sách. Tổ chức thực hiện kiểm soát thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Thực hiện giao dịch thu, chi tiền mặt và các biện pháp bảo đảm an toàn kho, quỹ tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện; thực hiện công tác phát hành, thanh toán trái phiếu Chính phủ theo quy định. Quản lí ngân quỹ Kho bạc Nhà nước huyện theo chế độ quy định. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn kho, quỹ tại Kho bạc Nhà nước huyện. Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản và thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có quan hệ giao dịch với Kho bạc Nhà nước huyện,...

Kho bạc Nhà nước Phú Bình đã được tặng Bằng khen của Bộ Tài chính (các năm 2007, 2008, 2009),...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập ngày 1/4/1990 theo Quyết định 186 TC/QĐ/TCCB của Bộ Tài chính, ban hành ngày 21/3/1990. Trụ sở đặt tại địa phận tiểu khu Thái An, thị trấn Đu.

Kho bạc Nhà nước Phú Lương có nhiệm vụ và chức năng chính là quản lí nhà nước về quỹ ngân sách Nhà nước và các quỹ tài chính khác của Nhà nước được giao theo quy định của pháp luật, thực hiện huy động vốn cho ngân sách Nhà nước, cho đầu tư phát triển qua các hình thức phát hành công trái, trái phiếu.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 21/3/1990 theo Quyết định số 186/TC/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Tài chính với tên gọi là Chi nhánh Kho bạc Nhà nước Võ Nhai trực thuộc Chi cục Kho bạc Nhà nước Bắc Thái; chính thức

hoạt động từ ngày 1/4/1990. Ngày 14/12/1996, Chi nhánh đổi tên thành Kho bạc Nhà nước Võ Nhai trực thuộc Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên kể từ ngày 1/1/1997. Trụ sở đặt tại địa phận phố Thái Long, thị trấn Đình Cả.

Kho bạc Nhà nước Võ Nhai có nhiệm vụ: Tập trung các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, hạch toán các khoản thu cho các cấp ngân sách. Tổ chức thực hiện kiểm soát thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Có quyền từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Quản lí quỹ ngân sách huyện và các quỹ tài chính khác được giao; quản lí các khoản tạm thu, tạm giữ, tịch thu, ký cược, ký quỹ, thế chấp theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, v.v...

Kho bạc Nhà nước Võ Nhai đã được tặng Bằng khen của Bộ Tài chính (các năm 1999 và 2001), Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh (1999)...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1/4/1990 trên cơ sở tách ra từ Ngân hàng Công thương thị xã Sông Công. Trụ sở đặt tại phường Cải Đan.

Kho bạc Nhà nước thị xã Sông Công có nhiệm vụ quản lí nhà nước về quỹ ngân sách Nhà nước và các quỹ tài chính khác của Nhà nước được giao theo quy định của pháp luật, thực hiện huy động vốn cho ngân sách Nhà nước, cho đầu tư phát triển qua các hình thức phát hành công trái, trái phiếu.

Kho bạc Nhà nước Sông Công đã được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (2001, 2002).

KHO BẠC NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1990; sau 3 tháng tồn tại, được sáp nhập vào Văn phòng Kho bạc tỉnh. Ngày 1/1/2002, Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên chính thức được lập lại trên cơ sở sáp nhập hai Kho bạc Nhà nước khu vực Lưu Xá và Thịnh Đán theo Quyết định số 88/QĐ-BTC ngày 18/9/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số

852KB/QĐ/TCCB ngày 5/12/2001 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước. Trụ sở đặt tại Đường Nguyễn Du, phường Trưng Vương.

Kho bạc Nhà nước thành phố có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và nội dung thi đua đã đề ra; quản lí tiền và tài sản Nhà nước giao cho Kho bạc Nhà nước quản lí; phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế Thành phố tổ chức thu đầy đủ và kịp thời các khoản thu vào ngân sách Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế được nộp trực tiếp vào kho bạc; phối hợp với cơ quan tài chính tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đơn vị giao dịch thanh toán các khoản chi qua Kho bạc đúng chế độ quy định.

Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên đã được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính (các năm 2004, 2005, 2006).

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN PHỔ YÊN

Được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1/4/1990. Trụ sở đặt tại thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên. Kho bạc Nhà nước huyện có nhiệm vụ: Kiểm soát các loại chi trả chi theo quy định; Thực hiện phát hành và thanh toán trái phiếu chính phủ theo quy định...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Kho bạc Nhà nước Bắc Thái được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1/4/1990 theo Quyết định số 185 TC/QĐ/TCCB ngày 21/1/1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 14/12/1996, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên được thành lập theo Quyết định số 114/TC/QĐ/TCCB của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trụ sở đặt tại địa phận tổ 3, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Kho bạc Thái Nguyên có các nhiệm vụ:

- Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các kho bạc Nhà nước huyện, thành, thị thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chế độ quy định và hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước.
- Tập trung các khoản thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, hạch toán các khoản thu cho các cấp ngân sách.
- Thực hiện chi ngân sách Nhà nước, kiểm soát thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức huy động vốn theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước.

- Quản lí, điều hoà tồn ngân quỹ Kho bạc Nhà nước theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước, thực hiện tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước cho ngân sách địa phương theo quy định của Bộ Tài chính.

- Quản lí các tài sản Quốc gia quý hiếm theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quản lí tiền, tài sản, các loại chứng chỉ có giá trị của Nhà nước và của các đơn vị, cá nhân gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh; hướng dẫn, tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn kho, quỹ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và các Kho bạc Nhà nước huyện trực thuộc...

Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên đã được tặng Bằng khen của Chính phủ (các năm 2002, 2008), của Bộ Tài chính (các năm 1994, 2002, 2003, 2004, 2006, 2007, 2009), v.v... Đặc biệt, năm 2005, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

KHÔI KỲ

Xã miền núi của huyện Đại Từ; phía bắc giáp xã Tiên Hội, phía tây giáp xã Hoàng Nông, Mỹ Yên, phía nam giáp xã Bình Thuận, phía đông giáp thị trấn Đại Từ. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, từ đời Minh Mệnh trở về trước là xã Hoa Kỳ; năm Thiệu Trị thứ 1 (1841), kiêng chữ Hoa - tên húy mẹ vua Thiệu Trị, nên đổi là Khôi Kỳ; là 1 trong 6 xã của tổng Tiên Sơn, huyện Đại Từ. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, khoảng năm 1927, Khôi Kỳ là 1 trong 7 làng (Hoàng Nông, La Bằng, Khôi Kỳ, Phú Nghĩa, Phú Nông, Tiên Hội, Tiên Sơn) của tổng Tiên Sơn, huyện Đại Từ. Theo tài liệu của Echinard - Công sứ tỉnh Thái Nguyên năm 1932, Khôi Kỳ là 1 trong 6 làng của tổng Tiên Sơn (không có làng Phú Nông). Sau Cách mạng tháng Tám, 2 làng Phú Nghĩa, Khôi Kỳ hợp nhất thành xã Khôi Kỳ. Năm 1947, thực hiện chủ trương của Nhà nước gộp một số xã nhỏ thành xã lớn, Khôi Kỳ trở thành làng của xã Trần Phú. Năm 1953, thực hiện quyết định chia nhỏ các xã lớn thành các xã nhỏ, làng Khôi Kỳ lại thành xã Khôi Kỳ với 2 làng Phú Nghĩa, Khôi Kỳ như trước năm 1947.

Hiện nay, xã Khôi Kỳ gồm 20 xóm: Gò Thang, Phú Nghĩa, Chùa, Sơn Mè, Đồng Hoan, Bãi Pháo, Chòi, La Phác, Gò Miếu, Cuốn Cờ, Cầu Cum, Hoà Bình, Gò Vai, Gốc Quéo, Đức Long, Đồng Cà, Gò Gia, Đồng Mè, Bãi Chè, Gò Lá. Diện tích tự nhiên 13,1 km², dân số (năm 2009) 5.989 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Sán Dìu, Sán Chay, Dao, Mường, Thái, Mông.

Là xã An toàn khu của Trung ương, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Khôi Kỳ là nơi đứng chân của nhiều cơ quan Trung ương. Đình Sơn Mè, đình Văn Giáp, đền La Phác, chùa Phú Nghĩa là những di tích lịch sử. Xóm La Phác là nơi đóng trụ sở của Cơ quan Đoàn ủy (cơ quan lãnh đạo cải cách ruộng đất) những năm 1953 - 1954, từng vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và làm việc.

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN - 80 NĂM NHÌN LẠI

Sách kỷ yếu Hội thảo Khoa học, do Viện Sử học Việt Nam và Sở Văn hoá Thông tin Thái Nguyên xuất bản năm 1997.

Sách có độ dầy 398 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm, trong đó có nhiều ảnh tư liệu lịch sử Thái Nguyên thời kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đây là tập hợp 22 báo cáo khoa học của các nhà nghiên cứu lịch sử ở Trung ương và địa phương tham luận tại Hội thảo khoa học Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1997, do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Viện Sử học Việt Nam phối hợp tổ chức tháng 8/1997, nhân kỷ niệm 80 năm cuộc khởi nghĩa nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.

Cuốn sách gồm 3 phần với nội dung: Phần 1, là các tham luận viết về lịch sử tỉnh Thái Nguyên và nguyên nhân, diễn biến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Phần 2, có tựa đề *Khởi nghĩa Thái Nguyên sống mãi*, gồm các tham luận đánh giá tầm vóc, ý nghĩa của khởi nghĩa Thái Nguyên trong lịch sử dân tộc và tác động của nó đối với các nước thuộc địa. Phần 3, giới thiệu các tư liệu, hình ảnh liên quan đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917.

KHU CÔNG NGHIỆP GANG - THÉP THÁI NGUYÊN

Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên (1/1/1964).

Sau khi nói chuyện với hơn 4 vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ tại sân vận động Thái Nguyên, Bác đến thăm Khu Công nghiệp Gang thép. Cùng đi với Bác, có đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị. Bác thăm 3 địa điểm có công nhân đang trực tiếp sản xuất là: Lò Cao số I (Người xem mẻ gang thứ 201 ra lò và ngồi nói chuyện với công nhân xưởng gang trên bậc thềm nhà hóa nghiệm gang), Nhà hóa nghiệm trung tâm, Xưởng Cơ khí gang thép.

KHU ĐÁ TRỒNG

Căn cứ huấn luyện của Quân khởi nghĩa Yên Thế. Vị trí di tích ở xã Cát Nê, huyện Đại Từ.

Cuối thế kỷ XIX, để mở rộng địa bàn hoạt động, gây thanh thế cho cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp đang vào giai đoạn gay go quyết liệt, theo sự phân công của Hoàng Hoa Thám (tức Đề Thám), Đề Dinh - một dũng tướng của nghĩa quân Yên Thế và cũng là em trai của Đề Thám, đã đến vùng này lập căn cứ, chiêu mộ và huấn luyện binh sĩ, bổ sung cho lực lượng nghĩa quân. Dấu tích còn lại những đường hầm, nền lán... một tảng đá lớn được đẽo gọt và đặt lên như một cái bia (Đá Trồng) giữa là một dải đất bằng phẳng chạy dài theo sườn đồi. Cũng như khu vực Đề Nguyễn ở xóm Thổ Hồng xã Tân Thái, tại căn cứ Đá Trồng, nghĩa quân có thể vừa luyện tập, vừa tăng gia tự túc lương thực để chiến đấu lâu dài.

KHU ĐOÀN UỶ

Nơi tập huấn đội ngũ cán bộ các tỉnh chuẩn bị làm công tác giảm tô và cải cách ruộng đất trên miền Bắc. Vị trí di tích ở xóm La Phác, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ.

Khu Đoàn Ủy (thành lập cuối năm 1953) chia ra nhiều khu vực: Khu Trung tâm là nơi Ban Lãnh đạo Đoàn Ủy và chuyên gia Trung Quốc ở, cùng nhà kho, nhà ăn tập thể; Khu A gồm hội trường, bách hoá, sân chiếu bóng; Khu B, Khu C là nơi cán bộ ở; Khu D là nơi dân công phục vụ và bộ đội bảo vệ ở.

Toàn Khu có gần 200 ngôi nhà làm bằng gỗ, tre, nứa. Hội trường 12 mái (3 tầng mái) đủ chỗ cho 4.000 người dự họp. Tại đây, tháng 12/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tới dự và huấn thị cho hơn 2.000 cán

bộ trong Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 2 của 2 đoàn Thái Nguyên, Bắc Giang.

KHU LƯU NIỆM THANH NIÊN XUNG PHONG VIỆT NAM

Được xây dựng ở đồi Gò Thờ, xóm Đồng Cẩm, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, với diện tích 17.424 m², gồm 2 hạng mục: Nhà Truyền thống Thanh niên Việt Nam và Khu Tượng đài truyền thống Thanh niên Việt Nam.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, ngày 17/5/1950, Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc quyết định thành lập Đội Thanh niên xung phong công tác Trung ương (mang phiên hiệu Đội 50), làm nhiệm vụ phục vụ Chiến dịch Biên giới. Đội gồm 225 đội viên là những đoàn viên thanh niên ưu tú, được tuyển chọn từ các địa phương (trong đó có 73 đảng viên trẻ). Đội được biên chế thành 3 liên phân đội. Mỗi liên phân đội có các phân đội.

Sau một thời gian chuẩn bị, cuối tháng 7/1950, tại khu đồi Gò Thờ dưới chân dãy núi Hồng, Đội Thanh niên xung phong công tác Trung ương làm lễ xuất quân, phục vụ Chiến dịch Biên giới, mở đầu cho phong trào thanh niên xung phong cả nước.

KHU TƯỞNG NIỆM THANH NIÊN XUNG PHONG

Đặt tại tổ 14, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; là nơi tưởng niệm 60 Thanh niên xung phong Đại đội 915 thuộc Đội Thanh niên xung phong 91 Bắc Thái đã hi sinh dũng cảm vì trúng bom B52 của đế quốc Mĩ đêm 24/12/1972. Khu Tưởng niệm rộng 1,19ha, trong đó Nhà Tưởng niệm liệt sĩ là công trình chính rộng khoảng 392 m² (19,8 m x 19,8 m), gồm 2 tầng, cao 12,7 m. Nhà có kết cấu khung, móng, sàn bê tông cốt thép. Mái dán ngói kiểu mũi hài truyền thống. Tầng 1 là nơi chuẩn bị đồ lễ. Tầng 2 là nơi đặt bàn thờ (ở chính diện). Hai bên là nơi trưng bày các hiện vật, hình ảnh chiến đấu, hi sinh của các đội viên Thanh niên xung phong. Trước cửa Nhà Tưởng niệm là đỉnh hương lớn bằng đá liền khối, hai bên là hai nhà treo chuông, treo khánh đồng. Mỗi nhà có diện tích 16 m² (4 m x 4m), cao 6,7 m, gồm 4 cột trụ 4 góc.

Khu Tưởng niệm Thanh niên xung phong còn có các công trình phụ trợ: nhà bảo vệ 82 m², hồ cảnh quan 1.000 m², hệ thống bồn hoa, cây

xanh. Khu tưởng niệm do Trung tâm Văn hoá thành phố Thái Nguyên quản lí và khai thác.

KHUẤY DƯƠNG CHÍ

Nhà giáo Ưu tú, Thạc sĩ cơ khí, quê thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; nguyên chuyên viên Phòng Đào tạo Trường Công nhân kỹ thuật - Đại học Thái Nguyên. Trong những năm 1963 - 1964, ông học Trường Bổ túc công nông Khu Tự trị Việt Bắc. Từ năm 1964 đến năm 1967, được cử đi học tại Trường Công nghiệp Giang Tô (Trung Quốc); trở về nước, theo học tại Khoa Chế tạo máy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp (1971), làm nhân viên công nghiệp nặng thuộc Khu Tự trị Việt Bắc. Tháng 9/1974, được phân công làm công tác giảng dạy tại Trường Công nhân kỹ thuật cơ điện Việt Bắc; năm 1977, là Phó Trưởng phòng Giáo vụ; năm 1986, được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng và từ năm 1991, làm Hiệu trưởng Trường Công nhân kỹ thuật cơ điện Việt Bắc. Từ tháng 8/2001, là Chuyên viên Phòng Đào tạo Trường Công nhân kỹ thuật - Đại học Thái Nguyên.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998.

KHUỔI CHAO

Suối, bắt nguồn từ các khe suối nhỏ của vùng núi Khuổi Chao hợp lưu tại Bản Pù (xã Bảo Linh, huyện Định Hóa) tạo thành suối. Từ Bản Pù, suối Khuổi Chao chảy dọc xã Bảo Linh theo hướng bắc - nam xuống các xóm A Nhì (xã Bảo Linh), Đồng Rằm, Khau Lầu, Khau Diều (xã Định Biên). Đoạn từ A Nhì xuống Khau Diều, suối là ranh giới tự nhiên giữa hai xã Đồng Thịnh và Định Biên. Từ Khau Diều, suối chảy qua Thẩm Tắng, hợp lưu với suối Cái chảy từ xã Thanh Định xuống xóm Nà To (xã Định Biên) tạo thành sông Chợ Chu.

Suối Khuổi Chao là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các cơ quan Bộ Tổng Tham mưu Tổng cục Chính trị trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ năm 1988, tại xã Bảo Linh, suối Khuổi Chao đã được đắp đập, ngăn dòng thành hồ Bảo Linh, đảm bảo nước tưới cho hàng trăm ha ruộng của các xã Đồng Thịnh, Định Biên, Bảo Linh, Bảo Cường, Phượng Tiến, thị trấn Chợ Chu.

KHUỔI MÈO

Mỏ chì kẽm, nằm trên địa bàn xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai. Diện tích 13 ha, trữ lượng 14.318 tấn quặng nguyên khai, công suất thiết kế 3.000 tấn/năm. Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 5 năm theo Giấy phép số 679/GP-UBND, ngày 29/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

KHUỔI TÁT

Cầu, được xây dựng năm 2009 tại Km 29+364 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa. Cầu kết cấu nhịp, dầm bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn; kết cấu mố trụ móng bằng bê tông cốt thép. Cầu dài 23 m, rộng 8,5 m; tải trọng H30-Xb80; tải trọng khai thác biển báo 30 tấn.

KHUỔI TÁT

Nơi ở và làm việc của bộ phận thuộc Cục Thông tin - Bộ Quốc phòng (1952 - 1953). Vị trí di tích ở lưng chừng đồi, bên bờ suối sau xóm Khuổi Tát thuộc xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa. Tại đây, bộ phận này làm nhiệm vụ tiếp nhận và vận chuyển công văn, văn kiện từ các cơ quan, đơn vị chuyển đến và chuyển đi, chủ yếu bằng phương tiện đi bộ. Đến cuối năm 1953, bộ phận này chuyển xuống xã Kim Phượng.

KHUỔI UỐN

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1990 tại địa phận xóm Khuổi Uốn, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp dài 6 m. Mố cầu và dầm cầu được làm bằng gỗ. Cầu Khuổi Uốn có tải trọng 0,5 tấn.

KHUÔN

Đền, được dựng từ thời vua Lý Anh Tông (1138 - 1175), dưới chân đồi Khuôn thuộc xóm Đồng Chằm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương, để thờ Cáo Hoàng Từ Hòa là một viên quan giúp việc có tài, đức của Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Ngôi đền này không còn dấu tích gì.

Trước 1993, đền Khuôn gồm 3 gian nhỏ, cột làm bằng gỗ táu, mái lợp lá cọ, mặt quay về hướng nam nhìn thẳng vào núi Đuổm. Năm 1993, nhân dân địa phương xây lại đền Khuôn 3 gian tường gạch, cột gỗ xoan, mái lợp ngói, diện tích 24 m², có hậu cung nhỏ. Trước cổng chính, có miếu Quan Sơn (Sơn Thần). Sân đền có cây hương cao 1,2m.

Ngày lễ đền Khuôn tổ chức vào ngày 25/1 Âm lịch hằng năm; lễ vật có cỗ chay, cỗ mặn làm từ những sản vật địa phương.

Do nằm cách đền Đuổm - một di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng Quốc gia chỉ khoảng 800 m về phía tây bắc, nên đền Khuôn có nhiều khách thập phương đến thắp hương.

KHUÔN KHẺM

Nơi mở lớp đào tạo quân y sĩ (1948 - 1951). Vị trí di tích nằm trên đồi Khuôn Khẻm thuộc xóm Na Pháng, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương.

Cục trưởng Cục Quân y Vũ Văn Cẩn cùng cán bộ và cố vấn Trung Quốc tham gia đào tạo Quân y sĩ tại Khuôn Khẻm. Tổng cộng có 8 nhà tranh tre nứa lá làm lớp học, hội trường, nơi làm việc. Từ các lớp đào tạo tại Khuôn Khẻm, hàng trăm quân y sỹ đã về các đơn vị cứu chữa thương binh trên khắp các mặt trận trên toàn chiến trường Đông Dương.

Hiện nơi ở của Cục Quân y ở đồi Khuôn Khẻm chỉ còn lại dấu vết là một nền nhà dài 14 m, rộng 7 m và một số đoạn đường hào chữ chi sạt lở.

KHUÔN LÂN

Nơi đặt trụ sở Tòa soạn báo *Quân du kích* trực thuộc Cục Dân quân (3/1948 - 7/1950). Vị trí di tích ở xóm Khuôn Lân thuộc xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

Cũng tại đây, từ tháng 5 đến tháng 8/1951, Tổng cục Cung cấp đã mở lớp huấn luyện cán bộ cung cấp khóa I. Lớp huấn luyện có 88 học viên là cán bộ cấp đại đoàn, trung đoàn, tỉnh đội tham gia. Tháng 6, Hồ Chủ tịch gửi thư cho lớp học, nêu rõ: "*...công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc ngoài mặt trận... Nhiệm vụ chính của cán bộ cung cấp là phụng sự đại đa số của bộ đội, tức là người binh nhì. Phải thương yêu, săn sóc người binh nhì. Cán bộ cung cấp phải như người mẹ, người chị của người binh nhì...*".

Ngày 15/6 đã trở thành Ngày truyền thống của Trường Sĩ quan Hậu cần và Học viện Hậu cần ngày nay.

KHUÔN LÌNH

Cầu, được xây dựng tại Km 145+42 - Quốc lộ 37, thuộc địa phận xóm 11 xã Hà Thượng, huyện Đại Từ. Trước năm 1987 là cầu sắt, trụ móng được xây bằng đá hộc, mặt cầu lát ván gỗ xẻ, chiều rộng 4 m. Năm 1987,

cầu được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép; năm 2006, sửa chữa, thay mới dầm bản. Hiện tại, cầu dài 7,7 m, rộng 8,5 m, trong đó chiều rộng cho xe chạy 8 m, kết cấu nhịp 6,58 m bằng bê tông cốt thép, mố M1 - M2, móng bê tông, thân ĐX; tải trọng thiết kế H13 - Xb80, tải trọng hiện tại 17 tấn.

KHUÔN LỒNG

Cầu, được xây dựng năm 1970 tại Km1+950 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Yên Đổ, huyện Phú Lương. Cầu dạng kết cấu nhịp/dầm bê tông cốt thép; nhịp GD có chiều dài 11,5 m, chiều rộng 6 m. Dạng mặt cắt dầm, chủ số dầm một nhịp/bản bê tông cốt thép. Dạng kết cấu mố trụ móng: xây đá có tải trọng: H13-X60. Tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

KHUÔN MÁNH

Nơi thành lập Trung đội Cứu quốc quân II (15/9/1941), gồm 47 đội viên, biên chế thành 5 tiểu đội. Di tích nằm trong khu rừng Khuôn Mánh thuộc xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai. Trung đội Cứu quốc quân II là một trong những đơn vị tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam, có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy phong trào cách mạng, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945. Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994).

KHUÔN NANH

Hồ nhân tạo, được xây dựng trong những năm từ 1990 đến 1992 tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ; phía tây giáp dãy núi Tam Đảo, phía nam giáp xã Phú Xuyên, phía bắc giáp xã Kháng Nhật, tỉnh Tuyên Quang.

Hồ do Cụm Khai thác thủy lợi phía Bắc, Trạm Khai thác thủy lợi Đại Từ quản lí, vận hành. Đập chính dài 86 m, cao 18,07 m, mặt đập rộng 4 m; cao trình mực nước dâng bình thường 57,3 m, cao trình mực nước chết 45 m; diện tích lưu vực: 0,7 km^2, diện tích mặt nước 3 ha, dung tích chứa 80.000 m^3.

Hồ Khuôn Nanh cung cấp nước tưới cho 11 xóm, thuộc xã Yên Lãng với tổng diện tích tưới 3 vụ (lúa và hoa màu) là 381 ha.

KHUÔN NANH

Nơi thành lập Khu ủy Phân khu Nguyễn Huệ. Vị trí di tích nằm ở xóm Khuôn Nanh, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

Trung tuần tháng 10/1944, tại nhà đồng chí Lâm Vạn Đại ở xóm Khuôn Nanh, Hội nghị (gồm lãnh đạo Cứu quốc quân II, 12 đồng chí đảng viên vừa vượt ngục Chợ Chu, cán bộ địa phương) dưới sự chủ trì của đồng chí Chu Văn Tấn và Song Hào đã quyết định thành lập Khu ủy Phân khu Nguyễn Huệ. Đồng chí Song Hào được cử làm Bí thư, các đồng chí Tạ Xuân Thu và Lê Hiến Mai được cử làm Ủy viên Khu ủy. Sau ngày thành lập, Khu ủy Phân khu Nguyễn Huệ trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong Phân khu không ngừng lớn mạnh, tiến hành khởi nghĩa từng phần giành chính quyền về tay nhân dân ở các địa phương, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Di tích được xếp hạng Di tích lịch sử Quốc gia tại Quyết định số 05/1999-QĐ-BVHTT ngày 12/2/1999.

KHUÔN NGÀN

Cầu, được xây dựng năm 1993 tại Km 161+365 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Khuôn Ngàn, thuộc địa phận xóm 1 xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ. Cầu dài 13,54 m, rộng 7,6 m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 7 m, kết cấu nhịp 6,6 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông thân bê tông; tải trọng thiết kế H30 - Xb80, tải trọng hiện tại 30 tấn.

KHUÔN NGÀN

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo (địa phận xã Phú Xuyên) chảy qua khu vực Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên, nhập vào suối Trà ở địa điểm giáp giới xã Na Mao - Phú Cường, rồi đổ vào sông Công.

KHUÔN RANG

Đình, có từ lâu đời ở xóm Đầm Rum, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương; là nơi thờ thành hoàng làng là Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình gồm 3 gian dài 12 m, rộng 7 m, xung quanh bưng gỗ ván, mái lợp lá, sàn đình lát ván ở cách đất 0,6m, hoành và xà đều chạm trổ công phu hình long, li, quy, phượng. Chính quyền cách mạng lâm thời xã Ôn Lương được thành lập tháng 7/1945 tại đình Khuôn Rang.

Đình Khuôn Rang đã bị hủy hoại hoàn toàn. Dấu tích ngôi đình chỉ còn nền đình, một số tảng kê chân cột bằng đá và trước sân đình còn một cây đa cổ thụ.

KHUÔN TÁT

Di tích danh thắng tại xóm Khuôn Tát, xã Phú Đình huyện Định Hóa. Là thác nước 7 tầng chảy từ trên đồi Khuôn Tát xuống cánh đồng thôn Tỉn Keo. Nước trong, mát, cảnh đẹp, là điểm du lịch hấp dẫn du khách gần xa. Di tích được xếp hạng Quốc gia theo Quyết định số 53/2001/QĐ-BVHTT ngày 28/12/2001 và là một trong những di tích thuộc.

KHUÔN TÁT

Đình, được xây dựng khá kiên cố, cột trụ bằng đá, ở xóm Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hoá.

Đình Khuôn Tát là nơi thờ nhiều vị thần, trong đó có 3 vị thần chính: Ri Thơn Đại vương là thần ở chân núi Khẩu Nhị, thần Bạch Long Hoa, Đại thần Lý Hoàng Nhân. Ngoài ra, đình còn là nơi thờ Đại Thần Sơn Nhị, Thần Đồi Goongcum. Đình đã sụp đổ hoàn toàn vào năm 1983; nay chỉ còn địa điểm và các cây cột trụ bằng đá.

KHUÔN TÁT

Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (20 - 29/11/1947, 1/1 - 7/3/1948, 5/4 - 1/5/1948, cuối 1953 - 1/1954). Vị trí di tích nằm trên đồi Nà Đình, xóm Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hóa. Lán nhỏ Bác ở và làm việc làm theo kiểu nhà sàn, rất đơn sơ. Tại đây, ngày 20/1/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp (Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam), Sắc lệnh số 111/SL phong quân hàm Thiếu tướng cho các đồng chí Hoàng Văn Thái (Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam), Nguyễn Sơn (Khu trưởng Chiến khu 4), Hoàng Sâm (Khu trưởng Chiến khu 2), Chu Văn Tấn (Khu trưởng Chiến khu 1); Sắc lệnh 112/SL phong quân hàm Thiếu tướng cho các đồng chí Trần Tử Bình (Trưởng phòng Kiểm tra cán bộ), Văn Tiến Dũng (Cục trưởng Cục Chính trị), Lê Hiến Mai (Chính ủy Chiến khu 2).

Di tích được xếp hạng Quốc gia (Quyết định số 10-VHTT/QĐ ngày 9/2/1981).

KHUÔN TÁT

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Khuôn Tát, xã Phú Đình, chảy qua các xóm Khuôn Tát, Tỉn Keo. Tại khu vực giáp ranh 3 xã: Phú Đình, Sơn Phú, Bình Thành, suối Khuôn Tát hợp lưu với sông Bình Nguyên chảy từ xã Điềm Mặc xuống, tạo thành sông Công. Tổng diện tích lưu vực suối Khuôn Tát trên địa bàn huyện Định Hóa khoảng 60 km², lưu lượng mức bình quân 3,06 m³/s.

Suối Khuôn Tát là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho nhân dân và các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội đóng trên địa bàn xã Phú Đình trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

KHUYÊN NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, quê xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; trú quán tại xã Trung Lương, huyện Định Hoá.

Mẹ Nguyễn Thị Khuyên có 3 con liệt sĩ là Hà Tiến Tăng (con nuôi, nhập ngũ ngày 15/10/1950, hi sinh ngày 10/12/1951 tại Mặt trận Tu Vũ (Hòa Bình); Nguyễn Văn Khảm (nhập ngũ ngày 30/11/1952, hi sinh ngày 3/1/1953 tại tỉnh Bắc Giang); Nguyễn Văn Hội (nhập ngũ ngày 30/6/1967, hi sinh ngày 1/9/1972 tại xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình).

Mẹ Nguyễn Thị Khuyên được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định ngày 24/4/1995, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

KHUYÊN TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1900, quê xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trú quán xã Tân Thành, huyện Phú Bình.

Mẹ Trần Thị Khuyên có con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Quảng (nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 7/9/1972 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Trần Thị Khuyên được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định ngày 24/4/1995 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

KHUYNH QUỲ

Tổng, thuộc châu Định Hóa, trước năm 1945 gồm các xã:

Xã Khuynh Quỳ gồm 3 làng: Bản Tổ (có 1 xóm: Bản Tổ), Bản Phình (có 3 xóm: Bản Phình, Bản Phải, Na Cáp), Đồng Cấm (có 1 xóm: Đồng Cấm); Xã Phố Ngữ gồm 3 làng: Na Po (có 2 xóm: Na Po, Na Nhâu), Khôn Tấu (có 1 xóm: Khôn Tấu), Khôn May (có 2 xóm: Cây Thung, Khôn May); Xã Chợ Chu gồm 1 phố: Chợ Chu và xã Quảng Nạp.

Về cơ bản, tổng Khuynh Quỳ tương đương với địa phận các xã Phú Tiến, Trung Hội, Phượng Tiến, thị trấn Chợ Chu của huyện Định Hóa ngày nay.

KIỂN PHAN ĐÌNH (Đã mất)

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Hoàng Hải, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng; nguyên Chủ nhiệm Khoa Vật lí Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1963, tốt nghiệp Khoa Lí Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông về dạy học tại Trường Phổ thông cấp III Trùng Khánh (Cao Bằng). Năm 1968, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Liên Xô; năm 1972, trở về nước được điều về làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Ngoài công tác giảng dạy, nhà giáo Phan Đình Kiển còn tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia Hội Vật lí Việt Nam, phụ trách Chi hội Vật lí Đại học Thái Nguyên. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1994.

KIỀU LÊ HỮU (1690 - 1760)

Đốc trấn Thái Nguyên, tên hiệu là Tốn Trai, quê ở làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Dương), trong một gia đình có truyền thống nho học quan lại. Ông là một trong 10 người con đều thành đạt của Lê Hữu Danh; là em trai của 2 Tiến sĩ đại khoa Lê Hữu Hỷ, Lê Hữu Mưu; là chú ruột của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác; là bố vợ của danh nhân Lê Quý Đôn.

Lê Hữu Kiều đỗ Tiến sĩ năm 1718, có tài chính sự kiêm văn võ. Sau khi đỗ đạt, ông giữ chức Tư vụ ở Bộ Hộ, quyền Hiến sát xứ Kinh Bắc, Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm Hữu thị lang Bộ Công. Năm 1723, Lê Hữu Kiều được cử đi sứ Trung Quốc, có tập thơ *Bắc sứ hiệu tần*. Khi về nước, được thăng Tả thị lang Bộ Công, tước Liêu Đình bá, rồi phong lên chức Đô đài (1740) Thượng thư Bộ Công (1742), điều vào làm Lưu thủ trấn Thanh

Hoa. Năm 1743, về Kinh được thăng chức Tham Tụng. Sau, ông về làm Đốc trấn Thái Nguyên, Tham nghị Nghệ An. Năm 1747 về lại kinh, Lê Hữu Kiều được cử giữ nhiều trọng trách trong triều đình nhà Lê, như Thượng thư Bộ Lễ, Thượng thư Bộ Binh, rồi Tham tụng (1749) là chức vụ cao nhất, đứng đầu các quan trong triều đình.

Danh sĩ đương thời luôn trọng ông là người tài cao đức vọng, thường nhờ ông dìu dắt, trong đó có Lê Quý Đôn - sau trở thành con rể của ông. Sau khi mất, ông được tặng chức Thiếu phó, tước Liêu Quận công.

KIM NGUYỄN VĂN

Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh, sinh năm 1954, dân tộc Kinh, quê xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên.

Ông tham gia cách mạng năm 1971, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1974, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (5/2004), Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (10/2007).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huy chương Chiến sĩ giải phóng, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất.*

KIM BÀI

Đình, còn có tên là đình Vạn Điệp, được dựng từ lâu đời trên đỉnh đồi cao, rộng ở xóm Na Phài, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai; là nơi thờ thành hoàng làng - một người có công đánh giặc giữ nước, giữ làng từ thời Lý.

Xưa kia, lễ hội lớn nhất trong năm tại đình diễn ra vào ngày 21/1 Âm lịch. Đình Kim Bài nay đã đổ nát hoang tàn. Trên nền đình cũ, nhân dân địa phương đã dựng lại một căn nhà nhỏ làm nơi cúng lễ.

KIM CƯƠNG

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 2002 tại xóm Kim Cương, xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ. Hồ Kim Cương thuộc loại công trình cấp 4, có diện tích mặt nước khoảng 6 ha, với dung tích 150.000 m^3 nước; một kênh chính dài 3 km.

Diện tích tự nhiên của hệ thống là 51 ha; diện tích tưới, tiêu là 42,5 ha. Dung tích hữu ích: $0,236.10^6$ m^3; dung tích ứng với mực nước dưới trung bình: $0,244.10^6$ m^3.

Hồ Kim Cương là nguồn cung cấp nước tưới cho 60 ha ruộng lúa cấy hai vụ. Ngoài ra, hồ còn là nguồn cung cấp thực phẩm, điều tiết độ ẩm và tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

KIM HOA

Chùa, còn có tên gọi chùa Na Mạ, được dựng từ thế kỷ XII trên một quả đồi ở giữa xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Hằng năm, chùa có 3 ngày lễ chính: Lễ Thượng Nguyên vào ngày 15/1, lễ Phật Đản vào ngày 8/3, lễ Tất niên vào ngày 30/12 âm lịch.

Năm 1945, chùa Kim Hoa là địa điểm tổ chức lễ tuyên bố giải tán chính quyền đế quốc, phong kiến và thành lập chính quyền cách mạng xã Huống Thượng và tổng Huống Thượng. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chùa được làm trụ sở của Ủy ban Hành chính, sau đó là Ủy ban Kháng chiến Hành chính và các ban, ngành, đoàn thể xã Đồng Tiến (đến năm 1960).

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, Ban Phá hoại của xã đã phá tam quan chùa. Năm 1960, chùa Kim Hoa phá dỡ để xây dựng Trường Phổ thông cấp I (nay là Trường Tiểu học) của xã.

KIM LOẠI MẦU

Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên (gọi tắt là Công ty Kim loại Mầu); tiền thân là Xí nghiệp Luyện kim mầu Bắc Thái, được thành lập ngày 25/9/1979, trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện Kim. Qua nhiều lần biến động về tên gọi, ngày 17/12/2010, Chính phủ quyết định Công ty Luyện kim mầu là đơn vị thành viên của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam.

Trụ sở Công ty đặt tại phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có 6 đơn vị thành viên, 11 phòng chức năng, 3 phân xưởng với 1.800 công nhân viên chức và 3 Công ty liên kết, hoạt động chủ yếu trên địa bàn ba tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và Nam Định.

Mặt hàng truyền thống của Công ty là bột kẽm kim loại 99,95%, được Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận tốp *50 sản phẩm vàng thời hội nhập* (năm 2010).

Cùng với sản phẩm trên, Công ty còn tổ chức khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, tuyển luyện, tinh luyện, mua bán và xuất khẩu vàng, bạc,

thiếc, kẽm, chì, đồng, ăngtimoan...; thiết kế, xây dựng, tiêu chuẩn mỏ, cần trục 5 tấn, tời chạy động cơ điện có sức kéo tới 10 tấn; thi công sửa chữa đường điện, trạm biến áp từ 10kw trở xuống.

KIM PHƯỢNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Kim Phượng (một phần của xã An Lạc) huyện Định Hóa thuộc An toàn khu Trung ương; là nơi làm việc của một bộ phận Cơ quan Bộ Tổng Tham mưu (1951 - đầu 1953) và của các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Sơn... Đây cũng là nơi diễn ra Hội nghị (trù bị) Chiến sĩ Thi đua toàn quốc lần thứ nhất.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Kim Phượng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng An toàn khu, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan, đơn vị, các hội nghị quan trọng của Trung ương và các đồng chí cán bộ lãnh đạo cao cấp của quân đội ở và làm việc trên địa bàn. Nhân dân trong xã còn động viên 19 thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường; đóng góp 2.196 ngày công phục vụ Chiến dịch Tây Bắc; 122 người xung phong đi dân công hoả tuyến phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ; ủng hộ kháng chiến 52 con trâu, bò, 43 tấn lương thực, 12 tấn thực phẩm, 350 đồng tiền Đông Dương, 120 vạn đồng tiền Sông Lô, 60 đồng bạc trắng, 130 chỉ vàng...

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Kim Phượng đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

KIM PHƯỢNG

Nơi thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Định Hóa (1945). Vị trí di tích nằm ở xã Kim Phượng, huyện Định Hóa.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 858/QĐ-UBND, ngày 15/4/2010).

KIM PHƯỢNG

Xã miền núi nằm ở vùng phía Bắc huyện Định Hóa, thành lập đầu năm 1954 trên cơ sở tách xã An Lạc thành 3 xã An Lạc, Kim Phượng và Linh Thông. Ngày 17/12/1965, thực hiện Quyết định số 46/NV ngày 7/2/1965 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, xã Kim Phượng tách thành 2 xã Kim Phượng, Kim Sơn, chính thức hoạt động theo đơn vị hành chính mới. Phía đông giáp các xã Lam Vỹ, Tân Thịnh, Tân Dương; phía tây giáp xã Kim Sơn; phía nam giáp thị trấn Chợ Chu, phía bắc giáp xã Quy Kỳ.

Diện tích tự nhiên 1305 ha, trong đó đất nông nghiệp 827,14 ha, đất phi nông nghiệp 86,73 ha, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) có 2.760 người thuộc các thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Hoa, Nùng, Dao, Sán Chay, Thái, Mường và Hrê cư trú ở 12 xóm: Bản Lanh, Bản Lác 1, Bản Lác 2, Nam Cơ, Bản Ngói, Bản Đa, Bản Mới, Bản Kết, Đông Nghè, Nà Bẻn, Cạm Phước, Nà Bó.

KIM SƠN

Đền, còn gọi là đền Gốc Sấu, được dựng cuối thế kỷ XIX bên bờ sông Cầu, thuộc xóm Đồng Bẩm, xã Đồng Bẩm, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ; nay là xóm Đồng Tâm; xã Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên.

Ban đầu, đền là ngôi nhà sàn nhỏ 4 cột gỗ, xung quanh bưng ván, giữa khu đất nhiều cây cổ thụ. Năm 1947, đền bị phá hủy theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Năm 1994, đền được trùng tu, có hình chữ ĐINH gồm 3 gian và một gian hậu cung, mặt nhìn về phía tây bắc.

Đền Kim Sơn thờ Chúa Bà Đệ Nhị là người xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tương truyền là người có công kêu gọi dân chúng trong vùng đứng lên chống giặc Cờ đen hồi giữa thế kỷ XIX, và: Mẫu Bách Thiên, Mẫu Cửu trùng Thiên, ông Hoàng Bơ, ông Hoàng Bảy, Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Chử Đồng Tử, Mẫu Liễu Hạnh. Hậu cung thờ Phật Bà Quan âm nghìn mắt, nghìn tay, Tam tòa thánh Mẫu, Nam Tào, Bắc Đẩu và Ngũ hổ.

Những năm 1941 - 1944, các đồng chí: Hoàng Quốc Việt - Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ và Chu Văn Tấn - chỉ huy Cứu quốc quân... từng qua lại hoạt động ở đền.

Di tích lịch sử văn hóa đền Kim Sơn đã được xếp hạng cấp Tỉnh tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 14/1/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

KIM SƠN

Nhà thờ họ đạo, được dựng năm 1932 bằng tre, nứa, tại xóm Guộc, xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên. Tổng diện tích khuôn viên 1.932m². Năm 1947, nhà thờ được dựng lại bằng gỗ và sau này được tu sửa, nâng cấp bằng gạch ngói.

Nhà thờ họ đạo Kim Sơn là nơi sinh hoạt tôn giáo của giáo dân xóm Guộc, xã Tân Cương và một số xóm của các xã lân cận.

KIM SƠN

Xã miền núi nằm ở vùng phía Bắc huyện Định Hóa, thành lập ngày 17/12/1965 trên cơ sở tách xã Kim Phượng thành 2 xã Kim Phượng và Kim Sơn theo Quyết định số 46/NV ngày 7/2/1965 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Về phía đông, xã Kim Sơn giáp xã Kim Phượng, phía tây nam và phía nam giáp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, phía tây bắc và phía bắc giáp xã Quy Kỳ.

Diện tích tự nhiên 994 ha, trong đó đất nông nghiệp 915,75 ha, còn lại là đất phi nông nghiệp. Dân số (năm 2009) có 2.156 người, thuộc 10 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Dao, Nùng, Sán Chay, Hoa, Thái, Mường, Mông và Sán Dìu cư trú ở 13 xóm: Kim Tân.1, Kim Tân 2, Kim Tân 3, Kim Tân 4, Kim Tân 5, Kim Tân 6, Kim Tân 7, Kim Tân 8, Kim Tiến 1, Kim Tiến 2, Kim Tiến 3, Kim Tiến 4, Kim Tiến 5.

KIM TỈNH

Đình, được dựng từ lâu đời trên một gò đất nhỏ thuộc làng Kim Tỉnh, tổng Thượng Giã, nay là xã Trung Thành, huyện Phổ Yên.

Đình là nơi thờ các vị thành hoàng: Cao Sơn đại vương, người có công giúp vua Hùng giữ nước, Thánh Tam giang, người có công giúp Triệu Quang Phục chống giặc Lương.

Năm 1947, ngôi đình bị phá dỡ theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Sau hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954), đình được xây dựng lại trên nền đất cũ và những năm 2008 - 2009, đình lại được trùng tu, tôn tạo to đẹp hơn.

Dấu tích ngôi đình xưa hiện còn giữ được là tấm bia đá dựng vào thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847) và 11 bản sắc phong (photo) của các triều vua phong cho các thần và một bản thần tích.

KIM TĨNH

Hồ chứa nước nhân tạo, được khởi công xây dựng năm 1959 ở xã Tân Kim, huyện Phú Bình; hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1960, do Công ty Quản lí khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên trực tiếp quản lí.

Hồ có đập chính dài 120 m, cao 8 m. Theo thiết kế hồ này có thể cung cấp nước tưới cho 120 ha. Hiện nay, hồ đang cung cấp nước tưới cho 100 ha đồng ruộng của xã Tân Kim và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

KINH

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, là cư dân bản địa ở tỉnh Thái Nguyên; chiếm 73,11% dân số toàn tỉnh vào thời điểm tháng 4/2009, với 82.010.077 nhân khẩu. Người Kinh sinh sống ở khắp 180/180 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, song tập trung chủ yếu ở các thị trấn, thị xã, thành phố và các huyện phía nam.

Về kinh tế, người Kinh ở các vùng nông thôn chủ yếu sinh sống bằng nghề nông với việc sản xuất lúa và các loại hoa màu, cây công nghiệp. Ngoài trồng trọt là chăn nuôi mang tính tự cấp tự túc; nhưng khoảng 20 năm trở lại đây, người Kinh đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo xu hướng hàng hoá. Người Kinh ở thành thị chủ yếu kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ đa dạng với khối lượng lớn và hiệu quả cao.

Về văn hoá, người Kinh ở Thái Nguyên mang theo và duy trì hầu hết các phong tục, tập quán sinh hoạt của người Kinh ở đồng bằng Bắc Bộ.

KINH NGUYỄN ĐẮC

Nhà giáo Ưu tú, quê tỉnh Thanh Hoá, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông chuyên Thái Nguyên.

Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), dạy học ở các trường phổ thông miền núi, năm 1985, nhà giáo Nguyễn Đắc Kinh được phân công làm Hiệu trưởng Trường Phổ thông cấp III (nay là Trường Trung học phổ thông) Gang thép Thái Nguyên.

Nhà giáo Nguyễn Đắc Kinh 14 năm được công nhận là *Chiến sĩ thi đua*, được trao tặng *Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục*, *Huy chương Vì thế hệ trẻ*. Năm 2000, được điều động về làm Hiệu trưởng Trường Trung học

phổ thông chuyên Thái Nguyên. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2000.

KINH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1898, quê xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên; thường trú tại xã Tân Hòa, huyện Phú Bình.

Mẹ Nguyễn Thị Kinh có con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Bằng (nhập ngũ năm 1949, hi sinh năm 1949).

Năm 2003, mẹ Nguyễn Thị Kinh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

KÍNH LÝ NGỌC

Thầy thuốc Ưu tú, nguyên Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên, Vụ trưởng Vụ Điều trị Bộ y tế. Bác sĩ Lý Ngọc Kính được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2000.

KÍNH NGUYỄN THÀNH

Phó Bí thư Tỉnh ủy, sinh năm 1951, dân tộc Kinh, quê xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên; tham gia cách mạng năm 1969, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1971, Phó Bí thư Tỉnh ủy (2003 - 2006), Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (5/2004 - 7/2005).

Đồng chí đã được tặng thưởng 2 *Huân chương Chiến sĩ giải phóng (hạng Nhì, hạng Ba)*, *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất.*

KÝ PHÚ

Đình, được dựng từ lâu đời trên một đồi cao tại xóm Gió, xã Ký Phú, huyện Đại Từ; là nơi thờ Thành hoàng làng Đức Thánh Trần. Hội chính được tổ chức vào ngày 15/3 Âm lịch hằng năm.

Đình Ký Phú là nơi họp bí mật của đội quân cách mạng địa phương đầu năm 1945. Ngày 9/4/1945, quân cách mạng đã diệt 2 lính Nhật và 1 Việt gian khi chúng lọt vào khu căn cứ. Cũng tại ngôi đình này, cuối tháng 4/1945, trên đường dự Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ về qua, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn đã làm việc với Đội Du kích Cao Sơn, giao nhiệm vụ cho đơn vị bảo vệ địa bàn, giữ vững đường dây liên lạc từ An toàn khu II lên Tân Trào.

Sau Cách mạng tháng Tám, đình Ký Phú là nơi hội họp, mít tinh, nơi làm việc của Ban Việt Minh và chính quyền lâm thời xã; là địa điểm nhân dân địa phương bầu Quốc hội khoá I, bầu Ủy ban Hành chính xã. Cuối năm 1947, nhân dân Ký Phú tự tay phá dỡ đình theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến ...

KÝ PHÚ

Tổng, nằm ở cực Nam huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 4 xã, 21 làng, xóm. Xã Ký Phú gồm 5 làng: Duyên, Cạn, Gió, Sảng, Làng Nhớn và 3 xóm: Soi Hạ, Trại Chuối, Trại Đan; Xã Vân Yên gồm 1 làng: Cả và 6 xóm: Đầm Mây, Na Buồn, Núi, Gò, Ban, Vườn Bầu; Xã Cát Nê gồm 3 làng: Đồng Góc, Na Hoan, Vĩnh và 1 xóm: Đình; Xã Quân Chu gồm 2 làng: Quân Chu và Đồng Vu.

Về đại thể, tổng Ký Phú thời kỳ này tương đương địa phận các xã Vân Yên, Ký Phú, Cát Nê, Quân Chu và thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ ngày nay.

KÝ PHÚ

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Văn Yên, phía đông bắc giáp xã Vạn Thọ, phía đông nam giáp xã Cát Nê. Thời thuộc Pháp là làng Ký Phú thuộc tổng Ký Phú. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, xã Ký Phú là một trong hai xã(Ký Phú, Vân Yên) của tổng Ký Phú huyện Đại Từ. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, Ký Phú là 1 trong 4 xã (Cát Nê, Ký Phú, Quân Chu, Vân Yên) của tổng Ký Phú. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Ký Phú thuộc xã Tân Thành. Đến năm 1953, xã Ký Phú tách khỏi xã Tân Thành, tồn tại cho đến nay.

Diện tích tự nhiên 0,9742 km². Dân số (năm 2009) 6. 832 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Thái cư trú ở 10 xóm: Chuối, Soi, Dứa, Cả, Đặn 1, Đặn 2, Đặn 3, Gió, Cạn, Duyên. Nhân dân các dân tộc trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp chủ yếu là cây chè.

Xã Ký Phú có di tích Núi Văn, cùng với di tích Núi Võ của xã Văn Yên tạo thành quần thể di tích về danh tướng Lưu Nhân Chú với cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược thế kỷ XV.

Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Ký Phú là nơi đứng chân của nhiều cơ quan Trung ương, các đơn vị quân đội.

KÝ PHÚ

Chợ, thuộc xã Ký Phú, có từ xa xưa và là một trong những chợ lớn của vùng Tây Nam huyện Đại Từ.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, chợ Ký Phú có 5 quán gỗ, mái lợp tranh nứa với tổng số khoảng 15 gian. Chợ họp một tháng 6 phiên vào ngày 3, ngày 8 bày bán các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, dược liệu, hàng tạp hóa. Cũng như nhiều chợ miền núi khác, trước phiên chợ chính một ngày có chợ "áp phiên", để những người ở xa thường đến từ hôm trước, mua bán một phần hàng hóa, phần còn lại mua hoặc bán vào ngày chính phiên.

Hiện nay, Ký Phú vẫn là chợ lớn, là nơi giao thương buôn bán, mua sắm chủ yếu của nhân dân 5 xã (Lục Ba, Vạn Thọ, Văn Yên, Ký Phú, Quân Chu).

LA BẰNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

La Bằng là xã miền núi nằm ở khu vực phía Tây huyện Đại Từ. Nhân dân xã La Bằng có truyền thống cách mạng từ lâu đời. Mùa thu năm 1936, những cán bộ đầu tiên đã đến La Bằng để xây dựng tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng đã giúp đỡ và bảo vệ an toàn các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội đến ở và làm việc tại địa phương. Nhân dân La Bằng đã quyên góp ủng hộ kháng chiến 1,5 tấn gạo, 3 con trâu, 2 con lợn, 3 gian nhà gỗ...; 9 người con ưu tú của nhân dân La Bằng đã lên đường nhập ngũ tham gia chiến đấu trên các chiến trường. 15.500 lượt người trong xã tham gia phục vụ kháng chiến, đóng góp 42.000 ngày công phục vụ các Chiến dịch Biên giới, Trung du, Điện Biên Phủ.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngày 28/4/2000, nhân dân và lực lượng vũ

trang nhân dân xã La Bằng đã được Chủ tịch nước ký quyết định tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

LA BẰNG

Hợp tác xã chè xanh an toàn, thành lập ngày 5/12/2006. Cơ sở đặt tại xóm Đồng Tiến, xã La Bằng, huyện Đại Từ.

Hợp tác xã kinh doanh các ngành nghề: Trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè, cung ứng dịch vụ nước sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ du lịch..

LA BẰNG

Làng nghề trồng và chế biến chè, gồm 10 xóm: La Nạc, Lau Sau, La Bằng, Đồng Tiến, La Cút, Rừng Vần, Kẹm, Tiến Thành, Đồng Đình, Non Bẹo thuộc xã La Bằng, huyện Đại Từ.

Bước vào thời kỳ đổi mới (sau 1986), La Bằng quan tâm đầu tư đưa cây chè dần trở thành loại cây trồng chủ lực. Ngày nay, trồng và chế biến chè đã trở thành một nghề mũi nhọn của La Bằng.

Từ năm 2000, La Bằng mở rộng diện tích trồng chè và thay thế giống chè trung du già cỗi bằng các giống chè nhập nội (Long Vân, Keoamtich, Phúc Văn Tiên, Bát Tiên, LDP1...,) cho năng suất cao và chất lượng tốt. Nhờ đưa khoa học kỹ thuật vào khâu chăm sóc và chế biến, La Bằng có sản phẩm chè đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tại các hội thi, lễ hội văn hoá Trà do tỉnh Thái Nguyên tổ chức, chè La Bằng đã đạt 2 giải Nhất, 2 Cúp Vàng, 1 Cúp Bạc về chất lượng. Thương hiệu Chè La Bằng rất nổi tiếng trong và ngoài nước.

Hiện toàn xã có trên 220 ha chè, năng suất bình quân 100 tạ/ha. Cây chè đã tạo việc làm ổn định và là nguồn thu nhập chính cho hơn 700 hộ dân với gần 2.100 lao động.

LA BẰNG

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Tây huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Phú Xuyên, phía bắc giáp xã Phú Thịnh, phía nam giáp xã Bản Ngoại, phía đông giáp xã Hoàng Nông.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, gọi là xã La Bình, 1 trong 6 xã của tổng Tiên Sơn, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh*

Bắc Kỳ, khoảng những năm 20 của thế kỷ XX, đổi là làng La Bằng. Sau Cách mạng tháng Tám, làng La Bằng hợp với làng Hoàng Nông thành xã Chiến Đấu, thuộc tổng Đội Cấn, châu Giải Phóng (huyện Đại Từ). Đến năm 1947, La Bằng là một làng của xã Hoành Sơn (gồm các làng La Bằng, Tiên Sơn, Tân Mỹ, Hoàng Nông). Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn cho dễ quản lí, làng La Bằng tách khỏi xã Hoành Sơn, thành xã Tiến Bộ. Năm 1969, xã Tiến Bộ đổi thành xã La Bằng.

Hiện nay, xã La Bằng có 10 xóm: La Nạc, Lau Sau, La Bằng, Đồng Tiến, La Cút, Rừng Vần, Kẹm, Tiến Thành, Đồng Đình, Non Bẹo. Diện tích tự nhiên 21,42 km², dân số (năm 2009) 3.397 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Dao, Tày, Sán Chay, Mường, Thái, Ngái, Sán Dìu.

Trên 90% dân số La Bằng sinh sống bằng nghề nông. La Bằng có đặc sản trà búp khô. Trà La Bằng hương thơm, vị đượm, không chỉ nổi tiếng khắp trong nước mà còn xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới. Sản xuất trà búp khô mang lại nguồn thu nhập lớn cho nhân dân các dân tộc trong xã.

Nhân dân La Bằng có truyền thống yêu nước và cách mạng. Cuối năm 1936, cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của huyện Đại Từ và cũng là đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên được thành lập ở La Bằng.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc La Bằng đã có những đóng góp to lớn trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám, trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 521 người con ưu tú của La Bằng đã lên đường cầm súng chiến đấu; 36 người đã hi sinh trên các chiến trường được công nhận là liệt sĩ. 17 gia đình trong xã được tặng Bằng có công với nước, trên 300 người được tặng Huân, Huy chương Kháng chiến, Chiến công...

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. Di tích lịch sử nơi thành lập cơ sở đảng đầu tiên ở La Bằng được xếp hạng Di tích lịch sử Quốc gia.

LA ĐÀNH

Cầu, được xây dựng tại Km 134+560 - Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xóm La Đành, xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ. Cầu xây bằng bê tông cốt thép, một nhịp; chiều dài 7,6 m, rộng 7,05 m, cao 4 m. Tải trọng H13.

LA ĐÀNH

Đình, có từ lâu đời tại xóm Cây Thiều, xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ; được dựng bằng gỗ lim, gồm 3 gian, mỗi gian rộng 3m. Năm 1938, đình được chuyển về xóm La Đành, xã Hóa Trung, làm bằng gạch, lợp ngói, kích thước như cũ, nhưng xây thêm phần hậu cung. Trong đình có 2 lọng vàng và hòm sắt; bên trong hòm sắt đựng sắc phong, thần phả. Có 3 tấm bia đá khắc chữ Hán.

Đình La Đành là nơi thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn và Dương Tự Minh. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân pháp (1946 - 1954), đình bị phá hoàn toàn; các đồ vật quý bị lấy đi, các sắc phong, thần phả bị đốt.

Dấu tích của đình La Đành hiện nay chỉ còn nền đình, một gốc cây vải cổ thụ, 2 tấm bia đá dài 81 cm, rộng 45 cm, dầy 9 cm.

LA ĐÌNH

Tổng thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng La Đình đầu thế kỷ XX gồm 9 xã, 17 thôn, xóm: Xã La Đình có 4 làng, xóm: Xuân La, Sơn Hiên, Sơn Hương, Đại Đình.

Xã Úc Sơn có 4 làng, xóm: Sơn Linh, Sơn Nguyễn, Na Mô, Sơn Lương. Xã Kha Sơn Thượng có 4 làng, thôn: Làng Tre, Đông Thôn, Tây Thôn, Ngoại Thôn. Xã Kha Sơn Hạ có 3 làng, xóm: Xuân Lôi, Lê Nghi, Sơn Kha. Xã Bằng Cầu có 2 làng, xóm: Bình Định, Ngô Trù. Và các xã: Phương Độ, La Sơn, Mai Sơn, Kha Nhi.

LA ĐÌNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình; nằm ở khu vực phía Nam huyện; phía đông giáp các xã Đức Liên (nay là 2 xã Thanh Ninh, Lương Phú) và Tân Hòa, phía tây giáp các xã Đại Đồng (nay là xã Nga My), Nhã Lộng, Úc Kỳ, phía nam và tây nam giáp các huyện Tân Yên và Hiệp Hòa của tỉnh Bắc Giang, phía bắc giáp các xã Vạn Thắng (nay là các xã Tân Khánh, Tân Kim, Bàn Đạt, Đồng Liên), Bảo Lý. Diện tích tự nhiên 27,87 km², bao gồm toàn bộ địa bàn các xã Kha Sơn, Xuân Phương và thị trấn Hương Sơn ngày nay của huyện Phú Bình. Dân số (năm 1955) 8.491 người.

La Đình là nơi có truyền thống cách mạng. Từ năm 1943, vùng đất Kha Sơn của xã La Đình được Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ chọn làm An toàn khu II. Cụm di tích Kha Sơn (gồm đình Kha Sơn Thượng, đình Kha Sơn Hạ, chùa Mai Sơn, chùa Làng Ca, rừng Mấn, rừng Rác) đã được Bộ Văn hóa ra Quyết định số 985-QĐ/VH, ngày 7/5/1997 công nhận là di tích lịch sử.

Sau giảm tô (1953), xã La Đình tách thành 3 xã: Cấp Tiến, Hương Sơn, Xuân Phương (ngày 7/4/1967, xã Cấp Tiến đổi thành xã Kha Sơn Quyết định số 136/NV của Bộ Nội vụ; tiếp theo, xã Hương Sơn sáp nhập với thị trấn Úc Sơn thành thị trấn Hương Sơn, xã Xuân Phương giữ nguyên địa giới và tên gọi tới ngày nay).

LA GÔ

Đồn điền của chủ người Pháp, hình thành từ những thập niên đầu thế kỷ XX. Còn gọi là đồn điền Na, đồn điền Đu. Trụ sở chính (nơi làm việc) của chủ đồn điền đặt tại xã Động Đạt (nay thuộc thị trấn Đu).

Đồn điền La Gô ban đầu có trên 300 ha, chiếm diện tích lớn đất trồng lúa của các xã Động Đạt, Yên Lạc, Yên Đổ, Phấn Mễ, Vô Tranh khi đó. Về sau, chủ đồn điền lại tiếp tục được chính quyền thực dân cấp thêm đất để mở rộng đồn điền.

Theo thống kê tình hình doanh điền của Pháp, tính đến ngày 30/5/1938, diện tích đồn điền Na đã lên tới 1.920 ha, trong đó có 50 ha trồng lúa, 100 ha trồng cà phê và chè, số còn lại là đồng cỏ để chăn nuôi trâu, bò, ngựa. Việc trồng, thu hoạch cà phê và chè do nhân công làm thuê người Việt làm với đồng lương vô cùng rẻ mạt. Còn ruộng trồng lúa, chủ điền áp dụng phương thức phát canh thu tô. Cuộc sống của người dân lao động trong đồn điền vô cùng khổ cực.

Ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), chủ đồn điền Na bỏ chạy khỏi Thái Nguyên, đồn điền rơi vào tay quân Nhật quản lí. Một toán lính Nhật đã đóng tại dinh thự của chủ đồn điền trước đây để vơ vét các sản phẩm của đồn điền, bóc lột người dân địa phương và đàn áp phong trào cách mạng trong vùng.

Sau Cách mạng tháng Tám, đồn điền Na bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho dân cày nghèo.

LA HIÊN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

La Hiên là một xã của huyện vùng cao Võ Nhai. Nhân dân các dân tộc trong xã có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân xã La Hiên vừa trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, vừa hăng hái đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến; động viên hàng chục thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường, hàng trăm dân công phục vụ các chiến dịch; ủng hộ hơn 10 tấn lương thực, gần 10 tấn thực phẩm các loại, hàng vạn cây chông, 65 súng kíp, trên 100 dao găm, trên 2.000 đồng bạc trắng...

Với những thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Hiên đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202 KT/CTN, ngày 11/6/1999, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

LA HIÊN

Xã, thuộc khu vực phía Tây huyện Võ Nhai; phía bắc giáp xã Cúc Đường, phía đông giáp xã Lâu Thượng, phía tây giáp xã Quang Sơn (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp 2 xã Văn Hán và Khe Mo (huyện Đồng Hỷ). Diện tích tự nhiên 3.869,5 ha. Chất đất La Hiên phù hợp với nhiều loại cây ăn quả, đặc biệt là cây na. Na trồng ở Hiên Minh, Xuân Hòa... từ lâu đã nổi tiếng, được tiêu thụ ở nhiều nơi trong và ngoài tỉnh. Dân số (năm 2009) 7.510 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường cư trú ở 15 xóm: Trúc Mai, Làng Lai, Hiên Bình, Phố, Cây Bòng, Cây Thị, Làng Giai, La Đồng, Xuân Hoà, Đồng Đình, Hiên Minh, Hang Hon, Làng Kèn, Khuôn Vạc, Đồng Dong.

Trên địa bàn xã có Công ty Xi măng La Hiên (thuộc Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam); Cụm Công nghiệp nhỏ Trúc Mai thu hút nhiều doanh nghiệp chế biến khoáng sản, sản xuất đồ mộc dân dụng; các mỏ đá, đôlômit, đất sét, nước khoáng... cung cấp nguồn nguyên liệu cho các nhà máy trong và ngoài tỉnh.

La Hiên là vùng đất giàu truyền thống cách mạng. Ngày 21/3/1945, La Hiên - châu lị Võ Nhai được giải phóng, chính quyền cách mạng huyện được thành lập. Tháng 11/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều cán bộ Trung ương trên đường di chuyển từ ATK Định Hóa sang ATK Võ Nhai đã dừng chân ở La Hiên. Đường 1B chạy dọc theo địa bàn xã là tuyến đường huyết mạch vận chuyển lương thực, vũ khí từ biên giới phía Bắc trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Với những thành tích xuất sắc, xã La Hiện đã được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.*

LA HIÊN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập đầu năm 1948 trên cơ sở hợp nhất 5 xã: Đặc Kiệt, La Hiên, Xuân Quang, Trung Thành và Lịch Sơn của tổng Vân Lăng. Dân số (năm 1954) có 1.228 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu.

Sau giảm tô (1953), xã La Hiên chia thành 2 xã: La Hiên và Quang Sơn.

LA HIÊN

Công ty Cổ phần xi măng, tiền thân là Nhà máy Xi măng La Hiên được xây dựng ngày 31/12/1994 theo Quyết định số: 925/NL-TCCB-NL của Bộ trưởng Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công Thương), nằm trên địa phận xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy Xi măng La Hiên.

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI hoạt động trên các lĩnh vực: Sản xuất, mua bán xi măng và vật liệu xây dựng; khai thác, chế biến mua bán đá, đất sét, các loại khoáng sản; chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí, kết cấu, phụ tùng; phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hoà không khí; xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng hàng hoá; vận tải hành khách, hàng hoá bằng ô tô.

Sản phẩm chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là xi măng pooclăng hỗn hợp PCB 30, PCB 40, Clinker pooclăng thương phẩm C_{pc} 40, C_{pc} 50, C_{pc} 60 được sản xuất theo dây chuyền công nghệ lò quay phương pháp khô. Năng lực sản xuất trên 1.000.000 tấn/năm.

LA HIÊN II

Mỏ đá, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 2 ha, trữ lượng 930.000 tấn đá vôi, công suất thiết kế 100.000 tấn/năm, thời hạn khai thác 9 năm. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp - Nhà máy Xi măng Lưu Xá được khai thác mỏ theo Giấy phép số 2171/GP-UBND, ngày 23/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Sản phẩm chủ yếu phục vụ sản xuất xi măng của Nhà máy Xi măng Lưu Xá.

LA HIÊN

Mỏ đá vôi, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 12 ha, trữ lượng 7.500.000 tấn đá vôi, công suất thiết kế 250.000 tấn/năm, thời hạn khai thác 30 năm. Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- Nhà máy xi măng La Hiên đang khai thác mỏ đá vôi La Hiên theo Giấy phép số 2108/GP-BTNMT, ngày 19/9/2005 của Bộ Tài Nguyên Môi trường. Sản phẩm chủ yếu phục vụ sản xuất xi măng của Nhà máy xi măng La Hiên.

LA HIÊN

Mỏ đá vôi, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai..

Mỏ có diện tích 24ha, trữ lượng 29.772.000 tấn đá vôi, công suất thiết kế 1.654.000 tấn/năm, thời hạn khai thác 20 năm. Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam đang khai thác mỏ theo Giấy phép số 2290/GP-BTNMT, ngày 14/10/2005 của Bộ Tài Nguyên Môi trường. Sản phẩm chủ yếu phục vụ sản xuất xi măng của Công ty xi măng Thái Nguyên.

LA HIÊN

Mỏ nước khoáng, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai, công suất thiết kế 45.000 m^3/ngày, do Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên quản lí và khai thác. Sản phẩm của mỏ là nước khoáng đóng chai và đóng thùng.

LA HIÊN

Núi đá vôi, nằm giữa xã La Hiên (huyện Võ Nhai) và xã Quang Sơn (huyện Đồng Hỷ), có đỉnh cao 413 m, tọa độ: 21°42' vĩ Bắc và 105°54' kinh Đông, thuộc phần cuối của hệ thống núi cánh cung Ngân Sơn.

Tại khu vực xã La Hiên huyện Võ Nhai, núi đá vôi La Hiên được khai thác làm nguyên liệu cho Nhà máy xi măng La Hiên, nay là Công ty Cổ phần xi măng La Hiên. Gần chân núi La Hiên thuộc xã Quang Sơn, Nhà máy Xi măng Quang Sơn do VINAINCON làm chủ đầu tư được xây dựng (2003), khánh thành vào ngày 25/12/2009; công suất thiết kế 1,51 triệu tấn/năm, tương đương 4.000 tấn clinker/ngày đêm.

LA HIÊN

Cầu, xây dựng năm 2003 trên lý trình 125+270 Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xóm Phố, xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Cầu dài 19,9 m, rộng 9,8 m, tải trọng thiết kế H30-Xb80, tải trọng hiện nay 30 tấn. Kết cấu nhịp cầu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 11 m; móng cầu bằng bê tông, trụ cầu xây đá.

LA HÓA

Nơi đặt Trại hàng binh (1950 - 1954). Vị trí di tích ở xóm La Hoá, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, cách Quốc lộ 1B khoảng 800 m, diện tích khoảng 3 đến 4 ha. Trại được dựng theo hình chữ U, bằng tranh tre nứa lá; có khoảng trên 1.000 hàng binh chủ yếu là người Việt và một số lính Pháp, Âu, Phi. Ban ngày, hàng binh tham gia lao động sản xuất, tối đến được học tập, sinh hoạt văn nghệ.

Năm 1954, Trại hàng binh chuyển vào sâu bên trong khoảng 300 m.

LA HOÀNG

Miếu, còn gọi là miếu Nhà Bà, được dựng từ thế kỷ XVII, nằm trên sườn đồi thuộc thôn La Hoàng, xã Thuần Lương, tổng Thương Đình, huyện Phú Bình; nay là xóm Nha Làng, xã Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên; là nơi thờ công chúa Thiều Dung, vợ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII); diện tích khoảng 18 m². Miếu quay về hướng nam, nơi có Kinh thành Thăng Long, mảnh đất đã sinh ra bà.

Miếu đã bị phá hủy từ lâu; nay chỉ còn lại nền móng.

LA LÁCH

Suối, còn gọi là suối Vó Ngựa, đầu nguồn của suối thuộc địa phận xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, chảy qua đất phường Trung Thành, Hương Sơn rồi đổ ra sông Cầu. Suối La Lách có dòng chảy tương đối thẳng, ít gấp khúc và là ranh giới tự nhiên giữa hai phường Tân Thành và Trung Thành. Suối được tạo ra do quá trình mưa từ vùng đồi núi khu vực phía tây xã Tích Lương đổ ra dốc về phía đông mà hình thành. Đây là suối chính tiêu thoát nước cho một phần xã Tích Lương và các phường Tân Thành, Trung Thành, Hương Sơn và một phần phía bắc xã Lương Sơn thuộc thành phố Thái Nguyên.

Nhờ suối La Lách, các khu vực dân cư hai bên suối và khu trung tâm Gang thép không bị ngập úng vào mùa mưa. Suối La Lách cũng là nguồn cung cấp nước cho nhân dân trồng cấy rau màu hai bên bờ suối.

LA SƠN

Chùa, có tên là La Sơn tự, có từ lâu đời ở làng La Sơn, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình. Chùa quay về hướng nam, gồm 3 gian tiền bái, 2 gian thượng điện, có kiến trúc kiểu chữ ĐINH, đầu hồi bít đốc.

Chùa được tu sửa năm 1991. Hiện vật lưu giữ tại chùa gồm 1 mõ hình bầu dục; 7 pho tượng, trong đó có 3 pho tượng Tam thế bằng gỗ mít mang phong cách nghệ thuật cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn.

Lễ chính tổ chức hằng năm tại chùa là ngày 15/1và 15/7 Âm lịch.

LA SƠN

Đình, được dựng từ lâu đời ở làng La Sơn, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình. Dấu tích ngôi đình La Sơn hiện còn lưu giữ là 3 bia đá "Hậu thần bi kí" có niên đại Thiệu Trị năm thứ nhất (1841), Cảnh Hưng năm thứ 41 (1780), Tự Đức năm thứ 10 (1857).

LA TẢN

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm La Tản (nay là xóm Đồng Thu), xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ thành hoàng làng và hai Công chúa Mai Hoa, Ngọc Hoa. Đình có kiến trúc kiểu chữ ĐINH, 4 mái lợp ngói, lát ván, theo kiểu nhà sàn.

Năm 1947, đình La Tản bị giặc Pháp đốt phá, nay chỉ còn lại gốc cây đa cổ thụ. Trong những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân

của đế quốc Mĩ trên địa bàn Thái Nguyên (1965 - 1968 và 1972), khu vực đình cũ bị trúng bom. Ba hố bom xung quanh gốc đa nay đã được đơn vị Hậu cần K20 - Quân khu I cải tạo thành ao nuôi cá.

Ngôi đình hiện không còn.

LA THÔNG

Cầu, được xây dựng tại Km 133+650 - Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xóm La Thông, xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ. Cầu xây bằng bê tông cốt thép, 1 nhịp, chiều dài 5,5 m, rộng 6,9 m, cao 6 m. Tải trọng H13.

LA THÔNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở lưng chừng một quả đồi thuộc xóm La Thông, xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ. Chưa xác định được đình thờ vị thần nào. Đình gồm 3 gian, 4 mái, cột gỗ lim to bằng một người ôm. Khoảng năm 1953 - 1954, đình đã bị hỏng hoàn toàn.

Hiện nay, trên nền đình cũ, nhân dân địa phương dựng một lán nhỏ khoảng 6 m², cột tre, mái lợp cỏ tranh, bên trong có bệ thờ kê bằng gạch và 4 bát hương. Hai cây thông cổ thụ thân to cỡ hai người ôm cách nền đình cũ khoảng 20 m, là dấu tích còn lại của ngôi đình xưa.

LÀ DƯƠNG

Cầu, được xây dựng năm 1998 tại địa phận xóm Là Dương, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 10 m, nhịp cầu dài 8 m. Mố cầu được xây bằng đá, dầm cầu bằng thép. Tải trọng cầu theo thiết kế là 2,5 tấn.

LÁ ĐÀM THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902; quê xã Tân Thịnh, huyện Định Hoá.

Mẹ Đàm Thị Lá có con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Đông, hi sinh ngày 12/8/1972 trong khi làm nhiệm vụ đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chiến đấu tại Đội 10, Hợp tác xã Đông Trạch, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 24/4/1995, mẹ Đàm Thị Lá được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

LÁ TRẠNG

Nơi họp Chi bộ, Đảng bộ Úc Kỳ; tổ chức tự vệ bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1947). Vị trí di tích ở bãi Lá Trạng thuộc thôn Ngọc Long, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình.

LAI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Kinh, quê xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Lai có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Huy Lịch (nhập ngũ tháng 3/1968, hi sinh ngày 29/7/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Lai danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LAI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Kinh, quê tỉnh Hải Dương; trú quán tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Lai có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Anh Qúy (nhập ngũ ngày 7/4/1963, hi sinh ngày 17/5/1968 tại thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Lai danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LAI TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1916, dân tộc Kinh, quê xã Na Mao; thường trú tại xã Minh Tiến, huyện Đại Từ.

Mẹ Trần Thị Lai có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Trần Văn Hạnh (nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 9/5/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Trần Thị Lai danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LÃI LẠI KHẮC

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Trưởng ban Ban Khoa học công nghệ và môi trường - Đại học Thái Nguyên. Năm 1979, ông tốt nghiệp chuyên ngành Điện khí hoá xí nghiệp tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên). Năm 1998, bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Điều khiển tự động và năm 2003, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Điều khiển tự động tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Nhà giáo Lại Khắc Lãi từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Chủ nhiệm khoa Điện kiêm Trưởng bộ môn Kỹ thuật điện, Phó Trưởng khoa Sư phạm kỹ thuật, Trưởng phòng Quản lí khoa học - Quan hệ quốc tế Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. Tháng 3/2008, được phân công làm Trưởng ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường - Đại học Thái Nguyên.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

LẠI TRẦN THẾ (bí danh: Xuân Tùng)

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1933 tại Thái Lan, dân tộc Kinh, quê xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; trú quán tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ; nhập ngũ tháng 8/1950, vào Đảng tháng 3/1951. Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, hoạt động ở chiến trường xa, đồng chí đã vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, kiên trì xây dựng cơ sở và lập nhiều chiến công.

Ngày 28/7/1969, đồng chí chỉ huy một tổ tập kích sân bay địch, phá hủy 2 máy bay và 2 giàn rađa. Ngày 10/1/1972, đồng chí tổ chức một bộ phận tập kích vào sân bay địch, phá hủy 8 máy bay, trong đó có một số máy bay B52; diệt hàng chục tên giặc lái Mĩ. Đồng chí đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*, 2 *Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Ba,* 1 *Huân chương Itxala* và nhiều Bằng khen.

Đồng chí được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 187/LCT ngày 20/12/1979 phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

LAM VỸ

Xã miền núi nằm ở vùng phía bắc huyện Định Hóa; phía bắc giáp hai xã Mai Lạp và Thanh Mai (huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn), phía đông và phía nam giáp xã Tân Thịnh, phía tây bắc giáp xã Linh Thông, phía tây giáp xã Quy Kỳ, phía tây nam giáp xã Kim Phượng.

Diện tích tự nhiên 4.399 ha, trong đó đất nông nghiệp 3.621,96 ha, đất phi nông nghiệp 133,37 ha, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) có 3.795 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Nùng, Dao, Hoa, Thái, Mông cư trú ở 20 xóm: Cả Đơ, Nà Tấc, Khau Viềng, Nà Làng, Nà Toán, Làng Há, Làng Quyền, Thâm Pục, Đồng Keng, Thâm Kết, Cốc Ngận, Đồng Kền, Nà Loòng, Làng Hống, Làng Giảng, Làng Cỏ, Bản Tồng, Bản Cáu, Nà Đin, Nà Tiếm.

LAN NGUYỄN THỊ KIM

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1979, tốt nghiệp chuyên ngành Thú y Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, bà được phân công công tác giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên). Năm 1996, bà bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Chăn nuôi động vật tại Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên; năm 2000, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Kí sinh trùng học tại Viện Thú y Quốc gia; năm 2005, được phong học hàm Phó Giáo sư.

Do có nhiều thành tích trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhà giáo Nguyễn Thị Kim Lan đã được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

LAN NGUYỄN THỊ NGỌC

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nguyên Tổ trưởng Tổ Lí - Thể dục, Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên.

Năm 1974, tốt nghiệp Khoa Vật lí Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), bà được phân công giảng dạy tại Khoa Dự bị, rồi Khoa Vật lí cùng trường. Từ năm 1992 đến khi nghỉ hưu (2008), dạy học tại Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên. Nhà giáo Nguyễn Thị Ngọc Lan được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

LAN NÔNG THỊ NGỌC

Nhà giáo Ưu tú, quê huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn; Hiệu trưởng Trường Tiểu học thị trấn, huyện Đại Từ.

Sau khi tốt nghiệp Trường Sư phạm 10+2 Bắc Thái, bà dạy học tại Trường Phổ thông cấp I (nay là Trường Tiểu học) Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên).

Nhà giáo Nông Thị Ngọc Lan được công nhận là giáo viên dạy giỏi 18 năm liên tục; trong đó, 5 năm là giáo viên dạy giỏi cấp Trường, 7 năm là giáo viên dạy giỏi cấp Huyện, 5 năm là giáo viên giỏi cấp Ngành, 1 năm là giáo viên dạy giỏi quốc gia. Ngoài ra, nhiều năm bà được công nhận là *Tổng Phụ trách giỏi, Chiến sĩ thi đua.*

Bà đã được trao tặng *Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục*; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2000.

LAN TRỊNH THỊ (Đã mất)

Nghệ sĩ Nhân dân, tên thường gọi là cụ Cả Tam, quê huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Cụ bước vào nghề chèo năm 11 tuổi (1896); nổi lên là một đào hát xuất sắc hiếm thấy trên sân khấu chèo Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, với những vai diễn để đời, như: Thị Phương, Đào Huế, Thị Mầu, Châu Long, Tú Bà... Sau hơn 40 năm trong thân phận một "con hát" với bao đắng cay, tủi nhục, cụ bỏ nghề và trở về quê.

Cách mạng tháng Tám thành công đã đưa cụ trở về vị trí một nghệ sĩ chân chính. Năm 1952, cụ cùng Đoàn Cải lương Quyết Thắng (năm 1953 đổi tên là Quyết Tiến) lên Thái Nguyên tham gia kháng chiến; có công lớn trong việc dạy dỗ, truyền nghề cho nhiều lớp học viên của Trường Văn nghệ nhân dân tại Thái Nguyên. Cụ Trịnh Thị Lan được truy tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Nhân dân* năm 1984.

LÁN THAN

Nơi thành lập Đội Du kích Cao Sơn. Vị trí di tích ở xóm Hòa Bình, xã Quân Chu, huyện Đại Từ.

Khu vực này trước đây là rừng sâu nằm sát chân dãy núi Tam Đảo; 5 anh em Thạch Sơn, Tam Sơn, Ngân Sơn, Mại Sơn, Kim Sơn làm nghề chặt cây, đốt than để bán cho khu nghỉ mát Tam Đảo lấy tiền sinh sống. Vì sống trong rừng sâu nên các ông phải sắm vũ khí để tự vệ khi cần thiết. Đầu năm 1945, được tuyên truyền giác ngộ, 5 ông tích cực tham gia Đội Du kích Cao Sơn, sau là Trung đội Cứu Quốc quân Phạm Hồng Thái rồi Việt Nam Giải phóng quân, góp phần tích cực vào công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền tháng 8/1945.

LANG TẠ

Cầu, được xây dựng năm 1997, trên tuyến đường Kha Sơn - Lương Phú, thuộc địa phận xã Lương Phú, huyện Phú Bình. Cầu dài 18m, rộng 5,5m, chiều dài nhịp cầu là 14m; tải trọng 13 tấn.

LÀNG BÚN

Mỏ than mỡ, nằm trên địa bàn hai xóm Bún 1 và Bún 2, thuộc xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương.

Mỏ có diện tích 5 ha, trữ lượng 80.000 tấn, do Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng khai thác theo Giấy phép số 109/GP-UBND ngày 16/1/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trong thời hạn 10 năm. Mỏ than Làng Bún khai thác theo phương pháp lò giếng.

Sản phẩm của Mỏ là loại than mỡ, chủ yếu phục vụ việt đốt lò nhà máy nhiệt điện, sản xuất gạch, ngói trong ngành xây dựng.

LÀNG CA

Chùa, có từ lâu đời ở làng Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Chùa Làng Ca cấu trúc hình chữ CÔNG, gồm 3 gian liền nhau: Tiền đường - ống muống - tam bảo. Tiền đường dài 13,1 m, rộng 5,1 m. Ống muống dài 7,3 m, rộng 5,5 m. Tam bảo dài 8,3 m, rộng 5,5 m. Cách bố trí tượng Phật ở chùa theo phong cách đặc trưng của các chùa ở thế kỷ XVIII.

Trong những năm 1939 - 1945, chùa Làng Ca là nơi đi lại, hoạt động của nhiều cán bộ cách mạng; từ 1943 - 1945 là nơi cất giấu tài liệu của

Xứ ủy Bắc Kỳ. 8 giờ ngày 14/3/1945, tại Kha Sơn Hạ, mệnh lệnh khởi nghĩa được ban bố, tự vệ chiến đấu trấn áp bọn phản động, làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Hiện vật lưu giữ tại chùa Làng Ca gồm 10 pho tượng Phật, 1 bát hương bằng gốm.

Di tích chùa làng Ca (còn gọi là chùa Ca) nằm trong quần thể di tích lịch sử cách mạng xã Kha Sơn, huyện Phú Bình đã được Bộ Văn hóa - Thông tin, nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng năm 1997.

LÀNG CẢ

Chùa, được dựng vào đầu thập kỷ 30 của thế kỷ XX, trên sườn đồi thấp thuộc xóm Gò Móc, xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ; nay là xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Vật liệu xây dựng ngôi chùa là cột gỗ, trình tường (bằng đất) lợp gianh hèo. Chùa thiết kế hình chuôi vồ, hậu cung dài 6 m, rộng 4 m. Nhà tiền bái dài 9 m, rộng 4 m, nền đất nện.

Trong chùa thờ nhiều tượng đắp bằng đất, cốt tre. Tả, hữu hậu cung thờ Đức Thánh Tăng và Đức Thánh Hiền, trên bệ thờ là 5 vị bụt ốc, Kim Đồng Ngọc nữ và Phật Thích Ca... Năm 1936, chùa được tu sửa lại và làm thêm 3 gian nhà tổ. Hội Phật giáo Hà Nội đưa lên chùa Làng Cả sư ông trụ trì chùa và 2 sư giúp việc. Năm 1945, các nhà sư trở lại Hà Nội.

Năm 1952, đề phòng máy bay địch bắn phá chùa, các Phật tử đã đưa tất cả tượng Phật trong chùa giấu xuống giếng chùa. Năm 1994, tượng và các đồ thờ tự được đưa lên, đem vào thờ tại nghè Đồng Giờ từ đó cho đến nay.

LÀNG CAM

Nơi tổ chức Hội nghị cán bộ 2 phân khu A và B của Chiến khu Hoàng Hoa Thám (27/2/1944). Hội nghị do đồng chí Tân Hồng (Chu Văn Tấn) chủ trì để bàn công tác đẩy mạnh hoạt động của Cứu quốc quân. Vị trí di tích ở làng Cam thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

Sau Hội nghị, một số cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân ở lại Làng Cam tiếp tục hoạt động.

LÀNG CAO

Nơi thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của huyện Võ Nhai và thứ 2 của tỉnh Thái Nguyên (2/1937). Vị trí di tích ở Làng Cao, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Sự ra đời cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên ở La Bằng, Đại Từ cuối năm 1936 có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng ở Võ Nhai. Một số thanh niên hăng hái ở Võ Nhai được Đặng Tùng tuyên truyền, giác ngộ và được tổ chức vào các đoàn thể cách mạng. Không bao lâu, cơ sở cách mạng ở Võ Nhai phát triển nhanh chóng và vững chắc. Trên cơ sở đó, đầu năm 1937, tại Làng Cao (xã Phú Thượng), tổ chức Đảng đầu tiên của huyện Võ Nhai được thành lập, gồm 3 đồng chí: Chu Văn Tấn, Nông Văn Cần và Lục Văn Đủ. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 370/QĐ-UBND, ngày 28/2/2007).

LÀNG CAO

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1998, nối Quốc lộ 1B với xóm Làng Cao, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Cầu dài 22 m, nhịp dài 12+6 m; dầm cầu bằng thép, mố và trụ được xây bằng đá; tải trọng 0,5 tấn.

LÀNG CẨM

Mỏ than, được người Pháp tổ chức thăm dò năm 1905; đến tháng 3/1908, kết luận than Mỏ Cẩm là than mỡ có giá trị cao trên thị trường Đông Dương. Năm 1906, mỏ được khai thác, với 38 công nhân; đến năm 1929, tăng lên 1.620 công nhân.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, mỏ Làng Cẩm thuộc quyền quản lí của chính quyền cách mạng, đã cung cấp một khối lượng than mỡ khá lớn cho các cơ sở quân khí để rèn đúc vũ khí.

Sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc (1954), đội ngũ công nhân Mỏ than Làng Cẩm tích cực khai thác than phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, đặc biệt là than mỡ phục vụ yêu cầu luyện thép của ngành Công nghiệp luyện kim. Tháng 4/1979, Mỏ than Làng Cẩm từ Bộ Điện và Than được chuyển về Công ty Gang thép Thái Nguyên quản lí. Thực hiện chủ trương sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp của Tổng Công ty Thép Việt Nam, Công ty Gang thép Thái Nguyên, ngày 1/4/2006, Mỏ than Làng Cẩm sáp nhập vào Mỏ than Phấn Mễ. Từ đó đến nay, Mỏ than Phấn Mễ bao gồm 2 công trường khai thác là công trường khai thác lộ thiên moong Bắc Làng Cẩm và công trường khai thác hầm lò Nam Làng Cẩm.

LÀNG CHIỀNG

Cầu, được xây dựng năm 1997 tại địa phận xóm Làng Chiềng, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp dài 6 m; mố được xây bằng đá, dầm bằng thép. Tải trọng theo thiết kế là 2,5 tấn.

LÀNG CHIỀNG

Nơi đặt Phân viện 5 - Quân y (cuối 1949 - 1953). Vị trí di tích ở làng Chiềng thuộc xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Hầu hết các phòng ban, bác sĩ, y sĩ, y tá đều ở trong nhà dân hoặc làm lán trên đất nhà dân, trên các đồi, rừng cây. Nhà mổ đặt ở đồi Ao Dài. Phân viện 5 là nơi cứu chữa thương, bệnh binh tham gia Chiến dịch Biên Giới (1950) và Chiến dịch Tây Bắc (1952).

LÀNG CHÙA

Cầu, được xây dựng năm 1990 tại địa phận xóm Làng Chùa, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp dài 6 m; mố được xây bằng đá, dầm bằng thép. Tải trọng theo thiết kế là 2,5 tấn.

LÀNG CHÚA

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm bản Eng, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương; là nơi thờ thành hoàng làng Quý Minh, Cao Sơn đại vương.

Trong những ngày khởi nghĩa giành chính quyền (sau ngày 9/3/1945), đình Làng Chúa là nơi mít tinh, hội họp của các đoàn thể cách mạng, của quần chúng nhân dân. Trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1947 - 1948), đình là nơi cán bộ, chiến sĩ các đơn vị bộ đội đóng quân, hoặc nghỉ chân khi qua lại vùng cửa ngõ ATK. Đình đã bị cháy năm 1948; từ đó, đình Làng Chúa không được dựng lại. Địa điểm ngôi đình xưa, nay đã trở thành vườn chè của dân, có 3 cây thông cổ thụ.

LÀNG CÚNG

Đình, được dựng trên một khu đất cao thuộc xóm Đoàn Kết, xã Đào Xá, huyện Phú Bình; là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Ngôi đình được kết cấu đầu hồi bít đốc (4 gian chạy suốt) dài 5,9 m rộng 6,2 m, mái lợp ngói vẩy rồng.

Đình hiện còn giữ được 14 bia đá được dựng những năm 1697, 1775, 1792 và 1 bàn thờ, 1 mâm xe, 2 cây nến bằng gỗ, 2 hai bộ kiệu bị mục

nát, 2 bài vị (không đọc rõ chữ). Lễ hội chính của đình được tổ chức tại đình hằng năm vào ngày 6 tháng Giêng.

LÀNG CƯỚM

Đình, được xây dựng từ lâu đời tại xóm Lưu Quang (trước năm 1945 là xã Lưu Quang), xã Minh Tiến, huyện Đại Từ; là nơi thờ thành hoàng làng và một số vị anh hùng dân tộc đã có công đánh giặc giữ nước. Đình được cấu trúc theo kiểu chữ ĐINH, với 5 gian tiền tế và 2 gian hậu cung. Cột đình làm bằng gỗ lim, vách ghép ván và chắn song bằng gỗ, mái lợp lá cọ.

Năm 1949, ngôi đình đã bị máy bay Pháp ném bom, phá huỷ. Hiện vật còn lưu được đến nay là 3 sắc phong được một người dân xóm Lưu Quang cất giữ.

LÀNG DỒN

Nơi xuất phát của Trung đội Cứu quốc quân II đánh đồn Tràng Xá (đầu năm 1945). Vị trí di tích ở làng Dồn thuộc thôn Na Chế, tổng Tràng Xả, châu Võ Nhai; nay là xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai.

Trước kia, Làng Dồn là một bãi đất hoang rộng, không có dân ở; hai bên là núi rừng, cây cối rậm rạp, có dòng sông Rong chảy qua. Đầu năm 1945, từ Làng Dồn, Đội Cứu quốc quân II đã xuất phát đi đánh đồn Tràng Xá. Đồn Tràng Xá cách đồn Đình Cả khoảng 10 km về phía đông nam, do 3 tiểu đội lính cơ đóng giữ. Khoảng 14 giờ ngày 23/3/1945, quân ta nổ súng. Dựa vào lô cốt vững chắc, địch tổ chức chống cự rất quyết liệt. Quân ta dừng cuộc tiến công rút về căn cứ, chuẩn bị thêm lực lượng để nửa đêm tiếp tục tiến công. Nhưng ta chưa kịp đánh thì bọn địch trong đồn lợi dụng trời tối, bí mật rút theo đường tắt, xuyên rừng chạy về tỉnh lị Thái Nguyên.

LÀNG ĐÈN

Cầu treo, được xây dựng năm 1997, nối liền xóm Làng Đèn (xã Tràng Xá) với xã Liên Minh, huyện Võ Nhai. Cầu dài 52 m, nhịp dài 52 m; mố được làm bằng bê tông cốt thép. Cầu có tải trọng 0,5 tấn, chỉ đảm bảo cho xe máy, xe thô sơ qua lại. Cây cầu giữ vị trí quan trọng trên trục đường giao thông liên xã nối Tràng Xá với Liên Minh.

LÀNG ĐÔNG

Cầu, được xây dựng lần đầu năm 1930, khi chính quyền thực dân Pháp làm Quốc lộ 1B. Cầu có khẩu độ 2 m, rộng 5 m, hai mố cầu xây bằng gạch, mặt cầu bằng gỗ. Năm 1968, Quốc lộ 1B được nâng cấp, mở rộng mặt đường; cầu Làng Đông cũng được nâng cấp, có chiều rộng 7 m, mặt cầu bằng bê tông cốt thép.

Năm 2003, Quốc lộ 1B được nâng cấp và mở rộng lần thứ hai. Theo đó, cầu Làng Đông cũng được nâng cấp, có một nhịp bằng bê tông cốt thép, hai mố cầu bằng bê tông, chiều dài 5 m, rộng 14,5 m, khẩu độ thoát nước 2 m; tải trọng thực tế H30.

LÀNG ĐÔNG

Đình, có từ lâu đời ở đồng Cây Vải, xóm Làng Đông, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương; nơi thờ thành hoàng làng là Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình gồm 3 gian, 2 chái, cột gỗ, xung quanh bưng ván chỉ để một cửa lớn ra vào, lợp gianh, diện tích 70m², bệ thờ chạm trổ công phu bên trên đặt nhiều đồ thờ cổ kính. Năm 1947, thực dân Pháp tấn công lên Việt Bắc, khi kéo qua Cổ Lũng, chúng đã đốt phá ngôi đình; các đồ tế lễ, sắc phong bị cháy, mất gần hết. Năm 1951, nhân dân địa phương dựng lại đình Làng Đông ở đồng Cây Vải, gồm 1 gian, 2 chái, tường trình, mái lợp lá hèo; số đồ thờ còn lại được rước về đình. Năm 1969, đình bị cháy nhưng cùng năm được xây dựng lại. Năm 1997, đình Làng Đông trùng tu lại, gồm 3 gian đứng, mặt quay về hướng đông, tường xây gạch, mái lợp ngói, diện tích 60 m², nền lát gạch mộc.

Lễ hội chính của đình Làng Đông được tổ chức vào ngày 8/1 Âm lịch hằng năm.

LÀNG GẦY

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 1990 ở xã Phúc Chu, huyện Định Hóa. Năm 2010, hồ đã được sửa chữa, nâng cấp theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam 285 - 2002 thuộc công trình cấp IV. Đập đất dài 62,3 m, cao 20,6 m; mặt đập rộng 3,4 m được xây dựng kiên cố bằng bê tông mác 200, dầy 0,2 m. Đập có tường chắn sóng dài 62,3 m bằng bê tông mác 200 đổ trực tiếp, đỉnh tường rộng 0,3 m. Phần đầu cống lấy

nước dưới đập bằng van chóp D400. Đường quản lí đập kết hợp với đường dân sinh dài 2,5 km, mặt đường rộng 3 m bằng bê tông mác 200, dày 0,2 m. Hồ có mực nước dâng trung bình 78,5 m. Dung tích của hồ 326.000 m^3 nước, hệ thống kênh chính dài 2,6 km, đảm bảo điều tiết nước tưới trực tiếp cho 40ha ruộng cấy hai vụ lúa của xã Phúc Chu.

LÀNG HIN

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 1999 trên đất xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương; hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2000. Hồ có đập chính dài 255 m, độ cao của đập 6,9 m, diện tích mặt hồ 6,3 ha, dung tích chứa nước 170.800 m^3. Hồ Làng Hin, theo thiết kế có thể cung cấp nước tưới cho 90 ha, nhưng hiện nay mới phục vụ nước tưới cho 80 ha lúa của xã Phấn Mễ thông qua hệ thống kênh chính dài 4.900 m và hệ thống kênh phụ dài 1.600 m.

LÀNG KÈ

Chùa, ở xã Dưỡng Mông, tổng Thượng Đình, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình; nay là phường Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên. Chùa nằm phía sau đình Làng Kè. Chùa Làng Kè cũ đã bị hủy hoại từ lâu. Ngôi chùa mới xây dựng gần đây gồm 3 gian nhỏ, xây gạch, tường hồi, bít đốc và một hậu cung. Trong chùa có điện thờ Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải và Đức Thánh Trần Hưng Đạo.

LÀNG KÈ

Đình, được dựng cuối thế kỷ XIX tại xã Dưỡng Mông, tổng Thượng Đình, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình; nay là phường Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên. Thời Pháp thuộc, đình làng Kè nằm giữa đồi thông lớn, gồm 5 gian tường đất, lợp ngói. Thực hiện tiêu thổ kháng chiến, năm 1947, đình đã bị phá hủy.

Đình Làng Kè hiện nay, là ngôi đình xây dựng lại năm 1994, có cấu trúc kiểu chữ ĐINH. Nhà tiền đường 3 gian nhỏ, kích thước 7,5 m x 5,5 m; cột gỗ bạch đàn bào trơn, đóng bén; tường hồi, bít đốc, lợp ngói vuông; bàn thờ xây bằng gạch. Hậu cung 5,5 m x 5,2 m. Đình thờ các vị: Cao Sơn Quý Minh, Tam Ty Quá Giang. Trong khuôn viên đình còn 4 bia công đức chữ Hán nhưng hầu hết các chữ bị mòn, rất khó đọc.

LÀNG LAI

Cầu, được xây dựng năm 1983 trên lý trình 120,65 Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xóm Làng Lai, xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, rộng 7,5 m, tải trọng thiết kế H13-X60. Kết cấu nhịp cầu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 6,6 m; móng cầu bằng bê tông, trụ xây đá.

LÀNG LAI

Mỏ dolomit, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 5 ha, trữ lượng 1.200.000 tấn, công suất thiết kế 40.000 tấn/năm. Công ty Việt Bắc thuộc Bộ Quốc phòng được khai thác mỏ trong thời hạn 30 năm theo Quyết định số 2878/QĐ-ĐCKS, ngày 3/2/1998.

LÀNG LAI II

Mỏ dolomit, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 5 ha, trữ lượng 1.200.000 tấn, công suất thiết kế 40.000 tấn/năm. Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu Thái Nguyên được khai thác mỏ trong thời hạn 30 năm theo Quyết định số 1702/QĐ-ĐCKS, ngày 3/8/1998.

LÀNG LUÔNG

Nơi mở khóa học đầu tiên Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc (1949), đào tạo nguồn cán bộ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vị trí di tích nằm ở làng Luông, xã Quảng Nạp (nay là xã Bình Thành), huyện Định Hóa. Lớp học là Hội trường 8 mái, dài 40 m, rộng 30 m. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đến giảng bài. Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc là tiền thân của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

LÀNG MỐ

Đình, được dựng từ lâu đời tại Làng Mố, xã Trung Hội, huyện Định Hoá.

Tại đình Làng Mố, ngày 26 và 27/10/1951, Huyện ủy Định Hoá tổ chức Hội nghị sơ kết công tác thuế nông nghiệp. Đúng ngày khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với Hội nghị. Sau khi giải thích chính sách thuế nông nghiệp, động viên những cố gắng của Đảng bộ và đồng bào các dân tộc huyện Định Hoá, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi *"Đồng bào trong huyện hãy thi đua nộp thuế! nộp cho mau, nộp cho đủ, nộp thóc tốt và khô".*

LÀNG MỚI

Đình, được dựng vào năm Bảo Đại thứ 3 (1928), trên bãi đất phẳng đầu làng Mới, xã Hợp Thành (trước 1945, xóm Làng Mới thuộc xã Muôn Mãn), huyện Phú Lương; nơi thờ thành hoàng làng là Quý Minh, Cao Sơn đại vương (2 thuộc tướng của vua Hùng).

Đình gồm 3 gian đứng, dài 12 m, rộng 7 m, cột cái làm bằng gỗ đải, gỗ lát có đường kính 0,4 m, sàn đình lát ván gỗ cách mặt đất 0,8 m, mái lợp lá cọ. Trên thân các cây cột, hoành, xà, đầu đao, đấu, đố đều được chạm trổ hoa văn hình long, li, quy, phượng. Gian giữa đình có 1 vọng cung, bên trong đặt một bàn thờ trên có một chiếc am và nhiều đồ thờ cúng; hai bên có cờ, lọng và các đồ tuỳ khí, như: gươm, đao, giáo, mác, kích, truỳ.

Hằng năm, lễ chính (lễ Khai xuân) tổ chức tại đình Làng Mới vào ngày 15/1 âm lịch.

Đình Làng Mới gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử. Tháng 10/1945, nơi đây diễn ra cuộc mít tinh chào mừng chính quyền xã ra đời. Những năm 1947, 1948, đình là nơi đặt trạm quân y tiền phương của bộ đội ta. Năm 1954, đình là nơi tập kết tù binh và hàng binh Pháp trước khi trao trả cho phía Pháp theo Hiệp định Giơnevơ. Năm 1966, Trường Đại học Y khoa Hà Nội sơ tán về Hợp Thành đã sử dụng đình làm kho cất giữ đồ thí nghiệm.

Hiện nay, đình Làng Mới bị xuống cấp nghiêm trọng; hầu hết các cột đình đều bị mối mọt làm biến dạng, hư hỏng; các đồ thờ trong đình hầu như mất hết.

LÀNG MƯỜI

Suối, bắt nguồn từ Làng Giang (xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai), chảy qua địa bàn các xóm Làng Mười, Đồng Quán, Phương Bá (xã Dân Tiến), với chiều dài khoảng 8 km. Đến núi Lở, suối Làng Mười nhập vào sông Rong.

LÀNG NẬP

Đình, được dựng ở làng Nập, xóm Phố Chợ, xã Bình Thành, huyện Định Hoá. Đình gồm 3 gian nhỏ, khung nhà bằng gỗ, tường xây gạch vữa, mái lợp lá cọ.

Thần tích, thần sắc làng Quảng Nạp (làng Nập), tổng Định Biên Hạ, châu Định Hoá cho biết đình thờ 2 vị thành hoàng là: Lũy Sơn tôn thần

và Liễn Sơn Cao Minh chính thành hoàng Đại vương từ hạ, không có tên húy. Các ngài đều là thiên thần. Vị thần Lũy Sơn được phong 2 đạo sắc: Đạo thứ nhất ban về dịp vua Tự Đức tổ chức mừng thọ 50 tuổi phong là Hùng Chấn Lũy Sơn chi thần (Tự Đức năm thứ 33 (1880) ngày 25/11 ban sắc); đạo thứ 2 ban về năm vua Khải Định năm thứ 9 (1924) ngày 25/7 gia tặng Trưng Bạt Trung đẳng thần. Thờ Lũy Sơn ở miếu, thờ Liễn Sơn ở đình; nguyên xưa đình và miếu dựng ở hai cái gò liền kề với nhau.

Đình Làng Nập đã tu sửa nhiều lần.

LÀNG NÉT

Đình, được dựng từ thế kỷ XVIII trên một khu đất bằng phẳng thuộc xóm Tiến Bộ, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương; là nơi thờ các vị thành hoàng: Thanh Minh đại vương Tự Hạ và Cao Sơn, Quý Minh đại vương.

Đình gồm 3 gian, dài 12 m, rộng 7 m, cột bằng gỗ lát hoa có đường kính 0,45 m, mái lợp lá cọ. Trên thân các cột cái, hoành, xà, đầu đao, đấu... đều được chạm trổ long, li, quy, phượng và nhiều loại hoa văn. Gian giữa của đình có một vọng cung đặt bàn thờ, trên bàn thờ có đặt một hộp đựng sắc phong bằng gỗ sơn son thiếp vàng và nhiều bát hương. Hai bên bàn thờ có các đồ tuỳ khí, như gươm, đao, giáo, mác và lọng, tàn, quạt, trống, chiêng, cờ xí...

Ngày 1/4/1945, chính quyền cách mạng xã Hợp Thành được thành lập tại đình Làng Nét. Đến năm 1946, đình bị đổ; nay chỉ còn lại dấu tích nền đình và các tảng kê cột đình ở vị trí có ngôi đình xưa.

LÀNG NGÒ

Đình, được dựng tại xóm Ngò, làng Ngò, xã An Khánh, huyện Đại Từ; thờ thành hoàng làng và Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình từng là nơi nghỉ chân của đồng chí Võ Nguyên Giáp và Quân Giải phóng trên đường từ Tân Trào về đánh Nhật giải phóng tỉnh lị Thái Nguyên. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đình đã bị dỡ bỏ.

Hiện nay, dấu tích đình Làng Ngò chỉ còn nền đình, một số đá tảng dùng kê chân cột đình khi xưa trên một gò đất rộng khoảng 1.500 m².

LÀNG NGÓI

Đình, được dựng năm 1952 trên một gò đất thấp thuộc xóm Làng Ngói, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương; nơi thờ thành hoàng làng là Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình gồm 1 gian, 2 chái, cột gỗ, tường trình, mái lợp lá hèo, diện tích 30 m², hoành và xà được gia công kĩ, chạm trổ long, li, quy, phượng. Bệ thờ bằng đất trình tường, mặt bệ bằng gỗ chạm hình lưỡng long chầu nguyệt. Một số đồ thờ của đình Làng Đông xưa được đưa vào thờ trong đình Làng Ngói.

Năm 1997, nhân dân làng Ngói xây dựng đình mới 3 gian đứng, tường xây, mái ngói, diện tích 80 m². Gian giữa của đình đặt bàn thờ thành hoàng làng. Gian bên phải thờ 3 vị nữ thần có công với dân làng (không rõ tên tuổi, quê quán, thân thế của 3 vị). Phía trên bàn thờ có 3 bức tranh vẽ 3 nữ thần và đôi câu đối chữ Nho: *Quốc sắc thuận thành thiên học hữu /Anh linh thần nữ thế gian cô.*

Đình còn giữ được một số cổ vật: 1 bát hương to và 8 bát hương con bằng sứ, 2 con hạc cổ bằng gỗ sơn son thiếp vàng và một số tảng đá kê cột đình, đường kính 0,5 m.

Lễ hội chính của đình Làng Ngói tổ chức vào ngày 10/1 âm lịch hằng năm.

LÀNG NGUYỄN

Chùa, tên chữ là Sơn Nguyễn tự, được dựng vào thế kỷ XVIII tại thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, ngôi chùa đã bị phá dỡ một phần, chỉ còn hậu cung. Năm 1988, chùa được phục dựng trên nền đất cũ, mặt nhìn về hướng nam, cấu trúc theo kiểu chuôi vồ, gồm nhà tiền đường 3 gian, hậu cung 3 gian. Bàn thờ tam bảo có đặt tượng Tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai). Phía bên phải có bàn thờ Đức Thánh Tăng, bên trái có bàn thờ Đức Ông, dưới có tượng A Di Đà thiền định.

Hiện vật cổ lưu giữ tại chùa gồm 16 pho tượng đất phủ sơn, 1 bia đá tạc 2 cụ hậu thế kỷ XVIII, 1 cây hương đá dựng vào thời Lê, 1 tấm bia đá dựng vào thời Nguyễn ghi công đức người đóng góp tu bổ đình - chùa Làng Nguyễn, chuông đồng, hoành phi, câu đối, nhiều bát hương bằng đất nung...

LÀNG NGUYỄN

Đình, được dựng vào thế kỷ XVIII tại thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình; là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình gồm 3 gian lớn, cột to cỡ một người ôm, nóc đắp lưỡng long chầu nguyệt, 4 mái với 4 đầu đao cong vút, 2 bên phía trong đình có lát sàn bằng gỗ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đình là nơi đóng quân của nhiều đơn vị quân đội. Năm 1969, đình trở thành kho của hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1988, đình được xây dựng lại với quy mô nhỏ, gọn, kiến trúc theo kiểu chữ NHẤT; gồm 1 nếp nhà 4 gian dài 12m, rộng 6m. Hiện vật cổ lưu giữ tại đình gồm 1 ngai đầu rồng, 2 bát hương gốm đen da lươn, 1 kiệu đầu rồng.

LÀNG NÔNG

Nơi đóng quân của đơn vị Z16 thuộc Cục Quân y (1948 - 1957). Vị trí di tích ở xóm Làng Nông thuộc xã Yên Trạch, huyện Phú Lương.

Z16 chuyên sản xuất một số y cụ, như: Dao, kéo, panh... để phục vụ ngành Quân y, trực tiếp là Viện Quân y 108 - thành lập ngày 1/4/1951 tại xóm Làng Nông, đến năm 1954 chuyển về Hà Nội.

Hiện nay, dấu tích đơn vị Z16 ở Làng Nông chỉ còn lại nền nhà rộng lớn, dài 40 m rộng 8 m (320 m^2) trong vườn nhà dân; dấu tích Viện Quân y 108 là nền nhà hội trường kích thước 12m x 8 m trên đồi sắn nhà ông Hoàng Văn Thắm.

LÀNG NÚI

Đình, được dựng từ thế kỷ XIX, nằm ở rìa làng, mặt ngoảnh ra đồng làng Núi, nay thuộc tổ 13, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên. Đình thờ Cao Sơn Quý Minh đại vương Dương Tự Minh người làng Quan Triều, phủ Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã có công giúp vua Lý giữ gìn, bảo vệ một vùng biên cương phía bắc nước Đại Việt ở thế kỷ XII.

Đình kiến trúc theo hình chữ ĐINH, gồm 3 gian dài 12 m, rộng 7 m và hậu cung, được xây bằng gạch, gỗ nghiến; mái lợp ngói âm dương. Đình bị bom đạn tàn phá từ lâu.

Năm 1992, đình Làng Núi được xây dựng lại. Hiện vật ngôi đình xưa còn 1 ngai thờ chạm trổ hoa văn tinh xảo, 1 bát hương bằng gốm Thổ Hà và một số đồ thờ bằng gỗ mít.

LÀNG PHAN

Đình, được dựng năm 1948 trên gò Cửa Đình thuộc xóm Làng Phan, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương; là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình gồm 1 gian 2 chái, cột gỗ, lợp lá cọ, diện tích 40 m², tường và bệ thờ bằng đất trình. Bên cạnh đình có ngôi đền cổ, gọi là đền Núi Tháp. Năm 1948, các cơ quan Kiến trúc, Thương nghiệp, Tư pháp của tỉnh tản cư lên làm việc tại đình. Một thời gian sau, đình bị đổ nát. Năm 1960, nhân dân địa phương dựng lại đình bằng tranh, tre, nứa, lá. Năm 1994, ngôi đình được xây dựng lại lần nữa gồm 3 gian đứng, tường xây gạch, cột gỗ, mái tranh, diện tích 35 m², nền cơ. Gian giữa đặt bệ thờ; giữa bệ thờ có bát hương lớn thờ Dương Tự Minh, bên trái có 3 bát hương thờ phật, bên phải có 3 bát hương thờ thổ thần núi Tháp. Lễ hội đình Làng Phan mở vào ngày 8/1 âm lịch hằng năm.

LÀNG PHÁNG

Đình, được dựng từ lâu đời trong một cánh rừng thấp thuộc xóm Lỳ Pháng, xã Phú Đô, huyện Phú Lương; là nơi thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại vương (hai thuộc tướng của vua Hùng) và Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Ngôi đình Làng Pháng có 1 gian chính rộng 4m, 2 chái mỗi chái rộng 3m. Đình được nhân dân địa phương dựng từ xa xưa. Năm 1944, ngôi đình đã được trùng tu.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đình Làng Pháng là nơi cất giấu vũ khí của bộ đội ta. Một thời gian sau, ngôi đình đã sụp đổ; một số di vật quý của đình đã được bà con cất giữ, gồm: 1 hộp đựng sắc phong, Sắc phong ngày 11/8 năm Duy Tân thứ 3 (1909), Sắc phong ngày 25/7 năm Khải Định thứ 9 (1924), 1chiêng đồng và 1 trống.

Năm 1994, nhân dân địa phương dựng lại ngôi đình trên nền cũ, gồm 1 gian 2 chái, dài 9 m, rộng 6 m, chất liệu gạch, bê tông, mái lợp ngói tây. Trước cửa đình vẫn còn 2 cây thông cổ thụ hàng trăm năm tuổi.

LÀNG PHẬT

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm làng Phật, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Ngôi đình gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc việt đã chọn đình Làng Phật làm nơi liên lạc bí mật giữa Trung ương với Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Đêm 11/3/1945, tại đình Làng Phật, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân và cơ sở đảng địa phương triệu tập hội nghị phân tích, đánh giá tình hình và cử người về Phú Bình xin chỉ thị của Xứ ủy và Trung ương, đồng thời phiên chế lại đội ngũ chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

Dấu tích ngôi đình xưa, nay chỉ còn nền đình, đá tảng kê chân cột.

LÀNG QUẶNG

Đình, được dựng ở làng Quặng, tổng Định Biên Thượng (nay thuộc xã Định Biên), huyện Định Hoá. Đình là ngôi nhà cổ 3 gian, 2 chái, làm bằng các loại vật liệu gỗ, tre, nứa, lợp lá cọ; là kiểu đình có lắp hệ thống sàn thấp. Theo Thần tích - Thần sắc làng Quặng (1938), đình thờ 5 sơn thần (thần núi): Sơn Nhung, Sơn Băng, Sơn Lẻn, Sơn Phá, Ẩn Chiêm (mỗi thần mang tên một ngọn núi, ngọn đồi).

Tháng 4/1945, đình làng Quặng là nơi Tổng bộ Việt Minh mở lớp huấn luyện cán bộ quân chính kháng Nhật cho 130 học viên là người địa phương. Ngày 15/5/1945, tại sân đình làng Quặng đã diễn ra Lễ hợp nhất các đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân. Tháng 6/1945, đình là nơi Tổng bộ Việt Minh mở lớp đào tạo cán bộ Việt Minh cho cả nước.

Ngôi đình cổ trước đây không còn, chỉ còn 2 cây đa cổ thụ. Năm 2005, đình làng Quặng được phục hồi, kiến trúc theo kiểu đình truyền thống có 3 gian, 2 dĩ, khung nhà, cột, vì kèo bằng gỗ táu mật, mái lợp lá cọ. Gian giữa có bắc sàn làm thượng cung thờ cúng, 2 bên có bắc sàn gỗ làm nơi ngồi hội họp. Đình nằm ở vị trí cao ráo, thoáng đãng, trước mặt có dòng sông Chu chảy vòng quanh, hai bên có nhiều đồi nhỏ, phía sau là rừng rậm kín đáo, phía tây có dãy núi Hồng hùng vĩ. Lễ hội của đình làng

Quặng được tổ chức vào tháng Giêng hằng năm. Ngày nay, lễ hội được gắn với kỷ niệm ngày ra đời Việt Nam Giải phóng quân (15/5).

LÀNG QUẶNG

Di tích Quốc gia đặc biệt, gồm 3 địa điểm di tích: Đình Làng Quặng, bãi Thàn Mát và cánh đồng Nà Nhậu, ở làng Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hóa. Tại làng Quặng, ngày 15/5/1945, diễn ra Lễ hợp nhất Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các lực lượng vũ trang cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân. Bộ Tư lệnh đầu tiên của Việt Nam Giải phóng quân gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp (Tư lệnh), Chu Văn Tấn (Chính trị viên), Trần Đăng Ninh (Phó Tư lệnh).

Di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 1034-QĐ/VH ngày 12/8/1993).

LÀNG RỎM

Đình, được dựng từ lâu đời trên quả đồi nhỏ thuộc xóm Phú Thái, xã Phù Liễn, thuộc tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ; nay thuộc phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên; là nơi thờ thành hoàng làng có tên là ông Rỏm. Tương truyền, ông Rỏm là người nơi khác đến tập hợp dân chúng khai hoang, lập nên làng Phú Thái. Vì vậy, khi ông qua đời, dân làng lập ngôi miếu nhỏ thờ ông; sau dân làng dựng đình, gọi là đình Làng Rỏm, thờ người sáng lập làng làm thành hoàng. Ngôi đình có ba gian tiền tế và một hậu cung, làm bằng gỗ tốt, lợp tranh, diện tích khoảng 100 m².

Hằng năm, vào ngày 8/1 Âm lịch, nhân dân trong làng và các vùng lân cận đến làm lễ rất trọng vọng, cung kính tưởng nhớ đến người có công lập ấp, dựng làng, mang lại ấm no cho nhân dân.

Năm 1960, đình bị phá bỏ, các cây cổ thụ quanh đình bị đốn hạ lấy gỗ đóng bàn ghế cho trường học. Ngày nay, nhân dân dựng một ngôi miếu (trên nền hậu cung cũ) khoảng 30 m² để thờ cúng.

LÀNG THƯỢNG

Chùa, được dựng từ lâu đời trên một ngọn đồi ở thôn Thượng, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình. Thờ Phật, Mẫu. Bổ sung: chùa còn 1 tượng bằng đá xanh tạc bà hậu hiệu Diệu Thành; 1 cây hương đá lập năm 1732 niên hiệu Lê Vĩnh Khánh năm thứ 4.

Chùa gồm có gian tiền bái, gian thượng điện (chiều ngang 7m, chiều dọc 4,4m). Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chùa là địa điểm họp của Trường Quân chính Liên khu I. Năm 1950, chùa là kho lương thực, thực phẩm của Liên khu Việt Bắc.

Hiện vật lưu giữ tại chùa gồm 8 cột đá, trong đó có 6 cột tròn, 2 cột vuông.

LÀNG VANG

Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (15/10 - 19/11/1947). Vị trí di tích ở làng Vang thuộc xã Liên Minh, huyện Võ Nhai.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 238/QĐ-UBND, ngày 3/2/2009).

LÀNG VÂN

Bến đò, nằm trên địa phận làng Vân (Vân Trai), xã Tân Phú, huyện Phổ Yên. Trước đây, bến đò chỉ có những thuyền ván nhỏ, mỗi chuyến đò chở được 7-10 người. Ngày nay, thuyền to hơn có thể chở được vài chục người và cả xe đạp, xe máy.

LẠNH

Suối, bắt nguồn từ các khe, lạch nhỏ ở chân núi Thần Lằn thuộc chân núi Tam Đảo. Nước từ các khe đá chảy ra, mát lạnh nên người dân địa phương gọi là Suối Lạnh (hay Khe Lạnh). Suối dài khoảng hơn 10 km, chảy qua các cánh đồng hẹp, lượn quanh các khu đồi rừng thuộc xã Thành Công rồi qua xã Vạn Phái và đổ vào sông Công ở bến Chảy (xã Vạn Phái). Về mùa khô nước ít, chỉ chảy róc rách. Về mùa mưa, nhất là sau những trận mưa lớn, nước từ núi đổ ra chảy rất nhanh, có thể tạo ra lũ quét. Những năm 1992 -1994, suối Lạnh đã được chặn lại bởi con đập chính dài 411m, cao 14,6 m, tạo thành một hồ nhân tạo lớn: Hồ Suối Lạnh.

LẠP VÕ QUANG

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Hương Toàn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1968, tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, ông công tác tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật

công nghiệp - Đại học Thái Nguyên); năm 1974, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc; năm 1978, trở về nước được phân công làm Chủ nhiệm Khoa Điện; từ năm 1980, là chuyên gia tham gia phục hồi nhiều thiết bị cho một số nhà máy và là một trong số ít nhà giáo bám sát cơ sở sản xuất. Ông còn là người chủ trì xây dựng chương trình, mục tiêu, kế hoạch đào tạo và tham gia biên soạn giáo trình.

Năm 1990, ông được đề bạt làm Hiệu phó và đến năm 1996 làm Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. Được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

LAU SAU

Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Vị trí di tích nằm ở xóm Lau Sau, xã La Bằng, huyện Đại Từ.

Năm 1936, nhận nhiệm vụ Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) giao, nhờ có mối quen biết từ trước, Đặng Tùng bí mật tìm về gia đình họ Đường ở xóm Lau Sau, xã La Bằng, huyện Đại Từ để hoạt động. Sau một thời gian tuyên truyền giác ngộ, cuối năm 1936, Đặng Tùng đã kết nạp 4 quần chúng ưu tú là Đường Nhất Qúy, Đường Văn Ngân, Nông Văn Ái và Hoàng Văn Nghiệp vào Đảng; đồng thời thành lập cơ sở Đảng do đồng chí Đường Nhất Quý phụ trách. Đây là cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của huyện Đại Từ và cũng là đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Di tích đã được xếp hạng Quốc gia tại Quyết định số 05/1999-QĐ-BVHTT ngày 12/2/1999.

LÂM TRỊNH TRÚC

Nhà giáo Ưu tú (1990), Nhà giáo Nhân dân (1996). Sinh năm 1936; quê quán xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1962; nguyên Giáo viên Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến, thị xã Thái Nguyên (1957 - 1962), Hiệu phó Trường Phổ thông cấp II Gang Thép (1962 - 1971), Trường Phổ thông Công nghiệp vừa học vừa làm Thái Nguyên - nay là Trường Trung học phổ thông Dương Tự Minh (1971 - 1998), nghỉ hưu năm 1998; đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Nhất*, Bằng khen của Thủ

tướng Chính phủ, 30 năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 4 năm đạt danh hiệu Giáo viên Giỏi toàn quốc và các danh hiệu Nhà giáo Ưu tú (1990), Nhà giáo Nhân dân (1996).

Trong những năm 1982 - 1992, quán triệt Nghị quyết 126/CP của Chính phủ về Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh, nhà giáo Trịnh Trúc Lâm đề ra biện pháp Xã hội hoá việc dạy nghề cho học sinh; đồng thời hoạch định và tiến hành 8 phương án triển khai dạy nghề cho học sinh...

Nhà giáo Trịnh Trúc Lâm có 30 năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua, Giáo viên dạy giỏi* 4 năm liền (1961-1965), đạt danh hiệu *Giáo viên Giỏi toàn quốc* và 4 năm đều được nhận *Phần thưởng của Bác Hồ*. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo ưu tú* năm 1990 và đến năm 1996, được phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Nhân dân*.

LÂM NGHIỆP ĐẠI TỪ

Công ty, tiền thân là Trạm Lâm nghiệp Đại Từ, được thành lập trước năm 1960; trụ sở tại xóm Lưu Quang - xã Minh Tiến; năm 1964, đổi tên là Hạt Lâm nghiệp; năm 1980 đổi tên là Lâm Trường Đại Từ; năm 1992 là Doanh nghiệp Nhà nước Lâm trường Đại Từ. Năm 2006, được sắp xếp và chuyển đổi thành Công ty Lâm nghiệp Đại Từ, trụ sở tại tổ dân phố An Long, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

LÂM NGHIỆP VÕ NHAI

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên, được thành lập năm 1970, có tên gọi là Lâm trường Võ Nhai. Năm 2005, Lâm trường Võ Nhai được đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Võ Nhai.

Theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND, ngày 8/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Công ty Lâm nghiệp Võ Nhai đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Võ Nhai. Trụ sở đặt tại số 245 phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Công ty có chức năng, nhiệm vụ: Hỗ trợ việc phát triển kinh tế đồi rừng cho các hộ gia đình trên địa bàn hoạt động theo định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua thực hiện các mô hình tiên tiến về trồng rừng, tư vấn hướng dẫn về kỹ thuật, cung ứng giống cây trồng rừng tiêu chuẩn,

tiêu thụ lâm sản từ rừng nhân dân, triển khai các dự án lâm nghiệp xã hội theo kế hoạch trên giao. Sản xuất kinh doanh các ngành nghề theo đăng ký kinh doanh được luật pháp cho phép, kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn được vốn và đảm bảo được việc làm, đời sống cho người lao động, thực hiện nộp ngân sách đúng quy định.

Hiện nay, Công ty được giao quản lí, khai thác 319 ha đất tự nhiên trên địa bàn huyện Võ Nhai. Công ty đã được Chủ tịch Nước Cộng hoà chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* năm 1985.

LÂN

Cầu, được xây dựng tại Km 89+880 - Quốc lộ 3, thuộc địa giới phía nam của thị trấn Đu với xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

Cầu được xây dựng lần đầu tiên hồi đầu thế kỷ XX. Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, cây cầu bị quân dân ta phá hỏng để ngăn bước quân thù. Năm 1951, Cầu Lân được xây dựng lại kiểu cầu sắt để đảm bảo công tác vận chuyển hàng hóa, vũ khí phục vụ kháng chiến. Năm 1967, bộ đội tình nguyện Trung Quốc giúp xây dựng lại cầu kiểu móng đá và dầm cầu bằng sắt, dài 3,6 m, rộng 6 m.

Cầu Lân hiện tại được xây dựng mới năm 2005, có chiều dài 6 m, rộng 7 m, tải trọng H30 x B80. Cầu trong tình trạng sử dụng tốt.

LẬP HOÀNG KHẢI

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Hương Nê, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; nguyên Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên, Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Năm 1973, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội, ông được phân công công tác giảng dạy tại Trường Đại học Y Bắc Thái (nay là Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên); năm 1978, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Liên Xô (cũ); năm 1982, trở về nước tiếp tục công tác giảng dạy tại Trường Đại học Y Bắc Thái.

Nhà giáo Hoàng Khải Lập đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học, Trưởng phòng Quản lí sinh viên, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Nhà trường, Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên, Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Ông

được tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Nhà giáo Hoàng Khải Lập được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

LÂU THƯỢNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Lâu Thượng là một xã thuộc huyện vùng cao của huyện Võ Nhai. Nhân dân các dân tộc xã Lâu Thượng sớm có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân và dân xã Lâu Thượng tích cực đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến. Toàn xã có 70 người hăng hái đi dân công hoả tuyến, nhiều thanh niên xung phong ra mặt trận. Ngoài ra, nhân dân xã Lâu Thượng còn tiếp đón, giúp đỡ đồng bào tản cư từ các tỉnh miền xuôi.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lâu Thượng đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424 KT/CTN, ngày 22/8/1998, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

LÂU THƯỢNG

Tổng, thuộc châu Vũ (Võ) Nhai, trước năm 1945 gồm 4 xã: Lâu Thượng, Lâu Hạ, Quan Lũng, La Chế. Địa giới của tổng Lâu Thượng tương ứng với xã Liên Minh, Tràng Xá, Dân Tiến và Lâu Thượng ngày nay. Đây là vùng đất tương đối trù phú, có thung lũng và nhiều đồi núi thấp, thuận tiện cho canh tác nông nghiệp. Con sông Rong và nhiều phụ lưu của nó không chỉ cung cấp cá tôm mà còn làm nên độ phì nhiêu cho các cánh đồng, làm nên thương hiệu gạo Phương Bá từ lâu đã đi vào câu ca "*Cơm Phương Bá, cá Bình Long*".

Trước thời Đồng Khánh (1885 - 1889), châu lị đặt ở xã Lâu Thượng, cách phủ thành 82 dặm. Đến thời Đồng Khánh, tổng Lâu Thượng gồm các xã Xuất Tác, Phủ Trì, Lâu Thượng. Tổng và xã Lâu Thượng từ đời Minh Mạng về trước là xã Hoa Lâu Thượng. Đầu đời Thiệu Trị (1841) vì

kị huý nên phải bỏ chữ "Hoa". Lâu Hạ thời Đồng Khánh gọi là tổng Lâu Hạ (gồm 2 xã là Lâu Hạ và Hương Thắng). Tổng và xã Lâu Hạ từ đời Minh Mạng về trước là xã Hoa Lâu Hạ. Đầu đời Thiệu Trị (1841) vì kị huý nên phải bỏ chữ "Hoa".

LÂU THƯỢNG

Xã miền núi, ở khu vực trung tâm huyện Võ Nhai; phía đông giáp thị trấn Đình Cả, phía nam giáp xã Tràng Xá, phía tây giáp xã La Hiên, phía bắc giáp xã Vũ Chấn. Diện tích tự nhiên 3.483,89 ha. Dân số (năm 2009) 6.036 người thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Thái, Mường cư trú ở 11 xóm: Đồng Chăn, Làng Chiềng, Làng Áng, Là Dương, Cây Hồng, La Mạ, La Hóa, Yên Ngựa, Làng Hang, Đất Đỏ, Trúc Mai. Địa hình xã Lâu Thượng khá đặc biệt, một bên là núi đá vôi, một bên là núi đất dốc, ở giữa là thung lũng hẹp chạy dài theo Quốc lộ 1B. Các hồ chứa nước nhỏ là Cây Hồng, Ao Mỏ, Non Giang, Mỏ Vùng cùng với sông Rong chảy qua một số xóm cung cấp nước tưới cho đồng ruộng trên địa bàn. Cư dân trong xã chủ yếu làm nghề nông: Trồng cây thuốc lá, trồng rừng, trồng chè và một số nghề thủ công khác, như sản xuất gạch, đá, đồ mộc, buôn bán nhỏ... Lâu Thượng là xã có diện tích trồng cây thuốc lá lớn nhất huyện Võ Nhai.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám, nhân dân các dân tộc xã Lâu Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm nên nhiều chiến công khiến kẻ thù run sợ, tiêu biểu là các trận đánh ở Gốc Đa (xóm La Hoá), Là Dương, dốc Đất Đỏ (xóm Làng Hang), Gốc Si ngày 24/11/1944 ở xóm La Mạ, Lân Hang ngày 28/11/1944... Lâu Thượng còn có nhiều đóng góp trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Năm 1998, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lâu Thượng được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

LÂU THƯỢNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập đầu năm 1948 trên cơ sở hợp nhất 2 xã Lâu Thượng, Phú Thượng. Dân số (năm 1954) có 2.521 người thuộc 3 thành phần dân tộc:

Kinh, Tày, Nùng. Sau giảm tô (1953), xã Lâu Thượng chia thành 2 xã: Lâu Thượng và Phú Thượng.

LE

Hang đá tự nhiên, xưa có tên là hang Lê, nằm ở chân núi thuộc địa phận xóm Hang Le, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ. Trong hang có nhiều nhũ đá với nhiều hình thù rất đẹp. Từ năm 1964, hang này là căn cứ của cán bộ lãnh đạo Khu Ủy và Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc.

Hang Le I là nơi ở và làm việc của các ông Mai Trung Lâm (Tư lệnh trưởng Lực lượng Công an vũ trang Việt Bắc), Long Xuyên (Giám đốc Sở Công an Khu Tự trị Việt Bắc, Nông Văn Kim (Giám đốc Sở Công nghiệp nhẹ Khu Tự trị Việt Bắc). Hang Le II là nơi ở và làm việc của các ông Hoàng Bắc Dũng (Chủ tịch Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc), Triệu Khánh Phương (Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc). Trải qua thời gian, đến nay cửa hang đã bị sập một phần, nhưng người vẫn chui vào được.

LEO

Hang đá tự nhiên ăn sâu vào lòng núi, thuộc địa phận xóm Vải, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Hang dài 60 m, rộng 18 m, cao 7,6 m. Trong lòng hang có một hồ nước tự nhiên rất trong mát.

Hang Leo gắn với nhiều sự kiện lịch sử. Đầu thế kỷ XIX, Dương Đình Cúc (Khúc) - thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân, đã đóng quân tại hang này để chống trả quân triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Hang Leo là nơi đóng quân của một tiểu đoàn Vệ quốc quân. Năm 1947, tiểu đoàn này tiến xuống đánh quân Pháp đóng tại Chùa Hang. Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Hang Leo là cơ sở làm việc của Ty Bưu điện Bắc Thái. Trong hang hiện nay còn ngôi nhà 2 tầng rất kiên cố.

LỄ DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1914, dân tộc Sán Chí, quê xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương; thường trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Dương Thị Lễ có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Hữu Hoa (nhập ngũ năm 1965, hi sinh ngày 10/3/1975 tại mặt trận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Lễ danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

LỀNH

Chùa, có từ lâu đời trên dải đất dọc theo sông Cầu, giữa 2 xóm Lềnh và Phú Thịnh, xã Tân Đức, huyện Phú Bình. Chùa thờ Phật và Mẫu.

Chùa cấu trúc theo kiểu chữ ĐINH, trên mái 2 rồng chầu mặt nguyệt, cột đồng trụ 2 bên hiên; gồm gian trong và gian ngoài. Gian trong là tam bảo với kiến trúc vì kèo dẻ quạt, trên nóc có ghi trùng tu vào năm Ất Dậu (1945); gian ngoài gồm 1 gian 2 chái, giữa bài trí các pho tượng bằng gỗ. Hiện vật cổ còn lại tại chùa: 24 pho tượng bằng gỗ mít, 1 bát hương gốm; 2 tấm bia "Hậu thần bi kí" có niên đại Cảnh Hưng năm thứ 40 (1779) và Gia Long năm thứ 18 (1819).

Chùa Lềnh được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2585/QĐ-UBND, ngày 13/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LỀNH

Đình, được dựng trước năm 1779 ở giữa 2 xóm Lềnh và xóm Phú Thịnh, xã Tân Đức, huyện Phú Bình; đã bị hủy hoại bởi chiến tranh từ lâu. Năm 2009, nhân dân địa phương xây dựng lại đình gồm 1 gian, 2 chái, rộng khoảng 72 m², mái lợp ngói, trên đắp rồng chầu mặt nguyệt, 4 đầu đao cong vút, cột kèo được chạm khắc tinh xảo, có hậu cung. Gian giữa là bàn thờ Dương Tự Minh, gian phải thờ các anh hùng liệt sĩ có công với nước và tượng Bác Hồ.

Đình Lềnh được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2585/QĐ-UBND, ngày 13/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LỊCH SỬ ATK ĐỊNH HÓA TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946 - 1954)

Sách, do Tiến sĩ Nguyễn Xuân Minh chủ biên, Huyện ủy huyện Định Hoá xuất bản năm 1997. Sách có độ dày 159 trang, khổ 13 x 19 cm, gồm có 3 chương và phần *Phụ lục*:

Chương 1, *Định Hoá một địa bàn chiến lược quan trọng*. Chương 2, *An toàn khu Định Hoá ra đời và phát triển*. Chương 3, *Vị trí, vai trò của An toàn khu Định Hoá trong sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc.*

Phần *Phụ lục* gồm các bài viết: *Những ngày đầu gần Bác, Sửa đổi lối làm việc phê* bình và sửa chữa, Các điểm di tích về An toàn khu và Anh Văn về lại chiến khu.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HÓA (1930 - 2000)

Sách, do Ban Thường vụ Huyện ủy Định Hóa chỉ đạo biên soạn; Thường trực chỉ đạo biên soạn: Vy Văn Thư, Phùng Đình Thiệu, Hoàng Phùng; Biên soạn: Phạm Tất Quynh (chủ biên), Nguyễn Thu Huyền, Vũ Thanh Khôi, Dương Công Nhuận, Lý Thị Sắn; Huyện ủy Định Hóa xuất bản năm 2000; in 1.000 cuốn, khổ 13 cm x 14 cm, dung lượng 440 trang và bản đồ, ảnh minh họa.

Ngoài phần *Kết luận* và *Phụ lục*, nội dung cuốn sách gồm 7 chương:

Chương I- *Nhân dân Định Hóa trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược 1884 - 1930.*

Chương II- *Định Hóa trong cuộc vận động giải phóng dân tộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi 1930 - 1945.*

Chương III- *Định Hóa: Đất thánh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946 - 1954.*

Chương IV- *Đảng bộ Định Hóa lãnh đạo nhân dân xây dựng quê hương 1955 - 1965.*

Chương V- *Đảng bộ Định Hóa trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc và kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1965 - 1975.*

Chương VI- *Đảng bộ Định Hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 5/1975 - 1985.*

Chương VII- *Đảng bộ Định Hóa trong sự nghiệp đổi mới 1986 - 2000.*

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Sách, gồm 2 tập, do TS Nguyễn Xuân Minh chủ biên. Tập I viết về giai đoạn lịch sử 1930 - 1975, có độ dày 160 trang, gồm *Chương Mở đầu* và 4 chương nội dung. Sách xuất bản năm 1991. Tập II viết về giai đoạn lịch sử 1975 đến năm 2002, có độ dày 315 trang, gồm 5 chương, phần *Kết*

luận và *Phụ lục*. Sách xuất bản năm 2002 nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập thành phố Thái Nguyên (19/10/1962 - 19/10/2002).

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TẬP I (1936 - 1965)

Sách, do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo biên soạn, xuất bản năm 2003. Chủ biên: Phạm Tất Quynh.

Với độ dày 402 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm, ngoài chương *Mở đầu* và *Kết luận*, sách gồm 4 chương nội dung: Chương I: *Xây dựng cơ sở Đảng đầu tiên và cuộc vận động Cách mạng tháng Tám ở Thái Nguyên*; Chương II: *Lãnh đạo đấu tranh bảo vệ, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân chuẩn bị kháng chiến (9/1945 - 9/1947)*; Chương III: *Lãnh đạo quân dân trong tỉnh trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương (10/1947 - 7/1954)*; Chương IV: *Lãnh đạo khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ (8/1954 - 6/1965)*.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TẬP II (1965 - 2000)

Sách, do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo biên soạn, xuất bản năm 2000. Chủ biên: TS Nguyễn Xuân Minh.

Với độ dày 462 trang, khổ 14,5x20,5cm, ngoài phần *Kết luận* và *Phụ lục*, sách gồm 4 chương nội dung: Chương I: *Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu và chi viện chiến trường (7/1965 - 5/1975)*; Chương II: *Lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (5/1975 - 12/1986)*; Chương III: *Lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới (12/1986 - 12/1996)*; Chương IV: *Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (12/1996 - 12/2000)*

LIÊN LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1912, dân tộc Kinh, quê xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên; thường trú tại xã Thành Công, huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Lê Thị Liên có con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Bộ (nhập ngũ tháng 7/1967, hi sinh ngày 4/5/1970 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Liên danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

LIÊN VŨ THỊ KIM

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Trưởng phòng Sau đại học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Sau khi tốt nghiệp Khoa Vật lí Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (năm 1980), bà được giữ lại làm cán bộ giảng dạy tại trường. Ngoài công tác giảng dạy và công tác quản lí, bà tích cực tham gia nghiên cứu khoa học; đã công bố hơn 40 bài báo khoa học trên các tạp chí Khoa học và Công nghệ, các Proceedings của Hội nghị Khoa học Quốc gia và Quốc tế.

Nhà giáo Vũ Thị Kim Liên đã được trao tặng *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục* (2003), *Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ* (2001) và nhiều Bằng khen; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập tháng 11/1946. Năm 1965, Liên đoàn Lao động hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên sáp nhập thành Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Thái. Năm 1997, tỉnh Bắc Thái tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn; Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên được tái thành lập. Trụ sở đặt tại số 5 - Đường Nguyễn Du, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Liên đoàn có chức năng, nhiệm vụ: Chăm lo cho người lao động cả về vật chất, tinh thần; Phối hợp với chuyên môn đồng cấp tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến công nhân viên chức, lao động; Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên và công nhân viên chức, lao động trên địa bàn; Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các chính sách có liên quan trực tiếp đến công nhân viên chức, lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; Tham gia Hội đồng Trọng tài lao động, hướng dẫn và chỉ đạo việc giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động...

Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên có 7 ban (Văn phòng, Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ban Tài chính, Ban Nữ công, Ban Chính sách luật pháp, Ủy ban Kiểm tra); 4 đơn vị trực thuộc (Trung tâm Tư vấn pháp luật, Trường Trung cấp nghề, Nhà khách Công đoàn, Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Công đoàn Hồ Núi Cốc); 9 Liên đoàn Lao động cấp huyện, 10 Công đoàn ngành.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KĨ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 1632/QĐ-UB ngày 7/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 513 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên. Gọi tắt là Liên hiệp Hội Thái Nguyên; là tổ chức chính trị - xã hội tự nguyện của trí thức Thái Nguyên hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ; là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên. Liên hiệp có nhiệm vụ tập hợp và đoàn kết lực lượng trí thức khoa học và công nghệ thuộc tất cả các thành phần kinh tế và lĩnh vực hoạt động xã hội; điều hòa và phối hợp hoạt động của các hội thành viên để cùng nhau tiến hành các hoạt động chung nhằm phát huy tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng và bảo vệ quê hương, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ,văn minh; Tham gia tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội nhằm góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách, kế hoạch, dự án phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng của địa phương...

Liên hiệp Hội Thái Nguyên có Văn phòng Thường trực và 23 hội thành viên.

LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Hội Hữu nghị với nước ngoài tỉnh Bắc Thái được thành lập ngày 15/5/1992. Ngày 8/8/2003, Hội Hữu nghị với nước ngoài tỉnh Thái Nguyên đổi tên thành Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh Thái Nguyên (theo Quyết định số 1793/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Trụ sở đặt trong khuôn viên trụ sở của Sở Ngoại vụ - đường Hùng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh Thái Nguyên là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân; hoạt động dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và sự quản lí của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; là thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh; có vai trò làm đầu mối phối hợp trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân, là đầu mối cho công tác phi chính phủ nước ngoài. Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh Thái Nguyên có Ban Chấp hành, Tổ Thư kí.

LIÊN HỒNG 8

Làng nghề trồng và chế biến chè, long vải nhãn, thuộc xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Xóm Liên Hồng 8 thành lập năm 1975, nằm ngay khu vực trung tâm xã Vô Tranh, có 142 hộ, 524 nhân khẩu trong đó có 320 lao động.

Kể từ khi thành lập, xóm Liên Hồng 8 đã đưa nghề trồng, chế biến chè trở thành nghề sản xuất chính và phát triển trồng vải, nhãn để sản xuất long vải nhãn. Ở thời điểm 2008, có 100% số hộ gia đình và số lao động ở Liên Hồng 8 làm nghề chè. Các giống chè đặc sản trồng mới và các biện pháp khoa học kỹ thuật được áp dụng đã tạo ra năng suất cao, chất lượng tốt cho chè Liên Hồng 8. Hiện nay, các hộ trồng chè đều sử dụng máy sao, vò chè. Toàn xóm có gần 90 lò sấy vải, nhãn.

Liên Hồng 8 có sản lượng chè búp tươi 405 tấn tương ứng với sản lượng chè búp khô 81 tấn, quả vải thiều tươi 398,1 tấn tương ứng với sản lượng long vải thiều 66,35 tấn; đạt tổng doanh thu 4.427,5 triệu đồng.

Năm 2009, xóm Liên Hồng 8 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là làng nghề trồng và chế biến long vải, nhãn.

LIÊN MINH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Liên Minh là một trong 6 xã vùng sâu, vùng xa của huyện Võ Nhai. Nhân dân các dân tộc xã Liên Minh sớm có truyền thống yêu nước và

cách mạng. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Liên Minh từng là nơi Chủ tịch Hồ chí Minh chuyển từ ATK Định Hoá về ở và làm việc từ ngày 15/10 đến ngày 19/11/1947. Quân và dân xã Liên Minh đã dũng cảm chiến đấu, chặn đánh địch, góp phần đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc trong Thu - Đông 1947. Cùng với việc động viên con em xung phong tòng quân, đi dân công hỏa tuyến phục vụ các chiến dịch, nhân dân Liên Minh còn tích cực đóng góp cho kháng chiến hàng ngàn kilôgam gạo, trên 15 tấn thóc, 28 con trâu, bò và hàng ngàn đồng.

Do có nhiều thành tích xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Liên Minh đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/ 2005/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

LIÊN MINH

Xã vùng cao, ở khu vực phía Nam huyện Võ Nhai; phía đông giáp 2 xã Tràng Xá và Dân Tiến, phía tây giáp 2 xã Văn Hán và Cây Thị (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp xã Xuân Lương (huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang) và xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ), phía bắc giáp xã Lâu Thượng.

Diện tích tự nhiên 7.337,13 ha. Dân số (năm 2009) 4.071 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mường cư trú ở 9 xóm: Nhâu, Vang, Thâm, Nho, Nác, Kẹ, Khuôn Nang, Ngọc Mỹ, Khuân Đã.

Liên Minh là xã có nghề trồng và chế biến chè khá phát triển. Trà Liên Minh có hương vị riêng, nước xanh, đậm đà, thơm ngon. Trong lòng đất có nhiều khoáng sản quý hiếm. Mỏ vàng sa khoáng ở làng Nhâu (diện tích 31 ha, trữ lượng 145.640 m^3, công suất thiết kế 36.000 m^3 tấn quặng nguyên khai/năm), mỏ vàng gốc Bồ Cu, có diện tích 543 ha, nằm trên địa bàn xã Liên Minh và xã Cây Thị, Tân Lợi (huyện Đồng Hỷ), mỏ sắt Nhâu nằm trên địa bàn xóm Nhâu (xã Liên Minh) và xã Văn Hán (huyện Đồng Hỷ).

Liên Minh là vùng đất giàu truyền thống cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác Hồ đã ở và làm việc tại Là Ghè, xóm

Vang, xã Liên Minh, từ ngày 15/10 đến ngày 19/11/1947. Nhân dân xã Liên Minh đã đóng góp cho kháng chiến trên 15 tấn thóc, 28 con trâu, bò và hàng ngàn đồng...

LIỄN DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1915; quê xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình.

Mẹ Dương Thị Liễn có con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Hậu (nhập ngũ năm 1968, hi sinh tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/4/1994, mẹ Dương Thị Liễn được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LIỆT SĨ

Cầu, được xây dựng năm 2007, trên tuyến đường vào đền thờ Liệt Sĩ, thuộc địa phận thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình. Cầu dài 17 m, rộng 5,5 m, chiều dài nhịp cầu 8 m; tải trọng 13 tấn.

LIỆT TỈNH PHONG VẬT PHÚ

Cuốn sách chữ Hán viết tay của nhóm tác giả Trần Huy Phác (1754 - 1834), Trần Danh Lâm (1705 - 1777) và Giang Nguyên Thi, gồm 3 bài phú và kí viết về địa dư, phong cảnh, phong tục các trấn Thanh Hoá, Sơn Tây, Hoan Châu, Cao Bằng. Phần cuối sách có phụ chép thêm sự tích 3 vị thần ở Thái Nguyên, Cao Bằng là Dương Tự Minh, Nùng Trí Cao, Nguyễn Đình Bá. Sách được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, gồm 55 tờ (a và b), khổ 20,5 x 30,5cm, kí hiệu kho: A1173.

Sự tích Dương Tự Minh trong phần phụ chép cuốn sách ở các tờ 53a, 53b, 54a, mỗi tờ 8 dòng, mỗi dòng trung bình có 17 chữ viết lối chữ chân, dễ đọc.

LINH NGÔ Y (đã mất)

Nghệ sĩ Nhân dân, tên thật là Nguyễn Văn Bình, bút danh là Nguyễn Vũ, Đan Minh, Huỳnh Biếc; quê phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thời niên thiếu, ông học Tiểu học ở Thái Nguyên và Trung học ở Trường Thăng Long (Hà Nội); sau đó chuyển vào Sài Gòn làm nghề nhiếp ảnh và học hết Trung học. Sau Cách mạng tháng Tám, làm giao liên, hoạt

động nội thành; tháng 2/1946, học Trường Quân chính; từ tháng 9/1948, công tác tại Phòng Chính trị Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ; năm 1954, tập kết ra miền Bắc, được cử đi học khoa Đạo diễn Học viện Kịch nghệ Bắc Kinh (Trung Quốc). Sau khi tốt nghiệp, về nước làm giảng viên Trường Sân khấu Việt Nam (nay là Đại học Sân khấu - Điện ảnh), có công đào tạo lớp diễn viên khóa I đầy tài năng, như Thế Anh, Trọng Khôi, Nguyệt Ánh... Ông nổi lên là một nhà biên kịch tài năng, với những kịch bản nổi tiếng, phản ánh kịp thời, sâu sắc cuộc chiến đấu chống Mĩ của nhân dân miền Nam, như: *Những viên đạn đầu tiên*, *Đường phố dậy lửa*, *Đâu có giặc là ta cứ đi*, *Ngọn lửa*, *Đất nước*, v.v...

Ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Nhân dân* năm 1993.

LINH VŨ NGỌC

Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Nguyễn Văn Am), sinh năm 1920, dân tộc Kinh, quê xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; cán bộ Lão thành Cách mạng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng; Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (1976 - 10/1986).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì*, *Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương độc lập hạng Nhì.*

LINH MỤC

Người lãnh đạo tinh thần tối cao của giáo xứ, là người cộng tác với Giám mục địa phận để coi sóc phần đạo của giáo dân. Linh mục thường không vắng mặt trong xứ quá 2 tháng. Linh mục có nhiệm vụ: Chỉ lễ cho giáo dân, coi sóc về tín ngưỡng, luân lí trong xứ, coi sóc về sổ sách. Ngoài Linh mục Chánh xứ, một số xứ đạo còn có một vài Phó xứ.

Đến nay, Công giáo tỉnh Thái Nguyên có tổng số gần 30 Linh mục coi sóc các xứ đạo, họ đạo; trong đó có 6 Linh mục người nước ngoài (5 người Pháp, 1 người Tây Ban Nha). Những năm gần đây, nhiều tín đồ Công giáo ở Thái Nguyên tự nguyện xuất gia tu đạo (cả nam và nữ), có người vào phục vụ ngay tại các nhà thờ trong tỉnh, có người về Tòa Giám mục Bắc Ninh, người vào các dòng tu trong miền Nam. Một số người vào học tại Đại Chủng viện Hà Nội, trong đó có người đã tốt nghiệp ra trường làm Linh mục, coi sóc các xứ đạo trong vùng.

LINH NHAM

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1993, bắc qua suối Linh Nham thuộc địa phận xóm Tân Lập, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ. Cầu có chiều dài 38 m, rộng 4,3 m. Nhịp cầu thuộc loại giản đơn, dài 27,6 m; dầm liên hợp dài 27,6 m. Kết cấu phần dưới cầu, mố tường, thân cầu bằng đá xây. Tải trọng theo thiết kế và thực tế H13; tình trạng hiện tại của cầu vào loại tốt.

LINH NHAM

Suối, bắt nguồn từ vùng núi Đồng Thượng, đi qua địa phận các xóm Làng Giếng, Hồng Phong (xã Tân Long), theo hướng đông bắc - tây nam, lần lượt chảy qua địa phận các xóm Đồng Mây, Đồng Luông (xã Tân Long), Na Lay, Xuân Quang 2, Xuân Quang 1, Lân Táy (xã Quang Sơn). Từ đây, dòng suối chuyển theo hướng bắc - nam, đi qua địa phận xóm Đồng Thu 2 (xã Quang Sơn) rồi đổ xuống hợp lưu với suối Đèo Khế tại địa phận xóm 12 (thị trấn Sông Cầu).

Suối Linh Nham là nguồn nước phục vụ canh tác và sinh hoạt của nhân dân các dân tộc các xã Tân Long, Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ.

LINH SƠN

Động, nằm ở lưng chừng núi Hột thuộc xóm Núi Hột, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, cách thị trấn Chùa Hang 3 km về phía đông nam. Động Linh Sơn còn có tên gọi là hang Núi Hột, hoặc hang Dơi bởi quanh năm có hàng ngàn con dơi đậu kín trên trần hang.

Động gồm hai hang đá tự nhiên ăn sâu vào lòng núi: Hang Thiên và hang Địa (còn gọi là hang Âm Phủ). Cả hai hang đều chung một cửa chính rộng 5 m.

Hang Thiên rộng chừng 360 m², nền bằng phẳng; vòm cao tới 20 m, có nhiều nhũ đá tạo nên hình tượng Phật, hình con voi, con hổ... Cuối hang Thiên về phía tây, có đường đi lên đỉnh núi Hột, lại có đường thông xuống hang Địa. Hang Địa có diện tích hơn 480 m². Nền hang khá bằng phẳng, thấp dần, tạo thành chiếu nghỉ rộng lớn. Nơi đây không gian yên tĩnh, thiên nhiên huyền ảo với nhiều hình tượng đẹp được tạo thành bởi nhũ đá như hình bút tháp, mẹ bồng con.

Xưa kia, nhân dân đã từng dùng động làm nơi thờ Phật. Trong động vẫn còn pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng cổ. Theo truyền thuyết, nơi đây cũng đã từng là nơi trú chân, tích trữ lương thực của quan quân nhà Lí chống giặc Tống xâm lược.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, động Linh Sơn là nơi đóng quân, để kho tàng của một số cơ quan, đơn vị bộ đội của tỉnh và Liên khu Việt Bắc. Là nơi Bệnh viện Đa khoa Bắc Thái sơ tán và làm việc trong những năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ.

Trước cửa động có một tấm bia đá, tên đại tự là *Trùng tu Linh Sơn động*, niên đại cuối thời Lê (1775 năm Ất Mùi). Trên mặt bia khắc 200 chữ Hán, xung quanh trang trí hoa dây.

LINH SƠN

Xã miền núi nằm ở khu vực phía nam huyện Đồng Hỷ, có tuyến Tỉnh lộ 269 chạy qua. Sông Cầu chảy ở phía tây nam, là địa giới tự nhiên với phường Túc Duyên (thành phố Thái Nguyên); phía bắc giáp xã Khe Mo, phía đông và đông nam giáp xã Nam Hòa, phía nam giáp xã Huống Thượng, phía tây giáp xã Đồng Bẩm (nay thuộc thành phố Thái Nguyên) và một phần xã Hóa Thượng, phía tây nam giáp phường Túc Duyên.

Diện tích tự nhiên 15,51 km^2. Dân số (năm 2009) 8.839 người thuộc 13 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Tày, Nùng, Hoa, Dao, Mường, Ê Đê, Sán Chay, Thái, Thổ, Giáy và Tà Ôi cư trú ở 14 xóm: Ao Lang, Bến Đò, Cây Sơn, Cây Thị, Hùng Vương, Khánh Hòa, Núi Hột, Làng Phan, Mỏ Đá, Nam Sơn, Ngọc Lâm, Tân Lập, Thanh Chử và Thông Nhãn. Mỏ sắt Tiến Bộ, công suất 300.000 tấn/năm ở xóm Thanh Chử, thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp. Xóm Ngọc Lâm hiện có gần 100% số hộ chuyên sản xuất rau quả tươi với hơn 4,5ha, chủ yếu cung cấp cho thị trường thành phố Thái Nguyên.

LINH THÔNG

Núi đá vôi, trên ranh giới giữa xã Linh Thông với xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa, có đỉnh cao 430 m, tọa độ: 22°00' vĩ Bắc và 105°39' kinh Đông, thuộc dãy núi cánh cung Sông Gâm. Núi Linh Thông gồm những núi đá

vôi xen giữa đồi, núi đất; địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Thảm thực vật rất phong phú, chứa đựng nhiều tiềm năng kinh tế, với các loại lâm sản quý, như gỗ nghiến, lim, lát, sến và các loại tre, nứa, vầu, trám... Núi có hang Chờ là thắng cảnh, một điểm du lịch tiềm năng.

LINH THÔNG

Xã vùng cao thuộc khu vực phía Bắc huyện Định Hóa.

Xã được thành lập đầu năm 1954 trên cơ sở tách xã An Lạc thành 3 xã Linh Thông, An Lạc và Kim Phượng; phía đông giáp xã Mai Lạp (huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn), phía tây giáp xã Yên Nhuận (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn), phía đông nam giáp xã Lam Vỹ, phía tây nam và phía nam giáp xã Quy Kỳ (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), phía bắc và tây bắc giáp xã Yên Mỹ (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn). Tổng diện tích đất tự nhiên 27,98 km² (gồm 2.361,81 ha đất nông nghiệp, 72,55 ha đất phi nông nghiệp, 363,15 ha đất chưa sử dụng). Dân số (năm 2009) có 2.866 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Dao, Nùng, Hoa, Mường, Mông cư trú ở 13 xóm: Làng Mới, Bản Lại, Nà Chát, Bản Trang, Nà Lá, Nà Chú, Nà My, Tân Thái, Bản Noóng, Tân Trào, Cốc Móc, Tân Vàng, Bản Vèn.

LINH TRÀ

Chùa, được dựng vào năm Gia Long thứ 10 (1811) có tên gọi chùa Linh Già, ở đỉnh đồi Chùa thuộc làng Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hoá.

Chùa được làm bằng gỗ, tường đắp đất, mái lợp lá cọ. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), các cơ quan Cục Chính trị, Cục Quân y từng đóng ở chùa.

Hiện chùa chỉ còn nền dài 6 m, rộng 4 m; 2 chân kê đá tảng có chạm khắc nổi 16 cánh sen và một tấm bia đá cổ có kích thước 80 x 75 cm, khắc 2 mặt có 311 chữ Hán Nôm, có tên là: *Linh Già tự thạch bi ký*, nội dung ghi lại công đức của 3 dòng họ Ma Thịnh, Ma Đình và Nông đã dựng chùa vào năm Gia Long thứ 10 (1811).

LINH TÙNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Thông, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ thành hoàng Cao Sơn, Quý Minh (hai thuộc tướng

của Vua Hùng). Đình cũng là nơi các cụ ông họp bàn quyết định những công việc của làng.

Đình đã 3 lần bị phá dỡ: Lần đầu vào năm 1918, dân làng tự phá dỡ toàn bộ để dựng lại theo hướng khác, cách chỗ cũ khoảng 50 m. Lần thứ hai vào năm 1947, khi thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, Ban Phá hoại xã đã phá dỡ một phần đình. Năm 1950, đình Linh Tùng là nơi đặt Xưởng Quân giới Đan Hoài. Lần thứ ba vào những năm 60 (TK XX), do chủ trương chống mê tín dị đoan, Hợp tác xã xóm Thông đã phá dỡ toàn bộ ngôi đình.

Năm 1999, đình được xây dựng lại trên nền đất cũ, nơi đặt đình lần thứ hai.

LĨNH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1898, dân tộc Kinh, quê xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Lĩnh có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Văn Cách (nhập ngũ tháng 2/1949, hi sinh ngày 16/1/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Lĩnh danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

LÒ BÁT

Cầu, được xây dựng tại Km 140+170 - Quốc lộ 37, thuộc địa bàn xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Cầu dài 19,3 m, rộng 8,5 m, tải trọng 17 tấn.

LÒ CAO SỐ I

Lò luyện quặng sắt thành gang, trực thuộc Nhà máy luyện gang, được khởi công xây dựng ngày 2/9/1960, do Trung Quốc giúp; có dung tích 100 m^3, công suất thiết kế ban đầu là 100 tấn gang/ngày.

Ngày 29/11/1963, mẻ gang đầu tiên ra lò. Từ đó, ngày 29/11 hằng năm được chọn làm Ngày truyền thống của công nhân Gang thép. Sau gần 1 tháng chạy thử có tải ổn định, 9 giờ 30 phút ngày 20/12/1963, nhân dịp kỷ niệm 3 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng

miền Nam Việt Nam, Công ty Gang thép long trọng tổ chức lễ khánh thành lò cao số 1.

LÒ CAO SỐ II

Lò luyện quặng sắt thành gang, trực thuộc Nhà máy luyện gang, được đưa vào sử dụng ngày 23/9/1964, có dung tích 100 m^3, công suất thiết kế ban đầu là 100 tấn gang/ngày.

LÒ CAO SỐ III

Lò luyện quặng sắt thành gang, trực thuộc Nhà máy luyện gang, khánh thành ngày 20/7/1965, có dung tích 100 m^3, công suất thiết kế ban đầu là 100 tấn gang/ngày.

Trải qua 5 năm xây dựng, 3 lò cao thuộc Khu Gang thép được khánh thành và đưa vảo sử dụng, đưa sản lượng gang luyện thép lên 14 vạn tấn năm, đủ nguyên liệu phục vụ cho hệ thống luyện thép.

LÒ RÈN XÓM NÁC

Nơi sửa chữa, chế tạo các loại vũ khí (súng kíp, dao nhọn, kiếm, mã tấu) cung cấp cho Cứu quốc quân trong cuộc vận động cách mạng tháng Tám. Vị trí di tích tại nhà ông Triệu Tài Lâm ở xóm Nác thuộc xã Liên Minh, huyện Võ Nhai.

Nhà rộng 6 m, dài 7 m, cột gỗ, lợp lá cọ, là nơi ở và cũng là nơi đặt lò rèn; ban đầu chỉ rèn nông cụ phục vụ nhân dân quanh vùng. Sau được cán bộ cách mạng giác ngộ, gia đình ông Triệu Tài Lâm sửa chữa súng kíp, rèn dao nhọn, kiếm, mã tấu cung cấp cho Cứu quốc quân. Thực dân Pháp phát hiện, bắt ông và các con trai Triệu Nho Hương, Triệu Nho Minh, con rể Triệu Đức Phúc về Đình Cả rồi đầy đi Sơn La. Một con trai khác của ông là Triệu Nho Lưu (bí danh Trần Thắng) bị đầy ra Côn Đảo.

LỌ GOÀI

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại Km 4+567, thuộc địa phận xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp dài 6 m; mố cầu bằng bê tông, dầm bản bê tông cốt thép. Tải trọng thiết kế và thực tế là H13-X60. Nhờ có cầu Lọ Goài nên ô tô có thể đi từ Nước Hai vào trung tâm xã Thần Sa trong mùa mưa bão.

LOÀNG

Cầu, được chính quyền thực dân Pháp xây dựng những năm đầu thế kỷ XX cùng với việc mở Đường số 3 phục vụ công cuộc cai trị và khai thác thuộc địa. Cầu bắc qua suối Loàng, nằm trên đường Cách Mạng Tháng Tám nối liền 2 phường Gia Sàng và Cam Giá (thành phố Thái Nguyên); được làm bằng khung sắt, mặt cầu lát ván, hai mố xây đá; dài 12 m, rộng 6 m; tải trọng 8 tấn.

Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, cầu bị quân dân ta phá để ngăn cản bước tiến của giặc Pháp. Sau ngày hòa bình lập lại (1954), cầu được khôi phục, có kết cấu như trước. Năm 1959, do nhu cầu phục vụ Khu Công nghiệp Gang thép, cầu được gia cố, nâng tải trọng lên 12 tấn.

Năm 1980, cầu được làm lại bằng bê tông cốt thép, có tải trọng 20 tấn. Năm 2001, cầu được phá bỏ để xây dựng lại, có chiều dài 18,2 m, rộng 36 m, lan can bằng thép; hai mố bằng bê tông cốt thép, dầm bằng bê tông cốt thép dự ứng lực; tải trọng H30.

LOÀNG

Suối, bắt nguồn từ xóm Bắc Luông (xã Tích Lương), chảy qua gần đất của phường Tân Lập, Phú Xá, cắt ngang phường Gia Sàng (thành phố Thái Nguyên) từ đông sang tây rồi đổ ra sông Cầu. Suối có chiều dài toàn tuyến 6 km, là ranh giới tự nhiên giữa phường Gia Sàng và phường Cam Giá.

Dòng chảy của suối theo hướng từ tây sang đông, lòng suối nơi rộng nhất là 8 m, nơi cầu Loàng vượt qua, nơi hẹp nhất là 3 m. Về mùa khô, lòng suối chỗ sâu nhất chỉ khoảng 1 m, nhưng mùa mưa nước có thể dâng cao tới 3 m, do nước lũ Sông Cầu tràn vào. Ngày nay lòng suối bị thu hẹp nhiều và ô nhiễm nghiêm trọng.

LONG

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo (địa phận xã Hoàng Nông) chảy qua các xã Khôi Kỳ, Tiên Hội, nhập vào sông Công ở khu vực gần thị trấn Đại Từ. Suối Long là nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Tiên Hội của huyện Đại Từ.

LONG BIÊN

Huyện, đơn vị hành chính dưới thời đô hộ của nhà Hán. Vùng đất Thái Nguyên nằm trong huyện Long Biên, thuộc quận Giao Chỉ.

LONG GIÀN

Mỏ sét, nằm trên địa phận các xã Khe Mo, Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ và La Hiên (huyện Võ Nhai).

Mỏ có diện tích 34 ha, trữ lượng 9.859.076 tấn, công suất thiết kế 533.500 tấn/năm, thời hạn khai thác 20 năm. Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam đang khai thác mỏ theo Giấy phép số 115/GP-BTNMT, ngày 18/1/2008 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Sản phẩm chủ yếu phục vụ sản xuất xi măng của Công ty Xi măng Thái Nguyên.

LONG KHÁNH TỪ

Ngôi đền thiêng của dòng họ Nguyễn tại gò Bãi Dứa, dưới chân núi Tam Đảo thuộc xã Ký Phú, huyện Đại Từ. Vị trí ngôi đền trước kia thuộc vùng chân đập hồ Vai Miếu hiện nay. Năm 1998, để phục vụ việc xây dựng hồ chứa nước Vai Miếu, dòng họ Nguyễn đã di chuyển về vị trí gò Bãi Dứa như hiện nay. Long Khánh từ gắn với sự tích hang Gành Đá Sập và đôi rắn có mào đỏ chót.

Tương truyền, xa xưa người dân vùng này rất nghèo, nhiều gia đình đến Tết muốn luộc bánh nhưng không có nồi. Khi đó, mọi người thường đến hang đá bên đồi, cửa hang có nước từ trong chảy ra trong mát, nhắm mắt lại và thành tâm đọc một câu thần chú, đọc xong mở mắt ra thì thấy một chiếc nồi đồng từ hang đá trôi ra, người dân mượn nồi về luộc bánh xong lại mang đến cửa hang để trả. Một lần có người mượn nồi về dùng nhưng tham lam không mang trả lại. Trời đất nổi giận cho một hòn đá to phía trên sập kín miệng hang, nên không ai mượn được nồi nữa. Tên hang Đá Sập cũng xuất hiện từ đó. Nhưng cũng từ đây, người dân lại luôn thấy một đôi rắn có mào đỏ chót quấn quýt như vợ chồng thường xuyên từ trong hang bơi ra tắm phía vực bên ngoài, một lát lại bơi vào trong hang. Cho rằng đó là đôi rắn thần linh thiêng, dòng họ Nguyễn ở đây dựng Long Khánh từ thờ thần rắn.

LONG PHƯỢNG

Công ty Cổ phần vận tải, được thành lập từ ngày 4/9/2007. Trụ sở đặt tại số 2 - Tổ 5 - Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ. Công ty hoạt động trên lĩnh vực chuyên chở hành khách trên các tuyến Thái Nguyên - Hà Nội; Thái Nguyên - Đà Nẵng; Thái Nguyên - thành phố Hồ Chí Minh...

LÒNG THUYỀN

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Lòng Thuyền thuộc địa phận xã La Hiên, huyện Võ Nhai, có chiều dài 1,2 km, đảm bảo tưới tiêu cho 50 ha lúa trên địa bàn xã.

LỌNG LẠNH

Suối, bắt nguồn từ sườn phía đông dãy núi Tam Đảo (địa phận xã Cát Nê), chảy song song với suối Đầu Cầu, qua xóm Nông Trường, nhập với suối Đầu Cầu ở xóm Tân Lập, chảy vào địa phận xã Phúc Thuận. Tới khu vực phía nam thị trấn Quân Chu nhập với hai nhánh suối từ xã Quân Chu chảy xuống. Từ đây được gọi là sông Phúc Thuận chảy theo hướng tây bắc - đông nam, đổ vào sông Công tại ranh giới xã Vinh Sơn (thị xã Sông Công) và xã Minh Đức (huyện Phổ Yên).

Suối Lọng Lạnh, sông Phúc Thuận là nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã Cát Nê (huyện Đại Từ) và xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên).

LỖ XANH

Nơi ở và làm việc của Nha Công an Trung ương (1947). Vị trí di tích ở khu rừng Lỗ Xanh thuộc xóm Xuất Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai.

LỘC NGUYỄN VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1972, tốt nghiệp Khoa Văn Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; năm 1993, bảo vệ thành công Luận án Phó Tiến sĩ tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; năm 2003, được phong học hàm Phó Giáo sư.

Nhà giáo Nguyễn Văn Lộc đã đảm nhiệm các chức vụ: Chủ nhiệm Khoa Văn - Sử Trường Đại học Đại cương thuộc Đại học Thái Nguyên, Chủ nhiệm khoa Ngữ Văn, Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Ông được tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 *Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ*; được phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

LÔI LÊ

Tuyên phủ đại sứ Thái Nguyên hạ bạn. Tên thật là Nguyễn Lôi, người làng Cổ Ninh, huyện Nông Cống, phủ Thanh Hóa. Chưa xác định được năm sinh và năm mất của ông.

Lê Lôi là người tham gia nghĩa quân Lam Sơn từ sớm, dự nhiều trận mạc, lập nhiều công trạng, được nhà Lê ban phong nhiều chức cao, quyền lớn. Năm 1437, ông là Tuyên phủ đại sứ Thái Nguyên hạ bạn, tuy chưa xác định rõ ông giữ chức quan này ở Thái Nguyên từ thời gian nào trước đó. Theo cách phân chia các đơn vị hành chính đầu thời nhà Lê sơ, phủ Thái Nguyên lúc ấy, tương đương đất 3 tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn ngày nay và lại được chia thành: Thái Nguyên thượng bạn, Thái Nguyên trung bạn và Thái Nguyên hạ bạn.

LỒNG BỒNG

Cầu, được xây dựng từ thời Pháp thuộc, bắc qua suối Gạch Đỏ (xưa còn có tên gọi là cầu Long Bong), trên đường huyện Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn, thuộc địa bàn xóm 1/5, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Vào giữa những năm 60 của thế kỷ XX, cầu được sửa chữa, nâng cấp để xe chở tên lửa phòng không của bộ đội ta đi vào Vô Tranh lập trận địa tên lửa bắn máy bay Mĩ bảo vệ đất trời quê hương. Năm 2001, cầu Lồng Bồng được xây dựng mới bằng bê tông cốt thép, có chiều dài 11m, rộng 6m, tải trọng 25 tấn.

LỒNG TỒNG

Lễ hội dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc Tày, được tổ chức mỗi độ xuân về, cầu mong một năm mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, bản làng yên vui. Xưa kia, hầu như bản Tày nào cũng mở hội lồng tồng. Lịch mở hội của các bản thường lệch nhau một vài ngày để

người trong vùng đến dự hội cho đông vui. Chuẩn bị cho lễ hội, bản dựng một cây còn (cây nêu) là một cây tre, dài khoảng 12 m, ở ngọn cuốn vòng dán giấy đỏ tượng trưng cho mẹ Hằng Nga- người cung cấp giống cho dân làng. Cây còn thường dựng ở chỗ đất phẳng, hoặc trên mặt ruộng lúa đã gặt, không xa miếu thờ thổ thần của bản. Mỗi gia đình chuẩn bị mâm cỗ có xôi, thịt, rượu và đôi quả còn. Quả còn được khâu bằng những mảnh vải, tạo ra ngũ sắc, lõi chứa hạt gạo, hạt quả bông, có tua dài sặc sỡ.

Sáng sớm tinh mơ ngày lễ hội, mâm cỗ lớn của bản và các mâm cỗ của bà con được xếp cùng các dậu hạt giống trước cửa miếu thổ công. Thầy mo chủ lễ chủ trì nghi lễ cúng cầu mưa, cầu mùa. Giúp việc chủ lễ có thầy mo trợ lễ. Sau khi cúng khấn xua đuổi ma tà, thầy mo nhúng tay vào chậu nước do trợ lễ bưng rồi vảy khắp xung quanh. Dân bản ai được nước vảy trúng người tin rằng mình được may mắn, ruộng đồng sẽ có nhiều nước cấy cày. Thầy mo trộn đồng xu vào dậu hạt giống và quăng vào đám đông. Ai nhặt được đồng xu và hứng được nhiều hạt giống, coi như là người năm đó ăn nên làm ra, gia đình may mắn. Sau đó, thầy mo làm nghi lễ cúng ở cây còn cầu cho dân bản ném thủng giấy đỏ ở ngọn còn, để "xin được nhiều giống tốt" trồng cấy.

Phần hội mở màn bằng trò thi ném (tung) còn. Trai, gái, già, trẻ thi nhau gắng sức ném còn. Những quả còn ngũ sắc tua dài nhằm hướng vòng nguyệt dán giấy đỏ bay đi, bay lại phấp phới. Những tiếng hò reo vang rộn. Trò chơi chỉ kết thúc khi có quả còn trúng đích, người ném trúng được nhận giải thưởng của bản. Hết tung còn là hội đánh yến, chủ yếu dành cho các nhóm thanh nữ; trò đánh quay (cù), thi kéo co, đi cà kheo dành cho nam giới; hoặc trai gái tụ tập hát lượn giao duyên. Do nhiều nguyên nhân, lễ hội lồng tồng bị gián đoạn 3 - 4 thập kỷ. Những năm gần đây, lễ hội này lại dần được khôi phục ở một số bản của đồng bào Tày vùng Định Hoá.

LỒNG TỒNG ATK ĐỊNH HÓA

Lễ hội lịch sử cách mạng, vừa mang tính chất dân gian truyền thống, vừa bổ sung một số yếu tố văn hoá mới, được tổ chức hằng năm vào ngày 10/1 âm lịch tại Khu Lễ hội đỉnh đèo De thuộc xóm Đèo De, xã Phú Đình, huyện Định Hoá.

Lễ hội có quy mô cấp vùng, do Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá chủ trì tổ chức; có sự phối hợp của các ngành liên quan của tỉnh. Các đơn vị tham gia lễ hội, gồm các xã, thị trấn và một số cơ quan thuộc huyện Định Hoá, một số đoàn văn hoá, văn nghệ các huyện bạn; Trung tâm Văn hoá và Trung tâm Dịch vụ thi đấu thể thao tỉnh.

Ngoài các nghi thức tín ngưỡng dân gian mang ý nghĩa phồn thực theo quan niệm truyền thống của đồng bào các dân tộc địa phương, lễ hội ATK Định Hoá còn là nơi diễn ra nghi thức dâng hương tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã có nhiều năm tháng ở và làm việc tại ATK Định Hoá để cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo toàn dân tộc Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi.

Phần lễ diễn ra trang trọng, gồm ba lễ chính. Thứ nhất là lễ dâng hương, tưởng nhớ công đức Chủ tịch Hồ Chí Minh của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đỉnh đèo De. Thứ hai là lễ cầu mưa, cầu mùa tổ chức theo truyền thống dân gian, do thầy Tào làm chủ lễ tổ chức tại một thửa ruộng lúa dưới chân đèo De, kết thúc với nghi thức xuống đồng cày bừa mở đầu một vụ nông của một năm mới. Thứ ba là khai mạc lễ hội lồng tồng ATK Định Hoá của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa.

Phần hội diễn ra tại sân tổ chức lễ hội ATK Định Hoá, thường kéo dài suốt 2 - 3 ngày, với nhiều cuộc thi, nhiều trò chơi diễn ra liên tục, thu hút hàng ngàn người tham gia và thưởng thức. Đó là các cuộc thi: trại đẹp, trình diễn trang phục dân tộc, đồ xôi, giã bánh dày, bày cỗ, ném còn, kéo co, đi cà kheo, bắn nỏ, đấu bóng chuyền, bóng đá. Một số trò chơi dân gian cũng thu hút đông người cổ vũ, như: bịt mắt bắt dê, bắt trạch trong chum, bịt mắt đập niêu đất, đánh đu; hoạt động biểu diễn của phường rối Tày Thẩm Rộc và các đội, nhóm hát then, hát lượn, hát Pá Dung...

LỘNG

Đình, được dựng vào thế kỷ XVII trên một khu đất rộng, có độ cao khoảng 2 m so với mặt bằng xung quanh ở làng Lộng, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình; nơi thờ thành hoàng làng là Tam Ty Quá Giang và Cao Sơn Quý Minh.

Đình Lộng có kết cấu gỗ, khung mái, không trang trí cầu kì. Mái lợp ngói mũi, bờ nóc đắp nổi đôi rồng chầu nhật dáng vẻ uy nghi. Hiện còn giữ được nguyên trạng 3 gian hậu cung, diện tích 36 m², hai trụ cổng và bức bình phong có kiến trúc thời Lê. Toà tiền tế gồm 5 gian, diện tích 60 m², được nhân dân địa phương xây dựng lại trên nền móng cũ vào năm 1995.

Hiện vật cổ lưu giữ tại đình Lộng gồm có: 1 bia đá *Nam Nhất Giáp Bi Chí* (bia ghi nhớ của giáp Nam với những người công đức tu bổ chùa Bà Ha), niên đại Đồng Khánh thứ 3 (1888); 9 sắc phong vào các năm: Duy Tân thứ 3 (1909), Khải Định thứ 2 (1917), Khải Định thứ 9 (1924). 1 bản thần tích Ngọc phả cổ lục chữ Hán sao năm Khải Định thứ 2 (1917) ghi sự tích các vị thần được thờ ở đình Lộng; 1 hương án cổ chạm khắc đề tài tứ linh, tứ quý; 1 ngai thờ; 1 bộ kiệu bát cống sơn son thiếp vàng; bộ binh khí gồm đại đao, roi, kích, bát xà mâu và nhiều câu đối.

Lễ hội của đình Lộng tổ chức hằng năm vào ngày 15/1 vả 10/10 Âm lịch.

Đình Lộng được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 21/1/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LỚP BÁO CHÍ HUỲNH THÚC KHÁNG

Khai giảng ngày 1/1/1949 tại xóm Bờ Rạ, xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

"Lớp mang tên cụ Huỳnh Thúc Kháng là để nhớ ơn và noi gương cụ lão thành ái quốc và đồng thời cũng là một nhà viết báo lâu năm, có danh tiếng, nêu một tấm gương cho các học viên một đức tính học hỏi cần mẫn, một óc tổ chức tiến bộ, một chí khảng khái, bất khuất, là những đức tính căn bản cho một ký giả".

Trong thư gửi lớp báo chí Huỳnh Thúc Kháng (tháng 5 - 1949), Hồ Chủ tịch viết: *"Nhiệm vụ của tờ báo là tuyên truyền, cổ động, huấn luyện, giáo dục và tổ chức dân chúng để đưa dân chúng đến mục đích chung"*. Người căn dặn *"Muốn viết báo khá thì cần:*

1. Gần gũi dân chúng, cứ ngồi trong phòng giấy mà viết thì không thể viết thiết thực;

2. Ít nhất cũng phải biết một thứ tiếng nước ngoài để xem báo nước ngoài mà học kinh nghiệm của người;

3. Khi viết xong một bài, tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cho cẩn thận. Tốt hơn nữa, là đưa nhờ một vài người ít văn hoá xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào không hiểu thì sửa lại cho dễ hiểu;

4. Luôn luôn gắng học hỏi, luôn luôn cầu tiến bộ...".

Ngày nay, địa điểm mở lớp Huỳnh Thúc Kháng đã nằm sâu trong lòng hồ Núi Cốc.

LŨ

Suối, bắt nguồn từ xóm Ba Nhất, xã Phú Thượng (huyện Võ Nhai), chảy men theo các đồi, núi đất về xóm Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả rồi đổ vào sông Rong tại ngã ba Tỉnh lộ 265 (Đình Cả - Bình Long). Suối Lũ có dòng chảy nhỏ do chỉ có nước mặt, không có nguồn nước ngầm như nhiều sông suối bắt nguồn từ núi đá.

LŨ YÊN

Chùa, được xây dựng năm 1711 ở chân một quả đồi cao thuộc xã Đào Xá, huyện Phú Bình. Chùa đã được nhân dân công đức tu bổ năm 1819 và năm 1833.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, chùa đã bị phá và được nhân dân xây dựng lại năm 1974. Chùa có cấu trúc hình chuôi vồ, 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Tiền đường kiểu đầu hồi, bít đốc, mái lợp ngói vẩy rồng, vì kèo bằng gỗ xoan, các cột trong chùa được xây bằng gạch. Phía sau chùa là vườn và nhà thờ Mẫu, được kết cấu theo kiểu chuôi vồ, đầu hồi, bít đốc, mái lợp ngói vảy rồng.

Chùa Lũ Yên gắn với nhiều sự kiện lịch sử: Là nơi hội họp của cán bộ Việt Minh và lực lượng tự vệ địa phương bàn bạc việc tiêu diệt bọn Việt gian bán nước (năm 1944); Sau Cách mạng tháng Tám 1945, chùa trở thành lớp bình dân học vụ, xoá nạn mù chữ diệt giặc dốt; là nơi làm việc của một số cán bộ lãnh đạo Liên khu I. Hiện chùa còn giữ 4 bát hương cổ, 15 pho tượng được làm bằng đất sét luyện, sơn son thếp vàng, 1 sắc phong vua Khải Định (bản sao); 1 khánh đá màu trắng có niên đại khoảng 200 năm, 8 bia đá niên đại cuối Lê đầu Nguyễn.

Chùa Lũ Yên được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 200/QĐ-UBND, ngày 25/1/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LŨ YÊN

Đình, được dựng vào thế kỷ XVI ở xã Đào Xá, huyện Phú Bình. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đình đã bị phá dỡ; năm 1974, được xây dựng lại trên nền cũ, gồm 3 gian, rộng khoảng 20m², tường xây gạch chỉ, mái lợp ngói móc. Lễ hội chính tổ chức tại đình vào tối ngày 9 và sáng ngày 10/1 Âm lịch.

Năm 1944, đình Lũ Yên là nơi hội họp của cán bộ Việt Minh và lực lượng tự vệ địa phương. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đình được dùng làm lớp bình dân học vụ, xoá nạn mù cho nhân dân địa phương.

Đình Lũ Yên được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 25/1/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LŨ YÊN

Kè, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh kiểm tra thăm công tác chống hạn (năm 1958). Vị trí di tích nằm ở xã Yên Thịnh, nay là xã Đào Xá, huyện Phú Bình. Ngày 2/3/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm và làm việc tại tỉnh Thái Nguyên. Người đến kè Lũ Yên, kiểm tra hệ thống kênh, mương và chiếc máy bơm chạy bằng sức nước do Trung Quốc giúp, Bộ Thuỷ lợi và Kiến trúc cho chạy thử. Cùng đi với Hồ Chủ tịch, có Bộ trưởng Bộ Thuỷ lợi và Kiến trúc Trần Đăng Khoa, Phó Trưởng ban Liên lạc nông dân toàn quốc Nguyễn Mạnh Hồng.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 201QĐ-UB, ngày 25/1/2006).

LŨA

Chùa, còn gọi là chùa Kính Nỗ, được xây dựng khoảng đầu thế kỷ XIX, ở khu đất giữa 3 xóm Lũa, Ngọc Sơn và Tân Lập thuộc xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

Năm 1968, chùa bị phá để làm kho hợp tác xã; năm 1994, được dựng lại với diện tích 100 m², gồm 3 gian tiền tế và 1 gian hậu cung. Số tượng thờ trong chùa được bố trí theo mô típ chùa truyền thống.

LŨA

Đình, còn gọi đình Kính Nỗ, được dựng vào đầu thế kỷ XIX tại xóm Lũa, nơi giáp ranh 3 xóm Lũa, Ngọc Sơn và Tân Lập của xã Tân Đức,

huyện Phú Bình; là nơi thờ thần thành hoàng làng Châu Quận đại vương và hai vị nhân thần Tam Giang và Quý Minh.

Năm 2003, đình được xây dựng lại, cấu trúc đình theo kiểu chữ ĐINH với 5 gian tiền tế và 1 gian hậu cung. Tiền tế có diện tích 139 m^2, 4 lá mái, các góc mái được làm đao cong, mái lợp ngói mũi, trên bờ nóc trang trí hình lưỡng long chầu nguyệt. Hậu cung có diện tích 25 m^2.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đình được dùng để làm bệnh viện của Tỉnh đội Bắc Giang. Hiện vật cổ còn lại tại đình gồm 1 bia đá "Hậu thần bi kí" năm Bảo Đại thứ 2 (1927), 1 bia đá "Hậu phật bi kí" năm Bảo Đại thứ 1 (1926).

Các ngày lễ được tổ chức tại đình (theo Âm lịch) vào ngày 6 và ngày 8/1 (lễ Kì phúc), 15, 16 và 18/1 (lễ Thượng nguyên), ngày 4/5 (lễ Hạ điền), ngày 10/8 (lễ Tế thánh).

Đình Lũa được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 635/QĐ-UBND, ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LUÂN NGUYỄN THÀNH

Nghệ sĩ Ưu tú, quê xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình, thường trú tại tổ 1 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên

Trong quá trình hoạt động nghệ thuật, nghệ sĩ Nguyễn Thành Luân luôn cố gắng học tập tự rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ diễn xuất. Ông đã được trao tặng 2 *Huy chương Vàng* tại Hội diễn nghệ thuật sân khấu chèo toàn quốc với vai Hoàng Lương trong vở *Duyên nợ ba sinh* (1975) và vai Chàng Trúc trong vở *Nàng Chúa Ong* (1997).

Nguyễn Thành Luân được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 2007.

LỤC VŨ ĐÌNH

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình; Trưởng phòng Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Năm 1979, tốt nghiệp bằng Cử nhân Điều dưỡng, ông công tác tại Khoa Hồi sức cấp cứu Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; từ năm 1980 đến năm 1984, công tác tại Trung đoàn 857 - Sư đoàn 431 Quân khu I; năm 1984, là Y tá trưởng Khoa Gây mê hồi sức; năm 1992, là

Trưởng phòng Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; năm 2005 là giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Điều dưỡng lâm sàng, Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Ngoài công tác quản lí, Điều dưỡng viên Vũ Đình Lục còn chủ trì 4 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 8 năm là *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

LỤC BA

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Lục Ba là xã miền núi của huyện Đại Từ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Lục Ba là 1 làng của xã Tràng An, có nhiều cơ quan, đơn vị quân đội của Trung ương và Liên khu đóng trên địa bàn. Nhân dân Lục Ba đã đóng góp, ủng hộ nhiều công sức, lương thực, thực phẩm, ruộng đất, trâu bò, tre gỗ... cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 54 (Trung đoàn Thủ đô); cho Trại An dưỡng đường số 1 nuôi dưỡng, chăm sóc thương, bệnh binh...; bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng, Chính phủ, quân đội về làm việc tại địa phương. Ngoài 18 người con ưu tú lên đường cầm súng chiến đấu, nhân dân Lục Ba còn đóng góp hàng ngàn ngày công tiếp đạn, tải lương phục vụ các chiến dịch; đóng góp hàng chục tấn lương thực cho các chiến trường, góp phần bảo đảm cho bộ đội ta ăn no, đánh thắng. Riêng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân xã Lục Ba đã huy động 35 người đi dân công, đóng góp 10 con trâu, 2 tấn thóc, 1 tấn lợn.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngày 22/8/1998, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

LỤC BA

Xã miền núi thuộc khu vực Tây Nam huyện Đại Từ; phía bắc giáp xã Bình Thuận, phía tây giáp xã Văn Yên, phía tây bắc giáp xã Mỹ Yên, phía tây nam giáp các xã Ký Phú và Vạn Thọ, phía đông nam giáp hồ Núi Cốc.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, Lục Ba là một xã thuộc tổng Trường Tức, huyện Đại Từ, Phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, cuối thế kỷ XIX, Lục Ba là 1 trong 4 xã của tổng Trường Lang, huyện Đại Từ. Sang đầu thế kỷ XX, là một xã thuộc tổng Yên Lãng, huyện Đại Từ. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên, công bố năm 1932, Lục Ba là một làng thuộc tổng Yên Lãng. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, là làng thuộc xã Tràng An. Đến năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, làng Lục Ba thành xã Lục Ba.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Lục Ba là xã ATK Trung ương. Trại An dưỡng đường số 1 và nhà bà Bá Huy (Nguyễn Thị Đích) ở xóm Trại Ngò là nơi nuôi dưỡng thương binh từ những năm đầu của cuộc kháng chiến.

Diện tích tự nhiên 12,79 km². Dân số (năm 2009) 3.976 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Sán Chay, Sán Dìu, Ngái, Dao, Thái, Mường cư trú ở 8 xóm: Bẫu Châu, Gò Lớn, Đồng Mưa, Đầm Giáo, Văn Thanh, Thành Lập, Bình Hương, Hà Thái. Nhân dân Lục Ba sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

Ngày 22/8/1998, xã Lục Ba được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*. 3 bà mẹ được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LỤC GIÁP

Đền, được dựng từ lâu đời ở xóm Dương, xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên. Ban đầu, dân chúng dựng ngôi miếu nhỏ, giản đơn, cột gỗ, lợp cỏ tranh nằm bên bờ sông Giã (sông Công). Sau khi Tiến sĩ Đỗ Cận đi sứ (1483) sang Trung Quốc trở về, đã cho mua gỗ lim từ Thanh Hoá chuyển ra, dựng thành 1 ngôi đền, rồi giao cho 6 giáp (đơn vị cư dân thời đó tương tự như thôn xóm sau này) hương khói, mở lễ hội hằng năm. Vì vậy, đền có tên là đền Lục Giáp (ngôi đền của 6 giáp).

Đền Lục Giáp thờ 2 vị thiên thần âm phù, 4 vị nhân thần thời Hùng Vương và thời kỳ Hai Bà Trưng, tướng quân Lưu Nhân Chú, sau thờ

thêm Đô úy Dương Tự Minh, Tiến sĩ Đỗ Cận, là những người có công với dân, với đất nước, quê hương.

Lễ hội chính của đền Lục Giáp vào ngày 15/3 Âm lịch. Trong lễ hội, trong các trò chơi dân gian, bao giờ cũng tổ chức thi đấu vật để ghi nhớ sự tích luyện quân ngày xưa và thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc.

Đền đã được xếp hạng di tích lịch sử - nghệ thuật tại Quyết định số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993 của Bộ Văn hóa Thông tin.

LỤC GIÁP

Lễ hội, có từ xa xưa, được tổ chức vào ngày 15/3 Âm lịch hằng năm tại đền Lục Giáp, thuộc xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên.

Ngày 15/3 (chính lễ), đồ tế lễ được rước ra đền Lục Giáp, gồm hương, hoa sản quả, một con lợn đực đen, 6 cỗ xôi, 6 con gà trống thiến, bánh chưng, bánh dày, xôi nên (nén), 1 buồng cau, 10 lá trầu, 10 thẻ hương, 3 bao nến, 20 phẩm oản, 6 nải chuối, 1 chai rượu. Những người dự tế phải không có tang, những ngày trước đó phải kiêng ăn hành, tỏi, kiệu, thịt chó, không gần đàn bà và phải tắm rửa sạch sẽ. Chủ tế và bồi tế đội mũ, đi hia, mặc áo thụng. Những người dự tế đều mặc áo thụng; không được mặc áo, quần màu vàng, tía. Trong bài văn tế, phải kiêng những chữ: *Lão*, *Diên*, *Bình*, *Giang*, *Cao*, *Sơn*, *Quý*, *Minh*. Nghi thức tế lễ ở đền Lục Giáp, cũng giống như ở các đền, đình ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Sau khi tế lễ xong, các chức sắc, bà con các thôn vào đền thắp hương, cầu xin các vị thần thờ trong đền ban cho sự an bình, sức khoẻ, tài lộc. Ở Khuôn viên đền, bấy giờ mới rộn ràng các trò đấu vật, đấu cờ tướng, đánh tổ tôm, hát ví giao duyên (nay là hát quan họ, hát mới); có năm tổ chức thi bơi chải trên mặt hồ nước lớn trước cửa đền hoặc trên dòng sông Công phía sau đền. Mấy năm gần đây, còn có các môn thi đấu bóng chuyền, bóng đá, cờ người.

LŨNG DẦU

Nơi hoạt động của một số cán bộ lãnh đạo Cứu quốc quân trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945). Vị trí di tích ở xóm Lũng Dầu thuộc xã Động Đạt, tổng Động Đạt, châu Phú Lương; nay là xóm Đồng Nghè, xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

Trong những năm 1942 - 1943, các đồng chí Chu Văn Tấn, Lê Dục Tôn, Mông Phúc Quyền, Quảng Hiền... đã đến Lũng Dầu tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, gây dựng cơ sở cách mạng. Địa điểm nuôi giấu cán bộ là nhà ông Phó Chương ở xóm Lũng Dầu.

LUYỆN CÁN THÉP GIA SÀNG

Công ty Cổ phần, tiền thân là Nhà máy Luyện cán thép Gia Sàng do nước Cộng hoà Dân chủ Đức giúp xây dựng, được khởi công xây dựng ngày 23/2/1971, nhưng do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, việc thi công phải tạm hoãn lại.

Năm 1973, nhà máy tiếp tục được xây dựng. Công ty Xây lắp luyện kim đảm nhận phần xây dựng; Công ty Gang thép mà trực tiếp là cán bộ, công nhân kỹ thuật của một số đơn vị trong Công ty được tập hợp lại hình thành đơn vị mang tên Xưởng công trình 2 đảm nhận việc lắp đặt máy móc thiết bị. Từ cuối năm 1974 đến đầu năm 1975, hơn 6.000 tấn thiết bị đã được lắp đặt hoàn chỉnh trong nhà máy và bàn giao cho đơn vị sản xuất.

Ngày 1/5/1975, Nhà máy Luyện cán thép Gia Sàng cho ra lò mẻ thép đầu tiên. Trong khoảng thời gian từ 1975 đến năm 2010, nhà máy đã sản xuất, cung ứng hơn 1 triệu tấn thép phục vụ quốc kế dân sinh.

LUYỆN CÁN THÉP LƯU XÁ

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xưởng Luyện thép Lưu Xá, thành lập ngày 21/11/1964. Trước tình hình có chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân do đế quốc Mĩ gây ra ngày càng ác liệt, ngày 20/8/1965, Trung ương Đảng, Chính phủ quyết định tạm dừng xây dựng một số công trình trọng điểm của Khu Gang thép Thái Nguyên, trong đó có Xưởng Luyện thép Lưu Xá.

Từ cuối năm 1974 đến cuối năm 1976, hệ thống lò bằng luyện thép Lưu Xá được khôi phục. Ngày 15/12/1976, mẻ thép đầu tiên của lò bằng số 1, Xưởng Luyện thép Lưu Xá ra lò.

Ngày 29/11/1978, sản phẩm thép hình đầu tiên được sản xuất thành công, khép kín dây chuyền sản xuất luyện kim liên hợp của Công ty CP Gang thép Thái Nguyên từ quặng sắt, gang, phôi thép, cán thép... Cũng từ đây, ngày 29/11 đã trở thành ngày truyền thống của các thế hệ cán bộ,

công nhân nhà máy. Từ 1982, Xưởng Luyện thép Lưu Xá đổi tên thành Xưởng Cán thép 650 và từ tháng 2/1989 đổi thành Nhà máy Cán thép Lưu Xá.

Thành tích của Công ty đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Năm 2008, Công ty được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*; Cờ thưởng của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ Công nghiệp nặng, Nội vụ, Công - Thương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

LUYỆN GANG

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xưởng luyện gang, thành lập ngày 31/12/1961, trên cơ sở Tổ luyện gang, thành lập cuối năm 1960, trực thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên; tháng 2/1989 đổi tên thành Nhà máy luyện gang.

Khi mới thành lập, Xưởng luyện gang có 2 phân xưởng: Phân xưởng lò cao gồm 3 lò dung tích 100 m^3, công suất mỗi lò 100 tấn/ngày đêm và Phân xưởng nguyên liệu có nhiệm vụ cung ứng vật liệu cho 3 lò cao luyện gang. Sau 2 năm triển khai xây dựng, ngày 29/11/1963, mẻ gang đầu tiên được luyện từ lò cao của nhà máy ra lò, đánh dấu mốc son quan trọng trong ngành Luyện kim nước nhà.

Đến nay, Nhà máy đã được đầu tư, đổi mới về dây chuyền công nghệ với các thiết bị hiện đại, sản phẩm gang lỏng, gang đúc của nhà máy không những đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất phôi thép của Công ty, mà còn cung cấp cho các thị trường trong và ngoài nước; bảo đảm việc làm ổn định cho gần 800 lao động với mức thu nhập bình quân trên 4,5 triệu đồng/người/tháng.

LỮ ĐOÀN 210

Lữ đoàn pháo cao xạ, tiền thân là Trung đoàn Pháo phòng không 210, thành lập năm 1959 thuộc Bộ Tư lệnh Phòng không, có nhiệm vụ bảo vệ Khu Gang thép Thái Nguyên và thành phố Thái Nguyên, cơ động đánh địch khi cần thiết.

Trong hơn một năm đầu chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ (10/1965 - 2/1967), đơn vị đã bắn rơi hàng chục máy bay địch. Năm 1967, Trung đoàn cùng quân và dân huyện Can Lộc (Hà Tĩnh) và

lực lượng thanh niên xung phong tham gia 147 ngày đêm chốt giữ, đánh địch, bảo đảm giao thông tại chốt lửa ngã ba Đồng Lộc. Tại đây, Trung đoàn đã đánh 176 trận, bắn rơi 14 máy bay. Trong những ngày chiến đấu ác liệt, 122 cán bộ, chiến sĩ của đơn vị đã anh dũng hi sinh, 259 cán bộ, chiến sĩ bị thương.

Trong 20 năm (1959 - 1979), đơn vị đã tham gia 5.600 trận đánh trên các chiến trường ba nước Đông Dương, bắn rơi 66 máy bay Mĩ các loại, bảo vệ các mục tiêu được giao. Trung đoàn vinh dự được Bác Hồ gửi hoa chúc mừng và Quân chủng Phòng không - Không quân tặng bức trướng mang dòng chữ: *Đơn vị bắn rơi nhiều máy bay nhất.*

Cùng với danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*, Trung đoàn được Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng trao tặng nhiều phần thưởng cao quý khác.

LỮ ĐOÀN 382

Lữ đoàn Pháo binh, thành lập ngày 13/9/1980, tiền thân là một khung huấn luyện dự nhiệm của Trung đoàn Pháo binh 790, thuộc Sư đoàn 431, Quân khu I. Địa điểm đóng quân tại xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Sau ngày thành lập, phát huy truyền thống *Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng* của Bộ đội pháo binh, cán bộ, chiến sĩ Lữ đoàn Pháo binh 382 đã tham gia chiến đấu dũng cảm, ngoan cường và lập nhiều chiến công oanh liệt trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Trải qua 30 năm xây dựng, phát triển, cán bộ, chiến sĩ Lữ đoàn ngày càng trưởng thành. Tổ chức biên chế của Lữ đoàn Pháo binh 382 đã ngày càng được kiện toàn đầy đủ cả về số lượng và chất lượng. Trang bị vũ khí tương đối đồng bộ, hiện đại, đủ sức phục vụ chiến đấu và nhu cầu mở rộng lực lượng pháo binh. Cơ sở vật chất phục vụ đời sống cho bộ đội được xây dựng theo hướng chính quy và ngày càng hoàn thiện. Công tác huấn luyện luôn đạt được kết quả tích cực, hằng năm có từ 50 đến 70% số đại đội đạt tiêu chuẩn đơn vị pháo binh huấn luyện giỏi.

Với những thành tích đạt được, Lữ đoàn đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới* (năm 2004), cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

LỮ ĐOÀN 601

Lữ đoàn Thông tin, tiền thân là Trung đoàn Thông tin 601 - Quân khu 1, được thành lập theo Quyết định ngày 29/5/1976 của Bộ Quốc phòng và Mệnh lệnh số 459 ngày 2/8/1976 của Bộ Tư lệnh Quân khu 1, trên cơ sở hợp nhất các đơn vị thông tin của Quân khu Tây Bắc và Quân khu Việt Bắc. Ngày 9/9/1976, tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Thái, Trung đoàn chính thức tổ chức Lễ thành lập. Địa điểm đóng quân hiện nay tại xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Trung đoàn Thông tin 601 ra đời đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc của Quân khu 1 trên địa bàn Tây Bắc và Việt Bắc. Trải qua hơn 30 năm vừa xây dựng, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu (1976 - 2010), Trung đoàn không ngừng lớn mạnh, trưởng thành về mọi mặt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm thông tin liên lạc, cũng như các nhiệm vụ khác, được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: 6 *Huân chương Chiến công hạng Nhất* và *hạng Nhì*; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 62 Cờ về thành tích huấn luyện và các phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao, xây dựng Đảng bộ và xây dựng Trung đoàn vững mạnh; hàng trăm lượt đơn vị từ đại đội đến tiểu đoàn được tặng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*; trên 400 lượt đơn vị được tặng Bằng khen và hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sĩ được tặng danh hiệu *Chiến sĩ Quyết thắng*, *Chiến sĩ Thi đua*, Bằng khen.

LỰ ĐÀO THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1924, dân tộc Kinh, quê xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ.

Mẹ Đào Thị Lự có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là liệt sĩ Dương Văn Ngư (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 12/4/1970 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Đào Thị Lự danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), Đại Từ đã có 323 người lên đường tòng quân giết giặc. Trải qua gần một tháng trực tiếp đương đầu với cuộc hành quân Xanhtuya của địch, nhân dân và lực lượng dân quân, du kích, tự vệ Đại Từ đã nêu cao tinh thần yêu nước và truyền thống cách mạng, vừa độc lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đánh 41 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt 252 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác. Ngoài ra, quân và dân Đại Từ còn làm tốt công tác phòng gian giữ bí mật, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và quân đội đóng trên địa bàn, góp phần vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947.

Trong cuộc chiến đấu chống cuộc hành quân Phôcơ (Phoque - Chó biển), bộ đội địa phương huyện phối hợp với dân quân, du kích các xã Cù Vân, An Khánh đánh địch. Khi địch tấn công, càn quét vào địa bàn, du kích Cù Vân phối hợp với bộ đội địa phương tiêu diệt 6 tên địch, bắn bị thương nặng 1 tên quan Một; du kích An Khánh tiêu diệt 4 tên, bắn bị thương 2 tên. Hằng ngày, du kích Cù Vân, An Khánh thay phiên nhau canh gác bảo vệ nhân dân và dân quân gặt 70% diện tích lúa... Lực lượng vũ trang huyện phối hợp với các đơn vị khác liên tục chặn đánh địch, buộc chúng phải rút khỏi thị xã Thái Nguyên, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam ATK Trung ương. Trong chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, có một phần đóng góp của lực lượng vũ trang huyện Đại Từ.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới.

Phát huy truyền thống anh hùng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, trong thời kỳ đổi mới, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ ra sức rèn luyện, phấn đấu đạt nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc.

Từ 47 cơ sở năm 1990, tăng lên 67 cơ sở năm 1999, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ là đơn vị luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, dẫn đầu các đơn vị vũ trang cấp huyện trong tỉnh. Chất lượng

huấn luyện không ngừng tăng; quân số tham gia học tập đạt kết quả khá, giỏi từ 67,1% năm 1990, tăng lên 82% năm 1999. Công tác động viên tuyển quân của Đại Từ luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu trên giao với chất lượng tốt.

Đại Từ còn là đơn vị lá cờ đầu của tỉnh về phối hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Cùng với việc tổ chức tốt các đợt diễn tập phòng thủ, Đại Từ đã huy động hàng chục ngàn ngày công xây dựng, củng cố đường giao thông, kênh mương nội đồng, phục vụ nhu cầu sản xuất ở địa phương.

Đại Từ luôn hoàn thành xuất sắc công tác giáo dục quốc phòng, được Bộ Quốc phòng tặng *Huân chương Chiến công hạng Nhất*. Từ năm 1991 đến năm 1999, Đảng bộ quân sự huyện luôn được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Nhờ làm tốt công tác *Đền ơn, đáp nghĩa* năm 1995, lực lượng vũ trang Đại Từ được chọn làm đơn vị báo cáo điển hình toàn Quân khu; được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen về công tác hậu phương quân đội.

Trong 15 năm thực hiện đổi mới (1986 - 2000), lực lượng vũ trang nhân dân Đại Từ đã được tặng thưởng 6 Cờ thưởng luân lưu của Quân khu I; 7 Cờ thưởng luân lưu của Bộ Quốc phòng, 1 Cờ thưởng luân lưu của Chính phủ... cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 28/4/2000, Lực lượng vũ trang nhân dân Đại Từ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới.*

LƯƠNG CAO HỒNG

Nghệ sĩ Ưu tú, quê huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; trú quán tổ 29 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Trong quá trình hoạt động nghệ thuật, ca sĩ - nghệ sĩ Cao Hồng Lương luôn cố gắng học tập và tự rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ diễn xuất. Bà đã được trao tặng 2 *Huy chương Vàng* tại các Hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 2002.

LƯƠNG NGUYỄN DUY

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã *Hoà Long thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh;* nguyên Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Năm 1962, ông học Trường Tổng hợp Kisinhôp (Mônđavi, Liên Xô cũ); năm 1967, được cử đi làm nghiên cứu sinh ở Liên Xô; năm 1970, trở về nước, được phân công giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên). Ông đã đảm nhận các cương vị: Chủ nhiệm bộ môn, Trưởng phòng Giáo vụ và năm 1989, được bầu làm Hiệu trưởng Nhà trường; năm 1994, được bổ nhiệm làm Giám đốc Đại học Thái Nguyên...

Hơn 40 năm trong ngành Giáo dục, nhà giáo Nguyễn Duy Lương 7 lần dạt danh *hiệu Chiến sĩ thi đua*; được tặng *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ, Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn, Huy chương Vì sự nghiệp thể dục thể thao*; được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Ba...*

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1992.

LƯƠNG NGUYỄN ĐỨC

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê tỉnh Bắc Ninh; nguyên Hiệu phó Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1969, tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội, ông tham gia Đoàn chỉ đạo sản xuất ở Bắc Giang, Thái Nguyên; năm 1973, chuyển về giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp 3 (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên); năm 1981, được cử đi làm nghiên cứu sinh ở Hungari; năm 1987, trở về nước, tiếp tục công tác giảng dạy tại Trường Nông nghiệp 3; lần lượt đảm nhận các cương vị Trưởng bộ môn Di truyền giống, Trưởng phòng Đào tạo, Phó Hiệu trưởng nhà trường.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998.

LƯƠNG CHÂU

Phường, ở phía Bắc thị xã Sông Công.

Trước đây là xã Thành Công, huyện Đồng Hỷ. Năm 1976 tên là xóm Bá Xuyên thuộc xã Bá Xuyên, huyện Đồng Hỷ; đến tháng 7/1985 là phường Lương Châu; phía bắc giáp xã Bá Xuyên, phía đông giáp xã Tân

Quang, phía nam giáp phường Mỏ Chè, phía tây giáp 2 xã Vĩnh Sơn và Bình Sơn. Địa hình tương đối bằng phẳng. Diện tích tự nhiên: 2,3 km², trong đó đất nông nghiệp 1,58 ha, đất thổ cư 0,13 ha, đất chuyên dùng 0,35 ha, đất khác 0,24 ha. Dân số (năm 2009) 2.332 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Mường, Ngái, sinh sống ở 8 tổ dân phố xếp theo thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

Lương Châu có cơ cấu kinh tế: nông nghiệp (40%); tiểu thủ công-xây dựng (45%); thương mại dịch vụ (15%). Cơ cấu lao động: công chức, viên chức, công nhân và sản xuất nông nghiệp chiếm 85%, dịch vụ thương mại là 15%. Trên địa bàn phường có trạm điện 110 KVA, Công ty Điện lực Sông Công, Công ty Diesel Sông Công và 9 doanh nghiệp tư nhân.

LƯƠNG PHÚ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Xã Lương Phú nằm ở khu vực Đông Nam huyện Phú Bình. Nhân dân trong xã có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Lương Phú là nơi đặt Xưởng quân giới của Khu I (1947), Bệnh viện Quân y điều trị cho thương, bệnh binh. Nhân dân Lương Phú đã hết lòng giúp đỡ, bảo vệ an toàn các đơn vị đóng quân tại địa phương.

Với thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Phú đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

LƯƠNG PHÚ

Xã đồng bằng thuộc khu vực Đông Nam huyện Phú Bình; phía đông giáp 2 xã Tân Đức và Tân Hoà, phía tây giáp xã Kha Sơn, phía nam giáp xã Thanh Ninh, phía bắc giáp xã Tân Đức và thị trấn Hương Sơn. Diện tích tự nhiên 4,6229 km². Dân số (năm 2009) 4.021 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Mường, Giáy cư trú ở 12 xóm: Việt Ninh, Chiềng, Lương Trình, Thái, Lương Tạ 1, Lương Tạ 2,

Lân, Mảng, Lương Thái, Phú Mỹ, Phú Hương, Đồng My. Nguồn sống chính của người dân xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Địa hình xã Lương Phú bằng phẳng, đất nông nghiệp chiếm 2/3 diện tích tự nhiên. Con kênh Đào chạy dọc xã với chiều dài 2 km đảm bảo chủ động nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

LƯƠNG SƠN

Xã, ở cực Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp 2 phường Hương Sơn và Tân Thành, phía nam giáp 2 xã Hồng Tiến (Phổ Yên) và Thượng Đình (Phú Bình), phía đông giáp sông Cầu, phía tây và tây nam giáp xã Tân thị xã Sông Công.

Diện tích tự nhiên 14,66 km². Dân số (năm 2009) có 12.324 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Giáy cư trú ở 26 xóm: Ninh Hương 1, Ninh Hương 2, Ninh Hương 3, Ninh Hương 4, Đông, Cừ, Sộp, Soi, Cầu, Nhà Làng, Kè, Phú Thái, Bầu, Pha, Tiến Bộ, Ngàn, Tân Trung, Tân Sơn 1, Tân Sơn 2, Tân Sơn 3, Tân Sơn 4, Tân Sơn 5, Trước, Sau, Ga, Na Hoàng. Nguồn sống chính của nhân dân ở đây là từ sản xuất nông nghiệp: trồng lúa nước, hoa màu (khoai lang, sắn), cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, đỗ tương, cây ăn quả như vải thiều, nhãn, mít, dứa và chăn nuôi gia cầm.

Trên địa bàn xã có Quốc lộ 3 chạy dọc từ bắc xuống nam, Quốc lộ 37 chạy từ đông sang tây; tuyến đường sắt Đông Anh - Lưu Xá chạy dọc xã, có ga hành khách Lương Sơn. Những năm 1965 - 1990, ở đây có nhà máy chuyên đóng mới và sửa chữa toa xe. Trên địa bàn có Công ty Xăng dầu Bắc Thái, Trường Cao đẳng Cơ khí luyện kim và Trường Văn hoá của Bộ Công an.

LƯU XÁ

Cầu, được xây dựng đầu thế kỷ thứ XX, trên Quốc lộ 3 (cũ), có chiều dài 11 m, rộng 6 m, tải trọng 7 tấn, mố cầu xây bằng đá, khung cầu bằng sắt, mặt cầu bằng gỗ.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, cầu bị quân dân ta phá hoại cùng với Quốc lộ 3. Năm 1954, cầu được khôi phục lại như cũ. Năm 1959, để phục vụ xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, cầu được xây dựng bằng bê tông cốt thép, mặt cầu được

mở rộng 10m và tải trọng nâng lên 12 tấn. Trong những năm 1965 - 1972, cầu nhiều lần bị máy bay giặc Mĩ ném bom làm hư hỏng.

Năm 2000, cầu Lưu Xá được làm mới có lý trình km 6+681, chiều dài 15m, chiều rộng 36 m, tải trọng H30. Cầu là ranh giới tự nhiên giữa phường Trung Thành và phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên.

LƯU XÁ

Nhà máy xi măng, được xây dựng và đi vào hoạt động năm 1995, đặt tại địa phận phường Lưu Xá thành phố Thái Nguyên; là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam.

Năm 2006, nhà máy cổ phần hoá và đổi thành Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất công nghiệp, trong đó nhà máy Xi măng Lưu Xá là một chi nhánh. Khi mới đi vào sản xuất, nhà máy đạt sản lượng 60.000 tấn/năm, đến năm 2010, đạt sản lượng 100.000 tấn, tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 400 lao động.

Quá trình sản xuất của nhà máy được quản lí bởi hệ thống quản lí chất lượng quốc tế ISO 9001-2000. Sản phẩm chính của Nhà máy là clinker và xi măng PCB 30, 40, có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

LƯU XÁ - KÉP

Đường sắt, toàn tuyến dài 57km. Tuyến chạy qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên dài 25 km với khổ đường 1,435 m; Rmin: 300 m; được xây dựng trong những năm 1959 - 1961, chất lượng đã xuống cấp. Hiện tại, tuyến không hoạt động từ Khúc Rồng đi Kép. Riêng đoạn đường từ Khúc Rồng đi Lưu Xá đã giao cho Công ty Gang thép Thái Nguyên thuê và đảm nhận vận chuyển quặng sắt Trại Cau (2 chuyến/ngày).

Hiện nay, tuyến đường sắt này không hoạt động.

LY VI THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, dân tộc Tày, quê tỉnh Lạng Sơn; trú quán tại xóm Bình Khang, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Vi Thị Ly có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Lương Ngọc Hiến (nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 26/10/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Vi Thị Ly danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

LÝ ĐẶNG ĐĂNG

Anh hùng Lao động, sinh năm 1949, dân tộc Dao, quê xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ.

Trong gần 30 năm làm Trạm trưởng Trạm Y tế xã, ông không quản ngại nắng mưa, đêm tối, cứu chữa được nhiều ca bệnh phức tạp, đóng góp quan trọng vào việc xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ y tế cho xã. Liên tục từ năm 1991 đến năm 2005, Trạm Y tế xã Hợp Tiến đều vượt mức từ 100% đến 160% chỉ tiêu kế hoạch được giao, trở thành lá cờ đầu của huyện và của tỉnh trong nhiều năm, được Trung tâm Y tế huyện, Sở Y tế tỉnh công nhận là trạm dẫn đầu về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Ông liên tục trong nhiều năm được công nhận là cá nhân xuất sắc, lao động giỏi cấp Ngành, được tặng nhiều Bằng khen của Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, Đặng Đăng Lý đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lao động*.

LÝ NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1919, dân tộc Kinh, quê xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; trú quán xóm Trường Thọ, xã Tân Hương, huyện Phổ Yên.

Mẹ Nguyễn Thị Lý có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chính (nhập ngũ tháng 7/1967, hi sinh ngày 9/5/1968 tại mặt trận Khâm Đức, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Lý danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

LÝ NHÂN

Tổng thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên trong thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Lý Nhân đầu thế kỷ XX gồm 4 xã, 7 làng, 8 xóm:

Xã Đương Nhân có 2 làng: Hoá, Sung; xã Chi Mê có 3 làng: Vạn Già, Đại Lễ, Pháp Chủ, 1 xóm: Thuận; xã Cô Dạ có 2 làng: Đồng Chước, Trong Làng, 2 xóm: Trại, Soi; xã Lũ Yên có 5 xóm: Trại, Giữa, Mé, Soi, Mới.

MA

Hang đá tự nhiên trong núi Phượng, thuộc bản Ta Ngoải, xã Phượng Tiến, huyện Định Hoá.

Cửa hang nằm ở độ cao gần 600 m so với thung lũng dưới chân núi. Đường lên hang vô cùng hiểm trở, nhiều chỗ dốc gần dựng đứng, không có lối mòn. Cửa hang hình vòm nhỏ quay về hướng đông nam. Từ cửa hang đi sâu vào trong khoảng 10 m, nền hang tụt xuống như chiếc giếng lớn với độ sâu gần 20 m.

Tại hang Ma, các nhà khảo cổ Việt Nam phát hiện loại di tích quan tài bằng thân cây khoét rỗng có từ cách đây 500 năm. Quan tài có độ dài toàn bộ là 2,8 m, được đẽo từ một thân cây gỗ lớn, đặt trong ngách hẹp theo hướng đông - tây, ở vị trí cao cách nền hang khoảng 0,8 m. Phần nắp trên của quan tài đã bị bật mở, đáy của quan tài, nơi đặt thi thể người chết đã bị thủng lớn theo chiều dọc tấm gỗ, khiến cho xương người và cả đồ tuỳ táng rơi xuống nền hang.

Dưới nền hang là những mảnh sọ nhỏ và những mảnh xương ống bị gẫy. Hiện còn hai chiếc bát tìm thấy ở gần vị trí mấy mảnh sọ; trong đó có một chiếc bát chân cao, phần đáy bôi màu nâu đỏ, thân bát trang trí hoa lam với hoạ tiết cánh sen, bát được khoét lòng ở đáy, giữa lòng bát có chữ *Phúc* viết bằng chữ Hán. Đây là chiếc bát có niên đại khoảng thế kỷ XV thuộc dòng gốm Chu Đậu, tỉnh Hải Dương. Chiếc bát còn lại, chân thấp, men màu trắng không có hoa văn. Cả hai bát đều có vết vỡ ở phần miệng. Có dấu hiệu di tích mộ đã bị xâm hại trước đó với mục đích lấy những vật tuỳ táng.

Ở ngách bên cạnh, cách mộ thân cây khoảng hơn 20 m là một vách đá dựng chắn lối đi, có hai chữ "*Thiên thập*" viết bằng chữ Hán ở tầm vừa tay với người lớn. Cạnh đó là hình một tam giác có một đỉnh quay xuống dưới. Phía dưới nền hang đã bị đào nham nhở, dấu hiệu đã có người đào bới.

Đây là lần đầu tiên Viện Khảo cổ học Việt Nam tìm thấy loại di tích quan tài bằng thân cây, táng trong hang ở khu vực núi rừng Việt Bắc. Loại hình di tích này đã từng biết đến ở vùng Quan Sơn, Quan Hoá (Thanh Hoá) và Mộc Châu (Sơn La).

MANI HÀ NỘI

Công ty liên doanh với nước ngoài, được thành lập năm 2003 trên địa bàn xã Tân Hương, huyện Phổ Yên. Đây là Công ty do Việt Nam liên doanh với Nhật Bản, có số vốn đầu tư 100% của Nhật Bản. Nhiệm vụ chính của Công ty là: Sản xuất các loại dụng cụ y tế chất lượng cao để sử dụng trong nước và xuất khẩu một phần ra nước ngoài; đồng thời giúp nước ta đào tạo đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao.

Từ 1 nhà máy với 200 công nhân lúc mới thành lập, đến năm 2010, Công ty đã có 7 nhà máy với khoảng 1.500 cán bộ, công nhân, chuyên sản xuất các dụng cụ y tế chất lượng cao. Công ty đã được tặng Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên và một số giấy chứng nhận về vệ sinh môi trường xanh, sạch đẹp.

MẠC LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê thôn Kim Bằng, xã Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; trú quán tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Lê Thị Mạc có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Trương Ngọc Đảm (nhập ngũ tháng 8/1968, hi sinh tháng 7/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Mạc danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

MAI ĐÀO THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1920, quê Đáp Cầu, tỉnh Bắc Ninh; thường trú tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Mẹ Đào Thị Mai có 2 con liệt sĩ là Nguyễn Đức Tá (hi sinh tháng 3/1969) và Nguyễn Văn Ngư (hi sinh năm 1972). Mẹ Đào Thị Mai được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 908/2002/QĐ-CTN (ngày 17/12/2002) truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

MAI NGUYỄN ĐỨC

Đồn điền của chủ người Việt, thành lập ngày 28/1/1937, thuộc địa phận xã Hoá Trung, tổng Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ (nay là xã Hoá Trung huyện Đồng Hỷ). Diện tích 300ha; cây trồng chủ yếu là lúa và chè.

Theo *Niên giám hành chính Đông Dương 1938 - 1939*, đến năm 1939, đồn điền Nguyễn Đức Mai không có tá điền, nghĩa là không phát canh thu tô, mà thuê người làm công (culi). Công nhân đồn điền chủ yếu là những nông dân nghèo ở địa phương và các vùng lân cận; cũng có một số người ở các tỉnh miền xuôi. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồn điền này đã bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho nông dân nghèo cày cấy.

MÃN NGUYỄN ĐÌNH

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên.

Năm 1979, tốt nghiệp chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; năm 2005, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Động lực học và Độ bền của máy, khí cụ và dụng cụ tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội...

Nhà giáo Nguyễn Đình Mãn đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng bộ môn Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật (1990 - 2001), Phó Trưởng khoa Cơ khí Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên (2001 - 2005), Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên (11/2005 - 9/2008); từ tháng 9/2008, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên.

Ông được trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 5 Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

MANG

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo (địa phận xã Khôi Kỳ), chảy qua các xóm Gò Giếng, Gò Khế (xã Khôi Kỳ), Trung Na 2, Phố Dầu (xã Tiên Hội).

Suối Mang là nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần điều hoà khí hậu, môi trường sinh thái tại các xã Khôi Kỳ, Tiên Hội của huyện Đại Từ.

MẠNH NÔNG ĐỨC

Bí thư Tỉnh ủy, sinh năm 1940; dân tộc Tày, quê xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, tham gia cách mạng năm 1958, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1963; Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (10/1983 - 10/1986), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (10/1986 - 10/1989); Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá IX, khoá X), Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (4/2001 - 2010).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Hồ Chí Minh.*

MẶC LƯỜNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh 1909, dân tộc Tày, quê xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai. Mẹ Lường Thị Mặc có 3 con là liệt sĩ, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 438-KT/CTN truy tặng mẹ Lường Thị Mặc danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

MẶT GIĂNG

Cầu, được xây dựng tại Km 11+4 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 2002, có chiều dài 21,05 m, rộng 7 m, nhịp cầu dài 12 m chất liệu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

MẦU PHẠM THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê huyện Xuân Thuỷ, tỉnh Nam Định; trú quán tại xóm Đầm Mây xã Hà Thượng, huyện Đại Từ.

Mẹ Phạm Thị Mầu có con độc nhất (con nuôi) hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Đào Văn Hữu (nhập ngũ tháng

1/1965, tái ngũ tháng 3/1967, hi sinh ngày 31/12/1972 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Phạm Thị Mầu danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

MẪU

Đền, được dựng từ lâu đời ở làng Đình Cả, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình. Đền nằm ở trong làng liền với nhà dân, cửa nhìn về hướng đông, gồm gian tiền bái và 2 gian hậu cung, được xây dựng theo kiểu tường hồi bít đốc, vì kèo dẻ quạt. Hai bên tường hồi vẽ ngựa và voi. Đền thờ Mẫu gắn liền với người địa phương nhưng không rõ tên, chỉ biết là họ Dương.

Hiện vật lưu giữ tại đền gồm 1 bộ đài thờ, 1 bộ câu đối, 2 bát hương, 2 bát và 2 đĩa cổ. Lễ chính tổ chức hằng năm tại đền vào ngày 15/3 âm lịch.

MẪU

Đền, được dựng từ lâu đời trên một quả đồi thấp, rộng khoảng 2ha, nằm giữa cánh đồng thuộc xã Vân Dương, tổng Nghĩa Hương, nay là làng Vân Dương, xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên. Đền thờ Thánh Mẫu, gồm 3 gian lợp ngói và hậu cung nhỏ để làm lễ.

Ngày 1/1/1964, trên đường đi công tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vào thăm, thắp hương rồi ăn cơm, nghỉ trưa tại đồi thông. Đền Mẫu ngày càng được tôn tạo, mở rộng và nhân dân địa phương lấy ngày 19/5 (ngày sinh Bác Hồ) làm ngày lễ chính thức của đền.

Đền Mẫu được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh năm 2010.

MẪU

Đền, được dựng từ lâu đời trên núi Đót, phía sau Chùa Viễn, thuộc làng Núi, xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Đền Mẫu có 3 gian nhỏ với kiến trúc đơn giản theo kiểu tường hồi, bít đốc, mái lợp ngói vẩy rồng. Trong đền có các bàn thờ: Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Ngũ vị tôn ông, Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Chúa Sơn Trang và Chầu Thủ đền.

MẪU

Đền, dân chúng thường gọi là đền Mẫu Phố Cò; ban đầu chỉ là miếu nhỏ làm bằng tre, nứa, lá được dựng khoảng thập niên thứ 6 - 7 thế kỷ XIX ở xã Cải Đan, tổng Ỷ Na, huyện Phú Lương (sau thuộc huyện Phổ Yên) nay là phường Phố Cò, thị xã Sông Công.

Năm 1942, miếu được xây bằng gạch, thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Năm 1968, miếu được xây dựng lại, kích thước lớn hơn và được gọi là đền. Năm 1989, trong khu đền Mẫu Phố Cò xây thêm nhà tiền tế, lầu Cô, lầu Cậu. Năm 2007, đền được xây dựng lại, có quy mô rộng lớn như ngày nay. Đền Mẫu Phố Cò thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Tam phủ và Tứ phủ. Đền được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh, tại Quyết định số: 2782/QĐ-UBND, ngày 6/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

MẬU CHU HOÀNG

Nhà giáo Ưu tú, GS-TS, quê huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; nguyên Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Năm 1980, tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, ông công tác tại Trường Văn hoá Quân khu I; sau đó, chuyển về giảng dạy tại Khoa Sinh Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên). Ngoài công tác giảng dạy và công tác quản lí (Chủ nhiệm Khoa, Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên), ông hăng say nghiên cứu khoa học; đã công bố 150 bài báo trên các tạp chí Khoa họcvàCông nghệ, trong các Proceedings của Hội nghị Khoa học quốc gia và quốc tế; tham gia biên soạn 6 tập giáo trình và sách chuyên khảo.

Nhà giáo Chu Hoàng Mậu đã được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2009), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004), *kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục* (2005), *kỷ niệm chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ* (2006). Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

MÂY

Bến phà, nằm trên địa phận xóm Kiều Chính, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.

Bến phà hình thành và tồn tại từ năm 1963 đến năm 2000 phục vụ hoạt động giao thông Đường 13A (nay là Quốc lộ 37) qua sông Cầu.

Số công nhân làm việc tại bến phà có 12 người. Mỗi ngày phà Mây vận chuyển đưa hàng trăm lượt xe ô tô, máy kéo các loại, phương tiện thô sơ; hàng ngàn lượt người lưu thông qua sông Cầu. Bến phà Mây đã có đóng góp quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện Phú Bình, vào quốc phòng, an ninh.

Sau khi cầu Mây được xây dựng và đưa vào sử dụng, bến phà ngừng hoạt động, trở thành nơi các tàu, thuyền cập bến vận chuyển, khai thác cát, sỏi.

MÂY

Cầu, được xây dựng năm 2002, trên tuyến Quốc lộ 37, bắc qua Sông Cầu thuộc địa phận huyện Phú Bình. Cầu dài 148,2 m, rộng 10 m; tải trọng 30 tấn.

MEINFA

Công ty Cổ phần, tiền thân là Nhà máy Y cụ II trực thuộc Bộ Y tế thành lập năm 1975, nằm trên địa phận phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công.

Năm 2001, Nhà máy chuyển thành Công ty Cổ phần, với 100% vốn góp của cá nhân. Nhiệm vụ chính là sản xuất 10 loại dụng cụ và thiết bị y tế.

Đến nay, MEINFA đã có 4 Công ty thành viên, gồm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Xuân chuyên sản xuất chế tạo khuôn kim loại và các dụng cụ cắt gọt, với các thiết bị hiện đại gồm dàn máy trung tâm gia công chính xác tốc độ cao DECKEL MHO, máy cắt dây xung điện của Thuỵ Sĩ.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ Điện được trang bị các máy doa ngang, phay bào giường, mài lỗ, mài tròn, mài phẳng cỡ lớn cùng với các lực lượng lao động có tay nghề cao.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tam Hữu với các thiết bị đa dạng, từ máy trục khuỷ, máy búa hơi, máy búa thuỷ lực cỡ lớn cùng các lò điện nung phôi trung tần, siêu âm tần, cho tới kiểu lò ủ giếng

chống thoái hoá cacbon, lò tôi liên tục..., làm ra các sản phẩm chất lượng cao xuất khẩu sang nhiều thị trường nước ngoài.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ khí ngoài mặt hàng truyền thống là dụng cụ y tế, nội thất bệnh viện chất lượng, cung cấp cho các bệnh viện và các tổ chức y tế thế giới. Các dụng cụ của Công ty như búa, kìm, chìa vặn, mỏ lết, kéo là các sản phẩm được ưa chuộng trên thị trường toàn quốc.

MÈ LÀNG

Hang đá tự nhiên (còn có tên gọi hang Cô) ăn sâu vào trong lòng núi đá vôi, thuộc địa phận xóm La Thông, xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ. Trước cửa hang là bãi đất bằng phẳng, Miệng hang hẹp, hình tròn, có bán kính khoảng 1,4 m; nhưng càng vào phía trong, hang càng rộng. Trong hang có nhiều nhũ đá đẹp. Giữa lòng hang có bể nước tự nhiên rất trong mát. Mùa hè oi bức, nhân dân địa phương thường vào tắm và nghỉ ngơi.

Trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mĩ gây ra trên địa bàn tỉnh Bắc Thái (1965 - 1968 và 1972), bộ đội Quân khu Việt Bắc (nay là Quân khu I) về khoét hang, đào hầm sâu vào bên trong lòng núi. Một bộ phận Khu Ủy Khu Tự trị Việt Bắc đã ở và làm việc tại nơi này. Đồng chí Chu Văn Tấn - Bí thư Khu uỷ, ở hang trong lòng quả núi bên trong; hiện nay cửa hang đã lấp. Đồng chí Lê Dục Tôn (Phó Bí thư Khu uỷ) ở hang quả núi phía trước, cách hang đồng chí Chu Văn Tấn khoảng 500 m.

MÉT

Nghè, có từ lâu đời và được tôn tạo vào năm Khải Định thứ 7 (1922); thuộc cụm di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đình - chùa Viễn, đền Đót và nghè Mét ở làng Núi, xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Nghè Mét là một công trình còn bảo tồn khá nguyên vẹn về kiến trúc, nghệ thuật cổ. Nghè nhìn về hướng tây, phía trước có bức bình phong cao 1,5m, dài 2m, trên có trang trí hoa văn cách điệu. Kiến trúc gồm 3 lớp nhà: 5 gian ngoài, 3 gian giữa và 1 gian hậu cung nhỏ. Hậu cung có đắp 2 đầu rồng, đầu đốc đắp trụ bằng, tường hồi, bít đốc. Trong Hậu cung thờ vong Vua Bà (thờ chính ở đền Đót), có bức lụa thêu 3 chữ Hán *Đức mẫu truyền*. Các đồ thờ như hương án, bát hương, lọ hoa, hương

nhang đều dùng màu đen. Hiện vật ở nghè Mét có bát hương bằng đất nung, chuông đồng và tượng...

Nghè Mét được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2716/QĐ-UBND, ngày 11/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

MIỀN NÚI

Công ty khai khoáng, trụ sở trên trục đường Bắc Kạn, thuộc địa phận phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Công ty kinh doanh các ngành nghề: Khai thác chế biến, mua bán khoáng sản, xuất nhập khẩu khoáng sản, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến khoáng sản. Công ty liên doanh với doanh nghiệp thương mại dịch vụ của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào trong lĩnh vực khai thác và chế biến xuất khẩu. Công ty có các doanh nghiệp thành viên: Doanh nghiệp khai thác than An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên, Nhà máy sản xuất thiếc xuất khẩu Quỳ Hợp (Nghệ An) và Công ty liên doanh kim loại mầu Lào - Việt.

MIỄU

Nghè, nằm cách đình Lũ Yên 700 m thuộc xóm Dẫy, thôn Lũ Yên, xã Đào Xá, huyện Phú Bình. Nghè Miễu nằm trong quần thể của khu di tích lịch sử văn hoá đình, chùa Lũ Yên, toạ lạc trên một quả đồi diện tích khoảng 1 ha, có nhiều cây hoang dại. Nghè Miễu thờ Cầm Khả Trung Đô Bản Lồ Giác Đại vương (một vị tướng của Dương Tự Minh thua trận và đã tử tiết tại đây).

Năm 2007, nghè Miễu được trùng tu, nâng cấp trên khu đất rộng 520 m^2. Nhà nghè được xây dựng cấp 4, diện tích 38 m^2, có bờ rào và cổng sắt bảo vệ.

MIẾU THỔ CÔNG

Miếu, nằm trên gò đất thuộc xóm Thâm Găng, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, thờ thần là người có công lập làng (không xác định được họ tên người được thờ tại miếu).

Ngôi miếu cổ đã bị huỷ hoại trong những năm chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ (1965 - 1968 và 1972). Ngôi miếu hiện nay do dân xóm Thâm Găng dựng lại, chất liệu bằng gỗ, tre, mái lợp gianh, có chiều dài 10 m, rộng 7 m.

MIN

Đền, có từ lâu đời, được dựng ở lưng chừng núi thuộc xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ bà Chúa Thượng Ngàn (cai quản núi rừng), bà Chúa Thoải (sáng tạo ra nguồn nước), bà Chúa Liễu Hạnh.

Đền Min mặt quay về hướng đông nam, được xây dựng theo kiểu cuốn văn, chiều ngang 2,2 m, dài 4 m, cao 2,5 m, nền láng xi măng. Trên bệ thờ có nhiều bát hương nhỏ do các gia đình mang vào.

Hằng năm, đền Min tổ chức lễ hội vào ngày 15/1 Âm lịch. Trước đây, ngày 17/3 âm lịch là ngày rước kiệu, nay chuyển sang ngày 15/1. Ngày lễ hội, nhân dân địa phương tổ chức nhiều trò chơi, như đánh bóng, đánh vật, chọi gà, cờ tướng, bơi thuyền...

MINH DƯƠNG TỰ

Thủ lĩnh phủ Phú Lương dưới triều Lý. Dân tộc Tày, quê ở Quan Triều, phủ Phú Lương (nay là vùng đất Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên). Là người đức độ, có tài thao lược, được vua Lý phong làm Thủ lĩnh phủ Phú Lương. Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Lần thứ nhất vào năm 1127, nhà Lý gả công chúa Diên Bình, lần thứ 2 năm 1144 gả công chúa Thiều Dung. Những năm cuối đời Dương Tự Minh về sống tại khu vực núi Đuổm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương. Sau khi mất, Dương Tự Minh được nhiều triều đại phong kiến Việt Nam phong là "Thượng đẳng thần".

Để ghi nhớ công lao và đức độ của vị thủ lĩnh họ Dương, nhân dân suốt dải sông Cầu, từ "thượng Đu Đuổm, hạ Lục Đầu (Giang)" lập đền, đình thờ ông, trong đó đền Đuổm là nơi thờ tự chính. Hằng năm, Lễ hội đền Đuổm được tổ chức vào ngày 6 tháng Giêng, thu hút đông đảo nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

MINH ĐỖ

Nhạc sĩ, bí danh Lương Hải; sinh ngày 16/12/1926 tại xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; thường trú tại Thái Nguyên từ năm 1958; từ trần ngày 10/4/2008 tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ, ông học ở quê, thường chơi dương cầm và hát thánh ca trong nhà thờ. Cách mạng tháng Tám 1945 bùng nổ, theo cách mạng làm liên lạc. Tháng 2/1946, được bổ sung vào quân đội...

Nhạc sĩ Đỗ Minh là một tên tuổi lớn trong giới âm nhạc, người có nhiều cống hiến nổi bật cho nền âm nhạc Việt Nam. Ông là tác giả của nhiều ca khúc, trong đó có những ca khúc mãi mãi song hành cùng lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như: *Chào mừng Đảng Lao động Việt Nam* (1951) sau này đổi tên là *Chào mừng Đảng Cộng sản Việt Nam*, *Đảng - Người mẹ quang vinh* (1960). Ông còn là tác giả của nhiều tác phẩm khí nhạc, như tam tấu cho violon, violoncel, piano, độc tấu sáo, khèn, hoà tấu cho dàn nhạc, nhạc kịch, nhạc chèo, ca kịch cải lương, nhạc phim Kim Đồng...Ông cũng là một nhà nghiên cứu sâu về dân ca của các dân tộc thiểu số Việt Bắc; một người có công biên soạn nhiều sách, tài liệu về âm nhạc dân gian Việt Bắc; một người thầy đã đào luyện nhiều nghệ sĩ, diễn viên, cán bộ cho ngành Văn hoá. Sinh thời, ông là Hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

MINH NGUYỄN XUÂN

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ Sử học, quê thành phố Thanh Hoá; nguyên Phó Chủ nhiệm Khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên).

Năm 1965, sau khi tốt nghiệp loại ưu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy. Năm 1966, ông là một trong số những cán bộ đầu tiên lên xây dựng Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Ngoài công tác giảng dạy, ông còn làm chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học; tham gia biên soạn Sách giáo khoa lớp 12 theo chương trình cải cách, hơn 10 tập giáo trình Đại học, Cao đẳng, v.v..

Hơn 40 năm làm công tác giảng dạy (1965 - 2006), nhà giáo Nguyễn Xuân Minh liên tục nhiều năm đạt giáo viên dạy giỏi, 5 năm liền đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*; được trao tặng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất*, *Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục* (năm 1995), *Huy chương Vì sự nghiệp Khoa học và Công nghệ* (năm 2000), *kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Lịch sử Đảng* (năm 2006), 1 *Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ*.

Nhà giáo Nguyễn Xuân Minh được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2000

MINH TRẦN XUÂN

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ, quê xóm Phổ Trường, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Trưởng khoa Điện Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1981, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm công tác giảng dạy. Năm 2007, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Nhà giáo Trần Xuân Minh từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng bộ môn (1999 - 2000), Trưởng bộ môn (2000 - 2009). Ông được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

MINH ĐỨC

Xã nằm ở vùng phía Tây huyện Phổ Yên; phía đông giáp xã Đắc Sơn, phía tây giáp xã Phúc Thuận, phía tây nam và phía nam giáp các xã Thành Công và Vạn Phái (huyện Phổ Yên), phía bắc giáp các phường Phố Cò và Thắng Lợi (thị xã Sông Công).

Xã Minh Đức được thành lập trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954) trên cơ sở tách xã Phúc Thuận ra làm 2 xã (Phúc Thuận và Minh Đức). Sau Cải cách ruộng đất (đầu năm 1955), toàn xã có 212 hộ, với 914 nhân khẩu. Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009, toàn xã có 6.592 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Mường cư trú ở 20 xóm: Hồ 1, Hồ 2, xóm 3 Thuận Đức, xóm 4 Thuận Đức, Lầy 5, Lầy 6, Chằm 7A, Chằm 7B, Chằm 7C, Đậu 8A, Đậu 8B, Cầu Giao 9A, Cầu Bùng, Ba Quanh, Thống Thượng, Đầm Mương 1, Đầm Mương 2, Đầm Mương 3, Đầm Mương 4, Tân Lập.

MINH LẬP

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Tây huyện Đồng Hỷ; phía đông bắc giáp xã Hoà Bình và Tân Long, phía đông giáp xã Hoá Trung, phía nam giáp xã Hoá Thượng. Qua sông Cầu, phía tây và tây bắc, xã Minh Lập giáp các xã Phú Đô, Tức Tranh, Sơn Cẩm (huyện Phú Lương).

Diện tích tự nhiên 18,3 km². Dân số (năm 2009) 6.402 người thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Sán Dìu, Tày, Sán Chay, Dao, Hoa, Mông và Mường cư trú ở 19 xóm: Ao Sơn, Bà Đanh 1, Bà Đanh 2, Cầu Mơn 1, Cầu Mơn 2, Cà Phê 1, Cà Phê 2, Đoàn Kết, Gốc Đa, Hang Ne, La Địa, La Đoà, Làng Chu, Na Ca, Sông Cầu, Tân Lập, Theo Cày, Trại Cài 1 và Trại Cài 2.

Nguồn sống chính của cư dân trong xã là nghề trồng chè. Nổi tiếng có vùng chè đặc sản Trại Cài; trên 40 ha chè kinh doanh. Mỗi năm, cung cấp cho thị trường gần 700 tấn chè búp khô. Từ năm 2003 đến năm 2010, xã đã xây dựng trên 10 km kênh mương kiên cố; bê tông hoá trên 10 km đường ô tô đến trung tâm các xóm; trải nhựa được gần 10 km đường trong toàn xã, bảo đảm 2 làn xe ô tô lưu thông.

MINH LÝ

Bến phà trên sông Cầu thuộc xóm Toàn Thắng, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Trước năm 1945, nơi đây là bến tàu thuỷ loại nhỏ, sà lan, thuyền buồm cập vào "ăn than" khai thác từ các mỏ Làng Cẩm (Đại Từ), Phấn Mễ (Phú Lương) do xe goòng chở tới để theo sông Cầu trở về xuôi.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ta sửa chữa thành bến phà để chở xe ô tô của bộ đội qua sông, từ Phú Lương sang Đồng Hỷ; từ Đồng Hỷ qua Phú Lương chuyên chở vũ khí, đạn dược, lương thực ra tiền tuyến.

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết (21/7/1954), bến phà ngừng hoạt động.

MINH TIẾN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

Minh Tiến là xã miền núi nằm ở khu vực phía Tây huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị Đại Từ trên 20 km, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía bắc giáp xã Bình Thành của huyện Định Hóa, phía đông bắc giáp xã Phúc Lương, phía đông nam giáp xã Yên Lãng và xã Phú Cường của huyện Đại Từ.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Tiến có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định

số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*.

MINH TIẾN

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Tây huyện Đại Từ, cách huyện lị hơn 20 km; phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía bắc giáp xã Bình Thành (huyện Định Hoá), phía đông bắc giáp xã Phúc Lương, phía Tây nam giáp xã Yên Lãng, phía đông giáp xã Đức Lương, phía nam giáp xã Phú Cường, Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, vùng đất Minh Tiến ngày nay thuộc trang Hạ Lãm, tổng Hạ Lãm, huyện Văn Lãng, phủ Tòng Hoá. Năm 1922, huyện Yên Lãng sáp nhập vào huyện Đại Từ, trang Hạ Lãm thành xã Hạ Lãm, thuộc tổng Hạ Lãm, huyện Đại Từ. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, là 2 thôn Lưu Quang và Đồng Lực trong xã Cảnh Thịnh, rồi Phú Cường. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, 2 thôn Lưu Quang và Đồng Lực tách khỏi Phú Cường thành xã Minh Tiến.

Diện tích tự nhiên 26,13 km². Dân số (năm 2009) có 3.896 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Nùng, Dao, Sán Dìu, Mường, Thái cư trú ở 8 xóm: Bẫu Châu, Gò Lớn, Đồng Mưa, Đầm Giáo, Văn Thanh, Thành Lập, Bình Hương, Hà Thái. Nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Minh Tiến có nhiều địa điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử: Quán Ông già ở xóm Trung Tâm, Xưởng quân giới Hoàng Hữu Nam ở xóm Nà Dooc, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở xóm Khuổi Rịa, đình Làng Cớm, chùa Bắc Lãm ở xóm Lưu Quang. Xã Minh Tiến được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*. 2 bà mẹ được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

MISƠLÔ (MICHELOT)

Công sứ cuối cùng của chính quyền thực dân Pháp ở tỉnh Thái Nguyên. Sau ngày đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương (9/3/1945),

quân Nhật tiến chiếm Thái Nguyên, Công sứ Thái Nguyên bỏ chạy rồi bị quân Nhật bắt làm tù binh.

Những năm Michelot làm Công sứ Thái Nguyên (1941 - 1945) chính là những năm tháng phong trào cách mạng diễn ra mạnh mẽ, chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Vì vậy, Công sứ Thái Nguyên cùng Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận và bộ máy cai trị hà khắc đã mạnh tay đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng, bắt bớ giam cầm nhiều người yêu nước.

MO LINH

Sông, dòng chảy chính và lớn nhất đi qua xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ. Sông có tên gọi cổ là sông Ma Linh; hoặc tên gọi khác là sông Khe Mo, sông Khe Mo - Huống Thượng...

Sông có tổng chiều dài 27 km, gồm hai nhánh chính: Nhánh thứ nhất bắt nguồn từ núi Lân Củng thuộc dãy Lô Sen (xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai); nhánh thứ hai được tạo thành từ hai dòng suối: Suối Cầu Mai bắt nguồn từ núi Bồ Cu (xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ) và suối Bạch Giương (còn gọi là suối Ngọn Cát) bắt nguồn từ xã Liên Minh (huyện Võ Nhai). Hai nhánh sông này gặp nhau ở xóm Thống Nhất và gọi là sông Long Giàn (còn gọi là suối Đèo Khế); đoạn dưới gọi là sông Linh Nham. Tại xã Khe Mo, sông Mo Linh có nhiều tên gọi khác nhau. Đoạn ở phía bắc gọi là sông Long Giàn, do đoạn sông này chảy qua xóm Long Giàn; ở phía nam, sông nhận thêm dòng chảy từ các suối ở xóm Na Lưa, Na Rẫy qua cầu Bò Đái (nay gọi là cầu Khe Mo), nên nhân dân địa phương quen gọi là sông Khe Mo.

Sông Mo Linh gặp sông Cầu ở ranh giới giữa xã Linh Sơn (huyện Đồng Hỷ) và xã Đồng Bẩm (thành phố Thái Nguyên). Sông Mo Linh là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nguồn nước tưới trong vùng. Xưa kia, sông Mo Linh có rất nhiều cá và cá ở Khe Mo nổi tiếng thơm ngon, được lưu truyền trong câu ca: "*Cá Khe Mo, bò Văn Hão, lão Trung Thần, dân Hoá Thượng*".

MỎ VÀ LUYỆN KIM

Công ty Trách nhiệm hữu hạn; trụ sở đặt tại số 617 - Đường 3/2, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Công ty kinh doanh các

ngành nghề: Tư vấn dịch vụ khoa học, lắp đặt thiết bị chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khai thác, tuyển khoáng, luyện kim; Khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản; Nấu luyện các loại kim loại và hợp kim: Thiếc 99,75%, thiếc 99,95%, ăngtimoan, wolfram, mangan, crom, titan, đồng, kẽm, hợp kim trung gian phục vụ trong nước và xuất khẩu; Mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm khoáng sản, kim loại, hợp kim, vật tư, thiết bị dụng cụ và dây chuyền công nghệ chuyên ngành.

MỎ BẠCH

Cầu, được xây dựng vào những năm 1923 - 1925, tại lý trình 68+4, bắc qua suối làng Đanh (còn gọi là suối Mỏ Bạch) trên trục Quốc lộ 3 (cũ); hai mố cầu xây đá, trụ bê tông, khung cầu bằng thép, mặt lát gỗ, chiều rộng 6m. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, quân dân ta phá sập cầu để cản bước tiến của giặc Pháp. Năm 1952, cầu được làm lại cũng khung sắt, dầm gỗ, tải trọng dưới 10 tấn. Năm 1960, cầu được gia cố nâng tải trọng lên 15 tấn.

Năm 2005, cầu Mỏ Bạch được xây dựng lại tại vị trí cũ là ranh giới tự nhiên giữa phường Quang Vinh và phường Quang Trung. Cầu dài 34 m, rộng 36 m, chiều dài nhịp cầu 20 m bằng bê tông dự ứng lực. Mố, móng và trụ cầu được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Tải trọng thiết kế và thực tế có chuẩn H30 x B80.

MỎ BẠCH

Suối, bắt nguồn từ xóm Thái Sơn 2 xã Quyết Thắng (thành phố Thái Nguyên), vượt qua Quốc lộ 3 mới, vòng sát xóm Hồng, xã Phúc Hà đến cầu làng Đanh, hợp lưu với suối làng Đanh qua cầu Mỏ Bạch gặp suối Cửa Ngòi thuộc phường Quang Vinh đổ ra Sông Cầu. Vì vậy, suối Mỏ Bạch còn có tên gọi là suối làng Đanh.

Suối Mỏ Bạch là con suối lớn có độ dài 8 km và chiều rộng có chỗ hơn 10m, tiêu thoát nước cho cả một vùng rộng lớn ở khu vực Đông Bắc thành phố Thái Nguyên, bao gồm xóm Thái Sơn I, Thái Sơn II của xã Quyết Thắng, xóm Hồng, làng Um của xã Phúc Hà, khu vực Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Sư Phạm trên địa bàn phường Quang Trung, xóm Thần Vì, xóm Cửa Ngòi thuộc phường Quang Vinh.

Vào mùa khô, lòng suối trơ cạn, có thể lội qua được nhưng vào mùa mưa lòng suối nước dâng cao có chỗ sâu tới 3 m, dòng chảy xiết. Dòng suối đoạn thẳng ngắn, chủ yếu theo đường dích dắc độ dốc nhỏ và chảy theo hướng từ tây sang đông. Suối cũng đang bị thu hẹp dòng chảy do bị san lấp và ô nhiễm rất nặng.

MỎ CHÈ

Phường, thuộc thị xã Sông Công, thành lập ngày 13/7/1985, được chia tách từ thị trấn Mỏ Chè, huyện Phổ Yên, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), nằm ở trung tâm của thành phố Sông Công; phía nam giáp phường Thắng Lợi, phía bắc giáp phường Lương Châu, xã Bá Xuyên, phía đông giáp xã Tân Quang, phía tây giáp xã Bình Sơn. Diện tích tự nhiên: 1,55 km², trong đó đất nông nghiệp 64,7 ha, còn lại là đất phi nông nghiệp và đất thổ cư.

Dân số (năm 2009) 5.672 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Cao Lan, Sán Dìu, Hoa, (trong đó người Kinh chiếm đa số) sinh hoạt theo 10 tổ dân phố có tên từ tổ dân phố 1 đến tổ dân phố 10 và 2 tổ nông nghiệp là: An Châu 1 và An Châu 2. 75% dân số là cán bộ, công nhân viên chức; 10% là người buôn bán kinh doanh nhỏ lẻ, 15% làm nông nghiệp.

Nguồn sống chính dựa vào thu nhập tại các Công ty, nhà máy trên địa bàn. Nơi đặt cơ sở của nhiều Công ty lớn: FUTU 1, Mani, Đúc Nam Ninh, Thái Hưng, Sao Xanh, Hiệp Hương; 5 trường học gồm: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du, Trường Tiểu học Mỏ Chè, Trường Mầm non 1 - 6, Trường Mầm non Diesel, Trường Mầm non tư thục 8 - 3.

MỎ GÀ

Cầu, được xây dựng năm 1972 tại Km 103,7 - Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 14,15 m, rộng 8,6 m, tải trọng thiết kế H13-X60. Nhịp cầu được kết cấu bằng bê tông cốt thép, chiều dài nhịp 8,68 m.

MỎ GÀ

Đình, có từ lâu đời ở thôn Mỏ Gà, làng Phú Thượng, tổng Lâu Thượng, châu Vũ Nhai; nay là xóm Mỏ Gà, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai. Đình thờ thành hoàng làng là Đức Cao minh chính trực Nguyên

suý, Kiện chi gia đạo quản sơn Hoàng Minh uy linh hiển ứng Đại vương. Đình có hai sắc phong thời Khải Định: ngày 18/3 năm Khải Định thứ 2 (1917) có sắc phong vĩ Trác Uý Dực Bảo trung hưng Thượng đẳng thần, ngày 25/7 năm Khải Định thứ 9 (1924) có sắc phong Đăng trật thị chuẩn y cựu phụng sự. Cả hai sắc phong này đều không còn.

Hằng năm, dân làng tổ chức tế lễ tại đình vào các ngày 18/1 Âm lịch (tế Xuân), 20/3 Âm lịch (Lễ Hạ điền), 25/6 Âm lịch (Lễ Thượng điền) và ngày 15/8 Âm lịch (Tết Cơm mới). Khoảng năm 1948, 1949, đình Mỏ Gà bị phá, chỉ còn lại 22 viên đá tảng, đường kính từ 40 cm đến 55 cm và cây đa to hàng trăm năm tuổi. Năm 2009, đình Mỏ Gà được nhân dân 2 xóm Mỏ Gà và Phượng Hoàng dựng lại.

MỎ GÀ

Hang đá tự nhiên nằm dưới chân núi Phượng Hoàng. Hang suối Mỏ Gà cách hang Phượng Hoàng chỉ khoảng 300 m, rộng chừng 10 đến 15 m, cao từ 2 đến 15 m, sâu khoảng 200 m. Nước suối chảy trong hang tạo thành nhiều vũng.

Tên hang suối Mỏ Gà gắn liền với một câu truyện cổ tích: Ngày xửa ngày xưa, vùng đất dưới chân núi Phượng Hoàng luôn mưa thuận, gió hoà, thiên nhiên cảnh sắc tươi đẹp, đời sống người dân nơi đây luôn no ấm. Nhưng rồi mấy năm liền trời hạn hán, đất đai, ruộng vườn khô cạn; cây cối, hoa màu chết khô, đời sống người dân thiếu đói cùng cực; nhiều người phải bỏ làng đi tha phương cầu thực; nhiều người phải vào rừng tìm rau củ ăn qua ngày. Một ông lão người địa phương vào rừng đào củ kiếm sống, bỗng thấy một đàn gà rừng kiếm ăn dưới chân núi Phượng Hoàng bèn đuổi theo để bắt. Đuổi đến chân núi, đàn gà chui vào một hốc đá nhỏ. Sẵn thuổng bên người, ông bèn đào hốc đá đó để bắt đàn gà, nhưng càng đào vào thì hốc đá càng rộng ra mà vẫn chưa thấy đàn gà. Ông tiếp tục đào và bỗng từ trong hốc đá một dòng nước mát lạnh chảy ra, ngày càng nhiều. Ông gọi dân làng ra lấy nước về dùng, lấy mãi nước vẫn không cạn. Dân làng bảo nhau đào mở rộng hơn khe nước, lấy nước về cứu ruộng vườn. Từ đó, vùng đất này lại hồi sinh, cuộc sống ấm no trở lại. Dân trong vùng gọi mỏ nước dần thành quen là Mỏ Gà.

Hang suối Mỏ Gà được xếp hạng Di tích lịch sử và thắng cảnh quốc gia số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994.

MỎ GÀ

Suối, bắt nguồn từ hang Mỏ Gà nằm ngay dưới chân núi Phượng Hoàng (xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai). Từ trong hang sâu, nước chảy ra tạo thành những dòng thác nhỏ bọt tung trắng xoá rất đẹp mắt. Suối chảy qua cánh đồng dọc theo Quốc lộ 1B xuống xóm Bãi Lai (thị trấn Đình Cả), chiều dài khoảng 5 km.

Suối Mỏ Gà không chỉ là một thắng cảnh, mà còn cung cấp nước tưới cho các cánh đồng của xã Phú Thượng và thị trấn Đình Cả (huyện Võ Nhai). Người dân địa phương còn sử dụng nguồn nước suối để nuôi cá tầm, mang lại nguồn thu nhập cao. Suối Mỏ Gà được xếp hạng Di tích lịch sử và thắng cảnh quốc gia số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994.

MỎ LÁO

Nghè, có từ lâu đời ở xóm Thịnh Khánh, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai. Trong nghè có bàn đá rộng khoảng 2 m, phía trên đặt bát hương. Cửa nghè Mỏ Láo quay về hướng bắc, nhìn ra dòng sông Rong. Nghè Mỏ Láo là nơi đội Cứu quốc quân II đặt hòm thư liên lạc bí mật trong những năm 1941 - 1945.

Nghè đã bị phá huỷ từ lâu.

MỎ MÒNG

Suối, bắt nguồn từ Làng Mìn, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai chảy qua dãy núi đá vôi thuộc xóm Đèo Ngà, xã Bình Long rồi đổ nước vào đập Mỏ Mòng phục vụ tưới tiêu cho các cánh đồng của xã này.

MỎ NGHIẾN

Hang đá tự nhiên ở xóm Xuất Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai. Hang không sâu nhưng có nhiều nhũ đá rủ xuống rất đẹp. Cửa hang quay về hướng tây bắc, hình vòng cung; phía trước cửa hang có 2 tảng đá to nhô lên, che khuất cửa hang. Hang gồm có 2 hang thông nhau và to như nhau. Thu - Đông năm 1947, khi thực dân Pháp tấn công lên Việt Bắc thì cơ quan Văn phòng Chính phủ di chuyển từ ATK Định Hoá sang, đã ở và làm việc tại hang Mỏ Nghiến.

MỎ NƯỚC

Trống đồng, được phát hiện ngày 13/4/2008, ở độ sâu 1,5 m khi tu sửa đường vào mỏ Bản Tèn, thuộc xóm Mỏ Nước, xã Vân Lăng, huyện Đồng Hỷ. Trống hiện được bảo quản tại Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên.

Trống đồng Mỏ Nước thuộc loại I Heger, có niên đại khoảng thế kỷ V trước Công nguyên. Trống có chiều cao 30 cm, đường kính mặt 36 cm, chu vi mặt 134 cm, đường kính đáy 44,5 cm, chu vi đáy 142 cm, chu vi thân 110 cm, cân nặng 12 kg. Giữa thân và tay trống có 4 quai kép trang trí hoa văn vặn thừng.

Giữa mặt trống là một hình mặt trời 12 tia, các tia mặt trời hơi mập, khá sắc nét. Tang trống trang trí 4 vành hoa văn. Vành thứ nhất và vành thứ ba là những hoa văn tam giác ngược đỉnh. Vành thứ hai trang trí bằng những đường tròn đồng tâm. Dưới cùng là vành hoa văn trang trí hình thuyền và trên thuyền có người hoá trang cách điệu. Trống Mỏ Nước đã bị han gỉ nhiều, hầu hết các đường nét hoa văn không còn rõ; gần một phần nửa thân và chân trống đã bị mẻ; mặt trống cũng có một lỗ thủng nhỏ.

MỎ VÙNG

Cầu, được xây dựng năm 1996 thuộc địa phận xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp dài 6 m; mố được xây bằng đá, dầm bằng thép. Tải trọng theo thiết kế 2,5 tấn.

MỎ YÊN

Nơi hoạt động của Trung đội Cứu quốc quân II trong những năm 1941 - 1945. Vị trí di tích ở núi Mỏ Yên thuộc tổng Tràng Xá, châu Võ Nhai; nay thuộc xóm Đoàn Kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai.

MONG NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, quê xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; thường trú tại xã Trung Lương, huyện Định Hoá.

Mẹ Nguyễn Thị Mong có 3 con liệt sĩ là Phạm Văn Long (nhập ngũ sau ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), hi sinh tháng 12/1950 tại Thái Bình); Phạm Văn Trọng (nhập ngũ tháng 1/1966, hi sinh ngày

29/5/1967 tại mặt trận phía Nam); Phạm Văn Từ (nhập ngũ tháng 5/1972, hi sinh ngày 28/8/1974 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Nguyễn Thị Mong được Chủ tịch nước ký quyết định ngày 24/4/1995 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

MÔNG

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, có mặt ở Thái Nguyên tương đối muộn so với các dân tộc khác. Trong vòng 30 năm (1979 - 2009), số dân người Mông ở Thái Nguyên tăng khá nhanh, từ 644 người (1979), lên 7.230 người (tháng 4/2009, bằng 0,64 % dân số trong tỉnh), nguyên nhân chủ yếu do người Mông ở các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang di cư về. Hiện nay, người Mông cư trú rải rác trong khoảng hơn 70/180 xã, phường của tỉnh, nhưng tập trung chủ yếu ở các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương.

Từ tập quán du canh, du cư ở Cao Bằng, Hà Giang, khi về Thái Nguyên do đất rừng còn ít, địa hình bằng phẳng, lại được chính quyền hỗ trợ về khoa học kỹ thuật canh tác, năng suất cây trồng ổn định, người Mông đã định canh, định cư và sống thành làng bản tập trung hơn. Cơ cấu cây trồng cũng mở rộng hơn, từ trồng ngô là chủ yếu, đã trồng cả sắn, đậu, chè, cây ăn quả và làm ruộng nước.

Nghề chăn nuôi của người Mông có vai trò quan trọng thứ hai sau trồng trọt, vật nuôi chủ yếu là trâu, ngựa, lợn, gà, chó. Nghề thủ công gia đình của người Mông khá phát triển, bao gồm xe lanh, dệt vải, đan lát, rèn.

Người Mông có nhiều nghi lễ, tập tục liên quan đến sản xuất, sinh hoạt và tâm linh gần với các dân tộc khác. Điểm khác biệt được thấy ở lễ mừng sinh nhật, chỉ tổ chức cho những thành viên trong gia đình từ 60 tuổi trở lên. Bên cạnh tín ngưỡng đa thần, từ thập niên 80 của thế kỷ XX, đạo Tin Lành được du nhập và ngày càng có ảnh hưởng lớn tới cộng đồng người Mông.

MỤ

Chợ, đặt tại trung tâm làng Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn), huyện Đại Từ; là chợ to nhất huyện trong những năm 30 - 50 của thế kỷ XX.

Năm 1930, chợ Mụ họp ở giữa xóm Sơn Tập (nay là phố Chợ 2 của thị trấn Đại Từ); sau đó chuyển ra khu đất đồi Gò, giáp cánh đồng Bài và đồng Khốc (nay là cơ quan Công an huyện Đại Từ). Chợ có 6 dãy quán bán hàng, mỗi dãy quán có 5 gian, cột gỗ, mái lợp tranh nứa. Trong chợ, còn có bãi riêng dành để buôn bán trâu, bò, ngựa, lợn và gia cầm. Chợ họp 6 phiên một tháng vào buổi sáng các ngày 3 và ngày 8 âm lịch.

Trước phiên chợ chính, có thêm một buổi chợ chiều, cho người ở nơi xa đến họp từ hôm trước để hôm sau chỉ mua bán trong vòng buổi sáng rồi lại về nhà trước khi trời tối. Phiên chợ chiều cũng đông đúc người mua, bán và tấp nập quán ăn, quán trọ. Sau buổi chợ chính, có khoảng trên 10 chuyến xe ngựa chở các loại nông, lâm, thổ sản, gia súc, gia cầm, chuyển về chợ thị xã Thái Nguyên. Do là địa điểm trung tâm của huyện nên việc buôn bán, kinh doanh ở Hùng Sơn thời kỳ nào cũng phát triển.

MÚA RỐI TÀY

Loại hình nghệ thuật độc đáo của đồng bào Tày ở thôn Thẩm Rộc, xã Bình Yên và thôn Ru Nghệ, xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá; có từ thế kỷ XIX.

Ở Thẩm Rộc và Ru Nghệ, gia đình nghệ nhân đứng đầu phường rối còn lưu giữ được nhiều cuốn sách chữ Nôm Tày ghi chép về các trò diễn múa rối cạn. Xưa có trên 10 trò diễn, nhưng nay chỉ khôi phục được 5 - 7 trò; mỗi trò là một màn diễn múa rối, ngắn thì vài phút, dài thì 10 - 15 phút. Một vài màn múa rối cạn trong các lễ hội mùa xuân đáng chú ý là: *Tắc Kè - Pú Cấy; Hội xuống đồng cày bừa, cấy hái; Hán - Sở tranh hùng...*

Màn rối Tắc Kè - Pú Cấy gồm một rối Tắc Kè và một rối Ông già Pú Cấy được gia công từ gỗ thực mực, to bằng một thân cây mai, cao khoảng 40cm, mặc quần áo khác màu, đeo dao trông rất ngộ, được gắn lên một thân gỗ dài khoảng 3m. Tích trò là câu chuyện con tắc kè đại diện cho loài vật vì cậy có khả năng dự báo thời tiết tốt nên tranh giành với ông Pú Cấy (con người) cái công làm ra ngũ cốc. Các nghệ nhân điều khiển hai con rối "múa" nhiều động tác leo lên, tụt xuống (trên cây gỗ) để giao tranh với nhau, động tác của rối mô phỏng những động tác chạy, nhảy, vồ, cào, cấu, giằng xé, đánh đấm giữa con người và con vật trông rất sinh động, gây ra những trận cười thoải mái cho người xem. Kết thúc không

có kẻ thắng, người thua nên Tắc Kè và Pú Cấy phải sống chung và cùng nhau cầu chúc cho mùa màng bội thu.

Nhiều trò khác của hai phường rối Thẩm Rộc và Ru Nghệ cũng được phục hồi, nghiên cứu và giới thiệu với nhân dân địa phương và du khách trong, ngoài nước.

MÙI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1921, dân tộc Kinh, nguyên quán xóm 8, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; thường trú tại xóm Trung Thành, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Mẹ Nguyễn Thị Mùi có 2 con liệt sĩ là Nguyễn Viết Thắng (nhập ngũ năm 1968, hi sinh ngày 20/7/1973 tại mặt trận phía Nam); Nguyễn Duy Điều (nhập ngũ tháng 9/1976, hi sinh ngày 17/2/1979 tại mặt trận Biên giới phía Bắc Tổ quốc).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Mùi danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

MUỐI

Hang đá tự nhiên, nằm trong dãy núi thuộc xóm Đẩu, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Trước cửa hang có nhiều cây rừng lớn, tán lá rộng. Cửa hang bằng phẳng, ra vào hang rất thuận tiện. Lòng hang rộng lớn, ăn sâu vào lòng núi. Năm 1968, Nhà máy Cơ khí 3/2 thuộc Ty Công nghiệp Bắc Thái sơ tán đến làm việc tại hang Muối. Khu đất bằng trước cửa hang dựng nhiều lán làm việc của Ban Giám đốc và lán ở của công nhân. Nền hang được tu sửa khá phẳng, một số điểm đổ bê tông xi măng làm bệ đặt máy móc, thiết bị. Hoạt động sản xuất chủ yếu thực hiện trong lòng hang. Trong những năm 1968 - 1974, nhà máy chủ yếu sản xuất nông cụ phục vụ sản xuất (và chiến đấu) của địa phương, như: Cuốc bàn, cuốc chim, xẻng, xà beng, cày, bừa và một số máy móc thô sơ như máy xay sát thóc, máy thái sắn, máy ép mía... Hiện nay, trong hang Muối chỉ còn lại các bệ máy.

MUỒN LÔ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1916, thường trú tại xóm Thịnh Mỹ, xã Tân Thịnh, huyện Định Hoá.

Mẹ Lô Thị Muồn có con độc nhất là liệt sĩ Lường Văn Lưu (nhập ngũ năm 1963, hi sinh ngày 15/6/1967 tại Mặt trận phía Nam).

Mẹ Lô Thị Muồn được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định ngày 24/4/1995 phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

MUỒNG

Đèo, vượt qua dãy núi phía tây bắc huyện Định Hoá, từ xã Bảo Linh (huyện Định Hoá) sang xã Hùng Lợi, Trung Minh (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang).

Trước đây, đường Đèo Muồng được người Pháp coi là con đường chiến lược, chúng đã cho mở đường nhưng đến năm 1934 bỏ dở.

Năm 1953, ta chủ trương khôi phục tuyến đường bộ liên tỉnh từ Chợ Chu (Thái Nguyên) qua đèo Muồng sang Khu ATK Kim Quan huyện Yên Sơn (Tuyên Quang). Nhiệm vụ được trao cho Đội 36 của Đoàn Thanh niên xung phong bạt núi, mở rộng đường, rải cấp phối... qua rừng rậm, núi cao, vực sâu... Sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954), Đội Thanh niên xung phong được điều đi làm nhiệm vụ mới, nên việc mở tiếp đường Đèo Muồng tạm ngừng.

MỸ KHÁNH

Một trong những nơi ghi dấu tội ác chiến tranh của đế quốc Mĩ đối với nhân dân ta. Vị trí di tích ở xóm Mỹ Khánh thuộc xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương.

15 giờ ngày 11/7/1967, máy bay F105 của giặc Mĩ điên cuồng ném bom vào khu dân cư xóm Mỹ Khánh. Đợt đầu, chúng ném toàn bom phá, phát quang. Đợt tiếp theo, chúng thả bom bi để tăng độ sát thương. 34 người dân Mỹ Khánh đã bị bom Mĩ sát hại, trong đó gia đình ông Đinh Văn Mão có 7 người thiệt mạng.

Vật chứng tội ác chiến tranh do đế quốc Mĩ gây ra với nhân dân Mỹ Khánh còn lại là trên 10 hố bom lớn rải rác trong xóm mà người dân ngày nay làm ao thả cá và một vỏ bom dài 1,2 m, đường kính 0,5 m, nặng trên 200 kg.

MỸ YÊN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Mỹ Yên là xã miền núi của huyện Đại Từ; nhân dân vốn có truyền thống yêu nước từ lâu đời. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Mỹ Yên là xã An toàn khu, nơi ở và làm việc của nhiều cơ quan Trung ương, các đơn vị quân đội... Quân, dân trong xã đã phối hợp chặt chẽ với Đại đội 10 Vệ quốc đoàn tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947. Nhân dân Mỹ Yên còn đóng góp trên 25 tấn lương thực, hàng vạn cây tre, gỗ, hàng nghìn ngày công, giúp các cơ quan Trung ương và tỉnh đứng chân trên địa bàn; Mười người con ưu tú của Mỹ Yên đã lên đường nhập ngũ, chiến đấu trên các chiến trường.

Với những đóng góp đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28/4/2000, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

MỸ YÊN

Xã miền núi ở khu vực Tây Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Hoàng Nông, ở đây có núi Chúc Cái cao 1.592 m, phía tây nam là dãy Tam Đảo, giáp giới tỉnh Vĩnh Phúc, phía đông nam giáp xã Văn Yên, phía bắc giáp xã Khôi Kỳ, phía đông giáp xã Bình Thuận, Lục Ba.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Mỹ Yên ngày nay thuộc 2 xã An Dã, Mỹ Trạng, tổng Hùng Sơn, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Đầu thế kỷ XX, xã An Dã đổi thành Yên Rã. Những năm 30 của thế kỷ XX đổi thành 2 làng Yên Rã, Mỹ Trạng. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là 2 làng thuộc đại xã Hùng Sơn. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các đại xã, 2 làng này tách khỏi đại xã Hùng Sơn để lập nên xã An Mỹ. Đến năm 1976, đổi thành xã Mỹ Yên.

Diện tích tự nhiên 34 km^2. Dân số (năm 2009) 5.278 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Dao, Tày, Nùng, Sán Dìu, Thái, Mường, Sán

Chay cư trú ở 25 xóm: Kỳ Linh Trong, Kỳ Linh Ngoài, Đồng Khâm, Cao, Chùa, La Yến, Đồng Cháy, Đầm Gành, Đầm Pháng, Trại Cọ, Đồng Cạn, Lò Gạch, Suối Trì, Bắc Hà 1, Bắc Hà 2, Bắc Hà 3, Thuận Yên, Việt Yên, Đồng Phiêng, La Vương, Na Hang, Tân Yên, La Hồng, La Tre, Làng Lớn. Cư dân trong xã chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng và chế biến chè búp khô.

Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Mỹ Yên có 15 địa điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử. Ngày 28/4/2000, xã Mỹ Yên được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*. 3 bà mẹ được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

NA BIỂU

Chùa, được dựng từ xa xưa trên quả đồi cây cối rậm rạp ở xóm Na Biểu, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương. Ngôi chùa xưa làm bằng gỗ, mái lợp cọ, cấu trúc hình vuông, mỗi chiều 3 m, quanh chùa có nhiều cây đa và hai cây thiên tuế cổ thụ. Do không có ai trông nom nên chùa Na Biểu đã sụp đổ cuối những năm 80 của thế kỷ XX và không được dựng lại.

Ngày nay, dấu vết chùa Na Biểu chỉ còn lại nền chùa và một số mảnh bát hương nằm rải rác xung quanh.

NA BIỂU

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Na Biểu, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương; là nơi thờ các vị thành hoàng làng Quý Minh, Cao Sơn đại vương cùng Thanh Minh đại vương và Phù Dung công chúa.

Đình gồm 3 gian có chiều dài 12 m, rộng 7 m, cột gỗ, mái lợp lá cọ, xung quanh và sàn đình bưng gỗ ván. Năm 1989, đình hư hỏng hoàn toàn. Dấu tích ngôi đình xưa, nay chỉ còn nền đình nằm trên sườn đồi và một số tảng đá kê cột đình đường kính 60 cm, nằm rải rác trong khu vực nền đình.

NA CA

Đình, được dựng khoảng đầu thế kỷ XIX, trên một khu đất bằng phẳng thuộc xóm Đồng Mon, xã Đức Lương, huyện Đại Từ. Căn cứ vào vị trí 25 viên đá tảng kê cột đình thấy rằng, đình xưa rất lớn. Trước cửa

đình (hướng đông - bắc) có 4 cây thông lớn. Đình thờ Sơn thần và Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Ngôi đình hiện nay được nhân dân địa phương dựng lại bằng gỗ theo kiểu nhà sàn, với kích thước nhỏ hơn. Đình còn lưu giữ được 2 hòm gỗ đựng sắc phong và đồ lễ; 4 sắc phong (chữ Hán) của 4 đời vua nhà Nguyễn là Tự Đức, Khải Định, Duy Tân và Bảo Đại; 17 quyển sổ ghi chép công việc của đình khi xưa (cũng bằng chữ Hán); 1 con dấu bằng đồng hình vuông, 1 chiêng đồng, 1 trống gỗ và một số quần, áo, mũ, cờ lễ.

Đình Na Ca có 3 lễ hội chính hằng năm theo Âm lịch là: Lễ Đỏ hàng giải ngày 8/2, Lễ Hạ điền ngày 4/5, Lễ Thượng điền 14/7. Trong lễ hội, phần lễ có rước kiệu, dâng lễ cầu khấn thần linh phù hộ cho thời tiết thuận hoà, mùa màng tốt tươi, dân làng bình an, no ấm. Phần hội được đông đảo nhân dân tham gia với các trò hát xướng, tung còn, vật...

NA CHẾ

Đình, được dựng từ lâu đời tại thuộc thôn Na Chế, tổng Tràng Xá, châu Vũ Nhai, nay thuộc xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai.

Hội đình diễn ra vào ngày 11/1 Âm lịch hằng năm với nhiều trò chơi dân gian đặc sắc. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình Na Chế từng là nơi hoạt động của Cứu quốc quân II. Khoảng tháng 11/1947, thời gian diễn ra chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông, khi chuyển từ ATK Định Hoá sang làm việc ở ATK Võ Nhai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nghỉ chân ở đình Na Chế. Cuối tháng 11/1947, đình Na Chế bị giặc Pháp đốt phá, nay không còn dấu tích.

NA CHẾ

Nơi diễn ra trận đánh quân Pháp nhảy dù trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947. Vị trí di tích ở thôn Na Chế, nay thuộc xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai.

Tháng 11/1947, quân Pháp nhảy dù xuống Tràng Xá, mở cuộc càn quét thôn Na Chế nhằm vây bắt cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta. Tổ du kích địa phương gồm 3 người đã đón đường, phục kích và tiêu diệt một tên lính Pháp ở bên bờ suối, bảo vệ an toàn cho cán bộ rút về làng Giang.

NA GIANG

Cầu, bắc qua suối Cầu Giai, trên Tỉnh lộ 262, thuộc địa phận xã Bá Xuyên, thị xã Sông Công. Cầu dài 32,7 m, rộng 5 m; có 1 nhịp giản đơn. Kết cấu nhịp chiều dài 19,2m bê tông cốt thép 19,2m. Kết cấu phần dưới: mố có móng và thân đá xây. Tải trọng H 13-X60, HT 17 tấn.

NA LANG

Nhà thờ, được xây dựng khoảng nửa đầu thế kỷ XX trên 1 quả đồi nhỏ ở thôn Na Lang, xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Công trình xây bằng gạch, lợp ngói móc, bên trong là cột gỗ. Nhà thờ đạo Na Lang có khoảng hơn 30 hộ, 150 người.

Hiện nay, họ đạo Na Lang có khoảng 60 hộ với hơn 400 nhân khẩu.

NA LÃNG

Đình, được dựng từ thời Lê Sơ ở xóm Na Lãng, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương; là nơi thờ thành hoàng làng Quý Minh, Cao Sơn đại vương (hai vị thuộc tướng thời Hùng Vương). Đình Na Lãng bằng gỗ, lợp lá cọ, gồm 3 gian, kích thước 12 m x 7 m.

Năm 1989, ngôi đình bị hư hỏng hoàn toàn. Dấu tích ngôi đình chỉ còn lại nền đình và vài tảng kê chân cột đình bằng đá, đường kính 0,6 m rải rác trên đất đình xưa.

NA LAY

Mỏ đá, nằm trên địa bàn xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, được khai thác từ năm 2010. Theo Quyết định số 1978/QĐ-UB ngày 25/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Doanh nghiệp tư nhân Việt Cường được phép khai thác trên diện tích 6,6 ha, trong thời hạn 23 năm, với trữ lượng 1.022.736 m^3.

NA LẬU

Cầu, được xây dựng tại Km 3+98 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn xã Phủ Lý, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1966; được làm lại năm 2006. Cầu có chiều dài 14 m, rộng 4,5 m, kết cấu bê tông dự ứng lực cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

NA LONG

Hồ chứa nước nhân tạo, hoàn thành xây dựng năm 1979, nằm trên địa bàn xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Diện tích lưu vực 0,4 km².

Hồ Na Long thuộc loại công trình cấp 4. Diện tích tự nhiên của hệ thống: 41 ha. Diện tích tưới, tiêu của hệ thống: 48 ha. Dung tích chết: 210.000 m^3 nước. Dung tích hữu ích 142.10^3 m^3 nước. Dung tích ứng với mực nước dưới trung bình: 0,12.10^6 m^3.

Hồ Na Long có đập dài 80 m, cao 10 m; mặt đập rộng 3 m.

NA MAO

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2002 tại Km 0+10, thuộc địa phận xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai. Cầu dài 40 m, nhịp dài 16+16 m. Mố và trụ cầu được xây bằng đá; dầm cầu làm bằng thép liên hợp bê tông; tải trọng thiết kế H13-X60.

NA MAO

Xã miền núi ở khu vực Tây Bắc huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Yên Lãng, phía tây nam giáp xã Phú Xuyên, phía đông bắc giáp xã Phú Cường, phía nam giáp xã Phú Thịnh. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, Na Mao là 1 xã gồm 3 thôn (Na Mao, Khuôn U, Đần Bông), thuộc tổng Hạ Lãm, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Na Mao đổi là xã Tiến Lên, tháng 9/1948 sáp nhập với xã Cảnh Thịnh (gồm 3 xã Lưu Quang, Đồng Lực và An Lạc) thành một thôn của đại xã Phú Cường. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, thôn Tiến Lên thành xã Thắng Lợi, năm 1967 đổi lại tên là xã Na Mao.

Diện tích tự nhiên 9,12 km². Dân số (năm 2009) 3.094 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Sán Chay, Kinh, Nùng, Tày, Dao, Sán Dìu, Hoa, Mường, Giáy cư trú ở 14 xóm: Văn Minh, Đồng Bản, Đầm Vuông, Nam Thắng, Khuôn U, Đồi, Cầu Hoàn, Cây Lai, Cầu Bất, Ao Soi, Cây Thổ, Minh Thắng, Minh Lợi, Chính Tắc. Cư dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Na Mao có nhiều địa điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử. Một bà mẹ được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

NA MỌN

Nơi ở và làm việc của Cục Bản đồ (1950 - 1954). Vị trí di tích ở xóm Na Mọn thuộc xã Phủ Lý, huyện Phú Lương.

Doanh trại của cơ quan Cục Bản đồ ở ngay chân núi Chúa. Doanh trại gồm nhà chỉ huy, nhà nhân viên, một xưởng vẽ và nhà in ấn, phát hành làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Tại đây, nhiều loại bản đồ từ Chiến dịch Biên giới đến Chiến dịch Điện Biên Phủ đã được in ấn kịp thời, chính xác, phục vụ công tác xây dựng kế hoạch, lãnh đạo, chỉ huy của Bộ Tổng Tư lệnh và các cơ quan tham mưu chiến lược của quân đội.

NA RAN

Nơi ở và làm việc của Cục Quân báo (1947 - 1953). Vị trí di tích ở xóm Na Ran thuộc xã Phủ Lý, huyện Phú Lương. Lãnh đạo Cục ban đầu ở nhà dân, 7 tháng sau chuyển ra ở doanh trại cơ quan. Doanh trại làm bằng tre, nứa, lợp lá cọ gồm 3 khu: Khu nhà chỉ huy, khu nhà làm việc và nơi ở của nhân viên, khu bếp ăn.

Hiện nay, địa điểm di tích Cục Quân báo ở Na Ran còn lại một rừng cây rậm rạp, trong đó có dấu tích của nhiều nền nhà doanh trại và giữa nền nhà chỉ huy Cục, còn một chiếc hầm trú ẩn.

NA THỨC

Đền và chùa, được dựng thời vua Tự Đức (1848 - 1883) trên một quả đồi cao giữa xóm Na Thức, xã Phú Lạc, huyện Đại Từ.

Đền Na Thức (còn gọi là đền Tăng) là nơi thờ Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII) và vua Quang Trung. Đền quay về hướng nam, nhìn thẳng vào núi Vuốt. Phía bắc dựa vào núi cọ, phía tây là dãy Núi Hồng. Đền Na Thức bị phá bỏ trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Khoảng những năm 80 của thế kỷ XX, đền được dựng lại theo kiểu nhà sàn 8 cột, trong đền có 2 bài vị của Dương Tự Minh và Đô đốc Dương Bảo (chưa xác định được nhân thân). Phía sau đền có ngôi chùa quy mô nhỏ, kiến trúc đơn giản theo kiểu nhà sàn.

Năm 2002, đền và chùa Na Thức được tu sửa một số hạng mục bằng gạch và xi măng. Hai bài vị được thay thế bằng hai bức tượng. Hiện nay, đền Na Thức còn có một tấm bia cao 75 cm, rộng 45 cm chép bài kí nói về việc bầu hậu thần đền Na Thức.

Hội đền - chùa Na Thức vào ngày 12/1 Âm lịch hằng năm; trong hội có tổ chức hát giao duyên, tung còn, đá cầu, chọi gà, đánh cờ...

NÀ BO

Đình, xa xưa gọi là đình Quan Lũng, được dựng từ lâu đời tại xóm Nà Bo xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai; là nơi thờ 5 nhân thần: Cao Sơn, Quý Minh, Ca Đông, Linh Hoa Nghè Quắc, Mục Tinh. Đình gồm 5 gian, được dựng bằng gỗ; đã được 10 đạo sắc phong. Hằng năm, lễ hội được tổ chức tại đình vào các ngày 5/4, 4/7, 10/8 và 20/11 Âm lịch.

Đình Nà Bo là nơi làm việc của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt trong những ngày cuối tháng 11/1947. Đến nay, đình đã đổ nát, chỉ còn một số hòn đá tảng kê chân cột.

NÀ DÀO

Hang đá tự nhiên nằm lưng chừng núi, cách mặt đất khoảng 20 m; phía dưới là đồng ruộng của xóm Làng Chẽ, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai. Cửa hang Nà Dào hình vòng cung, cao 2 m, rộng từ 8 đến 10 m. Đi sâu vào trong khoảng 15 m, có một lối xuống sâu khoảng 5 m. Trong hang có nhiều nhũ đá hình thù khác nhau trông rất đẹp. Tiếp tục đi sâu vào trong lòng hang, có đường thông qua núi tới Làng Dồn.

NÀ DÂU

Suối, nhánh phía tây của sông Đu, được tạo bởi hai nhánh. Nhánh thứ nhất, bắt nguồn từ vùng núi rừng khu vực phía bắc xã Yên Trạch, chảy dọc theo hướng bắc - nam, đi qua địa phận các xã Yên Trạch, Yên Đổ, Phủ Lý (huyện Phú Lương). Nhánh thứ hai, bắt nguồn từ vùng rừng núi xã Phúc Lương (huyện Đại Từ), theo hướng tây - đông đi qua địa phận các xã Hợp Thành, Ôn Lương (huyện Phú Lương). Hai nhánh suối hợp lưu ở phía tây bắc xã Phủ Lý, nơi giáp ranh xã Ôn Lương, rồi chảy qua Động Đạt, nhập vào sông Đu tại thị trấn Đu.

NÀ ĐÔNG

Đình, được dựng từ lâu đời trên một khu đất cao ở giữa cánh đồng thuộc xóm Nà Đông, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai. Lễ hội được tổ chức tại đình vào các tháng 1, 4, 8 và 11 Âm lịch; ngày 1/7 Âm lịch, dân làng tổ chức lễ hội cầu mưa thuận, gió hoà, mùa màng tốt tươi.

Trong những năm kháng chiến chống Mĩ, đình Nà Đông trở thành lớp học. Dấu tích ngôi đình xưa, nay chỉ còn một số hòn đá tảng kê chân cột.

NÀ KHÁO

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Sa Khao, ở xóm Nà Kháo, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Theo tiếng Tày, hang có tên là Phyia Khao, nghĩa là núi đá trắng. Hang dài 4.000 m, rộng từ 5 m đến 40 m với nhiều nhũ đá rất đẹp, có nước ngầm chảy trong hang. Diện tích hang khoảng 80.000 m², là hang động lớn nhất đã phát hiện được ở Võ Nhai. Đi hết chiều dài của hang sẽ sang tới xã Vũ Chấn.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), hang Nà Kháo là cơ sở hoạt động bí mật của du kích Bắc Sơn - Võ Nhai. Trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, hang là kho lương thực lớn, nơi tập kết lương thực để chi viện cho tiền tuyến.

NÀ KHÁO

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Nà Kháo thuộc địa phận xóm Nà Kháo, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, có chiều dài 3 km; đảm bảo cung cấp nước tưới cho 100 ha đất canh tác.

NÀ LẸNG

Nơi dựng Hội trường Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh (1947 - 1954). Vị trí di tích ở xóm Nà Lẹng thuộc xã Thanh Định, huyện Định Hóa. Hội trường được dựng trong một rừng cây rậm rạp (gồm 7 gian, hai tầng, 8 mái) là nơi làm việc, hội họp của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh. Năm 1953, tại Hội trường này, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh đã cho bộ đội xây dựng sa bàn một tập đoàn cứ điểm bằng cát trên nền một gian nhà để huấn luyện chỉ huy các đơn vị, diễn tập đánh địch trong tập đoàn cứ điểm có công sự vững chắc.

NÀ LOM

Nơi diễn ra trận phục kích địch từ Đình Cả lên giải vây cho đồng bọn ở bốt Quang Thái (11/1944); kết quả, Cứu quốc quân đã thu được một số vũ khí. Vị trí di tích ở Nà Lom, còn gọi là Nà Noong thuộc xóm Nà Kháo, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

NÀ LỌM

Nơi tổ chức Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp - Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam. Buổi lễ được tổ chức ngày 28/5/1948 trong một căn nhà bằng gỗ, phên nứa, lợp tranh, cạnh bờ một con suối lớn thuộc bản Nà Lọm, xã Lục Rã (Phú Đình), huyện Định Hóa.

NÀ MẠT

Hồ chứa nước nhân tạo, được khởi công xây dựng năm 1967 ở xã Ôn Lương, huyện Phú Lương; hoàn thành năm 1969.

Hồ Nà Mạt có cao trình đỉnh đập + 65,5 m, chiều cao đập 16,5 m, chiều dài đập 100 m, chiều rộng đỉnh đập 4 m; có tràn xả lũ cao trình ngưỡng tràn 63,8 m, chiều dài đường tràn 55 m. Hồ có diện tích lưu vực 1,5 km^2, chiều dài suối chính 1,6 km, độ dốc lưu vực 39%, dung tích hữu ích 338.700 m^3.

Theo thiết kế, hồ Nà Mạt có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho 95 ha lúa của xã Ôn Lương; phòng, chống quét cho khu vực hạ lưu và có thể chăn thả cá làm nguồn thức ăn cho người dân địa phương và vùng lân cận. Tuy nhiên, do chưa được hoàn thiện nên tới nay hồ Nà Mạt mới chỉ cung cấp nước đủ cho 60 ha lúa 2 vụ của xã Ôn Lương.

NÀ MÒN

Đồi, nơi ở, làm việc của Tổng Bí thư Trường Chinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp; thuộc xóm Đồng Hoàng, xã Phú Đình, huyện Định Hóa.

Trong những năm từ 1948 đến 1954, đồi Nà Mòn là nơi ở, làm việc của đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (từ 1951 là Đảng Lao động Việt Nam). Cùng ở Nà Mòn, còn có cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng. Nà Mòn là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng (từ 1951 là Bộ Chính

trị) và nhiều cán bộ cao cấp của Đảng đã tới hội họp; nơi ra đời nhiều chủ trương, quyết sách quan trọng của Đảng để lãnh đạo kháng chiến, kiến quốc thắng lợi.

Ngày nay, ngôi nhà sàn, nơi ở và làm việc của Tổng Bí thư Trường Chinh tại đồi Nà Mòn đã được Nhà nước phục hồi, tôn tạo.

NÀ NGÙN

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Nà Khù, nằm trong dãy núi đá vôi thuộc xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai; cách hang Phiêng Tung khoảng 500 m theo đường chim bay về hướng đông bắc.

Hang Nà Ngùn ở độ cao khoảng 80 m so với chân núi, cửa hang nhìn về phía đông, đường lên hang lởm chởm đá tai mèo. Hang có 2 tầng, tầng trên thụt vào phía trong trông tựa như chiếc gác lửng. Tầng dưới có tảng đá lớn nằm trên mặt nền. Tầng hai ở độ cao khoảng 10 m, chiều rộng 13 m, người lên tầng này khá dễ khi đi trên những tảng đá lớn ở nền hang.

Hang Nà Ngùn đã được các nhà khảo cổ học tiến hành đào thám sát. Kết quả thu được 102 di vật, gồm công cụ chặt có rìa lưỡi ở một đầu, công cụ chặt bổ dọc trước khi tạo lưỡi ở rìa ngang, công cụ nạo, công cụ mảnh tước, hòn cuội và phế liệu. Hang Nà Ngùn được xác định là một địa điểm thuộc Văn hóa Sơn Vi, có niên đại vào khoảng thời đại đồ đá giữa.

NÀ PẶNG

Nơi đặt xưởng quân giới của Bộ Quốc phòng (1947 - 1950). Vị trí di tích ở xóm Nà Pặng thuộc xã Ôn Lương, huyện Phú Lương.

Xưởng quân giới gồm có các nhà xưởng, nhà chỉ huy, nhà kho, bếp ăn đều làm bằng gỗ, tre, nứa, lá cọ ẩn trong rừng cây. Xưởng có trên 30 cán bộ, công nhân chuyên sản xuất lựu đạn, mìn đĩa, mìn muỗi, địa lôi... và sửa chữa súng bộ binh phục vụ quân đội. Nơi đặt xưởng quân giới trước đây, nay một phần là rừng cây khá rậm, một phần là vườn đồi của nhà dân; dấu tích chỉ còn một số nền nhà và một hố sâu, dài 4 m, rộng 3 m.

NÀ TẤC

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 2005 ở xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa. Diện tích lưu vực của hồ là 2,7 km², đập chính dài 86 m, cao 25 m, điều tiết nước tưới cho 140 ha hoa màu của hai xã Lam Vỹ và Tân Thịnh.

NÀ TẨM

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại Km 12+106 - Tỉnh lộ 264B, thuộc địa bàn xã Phú Đình, huyện Định Hóa. Cầu kết cấu dạng nhịp dầm đơn bê tông cốt thép; sơ đồ bố trí nhịp 15+18+15; dạng kết cấu mố trụ móng U, DX. Cầu dài 57,2 m, rộng 4 m; tải trọng thiết kế H13-X60. Tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

NAM HÒA

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp xã Văn Hán, phía đông giáp xã Cây Thị, thị trấn Trại Cau và xã Tân Lợi, phía nam giáp các xã Đồng Liên và Bàn Đạt (huyện Phú Bình); phía tây giáp các xã Huống Thượng, Linh Sơn, phía tây bắc giáp một phần xã Khe Mo.

Diện tích tự nhiên 24,75 km². Dân số (năm 2009) 9.354 người, thuộc 12 thành phần dân tộc: Sán Dìu, Kinh, Nùng, Tày, Dao, Sán Chay, Thái, Mường, Giáy, Hoa, Mông và Bru Vân Kiều cư trú ở 22 xóm: Ao Sen, Ba Cóc, Bờ Suối, Cầu Đất, Chí Son, Con Phượng, Đầm Cỏ, Đầm Diền, Đầm Ninh, Đồng Chắn, Đồng Mỏ, Gò Trẹo, Gốc Thị, Mỹ Lập, Na Quán, Na Tranh, Quang Minh, Quang Trung, Trại Gai, Trại Giáo, Trung Lợi và Xóm Mới. Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông - lâm nghiệp.

NAM HỒNG

Nơi thành lập Đội quân Bắc Phi độc lập (1949 - 1950). Vị trí di tích ở xóm Nam Hồng, xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Những năm 1948 - 1950, một số binh lính trong quân đội viễn chinh Pháp đã bỏ hàng ngũ, chạy sang ta. Hơn 20 người lính thuộc quốc tịch các nước Angiêri, Tuynidi, Marốc... là hàng binh đã được đưa về xã Tân Cương để thành lập Đội quân Bắc Phi độc lập (DINA) làm nhiệm vụ binh vận.

Đầu năm 1949 (chưa xác định được ngày cụ thể), Đội làm lễ ra mắt tại xóm Nam Hồng, với sự có mặt của đại diện Cục Chính trị Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam, Tỉnh uỷ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên và nhân dân xã Tân Cương. Sau lễ ra mắt, Đội đã đi vào những nơi quân Pháp đóng làm công tác binh vận, lập nhiều chiến

công, lôi kéo được nhiều binh lính người Bắc Phi trong quân đội viễn chinh Pháp sang hàng ngũ Việt Nam kháng chiến. Sau Chiến dịch Biên giới (1950), Đội giải thể.

NAM KHẮC KIỆM

Mỏ vàng sa khoáng, nằm trên địa bàn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 10 ha, trữ lượng 107.969 m^3 quặng nguyên khai, công suất thiết kế 10.000 m^3 quặng nguyên khai/năm. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Thăng Long được khai thác mỏ trong thời hạn 12 năm theo Giấy phép số 2953/GP-UBND, ngày 7/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NAM PHƯƠNG HỒ NÚI CỐC

Khu Du lịch, đặt tại xóm Đồi Chè, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên, do Công ty Cổ phần du lịch Nam Phương Hồ Núi Cốc quản lí. Toàn Khu có diện tích gần 10 ha được đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái. Trong đó, gần 5 ha diện tích đất lâm nghiệp đã được phủ kín bởi một mầu xanh của cây rừng nhiều năm tuổi; diện tích dịch vụ bám mặt hồ trên 2 ha.

NAM SƠN

Nhà thờ Giáo họ, được dựng năm 1940, bằng tre, nứa, mái lợp lá cọ, tại xóm Nam Sơn, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ.

Năm 1960, Nhà thờ Giáo họ Nam Sơn được xây dựng lại bằng gạch. Từ thời điểm này, sinh hoạt tại nhà thờ có 55 hộ Công giáo. Năm 2002, Nhà thờ được phá dỡ và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho phép xây dựng lại, đến nay chưa hoàn thành.

Nhà thờ Giáo họ Nam Sơn hiện nay có 148 hộ, với 780 tín đồ cư trú tại xóm Nam Sơn và xã Cây Thị.

NAM TIỀN

Suối, bắt nguồn từ xóm Nam Tiền (xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên), chảy theo hướng tây bắc - đông nam rồi hợp lưu với suối Tân Long đổ ra sông Cầu.Suối Nam Tiền có độ dài hơn 5 km chảy men theo những dãy đồi và có tác dụng tiêu thoát nước cho vùng đất Tây Bắc xã Phúc Hà, 1/3 diện tích tự nhiên xã An Khánh (huyện Đại Từ) và vùng phía nam phường Tân Long (thành phố Thái Nguyên).

Dọc hai bờ suối Nam Tiền là vùng đồi núi đã bị phá trọc, tán rừng che phủ chỉ còn dưới 20%. Do đó, khi mưa xuống, nhất là những trận mưa có lưu lượng từ 50 mm trở lên, mực nước ở lòng suối dâng lên rất nhanh, trong một giờ có thể dâng cao lên đến 1,2 m, người hai bên bờ không thể qua lại. Song do độ dốc tương đối lớn (bình quân trên 2%) lòng suối rộng, nên khi mưa chấm dứt, mực nước cũng rút nhanh, khoảng 2 giờ lòng suối lại cạn, có thể lội qua được.

NAM TIẾN

Xã thuộc huyện Phổ Yên, được thành lập trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953), gồm các làng Thông Hạc và Hoàng Đàm của xã Đồng Tiến (Đồng Tiến là xã thành lập đầu năm 1946 trên cơ sở sáp nhập các làng Hoàng Đàm, Thông Hạc, Cốt Ngạnh, Thanh Thù, Đại Hữu, Sơn Cốt, Đắc Hiền của tổng Hoàng Đàm, thuộc huyện Phổ Yên).

Sau khi thành lập, địa danh và địa giới xã Nam Tiến luôn ổn định; phía đông giáp xã Tân Hương, phía tây giáp 2 xã Vạn Phái và Đắc Sơn, phía nam giáp 2 xã Tân Hương và Trung Thành, phía bắc giáp xã (nay là phường) Đồng Tiến và thị trấn (nay là phường) Ba Hàng. Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009, toàn xã có 6.764 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Mường, Sán Dìu, Dao, Thái, Hoa cư trú ở 11 xóm: Đồi, Lò, Hạ, Giữa, Hộ Sơn, Trường Thịnh, Chùa, Đình, Núi 1, Núi 2, Trại.

NAM VIỆT

Công ty Cổ phần, hoạt động từ năm 2003. Trụ sở tại Khối phố 2, phường Phố Cò, thị xã Sông Công.

Công ty chuyên sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm; thị trường tiêu thụ trên khắp các tỉnh miền Bắc và một số tỉnh ở Bắc Trung Bộ. Từ 30 cán bộ, công nhân lúc mới thành lập, đến nay đã tăng lên khoảng 220 - 240 người; sản phẩm đạt bình quân 300 tấn/tháng lúc mới thành lập, đã tăng lên 7.000 - 8.000 tấn/tháng; mức lương bình quân đạt 3,8 triệu đồng/người/tháng.

NĂM NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1917, dân tộc Kinh, quê xã Tiên Hội, huyện Đại Từ.

Mẹ có 3 con con hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Nguyễn Hữu Nghị (nhập ngũ tháng 2/1964, hi sinh ngày 15/5/1969), Nguyễn Xuân Thủy (nhập ngũ tháng 2/1964, hi sinh ngày 15/3/1969), Nguyễn Mai Duy (nhập ngũ tháng 5/1968, hi sinh ngày 27/3/1975).

Ngày 24/4/1995, mẹ Nguyễn Thị Năm đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

NẢN

Núi đá vôi, thuộc địa bàn xã Bảo Cường (nên còn được gọi là núi Bảo Cường) nằm giáp thị trấn Chợ Chu, có ngọn cao 454 m, toạ độ: 21°53' vĩ Bắc và 105°40' kinh Đông, thuộc dãy núi cánh cung sông Gâm.

Do hiện tượng cácxtơ nên núi Nản có nhiều hang động. Trong đó, hang nơi đặt Chùa là hang nổi tiếng, cao hàng chục mét và sâu vào lòng núi hàng trăm mét. Từ miệng hang ở trên cao (cửa chùa), có thể nhìn bao quát toàn thị trấn huyện lị Định Hoá. Trong chiến tranh, hang đã được dùng làm nơi trú ẩn để tránh bom đạn giặc Mỹ.

NÀNG BJOÓC RỒM

Truyện cổ tích dân tộc Tày, vùng Định Hoá:

Ngày xưa có hai vợ chồng nghèo khổ sinh được một người con gái xinh đẹp, đặt tên là Bjoóc Rồm. Càng lớn, người con của họ càng xinh đẹp. Mẹ Bjoóc Rồm mất khi cô 9 tuổi. Bố Bjoóc Rồm lấy mụ vợ kế độc ác, sinh thêm được 8 người con. Mụ mẹ kế đầy đoạ con riêng của chồng không thương tiếc và tìm kế giết hại cô. Một hôm, mụ vờ ốm nặng rồi thông đồng với tên thầy bói vu cho Bjoóc Rồm là con ma ác và ép chồng giết con gái riêng. Ông bố thương con, kể cho con biết. Thương bố, thương các em, Bjoóc Rồm bảo bố cứ giết mình đi. Hai bố con đi vào rừng sâu. Lúc ông bố giơ dao định giết nàng thì con chó vàng chạy tới ngẩng cổ có ý ông hãy giết nó chứ đừng giết nàng. Ông bố giết chết chó vàng, lấy gan mang về, để Bjoóc Rồm ở lại trong rừng.

Trong một giấc mơ, Bjoóc Rồm được mẹ chỉ cho cây thuốc quý, nàng lấy thuốc cứu sống được con chó vàng yêu quý. Lần ấy, chàng hoàng tử con vua đi săn lạc vào cánh rừng nơi nàng ở. Nghe thấy tiếng hát lượn

nghẹn ngào chứa chan, hoàng tử tìm gặp được nàng. Họ quấn quýt bên nhau và hẹn ngày gặp lại.

Trên đường về, hoàng tử sập bẫy bị thương. Biết tin, nàng về đến Kinh đô thì Hoàng tử đã mất. Bjoóc Rồm lấy thuốc quý cứu hoàng tử sống lại nhưng chàng không nhận ra nàng vì nàng đã hoá trang. Sau đó, hoàng tử vào rừng tìm gặp Bjoóc Rồm và đón nàng về kinh xin vua cha cho làm lễ cưới. Khi hoàng tử kế vị ngôi vua, nàng trở thành hoàng hậu đáng kính. Mụ dì ghẻ biết tin sợ quá lăn ra chết. Bjoóc Rồm đón bố và các em về đoàn tụ chốn kinh đô.

NGA NGUYỄN VĂN (Đã mất)

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nguyên Hiệu trưởng Trường Bổ túc văn hoá tỉnh Bắc Thái.

Năm 1945, ông là cán bộ Bình dân học vụ xã Văn Hội; từ năm 1946 đến năm 1948, dạy học tại các trường La Ngoại (huyện Thanh Miện) và Phù Tài (huyện Ninh Giang) tỉnh Hải Dương; năm 1950, được phân công công tác dạy học tại Trường Phổ thông cấp 3 Lương Ngọc Quyến (Thái Nguyên); năm 1952, là giáo viên Trường Phổ thông cấp 2 Ngô Quyền (Thái Nguyên); năm 1954, tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ; năm 1955, là Cán sự Giáo dục huyện Đại Từ (Thái Nguyên); từ năm 1956 đến năm 1970, là giáo viên Trường Bổ túc văn hoá cán bộ Khu Tự trị Việt Bắc và Hiệu trưởng Trường Bổ túc văn hoá cán bộ tỉnh Bắc Thái; từ năm 1970 đến năm 1972, được bầu làm Thư ký Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái; từ năm 1972 đến năm 1982, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Bổ túc cán bộ văn hoá tỉnh Bắc Thái.

Nhà giáo Nguyễn Văn Nga đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*, *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất* và *Huân chương Lao động hạng Ba*...

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1992.

NGA MY

Chùa, tên chữ là Khánh Long tự, thuộc cụm di tích lịch sử văn hoá đình - chùa Nga My ở xóm Nga My, xã Nga My, huyện Phú Bình.

Hiện nay di tích chùa Nga My còn lưu giữ được một số hiện vật có giá trị lịch sử văn hoá, gồm: 1 cây hương đá, 24 pho tượng và nhiều đồ thờ. Lễ hội chính tổ chức tại đình vào ngày 12/10 Âm lịch hằng năm.

Cụm di tích đình - chùa Nga My được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 3050/QĐ-UB, ngày 14/12/2010.

NGA MY

Đình, thuộc Di tích lịch sử văn hoá đình - chùa Nga My ở xóm Nga My, xã Nga My, huyện Phú Bình; là nơi thờ các vị thần Cao Sơn, Quý Minh, công chúa Triều Dương và công chúa Diên Bình. Đình được xây dựng lại vào năm 1994 trên nền đất cũ ở sườn đồi. Cách đình khoảng 50 m về phía tây bắc là chùa Nga My cũng nằm trong khuôn viên đình.

Hiện nay di tích đình - chùa Nga My còn lưu giữ được một số hiện vật và di vật có giá trị, gồm: 13 đạo sắc phong (vào các thời vua Thiệu Trị, vua Tự Đức, vua Duy Tân, vua Khải Định), 2 câu đối, 1 ngai, 1 mũ ngai, 4 bức tranh gỗ cổ, 1 đại tự, 1 bình hương cổ chất liệu gốm, 1 bộ kiệu bát cống, 1 án gian thờ, 1 cây quán tẩy, 28 cây cột đá, 1 bát hương cổ, 3 bia đá.

Đình Nga My được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 3050/QĐ-UB, ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NGA MY

Xã trung du, ở khu vực phía Tây huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Điềm Thuỵ và xã Úc Kỳ, phía nam giáp xã Hà Châu, phía tây giáp xã Hồng Tiến (huyện Phổ Yên), phía đông giáp xã Xuân Phương, xã Kha Sơn (huyện Phú Bình) và huyện Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang). Địa hình xã thấp dần từ bắc xuống nam.

Diện tích tự nhiên 12,422 km². Dân số (năm 2009) 9.550 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Dao, Sán Dìu cư trú ở 26 xóm: Trại, Điếm, Nghể, Đò, Dinh A, Dinh B, Dinh C, Diệm Dương, Núi, Quán Chè, Trại An Cầu, Ngọc Thượng, Ngọc Hạ Cũ, Cầu Cát, Thái Hoà, Làng Nội, Đại Dần, Đồng Hoà, Tam Xuân, Ba Tầng, Đình Dần, Núi Ngọc, Phú Xuân, Bờ Trực, Kén.. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Xã Nga My có nhiều di tích lịch sử văn hoá. Đình - chùa Nga My và quần thể di tích đình - chùa, văn chỉ làng An Châu đã được xếp hạng.

Năm 1947, đình An Châu được dùng làm địa điểm làm việc, hội họp của cơ quan Bộ Tài Chính, là nơi cất giữ lương thực, vũ khí của quân đội ta.

NGÀ

Cầu, được xây dựng tại Km 102+8 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Đổ, huyện Phú Lương. Cầu được đưa vào sử dụng từ năm 1968, có chiều dài 7 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố đá xây, có tải trọng H10.

NGÁI

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, được tách ra từ thành phần dân tộc Hoa và năm 1979 đưa vào danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam.

Vào năm 1989, dân tộc Ngái ở Thái Nguyên có 404 người; đến năm 2009 tăng lên 495 người, sinh sống phân tán, xen kẽ với các dân tộc khác ở các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên. Dân số dân tộc Ngái tăng chậm do sự chuyển cư của họ từ tỉnh này đến tỉnh khác.

Đa số người Ngái sống ở nông thôn, lấy sản xuất nông nghiệp làm nguồn sống chính. Họ canh tác ruộng nước, soi bãi và vườn đồi, chủ yếu trồng các loại cây lương thực. Người Ngái rất giỏi buôn bán và làm dịch vụ. Ngay ở khu vực nông thôn, từ khi kinh tế hàng hoá chưa phát triển, người Ngái đã có những chuyến buôn bán đường dài vào các dịp nông nhàn với các mặt hàng lâm, thổ sản, đường phên, mật mía, thuốc đông nam dược. Do đặc điểm cư trú, người Ngái không có thôn trại riêng, nên không có tổ chức sơ sở xã hội của dân tộc mình; họ phụ thuộc nhiều vào tổ chức xã hội của các dân tộc lân cận.

NGÀN ME

Rừng, thuộc xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ, có diện tích 583,6 ha trong tổng số 969,13 ha rừng toàn xã (chiếm 60,2%). Đây là rừng nguyên sinh, khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn có nhiều loại gỗ quý, mang lại nhiều nguồn lợi về kinh tế - xã hội. Rừng đầu nguồn Ngàn Me còn có giá trị giữ nguồn nước tự nhiên phục vụ sản xuất nông nghiệp, đây là nguồn sống chính của nhân dân trong xã.

Rừng đầu nguồn Ngàn Me đã bị Công ty gỗ ván dăm phá khoảng 300 ha để lấy đất trồng rừng nguyên liệu (keo và bạch đàn).

Từ sau khi khu rừng bị tàn phá, nguồn nước tự nhiên gần như đã cạn kiệt, hoa màu thường xuyên bị khô hạn vì không có nước tưới; ngược lại, có những lúc cơn lũ bất thường xảy ra, cây trồng gần như mất trắng.

NGÁT NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Kinh, quê Làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai. Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Ngát được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 841-KT/CTN ngày 24/4/1996 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

NGẮN NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1922, dân tộc Kinh, quê tỉnh Thái Bình; trú quán tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ.

Mẹ có 2 con liệt sĩ, hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Trần Đức Tuệ (nhập ngũ tháng 1/1966, hi sinh ngày 20/6/1969), Trần Đức Thế (nhập ngũ tháng 8/1969, hi sinh ngày 21/7/1970).

Ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Nguyễn Thị Ngắn danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NGẦM

Cầu, được xây dựng năm 2008, trên tuyến Tỉnh lộ 269C, thuộc địa phận xã Tân Khánh, huyện Phú Bình. Cầu dài 30 m, bề rộng toàn cầu 4 m, bề rộng cho xe chạy 3,5 m, chiều dài nhịp cầu 26 m; tải trọng 30 tấn.

NGẦM TRÀN

Cầu tràn, kết cấu bằng đá, xây bê tông, có chiều dài 70 m nối liền xã Bình Sơn (thị xã Sông Công) với xã Thịnh Đức (thành phố Thái Nguyên).

NGÂN PHẠM THANH

Thượng tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1939, dân tộc Kinh, quê xã Lương Phú, huyện Phú Bình.

Cư trú tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; nhập ngũ tháng 3/1959, nguyên chiến sĩ lái máy bay, Biên đội trưởng, Phi đội trưởng, Trung đoàn trưởng, Sư đoàn trưởng, Phó Tư lệnh, Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Ủy viên Trung ương Đảng; Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ năm 1966 đến năm 1968, đồng chí Phạm Thanh Ngân đã trực tiếp chiến đấu, bắn rơi 8 máy bay Mĩ (gồm 3 máy bay F4, 2 máy bay F105, 1 máy bay RF101, 1 máy bay F102 và 1 máy bay không người lái; năm 1966 bắn rơi 1 chiếc, năm 1967 bắn rơi 6 chiếc và năm 1968 bắn rơi 1 chiếc). Ngoài ra, đồng chí Phạm Thanh Ngân còn chỉ huy biên đội bắn rơi 8 máy bay khác của địch; được tặng thưởng 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*, 4 *Huân chương Chiến công* (1 *hạng Nhất*, 1 *hạng Nhì*, 2 *hạng Ba*).

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, ngày 18/6/1969, đồng chí Phạm Thanh Ngân được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

NGHẾCH VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1922; quê xã Tân Kim, huyện Phú Bình. Mẹ Vũ Thị Nghếch có con độc nhất là liệt sĩ Lê Duy Ký, hi sinh ngày 8/3/1971 tại mặt trận phía Nam.

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Vũ Thị Nghếch danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NGHÊNH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, quê xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; thường trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Nghênh có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là liệt sĩ Ngô Viết Dưỡng (nhập ngũ năm 1968, hi sinh tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Nghênh danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NGHÊNH PHÚC

Chùa, tên chữ là Nghênh Phúc tự, có từ lâu đời ở làng Phù Lôi thuộc tổng Thượng Giã, nay thuộc xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên. Trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947), chùa Nghênh Phúc là nơi đóng quân của Vệ quốc đoàn, nơi đặt công binh xưởng làm vũ khí (dao, kiếm, lựu đạn...) cho bộ đội ta. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, chùa bị phá huỷ, các đồ thờ tự đều bị phân tán hết, chỉ còn một quả chuông đồng khắc chữ Hán về việc công đức xây dựng lại chùa năm Minh Mạng thứ 11 (1830). Quả chuông hiện vẫn được treo ở cổng chùa mới. Năm 1990, chùa Nghênh Phúc được xây dựng lại trên nền chùa cũ.

NGHĨA HƯƠNG

Tổng, thuộc phủ Phổ Yên từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945.

Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin Hà Nội ấn hành năm 1999, tổng Nghĩa Hương gồm 5 làng xã, 10 thôn, 1 xóm. Trong đó, làng Cầu Đông có 4 thôn: Ấm, Diện, Làng Giữa, Làng Chùa; 1 xóm: Phố; làng Vân Dương Thượng có 3 thôn: Đông Tỉnh, Viên Ngoại, Làng Trung; làng Vân Dương Hạ có 3 thôn: Mới, Làng Hắng, Làng Hanh; làng Cống Thượng; làng An (Yên) Mễ.

NGHIỆM ĐẶNG

Hiệu là An Việt Trúc Khê, là bạn của danh nhân Vũ Quỳnh. Chưa xác định được năm sinh, năm mất, quê quán, thân thế sự nghiệp của ông. Vào năm Hồng Đức thứ 28 (1497), Đặng Nghiệm đến du ngoạn chùa Hang - động Tiên Lữ. Cảm xúc trước thiên nhiên hùng vĩ, không khí u tịch thiêng liêng nơi đây, ông đã sáng tác và cho khắc vào vách động hai bài thơ, một bài thơ chữ Hán và một bài thơ chữ Nôm. Bài thơ chữ Hán có tựa đề *Tiên Lữ động lưu đề*.

Cùng với Vũ Quỳnh, Đặng Nghiệm là những tác giả đầu tiên có sáng tác thi ca ca ngợi non nước Thái Nguyên.

NGHIÊN HOÀNG VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1939, dân tộc Nùng, quê xã Ngũ Lão, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng, trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Đồng chí Hoàng Văn Nghiên nhập ngũ năm 1962, vào Đảng ngày 7/2/1967. Là một chiến sĩ Công binh trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đồng chí đã nêu cao tinh thần vì nước, vượt lên mọi khó khăn, thách thức, dũng cảm lao vào dòng thác lũ, phá đá mở tuyến vận tải đường sông ở chiến trường Khu 5, Tây Nguyên. Đồng chí đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhất*, 3 *Huân chương Chiến công* (2 hạng Nhất, 1 hạng Ba), 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (Nhất, Nhì, Ba), 2 *Huân chương Chiến sĩ giải phóng* (hạng Nhì, Ba).

Do lập được nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc, ngày 1/1/1967, đồng chí Hoàng Văn Nghiên đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

NGHIỆP NÔNG THÁI

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, sinh năm 1942; dân tộc Tày, quê xã Dương Quang, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; trú quán phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1965; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1970, Chủ tịch Hội đồng nhân dân (5/1997 - 12/1999); Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên (đại biểu Quốc hội khoá IX (1992 - 1997), khoá X (1997 - 2002).

Đồng chí đã được tặng thưởng 2 *Huân chương Lao động (Nhì, Ba), Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất.*

NGHINH TÁC

Đình, được dựng vào đầu thế kỷ XX; qua nhiều lần dịch chuyển vị trí, lần cuối đặt tại xóm Nghinh Tác, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai. Đình được làm bằng gỗ, gồm 7 gian, 48 cột chạm trổ hoa văn, rồng phượng, xung quanh có cửa bích bàn và sàn bằng gỗ. Khoảng năm 1954, đình Nghinh Tác bị hư hỏng hoàn toàn.

NGHINH TƯỜNG

Sông, bắt nguồn từ những dãy núi của vòng cung Bắc Sơn (Lạng Sơn), chảy qua một vùng núi đá vôi hiểm trở thuộc các xã Sảng Mộc, Nghinh Tường, Thượng Nung, Thần Sa rồi đổ ra sông Cầu. Sông Nghinh Tường có chiều dài 46 km, diện tích lưu vực 465 km^2, độ cao trung bình của lưu vực 290 m, cao nhất trong các phụ lưu của sông Cầu. Do độ dốc lòng sông rất lớn, chảy men theo các dãy núi đá vôi hiểm trở nên những khi

mưa lớn, nước thượng nguồn đổ về nhanh, dễ gây ra lũ lớn và ngập úng cục bộ, ảnh hưởng tới đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Sông Nghinh Tường cùng các suối nhỏ là nguồn cung cấp nước tưới cho các cánh đồng 6 xã phía bắc huyện Võ Nhai.

NGHINH TƯỜNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai. Tháng 12/1949, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 224/TTg, cắt thôn Sảng Mộc, từ xã Yên Hân, huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Cạn) sáp nhập vào xã Nghinh Tường. Dân số (1954) có 1.536 người thuộc 3 thành phần dân tộc: Tày, Dao, Kinh.

Sau giảm tô (1953), xã Nghinh Tường chia thành 2 xã: Nghinh Tường và Sảng Mộc.

NGHINH TƯỜNG

Xã vùng cao, thuộc khu vực phía bắc huyện Võ Nhai; phía đông giáp xã Tân Tri (huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn), phía tây giáp xã Sảng Mộc, Vũ Chấn (huyện Võ Nhai), phía nam giáp xã Phú Thượng, phía bắc giáp xã Liêm Thuỷ (Na Rì, Bắc Kạn) và xã Tân Hoà (huyện Bình Gia, Lạng Sơn).

Diện tích tự nhiên 84,2965 km^3. Dân số (năm 2009) 2.795 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường cư trú trong 11 xóm: Na Hấu, Bản Nhàu, Thâm Thạo, Bản Trang, Bản Na, Bản Rãi, Nà Giàm, Nà Lẹng, Bản Cái, Thượng Lương, Hạ Lương. Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi, trong đó cao nhất là núi Khau Nao (888 m so với mực nước biển). Sông Nghinh Tường là con sông lớn nhất vùng phía Bắc huyện Võ Nhai, chảy qua xã Nghinh Tường. Rừng Nghinh Tường còn nhiều gỗ quý như đinh, nghiến, găng bầu...

NGOÀI TRANH

Đền, được dựng năm 1930, trên một gò đất cao gần bờ sông Cầu, thuộc xóm Ngoài Tranh, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương; là nơi thờ ba nhân thần: công chúa Quỳnh Hoa (Hoàng Thị Mai), công chúa Ngọc Long (Hoàng Thị Cúc), công chúa Tề Hoa (Hoàng Thị Vân).

Đền cấu trúc theo kiểu chữ ĐINH, gồm 2 gian tiền tế, liền phía sau là gian hậu cung. Nhà tiền tế dài 7 m, rộng 5 m, tường xây bằng gạch nung, để 2 cửa thông 2 đầu. Hai bên cửa có hai bức tranh tượng ông Thiện và

ông Ác. Hậu cung dài 4,5 m, rộng 4 m. Dưới bàn thờ trong hậu cung có bức tranh ông Hổ.

Vào ngày 1 và 15 âm lịch hằng tháng, nhân dân địa phương thường đến thắp hương tại đền.

NGOẠI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Ngoại có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Vượng (nhập ngũ tháng 3/1960, hi sinh ngày 22/12/1973 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Ngoại danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NGỌC LÂM

Cầu phao, bắc qua sông Cầu, nối liền xóm Ngọc Lâm thuộc xã Linh Sơn (huyện Đồng Hỷ) với xóm Oánh thuộc phường Túc Duyên (thành phố Thái Nguyên). Nơi đây, thời xưa là bến đò ngang, chủ yếu chở người và hàng nông sản từ Linh Sơn sang thị xã Thái Nguyên để bán.

Năm 2003, nhân dân xóm Ngọc Lâm đã cùng nhau đóng góp công sức, tiền của làm cầu phao bắc qua sông. Cầu dài 135 m, rộng gần 2 m; mặt cầu lát ván; người và các loại xe máy, xe đạp qua lại dễ dàng. Hằng năm, cầu thường xuyên được sửa chữa, thay thế những tấm ván mục nát.

Hiện nay, tại bến vẫn có hai chiếc đò bằng sắt để sử dụng vào những lúc nước sông dâng cao, cầu phao được tháo dỡ thành hai đoạn gạt dọc theo hai bên bờ sông.

NGỌC LÂM

Nhà thờ Giáo họ, tên gọi ban đầu là nhà thờ Huống Tây, được dựng năm 1924 trên đất xóm Ngọc Lâm, xã Linh Nham (nay là xã Linh Sơn), huyện Đồng Hỷ. Nhà thờ được dựng bằng gỗ, có 14 hộ giáo dân quê từ Thái Bình di cư lên Thái Nguyên sinh sống.

Năm 1932, nhà thờ được xây lại bằng gạch. Năm 1953, Nhà thờ bị phá để lấy gạch xây kho đạn, phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau đó, tại khuôn viên nhà thờ cũ, bà con giáo dân trong xã dựng tạm nhà phòng gồm 2 gian để làm nơi cầu nguyện.

Năm 1990, Nhà thờ Giáo họ Ngọc Lâm được xây dựng lại trên móng cũ. Đến năm 2009, nhà thờ Giáo họ Ngọc Lâm có 1.120 tín đồ.

NGỌC LONG

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Nam, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình; nhưng đã bị đổ nát. Dân làng đã xây dựng ngôi nhà 5 gian trên nền đình cũ. Phía sau nhà là một gian hậu cung, dài 6 m, rộng 3 m, trên có đóng cung để thờ ác gian. Tại đây còn giữ lại được một cửa võng, đôi câu đối, 1 đế quán tẩy, một bức chân dung, 2 đài thờ, 1 đôi kiếm, 1 chiếc côn, 1 mã tấu, 1 giá văn, 1 mâm đồng, bức tranh 2 võ tướng (để canh ngai).

Đình Ngọc Long được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2717/QĐ-UBND, ngày 11/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NGỌC MỸ

Nghè, nơi mở lớp dạy văn hoá cho các giao liên Cứu quốc quân (1941 - 1945). Vị trí di tích tại nghè Ngọc Mỹ thuộc xóm Ngọc Mỹ, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai. Tham gia lớp học có 11 người được lựa chọn trong số con em người địa phương, do thành viên của đội Cứu quốc quân trực tiếp giảng dạy, gồm: Triệu Mùi Pham, Đặng Thị Báo, Bàn Thị Tư, Triệu Thị Tiên, Bàn Thị Bàn, Phạm Hồng Thanh, Triệu Sinh Hưng, Ký Hấn, Xã Văn, Tiến Văn, Sơn.

Sau ngày chính quyền cách mạng huyện Võ Nhai được thành lập (21/3/1945), lớp học này giải tán.

NGÒI TRẸO

Sông, bắt nguồn từ núi Thịnh Đức thuộc xóm Thịnh Đức (xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ). Sông có chiều dài khoảng 18 km, theo hướng bắc - nam chảy qua địa phận các xóm Vân Hoà, La Củm (xã Văn Hán), Mỹ Lập (xã Nam Hoà). Đến đây, dòng sông chuyển theo hướng đông bắc - tây nam đi qua địa phận các xóm Trại Gai, Cầu Đất (xã Nam Hoà); rồi theo hướng bắc - nam lần lượt chảy qua địa phận các xóm Gò Trẹo, Đầm Diền, Trung Lợi, Na Tranh (xã Nam Hoà), đổ vào sông Cầu tại Đông Kênh.

Sông Ngòi Trẹo là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân các dân tộc trong vùng.

NGÒI VÀNG

Suối, bắt nguồn từ làng Nà Thùa và làng Đá Bạc, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, chảy xuống Khai Hoang, qua các làng Đồng Bầu, Hoàng Mai và cống Me thuộc làng La Lý (xã Đào Xá), rồi đổ ra sông Cầu. Năm 1963, đơn vị cơ giới thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên đã về ngăn suối Ngòi Vàng thành hồ thả cá và chứa nước phục vụ tưới tiêu cho hàng trăm mẫu ruộng của nhân dân. Con suối này cũng là ranh giới giữa 2 xã Tân Khánh và Đào Xá của huyện Phú Bình.

NGỌT NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1912, dân tộc Kinh, quê xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Ngọt có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng (nhập ngũ tháng 5/1972, hi sinh ngày 16/9/1974).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Ngọt danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NGỤY ĐÀM VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1928, dân tộc Tày, quê xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1944, nhập ngũ 1945, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1947.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đồng chí trực tiếp chiến đấu ở chiến trường Bắc Bộ; là cán bộ chỉ huy dũng cảm, mưu trí và đã lập công xuất sắc. Năm 1953 - 1954, đồng chí chỉ huy đại đội diệt nhiều toán phỉ ở biên giới Việt - Lào.

Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đồng chí đảm nhận các chức vụ Trung đoàn trưởng, Sư đoàn trưởng, tham gia các chiến dịch ở Lào, Tây Nguyên; Tư lệnh Quân đoàn 26 (1979), Trung tướng (1984); Tư lệnh Quân khu I (1987), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VI, VII. Đại biểu Quốc hội khoá VIII, IX.

Do lập nhiều chiến công xuất sắc, đồng chí Đàm Văn Nguỵ đã được tặng thưởng 2 *Huân chương Quân công* (hạng Nhất, hạng Ba), 2 *Huân*

chương Chiến công (hạng Nhì, hạng Ba); năm 1956, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

NGUYÊN ĐẶNG AN

Nhạc sĩ, sinh ngày 14/11/1938 tại xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ; từ trần ngày 5/5/2008 tại Hà Nội. Thuở nhỏ, Đặng An Nguyên học phổ thông tại Đại Từ. Năm 1953, khi 15 tuổi, nhập ngũ, làm liên lạc cho bộ đội địa phương tỉnh Thái Nguyên. Ông học lớp Violoncelle do Tổng cục Chính trị tổ chức; tốt nghiệp Trường Âm nhạc Việt Nam; đã công tác tại các đoàn Văn công Quân khu Đông Bắc, tỉnh Hà Tĩnh, Ban Ca nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam, Trưởng ban Văn nghệ Đài Truyền hình Việt Nam...

Nhạc sĩ Đặng An Nguyên là tác giả của một số bản khí nhạc thành công: *Giai điệu vùng cao* (độc tấu Flute và Piano - 1968), *Đường ra phía trước* (độc tấu piano - 1969), Sonate cho piano và Violoncelle (1972), *Thời đại Hồ Chí Minh* (hợp xướng - 1975), v.v... Với quê hương, Nhạc sĩ Đặng An Nguyên gửi lòng mình vào các ca khúc sâu lắng, làm lay động tâm hồn biết bao người dân Thái Nguyên, như: *Chiều quê hương* (1988), *Ánh trăng Hồ Núi Cốc* (1990), *Đêm vào ca, Đêm Thái Nguyên* (2002), *Quê hương yêu dấu*... Ông đã đoạt giải Ba cuộc thi của Đài Tiếng nói Việt Nam (1985), giải Ba Hội Nhạc sĩ Việt Nam (2000), giải Nhất cuộc thi viết ca khúc về Thái Nguyên (2002). Nhạc sĩ Đặng An Nguyên được Nhà nước truy tặng *Huân chương Lao động hạng Ba* năm 2009.

NGUYÊN MA TRƯỜNG

Nhà văn, sinh ngày 17/5/1944 tại thôn Lục Rã (nay là xã Phú Đình), huyện Định Hoá; dân tộc Tày.

Thuở nhỏ, ông học phổ thông tại quê. Năm 1963, nhập ngũ, là chiến sĩ Trung đoàn 210 cao xạ bảo vệ Khu Gang thép Thái Nguyên, sau chuyển về Trung đoàn 250 Quân khu III. Từ 1971 đến 1975, là Biên tập viên Tạp chí *Văn nghệ Việt Bắc*; từ 1975 đến 1978, là Biên tập viên Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc. Năm 1978, chuyển về công tác tại Ty (Sở) Văn hoá tỉnh Bắc Thái... Từ 1998 đến 2003, là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật kiêm Tổng Biên tập báo *Văn nghệ Thái Nguyên*. Năm 2004, nghỉ hưu tại phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

Ông có nhiều tác phẩm đã xuất bản: *Mát xanh rừng cọ* (trường ca, 1983), *Trái tim không ngủ* (thơ, 1988), *Mũi tên ám khói* (tiểu thuyết, 1991), *Gió hoang* (tiểu thuyết, 1992), *Trăng yêu* (tiểu thuyết, 1993), *Tình sứ mây* (tiểu thuyết, 1993), *Biển đời* (tiểu thuyết, 1995), *Rễ người dài* (tiểu thuyết, 1996), *Tiếng lá rừng gọi đôi* (thơ, 1996), *Cơn giông thời niên thiếu* (truyện, 1997), *Mùa hoa hải đường* (tiểu thuyết, 1998), *Dòng suối tuổi thơ* (tự truyện, 2004), *Câu hát vắt qua vai* (thơ, 2005), *Cây nêu* (thơ, 2006), *Những người bạn* (kí, 2009), *Hiện đại mà dân tộc* (tập tiểu luận, 2010).

Ma Trường Nguyên đã đoạt các giải thưởng văn học: Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam cho tiểu thuyết *Rễ người dài* (1990); Giải thưởng của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ *Cây nêu* (2007) và tập tiểu luận *Hiện đại mà dân tộc* (2010).

NGUYÊN NGUYỄN TIẾN

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, nguyên Giám đốc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1993 - 1998), sinh ngày 3/7/1940 tại Thái Nguyên; mất ngày 6/4/2006.

Thuở nhỏ, Tiến Nguyễn Nguyên học cấp 1 tại thị xã Thái Nguyên. Năm 1951 gia nhập thiếu sinh quân học tập ở Trung Quốc. Năm 1958, trường Thiếu sinh quân giải thể, về học tiếp cấp III tại trường cấp II - III Lương Ngọc Quyến tại Thái Nguyên. Năm 1960 tốt nghiệp cấp III, được cử đi học tại Trường Đại học Tổng hợp Varonhet (Liên Xô cũ). Sau khi tốt nghiệp, ông về nước làm cán bộ giảng dạy khoa Vật lý, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Học nghiên cứu sinh và bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ toán - lý tại Tiệp Khắc (cũ). Năm 1976, về nước làm việc tại Viện kỹ thuật quân sự, giữ chức vụ Phân viện trưởng với quân hàm Thiếu tá.

Tháng 6/1986, ông chuyển về công tác tại Viện Năng lượng nguyên tử quốc gia. Từng qua các chức vụ: Trưởng ban Kế hoạch và hợp tác quốc tế, rồi Viện trưởng Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam, Trưởng ban an toàn bức xạ, hạt nhân (tiền thân của Cục an toàn bức xạ hạt nhân ngày nay). Năm 1992, được nhà nước phong học hàm Phó Giáo sư. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Tiến Nguyên là Chủ nhiệm đề tài cấp nhà nước

mã số KHCN-09-04 "*xác định cơ sở kinh tế, công nghệ, xã hội cho việc phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam*"; đề tài đã được nghiệm thu, đánh giá xuất sắc, là tiền đề cho việc xây dựng chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình ở nước ta ngày nay.

NGUYÊN TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1920, quê xã Tân Kim, huyện Phú Bình; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyên Văn Tuyên (nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1971 tại mặt trận phía Nam).

Năm 2003, mẹ Trần Thị Nguyên được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NGUYỄN HẬU

Đình, được dựng trước thế kỷ XVIII ở thôn Nguyễn Hậu, xã Tiên Thù, tổng Giã Thù, huyện Hiệp Hoà, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc; nay là thôn Tiên Thù, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Đình thờ các vị thành hoàng làng là Cao sơn Quý Minh và Diên Bình.

Đình xưa đã qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, quy mô lớn nhất là vào thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVIII) và đầu thế kỷ XIX. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đình bị phá dỡ, chỉ còn lại hậu cung. Những năm gần đây, đình được xây dựng lại gồm tiền đường 3 gian, hậu đường 3 gian thông với hậu cung 2 gian, quay về hướng nam.

Đình còn nhiều hiện vật thuộc thời Lê. Hậu cung có đôi câu đối cổ chữ Hán: *Lý hậu nguyên công tướng/ Thiên Nam Thượng đẳng thần* (*Là Tướng công dưới triều Lý. Bậc Thượng đẳng thần ở trời Nam*)

Trong khuôn viên đình còn 3 tấm bia cổ, 1 tấm dựng năm Cảnh Hưng thứ 25 (1764), 1 tấm dựng năm Cảnh Hưng thứ 32 (1772) và một tấm chữ đã mòn không đọc được.

Đình Nguyễn Hậu là nơi cán bộ cách mạng qua lại hoạt động trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945).

NGUYỄN HẬU

Chùa, còn gọi là chùa Cây Xanh; xưa ở thôn Nguyễn Hậu, xã Tiên Thù, tổng Giã Thù, huyện Hiệp Hoà, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc; nay là thôn Tiên Thù, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

Chùa cũ được dựng từ xa xưa giữa cánh đồng lúa Tiên Thù, nhưng bị phá huỷ từ lâu. Chùa Nguyễn Hậu mới, xây dựng gần đây trên nền chùa cũ, gồm 3 gian 2 chái, kiến trúc mô phỏng những ngôi đình cổ trong vùng, có 4 mái đao. Trong chùa thờ 29 pho tượng Phật và còn nhiều đồ thờ cúng của chùa xưa để lại.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT

Đồn điền của chủ người Việt, có diện tích 808 ha thuộc địa phận xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Cây trồng chủ yếu trong đồn điền là cây lúa. Phương thức sản xuất được áp dụng theo lối phát canh thu tô. Ruộng đất trong đồn điền được chia làm 3 loại để thu tô. Loại 1 nộp 8 phương/mẫu (1 phương tương đương 20 kg thóc); loại 2 nộp 6 phương và loại 3 nộp 3 phương. Thời gian đầu khi mới thành lập, kết quả thu hoạch đạt khá. Về sau, do bị sâu bệnh phá hoại, nên năng suất và sản lượng đều giảm sút. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồn điền này đã bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho nông dân nghèo cày cấy.

NGUYỆT CAO MINH

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Phó Trưởng khoa Khám bệnh Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Từ 1980 đến 1985, Cao Minh Nguyệt là Bác sĩ Khoa Nhi Trường Đại học Y Bắc Thái; từ 1993 đến 1994, học Chuyên khoa cấp I Nhi tại Trường Đại học Y Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Cao học (2002), là Phó Trưởng khoa Khám bệnh, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; tham gia giảng dạy tại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, chủ trì 5 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và tham gia 7 đề tài khác; 9 năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở.

Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

NGỰA TRẮNG

Đền, được dựng vào khoảng năm 1766, trên đồi Đồng Mon thuộc xóm Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ Đức ông Hùng Dũng Đại vương thần và cũng là nơi sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của nhân dân địa phương.

Đền được dựng bằng gỗ, lợp lá; trải qua thời gian dài và chiến tranh, đã bị đổ nát nên phải làm đi làm lại nhiều lần; lần cuối cùng vào năm 1981. Đền rộng 13,5 m², có 12 cột gỗ đường kính 30 cm; mái lợp ngói máng, cửa đền quay về hướng tây nam.

Trong đền đặt một tượng ngựa trắng thân dài 1,5 m, cao 1,3 m, đầu hướng về phía đông. Gian giữa có 3 bát hương: Một bát bằng sành, đường kính khoảng 20 cm, cao 20 cm, xung quanh trạm nổi hình rồng; hai bát còn lại có hình dáng như chiếc bát loa to, bằng sứ, xung quanh in hình hoa dây. Hiện nay, người dân địa phương thắp hương tại đền vào các ngày 5/1, 25/3, 10/7, 15/5 và 25/11 âm lịch.

NHÀ MỤ

Được xây dựng khoảng những năm đầu thế kỷ XX, cách nhà thờ xứ Nhã Lộng, huyện Phú Bình khoảng 300 m về phía nam, gồm một số dãy nhà xây bằng gạch, lợp ngói hoặc tranh, trong khuôn viên rộng khoảng 700 m². Nhà mụ là nơi quy tụ, sinh hoạt của những người phụ nữ mong muốn xuất gia học và theo đạo, những quả phụ cô đơn, những trẻ em nữ nghèo đói không nơi nương tựa. Hiện nay chỉ còn lại dấu tích là cổng của Nhà mụ được xây bằng gạch, cao 5 m.

NHÀ THỜ

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tính đến năm 2010, nghề trồng và chế biến chè búp khô ở xóm Nhà Thờ, đã có gần 60 năm. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, phong trào trồng, chế biến chè được phổ biến rộng khắp các gia đình trong xóm. Đến năm 2010, toàn xóm có 128/128 hộ với 272 lao động tham gia trồng và chế biến chè. Doanh thu năm 2008 từ nghề trồng và chế biến chè búp khô đạt 6,986 tỉ đồng, năm 2009 đạt 7,468 tỉ đồng.

NHÀ TRƯNG BÀY ATK ĐỊNH HOÁ

Được khởi công xây dựng ngày 2/11/1996, dưới chân đồi Tỉn Keo thuộc xóm Tỉn Keo, xã Phú Đình, huyện Định Hoá; có tổng diện tích 400m².

Nhà Trưng bày ATK Định Hoá gồm 2 tầng. Tầng 1 gồm Phòng Lễ tân, đón tiếp khách đến tìm hiểu, tham quan; các phòng còn lại trưng bày,

giới thiệu các sản vật của núi rừng địa phương, như mật ong, mộc nhĩ, nấm hương, măng, trám, cùng nhiều loại dược liệu quý. Tầng 2 Nhà Trưng bày giới thiệu trên 400 hiện vật, hình ảnh về hoạt động của Bác Hồ, của Trung ương Đảng, các bộ, ngành Trung ương trong những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp ở ATK Định Hoá và truyền thống cách mạng của nhân dân Định Hoá.

NHÀ TRUYỀN THỐNG THANH NIÊN VIỆT NAM

Được xây dựng tại đồi Gò Thờ, xóm Đồng Cẩm, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ; diện tích 700 m², kiến trúc hiện đại trên nền móng đá hộc cao hơn 2 m, tường gạch, mái ngói.

Lối vào Nhà Truyền thống là đường bê tông tiếp vào các bậc xi măng dẫn lên khu tiền sảnh. Tại đây, có bia tưởng niệm gắn biểu tượng Huy hiệu Thanh niên xung phong và ghi lời khen tặng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "*Thanh niên ta đã lập nhiều thành tích tốt, xứng đáng là Thanh niên anh hùng của một dân tộc anh hùng*". Hai gian bên là nơi trưng bày hiện vật, lưu niệm của Thanh niên xung phong và liên quan đến Thanh niên xung phong.

NHÀ TƯỞNG NIỆM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẠI ATK ĐỊNH HOÁ

Được xây dựng và khánh thành nhân dịp kỷ niệm 115 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2005). Đây là công trình của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội tặng Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Toàn bộ công trình được xây dựng trên diện tích 16.000 m², giữa đồi cao thoáng đãng, mặt hướng về phía đông bắc, chính diện nhìn ra cánh đồng Tỉn Keo, ba bên tựa vào núi Hồng.

Tổng thể Nhà Tưởng niệm gồm: Tứ trụ - Tam quan - Nhà Tưởng niệm. Hệ thống công viên xanh. Các công trình phụ cận. Từ tứ trụ lên tới tam quan là 115 bậc, gắn với 115 năm ngày sinh của Bác. Từ tam quan lên tới Nhà Tưởng niệm là 79 bậc, gắn với 79 mùa xuân của Người. Hai bên là hai hàng cây chò chỉ, với tổng số 30 cây, chạy song song như hai hàng tiêu binh đứng canh giấc ngủ cho Người. Nhìn một cách tổng thể, toàn bộ toà nhà được nâng bởi 9 cánh sen cách điệu (cửu trùng thiên). Xung quanh 9 cánh sen được trồng 79 cây vạn tuế, tượng trưng 79 tuổi của Bác. Toàn bộ công trình gồm 300 cây cọ (loài cây đặc trưng của núi

rừng Việt Bắc). Hai bên đồi là hàng rào râm bụt (loại cây bình dị dân dã Bác trồng ở Khau Tý và Tỉn Keo). Đầu nhà có một cây xoài và một cây hoa sữa. Trước cửa là hòn non bộ - tam sơn (tức ba đỉnh núi thu nhỏ lại).

Về nội thất Nhà Tưởng niệm: Nổi bật là tượng Bác Hồ đúc bằng đồng nặng 150kg, cao 99cm, do các nghệ nhân xưởng đúc đồng Mai Hoa, làng Ngũ Xã, Gia Lâm, Hà Nội chế tác. Bên cạnh hệ thống đồ thờ là các hoành phi, câu đối làm bằng gỗ dổi, sơn son, thiếp vàng, tạo lên sự trang nghiêm. Nhà Tưởng niệm cũng trưng bày 8 tủ ảnh tư liệu, hiện vật liên quan đến cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở ATK Định Hoá trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

NHÀ VĂN HÓA CÔNG NHÂN GANG THÉP

Được khởi công xây dựng năm 1989, hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1992, nằm trên địa phận phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

Nhà Văn hoá có phòng biểu diễn 700 ghế ngồi, phòng hoá trang, sân khấu biểu diễn quy cách đủ điều kiện để các đoàn nghệ thuật trong và ngoài nước tổ chức biểu diễn. Nhiều thiết chế phụ trợ nằm ngay trong khu nhà, như: Phòng Tiếp khách VIP, Phòng Hội thảo 80 m^2 và 120 m^2, Phòng Trưng bày Bảo tàng truyền thống công nhân Khu Gang thép 120 m^2; các phòng có diện tích từ 40 m^2 đến 120 m^2 là nơi hoạt động của các câu lạc bộ: Thanh niên, Nữ công, Người cao tuổi, Thể hình, Mĩ thuật, Âm nhạc và hệ thống các phòng làm việc của bộ máy lãnh đạo, viên chức nhà văn hoá.

Nhà Văn hoá công nhân Gang thép còn quản lí một quần thể thiết chế hoạt động văn hoá - thể thao ngoài trời gần 40.000 m^2, gồm 1 sân khấu ngoài trời có 8.000 chỗ ngồi, một bể bơi tiêu chuẩn 25 m x 50 m, 2 sân quần vợt.

Nhà Văn hoá Công nhân Gang thép đóng vai trò là trung tâm tổ chức các hoạt động văn hoá thông tin, thể thao của Công ty Gang thép và khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên. Tại đây đã diễn ra nhiều hội diễn, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp có quy mô toàn quốc và khu vực.

NHÃ LỘNG

Tổng, thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên trong thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *"Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ"* của Ngô Vĩ Liên, tổng Nhã Lộng có 7 xã: Nhã Lộng, Bình Giang, Úc Kỳ, Ngọc Long, Triều Dương, Ngọc Sơn, Hộ Lịnh.

Xã Nhã Lộng có 3 làng: Nhã Lộng. Thanh Đàm, Thuần Pháp. Xã Úc Kỳ có 5 thôn: Trại, Làng, Vạn, Múc, Ngoại. Xã Ngọc Long có 3 thôn: Soi, Giữa, Thôn và 1 làng Hoàng Đàm. Xã Hộ Lịnh gồm 2 làng: Hộ Lịnh, Tòng Tư. Các xã: Bình Giang, Triều Dương, Ngọc Sơn, nhất xã nhất thôn.

NHÃ LỘNG

Nhà thờ xứ đạo, được xây dựng năm 1904 ở xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình; sau đó bị phá huỷ; đến năm 1993, được xây dựng lại trên nền nhà thờ cũ. Nhà thờ gồm 9 gian, có tổng chiều dài 40,6 m, rộng 12,9 m; tháp chuông cao 30 m. Tổng diện tích đất của nhà thờ xứ Nhã Lộng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 8.270 m².

Trong nhà thờ có 1 quả chuông (chuông Tây) đánh bằng cách kéo dây. Trong tường nhà thờ treo 14 bức tranh truyện về chủ đề Chúa Jê Su từ khi bị bắt đến khi bị đóng đinh trên cây thập giá, gọi là 14 đàng thánh giá hay 14 nơi thương khó. Xứ Nhã Lộng có một chiếc cổng của nhà Mụ được xây dựng bằng gạch, cao 5 m, nằm cách nhà thờ xứ khoảng 300 m về phía nam.

Xứ Nhã Lộng có tất cả 12 họ lẻ, tính cả họ nhà xứ; đó là các họ đạo: họ Thượng Giã (xã Thuận Thành, Phổ Yên), họ Na Lang (Na Lang, Thành Công, Phổ Yên), họ Chã (Đông Cao, Phổ Yên), họ đạo xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên) và họ La Tú, La Muôi, La Đao, Đồng Bầu, Hoàng Mai, Tân Hoà (đều ở xã Tân Khánh, huyện Phú Bình), họ Chanh (xã Tân Đức, huyện Phú Bình), họ nhà xứ (xã Nhã Lộng, Phú Bình). Các nhà thờ họ đạo hầu hết được xây dựng sau khi thành lập xứ đạo và nhà thờ xứ. Các nhà thờ họ đạo đều có quy mô nhỏ, đôi khi chỉ là một bàn Thánh lẻ của một gia đình để cho giáo dân họ đạo tập trung đến cầu kinh. Trong các ngày lễ trọng, giáo dân của họ đạo đều tập trung về nhà thờ để hành lễ.

NHÃ LỘNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình; nằm ở khu vực phía tây huyện; phía đông giáp xã La Đình, phía đông bắc giáp xã Bảo Lý, phía nam giáp xã Đại Đồng (nay là xã Nga My), phía bắc giáp xã Thượng Đình, phía tây giáp huyện Phổ Yên. Diện tích tự nhiên 24,36 km², bao gồm toàn bộ địa bàn các xã Úc Kỳ, Nhã Lộng, Điềm Thuỵ ngày nay. Dân số (1955) có 165 người. Xã có chùa Ha, tên chữ là Bà Ha tự, là ngôi chùa cổ có niên đại sớm của tỉnh Thái Nguyên đã được xếp hạng di tích Quốc gia.

Sau giảm tô (1953), xã Nhã Lộng tách thành 3 xã: Hồng Phong, Quyết Tiến và Trần Phú (ngày 7/4/1967, xã Hồng Phong đổi thành xã Úc Kỳ, xã Quyết Tiến đổi thành xã Nhã Lộng, xã Trần Phú đổi thành xã Điềm Thuỵ, theo Quyết định số 136/NV của Bộ Nội vụ).

NHÃ LỘNG

Xã trung du, nằm ở khu vực phía Tây của huyện Phú Bình; phía đông giáp xã Xuân Phương, phía tây giáp xã Điềm Thuỵ, phía nam giáp xã Úc Kỳ, phía bắc giáp xã Bảo Lý. Địa hình của xã dốc dần theo hương tây bắc - đông nam, độ chênh cao trung bình là 0,5m/1km.

Tổng diện tích tự nhiên 599,6 ha. Dân số (năm 2009) 6.969 người, thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Cháy, Mường cư trú ở 14 xóm: Nón, Hanh, Bến, Đồi, Thanh Đàm, Trại, Soi 1, Soi 2, Chiễu 1, Chiễu 2, Xóm Mít, Náng, Đô, Xúm. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ.

Trên địa bàn xã có nhiều đình, chùa cổ kính như: đình - chùa Triều Dương, đình - chùa Hanh, chùa Ha, đình Lộng, trong đó chùa Ha đã được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia, đình Lộng đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh.

Vùng đất Nhã Lộng đã từng là nơi đặt Thành phủ Phú Bình từ thời nhà Lê. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Nhã Lộng là nơi cất giấu vũ khí của Bộ Quốc phòng và Liên khu Việt Bắc; nơi tập luyện quân sự của Tiểu đoàn 160 do đồng chí Đào Đình Luyện phụ trách (sau là Thượng tướng, Tổng tham mưu trưởng Quân

đội nhân dân Việt Nam); Tiểu đoàn 160 là đơn vị tham gia đánh trận Phủ Thông, Đèo Giàng (1948), trận Đông Khê (1950).

NHÃ LUẬT

Tổng thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình từ năm 1848 đến năm l883. Theo *Đồng Khánh địa dư chí (1886 - 1888)*, tổng Nhã Luật gồm 3 xã: Nhã Luật, Dương Luật, Thanh Lộc và 1 phường: Đại Hữu (Thuỷ cơ).

NHAM

Món ăn đặc sản của xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

Nham được chế biến từ 14 loại thực phẩm, gia vị dân giã vùng Hà Châu: trám đen, cá cháy sông Cầu hoặc cá mè trắng loại bé, củ chuối tiêu non, vừng, lạc, thịt ba chỉ, khế chua, lá gừng, lá sung, lá nhội, lá đinh lăng, cùi dừa, dấm thanh... Quy trình chế biến rất công phu. Cá cháy hoặc cá mè trắng nhỏ rửa sạch, lọc thịt, bỏ da, dùng giấy bản thấm kỹ; nếu làm nham cá sống thì thái chỉ; nếu làm nham cá nướng thì cá mang nướng bằng than hoa (nướng 3 lửa, phơi 2 sương). Thịt ba chỉ thái miếng nhỏ, mỏng, nướng chín thơm. Củ chuối nạo nhỏ. Vừng, lạc rang thơm giã nhỏ. Cùng với khế chua, lá sung, lá gừng non, lá nhội, lá đinh lăng, cùi dừa thái nhỏ. Và bằng những bí quyết truyền lại từ xưa, người dân Hà Châu đã làm ra món nham rất thơm, ngon, béo, bùi với những hương vị đồng quê đặc biệt. Theo truyền thống, hằng năm vào mùa trám đen chín (cuối tháng 7, đầu tháng 8 Âm lịch), người Hà Châu lại làm món nham dâng lên lễ thánh ở đình làng.

NHẬM NGÔ THÌ

Đốc đồng trấn Thái Nguyên, sinh năm 1746, từ trần năm 1803; là con trưởng của Ngô Thì Sỹ; tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên; quê ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội).

Năm 1769, ông thi đỗ Giải nguyên, được cử làm Hiến sát xứ Hải Dương.

Năm 1775, ông thi đỗ Tiến sĩ, làm quan nhà Lê qua các chức: Hộ khoa cấp sự trung, Giám sát ngự sử đạo Sơn Nam, Đốc đồng trấn Kinh Bắc, Đốc đồng trấn Thái Nguyên. Sau 1780, ông được thăng chức Thị lang. Là một trọng thần triều Tây Sơn.

Ngô Thì Nhậm là tác giả văn học lớn với sự nghiệp trước tác văn thơ đồ sộ, trong đó có tác phẩm mang tựa đề: *Thái Nguyên địa hình bình tặc ký* với những trang miêu tả hết sức sinh động về địa hình, địa vật, cảnh sắc, phong thuỷ đất Thái Nguyên xưa.

NHÂN LĂNG

Truyện cổ dân tộc Tày: Ngày xưa, ở Định Hoá có vợ chồng ông Lý Quang, đã già mà chưa có con. Năm ông 70 tuổi thì vợ có thai được 2 tháng, nhưng ông không may chết. Trước khi chết, ông dặn vợ đặt tên con là Nhân Lăng.

Nhân Lăng ra đời trong cảnh mẹ goá, con côi phải đi ăn xin. Trong một lần đi ăn xin, Nhân Lăng được một người trưởng giả chỉ đường lên trời gặp thầy Quỷ Cốc tiên sinh. Nhân Lăng về nhà xin phép mẹ rồi lên đường. Đi mãi tới con sông rộng, không thể qua được, Nhân Lăng ngồi khóc thì được một con cá to giúp qua sông với yêu cầu hỏi thầy Quỷ Cốc vì sao nó bị đau đầu không thuốc gì chữa khỏi. Qua sông, chàng nghỉ trọ tại một khu vườn và gặp nàng tiên Cam - con gái Ngọc Hoàng, nhờ hỏi vì sao cam không có quả. Rồi Nhân Lăng gặp nàng tiên Thọ, các nàng tiên cho chàng ăn, chỉ đường đến nơi thầy Quỷ Cốc với một yêu cầu hỏi vì sao trúc trong vườn hay bị gẫy. Nhân Lăng gặp được thầy Quỷ Cốc, kể sự tình cuộc đời mình, được thầy Quỷ Cốc cho ở lại 3 năm lấy củi, học hành. Vì nhớ mẹ, được 1 năm thì chàng xin ra về. Đêm hôm chuẩn bị về, chàng nghe rõ Quỷ Cốc nói chuyện với vợ về cách chữa bệnh đau đầu cho cá, cách làm cho cam có quả, trúc không gẫy. Trên đường về, Nhân Lăng bèn kể lời Quỷ Cốc cho các ân nhân của mình nghe, mọi người đều cảm ơn chàng. Về nhà, chàng kể chuyện đi gặp thầy Quỷ Cốc cho mẹ nghe và bảo mẹ đi hỏi công chúa Tô Hoàng cho chàng.

Người mẹ làm theo lời chàng, bị vua mắng đuổi khỏi sân rồng. Vẫn theo ý Nhân Lăng, hôm sau người mẹ lại vào cung, được vua thách trong một tháng phải nộp đủ 9 kho vàng, 100 cây trúc, 200 con cá to. Bà mẹ vô cùng lo lắng, nhưng Nhân Lăng thản nhiên đề nghị vua cho 9 vạn quân đến lấy lễ vật. Nhờ có nàng tiên Cá, nàng tiên Cam, nàng tiên Thọ mà Nhân Lăng có đủ số lễ vật nộp vua. Vua đồng ý gả công chúa Tô Hoàng

cho Nhân Lăng. Lễ cưới của họ được tổ chức ngày 15/2 trong niềm vui hạnh phúc.

NHẤT LƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Cao Lan, quê xã Phục Linh, huyện Đại Từ.

Mẹ Lương Thị Nhất có người con độc nhất đã hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Bế Văn Thành (nhập ngũ tháng 4/1968, hi sinh ngày 8/4/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Lương Thị Nhất danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NHẤT NGUYỄN DUY

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1959, dân tộc Kinh; quê ở làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai.

Đồng chí Nguyễn Duy Nhất nhập ngũ ngày 17/7/1977. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc tại Mặt trận Biên giới phía Bắc (1979), đồng chí lập nhiều chiến công xuất sắc. Điển hình là trận chiến đấu tại Cao điểm 499 (thuộc xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn) ngày 17/2/1979. Vượt qua lửa đạn dày đặc của quân thù, đồng chí đã nhanh chóng cơ động, tìm kiếm, cấp cứu, băng bó chuyển được 2 thương binh về nơi an toàn, đồng thời dũng cảm chiến đấu tiêu diệt 30 tên địch. Trưa ngày 17/2/1979, địch lại tập trung hoả lực bắn, phá ác liệt vào trận địa và ồ ạt chiếm điểm cao. Được lệnh rút về phía sau, đồng chí đã bắn một loạt đạn AK và ném 2 quả lựu đạn cuối cùng vào đội hình địch, diệt một số tên, bảo vệ cho đồng đội rút lui an toàn... Đồng chí đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*, 2 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba.*

Do lập nhiều chiến công xuất sắc, ngày 20/12/1979, đồng chí Nguyễn Duy Nhất đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

NHẤT NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1917, quê tỉnh Bắc Ninh; thường trú tại xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

Mẹ Nguyễn Thị Nhất có con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Thoa (nhập ngũ năm 1962, hi sinh ngày 27/9/1969 tại mặt trận phía Nam). Ngày 17/12/1994, mẹ Nguyễn Thị Nhất được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

NHẤT NGUYỄN VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1959; quê quán xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công); trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên; gia nhập lực lượng Công an nhân dân tháng 9/1979, Trung uý, cán bộ Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Bắc Thái (nay là Công an tỉnh Thái Nguyên).

Ngày 24/11/1992, tại địa bàn xã Khau Âu, huyện Phú Lương, đồng chí đã dũng cảm tấn công hai đối tượng nguy hiểm có lệnh truy nã đang đe doạ cướp tài sản của hai phụ nữ. Trong lúc tấn công kiên quyết bắt bằng được hai tên cướp có vũ trang, đồng chí đã hi sinh anh dũng. Với thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 22/7/1998, đồng chí Nguyễn Văn Nhất đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 341-KT/CTN truy tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* và *Huân chương Chiến công hạng Ba.*

NHẤT TÂM

Cầu, được xây dựng tại Km 13+58 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 2002, có chiều dài 9,16 m, rộng 7 m, nhịp dài 4 m kết cấu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

NHẬT ANH

Công ty Cổ phần cơ khí, được thành lập ngày 10/8/2004; trụ sở đặt tại tổ 1 phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Khai thác, mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư thiết bị; Xây dựng các công trình công nghiệp; Xây dựng các công trình giao thông thuỷ; Sản xuất, truyền tải, phân phối điện; Mua và bán các sản phẩm cơ khí, các cấu kiện thép xây dựng, mua bán than luyện kim, đá luyện kim.

Là một Công ty đa chức năng, Công ty Cổ phần cơ khí đã nhận thi công nhiều công trình trên địa bàn các tỉnh Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Nội, Nam Định...; chế tạo các thiết bị trong ngành chè, tự thiết kế, chế tạo và lắp dựng lò luyện kim.

NHÂU

Mỏ sắt, nằm trên địa bàn xóm Nhâu, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai và xã Văn Hán (huyện Đồng Hỷ). Mỏ có diện tích 84 ha, trữ lượng 150.000 tấn quặng nguyên khai, công suất thiết kế 20.000 tấn quặng/năm. Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 10 năm theo Giấy phép số 1231/GP-UBND, ngày 3/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHE HÀ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Kinh, quê quán tại xóm Gò Cao thuộc xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Mẹ có 3 con là liệt sĩ: Trần Văn Cường (nhập ngũ năm 1966), Trần Văn Hồ (nhập ngũ năm 1964), Trần Văn Hề (nhập ngũ năm 1966) đều hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, tại chiến trường miền Nam.

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Hà Thị Nhe danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NHỊ DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1914, quê xóm An Miên, xã Thành Công, huyện Phổ Yên.

Mẹ Dương Thị Nhi có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cử (nhập ngũ năm 1968, hi sinh ngày 1/7/1970 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NHỊ HỨA ĐỨC

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông sinh năm 1951; dân tộc Tày, quê xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá; trú quán Hà Nội; tham gia cách mạng năm 1967, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1981; nguyên Cán bộ Vụ Lâm nghiệp thuộc Ủy ban Kế

hoạch Nhà nước, Phó Trưởng phòng thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; Phó Giám đốc, Giám đốc Sở Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái (1989 - 1990); Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, Bí thư Huyện ủy huyện Định Hoá, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh, Trưởng ban Tổ chức Chính quyền tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (12/2000), Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (1/2001 - 9/2002), Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (9/2002 - 3/2004); từ tháng 6/2004 là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba. ....*

NHO TRƯƠNG VĂN

Anh hùng Lao động, dân tộc Kinh, quê thôn Giáo Nghĩa, xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; gia đình hiện trú tại xóm An Long, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

Đồng chí Trương Văn Nho đã có nhiều cống hiến xuất sắc trong quá trình xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp Thành Công huyện Đại Từ - một trong những hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên được thành lập trên miền Bắc và trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa cuối những năm 50, đầu những năm 60 của thế kỷ XX. Với những thành tích xuất sắc, năm 1962, đồng chí được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì.*

Phát huy những thành tích đã đạt được, đồng chí tiếp tục có những đóng góp to lớn cho phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp xã Hùng Sơn nói riêng, huyện Đại Từ nói chung. Ngày 1/1/1967, đồng chí Trương Văn Nho - Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Thành Công, được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*. Đồng chí đã từ trần ngày 27/2/1978, hưởng thọ 68 tuổi, mộ phần an táng tại xã Hùng Sơn.

NHÒ

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2002 ở lý trình 10,91 km trên tuyến Tỉnh lộ 27. Cầu dài 19 m, rộng 6,5 m; 1 nhịp, kết cấu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 9 m; mố và thân cầu bằng bê tông cốt thép; tải

trọng H30-X80, 30 tấn. Nhờ có cầu Nhò, việc đi lại từ La Hiên vào các xã phía bắc huyện Võ Nhai không bị trở ngại, nhất là trong mùa mưa lũ.

NHỮ NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1916; quê xã Lãng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh; thường trú tại xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Mẹ Nguyễn Thị Nhữ có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Huy Lăng (nhập ngũ tháng 12/1967, hi sinh ngày 17/12/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, mẹ Nguyễn Thị Nhữ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NHƯỢNG NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; thường trú tại xóm Đồi Chè, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Mẹ Nguyễn Thị Nhượng có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Trung (nhập ngũ tháng 7/1967, hi sinh ngày 2/11/1972 tại mặt trận phía Nam). Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Nhượng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NIỆM QUANG

Tổng, còn có các tên gọi khác là Nhiệm Quang, Nhẫn Quang, Nhẫm Quang, Niệm Cuông, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, gồm 3 xã: Niệm Quang, Tích Mễ và Bá Xuyên. Năm Thành Thái thứ 13 (1901), ngoài 3 xã trực thuộc như đầu thế kỷ XIX, tổng Niệm Quang còn có 2 xã Bá Vân, Phù Đơn từ tổng Ỷ Na (huyện Phú Lương) và xã Trang Ôn từ tổng Nghĩa Hương (huyện Tư Nông) chuyển về. Như vậy, từ thời điểm này cho đến trước năm 1945, tổng Niệm Quang gồm 6 xã.

Tổng Niệm Quang nằm ở khu vực Tây Nam huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp tổng Thịnh Đán, phía đông giáp tổng Túc Duyên và tổng Xuân Kiều, phía nam giáp tổng Nghĩa Hương, tổng Hoàng Đàm (phủ Phổ Yên), phía tây giáp tổng Thượng Vụ (phủ Phổ Yên) và tổng Cát Nê (huyện Đại Từ).

Địa phận xã Niệm Quang về cơ bản tương ứng với phần đất xã Tân Quang, và một phần phường Lương Châu. Xã Bá Vân tương ứng với phần đất xã Bình Sơn; xã Bá Xuyên tương ứng với phần đất xã Bá Xuyên và phần đất khu vực đông bắc xã Vinh Sơn ngày nay; xã Phù Đơn (sau đổi là Phi Đơn) tương ứng với phần đất phường Mỏ Chè, một phần lớn đất phường Lương Châu thuộc thị xã Sông Công. Xã Tích Mễ, cơ bản tương ứng với đất xã Tích Lương và một phần khu vực phía tây phường Trung Thành (thành phố Thái Nguyên) ngày nay; xã Trang Ôn về cơ bản là phần đất của phường Tân Thành và một phần khu vực tây bắc xã Lương Sơn (thành phố Thái Nguyên) ngày nay.

Từ năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) trở về trước, huyện lị huyện Đồng Hỷ đặt tại xã Niệm (Nhẫm) Quang, tổng Niệm Quang. Tại xã Bá Vân, tổng Niệm Quang, năm 1942 thực dân Pháp đã xây dựng Căng (camp) - nhà tù Bá Vân để giam giữ gần 200 tù chính trị, là các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước chuyển từ nhà tù Sơn La, Bắc Mê về.

NIẾNG

Chùa, được dựng năm 1991 trên nền cũ của đền Niếng ở thôn Lịnh Sơn, xã Lương Sơn (thị xã Sông Công).

Chùa gồm 3 gian, có diện tích 40 m², là nơi vừa thờ Phật, vừa thờ Dương Tự Minh. Lễ hội chùa được tổ chức vào ngày 9/1 Âm lịch hằng năm.

NINH GIANG

Đình, được dựng trên một khu đồi cao cách biệt với khu dân cư xóm Ninh Giang, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ; là nơi thờ Thành hoàng làng và Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (thế kỷ XII). Có 3 ngày hội chính trong năm (15/1; 6/3 và 15/8 Âm lịch). Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đình đã bị cháy. Năm 1996, đình được xây dựng lại; kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH. Phần tiền lễ 3 gian 2 chái và phần hậu cung. Trên cửa chính có 3 chữ Hán *Từ linh tối*, có nghĩa là *Ngôi đình linh thiêng*. Hiện còn lưu giữ được 1 hòm đựng sắc phong, 4 ngai và hương án cổ bằng gỗ sơn son thiếp vàng chạm khắc chữ Nho với ý nghĩa ca ngợi công đức của Dương Tự Minh đã phù hộ dân làng bình an, no ấm. Trong đình còn có nhiều bàn thờ, đồ thờ, tượng Phật... do nhân dân mới sắm.

NINH SÓC

Thừa tuyên, đơn vị hành chính triều vua Lê Thánh Tông. Năm Quang Thuận thứ 9 (1468), Thừa tuyên Thái Nguyên đổi thành Thừa tuyên Ninh Sóc gồm 3 phủ 8 huyện 7 châu; trong đó phủ Phú Bình gồm 7 huyện, 2 châu là: huyện Phổ An (21 xã), Đại Từ 10 xã 30 trang, Tư Nông 25 xã 17 trang, Bình Xuyên 28 xã 1 trang, Đồng Hỷ 20 xã 30 trang, Phú Lương 20 trang, Văn Lãng 7 xã 14 trang; châu Định Hoá 46 xã 27 trang, châu Võ Nhai 65 xã, 35 trang. Phủ Thông Hoá có 1 huyện là Cảm Hoá 50 xã 10 trang, và châu Bạch Thông 70 xã 3 trang. Phủ Cao Bằng có 4 châu là: Thượng Lang 29 xã, Hạ Lang 29 xã, Thạch Lâm 92 xã 4 thôn 8 trang, Quảng Uyên 22 xã 4 trang.

Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (viết năm 1438), Cao Bằng là một phủ riêng không thuộc Thái Nguyên.

NINH TƯỜNG

Tổng, đầu thế kỷ XIX là tổng Khuynh Quỳ thuộc châu Định Hoá, phủ Phú Bình, gồm 2 xã: Khuynh Quỳ và Ôn Lương Hạ. Đầu thế kỷ XX là tổng Phủ Lý thuộc huyện Phú Lương, phủ Tòng Hoá, gồm 5 xã: Phủ Lý, Ôn Lương Thượng, Ôn Lương Hạ, Môn Mãn, Phú Khuôn. Thời kỳ Tiền khởi nghĩa (3 - 8/1945), tổng này gồm 7 xã: Phủ Lý (đổi là Ninh Tường), Ôn Lương Thượng (đổi là Phú Thịnh), Ôn Lương Hạ (đổi là Thái Thịnh), Mãn Quang, Môn Bình, Tân Phán, Phú Khuôn.

Kể từ khi thành lập hồi đầu thế kỷ XX đến khi bị xoá bỏ (1948), tổng Phủ Lý (Ninh Tường) tương ứng địa phận các xã: Phủ Lý, Ôn Lương, Hợp Thành của huyện Phú Lương ngày nay.

NỘI LÊ THỊ

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội); nguyên giảng viên Trường Trung học Cơ khí luyện kim Thái Nguyên.

Năm 1964, tốt nghiệp Trường Trung học luyện kim, bà được giữ lại làm công tác giảng dạy bộ môn Cơ khí; đồng thời theo học chương trình đại học tại chức. Vừa làm công tác giảng dạy, nhà giáo Lê Thị Nội vừa dành thời gian nghiên cứu, biên soạn tài liệu. Bà đã trực tiếp biên soạn

giáo trình 4 môn học: Công nghệ chế tạo máy, Phương pháp cắt kim loại, Kỹ thuật sửa chữa cơ khí nhỏ, Mài gọt kim loại.

Nhà giáo Lê Thị Nội đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ.*

Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

NÔNG VĂN VÂN

Cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ cai trị hà khắc của triều đình nhà Nguyễn (1833 - 1835) do Nông (Nùng) Văn Vân lãnh đạo. Khởi nghĩa nổ ra ở tỉnh Cao Bằng, lan nhanh xuống Tuyên Quang và Thái Nguyên. Nhiều người dân Thái Nguyên đã tham gia cùng nghĩa quân của Nông Văn Vân bao vây, đánh thành Thái Nguyên, chiến đấu nhiều trận với quân triều đình ở Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai. Quân khởi nghĩa đã bắt nhiều quan tỉnh, thích vào mặt dòng chữ: *Quan tỉnh hay ăn hối lộ* rồi đuổi về. Triều đình nhà Nguyễn phải nhiều lần đưa quân lên đánh dẹp rất vất vả với nhiều tổn thất. Đến năm 1835, cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

NÚI BÉN

Mỏ đá, nằm trên địa bàn xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Mỏ có diện tích 6,98 ha, trữ lượng 1.220.511 m^3, do Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Hoàng Hải khai thác theo Giấy phép số 2954/GP-UBND ngày 7/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, với thời hạn hoạt động 30 năm.

Đá khai thác từ mỏ Núi Bén chủ yếu được dùng làm đường và xây dựng. Do mỏ nằm không xa Quốc lộ số 3 nên việc khai thác, vận chuyển đá sản phẩm có nhiều thuận lợi.

Mỏ đá Núi Bén đã có lịch sử khai thác gần 50 năm, từ những năm 60 của thế kỷ XX, do một xí nghiệp của Nhà nước quản lí. Sản phẩm đá Núi Bén giúp phần quan trọng trong mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 3, Đường tỉnh 268 và nhiều tuyến đường huyện, nhiều cầu cống, công trình xây dựng ở tỉnh Thái Nguyên.

NÚI CHUÔNG

Hang đá tự nhiên ăn sâu vào lòng núi Chuông, thuộc xóm Yên Thịnh, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Hang có hai cửa hẹp, ăn thông nhau, nhìn

về phía nam. Trước cửa hang, cây cỏ rậm rạp. Lòng hang rộng rãi, nền hang được trát vữa xi măng bằng phẳng. Năm 1966 - 1967, đơn vị quân y của bộ đội Trung Quốc đã dùng hang làm bệnh viện nên dân chúng địa phương còn gọi là hang Trung Quốc.

Hiện nay, hang Núi Chuông vẫn còn nguyên vẹn, do một gia đình sở tại sử dụng, khi thì dùng làm nơi đặt chuồng trại chăn nuôi gia súc như trâu, lợn, khi thì để dùng làm chỗ để nông cụ và các vật dụng sinh hoạt của gia đình.

NÚI CỐC

Hồ nước ngọt nhân tạo, được triển khai thi công từ 1973 đến 1982, là công trình thủy lợi lớn nhất của tỉnh Thái Nguyên.

Hồ Núi Cốc được tạo nên bởi con đập chính cao 27 m, dài 480 m và 7 đập phụ. Diện tích mặt hồ rộng 25 km^2, với hơn 89 hòn đảo lớn nhỏ, dung tích của hồ 176 triệu m^3, sức chứa tối đa (trong mùa lũ) là 200 triệu m^3. Hồ cung cấp nước tưới cho 12.000 ha diện tích lúa và hoa màu thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và hai huyện Phú Bình, Phổ Yên; cấp 40 - 70 triệu m^3 nước mỗi năm cho công nghiệp và dân sinh; giảm nhẹ lũ phần hạ lưu sông Công và sông Cầu. Với diện tích rộng lớn, hồ Núi Cốc còn tạo ra một vùng tiểu khí hậu ôn hòa tạo điều kiện phát triển dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng và nuôi cá, cải thiện môi trường.

NÚI CỐC

Rừng phòng hộ, tiếp giáp sườn phía đông Vườn Quốc gia Tam Đảo; tổng diện tích tự nhiên gần 11.500 ha; trong đó đất hiện có rừng trên 4.000 ha. Rừng đảm bảo điều tiết nguồn nước, chống sói mòn, rửa trôi, bồi lắng lòng hồ; bảo vệ lưu vực chính của sông Công; điều hòa khí hậu, duy trì cân bằng sinh thái và bảo vệ đa dạng sinh học vùng hồ Núi Cốc.

Rừng phòng hộ Núi Cốc do Ban Quản lí (tiền thân là Ban Quản lí rừng phòng hộ Bắc Thái, thành lập năm 1991) quản lí.

NÚI ĐIỆNG

Nơi diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của 3 tổ chức: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Thanh niên, Phụ nữ. Vị trí di tích ở chân núi Tam Đảo (còn gọi là bãi Bồi Đồi) thuộc xóm Tân Lập, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ.

Tháng 1/1950: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam bầu đồng chí Hoàng Quốc Việt làm Chủ tịch.

Ngày 7/2/1950: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Đoàn Thanh niên Cứu quốc bầu đồng chí Nguyễn Lam làm Bí thư Trung ương Đoàn.

Ngày 14/4/1950: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam bầu đồng chí Lê Thị Xuyến làm Chủ tịch.

NÚI HỒNG

Mỏ than, nằm trong dãy Núi Hồng thuộc địa phận xã Yên Lãng (và một số vùng phụ cận), huyện Đại Từ. Mỏ than Núi Hồng có lịch sử phát triển từ năm 1920, khi người Pháp lập bản đồ địa chất và thăm dò tài nguyên 1920. Trong những năm 1959 - 1963, Tổng cục Địa chất tiến hành khoan thăm dò, đã đánh giá trữ lượng than tại mỏ Núi Hồng là 15 triệu tấn. Trong vòng 30 năm (1980 - 2010), Mỏ đã cung cấp trên 10 triệu tấn than các loại cho các nhà máy, khu công nghiệp và sinh hoạt của nhân dân; chất lượng TCVN: 5333 - 1999.

Là mỏ lộ thiên, điều kiện khai thác khá thuận lợi; tỉ lệ bóc đất là 1 - 1. Tuy nhiên, sản lượng than của Núi Hồng không cao, chỉ vào khoảng 350.000 tấn/năm. Mỏ là điểm nóng về ô nhiễm asen trong đất, hàm lượng từ 202 - 3.690 ppm (1ppm = 1/1.000.000).

NÚI HỒNG

Công ty than, trụ sở tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ. Việc khai thác than ở mỏ than Núi Hồng có lịch sử phát triển gần 100 năm. Sau khi đánh chiếm Thái Nguyên, từ đầu những năm 20 thế kỷ XX, người Pháp đã lập bản đồ địa chất, thăm dò và khai thác tài nguyên than tại đây. Trong những năm 1959 - 1963, theo kết quả điều tra của Tổng cục Địa chất, trữ lượng than tại mỏ Núi Hồng khoảng 15 triệu tấn.

Ngày 1/8/1980, mỏ than Núi Hồng chính thức được thành lập theo Quyết định số 49/ĐT-TCCB ngày 20/7/1980 của Bộ trưởng Bộ Điện Than. Từ đó, ngày 1/8 hằng năm trở thành ngày truyền thống của Mỏ than Núi Hồng. Ngày 4/10/2001, theo Quyết định số 430 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Than Việt Nam, Mỏ than Núi Hồng đổi tên thành Xí nghiệp than Núi Hồng. Năm 2007, theo Quyết định số 21, ngày 22/1/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc -

Tập đoàn than - khoáng sản Việt Nam (TK V), Xí nghiệp Than Núi Hồng đổi tên thành Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TK V Than Núi Hồng - VVMI, gọi tắt là Chi nhánh Than Núi Hồng.

Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba*; 2 *Huân chương Độc lập (hạng Nhì, hạng Ba)*.

NÚI LỀU

Căn cứ bí mật của Cứu quốc quân, ở xóm Đồng Mỏ, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.

Tại đây, đầu tháng 8/1941, các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt đã chỉ đạo tổ chức cơ sở Đảng và cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân ở Võ Nhai phải chú trọng củng cố lực lượng, quyết tâm đánh địch bảo vệ căn cứ, giữ vững liên lạc với Trung ương Đảng ở An toàn khu...

Sau khi cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân ở Võ Nhai tổ chức đường giao thông, trạm liên lạc, bảo vệ và dẫn đường đưa các đồng chí Trường Chinh và Hoàng Văn Thụ về An toàn khu ở dưới xuôi an toàn, đồng chí Hoàng Quốc Việt được phân công ở lại lãnh đạo, chỉ đạo tiếp phong trào cách mạng ở Võ Nhai. Ngày 25/8/1941, tại thôn Ván Bàng (xã Tràng Xá), đồng chí Hoàng Quốc Việt trực tiếp phổ biến nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, Chương trình và Điều lệ Việt Minh cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Cứu Quốc quân và tự vệ, du kích Võ Nhai. Sau đó, Cứu Quốc quân chia thành từng nhóm nhỏ xuống các cơ sở tuyên truyền, vận động nhân dân tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn do cuộc tấn công, càn quét của địch gây ra; hướng dẫn và chuẩn bị tư tưởng cho quần chúng sẵn sàng bước vào cuộc đấu tranh mới, quyết liệt hơn.

NÚI MÁ

Mỏ khoáng sản, nằm ở xóm Trạng, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình. Núi Má có tổng diện tích khai thác là 6,05 ha. Năm 2010, Núi Má đã được Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Trường Phát tiến hành đầu tư khai thác, cung cấp nguyên liệu đất đắp cho dự án Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn qua địa phận Thái Nguyên.

NÚI PHÁO

Công ty khai thác chế biến khoáng sản, giấy phép khai thác số 1710/GP-BTNMT ngày 21/9/2010, thời hạn khai thác 17,5 năm. Trụ sở chính đặt tại xóm 11 xã Hà Thượng, Đại Từ, Thái Nguyên. Mỏ đa kim Núi Pháo có diện tích 9,21 km², trải rộng trên địa bàn các xã Hùng Sơn, Hà Thượng, Tân Linh, Phúc Linh, Cát Nê thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đây là mỏ đa kim với trữ lượng vonfram, florit, đồng, bismut và vàng rất lớn; đặc biệt là vonfram đã được nhận diện một trong những mỏ có trữ lượng lớn với 52,5 triệu tấn quặng WO3 phẩm cấp trung bình 0,21%.

NÚI PHÁO

Mỏ khoáng sản đa kim, trải rộng trên địa bàn các xã Hùng Sơn, Hà Thượng, Tân Linh, Phục Linh thuộc huyện Đại Từ.

Đây là mỏ đa kim với trữ lượng vonfram, florit, đồng, bismut và vàng lớn thứ hai sau Trung Quốc, ước tính trữ lượng lên tới 83 triệu tấn quặng. Bãi thân quặng có chiều dài trên 1.600 m, thời gian khai thác trong vòng 17 năm. Dựa trên trữ lượng của từng loại sản phẩm, có thể khẳng định đây là mỏ vonfram lớn nhất thế giới, khai thác đạt khoảng 3,5 triệu tấn/năm.

Địa điểm mỏ có vị trí rất thuận tiện, dễ dàng tiếp cận bằng đường bộ thông qua Quốc lộ 37 và tiếp giáp với tuyến đường sắt khổ hẹp kết nối với hệ thống đường sắt Việt Nam. Tổng trữ lượng các loại kim loại ước đạt 55,4 triệu tấn.

NÚI PHẤN

Cầu, được xây dựng tại Km 96+955 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xóm Gốc Vải, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 4 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố đá xây, có tải trọng H10.

NÚI VĂN - NÚI VÕ

Lễ hội, có từ lâu đời, được tổ chức vào ngày 4/1 Âm lịch hằng năm, xưa kia tại đền thờ Lưu Nhân Chú dưới chân núi Văn bên đất Ký Phú, nay tại đền thờ Lưu Nhân Chú mới xây dựng quy mô lớn dưới chân núi Võ, thuộc xã Vân Yên, huyện Đại Từ. Lễ hội nhằm tưởng nhớ công lao to lớn của cha con Lưu Nhân Chú đối với quê hương, đất nước đồng thời cũng là dịp ôn

lại truyền thống anh hùng trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước, xây dựng quê hương đất nước của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ.

Phần lễ, có đại diện lãnh đạo tỉnh, huyện, xã, dòng họ Lưu (hậu duệ của Lưu Nhân Chú), nhân dân xã Vân Yên, Ký Phú và vùng phụ cận; đọc diễn văn nêu bật thân thế, sự nghiệp, những đóng góp to lớn của cha con người anh hùng dân tộc Lưu Nhân Chú đối với cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, đối với sự nghiệp xây dựng vương triều Lê thuở ban đầu và phát động nhân dân Đại Từ phát huy truyền thống, xây dựng quê hương giầu đẹp. Sau đó, mọi người vào thắp hương trước bàn thờ nơi chính điện.

Phần hội có nhiều trò chơi kéo co, đánh vật, chọi gà, cờ tướng, đấu bóng chuyền diễn ra ở sân đền và các đám đất xung quanh đền.

NÚI VOI

Mỏ đá, thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần cơ điện luyện kim Thái Nguyên, được thành lập ngày 13/2/1959, với nhiệm vụ khai thác đá vôi làm trợ dung luyện kim của Khu Gang thép Thái Nguyên và nhu cầu đá xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Mỏ áp dụng phương pháp khai thác tiên tiến bằng việc cho nổ các trái mìn buồng có khối lượng lớn. Ngày 15/9/1963, Mỏ nổ trái mìn buồng thứ nhất với lượng thuốc nổ 10 tấn. Ngày 11/11/1964, Mỏ nổ trái mìn thứ hai, sản xuất được 30.000 m^3 đá. Mỏ nằm trên địa bàn thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 5 km về phía bắc. Phía đông Mỏ là Quốc lộ 1B, phía tây là đường nối Quốc lộ 3. Mỏ có vị trí thuận lợi cho việc cung cấp các sản phẩm đá trong tỉnh và các vùng lân cận.

Mỏ đá Núi Voi kinh doanh các ngành nghề: Khai thác, chế biến đá xây dựng, đá vôi luyện kim; Sửa chữa thiết bị khai thác mỏ; Gia công cơ khí; Cung ứng các dịch vụ khai thác mỏ; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Mua và bán vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng, xăng dầu, vật liệu nổ, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, với năng lực khai thác, chế biến các sản phẩm đá 500.000 m^3/năm, Mỏ đá Núi voi đáp ứng mọi nhu cầu sản phẩm đá cho luyện kim và xây dựng.

NÚI VOI (Thạch Tượng sơn)

Núi đá vôi nằm trên địa bàn thị trấn Chùa Hang và một phần đất xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Núi có hình dạng như một con voi khổng lồ. Ngày xưa, núi này được gọi là Thạch Tượng Sơn, có nhiều thú dữ. Trong lòng núi có nhiều hang động; có hang rất rộng, chứa được 3.000 - 4.000 người. Nhiều hang có suối ngầm và một số hang còn có mạch nước phun lên.

Núi voi gồm 2 dãy núi đá theo hình vòng cung; phía đông bắc thuộc xã Hoá Thượng là hình voi phục; phía tây bắc giáp xã Cao Ngạn là dãy Quần Sơn (dãy vòi voi); phía tây nam có một ngọn núi nhỏ, gọi là núi Bó Cỏ nằm về phía đầu voi. Phía trước núi Bó Cỏ có đền thờ ông Quận, hiện nay chỉ còn địa điểm. Những năm 1593 - 1594, nhà Mạc đã dùng núi đá tự nhiên này làm phòng tuyến để chống lại nhà Lê.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từ năm 1947, Núi Voi là căn cứ hậu cần của quân đội. Hang Dê là nơi cất giấu vũ khí, đạn dược của Cục Quân giới; các hang đá trong núi là bệnh viện dã chiến của Cục Quân y.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mĩ gây ra trên địa bàn tỉnh Bắc Thái (1965 - 1968 và 1972), núi Voi vừa là căn cứ hậu cần, vừa là nơi đặt Sở Chỉ huy của bộ đội phòng không, là nơi sơ tán của nhân dân phòng tránh máy bay B52 của giặc Mĩ.

Năm 1962, Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định bảo vệ di tích lịch sử và danh thắng Núi Voi.

NÚI VOI

Nhà máy Xi măng, thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần cơ điện luyện kim Thái Nguyên, có trụ sở đặt tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ.

Nhà máy kinh doanh nhiều ngành nghề: Sản xuất xi măng, vôi; sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng và thạch cao; sửa chữa máy móc thiết bị, gia công cơ khí; kiểm tra và phân tích kỹ thuật bê tông, xi măng, tấm lợp, đá, gạch không nung, đất sét, than; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; mua bán xi măng clinker, than đá; mua và bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kim loại và quặng kim loại.

Nhà máy Xi măng Núi Voi đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của nhân dân trong và ngoài thành phố Thái Nguyên.

NÙNG

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, đứng thứ 3 về số dân ở Thái Nguyên, với 63.816 người (5,68 % dân số trong tỉnh), cư trú ở tất cả các huyện, thị, thành phố trong tỉnh. Người Nùng ở Thái Nguyên gồm 5 nhóm, trong đó, nhóm Nùng Cháo định cư ở Thái Nguyên sớm nhất, địa bàn cư trú chủ yếu ở các huyện Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ. Nhóm Nùng Phàn Slình có nguồn gốc ở Bình Gia, Văn Quan, Cao Lộc (Lạng Sơn), di cư xuống cư trú tập trung tại các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ. Nhóm Nùng An, Nùng Inh, Nùng Giang có nguồn gốc từ Cao Bằng, di cư xuống cư trú chủ yếu tại các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Phú Bình.

Là cư dân nông nghiệp, nguồn sống chính của người Nùng trước đây là trồng trọt và chăn nuôi, trong đó trồng trọt là hoạt động kinh tế chủ yếu. Ngày nay, cùng với dân tộc khác, người Nùng mở mang thêm nhiều ngành nghề mới theo xu thế của kinh tế thị trường. Nhiều gia đình người Nùng tổ chức giao thương, buôn bán, hoặc sản xuất cơ khí đạt hiệu suất cao.

Phong tục, tập quán trong sản xuất, đời sống tâm linh, hôn nhân và gia đình của người Nùng có nhiều điểm giống người Tày, người Kinh, nhưng cũng có những điểm riêng biệt. Nét khác biệt hơn cả là tục cấp sắc cho người trưởng thành là nam thanh niên, tuy không bắt buộc, không phải thanh niên nào cũng được cấp sắc. Cấp sắc vừa mang ý nghĩa trưởng thành, vừa mang ý nghĩa tín ngưỡng.

NUÔI NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1903, dân tộc Kinh, quê huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Nuôi có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệu hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Nuôi danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

NỨA

Đèo, trên con đường qua các xã Phúc Thuận - Thành Công phía tây huyện Phổ Yên rồi sang đất Bình Xuyên (tỉnh Vĩnh Phúc). Nơi đây, xưa kia có rừng nứa rậm rạp. Đèo Nứa không cao lắm nhưng địa thế hiểm trở, sát chân đèo có một ngọn núi nhô cao như chiếc vung khổng lồ nên người dân gọi là núi Chóp Vung. Từ đây có thể quan sát được một vùng khá rộng và khống chế cả đoạn đường đèo.

Ngày 5/10/1917, cánh quân của Đội Cấn từ phía núi Hàm Lợn (Phúc Yên) rút về đến đèo Nứa. Vì biết thế nào quân Pháp cũng đuổi theo, nên chỉ huy quyết định cho dừng lại bên đèo, lợi dụng địa hình hiểm trở để đánh địch bảo vệ lực lượng. Nghĩa quân dựa vào đồng bào ở quanh đèo giúp sức, đào công sự trên núi Chóp Vung và một số nơi hiểm yếu khác, mai phục chờ quân địch đến. Ngày 6/10/1917, quân địch lọt vào trận địa mai phục, nghĩa quân từ núi Chóp Vung đánh xuống, từ sườn đèo Nứa đánh ra khiến chúng hốt hoảng, tháo chạy và bị tổn thất nặng nề.

NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Nhà máy nước Túc Duyên thành lập ngày 25/12/1962 và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 1/1/2010. Đây là đơn vị đảm bảo cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ khi hoạt động theo mô hình mới, Ban lãnh đạo Công ty đã mở rộng hoạt động, đa dạng hoá dịch vụ nhằm đảm bảo và phát triển công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Trụ sở Công ty đặt tại Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Công ty kinh doanh các ngành nghề: Mua bán nước sạch, nước uống không có cồn; tư vấn lập dự án đầu tư, quản lí dự án đầu tư xây dựng công trình; khảo sát địa hình, địa chất công trình; khoan thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất; thiết kế hệ thống cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; thiết kế kết cấu công trình công nghiệp, công trình điện năng.

Đến năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên đã mở rộng diện cấp nước sạch tới địa bàn các thị xã, thị trấn, thị tứ của các huyện. Công ty đã nỗ lực khai thác tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư, triển khai

các dự án cấp nước, đảm bảo chất lượng nước sạch, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, đồng thời không ngừng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công ty tiếp tục hoàn thành các dự án: Cải tạo, nâng công suất của Nhà máy Nước Tích Lương từ 20.000 m^3/ngày đêm, lên 30.000 m^3/ngày đêm; cải tạo, nâng công suất Nhà máy Nước Sông Công từ 15.000 m^3/ngày đếm, lên 20.000 m^3/ngày đêm...

Công ty thường xuyên bảo đảm cung cấp đủ nguồn nước sạch phục vụ trên 50.000 hộ từ thành phố đến các huyện. Trong dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập, Công ty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhất.*

OÁNH

Bến phà, được mở năm 1950, sau Chiến dịch Biên giới; nối hai bờ sông Cầu, bên này thuộc đất xóm Oánh, xã Túc Duyên (nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), bên kia là xã Linh Sơn (huyện Đồng Hỷ).

Để vượt sông Cầu nối Quốc lộ 1B với Quốc lộ 3, Quốc lộ 19 (nay là Quốc lộ 37) qua thị xã Thái Nguyên (nay là thành phố Thái Nguyên) trong khi chưa xây dựng lại cầu Gia Bẩy, tỉnh được giao mở bến phà Oánh để xe cơ giới lưu thông. Bến phà do trung đội thanh niên xung phong của tỉnh phụ trách, thường xuyên có một phà hoạt động từ 17giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau để tránh máy bay địch đánh phá; khi có chiến dịch vận chuyển, bến có 2 phà hoạt động. Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến (1950 - 1954), bến phà đã có những đóng góp quan trọng vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Từ năm 1965, khi đế quốc Mĩ phát động chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta, bến phà Oánh tiếp tục hoạt động trở lại. Đặc biệt, từ năm 1972, khi đế quốc Mĩ phong toả cảng Hải Phòng, Quốc lộ 1B trở thành tuyến vận tải chiến lược quan trọng, Thái Nguyên là trung tâm trung chuyển hàng hoá từ nước ngoài vào nội địa để chuyển đi các chiến trường. Vì vậy, phà bến Oánh có vị trí hết sức trọng yếu trên tuyến vận tải chiến lược này.

Từ năm 1973, bến Oánh hằng ngày có gần 1.000 lượt người qua lại giữa các xã khu vực Đông Nam huyện Đồng Hỷ với thành phố Thái Nguyên. Năm 1974, bến phà ngừng hoạt động, thành phố đã cho làm cầu phao phục vụ dân đi lại hằng ngày.

OÁNH

Nhà thờ họ đạo, được dựng năm 1930 trên khu đất rộng 6.340 m² nay thuộc tổ 2 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Lúc đầu, do điều kiện kinh tế khó khăn, nhà nguyện được xây dựng bằng những vật liệu tranh, tre.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhà thờ bị phá dỡ. Năm 1962, nhà thờ được xây dựng lại trên diện tích khuôn viên 3.680 m². Nhà thờ giáo họ Oánh được xây dựng mới, hoàn thành năm 2007, trở thành một nhà thờ có quy mô lớn và đẹp nhất ở thành phố Thái Nguyên hiện nay, là nơi sinh hoạt tôn giáo của 185 hộ, 1.610 giáo dân trong họ đạo.

ONG LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910; quê tỉnh Nam Định; thường trú tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Mẹ Lê Thị Ong có 3 con liệt sĩ là Nguyễn Văn Vũ (nhập ngũ năm 1948, hi sinh năm 1950 trong một trận chống càn của giặc Pháp tại Bắc Giang); Nguyễn Hà Bắc (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 3/10/1967 tại Mặt trận phía Nam); Nguyễn Văn Hào (nhập ngũ năm 1968, hi sinh tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Ong danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

OÓC PÒ

Lễ hội dân gian của đồng bào Nùng, còn có tên gọi khác là lễ hội Ra (lên) đồi, lễ hội Ra đồi - cầu mùa, được tổ chức trong các bản làng người Nùng vào dịp cuối tháng 3 đầu tháng 4 Âm lịch hằng năm.

Lễ hội Oóc Pò mang ý nghĩa phồn thực, nhằm cầu trời đất, cầu thần linh ban cho một năm mưa thuận gió hoà, ruộng rẫy tốt tươi, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi nảy nở, mọi người trong bản làng bình an, no ấm.

Lễ hội Oóc Pò có thể được tổ chức tại đình làng, nhưng cũng có thể diễn ra trên một thửa ruộng, một sườn đồi bằng phẳng, rộng rãi được dân bản cho là đất thiêng. Để làm cỗ cúng trời đất, thần linh, mỗi gia đình trong bản góp một ít tiền, 1 con gà, 1 chai rượu, 1 bát gạo. Việc nấu cỗ tiến hành tại sân đình hoặc nhà ông Trưởng bản.

Phần lễ do ông chủ tế là thầy Tào hoặc vị già làng có tri thức, uy tín. Đàn ông trong bản, từ Trưởng bản đến các vị chức sắc, trai đinh đều mặc y phục dân tộc Nùng đen chàm, khăn chàm quấn trên đầu thành vòng. Theo vị trí trong bản, mọi người ngồi trước bàn thờ trên đặt sẵn các mâm cỗ. Ông chủ tế làm các nghi thức dâng hương, dâng rượu, dâng lễ, xin đài âm dương. Khi xin được đài, ông đọc một bài sớ dài bằng tiếng Nùng thỉnh cầu trời đất, thần linh. Đọc xong bản sớ, chủ tế tiếp tục xin đài âm dương. Nếu thuận (xin được âm - dương), thì kết thúc phần lễ để sau đó cỗ được bày ra cho mọi người cùng hưởng. Những người không đến dự lễ hội được, cũng được nhà bếp gói cho phần xôi, thịt theo tục lệ của bản.

Phần hội diễn ra khi kết thúc phần lễ. Ông già làng tiến ra sân hội đánh trống khai hội. Màn múa lân mở đầu phần hội. Múa kì lân là nét riêng của đồng bào Nùng. Một tốp múa có 1 - 2 hoặc một đàn kì lân, 1 đười ươi và 2 khỉ. Bộ đầu lân, đười ươi, khỉ do dân bản tự làm bằng song, tre, mây, giấy, vải, mầu khác hẳn đầu sư tử và phục trang múa sư tử của người Kinh, người Tày. Cách thức múa lân cũng tương tự múa sư tử, chỉ có một điểm khác là kết thúc màn múa những con Lân "vẫn sống". Hết màn múa lân là hội tung còn. Cây còn cao 12 m, tượng trưng cho 12 tháng của một năm. Cách thức chơi cũng giống như tung còn trong hội lồng tồng của người Tày. Trong hội còn nhiều trò chơi độc đáo của người Nùng: gieo đúm (thọt còn), đánh quay (tả sáng), đánh cầu (tức din), kéo co, đánh yến, thi bắn nỏ, thi cầu trượt... Các bà, các chị còn thi gói bánh, thi dệt vải. Trai gái trong bản, trai gái đến từ các bản, xã khác từng tốp, hát sli, hát lượn. Những cuộc sli, lượn kéo dài tới đêm...

Ở Thái Nguyên, lễ hội Oóc Pò chỉ còn được tổ chức ở các xã Tân Long, Vân Hán (huyện Đồng Hỷ).

Ô TÔ SỐ 10

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải, được thành lập ngày 16/7/2004. Trụ sở đặt tại 3/1 - Tổ 2 - Đường Bắc Kạn - Phường Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề chính: Vận tải hàng hoá và hành khách; Kinh doanh vật liệu xây dựng, bến bãi, xăng dầu; Đào tạo lái xe; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

ỐC

Hang đá tự nhiên ở xã Bình Long, huyện Võ Nhai.

Cửa hang cao khoảng 60 m so với mực nước biển, 33 m so với chân núi, quay về phía bắc, rộng 14 m, cao khoảng 9 m. Trước cửa hang có 3 phiến đá to, nằm cách đều nhau, án ngữ ngay lối ra vào. Hang rất rộng, có thể chứa được cả ngàn người; nền hang gồ ghề có nhiều vỏ ốc lẫn với đất đá và những hòn đá tảng. Cuối hang có một bệ đá rộng khoảng 5 m, cao 1,5 m; phía bên trái cuối hang có một ngách nhỏ thông ra phía ngoài cửa hang.

Trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Ủy ban Hành chính xã Bình Long cùng nhân dân đã vào trú ẩn và làm việc ở trong hang.

ÔN PHAN HUY (1755 - 1786)

Đốc đồng trấn Thái Nguyên. Từ nhỏ tên là Khuông, sau khi thi hương đổi tên là Ôn, tự là Hoà Phủ, hiệu là Chỉ Am. Quê gốc ở làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay là huyện Can Lộc), trấn Nghệ An (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh). Sau gia đình ông chuyển ra làng Thuỵ Khuê, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây (nay là Hà Nội) trở thành dòng họ Phan Huy xứ Đoài. Từ sau khi đỗ Tiến sĩ (1779), đến năm 1786, Phan Huy Ôn được triều đình bổ nhiệm giữ các chức vụ: Đốc đồng trấn Thái Nguyên, Đốc đồng trấn Sơn Tây, Thị chế Hàn lâm viện, Tham đồng đề lĩnh, Thiêm sai tri công phiên, tước Mỹ Xuyên bá; khi mất, được tặng chức Hàn lâm thị giảng, tước Mỹ Xuyên hầu.

Phan Huy Ôn là tác giả các tác phẩm: *Liệt truyện đăng khoa lục, Chỉ ám thi tập, Nghệ An tạp kí, Thần quật kí, Khoa bảng tiêu kỳ, Chỉ minh lập thành toán pháp*. Ông có công nghiên cứu và viết rất kĩ về một số nhân vật khoa cử nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, sắp xếp danh sách những

người đỗ đạt theo từng huyện, từng trấn. Sách *Chỉ Minh lập thành toán pháp* gồm 4 quyển, dạy về bàn tính, bản cửu chương, các phép tính cơ bản, cách đo đạc... Đáng chú ý là cách dạy áp dụng toán học trong thực tế đắp đê, chở thuyền...

ÔN LƯƠNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ôn Lương là xã miền núi, vùng sâu của huyện Phú Lương. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Ôn Lương là xã nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Trung ương; là địa bàn đứng chân của Phòng 4 Nha Quân dược (1948 - 1957); Phân kho Quân khí 265 Bộ Quốc phòng (1953 - 1957); Cục Quản lí xe (1952); Z16 Cục Quân y (1948 - 1957); cơ quan Cục Quân y...); Đây cũng là nơi cất giấu xe ô tô của Cục Vận tải (1950 - 1952); nơi thành lập và làm việc của Viện Quân y 108 (Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 ngày nay)...

Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân xã Ôn Lương đã nhường nhà, sẻ chia lương thực, thực phẩm cho cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, đơn vị; hết lòng chăm lo các thương, bệnh binh điều trị trong quân y viện; góp phần bảo vệ an toàn tuyệt đối các cơ quan, đơn vị đóng quân trên địa bàn xã.

Do lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.*

ÔN LƯƠNG

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía tây huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Phúc Tiến (huyện Định Hoá), phía đông giáp xã Phủ Lý và Yên Đổ, phía nam giáp xã Hợp Thành, phía tây giáp xã Bộc Nhiêu (huyện Định Hoá) và xã Phúc Lương (huyện Đại Từ).

Thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám là 2 xã Ôn Lương Thượng và Ôn Lương Hạ. Khi 2 xã giành được chính quyền (ngày 5 và 6/4/1945), xã Ôn Lương Hạ đổi là xã Phú Thịnh và Ôn Lương Thượng đổi thành Thái Thịnh thuộc tổng Ninh Tường. Tháng 10/1946, tổng Ninh Tường

(gồm 7 xã) được đặt thành 1 xã lấy tên là xã Hợp Thành, sau gọi là xã Tam Hợp. Sau hoà bình lập lại (1954), xã Tam Hợp tách thành 3 xã: Hợp Thành, Tân Thành, Phủ Lý. Ngày 7/4/1974, xã Tân Thành đổi tên là xã Ôn Lương.

Diện tích tự nhiên 1.723,94 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 1.620,29 ha (93,99%), nhóm đất phi nông nghiệp 95,83 ha (5,56%), còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 3.100 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, Mường, Hoa cư trú ở 10 xóm bản: Bản Cái, Cây Thị, Đầm Rum, Khau Lai, Na Pặng, Na Tủn, Thâm Đông, Thâm Trung, Trung Tâm, Xuân Trường.

Ôn Lương có nhiều di tích lịch sử, cách mạng, kháng chiến: Đình Khuôn Rang, đình làng Khau Chỉa là nơi thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Phú Thịnh (tức Ôn Lương Hạ) (5/4/1945); xóm Na Tủn - nơi thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời châu Phú Lương (17/7/1945). Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Ôn Lương là xã nằm trong An toàn khu Trung ương, nơi đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị quân đội.

Do có thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

ÔNG DÀI, ÔNG CỘC

Truyện cổ dân tộc Kinh vùng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ: Ngày xưa, ở bến sông Huống có đôi vợ chồng nông dân. Một hôm xuống sông tắm, người vợ nhặt được 2 quả trứng nhỏ, mang về để ở đống rơm. Một thời gian sau, 2 quả trứng nở ra hai con rắn, 1 trắng, 1 đen. Hai vợ chồng nuôi đôi rắn trong nhà. Càng lớn, đôi rắn càng quấn quýt hai ông bà. Một lần đớp mồi nhầm, con rắn trắng đớp cụt mất mẩu đuôi con rắn đen. Từ đấy, con rắn đen cộc đuôi trở nên hung dữ, làm hại cả người hàng xóm.

Một hôm, vợ chồng người nông dân lựa lời nói với đôi rắn: "*Bây giờ các con đã lớn, đã tự kiếm ăn được, nên bố mẹ sẽ đưa các con tới chỗ nào*

các con ưng thì ở lại ...". Hai con rắn nghe lời. Ông bà xuống thuyền, bơi dọc sông, hai con rắn bơi theo.

Lúc bấy giờ ở bờ sông Như Nguyệt, quân ta lập chiến luỹ chống giặc, hai bên giao tranh ác liệt chưa phân thắng bại. Một hôm, có hai tráng sĩ, một người mặc áo giáp trắng, một người mặc áo giáp đen đến trại quân xin đi đánh giặc. Hai người cầm quân đánh giặc tơi bời, không ai chống cự nổi. Một đêm, tướng giặc có người chỉ cách dùng hoả binh trị hai tráng sĩ. Quả nhiên, khi bị lửa đốt, áo giáp của hai tráng sĩ bị nóng nhũn ra, họ đành tuẫn tiết.

Sau khi hai tráng sĩ chết, người dân Huống Thượng thấy hai con rắn to vùng vẫy giữa khúc sông quê mình. Đến đêm, hai vợ chồng người nông dân nọ thấy hai chàng thanh niên hiện về, lễ phép nói: "*Chúng tôi vốn là thần, con của Giao Long nơi Đông Hải. Biết đất nước có giặc ngoại xâm nên ra tay cứu giúp...*". Hai người con trai chính là hai rắn thần, một đuôi dài, một đuôi cộc, cũng chính là hai tướng quân áo giáp trắng, đen có công đánh giặc ngoại xâm.

Ông Cộc, ông Dài được người dân Huống Thượng lập đền thờ, hương khói đến tận ngày nay.

ÔNG ĐỐNG

Nơi đặt đài quan sát máy bay Mĩ. Vị trí di tích trên đồi Ông Đống cao 150 m so với mặt bằng khu vực thuộc xóm Đồng Tiến, xã Đồng Quang, nay là phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 12/3/1966, Ban Chỉ huy Thành đội (nay là Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên) quyết định thành lập đài quan sát máy bay Mĩ, đặt trên đồi Ông Đống. Đài do 6 chiến sĩ dân quân của Xã đội Đồng Quang (nay là phường Đồng Quang) đảm nhận nhiệm vụ quan sát 24/24 giờ trong ngày; nếu phát hiện máy bay địch xâm phạm vào vùng trời Thành phố, phải kịp thời thông báo cho Ban Chỉ huy Thành đội, Ban Chủ nhiệm phòng không Thành phố. Đài quan sát hoạt động đến tháng 12/1967. Đồi Ông Đống còn là Sở Chỉ huy tác chiến của Tỉnh đội Bắc Thái trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ (1965 - 1972).

ÔNG GÙ

Cầu, được xây dựng tại Km 18+500 - Tỉnh lộ 270, bắc qua suối Đá Rùa, thuộc địa phận xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ. Cầu dài 6,4 m, rộng 4,5 m.

ÔNG LÃO

Cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh (1410 - 3/1412)

Khởi nghĩa nổ ra trước tiên tại huyện Đồng Hỷ, phát triển xuống phía bắc huyện Phổ Yên. Được đông đảo nhân dân trong vùng hưởng ứng, nghĩa quân Ông Lão mở rộng địa bàn hoạt động, tập kích đánh địch ở các huyện Cổ Lũng (nay là huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn), Tư Nông (nay là huyện Phú Bình) và Đồng Hỷ. Trước các hoạt động mạnh mẽ của nghĩa quân, nhà Minh phải ra lệnh cho tên tay sai Ma Bá Hổ - Đồng tri phủ Thái Nguyên tuyển thêm binh lính để đàn áp. Nhiều trận quyết chiến nổ ra, nghĩa quân Ông Lão gây cho giặc Minh nhiều tổn thất nặng nề. Đến tháng 3/1412, cuộc khởi nghĩa Ông Lão bị dập tắt.

ÔVÉCNHƠ (AUVERGNE)

Phó Công sứ Thái Nguyên năm 1890, rồi chuyển làm Công sứ Bắc Ninh (1890 - 1/11/1892). Từ ngày 1/11/1892 đến tháng 2/1894, làm Công sứ Thái Nguyên.

Được chính quyền thực dân đánh giá là có trách nhiệm, có nhiều biện pháp trong cải cách hành chính, truy quét lực lượng chống đối ở Thái Nguyên, đặc biệt ông là người trực tiếp gặp và đàm phán, thuyết phục thủ lĩnh Lường Tam Kỳ. Ngày 4/3/1893, Auvergne thay mặt Chính phủ Pháp ký với Lường Tam Kỳ thoả ước gồm 10 điểm; theo đó, Lường Tam Kỳ nhận những quyền lợi mà người Pháp ban cho để từ bỏ vũ khí, quy phục chính quyền thực dân Pháp.

Năm 1908, Auvergne nghỉ hưu sau một số năm giữ chức Thống sứ Trung Kỳ. Năm 1931, ông được tặng thưởng *Huân chương Bắc đẩu bội tinh* nhân dịp Hội chợ Pari, khi đó đã 73 tuổi.

PẢ DUNG

Dân ca cổ truyền của người Dao (còn gọi là Pá dung, Páo dung). Đây là lối hát đối đáp, ít có bài mẫu sẵn. Tuy nhiên, cũng có một số bài hát được ghi chép bằng chữ Nôm Dao lưu truyền đến ngày nay. Đó là

những bài hát có chủ đề hát chào (chíp khé dung), hát tiễn đưa (phúng khé dung), hát mời rượu (hốp tíu dung), hát về tình yêu (phây quyển dung), hát về mồ côi (cô hàn dung), hát răn dậy (giáo miền dung)... Hát Pả dung không giới hạn về số lượng người hát, tuy có thể hát bất kì thời gian nào, nhưng thường là dịp cúng Bàn Vương và đầu xuân năm mới.

Đồng bào Dao Quần Chẹt ở Đại Từ, trong dịp lễ cúng Bàn Vương, hát tới 36 bài ca theo trình tự của một nghi thức cổ truyền, kéo dài từ nửa đêm hôm trước tới trưa hôm sau mới kết thúc. Mỗi dịp Tết đến, xuân về, trong các bản người Dao thường mở hội vui xuân. Các tốp con trai, con gái người Dao lại giao duyên qua điệu Pả dung. Nhờ những buổi hát Pả dung giao duyên ấy, nhiều người đi hát nên duyên vợ chồng.

PẢI - NÀ LẠNG

Nơi Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ sản xuất giấy in tiền và in tài liệu, sách, báo trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích ở xóm Pải và xóm Nà Lạng thuộc xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Nhà máy giấy Đáp Cầu với hàng ngàn tấn máy móc, thiết bị được di chuyển lên xóm Pải và xóm Nà Lạng, lấy tên là Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Nhà máy chuyên sản xuất giấy in tiền và in tài liệu, sách, báo phục vụ kháng chiến.

PẮC TẮC

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại Km 5+030, thuộc địa phận xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp dài 6 m; mố cầu bằng bê tông, dầm bản bê tông cốt thép. Tải trọng thiết kế và thực tế là H13-X60. Nhờ có cầu Lọ Goài nên ô tô có thể đi từ Nước Hai vào trung tâm xã Thần Sa trong mùa mưa bão.

PHẢ LÝ

Đình, được dựng từ lâu đời trên đồi Đình, thuộc xóm Phả Lý, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ.

Đình gồm 3 gian, cột gỗ lim to, lợp ngói, 4 mặt xung quanh được bưng ván, nền đất, hai bên làm sàn để các quan viên và dân ngồi. Phía trước ngôi đình, hai bên có hai cây đa cổ thụ cành lá giao nhau. Qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, ngôi đình đã bị phá hỏng, chỉ còn lại nền và mấy hòn đá kê chân cột.

Năm 1991, nhân dân trong xóm xây dựng lại đình trên nền đất cũ, gồm 2 gian 1 chái, 16 cột bằng gỗ xoan, mái lợp ngói máng, nền láng xi măng. Đồ vật của đình cũ hiện còn 1 cồng, 1 chiêng và một số hòn đá tảng dùng để kê chân cột, hòn to nhất dầy 50 cm, bề mặt rộng 60 cm.

PHAI ĐÁ

Cầu, được xây dựng năm 2009 tại Km 22 + 667 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Kim Sơn, huyện Định Hoá. Cầu dạng kết cấu nhịp/bản bê tông cốt thép nhịp GD; mặt cắt dầm chủ số dầm chủ/một nhịp bê tông cốt thép; dạng kết cấu mố trụ đá bê tông cốt thép. Cầu dài 7 m, rộng 8,5 m; tải trọng thiết kế H30 - Xb80. Tải trọng khai thác biển báo 30 tấn.

PHẠM BÁ NHU

Đồn điền của chủ người Việt nằm trên địa bàn xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, thành lập ngày 5/2/1927, gồm những dải đất hai bên bờ sông Công, trong đó tập trung nhiều ở Bản Ngoại. Diện tích đồn điền khi mới thành lập là 115 ha; cư dân gồm 32 hộ (40 đàn ông, 40 đàn bà, 60 trẻ con), với 83 ha ruộng đất trồng lúa, 32 ha đất thổ cư và vườn tạp.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Phường, nằm ở trung tâm thành phố Thái Nguyên; phía tây bắc giáp phường Hoàng Văn Thụ, phía đông và đông bắc giáp phường Trưng Vương, phía đông giáp phường Túc Duyên, phía nam giáp phường Gia Sàng, phía tây nam giáp phường Đồng Quang. Diện tích tự nhiên 2,63 km^2. Dân số (năm 2009) có 17.297 người thuộc các thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Khơ Me cư trú ở 40 tổ dân phố, từ tổ 1 đến 40. 80% dân cư trong phường làm kinh doanh thương mại, dịch vụ, 15% là công chức, viên chức (kể cả hưu trí) còn lại làm nghề tự do.

Phường Phan Đình Phùng được bao quanh bởi 4 trục đường phố lớn và sầm uất của thành phố. Đó là đường Hoàng Văn Thụ, đường Cách Mạng Tháng Tám, đường Lương Ngọc Quyến, đường Bắc - Nam. Trên địa bàn phường có Công ty May xuất khẩu TNG, Công ty Chế biến thực phẩm Thái Nguyên Vicoba, Công ty Xây dựng Việt Bắc, Trung tâm Thương mại Minh Cầu, siêu thị sách. Phường là nơi đặt trụ sở của: Kho bạc tỉnh, Công ty Điện lực, Sở Công thương, Công an thành phố, Bưu điện tỉnh, Viễn

thông tỉnh, Tập đoàn Bảo Việt, Bệnh viện Đa Khoa Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm.

PHAN VŨ TÔNG

Tham hiệp Thái Nguyên, tự là Hoán Phủ, hiệu là Hồng Châu, Đường Xuyên và Lỗ Am; sinh năm 1800, từ trần năm 1851; vốn là người xã Hoa Đường, huyện Đường An (nay thuộc huyện Bình Giang, Hải Dương), sau chuyển ra sống ở thôn Tự Tháp ven hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội); đỗ Tiến sĩ năm 1826; có thời gian được bổ chức Tham hiệp Thái Nguyên.

Trong *Lỗ Am di cảo thi tập* có chép 3 bài thơ: *Phụng bổ Thái Nguyên Tham hiệp ngoại thành ngụ* (*Được bổ làm Tham hiệp Thái Nguyên trú lại ở ngoại thành*), *Canh Dần lạp đắc cách tại Thái Nguyên bổ vụ ngẫu hội biểu điệt Ngọc Đĩnh mạn thuật* (*Tháng Chạp năm Canh Dần (1830) bị cách chức vụ được bổ ở Thái Nguyên, nhân tình cờ gặp cháu bên ngoại là Ngọc Đĩnh mà tản mạn thuật lại*) và bài *Nhân sự vãng Thái Nguyên Bình Tuyền huyện tương chí tức sự* (*Nhân có việc đi huyện Bình Tuyền tỉnh Thái Nguyên, tức sự khi sắp đến*).

PHAO THANH

Chùa, có từ lâu đời ở xóm Phao Thanh, xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình.

Chùa cổ Phao Thanh đã bị phá huỷ từ lâu. Gần đây, nhân dân địa phương đã xây dựng lại chùa. Những hiện vật của chùa cũ còn lưu giữ được gồm 1 tấm bia tứ diện hình trụ "*Báo ân bi kí*", nội dung ghi chép những người làm công đức tu sửa chùa vào năm Tự Đức thứ 6 (1853); 1 bia "*Hậu phật bi kí*", nội dung ghi chép những người làm công đức tu sửa chùa vào thời vua Khải Định (1916 - 1925).

PHAO THANH

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Phao Thanh, xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình. Năm 1948, tại ngôi đình đã diễn ra cuộc Hội nghị của Trường Quân chính Lê Bình, do ông Lê Liêm - Cục trưởng Cục Dân quân, chủ trì. Đình cũng là nơi tổ chức Đại hội Phụ nữ Khu 12.

Năm 1959, ngôi đình bị sụp đổ. Các hiện vật của đình được lưu giữ tại chùa Phao Thanh, bao gồm: 1 sắc phong niên đại Khải Định năm thứ 9 (1924), 1 thần phả kèm theo bản chép các sắc phong vào thời vua Tự

Đức năm thứ 31 (1878) và năm thứ 33 (1880), 1 cửa võng chạm lưỡng long chầu nguyệt, 1 ngai thờ chạm đầu rồng có bài vị kèm theo, 1 bát hương gốm Thổ Hà men da lươn.

PHAO THANH

Tổng thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên trong thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Phao Thanh đầu thế kỷ XX gồm 5 xã: Phao Thanh, Tiên La, Lang Tạ, Lang Trình, Phú Mỹ.

Xã Phao Thanh có 2 làng, xóm: Phượng Nghi, Quán. Xã Tiên La có 3 làng, xóm: Nông Bào, Ngô Thôn, Sơn Nho. Xã Lang Tạ có 3 làng, xóm: Hoàng Xá, Phương Lân, Sơn Lâu. Hai xã Lang Trình, Phú Mỹ nhất xã, nhất làng.

PHÁO

Núi, xưa có tên là Pháo Sơn, nằm gần Quốc lộ 37, trên địa phận xóm Đồng Đa, xã Cù Vân, huyện Đại Từ; có đỉnh cao 434 m, toạ độ: 21°37' vĩ Bắc và 105°42' kinh Đông. Đứng trên đỉnh núi có thể bao quát cả một vùng rộng lớn.

Theo tài liệu lưu trữ, trong những ngày cuối cùng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917, nghĩa quân do thủ lĩnh Đội Cấn chỉ huy lại vòng về cố thủ ở núi Pháo, dựa vào rừng núi hiểm trở để chiến đấu. Giặc Pháp đã phải huy động cả một lực lượng lớn quân lính bao vây tấn công. Tại Núi Pháo, tháng 12/1917, đã diễn ra những trận chiến đấu ngoan cường của Đội Cấn và một số nghĩa quân trước hàng trăm quân Pháp và tay sai. Ngày 5/1/1918, tại Núi Pháo, vị thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên Trịnh Văn Cấn không cam chịu rơi vào tay giặc, đã tuẫn tiết để tỏ rõ khí phách, bảo toàn thanh danh, nêu một tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước.

Trong Cách mạng tháng Tám, sau Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, trên đường về thủ đô Hà Nội, Bác Hồ đã nghỉ trưa ở một nhà dân trong xã Hà Thượng giáp chân núi Pháo. Trong Chiến dịch Thu - Đông năm 1947, vùng đất chân Núi Pháo cũng diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, dân quân xã Hà Thượng,

dưới chân núi Pháo đã anh dũng đánh trả máy bay Mĩ, bắn rơi chiếc máy bay RF 4C bằng 18 viên đạn súng bộ binh.

Vùng núi Pháo có mỏ vonfram - đa kim lớn.

PHẤN MỄ

Đồn binh Pháp (xây dựng năm 1925) nhằm kiểm soát Quốc lộ 3 và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Vị trí di tích nằm trên một quả đồi cao thuộc xóm Mỹ Khánh, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương.

Đồn Phấn Mễ được xây kiên cố bằng gạch và xi măng cốt thép, nền đổ bê tông dầy, có 2 tầng. Tầng trên làm vọng gác; tầng dưới là nơi ở của binh lính. Bao quanh đồn là một tường rào dầy, cao, xây bằng gạch, đá. Ngay cổng ra vào đồn là lô cốt xây kiên cố. Lực lượng đồn trú trong đồn khoảng một trung đội (trên dưới 30 lính).

Ngày 13/7/1945, lực lượng cách mạng bao vây đồn Phấn Mễ, buộc toàn bộ quân địch đóng trong đồn phải đầu hàng, giao nộp 55 khẩu súng các loại và 600 viên đạn. Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, ta đã phá huỷ đồn.

Hiện nay, dấu tích còn lại của đồn Phấn Mễ là một phần nền móng và một góc bể nước, nằm cách nền đồn 50 m về phía bắc. Quả đồi nơi có đồn binh xưa (khoảng 1 ha), nay đã thành rừng PAM cây cối xanh tươi.

PHẤN MỄ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Phấn Mễ là xã phía Tây Nam của huyện Phú Lương. Nhân dân Phấn Mễ sớm có truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phấn Mễ là nơi Cục Quân giới đặt xưởng sản xuất vũ khí; đã từng chế tạo thành công súng Badôka. Phấn Mễ đã đóng góp nhiều sức người, sức của, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Do lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.*

PHẤN MỄ

Mỏ than, thuộc xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Than Phấn Mễ là loại than mỡ, dùng để luyện thành than cốc sử dụng trong công nghiệp luyện kim, có nhiệt lượng Q = 8.676 Kcal/kg, trữ lượng 2.177.000 tấn cấp A+B+C, xếp vào loại mỏ nhỏ.

Mỏ than Phấn Mễ do Sở Địa chất Đông Dương phát hiện đầu năm 1906; trong hai năm, từ 1908 đến 1910, đã có 7 điểm mỏ tại Phấn Mễ do quan lại người Pháp và người Việt khai thác. Năm 1910, tư bản Pháp mua lại những mỏ này để lập Công ty than Phấn Mễ. Năm 1924, Công ty than Phấn Mễ bị thu hút vào Công ty than và mỏ kim loại Đông Dương. Trong 39 năm (1906 - 1945), thực dân Pháp đã khai thác từ Mỏ Phấn Mễ hơn một triệu tấn than.

Tháng 3/1945, Nhật đảo chính Pháp, Mỏ than Phấn Mễ bị quân đội Nhật chiếm. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, khu mỏ Phấn Mễ về tay chính quyền cách mạng quản lí.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), than Phấn Mễ được khai thác phục vụ các công binh xưởng của ngành Quân giới. Đặc biệt, trong những năm đầu kháng chiến, khu "Tây máy" ở Mỏ than Phấn Mễ (nay thuộc tiểu khu Giang Nam, thị trấn Giang Tiên) là nơi kĩ sư Trần Đại Nghĩa cùng các cộng sự Xưởng Quân giới Giang Tiên sản xuất thành công súng và đạn Bazoka theo kiểu của Mĩ, giúp bộ đội có hoả lực xuyên phá tiêu diệt xe tăng và các ổ đề kháng kiên cố của giặc Pháp.

Kể từ khi Khu Gang thép Thái Nguyên (nay là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên) đi vào hoạt động, Mỏ than Phấn Mễ (nay là Công ty Cổ phần than Phấn Mễ) là đơn vị sản xuất than mỡ phục vụ nhiệm vụ luyện ra gang thép.

Bước sang đầu thế kỷ XXI, khi trữ lượng Mỏ than Phấn Mễ được khai thác hết, hiện trường khai thác đã được hoàn thổ để trả lại môi trường. Công ty Cổ phần mỏ than Phấn Mễ lại tiếp tục nhiệm vụ khai thác mỏ mới tại địa bàn các xã Hà Thượng và Phục Linh, huyện Đại Từ.

PHẤN MỄ

Xã miền núi thuộc khu vực phía nam huyện Phú Lương. Phía bắc giáp 2 xã Động Đạt, Yên Lạc và thị trấn Đu, phía đông giáp xã Tức Tranh, Vô Tranh, phía nam giáp thị trấn Giang Tiên, phía tây giáp 2 xã Phục Linh và Tân Linh (huyện Đại Từ).

Phấn Mễ trước năm 1945 là 2 xã Phấn Mễ và Phấn Sức, thuộc tổng Động Đạt. Tháng 10/1946, xã Phấn Mễ và Phấn Sức hợp nhất thành xã Phấn Mễ. Xã Phấn Mễ hiện có diện tích tự nhiên 2.531 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 1.842,32 ha, nhóm đất phi nông nghiệp 656,82 ha (26%), còn lại là nhóm đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 10.108 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu cư trú ở 26 xóm: Bầu 2, Bầu 1, Bò 2, Bò 1, Bún 2, Bún 1, Cọ 2, Cọ 1, Gia 2, Gia 1, Giang 2, Giang 1, Hoa 2, Hoa 1, Làng Hin, Làng Mai, Làng Trò, Lân 2, Lân 1, Mấu 2, Mấu 1, Mỹ Khánh, Phú Sơn, Phú Yên, Tân Hoà, Tràng Học. Người dân Phấn Mễ chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước, trồng màu, cây chè và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Một bộ phận sống bằng nghề buôn bán và làm công nhân mỏ than Phấn Mễ.

Trên đất Phấn Mễ có mỏ than mỡ phục vụ công nghiệp luyện gang thép, do Công ty Cổ phần than Phấn Mễ thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên khai thác; có mỏ than Làng Bún, mỏ sắt Phố Giá; có hồ Làng Hin, đầm Ao Trúc.

Xã Phấn Mễ có truyền thống lịch sử cách mạng rất vẻ vang. Mỏ than Phấn Mễ là nơi diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân mỏ thời kỳ trước tháng 8/1945. Các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ: Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt... đã qua lại chỉ đạo phong trào cách mạng tại đây. Xóm Hái Hoa là 1 trong 2 cơ sở cách mạng đầu tiên của huyện Phú Lương (từ 1942). Trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, dân quân du kích Phấn Mễ phối hợp với bộ đội chủ lực đánh nhiều trận, tiêu diệt nhiều quân địch trên Đường số 3.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

PHẤN MỄ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 2 xã của tổng Động Đạt là: Phấn Mễ và Phấn Sức; gồm các thôn, làng: Bốn, Chiềng, Giá, Lẻo (của xã Phấn Mễ cũ) và Bảo, Cọ, Lân, Mát, Thái Bình (của xã Phấn Sức cũ). Dân số toàn xã (1954) có 1.525 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay, Dao.

Về vị trí địa lí, xã Phấn Mễ phía bắc giáp xã Động Đạt và Yên Lạc; phía đông giáp 3 xã Tân Phú (xã Tức Tranh và xã Phú Đô cũ), Vô Tranh và Cổ Lũng; phía tây giáp huyện Đại Từ. Xã Phấn Mễ thời kỳ này về cơ bản tương ứng với đất xã Phấn Mễ và phần đất phía Bắc của thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương ngày nay.

Phấn Mễ có nhiều đóng góp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là nơi đặt Xưởng Quân giới Giang Tiên đã từng chế tạo thành công súng đạn Bazoca theo kiểu Mĩ, giúp bộ đội ta có loại vũ khí có thể diệt xe tăng, công phá công sự kiên cố của địch. Bến Đen bên sông Giang Tiên là nơi đặt kho quân trang, quân lương của quân đội ta những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Gia Khánh, Cầu Lân là những địa điểm bộ đội ta phục kích, tiêu diệt nhiều lính Pháp khi chúng tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947.

Sau giảm tô (1953), xã Phấn Mễ vẫn giữ nguyên địa danh và địa giới như trước.

PHẤN MỄ I

Cầu, được xây dựng tại Km 85+72 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 9 m, rộng 6 m, gồm một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H10.

PHẤN MỄ II

Cầu, được xây dựng tại Km 86+33 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 8 m, rộng 6 m, gồm một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, tải trọng H10.

PHẬT GIÁO THÁI NGUYÊN

Một trong ba tôn giáo lớn nhất trong hệ thống Giáo hội ở tỉnh Thái Nguyên, được du nhập vào khoảng thế kỷ XI, chủ yếu ở vùng dân tộc Kinh.

Đến năm 2010, toàn tỉnh Thái Nguyên có khoảng 170 cơ sở thờ tự của Phật giáo, với khoảng 7,5 vạn tín đồ; lớn nhất là các chùa Phủ Liễn, chùa Đán, chùa Hang, chùa Y Na, chùa Huống, chùa Phố Hương.

PHẬT TỬ

Người theo đạo Phật hay người muốn giác ngộ như Phật. Nói cách khác, Phật tử là người đi tìm sự thật nơi con người và vũ trụ theo quan niệm của đạo Phật. Để trở thành Phật tử thì người tu hành phải tự nguyện hướng về giác ngộ, nghĩa là muốn kính thờ Phật làm Thầy, sống theo đạo lí vi diệu, lợi ích của Phật (Dharma) và muốn được sự hướng dẫn của các vị tu hành chân chính và hoà hợp với các bạn đồng đạo.

Phật tử là người luôn luôn cố gắng tu hành theo 5 giới: 1- Không giết hại, nghĩa là tôn trọng sự sống con người; 2- Không trộm cướp, nghĩa là tôn trọng tài sản của kẻ khác; 3- Không tà hạnh, nghĩa là tôn trọng hạnh phúc gia đình mình và gia đình người; 4- Không dối trá, nghĩa là tôn trọng sự thật; 5- Không uống những thứ làm say loạn, nghĩa là giữ gìn tâm trí bình tĩnh và sáng suốt.

Năm điều tu học này không những có ý nghĩa trong đời sống cá nhân, gia đình mà còn có ý nghĩa trong cuộc sống tập thể và xã hội.

PHEO

Chùa, được dựng vào thế kỷ XII, thuộc cụm di tích lịch sử văn hoá đình Bằng Cầu và chùa Pheo ở xóm Ngô Trù, xóm Trại, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Chùa hiện nay gồm 5 gian, 2 chái, dài 8m, rộng 4,5 m. Tiền đường và hậu cung kết cấu vì kèo theo lối "chồng giường, quá giang"; mái lợp ngói vẩy, tường bao quanh bằng gạch. Nhà bái đường gồm 3 gian chính, chủ yếu là để bia ghi công đức. Phía tây nhà bái đường là nhà tưởng niệm Bác Hồ và các liệt sĩ Miền Bằng Cầu gồm 3 gian, 2 chái; bên phải phía đông là nhà thờ Mẫu cũng 3 gian, 2 chái. Qua nhà bái đường đến nhà

chính điện, là nhà quan trọng nhất trong cấu trúc của chùa Pheo, là nơi đặt thờ được xây theo cung bậc, bố trí từ thấp lên cao.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), chùa Pheo và đình Bằng Cầu là địa điểm liên lạc bí mật của Xứ ủy Bắc Kỳ. Cuối năm 1944 đầu năm 1945, chùa và đình là nơi các đồng chí Bình Sơn, Lê Phương về hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng tại địa phương. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), chùa Pheo và đình Bằng Cầu là nơi cất giữ quân lương, quân trang, vũ khí của quân đội; là nơi đóng quân của Đoàn 81 thuộc Liên khu 3 (1947 - 1948); là trụ sở của Ty Lương thực tỉnh Bắc Giang (1949) và Văn phòng Ty Y tế tỉnh Bắc Ninh (1950 - 1952). Sau hoà bình lập lại (1954), chùa và đình được dùng làm lớp bình dân học vụ.

Lễ hội chùa Pheo được mở vào ngày 14 và 15/3 âm lịch hằng năm và vẫn giữ được nhiều nét truyền thống dân gian xưa.

Chùa Pheo được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2987/QĐ-UB, ngày 13/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

PHI LONG

Đình, được dựng từ lâu đời ở trung tâm xã Tân Đức, huyện Phú Bình; là nơi thờ Thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình có cấu trúc theo hình chữ ĐINH, gồm 32 cột bằng gỗ lim tạo khung, 5 gian 2 chái và hậu cung. Nền đình được bố trí làm tam cấp, mỗi cấp cách nhau 15 cm - 20 cm. Trên 4 góc mái đình được đắp đao cong vút, trên nóc đắp lưỡng long chầu nguyệt và điểm hoa, lá cùng những áng mây quanh thân rồng.

Đình Phi Long được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 176/QĐ-UB, ngày 27/1/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

PHI LONG

Chùa, được xây dựng khoảng cuối thế kỷ XI, đầu thế kỷ XII ở trung tâm xã Tân Đức, huyện Phú Bình.; đã qua nhiều lần tôn tạo, sửa chữa.

Chùa gồm 5 gian, cấu trúc kiểu chuôi vồ hình chữ ĐINH; mái lợp ngói vẩy rồng. Toàn bộ kiến trúc chùa làm theo kiểu đao cong mái lượn. Chùa có 19 pho tượng được xây bệ thấp dần về phía trước, từ Bụt ốc đến Phật Thích Ca. Các pho tượng khác như Quan Âm Thị Kính, tượng nghìn tay,

nghìn mắt được đặt trước, sau hai bên chuôi vồ. Hai gian ngoài sát chuôi vồ đặt các tượng ông Thiện, ông Ác.

PHIẾM CÙ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, quê làng Phù Lôi, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên.

Mẹ Cù Thị Phiếm có 3 con liệt sĩ là Phạm Quang Sủng (hi sinh tháng 10/1954); Phạm Quang Trường (hi sinh tháng 10/1972 tại chiến trường miền Nam); Phạm Quang Tám (hi sinh tháng 11/1973 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 23/8/2006, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Cù Thị Phiếm danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

PHIÊNG TUNG

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Miệng Hổ, nằm trên sườn đông nam núi Mèo thuộc địa bàn xóm Trung Sơn (xưa gọi là Bản Cái), xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Hang ở độ cao 50 m so với chân núi. Đường lên hang dốc đứng, cây cối um tùm rất khó đi. Hang rộng, có hai tầng. Tầng trên nhỏ hẹp. Tầng dưới rộng khoảng 10 m, cao 70 m, sâu 20 m, mặt nền dốc dần từ ngoài vào trong.

Qua các đợt khai quật, thám sát tại hang Phiêng Tung, các nhà nghiên cứu đã thu thập 659 di vật được chế tác bằng đá cuội với kĩ thuật ghè trực tiếp và gia công lần 2, gồm các loại: Công cụ hòn cuội, công cụ mũi nhọn, công cụ mảnh cuội, công cụ mảnh tước. Đây là công cụ của người tiền sử sống ở thời hậu kì đá cũ, cách ngày nay trên 25.000 năm.

PHONG NIÊN

Đình, được dựng khoảng năm 1928, 1929 ở làng Phong Niên, nay thuộc Đồng Tiến, huyện Phổ Yên. Ngôi đình gồm 3 gian nhỏ, nhìn hướng tây, tường xây đá ong, mái lợp ngói mũi hài, trong đình có hậu cung nhỏ, có bệ thờ. Vị thần hoàng được thờ tại đình là Tiến sĩ Nguyễn Cấu, quê làng Thanh Thù làm quan suốt 60 năm, phục vụ qua 6 đời vua nhà Lê...

Đình Phong Niên đã được tu bổ năm 2003 trên nền cũ, có 3 gian, đốc đứng. Trước cửa đình xây 2 cột trụ thấp; trong đình ngoài tấm bài vị, 1 bát hương to để thờ, trên cửa hậu cung có bức hoành phi sơn đỏ viết 4

chữ Hán lớn *Thánh cung vạn tuế*. Hai bên tường đắp nổi 2 con ngựa sơn đỏ, đứng chầu vào hậu cung.

Hai gian bên cạnh, bên trái có bệ thờ tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh và tấm bia ghi danh sách 6 anh hùng liệt sĩ của làng. Bên phải treo bảng ghi công đức của 84 người đã hảo tâm đóng góp xây dựng đình.

PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập ngày 29/7/2003; Trụ sở tại địa phận thị trấn Hương Sơn.

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phú Bình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; triển khai thực hiện các chương trình cho vay: Chương trình cho vay hộ nghèo, chương trình cho vay giải quyết việc làm; Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; Chương trình cho vay xuất khẩu lao động; Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; Chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở.

PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 10/5/2003, trụ sở đặt tại xóm Đại Quyết, xã Tiên Hội.

Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Đại Từ có chức năng:

1- Tham mưu, giúp việc Ban đại diện Hội đồng Quản trị cấp huyện triển khai các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn.

2- Kiểm tra, giám sát các đối tượng khách hàng, các tổ chức làm ủy thác cho vay trong việc chấp hành chủ trương chính sách, quy chế nghiệp vụ tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3- Thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ khi có điều kiện, được Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh giao.

Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đại Từ đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tặng danh hiệu *Tập thể lao động xuất sắc* (2005, 2008), Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (2006)...

PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 10/5/2003 và đi vào hoạt động từ tháng 6/2003. Trụ sở đặt tại địa phận tổ 3, thị trấn Chùa Hang; có 2 phòng chuyên môn: Tín dụng và Kế toán.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đồng Hỷ thực hiện chính sách an sinh xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận, mà vì mục tiêu phục vụ các hộ nghèo và các đối tượng chính sách để phát triển sản xuất. Ngân hàng huy động vốn trong nhân dân để cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện vay, với lãi suất từ 0% đến 0,9%/tháng nhằm xoá đói, giảm nghèo.

PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập theo Quyết định số 766/QD-HĐQT ngày 7/7/2003 của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại phường Mỏ Chè.

Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Sông Công có nhiệm vụ: ký hợp đồng cụ thể về ủy thác cho vay, hợp đồng nhận ủy thác vốn trên địa bàn thị xã; tổ chức nhận tiền gửi, tiền gửi tiết kiệm dân cư; tổ chức thu chi nghiệp vụ; thực hiện nghiệp vụ thanh toán; phối hợp với các ngành chức năng lồng ghép các chương trình khuyến nông, khuyên lâm, khuyến ngư với chương trình cho vay vốn trên địa bàn... Qua 7 năm hoạt động (2003 - 2010), tổng số vốn và dư nợ cho vay các chương trình tin dụng chính sách đạt trên 100 tỉ đồng, giúp các hộ nghèo và đối tượng chính sách khác có nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, từ đó tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần tích cực trong việc giảm tỉ lệ hộ nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn.

PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập ngày 22/10/2002, trên cơ sở nâng cấp từ Phòng Giao dịch Sông Công trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phổ Yên. Trụ sở đặt tại số 343 - đường Cách Mạng Tháng Mười, thuộc địa phận xã Tân Quang.

Phòng Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thị xã Sông Công có nhiệm vụ: Huy động vốn, nhận tiền gửi tiết kiệm các loại kì hạn, tiền gửi thanh toán của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn các khách hàng thuộc các thành phần kinh tế; Chuyển tiền điện tử, chuyển tiền nhanh thanh toán quốc tế, phát hành và thanh toán thẻ nội địa và quốc tế, dịch vụ bảo lãnh, chiết khấu giấy tờ có giá, mua bán ngoại tệ, dịch vụ SMS banking...

PHÒNG TUYẾN GIA SÀNG

Phòng tuyến chiến đấu của nghĩa quân Đội Cấn là một hệ thống công sự được xây dựng trên 5 quả đồi: Đồi Bầu, đồi Gò Trại, đồi Bà Cụ, đồi Tăng sê, đồi Cụ Lân nằm phía trái con đường từ Hà Nội lên tỉnh lị Thái Nguyên (nay thuộc phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên).

6 giờ sáng ngày 2/9, quân Pháp bắt đầu tấn công phòng tuyến Gia Sàng. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ngay từ trận đụng độ đầu tiên. Ngày 3/9, được tăng cường lực lượng và pháo binh, quân Pháp liên tục mở các đợt tấn công vào phòng tuyến. Quân khởi nghĩa do Cai Mánh chỉ huy chiến đấu anh dũng, đánh bại tất cả các cuộc tấn công của địch, giữ vững phòng tuyến. Được Vũ Sĩ Lập đem quân tiếp ứng, lúc 11 giờ đêm, lợi dụng ánh trăng và ánh sáng của một đám cháy, nghĩa quân tập kích vào doanh trại địch, giết chết tên Giám binh Đơ Máctini cùng một số lính Pháp. Sau 4 giờ chiến đấu ác liệt, nghĩa quân bị đẩy lại phòng tuyến. Ngày 4/9, đơn vị nghĩa quân do Cai Mánh chỉ huy đã chiến đấu quyết tử với quân Pháp, hi sinh đến người cuối cùng trên phòng tuyến Gia Sàng.

PHỔ YÊN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Phổ Yên là huyện cực Nam của tỉnh Thái Nguyên, là cầu nối giữa Thủ đô Hà Nội, các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ với Thái Nguyên và vùng núi Việt Bắc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phổ Yên là cửa ngõ phía nam của trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc - Thủ đô kháng chiến của cả nước. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947, sau 5 ngày trực tiếp chiến đấu (16 - 21/12), quân dân Phổ Yên trực tiếp đánh 20 trận lớn, nhỏ, góp phần cùng quân dân trong tỉnh và bộ đội chủ lực đập

tan cuộc hành quân Xanhtuya của giặc Pháp. Quân, dân huyện Phổ Yên đã chặn đánh quân Pháp từ Đa Phúc tấn công lên thị xã Thái Nguyên, tiêu diệt 36 tên, làm bị thương 52 tên, cùng quân dân trong tỉnh đánh bại cuộc hành quân Phôcơ (Phoque - Chó biển) từ ngày 29/9 đến ngày 12/10/1950 của thực dân Pháp, góp phần vào chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), Phổ Yên đã động viên 1.031 người tòng quân giết giặc, trong đó có 451 người đã anh dũng hi sinh, được công nhận là liệt sĩ. Riêng trong Chiến dịch Điện Biên phủ, Phổ Yên có 17.212 lượt người đi dân công hoả tuyến (bình quân mỗi người dân trong độ tuổi 18-55, đã đi dân công tới 90 ngày). Ngoài ra, mỗi năm quân và dân Phổ Yên còn đóng góp cho kháng chiến hàng trăm tấn lương thực, hàng chục tấn thực phẩm khác...

Ngày 28/4/2000, huyện Phổ Yên đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 160/KT-CTN, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

PHỔ YÊN

Huyện trung du nằm ở vùng cực Nam tỉnh Thái Nguyên; phía tây giáp huyện Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc); phía bắc, tây bắc giáp thành phố Thái Nguyên, huyện Đại Từ và thị xã Sông Công; phía đông, đông bắc giáp các huyện Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang) và Phú Bình, phía nam giáp huyện Sóc Sơn (thành phố Hà Nội). Huyện lị đặt tại thị trấn (nay là phường) Ba Hàng.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, huyện Phổ Yên đã nhiều lần thay đổi tên gọi và địa giới hành chính. Thời Trần - Hồ (thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XV) là huyện An (Yên) Định. Thời Lê sơ, năm Quang Thuận thứ 10 (1469), Phổ An (Yên) là 1 trong 7 huyện của phủ Phú Bình thuộc thừa tuyên Ninh Sóc. Từ năm 1483, thuộc xứ Thái Nguyên; từ năm 1533, thuộc trấn Thái Nguyên. Dưới triều Nguyễn, năm 1831, vua Minh Mạng cải cách hành chính, đổi trấn thành tỉnh; trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh Thái Nguyên có 2 phủ: Phú Bình và Thông Hoá. Huyện Phổ Yên thuộc phủ Phú Bình, huyện lị đặt ở xã Lợi Xá (tổng Hoàng Đàm).

Dưới thời Pháp thuộc, từ tháng 10/1890 đến tháng 9/1892, huyện Phổ Yên nằm trong phủ Phú Bình, thuộc tiểu Quân khu Thái Nguyên - Đạo quan binh 1 Phả Lại. Từ tháng 10/1892, Phổ Yên là 1 huyện thuộc phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX,, chính quyền thực dân Pháp bỏ đơn vị hành chính cấp phủ. Phổ Yên là một huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên gồm 6 tổng, 24 làng. Năm 1918, Phổ Yên là một phủ của tỉnh Thái Nguyên gồm 8 tổng, 36 làng.

Sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 148/SL ngày 25/3/1948 bãi bỏ các đơn vị hành chính cấp phủ và tổng, thống nhất quản lí chính quyền 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã) trong toàn quốc. Phủ Phổ Yên đổi thành huyện Phổ Yên.

Ngày 1/7/1956, Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập, huyện Phổ Yên tách khỏi tỉnh Thái Nguyên, trở thành một huyện của tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15/6/1957, huyện Phổ Yên được nhập lại vào tỉnh Thái Nguyên (trừ làng Thông tách khỏi xã Thuận Thành để nhập vào xã Hồng Kỳ, huyện đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc).

Ngày 26/10/1967, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 416/NV thành lập thị trấn Nông trường Bắc Sơn. Ngày 26/11/1970, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 72/BT sáp nhập xã Đại Xuân vào xã Tiên Phong thuộc huyện Phổ Yên. Ngày 9/9/1972, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 41/BT thành lập các thị trấn Mỏ Chè, Ba Hàng, Bãi Bông thuộc Phổ Yên. Ngày 7/4/1974, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 136/NV đổi tên các xã: Hợp Thành thành Vạn Phái, Tân Tiến thành Đông Cao, Thắng Lợi thành Cải Đan. Ngày 1/10/1983, các xóm Tân Thắng, Đồng Đẳng tách khỏi xã Phúc Thuận để hợp nhất với xã Phúc Thọ (huyện Đại Từ), xóm Yên Ninh (xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ) thành xã Phúc Tân, thuộc huyện Đồng Hỷ. Ngày 2/4/1985, các xã: Phúc Tân, Bình Sơn, Bá Xuyên, Tân Quang tách khỏi huyện Đồng Hỷ, sáp nhập vào huyện Phổ Yên. Ngày 11/4/1985, thị trấn Mỏ Chè và các xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên tách khỏi huyện Phổ Yên để thành lập thị xã Sông Công.

Tính đến năm 2010, diện tích toàn huyện 258,87 km². Dân số (năm 2009) 137.815 người, thuộc các thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu,

Tày, Dao, Nùng, Mường... cư trú tại 309 xóm và 18 tổ dân phố của 15 xã, 3 thị trấn.

Nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên có truyền thống yêu nước và cách mạng. Thế kỷ X, nhân dân Phổ Yên trực tiếp tham gia xây dựng phòng tuyến phía Bắc sông Cầu và trực tiếp chiến đấu góp phần đánh bại quân xâm lược Tống. Thế kỷ XV, nhân dân Phổ Yên cùng với tướng quân Lưu Nhân Chú tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống nhà Minh xâm lược. Từ năm 1740 đến năm 1750, nhân dân Phổ Yên tham gia nghĩa quân do Nguyễn Danh Phương chỉ huy, chống lại triều đình nhà Lê...

Trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, nhiều gia đình ở làng Phù Lôi (tổng Thượng Giã), xóm Đồi (tổng Hoàng Đàm) đã trở thành cơ sở tiếp tế, trạm liên lạc bí mật của nghĩa quân. Trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, có 8 binh lính là người Phổ Yên trực tiếp tham gia; trên địa bàn Phổ Yên diễn ra nhiều trận chiến đấu ác liệt giữa quân khởi nghĩa với quân Pháp, nổi bật là trận Đèo Nứa (16/10/1917)...

Sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trong những năm 40 của thế kỷ XX, Phổ Yên là địa bàn hoạt động của Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng Hoàng Quốc Việt và nhiều cán bộ lãnh đạo cao cấp khác của Đảng. Từ năm 1942, tổng Tiên Thù là nơi đặt cơ sở in báo *Cờ giải phóng* và tổ chức nhiều hội nghị, mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ cách mạng; từ năm 1943, trở thành An toàn khu (ATK) của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), Phổ Yên đã động viên 1.031 người tòng quân giết giặc, trong đó 451 người đã anh dũng hi sinh, được công nhận là liệt sĩ. Riêng trong Chiến dịch Điện Biên phủ, Phổ Yên có 17.212 lượt người đi dân công hoả tuyến (bình quân mỗi người dân trong độ tuổi 18-55, đã đi dân công tới 90 ngày). Ngoài ra, mỗi năm quân và dân Phổ Yên còn đóng góp cho kháng chiến hàng trăm tấn lương thực, hàng chục tấn thực phẩm khác...

Trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1965 - 1975), quân và dân huyện Phổ Yên đã động viên 4.997 thanh niên nhập

ngũ, tham gia chiến đấu trên các chiến trường; trong đó 1.124 người đã anh dũng hi sinh, được công nhận là liệt sĩ. Nhân dân trong huyện tích cực đóng góp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến; bình quân mỗi năm, nhân dân trong huyện đóng góp 12.000 tấn lương thực, 350 tấn thịt lợn và thịt trâu, bò...

Trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc, huyện Phổ Yên tuyển quân vượt chỉ tiêu 2%; huy động 3 tiểu đoàn dân quân, du kích, tự vệ đi xây dựng phòng tuyến biên giới.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, huyện Phổ Yên và 2 xã (Tiên Phong và Trung Thành) được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*; 3 cá nhân được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; 19 *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

Ngày 15/5/2015, theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thị xã Phổ Yên được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên; đồng thời thành lập 4 phường: Ba Hàng, Bắc Sơn, Bãi Bông, Đồng Tiến thuộc thị xã Phổ Yên.

PHỐ CÒ

Phường, ở khu vực phía nam thị xã Sông Công, thành lập ngày 10/4/1999 trên cơ sở 465 ha diện tích tự nhiên và 4.898 nhân khẩu của xã Cải Đan (theo Nghị Định số 18/ND-CP ngày 10/4/1999 của Chính phủ); phía bắc giáp phường Thắng Lợi, phía tây giáp xã Minh Đức thuộc huyện Phổ Yên, phía đông giáp phường Cải Đan, phía nam giáp xã Đắc Sơn thuộc huyện Phổ Yên. Địa hình tương đối bằng phẳng, dốc từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. Diện tích tự nhiên 465 ha; trong đó đất nông nghiệp 290,70 ha, đất phi nông nghiệp 173,82 ha, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 6.066 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Hoa, Mường sinh sống ở 14 tổ dân phố: 1, 2A, 2B, 3, 4A, 4B, 5, Tân Huyện, Thanh Xuân 1, Thanh Xuân 2, Tân Mới, Việt Đức, Kè, Thành Ưng. Trên địa bàn phường có Bệnh viện C Thái Nguyên, Trung đoàn 209, Chi cục thuế, Công ty Cổ phần KCT xây dựng, Công ty Cổ phần Nam Việt, chợ Phố Cò.

PHỐ CÒ

Đền, có từ lâu đời, được nhân dân gọi là đền Mẫu Phố Cò; là nơi thờ Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh, nằm ở vị trí tổ dân phố số 1, phường Phố Cò, thành phố Sông Công. Cứ đến ngày 15/10 Âm lịch hằng năm, nhân dân phường Phố Cò tổ chức lễ hội dâng Mẫu, cầu bình an hạnh phúc cho mọi nhà. Ngoài thờ Mẫu và các Phật, đây cũng là nơi thờ Hồ Chủ tịch và các liệt sĩ người địa phương.

Đền Phố Cò là đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xếp hạng di tích văn hoá cấp Tỉnh ngày 16/11/2008.

PHỐ CÒ

Chợ, thành lập năm 1993, trên diện tích 7.500 m² thuộc tổ dân phố 3, phường Phố Cò, thị xã Sông Công. Đây là chợ có quy mô nhỏ, chủ yếu phục vụ nhân dân trên địa bàn phường và các phường lân cận.

Chợ có tường rào 4 phía, 1 cổng chính và 1 cổng phụ giáp trục Đường Cách Mạng Tháng Tám và 1 cổng phụ phía tây; có nhà đình chợ và dãy kiôt thoáng phục vụ hàng tươi sống.

PHỐ GIÁ

Mỏ sắt, thuộc xóm Giá, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Mỏ có diện tích 2,54 ha, trữ lượng thăm dò 12.700 tấn quặng, xếp vào loại mỏ nhỏ.

Mỏ sắt Phố Giá thời xưa gọi là Mỏ sắt Phấn Mễ, được khai thác từ giữa thế kỷ XIX thời vua Tự Đức nhà Nguyễn. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, quyển XX, phần viết về tỉnh Thái Nguyên, mục "*Thổ sản*" đã viết "*Sắt: ở các huyện Phổ Yên, Động Hỉ và Phú Lương, mỏ Bảo Nang mỗi năm nộp thuế 2.500 cân ... mỏ Phấn Mễ 1.300 cân, mỏ Quan Hoá 300 cân*".

Hiện nay, Mỏ sắt Phố Giá do Hợp tác xã công nghiệp và vận tải Chiến Công khai thác công nghiệp theo Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, với thời hạn hoạt động 5 năm.

PHỐ HƯƠNG

Đền, được dựng năm 1862, trên quả đồi cao thuộc xã Trang Ôn, tổng Niệm Quang, huyện Đồng Hỷ, nay là xóm Trám, xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên. Đền được làm bằng gỗ lim, gồm 3 gian, 2 chái, có 8 cột chính, mái lợp ngói tê; hai bên đền có 2 am miếu và cây hương lộ thiên.

Đền là nơi thờ phò mã Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Trong năm, đền mở hội 3 kỳ (theo Âm lịch) vào các ngày 14 - 15/1, 14 - 15/4, 13 - 16/11.

Đền bị thực dân Pháp đốt cháy trong chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông năm 1947. Gần đây, nhân dân đóng góp xây dựng lại đền trên nền cũ và duy trì lễ hội như xưa.

PHỐ NGỮ

Cầu, xây dựng từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), được xây dựng lại năm 2009 tại Km 4+197,4 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Phú Tiến, huyện Định Hoá. Cầu có kết cấu dạng nhịp trên dầm bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn; mố trụ móng kết cấu bê tông cốt thép. Cầu dài 6,6 m, rộng khống chế 7,5 m, tải trọng thiết kế H30 - Xb80. Tải trọng khai thác biển báo 30 tấn.

PHÙ HƯƠNG

Đình, được dựng khoảng cuối thế kỷ XVIII trên khoảnh đất cao ráo ở giữa làng Phù Hương thuộc xã Đông Cao, tổng Tiểu Lễ, nay thuộc xã Tân Hương, huyện Phổ Yên. Đình có 3 gian, 2 chái, đốc đứng, lợp ngói mũi. Xung quanh khuôn viên có tường rào xây gạch, trước cửa đình có cổng tam quan, 4 cột trụ đứng sừng sững oai nghiêm. Trong đình có sàn gỗ cao, có bài vị và cửa võng. Đình thờ các vị thành hoàng làng: Thánh Tam Giang (Trương Hống, Trương Hát), Đô uý Phò mã Dương Tự Minh, Diên Bình công chúa, Bạc Lang thần vũ.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đình chỉ bị đục thủng tường, dỡ mái, nhưng không bị phá huỷ, nên nay vẫn giữ lại được cốt cách xưa. Một số đồ tế tự, như long đao, chấp kích, kiệu rước, lọng tàn, sắc phong thần tích, thần sắc, một số bia đá công đức và lập "hậu thần" vẫn được lưu giữ.

Đình Phù Hương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp bằng công nhận Di tích lịch sử cấp Tỉnh năm 2007.

PHÙ LIỄN

Trường học, có từ đầu thế kỷ XIX, nằm ở phía tây thành Thái Nguyên thuộc xã Phù Liễn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên), phủ Phú Bình do viên Đốc học cai quản. Học sinh là con em các quan

chức hàng xứ (tỉnh) Thái Nguyên, huyện Đồng Hỷ và một số nhà giàu quanh vùng.

PHÙ LIỄN

Chùa, tên chữ là Phù Liễn tự hay Phù Chân Thiền tự, được dựng từ lâu đời trên một quả đồi thấp gần bờ sông Cầu ở khu vực đông bắc xã Phù Liễn, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ. Năm 1896, thực dân Pháp xây toà (dinh) công sứ tại đồi này nên chùa di chuyển về vị trí mà ngày nay là phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Chùa Phù Liễn nằm giữa quả đồi thấp, rộng, nhìn về phía đông nam, xung quanh có nhiều cây cổ thụ. Trong khuôn viên chùa có 2 toà bảo tháp, là nơi đặt tro cốt các vị sư cả trụ trì ở chùa; có trụ sở Hội đồng trị sự Hội Phật giáo tỉnh Thái Nguyên. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thực hiện với chủ trương tiêu thổ kháng chiến chùa Phù Liễn đã bị phá huỷ gần hết chỉ còn lại ngôi Pháp sư tổ và một phần nhỏ của nhà thờ Thánh Mẫu.

Chùa Phù Liễn gắn với nhiều sự kiện lịch sử. Trong những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chùa là nơi che chở, nuôi giấu một số nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám và Đội Cấn. Năm 1946, tại ngôi chùa này đã đặt hòm phiếu bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Qua các lần trùng tu vào những năm 1975, 1996, đến nay ngôi chùa đã được phục dựng lại, gồm có: Nhà Tam Bảo, Điện Mẫu, Nhà thờ Tổ và khu vườn tháp cổ. Trước sân chùa có tượng Phật Bà Quan Âm linh diệu. Trong chùa còn có Bức đại tự gắn bốn chữ vàng: *Linh sơn phúc địa* (có nghĩa là: *Núi thiêng, đất lành*). Hằng năm, vào ngày 12/1 Âm lịch, các Tăng ni, Phật tử, nhân dân trong và ngoài tỉnh về đây lễ Phật cầu phúc cầu tài; tham gia các trò chơi chọi gà, đánh đu, cờ tướng, bình thơ, đọc văn...

Chùa Phù Liễn từ xưa đã được coi là một chốn danh lam; là nơi hành hương lễ Phật của đông đảo Phật tử trong và ngoài tỉnh, được thể hiện qua câu ca cổ:

Khi Mỏ Bạch, khi Xương Rồng
Khi Phù Liễn tự, khi Đồng Mỗ am.

PHÙ LÔI

Bến đò, nằm trên địa phận làng Phù Lôi, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên; hình thành từ lâu đời. Do nằm ở ngã ba hai dòng sông Công và sông Cầu, làng Phù Lôi dùng hai dòng nước, đi hai bến đò để giao lưu với các làng lân cận. Ngày nay, bến đò Phù Lôi không còn hoạt động ...

PHÙ LÔI

Trường Tiểu học bán cấp (còn gọi là Trường Sơ đẳng Tiểu học), ở làng Phù Lôi, tổng Thượng Giã, huyện Phổ Yên.

Cũng như ở các tổng khác, trường chỉ có 1, 2 lớp, với 1, 2 giáo viên; có khi chỉ có 1 giáo viên dạy 2 lớp ghép, ở cùng 1 địa điểm, thường đặt tại đình hoặc chùa của làng. Bàn ghế sơ sài do địa phương lo liệu, có lúc học sinh phải rải chiếu ra để ngồi học... Mỗi lớp có từ 30 đến 40 học sinh, học theo hình thức xen kẽ, lớp này học Toán thì lớp kia tập viết, chính tả... Chương trình rất ít thay đổi (gần như cố định nhiều năm), chỉ thầy giáo có quyển sách giáo khoa, học sinh ngồi nghe hoặc chép bài do thầy đọc.

Nội dung học là các môn Lịch sử, Địa dư, Luân lí, Cửu chương và Toán (cộng, trừ, nhân, chia), tập viết, chính tả... thỉnh thoảng xen kẽ một vài bài tiếng Pháp...

PHỦ BÀ

Miếu, được dựng từ lâu đời ở xóm Gốc Vải, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương; là nơi thờ Mẫu Thượng Ngàn, nhân dân địa phương còn gọi là Bà Chúa.

Ngôi miếu cổ đã bị phá huỷ, đến năm 1994 được dựng lại theo kiểu tường hồi bít đốc, gồm 3 gian tiền tế, 1 gian hậu cung. Nhà tiền tế dài 6 m, rộng 4 m, mặt quay về hướng tây nam. Hậu cung dài 2,6 m, rộng 2,5 m. Bàn thờ trong hậu cung có tượng Mẫu Thượng Ngàn. Hai bên tượng Mẫu là hai tượng người hầu. Dưới bàn thờ Mẫu là bàn thờ tượng "ông Hổ".

Miếu Phủ Bà duy trì lễ cúng vào các ngày 1 và 15 Âm lịch hằng tháng theo phong tục người Việt. Nằm ở vị trí cách đền Đuổm chỉ khoảng 1 km và cách đền Cấm không tới 300 m, lại có tiếng linh thiêng, miếu Phủ Bà là nơi có đông khách thập phương tới cúng lễ.

PHỦ LÝ

Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương (31/12/1962). Vị trí di tích ở xã Phủ Lý, huyện Phú Lương.

PHỦ LÝ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Phủ Lý huyện Phú Lương thuộc vùng An toàn khu (ATK) Trung ương; là địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị: Cơ sở in ấn và phát hành của Báo Cứu quốc (1947-1953); Cục Quân khí (1947 - 1953); Cục Bản đồ (1950 - 1954); Cục Quân báo (1951 - 1953). Cuối tháng 11/1947, lực lượng tự vệ xã Phủ Lý phối hợp với một đơn vị bộ đội địa phương của tỉnh phục kích chặn đánh toán quân Pháp ở suối Đạo, góp phần vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947. Nhân dân các dân tộc xã Phủ Lý một lòng phục vụ kháng chiến, nhường chỗ ở, nhường đất đai cho bộ đội dựng lán trại; sẻ chia lương thực, thực phẩm, hết lòng chở che, bảo vệ cán bộ, bộ đội; tận tình chăm sóc thương, bệnh binh như con em ruột thịt của mình.

Do lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phủ Lý đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

PHỦ LÝ

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía tây huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Yên Đổ, phía đông và phía nam giáp xã Động Đạt, phía tây giáp 2 xã Ôn Lương và Hợp Thành.

Diện tích tự nhiên 1.548,50 ha; trong đó, đất nông nghiệp 1.373,28 ha (89%), đất phi nông nghiệp 162,28 ha (10%), còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 2.822 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Mường.

Xã Phủ Lý hiện nay có 12 xóm, bản: Bản Eng, Đồng Cháy, Đồng Chợ, Đồng Rôm, Hiệp Hoà, Khe Ván, Khuôn Rày, Na Biểu, Na Dau, Na Mọn, Suối Đạo, Tân Chính. Phủ Lý trước đây có nhiều đình, chùa cổ như: Đình

Làng Chúa, đình Na Lãng, đình Na Biểu, chùa Na Biểu... Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Phủ Lý là nơi mở Lớp Quân chính kháng Nhật của huyện Phú Lương; nơi in ấn, phát hành báo *Cứu quốc* - tiền thân báo *Đại đoàn kết*; nơi đóng quân của Cục Quân khí, Cục Bản đồ, Cục Quân báo...

Vào đầu thập kỷ 60 (thế kỷ XX), Phủ Lý là nơi ra đời Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương. Ngày 31/12/1962, Trường vinh dự được đón Hồ Chủ tịch về thăm. Những năm 1966 - 1971, Phủ Lý là nơi sơ tán của Trường Trung học Y tế Bắc Thái (nay là Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên).

PHÚ BÌNH

Đền liệt sĩ, được khởi công xây dựng ngày 30/3/2007, khánh thành ngày 3/1/2009 với tổng diện tích 20.000 m² nằm trên đồi Khu Kham thuộc xóm Kiều Chính, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.

Đền là nơi thờ phụng 1.443 liệt sĩ, 21 Bà mẹ Việt Nam anh hùng của huyện Phú Bình. Đền chính được đặt trên đồi cao, có mặt bằng rộng, hướng tây nam; chiều cao đỉnh mái đền là 18m. Trước mặt đền có hồ nước, có dòng sông Đào, có cây cầu và Quốc lộ 37 chạy qua. Đền là một công trình kiến trúc hiện đại kết hợp với kiến trúc cổ truyền. Hậu cung đặt tượng Bác Hồ bằng đồng cao 1,7 m, rộng 1,4 m, nặng 1 tấn. Hai bên tả hữu, mỗi bên có 11 bia đá khắc tên các liệt sĩ và Bà mẹ Việt Nam anh hùng huyện Phú Bình.

PHÚ BÌNH

Huyện trung du miền núi nằm ở khu vực phía nam tỉnh Thái Nguyên; phía bắc giáp huyện Đồng Hỷ, phía đông nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía tây nam giáp huyện Phổ Yên, phía tây bắc giáp thành phố Thái Nguyên.

Tính đến năm 2010, diện tích toàn huyện 251,71 km². Dân số 134.150 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mông.

Trong tiến trình phát triển lịch sử, huyện Phú Bình đã nhiều lần thay đổi tên gọi và địa giới hành chính. Thời nhà Lý (thế kỷ XI - XII), vùng đất Phú Bình ngày nay gọi là huyện Tư Nông thuộc phủ Thái Nguyên. Thời

Lê (thế kỷ XV - XVII), thuộc thừa tuyên Thái Nguyên, thừa tuyên Ninh Sóc, xứ, trấn Thái Nguyên. Đến thế kỷ XIX, năm 1831, vua Minh Mạng triều Nguyễn cải cách hành chính, đổi trấn thành tỉnh; trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh Thái Nguyên gồm 2 phủ: Phú Bình và Thông Hoá; huyện Tư Nông (thuộc phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên) có 9 tổng, với 54 xã, thôn. Cuối thế kỷ XIX, vùng đất xã Hà Châu và xã Nga My ngày nay được cắt khỏi huyện Hiệp Hoà, phủ Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh để nhập vào huyện Tư Nông, tỉnh Thái Nguyên. Đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân Pháp đặt cấp châu, huyện trực thuộc cấp tỉnh. Huyện Tư Nông đổi thành huyện Phú Bình, gồm 9 tổng, 45 xã. Từ 1918 đến 1945, là phủ Phú Bình

Sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 148/SL ngày 25/3/1948 bãi bỏ các đơn vị hành chính cấp phủ và tổng, thống nhất quản lí chính quyền 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã) trong toàn quốc. Ngày 1/7/1956, thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, huyện Phú Bình sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15/6/1957, hai huyện nói trên lại chuyển về tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Nghị quyết số 103NQ-TVQH thành lập tỉnh Bắc Thái; huyện Phú Bình là 1 trong 13 huyện, thành của tỉnh Bắc Thái. Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết chia tách và điều chỉnh một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được chia tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Việc chia tách tỉnh được thực hiện từ ngày 1/1/1997; huyện Phú Bình thuộc tỉnh Thái Nguyên có 20 xã, 1 thị trấn, bao gồm 311 xóm và 4 tổ dân phố.

Sự kiến tạo địa chất và con sông Cầu, sông Máng, kênh Đông (thuộc hệ thống đại thuỷ nông) chia cắt Phú Bình thành 3 vùng: Vùng I (tả ngạn sông Máng) gồm 8 xã, trong đó có 7 xã miền núi là: Đồng Liên, Bàn Đạt, Đào Xá, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành, Tân Hoà và xã trung du Bảo Lý. Vùng II có địa hình trung bình gồm 7 xã, thị trấn: Xuân Phương, Kha Sơn, Dương Thành, Thanh Ninh, Lương Phú, Tân Đức và thị trấn Hương Sơn.

Vùng III (vùng nước kênh núi Cốc) có 6 xã: Hà Châu, Nga My, Điềm Thuỵ, Thượng Đình, Nhã Lộng và Úc Kỳ.

Huyện Phú Bình có Quốc lộ 37, Tỉnh lộ 252, 251 và nhiều hệ thống đường giao thông liên xã, liên thôn nên việc giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các xã, các huyện và với tỉnh khác rất thuận tiện. Mạng lưới điện Quốc gia đã đưa về 20 xã và 1 thị trấn phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

Nhân dân Phú Bình có truyền thống yêu nước, đoàn kết chống giặc ngoại xâm. Đất Tư Nông là nơi quân, dân nhà Lý chặn bước quân xâm lược Tống khi chúng qua đây để xuống bờ bắc sông Như Nguyệt. Đồn Úc Kỳ là một trong những căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Danh Phương (Quận Hẻo) lãnh đạo hồi giữa thế kỷ XVIII. Nhân dân Phú Bình hưởng ứng và tích cực tham gia phong trào chống thực dân Pháp của nông dân Yên Thế (1884 - 1913), khởi nghĩa Thái Nguyên (1917)... Trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám, nhân dân huyện Phú Bình hăng hái gia nhập các đoàn thể cách mạng. Phú Bình cùng với Phổ Yên và huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang) được Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ chọn làm An toàn khu 2 (ATK 2). Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, Phú Bình có 11.816 người trực tiếp cầm súng đánh giặc; trong đó 1.340 người đã anh dũng hi sinh, 813 người bị thương; 125 gia đình có công với nước, được tặng thưởng 15.339 Huân, Huy chương các loại. Huyện Phú Bình và 8 xã (Lương Phú, Kha Sơn, Tân Hoà, Tân Đức, Dương Thành, Thanh Ninh, Hà Châu, thị trấn Hương Sơn (nay là Úc Sơn) được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; 24 bà mẹ được tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế của huyện Phú Bình có bước phát triển mạnh mẽ. 100% số xã, thị trấn trong huyện đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

PHÚ CÁT

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở hợp nhất 2 làng: Cát Nê và Ký Phú thuộc tổng Ký Phú. Dân số (1954) có 2.613 người thuộc 1 thành phần dân tộc: Kinh.

Sau giảm tô (1953), xã Phú Cát được chia thành 2 xã: Bình Dân với số dân 926 người và Ký Phú với số dân 1.697 người.

PHÚ CỐC

Nơi ở và làm việc của phái đoàn quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (tháng 4 - tháng 7/1954) tham gia Hội nghị Trung Giã, bàn với phái đoàn quân sự Pháp ở Đông Dương về trao trả tù binh sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Vị trí di tích ở làng Phú Cốc (dân trong vùng còn gọi là Soi Cốc) thuộc tổng Tiểu Lễ; nay thuộc xã Tân Phú, huyện Phổ Yên.

Phái đoàn quân sự VNDCCH gồm 7 người do Thiếu tướng - Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng làm Trưởng đoàn. Giúp đoàn còn có 1 số chuyên gia Trung Quốc và 1 đơn vị bộ đội của Sư đoàn 308 cùng dân quân địa phương bảo vệ.

PHÚ CƯỜNG

Xã miền núi của huyện Đại Từ; phía bắc giáp xã Minh Tiến, phía tây nam giáp xã Na Mao, phía nam giáp xã Phú Thịnh, phía đông giáp các xã Đức Lương, Phú Lạc. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Phú Cường ngày nay thuộc xã Thượng Lương, tổng Thượng Lương, huyện Văn Lãng, phủ Tòng Hóa, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, vùng đất Phú Cường thuộc tổng Hạ Lãm, huyện Văn Lãng, phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Diện tích tự nhiên 19,36 km². Dân số (năm 2009) 4.522 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, Dao, Thái, Mường cư trú ở 10 xóm: Chiềng, Khuôn Thông, Thanh My, Na Quýt, Bản Luông, Na Mấn, Đèo, Văn Cường 1, Văn Cường 2, Văn Cường 3. Nhân dân các dân tộc trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

PHÚ CƯỜNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở hợp nhất 2 làng: Thượng Lãm và Hạ Lãm thuộc tổng Thượng Lãm. Dân số (1954) có 2.140 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu và Hoa.

Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phú Cường là nơi diễn ra Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ II tại xóm Chiềng, nơi đặt

Xưởng Quân giới Hoàng Hữu Nam ở xóm Bản Luông... Sau giảm tô (1953), xã Phú Cường được chia làm 3 xã: Phú Cường, Thắng Lợi và Minh Tiến.

PHÚ ĐÌNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Phú Đình huyện Định Hóa là xã Trung tâm An toàn khu Trung ương; là nơi ở và làm việc nhiều năm của Tổng Bí thư Trường Chinh (1949 - 1954), Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1950 - 1954), của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, đoàn thể và quân đội. Tại Phú Đình, Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp và ra nhiều chỉ thị, nghị quyết có tính chất quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến: Quyết định mở Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, Chiến dịch Hoà Bình Đông - Xuân 1951 - 1952, Chiến dịch Tây Bắc Thu - Đông 1952. Đặc biệt, tháng 9/1953, tại Tỉn Keo, xã Phú Đình, Bộ Chính trị đã họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn Kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954 của Tổng Quân uỷ. Ngày 6/12/1953, cũng tại Tỉn Keo, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Phú Đình là địa điểm tổ chức Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp - Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam (28/5/1948). Phú Đình cũng là nơi đón tiếp các đoàn khách quốc tế (Lêô Phighe - UVBCH Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, Nghị sĩ Cộng hoà Pháp, nhà điện ảnh nổi tiếng Liên Xô Rônan Cácmen, Chủ bút Báo Esporétxen...)

Cùng với việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đình còn đóng góp cho kháng chiến hàng chục con trâu, hàng trăm con lợn, dê, gần 100 tấn lương thực; động viên hàng chục người lên đường tòng quân giết giặc; huy động hàng trăm người đi dân công hoả tuyến phục vụ các chiến dịch.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đình đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 202/KT-CTN

ngày 11/6/1999), tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

PHÚ ĐÌNH

Xã miền núi nằm ở vùng Nam huyện Định Hoá; phía bắc giáp xã Điềm Mặc (huyện Định Hoá) và xã Hùng Lợi (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), phía đông giáp các xã Sơn Phú và Bình Thành (huyện Định Hóa), phía tây giáp các xã Tân Trào và Yên Trung (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), phía nam giáp xã Minh Tiến (huyện Đại Từ).

Trước năm 1945, xã Phú Đình có tên gọi là xã Lục Rã, thuộc tổng Thanh Điểu. Sau ngày thành lập chính quyền dân chủ nhân dân (30/3/1945), xã Lục Rã đổi tên thành xã Phú Đình.

Tổng diện tích đất tự nhiên 31,05 km², gồm 2.951,8 ha đất nông nghiệp, 148,19 ha đất phi nông nghiệp, 4,6 ha đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 5.420 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Dao, Nùng, Thái, Mường cư trú ở 22 xóm: Khuôn Tát, Đèo De, Tỉn Keo, Quan Lang, Phú Hà, Đồng Hoàng, Đồng Kệu, Đồng Giắng, Nà Mùi, Làng Trùng, Trung Tâm, Đồng Ban, Phú Ninh 1, Phú Ninh 2, Phú Ninh 3, Khẩu Đa, Đồng Chẩn, Duyên Phú 1, Duyên Phú 2, Đồng Tấm, Nạ Tẩm, Nạ Tiến.

Xã Phú Đình có các di tích lịch sử Tỉn Keo, Khuôn Tát, Nà Mòn... nằm trong khu di tích Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa; thác Khuôn Tát là di tích danh lam thắng cảnh; Nhà Tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà Trưng bày ATK Định Hóa...

PHÚ ĐÔ

Mỏ chì kẽm, nằm trên địa bàn xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Mỏ có diện tích 12,02 ha, trữ lượng 45.000 tấn, do Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tỉnh Thái Nguyên khai thác theo Giấy phép số 229/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, với thời hạn hoạt động 5 năm.

Chì kẽm thuộc vào nhóm kim loại mầu. Theo cách xếp loại các mỏ và điểm quặng của ngành Địa chất Việt Nam, với trữ lượng thăm dò 45.000 tấn, mỏ chì kẽm Phú Đô được xếp và loại mỏ nhỏ, có thể tổ chức khai thác công nghiệp.

PHÚ ĐÔ

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía đông huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Yên Lạc, phía đông và phía nam giáp các xã Vân Lăng, Hoà Bình, Minh Lập (huyện Đồng Hỷ), phía tây giáp xã Tức Tranh. Phú Đô thời kỳ trước năm 1945 thuộc tổng Tức Tranh. Diện tích tự nhiên 2.251,81 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 1.724,21 ha, nhóm đất phi nông nghiệp 450,94 ha, còn lại là nhóm đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 5.369 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Nùng cư trú ở 25 xóm: Ao Cống, Cốc Lùng, Khe Vàng 3, Khe Vàng 2, Khe Vàng 1, Làng Vu 1, Làng Vu 2, Na Sùng, Núi Phật, Pháng 3, Pháng 2, Pháng 1, Phú Bắc, Phú Đô 1, Phú Đô 2, Xóm Mới, Phú Nam 3, Phú Nam 7, Phú Nam 4, Phú Nam 2, Phú Nam 1, Phú Nam 5, Phú Nam 6, Phú Nam 8, Phú Thọ.

Người dân Phú Đô chủ yếu làm nghề trồng lúa, trồng và chế biến chè. Các xóm Phú Nam 4, Phú Nam 2, Phú Nam 1, Phú Nam 5 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè. Bên cạnh đó là trồng màu, cây ăn quả, làm vườn rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Phú Đô có đình Làng Pháng, thờ Cao Sơn, Quý Minh là 2 thuộc tướng của Hùng Vương và Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII); đình Cốc Lùng thờ Dương Tự Minh. Bến đò Cốc Lùng là nơi đò đưa cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ sang sông, qua lại hoạt động cách mạng thời kỳ 1939 - 1945. Có hang Đá ở xóm Phú Thọ là nơi Xưởng Quân giới X9 (Quân khu Việt Bắc) sửa chữa pháo cao xạ những năm 1965 - 1975; nơi máy bay phản lực Mĩ bị quân dân ta bắn rơi năm 1968.

PHÚ LẠC

Tổng, nằm ở khu vực phía Bắc huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 4 xã, 22 làng, xóm:

Xã Phú Lạc Thượng gồm 5 làng: Cả, Na Hoan, Na Thức, Na Di, Khâu Trang;

Xã Phú Lạc Hạ gồm 5 làng: Mắt Mờ, Bãi Chè, Rừng Vầu, Đồng Gò, Na Lác;

Xã Tân Phú gồm 8 làng: Xuân Ngạn, Đồng Bổn, Đồng Đất, Đồng Mu, Đồng Cháy, Đồng Bến, Mon, Lạng Định;

Xã Bản Ngoại gồm 3 xóm: Đồng Vòng, Quang, Phố;

1 làng trực thuộc tổng: Khâu Giáo

Về cơ bản, tổng Phú Lạc thời kỳ này tương đương với địa phận xã Bản Ngoại, phần phía nam xã Phú Lạc, Phú Thịnh của huyện Đại Từ ngày nay.

PHÚ LẠC

Xã miền núi nằm ở khu vực phía bắc huyện Đại Từ; phía tây giáp xã Phú Thịnh, phía tây nam giáp xã Bản Ngoại, phía đông nam giáp xã Tân Linh, phía đông bắc giáp xã Đức Lương. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Phú Lạc ngày nay thuộc tổng Phú Minh Thượng, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, Phú Lạc là 1 trong 5 xã, trang của tổng Phú Lạc. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ Thái Nguyên, xuất bản năm 1932, là làng Phú Lạc Thượng thuộc tổng Phú Lạc. Sau Cách mạng tháng Tám, làng Phú Lạc đổi là xã Quang Vinh. Năm 1947, nhập 3 xã Quang Vinh, Hùng Cường (Bản Ngoại), Phú Minh thành xã Vinh Hoà. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, làng Quang Vinh thành xã Quang Vinh; đến tháng 4/1974, đổi thành xã Phú Lạc.

Diện tích tự nhiên 22,15 km². Dân số (năm 2009) 6.288 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Sán Chay, Dao, Mường, Giáy, Sán Dìu, Hoa cư trú ở 20 xóm: Văn Giang, Đồng Tiến, Tân Lập, Trại Tre, Na Hoàn, Trại Mới, Đầm Dím, Đầm Vòng, Xóm 11, Phương Nam 1, Phương Nam 2, Phương Nam 3, Phú Hoà, Đại Hà, Lũng 1, Liên Minh, Lũng 2, Cây Nhừ, Na Thức, Đồng Vẽm. Nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

PHÚ LƯƠNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), khu vực phía tây, tây bắc huyện Phú Lương nằm trong vùng An toàn khu Trung ương; là địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị (Xưởng Quân giới, Cục Quân giới, Cục Công binh, Cục Quân khí, Cục Quân báo, Cục Bản đồ, Cục Quân y...); là nơi diễn ra Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (1 - 6/5/1952)...

Ngoài nhiệm vụ bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã động viên hơn 1.400 thanh niên (chiếm tỉ lệ 10% dân số) gia nhập lực lượng vũ trang, tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường, trong đó 116 người đã hi sinh anh dũng được công nhận là liệt sĩ và gần 100 người được công nhận là thương binh. Nhân dân các xã: Động Đạt, Hợp Thành, Phấn Mễ, Phủ Lý, Ôn Lương, Vô Tranh, Yên Trạch đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

Với những thành tích to lớn và cống hiến đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

PHÚ LƯƠNG

Huyện miền núi, thuộc tỉnh Thái Nguyên; phía bắc giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn), phía nam giáp thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ, phía đông giáp huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên, phía tây giáp huyện Định Hoá và huyện Đại Từ. Huyện lị là thị trấn Đu, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 20 km về phía bắc.

Tính đến năm 2010, huyện Phú Lương có diện tích tự nhiên 368,95 km². Dân số (năm 2009) 105.233 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Sán Dìu, Dao, Mông. Huyện gồm 16 đơn vị hành chính cấp xã: Thị trấn Đu, thị trấn Giang Tiên và các xã: Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, Yên Lạc, Động Đạt, Phủ Lý, Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Đổ, Yên Trạch, Yên Ninh.

Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương có truyền thống yêu nước và cách mạng rất vẻ vang. Thế kỷ XII, nhân dân phủ Phú Lương dưới sự chỉ huy của Thủ lĩnh Dương Tự Minh đã góp phần đánh thắng giặc Tống, giữ yên biên cương phía Bắc Tổ quốc; thế kỷ XV, nhân dân Phú Lương tham gia nghĩa quân Áo đỏ chống giặc Minh. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhân dân Phú Lương tham gia khởi nghĩa của Mã Mang, Bá Kỳ và khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 chống thực dân Pháp xâm lược. Trong thời

kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), nhiều xã trong huyện là địa bàn hoạt động của Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân. Từ tháng 4/1945, nhiều xã phía tây, tây bắc huyện đã giành được chính quyền cách mạng. Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Phú Lương thành lập ngày 17/7/1945. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Phú Lương là cửa ngõ ATK Trung ương, nơi đóng quân của nhiều cơ quan Trung ương, đơn vị quân đội. Ngày 28/8/1949, tại xã Động Đạt, Đại đoàn 308 - Đại đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta đã ra đời... Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Phú Lương là nơi đặt trận địa cao xạ, trận địa tên lửa phòng không bắn rơi nhiều máy bay Mĩ.

Huyện Phú Lương và 7 xã (Động Đạt, Hợp Thành, Phủ Lý, Phấn Mễ, Ôn Lương, Yên Trạch, Vô Tranh) được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; Hợp tác xã nông nghiệp Tức Tranh được phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*; 1 cá nhân được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; 6 mẹ được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế của huyện Phú Lương có bước phát triển mạnh mẽ. Toàn huyện có 46 trường phổ thông, trong đó có 17 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở, 2 trường trung học phổ thông với 595 lớp học, 1.335 giáo viên; tất cả các xã, thị trấn đều có trường tiểu học và trung học cơ sở. Huyện có 18 cơ sở y tế, gồm 1 bệnh viện huyện, 1 phòng khám khu vực, 16 trạm y tế xã với 136 giường bệnh, 150 cán bộ y tế. Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Phú Lương được xây dựng mới, đã hoàn thành giai đoạn 1 và đi vào hoạt động, phục vụ nhu cầu tập luyện, hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của nhân dân địa phương.

PHÚ MINH

Bến phà, nằm trên Quốc lộ 13A nối đôi bờ sông Công thuộc địa bàn xóm Hùng Cường, xã Vinh Hoà, nay là xóm Gò (xóm Phố) xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ.

Tại địa điểm bến phà, trước đây thực dân Pháp đã xây dựng cầu xi măng. Cầu này đã bị quân và dân ta phá trong những năm đầu toàn quốc

kháng chiến. Từ năm 1952, bến phà được khôi phục để phục vụ nhu cầu vận chuyển của kháng chiến, tồn tại đến năm 1954. Bến phà Phú Minh do khoảng 12 công nhân quốc phòng vận hành và chỉ chuyên chở xe quân sự, vũ khí và các chuyên gia quân sự. Phà chỉ hoạt động về ban đêm. Ban ngày, phà được đưa ra xa bến và dìm xuống nước để tránh máy bay địch phát hiện bắn phá.

PHÚ MINH

Cầu, được xây dựng khoảng năm 1920 tại Km 1+742 - Tỉnh lộ 264 từ xã Phú Thịnh đi huyện Định Hoá. Cầu bằng bê tông bắc qua sông Công, thuộc địa phận xóm Đầu Cầu, xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, lực lượng vũ trang Đại Từ đã phá huỷ cầu để ngăn chặn bước tiến của kẻ thù. Sau ngày hoà bình lập lại (1954), Ty Giao thông tỉnh Thái Nguyên xây dựng ngầm đá để duy trì các hoạt động giao thông trên tuyến đường này.

Năm 1977, đập tràn được xây dựng tại cầu Phú Minh. Đến năm 2010, cầu được xây bằng bê tông cốt thép, kết cấu 3 nhịp, dài 82,2 m, rộng 7,5 m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 6,5 m.

PHÚ MỸ

Chùa, vị trí di tích ở làng Phú Mỹ, xã Lương Phú, huyện Phú Bình. Có tên chữ Phượng Linh tự, được dựng năm 1735, là nơi thờ Phật và thờ Mẫu theo truyền thống Việt Nam.

Chùa Phú Mỹ có cấu trúc hình chữ ĐINH. Nhà Tiền đường có 3 gian, dài 9 m, rộng 5,7 m. Hậu cung có 2 gian, dài 6,7 m, rộng 5,7 m với 3 cửa cuốn vòm được thiết kế rất thấp. Hiện vật lưu giữ tại chùa gồm 1 cây hương đá khắc bài ký ghi niên đại xây dựng chùa, 23 pho tượng cổ niên đại cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn và gần đây, 1 bát hương bằng sứ tráng men, 3 bát hương bằng đất nung màu da lươn.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 1718/QĐ-UB, ngày 22/7/2004).

PHÚ MỸ

Đình, còn có tên gọi là đình Đức Trọng, được dựng vào thế kỷ XIX ở làng Phú Mỹ, xã Lương Phú, huyện Phú Bình; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình được xây dựng lại năm 1995, kiến trúc đơn giản với 1 nếp nhà gồm 3 gian tiền tế và 1 gian hậu cung. Hiện vật lưu giữ tại đình gồm 4 sắc phong: 1 sắc phong vào năm Tự Đức thứ 7 (1854), 1 sắc phong vào năm Tự Đức thứ 33 (1880), 1 sắc phong vào năm Duy Tân thứ 3 (1909), 1 sắc phong vào năm Khải Định thứ 9 (1924); 1 tấm bia còn nguyên vẹn, niên đại Tự Đức thứ 36 (1884); 1 tấm bia không còn nguyên vẹn, 1 bài vị (ngai thờ), 1 bát hương sứ to, 1 giá văn, 1 mâm thờ, 1 kiệu bát cống niên đại cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn.

Các ngày lễ được tổ chức hằng năm vào 13/1 và ngày 12/10 Âm lịch.

PHÚ NAM 1

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Xóm Phú Nam 1 được thành lập năm 1985, nằm ở khu vực phía nam xã, có diện tích tự nhiên 40 ha, địa hình chủ yếu là đồi bát úp, thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp với cây chè. Người dân Phú Nam 1 đã trồng chè chuyên canh từ năm 1979.

Phú Nam 1 có 56 hộ, 220 nhân khẩu, 190 lao động; trong đó có 55 hộ (98% số hộ), 165 lao động (87,3% số hộ lao động) làm nghề trồng và chế biến chè; 32/40ha đất được sử dụng chuyên trồng chè. Giống chè trung du trồng ở Phú Nam 1 trước đây, đã được thay thế bằng những giống chè mới có chất lượng, năng suất cao hơn. Các thiết bị sao chè, vò chè bằng Inox sử dụng điện lưới Quốc gia được dùng trong khâu chế biến chè của mọi gia đình.

PHÚ NAM 4

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Xóm Phú Nam 4 thành lập năm 1985, nằm ở khu vực phía nam xã Phú Đô, có tổng diện tích tự nhiên 50 ha với địa hình đồi thấp, hầu hết đất là dạng đất cát pha sỏi. Nghề sản xuất chè, đã được triển khai ở Phú Nam từ 1976. Xóm có 56 hộ, 219 nhân khẩu, 165 lao động. Hiện nay, 100% số hộ gia đình và số lao động của xóm đều tham gia làm nghề trồng và chế biến chè; 100% số hộ đã sử dụng hệ thống tưới tự động và sao chè bằng máy, tôn quay. Từ năm 2006 đến nay, hầu hết diện tích chè trồng các giống chè mới đặc sản. Sản phẩm chè Phú Nam 4 đạt tiêu chuẩn chè an toàn.

PHÚ NAM 5

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Xóm Phú Nam 5 thành lập năm 1985, ở khu vực phía nam xã Phú Đô, cách trung tâm xã 3 km, có diện tích tự nhiên 30 ha, địa hình đồi thấp, có thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp với cây chè.

Phú Nam 5 có 42 hộ, 172 nhân khẩu, 138 lao động; trong đó có 95% số lao động làm nghề trồng và chế biến sản phẩm chè. Nhờ trồng mới những giống chè cho năng suất cao, chất lượng tốt, hương vị thơm ngon và đưa tiến bộ kỹ thuật, các thiết bị mới vào khâu sản xuất và chế biến, Phú Nam 5 có sản phẩm chè an toàn chất lượng cao.

Năm 2009, Phú Nam 5 đạt sản lượng chè búp tươi 210 tấn, tương ứng với 42 tấn chè búp khô. Năm 2010, xóm Phú Nam 5 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

PHÚ NAM 6

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phú Đô, huyện Phú Lương. Xóm Phú Nam 6 thành lập năm 1985, nằm ở khu vực phía Nam xã Phú Đô, cách trung tâm xã 1,8 km. Diện tích tự nhiên 30 ha, chủ yếu là dạng địa hình đồi thấp, có thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp với cây chè. Người dân trong xóm đã đưa cây chè vào sản xuất chuyên canh từ năm 1976.

PHÚ NGHĨA

Chùa, được xây dựng từ lâu đời trên đồi Gò Đình thuộc xóm Sơn Mè, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ. Cột chùa được làm bằng gỗ thông, mái lợp cỏ gianh. Trong chùa có một chuông đồng nặng 1,5 tạ, một bia đá, ghi danh những người công đức tiền của và quá trình xây dựng chùa. Phía sau chùa có một cây đa cổ thụ quấn quanh cây thông.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chùa là nơi tổ chức hội họp của chính quyền, đoàn thể nhân dân địa phương và một số cơ quan, đơn vị bộ đội đóng quân quanh vùng.

Do không được thường xuyên hương khói, tu sửa nên chùa Phú Nghĩa đã đổ nát từ lâu. Năm 1989, nhân dân xóm Sơn Mè xây dựng lại chùa trên nền cũ.

PHÚ NÔNG

Chùa, còn có tên là Chùa Nóng, chùa Huống, chùa Huống Thượng, được dựng từ thế kỷ VI, trên một quả đồi ở xóm Cậy thuộc xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ. Trong chùa có các bức tượng Tam Thế, A Di Đà, Thích Ca Mâu Ni, Đức Ông, Nam Tào, Bắc Đẩu, A Nan, Ca Diếp, Văn Thù, Phả Hiền, toà Cửu Long... và 1 quả chuông đồng đúc năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) cùng với nhiều đồ thờ cổ khác.

Năm 1949, nhà sư Đàm Thị Hinh về trụ trì đã cho tu bổ chùa. Đến năm 1996, chùa có nhà chính, nhà tổ, nhà thờ Bác Hồ, nhà tiếp khách.

Hằng năm, chùa Phú Nông có 4 ngày lễ chính: Tết Nguyên tiêu (15/1), Lễ Phật đản (8/4), Lễ Vu lan (15/7), Lễ Tất niên (8/12).

Năm 2008, chùa đã xây nhà Mẫu, nhà Tam Bảo và làm đường bê tông lên chùa.

PHÚ THÁI

Nơi đặt Trạm Liên lạc của Xứ ủy Bắc Kỳ trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945). Vị trí di tích là nhà ông bà Nguyễn Văn Quý - Nguyễn Thị Quế ở ấp Phú Thái thuộc xã Đồng Quang, huyện Đồng Hỷ; nay là tổ dân cư 43, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên.

Trạm được xây dựng từ năm 1939, có nhiệm vụ bí mật tiếp nhận các tài liệu, báo cáo từ các căn cứ cách mạng ở vùng Việt Bắc chuyển về cơ sở của Xứ ủy Bắc Kỳ tại làng Vân (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang) và ngược lại; bố trí chỗ ăn, nghỉ và bảo vệ những cán bộ của Xứ ủy đi công tác qua đây. Từ năm 1941, đây là trạm giao liên trung chuyển giữa căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai với An toàn khu II (ATK2) của Trung ương và Xứ uỷ.

Đồng chí Đào Văn Trường - Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Chủ nhiệm Ủy ban Quân sự - Chính trị khu Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, đã nhiều lần đi công tác dừng chân ở đây. Tháng 2/1942, khi đang ở cơ sở này, có người khai báo, Sở Mật thám Bắc Kỳ đã truy lùng vây bắt đồng chí Đào Văn Trường. Từ đó, cơ sở dừng hoạt động. Gia đình ông bà Nguyễn Văn Quý và Nguyễn Thị Quế được Chính phủ cấp Bằng có công với nước.

PHÚ THỊNH

Xã miền núi nằm ở khu vực Tây Bắc huyện Đại Từ; phía tây giáp xã Phú Xuyên, phía tây bắc giáp xã Phú Cường, Na Mao, phía đông nam giáp xã Bản Ngoại, phía đông giáp xã Phú Lạc. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Phú Thịnh ngày nay thuộc tổng Phú Minh Thượng, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Phú Thịnh là 1 trong 5 xã, trang của tổng Phú Lạc. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ Thái Nguyên, xuất bản năm 1932, là làng Phú Lạc Hạ, tổng Phú Lạc. Sau Cách mạng tháng Tám, làng Phú Lạc Hạ đổi là xã Phú Minh. Năm 1947, nhập 3 xã Quang Vinh, Hùng Cường (Bản Ngoại), và Phú Minh thành xã Vinh Hoà. Đến năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, làng Phú Minh thành xã Phú Thịnh.

Diện tích tự nhiên 9,95 km². Dân số (năm 2009) 3.630 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Chay, Nùng, Tày, Mường, Mông, Thái, Dao, Hoa cư trú ở 14 xóm: Làng Thượng, Đồng Chầm, Kim Tào, Tân Quy, Gò Trò, Vũ Thịnh 1, Vũ Thịnh 2, Cường Thịnh, Gò, Phố, Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Đồng Thác, Đầu Cầu. Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phú Thịnh có nhiều điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử như Cầu Tràn xóm Đầu Cầu, Gò Đồn xóm Hùng Cường, địa điểm tổ chức Hội nghị trù bị cho ngày 27/7/1947 tại xóm Tân Quy.... Nhân dân các dân tộc xã Phú Thịnh chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

PHÚ THƯỢNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Phú Thượng là một xã thuộc huyện vùng cao Võ Nhai. Nhân dân Phú Thượng sớm có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Phú Thượng đã đóng góp hàng chục vạn ngày công cho mặt trận giao thông vận tải, khẩn trương khôi phục tuyến Đường 1B để vận chuyển lương thực, thực phẩm ra tiền tuyến. Tuy đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng với tinh thần *Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng*, quân và dân Phú

Thượng đã tích cực đóng góp nhiều nhân, tài, vật lực cho tiền tuyến. Chỉ tính riêng năm 1950, Phú Thượng đã đóng góp trên 20 tấn thóc, 54 con trâu, bò và hơn 50.000 đồng để cấp dưỡng cho bộ đội. Ngoài ra còn quyên góp 2 tấn thóc, 320 kg thực phẩm để Bác Hồ khao quân...

Do có nhiều thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Thượng đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424 KT/CTN, ngày 22/8/1998, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

PHÚ THƯỢNG

Núi đá vôi, trên địa phận xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, thuộc hệ thống của dãy núi cánh cung Bắc Sơn, có đỉnh cao 624 m, toạ độ: 21°45' vĩ Bắc và 106°03' kinh Đông. Núi Phú Thượng có địa hình cácxtơ rất điển hình, có nhiều cửa biến, cửa hiện và hang động.

Hang Phượng Hoàng nằm ở lưng chừng núi Phú Thượng thuộc xóm Phượng Hoàng (xã Phú Thượng) là hang động lớn ở Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 45 km và kề sát Quốc lộ 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn). Dưới chân núi là hang Mỏ Gà, được đặt theo tên dòng suối Mỏ Gà chảy ra từ trong lòng hang.

PHÚ THƯỢNG

Xã miền núi, ở khu vực phía đông huyện Võ Nhai. Phía bắc giáp 2 xã Vũ Chấn và Nghinh Tường; phía đông giáp xã Vũ Lễ (huyện Bắc Sơn - Lạng Sơn); phía nam giáp xã 2 xã Phương Giao và Tràng Xá, phía tây giáp thị trấn Đình Cả. Diện tích tự nhiên 5.792,54 ha. Dân số (năm 2009) 4.853 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường cư trú ở 11 xóm: Mỏ Gà, Phượng Hoàng, Đồng Mó, Nà Pheo, Na Phài, Nà Kháo, Suối Cạn, Cao Lầm, Làng Phật, Ba Nhất, Cao Biền.

Là xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế (giai đoạn 2005 - 2010); đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, có 3 trường học đạt chuẩn quốc gia.

Xã Phú Thượng có nhiều di tích lịch sử và danh thắng: Làng Cao (xóm Cao Lầm) là nơi ra đời tổ chức Đảng đầu tiên của huyện Võ Nhai (và là cơ sở Đảng thứ 2 của tỉnh Thái Nguyên); Hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà đã được xếp hạng di tích Quốc gia thuộc địa phận xóm Mỏ Gà và xóm Phượng Hoàng là địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên. Trận đánh ngày 27/11/1944 của đội Cứu quốc quân gồm 75 người cùng 373 hộ dân tại hang Phượng Hoàng, đã gây thiệt hại nặng cho một tiểu đoàn Pháp và tay sai có pháo binh yểm trợ.

PHÚ TIẾN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Phú Tiến lúc đó là thôn Phố Ngữ, xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa là xã An toàn khu Trung ương; l Hoá nơi làm việc của một bộ phận Cơ quan Cục Quân nhu (1948 - 1950) và Cục Quân y. Ngày 1/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến Xóm 4 thăm và nói chuyện với các cán bộ và học viên tham dự lớp học.

Ngoài việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng An toàn khu, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã, nhân dân các dân tộc xã Phú Tiến còn động viên hàng chục thanh niên tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường; đóng góp hàng chục tấn lương thực, thực phẩm. Riêng trong hai chiến dịch Tây Bắc và Điện Biên Phủ, xã Phú Tiến đã huy động được hàng trăm người đi dân công hoả tuyến.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Tiến đã được Chủ tịch nước ký Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*.

PHÚ TIẾN

Xã miền núi nằm ở vùng Đông Nam huyện Định Hoá, được thành lập cuối năm 1953 trên cơ sở tách thôn Phố Ngữ ra khỏi xã Bộc Nhiêu; phía đông giáp các xã Yên Trạch, Yên Đổ (huyện Phú Lương), phía tây giáp xã Bộc Nhiêu, phía nam giáp xã Ôn Lương (huyện Phú Lương), phía bắc giáp xã Trung Hội. Diện tích tự nhiên 14,61 km². Dân số (năm 2009) 2.827 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Sán Chay,

Dao, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 10 xóm: từ xóm 1, xóm 2, xóm 3..., đến xóm 10.

PHÚ XÁ

Phường, ở khu vực Tây Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp phường Gia Sàng (suối Loàng là ranh giới tự nhiên), phía đông giáp phường Cam Giá (ranh giới là đường Cách Mạng Tháng Tám), phía đông nam giáp phường Trung Thành, phía tây nam giáp phường Tích Lương, phía tây bắc giáp phường Tân Lập.

Địa phận Phú Xá thời xưa là đất của 2 làng Lưu Xá và Phú Mỹ thuộc xã Cam Giá, huyện Đồng Hỷ.

Tháng 10/1962, xã Cam Giá chuyển về trực thuộc thành phố Thái Nguyên, làng Lưu Xá và Phú Mỹ được tách ra thành lập 2 tiểu khu hành chính Lưu Xá, Phú Mỹ. Năm 1981, hai tiểu khu được hợp nhất thành phường Phú Xá. Diện tích tự nhiên 4,27 km². Dân số (năm 2009) 11.005 người, thuộc 10 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, cư trú ở 27 tổ dân phố. Nguồn sống chính của nhân dân trong phường là kinh doanh dịch vụ thương mại (60%), làm công ăn lương (công nhân, viên chức chiếm 25%), số còn lại làm nông nghiệp.

Phường Phú Xá nằm giữa hai tuyến quốc lộ. Phía đông là Quốc lộ 37 (nay là đường nội thị Cách Mạng Tháng Tám), phía tây là Quốc lộ 3 (đường nội thị 3-2), trung tâm phường có đường sắt Hà Nội - Quan Triều chạy qua; ga Lưu Xá là ga hành khách và ga hàng hoá lớn của tuyến đường sắt này. Một số đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên và Công ty Cơ khí 19-5, Công ty Xi măng Lưu Xá, Công ty Cổ phần Luyện kim mầu, Công ty Tấm lợp, Công ty gỗ Ván dăm đóng trên địa bàn phường.

PHÚ XUYÊN

Cầu, được xây dựng năm 1985 tại Km 163+970 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Phú Xuyên, thuộc địa phận xóm 6, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ. Cầu dài 10,8 m, rộng 9,6 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 8,6 m, kết cấu nhịp 10,8 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân bê tông; tải trọng thiết kế H30 - Xb80, tải trọng hiện tại 30 tấn.

PHÚ XUYÊN

Hệ thống kênh mương dẫn nước của hồ Phú Xuyên nằm trên địa bàn xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác. Hệ thống kênh cấp I, dài 1.200 m cung cấp nước vào hệ thống kênh mương cấp II dài 3.400 m, phục vụ nước tưới cho 450 ha diện tích đất canh tác (3 vụ) của nhân dân 10 xóm trong xã.

PHÚ XUYÊN

Hồ nhân tạo, được xây dựng từ năm 1988 đến năm 1990 tại xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ; phía đông giáp xã Na Mao, phía tây giáp dãy núi Tam Đảo, phía nam giáp xã La Bằng, phía bắc giáp xã Yên Lãng; do Cụm Khai thác thuỷ lợi Phượng Hoàng, Trạm Khai thác thuỷ lợi Đại Từ quản lí và khai thác. Đập chính (đập đất đồng chất) dài: 117 m, cao 22,5 m, chiều rộng đỉnh đập rộng 5 m; cao trình mực nước dâng bình thường 52,63 m, cao trình mực nước chết 39,5 m. Diện tích lưu vực: 8,5 km^2.

Hồ thuỷ lợi Phú Xuyên cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của 9 xóm, thuộc xã Phú Xuyên với tổng diện tích tưới 3 vụ là 463 ha.

PHÚ XUYÊN

Xã miền núi nằm ở khu vực Tây Bắc huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị 10 km; phía bắc giáp xã Na Mao, phía tây bắc giáp xã Yên Lãng, phía nam giáp xã La Bằng, phía đông giáp xã Phú Thịnh.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Phú Xuyên ngày nay thuộc tổng Tiên Sơn, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Cuối thế kỷ XIX, thời vua Đồng Khánh (1885 - 1888), là xã Vị Xuyên, tổng Vị Xuyên, huyện Văn Lãng, phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, là xã Vị Xuyên thuộc tổng Văn Xuyên, huyện Đại Từ.

Theo tài liệu của Êsina - Công sứ Thái Nguyên, xuất bản năm 1932, là 2 làng Vị Xuyên và Tân Phú, thuộc tổng Tiên Lãng. Sau Cách mạng tháng Tám, 2 làng Vị Xuyên và Tân Phú gộp lại thành xã Phú Xuyên. Năm 1947, Phú Xuyên nhập với xã Văn Lãng thành xã Cao Vân. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, xã Cao Vân chia thành 2 xã, xã Phú Xuyên trở lại tên và ranh giới như trước năm 1947.

Diện tích tự nhiên 24 km². Dân số (năm 2009) 6.198 người, thuộc 12 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, Hoa, Thái, Ngái, Khơ Me, Giáy cư trú ở 18 xóm: từ Xóm 1 đến Xóm 14, Tân Lập, Chính Phú 1, Chính Phú 2, Chính Phú 3. Nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp chủ yếu là cây chè.

Là xã ATK trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phú Xuyên là nơi đặt Xưởng Cơ khí Minh Khai, Hội trường xóm Tân Lập là nơi diễn ra 3 đại hội lần thứ nhất của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Lao động, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam...

PHÚC CHU

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).

Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Phúc Chu là xã dẫn đầu các xã trong huyện Định Hóa về các công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân, du kích; phục vụ chiến đấu và chiến đấu; động viên sức người, sức của chi viện chiến trường; là xã đầu tiên và duy nhất trong tỉnh Bắc Thái xây dựng được 1 đại đội lão dân quân, với 120 cụ tham gia. Lực lượng dân quân, du kích xã làm tốt công tác phòng tránh và đánh địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giúp đỡ và bảo vệ an toàn các đơn vị bộ đội Triều Tiên, Trung Quốc ở và làm việc trên địa bàn. Toàn xã có 119 người nhập ngũ tham gia chiến đấu trên các chiến trường, trong đó có 30 người đã anh dũng hi sinh, được công nhận là liệt sĩ và 9 người bị thương, được công nhận là thương binh; 14 gia đình có 3 con nhập ngũ. Lực lượng vũ trang nhân dân xã nhiều năm liên tục được tặng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*. Tất cả các hợp tác xã nông nghiệp trong xã đều đạt năng suất bình quân 5 tấn thóc/ha. Hằng năm, xã đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phúc Chu đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*, 1 *Huân chương Chiến công hạng Ba*, 1 *Huân chương Lao động hạng Ba* và 24 cờ thưởng luân lưu các loại. Toàn xã có 296 gia đình được tặng *Bảng gia đình vẻ vang*.

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phúc Chu đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 779/2005/QĐ-CTN ngày 25/7/2005) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.*

PHÚC CHU

Xã miền núi nằm ở vùng trung tâm huyện Định Hoá; phía đông giáp thị trấn Chợ Chu, phía tây giáp xã Bảo Linh, phía nam giáp xã Bảo Cường và phía bắc giáp xã Kim Sơn. Tổng diện tích tự nhiên 1.288 ha. Dân số (năm 2009) 2.240 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Dao, Nùng, Sán Chay, Hoa, Mông, Mường cư trú ở 9 xóm: Độc Lập, Làng Hoèn, Nà De, Đồng Kè, Đồng Dọ, Làng Gầy, Nà Lom, Làng Mới, Đồng Uẩn. Nguồn sống chính của nhân dân các dân tộc xã Phúc Chu là từ sản xuất nông nghiệp trồng lúa và chè. Hồ Làng Gầy được xây dựng từ năm 1990, đảm bảo nước tưới trực tiếp cho 40 ha lúa hai vụ của xã.

PHÚC DUYÊN

Đình, có từ đầu thế kỷ XIX, được dựng tại khu vực phía nam làng Phúc Duyên (còn gọi là làng Phúc Doan) - một trong ba làng của xã Tiểu Lễ, tổng Tiểu Lễ, nay là một làng thuộc xã Tân Hương, huyện Phổ Yên. Ngôi đình bị bão làm đổ, dân làng tháo dỡ về dựng lại trên khoảnh đất cao ở giữa làng như vị trí hiện nay. Đình gồm 3 gian, có dĩ (gian phụ) đốc đứng. Trước sân đình có xây một số cột trụ cao vút, đỉnh trụ đắp hình "quả dành". Cửa đình có đôi câu đối chữ Hán: *Như Nguyệt giang tâm linh khí tiết/Bán thiên nhân mạnh địch sơn hà.*

Trước năm 1945, ba làng của xã Tiểu Lễ (Phúc Duyên, Trà Thị, Đông Hạ) thờ chung các vị thành hoàng là: Thánh Tam Giang (Trương Hống, Trương Hát), Phò mã đô uý Dương Tự Minh, Diên Bình công chúa. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975), đình Phúc Duyên là nơi hội họp, làm sân kho hợp tác xã nông nghiệp, làm nhà trông trẻ.

Hiện nay, tại đình còn giữ được 1 bộ kiệu "bát cống" chạm trổ công phu nhưng đã quá cũ, 1 hòm sắc với 2 bản sắc phong của triều vua Khải Định nhân dịp nhà vua tổ chức khao thọ "tứ tuần đại khánh" (mừng thọ tuổi 40) vào tháng 7/1924 và một số đồ thờ khác.

Đình Phúc Duyên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp bằng di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh (Quyết định số 204/QĐ-UBND, ngày 25/1/2006).

PHÚC HÀ

Xã, nằm ở khu vực phía Bắc thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương), phía nam giáp xã Quyết Thắng, phía Đông và đông bắc giáp 2 phường Quan Triều và Tân Long, phía tây giáp xã An Khánh (huyện Đại Từ), phía tây nam giáp xã Phúc Xuân.

Trước đây, xã Phúc Hà thuộc huyện Đồng Hỷ; từ năm 1985 được chuyển về thành phố Thái Nguyên. Diện tích tự nhiên 6,92 km², dân số (năm 2009) 3.955 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 15 xóm, từ 1 đến 13 và xóm 14a, 14b.

Trên địa bàn xã có mỏ than Khánh Hoà hoạt động đã trên 50 năm, ruộng đất của xã bị thu hồi tới 40% làm khai trường và bãi thải của mỏ, nông dân mất dần đất canh tác, phần đất còn lại cũng bị ô nhiễm bụi than và nước xả.

PHÚC LƯƠNG

Xã miền núi nằm ở khu vực phía bắc huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Bộc Nhiêu (huyện Định Hoá), phía đông giáp 2 xã Minh Tiến, phía nam giáp xã Đức Lương, phía đông giáp các xã Ôn Lương, Hợp Thành, Động Đạt của huyện Phú Lương.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Phúc Lương ngày nay thuộc tổng Thượng Lương, huyện Văn Lãng, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Cuối thế kỷ XIX, thời vua Đồng Khánh (1885 - 1888), là xã Hạ Lương, tổng Thượng Lương, huyện Văn Lãng, phủ Tòng Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*", là xã Hạ Lương, tổng Thượng Lương, huyện Đại Từ. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ Thái Nguyên, xuất bản năm 1932, là làng Hạ Lương, tổng Thượng Lương. Năm 1947, Phúc Lương nhập với Đức Lương thành xã Phúc Đức Lương. Năm 1953, thực hiện chủ trương của Nhà nước chia nhỏ các xã lớn, Phúc Lương trở lại thành xã như hiện nay. Là xã An toàn khu, Phúc Lương có

nhiều địa điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử, đó là Đát Quận Công ở xóm Cây Thông, nhà ông Đào Văn Khổng, hội trường 8 mái xóm Cây Ngái, Nơi đặt xưởng in Báo *Quân đội nhân dân* tại xóm Mon Đỏ.

Diện tích tự nhiên 21,07 km². Dân số (năm 2009) 3.983 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Dao, Sán Chay, Hoa cư trú ở 17 xóm: Na Đon, Na Tài, Làng Mè, Cây Vải, Khuôn Thủng, Mặt Giăng, Bắc Máng, Na Khâm, Phúc Sơn, Hàm Rồng, Cây Tâm, Cây Ngái, Cây Thống, Cầu Tuất, Cỏ Rôm, Cây Hồng, Nhất Tâm. Nhân dân các dân tộc trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

PHÚC TÂN

Nhà thờ họ đạo Công giáo, được xây dựng năm 2001 tại xã Phúc Tân, huyện Phổ Yên, trên tổng diện tích khuôn viên là 3.450m². Nhà thờ họ đạo xã Phúc Tân là nơi sinh hoạt tôn giáo của giáo dân xã Phúc Tân.

PHÚC TÂN

Xã nằm ở vùng Tây Bắc huyện Phổ Yên; phía đông giáp các xã Phúc Trìu, Tân Cương (thành phố Thái Nguyên), Bình Sơn (thị xã Sông Công), phía tây giáp các xã Cát Nê, Ký Phú (huyện Đại Từ), phía bắc giáp hồ Núi Cốc, các xã Vạn Thọ (huyện Đại Từ), Phúc Trìu (thành phố Thái Nguyên, phía nam giáp các xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), Cát Nê (huyện Đại Từ).

Xã Phúc Tân thành lập ngày 1/10/1983 trên cơ sở hợp nhất xã Phúc Thọ (của huyện Đại Từ) với các xóm Tân Thắng, Đồng Đẳng (của xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên), xóm Yên Ninh (của xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ). Lúc mới thành lập, xã Phúc Tân thuộc huyện Đồng Hỷ. Ngày 2/4/1985, xã Phúc Tân được tách khỏi huyện Đồng Hỷ để nhập vào huyện Phổ Yên. Diện tích tự nhiên 33,85 km²; diện tích cây chè 1,9240 km². Dân số (năm 2009) 2.841 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Dìu, Nùng, Ngái, Dao, Thái cư trú ở 11 xóm (mang tên từ xóm 1 đến xóm 11).

PHÚC THUẦN

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên.

Tính đến năm 2010, nghề trồng và chế biến chè búp khô ở xóm Phúc Thuần có khoảng 60 năm. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, phong trào trồng, chế biến chè được phổ biến rộng khắp các gia đình trong làng. Đến năm 2010, toàn xóm có 120/120 hộ với 242 lao động tham gia trồng và chế biến chè. Doanh thu năm 2008 từ nghề trồng và chế biến chè búp khô đạt 7,252 tỉ đồng, năm 2009 đạt 7.842 tỉ đồng.

PHÚC THUẬN

Đồn điền của chủ người Pháp. Diện tích 374,4 ha trên địa bàn tổng Thống Thượng (các xã Phúc Thuận, Minh Đức ngày nay) của huyện Phổ Yên và một phần huyện Đồng Hỷ. Cây trồng chính là lúa, cà phê, chè. Phương thức bóc lột là 2 hình thức chính: thuê mướn nhân công rẻ mạt và phát canh thu tô (tới 40 - 50% sản lượng thu được trong năm).

Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà tịch thu đồn điền và chia cho người dân nghèo.

PHÚC THUẬN

Nhà thờ, được xây dựng khoảng những năm 1940 - 1942 ở xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên. Hiện xóm đạo Phúc Thuận có khoảng hơn 40 hộ với hơn 200 nhân khẩu. Giáo dân Phúc Thuận cũng sinh hoạt tôn giáo theo nhà thờ Chã (nhà thờ Tiểu Lễ).

PHÚC THUẬN

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Thần Lằn thuộc chân Tam Đảo, ở khu vực Tây Bắc huyện Phổ Yên. Suối dài khoảng 15 km, đoạn đầu suối chảy qua thung lũng Quân Cay, nên còn gọi là suối Quân Cay, đổ ra sông Công tại địa phận xã Minh Đức (huyện Phổ Yên).

Suối Phúc Thuận là nguồn cung cấp nước phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân 2 xã Phúc Thuận, Minh Đức và thị trấn Bắc Sơn huyện Phổ Yên.

PHÚC THUẬN

Xã thuộc huyện Phổ Yên; phía đông giáp xã Minh Đức và thị trấn Bắc Sơn (huyện Phổ Yên), phía tây giáp các xã Cát Nê, Quân Chu và thị trấn Quân Chu (huyện Đại Từ), phía tây nam giáp xã Trung Mỹ (huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc), phía nam giáp xã Thành

Công (huyện Phổ Yên), phía bắc giáp các xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên) và Bình Sơn (thị xã Sông Công).

Xã Phúc Thuận thành lập đầu năm 1946, có địa giới tương đương với địa phận các xã Minh Đức, Phúc Thuận, phường Bắc Sơn và các xóm Tân Thắng, Đồng Đẳng của xã Phúc Tân ngày nay. Đến thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954), xã Phúc Thuận tách làm 2 xã: Phúc Thuận và Minh Đức.

Dân số (năm 2009) xã Phúc Thuận có 12.141 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Dao, Nùng, Tày, Mường, Hoa, Thái, Sán Chay, Mông cư trú ở 28 xóm: Khe Lánh, Khe Đù, Quan Xóm, Ấp Lươn, Nông Trường, Đồng Đèo, Tân Ấp 1, Tân Ấp 2, Trung, Hang Rơi, Đầm Ban, Phúc Tài, Chãng, Bãi Hu, Đức Phú, Phúc Long, Làng Luông, Bãi Chạc, Hồng Cóc, Quân Cay, Coong Lẹng, Đèo Nứa, Xim Lồng 283, Hạ, Thượng 1, Thượng 2, Trại Thèn Bạ, Đồng Muốn.

PHÚC THUẬN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946, gồm các làng Thượng Vụ, Đan Hạ, Thượng Nhân, Hạ Đạt, Tân Yên thuộc tổng Thượng Vụ và một phần đất tổng Thượng Kết (nay là địa bàn các xã Phúc Thuận, Minh Đức, phường Bắc Sơn và các xóm Tân Thắng, Đồng Đẳng của xã Phúc Tân - huyện Phổ Yên).

Xã Phúc Thuận có diện tích tự nhiên 73,89 km², phía đông giáp xã Đồng Tiến (nay là các xã Đắc Sơn, Nam Tiến, Đồng Tiến và thị trấn Ba Hàng của huyện Phổ Yên) và xã Hồng Tiến (nay là xã Hồng Tiến của huyện Phổ Yên và các phường Cải Đan, Phố Cò, Thắng Lợi của thị xã Sông Công), phía đông bắc giáp xã Tân Lợi, Bá Sơn của huyện Đồng Hỷ (nay là các xã Vinh Sơn, Bá Xuyên, Bình Sơn và xã Tân Quang của thị xã Sông Công), phía tây nam giáp xã Trung Mỹ của huyện Bình Xuyên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, phía tây bắc giáp xã Quân Chu và thị trấn Quân Chu thuộc huyện Đại Từ ngày nay, phía nam giáp xã Hợp Thành (nay là các xã Thành Công và Vạn Phái của huyện Phổ Yên), phía bắc giáp xã Phúc Thọ của huyện Đại Từ và Phúc Trìu của huyện Đồng Hỷ (nay là xã Phúc Tân, huyện Phổ Yên).

Sau giảm tô (1953), xã Phúc Thuận được tách thành 2 xã: Phúc Thuận và Minh Đức.

PHÚC TRÌU

Chùa, được dựng vào triều Mạc (thế kỷ XVI); nằm trên một quả đồi thuộc xóm Rừng Chùa, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên ngày nay.

Chùa xưa gồm 5 gian, có nhiều tượng Phật và những đồ thờ, tuy bằng gỗ nhưng đều là đồ chạm, khắc tinh xảo.

Năm 1954, chùa bị đổ nát. Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ (1965 - 1968 và 1972), nền chùa được đào làm công sự đặt tên lửa phòng không.

PHÚC TRÌU

Xã, ở khu vực phía Tây thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp xã Phúc Xuân, phía đông bắc giáp xã Quyết Thắng, phía đông nam giáp 2 xã Thịnh Đức và Tân Cương, phía tây nam giáp xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên). Diện tích tự nhiên 12,9 km². Dân số (năm 2009) 5.574 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường cư trú ở 15 xóm: Đồng Chùa, Thanh Phong, Đồng Nội, Xóm Chợ, Nhà Thờ, Đại Thành, Cây De, Khuôn I, Khuôn II, Phúc Thuần, Đồi Chè, Đá Dựng, Soi Mít, Phúc Tiến và Hồng Phúc.

Trước đây, xã Phúc Trìu thuộc huyện Đồng Hỷ; từ năm 1985 được chuyển giao về thành phố Thái Nguyên. Phúc Trìu là vùng đất trung du, đất đồi chiếm gần 40% diện tích tự nhiên; thổ nhưỡng và khí hậu rất phù hợp trồng cây ăn quả (mít, vải thiều, dứa), cây công nghiệp (mía, chè) và lâm nghiệp (rừng trồng). Đập chính của hồ Núi Cốc nằm trên đất Phúc Trìu; một tuyến kênh chính dài 7 km của công trình thuỷ lợi Hồ Núi Cốc đi qua xã.

Khoảng 25% số hộ ở xã Phúc Trìu theo đạo Thiên Chúa, số còn lại theo đạo Phật hoặc không theo tôn giáo nào. Nguồn sống chính của người dân trước đây (96%) là nông nghiệp. Ngày nay, có khoảng 25% số hộ tham gia hoạt động dịch vụ du lịch ở hồ Núi Cốc. Nằm trong vùng chè đặc sản Tân Cương, việc trồng, chế biến chè ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã Phúc Trìu, đời sống người dân được cải thiện, số hộ nghèo còn trên dưới 1%.

PHÚC XUÂN

Chùa, còn gọi là chùa Phú Sơn, có từ lâu đời tại rừng Chúa (xã Phúc Trìu ngày nay). Năm 1939, ngôi chùa được chuyển về dựng trên ngọn đồi thuộc xóm Chợ, xã Phúc Xuân, tổng Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ, nay là xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên. Chùa có 3 gian lợp ngói, tường đất. Năm 1953, chùa bị hư hỏng, đổ nát; đến năm 1994, được xây dựng lại.

Quần thể của chùa gồm chùa chính thờ Phật Thích Ca, Di Lặc và A Di Đà; hai bên tả, hữu là hai pho tượng Thiện và Ác. Bên phải chùa là 5 gian thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, bên trái là 3 gian nhà tổ. Tất cả đều được xây bằng gạch, lợp ngói đỏ, quay về hướng đông nam.

PHÚC XUÂN

Nhà thờ họ đạo, được dựng năm 2001 trên địa bàn xóm Núi Nến, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên. Tổng diện tích khuôn viên là 3.450 m². Nhà thờ họ đạo xã Phúc Xuân là nơi sinh hoạt tôn giáo của giáo dân xã Phúc Xuân.

PHÚC XUÂN

Xã, nằm ở khu vực Tây Bắc thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp 2 xã An Khánh và Cù Vân (huyện Đại Từ), phía tây bắc giáp xã Phúc Hà, phía đông giáp xã Quyết Thắng, phía nam giáp xã Phúc Trìu đều thuộc thành phố Thái Nguyên. Diện tích tự nhiên 16,2 km². Dân số (năm 2009) 4.901 người, thuộc 8 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, Ngái, Khơ Me cư trú ở 15 xóm: Đèo Đá, Cây Thị, Long Giang, Đồng Lạnh, Giữa 1, Giữa 2, Núi Nến, Đồng Kiệm, Trung Tâm, Khuôn Năm, Đồng Lầy, Cao Khánh, Cao Trăm, Cao Ly và Xuân Hoà.

Xã Phúc Xuân là vùng đất bán sơn địa, trước đây nhiều rừng già nhưng đã bị tàn phá trơ lại đồi núi trọc. Ngày nay, đồi núi trọc đã được người dân Phúc Xuân biến thành rừng cây trồng và những đồi chè bạt ngàn. Chè của xã Phúc Xuân là một đặc sản, được người tiêu dùng ưa chuộng. Nguồn sống chính của dân trong xã chủ yếu là từ nông nghiệp, trong đó thu từ chè hàng hóa chiếm trên 50% thu nhập.

PHÚC XUÂN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Tính đến năm 1954, dân số toàn xã có 3.272 người thuộc 3 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhân dân xã Phúc Xuân đã tiếp đón, giúp đỡ đồng bào miền xuôi tản cư đến sớm ổn định nơi ăn, chốn ở và lao động sản xuất. Thu - Đông 1947, quân và dân trong xã trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng nhân dân cả nước đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc. Hàng trăm con em nhân dân các dân tộc xung phong tòng quân, tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Nhân dân trong xã còn tham gia đóng góp lương thực, thực phẩm, đi dân công phục vụ chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến.

Sau giảm tô (1953), xã Phúc Xuân chia thành 2 xã: Xã Phúc Xuân và xã Phúc Trìu.

PHỤC LINH

Nhà thờ họ đạo, dựng năm 1945 tại xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ. Ban đầu, nhà nguyện thô sơ, cột gỗ, mái tranh. Sau nhiều lần sửa chữa, nâng cấp, hiện nay Nhà thờ họ đạo Phục Linh gồm 5 gian nhà gạch, mái lợp ngói và một gác chuông cao khoảng 7m, là nơi sinh hoạt của gần 200 hộ giáo dân trong khu vực.

PHỤC LINH

Xã miền núi ở khu vực phía Đông huyện Đại Từ; phía đông bắc giáp xã Phấn Mễ, thị trấn Giang Tiên (huyện Phú Lương), phía tây bắc giáp xã Tân Linh, phía tây giáp xã Hùng Sơn, phía nam giáp xã Hà Thượng, phía đông nam giáp xã Cù Vân.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Phục Linh là một trong hai xã của tổng Cù Vân, huyện Phú Lương, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Thời vua Đồng Khánh (1885 - 1888) vẫn giữ như vậy. Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Phục Linh vẫn nằm trong tổng Cù Vân nhưng đã được cắt về huyện Đại Từ. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ Thái Nguyên, xuất bản năm 1932, Phục Linh là 1 trong 4 làng thuộc tổng Cù Vân. Sau Cách mạng tháng

Tám, làng Phục Linh thành xã Phục Linh. Năm 1953, thực hiện chủ trương chia nhỏ các xã lớn, xã Phục Linh chia làm 2 xã Phục Linh và Hà Thượng. Năm 2002, xã Phục Linh lại được chia thành 2 xã: Phục Linh và Tân Linh.

Diện tích tự nhiên 14,16 km². Dân số (năm 2009) 6.239 người, thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Chay, Nùng, Tày, Dao, Sán Dìu, Mường, Thái, Hoa, Mông cư trú ở 17 xóm: Mận, Lược 1, Lược 2, Soi, Thọ, Ngọc Tiến, Quéo, Khưu 1, Khưu 2, Khưu 3, Ngọc Linh, Khuôn 1, Khuôn 2, Khuôn 3, Cẩm 1, Cẩm 2, Cẩm 3. Nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

PHỤC LINH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ. Trước Cách mạng tháng Tám là làng Phục Linh (gồm cả vùng đất xã Hà Thượng ngày nay), thuộc tổng Cù Vân. Sau Cách mạng tháng Tám là xã Phục Linh, vẫn giữ nguyên địa giới của làng Phục Linh trước đó. Dân số (1954) có 2.290 người. Sau giảm tô (1953), xã Phục Linh chia làm 2 xã: Phục Linh và Hà Thượng.

PHÙNG CHÍ KIÊN

Trường đào tạo cán bộ chính trị cho Đảng và Nhà nước trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), thành lập khoảng năm 1946 - 1947 tại xóm Na Nay thuộc xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ. Các lớp học làm bằng cột gỗ, đan phên nứa, mái lợp tranh nứa. Trường do đồng chí Hoàng Quốc Việt phụ trách, có nhiệm vụ tổ chức các lớp chỉnh huấn có nhiệm vụ tổ chức các lớp chỉnh huấn cho Tổng bộ Việt Minh (từ 1950 là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), đào tạo cán bộ chính trị cho Đảng và Nhà nước. Thời gian học tập từ 2 đến 3 tháng.

Khoảng năm 1950, Trường Phùng Chí Kiên chuyển đến một địa điểm khác. Địa điểm di tích trường Phùng Chí Kiên hiện nay nằm sát đập Na Lay.

PHỤNG HIỂN

Nơi ở và làm việc của Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh và Văn phòng Trung ương Đảng trong những năm 1947 - 1949. Vị trí di tích nằm ở xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá.

Di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 10-VHTT/QĐ ngày 9/2/1981).

PHƯƠNG BÁ

Cầu treo, được xây dựng năm 2001 tại địa phận xóm Phương Bá, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai. Cầu dài 56 m, nhịp cầu dài 56 m; mố cầu được làm bằng bê tông cốt thép. Cầu có tải trọng 0,5 tấn, chỉ đảm bảo cho xe máy, xe thô sơ qua lại.

PHƯƠNG BÁ

Đình - Chùa, một địa điểm qua lại hoạt động của đội Cứu quốc quân II trong những năm 1941 - 1945. Vị trí di tích là đình Phương Bá ở xóm Phương Bá, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai.

PHƯƠNG ĐỘ

Chùa, tên chữ là Úc Tân tự, được dựng vào thời Lê, đặt ngoài bãi nổi sông Cầu. Năm Thành Thái Nhâm Dần (1902), dân làng chuyển chùa về trên khu đất phía sau đình Phương Độ, thuộc làng Phương Độ, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.

Chùa không lớn, làm bằng gỗ lim, cấu trúc và trang trí đơn giản. Trong Chùa có tượng Phật, tượng Nam Tào, tượng Bắc Đẩu, tượng Ngọc Hoàng. Bên phải chùa là điện thờ; tiền điện thờ Thái thượng lão quân, hậu cung thờ Mẫu.

Hiện vật cổ lưu giữ tại chùa gồm 1 chuông đồng (niên hiệu Thiệu Trị thứ 5), 1 bát hương sành cổ (thời Lê) trang trí đầu rồng, mặt nguyệt, 3 bức hoành phi (thời vua Thành Thái), 1 bộ câu đối cổ, 1 bức đại tự lớn thờ "Phật - Pháp - Tăng"....

Ngày đại lễ tổ chức tại chùa vào ngày 15/1 và ngày 10/10 Âm lịch.

PHƯƠNG ĐỘ

Đình, tên chữ là Úc Tân đình, được xây dựng vào thời Lê sơ ở làng Phương Độ, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.

Đình Phương Độ gắn với lịch sử khai khẩn, mở làng của dòng họ Dương Hữu, Dương Quang gốc xứ Thanh Hoá. Lúc đầu, đình được dựng ngoài bãi nổi sông Cầu, do lũ lụt nên năm Thành Thái thứ 14 (1903) chuyển đình về vị trí hiện nay. Cũng có tài liệu cho rằng, lần di chuyển ấy là năm Hoàng triều Thành Thái Đinh Dậu (1895).

Đình có kiến trúc hình chữ ĐINH, gồm 5 gian, 2 chái. Mái đình rộng lớn, lợp ngói mũi hài, bốn góc mái được tạo thành đao cong vút. Nóc đình đắp tượng "lưỡng long chầu nguyệt". Trong đình có 48 cột cái, cột quân bằng gỗ lim được gia công kĩ lưỡng. Gian chính giữa là nơi đặt bàn thờ gồm thượng cung, hạ cung và hương án trang trọng. Đình thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Hiện vật lưu giữ tại đình gồm 1 sắc phong, 2 bức đại tự (thời Khải Định), 1 tượng nổi Dương Tự Minh (thời Nguyễn), hương án (cuối Lê, đầu Nguyễn), 1 bát hương sành cổ chạm nổi bộ tứ linh long, li, quy, phượng (thời Lê), 2 cây nến đồng cao 0,8m (thời Lê); 1 quán tẩy, 5 câu đối cổ.

Ngày đại lễ được tổ chức tại đình vào các ngày 15/1 và ngày 10/10 Âm lịch. Những ngày này hội làng rất to, kéo dài mấy ngày, mấy đêm.

Đình Phương Độ được xếp hạng di tích Quốc gia tại Quyết định số 774-QĐ/BT, ngày 21/6/1993.

PHƯƠNG ĐỘ

Lễ hội, có từ lâu đời, được tổ chức vào ngày 15/1 và ngày 10/10 Âm lịch hằng năm tại đình làng Phương Độ, xưa thuộc tổng La Đình, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình; nay thuộc xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.

Phần lễ, ngay từ chiều 14/1 đã diễn ra. Kiệu bát cống rước linh vị các thần từ nghè vào đình. Đồ cúng tế gồm xôi, thịt, oản, hương hoa của các xóm, các họ được rước vào đặt trên bàn thờ chính điện. Ngoài sân đình, các vị được "lên lão" - "khao lão" tề tựu ở các vị trí theo ngôi thứ, thực hiện lễ tế thành hoàng làng theo điều khiển của chủ tế. Nghi lễ tế thánh kết thúc, các đại biểu cùng các chức sắc trong làng, các trai đinh vào thắp hương tại ban thờ đại điện, cầu xin thành hoàng làng ban phát lộc, tài, bình yên.

Phần hội có các trò đấu vật, chọi gà, đấu cờ tướng, bóng chuyền...

PHƯƠNG GIAO

Tổng, thuộc châu Vũ (Võ) Nhai, gồm 4 xã: Phương Giao, Bình Long, Xuất Tác, Phù Trì. Địa giới của tổng Phương Giao tương ứng với các xã Phương Giao, Bình Long ngày nay. Thời Đồng Khánh, một phần đất của

tổng Phương Giao thuộc tổng Lâu Thượng. Địa hình ở khu vực này chủ yếu là các quả đồi bát úp, đất đai màu mỡ, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Đây là một trong ít địa phương sản xuất nhiều lúa gạo, hoa màu của châu Võ Nhai.

PHƯƠNG GIAO

Xã, ở phía nam huyện Võ Nhai; phía bắc và phía đông giáp xã Tân Thành và Nhất Tiến thuộc huyện Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn), phía nam giáp xã Bình Long, phía tây nam giáp xã Dân Tiến, phía tây giáp xã Tràng Xá, phía tây bắc giáp xã Phú Thượng. Diện tích tự nhiên 5.770,65 ha. Dân số (năm 2009) 3.931 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, cư trú ở 14 xóm: Làng Bản, Là Mè, Làng Giữa, Làng Mìn, Làng Cao, Làng Kén, Đồng Dong, Là Canh, Là Khoan, Xuất Tác, Phương Đông, Làng Cũ, Làng Hang, Na Bả.

Nhân dân trong xã chủ yếu sống bằng nghề nông, trồng lúa, ngô, hoa màu. Rượu ngô Na Bả do đồng bào Dao xóm Na Bả nấu theo cách thức truyền thống rất được ưa chuộng.

Đình Phương Giao được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, bị tiêu huỷ bởi chiến tranh năm 1947, nay còn lại một số viên đá tảng kê chân cột đình.

PHƯƠNG GIAO

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập năm 1948 trên cơ sở hợp nhất 4 xã Phương Giao (4 làng), Bình Long (8 làng), Xuất Tác (2 làng), Phù Trì (2 làng) của tổng Phương Giao cũ.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đài Tiếng nói Việt Nam đã sơ tán về xóm Phù Trì một thời gian. Sau giảm tô (1953), xã Phương Giao được chia thành 2 xã: Phương Giao và Bình Long.

PHƯỢNG HOÀNG

Hang đá tự nhiên trên núi Phượng Hoàng (còn gọi là hang Phú Thượng), thuộc xóm Phượng Hoàng, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Cửa hang ở lưng chừng núi, cách mặt đất chừng 300 m. Hang có chiều dài 220 m, chiều rộng đến 40 m, diện tích hang khoảng 4.500 m^2. Hang có nhiều nhũ đá rất đẹp, đáy hang có nhiều vũng nước nhỏ trong suốt.

Hang Phượng Hoàng là nơi diễn ra sự kiện lịch sử ngày 27/11/1944, Trung đội Cứu quốc quân II và nhân dân đã dũng cảm chiến đấu, đánh lui và làm thiệt hại nặng một tiểu đoàn quân Pháp. Cùng với suối Mỏ Gà nằm dưới chân núi, hang Phượng Hoàng là một danh lam thắng cảnh Quốc gia và là điểm du lịch nổi tiếng ở Võ Nhai, thu hút rất nhiều du khách tới thăm.

PHƯỢNG HOÀNG

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Phượng Hoàng thuộc địa phận xã Cù Vân, huyện Đại Từ, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, trong đó hệ thống kênh N1 đã được xây dựng kiên cố 1.570 m. Công trình phục vụ nước tưới cho 423 ha diện tích đất canh tác (3 vụ lúa và hoa mầu) của 9 xóm và trại cá xã Cù Vân. Hệ thống kênh N2 đã được xây dựng kiên cố 2.730 m. Công trình phục vụ nước tưới cho 570 ha diện tích đất canh tác (3 vụ lúa và hoa mầu) của 2 xã An Khánh và Cù Vân.

PHƯỢNG HOÀNG

Hồ nhân tạo, được xây dựng năm 1967 ở xã Cù Vân, huyện Đại Từ, hoàn thành năm 1968; phía đông và phía nam giáp xã An Khánh, phía tây giáp xã Tân Thái, phía bắc giáp xã Hà Thượng, do Cụm khai thác thuỷ lợi Phượng Hoàng, Trạm khai thác thuỷ lợi Đại Từ quản lí vận hành. Đập chính của hồ dài: 100 m, cao 19,2 m, mặt đập rộng 5 m; cao trình mực nước dâng bình thường: 110,7 m, cao trình mực nước chết 99m, diện tích lưu vực: 3,2 km^2, dung tích 1612,10 m^3. Hồ Phượng Hoàng cung cấp nước tưới đất nông nghiệp của 2 xã Cù Vân và An Khánh. Trong đó, xã Cù Vân gồm 11 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 335 ha; xã An Khánh gồm 10 xóm với tổng diện tích tưới 3 vụ là 552 ha.

PHƯỢNG HOÀNG

Nơi diễn ra cuộc chiến đấu của Trung đội Cứu quốc quân II. Vị trí di tích tại hang Phượng Hoàng nằm ở lưng chừng dãy núi đá thuộc xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai. Tại đây, tháng 11/1944, Trung đội Cứu quốc quân II, cùng 373 hộ gia đình các làng, xã trong vùng, với súng kíp, lựu đạn, bẫy đá đã kiên cường chiến đấu đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn quân Pháp, ghi dấu một chiến công oanh liệt trong thời kỳ vận động Cách

mạng tháng Tám của quê hương cách mạng. Hang Phượng Hoàng cũng là một danh thắng của huyện Võ Nhai.

Di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994).

PRIME - PHỔ YÊN

Công ty Cổ phần, được thành lập năm 2007, trụ sở đặt tại phố Đình Đôi, xóm Thượng Giã, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên.

Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là khai thác vật liệu đất, sản xuất các loại gạch ốp lát (gạch hoa) phục vụ việc ốp lát tường, nền nhà ở. Công ty có mặt bằng sản xuất khoảng hơn 20 ha, với hơn 400 cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao. Sản phẩm gạch lát PRIME có nhiều mầu sắc, kích cỡ lớn nhỏ và hoa văn đẹp mắt, được tiêu thụ ở nhiều tỉnh, thành từ Bắc vào Nam.

PHƯỢNG TIẾN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phượng Tiến huyện Định Hoá là xã nằm trong An toàn khu Trung ương; là nơi ở và làm việc của cơ quan Giao tế Trung ương từ năm (1949 - 1954) - nơi đón tiếp khách trong nước và khách quốc tế đến làm việc với các cơ quan Trung ương tại ATK Định Hoá; nơi Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ sản xuất giấy in tiền và in tài liệu, sách, báo...

Ngoài việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ An toàn khu, nhân dân xã Phượng Tiến còn phối hợp với tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ chiến đấu đánh bại các cuộc tấn công của một đại đội địch vào Nhà máy, góp phần vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947; tích cực tham gia vận chuyển hậu cần, làm liên lạc cho các cơ quan Trung ương và các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn; ủng hộ hàng trăm tấn lương thực và trên 100 con trâu, bò, lợn cho kháng chiến...

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phượng Tiến đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005) phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

PHƯỢNG TIẾN

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Đông huyện Định Hóa; phía đông giáp xã Yên Trạch (huyện Phú Lương), phía tây giáp xã Bảo Cường và thị trấn Chợ Chu, phía tây nam giáp xã Trung Hội, phía bắc giáp xã Tân Dương.

Sau ngày thành lập chính quyền cách mạng, tháng 4/1945, các xã Kiền Dương, Phượng Vỹ Trung của tổng Phượng Vỹ Trung và một phần xã Khuynh Quỳ của tổng Khuynh Quỳ sáp nhập thành xã Phượng Tiến. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Phượng Tiến chia tách thành 2 xã Phượng Tiến và Tân Dương. Tổng diện tích tự nhiên 2.071 ha, gồm diện tích đất nông nghiệp 1.639,13 ha, đất phi nông nghiệp 174,05 ha, còn lại là đất chưa sử dụng.

Xã Phượng Tiến hiện nay có 15 xóm: Pải, Đình, Phỉnh, Mấu, Tổ, Cấm, Héo, Hợp Thành, Nà Què, Nà Liền, Pa Trò, Pa Goải, Nạ Á, Nà Lang, Nà Poọc. Dân số (năm 2009) 3.480 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Nùng, Hoa, Dao, Sán Dìu, Mường.

PHƯỢNG TIẾN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Định Hoá, địa giới tương ứng địa bàn 2 xã Phượng Tiến và Tân Dương ngày nay.

Xã Phượng Tiến nằm ở khu vực phía Đông huyện Định Hoá; phía đông giáp huyện Phú Lương; phía tây giáp xã Bảo Cường (nay là các xã Bảo Cường, Phúc Chu, thị trấn Chợ Chu) và xã An Lạc (nay là các xã Kim Phượng, Kim Sơn, Quy Kỳ, Linh Thông), phía nam giáp xã Trung Hội (nay là các xã Trung Hội, Trung Lương), phía bắc giáp xã Phượng Tú (nay là các xã Tân Thịnh, Lam Vỹ). Diện tích tự nhiên 42,27 km². Dân số 1.915 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Tày 75,68%, Kinh 15,20%, Sán Dìu 5,40%, Hoa 2,55%. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Phượng Tiến nằm trong vùng Trung tâm An toàn khu (ATK) Trung ương.

Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Phượng Tiến được tách thành 2 xã Phượng Tiến, Tân Dương ổn định cho tới ngày nay.

PHƯỢNG TÚ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Định Hoá; địa giới gồm địa bàn 2 xã Tân Thịnh, Tân Hoà (ngày nay là xã Lam Vỹ).

Xã Phượng Tú nằm ở vùng Đông Bắc huyện Định Hoá; phía đông và phía bắc giáp huyện Bạch Thông (nay là huyện Chợ Mới) - tỉnh Bắc Kạn; phía tây giáp xã An Lạc (nay là các xã Kim Sơn, Kim Phượng, Quy Kỳ, Linh Thông); phía nam giáp huyện Phú Lương và xã Phượng Tiến (nay là các xã Phượng Tiến, Tân Dương). Diện tích tự nhiên 103,31 km²; dân số 2.116 người, thuộc 5 thành phần dân tộc: Tày 67,67%, Sán Dìu 27,93%, Hoa 2,03%, Kinh 1,46%, Mông 0,76%. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Phượng Tú nằm trong vùng Trung tâm An toàn khu (ATK) Trung ương.

Cuối năm 1953, đầu năm 1954, xã Phượng Tú được tách thành 2 xã Tân Thịnh và Tân Hoà. Theo Quyết định 136 - NV, ngày 7/4/1967 của Bộ Nội vụ, xã Tân Hoà đổi tên thành xã Lam Vỹ.

PHƯỢNG VỸ HẠ

Tổng, thuộc châu Định Hoá, trước năm 1945 gồm 5 xã, 10 làng, 34 xóm:

Xã Phượng Vỹ Hạ gồm 4 làng: Quảng Cáo (có 4 xóm: Làng Riềng, Làng Ranh, Nẫm Cơ, Làng Lóc), Cần Nông (có 4 xóm: Làng En, Làng Nón, Làng Căng, Đồng Chào), Nghĩa Trang (có 1 xóm: Nghĩa Trang), Bản Lác (có 3 xóm: Thái Tri, Làng Kết, Làng Mới);

Xã Quy Triều gồm 3 làng: Bản Cọ (có 3 xóm: Bản Cọ, Bản En, Bản Bấu), Khuôn Câm (có 2 xóm: Khuôn Câm, Khuôn Nhà), Na Mô (có 3 xóm: Bản Đá, Xóm Chuối, Na Mô);

Xã Linh Đàm gồm 2 làng: Thôn Kim (gồm 3 xóm: Tát Thượng, Tát Hạ, Làng Khan), Thôn Mán (gồm 4 xóm: Chợ Cũ, Làng Lời, Làng Kén, Làng Trang);

Xã Phúc Trinh gồm 1 làng: Ngọ Hiên (có 5 xóm: Bản Gầy, Làng Cốc, Làng Mới, Làng Huyền, Bản Lèng);

Xã Văn La gồm 1 làng: Thôn Khuyếch (có 2 xóm: Khuyếch Nội, Khuyếch Ngoại).

PHƯỢNG VỸ THƯỢNG

Tổng, thuộc châu Định Hoá, trước năm 1945 gồm 2 xã, 7 làng, 12 xóm:

Xã Phượng Vỹ Thượng gồm 5 làng: Quyền Thôn (có 1 xóm: Làng Quyền), Hồng Thôn (có 1 xóm: Làng Hồng), Ngoa Thôn (có 1 xóm: Làng

Ngoa), Khiếu Thôn (có 1 xóm: Thôn Khiếu), Bản Pán (có 2 xóm: Bản Pán, Bản Ngoa).

Xã Lam Vỹ gồm 2 làng: Viên Thôn (có 5 xóm: Làng Nâu, Làng Há, Làng Viềng, Làng Cỏ, Trại Đúc), Duyên Thôn (có 1 xóm: Làng Nuôi).

PHƯỢNG VỸ TRUNG

Tổng, thuộc châu Định Hoá, trước năm 1945 gồm 2 xã, 7 làng, 10 xóm:

Xã Phượng Vỹ Trung gồm 4 làng: Bản Lời (có 1 xóm: Bản Lời), Na Lang (có 1 xóm: Na Lang), Bản Héo (có 2 xóm: Bản Héo, Đồng Quàng), Bản Chàng (có 1 xóm: Bản Chàng);

Xã Kiền Dương gồm 3 làng: Bản Kiền (có 2 xóm: Làng Tá, Kiền Hạ), Kim Cút (có 1 xóm: Bản Cút), Thịnh My (có 2 xóm: Bản Mụ, Khôn Lương).

Về cơ bản, tổng Phượng Vỹ Trung xưa gồm một phần đất các xã Tân Thịnh, Tân Dương, Phượng Tiến của huyện Định Hoá ngày nay.

PIERƠ PAXKIÊ (PIERRE PASQUIER)

Chưởng ấn, quan cai trị tập sự, Phó Công sứ tỉnh Thái Nguyên (1900 - 1901). Đây là những năm, theo đánh giá của chính quyền thực dân, tình hình chính trị và quân sự ở Thái Nguyên tương đối yên bình, bởi các lực lượng của Lường Tam Kỳ, Bá Kỳ đều đã ký giao ước với chính quyền thực dân.

Cũng như cấp trên trực tiếp của mình (Destenay), Pierre Pasquier đã được Chính phủ Pháp bổ nhiệm chức vụ Toàn quyền Đông Dương (1929 - 1934).

Ngày 15/6/1929, Toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier là quan chức cao cấp nhất của nước Pháp tham dự Lễ khánh thành Đập Thác Huống ở tỉnh Thái Nguyên - công trình thuỷ lợi lớn nhất xứ Đông Dương thuộc Pháp vào thời kỳ đó.

PÍT HỨA THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1908, quê huyện Lục Bình, tỉnh Lạng Sơn; thường trú tại xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Mẹ Hứa Thị Pít đã được Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 438-KT/CTN, ngày 24/4/1995, phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

PULANH (POULIN)

Công sứ Thái Nguyên, thay Darles, từ tháng 9/1917 đến tháng 6/1920.

Công sứ Poulin là người cùng Colonel Maillard (Đại tá Meya) - Tổng chỉ huy chiến dịch đàn áp cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, tiếp tục chỉ huy quân Pháp và bộ máy tay sai truy quét những người tham gia khởi nghĩa...

Đến ngày 10/1/1918, do bị thương nặng và không muốn rơi vào tay giặc, Đội Cấn đã dùng súng lục tự sát để bảo toàn khí tiết. 10 giờ 30 phút ngày 1/11/1918, Công sứ Thái Nguyên Poulin cùng Công sứ Vĩnh Yên Culliéret (Quynliêrê), Đại uý Salel (Xalen) dẫn đầu đoàn xe chở lính lên khai quật mộ của Đội Cấn được chôn tại núi Pháo, xã Cù Vân, huyện Đại Từ. Ngày 16/1/1918, Công sứ Poulin đã gửi một bức mật thư cho Thống sứ Bắc Kỳ để báo cáo việc khai quật tử thi, việc nhận dạng thi thể thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên Trịnh Văn Cấn...

PỤ ĐỒN

Đồi - Nơi tổ chức Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp; địa điểm di tích tại xóm Nà Lọm, xã Lục Rã, xã Phú Đình, huyện Định Hoá.

Chiều ngày 28/5/1948, sau phiên họp thường kì Hội đồng Chính phủ, các thành viên tập trung về một ngôi nhà nguyên là lớp học của Trại thiếu nhi Nà Lọm, tại đồi Pụ Đồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, cùng Trưởng Ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn và các thành viên Chính phủ đã làm Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp - Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam.

Từ đó, đồi Pụ Đồn còn được người dân địa phương gọi là đồi Phong Tướng. Di tích nơi phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp là một trong những di tích thuộc di tích Quốc gia đặc biệt ATK Định Hoá.

PỤ MIẾU

Đồi, thuộc xóm Phụng Hiển, xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá. Địa điểm thành lập Ban Kiểm tra Trung ương (nay là Ủy ban Kiểm tra Trung ương) năm 1948. Nơi đặt trụ sở làm việc của đồng chí Trần Đăng Ninh -

Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương trong những năm 1948 - 1950.

Đây là địa điểm di tích nơi thành lập Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

QUAN ĐẾ

Đình, được dựng từ thế kỷ XIX tại xóm Vườn Rau, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá. Đình có kiến trúc chữ ĐINH, gồm 3 gian và 1 gian hậu cung, xung quanh xây tường gạch. Đình là nơi thờ Quan Vũ (Quan Vân Trường), xuất xứ nguồn gốc từ Trung Quốc, là vị thần bảo trợ cho những người làm thương nghiệp. Hội đình xưa diễn ra ngày 13, 14/5 Âm lịch, nay không còn được duy trì.

Tại đình Quan Đế, ngày 28/3/1945, hàng nghìn người dân cùng Cứu quốc quân và Tự vệ Cứu quốc họp mít tinh, tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của phát xít Nhật trên địa bàn châu Định Hoá. Tại cuộc mít tinh, đại diện của Việt Minh đọc và giải thích chương trình, điều lệ Việt Minh; Tri châu Hà Sĩ Tinh tuyên bố đầu hàng Việt Minh vô điều kiện và ra lệnh cho các chức dịch (Chánh tổng, Lí trưởng) ở các tổng, các xã mang bằng, triện, tài liệu lên châu lị nộp cho đại diện Việt Minh. Sau ngày 28/3/1945, các đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Văn Sạch, Hoàng Ngọc Đỉnh đã lấy danh nghĩa Việt Minh để lãnh đạo, chỉ đạo các xã, xử lí công việc hằng ngày ngay tại đình Quan Đế.

QUAN TRÀNG

Đình, được dựng vào thời Lê sơ ở xóm Hoàng Tài, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình. Đình là nơi thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tam Giang và Dương Tự Minh. Dấu tích ngôi đình hiện nay còn hậu cung, với một số hiện vật gồm 1 bát hương to men da lươn chạm đầu rồng, 1 khánh gang to.

QUAN TRÀNG

Chùa, tên chữ là Hưng Phúc tự, được dựng từ thời Lê ở xóm Hoàng Tài, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình.

Chùa Quan Tràng đã được tu sửa nhiều lần. Nhà tiền đường gồm 5 gian, dài 3 m, rộng 6 m, khoảng cách giữa các cột nhà là 2 m. Nhà tam bảo dài 3 m, rộng 6 m. Chùa là nơi thờ Phật và duy trì ngày lễ chính là ngày sóc và ngày vọng (ngày mùng 1 và ngày 15 Âm lịch hằng tháng).

Hiện vật cổ lưu giữ tại chùa gồm 1 quả chuông đồng lớn niên đại Nguyễn Cảnh Thịnh năm thứ 8 (1800), 18 pho tượng (phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII), 1 cây hương đá niên hiệu Lê Bảo Thái năm thứ 9 (1728), 1 tấm bia "Hậu phật bi kí" niên đại Gia Long năm thứ 15 (1816), 1 cây đèn gỗ, 1 mõ to, 1 chuông gang nhỏ, 2 bát hương gốm da lươn (1 bát hương chạm rồng, 1 bát hương tạo hình cánh sen nhiều lớp).

QUẢN THƠ

Cầu, được xây dựng năm 1988 tại Km 16 + 540 - Tỉnh lộ 264, thuộc địa bàn xã Bình Thành, huyện Định Hoá. Cầu kết cấu dạng nhịp trên dầm bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn; sơ đồ bố trí nhịp 12,1; mố, trụ, móng kết cấu chữ U, Đ, X. Cầu dài 16,1 m, rộng 4 m, tải trọng khai thác biển báo 10 tấn.

QUẢN VŨ

Đình, được dựng từ lâu đời tại xóm Đình, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Đình có kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, dài 18 m, rộng 12 m, hậu cung sâu 10 m, rộng 5 m, cột gỗ lim, cột cái có đường kính 60cm được chạm trổ công phu tinh xảo, xung quanh bằng ván gỗ, mái lợp tranh nứa. Đình là nơi thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, Cao Sơn Quý Minh (tức Dương Tự Minh), Cao Minh Vuốt Sơn (tức thần núi Vuốt, phía trước cửa đình) và Sơn Đạo Đại vương. Hội chính được mở vào ngày 10/12 Âm lịch hằng năm.

Năm 1943, ngôi đình bị hư hỏng hoàn toàn. Một thời gian sau, nhân dân trong làng tổ chức xây dựng lại ngôi đình bằng tường gạch, mái lợp ngói. Cuối năm 1947, ngôi đình bị giặc Pháp phá hỏng hoàn toàn, đồ thờ bị thất lạc. Dấu tích ngôi đình hiện nay chỉ còn nền móng và một số tảng đá kê cột đình nằm rải rác; khu đất của đình trở thành nghĩa địa của làng.

QUÁN

Đền, được dựng từ lâu đời ở làng Mai Sơn, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, là nơi thờ Mẫu; đã nhiều lần được trùng tu, trong đó có hai lần sửa lớn là vào năm Khải Định thứ 9 (1924) và năm 1990. Đền đã phục dựng lại một số kết cấu, song về cơ bản vẫn giữ được nét kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn. Đền quay về hướng nam, gồm 4 gian, hai bên mái đều có đầu đao.

Các hiện vật lưu giữ tại đền gồm 1 ngai thờ chạm đầu rồng, 1 tượng Mẫu, 2 bộ cửa võng chạm rồng, 3 bát hương gốm, 1 hoành phi.

Ngày giỗ chính của Mẫu hằng năm tổ chức tại đền trong 3 ngày, từ ngày 12 đến 15/3 âm lịch.

QUÁN BA TRĂM

Địa danh, thuộc xóm Tân Đức 2, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên.

Nơi có ngã ba đường, một đường vào xã Tân Cương ở phía tây, một đường ra phường Thịnh Đán ở phía đông, một đường vượt Kênh Núi Cốc sang xóm Nam Thành xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Có nhiều giai thoại về địa danh này. Một trong những giai thoại đó là: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), nơi đây có một quán nhỏ của người dân bán trà (chè) và hàng tạp hoá. Cũng gần đó có một đơn vị Vệ Quốc đoàn đóng quân cách quán khoảng 300 bước chân. Hằng ngày, sau giờ học tập, cán bộ, chiến sĩ thường ra quán uống nước, mua sắm...Quán không có tên, các chiến sĩ đặt tên theo đặc điểm khoảng cách từ nơi đơn vị đóng quân ra đến quán, lâu dần thành tên gọi "Quán Ba trăm".

QUÁN CHẽ

Hệ thống kênh dẫn nước từ hồ Quán Chẽ thuộc địa phận xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai; kênh chính dài 9 km, tổng các kênh nhánh có chiều dài 5 km; đảm bảo tưới tiêu cho 360 ha lúa. Nhờ đó, nhiều diện tích lúa 1 vụ đã chuyển sang cấy 2 vụ; Dân Tiến có thương hiệu Gạo Phương Bá nổi tiếng từ lâu qua câu ca: *Cơm Phương Bá, cá Bình Long*, đã trở thành xã có sản lượng lúa cao nhất huyện Võ Nhai.

QUÁN ÔNG GIÀ

Quán bán hàng ăn uống trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí ở xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, cửa ngõ đi vào trung tâm ATK Định Hoá từ phía tây.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều cán bộ, bộ đội trong các cơ quan, đơn vị thường đi công tác qua lại nơi này, ông Khiên là người có tài nấu ăn đã mở quán bán hàng ăn uống. Mùa nào thức ấy, ông cùng vợ và 2 con luôn tận tình phục vụ khách các món ăn như măng ngọt, măng đắng, rau rừng, thịt gà rừng, cá suối, bánh chưng, cơm xôi... Đặc biệt, món cơm lam nấu trong ống tre, ống nứa non để mấy ngày ăn vẫn thơm

ngon, khách qua đường ai cũng mua vài ống để ăn hoặc làm quà cho người thân. Quán nằm dưới tán cây đa to ven đường vừa mát mẻ lại kín đáo, khách vào quán rất yên tâm nghỉ ngơi, không lo máy bay địch phát hiện. Khách mến chủ nhưng chẳng mấy ai biết tên chỉ quen gọi là *Quán Ông Già*. Tên *Quán Ông Già* dần hình thành từ đấy.

QUÁN TRIỀU

Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Nhà máy Điện Thái Nguyên - nay là Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn (1/1/1964). Vị trí di tích ở phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2463/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008).

QUÁN TRIỀU

Đình, được dựng từ thế kỷ XVIII trên đất xã Quan Triều, tổng Sơn Cẩm, huyện Phú Lương; nay là phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên.

Đình là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Đình được dựng bằng gỗ lim, đầu cột xà được chạm trổ công phu, tường xây gạch cổ, mái lợp ngói cổ. Trên nóc đình có đắp hình lưỡng long chầu nguyệt. Đình có diện tích khoảng trên 70 m², gồm 5 gian tiền tế và hậu cung. Trong đình có nhiều đồ thờ tự.

Hằng năm, nhân dân mở lễ hội tại đình vào các ngày: từ 13 đến 15/1 âm lịch: Lễ Khai xuân, ngày 10/4: Lễ Hạ điền, ngày 10/7: Lễ Thượng điền, ngày 11 và 12/11: Lễ Tất niên, nhập tịch.

Năm 1947, đình Quan Triều bị phá huỷ. Năm 1991, nhân dân Quán Triều dựng ngôi đình nhỏ để thờ cúng.

QUAN TRIỀU

Phường, ở khu vực phía Bắc thành phố Thái Nguyên; phía đông bắc giáp sông Cầu, (bên kia sông Cầu là xã Cao Ngạn), phía tây bắc giáp phường Tân Long, phía đông giáp phường Quang Vinh, phía nam giáp xã Quyết Thắng, phía tây giáp xã Phúc Hà. Diện tích tự nhiên 2,81 km². Dân số (năm 2009) 7.513 người, thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Khơ Me cư trú ở 25 tổ dân phố. Nguồn sống chính của nhân dân trong phường 45% dựa vào nông nghiệp, 30% là công nhân, 25% là dịch vụ thương mại.

Phường Quan Triều, xưa kia là làng Quan Triều - quê hương của Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Trên địa bàn phường Quan Triều có trục Quốc lộ 3 chạy qua; có ga Quan Triều - ga cuối của tuyến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, ga đầu của tuyến đường sắt Quan Triều - Núi Hồng; Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Mỏ than Quang Vinh (đã ngừng khai thác từ những năm 90). Công ty Z127, v.v...

QUÁN TRIỀU

Nhà máy Xi măng, thuộc Cụm Công nghiệp An Khánh I, được khởi công xây dựng ngày 9/11/2008, trên tổng diện tích 20,4 ha tại địa bàn xã An Khánh, huyện Đại Từ bởi 5 liên doanh (Công ty trách nhiệm hữu hạn Viện Nghiên cứu thiết kế và công nghiệp Thiên Tân - Công ty Cơ khí nặng Triều Dương Bắc (Trung Quốc) - Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 - Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu Phục Hưng - Công ty Cổ phần Lilama 691). Tổng mức đầu tư khoảng 1.500 tỉ VND.

Đây là nhà máy đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam sử dụng công nghệ tiên tiến nhất của Trung Quốc đốt đá vôi tận thu trong quá trình sản xuất than có chứa chất cháy. Bằng công nghệ phương pháp khô với các thiết bị công nghệ đồng bộ, hệ thống kiểm tra, đo lường, điều chỉnh và điều khiển tự động, công suất Nhà máy đạt 2.000 tấn clinker/ngày, tương đương 818.400 tấn xi măng/năm.

Với màu sắc xi măng đẹp, chất lượng đảm bảo, thời gian ninh kết nhanh, đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng, xi măng Quán Triều đã có mặt tại: Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc...

QUÁN TRIỀU - NÚI HỒNG

Đường sắt, được khởi công xây dựng từ năm 1985, do Công ty Xây dựng 472 và Trung đoàn 98 thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn, Bộ Quốc phòng đảm nhiệm. Toàn tuyến dài 39 km, nối từ ga Quán Triều đến Mỏ than Núi Hồng nằm ở khu vực phía tây huyện Đại Từ, do Công ty Than nội địa (trực tiếp là Xí nghiệp Mỏ than Núi Hồng) quản lí, khai thác.

Từ năm 1992, tuyến đường sắt Quán Triều - Núi Hồng được đưa vào khai thác và giao cho Chi nhánh than Núi Hồng, Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quản lí.

Đường sắt Quán Triều - Núi Hồng là một tuyến đường chuyên chở khoáng sản, chủ yếu là than được khai thác từ mỏ Núi Hồng.

QUÁN VUÔNG

Chợ, có từ lâu đời, đặt tại địa phận xã Trung Hội, huyện Định Hoá. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, chợ Quán Vuông góp phần quan trọng cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho các cơ quan Trung ương và các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn xã.

Chợ được xây dựng lại năm 2006, với quy mô vốn đầu tư 900 triệu đồng, 75 điểm kinh doanh cố định, 150 thương nhân thường xuyên hoạt động; hằng năm nộp cho Ban Quản lí chợ 30 triệu đồng, doanh thu bán hàng 16.425 triệu đồng.

QUANG PHẠM HỒNG

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Sau 4 năm tham gia quân ngũ (1982 - 1985), ông theo học Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên). Năm 1989, được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy tại Tổ Tâm lí - Giáo dục học (nay là Khoa Tâm lí - Giáo dục). Năm 1999, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; năm 2004, được phong học hàm Phó Giáo sư.

Nhà giáo Phạm Hồng Quang đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng phòng Đào tạo - Khoa học - Quan hệ quốc tế, Trưởng phòng Đào tạo - Khoa học - Quan hệ quốc tế, Trưởng phòng Quản lí khoa học - Quan hệ quốc tế, Chủ tịch Công đoàn, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; 3 lần đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp Bộ, 1 lần là *Chiến sĩ thi đua toàn quốc*, được trao tặng 1 *Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ*. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

QUANG TRẦN XUÂN

Phó Chính Ủy Quân khu I (từ tháng 4/1972), Thiếu tướng; sinh năm 1956, quê xã Trực Tuấn, huyện Nam Ninh tỉnh Nam Định; trú quán thị

trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 6/1974; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1978; nguyên Đại đội phó Chính trị, Bí thư Đoàn Thanh niên cơ sở tiểu đoàn, Tiểu đoàn phó Chính trị, Trợ lí Tổ chức Trường Quân chính Quân khu I, Trợ lí Kế hoạch Tổng hợp Cục Chính trị Quân khu I, Phó Chủ nhiệm Chính trị, Chủ nhiệm Chính trị Lữ đoàn 382; Trưởng ban Kế hoạch tổng hợp, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Cục Chính trị Quân khu I; Chính Ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, Chủ nhiệm Chính trị Quân khu I; Phó Chính Ủy Quân khu I; đã được tặng thưởng 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (*Nhất, Nhì, Ba*), 1 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 1 *Huy chương Quân kì Quyết thắng*, *Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng*.

QUANG SƠN

Xã miền núi nằm ở khu vực Đông Bắc huyện Đồng Hỷ; phía Bắc và tây bắc giáp xã Tân Long, phía tây nam giáp xã Hoá Trung; phía nam giáp thị trấn Sông Cầu và xã Khe Mo; phía đông giáp xã La Hiên (huyện Võ Nhai). Diện tích tự nhiên 14,05 km², số dân 2.827 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Mông, Tày, Sán Chay, Sán Dìu, Dao, Mường, Thái và Hoa. Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Xã Quang Sơn hiện nay có 15 xóm: Bãi Cọ, Đồng Chuỗng, Đồng Thu 1, Đồng Thu 2, La Giang 1, La Giang 2, La Tâm, Lân Dăm, Lân Táy, Na Lay, Na Oai, Trung Sơn, Viên Ván, Xuân Quang 1 và Xuân Quang 2.

Năm 1990, phát hiện 1 trống đồng chậu thuộc thời đại Văn hoá Đông Sơn tại xóm Đồng Thu. Nhà máy xi măng Quang Sơn nằm trên địa bàn xã có công suất 1,5 triệu tấn/năm. Làng Khuyến nông tự quản Na Lay được Tổ chức CIDSE và Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên giúp đỡ thành lập từ năm 1995, hoạt động có hiệu quả về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và nâng cao năng lực tự quản của người nông dân.

QUANG SƠN

Nhà máy Xi măng, được khởi công xây dựng từ quý II/2006 trên diện tích 40 ha thuộc thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, với tổng vốn đầu tư hơn 3.500 tỉ đồng.

Nhà máy đã hoàn thiện và sản xuất thử từ đầu tháng 11/2009 đã hoạt động ổn định hơn một tháng.

Nhà máy Xi măng Quang Sơn có công nghệ sản xuất tiên tiến, do hãng FCB (Cộng hoà Pháp) thiết kế và cung cấp thiết bị. Dây chuyền sản xuất chính, các công đoạn phụ trợ đều được cơ khí hoá và tự động hoá ở mức độ cao. Sản phẩm của Xi măng Quang Sơn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành: Clinker CPC50 - TCVN 7024:2004; Xi măng Poocläng hỗn hợp PCB30; PCB40 - TCVN 6260:1997; Xi măng Poocläng PC30; PC40 - TCVN 2682:1999.

Nhà máy xi măng Quang Sơn giải quyết việc làm ổn định cho hơn 700 lao động địa phương.

QUANG SƠN

Mỏ đá, nằm trên địa bàn xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ. Khai thác từ năm 2007, theo Quyết định số 351/QĐ-UB ngày 14/2/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Công ty Cổ phần đá ốp lát và vật liệu xây dựng được phép khai thác trên diện tích 8,5 ha, trong thời hạn 17 năm với trữ lượng 5.055.700m³.

QUANG THÁI

Đồn (bốt) binh Pháp, nơi diễn ra trận đánh của Cứu quốc quân và tự vệ (đêm 12/11/1944). Vị trí di tích bên Quốc lộ 1B, giáp ranh 2 tỉnh Thái Nguyên - Lạng Sơn, thuộc địa phận xóm Mỏ Gà, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Lực lượng Cứu quốc quân và tự vệ chia làm 3 bộ phận tập kích, ném mìn vào bốt với mục đích tiêu diệt sinh lực địch, cướp vũ khí. Bọn địch bị tấn công bất ngờ cố thủ trong bốt, đợi quân tiếp viện từ Đình Cả lên giải cứu. Kết quả trận đánh không lớn, nhưng đã góp phần củng cố tinh thần của quần chúng nhân dân, là bước chuẩn bị quan trọng cho khởi nghĩa giành chính quyền trên địa bàn huyện tháng 3/1945.

QUANG TRUNG

Phường, ở khu vực trung tâm của thành phố Thái Nguyên, thành lập năm 1994, trên cơ sở tách ra từ phường Đồng Quang. Phía đông giáp phường Hoàng Văn Thụ, phía nam giáp phường Đồng Quang, phía bắc giáp phường Quang Vinh, phía tây giáp phường Tân Thịnh. Diện tích tự

nhiên 2,1 km². Dân số (12/2010) có 22.659 người thuộc 13 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Giáy, Khơ Me cư trú ở 39 tổ dân phố, từ 1 đến 39. Nguồn sống chính của cư dân là từ kinh doanh thương mại, dịch vụ (70%), nông nghiệp (25%), số còn lại là công chức, viên chức và lao động tự do.

Trên địa bàn phường có 3 trường: Đại học Y - Dược, Đại học Sư phạm, Đại học Nông Lâm thuộc Đại học Thái Nguyên; Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên; có bến xe khách Thái Nguyên, ga Đồng Quang. Là một trong ba khu trung tâm thương mại của thành phố Thái Nguyên, với Trung tâm Thương mại Đồng Quang, chợ Ga, chợ Mỏ Bạch, chợ Sinh viên sư Phạm.

QUANG TRUNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Dân số (1954) có 3.863 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Dao và Trại.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhân dân xã Quang Trung tự tay mình phá hoại nhà cửa, đường sá, cầu cống trên Quốc lộ 3 để cản bước tiến quân thù. Thanh niên trong xã hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Thu - Đông 1947, quân và dân Quang Trung trực tiếp chiến đấu góp phần phá tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến. Tiếp đó, quân và dân trong xã cùng với quân và dân tỉnh Thái Nguyên chiến đấu đánh bại cuộc hành quân Phôcơ của giặc Pháp, góp phần vào chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950.

Ngoài thành tích tham gia chiến đấu, nhân dân trong xã còn tích cực động viên con, em xung phong tòng quân, đóng góp lương thực, thực phẩm và đi dân công phục vụ tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến.

Sau giảm tô (cuối 1953), xã Quang Trung chia tách thành 3 xã: Quang Trung, Hoà Bình và Túc Duyên.

QUANG VINH

Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Thiếu nhi rẻo cao Khu Tự trị Việt Bắc - nay là Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc (13/3/1960).

Vị trí di tích ở phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2779/QĐ-UB Ngày 12/11/2004).

QUANG VINH

Nơi đặt trận địa pháo cao xạ 100 mm. Vị trí di tích ở tổ 13, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên.

Tại đây, đêm 24 và 26/12/1972, đơn vị C5-D2, E256 dùng súng cao xạ, không có khí tài, bắn rơi 2 máy bay B52 của giặc Mĩ.

Vào lúc 19 giờ 55 phút ngày 24 đến 0 giờ 5 phút ngày 25/12/1972, đế quốc Mĩ huy động 34 máy bay B52 và gần 40 máy bay chiến thuật ồ ạt ném bom các loại xuống khu Nam thành phố Thái Nguyên. Tuy thời tiết xấu, trời tối, trong điều kiện không có khí tài điều khiển, khí tài quan sát máy bay địch ban đêm có nhiều hạn chế, nhưng cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 Trung đoàn pháo cao xạ 256 vẫn kiên trì bám trận địa, sẵn sàng đánh địch. Tại trận địa Đại đội 5 ở xã Quang Vinh, sau khi nhận được lệnh nổ súng của Ban Chỉ huy Trung đoàn, cả 6 khẩu đội bắn đồng loạt vào từng tốp máy bay B52. Kết quả, 1 chiếc B52 đã bị bắn cháy vào lúc 21 giờ 50 phút ngày 24/12.

Vào lúc 22 giờ 5 phút ngày 26/12/1972, đế quốc Mĩ cho 21 lượt chiếc B52 cùng nhiều tốp máy bay chiến thuật ồ ạt ném gần 600 quả bom phá huỷ diệt một khu vực rộng lớn trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Bất chấp bom đạn địch cày xới, giữa đêm tối, cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 Trung đoàn pháo cao xạ 256 đồng loạt nổ súng cấp tập vào đội hình máy bay B52 của địch. Trong đó, các loạt đạn pháo 100 mm của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 tại trận địa xã Quang Vinh tiếp tục bắn rơi 1 máy bay B52. Với chiến công này, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 Trung đoàn 256 được Chính phủ thưởng *Huân chương Chiến công hạng Ba* và Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 100/QĐ-UB, ngày 16/1/1980).

QUANG VINH

Phường, nằm ở khu vực phía Bắc thành phố Thái Nguyên; phía bắc và phía đông giáp với sông Cầu (bên sông là 2 xã Cao Ngạn, Đồng Bẩm), phía tây và tây nam giáp 2 phường Hoàng Văn Thụ và Quan Triều, phía nam giáp phường Quang Trung. Diện tích tự nhiên 3,1 km^2. Dân số (năm 2009) 6.015 người, thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 17 tổ dân phố (từ tổ 1 đến tổ 17). Từ những năm 80 của thế kỷ XX trở về trước, nguồn sống chính của người dân Quang Vinh là từ sản xuất nông nghiệp, 80% cư dân là nông dân. Ngày nay, số hộ sản xuất nông nghiệp chỉ còn 35%, số hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ chiếm trên 45%, số còn lại là công nhân, viên chức.

Phường Quang Vinh xưa kia là xã Quang Vinh thuộc tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ. Tháng 10/1962, xã Quang Vinh được chuyển giao về thành phố Thái Nguyên; năm 1985 xã Quang Vinh đổi thành phường Quang Vinh. Trên địa bàn phường có Quốc lộ 3 (khoảng 2 km, là đường Dương Tự Minh), gần 100 doanh nghiệp kinh doanh đủ mọi ngành nghề, Khu đô thị Nam Sông Cầu diện tích 133 ha (chiếm khoảng 45% diện tích tự nhiên của phường), v.v...

QUANG VINH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Dân số (1954) có 2.188 người, thuộc 3 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Hoa.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhân dân Quang Vinh tự tay mình phá hoại nhà cửa, đường sá, cầu cống trên Quốc lộ 3 để cản bước tiến quân thù. Ngoài thành tích tham gia chiến đấu, nhân dân trong xã còn tích cực động viên con, em xung phong tòng quân, đóng góp lương thực, thực phẩm và đi dân công phục vụ các chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến.

Sau giảm tô (cuối 1953), xã Quang Vinh chia tách thành 2 xã: Quang Vinh và Lương Sơn.

QUẢNG NẠP

Nhà thờ họ đạo, được xây dựng năm 1945, chất liệu làm bằng tre, mái lợp lá cọ, vách đất, đặt tại khu chợ Quảng Nạp (nay là chợ Nập), là nơi cầu nguyện của 4 hộ gia đình, 36 giáo dân.

Năm 1946, nhà thờ được chuyển lên xóm Đồn (cạnh đồn Quảng Nạp), xây dựng lại, chiều rộng 7 m, chiều dài 20 m (nhà tre, một thời gian sau nâng cấp thành nhà gỗ, vách đất, lợp lá cọ) trên một khu đất rộng khoảng 500 m^2 và cố định ở đó cho đến ngày nay.

Năm 1986, Nhà thờ được sửa chữa, nâng cấp, tường đất được thay bằng tường gạch. Năm 1996, tường được xây cao 4,4m, mái lá cọ được thay bằng mái ngói. Nhà thờ Quảng Nạp là nơi sinh hoạt, cầu nguyện của trên 200 giáo dân gốc từ tỉnh Nam Định lên.

QUẢNG NẠP

Chợ, còn gọi là chợ Nập, hình thành từ đầu những năm 30 của thế kỷ XX, đặt tại địa phận xã Bình Thành, huyện Định Hóa. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, chợ Quảng Nạp đã góp phần quan trọng cung cấp lương thực, thực phẩm cho các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn.

Năm 2009, chợ Quảng Nạp được xếp là chợ nông thôn loại 3; hằng tháng họp vào các ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28 Âm lịch.

QUẢNG TRƯỜNG 20/8

Được xây dựng tháng 11/2002, với tên gọi Quảng trường 20/8, nằm giữa đường Đội Cấn, thuộc địa bàn tổ 9 và tổ 23, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, do Ban Quản lí dịch vụ công ích đô thị thành phố Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Nguyên quản lí, khai thác.

Quảng trường 20/8 gắn liền với sự kiện thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên ngày 20/8/1945. Quảng trường rộng gần 0,9 ha, với các hạng mục phụ trợ: Khán đài, vườn hoa cây xanh, điện chiếu sáng, bãi đỗ xe, trạm biến áp. Quảng trường có vị trí trung tâm, nằm trong tổng thể các thiết chế văn hoá, thể thao tiêu biểu của

tỉnh, như Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, Trung tâm Dịch vụ thi đấu thể thao, Vườn hoa Sông Cầu.

Quảng trường 20/8 là nơi tổ chức những sự kiện chính trị, văn hoá lớn của tỉnh và thành phố Thái Nguyên.

QUÁT CAO BÁ

Nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ XIX, sinh năm 1809, từ trần năm 1854; tên tự là Chu Thần, hiệu là Cúc Đường và Mẫn Hiên, người Phú Thị, Gia Lâm (Hà Nội); là nhà thơ Việt Nam nổi tiếng ở thế kỷ XIX, cùng với Nguyễn Văn Siêu được xưng tụng là "Thần Siêu, Thánh Quát". Vũ Tông Phan cũng là bạn thơ của Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát, nên trong thời gian Vũ Tông Phan làm Tham hiệp Thái Nguyên, Cao Bá Quát đã lên thăm bạn. Lên Thái Nguyên, đến du ngoạn ở động Tiên Lữ (Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ), Cao Bá Quát đã sáng tác bài thơ theo lối trường thiên Du Tiên Lữ động (Chơi thăm động Tiên Lữ) bằng chữ Hán - động Tiên Lữ và Thái Nguyên một kiệt tác thi ca.

QUẮC NGUYỄN KHÁNH

Nhà giáo Ưu tú (1994), Anh hùng Lao động (2000), Nhà giáo Nhân dân (2002). Sinh năm 1942; quê quán xã Hoàng Tung, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; học viên Học viện Nông nghiệp Hoa Nam, Quảng Châu, Trung Quốc (1962 -1966); cán bộ Ban Chăn nuôi (1966 - 1968), cán bộ Viện Chăn nuôi (1968 - 1973) thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp; năm 1973, được cử đi làm Nghiên cứu sinh ở Hunggari (1973 - 1978), cán bộ giảng dạy, Chủ nhiệm bộ môn Di truyền giống, Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Khoa Chăn nuôi, Trưởng phòng Giáo vụ (1979 - 1984), Phó Hiệu trưởng (1985 - 1990), Hiệu trưởng (1991 - 2000), Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp (2001 - 2002) Trường Đại học Nông nghiệp 3 (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên), nghỉ hưu năm 2002; đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (1997), *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*, giải thưởng Hồ Chí Minh (2000) và các danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* (1994), *Anh hùng Lao động* (2000), *Nhà giáo Nhân dân* (2002)".

Ngoài công tác giảng dạy và quản lí, nhà giáo Nguyễn Khánh Quắc còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học; chủ trì nhiều đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước. Ông đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (1997), *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1994, *Anh hùng lao động* năm 2000 và năm 2002, được phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Nhân dân*.

QUÂN CHU

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

Quân Chu là xã miền núi nằm ở khu vực Tây Nam huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Cát Nê, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía đông nam giáp xã Phúc Thuận của huyện Phổ Yên, phía đông giáp thị trấn Quân Chu.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quân Chu có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*.

QUÂN CHU

Đền, được dựng năm 1936 ở xóm Đền, xã Quân Chu, huyện Đại Từ.

Đền Quân Chu có kiến trúc khá độc đáo so với các đền cùng thời trong vùng. Phía trước có 3 cửa ra vào như một tam quan. Đỉnh mái có 3 chóp ở giữa, hai bên thấp dần mang dáng dấp của một nhà thờ. Trong đền có nhiều tượng thờ, một chuông đồng lớn, cùng nhiều văn bia.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đền là địa điểm liên lạc, đưa đón cán bộ từ miền xuôi lên căn cứ cách mạng Tân Trào và ngược lại. Các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Ngô Nhị Qúy, Lê Trung Đình đã nhiều lần qua lại nghỉ chân tại đền này. Do một thời gian dài bị bỏ hoang, nên tượng, chuông và đồ cúng lễ trong đền bị mất mát, hư hỏng.

Năm 1995, đền được tôn tạo lại trên cơ sở đền cũ nhưng tiền đường được thu hẹp lại, mái đổ bằng bê tông xi măng. Trong đền có bàn thờ,

trên đặt 2 pho tượng, tượng lớn là Ngọc Hoa công chúa, tượng bé là Chúa Thượng Ngàn và một số bát hương, bài vị...

Hằng năm, vào ngày 12/2 Âm lịch, đền tổ chức Lễ Mẫu, ngày 16/2 tổ chức lễ hội. Là chốn linh thiêng, có phong cảnh đẹp, lại tiện đường giao thông, nên đền Quân Chu ngày nay có nhiều khách thập phương lui tới.

QUÂN CHU

Đình, được xây dựng khoảng cuối thế kỷ XIX tại xóm Cả, nay là xóm Hòa Bình, xã Quân Chu, huyện Đại Từ. Trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã năm 1946, đình Quân Chu là địa điểm bỏ phiếu của cử tri trong làng. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đình là nơi hội họp của các đoàn thể, nơi sinh hoạt văn hoá của nhân dân địa phương. Đầu những năm 60 của thế kỷ XX, ngôi đình xuống cấp và hư hỏng dần.

QUÂN CHU

Thị trấn Nông trường Quân Chu, thành lập theo Quyết định số 416/NV ngày 26/10/1967 của Bộ Nội vụ. Là thị trấn miền núi, nằm ở khu vực Tây Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Cát Nê, phía tây giáp xã Quân Chu, phía đông nam giáp 2 xã Phúc Tân, Phúc Thuận của huyện Phổ Yên.

QUÂN CHU

Xã miền núi thuộc khu vực Tây Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Cát Nê, phía tây nam là sườn dãy Tam Đảo giáp giới tỉnh Vĩnh Phúc, phía đông nam giáp xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), phía đông giáp thị trấn Quân Chu. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, xã Quân Chu gồm 2 làng Quân Chu, Đồng Vụ thuộc tổng Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên 1932, là làng Quân Chu thuộc tổng Ký Phú, huyện Đại Từ. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Quân Chu thành xã Tân Thành. Năm 1957, xã Tân Thanh cắt một phần đất phía nam về Nông trường Bắc Sơn. Năm 1967 lấy lại tên cũ là xã Quân Chu.

Là xã An toàn khu trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Quân Chu có nhiều địa điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử: Địa điểm đặt sở chỉ huy chiến dịch Trần Hưng Đạo (Trung Du) (cuối năm 1950 đầu năm 1951) ở

Đát Ngao, đền Quân Chu... Hiện nay, xã Quân Chu gồm 19 xóm: Hoà Bình 1, Hoà Bình 2, Xóm Vang, Xóm Đền, Vạn Thành 1, Vạn Thành 2, Hùng Vương, Dốc Vụ, An Thái, Tân Sinh, Cây Hồng, Vụ Tây, Tân Yên 1, Tân Yên 2, Chiềm 1, Chiềm 2, Tân Tiến 1, Tân Tiến 2, Hàng Sơn. Diện tích tự nhiên 45,7 km², dân số (năm 2009) 3.471 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Dao, Sán Dìu, Tày, Nùng, Sán Chay, Thái, Mường, Mông. Nhân dân các dân tộc trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

Xã Quân Chu được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp*.

QUÂN KHU

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Văn Công, ở xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Hang có chiều dài 150 m, rộng từ 5 m đến 40 m; diện tích hang 3.375 m². Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, hang là nơi tổ chức nhiều buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ bộ đội và nhân dân. Nay hang do quân đội quản lí, cửa hang đã được bịt kín.

QUÂN KHU 1

Đơn vị quân sự cấp quân khu, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, thành lập theo Sắc lệnh 45-LCT ngày 29/5/1976 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trên cơ sở sáp nhập Quân khu Tây Bắc và Quân khu Việt Bắc; gồm các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Thái (Bắc Kạn, Thái Nguyên), Hoàng Liên Sơn (Lào Cai, Yên Bái, một phần Nghĩa Lộ), Vĩnh Phú (Vĩnh Phúc, Phú Thọ), Hà Tuyên (Hà Giang, Tuyên Quang), Sơn La, Lai Châu. Năm 1978, được điều chỉnh lại địa giới: Thêm 2 tỉnh Hà Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh) và Quảng Ninh (tách ra từ Quân khu 3); tách các tỉnh Vĩnh Phú, Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn, Sơn La, Lai Châu để thành lập Quân khu 2 (21/6/1978); tháng 4/1979, tách Quảng Ninh để thành lập Đặc khu Quảng Ninh.

Từ năm 2004, Quân khu 1 gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh. Bắc giáp Trung Quốc (đường biên giới dài trên 564,5km). Tư lệnh kiêm Chính ủy đầu tiên: Đàm Quang Trung. Trụ sở Bộ Tư lệnh Quân khu đóng tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quân khu 1 có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lí và chỉ huy quân đội chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ vùng Đông Bắc; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc qua các thời kỳ, Lực lượng vũ trang Quân khu 1 đã được Đảng, Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: *Huân chương Sao vàng*, 2 *Huân chương Hồ Chí Minh*, 3 *Huân chương Độc lập*, 10 *Huân chương Quân công*, hàng nghìn lượt tập thể đơn vị, hàng vạn cá nhân được thưởng *Huân chương Chiến công* các hạng; 346 đơn vị và 206 cá nhân được tuyên dương *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* trong kháng chiến, 6 đơn vị được tuyên dương *Anh hùng Lực lượng vũ trang* thời kỳ đổi mới (Lực lượng vũ trang huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Trung đoàn Xe tăng 409; Lữ đoàn Công binh 575; Lữ đoàn Pháo binh 382; Tiểu đoàn Hoá học 23/Bộ Tham mưu); và nhiều phần thưởng cao quý khác của bạn bè quốc tế.

QUẪN

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng năm 1950 ở xã Tân Đức, huyện Phú Bình, do Công ty Quản lí khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên trực tiếp quản lí. Đập hồ cao 4,5 m. Theo thiết kế hồ này có thể cung cấp nước tưới cho 50 ha. Hiện nay, hồ đang cung cấp nước tưới cho 30 ha đồng ruộng của xã Tân Đức và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

QUY KỲ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Quy Kỳ huyện Định Hóa là xã An toàn khu Trung ương; là nơi có nhiều cơ quan đầu não kháng chiến và đơn vị quân đội đến ở và làm việc; nơi Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ở và làm việc trong những năm 1950 - 1951; nơi Bộ Tổng Tham mưu mở lớp huấn luyện cán bộ (1950)... Ngoài thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác xây dựng, bảo vệ An toàn khu, nhân dân và lực lượng

vũ trang nhân dân xã Quy Kỳ động viên 11 thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường; tích cực lao động sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với các thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Quy Kỳ đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 160/KT-CTN ngày 28/4/2000) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

QUY KỲ

Núi đá vôi, thuộc khu vực Tây Nam xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa.

Có đỉnh cao 492 m, tọa độ: 21°25' vĩ Bắc và 105°35' kinh Đông thuộc hệ thống núi cánh cung Sông Gâm, gồm những dạng núi đá vôi thấp xen giữa đồi, núi đất; địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Thảm thực vật rất phong phú, chứa đựng nhiều tiềm năng kinh tế, với các loại lâm sản quý, như gỗ nghiến, lim, lát, sến và các loại tre, nứa, vầu, trám...

QUY KỲ

Xã vùng cao nằm ở vùng phía Bắc huyện Định Hóa; phía tây và tây bắc giáp 2 xã Bình Trung và Yên Nhuận (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn), phía đông bắc giáp xã Linh Thông, phía đông và đông nam giáp các xã Lam Vỹ và Kim Phượng; phía nam giáp các xã Kim Sơn, Phúc Chu và Bảo Linh. Tổng diện tích tự nhiên 55,96 km², gồm diện tích đất nông nghiệp 50,1171 km², đất phi nông nghiệp 2,0899 km², còn lại là đất chưa sử dụng.

Xã Quy Kỳ hiện nay có 19 xóm: Khuôn Nhà, Khuôn Câm, Khuôn Tát, Đăng Mò, Sự Thật, Đồng Khẩu, Bản Pấu, Nà Rọ, Nà Kéo, Nà Áng, Bản Cọ, Nà Mòn, Đồng Củm, Tân Hợp, Túc Duyên, Gốc Hồng, Bản Noóng, Thái Trung, Pác Cáp. Dân số (năm 2009) 3.834 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Sán Chay, Dao, Nùng, Hoa, Dao, Mường, Mông.

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, là tổ chức tài chính công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên, chịu sự quản lí nhà

nước về tài chính của Sở Tài chính. Trụ sở đặt tại số 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên.

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên có chức năng, nhiệm vụ: Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ về tài chính cho các chương trình, dự án, hoạt động phòng, chống, khắc phụ ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, bảo tồn tài nguyên và thiên nhiên trên địa bàn tỉnh dưới hình thức cho vay với lãi suất ưu đãi; Hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vay vốn cho dự án đầu tư bảo vệ môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; Tài trợ kinh phí cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Thái Nguyên; Đồng tài trợ, cho vay vốn các dự án môi trường phù hợp với tiêu chí, chức năng của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước phục vụ cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; Tiếp nhận và quản lí nguồn vốn Ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định và xét chọn các hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường và các dự án bảo vệ môi trường, xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Kiểm tra thường kì và đột xuất đối với các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được Quỹ hộ trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư; Thu và quản lí nguồn thu phí bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh; Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

QUÝ NGÔ NHỊ

Bí thư Tỉnh ủy lâm thời (tên khai sinh: Ngô Ngọc Tín, Bí danh: Nhị Quý, Hoàng Thanh); dân tộc Kinh, sinh năm 1918, quê xã Nam Ninh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; trú quán phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; tham gia cách mạng tháng 9/1939; vào Đảng

tháng 8/1943; Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên (9/1945 - 7/1947). Từ trần ngày 29/3/2004 tại Hà Nội.

Đồng chí Ngô Nhị Quý đã được tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất. Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhất, kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị tù đày, kỷ niệm chương vì sự nghiệp công tác dân tộc và miền núi.*

QUÝ TRẦN ĐỨC

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; Trưởng bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, Phó Trưởng khoa Ngoại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Từ 1982 đến 1985, Trần Đức Quý là Bác sĩ Quân y; sau đó làm giảng viên bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Bắc Thái. Trong những năm 1987 - 1989, học Chuyên khoa cấp I Ngoại tại Trường Đại học Y Hà Nội; từ 1992 đến 1998, làm nghiên cứu sinh tại Học viện Quân y.

Ngoài công tác quản lí và giảng dạy, Tiến sĩ Trần Đức Qúy còn chủ trì 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, tham gia 3 đề tài cấp Bộ và chủ trì trên 30 đề tài cấp cơ sở; 9 năm là *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở và 1 lần là *Chiến sĩ thi đua* cấp Bộ; được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Tiến sĩ Trần Đức Quý được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

QUYÊN

Nơi đặt Xưởng Quân giới Tỉnh đội Thái Nguyên (1947), Xưởng dệt 8/3 (1948). Vị trí di tích ở xóm Quyên thuộc xã Bảo Lý, huyện Phú Bình. Xưởng sản xuất, chế tác đạn và mìn cung cấp cho tiền tuyến.

QUYÊN - HOÁ

Chùa, thuộc Di tích lịch sử văn hoá đình - chùa làng Quyên - Hoá ở xã Bảo Lý, huyện Phú Bình; chùa cổ đã bị phá hủy từ lâu.

Đến năm 1996, chùa được nhân dân xã Bảo Lý xây dựng lại trên nền đất cũ, có cấu trúc hình chữ Nhị gồm nhà tiền đường với 3 gian, 2 chái theo kiểu nhà Việt truyền thống; các cột, bộ vì kèo bào trơn đóng bén không chạm khắc cầu kì, mái lợp ngói mũi, nền nhà lát gạch đỏ. Tiền đường có 2 bàn thờ, bên phải thờ bà Chúa kho, bên trái thờ Quan sơn

trang. Chính điện là trung tâm của sự thờ cúng trong chùa với các lớp bàn thờ làm thành bậc từ cao xuống thấp. Tầng cao nhất, sát vách có ba pho tượng "Tam thế Phật", tức là các vị Phật của ba thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai. Lớp thứ hai là tượng Phật A Di Đà. Lớp tiếp theo là tượng Ngọc Hoàng thượng đế, hai bên là tượng Nam Tào, Bắc Đẩu. Lớp cuối cùng là tượng Cửu Long.

Chùa Quyên - Hóa được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND, ngày 20/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYÊN - HOÁ

Đình, được dựng từ thế kỷ XIX ở làng Quyên và làng Hoá, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình; là nơi thờ thành hoàng làng là các vị Cao Sơn, Quý Minh và Hoành Phi công chúa. Đình làm bằng tre, gỗ, lợp gianh; năm 1950 bị máy bay giặc Pháp bắn phá cháy đổ hoàn toàn.

Năm 1977, đình được dựng lại gồm 1 gian, 2 chái; đến năm 1993 được cơi nới thành 3 gian, 2 chái. Năm 2001, đình xây thêm tường bao, tường hoa, nâng cao cột. Năm 2003, đình xây thêm hậu cung, nhà bia liệt sĩ. Các hiện vật tại đình: 1 ngai thờ linh vị, 1 mâm bồng, 1 đài nến, 1 cỗ kiệu, 2 lộng, bản sao 11 đạo sắc phong.

Hội chính của đình vào ngày 9/1(lệ giao tiết) và 8/11 Âm lịch (Hội thần đại lệ). Đình đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2008.

QUYẾN LƯƠNG NGỌC (1885 - 1917)

Một trong 2 người đứng đầu Bộ Chỉ huy khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Tên chữ là Lương Lập Nham, thường gọi là Ba Quyến, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội); là con trai Chí sĩ Lương Văn Can - một trong những lãnh tụ của phong trào Đông Kinh nghĩa thục. Sớm tiếp thu truyền thống yêu nước của ông cha, Lương Ngọc Quyến luôn là người có chí khí, quyết tâm giúp dân, giúp nước. Ông được Phan Bội Châu gửi học ở Trường Chấn Vũ, tốt nghiệp loại ưu vào cuối 1908. Thời gian này ông tham gia vào Cống hiến hội. Sau đó ông bị trục xuất, phải bỏ sang Trung Quốc theo học các trường quân sự, rồi nhận chức thiếu tá trong quân đội Trung Hoa. Tháng 3/1912, ông được bầu làm Ủy viên quân sự Bộ Chấp hành Việt Nam quang phục hội.

Năm 1914 Lương Ngọc Quyến về nước gây cơ sở cách mạng tại Nam Kỳ, rồi sang Thái Lan, Hồng Kông. Lương Ngọc Quyến bị mật thám Anh bắt trao cho thực dân Pháp, đưa về Việt Nam giam tại các nhà lao ở Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên. Tại đây, ông đã cùng Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên.

Đêm 30 rạng ngày 31/8/1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Sau khi giết một số sĩ quan Pháp và tay sai, nghĩa quân phá nhà tù, giải thoát tù nhân, đưa Lương Ngọc Quyến ra tham gia Hội đồng quân sự, lãnh đạo khởi nghĩa với tư cách Quân sư. Mặc dù chân bị liệt do giặc Pháp tra tấn dã man, ông vẫn cùng Đội Cấn bàn soạn chiến lược, định đoạt binh cơ.

Theo đề nghị của Lương Ngọc Quyến, nghĩa quân lấy cờ 5 sao của Việt Nam Quang phục hội làm hiệu cờ cách mạng, Quân kì là cờ 5 sao với hàng chữ *Nam binh phục quốc*, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng. Ông còn sửa chữa trau chuốt Bản Tuyên ngôn thứ nhất hiểu dụ cho dân chúng rõ về mục đích của cuộc khởi nghĩa, soạn thảo Bản Tuyên ngôn thứ hai, hiệu triệu đồng bào cả nước hãy thừa cơ quân Pháp đang nguy khốn ở châu Âu mà vùng dậy đánh đổ chế độ đô hộ, lấy lại tự do cho Tổ quốc.

Trong trận đánh không cân sức ngày 4/9/1917, Lương Ngọc Quyến đã anh dũng hi sinh tại chiến địa Trại lính khố xanh do bị một mảnh đại bác bắn vào đầu. Ông được nghĩa quân đưa lên an táng tại xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Năm 2001, di cốt của Lương Ngọc Quyến được hậu duệ họ Lương chuyển về nghĩa trang gia đình ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

QUYẾT THẮNG

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Xóm Quyết Thắng thành lập năm 1963, nằm ở khu vực Tây Bắc xã Tức Tranh, cách trung tâm xã khoảng 3 km. Diện tích tự nhiên 190 ha, chủ yếu là đồi núi thoải phù hợp với cây chè. Cây chè được đưa vào sản xuất từ năm 1974, đến nay có diện tích chè 60ha chủ yếu là các loại chè giống mới đặc sản. Xóm có 11 hộ, 450 nhân khâu trong đó 100% số hộ làm nghề chè.

Năm 2008, xóm Quyết Thắng đạt sản lượng chè búp tươi 640 tấn, tương ứng 128 tấn chè búp khô, đạt giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 1.920 triệu đồng, doanh thu 3.840 triệu đồng. Năm 2010, xóm Quyết Thắng được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

QUYẾT THẮNG

Xã, ở khu vực phía Tây thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp xã Phúc Hà và phường Quan Triều, phía nam giáp 2 xã Thịnh Đức, Phúc Trìu và phường Thịnh Đán, phía tây giáp 2 xã Phúc Xuân và Phúc Trìu.

Trước Cách mạng Tháng Tám (1945) là xã Thịnh Đán thuộc tổng Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ; thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) đổi thành xã Quyết Thắng. Sau cải cách ruộng đất (1955) lại trở về tên gọi xã Thịnh Đán. Ngày 2/4/1985, xã Thịnh Đán được chuyển về trực thuộc thành phố Thái Nguyên. Ngày 9/1/2004, một phần đất của xã Thịnh Đán được tách ra để thành lập phường Thịnh Đán; phần còn lại tái lập xã Quyết Thắng. Diện tích tự nhiên 12,9 km^2. Dân số (năm 2009) 13.726 người, thuộc 12 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Giáy, Khơ Me cư trú ở 10 xóm: Bắc Thành, Trung Thành, Nam Thành, Cây Xanh, Gò Móc, Sơn Tiến, Thái Sơn 1, Thái Sơn 2, Nước Hai, Mười.

Quyết Thắng là xã thuần nông, đồi gò chiếm tới 53% diện tích, ruộng trồng lúa nước chiếm khoảng 40% diện tích tự nhiên.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) và trong những năm có chiến tranh phá hoại do đế quốc Mĩ gây ra (1965 - 1972), xã Quyết Thắng là nơi sơ tán của cơ quan Khu ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu Việt Bắc, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái.

QUYẾT THẮNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ. Tính đến năm 1954, dân số 2.217 người thuộc 2 thành phần dân tộc: Kinh, Tày.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhân dân xã Quyết Thắng đã tiếp đón, giúp đỡ đồng bào miền xuôi tản cư sớm ổn định nơi ăn, chốn ở và lao động sản xuất.

Thu - đông 1947, quân và dân trong xã trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng nhân dân cả nước đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến. Hàng chục con em nhân dân các dân tộc xung phong tòng quân, tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Nhân dân trong xã hăng hái đóng góp lương thực, thực phẩm, đi dân công phục vụ các chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954).

Sau giảm tô (1953), xã Quyết Thắng vẫn giữ nguyên tên cũ.

QUYẾT TIẾN

Cầu được xây dựng năm 2000, trên tuyến Quốc lộ 37, bắc qua suối Quyết Tiến thuộc địa phận huyện Phú Bình. Cầu dài 21,1 m, rộng 10 m; tải trọng 30 tấn.

QUYẾT TIẾN

Đình, được dựng từ thế kỷ XIX, nằm trong khuôn viên rộng hơn 2.000 m² thuộc xóm Quyết Tiến, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên; là nơi thờ thành hoàng làng. Bên cạnh đình có ngôi đền 3 gian khung nhà bằng gỗ, lợp lá cọ, là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Năm 1920 đền bị hư hỏng, dân làng rước bát hương, bài vị vào thờ chung trong đình Quyết Tiến.

Hằng năm, có 4 ngày lễ được tổ chức tại đình: Ngày 6/1: Lễ Khai xuân, ngày 15/4: Lễ Hạ điền, ngày 15/7: Lễ Thượng điền, ngày 14/12: Lễ Mừng một năm an lành.

QUYẾT TIẾN

Nơi đặt trận địa của Đại đội Pháo cao xạ 37 mm - Trung đoàn Pháo phòng không 210 (1965 - 1966) và của Đại đội 5 pháo cao xạ 100 mm thuộc Trung đoàn Pháo cao xạ 256 Quân khu Việt Bắc (1972). Vị trí di tích ở xóm Quyết Tiến, xã Quang Vinh (nay là phường Quang Vinh), thành phố Thái Nguyên.

Từ 1965 đến hết 1966, Đại đội Pháo cạo xạ 37 mm - Trung đoàn Pháo phòng không 210 (bảo vệ nhà máy điện Cao Ngạn) đã chiến đấu nhiều trận, góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mĩ trên bầu trời thành phố; 26 cán bộ, chiến sĩ đã hi sinh ở trận địa.

QUỲNH HOÀNG ĐỨC

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Hồng Việt, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; nguyên Trưởng bộ môn Y học dân tộc Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1980, ông tốt nghiệp Trường Đại học Y Bắc Thái (nay là Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên); năm 1996, tốt nghiệp Bác sĩ chuyên khoa I tại Trường Đại học Y Hà Nội, làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Y Bắc Thái; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2008.

QUỲNH VŨ

Nhà thơ nổi tiếng thế kỷ XV; tự là Thủ Phác, Yến Ôn, hiệu là Đốc Trai, Thạch Ó; người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (nay thuộc tỉnh Hải Dương); đỗ Hoàng Giáp năm 26 tuổi (1478); làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lễ.

Vũ Quỳnh là một quan lại, một nhà thơ nổi tiếng, một trong số "Nhị thập bát tú" (28 vì sao (về thơ ca)) trong hội Tao Đàn do vua Lê Thánh Tông đứng đầu. Đương thời, du ngoạn núi Chùa Hang - động Tiên Lữ, Vũ Quỳnh đã cảm tác bài thơ chữ Hán, cho khắc vào vách đá trong chùa, có tiêu đề *Du Tiên Lữ động tác*. Vũ Quỳnh đã trở thành một trong hai tác giả nổi tiếng đầu tiên (cùng Đặng Nghiệm) có tác phẩm viết ca ngợi non nước Thái Nguyên.

QUÝT DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1903; quê xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Mẹ Dương Thị Quýt có con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Lũy (nhập ngũ tháng 3/1947, hi sinh ngày 11/12/1951).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Quýt danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

QUÝT

Cầu, được xây dựng năm 1985 trên lý trình 122,2 Quốc lộ 1B, thuộc địa phận xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Cầu dài 21,82 m, rộng 9 m, tải trọng

thiết kế H13-X60, tải trọng hiện nay 17 tấn. Kết cấu nhịp cầu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 12 m; móng cầu bằng bê tông, thân cầu xây đá.

RANH I

Hang đá tự nhiên nằm ở phía đông dãy núi Ranh, bên hữu ngạn dòng sông Nghinh Tường (ở đoạn này gọi là sông Thần Sa), đối diện với di chỉ khảo cổ học Mái Đá Ngườm thuộc xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Hang Ranh I ở độ cao hơn 10 m so với mặt bằng chân núi Ranh. Hang hình vòm, đường kính khoảng 5 m, nền khá bằng phẳng. Tuy nhỏ nhưng hang khá đẹp, kín đáo và dễ lên xuống. Tại nền hang Ranh I, tháng 3/1980, các nhà khảo cổ học của Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam và Ty Văn hóa Thông tin Bắc Thái đã thu lượm được những hòn cuội được ghè đẽo một đầu và một số mảnh tước.

RANH II

Mái đá nằm ở phía đông dãy núi Ranh, bên hữu ngạn dòng sông Nghinh Tường (ở đoạn này gọi là sông Thần Sa), đối diện với di chỉ khảo cổ học Mái Đá Ngườm thuộc xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Ranh II là mái đá rộng ở độ cao 20 m so với mặt đất bằng chân núi Ranh. Ranh II gần như đối diện với Mái Đá Ngườm - một di chỉ khảo cổ học thời đồ đá cũ quan trọng nhất nền văn hóa khảo cổ học Thần Sa và cách hang Ranh I không đầy 100 m về phía đông.

Tại núi đá Ranh II, tháng 3/1980, các nhà khảo cổ học của Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam và Ty Văn hóa Thông tin Bắc Thái đã tìm thấy một số mảnh cuội vỡ và nhiều vỏ nhuyễn thể trên nền mái đá.

RANH III

Mái đá nằm ở phía đông dãy núi Ranh, bên hữu ngạn dòng sông Nghinh Tường (ở đoạn này gọi là sông Thần Sa), đối diện với di chỉ khảo cổ học Mái Đá Ngườm thuộc xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

Ranh III là một mái đá nhỏ, ở độ cao 20 m so với mặt đất bằng chân núi Ranh, cách mái đá Ranh II khoảng 30 m về phía tây. Mái đá có mặt nhìn về phía nam, chếch đông, bề rộng chỉ 8 m nhưng khá sâu, nền mái đá khá phẳng, hơi dốc từ trong ra ngoài.

Tại nền mái đá Ranh III, tháng 3/1980, các nhà khảo cổ học của Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam và Ty Văn hóa Thông tin Bắc Thái đã tìm thấy

một bàn nghiền bằng đá sa thạch bề mặt bị lõm hình lòng máng bị vỡ thành 2 mảnh và một công cụ chặt được chế tác từ một viên cuội hình hạnh nhân.

RẠP CHIẾU BÓNG NHÂN DÂN THÁI NGUYÊN

Được xây dựng năm 1960, tại số 21 - Đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Rạp trực thuộc Trung Tâm Điện ảnh Thái Nguyên. Có nhiệm vụ tổ chức chiếu phim nhựa, đĩa hình; tổ chức các dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể thao phục vụ nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên địa bàn; phục vụ các nhiệm vụ chính trị theo kế hoạch của ngành, tỉnh giao hằng năm.

RẮN

Cầu, có từ trước năm 1945, được xây dựng lại năm 1984, tại lý trình 108,75 km trên Quốc lộ 1B, nơi giáp ranh giữa thị trấn Đình Cả và xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 31 m, rộng 10 m; tải trọng thiết kế H30-Xb80, tải trọng hiện tại là 30 tấn. Kết cấu nhịp cầu bằng bê tông cốt thép, dài 18 m; móng bê tông, thân cầu xây bằng đá.

RẮN

Đền, còn có tên là Tứ Đại Vương, được dựng thế kỷ XII ở Gò Đình thuộc xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Khi quân Minh sang xâm lược và đô hộ nước ta (1407 - 1427), chúng đã phá hủy đền. Đến thời nhà Mạc (Thế kỷ XVI), đền được xây dựng lại ở xóm Hóc. Năm 1882, dư đảng tàn quân Cờ Vàng đến xã Huống Thượng cướp bóc, phá một phần đền và đình làng. Nhân dân trong xã di chuyển cả đình và đền vào rừng (gọi là Rừng Đền), xây lại đền có hướng nhìn thẳng về phía cây gạo ở bên kia vực Mủ (còn gọi là vực La Đà), nơi hợp lưu giữa sông Ngòi Chẹo và sông Cầu. Tại hai đầu đường cách đền khoảng 100m có 2 tấm bia đá, gọi là bia Hạ Mã, quy định ai đi ngựa (hoặc kiệu, võng) khi qua cửa đền, đến chỗ có bia, phải xuống đi bộ.

Trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945), đền Rắn là địa điểm bí mật của cán bộ Mặt trận Việt Minh họp bàn việc xây dựng cơ sở cách mạng ở giáp Đông Gia. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đền được dùng làm lớp học của

Trường Đồng Tiến (cấp I và một số lớp cấp II). Những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mĩ, khu vực đền là nơi sơ tán của Trường Phổ thông cấp II Đồng Tiến, nên đền đã hư hỏng nặng.

Năm 1978, đền bị phá lấy gạch để xây Trường Tiểu học của xã. Năm 1990, Ni trưởng Thích Đàm Hinh cho khôi phục đền cách vị trí cũ khoảng 10m về phía tây, mặt quay về hướng chính nam. Trong đền đặt 4 pho tượng: Thánh Mẫu Thủy cung Long Vương (Cụ Hậu), Bạch Xà, Hắc Xà và Cao Sơn Quý Minh Đại Vương; 8 cây đao bằng gỗ sơn son thếp vàng; 2 bản sắc phong của vua Khải Định năm thứ 2 (1917) và năm thứ 9 (1924), 1 lọng rước và 1 bài vị ghi: *Cao Sơn Quý Minh Đại Vương* được chuyển từ chùa Huống lên.

Lễ đền Rắn được tổ chức định kì mỗi năm 4 lần vào các ngày: 7/1 (Khai xuân), 12/4 (Lập hạ), 7/7 (đô thủy, việc làng) và 12/11 (Tất niên). Ngoài ra, trong các ngày 1, 15 âm lịch hằng tháng, nhân dân thường đến cúng bái, chăm sóc chu đáo.

Đền Rắn đã được công nhận là di tích lịch sử loại 1 tại Quyết định số 1073/VX ngày 10/12/1962 của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên.

RONG

Sông, bắt nguồn từ vùng núi thuộc xã Phú Thượng, chảy qua thị trấn Đình Cả và các xã Tràng Xá, Dân Tiến, Bình Long sang địa phận tỉnh Bắc Giang, đổ ra sông Thương. Là một chi lưu của sông Thương, sông Rong là sông lớn thứ 2 trên địa bàn huyện Võ Nhai với chiều dài 33 km, diện tích lưu vực 326 km², độ cao trung bình lưu vực 238 m. Sông Rong cung cấp nước tưới cho nhiều cánh đồng thuộc thị trấn Đình Cả và các xã phía Nam huyện. Đập Suối Bùn đắp ngang sông Rong ở xóm Đồng Ẻn, xã Tràng Xá được xây dựng năm 1962, dài 40 m, cao 4,5 m, kênh chính dài 5 km, đảm bảo nước tưới cho 220 ha/vụ.

ROÒNG KHOA

Nơi diễn ra Hội nghị thành lập Ủy ban Hòa bình thế giới của Việt Nam, tại xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa.

Dự hội nghị có Tổng Bí thư Trường Chinh và các đồng chí: Hoàng Quốc Việt, Tôn Đức Thắng, Hoàng thân Xuthanuvong...

ROÒNG KHOA

Nơi đặt trụ sở làm việc của Ban Nông vận Trung ương và Hội Nông dân Cứu quốc Việt Nam, do đồng chí Hồ Viết Thắng - Ủy viên Trung ương Đảng làm Trưởng ban. Vị trí di tích nằm ở xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa.

Năm 1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tới làm việc với Ban Nông vận Trung ương và Hội Nông dân Cứu quốc tại đây.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 11/QĐ-UBND, ngày 4/1/2007).

ROÒNG KHOA

Nơi thành lập Hội Nhà báo Việt Nam. Vị trí di tích nằm ở xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa. Tại đây, ngày 21/4/1950, diễn ra Đại hội lần thứ nhất Đoàn Báo chí kháng chiến, gồm 185 đại biểu tham dự. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 10 Ủy viên, do nhà báo Xuân Thủy làm Hội trưởng; các nhà báo Hoàng Tùng, Đỗ Đức Dục làm Phó Hội trưởng; nhà báo Nguyễn Thành Lê làm Tổng Thư kí... Đại hội quyết định đổi tên Đoàn Báo chí kháng chiến thành Hội Những người viết báo Việt Nam (nay là Hội Nhà báo Việt Nam). Ngày 2/6/1950, Bộ Nội vụ Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Nghị định số 233-NV/H công nhận sự hợp pháp của Hội Những người viết báo Việt Nam.

RÔMANÔPXKI (ROMANOVSKY)

Phó Công sứ, Công sứ tỉnh Thái Nguyên trong năm 1886. Năm này, ông đã nhiều lần cử người hoặc trực tiếp gặp để thương thảo, chiêu hàng Lường Tam Kỳ nhưng không thành.

Tên ông được đặt cho một trong những con đường chính ở tỉnh lị Thái Nguyên thời kỳ trước năm 1945, đường Romanovsky, ngày nay được đổi tên là đường Nha Trang dài khoảng 800 m thuộc phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

RỠ ĐỒNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1901, dân tộc Kinh, quê xã Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; trú quán tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Đồng Thị Rỡ có con độc nhất là liệt sĩ Đồng Văn Ky (nhập ngũ tháng 10/1945, hi sinh trong trận đánh ở Thủ Dầu Một (nay thuộc tỉnh Bình Dương) tháng 10/1946).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Đồng Thị Rỡ danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

RUỆ PHAN THẾ

Thứ trưởng Bộ Thương mại (2001 - 2009); sinh năm 1946; quê xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, tỉnh Thái Bình; cùng gia đình lên xây dựng và phát triển kinh tế miền núi tại xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa từ đầu những năm 60 thế kỷ XX.

Trú quán phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Đồng chí tham gia cách mạng năm 1970; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1972; nguyên Cán bộ Bộ Ngoại thương (1970 - 1972), Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trong các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Bắc (1972 - 1976), Cán bộ - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước - Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh Bắc Thái (1976 - 1983), Học quản lí kinh tế tại Liên Xô (1983 - 1985), Giám đốc Sở Thương mại - Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh Bắc Thái (1985 - 1988), Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (1988 - 1992), Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái - Bí thư Thành ủy thành phố Thái Nguyên (1992 - 1996), Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (1997 - 2001), Thứ trưởng Thường trực Bộ Thương mại - Phó Trưởng ban Thường trực chống buôn lậu thương mại - Chủ tịch Hội đồng cạnh tranh Quốc gia - Trưởng đoàn đàm phán Thương mại Việt - Nhật (2001 - 2009).

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba*, 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 *Huân chương Lao động hạng Ba của Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.*

RỪNG KHUÔN LÂN

Nơi đặt Doanh trại Cục Giao thông Công binh (1947 - 1954). Vị trí di tích ở xóm Khuôn Lân, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

Doanh trại của Cục làm bằng gỗ tre nứa, chia làm 3 khu vực: Khu nhà chỉ huy, khu nhà cơ quan và khu hội trường. Tại rừng Khuôn Lân, ngày 15/1/1951, Trung đoàn Công binh 151 được thành lập. Biên chế Trung đoàn gồm: Tiểu đoàn 333 (thành lập năm 1949), Tiểu đoàn 444 (nguyên là Tiểu đoàn 60, Đại đoàn 308) và các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp, quân y, xưởng sửa chữa quân cụ, trung đội vận tải, đại đội thông tin liên lạc và cảnh vệ. Đây là Trung đoàn công binh chủ lực đầu tiên của quân đội ta, đơn vị tiền thân của Binh chủng Công binh sau này. Ngày 1/3/1951, Hồ Chủ tịch cùng Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Tổng Cục trưởng Tổng cục Cung cấp Trần Đăng Ninh đã đến thăm B2 thuộc C250, D333, E151 công binh đóng tại rừng Khuôn Lân. Trung đoàn công binh 151 được biên chế vào Đại đoàn công pháo 351 thành lập ngày 27/3/1951.

SÁCH VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê ở xã Hợp Thành, nay là xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên.

Mẹ Vũ Thị Sách có con độc nhất là liệt sĩ Trần Trọng Văn (nhập ngũ tháng 6/1967, hi sinh ngày 16/3/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Vũ Thị Sách danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SAN

Nghè, được dựng trên một khu đất bằng phẳng ở xóm Đồng Đình, xã Cát Nê, huyện Đại Từ.

Trước năm 1937, nghè gồm 3 gian, dài 8m, rộng 4m, được dựng bằng cột gỗ, vách ghép ván gỗ, mái lợp cỏ gianh. Sân nghè có nhiều cây đa cổ thụ và 2 bia đá khắc chữ Nho (hướng dẫn nghi lễ thờ cúng, quá trình dựng và tên tuổi những người công đức dựng nghè). Trong nghè có bàn thờ và 3 pho tượng gỗ, 1 hộp đựng gia phả và sắc phong. Nghè có 3 ngày lễ chính trong năm (theo Âm lịch): Ngày 15/1 (ngày bà mẹ Dương Tự Minh tổ chức khao quân), ngày 25/4 (ngày cúng cháo chúng sinh), ngày 15/11 (ngày mất của mẹ Dương Tự Minh).

Năm 1937, nghè được xây dựng lại bằng tường gạch, mái ngói. Năm 1994, nghè được tu sửa lại như hiện nay. Nghè được xây dựng để thờ mẹ, vợ Phò mã lang Dương Tự Minh và một Sơn thần sở tại.

Trải qua thời gian, hầu hết các hiện vật trong nghè bị mất mát và hư hỏng, cây cổ thụ bị chặt phá. Dấu tích nghè xưa, nay chỉ còn lưu giữ được 1 hộp dựng sắc phong, với hơn 10 tờ sắc ghi bằng chữ Nho.

SÁN CHAY

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, có nguồn gốc ở tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), di cư sang Việt Nam cách nay vài trăm năm. Tính đến tháng 4/2009, dân tộc Sán Chay ở Thái Nguyên có 32.483 người (2,89% dân số của tỉnh), đứng thứ 5 về số dân trên địa bàn tỉnh; cư trú tập trung chủ yếu ở các huyện Phú Lương, Định Hóa và Đại Từ. Dân tộc Sán Chay ở Thái Nguyên gồm hai nhóm chính: Cao Lan (còn gọi là Hờ Bán, Sán Chấy) và Sán Chí (hay Sán Chay, Sán Chới), được phân biệt với nhau bằng tiếng nói.

Nguồn sống chính của người Sán Chay là nông nghiệp, chủ yếu là trồng các loại cây lương thực và hoa màu. Tuy cũng có những bản riêng, nhưng chủ yếu người Sán Chay cư trú xen kẽ với các dân tộc khác. Nhà ở của người Sán Chay đang trong giai đoạn cuối của quá trình chuyển đổi từ nhà sàn sang nhà đất. Do đó, trong cùng một hộ gia đình, bên cạnh ngôi nhà xây bằng gạch, lợp ngói hoặc đổ mái bê tông, vẫn còn ngôi nhà sàn nhỏ theo kiểu truyền thống. Phần lớn các sinh hoạt truyền thống và sinh hoạt của người già đều diễn ra trên nhà sàn. Do đặc điểm giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau nên nhiều phong tục, tập quán nghi lễ của người Sán Chay có nét tương đồng với các dân tộc khác trong vùng.

SÁN DÌU

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, có nguồn gốc ở tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), di cư sang Việt Nam cách nay khoảng vài trăm năm. Tính đến tháng 4/2009, dân tộc Sán Dìu ở Thái Nguyên có 44.134 người, đứng thứ 4 về số dân trên địa bàn tỉnh; có mặt ở tất cả các huyện, thị, thành phố trong tỉnh, nhưng tập trung đông nhất ở huyện Đồng Hỷ, rồi đến Phổ Yên, Phú Lương.

Nguồn sống chính của người Sán Dìu là từ sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng cây lương thực. Nghề chăn nuôi khá phát triển, giống vật nuôi cũng đang chuyển dần theo hướng sản xuất hàng hoá. Các nghề thủ công truyền thống, như xe sợi, dệt vải, làm phẩm chàm, làm giấy, đan lát, rèn, mộc được duy trì.

Người Sán Dìu sống xen ghép, hoà đồng với tất cả các dân tộc khác, vì vậy phong tục, tập quán, tín ngưỡng cũng có những nét tương đồng. Nét khác biệt trong văn hoá ẩm thực của người Sán Dìu là món xôi đen để cúng tổ tiên trong Tết Thanh minh và món bánh trứng kiến.

SẢNG

Đền, được dựng từ lâu đời ở xóm Chuối, xã Ký Phú, huyện Đại Từ.

Đền Sảng rộng khoảng 60 m², có 3 cửa (tam quan). Trong đền có 2 bàn thờ bằng gỗ. Cổng đền có trang trí "lưỡng long chầu nguyệt". Đền dựng cạnh suối lớn, nước trong xanh. Nhân dân lập đền thờ thần để cầu xin phù hộ cho nơi đây mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, dân chúng bình an.

SẢNG MỘC

Suối, bắt nguồn từ xóm Bản Chấu, Khuổi Mèo (xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai), chảy qua các xóm Khuổi Chào, Tân Lập (xã Sảng Mộc). Tới xóm Nghinh Tác, suối Sảng Mộc nhập vào sông Nghinh Tường. Suối có chiều dài khoảng 10 km.

Suối Sảng Mộc có độ dốc lớn, dòng chảy mạnh ở một số địa điểm rất thuận lợi cho việc làm thuỷ điện nhỏ.

SẢNG MỘC

Xã vùng cao, ở khu vực phía Bắc huyện Võ Nhai; phía bắc giáp xã Liêm Thuỷ (Na Rì, Bắc Kạn), phía nam giáp xã Thượng Nung và Thần Sa, phía đông giáp xã Nghinh Tường, phía tây giáp xã Bình Văn và Yên Hân (Chợ Mới, Bắc Kạn).

Thời trước là thôn Sảng Mộc thuộc xã Yên Hân, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn. Ngày 22/12/1949, thôn Sảng Mộc được sáp nhập vào xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai. Năm 1953, xã Nghinh Tường tách thành 2 xã: Nghinh Tường và Sảng Mộc.

Diện tích tự nhiên 9.650,19 ha. Dân số (năm 2009) 2.659 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Tày, Dao, Mông, Kinh, Nùng, Sán Dìu, Thái cư trú ở 10 xóm: Bản Chương, Nà Ca, Phú Cốc, Khuổi Mèo, Bản Chấu, Nà Lay, Khuổi Chạo, Tân Lập, Khuổi Uốn, Nghinh Tác. Đường vào trung tâm xã đã được trải nhựa.

Rừng Sảng Mộc trùng điệp, có nhiều gỗ quý như đinh, nghiến, trai..., nhiều thú rừng sinh sống. Động Thẩm Luông ở xóm Nghinh Tác là một hang động cacxtơ rộng lớn, từng là nơi cư trú của con người thời đại đồ đá. Có di tích lịch sử văn hóa Pò Đồn ở xóm Bản Chương.

SẢO NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1909, dân tộc Kinh, quê xóm Đình, xã Tân Hương, huyện Phổ Yên.

Mẹ Nguyễn Thị Sảo có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Sáng (nhập ngũ tháng 6/1968, hi sinh ngày 31/12/1970 tại chiến trường Đông Nam Bộ).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Sảo danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SÁU LA THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, dân tộc Kinh, quê huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; trú quán tại xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai. Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Mẹ La Thị Sáu được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 438-KT/CTN, ngày 24/4/1995 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SÁU NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, dân tộc Kinh, quê xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Sáu có con độc nhất là liệt sĩ Trần Minh Khôi (nhập ngũ tháng 1/1968, hi sinh ngày 27/5/1970 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Sáu danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SÁY PHAN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1883, dân tộc Nùng, quê làng Cao, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.

Mẹ có 4 con là liệt sĩ hi sinh trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945) và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Mẹ Phan Thị Sáy được Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 438-KT/CTN, ngày 24/4/1995, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SẮC

Điếm, có từ lâu đời ở xóm Nga My, xã Nga My, huyện Phú Bình; được tu sửa nhiều lần; là nơi thờ các vị thần Cao Sơn, Quý Minh, công chúa Thiều Dung và công chúa Diên Bình.

Điếm quay về hướng đông, rộng 7 m, dài 8 m. Trong điếm có 2 bát hương, 1 khám, 1 ngai, 2 chân nến, 2 cỗ kiệu, 12 đạo sắc phong, 1 bộ chấp kích.

Lễ hội chính tổ chức tại điếm vào ngày 12/10 âm lịch hằng năm.

SẮC

Nghè, ở xóm Giữa, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình. Nghè Sắc nằm trên một địa thế cao, phía trước mặt có một cái đầm lớn; được xây dựng theo kiểu kiến trúc chuôi vồ. Nhà Tiền đường gồm 3 gian, trên cửa vào có ghi *Khâm Cầm Mệnh*, trước cửa có đắp nổi 2 võ sĩ ở 2 bên và 2 câu đối cổ. Hậu cung có 2 gian. Nghè chỉ là nơi thờ sắc phong, đến ngày lễ hội của làng thì dân làng rước sắc về đình làm lễ. Hiện vật lưu giữ tại nghè: 4 cột đá; 1 hòm sắc phong trong đó đựng 8 đạo sắc phong, 1 cuốn ngọc phả. Hiện nay nghè Sắc đã bị xuống cấp nghiêm trọng.

SÂM ĐÀM

Đệ tam Đồng Tiến sĩ xuất thân, quê làng Sa Kệ, huyện Văn Lãng, xứ Thái Nguyên. Làng Sa Kệ vào thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX còn được gọi là Sa Kiệt, Sà Cạt, Sa Cát; nay là đất xã Quyết Thắng, phần khu vực

phía Tây xã Phúc Trìu và một phần đất phường Thịnh Đán của thành phố Thái Nguyên.

Đàm Sâm dự thi và đỗ Đệ tam Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) kì thi khoa Tân Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 3 (1511) đời vua Lê Tương Dực. Ông làm quan tới chức Thượng thư, chức quan đứng đầu một trong 6 bộ của triều đình phong kiến Việt Nam thế kỷ XVI, nhưng không rõ bộ nào.

Hiện vẫn chưa xác định được năm sinh, năm mất của Đàm Sâm.

SÂN VẬN ĐỘNG THÁI NGUYÊN

Nằm ở phường Trưng Vương thuộc trung tâm thành phố Thái Nguyên; là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng: Ngày 20/8/1945, cuộc mít tinh lớn gồm hơn 2.000 người nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố xóa bỏ chính quyền của phát xít Nhật và tay sai, thành lập Chính quyền cách mạng; Ngày 28/8/1945, tại cuộc mít tinh lớn gồm hàng vạn nhân dân các huyện trong tỉnh, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh - do ông Lê Trung Đình làm Chủ tịch, chính thức ra mắt.

Tháng 7/1954, cuộc mít tinh lớn gồm hơn 5.000 người chào mừng thắng lợi của quân ta ở Mặt trận Điện Biên Phủ và ở Hội nghị Giơnevơ; Ngày 13/3/1960 và ngày 1/1/1964, hai cuộc mít tinh lớn được tổ chức gồm hàng vạn người tham dự, chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Ngày nay, sân vận động có sức chứa 20.000 chỗ ngồi, là nơi diễn ra các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa thường xuyên của tỉnh và thành phố Thái Nguyên.

SẤU

Nghè, có từ lâu đời, nằm trên một quả đồi nhỏ thuộc địa phận xóm Vẽn, xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Nghè Sấu gồm 1 gian, 2 chái, rộng khoảng 20m², mái lợp ngói; là nơi thờ một ông nghè khởi tổ của dòng họ Nguyễn Công. Khi đỗ ông Nghè, ông đã ra làm quan cho nhà Lê. Sau đó ông về núi Cao Kiêng (xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn) dạy học và qua đời tại đó. Dân làng tiếc thương, lập nghè để thờ ông.

Lễ hội Nghè Sấu được tổ chức vào ngày 14/1 Âm lịch hằng năm. Trong lễ hội có nhiều trò chơi dân gian, hát chèo, múa lân rất vui nhộn.

Do Nghè Sấu linh thiêng nên đã được vua Duy Tân sắc phong và từ đó người ta lấy tên sắc phong là *Kiêng Sơn chính thống Quý Minh đại vương* để làm tên cúng cho ông Nghè của làng. Nghè Sấu đã đổ nát; hiện nay chỉ còn dấu tích nền móng.

SIỀU LỘC THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1892, quê xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá. Mẹ Lộc Thị Siều có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Bút (tham gia Cách mạng năm 1943, hi sinh năm 1945).

Mẹ Lộc Thị Siều được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 908/2002/QĐ-CTN ngày 17/12/2002 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SHINWON

Nhà máy may, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 7/2010, có trụ sở tại phường Cải Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Đây là một trong những dự án có 100% vốn đầu tư nước ngoài. Nhà máy có 4 xưởng, 80 dây chuyền may công nghiệp; các mặt hàng của nhà máy chủ yếu là may hàng dệt kim, xuất khẩu sang thị trường Mĩ và châu Âu.

SÌNH CA

Dân ca của đồng bào dân tộc Sán Chay (gồm 2 nhóm Cao Lan và Sán Chí). Từ xa xưa, người Sán Chay đã có sách hát (Slây ca) ghi chép lời các bài hát, cách hát, các tình huống trong khi hát. Nội dung các bài hát ca ngợi tình yêu đôi lứa, quê hương.

Sình ca được hát theo lối đối đáp giao duyên, thường một bên nam, một bên nữ hát với nhau. Nếu hát ở ngoài đường (ca óc lân) có tính ứng khẩu, đòi hỏi người hát phải thuộc nhiều bài hát, nhanh trí vận dụng tình huống. Nếu hát trong nhà (óc lân), thường có bài bản soạn chuẩn từ xa xưa, nghe truyền lại do Lưu Ba soạn, được mang từ Trung Quốc sang, gồm 12 tập sách để hát trong 12 đêm. Ở một số xã thuộc các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá là nơi đồng bào Sán Chay cư trú khá đông, vào dịp đầu xuân, ngày lễ hội, đồng bào Sán Chay vẫn thường hát Sình ca và nhảy điệu Tắc xình (Tắc xịch) truyền thống của dân tộc mình.

SLI

Dân ca đặc sắc của dân tộc Nùng với lối hát đối đáp giao duyên. Lời đầu mỗi câu hát, của bên nam hoặc bên nữ, thường là chữ Nhèe à nên người ta còn gọi hát Sli là Nhea Soonghao. Sli có sự tổng hòa của các yếu tố: người hát, làn điệu (âm nhạc), lời ca (văn học), môi trường diễn xướng (không gian, thời gian, thính giả). Điều đặc biệt trong hát Sli là kỹ thuật hát bè.

Sli truyền thống thường hát ngắt hai câu gồm 14 âm, chia thành 3 giọng - cao độ giữa các âm không chênh nhau nhiều. Hát Sli trong những đêm trăng ở xóm bản, hay khi đi làm đồng, đi lấy củi..., nghĩa là không chuẩn bị trước, không có nghi thức tổ chức, diễn ra giữa các cặp hát (đối - đáp) lẻ tẻ thì lời các câu hát thường đơn sơ, mộc mạc.

Diễn xướng Sli (có tổ chức), phải theo nghi thức nhất định. Thường vào dịp sau mùa gặt, tết đến xuân về, tốp trai (hoặc gái) bản này sang hát với tốp gái (hoặc trai) bản kia. Cuộc hát phải theo trình tự: Đầu tiên, hát những bài đánh tiếng ướm hỏi xem những người bên kia có đồng ý hát cùng họ không (Sli Khấy Pác). Nếu đồng ý thì hát các bài *thăm hỏi* (Sli Khẩu), *chúc mừng* (Sli cống hỉ). Sau đó mới tới những bài Sli đối đáp trữ tình là những bài hát tự ứng tác và cả những bài truyền thống, như *Khẩy pác tò* mẩu (Cất tiếng hát buổi sáng), *Cáy khẩu* (Gà gáy), *Tô mạng* (Chặt cây), *Pảo ca* (Chúc khang xinh phú quý). Cuối cùng là những bài hát chia tay.

SO

Đèo, thuộc địa phận xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa; nằm trên Tỉnh lộ 268 từ Định Hóa đi Chợ Đồn (Bắc Kạn), cách Chợ Chu khoảng 12 km. Đỉnh đèo là ranh giới giữa 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đèo So là đường giao thông liên lạc nối ATK Định Hóa với ATK Chợ Đồn.

SO NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, quê xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; thường trú tại xã Hương Sơn (nay là thị trấn H-ương Sơn), huyện Phú Bình.

Mẹ Nguyễn Thị So có con độc nhất là liệt sĩ Dương Nghĩa Vụ (nhập ngũ tháng 9/1966, hi sinh ngày 27/8/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, mẹ Nguyễn Thị So được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SOI HOÀNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê xóm Bãi Nha, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Mẹ Hoàng Thị Soi có con trai độc nhất là liệt sĩ Đặng Quang Dậu (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 24/4/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Hoàng Thị Soi danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SOI ẤP

Mỏ cát, sỏi nằm ở xã Hà Châu, huyện Phú Bình, cách Quốc lộ 37 khoảng 5 km. Tại Soi Ấp, trong tổng diện tích thăm dò 17,858 ha, tỉ lệ sỏi chiếm khoảng 37,8 ÷ 43,2%, cát chiếm khoảng 54,9 ÷ 59%, chủ yếu là cát cỡ hạt từ 0,25 đến 2,5 mm. Thành phần khoáng vật chủ yếu là thạch anh, lẫn ít vật chất hữu cơ; trong cát sỏi không chứa khoáng vật quý hiếm.

SOI MÍT

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên.

Tính đến năm 2010, nghề trồng và chế biến chè búp khô ở xóm Soi Mít đã có gần 60 năm. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, phong trào trồng, chế biến chè được phổ biến rộng khắp các gia đình trong làng. Đến năm 2010, toàn xóm có 127/127 hộ với 272 lao động tham gia trồng và chế biến chè. Doanh thu năm 2008 từ nghề trồng và chế biến chè búp khô đạt: 7.871 tỉ đồng, năm 2009 đạt: 8,42 tỉ đồng.

SOI QUÝT

Bến đò trên sông Cầu; bờ phía tây là vùng soi bãi trồng rất nhiều quýt, gọi là Soi Quýt, thuộc làng Yên Trung, tổng Tiên Thù, huyện Phổ Yên (nay là xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên); bờ phía đông là xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 19/11/1942, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức một lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ tại xóm Đá, thôn Hoàng Vân, do Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp chủ trì. Do bị chỉ điểm, khoảng 4 giờ sáng ngày 21/11/1942, bọn tay sai của thực dân Pháp ập đến bao vây, lùng bắt. Các học viên nhanh chóng giải tán. Riêng Tổng Bí thư Trường Chinh đã chạy thoát ra phía bờ sông Cầu, rồi được người đàn ông đánh cá trên sông, là Hương Nịnh và cô con gái nhỏ dùng thuyền nan chở sang sông để ẩn náu an toàn tại Soi Quýt, làng Yên Trung nên được an toàn. Bến đò trên sông Cầu và rừng quýt xưa, nay đã không còn.

Soi Quýt là một địa điểm trong cụm di tích lịch sử cách mạng xã Tiên Phong, đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1990. Tai đây đã chứng kiến, ghi dấu nhiều sự kiện.

SON NGUYỄN BẮC

Bí thư Tỉnh ủy, sinh năm 1953, dân tộc Kinh, quê xã Trúc Lâm, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); tham gia cách mạng năm 1971, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1973, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên (3/2003 - 11/2005); Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (12/2005 - 9/2007). Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006), đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương; hiện là Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huy chương Chiến sĩ giải phóng*, 1 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang 1, 2, 3, Huy chương Giải phóng, Huy chương Quân kì Quyết thắng.*

SOỌNG CÔ

Dân ca của dân tộc Sán Dìu, có lời hát là thể thơ 7 chữ trang nhã, tình tứ; là lối hát đối đáp giao duyên trong dịp đầu xuân năm mới và trong đám cưới. Người đi hát phải thuộc lời qua sách hoặc truyền miệng. Đêm đêm, trai gái thường tụ tập ở nhà người già để học hát.

Soọng Cô giao duyên, mỗi đêm hát thường theo trình tự: chập tối hát gọi, mời ngồi, mời nước, mời trầu. Nửa đêm hát hỏi: về quê quán, gia đình, gia cảnh, thầm ý. Kết thúc đêm hát là hát xin về, hát chào nhau, hát

níu giữ, hẹn hò nhau cho tới cuộc hát tới. Soọng Cô trong đám cưới, thường do nhà trai và nhà gái mỗi bên cử ra một cặp nam giới để hát đối đáp nhau trong suốt những ngày cưới.

SỐ 5

Cầu, được xây dựng từ những năm 20 thế kỷ XX cùng với Đường số 3, tại Km5. Cầu làm bằng khung sắt, dầm và mặt cầu bằng gỗ. Năm 1947, cầu bị ta phá hoại để cản bước tiến của giặc Pháp. Năm 1952, cầu được xây dựng lại bằng gỗ và đã qua nhiều lần sửa chữa, nâng cấp.

Năm 2005, cầu được xây mới, bắc qua suối Sơn Cẩm thuộc địa phận phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên. Lý trình 74+77, chiều dài toàn cầu 47 m, chiều rộng toàn cầu 36 m, bề rộng cho xe chạy 24 m. Nhịp cầu (phần theo kết cấu) 20 m, bằng bê tông dự ứng lực. Mố, móng, trụ bằng bê tông cốt thép; tải trọng H30 x B80.

SÔNG

Nghè, nằm cách Đình Lũ Yên 1km thuộc xóm Dẫy, thôn Lũ Yên, xã Đào Xá, huyện Phú Bình. Toạ lạc trên một vỉa gành chắc chắn cạnh sông Cầu thờ Thuỷ Cung Nhà Nuôi.

Nghè Sông nằm trong quần thể của khu di tích lịch sử văn hoá đình, chùa Lũ Yên.

Nhà nghè trước đây có diện tích khoảng 25 m^2 làm bằng gỗ, tre, lợp tranh. Năm 1977, nhà nghè đổ nát, nhân dân địa phương đóng góp tu tạo lại. Hiện nay, nhà nghè gồm một nhà cấp 4, tường xây gạch chỉ, mái gỗ, lợp ngói máy, nền nhà lát gạch, cửa gỗ, sân lát gạch có diện tích khoảng 30 m^2. Nhà nghè còn lưu giữ 1 bát hương cổ "Cửu long chầu nguyệt" có niên đại cách nay khoảng 300 năm.

SÔNG CẦU

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên chè, được thành lập ngày 22/3/2006, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 17040000. Trụ sở Công ty đặt tại thị trấn Sông Cầu - một địa bàn có vùng nguyên liệu chè đặc sản nổi tiếng của huyện Đồng Hỷ.

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực sản xuất, chế biến, xuất khẩu chè các loại: Chè xanh Nhật Bản, chè xanh Việt Nam, chè đen các loại và đóng gói nhỏ nội tiêu. Sản phẩm của Công ty được xuất sang các nước: Pakixtan,

EU, Nga, Nhật Bản, Cộng hoà Liên bang Đức, Trung Đông. Mặt hàng xuất khẩu gồm có: Chè đen, chè xanh, OP, OPA, P, BP, P5, BP5, F, D... Kim ngạch xuất khẩu của Công ty đều tăng qua các năm: Năm 2005 đạt 1.400.000 USD; năm 2006: 1.520.000 USD; năm 2007: 1.600.000 USD và năm 2010 đạt 2.000.000 USD.

Hiện nay, Công ty đang quản lí và khai thác hơn 500 ha chè kinh doanh và hàng ngàn ha chè của các xã trong huyện Đồng Hỷ. Công ty có 2 nhà máy sản xuất và chế biến chè với tổ hợp dây chuyền công nghệ hiện đại, mỗi năm sản xuất 1.200 - 1.500 tấn sản phẩm chè các loại.

SÔNG CẦU

Nông trường chè, được thành lập năm 1960, là nông trường quốc doanh nằm ở khu vực trung tâm huyện Đồng Hỷ; phía bắc và tây bắc giáp các xã Quang Sơn, Hóa Trung, Hóa Thượng; phía đông và đông nam giáp xã Khe Mo. Nông trường chuyên trồng và chế biến chè đen. Sản phẩm chè chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Đông Âu và Nhật Bản.

SÔNG CÔNG

Thị xã, được thành lập theo Quyết định số 113 QĐ/HĐBT ngày 11/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, có 3 phường: Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và 3 xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên.

Ngày 10/4/1999, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 18/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc thị xã Sông Công: Thành lập phường Phố Cò trên cơ sở 465 ha diện tích tự nhiên và 4.898 nhân khẩu của xã Cải Đan; thành lập xã Vinh Sơn trên cơ sở 410 ha diện tích tự nhiên, 904 nhân khẩu cả xã Bá Xuyên và 382 ha diện tích tự nhiên, 1.119 nhân khẩu của xã Cải Đan; thành lập phường Cải Đan trên cơ sở 533 ha diện tích tự nhiên và 1.336 nhân khẩu (phần còn lại) của xã Cải Đan; chuyển giao xã Bình Sơn thuộc huyện Phổ Yên về thị xã Sông Công quản lí.

Thị xã Sông Công nằm trong khoảng tọa độ địa lí 21°28 vĩ Bắc, 105°51 kinh Đông; phía bắc giáp thành phố Thái Nguyên, phía đông giáp thành phố Thái Nguyên và huyện Phổ Yên, phía nam và phía tây giáp huyện Phổ Yên.

Địa hình thị xã Sông Công tương đối bằng phẳng, có cấu trúc đa dạng trên một vùng đồi đất thấp (diện tích đồi, núi thấp chiếm 2/3 diện tích toàn Thị xã). Nơi cao nhất trong khu vực nội thị là ngọn núi Tảo (54 m). Địa hình Thị xã dốc từ hướng tây bắc xuống đông nam, theo hướng chảy của sông Công. Cao độ nền trung bình thường ở mức 15 - 17 m.

Tính đến năm 2010, thị xã Sông Công có diện tích tự nhiên 82,76 km². Dân số (năm 2009) 49.481 người, thuộc các thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu...

Trên địa bàn thị xã có 2 trường cao đẳng, 1 trung tâm hướng nghiệp, 1 trung tâm dạy nghề, 2 trường Trung học phổ thông, 5 trường Trung học cơ sở, 1 trung tâm bồi dưỡng chính trị, 10 trung tâm học tập cộng đồng ở 10 xã, phường. Hệ thống y tế được quan tâm đầu tư nâng cấp với gần 70% trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia. Tháng 7/2010, Đảng bộ và nhân dân Sông Công vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất.*

Thị xã Sông Công được quy hoạch trở thành một đô thị công nghiệp theo hướng hiện đại. Hiện tại, trên địa bàn Thị xã đã và đang thu hút nhiều dự án đầu tư về đô thị như: Khu đô thị Kosy 40 ha. Khu dân cư đường Thống Nhất 20 ha.

Ngày 15/5/2015, theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Sông Công được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Sông Công.

SÔNG CÔNG 1

Khu Công nghiệp, được xây dựng cuối năm 1999 trên diện tích 70 ha giai đoạn I trong tổng diện tích 320 ha. Đến năm 2005, kết cấu hạ tầng được xây dựng hoàn chỉnh, gồm: Đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, đèn chiếu sáng, vườn hoa cây cảnh, hệ thống cáp điện cho các doanh nghiệp; 12 doanh nghiệp đi vào hoạt động, tạo việc làm cho trên 1.000 lao động, chủ yếu là người địa phương.

Ngày 11/5/2005, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư xây dựng giai đoạn II KCN Sông Công với diện tích 100 ha.

SỞ CÔNG THƯƠNG

Được thành lập ngày 1/5/2008 trên cơ sở hợp nhất Sở Công nghiệp và Sở Thương mại và Du lịch. Trụ sở đặt tại số 4 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Sở Công thương là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước về công thương, bao gồm: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; lưu thông hàng hoá trên địa bàn tỉnh; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lí thị trường; quản lí cạnh tranh; xúc tiến thương mại; kiểm soát độc quyền, chống bán phá giá; chống trợ cấp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; hội nhập kinh tế; quản lí cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn; các hoạt động khuyến công; dịch vụ công thuộc phạm vi quản lí của sở.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lí thương mại - Hội nhập kinh tế quốc tế, Quản lí công nghiệp, Kỹ thuật an toàn và môi trường, Quản lí điện năng. Các đơn vị trực thuộc: Chi cục Quản lí thị trường, Trung tâm Xúc tiến thương mại, Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trụ sở tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Tiền thân là Ty Bình dân học vụ và Ty Tiểu học vụ được thành lập sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, sau đổi thành Ty Giáo dục Thái Nguyên. Năm 1965, Ty Giáo dục hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên được sáp nhập thành Ty Giáo dục Bắc Thái, năm 1980 đổi tên thành Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Thái. Năm 1997, sau khi chia tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, Sở Giáo dục và đào tạo Thái Nguyên được tái lập.

Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: Mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu

chuẩn cán bộ quản lí giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lí nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

Bộ máy tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên hiện nay gồm có: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Giáo dục trung học, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục chuyên nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục. Các đơn vị trực thuộc gồm: Các trường Trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, Trung tâm Giáo dục thường xuyên các huyện, thành, thị; các trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh; Trường Giáo dục và hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên.

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Tiền thân là Ty Giao thông - Công chính, được thành lập trước năm 1956. Tháng 9/1956, Ty Giao thông - Công chính tách thành Ty Giao thông và Ty Thủy lợi - Kiến trúc...

Sau khi tỉnh Bắc Thái được chia tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, Sở Giao thông Vận tải Thái Nguyên được thành lập theo Quyết định số 26/QĐ-UBND, ngày 22/1/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở hiện nay đặt tại phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Sở Giao thông vận tải là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước ở địa phương về giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đường bộ, đường thủy nội địa, vận tải và an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc Sở quản lí trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Kế hoạch Tài chính, Quản lí giao thông, Quản lí vận tải và phương tiện, Quản lí đầu tư xây dựng, Quản lí đào tạo - sát hạch; Văn phòng Ban An toàn

giao thông. Các đơn vị sự nghiệp: Ban Quản lí các dự án giao thông, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới, Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải, Bến xe khách Thái Nguyên, Trung tâm Kiểm định chất lượng và tư vấn xây dựng giao thông Thái Nguyên.

Sở Giao thông vận tải đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (1985).

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tiền thân là Ban lập Kế hoạch Quốc gia tỉnh Thái Nguyên được thành lập ngày 7/12/1955. Đến năm 1996, Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB, ngày 13/3/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trụ sở đặt tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước về kế hoạch và đầu tư bao gồm các lĩnh vực: Tham mưu tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; tổ chức thực hiện và kiến nghị, đề xuất về cơ chế, chính sách quản lí kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, ngoài nước ở địa phương; quản lí nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, đầu thầu, đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; về các thủ tục hành chính công thuộc phạm vi quản lí của Sở theo quy định của Pháp luật; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật. Sở chịu sự chỉ đạo, quản lí tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ máy của Sở Kế hoạch - Đầu tư gồm có: Văn phòng và Bộ phận thường trực một cửa liên thông, Thanh tra; các phòng: Đăng ký kinh doanh, Tổng hợp, Kinh tế Giao thông - Xây dựng, Kinh tế Công - Nông nghiệp, Kinh tế đối ngoại, Văn hoá - Xã hội; Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tiền thân là Ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh Bắc Thái trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 397/QĐ-UB ngày

10/12/1982 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 1/1/1983. Trụ sở cơ quan đặt tại số 513 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên. Là cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lí nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: Hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc Sở quản lí trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn Sở Khoa học và Công nghệ là 90 người, trong đó số biên chế được giao là 70 người (bao gồm cả biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp, hợp đồng dự tuyển và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP).

Sở Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên đã đạt nhiều thành tích, được Bộ KHvàCN, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các ban ngành, đoàn thể tặng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua.

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Tiền thân là Ty Thương binh cựu binh (thành lập năm 1949) và Ty Lao động (thành lập năm 1954). Trụ sở hiện nay đặt tại số 2A - Đường Phù Liễn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Trải qua nhiều lần thay đổi tên gọi, tổ chức bộ máy, ngày 15/3/1972, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái ban hành Quyết định số 186/TCCQ chuyển Ban Thương binh Xã hội thành Ty Thương binh Xã hội. Tháng 12/1987, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Thái được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Thương binh xã hội và Sở Lao động.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về công tác việc làm, dạy nghề, lao động, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp), an toàn lao động, người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội) và các dịch vụ công (các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở) trực tiếp thực hiện

quản lí, chăm sóc, chữa trị cho các đối tượng xã hội như: người có công với cách mạng, người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, người tâm thần, người nghiện ma tuý và gái bán dâm.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm có: Văn phòng, Thanh tra; các phòng Việc làm - An toàn lao động, Lao động - Tiền Lương - Bảo hiểm xã hội, Người có công, Kế hoạch - Tài chính, Bảo trợ xã hội, Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Dạy nghề; Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Điều dưỡng người có công, Trung tâm Quản lí sau cai, Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Giới thiệu việc làm, Trung tâm Công tác xã hội trẻ em, Trung tâm Dạy nghề, Trung tâm Điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần kinh, Trường Trung cấp nghề Nam Thái Nguyên, Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng,

SỞ NGOẠI VỤ

Tiền thân là Phòng Quan hệ đối ngoại trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái được thành lập từ những năm 80 của thế kỷ XX. Trụ sở tại số 9 - Đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 30/6/1994, Phòng Quan hệ đối ngoại được chuyển thành Ban Đối ngoại trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 1996, Ban Đối ngoại giải thể, bộ phận kinh tế đối ngoại chuyển về Sở Kế hoạch và Đầu tư, bộ phận Ngoại vụ chuyển về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 19/12/2001, bộ phận Ngoại vụ chuyển thành Phòng Ngoại vụ trực thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 28/12/2009, Sở Ngoại vụ tỉnh Thái Nguyên được thành lập.

Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về công tác ngoại vụ trên địa bàn tỉnh, các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lí nhà nước của Sở và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật. Sở Ngoại vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lí về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

Cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ gồm: Văn phòng - Lễ tân, Thanh tra; các phòng Lãnh sự - Việt kiều, Hợp tác Quốc tế; Trung tâm Thông tin và Dịch vụ đối ngoại Thái Nguyên.

SỞ NỘI VỤ

Tiền thân là Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh, được thành lập sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945. Trụ sở hiện nay đặt tại số 17 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Năm 1963, Ban Tổ chức và Dân chính tỉnh Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở sáp nhập Phòng Tổ chức cán bộ và Phòng Dân chính. Năm 1968, Ban Tổ chức và Dân chính được tách thành Ban Tổ chức Chính quyền và Ban Thương binh an toàn xã hội.

Từ ngày 1/1/2004, Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh Thái Nguyên đổi tên thành Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên, theo Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 29/12/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước về nội vụ, gồm: Tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; thanh niên; tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ Nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

Theo Quyết định 660/QĐ-UBND ngày 1/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tôn giáo tỉnh, Ban Thi đua khen thưởng tỉnh được sáp nhập vào Sở Nội vụ; Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được chuyển về trực thuộc Sở Nội vụ.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nội vụ hiện nay gồm có: Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, các phòng: Cán bộ công chức, Chính quyền địa phương, Công tác thanh niên - Cải cách hành chính, Tổ chức bộ máy và Đào tạo bồi dưỡng; Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - Khen thưởng, Chi cục Văn thư - Lưu trữ.

Sở Nội vụ Thái Nguyên đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì.*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tiền thân là Ty Nông chính được thành lập tháng 10/1949 trên cơ sở hợp nhất các Ty Túc mễ, Khuyến nông, Tầm tang. Sau ngày hoà bình lập lại (1954), Ty Nông chính đổi thành Ty Canh nông với 3 ngành (trồng trọt, chăn nuôi, thủy lâm). Năm 1955, Ty Canh nông đổi tên thành Ty Nông Lâm. Năm 1957, Ty Nông Lâm tách thành Ty Nông nghiệp và Ty Lâm nghiệp. Năm 1971, Ủy ban Nông nghiệp tỉnh được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ty Nông nghiệp, Ban Quản lí ruộng đất, Ban Chỉ đạo định canh - định cư, Phòng Nông trường, Phòng Quản lí Thủy nông thuộc Ty Thủy lợi. Năm 1976, Ủy ban Nông nghiệp đổi tên thành Ty Nông nghiệp. Ngày 23/3/1996, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi và một số đơn vị thuộc các ngành Lao động, Thương binh, Xã hội; Công nghiệp; Lương thực; Thủy sản. Trụ sở hiện nay đặt tại tổ 28, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Quản lí xây dựng công trình, Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản. Các đơn vị quản lí nhà nước: Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Quản lí chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão, Chi cục Phát triển nông thôn. Các đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi, Trung tâm Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Kiểm định chất lượng giống và vật tư hàng hoá

nông nghiệp, Ban Quản lí dự án đầu tư và xây dựng, Ban Quản lí Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng, Ban Quản lí đề án phát triển chè, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất* (2010).

SỞ TÀI CHÍNH

Tiền thân là Ty Tài chính được thành lập tháng 11/1951. Trụ sở hiện nay đặt tại số 5 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Năm 1965 đổi thành Ty Tài chính tỉnh Bắc Thái. Năm 1982, đổi thành Sở Tài chính tỉnh Bắc Thái. Năm 1989, Ủy ban Vật giá và Sở Tài chính sáp nhập thành Sở Tài chính - Vật giá Bắc Thái. Năm 1994 tách phòng Đầu tư Xây dựng cơ bản để thành lập Cục Đầu tư phát triển trực thuộc Tổng cục Đầu tư phát triển. Năm 1997, do tách tỉnh Bắc Thái nên Sở Tài chính - Vật giá Bắc Thái được tách thành Sở Tài chính - Vật giá Thái Nguyên và Sở Tài chính - Vật giá Bắc Kạn. Tháng 10/1999, sáp nhập Cục Quản lí vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp vào Sở Tài chính - Vật giá. Tháng 1/2000, giải thể Cục Đầu tư phát triển, nhập một bộ phận quản lí vốn đầu tư về Sở Tài chính - Vật giá thành 1 phòng thuộc Sở.

Thực hiện Quyết định số 208/2003/QĐ-TTg ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài chính - Vật giá tỉnh Thái Nguyên được đổi tên thành Sở Tài chính Thái Nguyên. Sở Tài chính Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; có chức năng tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách Nhà nước, các quỹ tài chính Nhà nước, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán độc lập, giá cả và hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính gồm có: Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, các phòng: Quản lí Ngân sách, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Đầu tư, Quản lí công sản, Quản lí giá; Công ty Xổ số kiến thiết

Sở Tài chính Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động* hạng Nhì.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Được thành lập theo Quyết định số 1386/QĐ-UB, ngày 24/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở hợp nhất Sở Địa chính và các tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lí nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường của sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường. Trụ sở đặt tại tại số 132 - Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lí nhà nước về lĩnh vực tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự chỉ đạo, quản lí trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bộ máy tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm có: Văn phòng, Thanh tra; các phòng Quản lí Đất đai, Quản lí Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn, Quản lí Tài nguyên khoáng sản, Quản lí Đo đạc và bản đồ, Tài chính đất và Bồi thường giải phóng mặt bằng. Các đơn vị sự nghiệp: Chi cục Bảo vệ môi trường, Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm Quan trắc và Công nghệ môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường.

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Được thành lập ngày 31/3/2008 theo Quyết định số 656/UBND-QĐ của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trụ sở tại số 5 - Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên.

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về báo chí, xuất bản; bưu chính và chuyển phát;

viễn thông, internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; điện tử; phát thanh và truyền hình; cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên phương tiện báo chí, mạng máy tính và xuất bản ấn phẩm trên địa bàn tỉnh; thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm có: Văn phòng, Thanh tra; các phòng Kế hoạch - Tài chính, Quản lí Bưu chính - Chuyển phát, Quản lí Công nghệ thông tin, Quản lí Báo chí - Xuất bản, Quản lí Viễn thông - Internet; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

SỞ TƯ PHÁP

Được thành lập theo Quyết định số 87/QĐ-UB, ngày 9/4/1982 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Trụ sở đặt tại số 7 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, thi hành án dân sự, công chứng, chứng thực, hộ tịch, quốc tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài, lí lịch tư pháp, luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lí, giám định tư pháp, hoà giải ở cơ sở, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công tác tư pháp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật, Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Phổ biến giáo dục pháp luật, Hành chính Tư pháp, Bổ trợ Tư pháp. Các đơn vị trực thuộc gồm các phòng Công chứng số 1, Công chứng số 2, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Trung tâm Trợ giúp pháp lí Nhà nước.

SỞ VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Được thành lập ngày 31/3/2008 trên cơ sở hợp nhất Sở Văn hoá - Thông tin với Sở Thể dục - Thể thao; bộ phận Du lịch của Sở Thương mại

- Du lịch; bộ phận Gia đình của Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gia đình. Trụ sở đặt tại số 19 - Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên.

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về: văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (trừ quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm) ở địa phương, các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lí của Sở và thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật; về di sản văn hoá; nghệ thuật biểu diễn; điện ảnh; mĩ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm; quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật; thư viện; văn hoá quần chúng, văn hoá dân tộc và tuyên truyền cổ động; quảng cáo; thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; thể dục thể thao cho mọi người; gia đình; du lịch.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm: Văn phòng, các phòng: Tổ chức Cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Văn hoá, Nghiệp vụ Thể dục Thể thao, Nghiệp vụ Du lịch, Quản lí Di sản văn hoá, Xây dựng Đời sống văn hoá và Gia đình, Thanh tra Sở. Các đơn vị trực thuộc gồm: Bảo tàng tỉnh, Thư viện Khoa học tổng hợp, Đoàn Nghệ thuật, Trung tâm Dịch vụ và Thi đấu Thể thao, Trung tâm Thể dục Thể thao, Trung tâm Thông tin, xúc tiến du lịch, Trung tâm Điện ảnh, Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục Thể thao.

SỞ XÂY DỰNG

Tiền thân là Ty Kiến trúc Thái Nguyên được thành lập năm 1958, sau đổi thành Ty Xây dựng Thái Nguyên. Năm 1965, Ty Xây dựng hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên sáp nhập thành Ty Xây dựng Bắc Thái. Năm 1980, Ty Xây dựng Bắc Thái đổi tên thành Sở Xây dựng Bắc Thái. Trụ sở hiện nay đặt tại số 1 - Đường Nguyễn Du, thành phố Thái Nguyên. Ngày 27/5/1988, Ủy ban Xây dựng cơ bản tỉnh sáp nhập vào Sở Xây dựng Bắc Thái.

Sở Xây dựng Bắc Thái là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về các lĩnh vực: xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây

dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lí nước thải, chiếu sáng, công viên cây xanh, nghĩa trang, chất thải rắn trong đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao); phát triển đô thị; nhà ở và công sở; kinh doanh bất động sản; vật liệu xây dựng; về các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lí nhà nước của Sở; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Bộ máy tổ chức của Sở gồm: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Kinh tế xây dựng, Quản lí chất lượng công trình xây dựng, Quản lí Kiến trúc quy hoạch, Quản lí hoạt động xây dựng, Quản lí nhà và thị trường bất động sản, Hạ tầng kỹ thuật, Vật liệu xây dựng. Các đơn vị trực thuộc gồm: Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên, Viện Quy hoạch xây dựng Thái Nguyên.

Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất* (2008).

SỞ Y TẾ

Tiền thân là Ty Y tế Thái Nguyên được thành lập trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Trụ sở hiện nay đặt tại số 27 - Đường Bến Tượng, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Trong những năm 1955 - 1965, cơ quan Ty Y tế Thái Nguyên gồm có các phòng: Hành chính - Tổ chức, Chuyên môn, Y tế lưu động và Đội Phòng chống sốt rét. Từ năm 1965, có thêm các đơn vị trực thuộc là Bệnh viện A (100 giường bệnh), Bệnh viện huyện Đồng Hỷ, Bệnh viện thành phố Thái Nguyên, mỗi bệnh viện có 20 giường bệnh. Năm 1965, Ty Y tế hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên hợp nhất thành Ty Y tế Bắc Thái; năm 1980 đổi thành Sở Y tế Bắc Thái. Năm 1997, Sở Y tế Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở chia tách Sở Y tế Bắc Thái.

Sở Y tế Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lí nhà nước về công tác y tế, gồm: công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, khám chữa bệnh, quản lí dược và vật tư y tế; dân số kế hoạch hoá gia

đình; an toàn vệ sinh thực phẩm; truyền thông giáo dục sức khoẻ; phòng chống HIV/AIDS; quản lí và chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với công tác y tế; quản lí về kinh phí và biên chế nhân viên y tế từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Thái Nguyên, gồm có: Văn phòng, Thanh tra; các phòng: Kế hoạch - Thống kê, Kế toán - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Nghiệp vụ Y, Quản lí Dược; các chi cục tuyến tỉnh: Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khoẻ, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS và da liễu, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm và mĩ phẩm, Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, Trung tâm Giám định y khoa, Trạm Lao (lồng ghép với Bệnh viện Lao), Trạm Tâm thần (lồng ghép với Bệnh viện Tâm thần), Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế, Trường Cao đẳng Y tế; các bệnh viện tuyến tỉnh: Bệnh viện A, Bệnh viện C, Bệnh viện Gang thép, Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền; các bệnh viện tuyến huyện, các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện.

Sở Y tế Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2005).

SƠN NGÔ VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ; nhập ngũ tháng 1/1966, vào Đảng ngày 29/4/1969.

Từ năm 1969 đến năm 1974, đồng chí đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chiến đấu nhiều trận, trong đó có 9 trận tiêu biểu ở khu vực thành phố Biên Hoà (tỉnh Đồng Nai), diệt hàng trăm tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, gây cho Mĩ - ngụy nhiều tổn thất lớn. Điển hình là hai trận tập kích vào Tổng kho Long Bình đêm 13/8/1972 và đêm 16/12/1972. Riêng đồng chí đã diệt 40 tên địch, phá hủy 7 kho đạn, 22 xe quân sự và 14 nhà lính.

Trải qua gần 25 năm chiến đấu, công tác liên tục trong quân đội, dù ở cương vị nào, đồng chí đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng chí đã

được tặng thưởng 4 *Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba*, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Ba*, 3 *Huân chương Chiến sĩ giải phóng* (*hạng Nhất, Nhì, Ba*); 3 lần được bầu là *Chiến sĩ thi đua*, 6 lần được tặng Bằng khen, Giấy khen.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 3/6/1976, đồng chí Ngô Văn Sơn được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

SƠN CẨM

Đền, có từ lâu đời ở chân núi Miễu thuộc xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương; là nơi thờ Dương Tự Minh và 2 bà vợ của ông là công chúa Diên Bình và công chúa Thiều Dung. Ngôi đền chỉ có 1 gian làm bằng tranh tre, không có tường, diện tích 10 m², đã bị tiêu hủy từ năm 1947.

Năm 1996, ngôi đền được dựng lại trên nền cũ, kiểu nhà cấp 4, tường xây bằng gạch, mái lợp ngói, gian ngoài rộng 10 m² và hậu cung 6 m². Hậu cung đặt 3 bàn thờ: trên cùng thờ Phật Bà và Mẫu; ở giữa thờ 2 bà vợ của Dương Tự Minh; dưới cùng thờ công đồng, trong đó có Dương Tự Minh.

Lễ hội chính đền Sơn Cẩm tổ chức vào ngày 12/1 Âm lịch hằng năm.

SƠN CẨM

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Phú Lương, phủ Phú Bình, gồm 5 xã, phường: Sơn Cẩm, Quan Triều, Cao Ngạn, Hộ Nhiêu, phường thủy cơ bến Cao Ngạn. Cuối thế kỷ XIX, thuộc huyện Phú Lương, phủ Tòng Hóa, tỉnh Thái Nguyên, gồm 7 xã: Sơn Cẩm, Cao Ngạn, Quan Triều, Hộ Hiếu, Vô Tranh, Phú Đô và phường thủy cơ xã Cao Ngạn. Từ năm 1927, tổng Sơn Cẩm gồm 3 xã: Sơn Cẩm, Quan Triều, Vô Tranh; các xã Cao Ngạn, Hộ Nhiêu, bến thủy cơ Cao Ngạn đã cắt chuyển về huyện Đồng Hỷ. Thời kỳ Tiền khởi nghĩa (3 - 8/1945), gồm 3 xã: Sơn Cẩm, Thanh Trà, Quan Triều (xã Thanh Trà được cắt khỏi tổng Tức Tranh nhập về tổng Sơn Cẩm). Tháng 10/1946, Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương thành lập, đơn vị hành chính cấp xã của huyện cũng được tổ chức lại từ 23 xã lúc Tiền khởi nghĩa, thành 12 xã; 3 xã Sơn Cẩm, Thanh Trà, Quan Triều hợp nhất thành xã Sơn Cẩm; đơn vị hành chính cấp tổng trên thực tế không còn tồn tại.

Tổng Sơn Cẩm hồi đầu thế kỷ XIX tương ứng với địa phận các xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương), xã Cao Ngạn, phường Tân Long, phường Quan Triều (thành phố Thái Nguyên) ngày nay. Cuối thế kỷ XIX, tổng Sơn Cẩm mở rộng, gồm toàn bộ diện tích các xã như hồi đầu thế kỷ kể trên và thêm đất xã Vô Tranh, Phú Đô (huyện Phú Lương) ngày nay. Từ năm 1927 đến khi xóa bỏ đơn vị hành chính cấp tổng (1948), tổng Sơn Cẩm tương ứng với địa phận các xã: Sơn Cẩm, Vô Tranh (huyện Phú Lương) và phường Tân Long, phường Quan Triều (thành phố Thái Nguyên) ngày nay.

SƠN CẨM

Xã miền núi, nằm ở tận cùng khu vực phía Nam huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Cổ Lũng, phía đông giáp xã Cao Ngạn (thành phố Thái Nguyên) và xã Minh Lập (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp phường Tân Long, xã Phúc Hà (thành phố Thái Nguyên), phía tây giáp xã An Khánh (huyện Đại Từ).

Trước năm 1945, Sơn Cẩm là một trong ba xã thuộc tổng Sơn Cẩm, huyện Phú Lương. Tháng 10/1946, ba xã Sơn Cẩm, Quan Triều, Thanh Trà nhập thành xã Sơn Cẩm. Ngày 19/10/1962, thành phố Thái Nguyên được thành lập, phần phía nam xã được cắt chuyển về thành phố để lập các phường Tân Long, Quan Triều.

Sơn Cẩm có diện tích tự nhiên 1.682,36 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 965,66 ha (57%), nhóm đất phi nông nghiệp 671,78 ha (40%), còn lại là nhóm đất chưa sử dụng. Dân số 14.520 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Sán Dìu chung sống từ lâu đời ở 19 xóm: Bến Giềng, Cao Sơn 3, Cao Sơn 4, Cao Sơn 2, Cao Sơn 1, Cao Sơn 5, Đồng Danh, Đồng Xe, Hiệp Lực, Quang Trung 2, Quang Trung 1, Sơn Cẩm, Táo 2, Táo 1, Thanh Trà 2, Thanh Trà 1, Xóm 7, Xóm 6, Xóm 8. Nguồn sống chính của người dân trong xã là trồng lúa. Một bộ phận khá đông làm kinh doanh, dịch vụ trên trục Quốc lộ số 3, 1B mới và buôn bán tại chợ Sơn Cẩm mới xây dựng.

Núi Sơn Cẩm (còn gọi là núi Cẩm), độ cao gần 200 m, chạy theo hướng bắc - nam. Sông Cầu chảy phía đông, là địa giới tự nhiên giữa xã Sơn Cẩm (và huyện Phú Lương) với xã Cao Ngạn (và thành phố Thái

Nguyên). Đoạn Quốc lộ 3 chạy trên đất Sơn Cẩm độ dài 3 km. Đường huyện Quốc lộ 3 - Bến Giềng - Vô Tranh dài 6km, nền rộng 6m, mặt nhựa 3,5m. Bến Giềng thời kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ là bến phà quân sự nối đôi bờ sông Cầu. Tuyến đường sắt Quan Triều - Núi Hồng có 3 km chạy qua xã. Mỏ than Khánh Hoà nằm ở khu vực Tây Nam xã.

Sơn Cẩm có nhiều đình, chùa, đền nguồn gốc từ xa xưa: đình Thanh Trà, chùa Thanh Trà, đền Hiệp Lực, đền Cửa Nghè, đền Bến Giềng. Núi Sơn Cẩm là địa danh gắn với những câu chuyện cổ tích: Bàn cờ tiên, Chiếc áo tàng hình. Dốc võng là nơi ngày 10/12/1947 bộ đội phục kích quân Pháp khi chúng tấn công lên Căn cứ địa Việt Bắc; là nơi đặt Xưởng Quân giới Z62 (hòa bình lập lại sáp nhập với một số xưởng quân giới khác thành nhà máy Z1) của Cục Quân giới. Đồng Xe là nơi đặt trận địa cao xạ bắn máy bay Mĩ của Đại đội 3, Tiểu đoàn 102, Trung đoàn 210.

Hiện nay, Trường Cao đẳng Công nghiệp và dạy nghề Mỏ, Trường Trung học phổ thông Khánh Hoà, Công ty Cổ phần Mỏ than Khánh Hoà, Trại giam Phú Sơn 4 - đơn vị hai lần được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* đều đóng trên đất Sơn Cẩm.

SƠN CẨM

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 3 xã Sơn Cẩm, Thanh Trà, Quan Triều của tổng Sơn Cẩm cũ; gồm các làng, thôn: Đồng Dương, Đồng Hòa, Đồng Xe, Sơn Cẩm (của xã Sơn Cẩm), Làng Tảo, Thanh Trà, Trại Hớp (của xã Thanh Trà), Đồng Lạc, Quan Triều (của xã Quan Triều). Dân số toàn xã (1954) có 1.726 người, thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Dìu, Sán Chay.

Phía bắc giáp 2 xã Cổ Lũng và Vô Tranh; phía đông và phía nam giáp huyện Đồng Hỷ; phía tây giáp huyện Đại Từ. Về cơ bản, xã Sơn Cẩm thời kỳ này tương ứng với địa phận xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương) và 2 phường Tân Long, Quan Triều (thành phố Thái Nguyên) ngày nay.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, bến phà Bến Giềng (Thác Giềng) giữ một vị trí quan trọng trên con đường vận tải nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B. Dốc Võng và Bến Giềng là các địa điểm bộ đội ta phục kích tiêu diệt một số quân Pháp khi chúng tiến công lên Việt Bắc Thu -

Đông 1947. Sơn Cẩm còn là nơi đặt xưởng quân giới của quân đội ta những năm cuối của của kháng chiến.

Sau giảm tô (1953), xã Sơn Cẩm vẫn giữ nguyên địa danh và địa giới như trước.

SƠN CỐT

Đồn điền của chủ người Pháp (Raynaud - Rây nô), thành lập năm 1898 bằng cách chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân trên địa bàn các xã Đắc Sơn, Vạn Phái, huyện Phổ Yên. Đồn điền có 363,4 ha, gồm đồi bãi ven sông Công xen lẫn những cánh đồng hẹp; chủ yếu trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp như cà phê, trẩu...và trồng cỏ nuôi trâu bò, dê, cừu. Phương thức sản xuất được áp dụng theo lối phát canh thu tô, với mức 40 - 50%.

SƠN DƯỢC

Chùa, được dựng từ lâu đời ở xóm Chùa, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ. Cột bằng gỗ lim, đường kính cột cái từ 50 cm đến 60 cm, có chạm trổ long, li, quy, phượng; xung quanh ghép ván gỗ, mái lợp tranh nứa. Năm 1945, chùa bị đổ nát. Một thời gian sau đó, chùa được dựng bằng tường gạch, mái ngói, nhưng diện tích nhỏ hơn.

Năm 1992, chùa Sơn Dược được xây dựng lại theo kiểu chữ ĐINH, có chiều dài 13 m, rộng 6 m, hậu cung sâu 6 m, rộng 4 m. Trước chùa là một nghè nhỏ (cũng mới được xây dựng), bên trái có một nhà bếp nhỏ. Hai bên sân chùa có nhiều bia công đức, trong đó 3 bia nhỏ bằng đá tự nhiên dựng từ thời Minh Mạng đầu thế kỷ XIX (khắc chữ Nho); các bia khác được dựng từ năm 1988 trở lại đây bằng gạch, xi măng (chữ Quốc ngữ), ghi lại quá trình tôn tạo và những người đóng góp xây dựng lại chùa.

Trong chùa, khu vực tiền đường là một khoảng rộng để làm nơi cúng lễ; hai bên có tượng ông Khuyến Thiện, ông Trừng Ác. Góc trái của tiền đường có treo một quả chuông đồng cao 1,2m, đường kính thân chuông 0,6 m, thân chuông khắc dòng chữ *Sơn Dược tự chung*. Hậu cung được sắp đặt từ trên xuống gồm: Ba vị tam thế, hai bên có Hiền sư đại đức và Thánh mẫu, tiếp đến là Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Bà Quan Âm, toà Cửu long, ngoài cùng là Thần công và Thổ địa (2 pho tượng Thần công, Thổ

địa, quả chuông đồng, 3 bia công đức thời Minh Mạng). Các tượng mới trong chùa được làm bằng gỗ mít.

Hằng năm vào ngày 5/1 Âm lịch, dân làng mở hội lớn tại chùa.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945) và kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chùa Sơn Dược là nơi đi lại hoạt động của nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, nơi diễn ra nhiều hoạt động tập thể của nhân dân trong xã.

Chùa Sơn Dược đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xếp hạng tại Quyết định số 1999-UBND ngày 19/8/2009.

SƠN LUYẾN

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thương mại và du lịch, được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4600395075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại khu Cầu Đỏ, xóm Tân Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Công ty kinh doanh các ngành nghề: Bán buôn, bán lẻ vật tư nông nghiệp; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ bằng xe ô tô; xuất, nhập khẩu vật tư nông nghiệp; mua bán gạo các loại.

Công ty đã được nhận Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về thành tích vì sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp; Danh hiệu *Doanh nhân tiêu biểu Việt Nam Vàng*; Bằng khen của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; *kỷ niệm chương Doanh nhân tiêu biểu 1.000 năm Thăng Long*...

SƠN MÈ

Đình, được dựng trên một khu gò đất cao tại xóm Sơn Mè, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ. Cấu trúc của đình theo hình chữ NHẤT, 5 gian cột gỗ thông, mái lợp cỏ gianh. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đình Sơn Mè là nơi hội họp của nhân dân địa phương và một số cơ quan, đơn vị bộ đội đóng quân trong vùng. Hằng năm, vào ngày 15/2 Âm lịch, đình mở hội đông vui. Cũng như các nơi khác trong vùng, phần lễ có rước kiệu, tế lễ cầu thần linh phù hộ cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng tốt tươi, dân làng khoẻ mạnh...Phần hội có các trò chơi dân gian như kéo co, đấu vật, tung còn, đi cà kheo,...

Năm 1962, đình Sơn Mè đổ nát hoàn toàn, chỉ còn lại một số hòn đá tảng kê cột đình. Hiện vật của đình còn lưu giữ được 3 cuốn thần phả sao từ năm Vĩnh Hựu thứ 4 thời Lê (1738) và đời vua Duy Tân năm thứ 3 (1909), ghi chép về quá trình xây dựng, trùng tu và sự tích những vị thần được thờ ở đình.

Năm 1996, đình Sơn Mè được xây dựng lại trên nền đất cũ với diện tích 50 m², gồm 3 gian, cột bằng bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp lá.

SƠN PHÚ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Sơn Phú huyện Định Hóa thuộc An toàn khu Trung ương; là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc với các đồng chí Tôn Đức Thắng - Phó ban Thường trực Quốc hội và Võ Nguyên Giáp - Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam (năm 1947)...; nơi đặt trụ sở Nhà xuất bản Sự thật; nơi Cục Quân huấn (Bộ Tổng Tham mưu) xây dựng Hội trường, mở lớp bổ túc, chỉnh huấn cán bộ quân đội; nơi Cục Thông tin đặt máy thông tin vô tuyến điện đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Trung ương (1946 - 1949); nơi Trung ương Đảng mở lớp huấn luyện cán bộ trung, cao cấp mang tên "Tô Hiệu" đào tạo cán bộ chủ chốt phục vụ kháng chiến (9 - 10/1947)... Ngoài việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ An toàn khu, lực lượng vũ trang nhân dân xã chặn đánh quân Pháp ở cầu Nà Mỏ; chặn đường tiến quân của Pháp từ Chợ Chu xuống Bình Thành, diệt nhiều tên và thu nhiều vũ khí, buộc chúng phải rút lui, góp phần vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Sơn Phú được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005), tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

SƠN PHÚ

Nơi đặt trụ sở Nhà xuất bản Sự Thật trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích nằm ở xóm Cây Hồng, xã Sơn Phú, huyện Định Hóa.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 1851/QĐ-UBND, ngày 13/8/2010).

SƠN PHÚ

Xã miền núi nằm ở vùng phía Nam huyện Định Hóa; phía đông giáp xã Bộc Nhiêu, phía tây giáp các xã Phú Đình và Điềm Mặc, phía nam giáp xã Bình Thành, phía bắc giáp các xã Trung Lương và Bình Yên. Tổng diện tích tự nhiên 1485 ha, gồm diện tích đất nông nghiệp 1.399,49ha, còn lại là đất phi nông nghiệp.

Xã Sơn Phú hiện nay có 28 xóm: Hồng La 1, Hồng La 2, Sơn Vinh 1, Sơn Vinh 2, Bản Thanh, Sơn Đông, Lương Bình 1, Lương Bình 2, Trung Tâm, Sơn Đầu 1, Sơn Đầu 2, Trường Sơn, Văn Phú, Làng Phẩy, Bản Giáo 2, Bản Giáo 3, Bản Giáo 4, Vũ Quý, Sơn Thắng 1, Sơn Thắng 2, Sơn Thắng 3, Cây Hồng, Bản Trang, Bản Hin 1, Bản Hin 2, Tiếp Tế, Phú Hội 1, Phú Hội 2. Dân số (năm 2009) 4.670 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Sán Chay, Kinh, Tày, Nùng, Dao, Hoa.

Trên địa bàn xã có 9 di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến. Di tích lịch sử nơi đặt trụ sở Nhà xuất bản Sự thật đã được xếp hạng cấp Tỉnh.

SỦNG VŨ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1906, quê huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; thường trú tại xã Lương Phú, huyện Phú Bình.

Mẹ Vũ Thị Sủng có con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Truyền (nhập ngũ tháng 4/1968, hi sinh ngày 13/10/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, mẹ Vũ Thị Sủng được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

SUỐI BÉN

Cầu, được xây dựng tại Km 110+34 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 1968, có chiều dài 8 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, có tải trọng H10.

SUỐI BỐC

Cầu, được xây dựng tại Km 112+07 - Quốc lộ 3, thuộc địa bàn xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Cầu được xây dựng lần đầu vào những thập niên đầu thế kỷ XX, cùng với con đường thuộc địa số 3 (Quốc lộ 3). Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, cây cầu bị ta phá sập hoàn toàn để ngăn bước kẻ thù xâm lược Pháp. Đầu năm 1950, cầu Suối Bốc được khôi phục, xe ô tô có thể đi qua dễ dàng.

Năm 1968, cầu Suối Bốc được xây dựng lại, có chiều dài 8 m, rộng 6 m, một nhịp, kết cấu bê tông cốt thép, mố xây đá, có tải trọng H10.

SUỐI BÙN

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Suối Bùn thuộc địa phận xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, kênh chính dài 5km; đảm bảo cung cấp nước tưới cho 220ha lúa trên địa bàn xã.

SUỐI CÁT

Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn cán bộ nghỉ chân trên đường từ Thủ đô Khu Giải phóng Tân Trào về Hà Nội. Vị trí di tích ở xóm Suối Cát thuộc xã Hà Thượng, huyện Đại Từ.

Trưa ngày 22/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đoàn cán bộ nghỉ tại gia đình bà Tạc Thị Tình. Buổi chiều cùng ngày, đoàn tiếp tục lên đường về tỉnh lị Thái Nguyên.

SUỐI CÁT 1

Cầu, được xây dựng năm 1987 tại Km 147+635, Quốc lộ 37, bắc qua suối Cát, thuộc địa phận xóm 6, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ.

Năm 2010, cầu được sửa chữa, thay mới dầm bản, dài 13,76 m, rộng 8,5m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 8m, kết cấu nhịp 7,76 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân ĐX; tải trọng thiết kế H13 - X60, tải trọng hiện tại 17 tấn.

SUỐI CÁT 2

Cầu, được xây dựng năm 1987 tại Km 149+126,5 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Cát, thuộc địa phận xóm 4 (trong khu vực mỏ đa kim Núi Pháo), xã Hà Thượng, huyện Đại Từ. Năm 2010, cầu được sửa chữa, thay mới dầm bản, dài 4m, rộng 8,5 m; trong đó chiều rộng cho xe chạy 8m, kết cấu bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân ĐX; tải trọng thiết kế H13 - X60, tải trọng hiện tại 17 tấn.

SUỐI ĐỀN

Cầu, được xây dựng khoảng những năm 60 của thế kỷ XX tại Km 18+195 - Tỉnh lộ 261, bắc qua suối Đền, thuộc địa phận xóm Đền, xã Quân Chu, huyện Đại Từ. Đây là loại cầu tràn, sau thời gian dài sử dụng không được duy tu bảo dưỡng kịp thời, cầu hư hỏng; nhân dân xóm Đền bắc cầu bằng tre để đi lại. Năm 2008, cầu được xây dựng bằng bê tông cốt thép, dài 67,2 m, rộng 7 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 6 m.

SUỐI ĐÌNH

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại Km 9+514 - Tỉnh lộ 264B, thuộc địa bàn xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa. Cầu có kết cấu dạng nhịp trên dầm bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn. Sơ đồ bố trí nhịp; 15*2, dạng mặt cắt dầm chủ số/một nhịp; Dầm bê tông cốt thép. Dạng kết cấu mố, trụ, móng chữ U, Đ, X. Cầu dài 57,2 m, rộng 4 m, tải trọng thiết kế H13-X60; tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

SUỐI LẠNH

Hồ chứa nước nhân tạo, được xây dựng những năm 1992 - 1994 dưới chân núi Thần Lằn, thuộc địa bàn xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Đập chính dài 411 m, cao 14,6 m, diện tích mặt hồ rộng 48,8 ha, sức chứa 2,5 triệu m^3 nước. Hồ là nơi tích trữ nước, có tác dụng hạn chế sự tàn phá của các trận lũ ống, lũ quét từ chân núi đổ về; là nguồn nước tưới tiêu cho hơn 335 ha ruộng đồng của 2 xã Thành Công, Vạn Phái; thuận lợi cho việc nuôi các loại thủy sản, thủy cầm; giúp cải tạo môi trường, làm đẹp cảnh quan... Hồ Suối Lạnh có tiềm năng lớn để phát triển du lịch.

SUỐI LONG

Cầu, được xây dựng năm 2007 tại Km 154+900 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Long, thuộc địa phận xóm Bãi Cải và xóm Đồng Mạc, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ. Cầu dài 65 m, rộng 16 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 15 m, kết cấu nhịp 3 nhịp, mỗi nhịp dài 18 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M4, móng cọc khoan nhồi thân bê tông cốt thép; tải trọng thiết kế H30 - Xb60, tải trọng hiện tại 30 tấn.

SUỐI LŨ

Cầu, được xây dựng ở lý trình 2 km trên tuyến Tỉnh lộ 265 thuộc địa phận thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Cầu dài 36 m, rộng 6,5 m; có 1 nhịp, kết cấu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 36 m; mố cầu được xây bằng đá; tải trọng H13-X60, 17 tấn.

SUỐI MANG

Cầu, được xây dựng năm 1987, tại Km 154+225 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Mang, trên đất của xóm Trung Na và Xóm Phố Dầu, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ. Cầu dài 30,7 m, rộng 9,5 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 7 m, kết cấu nhịp 18 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân ĐX; tải trọng thiết kế H30 - Xb60, tải trọng hiện tại 30 tấn.

SUỐI NGOÀI

Cầu, được xây dựng năm 1986, trên tuyến Tỉnh lộ 269B, thuộc địa phận xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Cầu dài 12 m, rộng 4 m, chiều dài nhịp cầu là 6 m; tải trọng 13 tấn.

SUỐI TIÊN

Một thắng cảnh, địa điểm du lịch, thuộc địa phận xóm Tân Lập, xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ. Nơi đây có thác nước đổ từ trên cao vài chục mét, xuống một cái bể thiên tạo nhiều cá bơi lội. Không khí trong lành.

SUỐI TRONG

Cầu, được xây dựng năm 1982, trên tuyến Tỉnh lộ 269B, thuộc địa phận xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Cầu dài 12 m, rộng 7 m, chiều dài nhịp cầu là 6 m; tải trọng 13 tấn.

SUỐI VÌN

Hang đá tự nhiên nằm ở lưng chừng núi đá thuộc xóm Suối Bén, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Ở địa thế bốn mặt đều là rừng núi, cảnh vật nơi hang Suối Vìn rất hoang sơ. Đường lên hang độ dốc lớn, gập ghềnh, rất khó đi. Cửa hang trông về phía Đông, khá rộng, ngang dọc mỗi chiều trên 5 m. Lòng hang ngoài rộng (chỗ rộng nhất khoảng 50 m^2), càng đi vào càng hẹp, càng dốc sâu xuống. Từ cửa hang xuống phía đáy hang, con người đã đắp bậc để đi lại cho dễ. Phía trong cửa hang, có hai khối nhũ đá lớn "mọc" từ nóc

xuống trông rất lạ mắt. Hang Suối Vìn có rất nhiều nhũ đá đẹp nhưng đã bị đập gãy lấy đi một phần.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, vào những năm 1949 - 1950 đến năm 1954, hang Suối Vìn là nơi Tổng kho A cất giấu, cấp phát thuốc men cho các quân y viện của quân đội ta.

SƯ ĐOÀN 312

Sư đoàn bộ binh chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên là Đại đoàn 312, còn gọi là Đại đoàn Chiến Thắng (trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam); thành lập 27/12/1950 tại Kim Lăng (Phú Thọ), thuộc Quân đoàn 1 (từ 10.1973). Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Sư đoàn tham gia các chiến dịch: Nghĩa Lộ, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, Điện Biên Phủ (đơn vị đánh chiếm Sở Chỉ huy Mường Thanh, cắm cờ chiến thắng, bắt sống tướng Đờ Caxtơri và Bộ tham mưu Tập đoàn cứ điểm, 7/5/1954). Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Sư đoàn hoạt động ở chiến trường Lào, tham gia Chiến dịch Trị - Thiên và Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 - 30/4/1975).

Trụ sở Bộ Chỉ huy Sư đoàn hiện nay đặt tại xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Với những thành tích và chiến công to lớn, Sư đoàn 312 đã được Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tặng thưởng *Huân chương Ít xa-la*; được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* (1976), tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh* (1984) cùng nhiều danh hiệu, huân, huy chương cao quý khác.

SỬA CHỮA Ô TÔ GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xưởng sửa chữa ô tô thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên. Năm 1995, Xưởng được đổi thành Xí nghiệp Sửa chữa xe máy. Tháng 10/2003, Xí nghiệp là một trong 3 đơn vị đầu tiên của Công ty Gang thép Thái Nguyên chuyển sang hoạt động theo mô hình mới - Công ty Cổ phần.

Để nâng cao chất lượng của sản phẩm, từ năm 2008, Công ty đã đầu tư 4 lò luyện thép kiểu cảm ứng, công nghệ Trung Quốc, công suất 5 tấn/mẻ mỗi lò và một lò gia nhiệt cảm ứng 10 tấn/mẻ để đồng bộ với

dây chuyền đúc liên tục 2 dòng, kích thước phôi 100x100 và 120x120mm.

SỸ NGÔ THÌ

Nhà văn hóa lớn thế kỷ XVIII. Tự là Thế Lộc, hiệu là Ngọ Phong, đạo hiệu là Nhị Thanh cư sĩ; sinh năm 1726, từ trần năm 1780; quê ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội). Từ 1756, ông làm trong phủ Chúa Trịnh, dạy học cho thế tử Trịnh Sâm. Ngô Thì Sỹ được triều đình Lê - Trịnh bổ làm quan Đốc đồng trấn Thái Nguyên (1764 - 1766)...

Ông là một nhà chính trị nhiệt thành, có nhiều bản điều trần xin chấn chỉnh thuế khoá, khuyến khích canh nông, sửa đổi việc học, phê phán sự hủ bại của nền chính trị đương thời. Ông cũng là một nhà văn hoá lớn, có khối lượng trước tác, văn phẩm đồ sộ, đa dạng, có giá trị cao, như các cuốn: *Đại Việt sử kí tiền biên, Việt sử tiêu án, Khoa sở tập biên, Sách chế khải tập, Anh ngôn thi tập, Anh ngôn phú tập, Quan nan sào tập, Ngọ phong văn tập, Khuê ai lục.* Ông là người sáng lập Ngô gia văn phái cuối thế kỷ XVIII.

Ngô Thì Sỹ là tác giả bài thơ *Thái Nguyên tức cảnh* miêu tả cảnh vật, con người, phong tục Thái Nguyên khi ông làm Đốc đồng ở đây.

TÀ MA

Cầu, có từ thời Pháp, còn gọi là cầu Nà Linh. Năm 1961 xây dựng thành cầu sắt tại Km 16+382,57 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Bảo Cường, huyện Định Hóa. Năm 1992 xây dựng thành cầu bê tông cốt thép, năm 2009 xây dựng lại, kết cấu dạng nhịp trên dầm bê tông cốt thép dự ứng lực; mố trụ móng kết cấu bê tông cốt thép. Cầu dài 36,1 m, rộng 7,5 m; tải trọng H30 - Xb80. Tải trọng khai thác biển báo 30 tấn.

TÀI LÊ LƯƠNG

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; nguyên Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Sau khi tốt nghiệp Khoa Toán Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông về làm công tác giảng dạy bộ môn Cơ lí thuyết tại Trường Đại học Cơ điện (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên); được đi nghiên cứu sinh, nhận bằng Phó Tiến sĩ tại Liên Xô

(cũ). Trở về Trường, ông được phân công làm Phó ban Khoa học cơ bản, Trưởng phòng Đào tạo; được đề bạt làm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, rồi Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Trong hơn 30 năm giảng dạy ở trường đại học, nhà giáo Lê Lương Tài đã 12 lần được công nhận giáo viên dạy giỏi, 4 năm là *Chiến sĩ thi đua*. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2000.

TAM ĐẢO

Núi, nằm trên địa phận ba tỉnh: Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang. Vì có ba ngọn núi cao nhô lên là: Thạch Bàn, Thiên Thị và Máng Chỉ nên gọi là núi Tam Đảo. Dãy núi Tam Đảo hình thành cách đây 230 triệu năm vào giữa kỷ Trias do hoạt động của núi lửa phun trào dung nham nhiều đợt chồng lên nhau. Các loại đá chính ở Tam Đảo là Riolit pocfia, penzit và các tuf của chúng. Dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam, dài chừng 60 km, rộng từ 10 - 15 km, dọc theo khu vực phía tây huyện Đại Từ trên địa bàn các xã Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú, Vân Yên, Mỹ Yên, Hoàng Nông, La Bằng, Phú Xuyên, Yên Lãng, Minh Tiến.

Dãy Tam Đảo thuộc địa phận Thái Nguyên có nhiều đỉnh núi cao trên 1.000 mét, điển hình là ngọn Chúc Cái có độ cao tuyệt đối 1.592 m, cao nhất trong dãy Tam Đảo, có tọa độ 21°21' - 21°42' vĩ Bắc và 105°23' - 105°44' kinh Đông, nằm ở xã Mỹ Yên giáp ranh giới giữa 3 tỉnh Vĩnh Phúc - Thái Nguyên - Tuyên Quang. Ngọn Chóp Đèn cao 1.077m giáp ranh giữa xã Vân Yên và Mỹ Yên có tọa độ 21°30' vĩ Bắc và 105°38' kinh Đông.

TAM ĐẢO

Vườn Quốc gia, được thành lập theo Quyết định số 136/TTg ngày 6/3/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Vườn nằm trọn trên dãy núi Tam Đảo, có tọa độ địa lí 21°21' - 21°42' vĩ Bắc và 105°23' - 105°44' kinh Đông; diện tích 34.995 ha (gồm 26.163 ha rừng - chủ yếu là rừng tự nhiên, độ che phủ chiếm trên 70% tổng diện tích toàn vườn); trải rộng trên địa bàn 3 huyện: Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Đại Từ (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang).

Vườn Quốc gia Tam Đảo được che phủ bởi một lớp thảm thực vật dày đặc, nhiều tầng và đa dạng về loài, đa dạng về quần xã sinh học và hệ

sinh thái; có 1.282 loài thực vật thuộc 660 chi thuộc 179 họ thực vật bậc cao có mạch, trong đó có các loài điển hình cho vùng cận nhiệt đới, 42 loài đặc hữu và 64 loài quý hiếm cần được bảo tồn và bảo vệ; 163 loài động vật thuộc 158 họ của 39 bộ, trong 5 lớp là: Thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng; 239 loài chim với nhiều loài có màu lông đẹp như vàng anh, sơn tiêu trắng, sơn tiêu hồng, sơn tiêu đỏ, có những loài quý hiếm như gà tiền, gà lôi trắng; 64 loài thú với những loài có giá trị như sóc bay, báo gấm, hổ, gấu ngựa, cầy mực, vượn, voọc đen; có 39 loài động vật đặc hữu, trong đó có 11 loài loài đặc hữu hẹp chỉ có ở nơi đây, như rắn sãi, rắn ráo thái dương, cá cóc Tam Đảo (Paramerotriton deloustali) và 8 loài côn trùng.

Vườn Quốc gia Tam Đảo có nhiều điểm thích hợp cho nghỉ mát, du lịch như Thác Bạc, đền Mẫu Bà Chúa Thượng Ngàn, cầu Đái Tuyết, am Gió Thang Mây, cột phát sóng truyền hình ở độ cao 1.200 m.

TAM GIANG

Nhà thờ họ đạo, được dựng năm 1952 bằng tre, nứa lá, trên khu đất rộng 2.055 m² gần bờ sông Cầu, nay thuộc xóm Dân Tiến, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 26/12/1972, nhà nguyện bị máy bay Mĩ ném bom phá hỏng; năm 1993, được xây dựng lại to đẹp hơn tại vị trí mới trên khuôn viên rộng 708 m², gần đường trục chính Túc Duyên đi Huống Thượng. Tháp chuông cao 20m. Nhà thờ là nơi sinh hoạt tôn giáo của 164 hộ, 878 giáo dân trong họ đạo.

TAM THÁI

Đình, được dựng từ lâu đời. Qua nhiều lần di chuyển địa điểm, khoảng năm 1916, 1917, ngôi đình được dựng tại xóm Tam Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ thành hoàng làng và vị anh hùng Dương Tự Minh. Năm 1947, trong cuộc tấn công lên Việt Bắc, quân Pháp đã đốt phá đình và lấy đi nhiều hiện vật quý.

Đình Tam Thái hiện nay được xây dựng lại có kiến trúc khá đơn giản, gồm 3 gian nhỏ, cột, tường xây gạch ong, mái lợp ngói thường. Phía sau ngôi đình hiện tại còn 2 đoạn tường của ngôi đình cũ.

TẢN CƯ

Hành động tạm rời nơi đang ở để đến nơi xa chiến sự nhằm tránh tại nạn chiến tranh. Thực hiện chủ trương "Bất hợp tác với giặc" và tăng cường lực lượng kháng chiến của Trung ương Đảng và Chính phủ, từ đầu năm 1947, hàng vạn gia đình ở các tỉnh, các thành phố lớn thuộc đồng bằng Bắc Bộ (vùng địch tạm chiếm) rời bỏ làng xóm, phố phường lên các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc (vùng tự do) để sinh sống và tham gia kháng chiến.

TÁT

Núi đá vôi, nằm ở phía đông bắc xã Linh Thông, huyện Định Hóa, giáp huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn), thuộc hệ thống núi cánh cung Sông Gâm. Ngọn núi Tát cao 660 m, tọa độ: 22°10' vĩ Bắc và 105°42' kinh Đông, Thảm thực vật rất phong phú, chứa đựng nhiều tiềm năng kinh tế, với các loại lâm sản quý, như gỗ nghiến, lim, lát, sến và các loại tre, nứa, vầu, trám...

TÀY

Một trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, là dân bản địa ở Thái Nguyên. Tính đến thời điểm tháng 4/2009, dân tộc Tày có 123.197 người (10,97% dân số toàn tỉnh), sinh sống tại 180/180 xã, phường, thị trấn của 9/9 huyện, thành, thị trong toàn tỉnh, nhưng tập trung đông nhất là ở các huyện Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ, Võ Nhai.

Từ xa xưa, người Tày ở Thái Nguyên chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, canh tác trên ruộng nước kết hợp với gieo trồng trên đất đồi dốc. Các hoạt động chăn nuôi, đan lát, hái lượm...chỉ mang tính phụ trợ. Ngày nay, hoạt động kinh tế của người Tày mở rộng hơn. Cùng với sản xuất nông nghiệp, nhiều hộ gia đình người Tày chuyển sang sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ có thu nhập cao. Về văn hoá, tại các huyện miền núi, vùng cao, người Tày thường ở nhà sàn, vật liệu làm nhà gồm gỗ, tre, mai, vầu, lá cọ khai thác từ rừng. Quy mô nhà sàn không tính bằng diện tích, hay số gian, mà tính bằng số cột (8, 10, 12, 12, 16 cột...).

Khoảng 30 năm trở lại đây, nhiều gia đình người Tày ở những nơi này chuyển sang ở nhà đất. Đến nay, tỉ lệ ở nhà đất của người Tày chiếm số

lượng lớn. Người Tày có những nét độc đáo về phong tục, tập quán, về mối quan hệ hôn nhân và gia đình; có chữ viết riêng (chữ Nôm Tày), được cải biên, phiên ra từ chữ Hán. Vốn văn học dân gian của người Tày đa dạng, phong phú gồm tục ngữ, ca dao, truyền thuyết, cổ tích, truyện kể, truyện thơ, truyện cười, ngụ ngôn, đồng dao, câu đố... Dân ca Tày gồm nhiều thể loại, nhưng đặc sắc nhất là hát then, lượn. Nhạc cụ độc đáo là cây đàn tính. Trò chơi dân gian chủ yếu là ném còn, đánh đu, đi cà kheo...

TÂM NGUYỄN

Bí thư Tỉnh ủy (bí danh: Nguyễn Thái), dân tộc Kinh, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (1953). Đã từ trần.

TÂM NGUYỄN MAI (Nguyễn Văn Ti)

Anh hùng Lao động, sinh năm 1933, dân tộc Kinh; quê xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.

Đồng chí Nguyễn Mai Tâm nhập ngũ tháng 1/1953; được giao nhiều chức vụ quan trọng; được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: 1 *Huân chương Lao động hạng Nhất;* 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*; 1 *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì;* 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 5/5/1962, đồng chí Nguyễn Mai Tâm được phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*.

TẤM LỢP CAM GIÁ

Công ty Cổ phần, được xây dựng trên mặt bằng có diện tích 16.000 m^2 thuộc địa phận phường Cam Giá thành phố Thái Nguyên; chính thức đi vào sản xuất từ đầu năm 1996, với 356 cán bộ, công nhân.

Sản phẩm chính của Công ty là tấm lợp Amiăng - Xi măng AC. Sản lượng hằng năm đạt 4 triệu tấm lợp dạng sóng theo công nghệ của Pháp. Sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ vùng nông thôn miền núi, đặc biệt cho Chương trình 135 của Chính phủ trên địa bàn các tỉnh miền núi Đông Bắc, Tây Bắc như Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu...

TÂN HOÀNG VĂN

Thiếu tướng Công an nhân dân Việt Nam; sinh năm 1952, dân tộc Kinh, quê làng Cẩm La, xã Đông Cao, huyện Phổ Yên; trú quán tại

phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Ông nhập ngũ vào lực lượng công an năm 1970; trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1983; nguyên Chiến sĩ cảnh sát giao thông thời chiến Công an tỉnh Nghệ An; Chiến sĩ cảnh sát cơ động thuộc Bộ Công an; Chiến sĩ cảnh sát bảo vệ các đại sứ quán tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; Cán bộ trinh sát Phòng An ninh kinh tế Công an Bắc Thái (1976 - 1978); Học viên Trường Đại học An ninh (1978 - 1981); Đội trưởng trinh sát Phòng An ninh kinh tế - Công an Bắc Thái (1981 - 1985); Phó phòng (1986), Trưởng phòng An ninh kinh tế (1989) Công an tỉnh Bắc Thái; Trưởng phòng Hậu cần Công an tỉnh Bắc Thái (1990), Phó Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên (1997) và Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên (2006).

Đồng chí đã được tặng thưởng: 3 *Huân chương Chiến công* (Nhất, Nhì, Ba); 1 *Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất*; 1 *Huy chương Vì an ninh Tổ quốc.*

TÂM NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1906, dân tộc Kinh, quê ở xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; trú quán tại xóm Vinh Xương, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

Mẹ Nguyễn Thị Tâm có con độc nhất (con nuôi) là liệt sĩ Nguyễn Văn Nhật (nhập ngũ tháng 8/1967, hi sinh ngày 9/11/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, mẹ Nguyễn Thị Tâm được Chủ tịch nước ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TÂN PHẠM DUY

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ chuyên ngành mạng và hệ thống điện, quê xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; nguyên giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1967, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, ông được phân công công tác giảng dạy tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên). Ông là một trong số những người đầu tiên xây dựng Khoa Điện của Trường; năm 1970, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Rumani; năm 1974, trở về nước tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái.

Ngoài công tác giảng dạy, ông tích cực tham gia nghiên cứu khoa học: Chủ biên 4 giáo trình và tác giả của gần 80 luận chứng kinh tế xây dựng các công trình điện ở nhiều nơi.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

TÂN BÌNH

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Xóm Tân Bình thành lập tháng 3/1975, nằm ở phía bắc xã Vô Tranh, cách trung tâm xã khoảng 3 km. Diện tích tự nhiên 137 ha, trong đó diện tích chè chuyên canh 99,5 ha; có 240 hộ, 1.000 nhân khẩu, 618 lao động.

Tân Bình có địa hình đồi thoải, khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp với cây chè nên chè được sản xuất chuyên canh từ mấy thập kỷ nay. Đến nay, hầu hết diện tích chè trong xóm trồng các giống mới đặc sản, cho chất lượng và năng suất cao.

Năm 2009, xóm Tân Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

TÂN CƯƠNG

Xã, ở khu vực phía Tây thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp xã Phúc Trìu, phía nam giáp xã Bình Sơn (thị xã Sông Công), phía tây giáp xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên), phía đông giáp xã Thịnh Đức.

Xã Tân Cương thành lập năm 1926, thuộc huyện Đồng Hỷ; từ năm 1985 được chuyển giao về thành phố Thái Nguyên. Diện tích tự nhiên 12,45 km². Dân số (năm 2009) 5.181 người, thuộc 8 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, Ngái, cư trú ở 15 xóm: Nam Đồng, Nam Tiến, Nam Thái, Soi Vàng, Đội Cấn, Nhà Thờ, Hồng Thái, Tân Thái, Gò Pháo, Guộc, Nam Tân, Nam Sơn, Y Na 1, Y Na 2, Nam Hưng. Là vùng đất mang nhiều đặc điểm của vùng trung du đồi núi thấp; khí hậu và thổ nhưỡng rất thích hợp cho cây ăn quả (mít, dứa, vải...) và cây công nghiệp, đặc biệt là cây chè. Chè Tân Cương là đặc sản của tỉnh Thái Nguyên, có tiếng trên thị trường trong và ngoài nước. Nhân dân xã Tân Cương no ấm, giàu có nhờ cây chè. Chùa Y Na và nhà thờ Tân Cương là hai cơ sở Phật giáo và Thiên Chúa giáo ở Tân Cương. Ngay từ những năm 40 của thế kỷ XX, Tân Cương đã có nhiều hộ giáo dân là cơ sở bí mật của

Mặt trận Việt Minh do Đảng lãnh đạo. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mĩ cứu nước, nhiều đơn vị quân đội, cơ quan của Trung ương, của khu, của tỉnh lấy xã Tân Cương làm nới đóng quân, đặt trụ sở. Gò Pháo là nơi thành lập Trung đoàn 88 (Trung đoàn Tu Vũ) ngày 1/7/1949.

TÂN CƯƠNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ. Dân số 5.067 người (1954) thuộc 3 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Trại (Sán Dìu).

Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhân dân xã Tân Cương đã tiếp đón, giúp đỡ đồng bào miền xuôi tản cư sớm ổn định nơi ăn, chốn ở và lao động sản xuất. Thanh niên trong xã hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Nhân dân trong xã còn tham gia đóng góp lương thực, thực phẩm, đi dân công phục vụ chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954).

Sau giảm tô (1953), xã Tân Cương chia tách thành 3 xã: Tân Cương, Bình Sơn và Thịnh Đức.

TÂN CƯƠNG

Nhà máy chè xuất khẩu, là đơn vị thành viên thuộc Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Cương Hoàng Bình, giấy đăng ký kinh doanh số 1712000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 7/3/2002. Trụ sở Nhà máy đặt tại xóm Gò Móc, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.

Các sản phẩm của Nhà máy được chế biến bằng nguyên liệu của vùng chè đặc sản Tân Cương, trên dây chuyền công nghệ của Trung Quốc, Đài Loan... kết hợp với phương pháp thủ công truyền thống. Các sản phẩm chè đen, chè xanh mang thương hiệu Tân Cương Hoàng Bình, được bán rộng rãi trên thị trường cả nước và đã xuất khẩu sang Cộng hòa Séc, Đức, Hàn Quốc, Hồng Kông...

TÂN CƯƠNG

Nhà thờ xứ đạo, được dựng năm 1942, bằng gỗ, tre, nứa, lá, tại xóm Gò Pháo, xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Ngày 24/12/1950, nhà thờ bị máy bay Pháp bắn cháy; sau đó được dựng lại cũng với những vật liệu tranh, tre, nứa, lá. Năm 1972, nhà thờ được xây dựng bằng gạch trên khuôn viên rộng 1.255 m². Hiện nhà thờ còn giữ một quả chuông và một số tranh tượng thờ chủ đề Thiên chúa.

Nhà thờ xứ đạo Tân Cương là nơi sinh hoạt tín ngưỡng thường nhật của giáo dân các họ đạo lân cận, là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của giáo dân toàn xứ trong những ngày lễ trọng.

TÂN CƯƠNG HOÀNG BÌNH

Công ty Cổ phần; trụ sở kinh doanh đặt tại 3/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Khởi đầu của Công ty là Trung tâm Trang thiết bị nội thất Hoàng Bình thành lập từ tháng 8/1994, chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất. Năm 2000, đổi tên thành Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Hoàng Bình; sản phẩm chủ yếu là gỗ nội thất và xây dựng.

Trong những năm 2000 - 2003, Công ty đầu tư xây dựng Nhà máy chè xuất khẩu Tân Cương Thái Nguyên. Ngày 27/12/2001, Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Hoàng Bình chính thức đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Bình. Năm 2004, Công ty xây dựng Khách sạn Queenli, bổ sung ngành nghề kinh doanh dịch vụ khách sạn. Năm 2007, Công ty tách Nhà máy chè xuất khẩu Tân Cương Thái Nguyên và Khách Sạn Queenli; chuyển đổi thành Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Cương Hoàng Bình. Trong những năm 2008 - 2010, Công ty củng cố mô hình tập đoàn với hơn 10 đơn vị thành viên, củng cố thương hiệu trong và ngoài nước.

Thương hiệu chè Tân Cương Hoàng Bình đã giành được nhiều giải thưởng cao quý: Năm lần liên tiếp đạt giải *Sao vàng Đất Việt*, lọt vào TOP 100 thương hiệu mạnh Việt Nam, giải thưởng *Hàng Việt Nam chất lượng cao*, *Huy chương Vàng*, *Cúp Vàng Vệ sinh an toàn thực phẩm*. Tháng

10/2009, Tân Cương Hoàng Bình vinh dự được Chủ tịch nước tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

TÂN DƯƠNG

Xã miền núi nằm ở vùng Đông Bắc huyện Định Hóa, được thành lập cuối năm 1953, đầu năm 1954, trên cơ sở các làng Tân Tiến, Làng Tràng, Làng Tả, Làng Cóc, Làng Kèn, Làng Dẩy của xã Phượng Tiến; phía đông và đông nam giáp 2 xã Yên Ninh và Yên Trạch (huyện Phú Lương), phía tây giáp xã Kim Phượng, phía nam và tây nam giáp xã Phượng Tiến, phía bắc giáp xã Tân Thịnh. Diện tích tự nhiên 2.156 ha, gồm diện tích đất nông nghiệp 1.695,03 ha, đất phi nông nghiệp 102,01 ha, còn lại là đất chưa sử dụng.

Xã Tân Dương hiện nay có 18 xóm: 1, 2, 3, 4, 5a, 5b, 6, 7, Chúng, Tả, Kèn, Cóc, Tràng, Cút, Nà Mạ, Nà Chạng, Tân Phương, Làng Bẩy. Dân số (năm 2009) 3.080 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Sán Chay, Kinh, Nùng, Hoa, Dao, Thái, Mường.

TÂN ĐÔ

Đình, được dựng từ lâu đời tại xóm Tân Đô, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ 4 vị thần: Đức ông Tổng đốc Đô thống đại thần; Đức ông Cao Sơn Quý Minh Đại vương; Đức ông Cỏ Thiết Tướng quân đại thần; Đức bà Công Nàng (Công chúa đại thần).

Đến nay đình vẫn còn khá nguyên vẹn, gồm 3 gian và hậu cung nhỏ, mái lợp ngói; các rường và dui mè bằng gỗ, tường xây gạch, nền đất.

TÂN ĐỨC

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Tân Đức là một xã miền núi của huyện Phú Bình, cách huyện lị Phú Bình 6 km về phía đông nam. Nhân dân trong xã có truyền thống đoàn kết, giàu lòng yên nước, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Tân Đức là địa bàn đứng chân của các cơ quan: Công an đặc biệt (Bộ Nội vụ), Xưởng sản xuất cồn (Cục Quân y), Xưởng đúc vỏ mìn, lựu đạn (Cục Quân khí), Bệnh xá S đoàn 312, Kho Hậu cần (Cục Quân lương), Trường Quân chính Liên khu Việt Bắc...

Ngoài nhiệm vụ bảo vệ an toàn các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, nhân dân xã Tân Đức còn động viên 104 thanh niên tình nguyện tham gia vào các đơn vị chủ lực, 84 thanh niên xung phong; ủng hộ 17.600 kg lương thực và hàng ngàn ngày đi dân công phục vụ các chiến dịch, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Tân Đức đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

TÂN ĐỨC

Xã miền núi, ở khu vực phía Đông huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Tân Hoà và tỉnh Bắc Giang, phía đông giáp tỉnh Bắc Giang, phía nam giáp 2 xã Dương Thành và Thanh Ninh, phía tây giáp xã Lương Phú. Vùng phía bắc xã địa hình tương đối phức tạp, nhiều đồi núi thấp; vùng phía nam địa hình bằng phẳng, có độ cao trung bình 13 - 14 m so với mực nước biển.

Diện tích tự nhiên 1047.47 ha; dân số (năm 2009) 7.669 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái cư trú ở 17 xóm: Quẫn, Ngò Thái, Lũa, Ngọc Sơn, Tân Lập, Tân Ngọc, Ngọc Lý, Vàng, Trại Vàng, Phú Thịnh, Lềnh, Quại, Diễu Cầu, Diễn, Ngoài, Viên, Tân Thịnh. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Tân Đức có di tích đình Đông đã được xếp hạng lịch sử văn hoá Quốc gia; các di tích: Đình - chùa An Mỹ, chùa Hản - nghè Hản, đình - chùa Phi Long, chùa Hoa Sơn đã được xếp hạng cấp tỉnh.

TÂN HOÀ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Tân Hoà là một xã miền núi, nằm ở khu vực Đông Nam huyện Phú Bình, cách trung tâm huyện 7,5 km.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), nhân dân xã Tân Hoà tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến.

Nhân dân trong xã đã động viên 160 thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường, 1.460 lượt dân công và 200 xe đạp thồ phục vụ các chiến dịch; ủng hộ 3.900 kg lương thực..., góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hòa đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

TÂN HÒA

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ hồ Trại Gạo, thuộc địa phận xã Tân Hoà, huyện Phú Bình, dài 3.500 m dẫn nước tưới cho 200 ha đất canh tác của xã Tân Hoà và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

TÂN HOÀ

Xã miền núi ở khu vực Đông Nam huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Tân Thành, phía đông giáp xã Tiến Thắng (huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang); phía tây giáp thị trấn Úc Sơn và xã Tân Kim, phía nam giáp 2 xã Tân Đức và Lương Phú.

Diện tích tự nhiên 2.035,11 ha. Dân số (năm 2009) 7.150 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Hoa, Mường cư trú ở 14 xóm: Thanh Lương, Tè, Hân, Đồng Cá, Vực Giảng, Trụ Sở, Giếng Mật, Trại Giữa, Vàng Ngoài, Cà, Ngò, Vầu, U, Giàn. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

TÂN HÒA

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình, nằm ở khu vực phía Đông huyện; phía đông giáp các xã Tiến Thắng và Tam Tiến của huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), phía đông bắc và phía bắc giáp xã Mỏ Sắt, huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), phía tây giáp các xã La Đình và Vạn Thắng (nay là thị trấn Hương Sơn và xã Tân Kim của huyện Phú Bình), phía nam giáp xã Đức Liên (nay là 2 xã Tân Đức và Lương Phú của huyện Phú Bình). Diện tích tự nhiên 45,70 km², bao gồm toàn bộ địa bàn các xã Tân Hòa, Tân Thành ngày nay của huyện Phú Bình. Dân số (1955) có 4.481 người.

Sau giảm tô (1953), xã Tân Hòa tách thành 2 xã: Tân Hòa và Tân Thành.

TÂN HƯƠNG

Xã, nằm ở khu vực phía Đông huyện Phổ Yên; phía đông giáp xã Tiên Phong, phía tây giáp xã Nam Tiến, phía nam giáp các xã Đông Cao và Trung Thành, phía bắc giáp xã (nay là phường) Đồng Tiến.

Xã Tân Hương được thành lập trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954) trên cơ sở tách xã Tân Tiến thành 3 xã (Tân Tiến, Tân Hương và Tân Phú). Lúc mới thành lập, xã Tân Hương có dân số 2.851 người. Sau Cải cách ruộng đất (đầu năm 1955), có 454 hộ, với 2.129 nhân khẩu.

Hiện nay, xã Tân Hương có diện tích tự nhiên gần 9,27 km² (gồm 5,65 km² đất nông nghiệp, 3,59 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng). Dân số (năm 2009) 7.456 người, thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Dìu, Nùng và Thái cư trú ở 23 xóm: Trại, Vàng, Quang Vinh, Trung, Cầu, Cầu Tiến, Hương Sơn, Hương Đình 1, Hương Đình 2, Hương Thịnh, Tân Trang, Tân Long 1, Tân Long 2, Tân Long 3, Trường Thọ, Ao Đình, Đình, Sứ, Phong Niên, Bắc, Nam, Đông, Thành Lập.

Tân Hương có di tích văn hóa chùa Đôi Cao đã được xếp hạng cấp tỉnh ngày 12/11/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TÂN HƯƠNG

Hợp tác xã chè, được thành lập năm 2000. Trụ sở đặt tại xóm Cây Thị, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên, gồm 62 hộ xã viên với diện tích trên 10 ha chè. Hợp tác xã kinh doanh vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất chè, sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè; sản lượng bình quân 30 tấn chè búp khô một năm. Năm 2010, chè của Hợp tác xã Tân Hương đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn về sản xuất các sản phẩm nông sản tốt trên quy mô toàn cầu (UTZ Certified); được Solidarided Việt Nam giới thiệu và được Hiệp hội chè Việt Nam bao tiêu toàn bộ sản phẩm.

TÂN KHÁNH

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Tân Khánh thuộc địa phận xã Tân Khánh huyện Phú Bình, dài 850 m, do Công ty Quản lí khai thác

công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên trực tiếp quản lí; đảm bảo cung cấp nước tưới cho 50 ha đồng ruộng của xã Tân Khánh và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

TÂN KHÁNH

Xã miền núi nằm ở khu vực Đông Bắc huyện Phú Bình; phía bắc giáp 2 xã Bàn Đạt và Tân Lợi (huyện Đồng Hỷ), phía đông giáp xã Tân Kim, phía tây giáp xã Đào Xá, phía nam giáp xã Bảo Lý. Từ tháng 10/1953 trở về trước, đất Tân Khánh thuộc xã Vạn Thắng. Tháng 10/1953, sau đợt phát động giảm tô, xã Vạn Thắng được chia làm 4 xã: Tân Khánh, Tân Kim, Bàn Đạt và Đồng Liên. Địa hình Tân Khánh không bằng phẳng, diện tích đồi núi chiếm 2/3 diện tích tự nhiên, không có sông ngòi lớn, độ dốc cao trung bình toàn xã là 30,4 m so với mặt nước biển.

Diện tích tự nhiên 2085.42 ha. Dân số (năm 2009) 6.969 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Hoa cư trú ở 25 xóm: Hoàng Mai 1, Hoàng Mai 2, Nông Trường, Ngò, Đồng Bầu, Kim Bảng, Đồng Tiến 1, Đồng Tiến 2, Tre, Thông, Cầu Ngần, La Tú, La Nuôi, Làng Cả, Na Ri, Đồng Đậu, Xuân Minh, Phố Chợ, Cà, Bằng Sơn, Chanh, Kê, Cầu Cong, Đồng Hoà, Trại Mới. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

TÂN KHÁNH

Công ty Cổ phần một thành viên, thành lập năm 2007; trụ sở kinh doanh đặt tại phố Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình thủy lợi; chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng; vận tải hàng hoá đường bộ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Dịch vụ photo coppy; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Khảo sát, thiết kế và lập dự toán các công trình giao thông; Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây và trạm biến áp; Lắp đặt thiết bị điện nước; Tư vấn giám sát công trình xây dựng cầu, đường bộ, dân dụng, thủy lợi.

Công ty đã thi công các công trình: Đường giao thông làng mới Nam Cơ, đường giao thông Thịnh Phượng, đập Quảng Cáo, cầu tràn liên hợp Vũ Hồng, cầu Tân Thái...

TÂN KIM

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Tân Kim thuộc địa phận xã Tân Kim huyện Phú Bình, dài 3.200 m, do Công ty Quản lí khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên trực tiếp quản lí; đảm bảo cung cấp nước tưới cho 100 ha đồng ruộng của xã Tân Kim và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

TÂN KIM

Mỏ vàng gốc, nằm trên địa bàn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 20 ha, trữ lượng 65.373 tấn quặng nguyên khai, công suất thiết kế 8.000 tấn quặng nguyên khai/năm. Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 17 năm theo Giấy phép số 2145/GP-UBND, ngày 31/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TÂN KIM

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Bắc huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ), phía đông giáp xã Tân Thành, phía tây giáp 2 xã Tân Khánh, Bảo Lý, phía nam giáp xã Xuân Phương và thị trấn Hương Sơn.

Đồi núi tập trung chủ yếu ở phía đông bắc của xã, chiếm 1/2 diện tích tự nhiên, có độ cao trung bình 18,5 m so với mặt nước biển, độ dốc thấp, hướng dốc đông bắc - tây nam.

Diện tích tự nhiên 21,6777 km². Dân số (năm 2009) 6.601 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Hoa, Mường, Ngái cư trú ở 17 thôn xóm: Xuân Lai, Mỏm Thượng, Mỏm Hạ, Trăng Đài, Đồng Trúc, Tân Thái, Núi Chùa, Thòng Bong, Bạch Thạch, La Đuốc, Trại, Chậu, Hải Minh, La Đao, Đèo Kê, Bờ La, Quyết Tiến. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi.

TÂN LẬP

Phường, ở khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp phường Đồng Quang, phía đông bắc giáp phường Gia Sàng, phía đông nam giáp phường Phú Xá, phía nam và tây nam giáp phường Tân Thịnh.

Phường Tân Lập được thành lập ngày 13/2/1987, trên cơ sở tách một phần diện tích và nhân khẩu từ phường Tân Thịnh. Diện tích tự nhiên 4,39 km². Dân số (năm 2009) 10.462 người, thuộc 12 thành phần dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Giáy, cư trú ở 27 tổ dân phố.

Trên địa bàn phường Tân Lập hiện có 2 cụm công nghiệp số I và số II, Công ty Kim loại mầu, một số xưởng cơ khí vừa và nhỏ, Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú của tỉnh...

TÂN LẬP

Một trong những nơi ghi dấu tội ác của đế quốc Mĩ đối với nhân dân ta. Vị trí di tích ở xóm Tân Lập thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

Ngày 20/9/1966, máy bay giặc Mĩ điên cuồng ném bom xuống giữa xóm Tân Lập, giết hại 11 người dân vô tội; trong đó có gia đình bị chết 7 người, tàn phá nhiều nhà cửa trong xóm.

Dấu tích tội ác chiến tranh của đế quốc Mĩ đối với nhân dân xóm Tân Lập là một số hố bom còn rải rác trong xóm và vỏ một quả bom treo tại nhà truyền thống của xóm.

TÂN LINH

Xã miền núi nằm ở khu vực Đông Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Phú Lạc, phía đông nam giáp xã Bản Ngoại, Tiên Hội, phía nam giáp xã Hùng Sơn, Hà Thượng, phía đông giáp xã Phục Linh và xã Phấn Mễ (huyện Phú Lương), phía đông bắc giáp xã Động Đạt (huyện Phú Lương).

Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, cuối thế kỷ XIX, vùng đất Tân Linh thuộc xã Phục Linh là một trong ba xã của tổng Cù Vân, huyện Phú Lương. Khoảng những năm 20 của thế kỷ XX, tổng Cù Vân được cắt về huyện Đại Từ. Từ năm 1946, Tân Linh nằm trong xã Cù Vân. Cuối năm 1953, Tân Linh là một làng của xã Phục Linh. Năm 2002, xã Tân Linh được tách ra từ xã Phục Linh.

Xã Tân Linh gồm 14 xóm: từ Xóm 1 đến Xóm 14. Là xã An toàn khu trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Diện tích tự nhiên là 23,44 km², dân số (năm 2009) 5.296 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Dao, Sán Chay, Nùng, Tày, Sán Dìu, Thái. Nhân dân các dân tộc xã Tân Linh chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

TÂN LONG

Phường, ở cực Bắc thành phố Thái Nguyên; phía bắc và phía đông giáp xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương), phía tây và phía nam giáp phường Quan Triều.

Diện tích tự nhiên 2,26 km², dân số (năm 2009) 6.269 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường khu vực cư trú ở 20 tổ dân phố, từ 1 đến 20. Trước đây, 70% số dân trong phường sống bằng nghề nông; nay thì ngược lại, 70% số dân sống bằng nghề kinh doanh thương mại, dịch vụ, thủ công nghiệp, 15% làm nghề nông và 15% còn lại là công nhân, viên chức.

Phường Tân Long xưa kia là xóm Tân Long thuộc xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương. Năm 1962, xóm Tân Long được chuyển giao về thành phố Thái Nguyên và đổi thành tiểu khu Tân Long, có Ban đại diện hành chính tiểu khu, trong tiểu khu có hợp tác xã nông nghiệp Tân Long. Năm 1981, tiểu khu được nâng lên thành phường Tân Long.

Tuyến Quốc lộ 3 và tuyến đường sắt Quan Triều - Núi Hồng chạy dọc từ bắc xuống nam phường. Tại trung tâm phường, sát Quốc lộ 3 có chợ Tân Long, một chợ lớn ở khu vực phía Bắc thành phố Thái Nguyên.

TÂN LONG

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Bắc huyện Đồng Hỷ; phía đông giáp xã La Hiên (huyện Võ Nhai), phía nam giáp các xã Quang Sơn, Hóa Trung, Minh Lập; phía tây giáp các xã Hòa Bình, Văn Lăng; phía bắc giáp xã Thần Sa (huyện Võ Nhai). Diện tích tự nhiên 41,15 km², dân số (năm 2009) 5.373 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Nùng, Kinh, Mông, Dao, Sán Chay, Tày, Sán Dìu và Mường.

Xã Tân Long hiện nay có 9 xóm: Ba Đình, Đồng Luông, Đồng Mây, Đồng Mẫu, Hồng Phong, Làng Giếng, Làng Mới, Lân Quang và Mỏ Ba.

Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp. Tân Long là xã nghèo, đặc biệt khó khăn, có 55% hộ nghèo. Năm 2003, tổ chức Plan đầu tư cho Trường Tiểu học Tân Long xây dựng nhà 2 tầng, với 8 phòng học; có 28 cán bộ, giáo viên và 284 học sinh, 88% học sinh là con em dân tộc ít người.

Tân Long là một trong hai xã đầu tiên của huyện Đồng Hỷ được đầu tư xây dựng Nhà văn hoá trung tâm xã, diện tích 200m², sức chứa 200 người.

TÂN LONG

Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, nói chuyện, động viên cán bộ, nhân dân Thái Nguyên đang sửa chữa đường giao thông phục vụ kháng chiến, ngày 19/3/1951. Vị trí di tích ở xóm Tân Long, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 05/QĐ-UBND, ngày 14/1/2007).

TÂN LONG

Công ty Cổ phần vật liệu và xây dựng, tiền thân là Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Bắc Thái (Xí nghiệp gạch Tân Long).

Trụ sở kinh doanh đặt tại địa phận Tổ 14 phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên. Công ty kinh doanh các ngành nghề: Sản xuất và kinh doanh gạch đất nung, các vật liệu xây dựng khác, nhận thầu xây dựng các công trình (nhà dân dụng) trường học, trạm xá và các công trình công nghiệp. Công ty có 2 cơ sở sản xuất: Cơ sở I đặt tại địa phận tổ 13, 14 phường Tân Long và Cơ sở II đặt tại địa phận xóm 8 xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Doanh thu năm 2008 đạt 1.842 triệu, tăng 1.201 triệu so với 2007; lợi nhuận tăng gấp 2 lần so với năm trước; Trong hai năm 2009 - 2010, doanh thu bình quân mỗi năm tăng 12%.

TÂN LỢI

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp thị trấn Trại Cau và xã Cây Thị; phía đông giáp xã Hợp Tiến; phía Nam, tây nam giáp 2 xã Tân Khánh, Bàn Đạt của huyện Phú Bình; phía tây giáp 2 xã Nam Hòa và Cây Thị.

Diện tích tự nhiên 20,79 km². Dân số (năm 2009) 4.622 người, thuộc 10 thành phần dân tộc: Sán Dìu, Kinh, Nùng, Dao, Ngái, Hoa, Tày, Mường, Thái và Sán Chay sinh sống ở 10 xóm: Bảo Nang, Bờ Tắc, Cầu Đá, Cầu Lưu, Đồng Lâm, Làng Chàng, Na Tiếm, Tân Lập, Tân Thành và Trại Dèo.

Năm 1948, Xưởng Quân khí Phạm Hồng Thái đến đóng ở rừng Ao Sen thuộc xóm Trại Cau. Năm 1949 - 1950, một bộ phận của cơ quan Bộ Quốc phòng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy dừng chân ở khu rừng Hố Cóc, xóm Cây Thị. Năm 1948 - 1949, Công binh xưởng chế tạo bộc phá bộc lôi đóng tại đình Bảo Nang. Đình Bảo Nang là nơi làm việc của Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam trong những năm 1949 - 1953, đã được xếp hạng di t ích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2007.

TÂN LỢI

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Dân số 5.203 người (1954) thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Dao, Trại.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhân dân Tân Lợi tự tay mình phá hoại nhà cửa, đường sá, cầu cống trên địa bàn để cản bước tiến quân thù. Nhân dân Tân Lợi tích cực động viên con, em xung phong tòng quân, đóng góp lương thực, thực phẩm và đi dân công phục vụ các chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau giảm tô (1953), xã Tân Lợi chia tách thành 3 xã: Tân Lợi, Thành Công và Tân Quang.

TÂN PHÚ

Xã, nằm ở khu vực phía Đông huyện Phổ Yên; phía đông và đông nam giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là các xã Quang Minh, Đại Thành (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), phía tây giáp 2 xã Trung Thành và Thuận Thành (huyện Phổ Yên), phía nam giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), phía bắc giáp xã Đông Cao (huyện Phổ Yên).

Xã Tân Phú được thành lập trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954) trên cơ sở tách xã Tân Tiến làm 3 xã (Tân Tiến, Tân Hương và Tân Phú). Lúc mới thành lập, xã Tân Phú có dân số 2.404

người. Sau cải cách ruộng đất (đầu năm 1955), xã có 533 hộ, gồm 2.459 nhân khẩu.

Tân Phú hiện có diện tích tự nhiên hơn 4,78 km²; dân số (năm 2009) 5.065 người (2009) thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu và Thái, cư trú ở 11 xóm: Tân Thịnh, Tiến Bộ, Thanh Vân, Hồng Vân, Bến Cả, Đồng Lâm, Phú Cốc, Lợi Bến, Trại, Tảo Địch, Hương Đình.

TÂN PHÚ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 3 xã: Đan Khê, Tức Tranh, Phú Đô của tổng Tức Tranh cũ; gồm các thôn, làng: Đồng Chùa, Đồng Hút, Đồng Lưỡng, Đồng Lươn, Đồng Mua, Tam Sơn (của xã Tức Tranh cũ), Kim Lan, Na Mụ (của xã Đan Khê cũ), Cốc Nùng, Khe Vàng, Làng Phảng, Làng Vu, Phú Đô (của xã Phú Đô cũ). Dân số toàn xã (1954) có 1.342 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Dao.

Phía bắc giáp xã Yên Lạc, phía đông giáp huyện Đồng Hỷ, phía nam giáp xã Vô Tranh, phía tây giáp xã Phấn Mễ. Xã Tân Phú thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp tương ứng với địa phận các xã Tức Tranh và Phú Đô, huyện Phú Lương ngày nay. Vùng đất phía tây xã Tân Phú là nơi đặt Viện Quân y 5 thuộc Liên khu III cứu chữa thương, bệnh binh trong những năm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1953 - 1954).

Sau giảm tô, xã Tân Phú tách thành 2 xã: Tức Tranh và Phú Đô.

TÂN PHÚ

Hợp tác xã Vận tải ô tô, được thành lập năm 1995; trụ sở đặt tại số 105/1 - Tổ 31 - Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

Địa bàn hoạt động của Hợp tác xã được mở rộng, trải dài từ miền núi phía Bắc đến các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Bình, Hà Tĩnh... Năm 2010, quy mô của Hợp tác xã được mở rộng, với 32 xe, gồm nhiều chủng loại. Ngoài ra, Hợp tác xã còn có 5 máy nâng hạ hàng hoá, cùng hơn 5.000 m² nhà xưởng; giải quyết việc làm cho gần 150 lao động.

Hợp tác xã Vận tải ô tô Tân Phú đã được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen Doanh nghiệp xuất sắc.

TÂN QUANG

Kênh mương dẫn nước từ hồ Núi Cốc, nối đoạn từ xã Lương Sơn (thành phố Thái Nguyên), đi qua xã Tân Quang (Sông Công) có chiều dài 0,2 km; đảm bảo cung cấp nước tưới cho ruộng đồng trên địa bàn xã.

TÂN QUANG

Xã, ở khu vực Đông Bắc thị xã Sông Công. Năm 1931, xã Tân Quang nằm trong tổng Niệm Cuông (Quang), huyện Đồng Hỷ. Năm 1946, nhập vào xã Bách Quang, huyện Đồng Hỷ. Cuối năm 1953, xã Bách Quang chia thành 2 xã: Tân Quang và Thành Công thuộc huyện Đồng Hỷ.

Năm 1985, thị xã Sông Công thành lập, xã Tân Quang tách khỏi huyện Đồng Hỷ, chuyển về thị xã Sông Công. Phía đông giáp thành phố Thái Nguyên, phía tây giáp xã Bá Xuyên, phía bắc giáp phường Tích Lương (thành phố Thái Nguyên), phía nam giáp xã Tân Quang thuộc thị xã Sông Công.

Địa hình bán sơn địa. Diện tích 11,065 km². Dân số (năm 2009) 10.181 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Cao Lan, Mường sinh sống ở 12 xóm: Tân Mỹ 1, Tân Mỹ 2, Bài Lài, Na Đoan, La Chưỡng, Tân Tiến, Đông Tiến, Làng Đỗ, Làng Vai, Tân Thành 1, Tân Thành 2, Tân Thành 3.

Trên địa bàn xã có Công ty Xây dựng và Thương mại Sao Mai, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Chiến, Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí Tài Việt, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thanh Minh, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Long Thúy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây lắp và thương mại Tuấn Trang, Công ty Cổ phần cơ điện ASO, v.v...

TÂN QUY

Nơi tổ chức Hội nghị trù bị cho Ngày Thương binh, liệt sĩ (27/7). Vị trí di tích ở xóm Tân Quy thuộc xã Phú Minh (nay là xã Phú Thịnh), huyện Đại Từ.

Từ năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày càng quyết liệt. Số cán bộ, chiến sĩ thương vong trong chiến tranh ngày càng nhiều, đòi hỏi sự quan tâm chăm sóc của toàn Đảng, toàn dân. Vì vậy, trong năm 1946, *Hội giúp những người bị nạn* được thành lập, do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch danh dự. Ngày 16/2/1947, Chính phủ ban

hành chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất cho thân nhân tử sĩ. Tháng 6/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày trong năm làm *Ngày Thương binh* để "*Đồng bào có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa và yêu mến thương binh*".

Thực hiện sự chỉ đạo của Bác, đầu tháng 7/1947, Ban Vận động tổ chức Ngày Thương binh toàn quốc được thành lập, gồm khoảng 20 người của các cơ quan, ban ngành Trung ương. Trong Hội nghị trù bị họp tại xã Phú Minh (Phú Thịnh ngày nay), Ban Vận động quyết định lấy ngày 27/7/1947 làm *Ngày Toàn dân giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ*, gọi tắt là *Ngày Thương binh liệt sĩ*.

TÂN THÁI

Xã miền núi ở khu vực phía Đông huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Bình Thuận, phía tây nam giáp xã Vạn Thọ, phía bắc giáp thị trấn Đại Từ và xã Hà Thượng, phía đông giáp xã Cù Vân và xã Phúc Xuân (thành phố Thái Nguyên), phía nam giáp xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên). Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, là xã An Thái, một trong 3 xã của tổng Thuận An, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Đến cuối thế kỷ XIX, đời vua Đồng Khánh (1885 - 1888), đổi là xã Yên Thái - một trong 2 xã của tổng Yên Thuận, huyện Đại Từ. Theo Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên (1929 - 1941), là làng Tân Thái thuộc tổng Yên Lãng, huyện Đại Từ. Năm 1947, Tân Thái nhập với Bình Thuận, Hùng Sơn thành xã Hùng Sơn. Năm 1953, thực hiện chủ trương của Nhà nước chia nhỏ các xã lớn, làng Tân Thái thành xã Tân Thái.

Hiện nay, xã Tân Thái gồm 10 xóm: Đồng Tiến, Yên Thái, Đồng Đảng, Sơn Đô, Thái Hoà, Dốc Đỏ, Suối Cái, Bãi Bằng, Gốc Mít, Tân Lập. Diện tích tự nhiên là 19,25 km^2; dân số (năm 2009) 3.337 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Tày, Ngái, Sán Chay, Dao, Thái, Hoa. Nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

Trên địa bàn xã Tân Thái có nhiều địa điểm di tích: Đền Bà (Đền Thác Vàng), nơi đặt Trường Trung, cao cấp của Bộ Quốc phòng, nơi Tổng bộ Việt Minh mở lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng (tháng 4 - tháng 7/1949) và khu du lịch Hồ Núi Cốc.

TÂN THÁI

Trại Kỹ thuật, được thành lập năm 1959, trực thuộc Ty Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, nằm trên địa phận xóm Tân Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Trại có nhiệm vụ nghiên cứu đưa các giống cây trồng và vật nuôi mới vào sản xuất; hướng dẫn nhân dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Trại Kỹ thuật Tân Thái là trung tâm nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên và của cả Khu Tự trị Việt Bắc.

TÂN THÀNH

Bến đò, nằm trên địa phận xóm Tân Yên, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ, được hình thành từ thời Pháp thuộc.

Trước kia, phương tiện vận chuyển chủ yếu bằng thuyền nan; sau đó chuyển sang thuyền gỗ và đến nay là thuyền sắt. Mỗi chuyến đò chở được hơn 10 người. Vào mùa mưa lũ, nước sông dâng cao và dòng nước chảy xiết, đò không thể sang sông được. Hiện nay, hệ thống đường lên xuống bến đò đã được bê tông hoá.

TÂN THÀNH

Cầu treo, được xây dựng năm 2005 tại địa phận xóm Tân Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai. Cầu dài 54 m, nhịp cầu dài 54 m; mố cầu được làm bằng bê tông cốt thép; tải trọng 1,5 tấn, chất lượng tốt.

TÂN THÀNH

Nhà thờ họ đạo, được dựng năm 2001 tại xóm Khánh Hòa, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, tổng diện tích khuôn viên là 1.000 m^2. Nhà thờ họ đạo Tân Thành là nơi sinh hoạt tôn giáo của giáo dân xã Thịnh Đức.

TÂN THÀNH

Nhà thờ họ đạo, được xây dựng năm 1952, tại xóm Khâu Giang xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ. Nhà thờ gồm 4 gian nhà xây, cột, xà gỗ, mái ngói; là nơi sinh hoạt, hành lễ thường nhật của khoảng 50 hộ giáo dân các xóm lân cận của 3 xã Phú Xuyên, Phú Lạc và Bản Ngoại.

TÂN THÀNH

Phường, ở khu vực Đông Nam thành phố Thái Nguyên. Phía nam và phía đông giáp phường Lương Sơn, phía tây giáp đường sắt Thái Nguyên

- Hà Nội và xã Tân Quang, thị xã Sông Công, phía bắc giáp phường Trung Thành. Phần đất của phường Tân Thành thời trước thuộc 2 xã Thượng Đình và Hương Sơn (huyện Phú Bình). Năm 1962, các xóm: Nhân Thịnh, Ngọc Tâm của xã Thượng Đình; các xóm: Ngân, Na Hoàng, Tiến Bộ, Phú Thái, Lương Thịnh, Tân Trung của xã Lương Sơn được chuyển về thành phố Thái Nguyên và lập thành tiểu khu Lương Thành; năm 1981, đổi thành phường Tân Thành.

Diện tích tự nhiên 2,29 km². Dân số (năm 2009) 4.482 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Mường, Khơ Me cư trú ở 16 tổ dân phố. Nguồn sống chính của nhân dân trong phường là kinh doanh thương mại, dịch vụ, lao động tự do (chiếm khoảng 75%), còn lại là từ sản xuất nông nghiệp và công nhân, viên chức.

Trên địa bàn phường có Xí nghiệp Luyện kim mầu, một số cơ sở sản xuất cơ khí, chợ Vó Ngựa.

TÂN THÀNH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Đông huyện Phú Bình; phía đông giáp huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), phía tây giáp xã Tân Kim, phía nam giáp xã Tân Hòa, phía bắc giáp xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ). Địa hình xã Tân Thành dốc từ bắc xuống nam, độ chênh cao trung bình từ 1,5 - 2m/1km, toàn xã bị chia cắt bởi đồi núi, ao, hồ, đập xen kẽ là những dải ruộng, đồi núi chiếm 2/3 diện tích.

Diện tích tự nhiên 2.871,33 ha. Dân số (năm 2009) 4.793 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Hoa cư trú ở 12 xóm: Vo, Đồng Bốn, Hoà Lâm, Hà Châu, Suối Lửa, La Lẻ, Non Chanh, Bầu Ngoài, Bầu Trong, Na Bì, Cầu Muối, Tân Yên. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Xã Tân Thành có đình - chùa Cầu Muối là di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh năm 2005.

TÂN THÀNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở đổi làng Quân Chu thuộc tổng Ký Phú thành xã Tân Thành. Dân số (1954) có 360 người thuộc 2 thành phần dân tộc: Kinh và Dao.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Tân Thành nằm trong vùng ATK, nơi có con suối Đát Ngao nằm dưới chân núi Tam Đảo là nơi đặt Sở chỉ huy chiến dịch Trần Hưng Đạo (Trung Du) do Đại tướng Võ Nguyên Giáp là chỉ huy trưởng (cuối năm 1950 đầu 1951).

Sau giảm tô (1953), xã Tân Thành vẫn giữ nguyên tên cũ; sau đổi tên là xã Quân Chu.

TÂN THỊNH

Xã miền núi ở vùng Đông Bắc huyện Định Hóa; phía đông bắc và phía đông lần lượt giáp các xã Thanh Mai, Nông Thịnh, Nông Hạ, Thanh Bình và Yên Đĩnh (huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn); phía tây bắc giáp xã Lam Vỹ, phía tây giáp xã Kim Phượng, phía tây nam giáp xã Tân Dương, phía nam giáp xã Yên Ninh (huyện Phú Lương).

Diện tích tự nhiên 59,72 km². Dân số (năm 2009) 4.046 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Sán Chay, Tày, Kinh, Dao, Nùng, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 22 xóm: Khuổi Lừa, Nà Chúa, Làng Dạ, Là Lèo, Làng Lải, Làng Quàn, Làng Đúc, Làng Ngoã, Thịnh Mĩ 1, Thịnh Mĩ 2, Thịnh Mĩ 3, Thâm Yên, Khau Lang, Pác Cập, Bản Pán, Bản Màn, Đồng Khiếu, Đồng Tốc, Đồng Vang, Đồng Muồng, Hát Mấy, Đồng Đình.

TÂN THỊNH

Phường ở khu vực trung tâm về mặt địa lí của thành phố Thái Nguyên. Phía đông giáp phường Đồng Quang, phía đông bắc giáp phường Quang Trung, phía đông nam giáp phường Tân Lập, phía tây bắc giáp xã Quyết Thắng, phía tây nam giáp phường Thịnh Đán.

Phường Tân Thịnh thành lập ngày 8/4/1985 trên cơ sở tách 7 xóm: Na Ranh, Lăng Cả, Tân Dược, Hồng Phong, Phú Tiến, Phúc Thái, Tân Lập ra khỏi xã Thịnh Đán. Ngày 13/2/1987, phường Tân Thịnh chia thành 2 phường Tân Thịnh và Tân Lập. Ngày 9/1/2004, thành lập phường Thịnh Đán, phường Tân Thịnh đã chuyển giao cho phường Thịnh Đán 466,95 ha diện tích tự nhiên và 7.866 nhân khẩu. Đến tháng 12/2010, diện tích tự nhiên 3,6 km². Dân số (năm 2009) 13.568 người, thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Giáy cư trú ở 42 tổ dân phố. Nguồn sống chính của nhân dân

trong phường: 45% kinh doanh thương mại, 30% làm nông nghiệp, 15% công nhân, viên chức, 10% lao động tự do.

Trên địa bàn phường có Trường Đại học Công nghệ - Thông tin, Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải, Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thái Nguyên.

TÂN TIẾN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946, gồm các làng Tiểu Lễ, Đông Cao, Vân Phú, Tảo Địch, Tử Thù thuộc tổng Tiểu Lễ (nay là địa bàn các xã Tân Hương, Đông Cao, Tân Phú). Phía đông bắc giáp xã Tiên Phong, phía đông nam và phía nam giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là các xã Hòa Sơn, Quang Minh, Đại Thành ngày nay của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), phía tây giáp 2 xã Đồng Tiến (nay là phường Đồng Tiến) và Trung Thành (nay là các xã Trung Thành, Thuận Thành), phía bắc giáp xã Đồng Tiến (nay là phường Đồng Tiến). Toàn xã có diện tích tự nhiên 20,35 km²; dân số (1954) có 8.749 người.

Sau giảm tô (1953), xã Tân Tiến tách thành 3 xã: Tân Hương, Tân Phú và Tân Tiến.

TÂN YÊN

Bến đò, nằm trên địa phận xóm Tân Yên, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ, được hình thành vào khoảng năm 1912. Ngày nay, tại bến đò, người dân địa phương đã tự làm một chiếc cầu tạm, được lát bằng những tấm ván cho người và xe thô sơ qua lại.

TẤN CHU VĂN (Tân Hồng)

Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, sinh năm 1910, dân tộc Nùng, quê xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai; tham gia cách mạng năm 1934, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1937.

Tháng 2/1941, Xứ ủy viên Bắc Kỳ, tham gia chỉ huy Đội Du kích Bắc Sơn (sau đó là Đội Cứu Quốc quân 1). Tháng 9/1941 là Trung đội trưởng Cứu Quốc quân 2. Năm 1944, Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám. Sau Cách mạng tháng 8/1945, là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau là phái viên của

Chính phủ đi kiểm tra Khu 4. Năm 1946 là Khu trưởng Khu 4, Chiến khu 1, Bí thư Khu ủy.

Từ 1949 đến 1954 là Khu trưởng, Bí thu Khu ủy Liên khu Việt Bắc, Chánh án Toà án Quân sự, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu Việt Bắc.

Từ 1954 đến 1975, là Tư lệnh kiêm Chính ủy, Bí thư Khu ủy Việt Bắc, Bí thư Quân khu ủy Quân khu Việt Bắc, Chủ tịch Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II, III. Đại biểu Quốc hội từ khoá II đến khoá IV, Phó Chủ tịch Quốc hội khoá III, khoá IV, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất.*

TẬP NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1927, dân tộc Kinh, quê xã Liên Bảo, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; trú quán tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên. Mẹ Nguyễn Thị Tập có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Mạnh Hà (nhập ngũ năm 1974, hi sinh ngày 27/3/1975 ở mặt trận miền Đông Nam Bộ).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định tặng mẹ Nguyễn Thị Tập danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TẦU

Cầu, được xây dựng năm 1988 tại bến phà Điệp thuộc xóm Thắng Lợi và Phúc Lâm (xã Tiên Hội), huyện Đại Từ. Đến năm 1992 thì hoàn thành và đưa vào sử dụng.

TÂY

Cầu, được xây dựng tại Km 141+734 - Quốc lộ 37, thuộc địa phận xóm Định, xã Cù Vân, huyện Đại Từ.

Cầu dài 6 m, rộng 8 m; chiều rộng cho xe chạy 7,5 m, kết cấu nhịp bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân bê tông.

TÂY PHÚC

Chùa, tên chữ là Tây Phúc tự, còn gọi là chùa Vân Trai, được dựng khoảng thế kỷ XVIII trên một khu đất rộng gần làng Vân Trai thuộc tổng Tiểu Lễ, nay thuộc xã Tân Phú, huyện Phổ Yên.

Chùa Tây Phúc thờ Phật, thờ Mẫu theo tín ngưỡng tâm linh của người Việt. Chùa đã tu sửa nhiều lần, nhưng vẫn giữ được kiểu kiến trúc cổ điển, mang tính nghệ thuật cao. Trong chùa còn giữ được nhiều di vật cổ như bia đá, hoành phi, câu đối, tượng Phật, 2 câu đối cổ (chữ Hán): *Nhất mục giang sơn vô quang cảnh / Thập phương thế giới đẳng du quan* và *Tự cổ danh lam Tây Phúc tự / Thiên kim tư thắng cảnh Vân thôn*. Chùa Tây Phúc đã được xếp hạng di tích lịch sử nghệ thuật cấp Tỉnh tháng 7/2004.

TẾO NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, dân tộc Kinh, nguyên quán xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; thường trú tại xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Mẹ Nguyễn Thị Tẽo có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Xuân Ước (nhập ngũ tháng 8/1968, hi sinh ngày 25/12/1972 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 25/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Tẽo danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THÁC DÀI

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Xóm Thác Dài thành lập năm 1975, nằm ở khu vực phía đông xã Tức Tranh, cách trung tâm xã 2 km, có diện tích tự nhiên 41,17 ha, địa hình đồi núi thấp, khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp với cây chè.

Xóm có 58 hộ, 265 nhân khẩu, 170 lao động; trong đó có 56 hộ (96,5%), 138 lao động (81,1%) làm nghề chè. Diện tích trồng chè và trồng chè xen cây ăn quả là 35ha. Chè ở Thác Dài cơ bản là những giống chè mới đặc sản cho năng suất, chất lượng cao. Việc trồng, chăm bón, chế biến chè tuân thủ các quy định, công nghệ mới để làm ra sản phẩm chè an toàn.

Năm 2008, Thác Dài đạt sản lượng chè búp tươi 210 tấn, tương ứng với 42 tấn chè búp khô, doanh thu 1.176 triệu đồng.

Năm 2008, xóm Thác Dài được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

THÁC LỞ

Cầu, được xây dựng lần đầu vào những năm 1917 - 1918, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua sông Đu, nối thông Quốc lộ số 3. Thực hiện tiêu thổ kháng chiến, năm 1947 ta đã phá hủy cây cầu (chỉ còn lại trụ móng). Năm 1950, trên cơ sở các trụ móng cầu cũ, bộ đội ta đã khôi phục lại cầu để thông đường vận chuyển vũ khí, lương thực phục vụ chiến dịch Biên Giới. Năm 1967, bộ đội tình nguyện Trung Quốc giúp xây dựng lại cầu Thác Lở. Năm này, máy bay giặc Mĩ đã ném bom ác liệt cây cầu.

Cầu Thác Lở hiện nay được xây mới thuộc tiểu khu Thác Lở, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, kết cấu bê tông cốt thép, dài 21 m, rộng 6 m, hai bên có lan can cho người đi bộ.

THÁC LỞ

Đình, được dựng từ xa xưa trên khu đất ở vị trí trung tâm xóm Thác Lở, xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên); là nơi thờ vị anh hùng dân tộc Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Ngôi đình được kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, gồm 6 gian, trong cùng là hậu cung rộng 4 m, dài 5 m. Cột đình bằng gỗ, mái lợp ngói vẩy cá. Năm 1943, đình bị cháy. Sau đó, nhân dân địa phương dựng lại đình hai lần. Lần thứ nhất làm lại, lợp bằng tranh; lần thứ hai, mái đình được lợp ngói. Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, ngôi đình bị phá dỡ.

Dấu tích ngôi đình hiện nay là bệ bục của hậu cung; cửa hậu cung khắc chữ Hán, mặt trong là chữ *Đông*, mặt ngoài là chữ *Yên*.

THÁC NHÁI

Bến đò, nằm trên địa phận xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Thời thuộc Pháp, tại đây đã có cây cầu treo. Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, cầu treo bị ta phá hủy trong dịp tiêu thổ kháng chiến, việc đi lại vận chuyển qua sông đều phải dùng thuyền,

mảng qua bến Nhái. Từ năm 2007, cầu Nhái được xây dựng kiên cố, hiện đại, đảm bảo giao thông thông suốt. Việc giao lưu hàng hóa của đồng bào hai bên bờ sông tại bến đò Thác Nhái giảm hẳn.

THÁC NHÁI

Cầu, được xây dựng năm 2007, bắc qua sông Công, nối xã Đắc Sơn và xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Cầu bằng bê tông cốt thép, dài 104m, rộng 7 m, I.13, các phương tiện giao thông qua lại dễ dàng.

THÁC NHÁI

Đồn điền của chủ người Pháp (Jaillon) gồm một số ruộng đất thuộc tổng Hoàng Đàm (nay thuộc xã Đắc Sơn) huyện Phổ Yên. Đồn điền đóng trụ sở gần Bến Nhái (thác Nhái) bên sông Công. Diện tích khoảng 300 ha vừa là ruộng cấy lúa, vừa là đồi gò trồng trầu, cà phê và chăn nuôi bò, cừu...

Tá điền làm thuê cho đồn điền là những người nông dân địa phương bị chiếm đoạt mất ruộng hoặc những nông dân nghèo khó, không có ruộng đất từ các tỉnh miền xuôi như Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình lên.

Phương thức bóc lột của chủ điền là vừa cho phát canh thu tô nặng (tới 40 - 50%) hoa lợi, vừa cho vay nặng lãi. Sản phẩm thu được (gạo, trầu, cà phê..) chủ đồn điền cho đóng bao, dùng xe bò, xe ngựa chở lên Thái Nguyên hoặc mang về Hà Nội tiêu thụ.

THÁC THẢN

Đền, có từ thế kỷ XII, thuộc xóm Gốc Vối, xã Cao Ngạn (nay thuộc xóm Việt Cường, xã Hoá Thượng), huyện Đồng Hỷ; là nơi thờ vọng ông Nông Văn Thản - một tuỳ tướng của Dương Tự Minh. Đền cấu trúc theo kiểu chữ "ĐINH", gồm 3 gian tiền tế và 1 gian hậu cung; mái lợp ngói, nền lát gạch men; đã qua nhiều lần tu sửa. Mặt đền quay về hướng Tây Bắc. Phía trước đền là sông Cầu.

Theo truyền thuyết, ông Nông Văn Thản cùng quân lính sau một lần đánh thắng giặc Tống đã bơi thuyền trên dòng sông Cầu. Khi về tới khu vực này thì gặp trận mưa to gió lớn. Một cơn sóng dữ đã nhấn chìm chiếc thuyền của ông. Mấy hôm sau, thi thể của ông trôi dạt vào bờ, được nhân

dân địa phương vớt lên và lập đền thờ. Từ đó, nơi này có tên là Thác Thản và ngôi đền cũng mang tên đền Thác Thản.

Hằng năm, lễ hội đền Thác Thản được tổ chức vào tháng 1 và tháng 7 âm lịch.

THÁC VỊT

Đền, có từ lâu đời, trước đây gọi là đền Làng Vàng, nằm bên bờ sông Cầu, thuộc địa phận xóm Làng Vàng, xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên.

Đền là nơi thờ Lý Chiêu Hoàng - vị vua cuối cùng của triều nhà Lý. Đền xưa gồm 3 gian (có 1 gian trong, gọi là hậu cung); cột gỗ lim kê trên các hòn đá hình tròn có đường kính 40 cm; tường xây bằng gạch vồ, mái lợp ngói vẩy, giữa mỗi viên ngói có in hình lá đề. Lễ hội trong năm tổ chức hai kì vào đầu mùa xuân và mùa thu.

Năm 1947, đền Thác Vịt bị phá dỡ. Năm 1996, một gia đình người địa phương đã xây dựng một gian bằng gạch, lợp ngói xi măng, có bệ đặt bát hương tại khu vực đền để thắp hương thờ cúng.

Dấu tích đền Thác Vịt hiện còn lưu lại là nền đất dài 8m, rộng 5m và một số gạch vồ, ngói mái.

THÁI DƯƠNG HỒNG

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; Trưởng bộ môn Nội Tiêu hoá - Tiết niệu - Huyết học Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Từ năm 1984 đến năm 1994, ông là giảng viên bộ môn Nội Trường Đại học Y Bắc Thái; Bác sĩ điều trị Khoa Nội Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; trong những năm 1994 - 2001, làm nghiên cứu sinh tại Học viện Quân y; từ năm 2002, tham gia giảng dạy bộ môn Nội tại Trường Đại học Y Thái Nguyên; Bác sĩ điều trị, Phó Trưởng khoa Nội, Bác sĩ Nội soi Khoa Thăm dò chức năng; Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Bác sĩ Dương Hồng Thái có 6 năm là *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở, được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

THÁI LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1942, quê xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên.

Mẹ Lê Thị Thái có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Xuân Thành (nhập ngũ năm 1979, hi sinh ngày 29/12/1981 tại chiến trường Campuchia).

Ngày 24/4/1995, mẹ Lê Thị Thái đã được Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THÁI AN DƯƠNG

Công ty Cổ phần; trụ sở đặt tại Tổ 8 - Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Công ty Cổ phần thương mại Thái An Dương hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực: Dịch vụ chuyên chở hành khách bằng phương tiện taxi.

THÁI LẠC

Đình, được dựng ở xóm Phố, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ; gồm 5 gian và hậu cung, cột gỗ lim, mái lợp cỏ gianh. Năm 1937, mái đình được thay bằng ngói đỏ. Đình là nơi thờ Hùng Huệ Vương, Đức thánh Trần Hưng Đạo, Phò mã lang Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình Thái Lạc bị phá dỡ năm 1947 theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Hiện còn sân đình, nền đình và hậu cung với 2 câu đối bằng chữ Hán ở 4 bên cột. Sân đình thời xưa, nay đã được dùng để xây dựng trụ sở phố Sơn Tập. Hậu cung mới được tôn tạo lại, dài 6m, rộng 4m.

THÁI NGUYÊN

Châu, đơn vị hành chính thời nhà Trần, năm Thiên ứng chính Bình thứ 11 (1242), Trần Thái Tôn nhập 24 lộ thời Lý thành 12 lộ (theo sách *An Nam chí lược* của Lê Trắc (thời Trần) lại ghi danh 15 lộ). Lộ chia thành các phủ (ở đồng bằng), châu (ở miền núi); lúc này Thái Nguyên là một châu thuộc Như Nguyệt giang lộ.

THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần In, trụ sở đặt tại tổ 23, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Tiền thân là Xí nghiệp Công tư hợp doanh In Thái Nguyên thành lập tháng 2/1960 trên cơ sở sáp nhập các cơ sở in tư nhân Hà Đình Tiến,

An và Viễn ở thị xã Thái Nguyên; sau đó chuyển thành Quốc doanh In Thái Nguyên. Năm 1965, Quốc doanh In Thái Nguyên sáp nhập với Quốc doanh In Bắc Kạn thành Quốc doanh In Bắc Thái; năm 1973, đổi thành Nhà in Bắc Thái. Năm 1977, Khu Tự trị Việt Bắc giải thể, Nhà in Bắc Thái tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất và nhân lực của Nhà in Khu Tự trị Việt Bắc.

Ngày 2/3/1993, trên cơ sở Nhà in Bắc Thái, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ra Quyết định số 119/UB-QĐ thành lập doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp In Bắc Thái. Năm 2003, Xí nghiệp In Bắc Thái đổi thành Công ty In Thái Nguyên. Từ ngày 1/10/2005, Công ty In Thái Nguyên chuyển thành Công ty Cổ phần In Thái Nguyên. Công ty kinh doanh các ngành nghề in sách, báo, tài liệu (in tổng hợp); buôn bán vật tư, thiết bị ngành in.

THÁI NGUYÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến nông sản chè, hoạt động từ ngày 1/10/2003. Trụ sở đặt tại xóm Đồng Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Công ty kinh doanh trên các lĩnh vực: Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu chè. Sản phẩm xuất khẩu gồm có chè xanh, chè đen. Thị trường xuất khẩu gồm các nước: Trung Quốc, Pakistan, Hà Lan, Hồng Công, Afganistan, Iran, Russian...

THÁI NGUYÊN

Khách sạn, đặt tại số 2 - Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Khách sạn Thái Nguyên có 80 phòng nghỉ, đạt tiêu chuẩn 2 sao.

THÁI NGUYÊN

Khởi nghĩa của binh lính người Việt trong quân đội Pháp năm 1917. Đêm 30/8/1917, 175 hạ sĩ quan, binh sĩ trong đơn vị lính khố xanh đóng ở tỉnh lị Thái Nguyên dưới sự chỉ huy của Đội Cấn đã nổi dậy khởi nghĩa. Nghĩa quân nhanh chóng đánh chiếm các vị trí trọng yếu, giải phóng tù nhân, làm chủ tỉnh lị. Ngày 31/8, Quân khởi nghĩa tuyên bố thành lập Quang Phục quân, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng, định Quốc kì nền vàng, 5 ngôi sao đỏ...kêu gọi nhân dân ứng nghĩa; đồng thời khẩn trương xây dựng công sự chiến đấu trong tỉnh lị, lập nhiều tuyến phòng thủ ở

ngoại vi chặn đánh quân tiếp viện. Qua 5 ngày đêm chiến đấu kiên cường, do lực lượng quá chênh lệch, quân khởi nghĩa buộc phải rút khỏi tỉnh lị lui về vùng rừng núi thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Sơn Tây, Bắc Giang tiếp tục chiến đấu.. Trận huyết chiến tại núi Pháo (huyện Đại Từ) ngày 10/1/1918 là kết thúc bi hùng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. Đây là cuộc khởi nghĩa chống Pháp lớn nhất nổ ra ở Việt Nam trong thời kỳ Đại chiến thế giới thứ nhất.

THÁI NGUYÊN

Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân (tháng 3 - 8/1945)

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trước tiên tại huyện Võ Nhai (21/3), tiếp đó là Định Hoá (26/3), Đại Từ (30/3). Từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 7/1945, nhân dân các địa phương trong tỉnh sát cánh cùng Cứu quốc quân, Việt Nam Giải phóng quân và tự vệ liên tục chặn đánh quân Nhật càn quét vào vùng giải phóng.

Từ 7 giờ 30 phút đến 16 giờ ngày 20/8, diễn ra trận chiến đấu quyết liệt giữa lực lượng cách mạng và quân Nhật tại tỉnh lị. Buổi chiều cùng ngày, trong khi Quân Giải phóng tiếp tục bao vây tấn công quân Nhật, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại sân vận động Thái Nguyên. Trước đông đảo các tầng lớp nhân dân dự mít tinh, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố xoá bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên do ông Lê Trung Đình làm Chủ tịch. Khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Thái Nguyên thắng lợi.

THÁI NGUYÊN

Nhà thờ xứ đạo, được xây dựng năm 1906, trên khu đất rộng, nay thuộc phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Nhà thờ có diện tích 560 m²; nếu tính cả khu đất của Hội Thừa sai Pari (gọi tắt là MEP) rộng 7.933 m² nằm bên cạnh nhà thờ lúc đó, thì tổng diện tích là 8.493m² (theo bản đồ địa chính của Nhà nước bảo hộ Pháp lập năm 1924). Phía trước nhà thờ là đường dân sinh nhỏ dài 100m, mang tên Adran.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhà thờ bị phá dỡ; năm 1957, được xây dựng lại trên nền cũ. Ngày 8/4/1991, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ban hành Quyết định số 90/UB-QĐ về việc cấp đất hợp thức cho nhà thờ xứ Thái Nguyên gồm 2 khu vực: Khu nội tự có diện tích 13.276 m² trên khu vực đất bằng, ao, ruộng nước quanh nhà thờ; khu tượng đài Ki tô vương có diện tích 117 m².

Nhà thờ xứ Thái Nguyên được tu bổ nhiều lần; lần gần nhất vào đầu thế kỷ XXI. Nhà thờ có tháp chuông cao trên 20 m. Trong nhà thờ còn một quả chuông, bộ tranh 11 nơi thương khó... cùng với nhiều tranh, tượng thờ khác.

Trước đây, nhà thờ xứ Thái Nguyên là nơi sinh hoạt, hành lễ của 11 họ lẻ trong khu vực. Hiện nay, nhiều họ lẻ đã xây dựng được nhà thờ riêng nên chỉ những ngày lễ trọng, giáo dân các họ lẻ mới đến hành lễ tại nhà thờ chánh xứ.

THÁI NGUYÊN

Phủ, đơn vị hành chính triều vua Hồ Hán Thương (1401 - 1407). Hồ Hán Thương lên ngôi đặt 2 niên hiệu Thiệu Thành (1401 - 1402), Khai Đại (1403 - 1407). Năm Khai Đại thứ 2 đời nhà Hồ (1404), trấn Thái Nguyên đổi thành phủ Thái Nguyên. Theo sách *Đại Việt địa dư toàn biên* của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu thì phủ Thái Nguyên (cách phủ Giao Châu 450 dặm về phía Bắc), gồm toàn bộ phần đất Thái Nguyên, Bắc Kạn, một phần Cao Bằng, Lạng Sơn ngày nay, với các huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỉ, Vĩnh Thông, Tuyên Hóa, Lộng Thạch, Đại Từ, An Định, Cảm Hóa, Thái Nguyên. Tuy nhiên, theo sách *Hoàng Minh thực lục*, đến 1407, Thái Nguyên vẫn gọi là châu. Năm Vĩnh Lạc thứ 6 (1408), đổi thành phủ Thái Nguyên, gồm 11 huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỉ, Vĩnh Thông, Tuyên Hóa, Lộng Thạch, Đại Từ, Yên Định, Cảm Hóa, Thái Nguyên.

THÁI NGUYÊN

Thừa Chính ti, đơn vị hành chính cuối thời kỳ nhà Minh đô hộ nước ta. Dưới thời đô hộ của nhà Minh, Năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419), huyện Tư Nông nhập vào huyện An Định, huyện Động Hỉ nhập vào huyện Phú Lương, huyện Đại Từ nhập vào huyện Tuyên Hóa. Đến năm

Tuyên Đức thứ 1 (1426), phủ Thái Nguyên đổi là Thái Nguyên Thừa Chính ty với 3 phủ là Thái Nguyên, Phú Bình và Thông Hóa.

THÁI NGUYÊN

Thành phố tỉnh lị của tỉnh Thái Nguyên, thành lập năm 1962. Tính đến năm 2010, diện tích Thành phố 186,31 km²; dân số (năm 2009) 277.671 người, thuộc thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu...; phía bắc giáp huyện Đồng Hỷ và Phú Lương, phía đông và đông nam giáp huyện Phú Bình, phía tây giáp huyện Đại Từ và huyện Phổ Yên, phía nam và tây nam giáp thị xã Sông Công.

Trong tiến trình lịch sử, thành phố Thái Nguyên luôn luôn biến động. Năm 1831, nhà Nguyễn điều chỉnh lại địa giới hành chính, cắt huyện Thiên Phúc (vùng đất huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày nay) về tỉnh Bắc Ninh. Thủ phủ của trấn Thái Nguyên được chuyển từ xã Bình Kỳ, huyện Thiên Phúc về xã Đồng Mỗ, thuộc huyện Đồng Hỷ (nay là một phần đất thuộc các phường Trưng Vương và Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên). Tỉnh thành đất bằng phẳng, rộng rãi, đường thủy, đường bộ giao thông đều thuận tiện. Chu vi thành tỉnh dài 345 trượng (khoảng 1.145,4 m), cao 9 thước (khoảng 2,88 m), mở 4 cửa, hào rộng 3 trượng (khoảng 9,96 m), sâu 5 thước (khoảng 1,6 m). Tường thành đắp bằng đất, đến năm Tự Đức thứ 2 (1849) được xây bằng gạch. Từ năm 1884 đến đầu thế kỷ XX, cùng với việc tăng cường bộ máy đàn áp, tỉnh thành Thái Nguyên được mở rộng, phát triển dần về phía tây nam, bao gồm phần đất có diện tích tương ứng với phường Trưng Vương, một phần các phường Túc Duyên, Hoàng Văn Thụ và Phan Đình Phùng ngày nay.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, thị xã Thái Nguyên được thành lập và là tỉnh lị tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1956, Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập, thị xã Thái Nguyên vừa là tỉnh lị tỉnh Thái Nguyên, vừa là Thủ phủ Khu Tự trị. Theo Quyết định số 114/CP ngày 19/10/1962 của Thủ tướng Chính phủ, thị xã Thái Nguyên được nâng cấp thành thành phố Thái Nguyên, thuộc tỉnh Thái Nguyên, với tổng diện tích tự nhiên gần 100 km² và dân số khoảng 60.000 người.

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 103 sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn thành tỉnh Bắc Thái. Các cơ quan Đảng, chính quyền... của tỉnh Bắc Thái chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/7/1965. Ngày 2/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 102/HĐBT chuyển huyện Đồng Hỷ sang phía đông bắc sông Cầu; thành phố Thái Nguyên tiếp nhận thêm 7 xã phía tây, tây bắc của huyện Đồng Hỷ, đồng thời cắt xã Đồng Bẩm và 2 phường Chiến Thắng, Núi Voi về huyện Đồng Hỷ. Ngày 8/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 109/HĐBT, thành lập phường Tân Thịnh và giải thể 3 xã Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng để thành lập 3 phường Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng. Theo Quyết định số 25/HĐBT ngày 13/2/1987 của Hội đồng Bộ trưởng, các xã Túc Duyên, Quang Vinh đổi thành phường Túc Duyên, Quang Vinh; phường Tân Thịnh được chia thành 2 phường Tân Thịnh và Tân Lập. Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ, phường Đồng Quang tách thành 2 phường Đồng Quang và Quang Trung. Thực hiện Quyết định ngày 6/11/1996 của Quốc hội khóa IX, chính thức từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên là tỉnh lị Thái Nguyên. Theo Quyết định số 14/2004/NĐ-CP, ngày 1/9/2004 của Chính phủ, xã Thịnh Đán được tách thành phường Thịnh Đán và xã Quyết Thắng.

Ngày 31/7/2008, Chính phủ ra Nghị định số 84/2008-CP về điều chỉnh địa giới huyện Đồng Hỷ để mở rộng thành phố Thái Nguyên, bàn giao 2 xã Cao Ngạn và Đồng Bẩm về thành phố Thái Nguyên.

Như vậy, sau 49 năm thành lập thành phố Thái Nguyên, đến năm 2010, sau nhiều lần điều chỉnh, chuyển đổi, thành phố Thái Nguyên có 28 đơn vị hành chính trực thuộc, trong đó có 9 xã và 19 phường.

Thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh, là một trong những trung tâm, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật, y tế, du lịch, dịch vụ của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du miền núi phía Bắc.

THÁI NGUYÊN

Thừa tuyên, đơn vị hành chính triều vua Lê Thánh Tông (Lê Thánh Tông lên ngôi năm 1460, ở ngôi 38 năm. Năm Quang Thuận thứ 7

(1466), vua Lê Thánh Tông định lại bản đồ, chia cả nước thành 12 đạo thừa tuyên. Thái Nguyên là một trong 12 đạo thừa tuyên đó. Trong mỗi đạo đặt 3 chức: Thừa chính, Tham chính, Tham nghị.

THÁI NGUYÊN

Thừa tuyên, đơn vị hành chính triều vua Lê Thánh Tông. Năm Hồng Đức thứ 4 (1473), Thừa tuyên Ninh Sóc đổi là thừa tuyên xứ (xứ) Thái Nguyên.

Năm 1677, triều đình Lê - Trịnh tiêu diệt nhà Mạc tại Cao Bằng, đặt Cao Bằng thành một phủ riêng. Thừa tuyên xứ Thái Nguyên lúc này chỉ còn 2 phủ Phú Bình và Thông Hóa, bao gồm phần đất tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và một phần tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay.

Vào thời Lê, một số xã khu vực phía Nam huyệnPhổ Yên thuộc huyện Thiên Phúc (1861 đổi thành Đa Phúc), phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc. Một số xã phía nam huyện Tư Nông (huyện Phú Bình ngày nay), thuộc huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc.

THÁI NGUYÊN

Tiểu quân khu, đơn vị hành chính theo chế độ quân quản do Pháp lập ra từ tháng 9/1891 đến tháng 10/1892.

Sau khi đánh chiếm và bình định Thái Nguyên, thực dân Pháp tiến hành nhiều đợt chia cắt tỉnh. Năm 1890, cắt huyện Bình Xuyên thuộc phủ Phú Bình sang đạo Vĩnh Yên. Năm 1891, cắt phần đất phía đông huyện Võ Nhai để thành lập châu Vũ Lễ, (nay là huyện Bắc Sơn) của tỉnh Lạng Sơn.

Năm 1891, phần đất còn lại của 2 phủ Phú Bình và Tòng Hóa được lập thành Tiểu quân khu Thái Nguyên, là một trong 3 tiểu quân khu thuộc Đạo quan binh số 1 Phả Lại. Cũng trong năm này, thực dân Pháp tách châu Bạch Thông khỏi tỉnh Thái Nguyên nhập với Lạng Sơn để thành lập Tiểu quân khu Lạng Sơn. Từ tháng 9/1891 đến tháng 10/1892, tỉnh dân sự Thái Nguyên không tồn tại. Các phủ, huyện, châu của tỉnh này được chia về các tiểu quân khu, đặt dưới sự cai quản của chính quyền quân sự.

THÁI NGUYÊN

Tỉnh, đơn vị hành chính thời vua Minh Mạng. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên tồn tại đến

tháng 9/1891. Các châu, huyện, phủ trong tỉnh Thái Nguyên thời kỳ này cũng có nhiều thay đổi. Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), châu Định và 3 huyện Văn Lãng, Đại Từ, Phú Lương tách khỏi phủ Phú Bình để lập phủ Tòng Hóa. Phủ Phú Bình còn lại 5 huyện: Tư Nông (nay là Phú Bình), Phổ Yên, Đồng Hỷ, Vũ Nhai, Bình Tuyền (nay là huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc). Phủ Thông Hóa có huyện Cảm Hóa và châu Bạch Thông.

THÁI NGUYÊN

Tỉnh, đơn vị hành chính được lập lại từ tháng 10/1892, gồm phần đất phủ Phú Bình, phủ Tòng Hóa và phủ Thông Hóa. Đơn vị hành chính tỉnh Thái Nguyên tồn tại đến năm 1965. Trong thời kỳ này, địa giới của tỉnh có nhiều thay đổi. Ngày 12/6/1894, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định đưa các châu Cảm Hóa và Chợ Mới (được tách ra từ châu Bạch Thông) vào Tiểu quân khu Cao Bằng thuộc Đạo Quan binh số 2, đồng thời tổ chức một đơn vị là Tiểu Quân khu Cai Kinh gồm 13 tổng; trong đó có 5 tổng tách từ Thái Nguyên sang.

Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập tỉnh Bắc Cạn, bao gồm toàn bộ phủ Thông Hóa của tỉnh Thái Nguyên. Dân số tỉnh Thái Nguyên vào thời điểm tháng 1/1901 có 30.022 người. Tiếp đó, để mở rộng địa giới tỉnh Bắc Cạn, ngày 25/6/1901, chính quyền bảo hộ Pháp cắt tổng Yên Đĩnh khỏi huyện Phú Lương, sáp nhập về châu Bạch Thông. Năm 1913, Pháp cắt tiếp tổng Nghĩa Tá khỏi châu Định Hóa nhập về huyện Chợ Đồn; cắt 2 xã Phúc Lâm, Tự Lập khỏi tổng Định Biên Thượng, châu Định Hóa sáp nhập về huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 1/8/1922, huyện Văn Lãng nhập vào huyện Đại Từ.

THÁI NGUYÊN

Tỉnh, đơn vị hành chính được lập lại ngày 1/1/1997 trên cơ sở tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh: Thái Nguyên và Bắc Kạn; có địa giới như trước khi hợp nhất (1965). Tỉnh Thái Nguyên có 1 thành phố (Thái Nguyên), 1 thị xã (Sông Công) và 7 huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa. Dân số toàn tỉnh vào thời điểm này có 1.049.000 người; năm 2009 tăng lên 1.123.112 người, gồm 34 thành phần dân tộc, trong đó 9 thành phần dân tộc có số dân trên 1.000 người là: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Mông, Hoa, Mường.

Là tỉnh miền núi, những khu rừng đại ngàn của tỉnh Thái Nguyên trước đây có nhiều loại gỗ quý thuộc hàng tứ thiết (đinh, lim, sến, táu...), các loài thú quý hiếm (hổ, báo, gấu, hươu, nai...), các loại dược liệu, thực phẩm (mật ong, mộc nhĩ, nấm hương). Từ khoảng giữa thế kỷ XX trở lại đây, một số loại gỗ quý, loài thú quý cạn kiệt dần nhưng lại có thêm một số loại nông sản nổi tiếng, như gạo bao thai của Định Hoá, đặc biệt là sản phẩm chè Tân Cương. Lòng đất Thái Nguyên có nhiều tài nguyên phong phú gồm than, sắt, vônfram, đồng, chì, vàng, thiếc... Trong đó, các loại than, sắt, vônfram có trữ lượng lớn.

Thái Nguyên có bề dày lịch sử truyền thống cách mạng, là căn cứ địa thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám 1945 và là trung tâm Thủ đô kháng chiến của cả nước trong thời kỳ chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975), Thái Nguyên vừa trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tích cực cung cấp sức người, sức của góp phần cùng tiền tuyến lớn miền Nam hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, những truyền thống tốt đẹp luôn được phát huy cao độ. Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, tỉnh Thái Nguyên có 105 tập thể, cá nhân được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*, *Anh hùng Lao động*; trong đó tỉnh Thái Nguyên và 8/9 huyện, thành phố, 62/181 xã, phường, thị trấn được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

Hiện nay, Thái Nguyên là tỉnh trung tâm vùng Việt Bắc. Với hệ thống giao thông ngày càng phát triển, từ Thái Nguyên có thể giao thương thuận lợi với các tỉnh trong vùng và thủ đô Hà Nội. Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp lớn với hàng chục nhà máy, xí nghiệp công nghiệp dân dụng và quốc phòng; là trung tâm giáo dục lớn thứ 3 của cả nước với 9 trường đại học, hàng chục trường cao đẳng, trường nghề, mỗi năm đào tạo hàng chục ngàn cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật cho các tỉnh phía Bắc (từ Quảng Bình trở ra); là trung tâm y tế với Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên và Trường Đại học Y - Dược thuộc Đại học Thái

Nguyên mỗi năm đào tạo hàng trăm bác sĩ, cán bộ y tế, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Các công trình phúc lợi xã hội, văn hoá thể thao được xây dựng ngày càng nhiều, khang trang hiện đại, đáp ứng nhu cầu chăm sóc các đối tượng xã hội và luyện tập nâng cao sức khoẻ, vui chơi giải trí của nhân dân. Bộ mặt nông thôn và đô thị ngày càng đổi mới hướng tới một xã hội dân chủ hiện đại văn minh.

THÁI NGUYÊN

Trấn, đơn vị hành chính thời Lê sơ. Năm 1428, cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi, chia cả nước thành 5 đạo: Tây đạo, Đông đạo, Bắc đạo, Nam đạo và Hải Tây đạo. Thái Nguyên cùng Bắc Giang, Lạng Giang thuộc Bắc đạo. Dưới đạo là trấn, lộ, phủ, huyện, châu, xã.

THÁI NGUYÊN

Trấn, đơn vị hành chính triều vua Minh Mạng. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), xứ Thái Nguyên đổi thành trấn Thái Nguyên. Năm Minh Mạng thứ 4 (1823), châu Định Hóa của trấn Thái Nguyên đổi thành châu Định.

THÁI NGUYÊN

Trấn, đơn vị hành chính triều vua Trần Thuận Tông. Năm Quang Thái thứ 10 (1397), vua Trần Thuận Tông đổi châu Thái Nguyên thành trấn Thái Nguyên, bao gồm vùng đất thuộc hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn ngày nay.

THÁI NGUYÊN

Xứ, đơn vị hành chính triều vua Nguyễn Gia Long. Năm Gia Long thứ nhất (1802), xứ Thái Nguyên thuộc Bắc Thành. Năm Gia Long thứ 12 (1813), lị sở xứ Thái Nguyên chuyển từ xã Bình Kỳ, huyện Thiên Phúc, xứ Kinh Bắc (nay là xã Bình Kì, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) về làng Đồng Mỗ, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc đất phường Trưng Vương và một phần phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên).

THÁI NGUYÊN - BATTIMEX

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu, được thành lập ngày 25/5/2008, theo Giấy phép kinh doanh số 1703000155 do Sở Kế

hoạch và Đầu tư cấp. Trụ sở đặt tại địa phận phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xuất nhập khẩu; Xuất khẩu lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; Giới thiệu việc làm trong nước; Sản xuất chế biến chè xuất khẩu; Khai thác chế biến khoáng sản; Nhập khẩu phôi thép, vật tư thiết bị xây dựng; Cửa hàng kinh doanh và dịch vụ do HONDA ủy nhiệm.

Thị trường xuất khẩu lao động sang các nước: Malaysia, Đài Loan, Trung Đông, Nhật Bản, Hàn Quốc...

THÁI NGUYÊN - ĐẤT VÀ NGƯỜI

Sách, nhiều tác giả, Chủ biên: Nguyễn Thanh Bình, do Sở Văn hoá - Thông tin xuất bản năm 2006.

Sách có độ dày 371 trang, khổ 14,5 x 20,5cm, nhiều trang ảnh màu minh hoạ. Cuốn sách là tập hợp của 79 bài viết giới thiệu về sông, núi, các địa danh lịch sử - văn hoá, các di tích - danh lam thắng cảnh, đặc sản chè Tân Cương và các danh nhân, nhân vật lịch sử là người Thái Nguyên hoặc từng làm quan, từng đến Thái Nguyên và để lại những áng văn thơ trác tuyệt ca ngợi mảnh đất, con người Thái Nguyên. Cuối cuốn sách là niên biểu các sự kiện lịch sử Thái Nguyên.

THÁI NGUYÊN ĐỊA HÌNH BÌNH TẶC KÝ

Tác phẩm thể ký của Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) viết về địa thế, cảnh quan, sông núi hùng vĩ của miền đất Thái Nguyên. Ông viết tác phẩm này khi được triều Lê - Trịnh cử giữ chức Đốc đồng trấn Thái Nguyên. Tác phẩm có đoạn viết về địa thế Thái Nguyên rất thú vị:

"Địa thế Thái Nguyên từ châu Định Hoá về đông, núi cứ mỗi tầng lại cao lên một tầng; nước suối thì đổ hết về đông, rừng sâu nước độc. Từ châu Đại Man (thuộc trấn Tuyên Quang) về tây, núi cứ mỗi tầng lại thấp một tầng; nước suối đổ hết về tây, rừng rậm nước lành. Từ dãy Tống Binh xuống Bình Lũng tới Non Hồng (huyện Đại Từ) và Tam Đảo, một dải núi rất cao, quân đi lên đỉnh ngọn Bình Lũng, xuống núi Lương Yên thì vào Tuyên Quang. Đi đường phải lấy Thái Nguyên ở vào phương Tốn (đông nam) chỉ sang châu Đại Man ở Tuyên Quang là phương Canh Dậu (tây); châu Tụ Long ở Hà Giang hơi chuyển về phương Kiền Hợi (tây bắc). Thật

là kiểu đất: Treo cờ trên ngọn núi cao ngất trời. Núi non xinh đẹp, cây cỏ không mọc, trông bốn mặt rất quang đãng. Đi tới sông Huyên Hà, tức sông Gâm, trên thì tiếp sông Côn Lôn, chảy xuống thì hợp vào sông Tam Kì, do phát nguồn từ sông Bết Dầu ở Thái Nguyên. Quan quân qua sông này, thấy những tảng đá lộ giữa dòng nước chảy mạnh, rất thú vị".

THÁI NGUYÊN THẤT NHẬT QUANG PHỤC KÝ

Tập kí của chí sĩ yêu nước Ngô Đức Kế (1879 - 1929). Khi cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917 nổ ra, ông đang bị thực dân Pháp giam cầm ở ngục tù Côn Đảo. Sự kiện Đội Cấn, Lương Ngọc Quyến lãnh đạo binh lính người Việt yêu nước và dân chúng Thái Nguyên khởi nghĩa chiếm tỉnh lị trong một tuần, như tiếng sấm vang rền vọng đến tận chốn ngục tù ngoài đảo xa Côn Đảo.

Cảm phục tinh thần yêu nước quật khởi, ý chí kiên cường của các nghĩa sĩ Thái Nguyên, ông đã viết *Thái Nguyên thất nhật Quang Phục ký*. Ở phần cuối tác phẩm, có 6 bài thơ chữ Hán, trong đó có những bài mang đầy hào khí.

THÁI NGUYÊN TỈNH THÀNH TẢO PHÁT

Bài thơ chữ Hán của Phan Thanh Giản viết về Thái Nguyên.

Năm 1839, Phan Thanh Giản đang làm Biện lí Bộ Hộ thì được vua Minh Mạng cử về tỉnh Thái Nguyên làm quan coi mỏ bạc. Sinh ra, lớn lên ở đất Nam Bộ mênh mang sông nước, đồng ruộng bạt ngàn; sau khi đỗ đạt làm quan trong Kinh thành Huế và mấy tỉnh đồng bằng, ven biển nên cảnh vật hoang sơ, hùng vĩ cùng những cảnh sinh hoạt khác lạ của người dân miền núi Thái Nguyên đã tạo nên cảm xúc cho sự ra đời một bài thơ nổi tiếng của danh sĩ họ Phan viết về Thái Nguyên.

THÁI NGUYÊN TỨC CẢNH

Bài thơ chữ Hán của Ngô Thì Sỹ (1726 - 1780), viết về cảnh vật, con người Thái Nguyên hồi giữa thế kỷ XVIII, thời Cảnh Hưng nhà Lê, khi ông làm quan Đốc đồng trấn Thái Nguyên.

THÁI THẠCH VÃN BẠC

Bài thơ, của danh sĩ Đỗ Cận - người làng Thống Thượng, huyện Phổ Yên, viết trong lần làm Phó sứ đoàn sứ thần nhà Lê sang triều cống nhà Minh năm 1483. Đường sang kinh đô nhà Minh, có những đoạn phải đi

thuyền. Một buổi chiều tối mùa đông giá lạnh, thuyền chở đoàn sứ thần nhà Lê đậu lại ở ghềnh (bến) Thái Thạch, gần Kim Lăng, nơi đại thi hào Lí Bạch thời nhà Đường uống rượu say nhảy xuống sông "ôm trăng". Lòng dâng tràn xúc cảm khi nghĩ về bậc vĩ nhân tiền bối và trước cảnh vật nơi đây, Đỗ Cận đã viết bài thơ tứ tuyệt, thất ngôn để nói lòng mình.

THÂNG ĐẶNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1920, quê xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán tại thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ.

Mẹ có con trai độc nhất là liệt sĩ Phạm Nghĩa Độ (nhập ngũ năm 1967; hi sinh ngày 22/3/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Đặng Thị Thảng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*.

THANH LÊ

Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Bùi Xuân Tìu; bí danh: Bùi Thế Mai, Nguyễn Đức Xương), sinh năm 1921, dân tộc Kinh, quê làng Tây Mỗ, tổng Đại Mỗ, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội), đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.... Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (6/1948 - 1949).

THANH NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, dân tộc Kinh, quê xã An Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; trú quán tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Thanh có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Ngọc Aí (nhập ngũ tháng 2/1966, hi sinh ngày 24/4/1972 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Thanh danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THANH PHÓ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1919, dân tộc Sán Dìu, quê xóm Gò Chè, xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên); thường trú tại xóm Cao Sơn, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Mẹ Phó Thị Thanh có con độc nhất là liệt sĩ Lăng Văn Minh (nhập ngũ tháng 7/1969, hi sinh ngày 19/12/1972 tại chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Phó Thị Thanh danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THANH CHỬ

Nơi tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ Liên khu I. Vị trí di tích ở xóm Thanh Chử thuộc xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ.

Đầu năm 1948, một đơn vị bộ đội được cử về làm ngôi nhà 5 gian, lợp lá trên khu đất trống nằm ở vị trí trung tâm xóm. Tháng 6/1948, tại ngôi nhà này đã diễn ra Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ Liên khu I. Đến dự Đại hội, có các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Vương Thừa Vũ và Hồ Tùng Mậu.

THANH ĐIỂU

Tổng, thuộc châu Định Hóa, trước năm 1945 gồm 3 xã, 6 làng, 21 xóm, bản:

Xã Thanh Điểu gồm 3 làng: Thanh Điểu (có 2 xóm, bản: Khâu Dị, Thâm Quân), Thanh Vi (có 1 xóm: Đồng Bính), Thanh Lục (có 4 xóm, bản: Bản Cái, Bản Mừ, Na Chén, Đồng Chua);

Xã Điềm Mặc gồm 2 làng: Điềm Mặc (có 6 xóm, bản: Na Cha, Bản Lá, Bản Đồn, Bắc Châu, Na Tẩu, Bản Hóa), Thủ Thượng (có 2 xóm, bản: Bản Bắc, Phong Hiên);

Xã Lục Rã gồm 1 làng: Lục Rã (có 6 xóm, bản: Lục Rã, Pha Chủng, Khâu Đưa, Đồng Tấm, Khuôn Tát, Quan Lang).

Về cơ bản, tổng Thanh Điều tương đương với địa phận các xã Thanh Định, Phú Đình, Điềm Mặc của huyện Định Hóa ngày nay.

THANH ĐỊNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Thanh Định huyện Định Hóa là xã nằm trong vùng An toàn khu Trung ương; là nơi và làm việc của các cơ quan Tổng Quân Ủy và Bộ Tổng Tư lệnh (1947 - 1954); của

Tổng Cục cung cấp (1950 - 1954); của Đại tướng Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội Võ Nguyên Giáp (1952 - đầu 1954)...

Ngoài việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ An toàn khu, xã Thanh Định còn động viên 50 thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường, 211 người đi dân công hoả tuyến...

Với thành tích xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Định đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 160/KT-CTN ngày 28/4/2000) tuyên dương danh hiệu "*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*" thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

THANH ĐỊNH

Xã miền núi nằm ở vùng phía Tây huyện Định Hóa; phía đông giáp các xã Định Biên và Bình Yên, phía tây và tây bắc giáp xã Hùng Lợi (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang), phía nam giáp các xã Điềm Mặc và Bình Yên, phía bắc giáp các xã Bảo Linh, Định Biên.

Xã Thanh Định được thành lập khoảng giữa năm 1946, gồm 3 thôn Điềm Mặc, Thanh Điểu, Thanh Lục. Tháng 3/1949, sáp nhập thêm thôn Yên Thông. Tháng 1/1954, tách thành 3 xã: Thanh Định, Điềm Mặc, Bình Yên. Tổng diện tích tự nhiên 1867 ha, gồm diện tích đất nông nghiệp 1.750,88 ha, đất phi nông nghiệp 115,61 ha, còn lại là đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 3.763 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Dao, Sán Chay, Hoa, Mông, Mường cư trú ở 20 xóm: Bản Piềng, Hùng Lập, Nà Họ, Khuẩn Nghẹ, Nà Chía, Thẩm Thia, Thẩm Quẩn, Bản Cái, Thanh Trung, Bản Cái, Thanh Xuân, Khảu Rị, Nạ Mao, Pài Trận, Khảu Quộng, Cỏ Bánh, Nà Chẹn, Văn Lang, Đồng Chua, Keo En.

THANH ĐỊNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Định Hóa, gồm địa phận các xã Thanh Định, Bình Yên, Điềm Mặc ngày nay. Về vị trí địa lí, xã Thanh Định nằm ở khu vực phía Tây Định Hóa; phía đông giáp 2 xã Trung Lương và Sơn Đầu, phía tây giáp xã Hùng Lợi (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang), phía nam giáp 2 xã Phú Đình và Sơn Phú, phía bắc giáp 2 xã Bảo Linh và Định Biên. Toàn xã có diện tích tự nhiên

43,31 km²; dân số (1954) có 2.599 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Dao, Sán Dìu.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Thanh Định nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Trung ương. Địa bàn xã là nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Nguyên Giáp (1952 - đầu 1954) ở xóm Thẩm Đưa, Khẩu Tràng, Khẩu Quắc; nơi làm việc của Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và Cơ quan Bộ Tổng Tham mưu (đầu năm 1947) ở xóm Khang Hạ; nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm Lớp đào tạo cán bộ mật mã "Lê Lai" ở Bản Cọ, thôn Yên Thông (5/1950); nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp lãnh đạo Đảng và Chính phủ (1947) và nơi đặt Toà soạn Báo *Cứu quốc* (1947 - 1953) ở xóm Ròong Khoa; nơi ở và làm việc của đồng chí Tôn Đức Thắng - Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội cùng gia đình ở xóm Đồng Mua; nơi Tổng Quân ủy và cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh xây dựng hội trường sinh hoạt, học tập (1947 - 1954) và nơi Bộ Tổng Tư lệnh đặt sa bàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trên nền Hội trường và thảo luận về cách đánh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ tại xóm Nà Nẹng (cuối năm 1953, đầu năm 1954), v.v...

Sau giảm tô (1953), xã Thanh Định được tách thành 3 xã: Thanh Định, Bình Yên và Điềm Mặc.

THANH GIANG

Đình, dựng khoảng đầu thời nhà Nguyễn (đầu thế kỷ XIX) trên quả đồi thấp thuộc xã Đắc Hiền, tổng Hoàng Đàm, huyện Phổ Yên; nay thuộc xóm Đài 1, xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên.

Đình cũ đã bị phá hủy từ lâu. Đình Thanh Giang hiện nay là ngôi đình mới xây dựng; kiến trúc kiểu chữ ĐINH (chuôi vồ); nhà tiền tế xây tường hồi, bít đốc, diện tích 50 m², hậu cung 25 m², đặt ban thờ thành hoàng làng là Quý Minh. Bên phải hậu cung có gian thờ Mẫu 25m², trên ban thờ đặt tượng Tam tòa Thánh Mẫu. Hiện vật cổ tại đình còn có: Ngai thờ, các bài vị thành hoàng, 3 lư gốm Thổ Hà... Lễ hội đình mở vào mùng 6/1 và 19/10 (lịch Âm) hằng năm.

Đình Thanh Giang đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Tỉnh, tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 3/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

THANH LANG

Cầu, được xây dựng năm 1986, trên tuyến đường Thanh Lang - Tân Hòa - Tân Thành, thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Phú Bình. Cầu dài 22 m, rộng 5,5 m, chiều dài nhịp cầu là 18 m; tải trọng 13 tấn.

THANH LÂM

Đền, có từ lâu đời, nằm trên khu đất tổ 3, phường Phố Cò, thị xã Sông Công. Tương truyền, trước kia là đền Bãi Trại - nơi thờ ông Dương Tự Minh. Năm 1998, được sự đồng ý của chính quyền địa phương, ngôi đền được trùng tu lại bằng công sức của nhân dân địa phương cũng như các con hương đệ tử gần xa.

Ngôi đền ngày nay ngoài thờ ông Dương Tự Minh còn thờ thành hoàng làng và các thánh thần theo tín ngưỡng của dân bản địa.

Ngày hội chính trước kia là 25/10 Âm lịch, nay là ngày 20/2 Âm lịch hằng năm. Ngôi đền do nhân dân tổ dân phố 3 trực tiếp quản lí.

THANH NINH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Thanh Ninh là xã trung du, cách huyện lị Phú Bình 7 km về phía nam. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân xã Thanh Ninh đã huy động 205 thanh niên đi bộ đội, 1.606 người tham gia phục vụ các chiến dịch; 212 hộ tham gia mua công trái; ủng hộ 3.800 kg gạo, bán thóc yêu nước 15.000 kg...

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Ninh đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

THANH NINH

Xã, nằm ở khu vực Đông Nam huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Lương Phú, phía đông nam giáp xã Dương Thành, phía đông bắc giáp xã Tân Đức, phía bắc giáp xã Lương Phú, phía tây giáp xã Kha Sơn, phía tây nam giáp tỉnh Bắc Giang.

Diện tích tự nhiên 493,85 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 2/3. Độ cao trung bình thấp, hướng dốc từ phía tây bắc về phía đông nam. Dân số 4.333 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Thái, Mường cư trú ở 14 xóm: Nam Hương 1, Nam Hương 2, Nam Hương 3, Đồng Phú, Vân Đình, Tiền Phong, Quán, Đồng Trong, Phú Yên, Hoà Bình 1, Hoà Bình 2, Phú Thanh 1, Phú Thanh 2, Đồi Thông. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Xã có đình - chùa Phao Thanh là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân trong vùng và là cơ sở cách mạng trong thời kỳ bí mật. Năm 1945, đình Phao Thanh là nơi triệu tập nhân dân trong xã đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Năm 1948, là nơi tổ chức cuộc họp của Trường Quân chính Lê Bình do ông Lê Liêm - Cục trưởng Cục dân quân chủ trì...

THANH PHONG

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên. Nghề trồng và chế biến chè búp khô ở Thanh Phong có từ năm 1955. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, phong trào trồng, chế biến chè được phổ biến rộng khắp các gia đình trong làng. Đến năm 2010, cả 60/60 hộ trong làng đều tham gia trồng và chế biến chè. Doanh thu năm 2008 từ nghề trồng và chế biến chè búp khô đạt: 2,564 tỉ đồng, năm 2009 đạt: 2,8 tỉ đồng.

THANH THÙ

Đình, được dựng lại vào thời vua Lê Hiến Tông, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 2 (1741) trên quả đồi thấp ở khu vực phía bắc làng Thanh Thù (còn gọi là làng Sui) nay thuộc xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

Đình Thanh Thù là nơi thờ 5 vị nhân thần: Từ Nhan (Đức Thánh Mẫu), Tam Giang (Trương Hống, Trương Hát), Lân Nhĩ (Trương Lẫy), Lã Sậu (Trương Lừng), Mỹ Đạm (Đạm Nương) và các vị thành hoàng làng: Cao Sơn Quý Minh đại vương (ở giữa); Tiến sĩ, Chỉ huy sứ đô đốc Nguyễn Cấu (bên phải); Thổ địa long vương, thần che chở cho dân (bên trái). Tiến sĩ, Chỉ huy sứ Nguyễn Cấu là người con quê hương Thanh Thù làm quan võ bảo vệ nhà vua và triều đình ngót 60 năm (1463 - 1522), được phong nhiều chức tước và tôn phong thượng đẳng phúc thần để nhân dân thờ phụng.

Xung quanh đình có nhiều cây cối xanh tươi, có tường bao xung quanh, có nhiều cột trụ cao, đắp hoa lá và nhiều đôi câu đối chữ Hán. Trước cửa đình có sân rộng để dân làng vui chơi ngày hội. Ngoài cùng là cổng đình xây kiểu tam quan, có 3 cửa ra vào, có những đôi câu đối chữ Hán ca ngợi cảnh đẹp và sự thiêng liêng, huyền bí của ngôi đình.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại do đế quốc Mĩ gây ra, khu vực vườn và sân đình là nơi sơ tán của Bệnh viện Điện Than (nhà trẻ, nhà ở cho công nhân viên chức).

THANH TRA NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 22/1/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 19 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Thanh tra tỉnh Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lí nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Thanh tra Nhà nước tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đó; Yêu cầu cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về công tác thanh tra; Chỉ đạo công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra hành chính đối với Thanh tra sở, Thanh tra huyện; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lí về thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lí nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo...

Bộ máy tổ chức gồm có: Văn phòng và các phòng: Thanh tra Phòng chống tham nhũng, Nghiệp vụ 1, Nghiệp vụ 2, Nghiệp vụ 3, Nghiệp vụ 4.

Thanh tra tỉnh đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (2010).

THANH TRÀ

Chùa, có từ lâu đời ở xóm Thanh Trà, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương; là nơi thờ Phật Bà Quan Âm Bồ Tát và hai vị thánh là Đức Thánh Ông và

Đức Thánh Hiền. Chùa gồm 1 gian, 2 chái, cột gỗ, mái lợp tranh; đã bị sụp đổ hồi thập niên 70 của thế kỷ XX. Dấu tích ngôi chùa xưa, nay chỉ còn nền và ba bệ thờ bằng đất. Những đồ thờ cúng của chùa đã được đưa về đình Thanh Trà cách chùa khoảng 100 m để thờ cúng.

THANH TRÀ

Đình, được dựng vào khoảng thế kỷ XIX ở xóm Thanh Trà, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương. Đình là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình gồm 3 gian, 2 chái nhưng bị hư hỏng từ lâu. Năm 1992, nhân dân địa phương dựng lại ngôi đình, gồm 1 gian 2 chái, diện tích 120 m^2, cột bằng gỗ nghiến, mái lợp ngói. Di vật của đình xưa còn lại 2 sắc phong: 1 của vua Duy Tân phong, niên hiệu Duy Tân năm thứ 2 (1908) và 1 của vua Bảo Đại phong thành hoàng của làng là *Quý Minh đại thần*.

Đình Thanh Trà tổ chức hội chính (hội Khai Xuân) vào ngày 10/1và hội đóng cửa đình vào ngày 22/12 Âm lịch hằng năm.

THÀNH NGÔ ĐÌNH

Nghệ sĩ Ưu tú, Nhà giáo Ưu tú, Giám đốc Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc, quê thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ, học phổ thông tại Thái Nguyên. Từ 1973 đến 1977, học Khoa Múa Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc. Từ 1978 đến 1981, học huấn luyện múa tại Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội. Từ 1982 đến 1989, là giáo viên múa Trường Trung học Văn hóa Nhệ thuật Việt Bắc. Từ 1990 đến 1995, là diễn viên, huấn luyện viên múa; từ 1995, là Phó Giám đốc và từ 1998 đến 2000, là Giám đốc Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc. Từ tháng 7/2000, là Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc.

Ông đã được tặng thưởng nhiều *Huy chương Vàng*, *Huy chương Bạc* tại các hội diễn, liên hoan nghệ thuật ca múa nhạc toàn quốc; năm 2010, được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*; được tặng các *Huy chương: Vì sự nghiệp Văn hóa, Vì sự nghiệp Giáo dục, Vì sự nghiệp Múa, Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam*.

Được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* (năm 2000) và danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* (năm 2006).

Ông là hội viên Hội Nghệ sỹ Múa Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên, Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Thái Nguyên.

THÀNH CẢ

Nghè, (còn gọi là nghè Sắc) ở cạnh đình Lũ Yên thuộc xóm Dẫy, thôn Lũ Yên, xã Đào Xá, huyện Phú Bình.

Nghè Thành Cả nằm trong quần thể khu di tích lịch sử văn hoá đình - chùa Lũ Yên. Nghè trước đây được xây dựng khang trang, đã bị đổ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp; sau đó nhân dân xây dựng lại tại khu vực phía tây của đình Lũ Yên, có diện tích khoảng 10 m². Nghè Thành Cả thờ Trác Vỹ thượng đẳng thần. Trong nghè có để hòm sắc; trong hòm sắc có 4 đạo sắc phong của đình làng: Sắc phong Trung Đô bản lộ Giác Hải đại phù quân (Ban cấp sắc: Đời Vua Khải Định năm thứ 9 ngày 25/7); Sắc phong Tam Giang Quý Minh tôn thần (Ban cấp sắc: Đời Vua Khải Định năm thứ 9 ngày 25/7); Sắc phong Cao Sơn, Quý Minh tôn thần. Hai ngài Cao Sơn và Quý Minh có công dẹp giặc Thục từ đời Vua Hùng thứ 18 (Ban cấp sắc: Đời Vua Khải Định năm thứ 9 ngày 25/7); Sắc phong thành hoàng Thuỷ cung gia nỗ tặng (Ban cấp sắc: Đời Vua Khải Định năm thứ 9 ngày 25/7).

Đến ngày lễ hội của làng (các ngày 9/1, 4/11 Âm lịch hằng năm - gọi là ngày việc làng), nhân dân trong làng tổ chức rước hòm sắc về đình thờ và tế. Rước xong lại trả về nghè Thành Cả.

THÀNH CÔNG

Xã, nằm ở vùng Tây Nam huyện Phổ Yên; phía đông giáp xã Vạn Phái, phía đông nam giáp các xã Bắc Sơn, Minh Trí (huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội), phía tây và tây nam giáp xã Ngọc Thanh (thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc), phía bắc giáp các xã Minh Đức, Phúc Thuận.

Xã Thành Công được thành lập trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954) trên cơ sở tách xã Hợp Thành làm 2 xã (Hợp Thành và Thành Công). Xã Thành Công khi mới thành lập, có 3.015 người, sau cải cách ruộng đất (đầu năm 1955), có 2.315 người.

Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009, xã Thành Công có 13.936 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Thái, Mường, Giáy cư trú ở 29 xóm: An Bình, An Thịnh, An Miên, Thượng Vụ 1, Thượng Vụ 2, An Hòa, Xuân Hà 1, Xuân Hà 2, Xuân Hà 3, Xuân Hà 4, Xuân Hà 5, Tơm 1, Tơm 2, Làng Đanh, Đầm Đanh, Chùa, Tân Lập, Cầu Dài, Ao Sen, Hạ Đạt, Vạn Phú, Nhội, Na Lang 1, Na Lang 2, Đồng Đông, Bìa, Nhe, Đặt, Tân Thành. Diện tích tự nhiên hơn 14,93 km² (gồm 11,91 km² đất nông nghiệp, 2,90 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng). Trên địa bàn xã có hồ Suối Lạnh, có tiềm năng nuôi trồng thủy sản và cảnh quan phát triển ngành du lịch nghỉ dưỡng; có đình Đan Hà nằm gần trung tâm xã, là di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp Tỉnh (năm 2006).

THÀNH HƯNG

Công ty Cổ phần may, thành lập đầu năm 2010 tại xã Bảo Lý, huyện Phú Bình. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu hàng may mặc; Sản xuất bao bì giấy nhựa túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc.

Công ty có 2 cơ sở: Cơ sở 1 đặt tại xã Bảo Lý và cơ sở 2 đặt tại xã Tân Khánh. Tổng số lao động là 500 người (lao động chính trên chuyền: 425 người; lao động phụ trợ: 75 người).

THÀNH NHÀ MẠC

Được xây dựng cuối thế kỷ thứ XVI, trên địa phận xóm Soi và xóm Chùa thuộc xã Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ, nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

Thành được đắp bằng đất, có 2 vòng; vòng ngoài chu vi khoảng 1.000 m; điểm đầu của thành (phía tây bắc) bên xóm Soi giáp sông Cầu và điểm cuối (phía đông bắc) đến Sóc Ốc, cũng giáp sông Cầu. Cổng thành và các công trình trong thành được xây bằng loại gạch có kích thước 60 cm x 30 cm x 15 cm.

Thành là vị trí phòng thủ của nhà Mạc chống quân triều đình Lê - Trịnh. Ngày nay, di tích thành nhà Mạc ở phường Túc Duyên chỉ còn lại một vài đoạn hào và một vài gò đất.

THÀNH PHỦ PHÚ BÌNH

Có từ thời Lê sơ (thế kỷ XV), là thành đất, chu vi 79 trượng (khoảng 262,3 m), cao 5 thước 3 tấc (khoảng 1,7 m). Di tích ở xã Triều Dương, huyện Tư Nông (nay thuộc xã Nhã Lộng và xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình). Trước năm 1945, phủ lị Phú Bình vẫn đặt tại đây.

Thành phủ Phú Bình là nơi cất giấu vũ khí của Bộ Quốc phòng và Liên khu I; nơi tập luyện quân sự của Tiểu đoàn 160 (1948). Dấu tích thành phủ xưa, nay còn địa điểm, giếng nước, nền móng.

THÀNH THÁI NGUYÊN

Chiến sự ngày 19/3/1884.

Sau khi đánh chiếm xong thành Bắc Ninh, ngày 17/3/1884, tướng Brie đơ Lislơ (Brière de Lisle) - chỉ huy Lữ đoàn 1 quân viễn chinh Pháp, ra lệnh cho 2 đại đội xung kích thuộc Tiểu đoàn lính Angiêri, 1 trung đội pháo binh và 1 phân đội công binh từ Bắc Ninh tiến đánh thành Thái Nguyên. Trên đường hành quân, chúng bị quân ta chặn đánh quyết liệt ở Đức Lân (Phú Bình). Tuy vậy, do lực lượng áp đảo, quân Pháp vẫn chọc thủng phòng tuyến của ta sang đóng quân tại bờ tây sông Cầu. Ngày 19/3, từ Phú Bình, Lữ đoàn 1 quân Pháp tiến đánh thành Thái Nguyên. Lực lượng bảo vệ thành Thái Nguyên lúc này có khoảng 600 quân triều đình nhà Nguyễn do Nguyễn Quang Khoáng chỉ huy, 200 quân Cờ đen và 200 quân Mãn Thanh (Trung Quốc).

Quân Pháp chia làm 2 cánh, 1 cánh có pháo binh yểm trợ tấn công theo con đường chạy thẳng vào thành, 1 cánh vòng sang phía tây chặn đường rút của quân ta về hướng Tuyên Quang, Bắc Cạn. Ngay khi quân Pháp nổ súng tấn công, 200 quân Mãn Thanh đã bỏ chạy. Quân ta dưới sự chỉ huy của Nguyễn Quang Khoáng đã chiến đấu dũng cảm bảo vệ thành. Sau khi Nguyễn Quang Khoáng hi sinh, quân ta buộc phải rút lui. Chiều 19/3, quân Pháp chiếm được thành, cướp 39 khẩu đại bác, trong đó có 25 khẩu bằng đồng, 20 súng máy, 200 súng trường cùng nhiều đạn dược, thuốc súng, tiền và gạo dự trữ. Tuy vậy, lo sợ bị quân và dân ta phản kích, tiêu diệt, ngày 21/3 quân Pháp phá thành, mang theo những thứ cướp được rút về Bắc Ninh.

THÀNH THÁI NGUYÊN

Chiến sự 16/4/1884. Thực hiện quyết tâm đánh chiếm Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 quân Pháp do thiếu tá Rây-gát chỉ huy với 2 đại đội lính thuỷ đánh bộ và một số nguỵ quân từ Đa Phúc tiến đánh thành Thái Nguyên lần thứ 2 (theo hướng Quốc lộ 3 hiện nay). Bị quân ta chặn đánh ở Lưu Xá nên đến hơn 13 giờ ngày 16 tháng 4 quân Pháp mới đến gần thành Thái Nguyên. Khi đánh thành, quân Pháp dùng hoả lực pháo binh bắn áp chế rồi tổ chức lực lượng bộ binh xung phong đánh chiếm. Quân ta vẫn chiến đấu kiên cường, đẩy lùi nhiều đợt xung phong của địch. Tuy vậy, do không tương quan lực lượng, đặc biệt là vũ khí chênh lệch, quân ta buộc phải rút khỏi thành rồi tổ chức bao vây, cắt đứt các đường tiếp tế của quân Pháp. Do thiếu lương thực, thực phẩm lại bị bao vây, ngày 19 tháng 4 quân Pháp buộc phải rút khỏi thành về Bắc Ninh.

THÀNH THÁI NGUYÊN

Chiến sự ngày 10/5/1884.

Sau 2 lần đánh chiếm nhưng không giữ nổi, ngày 10/5/1884, quân Pháp tổ chức đánh chiếm thành Thái Nguyên lần thứ 3 với một lực lượng lớn quân lính và vũ khí.

Chỉ huy đợt tấn công thứ 3 là Trung tá Đonniê. Cũng như 2 lần trước, quân Pháp dùng pháo binh bắn cấp tập công phá thành và các công sự chiến đấu của quân ta rồi tổ chức cho bộ binh xung phong chiếm thành. Quân và dân Thái Nguyên chiến đấu dũng cảm tiêu diệt nhiều sinh lực địch nhưng do tương quan lực lượng, quân ta một lần nữa phải rời bỏ thành. Thành Thái Nguyên thất thủ.

THÀNH TIẾN

Cầu treo, được xây dựng năm 2001 tại địa phận xóm Thành Tiến, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai. Cầu dài 54 m, nhịp cầu dài 54 m; mố cầu được làm bằng bê tông cốt thép; tải trọng 0,5 tấn, chỉ đảm bảo cho xe máy, xe thô sơ qua lại.

THÀNH TRÚC

Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (đầu tháng 8 - 12/10/1954). Vị trí di tích nằm ở lưng chừng đồi Thành Trúc thuộc xóm Đồng Mua, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ.

Đầu tháng 8/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ, Quốc hội... từ ATK Tuyên Quang về ATK Đại Từ (chủ yếu là các xã Bản Ngoại, La Bằng) để lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Trung ương, Quân đội làm tốt công tác chuẩn bị về tiếp quản thủ đô Hà Nội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc trong một căn nhà sàn nhỏ nằm ở lưng chừng đồi Thành Trúc. Trước cửa là dòng suối Khâu Giáo. Đỉnh đồi là chòi gác cao bằng gỗ, xung quanh có nhà ở của cán bộ giúp việc, bảo vệ, phục vụ... Trong hơn 2 tháng ở đây, Bác viết nhiều bài đăng trên báo *Nhân Dân* nêu rõ quan điểm, lập trường của Nhà nước ta về những việc phải làm sau chiến tranh. Bác dự Lễ đón tiếp Ủy ban Quốc tế giám sát đình chiến ở Việt Nam, Lễ trình Quốc thư của Đại sứ Trung Quốc; đến nói chuyện với bộ đội, công an, thanh niên xung phong và cán bộ, nhân viên cơ quan Trung ương trước khi về tiếp quản Thủ đô...

Di tích được tôn tạo và xếp hạng Di tích lịch sử quốc gia ngày 28/9/2006.

THÁNH ĐUỔM TRỊ TÀ THẦN

Một trong những truyền thuyết về Dương Tự Minh: Ngày 24/4 âm lịch hằng năm, dân chúng vùng Đuổm mở hội Khai điền (hội xuống đồng). Vào ngày ấy, mọi nhà chuẩn bị đồ lễ từ ngày hôm trước. Một năm nọ, khi mọi người ra suối đãi gạo nếp, rửa lá dong thì lạ thay, tất cả sông, suối, ao, hồ trong vùng đều đục ngầu. Mọi người lên đền Đuổm cầu khấn, được thánh Đuổm cho biết là do bị thần thủy tề ở Trào quấy nhiễu. Ngài hô âm binh đi bắt tà thần. Âm binh giăng lưới, bắt được 3 con thuồng luồng già, có con mào đỏ trên đầu, rồi mang về treo cổ trước ngai thánh Đuổm. Ba con Thuồng luồng là thành hoàng của làng Trào bị bắt nên làng Trào lục đục, gia súc lăn ra chết hàng loạt, khiến dân làng phải làm lễ xin xá tội. Sau thánh Đuổm ân xá cho các thành hoàng thủy tề nhưng bắt dân làng Trào mỗi năm vào ngày 6/1 và 13/12 Âm lịch phải về đền Đuổm dâng lễ, nhưng không được vào trong đền.

THÀO VƯƠNG

Nghệ sĩ Ưu tú, quê huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, nguyên Giám đốc Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc (nay là Nhà hát Ca Múa Nhạc dân

gian Việt Bắc), Hội viên Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam. Đã từ trần tại thành phố Thái Nguyên.

Trong hơn 50 năm hoạt động nghệ thuật, gần 40 năm là biên đạo múa, Vương Thào đã dàn dựng nhiều chương trình, hàng trăm tiết mục múa cho Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc, Đoàn Ca múa nhạc Thái Nguyên, Trường Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc. Ông đã được nhận giải thưởng Nhà nước về văn hóa nghệ thuật với các tác phẩm múa: *Lên nương, Trống Dao, Cầu mưa, Gậy tiền*; được tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật cho tác phẩm múa: *Trống Dao, Lên nương, Cầu mùa*... Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 1993.

THẨM KHEN

Đồi - Nơi ở, làm việc của đồng chí Phạm Văn Đồng thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; ở xóm Phù Hà, xã Phú Đình, huyện Định Hóa.

Trong những năm từ 1949 đến 1954, đồi Thẩm Khen là nơi ở, làm việc của Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng và một bộ phận cơ quan Văn phòng Chính phủ. Đây là nơi đồng chí Phạm Văn Đồng xuất phát đi dự Hội Giơnevơ và khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí trở về báo cáo kết quả với Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày nay, di tích lán ở, làm việc của đồng chí Phạm Văn Đồng ở Thẩm Khen đã được phục hồi, tôn tạo.

THẨM LÀN

Chùa, được dựng từ lâu đời ở làng Tả, trước thuộc xã Kiền Dương, tổng Phượng Vỹ Trung, châu Định Hoá (nay là xã Tân Dương, huyện Định Hoá).

Lúc đầu, chùa, đình và đền được dựng ở bên bờ phải dòng sông Chu chảy qua làng Tả. Quần thể đình, đền và chùa gồm có 3 ngôi nhà; đình và đền dựng ở đỉnh núi Khau Vường; chùa được dựng ở đỉnh núi Khau Chang. Vào một đêm mưa to, gió lớn làm bay cả mái đình, một số lá cọ bay sang khu đất Thẩm Làn bên kia sông; thế là dân làng chuyển đình, đền, chùa sang đấy, cho nên có tên đình, đền và chùa là Thẩm Làn. Chùa

được làm bằng khung gỗ, gồm 3 gian, lợp lá cọ; gian giữa thờ Tam thế Phật, hai bên thờ Đức Ông và Thánh Tăng.

Chùa sụp đổ hoàn toàn vào những năm 1958 - 1960. Hiện vật liên quan đến ngôi chùa là 27 cuốn sách lễ Phật và thành hoàng viết bằng chữ Hán Nôm có niên đại sớm nhất là năm Gia Long thứ 5 (1806), muộn nhất là năm Bảo Đại thứ 11 (1936) được gia đình ông Ma Văn Thông lưu giữ.

THẨM LÀN

Đình, được dựng từ lâu đời nằm bên tả ngạn dòng sông Chu chảy qua làng Tả, thuộc xã Kiền Dương, tổng Phượng Vỹ Trung, châu Định Hoá (nay là xã Tân Dương, huyện Định Hoá). Quần thể đình, đền và chùa gồm có 3 ngôi nhà, đình và đền dựng ở đỉnh núi Khau Vường, chùa được dựng ở đỉnh núi Khau Chang. Sau đình được dân làng chuyển sang thuộc khu đất Thẩm Làn nên đền có tên Thẩm Làn. Đình được làm bằng gỗ, lợp lá cọ có 3 gian, gian giữa bắc sàn. Đình Thẩm Làn thờ 2 vị thành hoàng là Ái Poọng và Hùng Chấn. Căn cứ vào Thư mục Thần tích - Thần sắc, làng Kiền Dương thờ 4 thiên thần: Lăng Sơn, Khẩn Vượng, Lăng Lượn và Đán Ủng, đây có lẽ là các vị thần được thờ ở đền. Đình còn lưu giữ được 3 đạo sắc phong thời Tự Đức năm thứ 33 (1880) ngày 24/11; Duy Tân năm thứ 3 (1909) ngày 11/8 và Khải Định năm thứ 9 (1924) ngày 25/7.

Từ năm 1958, ngôi đình xuống cấp mục nát; hiện tại chỉ còn nền và 3 đạo sắc phong.

THẨM TRÀ PẬU

Hang đá tự nhiên nằm sâu trong lòng núi đá vôi thuộc xóm Suối Bốc, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Cửa hang rộng, ngang dọc mỗi chiều hơn 3 m, nhìn ra phía tây bắc, xung quanh có rất nhiều cây cối rậm rạp. Độ sâu của hang Thẩm Trà Pậu trên 150 m. Lòng hang rất tối, càng vào sâu càng hẹp lại, chỗ hẹp nhất chỉ một người đi lọt. Trên vòm hang có rất nhiều nhũ đá đẹp, tạo nên nhiều hình thù kì dị. Vào mùa hè, dân chúng và học sinh địa phương vẫn thường lên chơi, ngắm cảnh ở hang này.

THẨM

Hang đá tự nhiên, nằm trong dãy núi đá vôi thuộc xóm Khe Nác, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương. Trước cửa hang có một khối đá lớn chắn mặt,

tựa như tấm bình phong tự nhiên của hang. Hang Thắm có độ sâu 20,6 m, chiều rộng khoảng 6 m, bên trong hang rất tối, nhưng từ cuối hang nhìn ra phía cửa lại rất sáng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hang Thắm được sử dụng làm kho tàng của bộ đội. Năm 1958, bộ đội ta đã đục lại cửa hang và xây lắp ba lớp cửa kiên cố có kích thước cao 2 m, rộng 5 m để đơn vị K3 sử dụng làm nơi cất giấu vũ khí. Năm 1975, đơn vị K3 rút khỏi hang Thắm.

THẮM

Hang đá tự nhiên, nằm sát đình Cỏ Tý, xóm Nà Guồng, thôn Trung Khảm, xã Trung Hội (nay là xóm Hồng Hoàng, xã Trung Lương), huyện Định Hóa. Hang Thắm có chiều dài 36 m, chiều rộng 18 m, chiều cao 10 m. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), hang Thắm được dùng làm kho cất giữ tiền, vàng của Ngân khố Quốc gia (nay là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) từ năm 1948 đến năm 1954.

THẮM CHẬC

Hang đá tự nhiên nằm ở lưng chừng núi đá vôi thuộc xóm Đin Đeng, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương. Hang nằm ở độ cao tương đối khoảng trên 60 m. Đường từ chân núi lên hang rất dốc, khó đi, độ dài chừng 100 m. Cửa hang rất rộng lớn, nhìn về hướng đông bắc, nhưng còn một cửa thông về phía tây trái núi. Từ cửa hang (cửa đông bắc) đi vào, phía bên trái hang đi lên cửa thông có một ngách hang lớn còn rất nhiều nhũ đá đẹp; đi lên cao có nhiều ngóc ngách, nhiều nhũ đá. Trong hang, ánh sáng như ban ngày.

Hang Thắm Chậc đã có sự tu sửa, mở rộng của các đơn vị bộ đội từng đóng quân ở đây. Năm 1947, hang là nơi đóng quân của đơn vị thuộc Cục Quân giới. Năm 1949, là nơi đóng quân của đơn vị thuộc Cục Quân lương. Năm 1953 - 1954, là nơi đóng quân của Phân khu Quân khí 265.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, hang là nơi đơn vị bộ đội đóng quân khai thác đá làm đường.

THẮM CHOONG

Hang đá tự nhiên, dịch nghĩa từ tiếng Tày ra tiếng Kinh là hang Thông, còn gọi là hang Dơi, nằm trong dãy núi đá vôi thuộc xóm Hạ Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

Vị trí hang khá cao, khoảng 70 m so với mặt bằng bãi đất ở chân núi. Lối lên hang thuận tiện bởi đá tự nhiên như được xếp thành bậc. Cách chân núi chừng 100 m là một dòng suối nhỏ. Hang xuyên suốt trái núi, hai cửa mở ra ở hai sườn núi hướng ngược chiều nhau cách nhau khoảng 150 m. Cửa chính của hang rất lớn, rộng tới 37 m, cao 25 m, nhìn về hướng đông. Nền hang thấp dần từ cửa vào, chỗ thấp nhất phía giữa hang tới 5 m. Dọc theo vách hang, có nhiều ngách nhỏ, ăn sâu vào núi. Nền hang có rất nhiều phân dơi và đá dăm. Hang Thẩm Choong rộng rãi, thông thoáng, mát về mùa hè, ấm về mùa đông, thuận lợi cho người xưa cư trú lâu dài.

Thẩm Choong là hang động rộng lớn nhất trong toàn bộ các hang động ở khu vực Thần Sa đã được các nhà khảo cổ khảo sát nghiên cứu trong hai thập niên thứ 7 và thứ 8 của thế kỷ XX. Tháng 3/1980, các nhà nghiên cứu của Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam và Ty Văn hóa thông tin Bắc Thái đã tiến hành khai quật tại Thẩm Choong với một hố đào nhỏ 1 m^2. Hố đào cho phép xác định tại đây có một tầng văn hóa duy nhất, độ dày 0,7 m, bên trong chứa nhiều vỏ ốc suối, đá dăm và hàng trăm di vật là các công cụ chặt thô, nạo cắt, mảnh tước, mảnh vỡ, hòn ghè, đá nguyên liệu trong đó có công cụ chặt thô được gia công ít, vết ghè thô sơ, tùy tiện chiếm số lượng lớn hơn cả.

Di chỉ Thẩm Choong được các nhà khảo cổ học xác định có niên đại giai đoạn đầu của Văn hóa Sơn Vi, tức giai đoạn sớm của hậu kì thời đại đồ đá cũ.

THẨM GIÁO

Hang đá tự nhiên, nằm trên sườn phía tây dãy núi Thượng Nung thuộc xóm Tân Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai. Hang ở độ cao khoảng 100 m so với chân núi, có đường đi lên thuận tiện. Cửa hang rộng, lòng hang thoáng đãng, nền hang tương đối bằng phẳng. Từ cửa hang đi vào khoảng 5 m, ở phía bên trái, có một tảng đá hình người phụ nữ ôm con đứng nhìn ra phía cửa hang. Ở giữa lòng hang có một tảng đá hình ông Phật ngồi khoanh tròn, trên đầu có một nhũ đá lớn chảy xuống quanh năm nước chảy nhỏ giọt, tạo nên cảm giác mát mẻ. Trần hang có nhiều nhũ đá rủ xuống với nhiều hình thù trông rất lạ mắt.

Những năm 80 của thế kỷ XX, các nhà khảo cổ học đã đào một hố thám sát giữa nền hang và thu được một số hòn cuội có vết ghè, một số mảnh tước, một rìu đá (rìu tay) được ghè đẽo 2 bên lưỡi trông khá cân đối. Di chỉ khảo cổ học hang Thẳm Giáo được các nhà khảo cổ xác định là nơi sinh sống của con người thời đại đồ đá cũ.

THẮM HOÀI

Hang đá tự nhiên ở xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai. Hang dài 150 m, rộng từ 2 đến 30 m, diện tích khoảng 2.400 m^2; trong lòng hang có nhiều nhũ đá đẹp.

THẮM LUÔNG

Động tự nhiên, ăn sâu vào lòng núi đá vôi ở xóm Nghinh Tác, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai. Cửa động ở lưng chừng núi, cách mặt đất khoảng 50 m. Trước mặt hang là dòng suối ngày đêm chảy róc rách. Chiều rộng trung bình của động khoảng 50 m, chiều cao khoảng 50 m. Đi sâu vào phía trong hang, có một dòng suối nước trong vắt. Trần động Thẳm Luông có nhiều nhũ đá tuyệt đẹp, hình thù kì dị. .

Động Thẳm Luông có nhiều nhiều vỏ ốc, những mảnh tước bằng đá, những hòn đá cuội và một số xương thú vật..., chứng tỏ nơi đây đã từng có người nguyên thủy cư ngụ.

THẮM TỬA

Hang đá tự nhiên trong núi Nản nằm trên địa bàn xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa.

Núi Nản cao gần 100 m, chạy dài từ xã Phượng Tiến đến Quán Vuông thuộc xã Trung Hội. Hang Thẳm Tửa, tiếng Tày là hang Con Hổ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, hang Thẳm Tửa là nơi cất giấu tài liệu của Ngân hàng Nhà nước.

THĂNG LÊ CAO (Đã mất)

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê tỉnh Nam Định; nguyên Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Năm 1969, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, ông được phân công về Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên); năm 1981, được tuyển làm nghiên cứu sinh tại Liên Xô (cũ); năm 1985, trở về nước tiếp tục làm

công việc của một nhà giáo, kiêm Trưởng bộ môn; sau đó kiêm Phó Chủ nhiệm khoa, rồi Chủ nhiệm khoa Cơ khí Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp; từ tháng 5/1990, được bầu làm Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp; năm 1994, được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên; đến tháng 7/1998, được bổ nhiệm làm Giám đốc kiêm Bí thư Đảng Ủy Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Lê Cao Thăng đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba, Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhì, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ.*

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1996.

THẮNG NGUYỄN MINH

Nghệ sĩ Ưu tú, quê huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; diễn viên sân khấu chèo Đoàn Nghệ thuật Thái Nguyên.

Trong quá trình hoạt động nghệ thuật, diễn viên sân khấu chèo Nguyễn Minh Thắng luôn chịu khó học tập và rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ diễn xuất. Ông đã được trao tặng 2 *Huy chương Vàng*, 4 *Huy chương Bạc* trong các kì hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc.

Nguyễn Minh Thắng được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 2007.

THẮNG LỢI

Kênh mương dẫn nước từ hồ Núi Cốc, đi qua địa phận phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, có chiều dài 2,1 km; đảm bảo cung cấp nước tưới cho đồng ruộng trên địa bàn phường.

THẮNG LỢI

Phường, thành lập năm 1985 trên cơ sở phần diện tích đất và dân số được tách từ xã Cải Đan và thị trấn Mỏ Chè. Phía bắc giáp phường Mỏ Chè, phía nam giáp phường Phố Cò, phía đông giáp phường Cải Đan và xã Tân Quang, phía tây giáp xã Vĩnh Sơn thuộc thị xã Sông Công và xã Minh Đức thuộc huyện Phổ Yên.

Địa hình bằng phẳng, diện tích tự nhiên 4,3 km^2; dân số (năm 2009) 7.860 người, thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Hoa cư trú ở 19 tổ dân phố: từ tổ 1 đến 13, Bến Vượng, Phố Ưng, Tân Lập,

phố Kè, Hợp Thành, Du Tán. Phường Thắng Lợi có 30% số dân sống bằng nghề nông nghiệp, 30% công tác tại các cơ quan, nhà máy, trường học, 15% kinh doanh dịch vụ tiểu thủ công nghiệp, 25% cán bộ nghỉ hưu.

Trên địa bàn phường có trụ sở Thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Sông Công, Khu văn hóa thể thao, Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, v. v...

THÂM GĂNG

Điểm rơi chiếc máy bay thứ 1.000 của giặc Mĩ bị đơn vị pháo 210 bắn cháy (29/4/1966). Vị trí di tích ở xóm Thâm Găng, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh tại Quyết định số 100/QĐ-UB, ngày 16/1/1980 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

THÂM TOỌNG

Nơi đặt trụ sở Cục Quân y (1947 - 1949). Vị trí di tích ở xóm Thâm Toọng thuộc xã Ôn Lương, huyện Phú Lương.

Cuối năm 1947, Cục Quân y (gồm khoảng 20 cán bộ, chiến sĩ) đã đóng cơ quan trên một khu đất thoai thoải, xung quanh có cây rừng bao bọc ở xóm Thâm Toọng. Khu vực làm việc của Cục có 4 ngôi nhà lớn làm bằng tranh tre, nứa, lá. Nhiều thương binh từ các mặt trận được đưa về đây cứu chữa. Năm 1949, cơ quan Cục Quân y chuyển đi nơi khác. Dấu vết nơi đóng quân của Cục Quân y tại Thâm Toọng, tới nay đã bị xóa hết.

THÂM TRUNG

Nơi đặt trụ sở Cục Vận tải thuộc Tổng cục Cung cấp, nay là Tổng cục Hậu cần (1950 - 1953). Vị trí di tích ở xóm Thâm Trung thuộc xã Ôn Lương, huyện Phú Lương.

Cơ quan Cục Vận tải chia ra ở 3 khu vực: Khu chỉ huy, khu chuyên gia Trung Quốc và khu cán bộ, nhân viên. Khoảng giữa 3 khu là một hội trường lớn 8 mái. Nhà ở và làm việc của cán bộ, nhân viên Cục làm bằng gỗ, tre, nứa, lợp lá cọ; bàn, ghế, giường làm bằng vầu. Năm 1953, Cục Vận tải mới chuyển đi khỏi Thâm Trung.

THẨM TẮNG

Nơi ở và làm việc của **đồng chí Nguyễn Chí Thanh** - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và Cơ quan Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (1950 - 1954). Vị trí di tích ở trên đồi Thẩm Tắng thuộc xóm

Đồng Rằm, xã Định Biên, huyện Định Hóa. Hiện còn hệ thống hầm 5 cửa - nơi cơ quan Tổng cục Chính trị làm việc, trong lòng đồi Thẩm Tắng.

THẦN PHẢ BẢN THÔN THẦN THÀNH HOÀNG SỰ TÍCH

Được lưu thờ tại đình làng Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Cuốn thần phả do Suất đội (chức quan võ chỉ huy một đội trong quân đội nhà Nguyễn) Dương Như Đôn sao vào ngày 26/3 năm Kiến Phúc thứ nhất (1884). Nội dung thần phả ghi sự tích về thân thế, sự nghiệp Dương Tự Minh - thành hoàng làng của làng Xuân La. Ông quê ở Quan Triều, huyện Phú Lương (nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Thuở nhỏ nghèo khổ nhưng thông minh, giỏi giang, lại được trên ban "áo tàng hình" nên thường dùng vào nhà kho lấy của cải phát cho dân nghèo và bị quan quân bắt. Nhờ xung phong đi đánh dẹp được bọn giặc ở nước Tống sang xâm lấn biên giới phía Bắc nên được xá tội, sau được nhà Lý phong làm Thủ lĩnh phủ Phú Lương rộng lớn và gả cho hai nàng công chúa: Diên Bình và Thiều Dung, phong làm Phò Mã lang (Phò mã đô úy), và vào làm quan trong triều.

Khi Lý Anh Tông lên ngôi còn nhỏ, bị quyền thần chấp chính là Đỗ Anh Vũ lộng quyền, Dương Tự Minh cùng một số thân vương, quan tướng trong triều hợp lực bắt giam Đỗ Anh Vũ. Do Đỗ Anh Vũ được tha, trở lại chấp chính trả thù tàn bạo những đối thủ cũ nên Dương Tự Minh bị lưu đày lên vùng xa độc. Dân gian lưu truyền, ông về sống ở vùng Điểm Sơn (núi Đuổm) và "hóa" trên núi Đá Chu. Sau này, Lý Anh Tông phân xử lại vụ án Đỗ Anh Vũ, đã ban sắc phong tặng ông là "*Cao Sơn Quý Minh đại vương*", cho xã Động Đạt thờ cúng. Từ đó, dân thôn các làng xã hai bên sông Cầu, trên từ Cao Bằng, dưới đến Lục Đầu Giang đều lập đền thờ ông.

THẦN SA

Khu di chỉ khảo cổ học thời đại đồ đá cũ thuộc xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, bao gồm hang Phiêng Tung, Mái đá Ngườm, hang Nà Ngùn, hang Thẳm Choong và một số hang khác. Các di chỉ thời đại đồ đá cũ Thần Sa được phát hiện, khai quật, nghiên cứu bởi các nhà khảo cổ học của Viện Khảo cổ học Việt Nam, Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam, Đại học

Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Việt Bắc, Ty Văn hóa Thông tin Bắc Thái trong những thập niên 70, 80 của thế kỷ XX.

Khu di tích khảo cổ học Thần Sa được xếp hạng quốc gia tại Quyết định số 147/VH-QĐ, ngày 24/12/1982.

THẦN SA

Xã vùng cao, nằm ở khu vực phía Bắc huyện Võ Nhai; phía đông giáp 2 xã Sảng Mộc và Thượng Nung, phía tây giáp xã Văn Lăng (Đồng Hỷ), phía nam giáp xã Tân Long (Đồng Hỷ) và xã Cúc Đường, phía bắc giáp các xã Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn (huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn). Diện tích tự nhiên 10.246 ha với 75% diện tích là núi đá vôi. Dân số (năm 2009) 2.437 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường cư trú ở 9 xóm: Trung Sơn, Kim Sơn, Hạ Sơn Tày, Hạ Sơn Dao, Xuyên Sơn, Ngọc Sơn 1, Ngọc Sơn 2, Tân Kim, Thượng Kim. Hầu hết người dân sống bằng nghề trồng lúa, ngô và chăn nuôi gia súc, gia cầm...

Thần Sa còn có tên gọi theo tiếng Tày là Bó Thon, nghĩa là mỏ của thủy ngân, son và vàng. Trên những dãy rừng núi đá vôi trùng điệp nhiều loại gỗ quý như nghiến, trai, đinh..., nhiều cây dược liệu, nhiều loại thú rừng. Rừng đặc dụng của xã nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng. Trong lòng núi là những hang động lớn như: Thẩm Choong, Miệng Hổ... Dưới lòng đất Thần Sa là rất nhiều mỏ kim loại quý như vàng, chì kẽm. Trong số 7 mỏ vàng sa khoáng, vàng gốc đang được cấp phép khai thác ở Thái Nguyên thì riêng Thần Sa đã có 5 mỏ, trong đó một số mỏ có trữ lượng lớn là Bản Ná, Khắc Kiệm, Khau Âu.

Khu di chỉ khảo cổ học thời đại đồ đá cũ Thần Sa đã được xếp hạng di tích Quốc gia. Thác Mưa Rơi (tiếng Tày gọi là thác Nậm Dứt) là thắng cảnh đẹp thu hút nhiều khách tham quan.

THẦN TÍCH ĐỀN ĐAN HÀ

Chép về sự tích 3 vị đại vương: Cao Sơn, Quý Minh, Tam Ty Quá Giang đời Hùng Duệ Vương. Đây là bản sao lại bản của Quản giám bách thần tri điện Hùng Lĩnh thiếu khanh Nguyễn Hiền chép năm Hoàng Triều Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) tháng 3 từ bản Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) tháng Giêng.

Theo thần tích, Hiển và Dụ là hai anh em sinh đôi, là con ông Cao Sùng, người gốc Ái Châu và bà Trương Thị Đoan, người Hải Dương ngày nay. Từ nhỏ, hai người nổi tiếng thông minh, học giỏi, thông làu kinh sử. Năm hai người 13 tuổi thì cha mẹ mất cả.

Cuối thời Hùng Vương, Hùng Duệ Vương gả công chúa cho Sơn Thánh Tản Viên. Trong hôn lễ, Duệ Vương thấy Hiển và Dụ đứng hai bên sân đình (trông tướng mạo) anh hùng, dũng lược bèn phong cho hiển là Tả Quốc Chính nhạc phủ Tào Liêu Đại tướng quân, Dụ là Hữu Quốc Chính nhạc phủ Tào Liêu Đại tướng quân.

Uyên là con trai của Ái Nương, quê ở huyện Bình Tuyền, phủ Phú Bình (vì có thai phải trốn đi tu, gọi là Ái Liên thiền sư). Lớn lên, Uyên tướng vóc oai phong, là anh hùng cái thế, dũng lược hơn người, được Tản Viên Sơn Thánh cho thống lĩnh Tam tư thủy đạo ngự lĩnh thành Bạch Hạc, Nguyên soái Đại tướng quân. Ba Đại tướng quân: Hiển, Dụ, Uyên thân thiết như ruột thịt, được vua sai phối hợp cầm quân thủy bộ đi tuần thú Tượng Châu (sau là Thái Nguyên) lập công cứu giúp dân lành. Sau 3 vị được cử cầm quân thủy bộ nghênh chiến với quân Thục, được khắc trên xương rùa phong nhiệm: Hiển Công là Cao Sơn đại vương, Dụ Công là Quý Minh đại vương, Uyên Công là Thủy Tào tam tư nguyên soái đại vương. Giặc tan, Hiển Công về Thông Hóa, Dụ Công về Hưng Hóa, Uyên Công về quê mẹ. Sau khi 3 vị mất đi, được Duệ Vương và Sơn Thánh truyền lệnh cho dân chúng lập miếu phụng thờ.

THẦN TÍCH TAM GIANG KHƯỚC ĐỊCH THẦN

Chép về sự tích thần Tam Giang họ Trương, anh là Hống, em là Hát, là hai anh em ruột, con thần Vân Mẫu, đều làm tướng của Triệu Quang Phục (Triệu Việt Vương), sau ẩn ở núi Phù Long, Lý phật Tử triệu ra nhưng không theo, rồi uống thuốc độc chết. Sau khi chết, họ trở nên rất linh thiêng đã hiển linh âm phù (báo ứng) cho Phạm Cự Lạng (Lượng) đánh thắng giặc Hầu Nhân Bảo nhà Tống, được vua Lê Đại Hành phong thần: Một người làm Khước Địch đại vương thờ ở ngã ba sông Thượng Nhãn, một người làm Uy Địch đại vương thờ ở sông Như Nguyệt. Hai thần sau còn âm phù (báo ứng) cho Lý Thường Kiệt đánh thắng giặc Tống trên sông Như Nguyệt.

Thần Tam Giang Khước Địch được thờ phổ biến trong các ngôi đền ở dọc sông Cầu, thuộc các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên) và tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh.

THEN

Nghệ thuật truyền thống của các tộc người Tày, Nùng, Thái, Giáy,... được thể hiện ở các cuộc diễn xướng trong nghi thức tín ngưỡng dân gian và trong sinh hoạt văn hoá, văn nghệ.

Từ Then là từ biến âm của "Thiên" (trời). Căn cứ vào chức năng, có thể chia Then thành các loại: Then kì yên (cầu an), Then chữa bệnh, Then cầu mùa, Then cấp sắc, Then chúc tụng. Căn cứ vào hình thức, cách thể hiện, người ta lại chia Then thành hai dòng: Then Văn và Then Võ. Then Văn có nội dung lời ca thiên về kể lể và ông Then không dùng chân sóc nhạc. Then Võ có lời ca rõ ràng, mạch lạc, âm nhạc sôi động và người làm Then dùng chân sóc nhạc.

Dưới góc độ văn học, ca từ của Then thường là những bản trường ca hoặc những lời ca gắn với sự tích trong dân gian. Sự huyền bí của nghi lễ, sự mượt mà của giai điệu, sự bay bổng của lời ca, sự cuốn hút của tiếng đàn tính tẩu và các điệu múa đã làm cho bao người say mê then.

Ngày nay, trong nhiều xóm bản người Tày vùng Định Hoá, Phú Lương, hát Then còn được những ông Then, bà Pựt trân trọng giữ gìn; nhiều thanh niên nam nữ vẫn đắm say với điệu hát then.

THẾ PHAN QUANG

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1979, sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; năm 2003, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Máy cắt gọt kim loại tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Nhà giáo Phan Quang Thế đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng bộ môn Cơ sở thiết kế máy (2001 - 2002), Trưởng bộ môn Cơ sở thiết kế máy (2002 - 2003), Phó Trưởng phòng Đào tạo - Khoa học - Quan hệ

quốc tế (2003 - 2005), Trưởng phòng Đào tạo - Khoa học - Quan hệ quốc tế (2005 - 2006), Trưởng phòng Đào tạo (2006 - 2007), Phó Hiệu trưởng (2007 - 2010) và từ năm 2010 là Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. Ông được trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba* và được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2008.

THÊM LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1920, dân tộc Kinh, quê xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; thường trú tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

Mẹ Lê Thị Thêm có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là liệt sĩ Đặng Văn Chiêu (nhập ngũ tháng 4/1964, hi sinh ngày 15/9/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Thêm danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THIÊN TÂY TRÚC

Chùa và Đền, được dựng từ thế kỷ XV tại xóm Hoà Bình 2 xã Quân Chu, huyện Đại Từ; nằm ở lưng chừng núi cao thuộc sườn đông dãy núi Tam Đảo.

Đến thời Nhà Mạc (khoảng 1527 - 1529), ngôi chùa được dựng lại.

Trước đây chùa có kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH, cột, vách bằng gỗ, mái lợp tranh nứa. Tiền đường dài 12 m, rộng 6 m; hậu cung sâu 6 m, rộng 5 m. Trong chùa có bàn thờ thờ các vị tam thế và 18 vị quận công. Do ở trong rừng sâu, lại trong điều kiện chiến tranh loạn lạc, kinh tế khó khăn nên ít được nhân dân quan tâm hương khói, sửa chữa, chùa hư hỏng dần; đến năm 1944 thì hỏng hoàn toàn. Việc thờ cúng bị gián đoạn.

Năm 1989, nhân dân địa phương xây dựng lại chùa bằng vật liệu tre nứa. Năm 1993, được tôn tạo lại trên nền đất cũ, nhưng được tách làm 2 phần: Nhà chùa và nhà đền. Đền được làm phía trước, gồm 3 gian tổng chiều dài 6m, rộng 4m, cột ván, quây xung quanh bằng gỗ, mái lợp ngói. Trong đền có bàn thờ, trên bàn có 2 pho tượng, pho tượng to là Địa Mẫu,

tượng nhỏ là Bà Chúa Thượng ngàn và 18 bát hương thờ 18 vị quận công (còn lưu giữ được danh sách bằng chữ Nho).

Chùa Thiên Tây Trúc ngày nay có kiến trúc theo kiểu hình ống, cùng với đền tạo thành quần thể kiến trúc hình chữ ĐINH. Vật liệu xây dựng chùa bằng gỗ và ngói. Dài 6 m, rộng 2,5 m. Trong chùa có bàn thờ, trên bàn có 3 pho tượng tam thế bằng đất, do nhân dân địa phương tự làm và một pho tượng Quan Thế Âm Bồ tát nghìn mắt, nghìn tay (bằng gỗ mít) cùng một số đồ thờ khác.

Đền - chùa có 2 ngày lễ chính trong năm là ngày 18/2 và ngày 22/12 Âm lịch. Ngoài ra, các ngày 1 và ngày 15 hằng tháng, nhân dân cũng sắm lễ cúng tế.

Chùa Tây Thiên Trúc là nơi thành lập Đội Cứu quốc quân Phạm Hồng Thái - tiền thân là Đội Du kích Cao Sơn.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 203/UB-QĐ ngày 25/1/2006).

THIỆN TRẦN XUÂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1954, dân tộc Kinh, quê ở thôn Thọ Lâm, xã Động Đạt và trú tại xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Đồng chí Trần Xuân Thiện nhập ngũ tháng 9/1972.

Trong quá trình chiến đấu và công tác trong quân đội, đồng chí đã được tặng thưởng: *Huân chương Chiến công hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba*; 4 lần được tặng danh hiệu *Dũng sĩ Quyết thắng*, danh hiệu *Dũng sĩ diệt cơ giới cấp ưu tú*, 1 *Huy chương Chiến sĩ giải phóng* và 3 lần được bầu là *Chiến sĩ thi đua*. Với tinh thần dũng cảm, mưu trí và kiên cường trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, tác phong tỉ mỉ, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt, đồng chí được đồng đội tin yêu, mến phục.

Do có nhiều thành tích xuất sắc, ngày 6/11/1978, đồng chí Trần Xuân Thiện đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

THIỆP VŨ THỊ ÁNH

Nghệ sĩ Ưu tú, quê thành phố Thái Nguyên; thường trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Thuở nhỏ, học phổ thông tại Thái Nguyên. Từ tháng 9/1989 đến tháng 9/2008, là diễn viên Đoàn Kịch nói Bắc Thái (sau là Thái Nguyên). Từ 2008 đến nay, là cán bộ Nhà Văn hoá Thông tin tỉnh.

Nghệ sĩ Vũ Thị Ánh Thiệp đã có nhiều thành công, đóng góp cho sân khấu kịch nói tỉnh Thái Nguyên. Đã giành được nhiều giải *Huy chương Vàng* tại các Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc và khu vực: Vai bác sĩ Thu Hiền trong vở *Đi giữa đời lặng lẽ*, vai cô Thuỳ vở *Kẻ gieo gió*, vai Ngọc Mai vở *Nữ thần vàng*, vai bà Xuân vở *Người tình của cha*, vai A Xuân vở *Nùng Văn Vân*, vai Bà mẹ vở *Nắng quái chiều hôm*... và nhiều giải thưởng khác.

Bà đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 2007. Hiện là Hội viên hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

THIẾU SINH QUÂN VIỆT BẮC

Trường, tiền thân là Đại đội 5 thuộc Trường Văn hoá Quân khu, thành lập ngày 23/10/1983.

Trường có nhiệm vụ nuôi dưỡng, đào tạo Thiếu sinh quân, tạo nguồn cán bộ cho các địa phương vùng sâu, vùng xa trên địa bàn. Từ năm 1983, nhà trường đã tuyển sinh 30 khoá học, với tổng số 1.700 học sinh; bổ túc văn hoá cho hơn 3.000 cán bộ, công nhân viên quân đội và các địa phương trên địa bàn; tổ chức ôn luyện văn hoá gần 4.000 lượt hạ sĩ quan, chiến sĩ dự thi vào các trường đại học, cao đẳng trong quân đội.

Ngày 19/1/1994, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/TTg, chuyển đặt Trường Thiếu sinh quân Việt Bắc Quân khu I (là 1 trong 5 trường thiếu sinh quân trong toàn quốc) trong hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú.

THÌN ĐÀM THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, dân tộc Kinh, quê xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Đàm Thị Thìn có 3 con là liệt sĩ: Hà Văn Hoạt (nhập ngũ năm 1949, hi sinh ngày 1/5/1954 tại Mặt trận Điện Biên Phủ), Hà Minh Thông (nhập ngũ năm 1965, hi sinh ngày 27/7/1970 tại mặt trận phía

Nam) và Hà Minh Lịch (nhập ngũ năm 1967, hi sinh ngày 19/8/1969 ở chiến trường miền Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Đàm Thị Thìn danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THỈNH PHẠM VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nguyên Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Năm 1968, sau khi tốt nghiệp khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được phân công công tác giảng dạy tại Khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Thái Nguyên). Năm 1977, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Taskent thuộc Liên Xô (cũ); trở về nước tiếp tục công tác giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc; năm 1984, được bổ nhiệm làm Phó Chủ nhiệm và đến năm 1986, làm Chủ nhiệm Khoa Hoá; năm 1995, được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng Ủy Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; từ 1998 đến 2007, làm Phó Giám đốc kiêm Phó Bí thư Đảng Ủy Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Phạm Văn Thỉnh đã được trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhì*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

THỊNH DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1892, trú quán xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình.

Mẹ Dương Thị Thịnh có con độc nhất là liệt sĩ Dương Nghĩa Phúc (nhập ngũ năm 1949, hi sinh tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc). Đầu năm 2003, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Thịnh danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THỊNH ĐÁN

Phường nằm ở khu vực trung tâm về mặt địa lí của thành phố Thái Nguyên, được thành lập năm 2004. Phía đông giáp phường Tân Lập,

phía tây giáp xã Quyết Thắng, phía nam giáp xã Thịnh Đức, phía bắc giáp phường Tân Thịnh và xã Quyết Thắng. Diện tích 6,2 km². Dân số (năm 2009) 14.493 người, thuộc 12 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Giáy cư trú ở 23 tổ dân phố, thứ tự từ 1 đến 23. 70% dân cư trong phường hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, 20% là công chức, viên chức và hành nghề tự do, sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm dưới 10%.

Trên địa bàn phường có Quốc lộ 3 mới (đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, Tỉnh lộ 260 (từ trung tâm thành phố đi huyện Đại Từ) và Tỉnh lộ 263 nối trung tâm thành phố với hồ Núi Cốc chạy qua. Chùa Thịnh Đán là di tích lịch sử cách mạng đã được xếp hạng quốc gia, nơi tháng 8/1945 đồng chí Võ Nguyên Giáp chọn làm điểm tập kết Quân Giải phóng, chuẩn bị tiến vào giải phóng tỉnh lị Thái Nguyên đêm 19 rạng sáng 20/8/1945.

Bệnh viện A Thái Nguyên (350 giường), Bệnh viện Y học cổ truyền (200 giường), Bệnh viện Tâm thần (150 giường bệnh), Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền nằm trên địa bàn phường.

THỊNH ĐÁN

Tổng, thành lập năm Thành Thái thứ 13 (1901) trên cơ sở các xã Thịnh Đán, Sa Cạt của tổng Túc Duyên và các xã Phú Xuân, Ỷ Na, Cương Lăng, Thịnh Đức của tổng Ỷ Na (huyện Phú Lương). Đến trước năm 1945, tổng Thịnh Đán gồm 8 xã: Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tân Thành, Cương Lăng, Tân Cương, Y Na, Sa Cạt và Phú Xuân; phía bắc giáp tổng Cù Vân (huyện Đại Từ) và tổng Sơn Cẩm (huyện Phú Lương); phía đông giáp tổng Túc Duyên; phía nam giáp tổng Niệm Quang; phía tây giáp tổng Yên Lãng và Ký Phú (huyện Đại Từ).

Xã Thịnh Đán về cơ bản tương ứng với địa phận phường Thịnh Đán, Tân Thịnh và một phần phường Tân Lập của thành phố Thái Nguyên ngày nay. Xã Sa Cạt về cơ bản là địa phận xã Quyết Thắng và khu vực bắc - tây bắc xã Phúc Trìu ngày nay. Các xã Tân Cương, Ỷ Na cơ bản là phần đất xã Tân Cương, khu vực phía Nam xã Phúc Trìu ngày nay. Xã Cương Lăng là phần đất khu vực phía Nam xã Thịnh Đức, đến giáp bờ sông

Công. Xã Tân Thành là phần đất nằm ở khu vực trung tâm xã Thịnh Đức và một phần đất xã Phúc Trìu, Quyết Thắng. Phần lớn đất các xã Thịnh Đức, Cương Lăng và Tân Thành nằm trong địa phận xã Thịnh Đức ngày nay. Xã Phú Xuân về cơ bản tương ứng với địa phận xã Phúc Xuân và một phần xã Phúc Trìu ngày nay.

THỊNH ĐỨC

Đình, được dựng từ lâu đời trên gò Na Làng - một khu đất cao, bằng phẳng, thuộc xóm Thịnh Đức, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ. Trước năm 1945, đình có tên gọi là đình Làng Đẫu thuộc xã Vân Hán, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ; gồm 5 gian, cột bằng gỗ táu, mái lợp tranh nứa, có sàn. Trước cửa đình có 2 cây đa to.

Năm 1992, đình được làm lại gồm 3 gian, diện tích trên 40m², xây bằng gạch và lợp ngói máng. Gian giữa đặt một bộ nhang án cổ, có trạm nổi hình long, li, quy, phượng. Nhang án cao 1,4 m, dài 1,8 m. Trên nhang án đặt một bát hương cổ có đường kính 20cm, cao 25cm, chạm nổi hình rồng. Cạnh bát hương đặt những bộ chân nến. Trong hậu cung đặt một chiếc ngai sơn son thếp vàng; hai cánh cửa gỗ hai bên của hậu cung được chạm nổi hình 2 con hạc, chân đặt trên lưng con rùa; trên xà thượng khắc nổi 2 con rồng chầu nguyệt.

Đình thờ người anh hùng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Hằng năm, dân làng thờ cúng 5 kì vào các ngày 7/1, 2/3, 10/7, 15/8, 23/11 âm lịch. Vào các ngày lễ, làng tổ chức nhiều trò chơi dân gian (múa lân, tung còn, hát ví, đánh vật...). Ngày nay, dân làng vẫn duy trì hương khói vào các ngày lễ trên, nhưng phần hội không còn.

Đình Thịnh Đức là nơi diễn ra nhiều cuộc họp của Liên khu Việt Bắc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

THỊNH ĐỨC

Xã, nằm ở khu vực Tây Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp xã Quyết Thắng và phường Thịnh Đán, phía nam giáp 2 xã Bá Xuyên và Bình Sơn (thị xã Sông Công), phía đông giáp phường Tích Lương (thành phố Thái Nguyên) và xã Tân Quang (thị xã Sông Công), phía tây giáp 2 xã Tân Cương và Phúc Trìu.

Diện tích tự nhiên 14,80 km², mang đặc trưng vùng đất trung du; đồi và núi đất thấp chiếm gần 50% diện tích tự nhiên, rất thích hợp cho cây công nghiệp (chè, mía), cây ăn quả và cây lấy gỗ. Diện tích lúa nước chiếm khoảng 40%, nhưng kém phì nhiêu. Dân số (năm 2009) 7.118 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Ngái cư trú ở 25 xóm: Bến Đò, Ao Miếu, Lò Gạch, Đà Tiến, Làng Cả, Xuân Thịnh, Đồng Chanh, Đầu Phấn, Đức Hoà, Hoà Bắc, Lượt 1, Lượt 2, Cây Thị, Con Cóc, Khánh Hoà, Hợp Thành, Ao Sen, Phúc Hoà, Lâm Trường, Phúc Trìu, Tân Đức 1, Tân Đức 2, Cầu Đá, Mỹ Hoà, Mới. Nguồn sống chính của nhân dân trong xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có 3 tuyến tỉnh lộ: 260, 262 và 263; có một số cơ sở kinh tế của Nhà nước (lâm trường, trại giống gia súc), cơ sở đào tạo lái xe, khu du lịch sinh thái Thái Hải, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Thái Nguyên, Nghĩa trang Dốc Lim và một số đơn vị quân đội.

THỊNH KHÁNH

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại địa phận xóm Thịnh Khánh, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp cầu 6 m. Mố cầu được xây bằng đá, dầm bằng bê tông cốt thép. Cầu có tải trọng thiết kế H13-X60, đảm bảo cho xe ô tô qua lại thuận lợi.

THỌ TRẦN

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ Kỹ thuật, quê xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; nguyên Tổ trưởng bộ môn Cơ khí luyện kim - cán thép Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Từ 1960 đến 1965, ông được cử đi học đại học tại Đông Bắc Công học Viện (Thẩm Dương, Trung Quốc); sau đó (1965) chuyển tiếp làm nghiên cứu sinh nhưng đến cuối năm 1966 phải về nước (do cuộc "cách mạng văn hoá" tại Trung Quốc), giảng dạy tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái (nay là Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên); từ năm 1973, được cử đi làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Mỏ - OSTRAVA (Cộng hoà Séc) chuyên ngành Chế tạo máy và thiết bị; năm 1978, trở về nước tiếp tục công tác giảng dạy tại Trường Đại học Cơ điện Bắc Thái...

Nhà giáo Trần Thọ đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Tổ trưởng bộ môn Nguyên lý chi tiết máy (1966-1968), Tổ trưởng bộ môn Cơ khí luyện kim (1968 - 1971), Chủ nhiệm Khoa Cơ khí (hai nhiệm kỳ 1979-1986), Tổ trưởng bộ môn Cơ khí luyện kim - cán thép (1999-2000). Ông đã được tặng thưởng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất*, 1 *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.*

Nhà giáo Trần Thọ được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2002.

THỔ HỒNG

Nơi luyện quân chống thực dân Pháp. Vị trí di tích ở xóm Thổ Hồng, xã Tân Thái, huyện Đại Từ. Vào đầu thế kỷ XX, nơi đây là rừng núi rậm rạp. Tương truyền, Đề Nguyễn - một danh tướng của Hoàng Hoa Thám chọn nơi đây làm nơi luyện quân chống giặc Pháp. Dựa vào nhân dân địa phương (lúc đó mới chỉ có khoảng 40 gia đình), nghĩa binh vừa luyện tập quân sự, vừa tăng gia sản xuất tự túc lương thực nuôi quân. Một số thanh niên trai tráng trong vùng đã gia nhập đội quân của Đề Nguyễn.

Dấu tích còn lại là hệ thống hầm hào, trong đó có hầm đi vào sâu trong suối Hạ Du, một số những tảng đá lớn được dựng lên làm vật che đỡ cho nghĩa quân khi chiến đấu.

THÔN ĐỒI

Chiến sự ngày 16/10/1917.

Chiều 15/10/1917, hơn 30 nghĩa quân do Cai Xuyên chỉ huy được Ba Chén (người thôn Hoàng Đàm) dẫn đường từ Đô Tân vượt sông Công sang Cầu San về thôn Đồi, làng Hoàng Đàm (nay thuộc xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên).

Tại đây, nghĩa quân được nhân dân cung cấp lương thảo, giúp đỡ xây dựng trận địa chiến đấu. 8 giờ sáng ngày 16/10, quân Pháp bao vây thôn Đồi. Ỷ thế quân đông, vũ khí hiện đại, quân Pháp tổ chức nhiều đợt tấn công vào thôn. Vừa dùng loa kêu gọi binh lính người Việt trong quân đội Pháp không bắn vào người mình, nghĩa quân vừa lợi dụng địa thế hiểm yếu mưu trí, kiên cường đánh trả, đẩy lui tất cả các cuộc tấn công, tiêu diệt nhiều tên lính Pháp. Nghĩa quân còn tổ chức những mũi nghi binh, đánh tập hậu gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ngày 17/10, có thêm viện binh, quân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn vào trong thôn. Đạn lửa của địch bắn bừa bãi vào thôn làm cháy nhiều nhà dân. Sau khi tiêu diệt và làm bị thương 23 tên địch trong đó có 14 lính Âu, để bảo toàn lực lượng, nghĩa quân rút sang vùng núi rừng Yên Thế (Bắc Giang).

THÔNG

Cầu, được xây dựng tại Km 23+18 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 2002, có chiều dài 9,16 m, rộng 7 m, nhịp dài 6 m chất liệu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

THÔNG

Đình - Chùa, có từ lâu đời trên 1 quả đồi thấp thuộc xóm Đồng Chùa, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương; đã bị phá huỷ từ những năm 60 thế kỷ XX, chỉ còn nền, 1 hộp đựng sắc phong, 6 tượng gỗ gồm 3 pho tâm thế, 3 pho tượng Mẫu, 1 pho tượng Thích Ca sơ sinh bằng đồng và 2 cây thông cổ thụ có đường kính gốc 1,2 m, cao khoảng 30 m.

Năm 1993, dân làng Đồng Chùa dựng lại trên nền đình - chùa cũ một nếp nhà tranh để vừa thờ Phật, vừa thờ thành hoàng làng là Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương (thế kỷ XII).

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Cơ quan thường trú tại Thái Nguyên. Đặt tại số 6 - Đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thành lập ngày 25/1/1997 theo Quyết định số 40/QĐTC của Thông tấn xã Việt Nam. Trước đây là Phân xã Thông tấn xã Việt Nam tại tỉnh Bắc Thái; là một đơn vị cơ sở của Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại tỉnh Thái Nguyên, có chức năng thực hiện công tác thông tin trên địa bàn. Tổ chức của đơn vị gồm Trưởng Cơ quan và các phóng viên.

THỐNG THƯỢNG

Tổng, thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình trong thế kỷ XIX. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX* và *Đồng Khánh địa dư chí (1886 - 1888)*, tổng Thống Thượng gồm 6 xã: Thống Thượng, Thống Hạ, Trung Năng, Thản Đãng, Phúc Thuận, Kim Bảng và 1 trang: Tân Yên.

THU NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1922, quê tỉnh Bắc Ninh; thường trú tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Mẹ Nguyễn Thị Thu có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tiến (nhập ngũ tháng 10/1966, hi sinh ngày 20/11/1967 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, mẹ Nguyễn Thị Thu được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THÙ LÂM

Bến đò, còn gọi là Thùa Lâm, nằm trên địa phận làng Thù Lâm (Thùa Lâm), xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, bờ bên kia sông Cầu là làng Tân Lai (nay gọi Giang Tân), xã Thạch Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Từ xa xưa, bến này chỉ có những chiếc đò ngang nhỏ bằng gỗ hoặc đan bằng tre (gọi là thuyền thúng) chở hàng hoá từ các chợ Cầu Gỗ (Tiên Phong) sang chợ Chèo, chợ Thắng (Hiệp Hoà) và ngược lại. Bến đò Thù Lâm tuy không nằm trên trục đường giao thông chính, nhưng từ lâu đời, nó vẫn hoạt động thường xuyên, góp phần giao lưu kinh tế, văn hoá giữa hai vùng bên dòng sông Cầu.

THÙ LÂM

Đình, nằm ở thôn Thù Lâm, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

Đình được nhân dân xây dựng vào thời hậu Lê. Đầu thời nhà Nguyễn, niên hiệu Gia Long nguyên niên (1802). Đình được nhân dân công đức tiền của trùng tu tôn tạo và lập bia lưu lại. Đình Thù Lâm thờ danh tướng Dương Tự Minh và Công chúa Diên Bình. Đình toạ lạc trên một khu đất rộng bằng phẳng nằm ở trung tâm làng. Đình có kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH gồm toà đại dinh rộng 3 gian, 2 chái và 3 gian hậu cung. Cột đồng trụ đình khắc câu đối: Việt địa cao danh tướng/Nam thiên thượng đẳng thần (Là tướng có danh vị ở nước Việt/ Bậc thần thượng đẳng ở trời Nam). Sân đình lát gạch chỉ, toà đại đình Thù Lâm có 3 gian, 2 chái, với 4 lá mái, các góc mái đao cong. Toàn bộ hệ thống cột, xà, hoành đều làm bằng bê lông cốt thép giả gỗ, lá mái được làm bằng các loại gỗ tốt, chịu lực khoẻ, trên lợp mái ngói mũi. Các bờ nóc, bờ giai được trang trí hoa văn đường diềm hoa chanh. Chính giữa bờ nóc trang trí đắp nổi hình

"Lưỡng long chầu nguyệt". Bốn đầu đao góc mái cong được trang trí hình đầu rồng, đuôi hổ tạo cho mái đình thanh thoát, bề thế, ngôi đình nổi bật lên giữa làng xóm trù mật. Hậu cung giữ nguyên kiến trúc gốc. Tại đình còn bảo lưu nhiều di vật có giá trị lịch sử như: 12 sắc phong; bia đá, hoành phi; câu đối, kiệu bát cống; hương án cổ; cửa võng... Phía trước ngôi đình Thù Lâm là ao lớn, xung quanh được trồng cây xanh rợp bóng mát đậm chất làng quê. Đình hiện duy trì lễ hội vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch hằng năm, thu hút nhiều du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan du lịch, dự lễ hội truyền thống của làng.

THỤ NGUYỄN

Nhà giáo Nhân dân, GS.TS, nguyên Hiệu trưởng Trường Mĩ thuật Việt Nam; quê xã Đồng Mỗ (nay là phường Trưng Vương), thành phố Thái Nguyên. Ông là tác giả tranh lụa nổi tiếng, điển hình là tác phẩm *Mùa*.

Nhà giáo Nguyễn Thụ đã được nhận giải thưởng Nhà nước về văn hoá nghệ thuật cho chùm tác phẩm: *Dân quân, Đấu vật, Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân, Làng ven núi, Bác Hồ đi công tác...*

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Nhân dân* năm 1988

THUẦN LƯƠNG

Chùa, được dựng từ lâu đời, tại xã Thuần Lương, tổng Thượng Đình, huyện Phú Bình, nay là xóm Ngân, phường Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên. Chùa và đình nằm gọn trên một quả đồi rộng 5.000 m².

Chùa Thuần Lương có kiến trúc kiểu chồng diêm, xây tường gạch, mái tam quan lợp ngói cổ; có nhà thờ tổ 3 gian. Trong chùa thờ Phật Quan Âm. Hậu cung thờ Cao Sơn Quý Minh Dương Tự Minh và hai bà vợ.

Chùa đã bị tàn phá trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

THUẦN LƯƠNG

Đình, được dựng từ lâu đời tại xã Thuần Lương, tổng Thượng Đình, huyện Phú Bình, nay là xóm Ngân, phường Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên. Đình gồm 3 dãy nhà xếp theo hình chữ U. Đại đình 5 gian, gian giữa thờ thành hoàng làng, hai gian tả, hữu thờ hai ông hộ pháp và các bát nhang cô hồn. Hai dãy nhà hai bên tả, hữu dùng để phục vụ lễ hội,

đình đám (tảo xá). Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đình bị bom đạn phá hỏng.

THUẬN THÀNH

Xã, nằm ở vùng cực Nam huyện Phổ Yên; phía đông giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là xã Hợp Thịnh (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), phía tây nam và phía nam giáp 2 xã Hồng Kỳ và Trung Giã (huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội), phía đông bắc giáp xã Tân Phú, phía tây bắc và phía bắc giáp xã Trung Thành.

Xã Thuận Thành được thành lập trong thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954) trên cơ sở tách xã Trung Thành làm 2 xã (Trung Thành và Thuận Thành). Xã Thuận Thành khi mới thành lập, dân số có 1.891 người.

Hiện nay, xã Thuận Thành có diện tích tự nhiên hơn 5,63 km² (gồm 2,44 km² đất nông nghiệp, 3,17 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng). Dân số (2009) có 5.006 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Thái, Mường, Giáy cư trú ở 14 xóm: Xây Đông, Xây Tây, Thượng, Lai 1, Lai 2, Bíp, Đoàn Kết, Phú Thịnh, Công Thương, Đông Triều, Đầm, Dâu, Chùa 1, Chùa 2.

THỤC NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, dân tộc Kinh, sinh năm 1922, quê thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ; trú quán tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Thục có con độc nhất (con nuôi) là liệt sĩ Nguyễn Đức Lộc (nhập ngũ năm 1979, hi sinh ngày 19/2/1979 tại mặt trận Biên giới phía Bắc). Mẹ đã được Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THƯ NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1905, dân tộc Kinh; quê xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; trú quán phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Thư có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Ngọc Kha hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ngày 28/8/2006, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Thư danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập từ cuối những năm 50 của thế kỷ XX; là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại số 29 - Đường Bến Tượng, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thư viện tỉnh có chức năng sưu tầm, lưu giữ, bảo tồn, khai thác nguồn sách, tài liệu phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và giải trí cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2010, Thư viện Khoa học tổng hợp tỉnh Thái Nguyên có trên 85.000 đầu sách, 55 loại báo, tạp chí các loại.

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1966, cùng với Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Thái Nguyên).

Với trên 200.000 đầu sách, các loại tạp chí và hàng nghìn công trình bao gồm Luận án Tiến sĩ, Luận văn Thạc sĩ, Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân, các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc nhiều lĩnh vực: Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Triết học, Văn học, Sử học, Địa lí, Tâm lí học..., Thư viện Trường Đại học Sư phạm là đơn vị phục vụ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, sinh viên trong và ngoài trường.

THỰC DƯƠNG NHƯ

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1957; quê xã Vinh Sơn, thị xã Sông Công; gia nhập lực lượng Công an Nhân dân tháng 6/1977, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 4/12/1991, trên đoạn Quốc lộ 3 qua địa bàn huyện Phú Lương, đồng chí Dương Như Thực đã anh dũng hi sinh trong khi làm nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy và truy đuổi 4 tên cướp nguy hiểm, có vũ khí nóng (súng các loại) và đã anh dũng hy sinh. Với thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 22/7/1998, đồng chí Dương Như Thực đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 341 - KT/CTN truy

tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Huân chương Chiến công hạng Ba.*

THƯỢC NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1908, dân tộc Kinh, quê xã Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên); trú quán tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Thược có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Tiến Thắng, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ngày 23/8/2006, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Thược danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực. Trụ sở đặt tại số 18 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ triệu tập và chủ toạ các kì họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan Nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát việc thực hiện pháp luật tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bỏ phiếu bất tín nhiệm với người giữ trọng trách do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra, tổ chức tiếp dân; báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ; giữ mối quan hệ với Ban Thường vụ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều hoà hoạt động của các ban thuộc Hội đồng nhân dân và tập hợp các chất vấn của đại biểu trình Hội đồng nhân dân,...

THƯỢNG

Đình, được dựng từ lâu đời trên một gò đất bằng rộng khoảng 1600 m^2 ở thôn Thượng, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Đình Làng Thượng là một ngôi đình cổ gồm 3 gian, 2 chái, 4 mái đao cong, nóc đình có lưỡng long chầu nguyệt. Đình thờ thần Cao Sơn Quý Minh đại vương Dương Tự Minh và thần Tam Giang. Do thời gian và chiến tranh, đình thôn Thượng đã bị xuống cấp và đổ nát. Hiện nay, nhân dân trong làng đã dựng tạm lại đình làm nơi thờ cúng.

THƯỢNG ĐÌNH

Chùa, có từ lâu đời ở làng Thượng Đình, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình. Chùa Sinh Từ xưa kia được xây dựng to đẹp nhưng đã bị phá huỷ. Chùa mới được xây dựng lại vào năm 1995.

Hiện vật lưu giữ tại chùa gồm 1 quả chuông đồng nặng khoảng 200kg niên đại Cảnh Thịnh năm thứ 8 (1800), 1 bia đá tứ diện ghi "Hậu thần bi kí".

THƯỢNG ĐÌNH

Chuông chùa ở xã Thượng Đình, huyện Phú Bình. Chuông cao 1 m, chu vi đường tròn đáy chuông 2,3 m; đường kính miệng chuông 73 cm; chu vi thân chuông 2 m. Thân chuông khum, vai cong nhẹ, miệng trơn có 2 vành gờ viền. Trên thân chuông chia 2 lớp là những nhóm gờ ngang dọc chia ra 4 ô đứng và 4 ô nằm, trên đó có 4 núm gỗ với nhiều hạt tròn như hạt cườm, viền quanh các núm. 4 ô dưới để trống, 4 góc ô có trang trí hoa dây kiểu sóng nước hình con số 3 ngược. 4 ô trên khắc chìm bài minh với 400 chữ Hán Nôm trải cả 4 ô, 4 góc ô đều có trang trí hoa văn. Trong 4 ô cuối khắc bài minh có 20 câu thơ theo thể 4 chữ ca ngợi cảnh chùa và công đức của các tín thí. Người đứng ra công đức đúc chuông là ông Dương Như Đình, Án sát xứ Thái Nguyên, người làng Thượng Đình cùng nhiều gia đình ở địa phương và khách thập phương. Chuông đúc dưới thời Tây Sơn niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ 8 (1800), không bị đục chữ dưới sự kiểm soát của nhà Nguyễn. Đây là một trong những quả chuông lớn nhất của thời Tây Sơn còn lại đến ngày nay, là một di sản văn hoá quý giá.

THƯỢNG ĐÌNH

Đình, được dựng từ lâu đời ở làng Thượng Đình, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình; là nơi thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tam Giang và Dương Tự Minh. Dấu tích ngôi đình xưa hiện nay chỉ còn lại hậu cung; nối liền hậu cung là toà tam quan. Trong hậu cung có bàn thờ gỗ chạm đề tài tứ linh, tứ quý, 3 ngai thờ chạm đầu rồng, mỗi ngai đặt 1 bài vị, 2 bát hương gốm và sứ; 4 sắc phong (1 sắc phong niên đại Tự Đức năm thứ 33 (1880), 3 sắc phong năm Khải Định thứ 9 (1924), 3 bộ ngai thờ chạm đầu rồng trên có 3 bài vị.

THƯỢNG ĐÌNH

Tổng thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên trước năm 1945.

Theo sách *Tên làng, xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Thượng Đình đầu thế kỷ XIX gồm 8 xã, 29 làng, xóm:

Xã Thượng Đình có 7 làng, xóm: Bái Yên, Nhân Minh, Huống, Trại Mới, Vĩnh Xương, Đồng Thác, Đô; Xã Đào Xá có 3 làng, xóm: Thượng Môn, Đông Môn, Tây Du; Xã Quan Tràng có 6 làng, xóm: Đông Xóm, Cổ Bồng, Ngọc Tâm, Gò Lai, Đồng Lân, Đồng Hà; Xã Ninh Sơn có 5 làng, xóm: Làng, Thân, Đông, Cử, Cầu; Xã Đình Kiều có 3 làng, xóm: Đồng Mỗ, Đông Yên, Cổ Bồng; Xã Thuần Lương có 5 làng, xóm: Ngân, Trước, Pha, Na Hoàng, Sau và 2 xã khác.

THƯỢNG ĐÌNH

Xã nằm ở khu vực Tây Bắc huyện Phú Bình, cách trung tâm huyện 10 km. Phía đông giáp 2 xã Đào Xá và Bảo Lý, phía tây giáp xã Hồng Tiến (huyện Phổ Yên), phía nam 2 xã Điềm Thuỵ và Nhã Lộng, phía bắc giáp 2 xã Đào Xá và phường Lương Sơn (thành phố Thái Nguyên). Diện tích tự nhiên 1.195,18 ha. Dân số (năm 2009) 8.289 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Mường cư trú ở 15 xóm: Đồng Hồ, Trại Mới, Vũ Trấn, Tân Lập, Huống, Rô, Nhân Ninh, Đồng Na, Ngọc Tân, Hàng Tài, Đồng Yên, Hoà Bình, Gò Lai, Bồng Lai, Hoà Thịnh. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp.

Trên địa bàn xã Thượng Đình có chùa Quan Tràng, đình cổ Thượng Đình còn giữ được 2 quả chuông đồng lớn thời Tây Sơn (cuối thế kỷ XVIII), là hai trong số rất ít chuông thời Tây Sơn còn lại đến ngày nay.

THƯỢNG ĐÌNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình; nằm ở khu vực phía tây huyện; phía đông giáp các xã Bảo Lý và Vạn Thắng, phía tây giáp xã Tân Quang của huyện Đồng Hỷ, phía nam giáp xã Nhã Lộng, phía bắc giáp xã Vạn Thắng.

Diện tích tự nhiên 37,61 km², bao gồm địa bàn các xã Thượng Đình, Đào Xá ngày nay của huyện Phú Bình và xã Lương Sơn của thành phố Thái Nguyên. Dân số (1955) có 7.093 người.

Sau giảm tô (1953), xã Thượng Đình tách thành 3 xã: Thượng Đình, Yên Thịnh, Lương Sơn (sau này, thực hiện Quyết định số 136/NV ngày 7/4/1967 của Bộ Nội vụ, xã Yên Thịnh đổi tên thành xã Đào Xá; thực hiện Quyết định số 114/CP ngày 19/10/1962 của Thủ tướng Chính phủ, các xóm Nhân Minh, Ngọc Tâm của xã Thượng Đình và xã Lương Sơn được tách khỏi huyện Phú Bình, sáp nhập về thành phố Thái Nguyên.

THƯỢNG ĐÌNH 1

Cầu, được xây dựng năm 2002, trên tuyến Quốc lộ 37, thuộc địa phận xã Thượng Đình, huyện Phú Bình. Cầu dài 34,8 m, rộng 10 m, chiều dài kết cấu nhịp 20,7 m; tải trọng 30 tấn.

THƯỢNG ĐÌNH 2

Cầu, được xây dựng năm 2000, trên tuyến Quốc lộ 37, thuộc địa phận xã Thượng Đình, huyện Phú Bình. Cầu dài 24,1 m, rộng 10 m, chiều dài kết cấu nhịp 12 m; tải trọng 30 tấn.

THƯỢNG GIÃ

Đình, được dựng khoảng thế kỷ XVIII, xưa thuộc làng Bạch Đoài, tổng Thượng Giã, nay thuộc xã Trung Thành, huyện Phổ Yên. Đình là nơi thờ các thành hoàng làng là 7 nhân thần: Cao Sơn, Hoành Dũng, Kháng Quốc, Hồng Khánh, Tam Giang, Lán Nhi, Lã Sậu và 1 thiên thần là Tả phụ Minh Thiên. Ngày nay, trong đình còn có bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và danh sách các anh hùng liệt sĩ của làng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đình là nơi tập kết bộ đội trước khi đi chiến dịch; nơi cất giữ lương thực, vũ khí phục vụ kháng chiến và đã bị máy bay Pháp bắn phá tan hoang. Năm 1993, ngôi đình mới được xây dựng lại theo kiểu chữ NHẤT, đốc đứng, trên khu đất rộng gần làng. Trong đình còn giữ được bản sao 31 sắc phong của các triều đại phong kiến ban cho làng và 1 bản sao thần tích của làng.

THƯỢNG GIÃ

Tổng, thuộc phủ Phổ Yên thời kỳ trước năm 1945. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Thượng Giã gồm 5 làng, 10 thôn, 2 xóm: Làng Thượng Giã có 3 thôn: Bạch Đoài, Xuân Vinh, Đồng Thu; làng Phù Lôi có 2 thôn: Ngọc Đàm, Ngọc Hà và 2 xóm:

Ngọc Lâu, Ngọc Trù; làng Chiều Lai có 3 thôn: Chiều Lai, Đông Chinh, Thượng Trung; làng Cầu Sơn có 2 thôn: Đồi, Cầu Sơn; làng Kim Tỉnh.

THƯỢNG KẾT

Tổng, thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình trong thế kỷ XIX. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX* và *Đồng Khánh địa dư chí (1886 - 1888)*, tổng Thượng Kết gồm 3 xã: Thượng Kết, Hạ Kết, Cát Nê.

Về đại thể, đất tổng Thượng Kết hồi thế XIX tương ứng với đất xã Phúc Thuận, 1 phần xã Minh Đức, thị trấn Bắc Sơn (huyện Phổ Yên) và xã Cát Nê (huyện Đại Từ) ngày nay.

THƯỢNG LƯƠNG

Tổng, nằm ở vị trí tận cùng phía Bắc huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 2 xã, 9 làng. Xã Thượng Lương gồm 5 làng: Đồng Khánh, Tây Quan, Nam Ban, Bắc Lũng, Na Quảng; Xã Hạ Lương gồm 4 làng: Khuôn Lựu, Na Đôn, Na Di, Na Ca. Về đại thể, tổng Thượng Lương thời kỳ này tương đương với địa phận các xã Phúc Lương, Đức Lương, phần phía bắc xã Phú Lạc, phần phía đông xã Phú Thịnh của huyện Đại Từ ngày nay.

THƯỢNG NUNG

Suối, bắt nguồn từ các xã Nghinh Tường, Sảng Mộc (huyện Võ Nhai); đến Thượng Nung được bổ sung nước từ nhiều nhánh khe, hang động nên lượng nước rất dồi dào. Suối Thượng Nung có chiều dài khoảng 12km.

THƯỢNG NUNG

Khối núi đá vôi, đồ sộ nhất tỉnh Thái Nguyên, thuộc hệ thống núi cánh cung Ngân Sơn, chạy theo hướng đông bắc - tây nam, rộng 300 km², độ cao từ 500 - 800 m, kéo dài từ Thần Sa qua Nghinh Tường (huyện Võ Nhai) đến Liêm Thuỷ huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Có các ngọn núi cao: Ngọn Pia Tin (cao 625 m) trên địa phận xã Nghinh Tường, phía Đông Bắc huyện Võ Nhai, giáp xã Hoà thuộc huyện Bình Gia và xã Tân Tri thuộc huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; ngọn Khao Nao (cao 886 m) trên địa phận giáp ranh giữa xã Vũ Chấn với xã Nghinh Tường huyện Võ Nhai; ngọn Cóc Chem (cao 731 m) và ngọn Thượng Nung (cao 682 m) trên địa phận xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai.

Các núi trên được cấu tạo bởi đá vôi, có hiện tượng cácxtơ mạnh, sườn dạng vách dốc đứng.

THƯỢNG NUNG

Đình, được dựng từ lâu đời ở xóm Trung Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai; là nơi thờ Đức Cao Sơn Quý Minh - người có sức khoẻ phi thường, giúp dân trừ ác bảo vệ xóm làng, được dân tôn làm thành hoàng làng. Đây là ngôi đình lớn trong vùng, được khởi công tạo dựng lại vào khoảng năm 1926 và khánh thành năm 1929.

Khoảng năm 1995, đình Thượng Nung bị sập đổ. Hiện vật còn lại của đình gồm: 48 viên đá tảng kê chân cột, 42 cột gỗ, bàn thờ bằng gỗ sơn son thếp vàng...

THƯỢNG NUNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập năm 1948 trên cơ sở hợp nhất 2 xã Thượng Nùng và Thần Sa. Dân số (1954) có 1.114 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Dao, Nùng.

Sau giảm tô (1953), xã Thượng Nung chia thành 2 xã: Thượng Nung và Thần Sa.

THƯỢNG NUNG

Xã vùng cao, ở khu vực phía Bắc huyện Võ Nhai; phía bắc giáp xã Sảng Mộc, phía đông giáp 2 xã Nghinh Tường và Vũ Chấn, phía nam giáp xã Cúc Đường, phía tây giáp xã Thần Sa.

Diện tích tự nhiên 4.229,34 ha, chủ yếu là các dãy núi đá vôi trùng điệp và một vài thung lũng nhỏ hẹp. Dân số (năm 2009) 2.161 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, Khơ Me cư trú ở 7 xóm: Tân Thành, Trung Thành, Lục Thành, An Thành, Lũng Hoài, Lũng Cà, Lũng Luông. Nguồn sống chính của nhân dân trong xã chủ yếu bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi; một số ít có nghề dệt vải và buôn bán nhỏ.

Xã có diện tích rừng đặc dụng lớn nằm trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng với nhiều loại gỗ quý, được bảo vệ nghiêm ngặt. Có nhiều hang động đẹp như: Thẩm Tiêu, Thẩm Giáo, Lũng Hoài; một số hang động có dòng nước chảy ngầm lớn...

THƯỢNG NÙNG

Tổng, thuộc châu Vũ (Võ) Nhai trước năm 1945, gồm 2 xã, 13 làng: Xã Thượng Nùng có 5 làng: Cái, Đông, Rị, Rẹn và Hà; xã Thần Sa có 8 làng: Thần Sa, Khắc Kiệm, Mỗ Thượng, Khuôi Vung, Lân Di, Lân Dần, Phiên Hoà và Bản Cái. Địa hình chủ yếu là những dãy núi đá vôi trùng điệp, động thực vật phong phú với nhiều loại gỗ quý như đinh, nghiến, trai... Địa phận tổng Thượng Nùng tương ứng với địa phận các xã Thượng Nung và Thần Sa ngày nay.

THƯỢNG VỤ

Tổng, thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình trong thế kỷ XIX. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX* và *Đồng Khánh địa dư chí* (1886 - 1888), tổng Thượng vụ gồm 4 xã: Thượng Vụ, Thượng Nhân, Đan Hà, Hạ Đạt.

Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, tổng Thượng Vụ thuộc phủ Phổ Yên. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Thượng Vụ gồm 6 làng, 3 thôn: Làng Thượng Vụ có 2 thôn: Dương, Nguyễn và các làng Đan Hà, Thượng Nhân, Hạ Đạt, Tân Yên, Phố Cò.

TÍCH LƯƠNG

Xã, nằm ở khu vực Tây Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp 2 phường Tân Lập và Phú Xá, phía đông giáp 2 phường Trung Thành và Tân Thành, phía tây giáp xã Thịnh Đức, phía nam giáp thị xã Sông Công.

Diện tích tự nhiên 8,98 km²; dân số (năm 2009) 12.353 người, thuộc 12 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Giáy, Khơ Me.

Trên địa bàn phường có Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên, Trường Cao đẳng Nghề cơ điện Luyện kim; có hồ chứa nước sạch Tích Lương và Nhà máy Xử lý nước sạch là nhà máy nước lớn nhất cung cấp nước sinh hoạt cho thành phố Thái Nguyên.

TÍCH LƯƠNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập năm 1946. Dân số (1954) có 4.614 người thuộc 2 thành phần dân tộc: Kinh, Tày.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhân dân Tích Lương tự tay mình phá hoại nhà cửa, đường sá, cầu cống trên Quốc lộ 3 để cản bước tiến quân thù.

Thu - đông 1947, quân và dân Tích Lương trực tiếp chiến đấu chống cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc. Tiếp đó, tham gia chiến đấu đánh bại cuộc hành quân Phôcơ của giặc Pháp, Thu - Đông 1950.

Ngoài thành tích tham gia chiến đấu, nhân dân xã Tích Lương còn tích cực động viên con, em xung phong tòng quân, đóng góp lương thực, thực phẩm và đi dân công phục vụ các chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến.

Sau giảm tô (1953), xã Tích Lương được chia tách thành 2 xã: Tích Lương và Cam Giá.

TIÊM BÙI SỸ (1690 - 1733)

Quan cai trị Thái Nguyên, quê ở làng Kinh Lũ, huyện Đông Quan, nay là xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Từ nhỏ ông đã nổi tiếng học giỏi, ra Thăng Long học cũng muôn phần xuất sắc.

Khoa Ất Mùi năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1716), ông đỗ Đình nguyên Đệ nhị giáp Tiến sĩ (khoa thi này không lấy Trạng nguyên). Ông được bổ làm quan cai trị ở Sơn Tây, Thái Nguyên (chưa xác định được thời gian cụ thể ông làm quan ở Thái Nguyên); rồi về triều giữ chức Thái thường tự khanh.

Bùi Sỹ Tiêm là người vừa có học vấn cao, vừa là thầy giáo giỏi, sống cương trực, có nhãn quan đúng đắn về thời cuộc, về đường lối chính trị đương thời. Ông đã dâng tờ khải 10 điểm như một kiến nghị cải cách Quốc gia với các nội dung về: Việc chúa Trịnh phế truất vua Lê Dụ Tông lập Lê Duy Thường; tệ nịnh thần luồn lọt; quan lại và nhà giàu chiếm đất của nông dân...

Vì dâng tờ khải có nội dung cải cách này, Bùi Sỹ Tiêm bị chúa Trịnh Giang bắt giam, sau cách chức đuổi về quê. Ông về mở trường dạy học ở làng An Phú, nay là xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ (Thái Bình) và mất tại đây năm Quý Sửu 1733.

Năm 1743, vua Lê Hiển Tông (niên hiệu Cảnh Hưng) truy tặng Bùi Sỹ Tiêm hàm Tham chính Đại học sĩ, tước Trung Tiết hầu để giải oan cho ông.

GIANG TIÊN

Cầu, được xây dựng năm 1999 tại Km 82+300 - Quốc lộ 3, thuộc địa phận thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương. Cầu có chiều dài 76 m, gồm 2 nhịp chính, mỗi nhịp 33m, bề rộng mặt cầu 9m, mố xây đá, trụ bê tông cốt thép; tải trọng H.30 x B 80. Chất lượng cầu tốt.

TIÊN HỘI

Chùa, có từ lâu đời ở xóm Lập Mỹ, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ.

Chùa Tiên Hội hiện nay là ngôi chùa được xây dựng lại, có cấu kiểu chữ NHẤT, tường xây, mái lợp ngói, gồm 2 gian tiền đường và hậu cung. Tiền đường dài 6m, rộng 5m. Hậu cung dài 6m, rộng 4m. Tại gian tiền đường có 2 câu đối viết ở hai bên cột gạch với nội dung: Dân tình trung tín thế kỳ sương / Thần phật công đức thiên vọng cực; tiếp đến bên tả có tượng quan văn, bên hữu có tượng quan võ. Hậu cung có bệ gạch xây cao 1,2m, đặt 3 lớp tượng; lớp trên cùng là 3 pho tượng Tam thế (Quá khứ - Hiện tại - Vị lai), lớp thứ hai là tượng Ngọc Hoàng, lớp cuối cùng là hai pho tượng Quan Âm.

TIÊN HỘI

Xã miền núi nằm ở khu vực trung tâm huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Bản Ngoại, phía tây giáp xã Hoàng Nông, phía tây nam giáp xã Khôi Kỳ, phía đông nam giáp xã Hùng Sơn, phía đông bắc giáp xã Tân Linh. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, xã Tiên Hội thuộc tổng Tiên Sơn, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Đến cuối thế kỷ XIX, đời vua Đồng Khánh (1885 - 1888), thuộc tổng Tiên Sơn, huyện Đại Từ, phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ Thái Nguyên, xuất bản năm 1932 là làng Tiên Hội. Sau Cách mạng tháng Tám, là xã Tiên Hội. Năm 1947, 3 xã Tiên Hội, La Bằng, Hoàng Nông nhập lại thành xã Hoành Sơn, các xã cũ thành làng. Năm 1953, thực hiện chủ trương của Nhà nước chia nhỏ các xã lớn, 2 làng Tiên Hội và Tiên Sơn thành xã Độc Lập, đến năm 1967 đổi thành Tiên Hội.

Là xã An toàn khu trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Tiên Hội có nhiều di tích lịch sử, đó là đình Tiên Tả, chùa Tiên Hội ở xóm Lập Mỹ, đình Yên Bình ở xóm Yên Bình, đình Trung Na ở xóm Trung Na; đồi Giang là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận Quốc thư của Đại sứ Trung Quốc La Quý Ba (1/9/1954)...

Hiện nay xã Tiên Hội gồm 15 xóm: Trung Na 1, Trung Na 2, Bãi Cải, Phố Dầu, Đồng Trung, Đồng Mạc, Soi Chè, Lập Mỹ, Gò Lập Mỹ, Thắng Lợi, Đại Quyết, Phố Điệp, Phúc Lẩm, Tiên Trường 1, Tiên Trường 2. Diện tích tự nhiên là 12,64 km², dân số (năm 2009) 5.684 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Hoa, Sán Dìu, Sán Chay, Ngái, Dao, Mường. Nhân dân các dân tộc xã Tiên Hội chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

TIÊN PHONG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Xã Tiên Phong huyện Phổ Yên là xã rộng lớn, có địa thế hiểm trở (nhiều đồi rừng rậm rạp) lại tiếp giáp huyện Phú Bình (tỉnh Thái Nguyên) và huyện Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang), qua dòng sông Cầu. Nhân dân Tiên Phong có tinh thần yêu nước từ lâu đời. Chính nhờ có những điều kiện thuận lợi đó, xã Tiên Phong cùng với 2 xã Kha Sơn (Phú Bình) và Hoàng Vân (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang) được chọn làm nơi xây dựng An toàn khu II của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ trong những năm 1943 - 1945.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), nhân dân xã Tiên Phong vừa ra sức xây dựng hậu phương vững mạnh, vừa tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến. Với bề dầy thành tích trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tiên Phong đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/QĐ-KTCTN, ngày 11/6/1999, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

TIÊN PHONG

Nơi đặt cơ sở in báo *Cờ giải phóng*. Vị trí di tích ở thôn Yên Trung, xã Tiên Phong, tổng Tiên Thù, huyện Phổ Yên.

Cụm di tích được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 1539-QĐ/BT ngày 27/12/1990)

TIÊN PHONG

Xã, nằm ở vùng cực Đông của huyện Phổ Yên; phía đông giáp các xã Hoàng Vân (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang), Hà Châu (huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên), phía tây giáp các xã Đồng Tiến, Tân Hương và Đông Cao (huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), phía nam giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là các xã Thái Sơn, Hoà Sơn của huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang), phía bắc giáp xã Nga My (huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

Xã Tiên Phong được thành lập đầu năm 1946. Thời kỳ giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954), xã Tiên Phong tách làm 2 xã Tiên Phong và Đại Xuân. Theo Quyết định số 72/BT ngày 26/11/1970 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, xã Đại Xuân sáp nhập vào xã Tiên Phong.

Hiện nay, xã Tiên Phong có diện tích tự nhiên hơn 14,93 km² (gồm 11,91 km² đất nông nghiệp, 2,90 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng). Dân số (năm 2009) 12.763 người, thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, Thái, Ngái cư trú ở 27 xóm: Hoà Bình, Quyết Tiến, Đại Tân, Thái Cao, Đình Thành, Ao Cả, Kết Hợp, Hảo Sơn 1, Hảo Sơn 2, Nguyên Hậu 1, Nguyên Hậu 2, Đồng Lâm, Trung Lâm, Ngọc Lâm, Hương Lâm, Đông Đoài, Trong, Đồng Xuân, Trung Xuân, Giã Trung 1, Giã Trung 2, Giã Thù 1, Giã Thù 2, Giã Thù 3, Giã Thù 4.

TIÊN PHONG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946, gồm các làng Tiên Thù, Thù Lâm, Giã Thù, Xuân Trù của tổng Tiên Thù (nay là địa bàn xã Tiên Phong). Về vị trí địa lí, xã Tiên Phong nằm ở vùng cực Đông của huyện Phổ Yên; phía đông giáp xã Hoàng Vân ngày nay của huyện Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang) và xã Hà Châu ngày nay của huyện Phú Bình, phía tây giáp 2 xã Đồng Tiến và Tân Tiến (nay là phường Đồng Tiến và các xã Tân Hương, Đông Cao của huyện Phổ Yên), phía nam giáp sông Cầu (bên kia sông Cầu là các xã Thái Sơn, Hoà Sơn ngày nay của huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang), phía bắc giáp xã Nga My ngày nay của huyện Phú Bình. Toàn xã có diện tích tự nhiên 14,93 km², dân số (1954) có 4.480 người.

Sau giảm tô (1953), xã Tiên Phong tách thành 2 xã: Tiên Phong và Đại Xuân.

TIÊN SƠN

Tổng, thuộc huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 4 xã, 14 làng, xóm:

Xã Tiên Sơn gồm làng Bình Định, xóm Na Dấy; xã Phú Nông gồm 4 làng: Tiên Tả, Đồng Mạc, Trung Na, Yên Bằng; xã Khôi Kỳ gồm 3 làng: Khâu Mộc, Sơn Mè, Văn Giáp; xã Hoằng Nông gồm 2 làng: Đồng Bản, Na Lương; 3 làng trực thuộc tổng: Phú Nghĩa, Tiên Hội và La Bằng.

Về đại thể, tổng Tiên Sơn thời kỳ này tương đương với địa phận các xã: Tiên Hội, Hoàng Nông, La Bằng, Khôi Kỳ ngày nay.

TIÊN THÙ

Tổng, thuộc phủ Phổ Yên trước năm 1945. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Tiên Thù gồm 4 làng, 6 thôn: Làng Tiên Thù có 4 thôn: Cổ Pháp, Hảo Sơn, An Trung, Nguyễn Hậu; làng Thù Lâm; làng Giã Thù (Phủ) có 2 thôn: Nội, Trung; làng Xuân Trù.

TIỀN NGUYỄN VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sinh năm 1960; quê xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; gia nhập lực lượng Công an Nhân dân tháng 2/1979, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 15/9/1986. Ngày 28/8/1990, tại địa bàn xã Lương Thượng, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Bắc Kạn), đồng chí Nguyễn Văn Tiền đã hi sinh anh dũng trong khi trực tiếp chiến đấu với hai đối tượng nguy hiểm có vũ khí nóng đang cướp tài sản của nhân dân.

Ngày 22/7/1998, Trung uý liệt sĩ Nguyễn Văn Tiền đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 341-KT/CTN truy tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* và *Huân chương Chiến công hạng Ba.*

TIỀN TIẾN

Điểm rơi chiếc máy bay Mĩ bị lực lượng phòng không của ta bắn cháy. Vị trí di tích ở khu đồi thuộc xóm Tiền Tiến, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công).

Buổi chiều ngày 6/7/1966, nhiều toán máy bay Mỹ bay vào đánh phá khu Gang Thép, bị lực lượng phòng không của ta đánh trả quyết liệt. Một chiếc máy bay của giặc Mĩ bị lực lượng phòng không bảo vệ Khu Gang thép Thái Nguyên bắn trúng, bốc cháy đâm xuống sườn đồi khu vực xóm Tiền Tiến và nổ tung. Tên phi công bị thương nặng nhảy dù xuống địa phận xã Tân Cương, bị dân quân bắt (sau đó không qua khỏi). Tên còn lại chết tan xác cùng máy bay.

TIẾN ĐẶNG QUỐC

Phó Bí thư Tỉnh uỷ, (bí danh: Trường Sơn), sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê thôn Kim Thành, xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán nhà số 152, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1968, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (10/1986 - 1990); Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Thái (1991 - 1996); Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái (12/1994 - 1996); Thứ trưởng Bộ Nội vụ (1997-2007).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Độc lập hạng Nhì.*

TIẾN NGUYỄN VĂN

Nghệ sĩ Ưu tú, quê phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, nguyên diễn viên kịch nói, Đoàn nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

Trong quá trình hoạt động nghệ thuật, diễn viên Nguyễn Văn Tiến luôn cố gắng tìm tòi sáng tạo, tự rèn luyện nâng cao trình độ diễn xuất. Ông đã được trao tặng 4 *Huy chương Vàng* và 3 *Huy chương Bạc* trong các kỳ Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc và khu vực.

Nguyễn Văn Tiến được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 1997.

TIẾN BỘ

Mỏ sắt, nằm trên địa bàn xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ.

Mỏ có diện tích 68,5ha, trữ lượng 19.218.000 tấn, do Công ty Gang thép Thái Nguyên khai thác theo Giấy phép số 676/GP-BTNMT ngày

31/3/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có thời hạn 30 năm; công suất 300.000 tấn/năm.

Mỏ sắt Tiến Bộ là một trong những hạng mục thuộc dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (tổng vốn đầu tư trên 3.800 tỉ đồng). Đây là dự án thuộc nhóm A được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại văn bản số 342/TTg-CN ngày 1/4/2005. Từ ngày đi vào hoạt động, mỏ sắt Tiến Bộ cung cấp một phần quan trọng nguyên liệu cho Công ty Gang thép Thái Nguyên.

TIẾN BỘ

Nơi sơ tán của Trường Đại học Y khoa Hà Nội (1966 - 1970). Vị trí di tích ở các xóm Tiến Bộ, Mãn Quang, Làng Mới, Khuôn Lân thuộc xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

Trường Đại học Y khoa Hà Nội, với đội ngũ cán bộ, giảng viên gần 500 người và luôn có gần 3.000 sinh viên, đã được nhân dân địa phương hết lòng đùm bọc, giúp đỡ, nhường nhà, nhường vườn tược, giúp vật liệu dựng nơi ăn chốn ở để ổn định học tập.

TIẾN LẬP

Nơi bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.000 của giặc Mĩ.

Ngày 29/4/1966, đế quốc Mĩ huy động một lực lượng lớn máy bay, bay nhiều tầng, nhiều hướng vào đánh phá thành phố Thái Nguyên. Từ 15 giờ 9 phút, bộ đội cao xạ Trung đoàn 210 và dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên chặn đánh liên tiếp 2 tốp máy bay Mĩ, bắn cháy 2 chiếc. Tiếp đó, tốp thứ 3 gồm 6 máy bay F105 từ hướng đông bắc thành phố, bay thấp theo dãy núi Linh Nham xuống phía nam rồi đột ngột quay về hướng Khu Công nghiệp Gang thép, ném bom ga Lưu Xá, ga Lập Tầu, xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng)...Các lực lượng phòng không của ta tập trung hoả lực bắn vào khu vực máy bay địch bổ nhào.

Tại trận địa Đại đội 101, pháo cao xạ trên đồi Tiến Lập xã Gia Sàng (cách ga Lưu Xá khoảng 600 về phía tây bắc), Đại đội phó Nguyễn Văn Hữu và Chính trị viên Nguyễn Quang Thịnh chỉ huy 8 khẩu đội pháo cao xạ 100 mm tập trung bắn chiếc máy bay đi đầu. Đạn nổ rất chụm nhưng không trúng mục tiêu. Máy bay địch ném 4 quả bom vào trận địa, đất đá tung toé, khói bụi mù mịt. Không nao núng, các pháo thủ bình tĩnh cắt lại

ngòi nổ, bắn dựng thành màn đạn vào khu vực bổ nhào của chiếc thứ 2. Trúng đạn, chiếc máy bay thứ 2 bùng cháy như một bó đuốc lớn, lao xuống cánh đồng làng Chùa xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Lúc đó là 15 giờ 22 phút ngày 29/4/1966. Đây là chiếc máy bay Mĩ thứ 1.000 bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc.

TIẾP CƯ

Hành động tiếp nhận và giúp đỡ người nơi khác đến cư trú tại địa phương mình. Thực hiện nhiệm vụ đón tiếp đồng bào tản cư, từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), cấp uỷ, chính quyền các cấp và nhân dân các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc (trong đó có tỉnh Thái Nguyên), tổ chức đón tiếp, bố trí nơi ăn, ở, chia sẻ ruộng đất, nông cụ để đồng bào tản cư đến làm ăn sinh sống, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

TIỀU MA THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, dân tộc Tày; quê xóm Tân Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai.

Mẹ Ma Thị Tiều có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Mẹ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 841-KT/CTN ngày 24/4/1996, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TIÊU THỔ KHÁNG CHIẾN

Hành động của nhân dân Việt Nam trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, tự triệt phá nhà cửa, ruộng vườn, hệ thống giao thông, công trình kiên cố, kho tàng, cơ sở sản xuất không di chuyển được ở các đô thị và ven các tuyến đường giao thông... nhằm ngăn chặn bước tiến của địch, không cho chúng sử dụng khi chiếm đóng. Thị xã Thái Nguyên là một trong những địa phương thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến một cách triệt để. Từ một thị xã đẹp, một trung tâm buôn bán của vùng Việt Bắc, trên bến dưới thuyền, là giao điểm Quốc lộ 1B, Quốc lộ số 3, Quốc lộ 13 (nay là Quốc lộ 37)... nối với Lạng Sơn, Bắc Cạn, Cao Bằng, Hà Nội, Tuyên Quang; giao thương kinh tế, văn hoá rất nhộn nhịp..., trong một thời gian ngắn, thị xã Thái Nguyên chỉ còn lại là

đống gạch vụn; tất cả nhà gạch trong thị xã, các con đường dẫn vào thị xã đều bị phá hoại, cầu cống bị phá sập.

Tiêu thổ kháng chiến thể hiện lòng quyết tâm kháng chiến và niềm tin tất thắng của nhân dân Việt Nam đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

TIỂU HỌC KHÔNG TOÀN CẤP

Bậc học (thời thuộc Pháp), còn gọi là bậc Sơ học. Loại trường này chủ yếu được tổ chức ở các xã trong tỉnh. Trường bao gồm 3 lớp đầu của bậc Tiểu học trong hệ thống giáo dục Pháp - Việt đương thời là: Lớp Đồng ấu, còn gọi là lớp Năm (Cours Enfantin); lớp Dự bị, còn gọi là lớp Tư (Cours Préparatoire) và lớp Sơ đẳng, còn gọi là lớp Ba (Cours Elémentaire). Cuối năm lớp Ba, học sinh phải qua một kỳ thi lấy Bằng Sơ học yếu lược (Primaire Elémentaire).

TIỂU HỌC TOÀN CẤP

Bậc học ở Thái Nguyên thời thuộc Pháp, nằm trong hệ thống giáo dục của Pháp cho người Việt bản xứ gọi là giáo dục Pháp - Việt, mô phỏng theo mô hình giáo dục của Pháp đương thời. Mô hình này hình thành từ thế kỷ XIX, hoàn chỉnh vào thế kỷ XX. Bậc tiểu học có 5 lớp:

- Lớp Đồng ấu (Cours Enfantin), còn gọi là lớp Năm.
- Lớp Dự bị (Cours Préparatoire), còn gọi là lớp Tư.
- Lớp Sơ đẳng (Cours Elémentaire), còn gọi là lớp Ba.
- Lớp Nhì năm thứ nhất (Cours Moyen l ère année).
- Lớp Nhì năm thứ hai (Cours Moyen 2 ième année), đến năm học 1928 - 1929 mới áp dụng.
- Lớp Nhất (Cours Supérieur). Cuối năm học lớp Nhất, học sinh thi lấy bằng Tiểu học yếu lược, hay Sơ đẳng Tiểu học. gọi tắt là bằng Sơ học Pháp - Việt (Certificat d' Etudes Primaire Franco - Indigène).

TIỂU LỄ

Ngòi, bắt nguồn từ chân núi Khâu Đong (thuộc tổng Niệm Quang (Cuông) huyện Đồng Hỷ (nay thuộc xã Tân Quang, thị xã Sông Công), chảy theo hướng tây - đông, cắt ngang Quốc lộ số 3, rồi đổi theo hướng bắc - nam chảy xuôi về địa phận xã Hồng Tiến, xã (nay là phường) Đồng

Tiến, là ranh giới tự nhiên giữa xã Tiên Phong với xã Tân Hương và Đông Cao, đổ ra làng Chã (xã Đông Cao) hoà vào nước sông Cầu.

Ngòi Tiểu Lễ dài hơn 11km, có tác dụng tiêu úng cho những cánh đồng mà nó chảy qua. Ở đoạn hạ lưu, gần tiếp với sông Cầu (dài khoảng 4 - 5km), lòng ngòi sâu và rộng hơn, tạo điều kiện cho thuyền bè có thể chở những hàng hoá nặng, như gạch ngói, chum vại, vôi cát... phục vụ đời sống của nhân dân các làng xóm bên ngòi. Hoặc khi gặp những ngày có bão, lụt lớn, một số thuyền, bè cũng vào sâu trong cửa ngòi để đảm bảo an toàn.

TIỂU LỄ

Tổng thuộc phủ Phổ Yên trước năm 1945. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Tiểu Lễ gồm 5 làng, 11 thôn: Làng Tiểu Lễ có 3 thôn: Trà Thị, Túc Doan, Đông Hạ; làng Đông Cao có 4 thôn: Phù Hương, Cẩm La, Trinh Nữ, Nam Đô; làng Vân Phú có 2 thôn: Vân Trai, Phú Cốc; làng Tảo Địch có 2 thôn: Làng, Trại; làng Tử Thù.

TIỂU LỄ

Trường Tiểu học bán cấp (còn gọi là Trường Sơ đẳng Tiểu học), ở làng Tiểu Lễ, tổng Tiểu Lễ, huyện Phổ Yên.

Cũng như ở các tổng khác, trường chỉ có 1, 2 lớp, với 1, 2 giáo viên; có khi chỉ có 1 giáo viên dạy 2 lớp ghép, ở cùng 1 địa điểm, thường đặt tại đình hoặc chùa của làng. Bàn ghế sơ sài do địa phương lo liệu, có khi học sinh phải rải chiếu ra để ngồi học... Mỗi lớp có từ 30 đến 40 học sinh, hoặc theo hình thức xen kẽ, lớp này học toán thì lớp kia tập viết, chính tả... Chương trình rất ít thay đổi (gần như cố định nhiều năm), chỉ thầy giáo có quyển sách giáo khoa, học sinh chỉ ngồi nghe hoặc chép bài do thầy đọc.

Nội dung học là các môn Lịch sử, Địa dư, Luân lý, Cửu chương và Toán (cộng, trừ, nhân, chia)...; thỉnh thoảng xen kẽ một vài bài tiếng Pháp...

TÌM HIỂU THƠ CA CHIẾN KHU CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Sách của các tác giả: Vũ Châu Quán và Nguyễn Huy Quát (giảng viên khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, nay là Trường Đại

học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), do Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc xuất bản năm 1990. Sách có độ dày 311 trang, khổ 13x19 cm, gồm 4 phần. Phần thứ nhất: Gồm 3 bài viết của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Nhà thơ Huy Cận, Luật sư Phan Anh về Chiến khu Việt Bắc, những kỷ niệm, những ấn tượng về Bác Hồ thời ở Chiến khu. Phần thứ hai: Gồm những bài tiểu luận, nghiên cứu về những thời kỳ sáng tác của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Chiến khu Việt Bắc. Phần thứ ba: Gồm những bài tường thuật về các cuộc gặp gỡ của các tác giả với những người từng sống, làm việc gần Hồ Chủ tịch ở Chiến khu Việt Bắc: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt, Tố Hữu, Cù Huy Cận, Vũ Kỳ, Phan Anh, Văn Tân để hiểu thêm về cách đối nhân xử thế, thói quen sinh hoạt, làm thơ của Bác. Cuối cuốn sách là phần Phụ lục thơ ca chiến khu của Hồ Chủ tịch, sáng tác trong hai thời kỳ: 1941 - 1945 và 1947 - 1954.

TIN LÀNH

Một trong ba tôn giáo lớn nhất trong hệ thống Giáo hội ở tỉnh Thái Nguyên, được du nhập vào từ năm 1963.

Tổng số tín đồ Tin Lành trên địa bàn tỉnh đến năm 2005 có 4.403 người, trong đó chủ yếu là người Mông (4.288 người), sinh sống chủ yếu ở hai huyện Võ Nhai và Đồng Hỷ.

TỈN KEO

Cầu, được xây dựng năm 2000 tại Km 16+382 - Tỉnh lộ 264 B, thuộc địa bàn xã Phú Đình, huyện Định Hoá. Cầu kết cấu dạng nhịp trên dầm bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn; mố, trụ, móng kết cấu chữ U, ĐX. Cầu dài 81,25 m, rộng 4 m; tải trọng thiết kế H13 - X60, tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

TỈN KEO

Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1948, 1949, 1953). Vị trí di tích nằm ở chân đèo De, thuộc xóm Nà Lọm, xã Lục Rã (nay là xóm Tỉn Keo, xã Phú Đình), huyện Định Hoá. Tại đây, tháng 9/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị, thông qua chủ trương chiến lược trong Đông - Xuân 1953 - 1954. Ngày 6/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị thông qua Kế hoạch tác chiến mùa xuân năm 1954 và quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Di tích được xếp hạng quốc gia (theo Quyết định số 10-VHTT/QĐ ngày 9/2/1981).

TỈNH PHAN VĂN

Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (2/1959 - 3/1961). Sinh năm 1920, dân tộc Kinh, quê quán Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng trước tháng 8/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên Trưởng ban Cán bộ huyện Đông Anh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Chính trị viên Tỉnh đội, Bí thư Tỉnhủy Thái Nguyên; Phó Văn phòng Liên khu ủy, Trưởng ban Giao thông, Phó Giám đốc, Giám đốc Bưu điện Liên khu Việt Bắc.

Từ trần ngày 9/3/1984 tại Thái Nguyên.

TỈNH HỘI PHẬT GIÁO THÁI NGUYÊN

Tổ chức Phật giáo cấp tỉnh trực thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, do một Ban Trị sự điều hành. Trong Ban Trị sự có Ban Thường trực gồm một Trưởng ban, các Phó ban, trong đó có một Phó ban Thường trực. Ban Thường trực có quyền bổ nhiệm Ban Đại diện Giáo hội các huyện, thành phố và thị xã, xã, phường, thị trấn; chịu trách nhiệm duy trì hoạt động của Giáo hội trên địa bàn tỉnh. Các ủy viên phụ trách các ngành theo các ban của Trung ương. Tuỳ theo yêu cầu cụ thể, mỗi chuyên ngành có thể lập thành một tiểu ban (không quá 9 ủy viên) do ủy viên chuyên ngành cấp tỉnh làm Trưởng tiểu ban.

TỈNH LỊ THÁI NGUYÊN

Chiến sự đêm 30/8/1917, mở đầu cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở Thái Nguyên.

Đêm 30/8/1917, Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn) đội nhất lính khố xanh trong quân đội Pháp cùng Đội Giá, Đội Trường phát động binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở tỉnh lị Thái Nguyên nổi dậy khởi nghĩa.

Khoảng 23 giờ đêm 30/8/1917, theo lệnh của Đội Cấn, Đội Trường, Ba Chén cùng một số binh lính đã giác ngộ giết tên Giám binh Nôen và Phó quản Lạp, lấy thủ cấp làm lễ tế cờ; đồng thời truyền "Hịch" kêu gọi binh lính khố xanh đứng lên khởi nghĩa. Cùng lúc, Đội Giá chỉ huy một tốp lính khố xanh sang nhà giam giết Giám ngục Lôet, giải phóng tù

nhân, đưa Lương Ngọc Quyến về sở chỉ huy khởi nghĩa. Tiếp đó, quân khởi nghĩa chiếm Toà Công sứ, Nhà dây thép (Bưu điện), Sở Lục lộ (giao thông), Sở Điền bạ (Địa chính), Nhà đoan (Thuế vụ), kho bạc, kho vũ khí...; thu 71.000 đồng tiền Đông Dương, 92 súng mútcơtông, 75 súng trường, 197 súng các bin, 1 súng lục, 16 lưỡi lê, 62.172 viên đạn các loại trang bị cho nghĩa quân. Chiều 31/8, quân khởi nghĩa làm chủ tỉnh lị, tôn Đội Cấn làm Tư lệnh, Lương Ngọc Quyến làm Quân sư; đặt quân kỳ là lá cờ 5 ngôi sao với dòng chữ *Nam bình phục quốc*, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng và tuyên bố Thái Nguyên độc lập.

TỈNH LỊ THÁI NGUYÊN

Chiến sự ngày 4 và ngày 5/9/1917.

Phòng tuyến Gia Sàng bị vỡ, nghĩa quân lui về cố thủ trong tỉnh lị. Ngày 4/9/1917, khoảng 300 lính Pháp, 500 lính tập có súng máy và 4 khẩu sơn pháo yểm trợ từ 2 hướng đông nam và tây nam tấn công vào tỉnh lị Thái Nguyên. Sơn pháo của địch tập trung bắn dữ dội vào trận địa của nghĩa quân trong trại lính khố xanh. Thủ lĩnh Lương Ngọc Quyến đang chỉ huy nghĩa quân đánh địch bị mảnh pháo bắn vào đầu hi sinh tại chỗ. Chiều tối ngày 4/9, khi có thêm 80 lính lê dương từ Yên Bái sang tiếp viện, quân địch mở cuộc tấn công ồ ạt vào trong tỉnh lị. Nghĩa quân vẫn chiến đấu kiên cường khiến nhiều đợt tấn công của địch bị đánh bật trở ra. Toàn bộ 11 nghĩa quân do Đồ Ba chỉ huy hi sinh tại trận địa trên đồi Dinh Công sứ. Tối 4/9, quân địch đã chiếm được khu vực phía đông tỉnh lị. Nghĩa quân tổ chức phản kích quyết liệt để giành lại nhưng không thành. Sáng ngày 5/9, các tuyến phòng thủ của nghĩa quân đều bị địch phá vỡ. Nghĩa quân buộc phải rút khỏi tỉnh lị, bước vào giai đoạn vừa chiến đấu, vừa rút lui qua nhiều tỉnh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

TỈNH LỊ THÁI NGUYÊN

Chiến sự từ ngày 20 đến ngày 25/8/1945.

Chiều 16/8/1945, Đội Việt Nam Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng tỉnh lị Thái Nguyên. Tại tỉnh lị Thái Nguyên lúc này có khoảng 120 tên Nhật đóng tại trại lính khố xanh, 400 lính bảo an, 200 cảnh sát vũ trang.

Chiều 19/8, Quân Giải phóng tập kết tại chùa Thịnh Đán. Đông đảo cán bộ, du kích, tự vệ và nhân dân Thái Nguyên tích cực góp sức cùng Quân Giải phóng đánh địch. 4 giờ sáng ngày 20/8, trên 400 cán bộ, chiến sĩ Quân Giải phóng cùng du kích và tự vệ Thái Nguyên chiếm lĩnh xong trận địa, bao vây quân địch từ 3 phía đông, tây, nam. 5 giờ 30 phút, ta gửi tối hậu thư buộc Tỉnh trưởng Thái Nguyên Bùi Huy Lượng và Huyện trưởng Đồng Hỷ phải đầu hàng, trao lại chính quyền cho Ủy ban Khởi nghĩa.

7 giờ 30 phút cùng ngày, quân ta dùng các loại súng phóng lựu, bazôka, súng máy, súng trường... đánh vào các vị trí do quân Nhật chiếm đóng, diệt một số tên. Quân Nhật nổ súng chống lại dữ dội. Vào lúc 8 giờ, ta tạm dừng tấn công, gửi tối hậu thư yêu cầu quân Nhật ngừng chống cự, trao vũ khí cho ta lúc 14 giờ. Đến giờ hẹn, quân Nhật không trả lời tối hậu thư. 15 giờ, ta tiếp tục tấn công, quân Nhật chống trả quyết liệt. Cuộc chiến đấu giằng co suốt 3 ngày 20, 21, 22/8. Các tầng lớp nhân dân trong tỉnh lị và vùng phụ cận hăng hái góp sức đào hào, đắp luỹ, tiếp đạn, tải thương, tiếp tế cơm, nước cho Quân Giải phóng và tự vệ chiến đấu ngoài trận địa.

Ngày 23/8, toán quân Nhật đóng tại ngôi biệt thự chủ mỏ Gôchiê bắn chết 2 người dân trên đường phố. Quân Giải phóng quyết định tấn Công tiêu diệt toán lính này. Một tổ bazôka của ta bắn áp chế cho tổ đột kích áp sát tường nhà dùng búa phá cửa sổ, đột nhập vào nhà, dùng súng ngắn, lựu đạn tiêu diệt toán quân trong biệt thự.

Ngày 24/8, một phái đoàn gồm đại diện của ta và của Nhật từ Hà Nội lên thông báo cho quân Nhật ở Thái Nguyên về việc Bộ Chỉ huy quân Nhật ở Hà Nội chấp nhận đầu hàng và giải giáp quân Nhật ở các đồn lẻ trong tỉnh, tập trung về tỉnh lị. Ngày 25/8, quân Nhật ở Thái Nguyên giao nộp vũ khí cho ta để hôm sau rút về Hà Nội. Thái Nguyên hoàn toàn giải phóng.

TỈNH UỶ BẮC THÁI (7/1965 - 12/1996)

Tên gọi tắt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, được hình thành trên cơ sở hợp nhất hai Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn; sau đó được bầu qua các kỳ đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ I (21/5 - 3/6/1970, lần thứ II - vòng 2 (16 - 24/4/1977), lần thứ III (30/6 - 5/7/1980), lần thứ IV - vòng 2 (21 - 25/2/1983), lần thứ V

(21 - 25/10/1986), lần thứ VI - vòng 2 (26 - 29/9/1991), lần thứ VII (5 - 8/5/1996).

TỈNH UỶ LÂM THỜI THÁI NGUYÊN (9/1945 - 8/1947)

Tên gọi tắt của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, thành lập tháng 9/1945, sau Hội nghị cán bộ của tỉnh họp tại một địa điểm giáp ranh xóm Trường và xóm Xô, thuộc xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương. Trong Hội nghị này, Ban Tổ chức đã công bố Nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ (do đồng chí Trần Quốc Hoàn kí), chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên gồm 8 Ủy viên: Đồng chí Ngô Nhị Quý làm Bí thư, đồng chí Lê Trung Đình - Ủy viên Ban Thường vụ, làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh, đồng chí Hoàng Bá Sơn - Ủy viên Ban Thường vụ, làm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh, đồng chí Hoàng Thế Thiện - Ủy viên, phụ trách công tác tuyên truyền và thanh niên, đồng chí Đào An Thái - Ủy viên, phụ trách huyện Võ Nhai, đồng chí Vũ Thị Bảo Ngọc - Ủy viên, phụ trách công tác phụ nữ, đồng chí Vũ Hưng - Ủy viên, phụ trách huyện Định Hoá, đồng chí Nguyễn Bá Cương - Ủy viên, phụ trách Nông hội. Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên từ tháng 9/1945 đến tháng 8/1947.

TỈNH UỶ LÂM THỜI THÁI NGUYÊN (1/1997 - 11/1997)

Tên gọi tắt của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, được chỉ định thành lập theo chủ trương tách Đảng bộ Bắc Thái thành hai Đảng bộ Thái Nguyên và Bắc Kạn như trước tháng 6/1965.

Ngày 6/11/1996, tại kì họp thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965). Việc chia tách được chính thức thực hiện từ ngày 1/1/1997. Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh ủy Bắc Thái; đồng thời thành lập Đảng bộ Thái Nguyên và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời, gồm 35 Ủy viên, do đồng chí Nguyễn Ngô Hai làm Bí thư; đồng chí Chu Văn Cường làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Mai Phúc Toàn làm

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Nông Thái Nghiệp làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên chính thức hoạt động từ ngày 1/1/1997 và là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên từ tháng 1/1997 đến tháng 11/1997.

TỈNH UỶ THÁI NGUYÊN (9/1947 - 6/1965)

Tên gọi tắt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, được bầu trong Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I (10 - 12/8/1947), tổ chức tại đình An Mỹ (nay là Mỹ Yên), huyện Đại Từ; gồm 11 Ủy viên, do đồng chí Lê Trung Đình làm Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh. Từ đó đến trước khi hợp nhất hai tỉnh thành tỉnh Bắc Thái, Tỉnh ủy Thái Nguyên được bầu qua 7 kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh.

TỈNH UỶ THÁI NGUYÊN (11/1997 - 2010)

Tên gọi tắt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, được bầu qua các kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (11 - 14/11/1997), gồm 47 Ủy viên; lần thứ XVI (3 - 5/1/2001), gồm 47 Ủy viên; lần thứ XVII (15 - 17/12/2005), gồm 49 Ủy viên; lần thứ XVIII (21 - 23/10/2010), gồm 55 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên từ tháng 11/1997 đến năm 2010.

TÍNH LƯƠNG ĐỨC

Bí thư Tỉnh uỷ, sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tham gia cách mạng từ năm 1965, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1981, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (12/1999 - 9/2002), Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (10/2002 - 5/2004), Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (10/2002 - 12/2005).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhì*, 2 *Huân chương Lao động hạng Ba.*

TNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại, tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập ngày 22/11/1979. Ngày 1/1/2003, Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với 100% vốn của các cổ đông, có tên gọi Công ty Cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên. Ngày 5/9/2007,

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Đây là doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu sang Nhật Bản, Mĩ, EU... với giá cả cạnh tranh; phương thức dịch vụ luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước. Hiện nay, Công ty có 8 xí nghiệp may và 4 chi nhánh phụ trợ:

1- Xí nghiệp May Việt - Đức, có năng lực 20 chuyền, với 1.200 lao động. Trụ sở tại số 160 - Đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên.

2- Xí nghiệp May Việt - Thái, có năng lực 16 chuyền, với 1.100 lao động. Trụ sở tại số 221 - Đường Thống Nhất, thành phố Thái Nguyên.

3- Xí nghiệp May Sông Công 1.2.3.4, có năng lực 60 chuyền, với 3.200 lao động. Trụ sở tại Khu B - Khu Công nghiệp Sông Công, thị xã Sông Công.

4- Xí nghiệp May Phú Bình 1.2.3.4, có năng lực 60 chuyền, với 2.000 lao động. Trụ sở tại xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trước hết là tạo việc làm cho hàng ngàn lao động.

TOÀ CÔNG SỨ

Được xây dựng năm 1896 - 1897 trên quả đồi có diện tích khoảng 8.000 m². Toà nhà có phần nền cao 2,2 m, 2 tầng nổi và 1 tầng hầm, kiến trúc theo kiểu châu Âu pha một số đường nét Á Đông. Được coi là toà nhà có kiến trúc và vị trí đẹp nhất Thái Nguyên lúc đó. Phía đông bắc là sông Cầu, phía Tây là trục đường chính của tỉnh lị đồng thời cũng là đường thuộc địa số 3 (Quốc lộ 3) hướng lên Bắc Cạn, phía đông và đông nam là khu dân cư tập trung của tỉnh lị và các cơ quan quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh.

Toà công sứ còn được gọi là Dinh công sứ, là trụ sở làm việc, nơi ở của các viên công sứ người Pháp tại Thái Nguyên từ 1897 đến 1945. Nơi diễn ra những trận đánh ác liệt của nghĩa quân Đội Cấn với lực lượng quân Pháp bảo vệ tại đây trong khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Năm 1947, Toà sứ bị phá huỷ trong cuộc vận động tiêu thổ kháng chiến. Năm 1956, khu đồi của Toà sứ được xây dựng thành nơi làm

việc của Khu Ủy Khu Tự trị Việt Bắc. Trên nền nhà Toà sứ được dựng nhà làm việc của Bí thư Khu ủy cho đến năm 1960 thì chuyển đi nơi khác, dành đất xây dựng Bảo tàng Cách mạng Việt Bắc (nay là Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam).

Di tích Toà Công sứ nằm trong cụm di tích lịch sử khởi nghĩa Thái Nguyên 1917 (Trại lính Khố xanh, Nhà lao Thái Nguyên, Phòng tuyến Gia Sàng, Đền thờ Đội Cấn), được xếp hạng quốc gia (Quyết định số 2619-QĐ/BT ngày 27/8/1997).

TOAN LƯU THỊ

Nhà giáo Ưu tú, nguyên Chủ tịch Công đoàn Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.

Năm 1970, sau khi tốt nghiệp Khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên), bà được phân công giảng dạy tại Trường Trung học phổ thông Phú Bình; năm 1973, chuyển về làm công tác giảng dạy tại Trường Phổ thông cấp 3 Lương Ngọc Quyến cho đến khi nghỉ hưu (năm 2003). Bà được Nhà nước tặng *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục* và phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1998.

TOÀN HÀ ĐỨC

Nhà văn, sinh ngày 18/4/1938 tại xã Cát Nê, huyện Đại Từ; thường trú tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Từ năm 1992 đến khi nghỉ hưu, ông là Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Bắc Thái, Bí thư Đảng đoàn, Tổng Biên tập Báo *Văn nghệ Thái Nguyên*. Nhà văn Hà Đức Toàn là tác giả của gần 20 tác phẩm văn học đã được xuất bản. Văn xuôi: *Ngôi nhà của Thượng uý về hưu* (Kí, 1990), *Núi Văn - Núi Võ* (1992), *Nửa kiếp người* (truyện vừa, 1993), *Bộ ba ngược đời* (Truyện và kí, 1993), *Độc thân* (truyện ngắn, 1998), *Ba ông đầu rau* (tiểu thuyết, 1998), *Tiếng hổ gầm* (tiểu thuyết, 1999), *Vệ út* (tiểu thuyết, 2002), *Lũng mây* (truyện ngắn, 2002), *Tuyển tập Hà Đức Toàn* (2007)... Thơ có các tập: *Đêm trăng nhà sàn* (1998), *Thuở cho yêu* (1991), *Thảo nguyên say* (in chung với Nguyễn Hữu Bài, 1993)...

Ông đã đoạt các giải thưởng: Giải Ba thơ do Bộ Giáo dục tổ chức năm 1961; giải Nhì tiểu thuyết của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu

số Việt Nam; Giải thưởng cuộc vận động sáng tác về đề tài *Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang nhân dân* (2000); giải Ba truyện ngắn của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; giải Nhì về văn xuôi trong các năm 1992, 1997, 2002 (Giải thưởng 5 năm tỉnh Bắc Thái (Thái Nguyên).

TOÀN MAI PHÚC

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sinh năm 1938, dân tộc Tày, quê xã Thanh Định, huyện Định Hoá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1959, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (1991 - 1997), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1997 - 1999).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba.*

TOÀN VŨ ĐÌNH

Nhà giáo Ưu tú, quê làng giấy Yên Thái (nay thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), cùng gia đình chuyển vào Sài Gòn sinh sống từ năm 1943. Hiện thường trú tại phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Vũ Đình Toàn đã từng tham gia phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên. Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ông là học sinh lớp đệ nhị chuyên khoa Trường Petrus ký (nay là Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong thành phố Hồ Chí Minh) tiếp tục lao vào hoạt động sôi nổi trong phong trào bảo vệ hoà bình Sài Gòn - Chợ Lớn.

Năm 1989, ông được phân công giảng dạy tại Trường Trung học năng khiếu (nay là Trường Trung học phổ thông chuyên) Thái Nguyên để dạy lớp chuyên văn.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu N*hà giáo Ưu tú.*

TOÀN THẮNG

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Vô Tranh, huyện Phú Lương. Xóm Toàn Thắng thành lập năm 1961, nằm ở khu vực phía đông xã Vô Tranh, có diện tích tự nhiên 85 ha. Xóm có 42 ha chè chuyên canh, 15 ha chè trồng xen kẽ với các loại cây ăn quả. 100% số hộ với 334 lao động trong xóm làm nghề trồng và chế biến chè. Cây chè trung du giống

cũ đã được thay thế bằng những giống chè mới đặc sản cho sản lượng và chất lượng cao, năng suất bình quân đạt 9 tấn chè búp tươi trên một ha.

Tổng sản lượng chè búp tươi của Toàn Thắng đạt 432 tấn, tương ứng với sản lượng 86,4 tấn chè búp khô, doanh thu 3,24 tỉ đồng.

Năm 2009, xóm Toàn Thắng được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

TOẢN NÔNG NGỌC

Phó Tư lệnh Quân khu 1 (1995 - 2000), Thiếu tướng (1994), sinh năm 1940, dân tộc Tày; quê xã Thị Ngân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ 1964, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1966; nguyên Tham mưu trưởng Tiểu đoàn, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng, Tham mưu phó Trung đoàn, Trung đoàn phó, Quyền Trung đoàn trưởng Trung đoàn, Sư đoàn phó - Tham mưu trưởng Sư đoàn, Sư đoàn trưởng, Phó Tư lệnh Quân đoàn 14, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái, Phó Tư lệnh Quân khu 1, Đại biểu Quốc hội Khoá X, nghỉ hưu năm 2009; đã được tặng thưởng *Huân chương Quân công hạng Ba*, 3 *Huân chương Chiến công* (Nhất, Nhì, Ba), 1 *Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba*, 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (Nhất, Nhì, Ba), *Huy chương Quân kỳ Quyết thắng* và các Huy hiệu 30 năm, 40 năm tuổi Đảng.

TỐI

Hang đá tự nhiên ở xã Phương Giao, huyện Võ Nhai. Hang nằm dưới chân núi đá, trước cửa hang là cánh đồng và dòng suối. Cửa hang hình bán nguyệt, cao khoảng 15 m, rộng khoảng 30 m. Hang sâu và rộng, có nhiều nhũ đá rủ xuống; nền hang có nhiều tảng đá lớn, nhỏ mang hình thù các con vật. Bên phải cửa hang có đường lên xuống như bậc thang dẫn vào trong hang. Bên trái cửa hang có dòng suối chảy qua, xuôi về xã Bình Long. Thu - đông năm 1947, Nha Công an Trung ương đã về dựng lán cách cửa hang Tối khoảng 15 m để ở và làm việc. Bên cạnh lán còn có doanh trại của một đơn vị quân đội. Khi thực dân Pháp nhảy dù xuống Tràng Xá, Nha Công an Trung ương cũng rút đi nơi khác.

TÔN LÊ DỤC

Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh Lê Văn Niên), sinh năm 1918, dân tộc Tày, quê xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1936, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1937; cán bộ Lão thành cách mạng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (1954 - 2/1959) kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên (1957 - 1959). Từ trần năm 2003 tại huyện Võ Nhai.

Đồng chí Lê Dục Tôn đã được tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Bằng có công với nước.*

TƠ

Nghè, ở xóm Đầm, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình.

Nghè có 2 gian; 6 cột đá hình vuông cao khoảng 3 m, được chôn sâu. Nghè thờ tam vị Đại vương Thượng đẳng.

Hiện vật lưu giữ tại nghè gồm 1 bệ thờ cao 1,5 m, rộng 1,2 m, trên bệ thờ có 1 mâm bồng bằng chất liệu gỗ mít. Nghè có bia đá với chiều dài 0,8 m, rộng 0,5 m, mặt ghi chữ Hán.

TRÀ

Cầu, được xây dựng tại Km 165+940 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Trà, thuộc địa phận xóm Cầu Trà, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ. Cầu dài 48,15 m, rộng 9,5 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 7 m, kết cấu hai nhịp, mỗi nhịp dài 18 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M3, móng bê tông, thân bê tông; tải trọng thiết kế H30 - Xb80, tải trọng hiện tại 30 tấn.

TRÀ

Suối, bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo (địa phận xã Yên Lãng), chảy qua địa phận các xã Yên Lãng, Na Mao, nhập vào sông Công tại điểm giáp giới xã Na Mao và Phú Cường thuộc huyện Đại Từ.

Suối Trà là nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

TRÀ THỊ

Đình, được dựng khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, trên một khu đất cao ở khu vực tây nam làng Trà Thị, xã Tiểu Lễ, tổng Tiểu Lễ, huyện Phổ Yên; nay thuộc xã Đông Cao, huyện Phổ Yên. Đình gồm 3 gian,

2 chái, có hậu cung và bệ thờ các vị thành hoàng chung của 3 làng là: Thánh Tam Giang (tức Trương Hống, Trương Hát), Dương Tự Minh và Công chúa Diên Bình.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đình là nơi hội họp, bầu cử, tuyển quân của địa phương. Năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, đình bị phá dỡ, chỉ còn lại hậu cung. Năm 2009, đình mới được xây dựng gồm 3 gian, 2 chái, 4 mái, đóng đao cong. Trên nóc đắp nổi hình lưỡng long chầu nguyệt. Trong đình có gian thờ tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh và danh sách các anh hùng liệt sĩ của làng.

Đình còn giữ được một số tượng gỗ và 2 bản sắc phong (phôtô) của triều vua Khải Định năm thứ 9 (1924) và 1 tấm bia đá ghi công đức tu tạo lại đình vào năm Minh Mạng thứ 9 (1828).

Đình Trà Thị đã được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh (Quyết định số 2714/QĐ-UBND, ngày 11/11/2010).

TRẠI ĐÀM ĐÌNH

Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam (2005 - 2008), Trung tướng (2005); sinh năm 1947, dân tộc Tày, quê quán xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2/1965, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1968; nguyên Trưởng ban Tổ chức Sư đoàn 322, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức Cục chính trị Quân đoàn 26, Chỉ huy phó Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, Chủ nhiệm Chính trị - Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 1, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng, Đại biểu Quốc hội Khoá XI, nghỉ hưu năm 2009; đã được tặng thưởng: 1 *Huân chương Quân công hạng Nhì*; 4 *Huân chương Chiến công* (1 hạng Nhất, 1 hạng Nhì và 2 hạng Ba); *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Ba*; 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (Nhất, Nhì, Ba); *Huy chương Quân kỳ quyết thắng* và các Huy hiệu 30 năm, 40 năm tuổi Đảng.

TRẠI AN DƯỠNG ĐƯỜNG SỐ 1

Được thành lập năm 1947 tại xóm Trại Ngò, xã Lục Ba (trước năm 1947 là xã Tân An), huyện Đại Từ.

Tháng 5/1947, các đồng chí Lê Thành An, Liễu, Thọ, Chân, Thành là những cán bộ của Phòng Thương binh thuộc Nha Thương binh Trung ương, đến xóm Trại Ngò liên hệ xây dựng ở đây một trại an dưỡng đường làm nơi cứu chữa, chăm sóc thương binh, bệnh binh từ các mặt trận gửi về.

Được nhân dân địa phương hết lòng ủng hộ, giúp đỡ, chỉ trong một thời gian ngắn, cơ quan đã dựng được 5 ngôi nhà làm nơi ăn ở, điều trị cho thương binh, bệnh binh. Người có đóng góp nhiều nhất là bà Nguyễn Thị Đích, tức Bá Huy (Bí thư Phụ nữ Cứu quốc xã Tân An). Bà đã cho cơ quan mượn nhà, đón thương binh về nuôi và vận động nhân dân trong xã tích cực giúp đỡ thương binh. Riêng gia đình bà ủng hộ 3 mẫu ruộng, 1 con trâu để Trại an dưỡng tổ chức cho những thương binh, bệnh binh còn có thể lao động được tăng gia, sản xuất và ủng hộ 120 nồi thóc (khoảng 3 tấn) để trại làm giống và lương ăn những ngày đầu.

Ngày khánh thành Trại được tổ chức trọng thể. Đồng chí Trần Huy Liệu - đại diện Tổng bộ Việt Minh, đồng chí Văn Tiến Dũng - đại diện Bộ Quốc phòng, cùng đại diện nhiều cơ quan, đoàn thể Trung ương và địa phương tới dự. Sau sự kiện này, bà Bá Huy được Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ gửi thư cảm ơn và khen ngợi.

TRẠI AN DƯỠNG ĐƯỜNG SỐ 2

Thành lập tháng 9/1947, đóng tại xóm xóm Cao, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ. Được sự giúp đỡ của chính quyền và nhân dân trong xã, chỉ trong một thời gian ngắn, Trại đã chuẩn bị được cơ sở vật chất để đón thương binh về nuôi dưỡng. Đợt đầu đón 46 thương binh, có nhiều thương binh nặng không đi được, nhân dân Mỹ Yên đã cùng với nhân viên của Trại ra tận cầu Huy Ngạc khiêng về. Nhân dân Mỹ Yên quyên góp lương thực, thực phẩm nuôi dưỡng thương binh. Nhiều hội viên phụ nữ xã đón thương binh về nhà nuôi, có 2 chị đăng ký lấy 2 đồng chí thương binh nặng. Gia đình ông Đặng Văn Ẩm ủng hộ trại 5 mẫu ruộng, 4 con bò để sản xuất, 8 gian nhà để nuôi dưỡng thương binh. Đầu tháng 12/1947, quân Pháp 2 lần càn vào Mỹ Yên, do đã chủ động đề phong từ trước và được nhân dân giúp đỡ, số thương binh của Trại được phân tán về các gia đình nuôi giấu an toàn.

TRẠI CAU

Mỏ sắt, thuộc địa bàn thị trấn Trại Cau, nằm ở khu vực Đông Nam huyện Đồng Hỷ, ven Tỉnh lộ 269 nối với tỉnh Bắc Giang. Mỏ được khởi công xây dựng cuối năm 1959; khánh thành và đi vào hoạt động sản xuất từ ngày 16/12/1963. Trữ lượng khoảng 20 triệu tấn, bao gồm: quặng Limonit, hàm lượng sắt trung bình trên 53%; quặng Manhetít, hàm lượng sắt trung bình trên 62%.

Công suất thiết kế ban đầu của Mỏ là 150.000 tấn quặng/năm. Công suất khai thác hiện tại: 180.000 tấn quặng/năm. Mỏ sắt Trại Cau cung cấp quặng sắt cho dây chuyền luyện kim khép kín của Công ty Gang thép Thái Nguyên.

TRẠI CAU

Thị trấn miền núi, nằm ở khu vực Đông Nam huyện Đồng Hỷ, ven Tỉnh lộ 269; phía tây bắc giáp xã Nam Hoà; phía bắc giáp xã Cây Thị; phía đông và nam giáp xã Tân Lợi.

Ngày 19/10/1962, ba xóm Thái Thông, Đoàn Kết, Thác Ngạc của xã Tân Lợi (Đồng Hỷ) được tách ra để thành lập thị trấn Trại Cau trực thuộc thành phố Thái Nguyên. Ngày 2/4/1985, thị trấn Trại Cau được chuyển về huyện Đồng Hỷ.

Diện tích tự nhiên 6,35 km². Dân số (năm 2009) 3.694 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Tày, Dao, Hoa, Sán Chay và Thổ sinh sống ở 16 tổ dân phố, thứ tự từ Tổ 1 đến Tổ 12 và từ Tổ 14 đến Tổ 17.

Nền kinh tế thị trấn phụ thuộc vào mỏ sắt Trại Cau. Nguồn sống chính của cư dân trong thị trấn là từ sản xuất nông nghiệp và khai mỏ.

TRẠI CAU

Lâm trường, thành lập năm 1962, trên cơ sở được tách từ Lâm trường Đoàn Kết (lập năm 1961), theo chủ trương của Ty Quốc doanh Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Lâm trường Trại Cau có nhiệm vụ khai thác gỗ, củi, vận chuyển ra điểm tập trung (bãi gỗ 1) và tu bổ rừng.

TRẠI ĐÈO

Hồ chứa nước nhân tạo, hoàn thành xây dựng từ năm 2003, nằm trên địa phận xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ.

Hồ Trại Đèo thuộc loại công trình cấp 4. Diện tích lưu vực: 0,034 km^2. Diện tích tự nhiên của hệ thống: 51 ha. Diện tích tưới, tiêu của hệ thống: 32 ha. Dung tích chết: 66.000 m^3. Dung tích hữu ích: 152.000 m^3. Dung tích ứng với mực nước dưới trung bình: 158.000 m^3.

TRẠI GẠO

Hồ chứa nước nhân tạo, được khởi công xây dựng năm 1964 trên địa bàn xã Tân Hoà, huyện Phú Bình; hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1966. Hồ có đập chính dài 154 m, cao 15,5 m. Theo thiết kế hồ này có thể cung cấp nước tưới cho 235 ha. Hiện nay, hồ đang cung cấp nước tưới cho 200 ha đồng ruộng của xã Tân Hoà và các xã lân cận thuộc huyện Phú Bình.

TRẠI GIỐNG LÚA AN KHÁNH

Được thành lập năm 1978, thuộc Công ty Nông - Lâm - Thủy sản Thái Nguyên; nay trực thuộc Công ty Cổ phần giống cây trồng Thái Nguyên.

Trụ sở chính đặt tại xóm Đá Thần, xã An Khánh, huyện Đại Từ. Năm 2004, Trại giống lúa An Khánh do Trung tâm Giống cây trồng Thái Nguyên quản lí.

Mỗi năm, bình quân Công ty sản xuất khoảng 100 tấn giống lúa các loại, phục vụ sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh....

TRẠI VẢI

Cầu, được xây dựng tại Km 16+55 - Tỉnh lộ 263, thuộc địa bàn xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

Cầu được đưa vào sử dụng năm 2002, có chiều dài 12,2 m, rộng 7 m, nhịp dài 6 m chất liệu bê tông cốt thép, mố đá xây, tải trọng H13-X60.

TRẠM BẢO VỆ THỰC VẬT HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập năm 1992, trụ sở đặt tại Phố Đình, thị trấn Đại Từ.

Trạm có nhiệm vụ: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch, phương án, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện; Giám sát quản lí, điều tra phát hiện diễn biến tình hình sâu bệnh hại cây trồng, việc kinh doanh, cung ứng thuốc bảo vệ thực vật;

Phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện tổ chức tập huấn, tuyên truyền khuyến cáo các biện pháp kỹ thuật phòng chống dịch hại cây trồng trước khi có nguy cơ các đối tượng dịch hại xảy ra trên địa bàn; Thực hiện các chương trình kinh tế - kỹ thuật, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về bảo vệ thực vật vào phục vụ sản xuất trên địa bàn; Tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp lệnh bảo vệ thực vật và các văn bản pháp luật có liên quan.

TRẠM BẢO VỆ THỰC VẬT HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Trụ sở đặt tại xóm Bãi Á 1, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; được thành lập theo Quyết định số 170/QĐ - UB, ngày 17/5/1984 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Trạm có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về công tác bảo vệ thực vật theo sự phân công và hướng dẫn của Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác bảo vệ thực vật theo mùa vụ và hằng năm; Theo dõi và báo cáo Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá tình hình diễn biến của sinh vật gây hại chủ yếu trên đồng ruộng; Đề xuất chủ trương, biện pháp phòng trừ, xây dựng, củng cố và quản lí mạng lưới bảo vệ thực vật ở cơ sở; Tổ chức và thực hiện công tác khuyến nông bảo vệ thực vật, tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ thuật cho kỹ thuật viên và nông dân.

TRẠM BẢO VỆ THỰC VẬT HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 22/7/1999. Trụ sở đặt tại tổ 3, thị trấn Chùa Hang. Trạm có nhiệm vụ: Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về công tác bảo vệ thực vật theo sự phân công và hướng dẫn của Chi cục Bảo vệ thực vật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác bảo vệ thực vật theo mùa vụ và hằng năm; theo dõi và báo cáo tình hình diễn biến của sinh vật gây hại chủ yếu trên đồng ruộng với Chi cục Bảo vệ thực vật và Ủy ban nhân dân huyện, kịp thời đề xuất chủ trương, biện pháp phòng trừ, xây dựng, củng cố và quản lí mạng lưới bảo vệ thực vật ở cơ sở. Tổ chức và thực hiện công tác khuyến nông bảo vệ thực vật, tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ thuật cho kỹ thuật viên và nông dân. Quản lí các tổ chức, cá

nhân hành nghề bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện theo ủy quyền của Chi cục.

TRẠM BẢO VỆ THỰC VẬT PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 2117/QĐ-UBND, ngày 22/7/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại Tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Trạm Bảo vệ thực vật huyện Phú Lương có chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Chi cục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện các vấn đề thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn. Phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, cấp xã thực hiện các công việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trồng trọt và bảo vệ thực vật; phòng, chống sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn; công tác thống kê; thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; an toàn thực phẩm; tuyên truyền pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật. Thực hiện dịch vụ kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn quản lí theo quy định của pháp luật...

Cơ cấu tổ chức: gồm có Trạm trưởng và một số viên chức.

TRẠM BẢO VỆ THỰC VẬT HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 7/12/1991. Trụ sở đặt tại xóm Tiền Phong, thị trấn Đình Cả. Trạm trực thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật Thái Nguyên, thực hiện chức năng quản lí nhà nước về công tác kiểm dịch và bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện, bao gồm: Công tác điều tra dự tính dự báo sâu bệnh hại cây trồng; hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật bảo vệ thực vật đến người sản xuất. Tổ chức chỉ đạo phòng trừ dịch hại cây trồng. Quản lí mạng lưới bảo vệ thực vật cơ sở. Quản lí nhà nước về dịch vụ buôn bán, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

TRẠM CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

Trạm có chức năng nhiệm vụ: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện trong công tác quản lí nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi và thú y; trực tiếp

thực hiện nhiệm vụ phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, quản lí thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi.

Cơ cấu, tổ chức gồm có: Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm và 3 cán bộ.

TRẠM BẢO VỆ THỰC VẬT THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 22/7/1999. Trụ sở hiện nay đặt tại số nhà 16/7, phường Gia Sàng. Trạm có nhiệm vụ: Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về công tác bảo vệ thực vật theo sự phân công và hướng dẫn của Chi cục Bảo vệ thực vật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác bảo vệ thực vật theo mùa vụ và hằng năm; theo dõi và báo cáo tình hình diễn biến của sinh vật gây hại chủ yếu trên đồng ruộng cho Chi cục Bảo vệ thực vật và Ủy ban nhân dân thành phố, kịp thời đề xuất chủ trương, biện pháp phòng trừ, xây dựng, củng cố và quản lí mạng lưới bảo vệ thực vật ở cơ sở. Tổ chức và thực hiện công tác khuyến nông bảo vệ thực vật, tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ thuật cho kỹ thuật viên và nông dân. Quản lí các tổ chức, cá nhân hành nghề bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố theo ủy quyền của Chi cục.

TRẠM KHAI THÁC THUỶ LỢI HUYỆN ĐẠI TỪ

Tiền thân là Trạm Thuỷ nông huyện Đại Từ, thành lập tháng 1/1992; đến năm 2006, đổi tên thành Trạm Khai thác thuỷ lợi, trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại Phố Đình, thị trấn Đại Từ. Trạm có nhiệm vụ quản lí, khai thác công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện Đại Từ phục vụ nước tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân.

TRẠM KHAI THÁC THUỶ LỢI HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Trạm Khai thác thuỷ lợi huyện Định Hoá trực tiếp làm công tác quản lí, khai thác bảo vệ các công trình thuỷ lợi theo Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thuỷ lợi. Trạm có nhiệm vụ: Thực hiện quản lí, khai thác, bảo vệ các công trình thuỷ lợi, hồ và đập; thường xuyên kiểm tra các hệ thống công trình thuỷ lợi để đề phòng chống sự cố công trình và ngăn chặn xử lý những hành vi vi phạm hành lang công trình. Điều tiết nước tưới phục vụ sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản

xuất cây trồng và dịch vụ khác. Thực hiện bảo dưỡng thiết bị cơ khí các các công trình thuỷ lợi. Xây dựng phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn giảm nhẹ thiên tai; thực hiện trực phòng chống lụt bão trong mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 hằng năm. Thực hiện thường xuyên về việc sửa chữa nhỏ các công trình. Thực hiện nạo kênh mương và thường xuyên vệ sinh phát dọn hệ thống công trình. Giúp các xã xây dựng bộ máy tổ đội thuỷ nông cơ sở, hợp tác xã dịch vụ nước và chỉ đạo cơ sở quản lí khai thác công trình thuỷ lợi trong địa bàn.

TRẠM KHAI THÁC THUỶ LỢI HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập năm 1993; Trụ sở đặt tại địa phận tổ 1, thị trấn Chùa Hang.

Trạm có chức năng, nhiệm vụ quản lí an toàn các công trình thuỷ lợi được giao; điều tiết nước đảm bảo đủ yêu cầu và tiết kiệm nước dùng cho sản xuất nông nghiệp; lập kế hoạch duy tu, sửa chữa các công trình thuỷ lợi trong năm; duy tu thường xuyên các công trình hệ thống trạm bơm điện; lập và triển khai thực hiện phương án phòng chống lụt bão, tại các công trình thuỷ lợi lớn.

Hiện nay, Trạm Khai thác thuỷ lợi huyện Đồng Hỷ có 2 cụm: Cụm Quản lí phía Nam và Cụm Quản lí Trại Cài, Việt Cường.

TRẠM KHAI THÁC THUỶ LỢI HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-NN, ngày 20/1/1999 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/2/1999. Trạm khai thác thuỷ lợi Phú Lương là đơn vị trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thuỷ lợi tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại Tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Trạm có chức năng, nhiệm vụ: Trực tiếp quản lí, bảo vệ, vận hành và khai thác 9 công trình thuỷ lợi đầu mối trọng điểm và gần 9,5 km kênh dẫn; đảm bảo nguồn nước tưới cho 1.390ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó có gần 840ha đất trồng lúa trên địa bàn 10 xã, thị trấn của huyện Phú Lương; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện, các xã, thị trấn tổ chức thực hiện quản lí, bảo vệ, vận hành và khai thác các công trình thuỷ lợi nhỏ khác trên địa bàn.

Cơ cấu tổ chức: Trạm có 1 Trưởng trạm, 1 Phó Trưởng trạm, 1 Cụm trưởng cụm quản lí và một số cán bộ công nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ quản lí, bảo vệ, vận hành khai thác công trình ở cơ sở.

TRẠM KHAI THÁC THUỶ LỢI HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập năm 2004 với tên gọi là Trạm Thuỷ nông huyện Võ Nhai; ngày 11/9/2006, đổi tên thành Trạm Khai thác thuỷ lợi Võ Nhai trực thuộc Công ty Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên. Trụ sở: Thị trấn Đình Cả.

Trạm Khai thác thuỷ lợi Võ Nhai trực tiếp làm công tác quản lí, khai thác bảo vệ các công trình thuỷ lợi theo Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi. Trạm có nhiệm vụ:

Thực hiện quản lí, khai thác, bảo vệ các công trình thuỷ lợi, hồ và đập; thường xuyên kiểm tra các hệ thống công trình thuỷ lợi để đề phòng chống sự cố công trình và ngăn chặn xử lý những hành vi vi phạm hành lang công trình. Điều tiết nước tưới phục vụ sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất cây trồng và dịch vụ khác. Thực hiện bảo dưỡng thiết bị cơ khí các các công trình thuỷ lợi. Xây dựng phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn giảm nhẹ thiên tai; thực hiện trực phòng chống lụt bão trong mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 hằng năm. Thực hiện thường xuyên về việc sửa chữa nhỏ các công trình. Thực hiện nạo kênh mương và thường xuyên vệ sinh phát dọn hệ thống công trình. Giúp các xã xây dựng bộ máy tổ đội thuỷ nông cơ sở, hợp tác xã dịch vụ nước và chỉ đạo cơ sở quản lí khai thác công trình thuỷ lợi trong địa bàn.

TRẠM KHÍ TƯỢNG HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được xây dựng từ năm 1960 - thuộc Đài Khí tượng - Thuỷ văn Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại phố Trung Thành, thị trấn Chợ Chu. Trạm có chức năng theo dõi, thu thập, quan trắc các yếu tố khí tượng phục vụ cho điều tra cơ bản và dự báo thời tiết của Trung ương và địa phương.

TRẠM KHÍ TƯỢNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập tháng 7/1965. Trụ sở đặt tại tổ19, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Trạm có chức năng: Thu thập số liệu khí tượng 4 lần/ngày, mùa lũ phát báo về Trung tâm Khí tượng - Thuỷ văn tỉnh, mùa cạn phát báo về

Đài Khu vực. Cuối tháng, tổng hợp số liệu gửi về Đài khu vực và Trung ương. Trạm Khí tượng Thái Nguyên đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2002); nhiều năm liền nhận Bằng khen của Tổng cục Khí tượng - Thuỷ văn.

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập năm 2004. trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Trụ sở tại phố Chợ I, thị trấn Đại Từ. Trạm có nhiệm vụ tham mưu cho huyện xây dựng và triển khai các hoạt động khuyến nông trên địa bàn (gồm: trồng trọt, chăn nuôi, phát triển nông thôn, nông - lâm kết hợp, nông hoá thổ nhưỡng, kinh tế, sư phạm kỹ thuật nông nghiệp).

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Tiền thân là bộ phận Khuyến nông thành lập năm 1994 trực thuộc Phòng Nông nghiệp huyện Định Hoá.

Năm 2004, Trạm Khuyến nông huyện Định Hoá chính thức được thành lập. Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu. Trạm có chức năng thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện, nhằm hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhiệm vụ của Trạm là xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông; triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn; bồi dưỡng cán bộ khuyến nông xã, thị trấn và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp; xây dựng các mô hình diễn tập cấp huyện; tuyên truyền, vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông làng, khuyến nông tự quản; thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân... Trạm còn được giao thực hiện các nhiệm vụ khác, như thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc *Chương trình 135*, các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Trạm Khuyến nông huyện Định Hoá là chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể Gạo Bao thai Định Hoá do Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận ngày 26/10/2007; đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và huyện Định Hoá tặng thưởng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua.

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN ĐỒNG HỶ

Tiền thân là bộ phận Khuyến nông hình thành năm 1994 trực thuộc Phòng Nông nghiệp huyện; đến năm 2004, Trạm Khuyến nông huyện Đồng Hỷ chính thức được thành lập. Trụ sở hiện nay đặt tại tổ 17, thị trấn Chùa Hang. Nhiệm vụ của Trạm là xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông; Triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn; Bồi dưỡng cán bộ khuyến nông xã, thị trấn và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp; Xây dựng các mô hình diễn tập cấp huyện; Tuyên truyền, vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông làng, khuyến nông tự quản; Thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân... Trạm còn được giao thực hiện các nhiệm vụ khác, như thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc *Chương trình 135*, các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo...

Trạm Khuyến nông huyện Đồng Hỷ được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Trạm có chức năng thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn nhằm hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Nhiệm vụ của Trạm là xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông; triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn thành phố; bồi dưỡng cán bộ khuyến nông xã và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; xây dựng các mô hình diễn tập; tuyên truyền, vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông làng, khuyến nông tự quản; thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân...

Cơ cấu tổ chức gồm có: 1 Trưởng trạm , 2 Phó Trưởng trạm và 29 cán bộ, nhân viên.

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập ngày 6/7/2004, theo Quyết định số 1570/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Trạm Khuyến nông huyện Phú Bình có chức năng thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn nhằm hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Nhiệm vụ của Trạm là xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông; triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn thành phố; bồi dưỡng cán bộ khuyến nông xã và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; xây dựng các mô hình diễn tập; tuyên truyền, vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông làng, khuyến nông tự quản; thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân...

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 909/QĐ-UBND, ngày 28/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương. Trụ sở đặt tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Trạm có chức năng, nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện. Triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn; bồi dưỡng cho cán bộ khuyến nông cơ sở và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp; xây dựng các mô hình trình diễn; hướng dẫn hoạt động cho tổ chức khuyến nông xã, tuyên truyền vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông, làng khuyến nông tự quản hoạt động đúng hướng có hiệu quả. Thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại cây trồng, vật nuôi cho nông dân. Hướng dẫn, giúp các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nhiệm vụ dạy nghề nông nghiệp trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật;

Cơ cấu tổ chức: gồm có Trưởng trạm và từ 1 đến 3 Phó Trưởng trạm, kế toán và các viên chức chuyên môn; 4 tổ chuyên môn (Trồng trọt, Chăn nuôi - Thú y, Lâm nghiệp, Hành chính - Tổng hợp); 4 cụm khuyến nông phụ trách địa bàn xã, thị trấn.

TRẠM KHUYẾN NÔNG HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 6/7/2004. Trụ sở đặt tại 148, phố Thái Long, thị trấn Đình Cả.

Trạm có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện trình lên cơ quan cấp trên đề nghị phê duyệt và tổ chức thực hiện. Triển khai các kế hoạch khuyến nông trên địa bàn huyện. Bồi dưỡng cán bộ khuyến nông cơ sở và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp. Xây dựng các mô hình trình diễn, sản xuất cấp huyện. Hướng dẫn hoạt động cho khuyến nông xã. Thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật và dịch vụ các loại giống cây trồng, giống vật nuôi cho nông dân. Thực hiện chế độ thông tin định kỳ với trung tâm khuyến nông cấp tỉnh. Dạy nghề, cấp chứng chỉ nghề trình độ sơ cấp, liên kết đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

TRẠM KHUYẾN NÔNG THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 6/7/2004. Trụ sở đặt tại số nhà 10 - Đường Nguyễn Du, thành phố Thái Nguyên. Trạm có chức năng thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn nhằm hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhiệm vụ của Trạm là xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông; triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn thành phố; bồi dưỡng cán bộ khuyến nông xã và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; xây dựng các mô hình diễn tập; tuyên truyền, vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông làng, khuyến nông tự quản; thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân...

TRẠM KHUYẾN NÔNG THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Được thành lập ngày 1/1/2005, theo Quyết định số 2104/QĐ-UB, ngày 15/12/2004 của Ủy ban nhân dân thị xã Sông Công.

Trạm chịu sự quản lí trực tiếp của Ủy ban nhân dân Thị xã. Ngoài ra, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên.

Trụ sở hiện nay đặt tại số 2, đường Trần Phú, phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công.

Trạm có chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn nhằm hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp, nông thôn; nhiệm vụ của Trạm là xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông; triển khai kế hoạch khuyến nông trên địa bàn thành phố; bồi

dưỡng cán bộ khuyến nông xã và nông dân về phương pháp khuyến nông, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; xây dựng các mô hình diễn tập; tuyên truyền, vận động thành lập các câu lạc bộ khuyến nông làng, khuyến nông tự quản; thực hiện chuyển giao và dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân...

TRẠM THÚ Y HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập năm 1992, trụ sở đặt tại Phố Đình, thị trấn Đại Từ. Trạm có nhiệm vụ: Tham mưu cho chính quyền cấp huyện, thực hiện nhiệm vụ quản lí, triển khai về công tác thú y; giám sát quản lí, phát hiện và khai báo tình hình dịch bệnh, từ cơ sở tới chi cục thú y đột xuất, định kỳ, hằng tháng, hằng quý; tổ chức phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của chi cục thú y; Thực hiện các chương trình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất; tuyên truyền vận động nhân dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp lệnh thú y.

TRẠM THÚ Y HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập ngày 7/12/1991. Trụ sở đặt tại thị trấn Chợ Chu. Trạm có chức năng, nhiệm vụ: Chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y tại các chợ và các điểm giết mổ; tổ chức các đợt tiêm phòng định kỳ, bổ sung đối với đàn gia súc, gia cầm.

TRẠM THÚ Y HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập năm 1987. Trụ sở đặt tại tổ 12 thị trấn Chùa Hang. Trạm có chức năng, nhiệm vụ: Chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y tại các chợ và các điểm giết mổ; tổ chức các đợt tiêm phòng định kỳ, bổ sung đối với đàn gia súc, gia cầm.

TRẠM THÚ Y HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 202 UB/QĐ, ngày 7/12/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái.

Trụ sở đặt tại Tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Chức năng, nhiệm vụ: Trạm Thú y huyện Phú Lương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục Thú y Thái Nguyên, có chức năng thực hiện nhiệm vụ được giao trên địa bàn huyện; đề xuất và phối hợp

với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lí nhà nước về Chăn nuôi và Thú y trên địa bàn. Trạm Thú y chịu sự chỉ đạo, quản lí trực tiếp và toàn diện về mọi mặt hoạt động của Chi cục Thú y; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đối với việc thực hiện công tác chăn nuôi, thú y trên địa bàn.

Trạm có nhiệm vụ phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện về chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển dài hạn, 5 năm và hằng năm về chăn nuôi, thú y trên địa bàn; thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lí. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y. Quản lí thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận tiêm phòng. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, chế độ, chính sách và pháp luật cho mạng lưới thú y cấp xã và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi, thú y trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi, thú y theo quy định của pháp luật. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về chăn nuôi, thú y ...

Cơ cấu tổ chức: Trạm Thú y Phú Lương là đơn vị trực thuộc Chi cục Thú y tỉnh Thái Nguyên. Trạm có Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm và viên chức phụ trách các lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

TRẠM THÚ Y HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 7/12/1991.

Trụ sở đặt tại xóm Tiền Phong, thị trấn Đình Cả. Trạm có chức năng tham mưu, giúp Chi cục Thú y và Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai quản lí, tổ chức chỉ đạo công tác thú y trên địa bàn theo hướng dẫn của Chi cục Thú y; xây dựng kế hoạch công tác thú y hằng năm, kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án về công tác thú y trên địa bàn; tham mưu soạn thảo văn bản, chỉ đạo hướng dẫn chuyên môn về công tác thú y; phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Thú y, các ngành liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện công

tác thú y trên địa bàn huyện theo hướng dẫn chỉ đạo của Chi cục Thú y, và của Ủy ban nhân dân huyện; giám sát, xác minh dịch bệnh, quản lí tình hình dịch bệnh; chỉ đạo công tác tiêm phòng vắc xin, vệ sinh, khử trùng tiêu độc, xử lý ổ dịch động vật; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật; quản lí thuốc thú y trên địa bàn, v.v...

TRẠM THÚ Y THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1985 trên cơ sở tách từ Phòng Nông nghiệp thành phố Thái Nguyên. Năm 1987, Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Công ty Chăn nuôi thú y. Từ thời điểm này, Trạm Thú y thành phố được sáp nhập vào Công ty Chăn nuôi thú y. Năm 1993, Ủy ban nhân dân thành phố cho giải thể Công ty Chăn nuôi thú y; Trạm Thú y thành phố được tái lập, trụ sở đặt tại số 679 - Tổ 22- Đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng.

Trạm Thú y thành phố Thái Nguyên có các nhiệm vụ: Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về công tác thú y theo sự phân công và hướng dẫn của Chi cục Thú y; xây dựng quy hoạch, kế hoạch, các chương trình dự án thuộc lĩnh vực quản lí theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thú y và các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Giám sát, phát hiện, chẩn đoán, xác định bệnh động vật, thông báo kịp thời tình hình dịch bệnh; ngăn chặn, dập tắt các ổ dịch động vật xảy ra và quản lí các ổ dịch cũ; định kỳ kiểm tra dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các cơ sở có liên quan đến công tác thú y trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật. Thực hiện công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật lưu thông trên địa bàn thành phố; kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y động vật và sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ, chế biến, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn thành phố...

TRẠM THUỶ LỢI HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại tổ dân phố 2, thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Trạm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, làm tốt công tác quản lí, khai thác, bảo vệ các công trình thuỷ lợi theo Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi được giao; điều tiết nước tưới tiêu đảm bảo đủ yêu cầu và tiết kiệm nước dùng cho sản xuất nông nghiệp; lập kế hoạch duy tu, sửa chữa các công trình thuỷ lợi trong năm theo đúng quy trình quy phạm kỹ thuật; chỉ đạo cơ sở cấp xã quản lí, khai thác, bảo vệ duy tu, bảo dưỡng công trình thuỷ lợi, nạo vét kênh mương, điều tra diện tích tưới theo dõi và phát hiện xử lý kịp thời các sự cố công trình thuỷ lợi cấp tỉnh quản lí trên địa bàn huyện;....

Cơ cấu tổ chức gồm có: Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm và 43 cán bộ.

TRẠM THUỶ VĂN CHÃ

Được thành lập năm 1955 để quan trắc mực nước 6 tháng mùa lũ, phục vụ dự báo lũ của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 1977, nâng cấp thành trạm Thuỷ văn cấp III (Trạm thuỷ văn Chã); Trụ sở đặt tại địa phận xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.

Trạm có chức năng: Đo đạc, quan trắc các yếu tố thuỷ văn phục vụ cho điều tra cơ bản và dự báo lũ của Trung ương và địa phương.

TRẠM THUỶ VĂN GIA BẨY

Được xây dựng từ năm 1907 để quan trắc mực nước, đặt tại Bến Tượng, cách cầu Gia Bẩy 1 km về phía hạ lưu; năm 1946 ngừng hoạt động. Từ năm 1956, Trạm được khôi phục tại địa điểm cũ để quan trắc phục vụ cho công tác phòng chống lụt bão của tỉnh Thái Nguyên (năm 1959, chuyển về Bến Than, cách cầu Gia Bảy 300 m về phía thượng lưu). Ngày 15/6/1960, Trạm được nâng cấp thành trạm cơ bản cấp II, quan trắc mực nước, lưu lượng, nhiệt độ nước; từ ngày 28/9/1962, hạ cấp thành trạm cơ bản cấp III chỉ quan trắc mực nước và nhiệt độ nước. Địa điểm quan trắc vẫn đặt tại Bến Than cho đến tháng 12/1973.

Từ ngày 4/1/1997, Trạm được nâng cấp thành Trạm Thuỷ văn cơ bản cấp I, có nhiệm vụ quan trắc các yếu tố: Mực nước (H); Lưu lượng (Q); Phù sa (R); Nhiệt độ nước; Nhiệt độ không khí; Mưa và xử lý môi trường nước sông. Vị trí quan trắc đặt bên hữu ngạn sông Cầu, cách cầu Gia Bẩy 60m về phía thượng lưu, thuộc địa phận tổ 14, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

TRẠM TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên.

Trạm có chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Chi cục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện các vấn đề thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn; phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế: về công tác kế hoạch, chương trình, dự án phát triển trồng trọt, xây dựng kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng vụ, hằng năm, xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo mùa vụ, thời vụ sản xuất trên địa bàn; về công tác bảo vệ thực vật trên địa bàn; tham mưu chỉ đạo sản xuất, biện pháp phòng, chống dịch; điều tra, phát hiện sinh vật gây hại thực vật, thông báo kịp thời tình hình sinh vật gây hại thực vật và hướng dẫn biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; xác định thiệt hại do dịch bệnh gây ra, theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả chống dịch; thực hiện biện pháp kiểm dịch thực vật nội địa, công tác quản lí thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, phân bón hữu cơ và phân bón khác trên địa bàn, công tác kiểm tra, thanh tra trên địa bàn; phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, cấp xã thực hiện các công việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trồng trọt và bảo vệ thực vật, phòng, chống sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn, công tác thống kê, thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và quy định pháp luật, tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, an toàn thực phẩm; tuyên truyền pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn và các hoạt động liên quan khác về kế hoạch, chương trình, kết quả công tác thực hiện nhiệm vụ được giao của Trạm với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chi cục trưởng, đồng thời gửi thông tin đến Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế, thực hiện dịch vụ kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn quản lí theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Chi cục và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao.

Cơ cấu tổ chức gồm có: Trưởng trạm và 2 cán bộ.

TRẠM TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT HUYỆN PHÚ BÌNH

Tiền thân là Trạm Bảo vệ thực vật huyện Phú Bình được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-UB ngày 5/1/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình. Trụ sở đặt xóm Vạn Già, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Trạm có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Chi cục và Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình các vấn đề thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện Phú Bình. Phối hợp với các tổ chức liên quan ở cấp huyện, cấp xã thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trồng trọt và bảo vệ thực vật ; phòng, chống sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn; công tác thống kê; thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và quy định pháp luật; tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, an toàn thực phẩm; tuyên truyền pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật. Thực hiện dịch vụ kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

TRẦM LONG

Đình, được dựng năm 1927 trên một quả đồi đất thấp ở xóm Gò Móc, xã Thịnh Đán, tổng Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ; nay thuộc phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên; là nơi thờ thành hoàng của làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình kiến trúc theo kiểu hình chữ ĐINH 3 gian ngoài dài 12 m, rộng 7 m và một hậu cung 20 m^2. Cột, xà, rui, mè làm bằng gỗ lim, xung quanh bưng ván, mái lợp gianh. Thời xưa, theo lệ, đình mở lễ hội vào ngày 17/1 âm lịch hằng năm. Phần lễ, sáng ngày 17 tiến hành nghi lễ rước kiệu từ đình Trầm Long sang đình Quan Triều (phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên ngày nay), nơi quê hương của Dương Tự Minh, xin rước bát hương về tế lễ.

Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân pháp (1946 - 1948), đình là nơi Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên mượn đặt trụ sở và sau này là trụ sở của Ủy ban xã Quyết Thắng, cho đến khi xã xây dựng trụ sở mới (1979).

Năm 1979, đình bị gió lốc làm sụp đổ hoàn toàn.

TRÀNG AN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở sáp nhập 2 làng: Tràng Lang (sau này là Vạn Thọ) và Lục Ba của tổng Yên Lãng. Dân số (1954) có 4.905 người thuộc 3 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Dìu và Hoa. Sau giảm tô (1953), xã Tràng An được chia làm 3 xã: Phúc Thọ với số dân 700 người, Lục Ba với số dân 1.909 người, Vạn Thọ với số dân 2.296 người.

TRÀNG XÁ

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Tràng Xá là một xã vùng cao nằm ở khu vực đông nam huyện Võ Nhai. Nhân dân các dân tộc xã Tràng Xá sớm có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Tràng Xá là xã nằm trong An toàn khu (ATK) Trung ương. Trong Thu - Đông 1947, là nơi nhiều cơ quan Trung ương và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội... di chuyển từ ATK Định Hoá sang ở, làm việc; quân và dân Tràng Xá đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực chặn đánh địch khắp nơi, góp phần đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp vào Căn cứ địa.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947, xã Tràng Xá tiếp tục đón nhận và bảo vệ các cơ quan của Liên khu I (Việt Bắc) và một số đơn vị dân sự, quân sự của Trung ương. Nhân dân Tràng Xá tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến: Hàng chục thanh niên xung phong tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường, trong đó có 21 người đã hi sinh được Đảng và Nhà nước công nhận là liệt sĩ, 8 người bị thương được công nhận là thương binh; 130 người đi dân công hoả tuyến, hàng chục tấn gạo, 87 con trâu, 12 tấn thịt lợn, 1.600 đồng bạc trắng, 40 khẩu súng kíp, hàng trăm viên đạn cùng nhiều khí giới và vật chất khác, góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Do có nhiều thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân xã Tràng Xá đã được Nhà

nước tặng thưởng *Huân chương Độc lập hạng Ba* và ngày 22/8/1998, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

TRÀNG XÁ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập năm 1948 trên cơ sở hợp nhất 4 xã: Tràng Xá (11 làng), Lâu Hạ (7 làng), Quan Lũng (4 làng), La Chế (5 làng) thuộc tổng Tràng Xá cũ. Dân số (1954) có 2.690 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu.

Sau giảm tô (1953), xã Tràng Xá chia thành 3 xã: Tràng Xá, Dân Tiến và Liên Minh.

TRÀNG XÁ

Xã vùng cao, ở khu vực Đông Nam huyện Võ Nhai; phía bắc giáp xã Phú Thượng và thị trấn Đình Cả, phía đông giáp xã Phương Giao và Dân Tiến, phía nam giáp xã Dân Tiến và Liên Minh, phía tây giáp xã Liên Minh và Lâu Thượng.

Diện tích tự nhiên 4.704,35 ha. Dân số (năm 2009) 7.608 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Mông, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mường, cư trú ở 20 xóm: Làng Tràng, Cầu Nhọ, Đồng Mỏ, Đồng Danh, Đồng Tác, Lò Gạch, Làng Đèn, Đồng Bài, Đồng Ruộng, Đồng Ẻn, Tân Thành, Thành Tiến, Mỏ Đinh, Là Đông, Chòi Hồng, Là Bo, Mỏ Bễn, Là Lưu, Tân Đào, Khuôn Ruộng. Sản xuất nông nghiệp khá phát triển với các cây trồng chủ lực là lúa, ngô, đỗ tương, mía.

Tràng Xá là vùng quê giàu truyền thống cách mạng, có nhiều di tích lịch sử: Rừng Khuôn Mánh - nơi thành lập Trung đội Cứu quốc quân II (15/9/1941), đã được xếp hạng di tích Quốc gia; hang Huyện là nơi đặt xưởng sản xuất vũ khí của Z159 trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

TRẦN PHÚ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, thành lập năm 1946 trên cơ sở sáp nhập 4 làng Tiên Hội, Tiên Sơn, Phú Nghĩa, Khôi Kỳ của tổng Tiên Sơn. Dân số (1954) có 2.388 người.

Sau giảm tô (1953), xã Trần Phú được chia tách thành 2 xã: Trần Phú và Độc Lập.

TRAO

Cầu, được dựng từ đầu thế kỷ XX, trên tuyến Quốc lộ 3, vượt qua suối Trao thuộc địa phận xã Tích Lương, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Cầu được làm bằng gỗ.

Năm 1959, để phục vụ xây dựng Khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên, cầu được nâng cấp bằng dầm thép, sàn cầu lót vai bằng thép, có tải trọng 13 tấn. Trong những năm có chiến tranh phá hoại, cầu nhiều lần bị máy bay giặc Mĩ ném bom làm hư hỏng nặng. Năm 1973, cầu được khôi phục. Năm 2000, cầu được xây dựng lại, có chiều dài 9,4 m, rộng 10 m, khẩu độ thoát nước 5 m, kết cấu nhịp dài 6m, mố trụ, móng được làm bằng bê tông cốt thép, tải trọng H30.

TRẠO NGUYỄN ĐỨC

Nhà biên kịch, sinh năm 1938; quê xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Thời trẻ, ông đi học và làm nông nghiệp tại quê. Năm 1960, thoát ly làm công nhân Khu Gang thép Thái Nguyên, rồi được tuyển làm diễn viên Đoàn chèo Gang thép. Năm 1976, chuyển về Đoàn chèo tỉnh Bắc Thái... Năm 1982, được đề bạt Phó Giám đốc, rồi sau đó là Giám đốc Nhà hát Bắc Thái...

Nguyễn Đức Trạo đã sáng tác nhiều tác phẩm sân khấu có giá trị: *Đường lên núi Sắt* (Chèo, do Đoàn chèo Gang thép dàn dựng, giải xuất sắc Hội diễn nghệ thuật Khu Tự trị Việt Bắc, 1974), *Kẻ giấu mặt* (Kịch, giải A Hội diễn miền Duyên hải, 1991), *Chốn quan trường* (Kịch hát, giải A Hội diễn miền Duyên hải, 1994). Ông là tác giả và đạo diễn vở: *Cảnh ngộ giữa cuộc đời* của Đoàn kịch nói Bắc Thái (*Huy chương Vàng* hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1990).

Nguyễn Đức Trạo hai lần đoạt Giải thưởng Văn học nghệ thuật 5 năm của tỉnh Thái Nguyên với các kịch bản: *Chốn quan trường*, *Trần triều liệt nữ* và hai giải B với các kịch bản: *Thiên tình như huyền thoại* và *Tình mẹ*.

TRIỀU DƯƠNG

Chùa, được dựng vào thế kỷ XVIII ở làng Triều Dương, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình. Chùa làm bằng tre, gỗ, lợp gianh; được trùng tu, tôn tạo năm 2006.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, chùa Triều Dương cùng với gò Sở và soi Quýt Vải là nơi các cơ quan, đơn vị bộ đội, bệnh viện đóng quân. Năm 1947 - 1948, đình Triều Dương là nơi đón tiếp đồng bào tản cư từ tỉnh Bắc Ninh lên.

Hiện vật cổ còn lưu giữ tại chùa Triều Dương là một số tảng đá kê chân cột, một số bát hương cổ men da lươn và một số đồ thờ cổ khác. Lễ hội chính tổ chức tại đình - chùa Triều Dương vào những ngày 10 - 12/1 Âm lịch hằng năm. Chùa Triều Dương được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 178/QĐ-UBND, ngày 2010/1/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TRIỀU DƯƠNG

Đình, được dựng vào thế kỷ XVIII, làm bằng tre, gỗ, lợp gianh ở làng Triều Dương, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình.

Những năm 1947 - 1948, đình Triều Dương là nơi đón tiếp đồng bào tỉnh Bắc Ninh tản cư lên. Năm 2006, được trùng tu, tôn tạo. Hiện vật cổ còn lưu giữ tại đình gồm 1 cây hương đá thời Lê, 1 bia đá dựng thời Bảo Đại (1926 - 1945), 1 bài vị ghi tên vị thần thờ tại đình, tảng kê chân cột bằng đá xanh, một số bát hương cổ men da lươn, một số đồ thờ cổ.

Lễ hội chính tổ chức tại đình Triều Dương từ ngày mùng 10 đến 12/1 Âm lịch. Ngoài ra, còn có Lễ Hạ điền (1/4), Lễ Thượng điền (1/7), Lễ Mừng cơm mới (10/10). Đình Triều Dương được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 21/1/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TRINH CHU MẠNH (1861 - 1905)

Án sát tỉnh Thái Nguyên. Tự là Cán Thần, hiệu là Trúc Văn, quê ở làng Phú Thị, phủ Khoái Châu (nay là huyện Khoái Châu) tỉnh Hưng Yên. Đỗ Tiến sĩ năm Thành Thái thứ 4 (1892), được bổ làm Tri phủ Lý nhân, Án sát các tỉnh Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên; sau đau ốm cáo quan về sống ở quê.

Chu Mạnh Trinh là người giỏi về cầm, kì, thi, hoạ và kiến trúc. Tác phẩm của ông, có tập *Trúc văn thi tập* (thơ chữ Hán), *Thanh Tâm tài nhân thi tập* (thơ chữ Nôm gồm 20 bài viết trong cuộc thi Vịnh Kiều do Lê Hoan tổ chức ở Hưng Yên năm 1902 và đoạt giải nhất thơ Nôm) và

một số bài ca trù, trong đó có bài *Hương Sơn phong cảnh ca* nổi tiếng bởi ngôn từ điêu luyện, sáng đẹp, thể hiện tấm lòng người con đất Việt với cảnh đẹp thiên nhiên và tình yêu non sông, đất nước. Ông cũng là người vẽ kiểu và trùng tu chùa Thiên Trù (chùa Ngoài ở động Hương Tích).

Chu Mạnh Trinh - quan chức, nhà thơ, có cốt cách của một nhà nho tài tử, một nhà thơ lãng mạn có khuynh hướng thoát ly bối cảnh xã hội nước ta hồi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

TRÌNH

Đền, có từ lâu đời ở ngay đầu phía bắc cầu Giang Tiên trên Quốc lộ 3, nằm bên bờ sông Đu (Giang Tiên), thuộc phố Giang Tiên, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương. Đền được dựng bằng tre, gỗ, lợp lá; là nơi thờ thuỷ thần và vong hồn những người chết đuối dạt vào bến Giang Ma (bến sông nơi dựng đền).

Năm 1947, đền bị máy bay thực dân Pháp ném bom phá huỷ hoàn toàn; năm 1954, được dựng lại bằng tre, nứa, lá; năm 1966, được làm lại bằng cột gỗ, mái lợp ngói mũi. Đến năm 1996, đền được xây dựng bằng gạch, ngói; kiến trúc theo hình chuôi vồ, diện tích 50 m^2, gồm 3 gian đứng, có hiên rộng 1,4 m.

Lễ hội đền Trình tổ chức vào ngày 6/1 Âm lịch hằng năm, cùng với lễ hội đền Đuổm.

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2465/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008).

TRÌNH NGUYỄN VĂN

Phó Tư lệnh Quân khu 1 (Từ 2007), Thiếu tướng (2008).

Ông sinh năm 1952, quê xã Vân Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; trú quán xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1971, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1975; nguyên Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng, Tham mưu phó trung đoàn, Phó ban Tác chiến sư đoàn, Trung đoàn phó - Tham mưu trưởng, Quyền Trung đoàn trưởng, Trưởng ban Tác chiến thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện, Hiệu trưởng Trường Quân sự tỉnh; Phó Chỉ huy trưởng - Tham mưu trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ

huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ năm 2007 là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Quân khu 1.

Đã được tặng thưởng 1 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (Nhất, Nhì, Ba), *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhì*, *Huy chương Quân kỳ quyết thắng*; Huy hiệu 30 năm, 40 năm tuổi Đảng.

TRÚC PHAN THỊ THANH

Nhà giáo Ưu tú, Thạc sĩ, quê gốc tỉnh Hà Tĩnh, sinh ra và lớn lên tại thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; nguyên Giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp III (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên).

Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp I, bà tham gia chỉ đạo kỹ thuật sản xuất ở vùng lúa Tân Yên (Bắc Giang) và huyện Đồng Hỷ (Thái Nguyên), bà được chuyển về làm cán bộ giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp III.

Trong gần 30 năm đứng trên bục giảng, nhà giáo Phan Thị Thanh Trúc đã hướng dẫn hàng trăm sinh viên bảo vệ đồ án tốt nghiệp. Nhiều nhóm sinh viên do bà hướng dẫn đạt giải thưởng cao. Ngoài giảng dạy, bà còn tham gia biên soạn giáo trình và chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học.

Nhà giáo Phan Thị Thanh Trúc nhiều năm được công nhận là giáo viên dạy giỏi, 3 năm là *Chiến sĩ thi đua*. Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2000.

TRÚC MAI 2

Mỏ đá, nằm trên địa bàn xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Mỏ có diện tích 9 ha, trữ lượng 3.900.722m^3 đá vôi, công suất thiết kế 90.000m^3/năm. Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên được khai thác mỏ theo Giấy phép số 737/GP-UBND, ngày 14/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TRUNG LƯU (? - 1459)

Vị tướng tài trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418 -1427), quê xã Thuận Thượng (nay là xã Vân Yên), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Là người yêu nước, có học thức, lại có quê gốc ở Thanh Hoá nên năm 1409, Lưu Trung cùng con trai, con rể đã tìm về Lam Sơn cùng Lê Lợi mưu đồ

chống giặc Minh. Năm Bính Thân (1416), Lê Lợi cùng 18 người đồng chí hướng tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai, kết nghĩa anh em, thề cùng trời đất một lòng đánh giặc Minh, cứu nước.

Sau Hội thề Lũng Nhai, theo lệnh của Lê Lợi, cha con Lưu Trung trở về Đại Từ chiêu tập quân sĩ, chuẩn bị khởi nghĩa. Từ năm 1418 đến năm 1428, Lưu Trung cùng các tướng của Lê Lợi chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn chiến đấu hàng chục trận, đóng góp nhiều công lao đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh khỏi nước ta.

Do có công lớn trong cuộc khởi nghĩa, năm 1428, khi Lê Lợi định công ban thưởng, Lưu Trung được phong chức Tư mã Đại tướng quân. Vợ ông được phong Nhập nội "*Ôn lương nhu thần từ huệ trinh tiết đại phu nhân, đại phụ công chúa*". Lưu Trung mất năm 1459. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), ông được vua Lê Thánh Tông truy tặng Thái uý.

TRUNG NGUYỄN THÀNH

Nhà giáo Ưu tú, Tiến sĩ, quê xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, kiêm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1981, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Y Bắc Thái (nay là Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy. Năm 1991, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại Liên Xô (cũ), ông trở về Trường Đại học Y Bắc Thái, tiếp tục công tác giảng dạy.

Nhà giáo Nguyễn Thành Trung đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên kiêm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên. Với thành tích 3 năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp Bộ, 1 năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* toàn quốc, ông được tặng *thưởng Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2006.

TRUNG PHẠM QUANG (Đã mất)

Tiến sĩ Sử học, quê xã Đồng Tiến (nay là xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên).

Thời niên thiếu, ông học phổ thông tại Phổ Yên; nhập ngũ năm 1972, tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Từ năm 1976 đến năm 1981 học Khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh; năm 1983, công tác tại Viện Sử học Việt Nam; năm 1993, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ.

Phạm Quang Trung là tác giả cuốn sách: *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1997; tham gia viết nhiều sách lịch sử: *Thư mục Khoa học xã hội về đồng bằng sông Cửu Long* (1981), *Tổ chức nông tín tương hỗ ở Nam Kỳ trong thời* Pháp thuộc (1992), *Khởi nghĩa Ba Đình và phong trào chống Pháp ở Thanh Hoá* (1992)... Ông là người biên soạn Đề cương tổng thể công trình *Địa chí Thái Nguyên*, giữ vai trò chính yếu trong việc chuẩn bị nội dung Hội thảo khoa học Khởi nghĩa Thái Nguyên - 80 năm nhìn lại. Ông mắc trọng bệnh, qua đời năm 2003 tại Phổ Yên.

TRUNG TRẦN QUỐC

Quyền Bí thư Tỉnh ủy, sinh năm 1924, dân tộc Kinh, quê xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Phó Bí thư, Quyền Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 3 đến tháng 5/1948.

TRUNG TRẦN THỊ VÂN

Nhà giáo ưu tú, Nhà thơ, Phó giáo sư, Tiến sĩ, nguyên Giám đốc Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên; quê làng Đông, xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên); thường trú phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Trần Thị Vân Trung học phổ thông tại Thái Nguyên. Năm 1977, tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên) được giữ lại trường làm giảng viên. Đã trải qua các cương vị quản lí: Phó ban rồi Trưởng ban Quản lí khoa học và Quan hệ quốc tế Đại học Thái Nguyên (1995 - 2008); Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên từ năm 2008.

Bà được trao học vị Tiến sĩ năm 1994, học hàm Phó giáo sư năm 2005; là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nữ trí thức Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Thái Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, Ủy viên Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên, Hội viên - Ủy viên Hội đồng Lý luận phê bình Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam và Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên. Là tác giả của 5 tập thơ, 7 công trình khoa học (được tập hợp dưới dạng sách nghiên cứu) đã được xuất bản. Bà đã nhận nhiều giải thưởng về Văn học Nghệ thuật ở Trung ương và địa phương.

Nhà giáo Trần Thị Vân Trung được tặng nhiều danh hiệu cao quý: Phụ nữ tài năng thời kỳ đổi mới (2007), Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam (2009), Trí thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận kinh tế (2010). Được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (2010), danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010. Chính phủ Hoàng gia Campuchia tặng *Huân chương Hữu nghị* (1997); và 5 Huy chương các loại.

TRUNG CAO

Nơi đặt trận địa pháo của Trung đoàn 210 pháo cao xạ phòng không (1965 - 1967). Vị trí di tích trên đồi Trung Cao (trước gọi là đồi Dầu Khép), thuộc thôn Phú Tiến, xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ; nay là tổ 29, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên.

Trận địa pháo gồm 8 khẩu 100mm và một số khẩu đội cao xạ 12,7mm, 14,5mm bảo vệ các mục tiêu khu vực phía Tây thành phố Thái Nguyên. Trong những năm 1965 - 1967, trận địa pháo cao xạ đồi Trung Cao đã đánh địch hàng chục trận, góp phần cùng quân dân thành phố Thái Nguyên bắn rơi nhiều máy bay địch, tiêu diệt và bắt sống một số giặc lái, trong đó có chiếc máy bay thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc.

Trận địa đồi Trung Cao hiện nay vẫn còn dấu tích của đường kéo pháo, các ụ pháo, nơi đặt ra đa.

TRUNG ĐÀI

Chùa, có từ lâu đời ở xóm Trung Đài, xã Cù Vân, huyện Đại Từ.

Chùa Trung Đài nằm ngay sau đình Trung Đài; đã qua nhiều lần trùng tu. Kết cấu chùa gồm 2 gian: Tiền đường và hậu cung. Trong hậu cung có bàn thờ Phật chia làm 3 cấp: trên cùng thờ Phật Di Đà, cấp thứ 2 thờ Phật Thích Ca, cấp thứ 3 thờ Quan Thế Âm Bồ Tát. Bên phải hậu cung thờ Đức Thánh Hiền, bên trái thờ Sơn thần.

Hằng năm, chùa có 3 kỳ lễ chính: Ngày 10/1: Lễ Cầu may; ngày 20/4: Lễ Xuống đồng, ngày 10/12: Lễ Tất niên. Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2461/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008).

TRUNG ĐÀI

Đình, được dựng đầu thế kỷ XIX, trên một khu đất cao thuộc xóm Trung Đài, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Năm 1932, đình được dựng lại. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), đình là nơi Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh và một số cơ quan Trung ương đặt trụ sở.

Năm 1964, ngôi đình bị hỏng hoàn toàn; đến năm 1993, được xây dựng lại bằng tiền công đức của nhân dân 3 xóm Đồng Trại, Đồng Lìm và Trung Đài. Đình gồm Tiền đường có diện tích gần 40 m^2. Có 3 cửa: Cửa chính rộng 1,3 m, cửa 2 bên tả, hữu mỗi cửa rộng 1,1 m, mỗi cửa đều có cặp câu đối ca ngợi công lao, tài đức của Dương Tự Minh và sự bền vững của vùng đất địa linh nhân kiệt. Giữa tiền đường là hương án chạm lộng, sơn son, thiếp vàng "long vân hội tụ" (rồng mây gặp nhau). Hậu cung thờ Phật: trên cùng là pho tượng Di Lặc, giữa là pho Thích ca sơ sinh, dưới cùng là pho tượng Quan âm toạ thiền trên toà sen.

Tại đình còn một câu đối cổ, 1 hương án, 1 hộp đựng sắc phong, 1 khay thờ bốn chân hương, một bát hương gốm Thổ Hà. 1 bia đá (Hậu thần bi kí) có niên đại Hoàng triều Gia Long năm thứ 10 (1811).

Di tích được xếp hạng cấp Tỉnh (Quyết định số 2461/QĐ-UBND, ngày 13/10/2008).

TRUNG HỘI

Xã miền núi thuộc huyện Định Hoá, thành lập năm 1946; phía bắc giáp xã Bảo Cường, phía nam giáp các xã Phú Tiến, Bộc Nhiêu, phía đông giáp xã Phượng Tiến, phía tây giáp các xã Trung Lương, Đồng Thịnh. Tổng diện tích tự nhiên 1256 ha, gồm diện tích đất nông nghiệp 1.048,62 ha, đất phi nông nghiệp 90,61 ha, còn lại là đất chưa sử dụng.

Xã Trung Hội hiện nay có 19 xóm: Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Nà Khao, Bãi Đá, Quán Vuông 1, Quán Vuông 2, Quán Vuông 3, Quán Vuông 4, Trung Kiên, Bản Chia, Hoàng Hanh, Làng Hà, Quỳnh Hội, Làng Vầy, Cầu

Đỏ, Đồng Mon, Tân Tiến, Làng Mố, Làng Chủng. Dân số (năm 2009) 4.536 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, Hoa, Thái, Mường và Sán Dìu.

TRUNG HỘI

Xã trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Định Hoá; gồm địa phận các xã Trung Lương, Trung Hội sau giảm tô (cuối năm 1953). Về vị trí địa lí, xã Trung Hội nằm ở vùng trung tâm huyện Định Hoá; phía đông và đông nam giáp xã Bộc Nhiêu (nay là 2 xã Phú Tiến, Bộc Nhiêu), phía đông bắc giáp xã Phượng Tiến (nay là 2 xã Phượng Tiến, Tân Dương), phía tây giáp xã Thanh Định (nay là các xã Thanh Định, Bình Yên, Điềm Mặc) và xã Bình Trung (nay là các xã Đồng Thịnh, Định Biên, Bảo Linh), phía nam giáp xã Bình Thành (nay là các xã Bình Thành, Phú Đình, Sơn Phú), phía bắc giáp xã Bảo Cường (nay là các xã Bảo Cường, thị trấn Chợ Chu và Phúc Chu).

Xã có diện tích tự nhiên 26,30 km^2; dân số 1.887 người thuộc 3 thành phần dân tộc: Tày 54,85%, Kinh 40,75%, Hoa 4,40%. Cuối năm 1953, xã Trung Hội được tách thành 2 xã Trung Hội và Trung Lương, ổn định đến nay. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Trung Hội thuộc vùng Trung tâm An toàn khu (ATK) Trung ương.

TRUNG LƯƠNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung Lương huyện Định Hoá là xã thuộc An toàn khu Trung ương; nơi làm việc của một bộ phận cơ quan Bộ Y tế (1947 - 1948); các xưởng Quân giới chế tạo, sản xuất và sửa chữa vũ khí (1947 - 1948); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1948 - 1954); Cục Thông tin...

Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947, lực lượng dân quân, du kích xã phối hợp với Tiểu đoàn 131 (Trung đoàn 87) tổ chức chặn đánh quyết liệt quân địch ở Cầu Đá, gây cho chúng nhiều tổn thất; phối hợp với Trung đội du kích tập trung của huyện, tổ chức phục kích địch trên Đường 264, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều tên, bẻ gãy cuộc tiến quân của chúng, góp phần bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ

quan Trung ương đóng trên địa bàn. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã còn đóng góp 5 vạn tàu lá cọ, hàng nghìn cây tre, gỗ các loại, 1.200 ngày công giúp các cơ quan kháng chiến, đơn vị quân đội làm nhà ở, nhà làm việc..; ủng hộ 23 con trâu, 25 con lợn, 4 tấn thóc và nhiều thực phẩm khác.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Trung Lương đã được Chủ tịch nước ký Quyết định (số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005) tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

TRUNG LƯƠNG

Xã miền núi nằm ở vùng phía Nam huyện Định Hoá, thành lập cuối 1953 trên cơ sở tách ra từ xã Trung Hội; phía đông giáp xã Phượng Tiến, phía tây giáp xã Bình Yên, phía nam giáp các xã Sơn Phú và Bộc Nhiêu, phía bắc và tây bắc giáp xã Đồng Thịnh, phía bắc và đông bắc giáp xã Trung Hội.

Diện tích tự nhiên 13,74 km². Dân số (năm 2009) 3.659 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Sán Chay, Dao, Sán Dìu, Hrê, Mường cư trú ở 23 xóm: Văn Lương 1, Văn Lương 2, Hồng Lương, Tân Vinh, Quang Trung, Hồng Tiến, Hồng Hoàng, Tân Tiến, Tiến Lợi, Lê Lợi, Bình Định 1, Bình Định 2, Thẩm Quản, Thẩm Tang, Hoàng Bình, Lịch Đàm, Khẩu Hấu, Nà Nạn, Lương Trung, Bẩy Bung, Vũ Lương 1, Vũ Lương 2 và Vũ Lương 3.

TRUNG NGUYÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu, thành lập ngày 10/9/2001. Trụ sở kinh doanh đặt tại 486 - Đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Công ty là đơn vị chế biến chè xanh lớn ở tỉnh Thái Nguyên. Mỗi năm Công ty xuất khẩu hàng ngàn tấn chè xanh ra thị trường nước ngoài; thị trường chính là Pakistan, Afganistan, Ả rập Xê út, Iran, Đài Loan, Singapore. Năm 2010, Công ty Trung Nguyên bắt đầu sản xuất chè xanh bán trong nước, chất lượng phù hợp với thị hiếu người Việt Nam. Công ty có hai nhãn hiệu được đăng ký: *Thái Hoàng Trà* và *Thái Linh Trà*.

Nguồn nguyên liệu chủ yếu từ các vùng chè nổi tiếng của Thái Nguyên, như Tân Cương, Trại Cài, Vô Tranh, Tức Tranh, La Bằng.

TRUNG SƠN

Cầu, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1999 tại địa phận xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Cầu dài 91 m, nhịp dài 91 m. Mố cầu được làm bằng bê tông và thép. Tải trọng thiết kế 0,5 tấn; chỉ sử dụng cho người đi bộ, xe gắn máy và xe thô sơ.

TRUNG TÂM

Chợ, thành lập năm 1990, trên một khu đất rộng 17.000 m^2 thuộc địa phận tổ 1 phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công. Chợ có tường rào bao quanh, có 3 cổng; có kiôt 2 tầng giáp trục Đường Cách Mạng Tháng Tám; có nhà đình chợ, 10 dãy kiốt thoáng và 10 kiôt kín.

Chợ Trung tâm là trung tâm thương mại phục vụ nhân dân toàn thị xã Sông Công và các vùng lân cận.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 6/11/1997, đặt tại xóm Lam Sơn, xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn). Trung tâm có nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ cấp cơ sở trên địa bàn huyện về lý luận chính trị sơ cấp, nhận thức về Đảng; bồi dưỡng đảng viên mới; tập huấn các lớp khối Đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong huyện; phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tổ chức bồi dưỡng chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính; Cao đẳng tài chính kế toán và lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí nhà nước chương trình chuyên viên.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập ngày 1/6/1996. Trung tâm có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị - hành chính; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức, kỹ năng và chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, kiến thức quản lí nhà nước cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cấp cơ sở trên địa bàn huyện. Tổ chức bộ máy, biên chế của Trung tâm có từ 4 đến 6 người, gồm Giám đốc, 1 Phó Giám đốc phụ trách giáo vụ và các cán bộ, nhân

viên hành chính. Ngoài số biên chế trên, Trung tâm được thực hiện chế độ giảng viên kiêm chức và cộng tác viên theo quy định.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 10/12/1997, đặt tại tổ dân cư số 7, thị trấn Chùa Hang. Trung tâm có 2 hội trường với quy mô 120 chỗ ngồi và 150 chỗ ngồi, 1 phòng họp, 5 phòng làm việc, 1 phòng hành chính - thư viện, với nhiều trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Trung tâm có nhiệm vụ bồi dưỡng chương trình lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; bồi dưỡng một số vấn đề về nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể cơ sở; bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng và lý luận cho đảng viên mới; tổ chức các buổi thông tin thời sự, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN PHỔ YÊN

Được thành lập ngày 1/8/1996. Chức năng chính của Trung tâm là: Bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ; Phổ biến các đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước đến cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể trong hệ thống chính trị trên địa bàn huyện.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập năm 1997, đặt tại thị trấn Hương Sơn. Trung tâm có nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng: Lý luận chính trị - hành chính, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức quản lí nhà nước cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn huyện.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập tháng 5/1997, đặt tại tiểu khu Trần Phú, thị trấn Đu. Trung tâm được thành lập theo Quyết định ngày 1/11/1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái và chính thức đi vào hoạt động từ 1/1/1996. Trung tâm được xây dựng khang trang trong khuôn viên rộng 8.500m² với một dãy nhà 2 tầng gồm 2 hội trường lớn, phòng thư viện,

phòng hội thảo, phòng chờ của giảng viên, phòng truyền thống; một nhà hai tầng là nơi làm việc của cán bộ, giáo viên.

Trung tâm có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ chủ chốt của huyện; bồi dưỡng chính trị cho các đối tượng Đảng, đảng viên trẻ.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 15/12/1997, đặt tại xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả. Trung tâm có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị - hành chính; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức kỹ năng và chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, kiến thức quản lí nhà nước cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị xã hội ở cơ sở trên địa bàn huyện...

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 15/9/1995, đặt tại tổ 35, phường Phan Đình Phùng.

Trung tâm gồm 1 nhà 3 tầng được xây dựng bán kiên cố, trong đó có 2 hội trường quy mô 150 chỗ ngồi và 80 chỗ ngồi, 1 phòng họp, 5 phòng làm việc, 1 phòng hành chính - thư viện cùng nhiều trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Trung tâm có nhiệm vụ bồi dưỡng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị - hành chính; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kiến thức nghiệp vụ công tác xây dựng đảng, chính quyền; kiến thức quản lý nhà nước, ...cho cán bộ chủ chốt của Thành phố; bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho các đối tượng Đảng và đảng viên mới.

Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố đã được Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng 8 Bằng khen, được tặng danh hiệu *Tập thể Lao động tiên tiến xuất sắc* năm 2010.

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Trụ sở đặt tại phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công.

Trung tâm có các nhiệm vụ: Bồi dưỡng các chương trình lý luận chính trị, các chuyên đề cho các đối tượng theo quy định; tổ chức học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn Thị xã; Bồi dưỡng kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, quản lí nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; bồi dưỡng lý luận chính trị cho các lớp phát triển Đảng, đảng viên mới kết nạp, các lớp Bí thư chi bộ và cấp ủy cơ sở, thông tin thời sự, chính sách cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở; nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trung tâm; quản lí chuyên môn đối với đội ngũ giảng viên, giảng viên kiêm chức, cộng tác viên của Trung tâm.

TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 27/5/1992 với tên gọi Trung tâm Bảo vệ sức khoẻ bà mẹ, trẻ em và Sinh đẻ kế hoạch, tiền thân là Trạm Sinh đẻ kế hoạch thuộc Sở Y tế.

Trụ sở đầu tiên của Trung tâm đặt tại phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên. Cơ sở vật chất lúc đó chỉ có một dãy nhà cấp 4 và 1 xe ô tô Uoát để đưa cán bộ đi làm nhiệm vụ. Nhiệm vụ ban đầu của Trung tâm là giúp việc cho Sở Y tế tỉnh Bắc Thái thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hoá gia đình trong toàn tỉnh.

Năm 1994, Trung tâm chuyển về tổ 17, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Năm 1997, sau khi chia tách tỉnh, Trung tâm có 32 biên chế. Năm 2006, Trung tâm đổi tên thành Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ sinh sản.

TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 8/8/2001, đặt tại xóm Hà Thái, xã Lục Ba; với tên gọi là Công trường 06, sau được đổi tên là Trung tâm Giáo dục lao động xã hội huyện Đại Từ và nay là Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục lao động xã hội Đại Từ trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Trung tâm có chức năng quản lí, chữa bệnh và giáo dục người nghiện các chất ma tuý.

TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI HUYỆN PHỔ YÊN

Là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Phổ Yên, thành lập theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND, ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; tiền thân là Công trường quản lí, giáo dục cai nghiện ma tuý huyện Phổ Yên (gọi tắt là Công trường 06), thành lập theo Quyết định số 966/QĐ-UB, ngày 26/9/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Phổ Yên.

Địa chỉ đặt tại xóm Rẫy, thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Điều trị nghiện tự nguyện; điều trị, cấp phát thuốc cho người nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; thực hiện các nhiệm vụ về công tác xã hội; điều trị cho người nghiện ma tuý cắt cơn bắt buộc tại cộng đồng; quản lí, sử dụng có hiệu quả nguồn lực; quản lí sử dụng cán bộ, công chức viên chức người lao động, tài sản, tài chính, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền quản lí của cơ sở theo theo phân cấp quản lí và các quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức gồm có: 1 Giám đốc, 2 Phó Giám đốc, 3 phòng chuyên môn (Hành chính tổng hợp, Điều trị ngoại trú và công tác xã hội, Điều trị nội trú).

TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 248/QĐ-UBND, ngày 9/2/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Được đổi tên theo Quyết định số 840/QĐ-UBND, ngày 8/5/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và bổ sung chức năng cai nghiện ma tuý cho Trung tâm. Trụ sở đặt tại xóm Cổ Lũng, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội huyện Phú Lương là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức tiếp nhận

cai cắt cơn giải độc, phân loại quản lí, giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu, học nghề và các hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ cho người nghiện ma tuý cai nghiện tại Trung tâm.

Cơ cấu tổ chức gồm có: Ban Giám đốc và 3 bộ phận trực thuộc (Hành chính - Y tế - Dược; Quản lí - Giáo dục - Bảo vệ; Lao động sản xuất - Dạy nghề).

TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC LAO ĐỘNG XÃ HỘI THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 15/11/2001 với tên gọi ban đầu là Trung tâm Giáo dục lao động thành phố Thái Nguyên. Thời kỳ đầu Trung tâm có 2 khu: Khu 1 đặt tại phường Hương Sơn; khu 2 đặt tại phường Trung Thành. Đến nay, tập trung về tại địa điểm tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm có nhiệm vụ tiếp nhận, tổ chức cai nghiện, hướng nghiệp, dạy nghề cho học viên cai nghiện của 28 phường xã trên địa bàn Thành phố.

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập 2004, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, địa điểm đặt tại xóm Đồng Mạc, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ. Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm là đào tạo nghề ngắn hạn, tư vấn giới thiệu việc làm, liên kết đào tạo nghề với các đơn vị bạn trong tỉnh. Hằng năm, Trung tâm đào tạo nghề cho hàng trăm lao động trên địa bàn huyện; giới thiệu và tư vấn việc làm cho hàng nghìn lao động; giúp người lao động có việc làm giải quyết một phần khó khăn cho lao động ở địa phương.

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Trụ sở đặt tại xóm Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Trung tâm dạy nghề huyện Định Hoá có nhiệm vụ: Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ sơ cấp nghề; thực hiện các chương trình dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo; xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh học nghề; tổ chức các hoạt động dạy và học, kiểm tra, cấp chứng chỉ sơ

cấp nghề; tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật.

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 15/9/2006 theo Quyết định số 197/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Địa điểm đặt tại tổ 9, thị trấn Chùa Hang.

Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm là đào tạo nghề ngắn hạn, tư vấn giới thiệu việc làm, liên kết đào tạo nghề với các đơn vị bạn trong tỉnh. Hằng năm, Trung tâm đào tạo nghề cho hàng trăm lao động trên địa bàn huyện; giới thiệu và tư vấn việc làm cho hàng nghìn lao động; giúp người lao động có việc làm giải quyết một phần khó khăn cho lao động ở địa phương.

Cơ cấu tổ chức gồm: 1 Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và 3 phòng chuyên môn (Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Đào tạo, Kế toán - Tài vụ).

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập theo Quyết định số 494/QĐ-UB ngày 20/2/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề ngắn hạn cho nhân dân địa phương. Địa điểm Trung tâm đặt tại địa phận thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình gồm 11 cán bộ, nhân viên trong đó có 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc.

Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm là đào tạo nghề ngắn hạn, tư vấn giới thiệu việc làm, liên kết đào tạo nghề với các đơn vị bạn trong tỉnh. Hằng năm, Trung tâm đào tạo nghề cho hàng trăm lao động trên địa bàn huyện; giới thiệu và tư vấn việc làm cho hàng nghìn lao động; giúp người lao động có việc làm giải quyết một phần khó khăn cho lao động ở địa phương.

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND, ngày 20/5/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại tiểu khu An Thái, thị trấn Đu.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ:

-Tổ chức dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ và tư vấn về dạy nghề, tổ chức tập huấn nghề và phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, kinh nghiệm sản xuất tiên tiến.

- Tư vấn giới thiệu người lao động đến những nơi đang cần người làm việc.

- Tổ chức, quản lí quá trình đào tạo và cấp chứng chỉ nghề theo thẩm quyền.

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 20/2/2002, đặt tại số 1, phố Thái Long, thị trấn Đình Cả; có nhiệm vụ: Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ sơ cấp nghề; thực hiện các chương trình dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo; xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh học nghề; tổ chức các hoạt động dạy và học, kiểm tra, cấp chứng chỉ sơ cấp nghề; tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật.

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 14/9/1988, theo Quyết định số 113/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái với tên gọi ban đầu là Trung tâm Dạy nghề thanh niên 26/3/2004, năm 1990 đổi thành Trung tâm Xúc tiến việc làm thành phố Thái Nguyên, năm 1998 đổi thành Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Thái Nguyên, năm 2007 đổi thành Trung tâm Giới thiệu việc làm thành phố Thái Nguyên. Trụ sở hiện nay tại 195, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm là đào tạo nghề ngắn hạn, tư vấn giới thiệu việc làm, liên kết đào tạo nghề với các đơn vị bạn trong tỉnh. Hằng năm, Trung tâm đào tạo nghề cho hàng trăm lao động trên địa bàn thành phố; giới thiệu và tư vấn việc làm cho hàng nghìn lao động; giúp người lao động có việc làm giải quyết một phần khó khăn cho lao động ở địa phương.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ VÀ THI ĐẤU THỂ THAO

Được thành lập ngày 11/4/2002, đặt tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Đây là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên, có chức năng tập huấn và tổ chức thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh, toàn quốc và quốc tế; hoạt động dịch vụ phục vụ nhu cầu tập luyện, thi đấu các môn thể thao.

Trong 3 năm (2008 - 2010), Trung tâm đăng cai, tổ chức, phục vụ tổ chức thành công nhiều giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc; là địa điểm thi đấu của 150 giải thể thao quần chúng.

TRUNG TÂM ĐIỆN ẢNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Quốc doanh chiếu bóng, Công ty Điện ảnh Bắc Thái; chính thức mang tên Trung tâm Điện ảnh Thái Nguyên từ ngày 15/7/1997. Trụ sở đặt tại số 21 - Đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm Điện ảnh Thái Nguyên thực hiện chức năng phát hành phim, tổ chức chiếu phim nhựa và đĩa hình phục vụ nhu cầu thưởng thức của nhân dân.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN ĐẠI TỪ

Thành lập theo Quyết định số 727/TCCB, ngày 26 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ. Địa điểm Trung tâm đặt tại thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ. Tháng 1 năm 2009 trung tâm Giáo dục thường xuyên Đại Từ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lí theo Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trung tâm Giáo dục thường xuyên Đại Từ có nhiệm vụ đào tạo và trang bị những kiến thức văn hoá và kiến thức nghề cho nhân dân huyện Đại Từ. Học viên của trung tâm là những học sinh tốt nghiệp lớp 9, những người lao động thuộc các đơn vị kinh tế, một số cán bộ địa phương... trong địa bàn huyện có nhu cầu được hoàn thiện chương trình trung học phổ thông. Trung tâm đã xác định hai loại hình đào tạo chính là chương trình giáo dục thường xuyên trung học phổ thông, liên kết đào tạo nâng chuẩn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức và hướng nghiệp dạy nghề

cho học sinh của Trung tâm và các trường Trung học cơ sở trong toàn huyện. Những nội dung chủ yếu mà Trung tâm đào tạo thường gắn với tiềm năng thực tế để phát triển kinh tế địa phương như điện dân dụng, chăn nuôi, làm vườn, tin học, ngoại ngữ...

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập ngày 26/8/1997, đặt tại phố Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu. Đây là cơ sở giáo dục công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, hoạt động theo phương thức không chính quy. Những năm đầu khi mới thành lập, Trung tâm thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Hoá quản lí; từ năm 2009, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên quản lí.

Trung tâm có 21 cán bộ, giáo viên, công nhân viên; được chia thành 3 tổ công tác: Tổ Bổ túc văn hoá, Tổ Giáo vụ - Dạy nghề và Tổ Hành chính.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 31/8/1998, đặt tại 46B - Đường Thanh Niên, thị trấn Chùa Hang.

Nhiệm vụ và chức năng của Trung tâm là: Dạy bổ túc văn hoá, hướng nghiệp dạy nghề; liên kết với các trường cao đẳng, trung cấp để đào tạo nghề trung cấp, sơ cấp cho học sinh. Hằng năm, Trung tâm đào tạo và cho ra trường hàng trăm học viên, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ dân trí trong toàn huyện.

Cơ cấu tổ chức gồm: 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc, 3 tổ chuyên môn (Hành chính - Tổng hợp, Bổ túc văn hoá, Tin học - Ngoại ngữ - Hướng nghiệp).

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN PHÚ BÌNH

Được thành lập tháng 10/1997 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Địa điểm Trung tâm đặt tại Xã Xuân Phương huyện Phú Bình. Trung tâm được xây dựng trong khuôn viên rộng khoảng 6.000 m², hiện có 14 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Nhiệm vụ và chức năng của Trung tâm là: Dạy bổ túc văn hoá, hướng nghiệp dạy nghề; liên kết với các trường cao đẳng, trung cấp để đào tạo nghề trung cấp, sơ cấp cho học sinh. Hằng năm, Trung tâm đào tạo và cho ra trường hàng trăm học viên, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ dân trí trong toàn huyện.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên.

Là cơ quan sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Trung tâm có chức năng nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục; điều tra nhu cầu học tập trên địa bàn, xác định nội dung học tập, đề xuất với sở giáo dục và đào tạo, chính quyền địa phương việc tổ chức các chương trình và hình thức học phù hợp với từng loại đối tượng; tổ chức các lớp học theo các chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông dành riêng cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người tàn tật, khuyết tật; tổ chức dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập; nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục góp phần phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên.

Cơ cấu, tổ chức gồm có: 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc; 18 giáo viên, 5 nhân viên và 3 Tổ chuyên môn (Dạy nghề; Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội).

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập tháng 2/1997, đặt tại tiểu khu Thác Lở, thị trấn Đu. Trung tâm được xây dựng trong khuôn viên rộng 8.108 m^2 với một nhà 2 tầng gồm 10 phòng học, các phòng chức năng và chuyên môn. Trung tâm hiện có 17 cán bộ, giáo viên.

Trung tâm có nhiệm vụ: Dạy bổ túc văn hoá, hướng nghiệp dạy nghề, đào tạo chứng chỉ A tiếng Anh và tin học; liên kết với các trường đại học, cao đẳng của Đại học Thái Nguyên để bồi dưỡng cán bộ, giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trong toàn huyện.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Thành lập ngày 31/10/1987 theo Quyết định số 484-QĐ/UB của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên với tên gọi ban đầu là Trường Bồi dưỡng giáo dục thành phố Thái Nguyên; là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Phòng Giáo dục thành phố Thái Nguyên. Địa điểm Trung tâm đặt tại tổ 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Ngày 5/9/1990,

Trung tâm tiếp nhận nhiệm vụ và đội ngũ cán bộ của Trường Bổ túc văn hoá trung học tại chức Trưng Vương. Ngày 22/12/1995, đổi tên thành Trung tâm Giáo dục đào tạo bồi dưỡng thường xuyên. Tháng 11/2008, Trung tâm chuyển về trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lí theo Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trung tâm có nhiệm vụ tổ chức dạy bổ túc văn hoá trung học phổ thông, hướng nghiệp dạy nghề, đào tạo ngoại ngữ và tin học; liên kết với các trường đại học, cao đẳng của Đại học Thái Nguyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, mở các lớp đào tạo hệ cao đẳng, đại học tại chức cho đội ngũ cán bộ trên địa bàn Thành phố và vùng phụ cận

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Tiền thân là Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề thị xã Sông Công được thành lập tháng 8/1992, có chức năng nhiệm vụ chính là dạy nghề phổ thông cho học sinh cuối cấp. Địa điểm Trung tâm đặt tại số nhà 65, tổ 1, phường Mỏ Chè.

Tháng 1/2009, Trung tâm được bàn giao về Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên quản lí và đổi tên thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã Sông Công. Trung tâm tổ chức dạy hướng nghiệp cho học sinh ở tất cả các trường Trung học cơ sở của Thành phố và Trường Trung học phổ thông Sông Công; tổ chức các chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, như dạy tin học, ngoại ngữ chứng chỉ A, B cho cán bộ, giáo viên, nhân dân trên địa bàn; liên kết với các Công ty, cơ sở sản xuất đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu của các cơ sở sản xuất; liên kết với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tổ chức học nghề trình độ sơ cấp, trung cấp...

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập theo Quyết định số 513, ngày 31/7/2002 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên; chính thức đi vào hoạt động từ ngày 22/11/2002. Năm 2005, Trung tâm đổi tên là Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện. Năm 2008, Trung tâm đổi tên thành Trung tâm Giáo dục thường

xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trụ sở Trung tâm ở xóm Tiền Phong, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Các nhiệm vụ chủ yếu của Trung tâm gồm:

1. Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm: chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học ứng dụng, công nghệ thông tin - truyền thông; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2. Điều tra nhu cầu học tập trên địa bàn, xác định nội dung học tập, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện việc tổ chức các chương trình và hình thức học phù hợp với từng loại đối tượng.

3. Tổ chức dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập.

4. Nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục góp phần phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên.

Cơ cấu tổ chức: Trung tâm có Ban Giám đốc và 3 tổ chuyên môn là Tổ Hành chính, Tổ Giáo dục thường xuyên, Tổ Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp - Tin học - Ngoại ngữ.

Khen thưởng: Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, của Sở Giáo dục và Đào tạo.

TRUNG TÂM GIỐNG CÂY TRỒNG THÁI NGUYÊN

Hoạt động từ ngày 1/11/2004, đặt tại tổ 38 - Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; là đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở thực hiện việc kiểm định và hậu kiểm chất lượng giống cây trồng nông, lâm nghiệp; khảo nghiệm giống cây trồng và giống xác nhận cho sản xuất đại trà, xây dựng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho mạng lưới vùng giống nhân dân, xây dựng các vườn giống gốc, bảo tồn gien và phát triển cây trồng có chất lượng cao phục vụ cho sản xuất.

TRUNG TÂM GIỐNG VẬT NUÔI THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 1/1/1997, đặt tại tổ 35 - Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; là đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoạt động trên các lĩnh vực vật tư con giống; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; trồng và chế biến thức ăn chăn nuôi; đầu tư trang thiết bị và công tác tập huấn cho cán bộ khuyến nông, kỹ thuật viên và nông dân trên địa bàn tỉnh.

TRUNG TÂM KHÍ TƯỢNG - THUỶ VĂN THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Đài Khí tượng - Thuỷ văn Bắc Thái.

Tháng 6/1995, Đài Khí tượng - Thuỷ văn các tỉnh Bắc Thái, Vĩnh Phú, Hà Tuyên và Đài Khí tượng - Thuỷ văn liên tỉnh Lào Cai - Yên Bái được sáp nhập thành Đài Khí tượng - Thuỷ văn khu vực Việt Bắc, có trụ sở tại thành phố Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ); đồng thời thành lập Trạm Dự báo và Phục vụ khí tượng, thuỷ văn tỉnh Bắc Thái, trực thuộc Đài Khí tượng - Thuỷ văn khu vực Việt Bắc.

Ngày 30/12/1996, Trạm Dự báo và Phục vụ khí tượng, thuỷ văn tỉnh Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở Trạm Dự báo và Phục vụ khí tượng, thuỷ văn tỉnh Bắc Thái.

Từ ngày 27/4/1999, Trạm Dự báo và Phục vụ khí tượng, thuỷ văn tỉnh Thái Nguyên đổi tên thành Trung tâm Dự báo khí tượng thuỷ văn tỉnh Thái Nguyên. Năm 2009, đổi tên thành Trung tâm Khí tượng - Thuỷ văn tỉnh Thái Nguyên, đặt tại số 10 - Đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm Khí tượng - Thuỷ văn tỉnh có nhiệm vụ: Điều tra, khảo sát và gửi báo cáo về Đài và Trung tâm Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia tình hình thời tiết, thuỷ văn, môi trường không khí và môi trường nước nguy hiểm cùng những thiệt hại do hiện tượng đó gây ra đối với sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương. Thực hiện hoặc tham gia thực hiện các đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực khí tượng, thuỷ văn của tỉnh, của Đài và của Trung tâm Khí tượng - Thuỷ văn Quốc gia, v.v...

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

Tiền thân là Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Thái, được thành lập ngày 13/12/1991, đặt tại số 215 Ngã ba Bắc Nam, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm có chức năng nhiệm vụ: Thông tin tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, tiến bộ khoa học và công nghệ, thông tin giá cả thị trường, phổ biến những mô hình điển hình tiên tiến trong sản xuất, quản lí, kinh doanh, phát triển nông nghiệp, thuỷ sản. Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất. Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với từng địa phương, đáp ứng nhu cầu của người sản xuất; xây dựng các mô hình công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, thuỷ sản; chuyển giao kết quả khoa học công nghệ từ các mô hình trình diễn ra diện rộng. Liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện vai trò cầu nối tư vấn dịch vụ khuyến nông đáp ứng nhu cầu của nông dân. Dịch vụ vật tư nông nghiệp và vật tư kỹ thuật theo hợp đồng kinh tế...

Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen (năm 1998), 5 năm liền (1996 - 2000) được trao giải thưởng *Bông lúa vàng Việt Nam*...

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên, là đơn vị sự nghiệp có thu. Trụ sở đặt tại tổ 27, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính theo quy định của chính sách và pháp luật; Điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá và phân hạng đất, lập bản đồ và hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh; Sản xuất, can, in, chỉnh lý các loại bản đồ theo tỉ lệ Nhà nước quy định phục vụ cho công tác quản lí nhà nước về tài nguyên và môi trường; Cung cấp bản đồ địa chính và bản đồ chuyên dùng cho các đối tượng theo quy định; Ứng dụng và triển khai công tác khoa học công nghệ về đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho công tác quản lí về tài nguyên đất; Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch đất...

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIỐNG VÀ VẬT TƯ HÀNG HOÁ NÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 3/1/2007, đặt tại tổ 9, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm có các nhiệm vụ: Xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hằng năm về kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng, giống vật nuôi và vật tư hàng hoá chuyên ngành nông nghiệp trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện khi đã được phê duyệt. Kiểm định, kiểm nghiệm xác định chất lượng làm cơ sở để đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ chất lượng giống cho các tổ chức, cá nhân sản xuất trên địa bàn tỉnh. Kiểm nghiệm chất lượng giống, vật tư hàng hoá chuyên ngành nông nghiệp để các cơ quan chức năng làm căn cứ kết luận và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lí giống, vật tư hàng hoá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống, vật tư hàng hoá chuyên ngành nông nghiệp làm cơ sở để để cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp hoặc thu hồi giấy phép sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh...

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM, MĨ PHẨM THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 24/9/1977, đặt tại số 971 - Đường Dương Tự Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Năm 2005, Trung tâm tiếp quản trụ sở Bảo hiểm xã hội thành phố Thái Nguyên tại số 307 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Thái Nguyên.

Là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm có nhiệm vụ: Kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, nguyên liệu, dược liệu qua các khâu thu mua, sản xuất, pha chế, bảo quản, phân phối do cơ sở gửi tới hoặc Trung tâm lấy về kiểm nghiệm. Xây dựng, chỉ đạo, hướng dẫn về mặt kỹ thuật nghiệp vụ cho mạng lưới kiểm soát, kiểm nghiệm trên địa bàn tỉnh. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng,

xét duyệt các tổ chức kỹ thuật các địa phương, cấp Công ty, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật cấp Nhà nước, cấp ngành theo sự phân công của Bộ; tổ chức việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại các cơ sở trên địa bàn. Góp phần xác định hoá chất độc hại trong các bệnh phẩm phủ tạng phục vụ việc cấp cứu và cung cấp tư liệu cho cơ quan tư pháp, tham gia phát hiện các chất độc hoá học, phục vụ cho nghiên cứu phòng chống chiến tranh hoá học...

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI MIỀN NÚI

Tiền thân là Trại nhân giống ngựa Bá Vân (sau đổi thành Trại thí nghiệm ngựa Bá Vân) thành lập tháng 4/1960, đặt tại địa phận xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công). Tháng 5/1994, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quyết định bổ sung nhiệm vụ và đổi tên thành Trại Nghiên cứu ngựa và trâu Bá Vân. Tháng 1/1998, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ sung nhiệm vụ và đổi tên thành Trung tâm Nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Nghiên cứu, chọn lọc, nhân thuần, lai tạo, giữ giống gốc các giống vật nuôi phù hợp với địa bàn, xây dựng các mô hình chăn nuôi bền vững ở các tỉnh trung du và miền núi; nghiên cứu chế biến sản xuất thức ăn chăn nuôi. Thử nghiệm cây trồng, bảo quản và sử dụng các loại cây thức ăn gia súc và phế phụ phẩm nông, công nghiệp của miền núi dùng cho chăn nuôi; nghiên cứu các chế phẩm sinh học, ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi, phục vụ việc bảo vệ vật nuôi và phòng tránh ô nhiễm môi trường; tham gia đào tạo, thông tin khoa học kỹ thuật chuyên ngành chăn nuôi. Tiếp nhận triển khai các dự án đầu tư trong nước và quốc tế về lĩnh vực chuyển giao công nghệ phát triển chăn nuôi; tư vấn dịch vụ khoa học công nghệ chăn nuôi và sản xuất kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, sản phẩm chăn nuôi, vật tư trang thiết bị liên quan đến chăn nuôi. Tham gia nghiên cứu phục vụ xây dựng chính sách và chiến lược phát triển chăn nuôi, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật chăn nuôi,

Trung tâm đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2006).

TRUNG TÂM PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 9/3/2010, đặt tại tổ 13, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm là đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ quan thường trực về phòng, chống HIV/AIDS của Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma tuý, mại dâm tỉnh; có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế về các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn; có nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình dịch, hỗ trợ kỹ thuật, triển khai các hoạt động phòng chống dịch HIV/AIDS tại cộng đồng.

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Được kiện toàn theo Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 2/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên; là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên. Trụ sở đặt tại 425A, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Đo đạc, quan trắc, phân tích các chỉ tiêu môi trường trong hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh, lưu vực sông Cầu 6 tỉnh, địa bàn vùng Đông Bắc; Đo đạc, quan trắc các chỉ tiêu trong lĩnh vực tài nguyên nước; Phục vụ giám sát, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường và trưng cầu giám định kỹ thuật môi trường theo yêu cầu; Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường, đánh giá tác động môi trường tổng hợp, dự báo diễn biến môi trường, đánh giá tác động biến đổi khí hậu; điều tra, thống kê, đánh giá chất thải, tình hình ô nhiễm, suy thoái sự cố môi trường; các dự án về an toàn sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học; Xây dựng và thực hiện các đề án, dự án: phân loại, thu gom, xử lý, giảm thiểu, tái chế, chôn lấp chất thải; các đề án, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ, khắc phục, cải tạo cảnh quan môi trường lưu vực sông bị ô nhiễm, suy thoái; Nghiên cứu, điều tra, khảo sát hiện trạng, diễn biến tác động ô nhiễm tới sức khoẻ cộng đồng; Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực môi trường, xây dựng và tổ chức triển khai các dự án ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ môi trường; nghiên cứu và xây

dựng mô hình sản xuất bền vững, sản xuất sạch hơn, triển khai nhân rộng các mô hình; Nghiên cứu, xây dựng, chuyển giao kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; các phương pháp công cụ phân tích...

TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO THÁI NGUYÊN

Trụ sở đặt trên Đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên; là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên, có chức năng đào tạo vận động viên các môn thể thao tham gia thi đấu các giải thành tích cao trong nước và quốc tế.

Trong 3 năm (2008 - 2010), bình quân mỗi năm Trung tâm đào tạo từ 150 đến 180 vận động viên của 15 môn thể thao, trong đó một số môn được xác định là mũi nhọn như Wushu, Taekwondo, Karatedo, vật. Các vận động viên do Trung tâm đào tạo đã tham gia một số giải thi đấu quốc tế, mang về cho Tổ quốc 19 *Huy chương*, trong đó có 9 *Huy chương Vàng*, 6 *Huy chương Bạc*, 4 *Huy chương Đồng*; 123 vận động viên đạt vận động viên cấp kiện tướng, 180 vận động viên cấp 1, 90 vận động viên tham gia các đội tuyển Quốc gia.

TRUNG TÂM THÔNG TIN - CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Quyết định số 512 QĐ-UBNĐ ngày 1/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhằm mục đích xây dựng và tổ chức Cổng thông tin điện tử thành một công cụ chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, cung cấp thông tin và tương tác truyền thông với nhân dân, công dân, doanh nghiệp; đóng vai trò tích hợp và trao đổi thông tin giữa các hệ thống thông tin điện tử trong tỉnh; kiểm tra, theo dõi sự hoạt động vận hành hệ thống thông tin điện tử các cơ quan của tỉnh, các huyện và đơn vị trực thuộc trên địa bàn, giúp đưa các hệ thống thông tin điện tử nói trên vào hoạt động thường xuyên, hiệu quả trong các cơ quan hành chính của tỉnh; bảo đảm việc trao đổi thông tin với Cổng thông tin điện tử Chính phủ và cả nước.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên là nơi tổ chức, công bố thông tin chính thức phát ngôn của UBND, lãnh đạo tỉnh; văn bản pháp quy, văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh; lấy ý kiến (và trả lời) góp ý của tổ

chức, cá nhân; và các nội dung liên quan khác đến hoạt động của cơ quan Nhà nước, phát triển kinh tế xã hội; lịch sử phát triển và hình thành tỉnh Thái Nguyên, để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên đã được thiết kế với các trang chính: Trang chủ; Chính quyền; Công dân; Doanh nghiệp; Du lịch và Thời sự, để người xem tiện tra cứu đáp ứng nhu cầu thông tin. Ngoài ra, Cổng thông tin điện tử Thái Nguyên còn các chuyên trang, chuyên mục về các sở, ban, ngành; giới thiệu về các thành tựu kinh tế, xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

TRUNG TÂM THUỶ SẢN THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Phòng Thuỷ sản trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên được thành lập năm 1960. Tháng 1/1977, thành lập Công ty Thuỷ sản Bắc Thái. Ngày 24/6/2004, thành lập Trung tâm Thuỷ sản Thái Nguyên trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trụ sở đặt tại số 622 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm có nhiệm vụ: Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hằng năm về nuôi trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thuỷ sản, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tổ chức thực hiện kế hoạch được phê duyệt. Nuôi giữ các giống thuần chất lượng cao, giống quý hiếm của địa phương, giống mới nhập. Thực hiện chính sách trợ giá cước, trợ giá thuỷ sản của Nhà nước. Thực hiện nghiên cứu, lựa chọn tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trên lĩnh vực thuỷ sản để thử nghiệm, tổng kết đánh giá trước khi đưa ra sản xuất. Thực hiện công tác khuyến ngư, hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và cung ứng giống các loài thuỷ sản, các loại vật tư chuyên ngành; v.v...

Trung tâm đã được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh (2007), của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2008), của Thủ tướng Chính phủ (2010).

TRUNG TÂM TIN HỌC, THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Được thành lập năm 2002; trụ sở đặt tại số 513 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên. Trung tâm là đơn vị thuộc Sở KHvàCN

tỉnh Thái Nguyên, có chức năng giúp Giám đốc Sở KHvàCN thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và thông tin khoa học - công nghệ.

Năm 2007, tỉnh Thái Nguyên thành lập Sở Bưu chính Viễn thông (nay là Sở Thông tin và Truyền thông). Theo đó, nhiệm vụ quản lí nhà nước về công nghệ thông tin của Sở KHvàCN chuyển sang Sở Thông tin và Truyền thông. Vì vậy, nhiệm vụ hỗ trợ quản lí nhà nước của Trung tâm chỉ còn thuộc lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ.

TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 19/7/2000, thuộc Sở Y tế, đặt tại số 27 - Đường Bến Tượng, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm có nhiệm vụ quản lí, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chỉ đạo các hoạt động truyền thông giáo dục sức khoẻ trên phạm vi toàn tỉnh.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Tiền thân là Trung tâm Dịch vụ Khoa học và Kỹ thuật, được thành lập ngày 1/1/1989. Trụ sở đặt tại địa phận tổ 23, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm có các nhiệm vụ: Tập hợp và phát huy trí tuệ của các cán bộ khoa học trong và ngoài tỉnh để phục vụ hoạt động sự nghiệp khoa học, hỗ trợ công tác quản lí nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn; Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng và áp dụng các thành tựu KHvàCN trong và ngoài nước vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống; Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao và nhân rộng kết quả của các đề tài và dự án sản xuất thử nghiệm, lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện của địa phương đối với sản phẩm mới và giống cây, con mới; Tổ chức nghiên cứu, chế tạo, cải tiến công nghệ, xây dựng, lắp đặt các thiết bị, sản xuất các sản phẩm hoặc các công trình phục vụ sản xuất và đời sống sau khi nghiên cứu thành công hoặc nhận chuyển giao công

nghệ từ các tổ chức KHvàCN trong và ngoài nước; Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực KHvàCN; Thực hiện nhiệm vụ tư vấn, giám định và phản biện về KHvàCN, tham gia thẩm định các dự án về KHvàCN.

TRUNG TÂM VĂN HOÁ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Nhà Văn hoá Thông tin tỉnh Bắc Thái thành lập ngày 31/12/1991. Địa điểm đặt tại số 01 - Đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Trung tâm Văn hoá tỉnh có chức năng hướng dẫn phương pháp, bồi dưỡng nghiệp vụ văn hoá cho đội ngũ cán bộ làm văn hoá cơ sở; xây dựng các mô hình làng văn hoá ở các xóm xã; xây dựng các chương trình văn hoá thông tin; tổ chức và tham gia tổ chức hoạt động văn hoá quy mô cấp tỉnh, cấp khu vực và toàn quốc; tham gia liên hoan, hội diễn nghệ thuật quần chúng do Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức; chỉ đạo hoạt động của các Câu lạc bộ văn hoá, văn học nghệ thuật; hằng năm thường trực tổ chức ngày hội văn hoá các dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Phòng biểu diễn của Trung tâm có 799 chỗ ngồi, là nơi tổ chức, biểu diễn các chương trình nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên, các liên hoan, hội diễn, hội thi và các sự kiện chính trị, văn hoá của tỉnh Thái Nguyên.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 3/1/2008 trên cơ sở tách ra từ Bưu điện huyện Đại Từ; trụ sở đặt tại Phố Chợ 2, thị trấn Đại Từ.

Trung tâm có các nhiệm vụ: Tổ chức, lắp đặt, quản lí, vận hành, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm vệ tinh, thiết bị truy nhập, truyền dẫn cấp 3 và mạng ngoại vi; Quản lí và kinh doanh các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin; Kinh doanh vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin; Phục vụ thông tin đột xuất theo yêu cầu của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương; Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi được Viễn thông Thái Nguyên cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG ĐỊNH HOÁ

Là đơn vị kinh tế trực thuộc, hạch toán phụ thuộc Viễn thông Thái Nguyên; được thành lập theo Quyết định số 120/QĐ-TCCB ngày

3/1/2008 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Trung tâm Viễn thông Định Hoá có trụ sở đặt tại xóm Bãi Á 1, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; có chức năng, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ chuyên ngành viễn thông - công nghệ thông tin trên địa bàn huyện Định Hoá và kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi được Viễn thông Thái Nguyên cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật. Trung tâm có 1 đài viễn thông (đặt ở thị trấn Chợ Chu) và 2 trạm viễn thông (1 trạm đặt ở Quán Vuông và 1 trạm đặt ở Bình Yên).

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG ĐỒNG HỶ

Được thành lập ngày 3/11/2008 trên cơ sở tách từ Bưu điện Đồng Hỷ. Địa điểm đặt tại tổ 9, thị trấn Chùa Hang.

Trung tâm có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ viễn thông - CNTT; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan Đảng và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn huyện. Kinh doanh các ngành nghề khác khi được Viễn thông Thái Nguyên cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tính đến năm 2010, Trung tâm có 1 đài (đặt tại thị trấn Chùa Hang), 2 trạm (đặt tại thị trấn Trại Cau và thị trấn Sông Cầu) với tổng số 20 cán bộ, nhân viên.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại số 158 đường Phạm Văn Đồng, tổ dân phố 4, thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Trung tâm có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan Đảng và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn huyện. Kinh doanh các ngành nghề khác khi được Viễn thông Thái Nguyên cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức gồm có: 1 Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và 3 cán bộ, nhân viên.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG PHÚ BÌNH

Được thành lập theo Quyết định số 114/QĐ-TCCB, ngày 3/1/2008 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, trên cơ

sở tách ra từ Bưu điện huyện Phú Bình. Trung tâm Viễn thông Phú Bình là đơn vị kinh tế trực thuộc Viễn thông Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Trung tâm có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan Đảng và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn huyện. Kinh doanh các ngành nghề khác khi được Viễn thông Thái Nguyên cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổ chức bộ máy của Trung tâm Viễn thông Phú Bình gồm Giám đốc và các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: Tổ Tổng hợp, Đài Hương Sơn, Trạm Úc Kỳ và Trạm Tân Khánh.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG PHÚ LƯƠNG

Thành lập tháng 1/2008, trên cơ sở tách Bưu điện huyện Phú Lương thành 2 đơn vị là Bưu điện huyện Phú Lương và Trung thông Viễn thông Phú Lương. Trung tâm là đơn vị trực thuộc Viễn thông Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại tiểu khu Lê Hồng Phong, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Trung tâm có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan Đảng và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn huyện. Kinh doanh các ngành nghề khác khi được Viễn thông Thái Nguyên cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức gồm có: Giám đốc và 3 bộ phận trực thuộc là Tổ Tổng hợp, Đài Viễn thông Giang Tiên, Đài Viễn thông Đu.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG SÔNG CÔNG

Tiền thân là Tổ Kỹ thuật thuộc Bưu điện thị xã Sông Công; ngày 1/8/2002, là Trạm Viễn thông Sông Công thuộc Đài Viễn thông Phổ Yên - Sông Công; ngày 1/1/2008, đổi thành Trung tâm Viễn thông Sông Công thuộc Viễn thông Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại tổ 10, phường Thắng lợi.

Trung tâm có chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ chuyên ngành Viễn thông - Công nghệ thông tin trên địa bàn Thị xã. Nhiệm vụ của Trung tâm là: Tổ chức, lắp đặt, quản lí, vận hành, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm vệ tinh, thiết bị truy nhập, truyền dẫn cấp III và mạng ngoại vi; Quản lí và kinh doanh các dịch vụ viễn thông, công

nghệ thông tin; Kinh doanh vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin; Cung cấp dịch vụ viễn thông hệ I trên địa bàn tỉnh; tổ chức phục vụ thông tin đột xuất theo yêu cầu của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và của cấp trên.

Ngày 15/5/2015, thị xã Sông Công được nâng cấp thành thành phố Sông Công. Trung tâm Viễn thông thị xã Sông Công đổi thành Trung tâm Viễn thông thành phố Sông Công.

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG VÕ NHAI

Được thành lập ngày 3/1/2008 trên cơ sở tách ra từ Bưu điện huyện Võ Nhai. Trụ sở đặt tại số 144, phố Thái Long, thị trấn Đình Cả.

Trung tâm có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan Đảng và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn huyện.

Trung tâm đã được Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2009.

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 7/11/1991 trên cơ sở sáp nhập 3 trung tâm chuyên khoa (Vệ sinh phòng dịch, Phòng chống sốt rét và Phòng chống bướu cổ). Địa điểm đặt tại số 971 - Đường Dương Tự Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Trong khuôn viên 5.299 m², Trung tâm được đầu tư xây dựng 3 khu nhà 3 tầng gồm: Khu Hành chính, Khu Xét nghiệm chuyên sâu, Khu Phụ trợ (kho, nhà khách, xử lý chất thải). Năm 2006, Trung tâm được nâng cấp từ hạng 3 lên hạng 2. Cùng với chức năng chăm sóc sức khoẻ ban đầu và phòng chống dịch cho người trên địa bàn tỉnh, Trung tâm thường xuyên phối hợp đào tạo cho sinh viên một số trường đại học trong khu vực; triển khai hợp tác quốc tế đạt hiệu quả cao.

Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Thái Nguyên đã được trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2010) và nhiều Bằng khen của các cấp, các ngành.

TRUNG TẬM Y TẾ HUYỆN ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 2/10/2008, đặt tại phố Sơn Tập 3, thị trấn Đại Từ.

Trung tâm có nhiệm vụ khám, chữa bệnh; triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn; hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật đối với các hoạt động của trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở y tế trên địa bàn; tham gia đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế; là cơ sở thực hành cho học sinh, sinh viên trường Y tế; tham gia nghiên cứu khoa học về y tế cộng đồng và dịch tễ học; nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc; ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐỊNH HOÁ

Được thành lập tháng 2/1992 trên cơ sở sáp nhập Phòng Y tế huyện và Bệnh viện Đa khoa huyện. Địa chỉ đặt tại phố Trung Kiên, thị trấn Chợ Chu. Trung tâm có nhiệm vụ quản lí hệ thống y tế xã. Các cơ quan trực thuộc của Trung tâm gồm có các khoa điều trị và 2 đội: Đội Y tế dự phòng và Đội Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.

Ngày 1/10/2008, Bệnh viện Đa khoa huyện tách khỏi Trung tâm Y tế huyện. Từ thời điểm này, Trung tâm Y tế huyện quản lí các trạm Y tế của các xã và thị trấn trên địa bàn huyện. Trung tâm có chức năng triển khai nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, truyền thông giáo dục sức khoẻ, các chương trình dự án về y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân, các chương trình y tế khác và các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá giao.

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐỒNG HỶ

Tiền thân là Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, được thành lập tháng 2/1992. Trung tâm có nhiệm vụ quản lí hệ thống y tế xã. Các cơ quan trực thuộc của Trung tâm gồm có các khoa điều trị và 2 đội: Đội Y tế dự phòng và Đội Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.

Ngày 2/10/2008, bộ phận khám chữa bệnh được tách khỏi Trung tâm Y tế thành Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ. Từ thời điểm này, Trung tâm Y tế huyện quản lí các trạm y tế xã và thị trấn. Trụ sở Trung tâm đặt tại thị trấn Chùa Hang.

Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ có chức năng triển khai nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, truyền thông giáo dục sức khoẻ, các chương trình dự án về y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân, các chương trình y tế khác và các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân huyện giao.

Trung tâm đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 2004); được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2002), nhiều Bằng khen của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHỔ YÊN

Trụ sở đặt tại tổ dân phố 4, thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các hoạt động nâng cao sức khoẻ theo quy định của pháp luật. Thực hiện cung cấp các dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về: y tế dự phòng, công tác kiểm soát dịch, bệnh; y tế công cộng; an toàn thực phẩm - xét nghiệm; chăm sóc sức khoẻ sinh sản; truyền thông, giáo dục sức khoẻ. Quản lí các Trạm y tế xã, thị trấn. Thực hiện các hoạt động liên quan đến mua, tiếp nhận, bảo quản, sử dụng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hoá chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và theo quy định của pháp luật. Quản lí và tổ chức triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế. Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan...

Cơ cấu tổ chức gồm có: 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc và 160 cán bộ, nhân viên.

Trạm có 2 phòng (Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch - Tài vụ - Dược; Truyền thông giáo dục sức khoẻ), 5 khoa (Kiểm soát dịch bệnh xã hội, HIV/AIDS; An toàn vệ sinh thực phẩm; Y tế công cộng; Chăm sóc sức khoẻ sinh sản; Xét nghiệm) và Cơ sở điều trị methadone.

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ BÌNH

Được tổ chức lại từ tháng 10/2008, đặt tại tổ 2, trị trấn Hương Sơn.

Trung tâm có chức năng triển khai các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về Y tế dự phòng, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và truyền thông giáo dục sức khoẻ trên địa bàn huyện.

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Được thành lập theo Quyết định 2346/QĐ-UBND, ngày 2/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế Phú Lương trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các hoạt động nâng cao sức khoẻ theo quy định của pháp luật. Thực hiện cung cấp các dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về: y tế dự phòng, công tác kiểm soát dịch, bệnh; y tế công cộng; an toàn thực phẩm - xét nghiệm; chăm sóc sức khoẻ sinh sản; truyền thông, giáo dục sức khoẻ. Quản lí các Trạm y tế xã, thị trấn. Thực hiện các hoạt động liên quan đến mua, tiếp nhận, bảo quản, sử dụng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hoá chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và theo quy định của pháp luật. Quản lí và tổ chức triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế. Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan...

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm có 5 khoa, phòng (Khoa Kiểm soát dịch bệnh HIV/AIDS; Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản - Truyền thông giáo dục sức khoẻ; Khoa Y tế công cộng; Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm - Xét nghiệm; Phòng Tổ chức Hành chính - Kế hoạch Tài vụ) và 16 trạm y tế xã, thị trấn.

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI

Được thành lập ngày 2/10/2008, đặt tại xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả. Trung tâm có chức năng triển khai các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về Y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và truyền thông giáo dục sức khoẻ trên địa bàn huyện.

TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Tiền thân là Phòng khám Đa khoa thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Sông Công; được thành lập ngày 15/10/1985. Đến ngày 15/1/1991, Trung tâm Y tế được thành lập trên cơ sở hợp nhất Phòng Y tế và các cơ sở sự nghiệp y tế thuộc Phòng (theo Quyết định số 15/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thị xã Sông Công); là đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Trụ sở hiện nay đặt tại số 370 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ dân phố Hợp Thành, phường Thắng Lợi.

Trung tâm Y tế thị xã Sông Công có chức năng triển khai nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, truyền thông giáo dục sức khoẻ, các chương trình dự án về y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân, các chương trình y tế khác và các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thị xã giao.

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 12/1/1991, tiền thân là Phòng Y tế thành phố Thái Nguyên. Trụ sở hiện nay đặt tại phường Túc Duyên.

Trung tâm có chức năng triển khai nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, truyền thông giáo dục sức khoẻ, các chương trình dự án về y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân, các chương trình y tế khác và các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Cơ sở vật chất của Trung tâm tương đối hoàn thiện, bao gồm: 1 nhà 3 tầng cho Khoa Khám bệnh, phòng làm việc của Ban Giám đốc và các phòng chức năng; 1 nhà 4 tầng gồm các khoa Ngoại - Sản, Nội - Nhi - Lây, khoa Liên chuyên khoa, khoa Y học cổ truyền; 1 nhà 2 tầng phục vụ đối tượng bảo vệ sức khoẻ cán bộ; 1 nhà 2 tầng bố trí khoa Chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm và nhà mổ. Các trang thiết bị, dụng cụ y tế được đầu tư phục vụ công tác chuyên môn.

TRUNG THÀNH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).

Nhân dân xã Trung Thành, huyện Phổ Yên sớm có truyền thống yêu nước, bất khuất. Những năm có chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân trong xã ngoan cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Ngày 29/6/1966, trung đội trực chiến đã đánh trả 4 tốp máy bay của giặc Mĩ, góp phần cùng các đơn vị bạn bắn rơi tại chỗ 1 máy bay địch, bắt sống giặc lái.

Ngoài chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Trung Thành còn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống. Thực hiện khẩu hiệu "*Thóc thừa cân, quân thừa người*", trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mĩ (1965 - 1975), nhân dân xã Trung Thành đã động viên 815 thanh niên ra tiền tuyến (trong đó có 105 người đã anh dũng hi sinh, được công nhận là liệt sĩ, hơn 40 người là thương binh); gần 100 người vào Đội Thanh niên xung phong; trung bình mỗi năm nhân dân trong xã đóng góp cho Nhà nước 150 tấn lương thực và 24 tấn thịt lợn hơi...

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Trung Thành đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 635/2005/QĐ-CTN, ngày 24/6/2005, tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

TRUNG THÀNH

Hang đá tự nhiên, còn gọi là hang Chu Văn Tấn, ở xóm Trung Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai. Hang có chiều dài 174 m, chiều rộng từ 1,2 m đến 2,5 m, diện tích khoảng 400 m^2.

TRUNG THÀNH

Nhà thờ Giáo họ, được dựng năm 1978 trên đất xóm Trung Thành, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ. Nhà thờ được dựng bằng tre, mái lợp lá cọ, do công sức của 210 hộ giáo dân từ họ đạo Nam Sơn và xứ Tân Cương sang ngụ cư tại xã Hoà Bình.

Tháng 6/1999, nhà thờ Giáo họ Trung Thành được xây dựng lại bằng gạch, gồm 3 gian, mái lợp ngói. Đến nay, nhà thờ là nơi hành đạo của 35 hộ giáo dân, gồm 179 tín đồ.

TRUNG THÀNH

Phường, nằm ở khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên; phía bắc giáp 2 phường Cam Giá và Hương Sơn, phía nam giáp phường Tân Thành, phía đông giáp phường Hương Sơn, phía tây giáp 2 phường Tích Lương và Phú Xá.

Diện tích tự nhiên 3,21 km². Dân số (năm 2009) 12.613 người thuộc 10 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường cư trú ở 40 tổ dân phố. Toàn phường có gần 300 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Cư dân trong phường phần lớn là cán bộ, công nhân Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Trên địa bàn phường có Quốc lộ 3 (nay là đường nội thị 3-2), Quốc lộ 37 (đường nội thị Cách Mạng Tháng Tám) và tuyến đường sắt Hà Nội - Lưu xá đi qua; có 5 trường phổ thông, từ tiểu học đến trung học và một trạm y tế, tất cả đều đạt chuẩn quốc gia.

TRUNG THÀNH

Xã thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, thành lập đầu năm 1946; sau giảm tô (cuối năm 1953), tách làm 2 xã Trung Thành và Thuận Thành.

Xã Trung Thành nằm ở khu vực Đông Nam của huyện Phổ Yên; phía đông giáp với các xã Tân Phú và Đông Cao, phía tây giáp sông Công (bên kia sông là xã Bắc Sơn thuộc huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội), phía nam giáp xã Thuận Thành và phía bắc giáp các xã Nam Tiến, Tân Hương.

Dân số (năm 2009) 10.739 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Mường, Thái, Sán Chay, Sán Dìu, Giáy cư trú ở 14 xóm: Cầu Sơn, Am Lâm, Thanh Hoa, Thanh Xuyên 4, Thanh Xuyên 5, Kim Tỉnh, Phú Thịnh, Cẩm Trà, Thu Lỗ, Xuân Vinh, Hưng Thịnh, Tân Thịnh, Hợp Thịnh, Thanh Tân. Diện tích tự nhiên 9,05 km² (gồm 7,84 km² đất nông nghiệp, còn lại là đất phi nông nghiệp). Địa hình khá bằng phẳng. Trên địa bàn xã có Quốc lộ 3 chạy xuyên suốt từ nam lên bắc, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội; có Khu Công nghiệp Trung Thành được xây dựng từ năm 2008, với các Công ty lớn Elovi, Primer đã làm thay đổi đáng kể bộ mặt của xã, giải quyết công ăn, việc làm cho nhiều lao động địa phương và các vùng lân cận.

TRUNG THÀNH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phổ Yên, thành lập đầu năm 1946.

Bao gồm các làng Thượng Giã, Phù Lôi, Chiều Lai, Kim Tỉnh, Cầu Sơn của tổng Thượng Giã (nay là các xã Trung Thành, Thuận Thành của huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và xóm Thông của xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội).

Xã Trung Thành nằm ở vùng Nam huyện Phổ Yên; phía đông giáp xã Tân Tiến (nay là các xã Đông Cao, Tân Phú của huyện Phổ Yên) và xã Hợp Thịnh ngày nay (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), phía tây, tây nam và nam giáp 3 xã Bắc Sơn, Hồng Kỳ và Trung Giã ngày nay của huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Xã Trung Thành có diện tích trên 14,68 km², dân số (1954) có 4.388 người.

Sau giảm tô (1953), xã Trung Thành tách thành 2 xã: Trung Thành và Thuận Thành.

TRUYỆN KIỀU

Bản in năm 1866 thời vua Tự Đức nhà Nguyễn. Do gia đình cụ Phạm Quốc Bảo ở làng Cô Dạ, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên lưu giữ; năm 2006, chuyển giao cho Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên bảo quản.

Bản sách *Truyện Kiều* được đóng gáy bằng sợi gai, khổ 13 cm x 22 cm, chất liệu giấy dó, được in bằng bản khắc gỗ. Bìa sách, cả bìa đầu và bìa cuối đều đã mất. Ruột sách gồm 98 tờ (196 trang), mỗi trang in một đoạn văn xuôi bằng chữ Hán và 16 câu thơ lục bát bằng chữ Nôm (tổng số có 3.136 câu thơ). Sách đã bị mất một số trang, nhưng không xác định được chính xác số trang đã mất. Trong từng trang sách, đều được trình bày làm ba phần, mỗi phần được khuôn lại theo từng ô hình chữ nhật. Phần thứ nhất (ô trên cùng mỗi trang), in bằng chữ Hán, hành văn theo lối văn xuôi, là lời văn của Kim Vân Kiều tân truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (tác giả Trung Quốc). Phần thứ hai (ô ở giữa trang), in bằng chữ Nôm, có 8 câu thơ 6 chữ (lục). Phần thứ ba (ô dưới cùng), in bằng chữ Nôm, có 8 câu thơ 8 chữ (bát). Ô giữa và ô dưới, là *Truyện Kiều* của Đại thi hào Nguyễn Du, viết theo thể lục bát bằng chữ Nôm.

TRƯNG VƯƠNG

Phường, ở trung tâm thành phố Thái Nguyên. Phía bắc và đông bắc giáp sông Cầu, phía đông và nam giáp phường Túc Duyên, phía tây giáp phường Phan Đình Phùng. Diện tích tự nhiên 1,07 km². Dân số (năm 2009) 6.646 người, thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Khơ Me cư trú ở 33 tổ dân phố. Trên 85% hộ trong phường có nguồn sống chính từ thương mại dịch vụ, gần 15% số hộ còn lại là công chức, viên chức và cán bộ hưu trí.

Địa bàn phường Trưng Vương ngày nay thuộc xã Đồng Mỗ - nơi đặt thủ phủ trấn Thái Nguyên từ năm 1831, dưới triều vua Minh Mạng (Triều Nguyễn). Đến khi thực dân Pháp chiếm đóng Thái Nguyên (5/1884), Đồng Mỗ được chọn làm tỉnh lị, đặt cơ quan đầu não của chính quyền thực dân tại đây. Đồng Mỗ từng bước được xây dựng và mở rộng, trở thành khu đô thị có phố xá, chợ búa buôn bán sầm uất. Trước năm 1945, là địa bàn của Khu phố Đệ Nhất và Khu phố Đệ Nhị.

Sau Cách mạng tháng Tám (1945), chính quyền cách mạng tiếp quản các công sở của chế độ cũ và đặt trụ sở các cơ quan công quyền và các đoàn thể cách mạng ở hai Khu phố Đệ Nhất, Đệ Nhị. Đầu năm 1946, thị xã Thái Nguyên được thành lập (năm 1962 nâng cấp lên thành phố), phường Trưng Vương từ đó đến nay là trung tâm chính trị hành chính, văn hoá, thương mại của thành phố Thái Nguyên nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung.

Phường Trưng Vương là nơi đặt trụ sở của 72 cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và các cơ quan hành chính, sự nghiệp, trong đó có Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Nhà báo, Hội Văn học - Nghệ thuật, Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, ... và một số cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể của thành phố Thái Nguyên.

Trên địa bàn Phường có một số công trình văn hoá của tỉnh, tiêu biểu như: Quảng trường 20/8, sân vận động, công viên, Bảo tàng Văn hoá các

dân tộc Việt Nam, Thư viện Khoa học tổng hợp tỉnh, Trung tâm Thương mại Thái Nguyên (chợ Thái).

TRƯỜNG NGUYỄN KHẮC

Nhà văn, sinh năm 1946 tại xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công).

Thời niên thiếu, ông học tại Trường phổ thông cấp I, II Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên); năm 1965 nhập ngũ, là chiến sĩ kỹ thuật vô tuyến điện Quân chủng Phòng không - Không quân; năm 1968, chuyển sang làm báo của Quân chủng. Năm 1978, học Trường Viết văn Nguyễn Du; ra trường, làm biên tập viên văn xuôi của Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*; năm 1993, làm Phó Tổng Biên tập Báo *Văn nghệ*; sau làm Tổng Biên tập Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam; nghỉ hưu năm 2010.

Nhà văn Nguyễn Khắc Trường được tặng giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2007); đoạt giải thưởng Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam (1991) với cuốn tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma;* giải thưởng bút kí Báo *Văn nghệ* và Đài Tiếng nói Việt Nam (1986).

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

Tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật được thành lập năm 1968; ngày 12/7/2007, chuyển đổi thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Xây lắp điện; sau đổi thành Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế công nghiệp. Cơ sở I của Trường đặt tại xã Trung Thành, huyện Phổ Yên. Cơ sở II tại phường Cải Đan, thị xã Sông Công, có kí túc xá đủ chỗ cho 1.000 học sinh, sinh viên.

Hiện nay, Nhà trường có 250 cán bộ, giảng viên; trong đó có 212 giảng viên, 3 Tiến sĩ, 20 Tiến sĩ thỉnh giảng, 63 Thạc sĩ. Lưu lượng bình quân 6.000 học sinh, sinh viên/khoá học.

Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế công nghiệp là cơ sở đào tạo công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Cao đẳng kỹ thuật kinh tế công nghiệp, thương mại và các trình độ thấp hơn, gồm các chuyên ngành chủ yếu: Xây lắp đường dây và trạm, Hệ thống điện, Công nghệ Kỹ thuật điện, Công nghệ Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghệ Cơ khí chế tạo,

Công nghệ Dệt - May, Đào tạo lái xe cơ giới, Quản trị doanh nghiệp, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán tổng hợp, Hạch toán kế toán. Nhà trường còn là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lí, sản xuất kinh doanh của ngành Công nghiệp, Thương mại và theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nhà trường đã được Nhà nước tặng thưởng 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba,* 1 *Huân chương Lao động hạng Nhất,* 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì,* 2 *Huân chương Lao động hạng Ba.*

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1959, tiền thân là một lớp học nghề của Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Năm 1958, lớp học này được nâng cấp thành Trường Trung học Công nghiệp Thái Nguyên; năm 2006 trở thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên. Trụ sở đặt tại xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Từ hai nghề đào tạo chủ yếu là cơ khí và điện trong giai đoạn đầu mới thành lập, đến nay, trường đã đào tạo 9 ngành nghề cơ bản, đáp ứng được nhu cầu của nền công nghiệp hiện đại, như cơ khí, điện, điện tử, công nghệ thông tin, may thời trang, kế toán và một số ngành nghề khác.

Hằng năm, Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên tuyển khoảng 1.500 học viên. Trải qua hơn nửa thế kỷ hoạt động, trường đã đào tạo hàng vạn công nhân lành nghề cho các nhà máy, xí nghiệp của tỉnh Thái Nguyên và các địa phương khác trong cả nước.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VIỆT - ĐỨC

Tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Việt - Đức thành lập năm 1973; tháng 2/1998, chuyển thành Trường Trung học Công nghiệp Việt Đức; năm 2006, được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, nằm trên địa bàn phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật với trình độ chất lượng cao, cung cấp nguồn nhân lực cho ngành Công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Nhà trường hiện có 324 cán bộ, công nhân viên; trong đó có 220 giáo viên đều đạt chuẩn (112 Thạc sĩ, 10 Nhà giáo Ưu tú, 12 giáo viên dạy giỏi quốc gia); 150 lớp gồm 4.576 học sinh, sinh viên đang theo học các ngành nghề: Cơ khí, Điện,

Điện tử, Cơ điện tử, Kinh tế, Công nghệ thông tin, Sư phạm kỹ thuật và dạy nghề lái xe ô tô, với 4 cấp trình độ: Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Cao đẳng Hàn. Trường còn liên kết với các trường đại học mở các lớp đào tạo liên thông lên trình độ đại học.

Nhà trường đã được tặng thưởng *Huân chương Độc Lập hạng Ba*, 3 *Huân Chương Lao động* (Nhất, Nhì, Ba), *Huân chương Chiến công hạng Ba* cho tập thể và cá nhân.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ - LUYỆN KIM

Tiền thân là Trường Văn hoá nghiệp vụ Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên; ngày 25/5/1962, chuyển thành Trường Trung cấp Cơ khí - Luyện kim; năm 1986, đổi tên thành Trường Trung học Cơ khí - Luyện kim; năm 1993, đổi tên thành Trường Kỹ thuật Cơ khí - Luyện kim; ngày 22/4/2002, được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Cơ khí - Luyện kim. Địa điểm trường đặt tại xã (nay là phường) Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

Nhà trường có chức năng đào tạo Cử nhân cao đẳng kỹ thuật các ngành kỹ thuật, mở các lớp đào tạo ngắn hạn, thi nâng bậc cho các đơn vị sản xuất, liên kết với Trường Đại học Bách khoa Hà Nội để đào tạo kỹ sư luyện kim.

Sau gần 50 năm (1962 - 2010), Trường Cao đẳng Cơ khí - Luyện kim đã đào tạo hàng vạn cán bộ kỹ thuật ở các bậc học, từ công nhân bậc cao, trung cấp kỹ thuật đến kỹ sư các ngành nghề cơ khí.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Được thành lập năm 1962, tiền thân là Trường Trung cấp Giao thông vận tải miền núi; sau đó là một Phân hiệu của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Hà Nội.

Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo các nghề xây dựng cầu đường bộ, kinh tế xây dựng, lái xe ô tô cho con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh và khu vực miền núi phía Bắc. Hằng năm, Nhà trường tuyển 450 - 500 học sinh, sinh viên trên toàn miền Bắc.

Sau gần 50 năm (1962 - 2010), Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đã đào tạo trên 20.000 kỹ sư, công nhân cầu đường phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển giao thông miền núi. Ngoài ra, Nhà trường còn

liên kết đào tạo hệ đại học tại chức cho cán bộ các ngành xây dựng cầu đường bộ và kinh tế xây dựng.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tiền thân là Trường Công nhân cơ điện Việt Bắc thành lập năm 1974. Năm 2005, được nâng lên thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật. Địa điểm trường đặt tại tổ 15, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

Là trường đào tạo đa ngành, đa cấp, Trường có nhiệm vụ: Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật nông - lâm, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật giao thông và đào tạo nghề.

Song song với đào tạo, Nhà trường có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế vùng trung du và miền núi phía Bắc. Học sinh, sinh viên của trường tốt nghiệp tuỳ theo từng bậc học được cấp bằng: Cao đẳng chuyên nghiệp, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, được cấp chứng chỉ với các trường hợp đào tạo ngắn hạn. Hiện Trường đang đào tạo 32 ngành, nghề bao gồm:

- Cao đẳng chuyên nghiệp 14 ngành: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế xây dựng, Kế toán - Kiểm toán, Trồng trọt, Thú y, Quản lí đất đai, Quản lí môi trường, Cơ khí, Điện, Công nghệ thông tin, Xây dựng cầu đường, Xây dựng dân dụng - công nghiệp. Nhà trường đã tổ chức đào tạo cho hệ này theo hệ thống tín chỉ.

- Trung cấp chuyên nghiệp 11 ngành: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Công nghệ thông tin, Cơ khí, Điện, Xây dựng Cầu đường, Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Thú y, Quản lí Đất đai, Quản lí môi trường, Trồng trọt. Cao đẳng nghề 9 nghề: Hàn, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Lắp ráp và sửa chữa máy tính, Nguội sửa chữa máy công cụ, Kế toán doanh nghiệp, Điện dân dụng, Thú y.

- Trung cấp nghề 9 nghề: Điện công nghiệp, Nguội sửa chữa thiết bị, Hàn, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, Điện dân dụng, Sửa chữa và lắp ráp máy tính, Kế toán, Thú y.

Đội ngũ giáo viên cơ hữu của Trường gồm 287 người; trong đó có: 2 Phó Giáo sư - Tiến sĩ; 10 Tiến sĩ; 120 Thạc sĩ; 60 giảng viên đang học cao

học, 20 nghiên cứu sinh, còn lại đều có trình độ tốt nghiệp đại học. Với những thành tích nổi bật, trường đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (1985); *Huân chương Lao động hạng Nhì* (1990); *Huân chương Lao động hạng Nhất* (2005); Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010).

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Trường Trung học Kinh tế Bắc Thái thành lập ngày 20/12/1978 theo Quyết định số 675/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái. Khi mới thành lập, Trường đặt tại khu vực phường Đồng Quang - thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, đội ngũ cán bộ giáo viên ban đầu chỉ trên 10 người, cơ sở vật chất cũ nát. Giai đoạn này đào tạo trên 3000 học sinh cho các hợp tác xã nông nghiệp, các ngành trong và ngoài tỉnh đáp ứng yêu cầu cán bộ cho cơ sở; được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều Bằng khen về thành tích đào tạo.

Giai đoạn 1985 - 1997: Đây là giai đoạn ngành Giáo dục tiến hành cải cách theo nghị quyết Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ, xoá bỏ cơ chế bao cấp. Trường vươn lên mở rộng quy mô đa dạng hoá hình thức và loại hình đào tạo, tăng số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất - trường đi vào ổn định và phát triển, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của Ngành, Tỉnh, Quân khu I và của Chính phủ (1988 - 1992).

Giai đoạn từ 1997 đến nay: Được đầu tư xây dựng mới nhiều hạng mục công trình phục vụ giảng dạy, học tập. Đội ngũ cán bộ giáo viên được tăng cường, trường đã đạt nhiều thành tích, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều Bằng khen, Cờ của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành Ủy Thái Nguyên, của các tổ chức đoàn thể...

Trường gồm có 3 khoa (Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh và Du lịch) và các bộ môn giảng dạy trực thuộc Ban Giám hiệu.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT BẮC

Tiền thân là Trường Đào tạo Nghề mỏ và Xây dựng thuộc Tập đoàn Than và Khoáng sản, được thành lập năm 1975. Trường ở tại xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương.

Trường có chức năng đào tạo hệ cao đẳng về các nghề phục vụ việc khai thác mỏ ở tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức đào tạo kép bổ túc văn hoá - dạy nghề; bồi dưỡng cán bộ chỉ huy sản xuất và nâng bậc thợ; liên kết đào tạo đại học tại chức; đào tạo định hướng cho người lao lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Trường có Trung tâm sát hạch lái xe - nơi sát hạch, cấp phép lái xe ô tô cho các tỉnh miền núi phía Bắc. Hằng năm, trường tuyển từ 1.000 đến 2.000 học viên, đào tạo nhiều ngành nghề đa dạng, thời gian đào tạo từ 1 đến 42 tháng.

Sau 35 năm (1975 - 2010), Trường Cao đẳng Nghề Việt Bắc đã đào tạo trên 30.000 học viên, trong đó có gần 30.000 công nhân kỹ thuật bậc 3/7 và trên 2.000 cán bộ chỉ huy sản xuất cung cấp cho các ngành Than trong cả nước.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Trường Trung học Sư phạm Bắc Thái, được thành lập năm 1968, với chức năng đào tạo giáo viên cấp II có trình độ 7+3 và 10+1 theo hai ban Tự nhiên và Xã hội. Sau 3 năm thành lập, trường chuyển lên hệ đào tạo 10+3. Năm 1990, Trường Trung cấp Sư phạm 12+2 (đào tạo giáo viên cấp I) ở Bắc Cạn và Trường Sư phạm Mầm non được sáp nhập vào Trường Trung học Sư phạm Bắc Thái.

Ngày 30/5/1998, Trường Trung học Sư phạm Thái Nguyên được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên. Trường ở tại tổ 19, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên có 131 cán bộ, giáo viên và nhân viên; trong đó có 55 Tiến sĩ, Thạc sĩ...

Từ ngày thành lập (1968) đến năm 2010, Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên đã đào tạo hơn 3.000 giáo viên Trung học cơ sở.

Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì*.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI - DU LỊCH

Tiền thân là Trường Trung cấp Thương nghiệp miền núi, được thành lập năm 1962, trực thuộc Bộ Thương mại. Địa điểm trường đặt tại phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên.

Trường Cao đẳng Thương mại - Du lịch có nhiệm vụ đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp và nghề cho ngành Thương mại và các ngành kinh tế của 12 tỉnh miền núi và 5 tỉnh trung du phía Bắc; bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên ngành Thương mại và các ngành kinh tế trong cả nước; nghiên cứu thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo, kinh doanh trong ngành Thương mại. Nhà trường không ngừng đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đổi mới nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo. Hằng năm, trường đào tạo trên 2.000 học sinh thuộc các chuyên ngành: Kinh tế thương mại, Kế toán tổng hợp, Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, Nghiệp vụ kinh doanh thương mại và quản trị doanh nghiệp.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Tiền thân là Trường Trung học Văn hoá - Nghệ thuật Việt Bắc, được thành lập năm 1965, trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin.

Năm 2005, trường được nâng cấp, chuyển thành Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Việt Bắc. Địa điểm trường đặt tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Trường có nhiệm vụ đào tạo các chuyên ngành Văn hoá, Nghệ thuật và Thư viện. Từ 60 học viên của khoá đầu tiên, đến nay trường đã có trên 800 học viên mỗi khoá thuộc các hệ đào tạo chính quy, đại học tại chức, trung học tại chức và hàng trăm học viên các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn ngắn hạn.

Sau 45 năm hoạt động (1965 - 2010), Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Việt Bắc đã đào tạo hàng ngàn học viên; trong đó nhiều người trở thành các nghệ sĩ giỏi, được Nhà nước phong tặng *Nghệ sĩ Ưu tú*.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH BẮC THÁI

Địa điểm Nhà trường đặt tại số 330/1 đường Dương Tự Minh (nay là đường Bắc Kạn), thành phố Thái Nguyên.

Tiền thân là Trường Đảng tỉnh Bắc Thái, thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập Trường Đảng tỉnh Thái Nguyên và Trường Đảng tỉnh Bắc Cạn; tháng 7/1990, Trường Đảng tỉnh Bắc Thái hợp nhất với Trường Đoàn và Trường Hành chính Tỉnh thành Trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ tỉnh Bắc Thái. Thực hiện Quyết định số 88-QĐ/TW, ngày 5/8/1994

về việc thành lập trường chính trị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trường đổi tên thành Trường Chính trị tỉnh Bắc Thái. Trường Chính trị Tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ là: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lí của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở; trưởng, phó phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; cán bộ dự nguồn các chức danh trên; cán bộ, công chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; về đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; về nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước và một số lĩnh vực khác. Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ lãnh đạo, quản lí của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lí; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu Hội đồng nhân nhân cấp xã, cấp huyện. Đào tạo tiền công vụ đối với công chức dự bị; bồi dưỡng chuyên viên và các chức danh tương đương. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương, cơ sở. Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoài các đối tượng đã nêu trên theo chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiền thân là Trường Đảng tỉnh Thái Nguyên được thành lập ngày 4/7/1957; năm 1965, hợp nhất với Trường Đảng tỉnh Bắc Cạn thành Trường Đảng tỉnh Bắc Thái. Tháng 7/1990, Trường Đảng tỉnh Bắc Thái hợp nhất với Trường Đoàn và Trường Hành chính tỉnh thành Trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ tỉnh Bắc Thái. Năm 1994, Trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ tỉnh Bắc Thái đổi tên thành Trường Chính trị tỉnh Bắc Thái. Từ tháng 1/1997, sau khi chia tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên được thành

lập, trực thuộc Tỉnh ủy Thái Nguyên. Địa điểm trường tại số 330/1 đường Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên.

Chức năng, nhiệm vụ của Trường là đào tạo cán bộ lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở cấp cơ sở; Trưởng, Phó Trưởng phòng ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh, huyện và cán bộ dự nguồn các chức danh trên; bồi dưỡng ngắn hạn các đối tượng trên về lý luận chính trị, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, quản lí nhà nước, về công tác vận động quần chúng và tham gia công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ở địa phương.

Đến năm 2010, tổng số cán bộ, viên chức của Trường là 49 người, trong đó, 31 cán bộ giảng dạy (100% tốt nghiệp đại học, 14 đồng chí tốt nghiệp 2 bằng đại học trở lên, 1 Chuyên viên cao cấp, 7 Thạc sĩ). Nhà trường có 5 khoa: Khoa Lý luận cơ sở, Khoa Quản lí Hành chính Nhà nước, Khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Dân vận; có 3 phòng: Phòng Đào tạo - Tổ chức, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Khoa học - Tư liệu - Thư viện.

Nhà trường đã đào tạo, bồi dưỡng hàng nghìn lượt học viên. Tính riêng từ 2005 đến 6 tháng đầu năm 2010, trường đào tạo, bồi dưỡng được 19.826 lượt học viên. Năm 2007, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống (4/7/1957 - 4/7/2007), trường đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì*.

TRƯỜNG CÔNG

Trường dạy học (thời thuộc Pháp) ở Thái Nguyên; có 2 bậc: Sơ học (Tiểu học không toàn cấp) và Tiểu học. Kinh phí xây dựng trường, lớp, trang thiết bị học tập (bàn ghế, mực viết), lương trả cho giáo viên đều do ngân sách nhà nước cấp. Khoảng những năm 20 của thế kỷ XX, tỉnh Thái Nguyên có 2 trường công (bậc tiểu học) đặt ở thị xã Thái Nguyên là Trường kiêm bị con trai và Trường kiêm bị con gái. Một số trường công (bậc Sơ học) đặt ở các khu vực trung tâm của các huyện. Năm 1930, châu Định Hoá có thêm một chi nhánh của trường kiêm bị con trai dành cho học sinh nội trú đặt tại Chợ Chu. Năm 1942, huyện Đại Từ có thêm một chi nhánh Trường kiêm bị con trai Thái Nguyên đặt ở Hùng Sơn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Tiền thân là Khoa Khoa học Tự nhiên, được thành lập năm 2002 với nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ các ngành thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên. Tháng 11/2006, đổi tên thành Khoa Khoa học Tự nhiên và Xã hội; tháng 12/2008, được nâng cấp thành Trường Đại học Khoa học thuộc Đại học Thái Nguyên.

Trường Đại học Khoa học có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học (NCKH), ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Địa điểm tại phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên.

Nhiệm vụ của Nhà trường là đào tạo cán bộ có trình độ đại học và sau đại học phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước; triển khai các đề tài NCKH, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước. Trường thực hiện nhiệm vụ quản lí đào tạo, NCKH, tổ chức cán bộ, cơ sở vật chất và các mặt công tác khác của trường theo quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự phân cấp của Đại học Thái Nguyên; là đơn vị dự toán và kế toán hành chính sự nghiệp cấp 3 thuộc Đại học Thái Nguyên.

Nhà trường đào tạo cử nhân thuộc 13 ngành đại học: Toán học, Vật lí, Toán - Tin ứng dụng, Hoá học, Địa lí, Khoa học môi trường, Sinh học, Công nghệ sinh học, Văn học, Lịch sử, Khoa học quản lí, Công tác xã hội và Việt Nam học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Tiền thân là Trường Đại học Cơ điện được thành lập ngày 6/12/1965; năm 1976, đổi tên thành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc; năm 1982 đổi thành Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên. Từ năm 1994, trường trở thành một trường thành viên của Đại học Thái Nguyên, với tên gọi là Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, đặt tại địa phận phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên.

Trường hiện có 300 cán bộ giảng dạy, trong đó 70% có học vị Tiến sĩ và Thạc sĩ. Trường có 8 khoa cơ bản: Cơ khí, Điện, Điện tử, Khoa học cơ bản, Kinh tế công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật, Xây dựng - Môi trường và Sau Đại học.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trong số 23 trường Đại học hàng đầu của Việt Nam triển khai 2 trong số 35 chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật Cơ khí và ngành Kỹ thuật Điện hợp tác với Đại học bang New York tại Buffalo, Hoa Kì, và Đại học bang Oklahoma, Hoa Kì. Cả hai chương trình đào tạo đều đã hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Hội đồng kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ Hoa Kì - ABET.

Ngoài ra, Trường có quan hệ với 22 trường đại học của hơn 10 nước trên khắp thế giới. Hằng năm, có hơn 40 lượt các giáo sư nước ngoài đến giảng dạy tại trường và giáo viên của trường đi giảng dạy ở nước ngoài; gần 300 sinh viên các nước (Mĩ, Anh, Ôxtraylia, Canađa, Trung Quốc, Lào, Campuchia...) đến thực tập, học đại học và sau đại học.

Sau 45 năm xây dựng và trưởng thành (1965 - 2010), Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã đào tạo trên 20.000 Kỹ sư và Cử nhân Cao đẳng, hơn 5.000 Kỹ thuật viên Trung học và hàng trăm Kỹ thuật.

Trường đã được Nhà nước tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Nhất* và 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba*. Trong dịp kỷ niệm 45 năm Ngày thành lập, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lao động*; Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào trao tặng *Huân chương Hữu nghị*.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Được thành lập năm 2004 trên cơ sở sáp nhập Khoa Kinh tế công nghiệp của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp và Khoa Kinh tế nông nghiệp của Trường Đại học Nông - Lâm thuộc Đại học Thái Nguyên

Trong những năm đầu sau khi thành lập, trường đóng tại Km 9 - Đường 3/2 Tích Lương, thành phố Thái Nguyên; sau chuyển về địa điểm chính thức tại phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên.

Các chuyên ngành đại học đang được đào tạo tại trường gồm: Quản trị Kinh doanh tổng hợp, Quản trị Doanh nghiệp Công nghiệp, Quản trị Kinh doanh du lịch khách sạn, Quản trị Kinh doanh Marketing, Kế toán tổng hợp, Kế toán Doanh nghiệp Công nghiệp, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính Ngân hàng, Ngân hàng, Kinh tế đầu tư, Quản lí kinh tế, Quản trị kinh doanh Thương mại quốc tế.

Các chuyên ngành sau đại học đang đào tạo tại trường gồm: Thạc sĩ Quản lí Kinh tế, Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Tiến sĩ Kinh tế. Đến nay, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh có 407 cán bộ, viên chức; trong đó có 300 giảng viên, gồm 7 Giáo sư, 25 Phó Giáo sư, 75 Tiến sĩ, 119 Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM

Được thành lập ngày 19/9/1970, với tên gọi Trường Đại học Kỹ thuật miền núi; tháng 2/1971, là Trường Đại học Nông Lâm miền núi. Từ tháng 3/1972 gọi là Trường Đại học Nông nghiệp 3. Ngày 4/4/1994, Trường Đại học Nông nghiệp 3 trở thành một thành viên của Đại học Thái Nguyên, với tên gọi là Trường Đại học Nông - Lâm.

Ngày đầu thành lập, trường mới chỉ đào tạo đại học cho 2 ngành, đến nay đã có 20 chuyên ngành Đại học, 7 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ và 7 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ. Đến nay, Trường Đại học Nông - Lâm đào tạo 9 chuyên ngành: Nông học, Chăn nuôi thú y, Lâm nghiệp, Sư phạm kỹ thuật, Khuyến nông và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học cơ bản, Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm.

Đến năm 2010, Trường đã đào tạo khoảng 25.000 kỹ sư, gần 1.000 thạc sĩ, hơn 20 tiến sĩ và nhiều cán bộ trình độ cao đẳng, trung cấp và kỹ thuật viên các ngành: Nông, Lâm nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Phát triển nông thôn, trong đó 50 % là con em các dân tộc ít người, vùng sâu vùng xa. Trường Đại học Nông - Lâm còn là một trung tâm nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế, xã hội bền vững ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam.

Nhà trường có các chương trình đào tạo đại học và sau đại học liên kết với các trường nước ngoài. Đến nay, trường đã hợp tác với nhiều trường đại học đối tác uy tín để triển khai các chương trình liên kết đào

tạo quốc tế bậc đại học và sau đại học. Trường có 455 cán bộ, nhân viên. Trong đó, giảng viên có 300 người (18 Giáo sư - Phó Giáo sư, 52 Tiến sĩ, 150 Thạc sĩ).

Trường Đại học Nông - Lâm đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: *Huân chương Lao động hạng Ba* (1981), *Huân chương Lao động hạng Nhì* (1985), *Huân chương Lao động hạng Nhất* (1995), *Huân chương Độc lập hạng Ba* (2005), v.v...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Được thành lập ngày 31/10/1966 với tên gọi là Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Lúc mới thành lập, trường đóng tại địa phận các xã Vinh Quang, Đức Lương, Phúc Lương thuộc huyện Đại Từ. Năm 1970, trường chuyển về thành phố Thái Nguyên; từ tháng 5/1972, chuyển đến nơi sơ tán tại các xã Bộc Nhiêu (huyện Định Hoá) và Động Đạt (huyện Phú Lương); đến năm 1973, lại chuyển về địa điểm cũ tại thành phố Thái Nguyên.

Từ ngày 4/4/1994, Trường trở thành một thành viên của Đại học Thái Nguyên và đổi tên là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Địa điểm nhà trường đặt tại số 20 - Đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Tính đến năm 2010, Trường Đại học Sư phạm đào tạo nhiều chuyên ngành thuộc nhiều hệ:

- Đại học hệ chính quy, gồm 27 chuyên ngành: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Toán, Sư phạm Tin, Vật lí, Giáo dục Công nghệ, Hoá học, Sinh học, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Trung - Anh, Thể dục thể thao, Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng, Tâm lí, Giáo dục chính trị, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Văn - Sử, Toán - Tin, Lí - Hoá, Sinh - Địa, Văn - Địa, Toán - Lí, Sinh - Hoá.

- Đại học hệ cử tuyển, gồm 13 chuyên ngành: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Toán, Sư phạm Tin, Vật lí, Hoá học, Giáo dục chính trị, Văn - Sử, Lí - Hoá, Sinh - Địa, Toán - Lí, Toán - Tin.

- Đại học hệ liên kết đào tạo trong nước, gồm 14 chuyên ngành: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Toán, Sư phạm Tin, Vật lí, Hoá học, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Thể dục thể thao, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non.

- Đại học hệ vừa học vừa làm - đào tạo ngoài trường, gồm 13 chuyên ngành: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Giáo dục công dân, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non, Ngoại ngữ, Giáo dục Trung học cơ sở.

- Cao đẳng hệ chính quy, gồm 7 chuyên ngành: Văn - Sử, Toán - Tin, Sinh - Hoá, Sinh - Địa, Toán - Lí, Văn - Địa, Thể dục thể thao.

- Sau Đại học: Nghiên cứu sinh, gồm 6 chuyên ngành: Giáo dục học, Văn học Việt Nam, Di truyền, Sinh thái, Giải tích, Phương pháp giảng dạy Vật lí.

- Sau Đại học: Cao học, gồm 19 chuyên ngành: Giải tích, Đại số, Phương pháp giảng dạy Toán, Phương pháp giảng dạy Vật lí, Hoá vô cơ, Hoá hữu cơ, Hoá phân tích, Sinh di truyền, Sinh thực nghiệm, Sinh thái, Phương pháp giảng dạy Sinh, Văn học Việt Nam, Phương pháp giảng dạy Văn, Ngôn ngữ, Lịch sử Việt Nam, Địa lí, Phương pháp giảng dạy Địa lí, Giáo dục học, Quản lí giáo dục.

Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2005 - 2010, Trường Đại học Sư phạm đào tạo khoảng 17.000 sinh viên các hệ, không kể số học viên Cao học và Nghiên cứu sinh.

Đến năm 2010, Nhà trường có 421 cán bộ; trong đó có 23 Giáo sư - Phó Giáo sư, 87 Tiến sĩ, 255 Thạc sĩ, 1 Nhà giáo Nhân dân, 12 Nhà giáo Ưu tú. Trong 45 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã đào tạo hơn 50.000 giáo viên phổ thông, 1.282 Thạc sĩ và 7 Tiến sĩ.

Trường Đại học Sư phạm đã được Đảng và Nhà nước trao tặng 2 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 2 *Huân chương Lao động hạng Nhì*, 1 *Huân chương Lao động hạng Nhất*, 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba* và 1 *Huân chương Độc lập Nhì*.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Được thành lập năm 1968 trên cơ sở Trường Y sĩ Việt Bắc, với tên gọi là Phân hiệu Đại học Y khoa miền núi; ngày 24/11/1979, chuyển thành Trường Đại học Y khoa miền núi; sau đổi thành Trường Đại học Y khoa Bắc Thái. Đến năm 1994, Trường là một thành viên của Đại học Thái

Nguyên; địa điểm đặt tại số 284 - Đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.

Nhà trường đào tạo 5 mã ngành đại học: Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ y học dự phòng, Bác sĩ răng - hàm - mặt, Dược sĩ và Cử nhân điều dưỡng. Hiện nay, Trường Đại học Y - Dược có 391 cán bộ, viên chức; trong đó có 233 giảng viên, gồm 7 Phó Giáo sư, 20 Tiến sĩ, 119 Thạc sĩ...

Nhà trường đã được Nhà nước trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì*, 1 *Huân chương Lao động hạng Nhất*, 1 *Huân chương Chiến công hạng Ba* và 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba.*

TRƯỜNG ĐÀO TẠO - BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TỈNH BẮC THÁI

Được thành lập tháng 7/1990 trên cơ sở hợp nhất Trường Đảng, Trường Hành chính và Trường Đoàn tỉnh. Địa điểm trường đặt tại số 330/1 - Đường Dương Tự Minh (nay là đường Bắc Kạn), thành phố Thái Nguyên.

Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo chương trình trung cấp lý luận và chương trình trung cấp quản lí nhà nước, quản lí các đoàn thể cho cán bộ trên địa bàn tỉnh; đào tạo, tập huấn cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể từ cơ sở trở lên. Tổ chức bộ máy Nhà trường gồm có: Ban Giám hiệu, các khoa Xây dựng Đảng, Quản lí nhà nước, Dân vận và một số phòng chuyên môn. tỉnh Thái Nguyên.

TRƯỜNG ĐOÀN TỈNH BẮC THÁI (1965 - 1990)

Được thành lập năm 1965 trên cơ sở hợp nhất Trường Đoàn hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên; địa điểm đặt tại số 11 - Đường Đội Cấn ngày nay của thành phố Thái Nguyên. Trong điều kiện chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ ngày càng ác liệt, hằng năm các lớp học được luân chuyển về các địa phương. Nhiều lớp được tổ chức ngay tại xã như Thanh Ninh (Phú Bình), Huống Thượng (Đồng Hỷ), Bản Vài, Bản Váng (Chợ Rã)...

Trong những năm 1984 - 1985, trường chuyển sang xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Từ năm 1986, trường đóng tại xã Thịnh Đán (nay là phường Thịnh Đán, khu Trường Trung học cơ sở Lương Ngọc Quyến).

Tháng 7/1990, Trường Hành chính tỉnh cùng với Trường Đoàn sáp nhập với Trường Đảng tỉnh thành Trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ tỉnh Bắc Thái.

TRƯỜNG ĐOÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1963, đặt tại địa điểm Khu B Trường Chính trị tỉnh hiện nay (số 330/1 - Đường Dương Tự Minh, nay là đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên). Nhiệm vụ chủ yếu của trường là đào tạo, bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ công tác thanh vận cho cán bộ Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh. Trường Đoàn hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh Đoàn và hướng dẫn nghiệp vụ của Trường Đoàn Trung ương.

Từ năm 1965, Trường Đoàn tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với Trường Đoàn tỉnh Bắc Cạn thành Trường Đoàn tỉnh Bắc Thái.

TRƯỜNG HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC THÁI

Được thành lập năm 1965 trên cơ sở hợp nhất Trường Hành chính hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên. Địa điểm đặt tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên (khu vực Sở Nội vụ hiện nay). Nhà trường có nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ hành chính và Hội đồng nhân dân cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Từ tháng 12/1972, Trường được giải thể; nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ hành chính và Hội đồng nhân dân cấp cơ sở giao cho Ban Tổ chức chính quyền tỉnh đảm nhiệm. Ngày 23/10/1976, Trường Hành chính tỉnh được tái lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Địa điểm trường đặt tại xã Đồng Quang (nay là phường Đồng Quang) thành phố Thái Nguyên.

Nhà trường có nhiệm vụ: Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các Ủy viên Ban Đại diện Hành chính tiểu khu của thành phố Thái Nguyên; Huấn luyện cán bộ làm công tác văn phòng của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các cán bộ tiểu ban chuyên môn của Ban Đại diện Hành chính tiểu khu của thành phố Thái Nguyên; Giúp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc biên soạn tài liệu, bồi dưỡng báo cáo viên. đồng thời hướng dẫn về nội dung, phương pháp để Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tự tổ chức bồi dưỡng cho đại biểu Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.

Tháng 7/1990, Trường Hành chính tỉnh cùng với Trường Đoàn và Trường Đảng tỉnh được sáp nhập thành Trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ tỉnh Bắc Thái.

TRƯỜNG HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1963, chưa có cơ sở vật chất, phải nhờ sự giúp đỡ của Ty Tài chính để mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ là Ủy viên Ủy ban Hành chính xã, thị trấn và đại biểu Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh.

Năm 1965, Trường Hành chính tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với Trường Hành chính tỉnh Bắc Kạn thành Trường Hành chính tỉnh Bắc Thái.

TRƯỜNG KIÊM BỊ CON TRAI

Trường dạy học (thời thuộc Pháp) thuộc bậc Tiểu học ở thị xã Thái Nguyên chuyên dành cho các nam học sinh. Trường có 5 lớp như cấu trúc của bậc Tiểu học nói chung. Kinh phí xây dựng trường, lớp, trang thiết bị học tập (bàn ghế, mực viết), lương giáo viên do ngân sách nhà nước cấp. Học sinh trong trường được học các môn Toán, Việt văn, Pháp văn...

TRƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI

Được thành lập mùa hè năm 1965 tại xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ. Trường có nhiệm vụ giảng dạy văn hoá cho con em các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước ta, quân đội, các địa phương thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trường có từ lớp 5 đến lớp 10 (theo chương trình giáo dục phổ thông 10 năm). Con một số đồng chí lãnh đạo cao cấp đã học ở Trường như: Phạm Sơn Dương (con Thủ tướng Phạm Văn Đồng), Võ Hoà Bình, Võ Hạnh Phúc, Võ Điện Biên (con Đại tướng Võ Nguyên Giáp), Nguyễn Kim Sơn, Nguyễn Kim Hà...(con Đại tướng Nguyễn Chí Thanh), v.v...

Hiệu trưởng (lúc đó gọi là Chính uỷ) là đồng chí Bùi Khắc Quỳnh. Được sự giúp đỡ của các cơ quan và nhân dân địa phương, chỉ trong một thời gian ngắn trường đã xây dựng xong, khai giảng năm học đầu tiên. Từ ngày 31/12/1966, trường chuyển sang Trung Quốc.

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC KĨ THUẬT BẮC SƠN

Được thành lập năm 1986, đặt tại thị trấn Bắc Sơn, xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên. Khi mới thành lập, Trường có 5 lớp: 3 lớp 8, 2 lớp 9; những năm sau, số lớp tăng dần, ổn định từ 12 đến 15 lớp, với khoảng 700 - 750 học sinh.

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Được thành lập năm 1995, mang tên: Trường Dân tộc nội trú huyện Võ Nhai, gồm 5 lớp (từ khối 6 đến khối 9) với 150 học sinh, 25 cán bộ giáo viên. Ngày 11/9/2007, trường mang tên: Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Nguyễn Bỉnh Khiêm. Nhà trường đóng tại xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, quy mô 8 lớp, 250 học sinh.

Nhà trường có nhiệm vụ nuôi - dạy con em các dân tộc ít người thuộc các xã, bản vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Thái Nguyên (Võ Nhai, Phổ Yên, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, thị xã - Sông Công), tạo nguồn cán bộ là dân tộc ít người cho tỉnh.

Nhà trường liên tục đạt danh hiệu *Trường Tiên tiến xuất sắc cấp Tỉnh*; đã đạt chuẩn Quốc gia năm 2009.

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 6/9/1997. Trường đặt tại phường Tân Lập trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Bán công Việt Bắc (tháng 7/2008).

Đây là một trong số ít các trường chuyên biệt của tỉnh được giao nhiệm vụ đào tạo bậc Trung học phổ thông cho con em các dân tộc ít người, con em các dân tộc định cư lâu dài tại vùng đặc biệt khó khăn.

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ

Được thành lập ngày 16/9/2009, đặt tại xóm 10, xã Hùng Sơn. Từ 2009, trường tập trung xây dựng cơ sở vật chất, gồm 4 khu nhà: Khu nhà làm việc của giáo viên và cán bộ hành chính (3 tầng), khu lớp học (2 tầng, 8 phòng), khu kí túc xá (3 tầng, 36 phòng), khu nhà bếp, nhà ăn, kho...(10 phòng).

Đối tượng đào tạo là con em các dân tộc ít người thuộc các xã đặc biệt khó khăn (vùng 135) của 2 huyện Đại Từ và Phú Bình. Hiện trường có 8 lớp trong đó có 2 lớp 6, 2 lớp 7, 2 lớp 8 và 2 lớp 9.

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THAO

Trụ sở đặt trên đường Nguyễn Du, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên; là đơn vị đào tạo chuyên ngành trực thuộc Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên.

Trường có nhiệm vụ đào tạo học sinh năng khiếu về thể dục thể thao, cung cấp cho tuyến đào tạo thể thao thành tích cao của tỉnh.

Trong những năm 2008 - 2010, học sinh của trường tham gia thi đấu nhiều giải thể thao toàn quốc và khu vực, giành nhiều huy chương các loại. Nhà trường có các học sinh được công nhận vận động viên cấp kiện tướng, vận động viên cấp 1, quốc gia và vận động viên tham gia các đội tuyển Quốc gia và đội tuyển của tỉnh...

TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 1

Tiền thân là Trường Bổ túc quân chính Chiến khu 1, được thành lập ngày 5/9/1947 tại núi Đền, xóm Bắc Máng, xã Cù Vân, huyện Đại Từ. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo, bổ túc cán bộ chỉ huy từ Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng đến cán bộ cấp trung đoàn, sư đoàn; đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, cán bộ quân sự địa phương, nhân viên chuyên môn kỹ thuật; dạy văn hoá cho cán bộ trong địa bàn Quân khu.

Tháng 3/1948, trường đổi tên là Trường Lý Thường Kiệt. Tháng 3/1949, Trường tiếp nhận Trường Quân chính Chiến khu 12 và đổi tên thành Trường Quân chính Liên khu I; tháng 9/1958, đổi tên thành Trường Bổ túc Quân chính Quân khu Việt Bắc. Năm 1973, hệ văn hoá tách khỏi Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc để thành lập Trường Văn hoá Quân khu Việt Bắc. Tháng 9/1976, Trường Quân chính Quân khu Tây Bắc nhập với Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc thành Trường Quân chính Quân khu I. Địa điểm trường đặt tại xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Trải qua 66 năm xây dựng, phát triển, trường đã đào tạo, bổ túc hàng vạn cán bộ cung cấp cho lực lượng vũ trang Quân khu 1 và toàn quân, trong đó có nhiều đồng chí đã trở thành cán bộ cao cấp trong và ngoài quân đội.

TRƯỜNG SƠ HỌC

Được thành lập năm 1938 ở khu vực Núi Toà (nay thuộc xóm Tân Sơn 9, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình).

Trường có 3 lớp, kể từ dưới lên, gồm có: Lớp Đồng ấu, hay lớp Năm (Cours enfantin), lớp Dự bị, hay lớp Tư (Cours préparatoire) và lớp Sơ đẳng, hay lớp Ba (Cours Elémentaire). Chỉ có con em nhà giàu, hoặc có quyền thế mới được đến trường học; mỗi lớp có từ 7 đến 15 học sinh.

TRƯỜNG SƠ HỌC KHÔNG TOÀN CẤP

Được thành lập năm 1938 ở xóm Chùa, xã Hà Châu, huyện Phú Bình. Trường chỉ có 2 lớp: Lớp Đồng ấu hay lớp Năm (Cours enfantin) và lớp Dự bị, hay lớp Tư (Cours préparatoire); số lượng người học từ 7 đến 15 người/1 lớp.

TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÔNG TOÀN CẤP

Một chi nhánh Trường kiêm bị con trai (thời thuộc Pháp), được xây dựng đầu năm 1930 ở phố Chợ Chu, huyện Định Hoá nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo tay sai phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Trường chỉ dành riêng cho con em quan lại, địa chủ và gia đình khá giả vào học.

TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÁP - VIỆT BÁN CẤP

Được xây dựng khoảng năm 1922 (còn gọi là Trường Sơ đẳng Tiểu học: Ecole Primaire Elémentaire) trên nền đình cũ tại xóm Hóc, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ. Nhà trường gồm 3 gian lợp ngói, có trần, cửa kính, cửa chớp.

Trường có 4 lớp: 2 lớp Đồng ấu (cho học sinh 7 tuổi), 1 lớp Dự bị (cho học sinh 8 tuổi) và 1 lớp Sơ đẳng (cho học sinh 9 tuổi). Tổng số học sinh mỗi năm không quá 50 người, chủ yếu là con em các gia đình giàu có. Học sinh học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Giáo viên dạy học trong trường đều là người các tỉnh miền xuôi và tỉnh lị Thái Nguyên.

Trong những năm 1935 - 1941, do mất mùa và lụt lội, tình hình học tập bị giảm sút, nên Trường Tiểu học Pháp - Việt bán cấp Huống Thượng đóng cửa. Những gia đình có kinh tế khá giả tiếp tục cho con em mình theo học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt ở tỉnh lị Thái Nguyên. Từ năm 1941, Trường Tiểu học Pháp - Việt bán cấp Huống Thượng hoạt động trở lại cho đến hết khoá học 1944 - 1945.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÌNH YÊN

Phân hiệu Trường Trung học phổ thông Định Hoá, được thành lập năm học 1985 - 1986, gồm 3 lớp 10 với 150 học sinh. Để phục vụ sự nghiệp giáo dục cho 8 xã ATK khu vực phía Nam huyện, ngày 20/11/1987, Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quyết định thành lập Trường Trung học Kỹ thuật Bình Yên trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá.

Năm học 1990 - 1991, trường được bàn giao về Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên quản lí. Năm học 1996 - 1997, trường đón nhận Chương trình VII phát triển giáo dục vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ đó, trường có hướng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo mô hình nội trú cấp huyện. Năm học 2000 - 2001, trường đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Bình Yên. Từ năm học 2003 - 2004, trường tuyển lớp học sinh nội trú đầu tiên, với 29 học sinh vào học lớp 6.

Cơ sở vật chất của trường gồm có: Khu dành cho giáo dục các môn văn hoá gồm 24 phòng học cấp 3 thông thường, 9 phòng chức năng (kiêm thí nghiệm); Khu dành cho giáo dục thể chất và quốc phòng gồm 1 nhà đa năng, 1 sân thực hành có diện tích sử dụng 500 m^2; Khu Văn phòng gồm có 1 nhà Ban Giám hiệu - Văn phòng - Phòng Truyền thống và 1 nhà dành cho các tổ bộ môn, Đoàn, Đội; Khu Kí túc xá học sinh gồm 14 phòng khép kín, Nhà ăn và Thư viện; Khu nhà công vụ dành cho giáo viên ở nội trú gồm 3 nhà cấp 4.

Tính đến năm học 2006 - 2007, trường có 88 cán bộ, giáo viên; trong đó có 5 Thạc sĩ, 29 giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở, 5 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 11 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN

Tiền thân là Trường Bổ túc Văn hoá cấp III tại chức Gang thép thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên với mô hình *Trường trong lòng xí nghiệp* được thành lập ngày 20/11/1972. Năm 1984, đổi tên thành Trường Phổ thông trung học kỹ thuật Gang thép; năm 2000, đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, chuyển đổi mô hình quản lí từ Công ty Gang thép Thái Nguyên sang Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường Trung học phổ thông Chu Văn An đã trở thành điểm sáng của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên, dẫn đầu về chất lượng giáo dục trong khối các trường Trung học phổ thông không chuyên của tỉnh và luôn ở tốp 200 trường học sinh có điểm thi đại học cao nhất toàn quốc.

Trường đã được tặng thưởng 1 *Huân Chương Độc lập hạng Ba*, 3 *Huân chương Lao động* (*Nhất, Nhì, Ba*).

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DƯƠNG TỰ MINH

Được thành lập ngày 24/2/1972, với tên gọi Trường Phổ thông Công nghiệp cấp III thành phố Thái Nguyên; địa điểm đặt tại khu đồi 1.000 thuộc phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên. Đây là mô hình trường thực hiện mục tiêu *Dạy người, dạy chữ, dạy nghề* theo phương châm *Vừa học - Vừa làm*.

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, thầy và trò nhà trường luôn kiên trì và quyết tâm thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "*Dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua: Dạy tốt - Học tốt*". Từ 11 thầy cô giáo và 87 học sinh những ngày đầu mới thành lập, đến năm 2010 đã phát triển lên 21 lớp với trên 600 học sinh. Nhà trường đã được Chủ tịch nước trao tặng 2 *Huân chương Lao động hạng Ba*.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẠI TỪ

Tiền thân là Trường Phổ thông cấp 2 - 3 Đại Từ được thành lập năm 1951. Do hoàn cảnh kháng chiến, trường phải thường xuyên chuyển địa điểm, lúc ở xã Bình Thuận, khi ở xã Tân Thái. Địa điểm hiện nay đặt tại địa phận xóm Phố Chợ 2, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ.

Lúc mới thành lập, trường chỉ có 2 lớp 5 và 1 thầy giáo dạy tất cả các môn; sau 2 tháng có thêm 2 thầy. Đến năm học 1960 - 1961, trường có 10 lớp (4 lớp 5; 3 lớp 6; 2 lớp 7 và 1 lớp 8). Từ năm 1962 đến năm 1965, trường có 14 lớp (4 lớp 5; 4 lớp 6; 3 lớp 7; 2 lớp 8 và 1 lớp 9); 25/26 thầy, cô giáo là người tỉnh ngoài.

Năm 1965, Trường Phổ thông cấp 3 Đại Từ gồm có 7 lớp (3 lớp 8; 3 lớp 9; và 1 lớp 10). Trong hoàn cảnh có chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mĩ gây ra, những năm 1965 - 1968, trường phải phân tán học ở hai nơi: phía bắc học ở Tiên Hội, Bản Ngoại; phía tây, nam học

ở Bình Thuận, Hùng Sơn. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần 2 (1972), trường sơ tán đến khu Bãi Sở (Khôi Kỳ) và Xóm Trại (Bình Thuận).

Năm 1996, nhà trường đã được trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba.*

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỊNH HOÁ

Được thành lập ngày 16/11/1960, nằm trên địa phận khu Đồi Chè, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, gồm 1 lớp 8 với 42 học sinh ghép vào Trường Phổ thông cấp II Định Hoá và một số môn học vẫn do giáo viên cấp II giảng dạy. Năm học 1962 - 1963, trường có 1 lớp 8, 1 lớp 9, 1 lớp 10, với 145 học sinh và 10 giáo viên. Từ năm học 1964 - 1965, trường chính thức mang tên Trường Phổ thông cấp III Định Hoá, có cơ sở riêng tại khu Đồi Chè, thuộc xã Bảo Cường.

Trong những năm 1965 - 1975, trường phải di chuyển địa điểm 3 lần: Lần thứ nhất vào khu Làng Chùa, xã Bảo Cường (1965 - 1968); lần thứ hai từ khu Làng Chùa về khu Đồi Chè (1969 - 1971); lần thứ ba từ khu Đồi Chè vào xã Phượng Tiến (1971 - 1976). Tháng 9/1976, trường từ nơi sơ tán ở xã Phượng Tiến trở về khu Đồi Chè, với quy mô 16 lớp học, trên 700 học sinh cùng 40 thầy, cô giáo và cán bộ, công nhân viên. Năm học 2009 - 2010, trường có quy mô 45 lớp với 1.945 học sinh, 104 giáo viên và 5 nhân viên (100% giáo viên Nhà trường đã đạt chuẩn, trong đó 7 giáo viên có trình độ Thạc sĩ).

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và bảo vệ biên giới Tổ quốc, nhà trường đã động viên hàng trăm học sinh lên đường nhập ngũ, có mặt chiến đấu ở các chiến trường (có 72 học sinh là liệt sĩ, nhiều học sinh là thương binh). Nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành và giữ nhiều chức vụ quan trọng ở Trung ương và cương vị lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh, huyện; trong đó, có hai Thứ trưởng (Phan Thế Ruệ - Thứ trưởng Bộ Thương mại, Hứa Đức Nhị - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỒNG HỶ

Được thành lập năm 1986, đặt tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Năm học 1987 - 1988 bắt đầu khoá học đầu tiên. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo con em các dân tộc thuộc địa bàn huyện Đồng Hỷ. Cơ sở vật

chất Nhà trường lúc mới thành lập còn rất nghèo nàn, chỉ có 5 phòng học cấp 4. Đến năm học 2009 - 2010, Trường Trung học phổ thông Đồng Hỷ đã có 42 phòng học cao tầng; 45 lớp với 2.580 học sinh và 113 giáo viên.

Trường được đánh giá là một trong những đơn vị tiêu biểu của khối Trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG GANG THÉP

Tiền thân là Trường Phổ thông Công nghiệp cấp III Gang thép, được thành lập ngày 10/10/1965, tại phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên. Trải qua gần 50 năm xây dựng, từ 11 giáo viên, 5 lớp học với 200 học sinh trong năm học đầu tiên, đến nay đã có gần 100 giáo viên, trên 1.400 học sinh. Cơ sở vật chất không ngừng được tăng cường. Năm 2010, là một trong 4 trường Trung học phổ thông của Thái Nguyên đạt chuẩn Quốc gia. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Trong 17 năm (1993 - 2010), Nhà trường có 1.145 học sinh giỏi cấp tỉnh, hàng chục học sinh đoạt giải các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. Trường đã được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* (năm 1996), *Huân chương Lao động hạng Nhì* (năm 2003).

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG QUỐC VIỆT

Được thành lập ngày 13/6/2006, với nhiệm vụ giáo dục bậc Trung học phổ thông cho con em nhân dân 5 xã khu vực Đông Nam huyện Võ Nhai, gồm: Tràng Xá, Liên Minh, Dân Tiến, Bình Long và Phương Giao. Thời gian đầu, trường phải nhờ cơ sở vật chất của Trường Trung học cơ sở Tràng Xá để dạy và học.

Trong năm học đầu tiên (2006 - 2007), trường có 9 lớp (5 lớp khối 10 và 4 lớp khối 11), với 25 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 456 học sinh. Từ tháng 5/2009, trường chính thức chuyển về xóm Cầu Nhọ, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, với 1 nhà 3 tầng gồm 15 phòng học và tiếp tục đầu tư xây dựng giai đoạn II, gồm nhà Hiệu bộ, 1 nhà 3 tầng.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÁNH HOÀ

Được thành lập ngày 13/5/1985, mang tên Trường Phổ thông trung học kỹ thuật Mỏ than Khánh Hoà, theo mô hình *Trường học nằm trong lòng xí nghiệp* nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em công nhân mỏ và địa bàn mỏ đứng chân.

Trải qua 25 năm xây dựng, từ 4 lớp với hơn 100 học sinh ở cả 3 khối khi mới thành lập, đến nay trường đã phát triển và duy trì ổn định 24 lớp với hơn 1.000 học sinh mỗi năm. Liên tục 10 năm liền (1999 - 2010), trường đều đạt danh hiệu *Trường Tiên tiến, Tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh*, được Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ HỒNG PHONG

Tiền thân là Trường Phổ thông cấp II - III Lê Hồng Phong đặt tại khu đồi thông thuộc địa phận xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, thành lập ngày 21/12/1961, gồm 2 lớp 8, 1 lớp 9 (chuyển những học sinh Phổ Yên học tại Trường Lương Ngọc Quyến về).

Trong những năm có chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mĩ gây ra, trường phải chia thành 2 phân hiệu: Một phân hiệu sơ tán về xã Đắc Sơn và một phân hiệu sơ tán về xã Tân Hương. Từ 1975, trường chuyển về thị trấn Ba Hàng, tăng dần lên 30 - 36 lớp (3 khối), với gần 100 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong những năm 90 của thế kỷ XX, trường được phép mở thêm hệ B (hệ bán công) với số lượng từ 20 đến 25 lớp. Tổng số học sinh lên tới khoảng 3.000 em.

Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong đã được Nhà nước tặng thưởng 3 *Huân chương Lao động* (hạng Nhất, Nhì, Ba).

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Được thành lập tháng 10/1946, gồm 1 lớp đệ nhất (tương đương lớp 6 hiện nay), với khoảng 40 học sinh ở thị xã và các huyện về học. Khoảng 2 tháng sau ngày toàn quốc kháng chiến, trường chuyển về làng Đồng Mỗ (phường Trưng Vương hiện nay). Tháng 3/1947, trường tạm thời giải thể, nhưng ngay sau đó (năm 1947), được lập lại, đặt ở xã Cù Vân, huyện Đại Từ. Cùng năm 1947, trường chuyển về huyện Phú Bình, đóng tại Phương Độ. Năm học 1950 - 1951, trường chuyển về làng Quyên, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình. Năm 1953, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến sáp nhập với Trường Phổ thông cấp II Ngô Quyền đang đóng ở xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ, lấy tên là Trường Phổ thông Lương Ngọc Quyến. Năm học 1955, trường chuyển về thị xã Thái Nguyên, đóng tại một quả đồi thuộc khu vực Képle, nay thuộc phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái

Nguyên. Thời gian này, trường còn nuôi dạy hàng trăm học sinh miền Nam tập kết và con em các dân tộc Lào, kết nghĩa với trường Trung học phổ thông Banca Byttrica (Tiệp Khắc). Nhà trường vinh dự được đón Bác Hồ về thăm (13/3/1960). Bác căn dặn nhà trường phải không ngừng ổn định và phát triển nâng cao chất lượng đào tạo.

Năm 1965, khi có chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, Trường cấp II, III Lương Ngọc Quyến sơ tán; khối cấp III vào xã Thịnh Đức, rồi xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ, khối cấp II hình thành hai phân hiệu ở xã Thịnh Đán (nay là trường cấp II Lương Ngọc Quyến) và ở xã Đồng Quang (nay là trường Trung học cơ sở Đồng Quang). Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường đã xung phong nhập ngũ, trong số đó có nhiều người đã anh dũng hi sinh trên chiến trường, tiêu biểu là liệt sĩ Vũ Xuân...

Trải qua hơn 65 năm xây dựng, Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến không ngừng lớn mạnh và trưởng thành. Năm học 2009 - 2010, toàn Trường có 43 lớp với 1.943 học sinh và 104 cán bộ, giáo viên. Nhà trường đã được Chủ tịch nước trao tặng 3 *Huân chương Lao động* (Nhất, Nhì, Ba); danh hiệu *Anh hùng Lao động* trong thời kỳ đổi mới; được Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tặng *Huân chương Hữu nghị*.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯƠNG PHÚ

Được thành lập ngày 11/3/2002, nằm trên địa phận xã Lương Phú, huyện Phú Bình.

Năm học 2003 - 2004, trường mở khoá đầu tiên, gồm 8 lớp 10 với 410 học sinh và 21 cán bộ, giáo viên, nhân viên chuyển từ trường Trung học phổ thông Phú Bình về. Trường có khuôn viên xanh, sạch, đẹp và khang trang với 1 nhà đa chức năng, 1 nhà tầng gồm 30 phòng học, 3 nhà công vụ giáo viên, 1 nhà Hành chính - Quản trị, 1 phòng nghe nhìn hiện đại, 111 máy vi tính được kết nối Internet và nhiều thiết bị dạy học khác, đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯƠNG THẾ VINH

Được thành lập năm 2003, nằm trên địa phận xóm Nguyên Bẫy, phường Cải Đan, thị xã Sông Công. Trường có 6 phòng học, 1 phòng thực

hành đúng quy chuẩn; thu hút học sinh ở thị xã Sông Công, huyện Phổ Yên, huyện Phú Bình và khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯU NHÂN CHÚ

Được thành lập ngày 13/6/2006, nằm trên địa bàn xóm Làng Duyên, xã Ký Phú, huyện Đại Từ. Đây là trường công lập, có 30 lớp, 1.500 học sinh, 75 cán bộ, giáo viên.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGÔ QUYỀN

Tiền thân là Trường Phổ thông cấp III Đồng Hỷ, thành lập tháng 8/1966; đã nhiều lần di chuyển địa điểm: Từ năm 1966 đến năm 1970, Trường đóng tại Gò Ba Xã (nơi tiếp giáp 3 xã: Huống Trung, Huống Thượng và Linh Sơn) huyện Đồng Hỷ; từ năm 1970 đến năm 1971, đóng tại xóm Nhân Hoà, xã Thịnh Đức, huyện Đồng Hỷ; từ năm 1971 đến năm 1973, đóng tại địa phận Quán Ba Trăm, xã Thịnh Đức, huyện Đồng Hỷ; từ năm 1973 đến năm 1993, đóng tại xóm La Gianh, xã Thịnh Đức, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Năm 1986, Trường đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền. Năm 1993, Trường đóng tại phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN HUỆ

Được thành lập ngày 1/10/2001, với tên gọi là Trường Trung học phổ thông số 2 Đại Từ, nằm trên địa phận xóm Làng Thượng, xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ. Ngày 15/3/2002, trường đổi tên là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ. Nhiệm vụ của Nhà trường là phục vụ sự nghiệp giáo dục cho 11 xã khó khăn thuộc khu vực phía Bắc huyện Đại Từ.

Những ngày đầu thành lập, quy mô trường còn nhỏ, cơ sở vật chất có nhiều thiếu thốn. Đến nay, trường đã có hai dãy nhà 3 tầng gồm 36 phòng; trong đó có 2 phòng tin học được nối mạng, một số phòng học được trang bị máy chiếu, các thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập của hơn 1.600 học sinh. Tổng số cán bộ, giáo viên có 98 người, 100% đạt chuẩn.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHỔ YÊN

Được thành lập năm 2002, đặt trên địa phận xã Tân Hương, huyện Phổ Yên. Trong năm học đầu tiên, Trường có 6 lớp; có 25 lớp, với hơn 1.050 học sinh và hơn 70 giáo viên.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHÚ BÌNH

Được thành lập năm 1961, gồm có 1 lớp 8 với 44 học sinh và 2 giáo viên, đặt nhờ tại cơ sở Trường Phổ thông cấp II Quang Trung đóng trên địa bàn xã Kha Sơn. Đến năm học 1963 - 1964, tách ra khỏi Trường Phổ thông cấp II Quang Trung, trường mang tên trường Phổ thông cấp III Trần Phú; địa điểm đặt tại xã Hương Sơn. Đến nay, trường đổi tên là Trường Trung học phổ thông Phú Bình.

Trường Trung học phổ thông Phú Bình có gần 100 giáo viên đều đạt chuẩn; trong đó có hơn 10 Thạc sĩ. Từ mái trường này, nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành, trở thành Giáo sư, Tiến sĩ; giữ những vị trí chủ chốt trong các lĩnh vực khác nhau ở Trung ương, địa phương. Tiêu biểu như đồng chí Lương Đức Tính - Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên; đồng chí Dương Ngọc Long - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHÚ LƯƠNG

Được thành lập ngày 12/7/1965. Nhiệm vụ của trường là đào tạo con em các dân tộc thuộc địa bàn Phú Lương và một số các địa phương lân cận, như Định Hoá, Đại Từ... Địa điểm hiện nay của trường đặt trên đồi cao, sát Quốc lộ 3, thuộc địa phận tiểu khu Lê Hồng Phong, thị trấn Đu, huyện Phú Lương. Từ 4 lớp học với 126 học sinh và 11 giáo viên trong năm học đầu tiên (1965 - 1966), trường có 45 lớp với gần 2.000 học sinh, 107 cán bộ, giáo viên; trong đó có 12 Thạc sĩ.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SÔNG CÔNG

Được thành lập ngày 5/7/1986, nằm trên địa phận tổ 7, phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công. Đến nay, Nhà trường có 30 lớp với 1.325 học sinh.

Trường Trung học phổ thông Sông Công đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba.*

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN PHÚ

Tiền thân là Trường Trung học phổ thông Cúc Đường được thành lập ngày 1/7/2003, nằm trên địa bàn xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai.

Ngày 26/12/2005, Trường Trung học phổ thông Cúc Đường đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Trần Phú. Khi mới thành lập, trường chỉ có 5 lớp với hơn 300 học sinh học nhờ tại Trường Trung học phổ thông Võ Nhai. Đến năm học 2005 - 2006, trường chính thức đi vào hoạt động với 10 lớp (3 lớp 12, 3 lớp 11 và 4 lớp 10) gồm 514 học sinh và 43 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÕ NHAI

Tiền thân là Khối lớp 8, gồm 40 học sinh, được mở từ năm học 1962 - 1963 đặt tại Trường Phổ thông cấp II Đình Cả. Năm học 1966 - 1967, tách ra khỏi Trường Phổ thông cấp II Đình Cả, thành lập Trường Phổ thông cấp III Võ Nhai; đặt tại xóm Đồng Chăn, xã Lâu Thượng.

Từ năm học 1992 - 1993, Trường chỉ còn 5 lớp; Trường Phổ thông trung học Võ Nhai và mở thêm khối cấp II. Đến năm học 2001 - 2002, số học sinh khối cấp II chuyển về học tại Trường Trung học cơ sở thị trấn Đình Cả. Trường Trung học phổ thông Võ Nhai có 30 lớp với 1.270 học sinh.

Năm học 2004 - 2005 là năm trường Trung học phổ thông Võ Nhai có quy mô lớn nhất, với 46 lớp và 2.039 học sinh. Sau đó, từ năm 2003 trở đi, do thành lập mới 2 trường Trung học phổ thông, nên vùng tuyển sinh của trường bị thu hẹp. Cơ sở vật chất của trường gồm 1 nhà hành chính quản trị, 1 nhà đa chức năng, 1 nhà 3 tầng gồm 27 phòng học, 6 phòng học bộ môn, 3 nhà công vụ giáo viên; với các thiết bị phục vụ dạy, học, gồm có: 1 phòng sách, 1 phòng đọc, 9 bộ thiết bị đồng bộ, 3 phòng tin học, 3 phòng học tiếng, 89 máy tính, 7 máy chiếu...

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG YÊN NINH

Được thành lập ngày 11/3/2002 để đáp ứng yêu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc phía Bắc huyện Phú Lương. Địa điểm trường đặt trên khu đồi thuộc địa phận phố Bằng Ninh, Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương. Trường thuộc hệ công lập, có 2 cấp học: Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.

TÚ TRẦN QUANG (đã mất)

Nghệ sĩ Ưu tú, quê xã Phương Lai, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Ông vào nghề năm 1982, là diễn viên múa Đoàn Ca múa nhạc Bắc Thái.

Trong 22 năm làm công tác nghệ thuật, diễn viên Trần Quang Tú đã được trao tặng *Huy chương Vàng* tại hội diễn toàn quốc và nhiều năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp tỉnh.

Diễn viên múa Trần Quang Tú được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Ưu tú* năm 1997.

TUÂN NGUYỄN ĐÌNH (1867 - 1941)

Án sát tỉnh Thái Nguyên. Tên tự là Hữu Mai, và do làng Trâu Lỗ quê ông có tên nôm là làng Sổ, nên ông còn được gọi là Nghè Sổ. Sinh ngày 12 tháng Giêng năm Đinh Mão (1867) trong một gia đình nhà Nho nghèo tại làng Trâu Lỗ, tổng Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Trâu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang).

Từ nhỏ, Nguyễn Đình Tuân đã nổi tiếng thông minh, học giỏi. Ông đỗ Đình Nguyên - đỗ đầu thi Đình khoa Tân Sửu (1901) đời vua Thành Thái; được bổ giữ chức Tri huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, nổi tiếng thanh liêm nhưng chỉ 2 năm sau lại cáo quan về nghỉ... Năm 1918, Nguyễn Đình Tuân được bổ lên làm Án sát tỉnh Thái Nguyên, sau đó kiêm chức Tuần vũ tỉnh Thái Nguyên. Ông là người phê chuẩn việc thành lập xã Tân Cương năm 1926 (có tài liệu cho là 1921); là người khởi xướng và chỉ đạo người dân Tân Cương đi lấy giống chè từ Phú Thọ mang về trồng và cũng là người cắm hướng đình, hỗ trợ khởi công xây dựng đình làng Tân Cương vào ngày 10/2/1922. Năm sau (1923), khi đình xây xong, ông được người dân nơi đây thờ làm "Thánh sống". Ông đã tặng nhân dân Tân Cương tấm hoành phi với 3 chữ *Đại Thắng Lợi* và đôi câu đối bằng chữ Nôm *Thái Nguyên giàu đẹp muôn muôn thuở. Tân Cương cường thịnh vạn vạn niên* treo ở đình làng.

Nhờ ơn khai mở của ông Tuần phủ - Nghè Sổ Nguyễn Đình Tuân, ngày nay Thái Nguyên có đặc sản chè Tân Cương thơm ngon đặc biệt, có một không hai và một vùng chè đặc sản Tân Cương nổi tiếng trong và ngoài nước.

Nghè Sổ Nguyễn Đình Tuân là một học giả, để lại nhiều tác phẩm về lịch sử, về văn chương. Ông còn là tác giả tấm bia "*Kỉ niệm bi kí*", đặt tại

đình Hàng Phố ở tỉnh lị Thái Nguyên (nay thuộc phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên), soạn năm Bảo Đại thứ 10 (1935).

TUẤN LÊ ANH (1670 - 1736)

Đốc trấn Thái Nguyên; tên hiệu là Địch Hiên, quê ở làng Thanh Mai, huyện Tiên Phong, trấn Sơn Tây (nay là huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội). Đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Chính Hoà thứ 15 (1695) đời vua Lê Hy Tông. Lê Anh Tuấn giữ chức Đốc trấn Thái Nguyên từ năm 1732 đến năm 1734 thuộc thời Vua Lê - Chúa Trịnh.

Lê Anh Tuấn là người học vấn cao, có tài văn chương, chính sự. Nổi tiếng là người có nhiều ý tưởng hay, có giải pháp tốt trong điều hành việc nước. Từng được giao nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình Lê - Trịnh, như Tả thị lang bộ Hộ, Bồi tụng tại Phủ chúa Trịnh, Thượng thư Bộ Hộ, Thượng thư Bộ Hình... Đương thời đã lưu truyền thành ngữ: "*Văn chương Lê Anh Tuấn, chính sự Nhữ Đình Hiền*" để ca ngợi tài năng của hai vị danh nhân này. Ông là cha nuôi của Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm - dịch giả tác phẩm *Chinh phụ ngâm*. Lê Anh Tuấn còn một số bài thơ được chép trong *Toàn Việt thi lục* và *Sứ hoa tập* (cùng soạn với Nguyễn Công Cơ khi đi sứ).

Là người có học vấn, tài năng cao, nhưng về cuối đời, Lê Anh Tuấn bị chúa Trịnh Giang nghi ngờ có âm mưu đổi ngôi Chúa. Từ 1732 đến 1734, ông về làm Đốc trấn Thái Nguyên.

Năm 1734, bị giáng chức làm Thừa chính sứ Lạng Sơn, rồi bị Chúa bắt phải chết (1736). Năm 1741, Ân Vương Trịnh Doanh đã giải oan trả lại chức tước cũ cho ông, truy phong ông tước Thái bảo, thuỵ là Đại Nghị. Phan Huy Chú, trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Nhân vật chí*, đã viết về Lê Anh Tuấn "*người phò tá có công lao, tài đức*".

Ngày nay, đền thờ Lê Anh Tuấn vẫn còn ở thôn Mai Trại, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

TÚC DUYÊN

Chùa, được dựng vào năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1707), ở thôn Ngọc Long, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình. Chùa có nhà tiền bái mới được xây dựng lại gồm 5 gian với kiến trúc đơn giản, lợp ngói ta; nhà ống muống gồm 2

gian và nhà thượng điện gồm 3 gian với kiến trúc theo kiểu quá giang kẻ truyền. Sân được lát bằng gạch Bát Tràng.

Hiện vật lưu giữ tại chùa: 1 quả chuông có niên đại Tự Đức năm thứ 3 (1850), 32 pho tượng (trong đó có 1 pho tượng bằng gỗ, 31 pho tượng bằng đất phủ sơn), 24 cột đá, 1 cây hương đá, 2 bia "Hậu Phật bi kí" có niên đại Tự Đức năm thứ 15 (1862), 1 bia "Hậu Phật bi kí" có niên đại Tự Đức (không có năm); 2 bia "Hậu Phật bi kí" (bị mờ chữ);...

Chùa Túc Duyên được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2715/QĐ-UBND, ngày 11/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

TÚC DUYÊN

Đền, được dựng khoảng đầu thế kỷ XIX, trên khu đất rộng khoảng 2000 m² ở làng Xuân Quang, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ xưa; nay là tổ dân phố số 4, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên. Đền là nơi thờ công chúa Thiều Dung - vợ thứ của Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII); có diện tích 60 m², cấu trúc hình chữ ĐINH.

Qua hai cuộc chiến tranh, ngôi đền đã bị phá huỷ hoàn toàn, chỉ còn nền móng. Năm 1991, nhân dân phường Gia Sàng, đã góp công, góp của xây dựng lại ngôi đền trên nền móng cũ; mặt quay về hướng nam.

TÚC DUYÊN

Phường, nằm ở khu vực phía Đông thành phố Thái Nguyên; phía Bắc và phía đông giáp sông Cầu, phía nam và tây nam giáp phường Gia Sàng, phía tây giáp 2 phường Phan Đình Phùng và Trưng Vương. Diện tích tự nhiên 2,85 km². Dân số (năm 2009) 8.375 người, thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Thái, Mường, Ngái, Khơ Me cư trú ở 23 tổ dân phố.

Túc Duyên trước năm 1962 là xã Túc Duyên thuộc huyện Đồng Hỷ. Năm 1962, chuyển về trực thuộc thành phố. Thực hiện Quyết định số 25/HĐBT, ngày 13/2/1987 của Hội đồng Bộ trưởng, xã Túc Duyên đổi thành phường Túc Duyên.

Trên địa bàn phường có chợ Túc Duyên - chợ đầu mối hoa, quả, thực phẩm của thành phố; các cơ quan Toà án tỉnh, Liên hiệp xã tỉnh, Bệnh viện Điều dưỡng; các nhà thờ Thái Ninh, Dân Tiến, Túc Tiến, Oánh, trong

đó nhà thờ họ Oánh là nhà thờ lớn nhất, có khuôn viên đẹp nhất tại Thái Nguyên. Chùa Đồng Mỗ là một ngôi chùa cổ kính, nổi tiếng xưa nay.

TÚC DUYÊN

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, gồm 5 xã: Túc Duyên, Đồng Mỗ, Lưu Xá, Thịnh Đán, Sa Cạt (Sa Kệ, Sa Kiệt) và trang Mỗ Thượng. Đến đời vua Đồng Khánh nhà Nguyễn (1885 - 1888), tổng Túc Duyên có 6 xã: Túc Duyên, Đồng Mỗ, Lưu Xá, Thịnh Đán, Sa Cạt, Phù Liễn và thôn Xuân Quang, phường Đồng Hoà. Năm Thành Thái thứ 13 (1901), trang Mỗ Thượng sáp nhập vào xã Thần Sa (tổng Thượng Nung, châu Võ Nhai); 2 xã Thịnh Đán và Sa Cạt tách khỏi tổng Túc Duyên để cùng các xã Ỷ Na, Cương Lăng, Phú Xuân (từ tổng Ỷ Na, huyện Phú Lương) lập thành tổng Thịnh Đán. Tổng Túc Duyên tiếp nhận 2 xã Quang Vinh (phần đất xã Quang Vinh cũ bên hữu ngạn sông Cầu), Cam Giá và lập thêm xã mới là Thái Ninh. Tổng Túc Duyên nằm ở khu vực trung tâm huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp tổng Sơn Cẩm (huyện Phú Lương), phía đông giáp tổng Huống Thượng, phía nam giáp tổng Bảo Nang và tổng Nghĩa Hương (phủ Phổ Yên), phía tây giáp tổng Niệm Quang.

Theo sách *Xã chí huyện Đồng Hỷ*, hiện lưu tại Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, vào năm 1945, tổng Túc Duyên gồm 7 xã trực thuộc: Túc Duyên, Đồng Mỗ, Thái Ninh, Phù Liễn, Lưu Xá, Cam Giá và Quang Vinh. Xã Túc Duyên cơ bản tương ứng với phần đất xóm Túc Tiến thuộc phường Túc Duyên, kéo dài đến vùng trung tâm phường Gia Sàng và khu vực phía đông phường Phan Đình Phùng ngày nay. Xã Đồng Mỗ tương ứng với phần đất trước gọi là các xóm Chùa, Soi thuộc phường Túc Duyên và phía đông phường Trưng Vương ngày nay. Xã Thái Ninh tương ứng với phần đất Dân Tiến, Thái Ninh và một phần phía Đông Nam phường Trưng Vương, phía đông nam phường Phan Đình Phùng ngày nay. Xã Phù Liễn tương ứng với nửa phần đất phía nam phường Hoàng Văn Thụ và một phần đất phía đông bắc phường Phan Đình Phùng ngày nay. Xã Quang Vinh tương ứng với đất xã Quang Vinh, một phần đất phía Bắc phường Hoàng Văn Thụ, một phần đất phía Tây Bắc phường Quang Trung ngày nay. Xã Lưu Xá tương ứng với phần lớn đất phường Phú Xá, phần đất phía tây phường Cam Giá, phần phía đông phường Trung

Thành ngày nay. Xã Cam Giá tương ứng với hơn nửa phần đất phía nam phường Cam Giá và phần đất phường Hương Sơn ngày nay.

TÚC TIẾN

Bến đò, còn gọi là bến Huống, bến Huống Thượng, thuộc địa phận xã Túc Duyên, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên). Đây là bến đò ngang nối bờ sông Cầu xóm Túc Tiến với bờ bên kia thuộc xóm Bầu, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ (ngày xưa xóm Bầu còn gọi là Thuỷ Cơ thuộc phường Huống Thượng. Ngày xưa, đây là bến đò ngang, là bến đò chính đảm bảo sự đi lại và giao lưu kinh tế của 4 xã phía đông nam huyện Đồng Hỷ và một số xã cực bắc huyện Phú Bình (như Đồng Liên, Bàn Đạt...) với tỉnh lị Thái Nguyên. Thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, bến đò Túc Tiến được làm cầu phao.

Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, tỉnh cho làm cầu treo, xe có tải trọng 2,5 tấn tại đây để phục vụ phát triển kinh tế ở các xã hai ven sông.

TUẾ HOÀNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1899, quê xã Xuân Phương, huyện Phú Bình; thường trú tại xã Tân Kim (cùng huyện).

Mẹ Hoàng Thị Tuế có con độc nhất là liệt sĩ Đồng Văn Huyên (nhập ngũ tháng 7/1965, xuất ngũ năm 1966, tái ngũ năm 1968, hi sinh ngày 3/3/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Hoàng Thị Tuế danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TƯ NGUYỄN VĂN

Nhà giáo Ưu tú, Phó giáo sư – Tiến sĩ, quê xã Đạn Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Năm 1986, ông tốt nghiệp Đại học Y Bắc Thái (nay là Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên); năm 1998, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại Học viện Quân y, tiếp tục công tác giảng dạy tại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Nhà giáo Nguyễn Văn Tư đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Trưởng bộ môn Sinh lí, Trưởng bộ môn Sinh lí, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Nhà trường. Ông được trao tặng 1 *Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ*; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

TỪ QUANG

Chùa, được dựng năm 1872 (năm Tự Đức thứ 25) tại làng Lưu Xá, xã Cam Giá, tổng Cam Giá, huyện Đồng Hỷ; nay là phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên. Năm 1959, Khu Gang thép Thái Nguyên được xây dựng, ngôi chùa phải di dời đến địa điểm khác, nhưng do chiến tranh kéo dài, việc xây chùa đã bị gác lại.

Năm 2000, Nhà nước cấp cho Hội Phật giáo Thái Nguyên hơn 4000 m^2 đất tại tổ 21 phường Phú Xá để xây chùa Từ Quang. Chùa hiện nay có diện tích xây dựng hơn 600 m^2, gồm 5 gian tiền tế và 3 gian hậu cung. Nhà tiến tế thờ Đức Thánh Hiền, Địa Tăng Dương bồ tát, hai vị hộ pháp. Hậu cung thờ Đức Phật Tổ Như Lai, Mô Ni Phật và ba vị Tam Thần.

Cạnh chùa là 3 gian nhà tổ thờ Tam Mẫu (mẫu đệ nhất, đệ nhị và đệ tam). Hai gian tả, hữu thờ Đức Thánh Trần và ông Hoàng Bẩy.

TỨ DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ.

Mẹ Dương Thị Tứ có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Văn Gác (nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 16/6/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Tứ danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TỰ LÝ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1904, dân tộc Tày, quê xã Cúc Đường; cư trú tại xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai.

Mẹ Lý Thị Tự có con độc nhất là liệt sĩ, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Mẹ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

Việt Nam ký Quyết định số 438-KT/CTN, ngày 24/4/1995 truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TỰ TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1923, dân tộc Kinh, quê xã Lục Ba, huyện Đại Từ.

Mẹ Trần Thị Tự có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Đình Viên (nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 10/11/1972).

Ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định phong tặng mẹ Trần Thị Tự danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TỨC TRANH

Tổng, đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Phú Lương, phủ Phú Bình, gồm 5 xã, trang: Tức Tranh, Quảng Cố, Đan Khê, Phú Đô và trang An Lạc.

Cuối thế kỷ XIX thuộc huyện Phú Lương, phủ Tòng Hoá, gồm 5 xã, trang; so với đầu thế kỷ XIX thì không còn xã Phú Đô (cắt chuyển về tổng Sơn Cẩm) nhưng lại thêm xã Thanh Trà.

Từ năm 1927, thuộc huyện Phú Lương, vẫn gồm 5 xã như hồi cuối thế kỷ XIX. Thời kỳ Tiền khởi nghĩa (3 - 8/1945), tổng Tức Tranh gồm 3 xã: Tức Tranh, Đan Khê và Phú Đô; trang An Lạc trước đó trở thành xã An Lạc (Yên Lạc) và được cắt khỏi tổng Tức Tranh để nhập vào tổng Yên Đổ; xã Quảng Cố cắt chuyển về tổng Yên Đĩnh, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn từ năm 1901. Kể từ khi Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương thành lập, các đơn vị hành chính cấp xã của huyện được tổ chức lại, từ 23 xã còn 12 xã (10/1946); xã Tức Tranh và xã Đan Khê sáp nhập thành xã Tức Tranh; đến khi đơn vị hành chính cấp tổng bị bãi bỏ (1948), tổng Tức Tranh gồm 2 xã Tức Tranh và Phú Đô.

Tổng Tức Tranh đầu thế kỷ XIX tương ứng với địa phận các xã Tức Tranh, Phú Đô, Yên Lạc của huyện Phú Lương và xã Quảng Chu, Như Cố (huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn) ngày nay. Tổng Tức Tranh thời kỳ Tiền khởi nghĩa (1945) tương ứng địa phận 2 xã Tức Tranh và Phú Đô thuộc huyện Phú Lương ngày nay.

TỨC TRANH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Đông huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Yên Lạc, phía đông giáp xã Phú Đô và xã Minh Lập (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp xã Vô Tranh, phía tây giáp xã Phấn Mễ.

Xã Tức Tranh ngày nay, thời kỳ trước năm 1945 là 2 xã Tức Tranh và Đan Khê. Tháng 10/1946, Tức Tranh và Đan Khê hợp nhất thành xã Tức Tranh. Diện tích tự nhiên 2.559,35 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 2.264,39 ha (89%), nhóm đất phi nông nghiệp 291,8 ha (11%), còn lại là nhóm đất chưa sử dụng. Dân số (năm 2009) 8.066 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Sán Chay, Nùng, Sán Dìu, cư trú ở 24 xóm: Bãi Bằng, Cây Thị, Khe Cốc, Đan Khê, Đập Tràn, Đồng Danh, Đồng Hút, Đồng Lòng, Đồng Lường, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Gốc Cọ, Gốc Gạo, Gốc Mít, Gốc Xim, Khe Xiên, Minh Hợp, Ngoài Tranh, Quyết Thắng, Quyết Tiến, Tân Thái, Thác Dài, Tân Khê, Xâm Găng.

Tức Tranh có dạng địa hình đồi núi thấp. Suối Phú Đô bắt nguồn từ xã Phú Đô, chạy từ địa giới phía bắc xuống tận cùng khu vực đông nam Tức Tranh để nhập vào sông Cầu, đoạn chảy trên đất Tức Tranh có độ dài gần 9 km, còn gọi là suối Đan Khê. Suối Khe Cốc, một trong những chi lưu của sông Đu, có đoạn chảy qua khu vực Tây Nam Tức Tranh độ dài 3,2 km. Tức Tranh có 3 km sông Cầu chảy dọc địa giới phía đông, phân cách Tức Tranh với xã Minh Lập (huyện Đồng Hỷ). Suối Khe Cốc, suối Phú Đô (Đan Khê), sông Cầu là những dòng chảy chính cung cấp nước tưới cho đồng ruộng, đồi chè của xã.

Tức Tranh có nhiều di tích là đình, đền, chùa có từ lâu đời hoặc được phục dựng lại: Đình Đồng Tâm, đình Thông, đình Đồng Tiến, đình Đồng Lường; đền Ngoài Tranh, miếu Thổ Công; chùa Bảo Tâm, chùa Thông. Xóm Thâm Găng, là nơi vùi xác chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc (29/4/1966); di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh năm 1980.

Tức Tranh (cùng với Vô Tranh, Phú Đô, Phú Lạc) tạo ra vùng chè nổi tiếng của huyện Phú Lương. Diện tích chè hơn 1.000 ha, trong đó có 940 ha chè kinh doanh, sản lượng khô đạt hơn 9.000 tấn/ năm. Có nhiều làng được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là làng nghề trồng và

chế biến chè: Thác Dài, Gốc Gạo, Quyết Thắng và cụm Khe Cốc gồm 5 xóm: Bãi Bằng, Đập Tràn, Khe Cốc, Minh Hợp, Tân Thái.

Năm 1985, cán bộ và xã viên Hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Tức Tranh đã được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lao động*.

TỨC TRANH

Hợp tác xã nông - lâm - công nghiệp, được thành lập tháng 4/1976 trên cơ sở hợp nhất các hợp tác xã trong xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo mô hình Công - Nông - Lâm - Thương - Tín đã góp phần đem lại nhiều lợi ích cho tập thể hợp tác xã cũng như cho cá nhân mỗi xã viên. Giá trị ngày công quy ra thóc đạt 3 - 4 kg (trong khi nhiều hợp tác xã chỉ đạt 0,4 - 0,5 kg/ngày công).

Năm 1983, Hợp tác xã Tức Tranh là 1 trong 13 hợp tác xã tiên tiến của huyện Phú Lương. Hợp tác xã đã mua được 3 xe ô tô tải và 1 xe con, tổng nguồn vốn lên tới 500 triệu đồng. Hợp tác xã đã vận dụng cơ chế khoán 100 một cách mềm dẻo, linh hoạt, giúp cho xã viên tăng thêm thu nhập từ diện tích ruộng 5% và ruộng ngoài kế hoạch cùng với việc phát triển kinh tế vườn bằng trồng chè, tạo ra nguồn thu nhập mới cho nhiều hộ gia đình.

Hợp tác xã đã được Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 498-KT-HĐNN, ngày 18/5/1984, tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*. Ngày 29/8/1985, Hợp tác xã Tức Tranh lại được Hội đồng Nhà nước ký Quyết định số 785 phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*, kèm *Huân Chương Lao động hạng Nhất*.

TƯƠNG LAI

Mỏ sắt, nằm trên địa phận xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ. Mỏ do Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công đầu tư khai thác từ năm 2009, theo Giấy phép số 1233/GP-UBND ngày 3/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trên diện tích 25 ha, trong thời hạn 22 năm, trữ lượng 1.232.170 tấn.

TƯỜNG LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, dân tộc Kinh, quê xã Tân Quang, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công).

Mẹ Lê Thị Tường có một con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Toàn.

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Tường danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TƯỜNG PHAN VĂN

Thiếu tướng, sinh năm 1960; quê xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1978, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 7/1982; nguyên Trung đội trưởng, Trợ lý Tham mưu Trung đoàn 183 (Sư đoàn 322, Quân đoàn 26); Đại đội trưởng, Phó Trưởng ban Điều lệnh Tác chiến Trường Quân sự Quân khu I; Phó Tham mưu trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Tham mưu trưởng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; Phó Tham mưu trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Thường trực Ủy ban Quốc phòng - An ninh của Quốc hội; đã được tặng thưởng 3 *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* (Nhất, Nhì, Ba), 1 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 1 *Huy chương Quân kỳ Quyết thắng*, Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.

TƯỢNG ĐÀI CÔNG NHÂN GANG THÉP

Được khánh thành ngày 29/11/1993 tại ngã 4 đường tròn Khu Gang thép. Tượng đài cao 16m đặt giữa đảo hoa tròn, biểu trưng cho hạnh phúc của gia đình người thợ với hình tượng hai vợ chồng người công nhân sát cánh bên nhau, chung sức xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép và một bé trai nâng chiếc búa tượng trưng cho thế hệ kế tiếp giữ gìn và phát huy sự nghiệp vẻ vang của công nhân Khu Gang thép Thái Nguyên.

TƯỢNG ĐÀI TRUYỀN THỐNG THANH NIÊN XUNG PHONG VIỆT NAM

Được xây dựng tại đồi Gò Thờ, xóm Đồng Cẩm, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ; có diện tích 1.568 m².

Tượng đài truyền thống Thanh niên Việt Nam được xây dựng bằng bê tông cốt thép, ốp đá xẻ; có các bậc ốp đá dẫn lên tượng đài. Phía trước có khoảng sân rộng là nơi du khách về dự, làm lễ dâng hương. Hai bên tả, hữu đặt 8 bức tượng các anh hùng, liệt sĩ hi sinh khi còn trong tuổi thanh niên (bên trái là tượng Nguyễn Viết Xuân, Kim Đồng, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Thị Liên; bên phải là tượng Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Trần Văn Ơn).

TÝ NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1909, dân tộc Kinh, quê xã Tân Hương, huyện Phổ Yên.

Mẹ Nguyễn Thị Tý có con độc nhất là liệt sĩ Bùi Minh Hữu (nhập ngũ ngày 25/6/1968, hi sinh năm 1969 tại chiến trường miền Nam).

Mẹ Nguyễn Thị Tý đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy lặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TÝ TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1914, dân tộc Kinh, quê xã Vụ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; thường trú tại phường Đồng Quang thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Trần Thị Tý có 3 con là liệt sĩ: Lương Hữu Bản (nhập ngũ năm 1949, hi sinh năm 1952 tại mặt trận Nghĩa Lộ - Yên Bái), Lương Ngọc Dân (nhập ngũ năm 1963, hi sinh ngày 31/5/1965 tại mặt trận phía Nam) và Lương Xuân Hải (nhập ngũ tháng 8/1972, hi sinh trong thành cổ Quảng Trị).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Trần Thị Tý danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

TỴ TRẦN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1930, dân tộc Kinh, quê xã Ký Phú, huyện Đại Từ.

Mẹ Trần Thị Tỵ có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là liệt sĩ Ngô Đức Chính (nhập ngũ tháng 7/1970, hi sinh ngày 6/7/1973 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/2002, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Trần Thị Tỵ danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

UẨN NGUYỄN HỮU

Phó Bí thư Tỉnh ủy (bí danh: Lê Bảo), sinh năm 1918, dân tộc Kinh, quê xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; trú quán thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ; tham gia cách mạng năm 1930, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1946; cán bộ Lão thành cách mạng, Phó Bí thư

Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên (1/1959 - 2/1960 và 7/1961 - 9/1963).

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huy chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, Bằng có công với nước.*

ÚC KỲ

Chùa, tên chữ là Phúc Linh tự, được dựng vào năm Bảo Thái thứ 7 (1726) tại làng Úc Kỳ, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình. Những năm 1960 - 1964, gọi là chùa Hồng Kỳ.

Chùa Úc Kỳ được trùng tu vào năm Thành Thái thứ 16 (1905) và năm 1999. Chùa vẫn giữ được kiến trúc nghệ thuật cơ bản từ khi mới xây dựng. Gác chuông chùa đồng thời là Tam quan hình chữ nhật, dài 20 m, rộng 12,5 m, gồm 3 gian, 2 chái, kết cấu gồm 6 hàng chân cột, 4 cột cái, 18 cột quân (cột cái cao 8 m, mỗi cột cách nhau 2 m; cột quân cao 6 m, mỗi cột cách nhau 1,2 m). Sau Tam quan đến nhà hậu đường là nơi đặt bàn thờ tam bảo. Trước cửa nhà hậu đường dựng 4 cột đá.

Hiện vật cổ tại chùa gồm 20 tượng Phật gỗ sơn son thiếp vàng niên đại thế kỷ XVIII, 1 quả chuông đồng nặng khoảng 100 kg, đường kính đáy 0,45 m, cao 0,90 m, niên đại Minh Mệnh năm thứ 7 (1826); 4 cột đá dựng nhà hậu đường trong đó có 1 cột khắc văn bia ghi tên chùa và năm công đức tu sửa chùa; 1 bát hương bằng đồng to hình trụ nặng khoảng 5 kg được chạm khắc hình "Lưỡng long chầu nguyệt" theo phong cách nghệ thuật thời Nguyễn.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Úc Kỳ đã đón nhiều cán bộ của Trung ương Đảng về làm việc, trong đó có đồng chí Trần Huy Liệu - Bộ trưởng Bộ Thông tin, tuyên truyền; Giáo sư Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai và đồng chí Võ Văn Kiệt. Hiện nay, Bảo tàng Thái Nguyên còn lưu giữ được ảnh tư liệu đồng chí Võ Văn Kiệt về ở và làm việc tại chùa Úc Kỳ năm 1952.

Lễ hội chính của chùa tổ chức hằng năm (theo lịch âm) vào ngày 15/1 (Lễ Kỳ Yên), 15/7 (Lễ Vũ Lan), ngày 8/4 (Lễ Phật đản), ngày 1/7 (Lễ Vào hè), 23/12 (Lễ Tất niên).

Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Úc Kỳ được xếp hạng di tích Quốc gia tại Quyết định số 98/2004/QĐ-BVHTT, ngày 15/12/2004.

ÚC KỲ

Đình, có từ lâu đời ở làng Úc Kỳ, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình; là nơi thờ các vị thành hoàng làng: Cao Sơn, Quý Minh, Tam Ty, Tam Giang và Dương Tự Minh.

Đình được tôn tạo, trùng tu vào năm 1964 và 1994. Đình có 5 gian, 2 chái; hậu cung còn giữ được kiến trúc cổ. Dấu tích ngôi đình xưa hiện còn lưu giữ gồm: 7 sắc phong thuộc thời Nguyễn, chất liệu giấy, 1 hoành phi, 2 cuốn thư cổ, 5 mũ đế quan thờ Thành hoàng làng, 3 bức tranh gỗ chân dung đức thánh, 1 hòm gỗ đựng sắc phong và các hiện vật khác như: Chuông, trống, các bức tranh chạm khắc bằng gỗ,...

Các ngày lễ được tổ chức vào ngày 15/1 (Lễ Thượng Nguyên), ngày 12/4 (Lễ Hạ điền), ngày 14/7 (Lễ Thượng điền), ngày 12/10 mở hội ăn mừng cho mùa màng tươi tốt, 23/12 làm lễ nhận nhiệm vụ cho năm mới.

Đình Úc Kỳ được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ÚC KỲ

Xã trung du nằm ở khu vực phía Tây huyện Phú Bình; phía bắc giáp xã Nhã Lộng, phía nam giáp xã Nga My, phía đông giáp Sông Cầu và xã Xuân Phương, phía tây giáp xã Điềm Thuỵ. Địa hình xã phân chia thành 2 khu vực khác nhau. Miền Hồng Kỳ nằm ở phía đông bắc xã, giáp sông Cầu, địa hình bằng phẳng. Miền Ngọc Long nằm ở phía tây nam xã, giáp xã Điềm Thuỵ, địa hình bị chia cắt, đất nông lâm nghiệp xen canh. Diện tích đồi núi chiếm 1/10 diện tích tự nhiên. Độ cao trung bình trong toàn xã là 15,3 m so với mặt nước biển.

Diện tích tự nhiên 582.99 ha. Dân số (năm 2009) 5.253 người thuộc 7 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, Thái, Mường cư trú ở 14 xóm: Trại, Làng, Tân Lập, Múc, Ngoài 1, Ngoài 2, Tân Sơn, Soi 1, Soi 2, Giữa, Nam 1, Nam 2, Đầm 1, Đầm 2. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp, trồng lúa và hoa màu.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, phát huy truyền thống quê hương cách mạng, nhân dân xã Úc Kỳ đã đóng góp

nhiều sức người, sức của cho tiền tuyến, đồng thời luôn củng cố, xây dựng Đảng bộ địa phương vững mạnh. Trong những năm 1946 - 1954 xã Úc Kỳ đã đón nhiều cán bộ của Trung ương Đảng về làm việc, trong đó có đồng chí Trần Huy Liệu - Bộ trưởng Bộ Thông tin, tuyên truyền; Giáo sư Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai và đồng chí Võ Văn Kiệt.

ÚC SƠN

Cầu được xây dựng năm 1989, trên tuyến Tỉnh lộ 269B, thuộc địa phận thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình. Cầu dài 30 m, rộng 5 m, chiều dài nhịp cầu 26 m; tải trọng 15 tấn.

ÚC SƠN

Chùa, có tên chữ là Sơn Linh tự, được dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1708) trên một quả đồi cao giữa làng Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình ngày nay. Chùa còn giữ khá nguyên vẹn kiến trúc truyền thống theo kiểu "nội công ngoại quốc", gồm 3 nếp nhà tiền đường - thượng điện - hậu đường gắn bó nhau thành một tổng thể có mặt bằng chữ CÔNG. Lại có hành lang dài ở hai bên ăn thông với tiền đường ở phía trước và hậu đường ở phía sau, bao lại thành một kiến trúc đóng hình chữ QUỐC. Chùa có mặt bằng hình vuông (12 m x 12 m), bộ khung nhà làm bằng cột đá xanh granít và được đục đẽo công phu, mỗi cột cao 1,6 m, có chu vi 90 cm; các vì kèo được làm bằng gỗ lim theo lối "kẻ truyền giá chiêng".

Hiện vật lưu giữ tại chùa gồm 1 cây hương đá năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1708), 1 bia đá năm Minh Mệnh thứ 19 (1838), 16 cột đá trong đó có 2 cột khắc chữ Hán năm Bảo Thái thứ 9 (1728), 9 bát hương cổ thời Hậu Lê, 23 pho tượng được làm bằng đất sét sơn son thiếp vàng và nhiều đồ thờ khác.

Trước đây, lễ hội chính tại đình, chùa từ ngày 9 đến ngày 12/10 Âm lịch. Ngày nay, lễ hội chính là ngày 15/1 Âm lịch. Ngoài ra có lễ cúng Thần Nông vào ngày 10/4, lễ Thượng điền vào ngày 10/7 và lễ Tất niên vào ngày 15/12 âm lịch.

Chùa Úc Sơn được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 175/QĐ-UB, ngày 27/1/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ÚC SƠN

Đình, được dựng vào đầu thế kỷ XVIII trên một khu đất bằng phẳng giữa làng Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình ngày nay; là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Ngôi đình có kiến trúc cân đối giữa hai nửa phải và trái gồm: Nghi môn, tiền tế, toà đại đình, hai dãy nhà tả vu, hữu vu. Hậu cung được làm ở gian giữa toà đại đình và được nâng lên thành một gác lửng. Đến nay, đình chỉ còn lại toà đại đình.

Đình được trùng tu nhiều lần, lần lớn nhất vào năm 1942. Đình hiện nay gồm có 5 gian dài 16 m, rộng 6,4 m; mái lợp ngói vẩy rồng. Toàn bộ hệ thống cột, xà bằng gỗ lim, kết cấu mỗi vì 4 cột làm cho lòng nhà rộng, các đuôi kẻ được chạm khắc hoa, lá, dây leo. Đình hiện còn lưu giữ 1 bia đá năm 1798, 1 bức hoành phi, 1 hòm đựng sắc phong (sắc phong không còn), 1 ngai thờ, 1 bài vị, 1 chiêng cổ bằng đồng có đường kính 60cm và nhiều đồ thờ khác.

Ngày nay, lễ hội chính của đình Úc Sơn là ngày 15/1 Âm lịch. Ngoài ra có lễ cúng Thần Nông vào ngày 10/4, lễ Thượng điền vào ngày 10/7 và Lễ Tất niên vào ngày 15/12 âm lịch.

Đình Úc Sơn được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 27/1/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

ÚC SƠN

Chợ, được thành lập năm 1987, đặt tại địa phận xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hoá của nhân dân trong xã và các xã lân cận. Lúc mới thành lập, chợ chỉ có ngôi nhà ba gian lợp ngói là cửa hàng hợp tác xã mua bán của xã và những lều, quán được dựng bằng tre gỗ do các hộ kinh doanh tự xây dựng.

Năm 1989, xã Hương Sơn được tách thành 2 đơn vị hành chính là xã Hương Sơn và thị trấn Úc Sơn. Chợ thuộc địa phận thị trấn Úc Sơn.

Năm 1993, chợ Úc Sơn được xây dựng, gồm 1 nhà đình chợ nằm ở trung tâm chợ và các lều quán bằng tre, gỗ ở xung quanh. Đến năm 2003, xã Hương Sơn và thị trấn Úc Sơn được sáp nhập thành thị trấn Hương Sơn theo NĐ 68/CP của Chính phủ.

Năm 2007, chợ Úc Sơn được xây dựng lại với quy mô lớn hơn, gồm 1 nhà đình chợ xây gạch chỉ, mái lợp tôn, có 4 cửa ra vào, 55 kiốt bán hàng được ngăn cách bằng hàng rào lưới thép B40. Phần đất xung quanh chợ (bờ rào) những kiốt bán hàng được xây dựng tạo thành hàng rào bao bọc.

UỶ BAN BẢO VỆ TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập theo Sắc lệnh số 16 ngày 20/12/1946 của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ủy ban Bảo vệ tỉnh Thái Nguyên gồm 1 đại biểu quân sự, 1 đại biểu hành chính, 1 đại biểu các đoàn thể nhân dân do các đoàn thể ấy cử; 3 Ủy viên nói trên sẽ bầu lên một Ủy viên làm Chủ tịch. Ủy ban Bảo vệ tỉnh Thái Nguyên *"có nhiệm vụ tìm mọi phương tiện hợp với tình hình địa phương để thi hành những mệnh lệnh và chỉ thị của cấp trên về sự bảo vệ đất nước"*.

UỶ BAN HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC THÁI

Được thành lập theo Nghị quyết số 103 ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trên cơ sở hợp nhất Ủy ban Hành chính hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên.

UỶ BAN HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên bầu đầu năm 1946 (sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã), theo Sắc lệnh số 63 ngày 23/11/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ủy ban Hành chính tỉnh gồm có 3 Ủy viên chính thức (1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch, 1 Thư kí) và 2 Ủy viên dự khuyết. Các cơ quan giúp việc của Ủy ban Hành chính tỉnh được gọi là Ty. Nhiệm kỳ của Ủy ban Hành chính tỉnh khoá đầu là 1 năm; những khoá sau là 2 năm.

UỶ BAN HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1955, do sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chính phủ quyết định tách chức năng, nhiệm vụ kháng chiến khỏi Ủy ban Hành chính các cấp.

UỶ BAN KHÁNG CHIẾN KIÊM HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1947 trên cơ sở sáp nhập Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính tỉnh, theo Sắc lệnh số 91-SL của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; gồm 7 ủy viên, trong đó có 3 ủy viên hành chính, 1 ủy viên quân sự, 3 ủy viên nhân dân.

Uỷ ban Kháng chiến kiêm Hành chính là cơ quan chính quyền ở tỉnh Thái Nguyên, có nhiệm vụ: Thực hiện trong tỉnh chính sách của Chính phủ, những kế hoạch kháng chiến của cấp trên; thi hành hoặc đôn đốc sự thi hành các sắc lệnh, mệnh lệnh và chỉ thị của các cấp trên; điều hoà, phối hợp các ngành hoạt động thuộc phạm vi tỉnh; kiểm soát các ngành hoạt động thuộc phạm vi tỉnh về phương diện đúng với chủ trương, chính sách của Chính phủ; phụ trách sự trị an trong tỉnh; điều khiển và kiểm soát UBKCKHC cấp dưới; tổ chức và chỉ huy dân quân theo chương trình và kế hoạch của cấp trên; tổ chức và chỉ huy đội cảnh vệ tỉnh.

UỶ BAN KHÁNG CHIẾN HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập năm 1948 trên cơ sở bỏ từ *kiêm* trong tên gọi Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính, theo Sắc lệnh số 149 của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh: Thực hiện trong tỉnh chính sách của Chính phủ, những kế hoạch kháng chiến của cấp trên; thi hành hoặc đôn đốc sự thi hành các sắc lệnh, mệnh lệnh và chỉ thị của các cấp trên; điều hoà, phối hợp các ngành hoạt động thuộc phạm vi tỉnh; kiểm soát các ngành hoạt động thuộc phạm vi tỉnh về phương diện đúng với chủ trương, chính sách của Chính phủ; phụ trách sự trị an trong tỉnh; điều khiển và kiểm soát UBKCHC cấp dưới; tổ chức và chỉ huy dân quân theo chương trình và kế hoạch của cấp trên; tổ chức và chỉ huy đội cảnh vệ tỉnh.

UỶ BAN KIỂM TRA TỈNH UỶ

Được thành lập quý I năm 1948, lúc đầu là một ban ghép gồm Tổ chức và Kiểm tra (gọi là Ban Tổ - Kiểm). Đến quý I năm 1949, Ban Tổ chức - Kiểm tra tách thành 2 ban riêng biệt: Ban Đảng vụ và Ban Kiểm tra. Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), gọi là Ủy ban Kiểm

tra Tỉnh uỷ. Chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp cũng được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thái Nguyên đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất.*

UỶ BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập tháng 12/1955; trụ sở tại số 12 - Đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội, do Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên hiệp thương dân chủ cử ra, có chức năng nhiệm vụ: Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân; tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành hiến pháp và pháp luật, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; phản biện xã hội đối với dự thảo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước; phối hợp với các cơ quan nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân.

Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên có 5 ban chuyên môn gồm: Ban Tổ chức - Tuyên giáo, Ban Dân Chủ - Pháp luật, Ban Phong trào, Ban Dân tộc - Tôn giáo, Văn phòng.

UỶ BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÂM THỜI TỈNH THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 20/8/1945 tại tỉnh lị Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Từ 4 giờ 30 phút đến khoảng 15 giờ ngày 20/8/1945, lực lượng vũ trang, nhân dân Thái Nguyên phối hợp cùng Quân Giải phóng bao vây, tấn công quân địch (khoảng hơn 500 lính Bảo an, lính Cơ, 120 lính Nhật), bắt Tỉnh trưởng Thái Nguyên Bùi Huy Lượng, bức hàng hơn 400 lính Bảo an; bao vây, cô lập quân Nhật tại Trại lính khố xanh, Dinh Công sứ. Chiều 20/8, lực lượng cách mạng tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại sân vận động tỉnh lị. Tại đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban Khởi

nghĩa toàn quốc tuyên bố bãi bỏ chính quyền Nhật và tay sai, thành lập ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch. Tiếp đó, ngày 23/8/1945, Hội nghị Tỉnh ủy họp quyết định thành phần Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh gồm đồng chí Lê Trung Đình là Chủ tịch; các đồng chí Ma Đình Tương, Đặng Đức Thái, Phạm Đình Huệ làm Phó Chủ tịch; các đồng chí Lương Đình Oánh, Hoàng Thế Thiện, Chu Quốc Hưng, Lê Phương, Phạm Hoài, Trường Sơn làm Ủy viên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC THÁI

Ra đời cuối năm 1976 theo chủ trương chung của Quốc hội, Chính phủ, từ việc đổi tên Ủy ban Hành chính các cấp thành Ủy ban nhân dân các cấp. Đổi tên nhưng chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban vẫn không thay đổi.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Ra đời và hoạt động từ ngày 1/1/1997, theo Nghị quyết kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khoá IX nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, có địa giới như trước ngày hợp nhất (tháng 7/1965).

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên là cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên thuộc hệ thống hành chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan thực thi pháp luật tại tỉnh Thái Nguyên. Các chức danh của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên bầu ra và có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Ủy ban nhân dân , đồng thời là Phó Bí thư Tỉnh ủy. Quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân . Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên hiện nay có 9 Ủy viên, 27 cơ quan giúp việc (các sở, ban, ngành trực thuộc).

Bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm Văn phòng Ủy ban nhân dân và các sở, ban, ngành, chia thành các khối: Khối Tổng hợp gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở

Nội vụ (trước kia là Ban Tổ chức chính quyền). Khối Nội chính gồm: Sở Tư pháp, Thanh tra, Công an tỉnh, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Khối Lưu thông phân phối gồm: Sở Công Thương, Sở Tài chính (trong đó có Kho bạc Nhà nước). Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành chịu sự chỉ đạo theo ngành dọc, mà không trực thuộc Ủy ban nhân dân. Khối Nông Lâm nghiệp gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường. Khối Công nghiệp gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ (trong đó có Cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng). Khối Văn hoá - Xã hội: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

ỨC DƯƠNG

Tiến sĩ xuất thân. Quê xã Hoá Trung huyện Đồng Hỷ, xứ Thái Nguyên (nay là tỉnh Thái Nguyên). Dương Ức đã dự thi và đỗ Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) tại khoa thi năm Tân sửu (1541). Dương Ức làm quan dưới triều nhà Mạc tới chức Thừa Chính sứ (chức quan đứng đầu một đạo hoặc một xứ).

VAI CÁI

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Vai Cái thuộc địa phận xã Văn Yên, huyện Đại Từ, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, trong đó hệ thống kênh chính đã được xây dựng 1.500 m. Công trình phục vụ nước tưới cho gần 200 ha diện tích đất canh tác (3 vụ) của nhân dân 3 xóm trong xã Văn Yên.

VAI CÀY

Nơi khai giảng khoá I Trường Du kích chiến tranh cuối năm 1952.

Vị trí di tích ở xóm Vai Cày thuộc xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ. Hiệu trưởng Nhà trường là đồng chí Trần Mạnh Quỳ - nguyên Cục trưởng Cục dân quân.

Đối tượng học viên là cán bộ tỉnh đội, huyện đội, cán bộ tiểu đoàn và đại đội bộ đội địa phương. Về chính trị, các học viên được bồi dưỡng kiến thức về trường kì kháng chiến, về công tác trong vùng địch tạm chiếm, về đẩy mạnh du kích chiến tranh. Về quân sự, các học viên được

học kỹ thuật bắn súng, ném lựu đạn, sử dụng các loại vũ khí thô sơ (chông, mìn, cạm, bẫy), các hình thức chiến thuật phục kích, tập kích, chống càn, đánh giao thông...

VAI TẠ

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Vai Tạ thuộc địa phận xóm Phượng Hoàng, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai; đảm bảo nước tưới cho 90 ha lúa.

VẠN

Chợ, hình thành từ lâu đời tại khu vực trung tâm tổng Hoàng Đàm, nay thuộc thôn Hộ Sơn, xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên. Hàng hoá mua bán, trao đổi chủ yếu là các loại nông, lâm sản.

VẠN GIÀ

Đình, được dựng năm 1721 ở làng Vạn Già, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình.

Đình là nơi thờ Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương, Tam Tư đại vương là những người có công dẹp giặc giữ nước. Đình làng Vạn Già đã được cấp thần tích, thần sắc. Ngoài bản phong sắc, còn có Hương ước năm 1942 được lưu giữ. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, đình làng Vạn Già là địa điểm đóng quân của các đơn vị bộ đội. Năm 1962, một đơn vị thuộc Quân khu Việt Bắc sử dụng đình làm kho quân giới. Đình làng Vạn Già được xây dựng lại năm 1995, đến năm 2000 xây lại hậu cung.

VẠN GIÀ

Đồn điền của chủ người Pháp, thành lập năm 1897, nằm trên đất các xã Tân Kim, Tân Khánh, Bàn Đạt, Đồng Liên của huyện Phú Bình ngày nay.

Năm 1897, thương gia người Pháp thành lập Công ty Dre Yfus để cai quản đồn điền Vạn Già, có 20 ấp, khoảng 100 hộ, 400 nhân khẩu, ruộng cấy một vụ 650 ha. Phương thức bóc lột của chủ điền là phát canh, thu tô. Năm 1901, Công ty Dre Yfus được giao cho Công ty của Gôđa - một thương gia ở Hà Nội có 250.000 Franc tiền vốn. Lúc này đồn điền có 45 ấp, khoảng 130 hộ, 650 người dân, diện tích cây lúa là 14.605 ha và 3,5 ha trồng thí nghiệm cây ăn quả, cây cao su (nhưng không thành công).

Năm 1920, Gôđa bán lại đồn điền cho địa chủ Nguyễn Kim Lân. Thời kỳ này đồn điền có khoảng 180 hộ dân, 750 nhân khẩu, diện tích cây lúa 16.725 ha. Nguyễn Kim Lân chia đồn điền Vạn Già làm 2 tổng; dưới tổng có các trưởng ấp, lý dịch, xã đoàn làm nhiệm vụ đôn đốc, thu thuế, thu nợ cho chủ và giữ gìn an ninh. Thời kỳ đầu, mỗi mẫu phải nộp 2 phương thóc, sau tăng dần. Đó là mức tô rất nặng, thường chiếm 50% sản phẩm thu hoạch, thậm chí là 70%.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng tịch thu đồn điền Vạn Già lấy đất chia cho dân nghèo.

VẠN PHÁI

Tổng, thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình trong thế kỷ XIX. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX,* tổng Vạn Phái gồm 3 xã: Vạn Phái, Nông Vụ, Hạ Vụ.

Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, tổng Vạn Phái thuộc phủ Phổ Yên. Theo sách *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, tổng Vạn Phái gồm 4 làng, 1 thôn: Làng Vạn Phái có 1 thôn Cơ Phi, làng Nông Vụ, làng Hạ Vụ, làng Vạn Phi.

VẠN PHÁI

Xã thuộc huyện Phổ Yên; phía đông giáp sông Công (bên kia sông Công là xã Nam Tiến), phía đông bắc giáp xã Đắc Sơn, phía tây và tây bắc giáp xã Thành Công, phía bắc giáp xã Minh Đức, phía nam giáp xã Bắc Sơn (huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội).

Xã Vạn Phái được thành lập cuối năm 1953, với tên gọi là xã Hợp Thành (gồm các xã Vạn Phái và Thành Công ngày nay). Ngày 1/5/1975, theo Quyết định số 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, xã Hợp Thành được đổi tên thành xã Vạn Phái. Dân số (năm 2009) 7.349 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Hoa cư trú ở 21 xóm: Tân Hoà, Bãi Chẩu, Đồn, Trại Cang, Tân Cương, Hạ Vụ 1, Hạ Vụ 2, Hạ Vụ 3, Nông vụ 1, Nông Vụ 2, Nông Vụ 3, Nông Vụ 4, Nông Vụ 5, Cơ Phi 1, Cơ Phi 2, Cơ Phi 3, Bến Chảy 1, Bến Chảy 2, Vạn Kim, Trường Giang, Kim Sơn. Diện tích tự nhiên 10,76 km² (gồm 7,54 km² đất nông nghiệp, 3,19 km² đất phi nông nghiệp, còn lại là đất chưa sử dụng).

VẠN THẮNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Bình, bao gồm toàn bộ địa bàn các xã Tân Khánh, Tân Kim, Bàn Đạt, Đồng Liên của huyện Phú Bình ngày nay. Diện tích 70,23 km², dân số 6.195 người. Phía Đông, giáp xã Tân Hoà (nay là các xã Tân Hoà và Tân Thành của huyện Phú Bình), phía tây giáp xã Cam Giá của huyện Đồng Hỷ (nay là phường Cam Giá của thành phố Thái Nguyên), phía nam giáp xã La Đình (nay là thị trấn Hương Sơn và các xã Xuân Phương, Bảo Lý của huyện Phú Bình), phía tây nam giáp xã Thượng Đình (nay là các xã Thượng Đình, Đào Xá của huyện Phú Bình và phường Lương Sơn của thành phố Thái Nguyên).

Sau giảm tô (cuối năm 1953, đầu năm 1954), xã Vạn Thắng được tách thành 4 xã Tân Kim, Tân Khánh, Thắng Lợi, Đồng Liên (sau này, thực hiện Quyết định số 136/NV ngày 7/4/1967 của Bộ Nội vụ, xã Thắng Lợi đổi tên thành xã Bàn Đạt).

VẠN THỌ

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Nam huyện Đại Từ; phía tây bắc giáp xã Ký Phú, phía bắc giáp xã Lục Ba, phía đông giáp hồ Núi Cốc, phía đông nam giáp xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên). Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Vạn Thọ là làng Tràng Lang thuộc tổng Yên Lãng, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, vùng đất xã Vạn Thọ hiện nay là xã Tràng Dương thuộc tổng Trường Lang, phủ Tòng Hoá, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, đầu thế kỷ XX đổi là xã Tràng Lang. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên, công bố năm 1932, là làng Tràng Lang. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tràng Lang là làng thuộc xã Tràng An. Năm 1953, xã Tràng An được chia thành xã Tràng Lang và xã Vạn Thọ.

Là xã An toàn khu trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Vạn Thọ có nhiều điểm ghi dấu các sự kiện lịch sử, tiêu biểu là đền Gàn ở xóm Chùa, đình Chàng Dương ở xóm Chàng Dương. Hiện nay xã Vạn Thọ gồm 12 xóm: từ Xóm 1 đến Xóm 10, xóm Vai Say và xóm Chăn Nuôi. Diện tích tự nhiên là 6,6 km², dân số (năm 2009) 3.194 người, thuộc 9 thành

phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Ngái, Dao, Hoa, Sán Chay, Mường. Nhân dân các dân tộc xã Vạn Thọ chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

VANG

Suối, một nhánh của suối Quân Chu, bắt nguồn từ khu vực điểm cao 1385 sườn phía đông dãy Tam Đảo (địa phận xã Quân Chu), chảy qua địa phận các xã Cát Nê, Quân Chu (huyện Đại Từ), nhập với suối Đá Đen ở khu vực Tân Ấp xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên).

VÃNG LÝ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1913, dân tộc Tày, quê xóm Thôn Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai.

Mẹ Lý Thị Vãng có con độc nhất là liệt sĩ, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Mẹ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 841-KT/CTN ngày 24/4/1996, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

VĂN CAO

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, được thành lập năm 1946 trên cơ sở hợp nhất 2 xã Văn Lãng và Văn Xuyển. Dân số (năm 1954) có 2.886 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao và Sán Dìu.

Sau giảm tô (1953), xã Văn Cao được tách thành 2 xã: Phú Xuyên và Yên Lãng.

VĂN CHỈ

Bia, được khắc cách đây khoảng 120 năm, ở xã Hoàng Đàm, nay là xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên. Bia phát hiện ngày 28/3/2001, tại khu vực Trường Trung học cơ sở xã Nam Tiến, sau đó được đem về lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên. Bia tìm được ở độ sâu 1,6 m, là một phiến đá nguyên khối, màu đen, có kích thước dài 60 x 37 cm, trên trán có khắc hình mặt trời, dưới có 3 chữ Hán: "Phối hưởng bi", diềm bia trang trí dây leo điểm xuyết hoa cúc. Lòng bia có 9 dòng chữ Hán, dòng nhiều nhất có 21 chữ, ít nhất có 5 chữ, tổng cộng có gần 200 chữ Hán. Nét khắc chữ

trên văn bia sâu, thể hiện sự tinh xảo, khoảng cách chữ rõ ràng, bút pháp khoáng đạt. Bia lập ngày 29 tháng 11 năm Thành Thái thứ 3 (Tân Mão, 1891) nội dung tấm bia ghi về việc công đức của những môn sinh đã đóng góp xây dựng nhà trường; thờ phụng các thầy giáo là Tiên sinh ở địa phương. Đây là lần đầu tiên phát hiện bia nói về Văn chỉ ở tỉnh Thái Nguyên, tấm bia ghi nhận ít nhất cách đây 120 năm.

VĂN CHỈ

Nơi thờ Khổng Tử và tôn vinh các bậc tiên hiền của làng thời phong kiến. Vị trí di tích nằm phía sau đình An Châu, ở làng An Châu thuộc xã Nga My, huyện Phú Bình. Văn chỉ làng An Châu có kiến trúc đơn giản, gồm 3 bệ thờ, mỗi bệ cao 1,2 m, rộng 80 cm, được xây bằng gạch vôi vữa, không có mái che; trên đặt các bát hương để thờ cúng.

VĂN GIÁP

Đình, (còn gọi là đình Khôi Kỳ), được dựng năm 1930 tại xóm Đức Long, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ. Đình gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung, tường xây gạch, mái lợp ngói, mặt đình quay về hướng nam, phía sau đình còn một ngôi chùa 5 gian, mái lợp tranh. Lễ hội chính vào ngày 15/1 Âm lịch hằng năm. Trong Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đình là nơi hội họp bí mật của cán bộ cách mạng trong vùng. Trải qua mưa nắng, lại không được bảo quản, tu bổ thường xuyên nên năm 1964 đình Văn Giáp đổ nát hoàn toàn. Đồ cúng tế, sắc phong, thần phả không còn.

VĂN HÁN

Xã miền núi nằm ở khu vực phía Đông huyện Đồng Hỷ, tên cũ là Vân Hán; phía bắc và đông bắc giáp 3 xã La Hiên, Lâu Thượng, Liên Minh của huyện Võ Nhai; phía đông giáp xã Cây Thị; phía nam giáp xã Nam Hoà; phía tây giáp xã Khe Mo (huyện Đồng Hỷ). Diện tích tự nhiên 65,47 km², số dân 9.700 người thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Sán Chay, Tày, Sán Dìu, Dao, Thái, Mông và Mường.

Xã Văn Hán hiện nay có 17 xóm: Ấp Chè, Ba Quà, Cầu Mai, Đoàn Lâm, Hoà Khê 1, Hoà Khê 2, La Củm, La Đàn, La Đùm, Làng Cả, Làng Hoả, Phả Lý, Thái Hưng, Thịnh Đức 1, Thịnh Đức 2, Vân Hán và Vân Hoà.

Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp. Xã trồng nhiều vải thiều Thanh Hà, mỗi năm cho sản lượng trên 2.000 tấn quả. Chè cũng là một trong những cây thế mạnh; năm 2010, có 373,9 ha chè.

VĂN HOÁ DÂN GIAN TÀY

Sách khảo cứu về văn hoá dân gian dân tộc Tày, của các tác giả: TS. Hoàng Ngọc La (Chủ biên) - Hoàng Hoa Toàn – Phó Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Anh Tuấn; Sở Văn hoá Thông tin Thái Nguyên xuất bản năm 2002.

Sách có độ dày 311 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm, nội dung giới thiệu công trình nghiên cứu của các tác giả về giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Tày ở Việt Nam, gồm 3 chương: Chương 1- *Lịch sử tộc người và yếu tố văn hoá Tày - Thái cổ*; Chương 2- *Văn hoá vật chất truyền thống của người Tày*; Chương 3- *Văn hoá tinh thần của người Tày*. Phần *Kết luận*, *Phụ lục* ở cuối sách.

Phần *Phụ lục*, giới thiệu sơ lược và trích đoạn về "Loàn" - lời cầu khấn trong lễ hội cầu mùa (lồng tồng), "Tổng Nặc" - đố và giải đố, "Ngụ luận ngôn về trung, hiếu, tiết, nghĩa" và sơ đồ một số vì kèo, mặt bằng nhà sàn của người Tày.

VĂN LÃNG

Huyện miền núi, lập thời Lê Trung Hưng (1533 - 1789), thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên; phía nam giáp huyện Đại Từ, phía tây giáp huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang), phía bắc giáp Châu Định (nay là huyện Định Hoá), phía tây bắc giáp huyện Phú Lương.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*, huyện Văn Lãng gồm 3 tổng, 8 xã, trang: Tổng Thượng Lương có 2 xã: Thượng Lương, Hạ Lương và trang Thanh Bằng; tổng Vị Xuyên có 1 xã Vị Xuyên và 2 trang Tân Quy, Phú Lương; Tổng Hạ Lãm có 2 trang: An Nhuận và An Dã. Cuối thế kỷ XIX, theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, huyện Văn Lãng thuộc phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Huyện Văn Lãng gồm 5 tổng: Thượng Lãm, Hạ Lãm, Vị Xuyên, Văn Xiển và Thượng Lương. Năm 1922, huyện Văn Lãng sáp nhập vào huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

VĂN LĂNG

Xã miền núi nằm ở cực Bắc huyện Đồng Hỷ, tên cũ là Vân Lăng; phía bắc và tây bắc giáp xã Quảng Chu (huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn); phía

bắc và đông bắc giáp xã Thần Sa (huyện Võ Nhai), phía đông nam giáp xã Tân Long, phía nam giáp xã Hoà Bình (huyện Đồng Hỷ), phía tây và tây bắc giáp xã Yên Lạc và Phú Đô (huyện Phú Lương).

Diện tích tự nhiên l64,15 km², dân số (năm 2009) 4.555 người, thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Mông, Dao, Nùng, Tày, Sán Dìu, Sán Chay và Mường cư trú ở 16 xóm: Bản Tèn, Đạt, Khe Cạn, Khe Hai, Khe Quân, Liên Phương, Mong, Mỏ Nước, Tam Va, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Tân Sơn, Tân Thành, Tân Thịnh, Vân Khánh, Văn Lăng. Nguồn sống chính của cư dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp. Chè là một thế mạnh của xã. Năm 2010, toàn xã có 181,2 ha chè.

Năm 2008, nhân dân địa phương phát hiện 1 trống đồng tại xóm Mỏ Nước và một số công cụ bằng đồng (gồm rìu có họng tra cán rất mỏng, búa đồng, giáo đồng) thuộc Văn hoá Đông Sơn.

VĂN MIẾU, ĐỀN KHẢI THÁNH

Được dựng năm Minh Mệnh thứ 13 (1834) ở xã Cốt Ngạnh, huyện Phổ Yên (nay là thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên); đến năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) chuyển về xã Đồng Lẫm, huyện Đồng Hỷ (nay ở xóm Văn Thánh, xã Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên).

Văn miếu, là nơi thờ vị thánh sư của Nho học là Khổng Tử. Đền Khải Thánh là nơi thờ cha, mẹ của Khổng Tử, Văn miếu và đền Khải Thánh đã bị phá huỷ từ thời tiêu huỷ kháng chiến (1947).

Ngày nay, ở khu đất đặt Văn miếu, đền Khải Thánh xưa chỉ còn lại một miếu thờ, một tấm bia "hạ mã" đã vỡ, mất phần nửa.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BÁO NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - KHU VỰC VIỆT BẮC

Được thành lập ngày 21/9/2005, trụ sở tại số 465 - Đường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Báo *Nông nghiệp Việt Nam* là một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trụ sở chính tại số 14 - Ngô Quyền (quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội); có tôn chỉ mục đích là Diễn đàn vì sự phát triển của nông nghiệp và nâng cao dân trí nông thôn. Ngoài ấn phẩm phát hành từ thứ 2 đến thứ 6 hằng tuần với số lượng khoảng 3 vạn bản mỗi ngày, báo *Nông nghiệp Việt Nam* hiện có các ấn phẩm phụ, gồm:

Kiến thức gia đình, Dân tộc thiểu số và Miền núi, Món ngon, Nghề nông - Nhà nông và Báo điện tử. Báo có nhiều chi nhánh và văn phòng đại diện tại các tỉnh.

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Được thành lập ngày 23/5/2005, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên, hoạt động theo loại hình sự nghiệp có thu, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định hiện hành. Trụ sở đặt tại tổ 27, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất là cơ quan dịch vụ công có chức năng tổ chức thực hiện đăng ký sử dụng đất và chỉnh lý thống nhất biến động về sử dụng đất, quản lí hồ sơ địa chính; giúp cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp trong việc thực hiện thủ tục hành chính về quản lí, sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật.

Văn phòng có nhiệm vụ: Giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Đăng ký sử dụng đất và chỉnh lý biến động về sử dụng đất theo quy định của pháp luật khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trừ trường hợp mua nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở), tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; Lập và quản lí toàn bộ hồ sơ địa chính gốc đối với tất cả các thửa đất thuộc phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh, cấp bản sao hồ sơ địa chính từ hồ sơ địa chính gốc cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Chỉnh lý hồ sơ địa chính gốc khi có biến động về sử dụng đất theo thông báo của cơ quan tài nguyên và môi trường...

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Trụ sở tại số 18 - Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên.

Là cơ quan giúp việc của Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức phục vụ hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái

Nguyên. Văn phòng có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật. Chánh Văn phòng là người đứng đầu Văn phòng, điều hành công việc chung của Văn phòng và chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Văn phòng. Các Phó Chánh Văn phòng giúp Chánh Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chánh Văn phòng. Bộ máy tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên gồm có: Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng; các phòng: Công tác Đại biểu Quốc hội, Thông tin - Dân nguyện, Hành chính - Tổ chức - Quản trị.

VĂN PHÒNG TỈNH UỶ

Được thành lập tháng 9/1945 cùng với Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên; trụ sở nằm trên đường Phan Đình Phùng, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Đây là cơ quan tổng hợp, trực tiếp tham mưu giúp việc cho Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo công tác của Đảng bộ tỉnh. Từ tháng 7/1965 là Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Thái (do 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái). Từ tháng 1/1997, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên được tái lập (do 2 tỉnh Bắc Thái tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn như trước tháng 7/1965).

Đến năm 2010, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên có 7 đầu mối trực thuộc là phòng Hành chính - Quản trị, Văn thư, Lưu trữ, Tổng Hợp, Công nghệ Thông tin, Tài chính Đảng và Nhà khách.

VĂN - VÕ

Núi, nằm trên địa phận 2 xã Văn Yên, Ký Phú, huyện Đại Từ, có toạ độ: 21°32' vĩ Bắc và 105°38' kinh Đông, cách khu du lịch Hồ Núi Cốc 15 km về phía tây bắc. Núi Văn, núi Võ là di tích gắn với tên tuổi, là quê hương Lưu Nhân Chú - một danh tướng có những đóng góp to lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh thế kỷ XV.

Núi Văn, núi Võ được Nhà nước xếp hạng Khu di tích lịch sử quốc gia năm 1981.

VĂN XUYÊN

Tổng nằm ở khu vực phía Bắc huyện Đại Từ. Trước năm 1945 gồm 3 xã, 10 làng: Xã Văn Xiển gồm 4 làng: Đồng Màng, Đồng Cọ, Ái Thượng, Bờ Đầm, Văn Lãng;

Xã Yên Cư gồm 3 làng: Khuôn Muồng, Cả, Đồng Cẩm;

Xã Vị Xuyên gồm 2 làng: Giữa và Nông.

Về cơ bản, tổng Văn Xuyên thời kỳ này tương đương với địa phận 2 xã Yên Lãng và Phú Xuyên của huyện Đại Từ ngày nay.

VĂN YÊN

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

Văn Yên là xã miền núi ở khu vực phía Nam huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị Đại Từ 12 km, phía tây - tây bắc giáp xã Mỹ Yên, phía nam giáp Vườn Quốc gia Tam Đảo, phía đông nam giáp xã Ký Phú, phía đông bắc giáp xã Lục Ba.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Văn Yên có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).*

VĂN YÊN

Xã miền núi ở khu vực phía Nam huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị 12 km; phía tây và tây bắc giáp xã Mỹ Yên, phía nam giáp Vườn Quốc gia Tam Đảo, phía đông nam giáp xã Ký Phú, phía đông bắc giáp xã Lục Ba. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Văn Yên là xã Vân Yên thuộc tổng Ký Phú, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*", Vân Yên là một trong hai xã của tổng Ký Phú. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên công bố năm 1932, là làng Vân Yên. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Vân Yên thành xã Vân Khánh. Năm 1953, xã Vân Khánh đổi thành xã Vân Yên.

Xã Văn Yên có di tích Núi Võ, cùng với di tích Núi Văn của xã Ký Phú tạo thành quần thể di tích về danh danh tướng Lưu Nhân Chú với cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược thế kỷ XV. Là xã ATK, nơi ở và làm việc của Cục Quân nhu (tại chùa Am, xóm Bậu) trong kháng chiến chống thực dân Pháp; nơi Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội sơ tán trong những năm có chiến tranh phá hoại do đế quốc Mĩ gây ra.

Hiện nay, xã Văn Yên có 15 xóm: Bầu 1, Bầu 2, Bậu 1, Bậu 2, Núi, Kỳ Linh, Mây, Cầu Găng, Đình 1, Đình 2, Giữa 1, Giữa 2, Dưới 1, Dưới 2, Dưới 3. Diện tích tự nhiên 23,7 km²; dân số (năm 2009) 6.888 người, thuộc 9 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Sán Chay, Mường, Thái, Ngái. Nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè.

Do có thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Văn Yên đã được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

VĂN YÊN

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từ 1945 đến 1953, là xã Vân Khánh, thuộc huyện Đại Từ. Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX - Các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, vùng đất Văn Yên là xã Vân Yên thuộc tổng Ký Phú, huyện Đại Từ, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên.

Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí 1886 - 1888*, cuối thế kỷ XIX, Vân Yên là một trong hai xã của tổng Ký Phú. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên, công bố năm 1932 là làng Vân Yên. Sau Cách mạng tháng Tám, làng Vân Yên đổi thành xã Vân Yên.

Sau giảm tô (1953), xã Vân Yên, với số dân 2.072 người.

VÂN ĐÀO THANH

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, quê xã Bằng Giã, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ; Phó Trưởng khoa Sau đại học Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên. Năm 1980, sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Trồng trọt Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái (nay là Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên), ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; trong năm 1982-1984, tham gia quân ngũ, công tác tại Đội 14 - Cục Hậu cần - Quân khu 1; năm 1984, trở về làm Phó Trưởng bộ môn

Cây ăn quả Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái; năm 1996, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Cây ăn quả tại Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, làm Trưởng bộ môn Cây ăn quả - Cây rau Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên...

Nhà giáo Đào Thanh Vân đã được trao tặng 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 1 *kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục*; được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2010.

VÂN NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1900, dân tộc Kinh, quê thành phố Hải Phòng; trú quán tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Vân có 2 con trai là liệt sĩ: Nguyễn Đăng Hải (nhập ngũ năm 1959, hi sinh năm 1967 tại chiến trường miền Nam) và Nguyễn Giang Nam (nhập ngũ năm 1960, hi sinh năm 1967).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Vân danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

VÂN VŨ THỊ BÍCH

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Phó Giám đốc Trung tâm Huyết học - Truyền máu, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Từ 1979 đến 1995, bà làm công tác giảng dạy bộ môn Sinh lí học Trường Đại học Y Bắc Thái; từ 1995 đến 1997, là Bác sĩ Khoa Huyết học - Truyền máu Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; năm 1997, được bổ nhiệm làm Phó Trưởng khoa Huyết học - Truyền máu và năm 2008 là Phó Giám đốc Trung tâm Huyết học - Truyền máu Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Ngoài công tác chuyên môn và công tác quản lí, Bác sĩ Vũ Thị Bích Vân còn chủ trì 11 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia 3 đề tài cấp Bộ và 10 đề tài cấp cơ sở; 7 năm là *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở. Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

VÂN HÁN

Đình, được dựng vào đầu thế kỷ XIX tại xóm Vân Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ. Đình được làm bằng gỗ, gồm 3 gian, 2 chái, có

4 góc mái lợp bằng gianh, bên trong có bắc sàn 2 bên làm nơi hội họp, giữa có thượng cung để thờ thành hoàng là thượng đẳng thần Cao Sơn Quý Minh.

Đình Vân Hán được tu sửa nhiều lần. Lần tu sửa gần nhất là năm 1974, có diện tích thu nhỏ như ngày nay. Đình gồm 3 gian được làm bằng gỗ xoan, táu và sến; mặt quay về hướng tây nam; kiến trúc nội thất theo lối kèo kìm, mái lợp ngói vuông bằng xi măng. Đình rộng 8 m, dài 10 m; xung quanh xây gạch trát vữa, hai bên đắp trụ bằng gạch trát vữa. Đình có 3 cửa, cửa giữa rộng 1,78 m, cao 1,96 m, hai cửa bên cạnh cao 1,87 m, rộng 0,93 m.

Trước cửa đình có 2 cây đa cổ thụ vài trăm năm tuổi và 1 cây dổi. Đình còn giữ được bộ kiệu, cây quán tẩy, bộ hương án, một số bát hương, lọ hoa cổ.

Năm 1951, đình Vân Hán là địa điểm tổ chức Hội nghị thuế nông nghiệp, gồm 400 đại biểu các tỉnh trong toàn quốc, do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì; dự họp còn có ông Lê Văn Hiến - Bộ trưởng Bộ Tài chính và ông Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên.

VÂN LĂNG

Tổng, thuộc châu Vũ (Võ) Nhai, trước năm 1945 gồm 7 xã (Vân Lăng, Xa Lung, Đặc Kiệt, Xuân Quang, Trung Thành, La Hiên, Lịch Sơn), 5 trại (Vũ Trấn, Nghinh Tường, Khôi Nang, Làng Mười, Đồng Bản) và phố La Hiên. Địa giới tổng Vân Lăng tương ứng các xã La Hiên, Tân Long, Văn Lăng; 1 phần xã Quang Sơn, Vũ Chấn, Nghinh Tường ngày nay.

VÂN LĂNG

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Võ Nhai, thành lập năm 1948 trên cơ sở hợp nhất 2 xã Vân Lăng và Xa Lung của tổng Vân Lăng cũ. Dân số (1954) có 1.491 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu.

Sau giảm tô (1953), xã Vân Lăng được chia thành 3 xã: Vân Lăng, Hoà Bình và Tân Long.

VÂN TRAI

Đình, do 2 thôn Thanh Vân và Thư Trai cùng góp công xây dựng khoảng cuối thế kỷ XVIII, nên được gọi chung là đình Vân - Trai; nay thuộc làng Vân Trai, xã Tân Phú, huyện Phổ Yên.

Đình là nơi thờ các vị thần hoàng là: Trương Hống, Cao Hiền, Chàng Lang, Thương Phụ và Bến Vân; còn giữ được 14 bản sắc phong của triều đại phong kiến và 1 bản thần tích của làng (bản sao chụp).

Đình Vân Trai là điểm bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khoá I của xã (1946); nơi tổ chức cuộc mít tinh lớn, đón phái đoàn Chính phủ VNDCCH (do Bộ trưởng Bồ Xuân Luật dẫn đầu) về tuyên truyền cho dân về chính sách thương binh, liệt sĩ (1947). Cuối 1947, đình bị dỡ bỏ; sau năm l954 được xây dựng lại, rồi trở thành lớp học, thành nhà kho, sân phơi của hợp tác xã nông nghiệp, nhà mẫu giáo.

Đình Vân Trai hiện tại được xây dựng năm 2007 trên đất nền xưa, xung quanh có tường cao bao bọc, có cổng đình cao rộng nhìn ra đê sông Cầu.

VẬN CUNG ĐÌNH (? - 1945)

Tuần phủ tỉnh Thái Nguyên những năm trước Cách mạng tháng Tám 1945; nổi tiếng là một quan lại hà khắc, hung bạo, một tay sai đắc lực của thực dân Pháp, một kẻ luôn thẳng tay đàn áp phong trào yêu nước và cách mạng ở Thái Nguyên. Khi làm Tuần phủ Thái Nguyên, Cung Đình Vận đã cấu kết với thực dân Pháp thiết lập một bộ máy cai trị hà khắc từ tỉnh xuống đến các châu huyện, tổng, xã. Các đồn bốt được tăng cường quân số, vũ khí. Bọn quan lại, cảnh sát, mật thám gian ác được trọng dụng trở thành một màng lưới đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng trong tỉnh. Cung Đình Vận đã tổ chức một lực lượng lớn cảnh sát, mật thám lùng sục và treo thưởng lớn cho ai bắt hoặc giết được Lôi Viết Dìu - cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ đang hoạt động ở vùng Phú Lương. Ngày 14/12/1944, tại Phố Giá (Phấn Mễ), bọn tay sai của Cung Đình Vận đã bắn chết người cán bộ cộng sản kiên trung này.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngày 10/3/1945, quân Nhật từ Hà Nội tiến lên chiếm Thái Nguyên không mất một viên đạn do chính quyền thực dân Pháp ở Thái Nguyên đầu hàng vô

điều kiện. Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận mất chức do không được quân Nhật dùng, đã chạy về Hà Nội.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Cung Đình Vận bị bắt giải lên Thái Nguyên. Tại phiên toà tổ chức ở đình Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc xóm Soi, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), Toà án cách mạng đã tuyên án tử hình Cung Đình Vận.

Bản án tử hình Cung Đình Vận được thực hiện tại đồi Bãi Tập (sân vận động) thị xã Thái Nguyên (nay là khu khán đài B sân vận động Thái Nguyên) thuộc phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

VẬN LỤC VĂN

Nhà giáo Ưu tú, quê xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn; nguyên Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Thái Nguyên. Sau khi tốt nghiệp Trường Sơ cấp Sư phạm do Liên khu Việt Bắc mở tại Thái Nguyên, tháng 7/1956, ông xung phong lên Hà Giang, được phân công về một trường cách thị xã gần 100 km, vừa là giáo viên, vừa là Hiệu trưởng.

Năm 1959, ông học Trường Trung cấp Sư phạm; sau đó tiếp tục trở lại tỉnh Hà Giang, được phân công làm Hiệu trưởng Trường Phổ thông cấp II Quang Minh; năm 1962, dạy học tại Trường Phổ thông cấp II - III Chợ Đồn (Bắc Cạn); năm 1967, theo học Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên). Sau khi tốt nghiệp, được điều về Ty Giáo dục Bắc Thái, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, rồi Phó Trưởng ti. Năm 1979, ông xin trở về quê, làm Hiệu trưởng Trường Cấp III Chợ Đồn; năm 1986, làm Hiệu trưởng Trường Sư phạm 10+3 Bắc Thái (nay là Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên); năm 1991, làm Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Thái cho đến khi về hưu.

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1992.

VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Xí nghiệp thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, tiền thân là Xưởng Vận chuyển đường sắt được thành lập ngày 15/5/1963. Xưởng có nhiệm vụ vận chuyển nguyên, vật liệu và trực tiếp vận chuyển trong dây chuyền công nghệ luyện kim của Công ty Gang thép Thái

Nguyên; sửa chữa các thiết bị vận tải, sửa chữa các trang thiết bị và thi công lắp đặt các dự án về đường sắt...

Trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt do đế quốc Mĩ gây ra, Khu Công nghiệp Gang thép phải tạm dừng sản xuất, thiết bị được sơ tán; hàng trăm công nhân đường sắt đã lên đường nhập ngũ, hàng trăm cán bộ, nhân viên đường sắt được điều động bổ sung chi viện cho than Quảng Ninh, Lào Cai, Yên Bái, và các đơn vị khác thuộc Tổng cục Đường sắt và Bộ quốc phòng.

Năm 1989, Xưởng Vận chuyển đường sắt đổi tên thành Xí nghiệp Vận tải đường sắt. Xí nghiệp có 240 cán bộ, công nhân viên, 8 đầu máy điêden, 4 đầu máy hơi nước với tổng công suất 4.160 CV, gần 150 toa xe các loại, trong đó có nhiều toa xe chuyên dùng cho sản xuất luyện kim, 3 cần cẩu đường sắt, một cần cẩu bánh lốp, trên 30 km đường sắt, trên 100 bộ ghi, hệ thống nhà xưởng sửa chữa thiết bị tương đối hoàn chỉnh. Năng lực vận tải của Xí nghiệp hiện nay trên 6 triệu tấn/km/năm.

VẬN TẢI THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 9/1/1999. Trụ sở đặt tại Tổ 13 - Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Công ty Cổ phần vận tải Thái Nguyên hoạt động kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, tàu sông, kinh doanh mua bán vật tư, than mỏ và đóng mới phương tiện vận tải ô tô...

VẬT LIỆU CHỊU LỬA THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xưởng Vật liệu chịu lửa được khởi công xây dựng tháng 2/1962 nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trong dây chuyền luyện kim của Công ty Gang thép Thái Nguyên, đồng thời góp phần vào công cuộc tái thiết đất nước.

Ngày 20/7/1965, Xưởng Vật liệu chịu lửa cho ra lò mẻ sản phẩm gạch chịu lửa đầu tiên. Tháng 2/1989, Xưởng đổi tên, nâng cấp thành Nhà máy Vật liệu chịu lửa. Ngày 2/10/2003, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 158-2003/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Vật liệu chịu lửa (Công ty Gang thép Thái Nguyên) sang hoạt động theo mô hình cổ phần.

Ngày 1/1/2004, Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên chính thức đi vào hoạt động theo mô hình mới. Năm 2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên, với quy mô và tiềm lực lớn hơn.

Sau 5 năm hoạt động theo mô hình cổ phần hoá (2004-2009), Công ty đã sản xuất và tiêu thụ gần 150.000 tấn sản phẩm chịu lửa các loại, doanh thu năm 2009 đạt 266 tỉ đồng. Lợi tức chi trả cho các cổ đông là 14% năm. Sản phẩm của Công ty có mặt trong các dự án lớn như: dây chuyền mới Xi măng Bỉm Sơn; Xi măng Bút Sơn; Xi măng Hoàng Thạch; Xi măng Tam Điệp; Lò điện luyện thép (Công ty Gang thép Thái Nguyên)... và các nước trong khu vực, như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đan Mạch, Đài Loan, Inđônêxia.....

Công ty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: 3 *Huân chương Lao động (hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba)*; Cờ thi đua của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Bằng khen của BCH Liên đoàn Lao động Tỉnh Thái Nguyên...

VẬT TƯ

Cầu, được xây dựng năm 1970 tại Km 26+914 - Tỉnh lộ 268, thuộc địa bàn xã Kim Sơn, huyện Định Hoá. Cầu có dạng kết cấu nhịp trên dầm bê tông cốt thép, nhịp dầm đơn; mố, trụ, móng xây đá. Cầu dài 17,4 m, rộng 4 m. Tải trọng thiết kế H13 - X60. Tải trọng khai thác biển báo 17 tấn.

VĨEN NÀ

Cầu treo, được xây dựng năm 2002 tại địa phận xã Bình Long, huyện Võ Nhai. Cầu dài 71 m, nhịp dài 71 m; mố cầu được làm bằng bê tông cốt thép. Cầu có tải trọng 2,5 tấn, chỉ đảm bảo cho xe máy, xe thô sơ qua lại.

VICTORY

Khách sạn, đặt tại số 68 - Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Khách sạn VICTORY có 15 phòng nghỉ, đạt tiêu chuẩn 2 sao.

VIÊN MA VĂN

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, dân tộc Tày; quê xã Tân Dương, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi nhập ngũ, đồng chí Ma Văn Viên được điều về đơn vị công binh làm nhiệm vụ xây dựng các công trình quốc phòng. Khi làm nhiệm vụ sử dụng máy khoan nặng để khoan đá, đục đường hầm, đồng chí đã phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đưa năng suất lao động lên 150% so với chỉ tiêu. Khi làm nhiệm vụ phá đá, đồng chí đã đạt năng suất 300% so với chỉ tiêu, cao nhất đại đội, góp phần đưa Tiểu đội do đồng chí phụ trách hoàn thành vượt mức kế hoạch 27%. Đồng chí xung phong đi làm nhiệm vụ đổ bê tông hàng tháng liền; thường xung phong làm việc ở những nơi đất, đá dễ bị sụt lở, nhiều nguy hiểm; đã dũng cảm, mưu trí 2 lần cứu đồng đội khỏi bị đất lở vùi lấp. Đồng chí đã được tỉnh tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 4 lần được bầu là *Chiến sĩ Thi đua*.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, năm 1970, đồng chí Ma Văn Viên đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

VIỄN

Đình, thuộc Cụm di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đình - chùa Viễn, đền Đót và nghè Mét ở làng Núi, xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Đình Viễn trước đây có 3 gian lớn, cột to một người ôm, phía trên có vẽ rồng đến tận nóc, 2 bên có lát sàn bằng gỗ. Đình bị phá huỷ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Năm 2003, đình được phục hồi với kiến trúc theo kiểu chữ ĐINH. Toà đại đình có 3 gian, dài 11,5m, rộng 7,5m, mái lợp ngói vẩy cá và hậu cung nhỏ. Đình thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII). Hiện vật lưu giữ tại đình là bản sao 3 sắc phong vào năm Tự Đức thứ 33 (1880), năm Duy Tân thứ 3 (1909) và năm Khải Định thứ 9 (1924); nhiều chân kê bằng đá có kích thước lớn.

Đình Viễn là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử gắn với phong trào đấu tranh cách mạng và trưởng thành của Đảng bộ, chính quyền nhân dân xã Dương Thành. Tháng 8/1945, từ đình Viễn, đội du kích và nhân dân địa phương đã xuất phát đi đánh đồn Trị Cụ phá kho thóc để chia cho dân nghèo. Đình là nơi làm việc của Ủy ban Kháng chiến Hành chính và Đội

du kích Nỗ Dương. Trong những năm 1947 - 1949, đình, chùa Viễn là nơi ở và làm việc của Tiểu đoàn Thiên Đức tỉnh Bắc Ninh.

Đình Viễn được xếp hạng di tích cấp Tỉnh tại Quyết định số 2716/QĐ-UBND ngày 11/1/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

VIỄN

Chùa, được xây dựng khoảng cuối thế kỷ XIX ở làng Núi, xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Chùa được tu bổ 3 lần, gần đây nhất vào năm 1995. Chùa quay hướng đông nam, kiến trúc theo kiểu chuôi vồ.

Tiền đường có 5 gian, 2 dĩ, dài 14 m, rộng 4,5 m. Hậu cung hình vuông, rộng 16 m^2. Bàn thờ Tam bảo đặt tượng tam thế. Hành lang tam bảo có hàng tượng Thập điện Diêm Vương, trong cùng có tượng Quan Âm toạ sơn và Quan Âm tống tử. Nhà tiền đường có tượng Khuyến thiện và Trừng ác, các bàn thờ Đức Ông và Thánh Hiền. Hiện vật lưu giữ tại chùa gồm 4 pho tượng bằng gỗ, 2 pho tượng bằng đất, 1 bát hương bằng đất nung, 1 bài vị.

Chùa Viễn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng Di tích năm 2010.

VIỄN THÔNG THÁI NGUYÊN

Được thành lập từ ngày 1/1/2008 trên cơ sở chia tách Bưu điện tỉnh Thái Nguyên thành Bưu điện Thái Nguyên và Viễn thông Thái Nguyên. Sau khi thành lập, Viễn thông Thái Nguyên tiếp nhận toàn bộ cơ sở hạ tầng về viễn thông và công nghệ thông tin. Trụ sở cơ quan đặt tại số 10 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Thái Nguyên.

Viễn thông Thái Nguyên hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực: Điện thoại Cố định, fax, Di động Vinaphone, Mobiphone cố định không dây Gphone, Internet băng rộng ADSL - FiberVnn, truyền hình theo yêu cầu MyTV; Dịch vụ truyền số liệu thuê kênh riêng; Dịch vụ chứng thực chữ ký số VNPT-CA; Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng như: hiển thị số, báo thức, chuyển cuộc gọi, hộp thư thoại VoiceMail...; Cung cấp các thiết bị: Tổng đài nội bộ, điện thoại để bàn, điện thoại kéo dài, máy fax, điện thoại di động, máy tính, máy văn phòng...; Thiết kế, xây dựng mạng Viễn thông cho các Doanh nghiệp, cơ quan; Sửa chữa, nâng cấp các thiết bị

viễn thông, tin học; Tư vấn, giải đáp thông tin qua dịch vụ 1080, hộp thư thoại 801108 và dịch vụ tư vấn1088.

Kể từ ngày thành lập, Viễn thông Thái Nguyên luôn được nhận Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông, Bằng khen của Bộ, Cờ thi đua, Bằng khen của Tập Đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Cờ thi đua, Bằng khen của Công đoàn Bưu điện Việt Nam; Cờ thi đua và Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

VIẾT NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1911, dân tộc Tày, quê xã Kim Trân, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; trú quán tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Viết có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Văn Đặng (nhập ngũ tháng 11/1966, hi sinh ngày 25/9/1972 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Viết danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

VIỆT HỒ ĐỨC

Bí thư Tỉnh uỷ, sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; trú quán thành phố Hà Nội.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1967, Ủy viên TW Đảng khoá VII (giữa nhiệm kỳ), khoá VIII. Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (11/1999 - 9/2002), Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương (10/2002 - 4/2006). Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006), đồng chí được bầu là Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Bí thư Trung ương Đảng.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhất.*

VIỆT BẮC

Công ty (Việt Bắc VIB); được thành lập năm 1989, là doanh nghiệp Nhà nước được xếp hạng I; được thành lập lại theo Quyết định số 458/QĐ-QP, ngày 17/4/1996 và tổ chức lại theo Quyết định số

136/2003/QĐ-BQP ngày 15/9/2003. Trụ sở chính đặt tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng công nghiệp dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện vừa và nhỏ, cấp thoát nước, đường dây và trạm biến áp đến 110kv; Xây dựng cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng và xử lý nền móng công trình; Quy hoạch, tư vấn, khảo sát thiết kế các công trình giao thông, xây dựng dân dụng, thuỷ lợi, thuỷ điện vừa và nhỏ, cấp thoát nước; Thí nghiệm hiện trường; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác và chế biến khoáng sản: Đá Đôlômít...

VIỆT BẮC

Khu Tự trị, là một đơn vị hành chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tồn tại từ năm 1956 đến năm 1975.

Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập theo Sắc lệnh số 268-SL ngày 1/7/1956 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trước đó, từ năm 1948 đã tồn tại Liên khu Việt Bắc.

Khu Tự trị Việt Bắc bao gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ hai huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang (nhập vào tỉnh Lạng Sơn). Huyện Phổ Yên nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc, đến 15/6/1957 lại trả về tỉnh Thái Nguyên (trừ xóm Thông, xã Thuận Thành nhập vào xã Hồng Kỳ, huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc). Huyện Phú Bình nhập vào tỉnh Bắc Giang, đến 15/6/1957 lại trả về tỉnh Thái Nguyên. Thủ phủ Khu Tự trị Việt Bắc là thị xã Thái Nguyên.

Tỉnh Hà Giang sáp nhập vào Khu Tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 20-SL ngày 23/3/1959 của Chủ tịch nước.

Hệ thống tổ chức hành chính của Khu Tự trị Việt Bắc có 4 cấp: khu, tỉnh, huyện, xã. Bộ máy chính quyền Khu Tự trị gồm có: Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính. Thành phần Hội đồng nhân dân phải có đủ đại biểu các dân tộc.

Bí thư Khu Tự trị Việt Bắc là đồng chí Chu Văn Tấn. Chủ tịch Khu Tự trị Việt Bắc là đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Phó Bí thư Thường trực.

Khu Tự trị Việt Bắc tồn tại cho tới ngày 27/12/1975 thì giải thể cùng với Khu Tự trị Tây Bắc, đồng thời những quy định trong Hiến pháp nước

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1959 về cấp khu tự trị cũng bị bãi bỏ theo Quyết định của Quốc hội khoá V, kỳ họp thứ 2.

VIỆT BẮC

Nhà hát Ca múa nhạc dân gian, tiền thân là Đội Văn công Liên khu Việt Bắc, thành lập năm 1953.

Năm 1957, Đội mang tên mới là Đoàn Văn công nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc và nay là Nhà hát ca múa nhạc dân gian Việt Bắc, sau đổi thành Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc. Năm 2005, Đoàn Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc chuyển đổi thành Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc, trực thuộc Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch. Trụ sở đặt tại đường Chu Văn An, tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Nhà hát có nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn, phát triển, giới thiệu nghệ thuật dân gian, dân tộc vùng Việt Bắc với nhân dân cả nước và các nước trên thế giới.

Trên nửa thế kỷ hoạt động, Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc đã khai thác được những tinh hoa nghệ thuật âm nhạc và múa của các dân tộc ít người vùng Việt Bắc để nâng cao, phát triển thành những tiết mục, chương trình nghệ thuật đặc sắc; nhiều tiết mục được coi là tiết mục kinh điển của nghệ thuật múa dân gian Việt Nam. Chương trình nghệ thuật của Nhà hát đã được giới thiệu với nhiều nước, tham gia các liên hoan khu vực và quốc tế, như Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italia, Rumania, Ấn Độ, Bangladesh, Liên Xô (cũ), Ba Lan, Brunei, Malaysia, Trung Quốc, Đài Loan, Lào, Campuchia...

Nhà hát đã được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động* (hạng Nhì và Ba), nhiều Bằng khen và các giải thưởng trong nước, quốc tế; đã giành nhiều giải thưởng lớn, nhiều *Huy chương Vàng* trong các kỳ liên hoan, hội diễn trong nước và quốc tế. Nhiều cán bộ, nghệ sĩ, diễn viên của đoàn được phong tặng danh hiệu *Nghệ sĩ Nhân dân*, *Nghệ sĩ Ưu tú*.

VIỆT BẮC

Nhà máy sản xuất kẽm và phân bón, được xây dựng từ tháng 12/2005 thuộc cụm công nghiệp nhỏ Điềm Thuỵ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chủ đầu tư của Nhà máy là Công ty liên doanh kim loại mầu Việt Bắc. Trong đó, có sự liên kết giữa ba Công ty: Công ty Khoáng

sản Bắc Kạn (30% vốn), Công ty Cổ phần Kim Sơn Thái Nguyên (40% vốn) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản luyện kim mầu Húc Chúng, thành phố Cá Cựu, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (30% vốn).

Nhà máy kinh doanh các ngành nghề: Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản: Chì, kẽm, sắt, đồng, appatit, titan, và một số loại khoáng sản khác theo quy định; Thu mua các loại khoáng sản: chì, kẽm, sắt, đồng, appatit và một số loại khoáng sản khác có nguồn gốc hợp pháp để phục vụ dự án đầu tư sản xuất kẽm và phân bón Việt Bắc; Sản xuất kẽm kim loại, bột kẽm ô xít, phân lân, bã đồng, axit Sunfuaric, bã chì, bột ô xít sắt để phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; Dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hoá và xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng.

VIỆT BẮC TAXI

Công ty Cổ phần, được thành lập năm 2008. Trụ sở đặt tại số 10 - Tổ 11 đường Mỏ Bạch, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên.

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực vận tải hành khách bằng phương tiện taxi; vận tải hành khách du lịch; cho thuê xe tự lái.

Công ty đã được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì.*

VIỆT CƯỜNG

Làng nghề làm miến dong, thuộc xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ. Làng nghề Miến Việt Cường hiện có hơn 50 hộ/110 hộ tham gia làm miến. Chính quyền địa phương có nhiều chính sách hỗ trợ giàn phơi, thùng quấy bột, máy móc sản xuất cho các hộ sản xuất. Trung bình một ngày, làng nghề sản xuất được khoảng 6 tấn miến, có nhiều hộ sản xuất được từ 3 đến 4 tạ. Nhiều hộ mỗi năm thu lãi 200 - 300 triệu đồng.

Vùng nguyên liệu dong riềng của làng nghề tập trung ở 3 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu và Bắc Kạn. Hằng năm, bình quân mỗi hộ bỏ ra trên dưới 100 triệu đồng ứng vốn trước không lãi cho người dân các địa phương trên mua giống, vật tư, phân bón. Sản phẩm miến dong Việt Cường đã có mặt ở khắp các tỉnh 3 miền Bắc, Trung, Nam, nhất là ở các thành phố lớn. Chất lượng đã làm nên uy tín và thương hiệu Miến dong Việt Cường.

VIỆT HƯNG

Nơi đặt Xưởng Quân giới Phan Bôi (1950 - 1954). Vị trí di tích ở gò Cung Đường và một quả đồi liền kề thuộc xóm Việt Hưng, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

Xưởng Quân giới Phan Bôi thuộc Cục Quân giới chuyên sản xuất các loại vũ khí thô sơ và lựu đạn cung cấp cho tiền tuyến trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Nơi đặt Xưởng Quân giới Phan Bôi xưa không còn, ngày nay chỉ còn lại ít dấu vết.

VIỆT Ý

Nhà máy gạch ốp lát, xây dựng năm 2003 trên khuôn viên rộng 5 ha tại Khu Công nghiệp Sông Công I; đến tháng 12/2004, chính thức đi vào sản xuất với 200 cán bộ, công nhân; là thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Sản phẩm chính của nhà máy là gạch ốp lát cao cấp với nhiều mẫu mã đa dạng, phù hợp với nhu cầu thị trường. Hiện nay, sản phẩm gạch ốp lát của Nhà máy đều đạt tiêu chuẩn châu Âu (EN 177- BHA).

VINH NGUYỄN VIỆT

Phó Bí thư Tỉnh ủy (tên khai sinh: Ma Doãn Thành), sinh năm 1918, dân tộc Tày, quê xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Ông trú quán tại phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1945; vào Đảng năm 1946; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Thái (1965 - 1976). Từ trần năm 1996 tại thành phố Thái Nguyên.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huy chương Vì sự nghiệp Đại đoàn kết dân tộc, Huy chương Vì giai cấp nông dân Việt Nam.*

VINH HOÀ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Đại Từ, được thành lập năm 1946, trên cơ sở hợp nhất 3 xã: Vinh Quang (trước là xã Phú Lạc), Hùng Cường (trước là xã Bản Ngoại) và Phú Minh.

Sau giảm tô (1953), xã Vinh Hoà được tách thành 3 xã: Vinh Quang (sau này lấy lại tên cũ là xã Phú Lạc), Hùng Cường (sau này lấy lại tên cũ là Bản Ngoại) và Phú Thịnh.

VINH SƠN

Xã ở khu vực phía Tây thị xã Sông Công, thành lập ngày 10/4/1999 trên cơ sở 4,10 km² diện tích tự nhiên và 404 nhân khẩu của xã Bá Xuyên, 3,82 km² diện tích tự nhiên và 1.119 nhân khẩu của xã Cải Đan (theo Nghị định số 18/ND-CP ngày 10/4/1999 của Chính phủ). Phía bắc giáp xã Bình Sơn, phía nam giáp xã Minh Đức (huyện Phổ Yên), phía đông giáp 2 phường Thắng Lợi và Mỏ Chè, phía tây giáp xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên).

Địa hình phức tạp do đồi, núi, khe suối chia cắt, ruộng đất canh tác không tập trung. Sông Công chảy dọc phía đông. Diện tích tự nhiên 7,92 km². Dân số (năm 2009) 2.212 người, thuộc 6 thành phần dân tộc: Tày, Nùng, Sán Dìu, Mường, Dao, Kinh sinh sống ở 6 xóm: Sơn Tía, Bờ Lở, Tân Sơn, Vinh Quang 1, Vinh Quang 2, Vinh Quang 3.

Nhân dân xã Vinh Sơn chủ yếu sản xuất nông nghiệp, cây trồng có thế mạnh là cây chè. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ đồ gỗ Hoàng Nam. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Hưng Nam, Doanh nghiệp chè Hạnh Nguyệt đóng trên địa bàn xã.

VINH SƠN

Kênh mương dẫn nước từ đập chính hồ Núc Nác thuộc địa phận xã Vinh Sơn, thị xã Sông Công, đảm bảo cung cấp nước tưới 79 ha đất canh tác.

VINH SƠN

Suối, khởi nguồn từ xã Bình Sơn qua xã Vinh Sơn thuộc thị xã Sông Công rồi đổ vào sông Công. Suối Vinh Sơn dài 5 km, tạo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông - lâm nghiệp của xã Vinh Sơn.

VO LÊ THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1919, dân tộc Kinh, quê xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; thường trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Lê Thị Vo có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Văn Đại (nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1975)

Ngày 17/12/2002,Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Lê Thị Vo danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

VÔ NGUYỄN THỊ (YẾN)

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1909, quê quán xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ Nguyễn Thị Vô có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hải (nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1973 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

VÕ NHAI

Cuộc chiến đấu chống địch khủng bố tháng 11/1944.

Đứng trước tình hình bị địch bao vây, khủng bố khốc liệt, Ban Lãnh đạo Phân khu A (thuộc Chiến khu Hoàng Hoa Thám), gồm các đồng chí Hà Châm, Trần Minh Châu, Thái Long họp bàn đi đến quyết định tổ chức đấu tranh vũ trang chống địch khủng bố, bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân. Mở đầu cuộc chiến đấu, ngày 8/11/1944, Cứu quốc quân tiêu diệt 2 tên Phó tổng Ty và Tổng đoàn Thiện; đêm 12/11, tổ chức đánh bốt Quang Thái và đồn Đình Cả, tịch thu một số súng của lính dõng, bắt 10 tên mật thám ở Lâu Thượng. Ngày 13/11, vừa đánh bốt Quang Thái, Cứu quốc quân vừa chặn địch ở cầu Trúc Mai, gốc đa La Hoá và ở đoạn đường từ Đình Cả lên Mỏ Gà diệt nhiều tên. Ngày 17/11 tại dốc Đất Đỏ, 20 cán bộ chiến sĩ Cứu quốc quân với 15 tay súng trường đã kiên cường chặn đánh 300 tên địch từ tỉnh lị Thái Nguyên lên tiếp viện cho đồng bọn ở Võ Nhai, diệt và làm bị thương nhiều tên địch, thu 3 khẩu súng. Ngày 18/11, Cứu quốc quân phục kích tại Đình Cả bắn bị thương Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận.

Từ cuối tháng 11, địch điều quân tăng cường khủng bố. Ngày 26/11, chúng bắt 120 người dân đưa về trại tập trung ở hang Bụt (La Hiên); ngày 27/11, địch huy động tiếp hàng trăm quân từ Bắc Sơn xuống, từ

Thái Nguyên lên bao vây, tấn công Cứu quốc quân tại hang Mỏ Gà lúc đó có 373 hộ gia đình với 1.500 người cùng 75 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ ẩn nấp. Lợi dụng sườn dốc, Cứu quốc quân và tự vệ làm sàn đá, bẫy đá, đẩy lui nhiều đợt tấn công của địch. Nhiều tên lính khố đỏ, lê dương hung hăng trèo lên đến gần cửa hang bị bẫy đá, sàn đá của ta sập xuống đè chết tại chỗ hoặc hất xuống tận chân núi. Tuy vậy, do lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, Cứu quốc quân và đại đa số nhân dân phải rút khỏi hang.

VÕ NHAI

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Từ sau ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), huyện Võ Nhai là một trong những nơi tiếp nhận các cơ quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu chuyển đến. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai lãnh thêm một trách nhiệm nặng nề: Vừa tiếp tục bảo vệ các cơ quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu đóng trên địa bàn huyện, vừa lo bảo vệ cửa ngõ phía Đông của An toàn khu (ATK) Trung ương. Thu - Đông 1947, quân và dân Võ Nhai phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực chặn đánh địch rất quyết liệt, gây cho chúng nhiều thiệt hại, góp phần đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc.

Ngoài nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan Trung ương và Liên khu đóng trên địa bàn, nhân dân huyện Võ Nhai còn động viên con em xung phong tòng quân, tham gia chiến đấu trên các chiến trường; huy động hàng ngàn dân công phục vụ các chiến dịch; bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống... Riêng trong năm 1952, nhân dân trong huyện đã đóng góp 13.350 ngày công cho mặt trận giao thông vận tải.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Võ Nhai đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424KT/CTN, ngày 22/8/1998, phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

VÕ NHAI

Huyện miền núi, vùng cao của tỉnh Thái Nguyên; phía bắc giáp 2 huyện Chợ Mới và Na Rì (tỉnh Bắc Kạn), phía đông giáp 2 huyện Bắc Sơn, Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn), phía tây giáp huyện Đồng Hỷ (tỉnh Thái Nguyên), phía nam giáp huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang). Tính đến năm 2010, diện tích toàn huyện 839,5 km². Dân số 64.708 người thuộc các thành phần dân tộc: Kinh, Nùng, Tày, Dao, Mông, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa... cư trú ở 14 xã và 1 thị trấn.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, tên gọi và địa giới huyện Võ Nhai luôn biến động. Thời thuộc nhà Đường gọi là huyện Vũ Lễ; đến thời Lý - Trần (thế kỷ XI - XIV), gọi là châu Vạn Nhai. Thời thuộc Minh (1407 - 1427) đổi thành châu Vũ Lễ. Đầu thời nhà Lê (thế kỷ XV), châu Vũ Lễ đổi thành huyện Võ Nhai, thuộc phủ Phú Bình, do phiên thần họ Ma nối đời cai quản. Đầu đời Nguyễn Gia Long (từ năm 1802) vẫn theo như thế. Đến năm Minh Mạng thứ 16 (1835), huyện Võ Nhai gồm 8 tổng và 29 xã, trại, cai trị theo chế độ lưu quan. Đời Đồng Khánh (1885 - 1888), huyện Võ Nhai có 8 tổng, gồm 28 xã, trại.

Huyện lị thời trước đặt ở xã Lâu Thượng; đến đời Đồng Khánh chuyển vào xã Chàng (Tràng) Xá. Năm 1894, chính quyền thực dân Pháp cắt các tổng Bắc Sơn, Nhất Thể, Quỳnh Sơn, Tân Tri, Vĩnh Yên ra khỏi huyện Võ Nhai để thành lập châu Bắc Sơn, thuộc tỉnh Lạng Sơn; huyện Võ Nhai được đổi thành châu Võ Nhai, gồm 6 tổng: Lâu Thượng, Tràng Xá, Phương Giao, Cúc Đình, Thượng Nùng, Vân Lăng với 22 xã, 1 phố, 5 trại. Ngày 25/3/1948, Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 148-SL bỏ các đơn vị hành chính cấp phủ, châu, quận, tổng; châu Võ Nhai đổi thành huyện Võ Nhai, gồm 17 xã: Nghinh Tường, Vân Lăng, Vũ Chấn, Hoà Bình, Xuân Quang, Phương Giao, La Hiên, Phú Thượng, Dân Tiến, Thần Sa, Thượng Nung, Lịch Sơn, Cường Thịnh, Tràng Xá, Bình Long, Cúc Đường và Lâu Thượng. Ngày 22/12/1949, theo Nghị định số 224-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thôn Sảng Mộc (xã Yên Hân, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn) được sáp nhập vào xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai. Ngày 1/6/1985, theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, 4 xã: Tân Long, Hoà Bình, Quang Sơn và Vân Lăng của huyện Võ Nhai được cắt về huyện Đồng

Hỷ. Ngày 25/10/1990, thị trấn Đình Cả được thành lập theo Quyết định số 454/TCCP của Ban Tổ chức Chính phủ.

Võ Nhai là vùng đất giàu truyền thống cách mạng. Mùa xuân năm 1937, tổ chức Đảng đầu tiên của huyện (và là tổ chức Đảng thứ 2 của tỉnh Thái Nguyên) được thành lập ở xã Phú Thượng với 3 đảng viên. Ngày 15/9/1941, Trung đội Cứu quốc quân 2 (một trong những tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam) được thành lập tại rừng Khuôn Mánh, xã Tràng Xá...Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ và chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, huyện Võ Nhai đã tiễn hàng ngàn thanh niên lên đường nhập ngũ, trong đó có 465 người đã anh dũng hi sinh, được công nhận liệt sĩ, 148 thương binh, 70 bệnh binh...; 10 bà mẹ được tặng danh hiệu *Mẹ Việt Nam anh hùng*, 1 cá nhân được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Võ Nhai; các xã Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Tràng Xá, Liên Minh đã được phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

Nền kinh tế của huyện từ sản xuất nông nghiệp, khai thác lâm thổ sản đang từng bước có sự chuyển dịch cơ cấu. Công ty Cổ phần xi măng La Hiên, Cụm công nghiệp Trúc Mai cùng với nhiều xí nghiệp, nhà máy mọc lên đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp... Toàn huyện hiện có 71 trường học từ mầm non tới Trung học phổ thông (trong đó có 3 trường trung học phổ thông, 1 trường Phổ thông dân tộc nội trú, 1 Trung tâm giáo dục thường xuyên, 66 trường học mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở, phổ thông 2 cấp)...

VÓ NGỰA

Cầu, được xây dựng lại năm 2002, bắc qua suối Vó Ngựa trên tuyến Quốc lộ 37, thuộc địa phận phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên. Cầu có lý trình 116,65, chiều dài 30,9 m, chiều rộng 10 m, khẩu độ % thoát nước 17 m, chiều dài mỗi nhịp 18 m, kết cấu bê tông cốt thép. Mố

móng và thân móng được làm bằng bê tông cốt thép, tải trọng H30 x B80. Chất lượng cầu tốt.

VÕNG

Dốc, thuộc địa phận xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, dài hơn 200 m, từ Km 77+200 đến Km 77+400 trên Quốc lộ 3. Dốc Võng cao ở hai đầu và trũng ở đoạn giữa nên có tên "Võng".

Tại dốc Võng, ngày 10/12/1947, bộ đội phục kích quân Pháp khi chúng mở cuộc hành quân Xanhtuya tấn công vào Căn cứ địa Việt Bắc. Nơi đây hiện có Trạm Kiểm lâm kiểm soát việc vận chuyển lâm sản từ các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn về.

VÔ TRANH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Vô Tranh huyện Phú Lương là nơi đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị quân đội: Xưởng Quân giới Phan Bôi của Liên Khu Việt Bắc (1950 - 1954); Xưởng quân giới Hạ Bằng của Liên Khu Việt Bắc (1950 -1954); Phân viện 5 quân y (1950 - 1953); Trường Quân y (1950 - 1954)... Nhân dân các dân tộc xã Vô Tranh một lòng phục vụ kháng chiến; bảo vệ cán bộ, bộ đội,; chăm sóc thương, bệnh binh; nhường nhà, cung cấp lương thực, thực phẩm cho các đơn vị đóng quân trên địa bàn.

Do lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vô Tranh đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.*

VÔ TRANH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Nam huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Tức Tranh, phía đông giáp xã Minh Lập (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp xã Cổ Lũng và xã Sơn Cẩm, phía tây giáp xã Phấn Mễ và thị trấn Giang Tiên. Thời kỳ trước năm 1945, xã Vô Tranh nằm trong tổng Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

Diện tích tự nhiên 1.837,6 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 1.461,1 ha (80%), nhóm đất phi nông nghiệp 375,04 ha (20%), còn lại là

nhóm đất chưa sử dụng. Dân số 9.120 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Sán Dìu cư trú ở 25 xóm: Bình Long, Cầu Bình 2, Cầu Bình 1, Liên Hồng 3, Liên Hồng 7, Liên Hồng 4, Liên Hồng 2, Liên Hồng 1, Liên Hồng 5, Liên Hồng 6, Liên Hồng 8, Tân Bình 3, Tân Bình 4, Tân Bình 2, Tân Bình 1, Toàn Thắng, Trung Thành 3, Trung Thành 4, Trung Thành 2, Trung Thành 1, Thống Nhất 3, Thống Nhất 4, Thống Nhất 2, Thống Nhất 1, xóm 1/5.

Nghề chính của người dân là trồng lúa, trồng và chế biến chè, long vải, nhãn. Sản phẩm của các làng nghề chè, long vải nhãn ở Vô Tranh được bán trên địa bàn nhiều tỉnh và xuất ra nước ngoài. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã công nhận xóm Tân Bình là làng nghề trồng và chế biến chè và 2 xóm Bình Long, Liên Hồng 8 là Làng nghề trồng và chế biến chè, long vải nhãn.

Vô Tranh là xã có địa hình dạng đồi, núi thấp. Sông Cầu chạy dọc toàn bộ khu vực phía đông xã (5 km), đồng thời là địa giới tự nhiên giữa huyện Phú Lương và huyện Đồng Hỷ. Sông Đu chảy ngang tận cùng phía Nam xã, là địa giới tự nhiên 10,2 km giữa Vô Tranh và Cổ Lũng. Suối Đan Khê, có đoạn chảy trên đất Vô Tranh dài 5 km để nhập vào sông Cầu. Suối Khe Cốc, có đoạn 5,3 km chảy trên đất Tức Tranh để rồi nhập vào sông Đu tại nơi giáp ranh Vô Tranh - Cổ Lũng.

Vô Tranh là xã có truyền thống lịch sử vẻ vang và có nhiều di tích lịch sử văn hoá. Chùa Lau, chùa Dưới, chùa Lươn, chùa Lan, đình Trên, nghè Làng Huyện (còn dấu vết nền). Đình Cầu Guốc, ở xóm Việt Hưng. Đình Dưới, ở xóm Thống Nhất. Đền Bến Tầu ở xóm Toàn Thắng. Đền Giáp Lươn ở xóm Trung Thành. Bến Tàu là nơi an táng cụ Lương Ngọc Quyến, một trong hai vị thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Đồng Bèn là nơi đặt Xưởng Quân giới Hạ Bằng (1950). Đồng Quan - nơi Trường Quân y đóng quân (1947 - 1954). Làng Chiềng - nơi đặt Phân viện 5 (1950 - 1953). Xóm Việt Hưng, xóm Tân Bình, Toàn Thắng nơi đặt Xưởng Quân giới Phan Bôi (1950 - 1954). Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Vô Tranh là nơi đặt trận địa tên lửa bắn máy bay Mĩ của bộ đội ta.

VÔ TRANH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946; chính là xã Vô Tranh của tổng Cổ Lũng cũ.

Về vị trí địa lí, xã Vô Tranh phía bắc giáp xã Tân Phú, phía đông giáp sông Cầu (bên kia sông là huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp xã Cổ Lũng, phía tây giáp xã Phấn Mễ. Vô Tranh gồm có các thôn: Biểu thôn, Bảo Bình, Cầu Guốc, Cây Lương. Về cơ bản, đại xã Vô Tranh tương ứng với địa phận xã Vô Tranh của huyện Phú Lương ngày nay.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Vô Tranh là nơi đóng quân của một số đơn vị quân y. Xóm Chiềng là nơi Viện Quân y 5 thuộc Liên khu III đóng quân trong những năm từ cuối 1949, đầu 1950 đến 1953 để cứu chữa thương, bệnh binh; xóm Đồng Quan là nơi đặt Trường Quân y Liên khu III - nơi đào tạo chiến sĩ Quân y cho các chiến trường trong những năm từ 1950 đến 1954. Vô Tranh còn là nơi ở, làm việc của Ủy ban Kháng chiến Hành chính và Ty Ngân khố tỉnh Thái Nguyên, Trường Quân chính Việt Bắc, Xưởng giấy Hoàng Văn Thụ...

Do có những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vô Tranh đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

VŨ MÔNG ĐÔNG

Nhà biên kịch, sinh ngày 7/10/1950 tại xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá, thường trú tại tổ 4 phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; dân tộc Tày. Thuở nhỏ, ông học phổ thông tại Định Hoá; Từ 1968 đến 1976, là bộ đội lái xe Trường Sơn và Mặt trận B5. Năm 1976, xuất ngũ chuyển ngành về công tác tại Huyện đoàn, rồi Phòng Văn hoá - Thông tin huyện Định Hoá. Từ 1983 đến 1986, học tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội; ra trường về công tác tại ngành Văn hoá Thông tin Bắc Thái. Từ 1995 đến 2001, là Trưởng đoàn chèo Thái Nguyên. Từ 2001 đến khi nghỉ hưu (2010), là Giám đốc Trung tâm Văn hoá - Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

Mông Đông Vũ là tác giả của một số kịch bản sân khấu được dàn dựng thành công. Kịch bản *Nữ thần vàng* của ông được NSND Doãn Hoàng Giang dàn dựng cho đoàn kịch nói Bắc Thái, đoạt *Huy chương Vàng* Hội

diễn sân khấu kịch nói và giải B Giải thưởng 5 năm Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Thái (1990). Ông còn là tác giả các kịch bản *Trái tim người mẹ* (kịch dài), *Điệu nhảy Ma la đôn* và nhiều kịch ngắn khác.

Ông là nhà nghiên cứu khá sâu sắc về Văn hoá trà Việt nói chung, Văn hoá trà Thái Nguyên nói riêng; là người khởi xướng, dàn dựng màn giới thiệu ẩm thực Văn hoá trà Thái Nguyên.

VŨ CHẤN

Suối, gồm nhiều nhánh khe, đều bắt nguồn từ các dãy núi của xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai.

Tính theo dòng có khởi nguồn xa nhất cho đến kết thúc tại tây nam, xã Vũ Chấn, giáp ranh với xã Cúc Đường, thì suối Vũ Chấn có chiều dài khoảng 23 km. Từ Cúc Đường, suối gặp dòng suối chảy từ Nghinh Tường - Sảng Mộc - Thượng Nung, hợp lưu tại Nước Hai (địa phận Cúc Đường). Từ đây, suối chảy qua chân thác Mưa Rơi về Thần Sa, qua khu vực mái đá Ngườm về Hạ Sơn và hợp lưu với sông Cầu. Các nhánh của suối Vũ Chấn có tên gọi như sau:

- Khuối Lạn, bắt nguồn từ dãy núi Khau Kheo thuộc địa phận xóm Thâm Thạo của xã Nghinh Tường (phía đông bắc xã Vũ Chấn), cách trung tâm xã Vũ Chấn khoảng 16km.

- Khuối Khê, bắt nguồn từ núi Khau Kheo, cách trung tâm xã Vũ Chấn khoảng 14 km. Khuối Lạn và Khuối Khê gặp nhau tại đầu xóm Na Cà. Sau hợp lưu này được gọi là Khuối Luông (suối lớn).

- Khuối Cáo, bắt nguồn từ Khau Cáo thuộc địa phận xóm Khe Nọi (xã Vũ Chấn), cách trung tâm xã khoảng 12 km, hợp lưu với suối Khuối Luông tại địa phận xóm Na Cà.

- Khuối Rịa, bắt nguồn từ Khau Kheo (phía đông nam xã), khởi nguồn tại xóm Khe Rịa, cách trung tâm xã khoảng 11 km, hợp lưu với suối Khuối Luông tại địa phận xóm Na Đồng (xã Vũ Chấn).

- Khuối Rạc, bắt nguồn từ Thượng Cằng (phía nam xã), giáp Cao Biền (xã Phú Thượng), thuộc xóm Cao Sơn, cách trung tâm xã khoảng 11 km, hợp lưu với suối Khuối Luông tại địa phận xóm Na Rang (xã Vũ Chấn).

- Khuối Thà, bắt nguồn từ Khau Kheo (phía nam xã), khởi nguồn thuộc xóm Khe Rạc, cách trung tâm xã khoảng 12 km, hợp lưu với suối Khuối Luông tại địa phận xóm Đồng Đình (xã Vũ Chấn).

Ngoài ra còn có Khuối Sàu và Khuối Xà có lượng nước tương đối lớn, bắt nguồn ngay chân núi đá, hợp lưu với suối Khuối Luông. Hệ thống khe suối trên địa bàn cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và thuỷ lợi. Dòng nhỏ, nhiều thác nên nhìn chung suối Vũ Chấn và các suối ở 6 xã phía bắc huyện Võ Nhai không có giá trị về giao thông và nuôi trồng thuỷ sản.

VŨ CHẤN

Xã vùng cao, thuộc khu vực phía Bắc huyện Võ Nhai; phía bắc giáp xã Sảng Mộc, phía đông bắc giáp xã Nghinh Tường, phía đông giáp xã Phú Thượng, phía nam giáp xã Lâu Thượng, phía tây nam giáp xã Cúc Đường, phía tây giáp xã Thượng Nung. Diện tích tự nhiên 7.769 ha. Dân số 2.855 người thuộc 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Thái, Mường cư trú ở 10 xóm: Na Mấy, Đồng Đình, Na Rang, Khe Rạc, Cao Sơn, Na Đồng, Khe Rịa, Na Cà, Khe Cái, Khe Nọi. Nguồn sống chính của nhân dân địa phương chủ yếu bằng nghề nông với sản phẩm chính là ngô, lúa, thịt gà, lợn, trâu...

Vũ Chấn có dạng địa hình bị chia cắt, những thung lũng nhỏ hẹp, giữa những dãy núi đá vôi trùng điệp. Các suối, khe trên địa bàn đều ngắn, lưu lượng nước nhỏ. Trong các dãy núi đá vôi có nhiều hang động đẹp, đặc biệt là hang Thẳm Hoài và hang Thẳm Bau.

VŨ ĐỊNH

Bộ, đơn vị hành chính thời Hùng Vương, vùng đất Thái Nguyên nằm trong bộ này. Theo sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, thời các Vua Hùng trị vì, nước Văn Lang được chia thành 15 bộ, Thái Nguyên thuộc đất bộ Vũ Định, dưới sự cai quản của các lạc tướng.

VŨ LẶC

Châu, đơn vị hành chính thời nhà Lý. Vùng đất Thái Nguyên là một phần châu Vũ Lặc, phủ Phú Lương. Phủ Phú Lương lúc này bao gồm phần đất các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng ngày nay.

VŨ NGA

Châu, đơn vị hành chính thời kỳ cuối nhà Đường (nhà Đường tồn tại từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ X). Thái Nguyên là đất châu Vũ Nga thuộc An Nam đô hộ phủ. Theo sách *Lịch sử Việt Nam từ khởi thuỷ đến thế kỷ X*, châu Vũ Nga gồm 7 huyện: Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Di, Vũ Duyên, Vũ Lao, Lương Sơn.

VŨ NHAI HUYỆN ẤN

Ấn cổ, được phát hiện tháng 7/2009 tại gia đình ông Trần Vân Tông - dân tộc Tày, ở xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Nguyên ấn này do cha đẻ ông Tông nhặt được trong rừng Thần Sa từ năm 1945. Ấn hiện được Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên bảo quản.

Ấn được đúc bằng đồng, trọng lượng 0,5 kg. Chuôi ấn cao 4,5 cm. Đế ấn hình vuông, kích thước 6 cm x 6 cm, dày 1 cm. Mặt trên của ấn khắc 2 hàng chữ Hán, kiểu chữ "chân thư", đường nét rõ ràng, dễ đọc. Hàng bên phải gồm 7 chữ: "*Minh Mệnh tam niên cát nguyệt nhật*" (ngày lành tháng tốt năm Minh Mệnh thứ 3 (1822). Hàng bên trái là 4 chữ: "*Vũ khố phụng tạo*" (xưởng Vũ khố phụng mệnh chế tạo). Mặt ấn có 4 chữ Hán đúc nổi, chia hai hàng, mỗi hàng hai chữ, kiểu chữ triện cổ, chữ đều nhau: "VŨ NHAI HUYỆN ẤN" (Ấn (của) huyện Vũ Nhai). Đây là ấn cổ đời Minh Mạng đầu tiên của các đơn vị hành chính cấp huyện, châu, được phát hiện ở Thái Nguyên.

VUI ĐẶNG KIM

Nhà giáo Ưu tú, GS-TS, quê xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

Năm 1981, sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Lâm sinh Trường Đại học Lâm nghiệp, ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy; năm 1992, bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Sinh thái rừng tại Trường Đại học Tổng hợp Voroner (Liên bang Nga); năm 1993, chuyển công tác tại Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, với cương vị Phó Trưởng khoa Lâm nghiệp và đến năm 1997 là Trưởng khoa; từ cuối năm 2000, được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng và đến năm 2004 là Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Do có nhiều thành tích trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhà giáo Đặng Kim Vui đã được trao tặng 1 *Huân chương Lao động hạng Ba*, 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...

Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 2006.

VỰC CẢNH

Hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Vực Cảnh thuộc địa phận xã Văn Yên, huyện Đại Từ, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên quản lí và khai thác, trong đó hệ thống kênh chính đã được xây dựng 1.500 m. Công trình phục vụ nước tưới cho 250 ha diện tích đất canh tác (3 vụ) của nhân dân 6 xóm trong xã Văn Yên.

VỮNG DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1893; quê xã Nga My, huyện Phú Bình.

Mẹ Dương Thị Vững có con độc nhất là liệt sĩ Ngô Văn Nhâm, hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Vững danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

VƯỜN HOA SÔNG CẦU

Được hình thành từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, có tổng diện tích 1,99 ha. Công viên do Ban Quản lí dịch vụ công ích đô thị thành phố Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Nguyên quản lí và khai thác.

VƯỢNG NGUYỄN VĂN

Bí thư Tỉnh uỷ, sinh năm 1952; dân tộc Kinh, quê thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; trú quán phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1974; nhập ngũ tháng 9/1972, xuất ngũ tháng 12/1975; từ 12/2005 là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Bí thư Tỉnh ủy (9/2007 - 11/2010), Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội khoá XII.

Đồng chí đã được tặng thưởng *Huy chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba.*

VƯỢNG TRẦN THỊ

Nhà giáo Ưu tú, quê gốc tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), cùng gia đình chuyển lên sinh sống tại Thái Nguyên từ trước Cách mạng tháng Tám 1945; nguyên Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nha Trang, thành phố Thái Nguyên.

Năm 1965, sau khi học xong khoá Sư phạm sơ cấp, bà dạy học tại một trường ven thành phố Thái Nguyên; tình nguyện tòng quân và được điều sang lực lượng Công an; năm 1971, trở về dạy học tại trường cũ; 6 năm liên tục được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Trường và cấp Thành phố. Năm 1980, được đề bạt làm Hiệu phó một trường phổ thông cấp II (nay là Trung học cơ sở); năm 1988, làm Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nha Trang.

Nhà giáo Trần Thị Vượng có 14 năm đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*, được tặng *Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ*. Bà được Nhà nước phong tặng danh *hiệu Nhà giáo Ưu tú* năm 2000.

XA

Hang đá tự nhiên trong dãy núi đá thuộc xóm Đồng Mỏ, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Hang rất rộng lớn, ăn sâu vào trong lòng núi đá. Từ phía ngoài không thể nhìn thấy cửa hang do cây cối rậm rạp che khuất. Trong hang có nhiều dơi. Cuối năm 1947, Xưởng Quân giới 242 của Cục Quân giới về đóng quân ở xóm Ó và xóm Đồng Mỏ thuộc xã Yên Lạc. Cơ sở 1 ở xóm Ó, cơ sở 2 ở xóm Đồng Mỏ, xưởng sản xuất đặt trong hang Xa. Hang Xa là nơi chuyên sửa chữa vũ khí, súng đạn, lắp ráp hoàn thiện lựu đạn, đạn pháo. Cuối năm 1949, Xưởng 242 rút khỏi Yên Lạc.

XẢ

Chùa, có từ lâu đời ở xóm Làng Lường thuộc xã Phú Thượng, tổng Lâu Thượng; nay thuộc thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Khoảng năm 1935, ngôi chùa được trùng tu. Chùa gồm 3 gian với tiền tế và hậu cung có khoảng 20 pho tượng sơn son thiếp vàng. Trong những năm 1940 -

1945, thực dân Pháp biến chùa Xả thành nơi giam cầm và tra tấn những người yêu nước.

Ngôi chùa đã bị phá huỷ từ lâu. Địa điểm ngôi chùa xưa, nay là Đài tưởng niệm liệt sĩ và Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai.

XAY DƯƠNG THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1910, quê xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình; thường trú tại xã Bảo Lý (cùng huyện).

Mẹ Dương Thị Xay có con độc nhất (con nuôi) là liệt sĩ Dương Mai Lục (nhập ngũ ngày 20/2/1965, hi sinh ngày 15/12/1967 tại Hà Nội).

Ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Xay danh hiệu cao quý *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

XĂNG DẦU BẮC THÁI

Công ty, tiền thân là Cửa hàng xăng dầu mỡ Quan Triều (25/4/1962). Trụ sở Công ty đặt tại xóm 4, Km 18 Quốc lộ 3 - Phường Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh trên các lĩnh vực: Xăng ô tô, Diezel, dầu hoả, mazut, dầu mỡ nhờn, nhựa đường và các sản phẩm hoá dầu, gas dân dụng, gas công nghiệp, phụ kiện gas; tổng đại lý bảo hiểm PJICO; Bảo quản giữ hộ xăng dầu. Hằng năm, Công ty đóng góp cho Nhà nước trên 40 tỉ đồng.

Các cửa hàng trực thuộc của Công ty đều được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ cao, cột bơm Tatsuno của Nhật Bản đảm bảo độ chính xác cao và an toàn tuyệt đối. Công ty đã được Nhà nước tặng những phần thưởng cao quý: 1 *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*, 4 *Huân chương Lao động (1 hạng Nhất, 1 hạng Nhì và 2 hạng Ba).*

XÂY DỰNG SỐ II

Công ty Cổ phần, tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng số 1 Bắc Thái, thuộc Công ty xây dựng Xuân Hoà (Bộ Xây dựng), được thành lập ngày 1/1/1978.

Ngành nghề chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công trình Quốc phòng và dân dụng. Từ năm 1979 đến 1986, Xí nghiệp tham gia xây dựng nhiều công trình công nghiệp và dân dụng,

đặc biệt đã xây dựng một số công trình quốc phòng phục vụ cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Năm 1983, Xí nghiệp đưa 1/3 lực lượng đi xây dựng Công trình thuỷ điện Sông Đà. Năm 1987, Xí nghiệp được chuyển giao từ Bộ Xây dựng về tỉnh Bắc Thái quản lí và đổi tên thành Công ty Xây dựng số 3 Bắc Thái. Trụ sở Công ty đặt tại địa phận Tổ 39, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Năm 1997, Công ty sáp nhập với 5 đơn vị khác trong ngành Xây dựng để thành lập Công ty Xây dựng số 2 Thái Nguyên.

XÂY DỰNG VÀ SAN NỀN THÁI NGUYÊN

Công ty, được thành lập tháng 4/1993; trụ sở chính đặt tại số nhà 82, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên.

Công ty kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, đầu tư xây dựng khu dân cư đô thị mới, kinh doanh bất động sản...

Từ năm 2002 đến nay, Công ty được giao thi công hàng chục dự án, công trình có giá trị trên 3.000 tỉ đồng, như: đường Đội Cấn, đường Hùng Vương, đường Nha Trang, đường Minh Cầu, đường Bắc Sơn, Khu Dân cư số 3, số 4 phường Đồng Quang, KDC số 1 phường Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Hồng Vũ thị xã Sông Công, Nghĩa trang sinh thái Ngân Hà Viên... Các dự án, công trình đều đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật.

Công ty có đầy đủ trang thiết bị máy thi công hiện đại. Doanh thu không ngừng tăng trưởng. Nộp thuế hàng trăm tỉ đồng/năm; Đảm bảo việc làm ổn định cho hơn 200 lao động.

Công ty đã được tặng thưởng nhiều Bằng khen của Bộ Xây dựng, của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên...

XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CIPC

Chi nhánh Công ty cổ phần, tiền thân là Công trường xây lắp 3 thuộc Công ty Xây lắp cơ khí và luyện kim, được thành lập từ tháng 12/1969. Năm 1996, Công trường đổi tên thành Công ty Xây lắp và sản xuất công nghiệp. Từ tháng 4/2006, đổi thành Chi nhánh Công ty Cổ phần xây lắp và sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp xây lắp 3 thuộc Cổ phần Xây lắp và

sản xuất công nghiệp. Trụ sở Chi nhánh đặt tại địa phận Tổ dân phố 4A phường Phố Cò, thị xã Sông Công.

Chi nhánh kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng. Đã xây dựng nhiều công trình có tầm cỡ quốc gia như: Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1, Công ty Điesel Sông Công, Nhà máy Quốc phòng A 34.

Chi nhánh đã được tặng thưởng 2 *Huân chương Lao động hạng Ba* (1977 và 1980), 1 *Huân chương Lao động hạng Nhì* (2007).

XÍ NGHIỆP PHẾ LIỆU - CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Được thành lập ngày 1/7/1986 theo Quyết định số 1199/1997CL-TC ngày 26/6/1986. Trụ sở đặt tại số 254/1 - Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên; là đơn vị thành viên của Công ty Gang thép Thái Nguyên. Xí nghiệp phế liệu có nhiệm vụ kinh doanh, thu gom thép phế liệu phục vụ cho các nhà máy sản xuất thép trong Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên.

Từ năm 2009, Xí nghiệp phế liệu sáp nhập vào Nhà máy luyện thép Lưu Xá (thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

XỔ SỐ THÁI NGUYÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên; đăng ký kinh doanh ngày 31/3/2009. Trụ sở Công ty đặt tại số nhà 77 - Tổ 4 - Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Đây là đơn vị có 100% số vốn Nhà nước, chuyên kinh doanh các loại hình xổ số, vui chơi có thưởng, thu hút những đồng tiền nhàn rỗi trong nhân dân với mục tiêu ích nước - lợi nhà.

Tính đến năm 2010, Công ty kinh doanh các loại hình: Xổ số kiến thiết miền Bắc; Xổ số Lô tô 2, 3, 4 số; Xổ số Lô tô; Xổ số biết kết quả ngay, cào, bóc.

XUÂN MA VĂN

Thầy thuốc Ưu tú, quê xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, Trưởng bộ môn Truyền nhiễm Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên; Trưởng khoa Truyền nhiễm Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Từ năm 1974 đến năm 1995, ông là giảng viên bộ môn Truyền nhiễm Trường Đại học Y Bắc Thái; Bác sĩ điều trị Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên; năm 1995, là Trưởng bộ môn Truyền nhiễm Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, Trưởng khoa Truyền nhiễm Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Bác sĩ Ma Văn Xuân có 5 năm là *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở, được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Thầy thuốc Ưu tú* năm 2010.

XUÂN NGUYỄN THỊ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, sinh năm 1906, dân tộc Kinh, quê xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.

Mẹ Nguyễn Thị Xuân có con độc nhất hi sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Văn Lưu (nhập ngũ tháng 11/1966, hi sinh ngày 15/3/1969).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Xuân danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

XUÂN ĐÃNG

Bến đò, nằm trên địa phận xã Bình Sơn, thị xã Sông Công; hình thành từ xa xưa phục vụ việc đi lại của nhân dân trong xã và các xã phường bạn. Hiện nay, bến đò Xuân Đãng ngừng hoạt động.

XUÂN ĐÃNG

Chùa, có tên là Phúc Sơn tự, được dựng từ thế kỷ XIII, nằm trong cụm di tích lịch sử văn hoá - đình chùa Xuân Đãng; thuộc xóm Xuân Đãng, xã Bình Sơn, thị xã Sông Công. Chùa Xuân Đãng là nơi thờ Phật tổ Thích Ca Mâu Ni; gồm 3 gian, cột gỗ lim, mái lợp ngói. Năm 1960, chùa bị dỡ chuyển đến nơi khác để làm kho hợp tác xã. Đến năm 1987, ngôi chùa được chuyển về vị trí cũ.

Trong năm, chùa có 4 ngày lễ chính (theo Âm lịch): ngày 15/1, Lễ Khai xuân, mở đầu cho 1 năm mới; ngày 8/4, Lễ Phật đản; ngày 15/7, Lễ Ra hè (còn gọi là Lễ Chuyển mùa), đồng thời cũng là ngày xá tội vong nhân và ngày 15/12 chùa làm Lễ Tất niên.

XUÂN ĐÃNG

Đình, được dựng từ thế kỷ XVIII ở xóm Xuân Đãng, nay thuộc xã Bình Sơn, thị xã Sông Công; là nơi thờ Dương Tự Minh - Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Hằng năm, lễ hội được tổ chức tại đình vào các ngày 10/1 (Mừng Năm mới), 15/7 (Lễ Ra hè), 10/10 (Cúng Cơm mới), và 23/12 (Cúng Ông Táo).

XUÂN HOÀ

Mỏ đá, nằm trên địa bàn xã La Hiên, huyện Võ Nhai; có diện tích 10 ha, trữ lượng 160.000 m^3 đá vôi, công suất thiết kế 40.000 m^3/năm.

Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công được khai thác mỏ trong thời hạn 5 năm theo Giấy phép số 3034/GP-UBND, ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

XUÂN KIỀU

Tổng, thuộc huyện Đồng Hỷ, được thành lập trong khoảng thời gian từ năm 1942 đến 1944.

Theo *Xã chí huyện Đồng Hỷ - Sắc phong, thần tích, văn bia, cổ chỉ, sơ đồ* (điều tra năm 1944 - 1945) hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tổng Xuân Kiều gồm 2 xã Xuân Kiều và An Sơn; phía bắc giáp tổng Túc Duyên và tổng Thịnh Đán, phía đông giáp tổng Huống Thượng và tổng Bảo Nang, phía nam giáp tổng Túc Duyên, phía tây giáp tổng Thịnh Đán, tổng Niệm Quang và tổng Túc Duyên cùng huyện.

Vào cuối thế kỷ XIX, xã Xuân Kiều là thôn Xuân Quang thuộc tổng Túc Duyên; về sau, được sáp nhập với một phần xã Túc Duyên thành xã Gia Sàng. Địa phận xã Xuân Kiều tương ứng với phần đất thuộc các khu vực trung tâm, phía bắc và phía tây phường Gia Sàng, phía bắc phường Phú Xá, một phần đất thuộc khu vực phía đông phường Tân Lập và nửa phía đông, phía Nam phường Phan Đình Phùng của thành phố Thái Nguyên ngày nay (các văn bia hiện còn trên những tấm bia đá ở đền Xương Rồng, chùa Hồng Long dựng năm 1942 đều ghi những đền, chùa này nằm trên đất xã Xuân Kiều, tổng Xuân Kiều, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên). Xã An Sơn tương ứng với phần đất phía đông phường Gia Sàng

kéo dài tới sông Cầu và phần đất thuộc khu vực phía bắc phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên ngày nay.

XUÂN LA

Đình, được dựng vào thời Lê Sơ ở giữa làng Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình; là nơi thờ thành hoàng làng Dương Tự Minh, Thủ lĩnh phủ Phú Lương, triều Lý (Thế kỷ XII).

Đình Xuân La có cấu trúc kiểu chữ Nhất, 5 gian, 2 chái với 4 lá mái, các góc mái được làm đao cong. Nghi môn đình là một công trình mới được tu bổ gần đây. Đại đình toạ lạc trên nền cao cách mặt sân 80cm. Đình Xuân La đã được trùng tu, sửa chữa lớn vào năm 1939 và năm 1995.

Hiện vật lưu giữ tại đình gồm có: Cuốn thần phả *Bản thôn thần thành hoàng làng sự tích* bằng chữ Hán Nôm được sao lại lần cuối năm 1883.

Ba sắc phong của các vua triều Nguyễn, 2 chiếc tàn, hai lọng, 2 đôi câu đối với nội dung ca ngợi Dương Tự Minh, 1 bức Y môn bằng vải thêu rồng chầu mặt nguyệt và đề tài tứ linh, 1 bức tượng sơn mài tạc chân dung đức thánh, 1 hương án gỗ chạm tứ linh, tứ quý có kích thước cao 1,5m, rộng 0,7m, dài 1,2m, 1 cỗ kiệu bát cống sơn son thiếp vàng, 1 cây quán tẩy, 1 cửa võng kiểu diềm hoa lá hoá rồng chầu nguyệt, 4 bức tranh gỗ (2 quan văn, 2 quan võ), 2 trúc bản dùng để đặt bài trúc văn khi làm lễ tế, 3 mâm xe, 1 mâm đồng và 6 đài thờ, 1 bức hoành phi ghi *Thánh cung vạn tuế*, 5 nậm sứ, 1 bát hương da lươn trang trí tứ linh, 1 bát hương men ngọc trang trí lưỡng long chầu nguyệt, 17 đĩa cổ, 2 bát cổ, 1 đôi hạc đứng trên lưng quy (rùa) cao 2m.

Hằng năm, lễ hội tổ chức tại đình vào ngày 6/1 (lễ Kỳ phúc đầu xuân) và ngày 10/10 âm lịch (Đại lễ mừng vụ mùa thắng lợi).

Đình Xuân La được xếp hạng di tích Quốc gia tại Quyết định số 53/2001/QĐ-BVHTT, ngày 28/12/2001.

XUÂN LA

Lễ hội, có từ xa xưa, được tổ chức mỗi năm hai kỳ vào ngày 6/1 và ngày 10/10 âm lịch tại đình làng Xuân La, thuộc xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.

Lễ ngày 6/1 là Lễ Cầu phúc, được tổ chức nhằm cầu xin các vị thành hoàng làng ban phúc, ban tài lộc cho dân làng và cho một năm mới mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt.

Lễ lớn nhất trong năm là đại lễ mừng cơm mới tổ chức vào ngày 10/10, thường kéo dài tới 3 ngày đêm. Vào dịp này, người dân làng Xuân La thịt lợn, thịt gà, gói bánh chưng, giã bánh dày, đồ xôi, sắm hương hoa làm lễ cúng tại đình. Buổi sáng hôm chính lễ, sau khi chủ tế, các chức sắc, trai đinh tế lễ tại đình, thì một chiếc kiệu bát cống do các trai tân có đạo đức tốt rước linh vị thần Diên Bình công chúa (vợ Dương Tự Minh) từ nghè về đình.

Phần hội có các trò chơi diễn ra liên tục ở sân đình, gồm: ném cầu, kéo co, chọi gà, hát trống quân, hát tuồng, hát chèo. Ngày nay, trong những trò chơi dân gian ở lễ hội làng Xuân La chỉ còn có chọi gà, kéo co, cờ tướng và thêm vào là các môn thi đấu thể thao như: đá cầu, cầu lông, bóng chuyền...

XUÂN PHƯƠNG

Xã nằm ở khu vực phía Tây huyện Phú Bình; phía bắc giáp 2 xã Bảo Lý và Tân Kim, phía đông giáp thị trấn Hương Sơn, phía tây giáp xã Úc Kỳ, phía nam giáp 2 xã Kha Sơn và Nga My.

Diện tích tự nhiên 775.08 ha. Dân số 6.863 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Mường cư trú ở 14 xóm: Kiều Chính, Thi Đua, Quang Trung, Hoà Bình, Thắng Lợi, Đoàn Kết, Hạnh Phúc, Tân Sơn 8, Tân Sơn 9, Hin, Núi, Giữa, Ngoài, Khang. Nguồn sống chính của người dân trong xã là từ sản xuất nông nghiệp; thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề khác cũng phát triển.

Địa hình của xã dốc dần từ đông bắc xuống tây nam, độ chênh cao trung bình 0.5m/1km dài, địa hình tương đối bằng phẳng. Phía tây bắc là sông Cầu chạy dọc theo ranh giới của xã, phía đông là sông Đào có trục đường liên xã chia xã thành 2 vùng rõ rệt: vùng phía tây là đồng ruộng bằng phẳng chạy dọc theo bờ sông Cầu, xen kẽ với các khu dân cư hình thành từ lâu đời; vùng phía đông là đồi núi thấp thoải, dạng bát úp xen kẽ là các dải ruộng, các khu dân cư.

Di tích kiến trúc nghệ thuật đình Phương Độ và di tích lịch sử văn hoá

đình Xuân La được xếp hạng di tích Quốc gia, Nhà thờ họ Dương Hữu được xếp hạng di tích cấp Tỉnh.

XUÂN QUANG

Đình, được dựng từ xa xưa tại xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ. Đình khá rộng lớn, gồm 7 gian, thờ vị anh hùng Dương Tự Minh là thành hoàng làng.

Năm 1952, máy bay giặc Pháp ném bom xóm Xuân Quang, ngôi đình bị phá hoại nặng. Đến năm 1961 - 1962, đình Xuân Quang bị hư hỏng hoàn toàn.

XUÂN THỊNH

Cầu, được xây dựng năm 1963 trên Quốc lộ 3 cũ, bắc qua suối Xương Rồng thuộc địa phận xóm Xuân Thịnh, xã Gia Sàng, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc tổ dân phố số 7 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên). Cầu được làm bằng khung sắt, dầm và mặt cầu bằng gỗ. Năm 1980, cầu được làm lại bằng bê tông cốt thép và giữ nguyên chiều dài 12 m, rộng 8 m.

Năm 2005, cầu được nâng cấp, mở rộng; có lý trình 65+3, dài 21 m, rộng 29 m, nhịp cầu (phân theo kết cấu) dài 8 m, bằng bê tông cốt thép dự ứng lực. Mố cầu, móng và thân mố cầu bằng bê tông cốt thép. Tải trọng thiết kế và thực tế H30 x B80.

XUÂN TRÙ

Đình, được dựng từ thế kỷ XVIII, trên một một đồi cao ở giữa làng Xuân Trù, thuộc tổng Tiên Thù, nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Đình là nơi thờ các vị thành hoàng: Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương, Diên Bình Công chúa. Hiện còn bản thần tích 3 vị đại vương tại đình (bản sao bằng chữ Hán). Theo thần tích thì đây là 3 vị đã có công phù trì, giúp vua Hùng đánh đuổi giặc Thục giữ gìn Nhà nước Văn Lang...

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đình bị phá dỡ, một số đồ thờ, kiệu rước, lọng tán, hoành phi, câu đối phải gửi vào chùa hoặc nhà dân cất giữ. Năm 1990, nhân dân Xuân Trù đã xây dựng lại ngôi đình trên nền đất xưa, gồm 3 gian, 2 chái (hẹp hơn trước 2 gian). Dấu tích ngôi đình xưa hiện nay còn giữ được là một số bản sao (phôtô) sắc phong của các triều vua trước đã phong tặng cho làng.

Đình Xuân Trù được xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá cấp Tỉnh năm 2009.

XUÂN YẾN

Bài thơ của danh sĩ Đỗ Cận (thế kỷ XV), người làng Thống Thượng, huyện Phổ Yên. Bài thơ chứa đựng cảm xúc dạt dào của danh sĩ Đỗ Cận khi chim én bay về làm tổ dưới hiên nhà ông, báo hiệu một mùa xuân đang tới. Bài thơ thật thấm đẫm ý tình, thấm đượm mối giao hoà tâm - cảnh.

XUNG KÍCH

Tiểu thuyết của Nhà văn Nguyễn Đình Thi, ra đời năm 1951 ở Thái Nguyên.

Nguyễn Đình Thi có những năm tháng gắn bó với Thái Nguyên. 1948 - 1949, Hội Văn hoá Cứu quốc do ông làm Tổng Thư ký đặt cơ quan làm việc ở Yên Rã (nay thuộc xã Mỹ Yên), huyện Đại Từ. Năm 1951, ông vào bộ đội (giữ chức Chính trị viên phó Tiểu đoàn) tham gia các chiến dịch Hoà Bình (1951 - 1952), Thượng Lào (1953), Điện Biên Phủ (1954).

Xung kích là tác phẩm dài (tiểu thuyết) đầu tiên về cuộc chiến đấu của *Người lính cụ Hồ* trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

XUYÊN SƠN

Đình, được dựng từ lâu đời ở thôn Khắc Kiệm, xã Thần Sa, tổng Thượng Nung, châu Vũ Nhai; nay là xóm Xuyên Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

Đình là nơi thờ Cao Sơn Quý Minh đại vương.

Đình là một ngôi nhà sàn, diện tích khoảng 80 m², gồm 3 gian, 2 chái, mái lợp lá cọ. Khoảng năm 1950, đình được dựng lại trên một khu đất cao, rộng, mặt quay về phía Nam, nhìn ra suối Xuyên Sơn.

Hằng năm, thường tổ chức cúng lễ tại đình vào các ngày 10/1 và ngày 15/7 Âm lịch. Đình được 2 đạo sắc phong vào năm Duy Tân thứ 3 (1909) và năm Khải Định thứ 9 (1924).

XỨ ĐẠO

Giáo xứ, đơn vị cơ sở của giáo hội Công giáo, dưới giáo hạt, do một Linh mục chánh xứ cai quản, gồm nhiều họ đạo, có cơ sở thờ tự, linh mục, có số lượng giáo dân nhất định. Thái Nguyên hiện có 8 xứ đạo là: Giáo xứ Đại Từ Nhà thờ xứ tại thị trấn Đại Từ; Giáo xứ Tân Cường, Nhà thờ xứ tại xã Phú Cường huyện Đại Từ; Giáo xứ Tân Cương, Nhà thờ xứ

tại xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên; Giáo xứ Yên Thuỷ, Nhà thờ xứ tại xã Yên Lạc, huyện Phú Lương; Giáo xứ Thái Nguyên, Nhà thờ xứ tại phường Trưng Vương, thành Phố Thái Nguyên; Giáo xứ Tiểu Lễ, Nhà thờ xứ tại xã Đông Cao, huyện Phổ Yên; Giáo xứ Nhã Lộng, Nhà thờ xứ tại xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình; Giáo xứ La Tú, Nhà thờ xứ tại xã Tân Khánh, huyện Phú Bình).

XƯƠNG RỒNG

Cầu, được xây dựng từ đầu thế kỷ XX cùng với Đường số 3; dầm cầu bằng sắt, mặt lát ván gỗ, hai mố cầu xây bằng đá xanh, cầu có chiều rộng 6m, chiều dài 5,5 m.

Năm 1985, cầu được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có chiều dài 6 m và chiều rộng 10 m, tải trọng 20 tấn. Năm 2001, cầu đã được phá bỏ để xây dựng cầu mới với chiều dài 9,8 m, rộng 36 m, tải trọng H30.

XƯƠNG RỒNG

Suối, khởi nguồn từ xóm Phú Thái (nay thuộc phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên), chảy theo hướng tây - đông qua cánh đồng Hợp tác xã Thống Nhất, phường Đồng Quang, cắt ngang Đường Lương Ngọc Quyến (cầu Xuân Thịnh), vào cánh đồng Xuân Tiến Thịnh (phường Phan Đình Phùng), cắt ngang Đường Cách Mạng Tháng Tám vào Soi Quýt hợp lưu với suối Núi Tiện ở chân núi Tiện chảy ra sông Cầu.

Suối Xương Rồng có chiều dài khoảng 4km, có tác dụng thoát nước mưa cho toàn bộ cánh đồng và khu dân cư Phú Thái, vùng Nam phường Đồng Quang, các tổ dân cư phía Nam, phía Đông phường Phan Đình Phùng. Vào mùa khô lòng suối cạn, có thể lội qua. Vào mùa mưa, suối có độ sâu trung bình 1,2 m; gặp mưa lớn, nước có thể dâng lên tới 2 m; khi lũ về lòng suối có chỗ sâu hơn 3 m.

Ngày nay, suối Xương Rồng đã bị lấp và thay vào đó là hệ thống cống thoát nước có khẩu độ 2 m; dòng suối chỉ còn từ cầu Xương Rồng đến núi Tiện, bị bùn đất bồi lắng và thu hẹp, ô nhiễm nặng nề.

XƯƠNG RỒNG

Đền, được dựng đầu thế kỷ XX ở Túc Duyên, tổng Túc Duyên (từ năm 1942 là xã Xuân Kiều, tổng Xuân Kiều) huyện Đồng Hỷ; nay là phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Lúc ban đầu, đền còn nhỏ hẹp. Năm 1944, đã được tôn tạo, tường xây mái ngói. Ngày nay, đền được xây dựng lại, 2 tầng rộng lớn bằng bê tông cốt thép. Đền thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo, Thủ lĩnh phủ Phú Lương (thế kỷ XII) Dương Tự Minh và thờ Mẫu. Trong đền có nhiều câu đối và đồ thờ có giá trị. Sân đền có nhiều cây cổ thụ. Lễ hội đền Xương Rồng tổ chức vào ngày 20/8 Âm lịch hằng năm. Tháng giêng đầu xuân, khách thập phương thường chen vai thích cánh, nườm nượp đi lễ ở đền.

Y NA

Chùa, được dựng khoảng thế kỷ XIX, trên một quả đồi thấp thuộc xã Ỷ Na, tổng Ỷ Na, huyện Phú Lương; năm 1901 chuyển về huyện Đồng Hỷ. Năm 1926, xã Ỷ Na đổi thành xã Tân Cương (nay thuộc thành phố Thái Nguyên).

Do thời gian và chiến tranh, chùa bị hư hỏng, nên trong những năm 1992 - 1995 đã được xây dựng lại, có diện tích hơn 100 m², bao gồm cả hậu cung và nhà khách.

Chùa thờ Tam Thế, A Di Đà, Thích Ca Mầu Ni và Di Lặc, Quan Âm Bồ Tát, Đức Ông, Thánh Mẫu. Hằng năm, chùa mở lễ hội hai ngày 11 và 12/1 Âm lịch, có rước kiệu quanh chùa và nhiều trò vui xuân.

YÊN CHUNG

Đình, nằm ở thôn Yên Trung, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Đình có kiến trúc theo kiểu chữ Đinh, nhà tiền tế có 3 gian, 2 dĩ có 4 đầu đao cong. Bờ nóc của đình có "lưỡng long chầu mặt trời", mái đình lợp ngói mũi hài. Hậu cung gồm một gian, một dĩ. Bộ khung, bộ vì của đình được thiết kế theo kiểu "chồng giường, quá giang", tất cả được làm bằng gỗ lim, xoan, bạch đàn, toàn bộ được sơn màu cánh gián. Các bộ phận kiến trúc trong đình có soi gờ chỉ, hoạ tiết chữ Thọ và bào trơn, đóng bén. Trong đình còn được lưu giữ được nhiều hiện vật cổ như: án gian có niên đại thời Nguyễn, ngai đầu rồng, bát bửu, long đình, cây đèn, choé sành men da lươn thế kỷ XIX; sắc phong thời nhà Nguyễn. Đình Yên Trung thờ thần: Cao Sơn, Quý Minh, Diên Bình Công chúa. Đình Yên Trung đã được nhân dân trùng tu tôn tạo lại gần đây. Lễ hội đình được tổ chức vào mồng 8 tháng giêng hằng năm.

YÊN ĐỔ

Tổng, thuộc huyện Phú Lương; trước năm 1945 gồm 5 xã, thôn: Thôn Chào, Khuôn Lồng, Bãi Nứa, Yên Lạc, Nam Ổ, với 32 làng, xóm, bản. Đến trước thời kỳ Tiền khởi nghĩa (3/1945), các xã, thôn: Trào, Bãi Nứa, Khuôn Lồng được sáp nhập thành xã Yên Đổ nên tổng Yên Đổ gồm 3 xã: Yên Đổ, Yên Lạc và Nam Ổ.

Tháng 10/1946, Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương thành lập, đơn vị hành chính cấp xã của huyện cũng được tổ chức lại, từ 23 xã lúc Tiền khởi nghĩa thành 12 xã; xã Yên Lạc và xã Nam Ổ sáp nhập thành xã Yên Lạc. Từ đó đến khi đơn vị hành chính cấp tổng bị xoá bỏ (1948), tổng Yên Đổ tương ứng với địa phận 2 xã Yên Đổ và Yên Lạc của huyện Phú Lương ngày nay.

YÊN ĐỔ

Xã miền núi, thuộc huyện Phú Lương. Phía bắc giáp 2 xã Yên Trạch, Yên Ninh, phía đông giáp xã Yên Lạc, phía nam giáp xã Phủ Lý, Động Đạt, phía tây giáp xã Phú Tiến (huyện Định Hoá). Diện tích tự nhiên 3.561,14ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 3.258, 74ha (91,5%), nhóm đất phi nông nghiệp 251,33ha (7,06%), còn lại là nhóm đất chưa sử dụng. Dân số 6.598 người thuộc 4 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Sán Chay, Dao cư trú ở 17 xóm: An Thắng, Ao Then, Cây Khế, Đá Mài, Đồng Chừa, Gia Trống, Gốc Vải, Khe Nác, Khe Thượng, Phố Trào, Thạch Thế, xóm Hạ, Xóm Hin, xóm Kẻm, Xóm Làng, xóm Thượng, xóm Trung.

Người dân Yên Đổ chủ yếu làm nông nghiệp lúa nước và nương rẫy; một bộ phận nhỏ làm rừng và kinh doanh, dịch vụ, buôn bán dọc Quốc lộ 3, Tỉnh lộ 268.

Yên Đổ có các di tích lịch sử văn hoá: Đình Kẻm ở xóm Kẻm - nơi Hồ Chủ tịch ghé thăm và nói chuyện với cán bộ, nhân dân địa phương về chính sách thuế nông nghiệp (ngày 1/5/1951); đình Đá Mài, miếu Phủ Bà, đền Cấm; hang Thắm - nơi cất giấu vũ khí của quân đội trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Ao Noong ở xóm Hin, trong ao có nhiều đảo cấu tạo bởi đá vôi bị phong hoá, là một thắng cảnh đẹp của huyện Phú Lương.

YÊN ĐỔ

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, nguyên là xã Yên Đổ thuộc tổng Yên Đổ cũ; phía bắc giáp 2 xã Yên Trạch và Yên Ninh; phía đông giáp 2 xã Yên Lạc và Động Đạt, phía nam giáp 2 xã Phủ Lý và Ôn Lương, phía tây giáp huyện Định Hoá. Dân số Yên Đổ (1954) có 1.217 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Dao, Sán Chay.

Là xã nằm ở vùng cửa ngõ ATK Trung ương, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Yên Đổ là nơi đặt kho tàng của quân đội (hang Thắm), có đình Kẻm là nơi ngày 1/5/1951 Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, nói chuyện với cán bộ và dân chúng địa phương về chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Chính phủ. Đoạn đường dốc chân núi Phấn là nơi bộ đội ta phục kích quân Pháp trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947.

YÊN HUY

Trường Sơ học (thời thuộc Pháp), do Nhà xứ Yên Huy huy động giáo dân góp công, góp của xây dựng khoảng những năm 40 của thế kỷ XX, tổ chức dạy học cho con em những gia đình có đạo trong các làng Yên Huy và Huy Ngạc, và một số làng khác trong huyện Đại Từ. Trường thường xuyên có khoảng 35 - 40 học sinh theo học.

YÊN LẠC

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 2 xã Yên Lạc và Nam Ổ của tổng Yên Đổ. Phía bắc giáp huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Cạn) và xã Yên Trạch (huyện Phú Lương), phía đông giáp huyện Đồng Hỷ (tỉnh Thái Nguyên), phía nam giáp các xã Phú Đô, Tức Tranh, Phấn Mễ (huyện Phú Lương), phía tây giáp các xã Động Đạt, Yên Đổ (huyện Phú Lương). Xã Yên Lạc khi đó gồm có các thôn, làng: Giang Ngạc, Giác Ruộng, Tiên Thông (của xã Yên Lạc cũ), thôn Ó, thôn Đẩu (của xã Nam Ổ cũ), với số dân (1954) 898 người.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, hang Đình - thuộc thôn Ó là nơi đặt Xưởng Quân giới 242 thuộc Cục Quân giới để sản xuất vũ khí cho quân đội ta đánh giặc.

Sau giảm tô, xã Yên Lạc vẫn giữ nguyên địa danh, địa giới như trước.

YÊN LẠC

Xã vùng cao, nằm ở khu vực phía Đông huyện Phú Lương. Phía bắc giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn), phía đông giáp xã Văn Lăng (huyện Đồng Hỷ), phía nam giáp các xã Phấn Mễ, Tức Tranh, Phú Đô, phía tây giáp các xã Yên Đổ, Động Đạt. Trước năm 1945, Yên Lạc là đất 2 xã Yên Lạc và Nam Ổ, thuộc tổng Yên Đổ. Tháng 10/1946, hai xã Yên Lạc, Nam Ổ sáp nhập thành xã Yên Lạc.

Diện tích tự nhiên 4.288,02 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 3.621,01 ha, nhóm đất phi nông nghiệp 522,78ha (12,2%), còn lại là nhóm đất chưa sử dụng. Dân số 7.001 người thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, cư trú ở 23 xóm bản: Ao Lác, Cầu Đá, Cây Thị, Đồng Bòng, Đồng Mỏ, Đồng Xiền, Hang Neo, Kim Lan, Làng Lớn, Mương Gằng, Na Mụ, Phân Bơi, Tiên Thông A, Tiên Thông B, Viện Tân, Xóm Đẩu, Xóm Ó, Yên Thịnh, Yên Thủy 3, Yên Thủy 4, Yên Thủy 2, Yên Thủy 1, Yên Thủy 5. Cư dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp lúa nước, trồng và chế biến chè. Các xóm Yên Thủy 4, Yên Thủy 1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

Núi Chuông (núi Chín Tầng) ở xóm Yên Thịnh, trên núi có hang động Castơ rộng lớn. Xóm Ó có hang Đình - hang Đồng Mỏ, nơi đặt Xưởng Quân giới 242 trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1947 - 1954). Hang Muối ở xóm Đẩu là nơi sơ tán làm việc của Xưởng Cơ khí 3/2 tỉnh Bắc Thái (1968 - 1974). Xóm Đẩu còn có hang Đồng Giẳng - nơi đặt kho tàng của Quân khu Việt Bắc (Quân khu I) trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ.

YÊN LÃNG

Cầu, được xây dựng năm 1992 tại Km 167+400 - Quốc lộ 37, bắc qua suối Yên Lãng, thuộc địa phận xóm Quyết Thắng, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ. Cầu dài 33,1 m, rộng 9.6 m; trong đó, chiều rộng cho xe chạy 7 m, kết cấu nhịp dài 21 m bằng bê tông cốt thép, mố M1và M2, móng bê tông, thân bê tông; tải trọng thiết kế H30 - Xb80, tải trọng hiện tại 30 tấn.

YÊN LÃNG

Chợ, tại xã Yên Lãng, có từ xa xưa và là một trong những chợ lớn của vùng Tây Bắc huyện Đại Từ, là nơi giao thương buôn bán, mua sắm chủ

yếu của nhân dân các xã Minh Tiến, Yên Lãng, Na Mao, Phú Xuyên, La Bằng (huyện Đại Từ), các xã Lương Thiện, Kháng Nhật (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Trước Cách mạng tháng Tám 1945, chợ Yên Lãng có một số quán bằng gỗ, mái lợp tranh nứa là nơi buôn bán của một số tiểu thương trong vùng. Hàng hoá bày bán trong chợ thường là nông sản, thực phẩm, hàng tạp hoá. Trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ, để tránh thương vong khi máy bay đánh phá, có thời gian khá dài chợ Yên Lãng sơ tán lên khu vực chân Đèo Khế và chỉ họp trong một thời gian ngắn vào buổi sáng.

Hiện nay, chợ Yên Lãng vẫn là chợ lớn, nơi mua sắm chủ yếu của nhân dân trong vùng.

YÊN LÃNG

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Yên Lãng là xã miền núi ở khu vực phía Tây huyện Đại Từ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Yên Lãng thuộc địa bàn An toàn khu (ATK) Trung ương, nơi ở và làm việc của nhiều cơ quan. Quân, dân Yên Lãng đã phối hợp với các đơn vị chủ lực chiến đấu kiên cường, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần đập tan cuộc tấn công của thực dân Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc trong Thu - Đông 1947. Nhân dân Yên Lãng thi đua tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến; 13 người con ưu tú của Yên Lãng đã lên đường nhập ngũ trong các đơn vị chủ lực, chiến đấu anh dũng trên các chiến trường. Riêng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Yên Lãng đã đóng góp 2 tấn gạo, 10 con trâu cùng hàng ngàn ngày đi dân công hoả tuyến.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 22/8/1998, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Yên Lãng đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

YÊN LÃNG

Tổng, thuộc khu vực trung tâm huyện Đại Từ, trước năm 1945 gồm 4 xã, 16 làng, xóm.

Xã Lục Ba gồm 4 làng: Thổ Lai, Đồng Muối, Đồng Âu, Hương Bản; Xã Tràng Lang (sau này đổi thành xã Vạn Thọ, nay thuộc khu vực lòng hồ Núi Cốc) gồm 3 làng: Tràng Lang, Tàng Dương, Đầm Sải; Xã Yên Thái (sau này đổi là Tân Thái) gồm 4 làng: Thượng, Làng Đo, Thác Vàng, Đồng Hồng (Đầm Hồng); Xã Yên Thuận (sau này nhập với Bình Khang thành xã Bình Thuận) gồm 5 làng: Trại Chuối, Bên Sông, Xóm Giữa, Xóm Ngoài, Xóm Dưới.

Về đại thể, tổng Yên Lãng thời kỳ này tương đương với địa phận các xã Lục Ba, Vạn Thọ, Tân Thái và phần phía Nam xã Bình Thuận ngày nay.

YÊN LÃNG

Xã miền núi ở khu vực Tây Bắc huyện Đại Từ, cách huyện lị 14 km; phía đông bắc giáp xã Minh Tiến, phía đông nam giáp xã Na Mao, phía đông giáp xã Phú Xuyên, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, vùng đất Văn Lãng ngày nay là tổng Văn Xiển, gồm xã Văn Xiển và trang An Cư. Đến đầu thế kỷ XX vẫn giữ như vậy. Theo tài liệu của Êsina - Công sứ tỉnh Thái Nguyên công bố năm 1932, là 2 làng Văn Lãng và Yên Cư trong 4 làng của tổng Yên Lãng. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, là làng Yên Lãng thuộc xã Văn Cao. Năm 1953, giải thể xã Văn Cao thành 2 xã Phú Xuyên và Yên Lãng.

Hiện nay, xã Yên Lãng có diện tích tự nhiên 42 km². Dân số (năm 2009) 11.769 người (5.853 nam, 5.916 nữ) thuộc 11 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, Hoa, Mường, Sán Dìu, Mông, Thái, Ngái cư trú ở 30 xóm: Cầu Trà, Ao Trũng, Giữa, Đồng Đình, Đồng Tráng, Đồng Măng, Thắng Lợi, Hoà Bình, Quyết Tâm, Đồi Cây, Khuôn Muống, Tiến Đốc, Đoàn Kết, Đồng Cọ, Nhất Trí, Đồng Bèn, Đèo Xá, Cây Hồng, Đồng Ao, Đồng Ỏm, Đồng Cẩm, Chiến Thắng, Tiền Phong, Đèo Khế, Yên Từ, Khuôn Nanh, Đầm Làng, Trung Tâm, Quyết Thắng, Mới. Cư dân trong xã sinh sống bằng nghề nông, sản xuất lương thực, thực phẩm và trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè. Một số gia đình có người làm trong mỏ than Núi Hồng.

Xã Yên Lãng đã được Chủ tịch nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

YÊN LÃNG

Nhà thờ xứ đạo Công giáo, được xây dựng năm 1940, tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ; là nơi sinh hoạt, hành lễ thường nhật của giáo dân trong xã Yên Lãng. Những ngày lễ trọng, nhiều giáo dân ở các xã lân cận cũng đến lễ tại nhà thờ Yên Lãng.

YÊN NGỰA

Cầu, được xây dựng năm 1996 tại địa phận xóm Yên Ngựa, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai. Cầu dài 8 m, nhịp cầu dài 6 m. Mố cầu Yên Ngựa được xây bằng đá, dầm cầu bằng thép. Tải trọng cầu theo thiết kế là 2,5 tấn.

YÊN NINH

Xã miền núi, nằm tận cùng khu vực phía Bắc huyện Phú Lương. Phía bắc và phía đông giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn), phía nam giáp xã Yên Đổ và Yên Lạc, phía tây giáp xã Yên Trạch và huyện Định Hoá. Trước năm 1945, xã Yên Ninh thuộc tổng Yên Thịnh.

Diện tích tự nhiên 4.718,61 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 4.159,32 ha (88,16%), nhóm đất phi nông nghiệp 463,18 ha (9,81%), còn lại là đất chuyên dùng. Dân số 6.613 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Dìu cư trú ở 16 xóm: Ba Họ, Ba Luồng, Bằng Ninh, Bắc Bé, Đồng Phủ 2, Đồng Phủ 1, Đồng Đình, Đồng Gianh, Đồng Kem 4, Đồng Kem 10, Khe Khoang, Làng Muông, Suối Bén, Suối Hang, Suối Bốc, Yên Phú. Người dân xã Yên Ninh chủ yếu sống bằng nghề nông: trồng lúa nước, làm nương rẫy. Một bộ phận nhỏ làm kinh doanh dịch vụ dọc Quốc lộ 3, làm công nhân khai thác đá ở mỏ đá thuộc Công ty Hoàng Hải và làm nghề rừng.

Là cửa ngõ phía Đông của An toàn khu Trung ương thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Yên Ninh là nơi đóng trụ sở làm việc của nhiều cơ quan, đơn vị Trung ương, quân đội. Xóm Yên Phú là nơi đặt cơ quan Trạm Giao tế Trung ương (1951 - 1953). Hang Suối Vìn ở xóm Suối Bén, là nơi đặt Tổng kho A của Tổng cục Cung cấp (Tổng cục Hậu cần) từ 1949 đến 1954. Xóm Đồng Kem - nơi đặt phân viện của Quân y viện 108...

YÊN PHÚ

Nơi đặt Trạm Giao tế Trung ương trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Vị trí di tích ở xóm Yên Phú thuộc xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Trạm Giao tế Trung ương là nơi đón tiếp khách quốc tế đến thăm, làm việc, giúp đỡ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây cũng là nơi đón tiếp ban đầu những đoàn chuyên gia, cố vấn quân sự nước ngoài sang giúp Việt Nam kháng chiến; nơi đón tiếp ban đầu đại diện của Đảng Cộng sản Pháp đến An toàn khu Trung ương làm việc với Đảng Lao động Việt Nam.

Nơi đặt Trạm Giao tế Trung ương xưa, nay chỉ còn là địa điểm di tích với những dấu vết mờ cũ của nền nhà.

YÊN SƠN

Nhà thờ họ đạo, xây dựng năm 1994 tại xóm An Sơn, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; gồm 3 gian nhà gạch, mái lợp ngói. Đây là nơi sinh hoạt, hành lễ thường nhật của khoảng 50 hộ giáo dân. Những ngày lễ trọng, giáo dân trong họ thường lên hành lễ tại nhà thờ Yên Lãng.

YÊN THỊNH

Tổng, đầu thế kỷ XIX là tổng An (Yên) Ninh gồm 1 xã An Ninh thuộc châu Định Hoá, phủ Phú Bình. Cuối thế kỷ XIX (1888), là tổng An (Yên) Trạch gồm 1 xã An Trạch, thuộc châu Định, phủ Tòng Hoá. Từ đầu thế kỷ XX, tổng Yên Trạch thuộc huyện Phú Lương, gồm 9 thôn, xã: Lộc Trạch, La Hiên, Đồng Cuối, Khôn Cấm, Ba Giai, Bắc Mé, Mòng Thôn, Bình Ninh, Đồng Gianh. Thời kỳ Tiền khởi nghĩa (3 - 8/1945), 9 xã thuộc tổng Yên Trạch đã được gộp lại trước đó thành 3 xã: Yên Trạch, Lộc Trạch và Yên Ninh; tổng Yên Trạch đổi tên là tổng Yên Thịnh. Tháng 10/1946, Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương thành lập, đơn vị hành chính cấp xã của huyện cũng được tổ chức lại, từ 23 xã thành 12 xã; năm 1948, đơn vị hành chính cấp tổng bị bãi bỏ.

Như vậy, từ đầu thế kỷ XIX đến khi cấp tổng bị bãi bỏ (1948), dù đã mang nhiều tên gọi: An Ninh, An Trạch (Yên Trạch), Yên Thịnh và hơn một thế kỷ thuộc châu Định Hoá, Châu Định, huyện Định Hoá rồi chuyển

về thuộc huyện Phú Lương, song về cơ bản tổng Yên Thịnh tương ứng với địa phận 2 xã Yên Trạch và Yên Ninh của huyện Phú Lương ngày nay.

YÊN THUẬN

Nhà thờ họ đạo Công giáo, được xây dựng năm 1938, tại xóm Đồng Tiến, xã Tân Thái, huyện Đại Từ. Nhà thờ có tổng diện tích 352m², là nơi sinh hoạt, hành lễ thường nhật của các hộ giáo dân trong xóm.

YÊN THUỶ 4

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Xóm Yên Thuỷ 4 thành lập tháng 2/1976, nằm ở phía nam xã Yên Lạc; có diện tích tự nhiên 215 ha, 114 hộ, 500 nhân khẩu. Nghề trồng và chế biến chè của xóm đã có từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Ngày nay, Yên Thuỷ 4 có 92 ha chè chuyên canh với những giống mới đặc sản, có 87/114 hộ (60,4%) với 258/295 lao động (87,4%) làm nghề chè. Sản phẩm chè đặc sản an toàn của Yên Thuỷ 4 đã có tiếng trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

Năm 2009, Yên Thuỷ 4 đạt sản lượng chè búp tươi 450 tấn, tương ứng với 84,5 tấn chè búp khô, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 1.357,2 triệu đồng, doanh thu 5.881 triệu đồng.

Năm 2010, xóm Yên Thuỷ 4 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

YÊN THUỶ 1

Làng nghề trồng và chế biến chè, thuộc xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Xóm Yên Thuỷ 1 nằm ở khu vực trung tâm xã Yên Lạc, có địa hình đồi núi thấp, đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây chè. Từ năm 1975, nhiều hộ gia đình ở đây đã chuyên canh sản xuất chè. Xóm có diện tích tự nhiên 195 ha, 97 hộ, 471 nhân khẩu, 242 lao động; trong đó có 92 hộ (94,8%), với 232 lao động (95,8%) làm nghề chè. Việc áp dụng những tiến bộ kỹ thuật trong việc trồng, chăm sóc, chế biến đã giúp sản phẩm chè đặc sản của Yên Thuỷ 1 đạt tiêu chí chè đặc sản an toàn.

Năm 2009, sản lượng chè búp tươi của xóm đạt 452,4 tấn, tương ứng với 90,48 tấn chè búp khô, có giá trị sản xuất 1.357,2 triệu đồng, doanh thu 5.881 triệu đồng.

Năm 2010, xóm Yên Thuỷ 1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là Làng nghề trồng và chế biến chè.

YÊN TRẠCH

Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), xã Yên Trạch huyện Phú Lương nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Trung ương; là địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị: Viện Quân y 108 (1951 - 1954); Z16 thuộc Cục Quân y (1948 - 1954); Cục Quản lí xe, Cục Vận tải (1952 - 1954); Nha Quân dược (1948 - 1957); Phân kho 265 thuộc Cục Quân khí (1953 - 1957); Cục Quân y (1948 - 1952)... Nhân dân các dân tộc xã Yên Trạch một lòng phục vụ kháng chiến, nhường chỗ ở, nhường đất đai cho bộ đội dựng lán trại; sẻ chia lương thực, thực phẩm; hết lòng chở che, bảo vệ cán bộ, bộ đội; tận tình chăm sóc thương, bệnh binh như con em ruột thịt của mình.

Do lập nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Trạch đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp*.

YÊN TRẠCH

Xã miền núi, nằm ở khu vực phía Bắc huyện Phú Lương. Phía bắc giáp xã Yên Ninh (huyện Phú Lương) và xã Tân Dương (huyện Định Hoá), phía tây giáp xã Phú Tiến (huyện Định Hoá), phía đông giáp xã Yên Ninh, phía nam giáp xã Yên Đổ (huyện Phú Lương) và xã Phú Tiến (huyện Định Hoá). Phần lớn diện tích của xã Yên Trạch là núi đồi, diện tích ruộng lúa nước ít.

Diện tích tự nhiên 3.007,01 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 2.505,50 ha (83,32%), nhóm đất phi nông nghiệp 412,90 ha (13,73%), còn lại là đất chuyên dùng. Dân số 6.180 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Dao, Nùng, Sán Chay, Thái cư trú ở 12 xóm bản: Bãi Kinh, Bản Cái, Bản Héo, Đin Đeng, Đồng Quốc, Khau Đu, Khuôn Cướm, Khuôn Lặng, Làng Nông, Na Hiên, Nạ Mấy, Na Pháng.

Nằm trong vùng An toàn khu Trung ương (ATK) thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Yên Trạch là nơi đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị quân đội: Nha Quân dược, Cục Quản lí xe, Cục Quân y, nơi đặt Viện Quân y 108, Z16 Cục Quân y, Đoàn Vận tải 675, nơi cất giấu xe của Cục Vận tải, Cục Quân giới những năm 1953 - 1954.

YÊN TRẠCH

Xã trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thuộc huyện Phú Lương, thành lập tháng 10/1946 trên cơ sở sáp nhập 3 xã Lộc Trạch, Yên Ninh và Yên Trạch của tổng Yên Thịnh cũ; gồm các thôn, làng, bản: Ba Giai, Bắc Mé, Bằng Ninh, Đồng Gianh, thôn Mòng (xã Yên Ninh cũ), Đồng Cuối, Khuôn Cướm (Cấm), La Hiên (xã Yên Trạch cũ) và Lộc Trạch cũ. Dân số toàn xã (tính đến thời điểm tháng 1/1955) có 2.595 người thuộc 6 thành phần dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Sán Chay, Dao, Sán Dìu.

Xã Yên Trạch phía bắc giáp huyện Định Hoá (tỉnh Thái Nguyên) và huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Cạn); phía đông giáp huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Cạn); phía nam giáp 2 xã Yên Lạc và Yên Đổ; phía tây giáp huyện Định Hoá. Xã Yên Trạch thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp tương ứng với địa phận 2 xã Yên Trạch và Yên Ninh của huyện Phú Lương ngày nay.

Là xã nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Trung ương thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Yên Trạch là nơi đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị của Trung ương và quân đội ta. Trạm giao tế Trung ương ở Yên Ninh là nơi đón tiếp ban đầu nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc với Đảng, Chính phủ ta những năm từ 1950 đến 1954; nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường đi công tác từng nghỉ lại. Cục Vận tải quân đội, Cục Giao thông vận tải, Viện Quân y 108 và nhiều đơn vị kho tàng của Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng cục Hậu cần) đã đóng quân trong các cánh rừng, các hang đá trên đất Yên Trạch thời kháng chiến.

Sau giảm tô (1953), xã Yên Trạch chia thành 2 xã: Xã Yên Trạch và Yên Ninh.

Z115

Nhà máy trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, được thành lập ngày 16/6/1965 tại xã Quang Sơn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái

Nguyên; là đơn vị cơ sở của Cục Quân giới, nay là Tổng cục Công nghiệp quốc phòng. Năm 1979, Nhà máy chuyển về xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên.

Hiện Nhà máy thực hiện 2 nhiệm vụ: Sản xuất các mặt hàng phục vụ quốc phòng và sản xuất các mặt hàng cơ khí dân dụng. Là đơn vị có bề dày thành tích và có dây chuyền sản xuất hiện đại, nên trong giai đoạn kinh tế khó khăn, Nhà máy vẫn giữ vững kinh doanh, bảo đảm việc làm và đời sống cho trên 900 lao động.

Z127

Nhà máy trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, được thành lập ngày 1/5/1966 với nhiệm vụ sản xuất các loại vỏ đạn cối, mìn, lựu đạn và các quân cụ cung cấp cho lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Địa điểm: Đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 1/1/2004, thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Nhà máy Z159 Tổng cục Công nghiệp quốc phòng được sáp nhập vào Nhà máy Z127. Hiện nay, Nhà máy được trang bị nhiều dây chuyền thiết bị hiện đại, đủ năng lực nghiên cứu, sản xuất nhiều loại sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Quân đội và phục vụ các ngành: Điện lực, Xi măng, Giao thông, Khai khoáng, Đóng tàu... với các sản phẩm mũi nhọn phục vụ nền kinh tế quốc dân, như: bi nghiền, tấm lót, phụ tùng máy, nhôm định hình, đồng dây, đồng tấm, đồng lá.

Nhà máy đã được Nhà nước tặng 4 *Huân chương Lao động* (2 *hạng Nhì*, 2 *hạng Ba*), 1 *Huân chương Quân công hạng Ba*, 12 *Huân chương Chiến công* (2 *hạng Nhất*, 7 *hạng Nhì*, 3 *hạng Ba*); được Bộ Quốc phòng tặng cờ thi đua, Bằng khen... Năm 1985, Nhà máy được Chính phủ Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tặng thưởng *Huân chương Ít-xa-la hạng Ba*...

Z131

Nhà máy trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, tiền thân là Công trường 6503, (Năm 1968, đổi tên là Nhà máy V - 131; sau đổi thành Nhà máy Z131) ra đời ngày 15/6/1966, tại xã Tân Thành, huyện

Đại Từ, tỉnh Bắc Thái (nay là xã Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Năm 1971, Nhà máy chuyển về xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên và đóng quân từ đó đến nay. Vượt qua khó khăn, thiếu thốn của thời kỳ có chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mĩ gây ra, cuối năm 1969, Nhà máy đã chế thử thành công đạn B40 XL, một loại hoả lực mạnh của Quân giới Việt Nam.

Hiện nay, phát huy những kinh nghiệm truyền thống, kết hợp với khoa học kỹ thuật hiện đại, nhà máy đã nghiên cứu, chế thử, sản xuất thành công nhiều sản phẩm quân sự có yêu cầu kỹ thuật cao, nhiều mặt hàng kinh tế như: Các sản phẩm cơ khí, cơ điện, kết cấu thép, nhựa, hàng may và bước đầu tham gia xuất khẩu...

Nhà máy Z131 đã được tặng thưởng 2 *Huân chương Chiến công hạng Nhất*, 1 *Huân chương Chiến công hạng Ba*.

PHẦN II
ẢNH VÀ BẢN ĐỒ

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẠI TỪ

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km2)
1	Thị Trấn Đại Từ	0.97	4 043	4150
2	Thị Trấn Quân Chu	6.70	6 700	621
3	Xã An Khánh	14.46	5 550	384
4	Xã Bản Ngoại	12.44	7 041	566
5	Xã Bình Thuận	10.87	5 842	537
6	Xã Cát Nê	28.60	3 701	129
7	Xã Cù Vân	15.29	6 078	398
8	Xã Đức Lương	14.27	2 633	185
9	Xã Hà Thượng	14.88	5 913	397
10	Xã Hoàng Nông	26.84	4 737	177
11	Xã Hùng Sơn	12.50	8 820	706
12	Xã Khôi Kỳ	13.10	5 937	453
13	Xã Ký Phú	19.50	6 874	353
14	Xã La Bằng	21.42	3 638	170
15	Xã Lục Ba	12.79	3 951	309
16	Xã Minh Tiến	26.13	4 028	154
17	Xã Mỹ Yên	34.11	5 829	171
18	Xã Na Mao	9.12	3 217	353
19	Xã Phú Cường	19.36	4 643	240
20	Xã Phú Lạc	22.15	6 242	282
21	Xã Phú Thịnh	9.95	3 659	368
22	Xã Phú Xuyên	24.15	6 383	266
23	Xã Phục Linh	14.16	6 281	444

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km2)
24	Xã Phúc Lương	21.07	3 947	187
25	Xã Quân Chu	45.70	3 618	79
26	Xã Tân Linh	23.44	5 497	235
27	Xã Tân Thái	19.25	3 295	171
28	Xã Tiên Hội	12.64	5 710	452
29	Xã Vạn Thọ	6.60	3 351	508
30	Xã Văn Yên	23.70	7 182	303
31	Xã Yên Lãng	42.10	12 366	294
	Toàn huyện	**577,88**	**162 573**	**281**

Phòng CSDL Trung tâm Thông tin Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám Thống kê năm 1999-2003

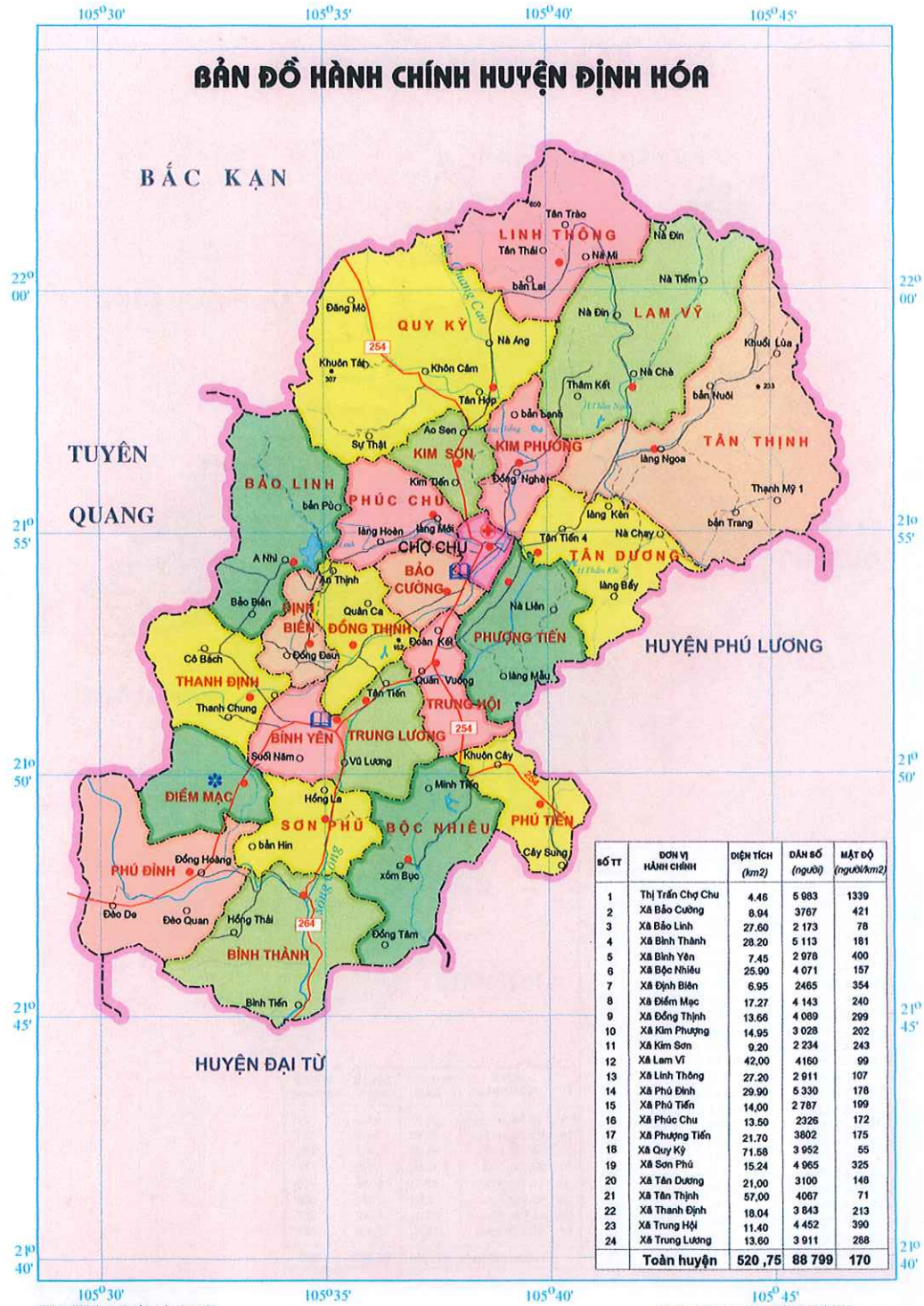
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐỊNH HÓA
105°30'
105°35'
105°40'
105°45'
22°00'
21°55'
21°50'
21°45'
21°40'
BẮC KẠN
TUYÊN QUANG
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
HUYỆN ĐẠI TỪ
LINH THÔNG
QUY KỲ
LAM VỸ
TÂN THỊNH
KIM PHƯỢNG
KIM SƠN
BẢO LINH
PHÚC CHU
CHỢ CHU
BẢO CƯỜNG
TÂN DƯƠNG
ĐỊNH BIÊN
ĐỒNG THỊNH
PHƯỢNG TIẾN
THANH ĐỊNH
TRUNG HỘI
BÌNH YÊN
TRUNG LƯƠNG
ĐIỀM MẶC
SƠN PHÚ
BỘC NHIÊU
PHÚ TIẾN
PHÚ ĐÌNH
BÌNH THÀNH
Tân Trào
Tân Thái
Nà Mì
Nà Đin
Nà Tiếm
bản Lai
Đăng Mò
Nà Áng
Khuôn Tát
Khôn Cám
Tân Hợp
Thâm Kết
Nà Chè
Khuổi Lủa
bản Nưới
bản banh
Ao Sen
Sự Thật
Kim Tiến
Đồng Nghè
làng Ngoa
Thạnh Mỹ 1
bản Trang
làng Kén
Nà Chay
Tân Tiến 4
bản Pùo
làng Hoàn
làng Mới
A Nhì
Ao Thịnh
làng Bẩy
Bảo Biên
Quân Ca
Nà Liên
Đồng Đâu
Đoàn Kết
Cô Bách
Quân Vuông
làng Mầu
Thanh Chung
Tân Tiến
Suối Nâm
Vũ Lương
Khuôn Cây
Minh Tiến
Hồng La
Cây Sung
bản Hin
Đồng Hoàng
xóm Bục
Đào Dọ
Đào Quan
Hồng Thái
Đồng Tâm
Bình Tiến
Sông Cầu
Nhiêu Gừng
254
264
STT
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
DIỆN TÍCH (km2)
DÂN SỐ (người)
MẬT ĐỘ (người/km2)
1 Thị Trấn Chợ Chu 4.46 5 983 1339
2 Xã Bảo Cường 8.94 3767 421
3 Xã Bảo Linh 27.60 2 173 78
4 Xã Bình Thành 28.20 5 113 181
5 Xã Bình Yên 7.45 2 978 400
6 Xã Bộc Nhiêu 25.90 4 071 157
7 Xã Định Biên 6.95 2465 354
8 Xã Điềm Mặc 17.27 4 143 240
9 Xã Đồng Thịnh 13.66 4 089 299
10 Xã Kim Phượng 14.95 3 028 202
11 Xã Kim Sơn 9.20 2 234 243
12 Xã Lam Vỹ 42,00 4160 99
13 Xã Linh Thông 27.20 2 911 107
14 Xã Phú Đình 29.90 5 330 178
15 Xã Phú Tiến 14,00 2 787 199
16 Xã Phúc Chu 13.50 2326 172
17 Xã Phượng Tiến 21.70 3802 175
18 Xã Quy Kỳ 71.58 3 952 55
19 Xã Sơn Phú 15.24 4 965 325
20 Xã Tân Dương 21,00 3100 148
21 Xã Tân Thịnh 57,00 4067 71
22 Xã Thanh Định 18.04 3 843 213
23 Xã Trung Hội 11.40 4 452 390
24 Xã Trung Lương 13.60 3 911 288
Toàn huyện 520 ,75 88 799 170
Phòng CSDL Trung tâm thông tin công nghệ
Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê 1999-2003

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN PHỔ YÊN

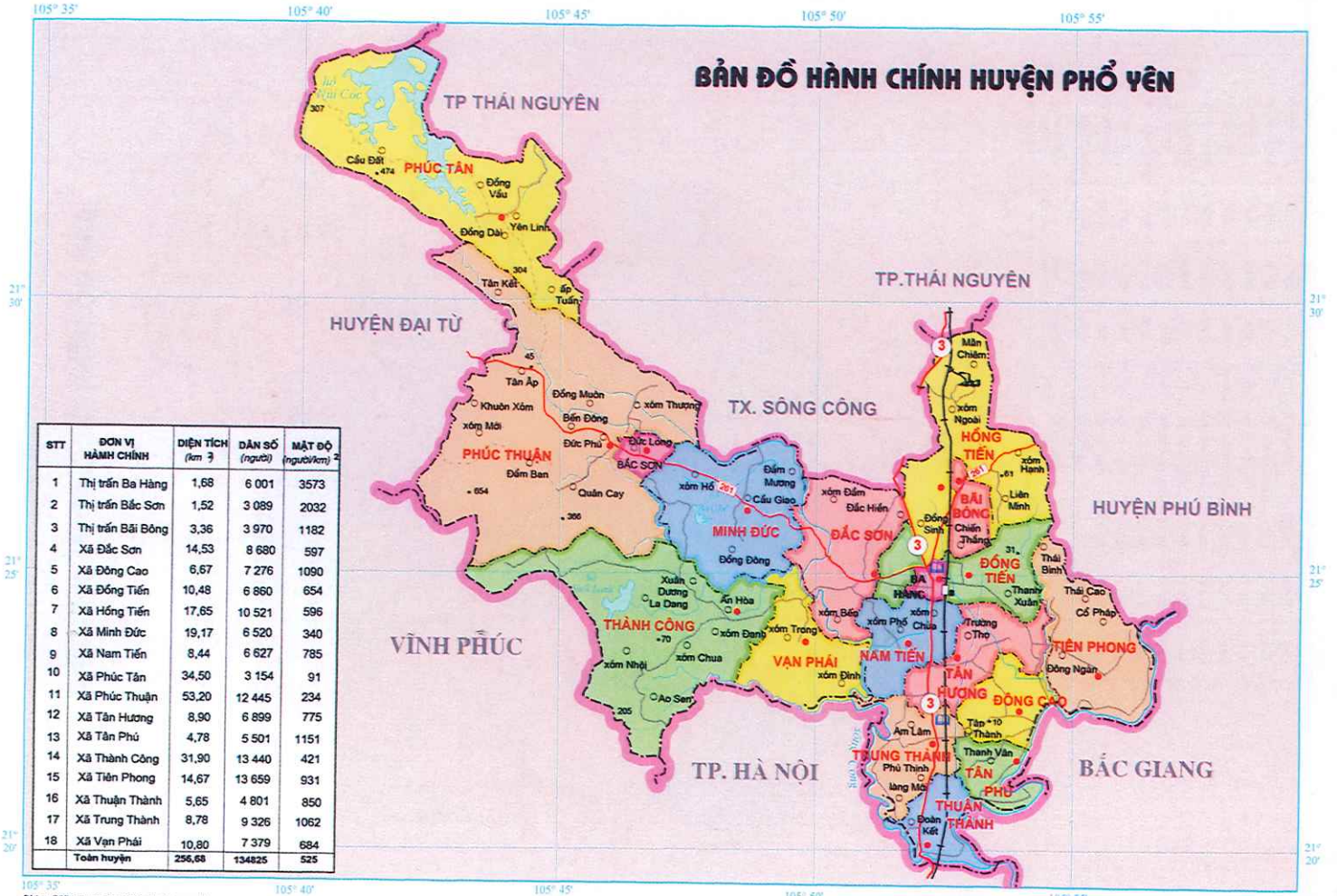

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km 2)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ (người/km) 2
1	Thị trấn Ba Hàng	1,68	6 001	3573
2	Thị trấn Bắc Sơn	1,52	3 089	2032
3	Thị trấn Bãi Bông	3,36	3 970	1182
4	Xã Đắc Sơn	14,53	8 680	597
5	Xã Đông Cao	6,67	7 276	1090
6	Xã Đồng Tiến	10,48	6 860	654
7	Xã Hồng Tiến	17,65	10 521	596
8	Xã Minh Đức	19,17	6 520	340
9	Xã Nam Tiến	8,44	6 627	785
10	Xã Phúc Tân	34,50	3 154	91
11	Xã Phúc Thuận	53,20	12 445	234
12	Xã Tân Hương	8,90	6 899	775
13	Xã Tân Phú	4,78	5 501	1151
14	Xã Thành Công	31,90	13 440	421
15	Xã Tiên Phong	14,67	13 659	931
16	Xã Thuận Thành	5,65	4 801	850
17	Xã Trung Thành	8,78	9 326	1062
18	Xã Vạn Phái	10,80	7 379	684
	Toàn huyện	256,68	134825	525

Phòng CSDL Trung tâm Thông tin Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê năm 1999-2003

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN PHÚ BÌNH

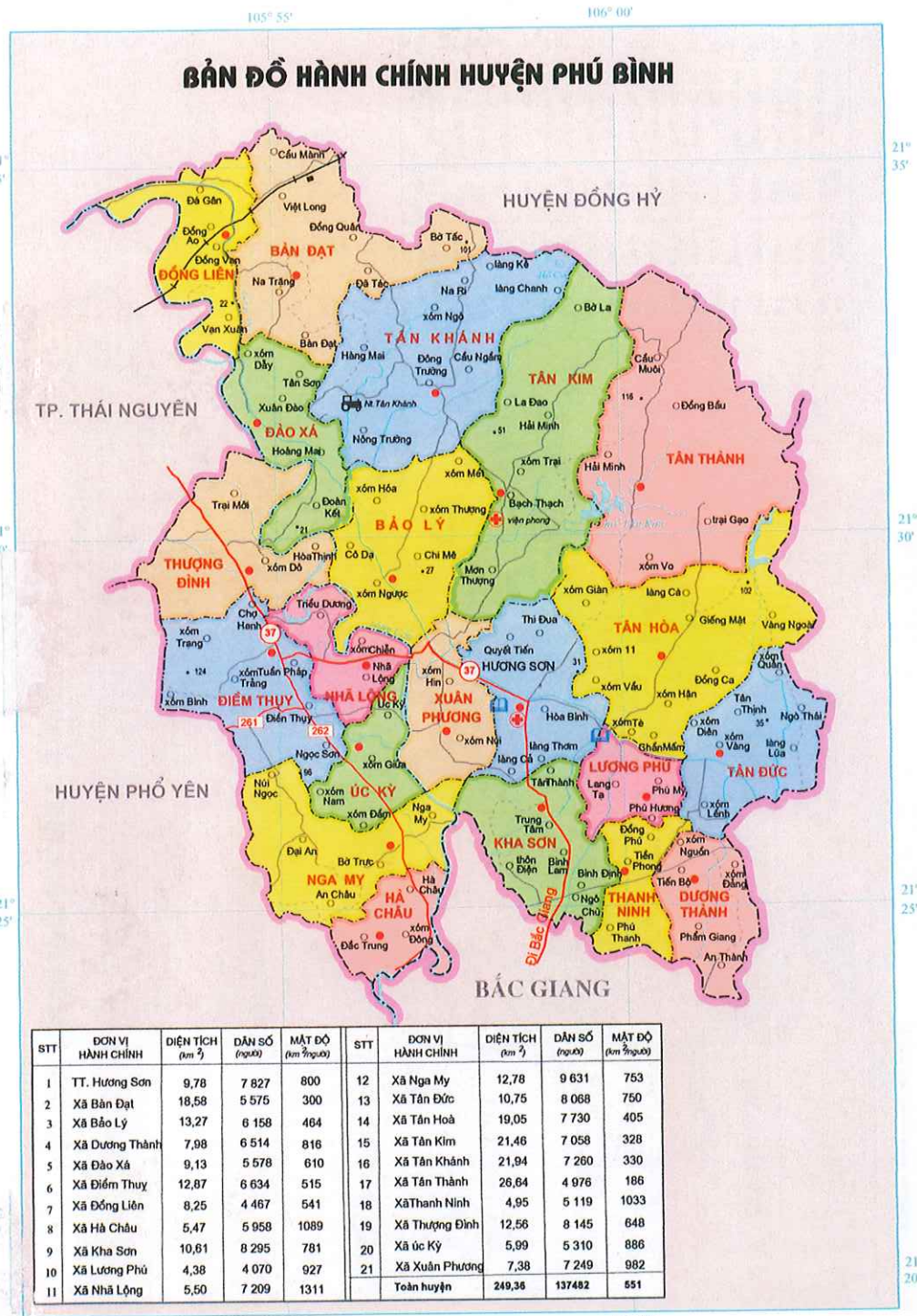

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km²)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ (km²/người)	STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km²)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ (km²/người)
1	TT. Hương Sơn	9,78	7 827	800	12	Xã Nga My	12,78	9 631	753
2	Xã Bản Đạt	18,58	5 575	300	13	Xã Tân Đức	10,75	8 068	750
3	Xã Bảo Lý	13,27	6 158	464	14	Xã Tân Hoà	19,05	7 730	405
4	Xã Dương Thành	7,98	6 514	816	15	Xã Tân Kim	21,46	7 058	328
5	Xã Đào Xá	9,13	5 578	610	16	Xã Tân Khánh	21,94	7 260	330
6	Xã Điểm Thuỵ	12,87	6 634	515	17	Xã Tân Thành	26,64	4 976	186
7	Xã Đồng Liên	8,25	4 467	541	18	XãThanh Ninh	4,95	5 119	1033
8	Xã Hà Châu	5,47	5 958	1089	19	Xã Thượng Đình	12,56	8 145	648
9	Xã Kha Sơn	10,61	8 295	781	20	Xã úc Kỳ	5,99	5 310	886
10	Xã Lương Phú	4,38	4 070	927	21	Xã Xuân Phương	7,38	7 249	982
11	Xã Nhã Lộng	5,50	7 209	1311		Toàn huyện	249,36	137482	551

Phòng CSDL Trung tâm Thông tin Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê năm 1999-2003

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km2)
1	TT. Đu	2,13	4177	1962
2	TT.Giang Tiên	3,81	3594	9423
3	X. Cổ Lũng	16,50	8745	530
4	X. Động Đạt	40,34	9874	245
5	X. Hợp Thành	10,25	2477	242
6	X. Ôn Lương	16,16	3224	199
7	X. Phấn Mễ	25,31	10448	413
8	X. Phú Đô	21,50	5213	243
9	X. Phú Lý	18,40	2836	154
10	X. Sơn Cẩm	16,52	11929	722
11	X. Tức Tranh	24,60	8527	347
12	X. Võ Tranh	18,04	8047	446
13	X. Yên Đổ	36,29	6141	169
14	X. Yên Lạc	43,50	6872	158
15	X. Yên Ninh	46,00	6298	137
16	X. Yên Trạch	29,46	6041	205
	Toàn huyện	**368,82**	**103 428**	**280**

Phòng CSDL Trung tâm thông tin công nghệ
Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê 1999-2003

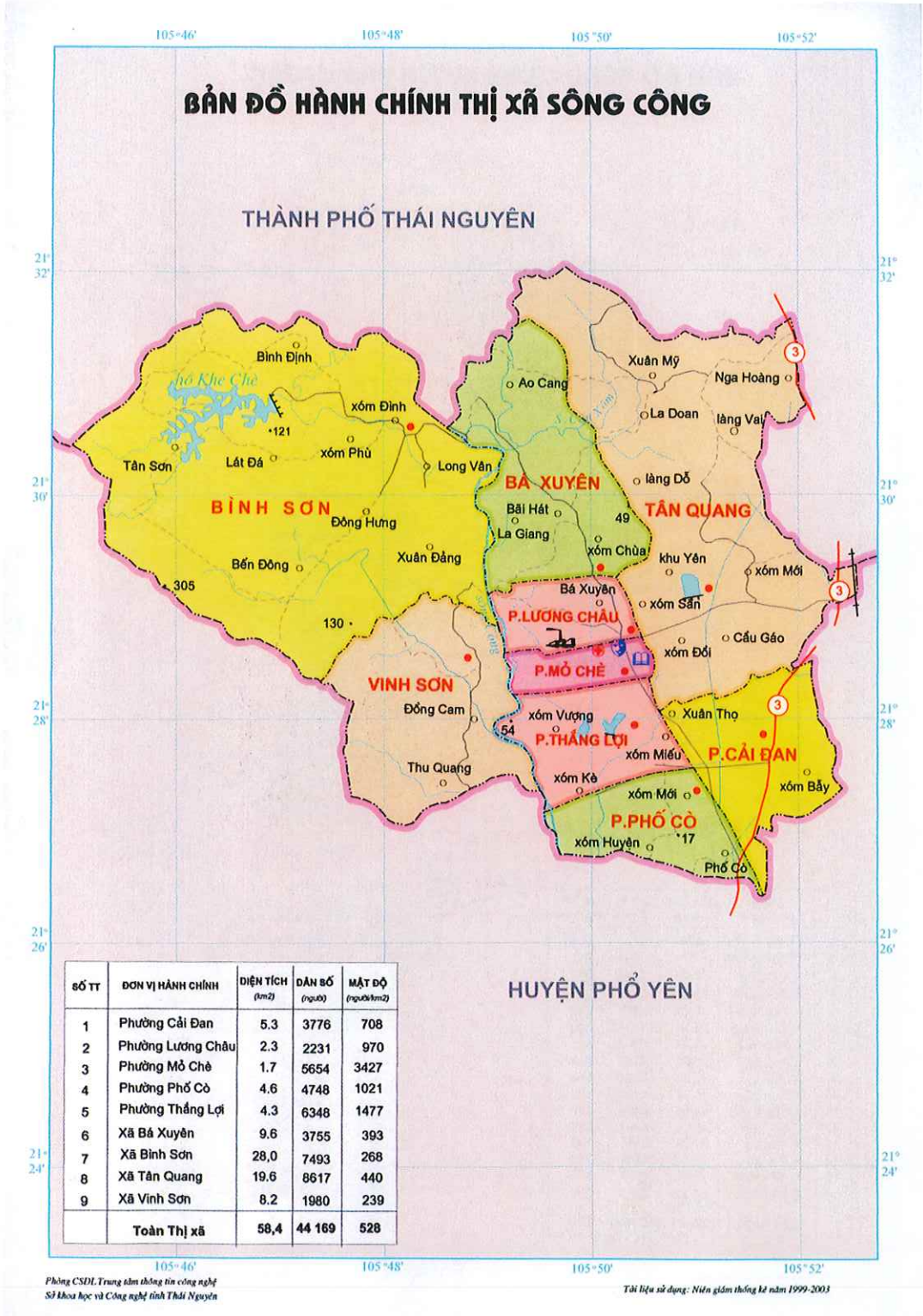

SỐ TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ (người/km2)
1	Phường Cải Đan	5.3	3776	708
2	Phường Lương Châu	2.3	2231	970
3	Phường Mỏ Chè	1.7	5654	3427
4	Phường Phố Cò	4.6	4748	1021
5	Phường Thắng Lợi	4.3	6348	1477
6	Xã Bá Xuyên	9.6	3755	393
7	Xã Bình Sơn	28,0	7493	268
8	Xã Tân Quang	19.6	8617	440
9	Xã Vinh Sơn	8.2	1980	239
	Toàn Thị xã	58,4	44 169	528

Phòng CSDL Trung tâm thông tin công nghệ
Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê năm 1999-2003

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

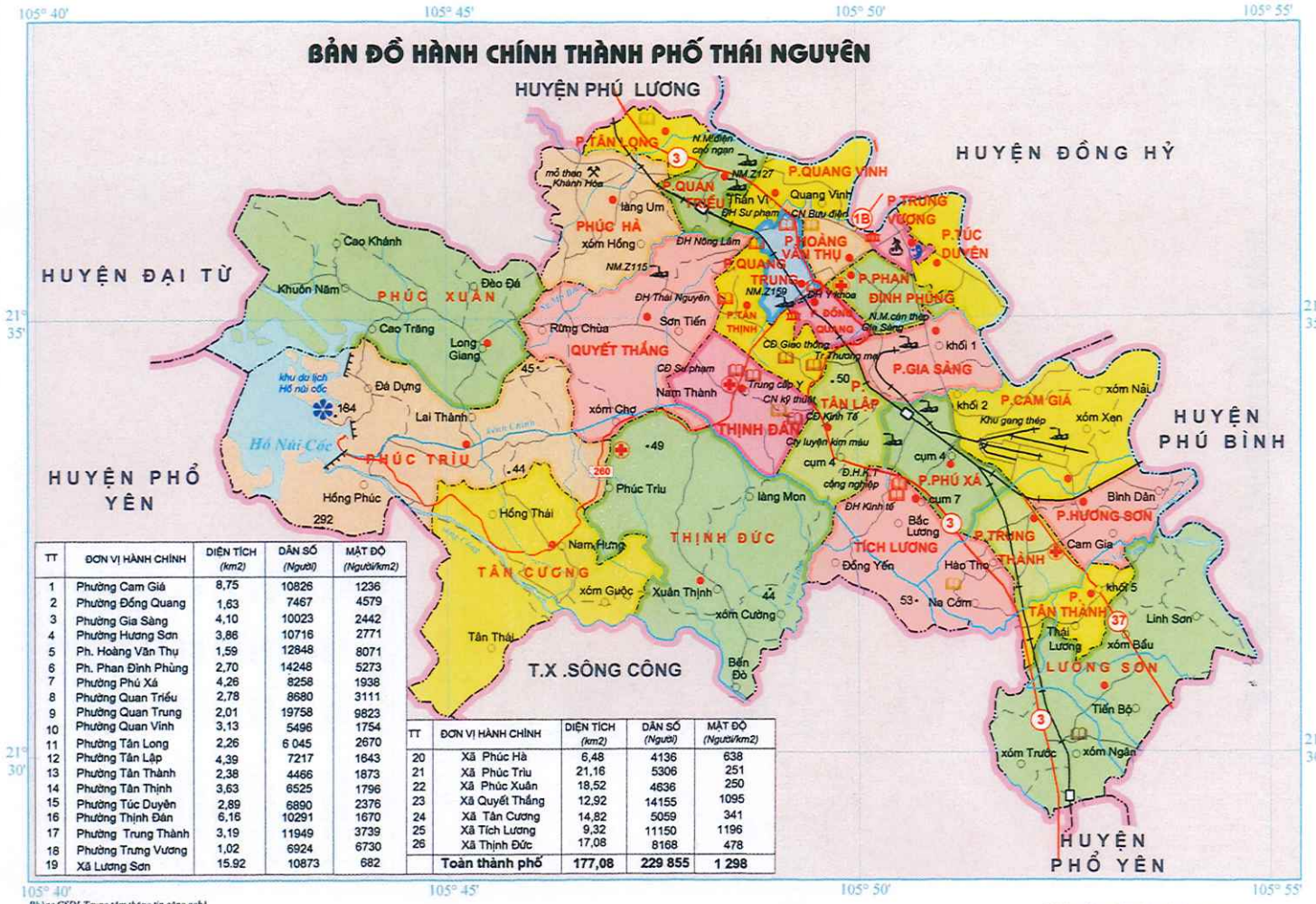

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km2)
1	Phường Cam Giá	8,75	10826	1236
2	Phường Đồng Quang	1,63	7467	4579
3	Phường Gia Sàng	4,10	10023	2442
4	Phường Hương Sơn	3,86	10716	2771
5	Ph. Hoàng Văn Thụ	1,59	12848	8071
6	Ph. Phan Đình Phùng	2,70	14248	5273
7	Phường Phú Xá	4,26	8258	1938
8	Phường Quan Triều	2,78	8680	3111
9	Phường Quan Trung	2,01	19758	9823
10	Phường Quan Vinh	3,13	5496	1754
11	Phường Tân Long	2,26	6 045	2670
12	Phường Tân Lập	4,39	7217	1643
13	Phường Tân Thành	2,38	4466	1873
14	Phường Tân Thịnh	3,63	6525	1796
15	Phường Túc Duyên	2,89	6890	2376
16	Phường Thịnh Đán	6,16	10291	1670
17	Phường Trung Thành	3,19	11949	3739
18	Phường Trưng Vương	1,02	6924	6730
19	Xã Lương Sơn	15.92	10873	682

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km2)
20	Xã Phúc Hà	6,48	4136	638
21	Xã Phúc Trìu	21,16	5306	251
22	Xã Phúc Xuân	18,52	4636	250
23	Xã Quyết Thắng	12,92	14155	1095
24	Xã Tân Cương	14,82	5059	341
25	Xã Tích Lương	9,32	11150	1196
26	Xã Thịnh Đức	17,08	8168	478
	Toàn thành phố	**177,08**	**229 855**	**1 298**

Phòng CSDL Trung tâm thông tin công nghệ
Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê 1999-2003

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN VÕ NHAI

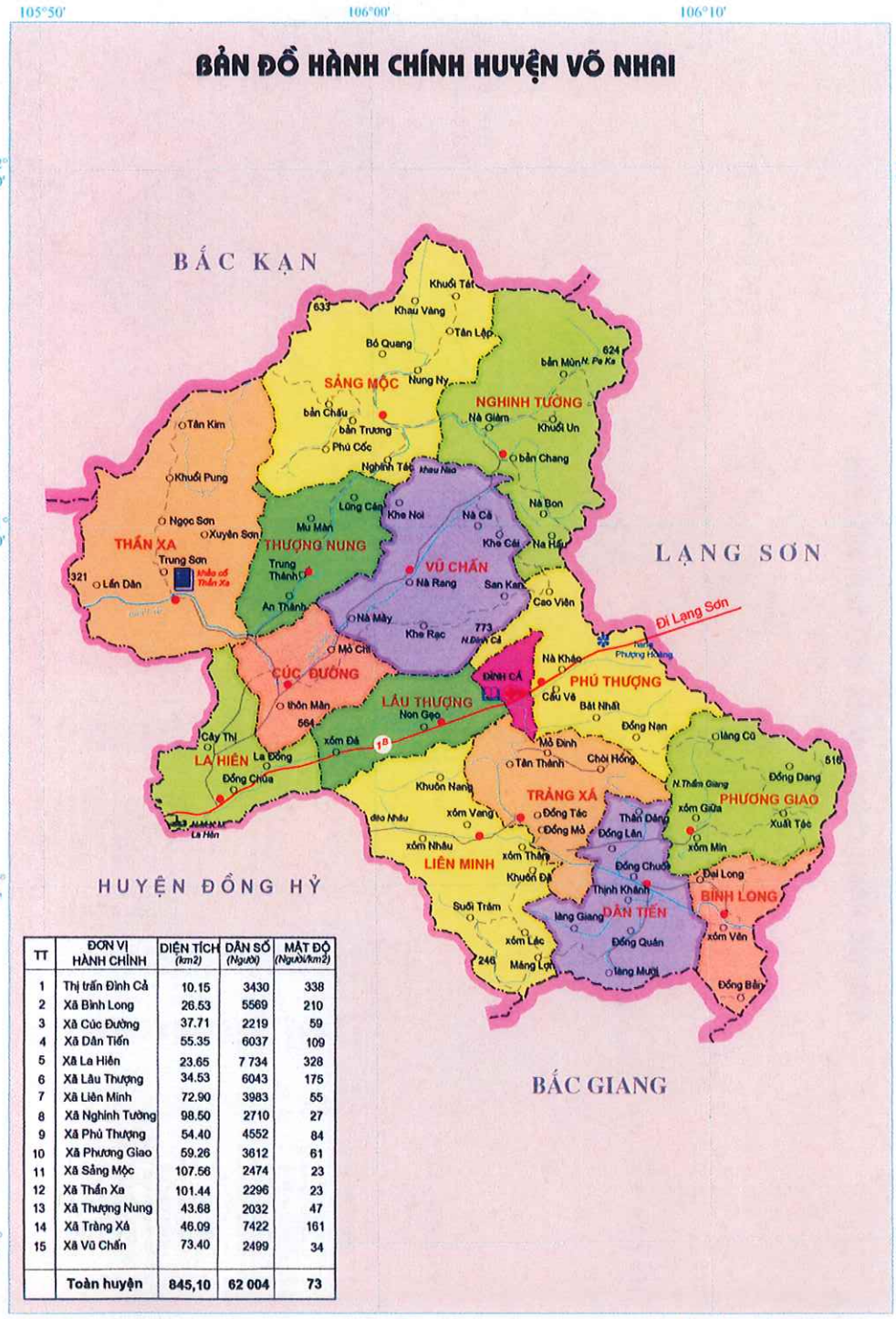

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km2)
1	Thị trấn Đình Cả	10.15	3430	338
2	Xã Bình Long	26.53	5569	210
3	Xã Cúc Đường	37.71	2219	59
4	Xã Dân Tiến	55.35	6037	109
5	Xã La Hiên	23.65	7 734	328
6	Xã Lâu Thượng	34.53	6043	175
7	Xã Liên Minh	72.90	3983	55
8	Xã Nghinh Tường	98.50	2710	27
9	Xã Phú Thượng	54.40	4552	84
10	Xã Phương Giao	59.26	3612	61
11	Xã Sảng Mộc	107.56	2474	23
12	Xã Thần Xa	101.44	2296	23
13	Xã Thượng Nung	43.68	2032	47
14	Xã Tràng Xá	46.09	7422	161
15	Xã Vũ Chấn	73.40	2499	34
	Toàn huyện	**845,10**	**62 004**	**73**

Phòng CSDL Trung tâm Thông tin Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Tài liệu sử dụng: Niên giám thống kê năm 1999-2003

Du thuyền trên Hồ Núi Cốc

Hồ Núi Cốc

Cọn nước

Bản của người dân tộc Tày vùng Định Hóa

Di tích lịch sử nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản
đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên ở xã La Bằng, Đại Từ

Lán Khuôn Tát (ATK Định Hóa)

Moong than Khánh Hòa (xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên)

Khai thác than tại mỏ Khánh Hòa

Hội xuân ATK Định Hóa

Lễ hội Chùa Hang (Đồng Hỷ)

Cầu Gia Bẩy

Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên

Chợ Thái (phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên)

Tòa nhà Sao Việt trên đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên

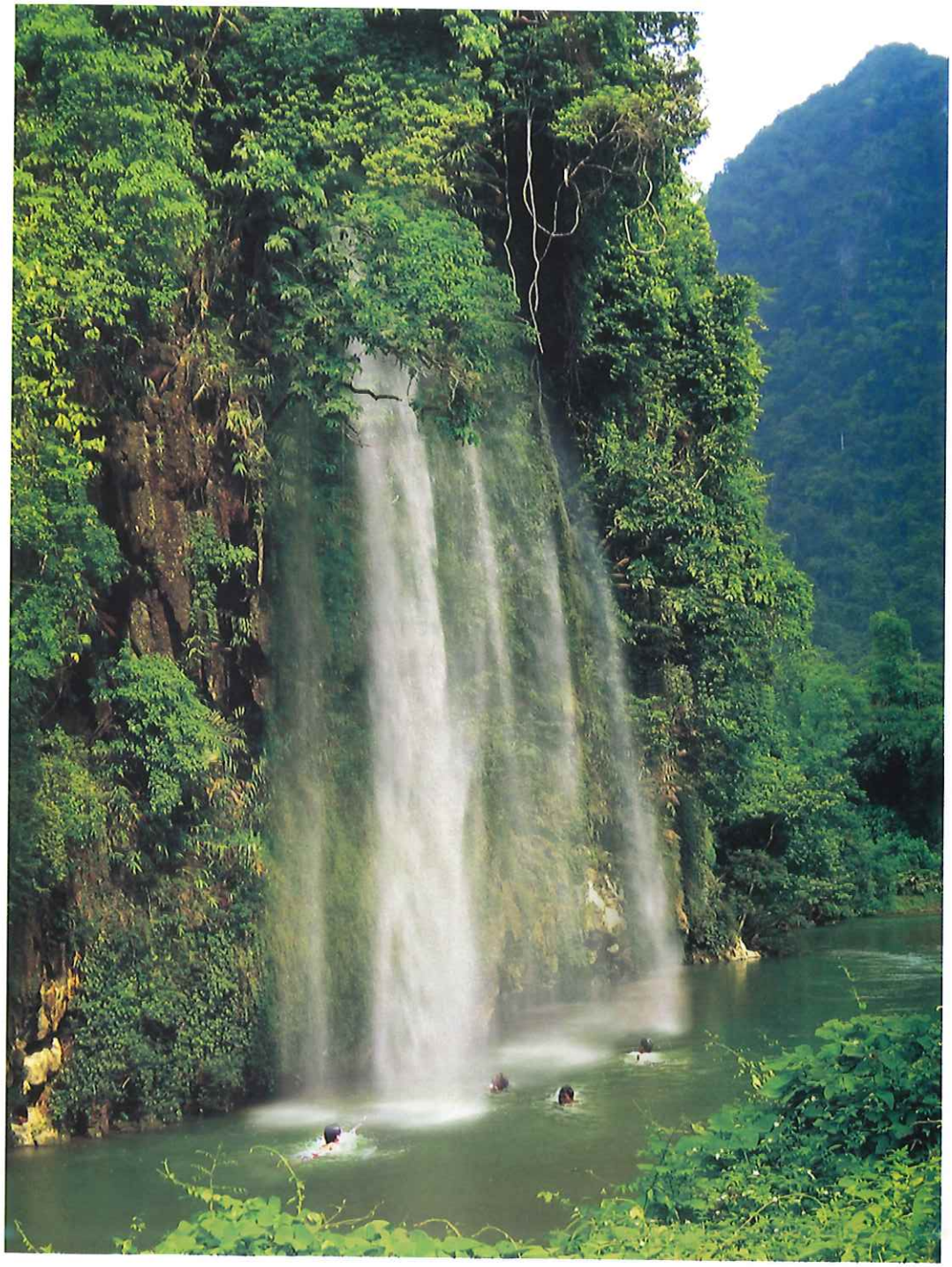

Thác Nậm Dứt (xã Thần Sa, huyện Võ Nhai)

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trường sửa chữa đập Thác Huống, 25/01/1955

Hồ Chủ tịch thăm công trình thủy lợi Lũ Yên (xã Đào Xá, huyện Phú Bình)

Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (trung tâm thành phố Thái Nguyên)

Đền thờ Đội Cấn (thành phố Thái Nguyên)

Bệnh viện A Thái Nguyên

Bảo tàng Lực lượng vũ trang Quân khu 1

BAO BIEU

Bắc Thái

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH BẮC THÁI

★ Số 438 ra ngày Thứ tư 10 tháng 9 năm 1969 ★

LỜI DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

(XEM TOÀN VĂN TRANG 2)

ĐIẾU VĂN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM DO ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN, BÍ THƯ THỨ NHẤT, ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỆU TRỌNG THỂ HỒ CHỦ TỊCH

(Xem trang 3)

Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban chấp hành Trung ương Đảng, đọc điếu văn và lời di chúc của Hồ Chủ tịch

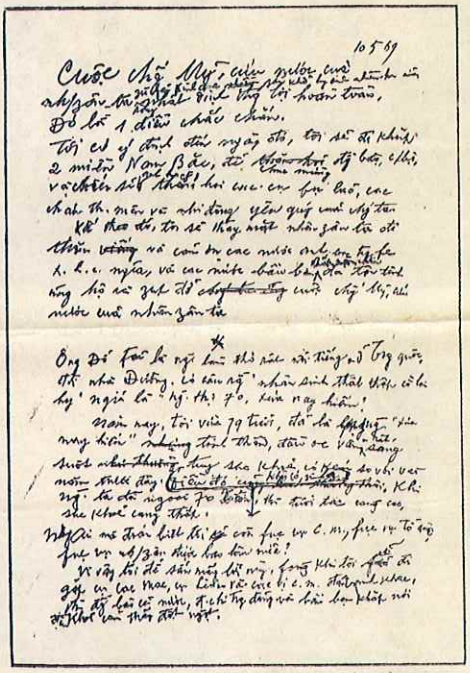

BÚT TÍCH DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI!

Báo Bắc Thái, số ra ngày 10/9/1969

Chùa Đán (thành phố Thái Nguyên)

Đồi chè vùng Định Hóa

Lễ hội xuống đồng của người Tày (Định Hóa)

Hội vui xuân ở huyện Phú Lương

Nghề làm tương ở huyện Phú Bình

Một góc khu du lịch sinh thái Thái Hải

Rước lễ trong lễ hội chùa Hang (Định Hóa)

Đập Hồ Núi Cốc

Đập Thác Huống

Xôi ngũ sắc - đặc sản vùng Định Hóa

Món Nham trám - đặc sản xã Hà Châu, huyện Phú Bình

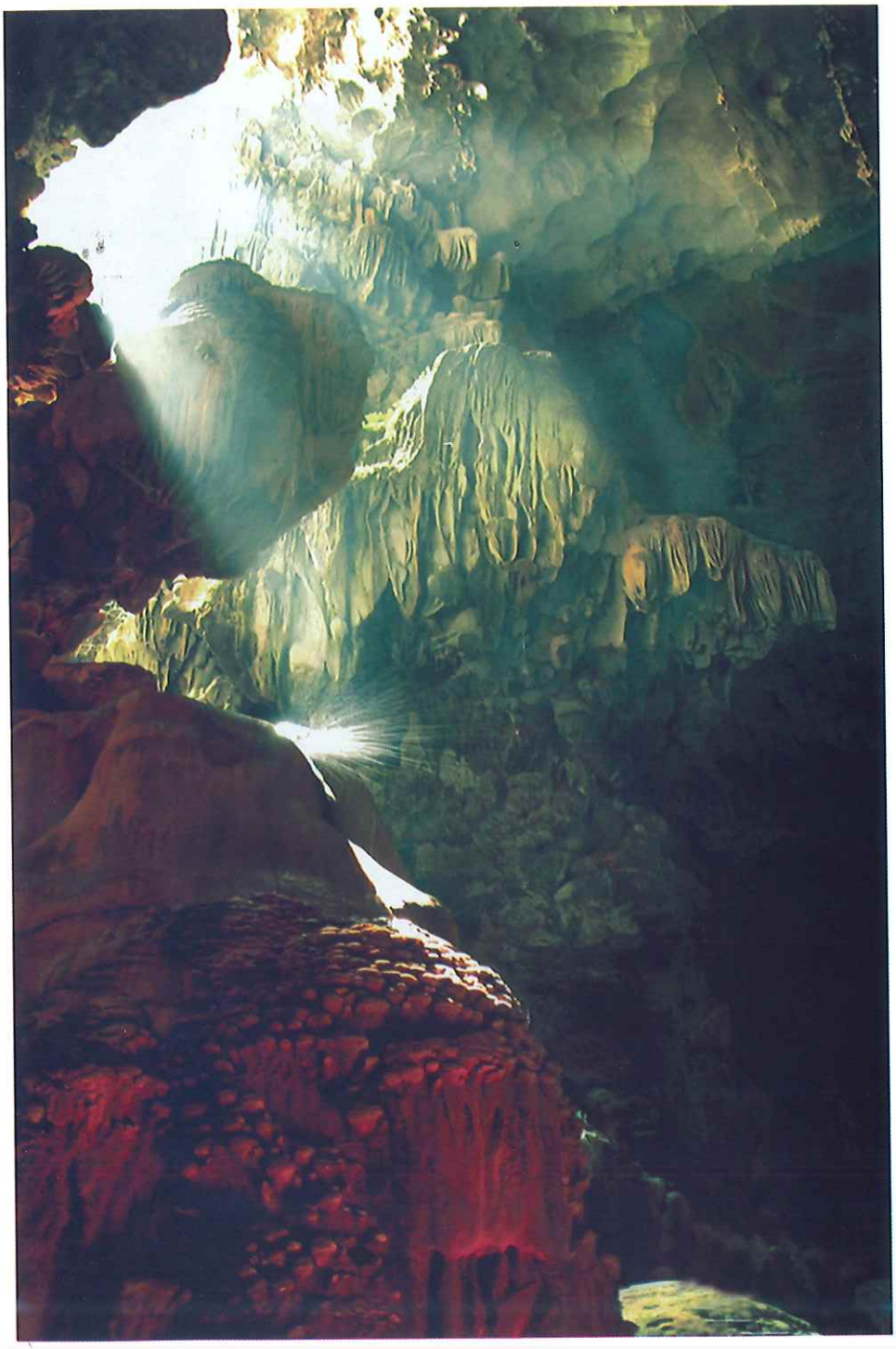

Nhũ đá ở hang Phượng Hoàng, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai

Thi kéo co trong ngày hội của đồng bào dân tộc Mông ở huyện Đồng Hỷ

Lễ hội đền Đuổm (xã Động Đạt, huyện Phú Lương)

Một góc trung tâm thành phố Thái Nguyên

Quang cảnh trung tâm huyện Định Hóa

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: **04.37161518 - 04.37163409**, Fax: **04.38294781**
Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn
E-mail: **tonghopvanhoc@vnn.vn**
*** Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh**
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3
Điện thoại: **08.38469858**, Fax: **08.38483481**
*** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng**
344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng
Điện thoại - Fax: **0511.3888333**

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN ANH VŨ
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LA KIM LIÊN

Biên tập: **TS. NGUYỄN ANH VŨ**
Bìa: **NGUYỄN MINH HẢI**
Trình bày: **HUY VŨ**
Sửa bản in **HOÀNG THỊ HỒNG HÀ**

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH In và TM Hải Nam, số 18, ngách 68/53/9 P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Số ĐKXB: 4636-2016/CXBIPH/11-297/VH, cấp ngày 19/12/2016
Quyết định xuất bản: Số 2137/QĐ-VH, cấp ngày 30/12/2016
Mã ISBN: 978-604-69-6881-5
In xong và nộp lưu chiểu quý I - 2017.